

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO TUỆ QUANG TẬP 26/5

PHẬT LỊCH 2560 - 2016

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO
TUỆ QUANG

TẬP 26/5

No. 1543-1544

SỐ 1543/30
LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

*Tác giả: Tôn giả Ca Chiên Diên Tử.
Hán dịch: Đời Phù Tần, Sa môn Tăng Già Đề Ba và Trúc Phật Niệm.
Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

QUYỂN 17

Kiểm độ thứ 4: HÀNH

Phẩm 4: BÀN VỀ HỮU GIÁO, VÔ GIÁO

** Tụng nêu chung:*

*Hữu giáo và vô giáo
Quả thật của các hành
Hoặc người học hữu lậu
Tư duy giới ở sau.*

Nếu thành tựu thân giáo (thân biểu) thì người kia thành tựu vô giáo (vô biểu) chăng? Nếu như thành tựu vô giáo thì người kia thành tựu thân giáo chăng? Nếu thành tựu thân giáo thiện, bất thiện, ản một vô ký, không ản một vô ký, thì người kia thành tựu vô giáo chăng? Nếu như thành tựu vô giáo thì người kia thành tựu thân giáo thiện, bất thiện, ản một vô ký, không ản một vô ký chăng?

Nếu thành tựu thân giáo quá khứ thì người kia thành tựu vô giáo chăng? Nếu như thành tựu vô giáo thì người kia thành tựu thân

giáo quá khứ chẳng? Nếu thành tựu thân giáo thiện, bất thiện, ần một vô ký, không ần một vô ký trong quá khứ, thì người kia thành tựu vô giáo chẳng? Nếu như thành tựu vô giáo thì người kia thành tựu giáo chẳng?

Nếu thành tựu thân giáo vị lai thì người kia thành tựu vô giáo chẳng? Nếu như thành tựu vô giáo thì người kia thành tựu giáo chẳng? Nếu thành tựu thân giáo thiện, bất thiện, ần một vô ký, không ần một vô ký trong vị lai thì người kia thành tựu vô giáo chẳng? Nếu như thành tựu vô giáo thì người kia thành tựu giáo chẳng?

Nếu thành tựu thân giáo hiện tại thì người kia thành tựu vô giáo chẳng? Nếu như thành tựu vô giáo thì người kia thành tựu giáo chẳng?

Nếu thành tựu thân giáo thiện, bất thiện, ần một vô ký, không ần một vô ký trong hiện tại thì người kia thành tựu vô giáo chẳng? Nếu như thành tựu vô giáo thì người kia thành tựu giáo chẳng?

Như thân giáo, khẩu giáo cũng như vậy.

Các hành (nghiệp) hệ thuộc cõi Dục, quả của các hành đó hệ thuộc cõi Dục chẳng? Nếu như quả của các hành hệ thuộc cõi Dục thì hành đó hệ thuộc cõi Dục chẳng? Các hành hệ thuộc cõi Sắc, quả của các hành đó hệ thuộc cõi Sắc chẳng? Nếu như quả của các hành hệ thuộc cõi Sắc thì hành đó hệ thuộc cõi Sắc chẳng? Các hành hệ thuộc cõi Vô sắc, quả của các hành đó hệ thuộc cõi Vô sắc chẳng? Nếu như quả của các hành hệ thuộc cõi Vô sắc thì hành đó hệ thuộc cõi Vô sắc chẳng? Các hành vô lậu thì quả của hành đó là vô lậu chẳng? Nếu như quả của hành là vô lậu thì hành đó là vô lậu chẳng?

Các hành (nghiệp) không hệ thuộc cõi Dục, quả của các hành đó không hệ thuộc cõi Dục chẳng? Nếu như quả của các hành không hệ thuộc cõi Dục thì hành đó không hệ thuộc cõi Dục chẳng? Các hành không hệ thuộc cõi Sắc, quả của các hành đó không hệ thuộc cõi Sắc chẳng? Nếu như quả của các hành không hệ thuộc cõi Sắc thì

hành đó không hệ thuộc cõi Sắc chăng? Các hành không hệ thuộc cõi Vô sắc, quả của các hành đó không hệ thuộc cõi Vô sắc chăng? Nếu như quả của các hành không hệ thuộc cõi Vô sắc thì hành đó không hệ thuộc cõi Vô sắc chăng? Các hành không phải vô lậu thì quả của hành đó không phải là vô lậu chăng? Nếu như quả của hành không phải là vô lậu thì hành đó không phải là vô lậu chăng?

Tùng có hành (nghiệp) hữu lậu có quả hữu lậu chăng? Tùng có hành hữu lậu có quả vô lậu chăng? Tùng có hành hữu lậu có quả hữu lậu, vô lậu chăng? Tùng có hành vô lậu có quả vô lậu chăng? Tùng có hành vô lậu có quả hữu lậu chăng? Tùng có hành vô lậu có quả hữu lậu, vô lậu chăng? Tùng có hành hữu lậu, vô lậu, có quả hữu lậu, vô lậu chăng? Tùng có hành hữu lậu, vô lậu, có quả hữu lậu chăng? Tùng có hành hữu lậu, vô lậu, có quả vô lậu chăng?

Tùng có hành (nghiệp) học có quả học chăng? Tùng có hành học có quả vô học chăng? Tùng có hành học có quả phi học phi vô học chăng? Tùng có hành vô học có quả vô học chăng? Tùng có hành vô học có quả phi học phi vô học có quả học chăng? Tùng có hành phi học phi vô học có quả phi học phi vô học chăng? Tùng có hành phi học phi vô học có quả học chăng? Tùng có hành phi học phi vô học có quả vô học chăng?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ”. Thế nào là không tu thân? Thế nào là không tu giới? Thế nào là không tu tâm? Thế nào là không tu tuệ? Nếu không tu thân thì người kia không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ chăng? Nếu như không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, thì người kia không tu thân chăng? Nếu không tu giới thì người kia không tu tâm, không tu tuệ chăng? Nếu như không tu tâm, không tu tuệ, thì người kia không tu giới chăng? Nếu không tu tâm thì người kia không tu tuệ chăng? Nếu như không tu tuệ thì người kia không tu tâm chăng?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ”. Thế nào là tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ? Nếu tu thân thì người kia tu giới, tu tâm, tu tuệ chẳng? Nếu như tu giới, tu tâm, tu tuệ, thì người kia tu thân chẳng? Nếu tu giới thì người kia tu tâm, tu tuệ chẳng? Nếu như tu tâm, tu tuệ, thì người kia tu giới chẳng? Nếu tu tâm thì người kia tu tuệ chẳng? Nếu như tu tuệ thì người kia tu tâm chẳng?

Tùng có thành tựu giới quá khứ, không phải chủng loại này ở hiện tại, vị lai chẳng? Tùng có thành tựu giới quá khứ và vị lai, không phải chủng loại này ở hiện tại chẳng? Tùng có thành tựu giới quá khứ và hiện tại, không phải chủng loại này ở vị lai chẳng? Tùng có thành tựu giới quá khứ và chủng loại này ở hiện tại, vị lai chẳng? Tùng có thành tựu giới vị lai, không phải chủng loại này ở quá khứ, hiện tại chẳng? Tùng có thành tựu giới vị lai và quá khứ, không phải chủng loại này ở hiện tại chẳng? Tùng có thành tựu giới vị lai và hiện tại, không phải chủng loại này ở quá khứ chẳng? Tùng có thành tựu giới vị lai và chủng loại này ở quá khứ, hiện tại chẳng? Tùng có thành tựu giới hiện tại, không phải chủng loại này ở quá khứ, vị lai chẳng? Tùng có thành tựu giới hiện tại và quá khứ, không phải chủng loại này ở vị lai chẳng? Tùng có thành tựu giới hiện tại và vị lai, không phải chủng loại này ở quá khứ chẳng? Tùng có thành tựu giới hiện tại và chủng loại này ở quá khứ, vị lai chẳng?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hỏi: Nếu thành tựu thân giáo (Thân biểu) thì người kia thành tựu vô giáo (Vô biểu) chẳng?

Đáp: Hoặc có giáo không phải là vô giáo.

Thế nào là giáo không phải là vô giáo? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân hữu

giáo, người kia không được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia không được vô giáo. Đây gọi là giáo không phải là vô giáo.

Thế nào là vô giáo không phải là giáo? Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, không được luật nghi giới, thân vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia được vô giáo, hoặc sinh nơi cõi Sắc, thân vô giáo, hoặc người vô cầu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là vô giáo không phải là giáo.

Thế nào là giáo cũng là vô giáo? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, không được luật nghi giới, thân hữu giáo, người kia được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia được vô giáo, ở nơi luật nghi giới, ở nơi không luật nghi giới, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân hữu giáo, người kia được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia được vô giáo, hoặc sinh nơi cõi Sắc, thân hữu giáo. Đây gọi là giáo cũng là vô giáo.

Thế nào là không phải giáo cũng không phải là vô giáo? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia không được vô giáo, hoặc người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không phải giáo cũng không phải là vô giáo.

Hỏi: Nếu thành tựu thân giáo thiện thì người kia thành tựu vô giáo chăng?

Đáp: Hoặc có giáo không phải là vô giáo.

Thế nào là giáo không phải là vô giáo? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi không luật nghi, thân thiện hữu giáo, người kia không được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia không được vô giáo, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân thiện hữu giáo, người kia không được vô giáo, vốn hữu giáo không mất người kia không được vô giáo. Đây gọi là giáo không phải là vô giáo.

Thế nào là vô giáo không phải là giáo? Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, không được luật nghi giới, thân thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia được vô giáo. Nếu sinh nơi cõi Sắc, thân thiện vô giáo, hoặc người vô cầu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là vô giáo không phải là giáo.

Thế nào là giáo cũng là vô giáo? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, không được luật nghi giới, thân hữu giáo, người kia được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia được vô giáo, ở nơi luật nghi giới, ở nơi không luật nghi, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân thiện hữu giáo, người kia được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia được vô giáo, nếu sinh nơi cõi Sắc, thân thiện hữu giáo. Đây gọi là giáo cũng là vô giáo.

Thế nào không phải giáo cũng không phải là vô giáo? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi không luật nghi, thân thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia không được vô giáo, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia không được vô giáo, hoặc người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không phải giáo cũng không phải là vô giáo.

Hỏi: Nếu tạo thành thân giáo bất thiện thì người kia thành tựu vô giáo chăng?

Đáp: Hoặc có giáo không phải là vô giáo.

Thế nào là giáo không phải là vô giáo? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, thân bất thiện hữu giáo, người kia không được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia không được vô giáo, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân bất thiện hữu giáo, người kia không được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia không được vô giáo. Đây gọi là giáo không phải là vô giáo.

Thế nào là vô giáo không phải là giáo? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, thân bất thiện vô giáo, người kia được vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia được vô giáo, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân bất thiện vô giáo, người kia được vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia được vô giáo. Đây gọi là vô giáo không phải là giáo.

Thế nào là giáo cũng là vô giáo? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân bất thiện hữu giáo, người kia được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia được vô giáo. Đây gọi là giáo cũng là vô giáo.

Thế nào là không phải giáo cũng không phải là vô giáo? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân bất thiện vô giáo, người kia không được vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia không được vô giáo, hoặc sinh nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc. Đây gọi là không phải giáo cũng không phải là vô giáo.

Hỏi: Nếu thành tựu thân giáo ần một vô ký (hữu phú vô ký) thì người kia thành tựu vô giáo chăng?

Đáp: Không có thành tựu vô giáo.

Tùng có thành tựu giáo chăng? *Đáp:* Có. Là sinh nơi cõi Sắc, thân giáo ần một vô ký.

Hỏi: Nếu thành tựu thân giáo không ần một vô ký (vô phú vô ký) thì người kia thành tựu vô giáo chăng?

Đáp: Không có thành tựu vô giáo.

Tùng có thành tựu giáo chăng? *Đáp:* Có. Là sinh nơi cõi Dục, hoặc sinh nơi cõi Sắc, thân hữu giáo, không ần một vô ký.

Hỏi: Nếu thành tựu thân giáo trong quá khứ thì người kia thành tựu vô giáo chăng?

Đáp: Hoặc có giáo không phải là vô giáo.

Thế nào là giáo không phải là vô giáo? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân vốn hữu giáo không mất, người kia không được vô giáo. Đây gọi là giáo không phải là vô giáo.

Thế nào là vô giáo không phải là giáo? Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, không được luật nghi giới, thân vốn vô giáo, nếu hữu giáo liền mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc, thân vốn vô giáo, hoặc hữu học sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là vô giáo không phải là giáo.

Thế nào là giáo cũng là vô giáo? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, không được luật nghi giới, thân vốn hữu giáo không mất, người kia được vô giáo, ở nơi luật nghi giới, ở nơi không luật nghi, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân vốn hữu giáo không mất, người kia được vô giáo, hoặc sinh nơi cõi Sắc, thân vốn hữu giáo không mất. Đây gọi là giáo cũng là vô giáo.

Thế nào là không phải giáo cũng không phải là vô giáo? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi không luật nghi ở nơi cũng không phải là không luật nghi, thân vốn vô giáo, nếu như hữu giáo liền mất, hoặc A-la-hán, người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không phải giáo cũng không phải là vô giáo.

Hỏi: Nếu thành tựu thân giáo thiện trong quá khứ thì người kia thành tựu vô giáo chăng?

Đáp: Hoặc có giáo không phải là vô giáo.

Thế nào là giáo không phải là vô giáo? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi không luật nghi, thân thiện vốn hữu giáo không mất, người kia không được vô giáo, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân thiện vốn hữu giáo không mất, người kia không được vô giáo. Đây gọi là giáo không phải là vô giáo.

Thế nào là vô giáo không phải là giáo? Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, không được luật nghi giới, thân thiện vốn vô giáo, nếu như hữu giáo liền mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc, thân thiện vốn vô giáo, hoặc hữu học sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là vô giáo không phải là giáo.

Thế nào là giáo cũng là vô giáo? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, không được luật nghi giới, thân thiện vốn hữu giáo không mất, người kia được vô giáo, ở nơi luật nghi, ở nơi không luật nghi, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân thiện vốn hữu giáo không mất, người kia được vô giáo, hoặc sinh nơi cõi Sắc, thân thiện vốn hữu giáo không mất. Đây gọi là giáo cũng là vô giáo.

Thế nào là không phải giáo cũng không phải là vô giáo? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi không luật nghi, thân thiện vốn vô giáo, nếu như hữu giáo liền mất, ở nơi luật nghi, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân thiện vốn vô giáo, nếu như hữu giáo liền mất, hoặc A-la-hán, người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không phải giáo cũng không phải là vô giáo.

Hỏi: Nếu thành tựu thân giáo bất thiện trong quá khứ thì người kia thành tựu vô giáo chăng?

Đáp: Hoặc có giáo không phải là vô giáo.

Thế nào là giáo không phải là vô giáo? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, thân bất thiện vốn hữu giáo không mất, người kia không được vô giáo, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân bất thiện vốn hữu giáo không mất, người kia không được vô giáo. Đây gọi là giáo không phải là vô giáo.

Thế nào là vô giáo không phải là giáo? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, thân bất thiện vốn vô giáo, nếu như hữu giáo liền mất,

người kia được vô giáo, ở nơi không luật nghi, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân bất thiện vốn vô giáo, nếu như hữu giáo liền mất, người kia được vô giáo. Đây gọi là vô giáo không phải giáo.

Thế nào là giáo cũng là vô giáo? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, thân bất thiện vốn hữu giáo, người kia được vô giáo, ở nơi không luật nghi, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân bất thiện vốn hữu giáo không mất, người kia được vô giáo. Đây gọi là giáo cũng là vô giáo.

Thế nào là không phải giáo cũng không phải là vô giáo? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, thân bất thiện vốn vô giáo, người kia không được vô giáo, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân bất thiện vốn vô giáo, nếu như hữu giáo liền mất, người kia không được vô giáo, hoặc sinh nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc. Đây gọi là không phải giáo cũng không phải là vô giáo.

Hỏi: Nếu thành tựu thân giáo ân một vô ký, không ân một vô ký trong quá khứ, thì người kia thành tựu vô giáo chăng?

Đáp: Không có thành tựu giáo, vô giáo.

Hỏi: Nếu thành tựu thân giáo trong vị lai thì người kia thành tựu vô giáo chăng?

Đáp: Không có thành tựu giáo.

Hỏi: Từng có thành tựu vô giáo chăng?

Đáp: Có. Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc sinh nơi cõi Sắc, người vô cầu sẽ sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân giáo thiện trong vị lai thì người kia thành tựu vô giáo chăng?

Đáp: Không có thành tựu giáo.

Hỏi: Từng có thành tựu vô giáo chăng?

Đáp: Có. Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc sinh nơi cõi Sắc, người vô cầu sẽ sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân giáo bất thiện, ẩn một vô ký, không ẩn một vô ký trong vị lai, thì người kia thành tựu vô giáo chăng?

Đáp: Không có thành tựu giáo, vô giáo.

Hỏi: Nếu thành tựu thân giáo trong hiện tại thì người kia thành tựu vô giáo chăng?

Đáp: Hoặc có giáo không phải là vô giáo.

Thế nào là giáo không phải là vô giáo? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, không được luật nghi giới, thân hữu giáo, người kia không được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia không được vô giáo, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân hữu giáo, người kia không được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia không được vô giáo, hoặc sinh nơi cõi Sắc, thân hữu giáo. Đây gọi là giáo không phải là vô giáo.

Thế nào là vô giáo không phải là giáo? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, không được luật nghi giới, nhập định, không nhập định, thân vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia được vô giáo, ở nơi luật nghi, ở nơi không luật nghi, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia được vô giáo, hoặc sinh nơi cõi Sắc, nhập định. Đây gọi là vô giáo không phải là giáo.

Thế nào là giáo cũng là vô giáo? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, không được luật nghi giới, thân hữu giáo, người kia được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia được vô giáo, ở nơi luật nghi giới, ở nơi không luật nghi giới, ở nơi không luật nghi cũng không phải là

không luật nghi, thân hữu giáo, người kia được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia được vô giáo. Đây gọi là giáo cũng là vô giáo.

Thế nào là không phải giáo cũng không phải là vô giáo? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô dày dãn. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, không được giới luật, không nhập định, thân vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia không được vô giáo, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia không được vô giáo, hoặc sinh nơi cõi Sắc, không nhập định, thân vô giáo, sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không phải giáo cũng không phải là vô giáo.

Hỏi: Nếu thành tựu thân giáo thiện trong hiện tại thì người kia thành tựu vô giáo chăng?

Đáp: Hoặc có giáo không phải là vô giáo.

Thế nào là giáo không phải là vô giáo? Là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, không được giới luật, thân thiện hữu giáo, người kia không được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia không được vô giáo, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân thiện hữu giáo, người kia không được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia không được vô giáo, hoặc sinh nơi cõi Sắc, thân thiện hữu giáo. Đây gọi là giáo không phải là vô giáo.

Thế nào là vô giáo không phải là giáo? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi luật nghi, không được giới luật nghi, nhập định, không nhập định, thân thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia được vô giáo, ở nơi luật nghi, ở nơi không luật nghi, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia được vô giáo, hoặc sinh nơi cõi Sắc, nhập định. Đây gọi là vô giáo không phải là giáo.

Thế nào là giáo cũng là vô giáo? Là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, không được giới luật nghi, thân thiện hữu giáo, người kia

được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia được vô giáo, ở nơi giới luật nghi, ở nơi không luật nghi, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân thiện hữu giáo, người kia được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia được vô giáo. Đây gọi là giáo cũng là vô giáo.

Thế nào là không phải giáo cũng không phải là vô giáo? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, không được giới luật nghi, không nhập định, thân thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia không được vô giáo, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia không được vô giáo, hoặc sinh nơi cõi Sắc, không nhập định, thân thiện vô giáo, sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không phải giáo cũng không phải là vô giáo.

Hỏi: Nếu tạo thành thân giáo bất thiện trong hiện tại thì người kia thành tựu vô giáo chăng?

Đáp: Hoặc có giáo không phải là vô giáo.

Thế nào là giáo không phải là vô giáo? Là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, thân bất thiện hữu giáo, người kia không được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia không được vô giáo, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân bất thiện hữu giáo, người kia không được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia không được vô giáo. Đây gọi là giáo không phải là vô giáo.

Thế nào là vô giáo không phải là giáo? Là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, thân bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia được vô giáo, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia được vô giáo. Đây gọi là vô giáo không phải là giáo.

Thế nào là giáo cũng là vô giáo? Là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, thân bất thiện hữu giáo, người kia được vô giáo, vốn hữu

giáo không mất, người kia được vô giáo, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân bất thiện hữu giáo, người kia được vô giáo, vốn hữu giáo không mất, người kia được vô giáo. Đây gọi là giáo cũng là vô giáo.

Thế nào là không phải giáo cũng không phải là vô giáo? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, thân bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia không được vô giáo, ở nơi không luật nghi cũng không phải là không luật nghi, thân bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, người kia không được vô giáo, hoặc sinh nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc. Đây gọi là không phải giáo cũng không phải là vô giáo.

Hỏi: Nếu thành tựu thân giáo ần một vô ký trong hiện tại thì người kia thành tựu vô giáo chăng?

Đáp: Không có thành tựu vô giáo.

Hỏi: Từng có thành tựu giáo chăng?

Đáp: Có. Là thân hữu giáo ần một vô ký sinh nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân giáo không ần một vô ký trong hiện tại thì người kia thành tựu vô giáo chăng?

Đáp: Không có thành tựu vô giáo.

Hỏi: Từng có thành tựu giáo chăng?

Đáp: Có. Là thân hữu giáo không ần một vô ký sinh nơi cõi Dục, hoặc sinh nơi cõi Sắc.

Như Thân giáo thì Khẩu giáo cũng như vậy.

Hỏi: Các hành (nghiệp) hệ thuộc cõi Dục, quả của các hành đó hệ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Từng có hành hệ thuộc cõi Dục, quả của hành đó không hệ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Có. Như đạo nơi cõi Sắc, biến hóa nơi cõi Dục, hóa làm ngôn ngữ nơi cõi Dục.

Hỏi: Các hành hệ thuộc cõi Sắc, quả của các hành đó hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Từng có hành hệ thuộc cõi Sắc, quả của hành đó không hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Có. Như đạo nơi cõi Sắc, biến hóa nơi cõi Dục, hóa làm ngôn ngữ nơi cõi Dục. Như đạo nơi cõi Sắc đoạn trừ kiết hướng tới chứng.

Hỏi: Các hành hệ thuộc cõi Vô sắc, quả của các hành đó hệ thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Từng có hành hệ thuộc cõi Vô sắc, quả của hành đó không hệ thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có. Như đạo nơi cõi Vô sắc đoạn trừ kiết hướng tới chứng.

Hỏi: Các hành vô lậu thì quả của hành đó là vô lậu chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Từng có quả của hành vô lậu, hành kia không phải là hành vô lậu chăng?

Đáp: Có. Như đạo nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, đoạn trừ kiết hướng tới chứng.

Hỏi: Các hành (nghiệp) không hệ thuộc cõi Dục, quả của các hành đó không hệ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Từng có hành không hệ thuộc cõi Dục, quả của hành đó không phải không hệ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Có. Như đạo nơi cõi Sắc, biến hóa nơi cõi Dục, hóa làm ngôn ngữ nơi cõi Dục.

Hỏi: Các hành không hệ thuộc cõi Sắc, quả của các hành đó không hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Từng có hành không hệ thuộc cõi Sắc, quả của hành đó không phải không hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Có. Như đạo nơi cõi Sắc, biến hóa nơi cõi Dục, hóa làm ngôn ngữ nơi cõi Dục. Như đạo nơi cõi Sắc đoạn trừ kiết hướng tới chứng.

Hỏi: Các hành không hệ thuộc cõi Vô sắc, quả của các hành đó không hệ thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Từng có hành không hệ thuộc cõi Vô sắc, quả của hành đó không phải không hệ thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có. Như đạo nơi cõi Vô sắc đoạn trừ kiết hướng tới chứng.

Hỏi: Các hành không phải vô lậu, quả của các hành đó không phải là vô lậu chăng?

Nếu như quả của hành không phải là vô lậu thì hành đó không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Từng có hành không phải vô lậu, quả của hành đó không phải là không vô lậu chăng?

Đáp: Có. Như đạo nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, đoạn trừ kiết hương tới chúng.

Hỏi: Từng có hành (nghiệp) hữu lậu có quả hữu lậu chăng?

Đáp: Có. Là quả y, quả báo (quả đấng lưu, quả dị thực).

Hỏi: Từng có hành hữu lậu có quả vô lậu chăng?

Đáp: Có. Là quả giải thoát (quả ly hệ).

Hỏi: Từng có hành hữu lậu có quả hữu lậu, vô lậu chăng?

Đáp: Có. Là quả y, quả báo, quả giải thoát (quả đấng lưu, quả dị thực, quả ly hệ).

Hỏi: Từng có hành vô lậu có quả vô lậu chăng?

Đáp: Có. Là quả y, quả giải thoát.

Hỏi: Từng có hành vô lậu có quả hữu lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có hành vô lậu có quả hữu lậu, vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có hành hữu lậu, vô lậu, có quả hữu lậu, vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có hành hữu lậu, vô lậu, có quả hữu lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có hành hữu lậu, vô lậu, có quả vô lậu chăng?

Đáp: Có. Là quả giải thoát.

Hỏi: Từng có hành (nghiệp) học có quả học chăng?

Đáp: Có. Là quả y (quả đấng lưu).

Hỏi: Từng có hành học có quả vô học chăng?

Đáp: Có. Là quả y.

Hỏi: Tùng có hành học có quả phi học phi vô học chăng?

Đáp: Có. Là quả giải thoát.

Hỏi: Tùng có hành vô học có quả vô học chăng?

Đáp: Có. Là quả y.

Hỏi: Tùng có hành vô học có quả học chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có hành vô học có quả phi học phi vô học chăng?

Đáp: Có. Là quả giải thoát.

Hỏi: Tùng có hành phi học phi vô học có quả phi học phi vô học chăng?

Đáp: Có. Là quả y, quả báo, quả giải thoát.

Hỏi: Tùng có hành phi học phi vô học có quả học chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có hành phi học phi vô học có quả vô học chăng?

Đáp: Không có.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ”.

Hỏi: Thế nào là không tu thân?

Đáp: Là dục của thân chưa hết, tham chưa hết, niệm chưa hết, khát ái chưa dứt hết. Lại nữa, dùng đạo vô ngại (đạo vô gián) để diệt hết ái sắc, đối với đạo đó không tu, không dựa. Như thế là không tu thân.

Như không tu thân, không tu giới cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là không tu tâm?

Đáp: Là dục nơi tâm chưa hết, tham chưa hết, niệm chưa hết, khát ái chưa dứt hết. Lại nữa, dùng đạo vô ngại để diệt hết ái vô sắc, đối với đạo đó không tu, không dựa. Như thế là không tu tâm.

Như không tu tâm, không tu tuệ cũng như vậy.

Hỏi: Nếu không tu thân thì người kia không tu giới chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như không tu giới thì người kia không tu thân chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu không tu thân thì người kia không tu tâm chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có không tu tâm không phải là không tu thân chăng?

Đáp: Có. Là ái sắc đã hết, ái cõi trên chưa hết.

Hỏi: Nếu không tu thân thì người kia không tu tuệ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có không tu tuệ không phải là không tu thân chăng?

Đáp: Có. Là ái sắc đã hết, ái cõi trên chưa hết.

Hỏi: Nếu không tu giới thì người kia không tu tâm chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có không tu tâm không phải là không tu giới chăng?

Đáp: Có. Là ái sắc đã hết, ái cõi trên chưa hết.

Hỏi: Nếu không tu giới thì người kia không tu tuệ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có không tu tuệ không phải là không tu giới chăng?

Đáp: Có. Là ái sắc đã hết, ái cõi trên chưa hết.

Hỏi: Nếu không tu tâm thì người kia không tu tuệ chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như không tu tuệ thì người kia không tu tâm chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ”.

Hỏi: Thế nào là tu thân?

Đáp: Là ái của thân hết, tham hết, niệm hết, khát ái hết. Lại nữa, dùng đạo vô ngại để diệt hết ái sắc, đối với đạo ấy đã tu, đã dựa. Như thế là tu thân.

Như tu thân, tu giới cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là tu tâm?

Đáp: Là ái nơi tâm hết, tham hết, niệm hết, khát ái hết. Lại nữa, dùng đạo vô ngại để tận diệt hết ái vô sắc, đối với đạo ấy đã tu, đã dựa. Như thế là tu tâm.

Như tu tâm, tu tuệ cũng như vậy.

Hỏi: Nếu tu thân thì người kia tu giới chẳng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nếu như tu giới thì người kia tu thân chẳng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nếu tu thân thì người kia tu tâm chẳng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Từng có tu thân không tu tâm chẳng?

Đáp: Có. Là ái sắc đã hết, ái cõi trên chưa hết.

Hỏi: Nếu tu thân thì người kia tu tuệ chẳng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Từng có tu thân không tu tuệ chẳng?

Đáp: Có. Là ái sắc đã hết, ái cõi trên chưa hết.

Hỏi: Nếu tu giới thì người kia tu tâm chẳng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Từng có tu giới không tu tâm chẳng?

Đáp: Có. Là ái sắc đã hết, ái cõi trên chưa hết.

Hỏi: Nếu tu giới thì người kia tu tuệ chẳng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Từng có tu giới không tu tuệ chẳng?

Đáp: Có. Là ái sắc đã hết, ái cõi trên chưa hết.

Hỏi: Nếu tu tâm thì người kia tu tuệ chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như tu tuệ thì người kia tu tâm chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có thành tựu giới quá khứ, không phải chủng loại này ở hiện tại, vị lai chẳng?

Đáp: Có. Là giáo giới đã hết không mất, chủng loại này không hiện ở trước.

Hỏi: Từng có thành tựu giới quá khứ và vị lai, không phải chủng loại này ở hiện tại chẳng?

Đáp: Có. Là đạo cùng định, cùng giới đã hết không mất, chủng loại này không hiện ở trước.

Hỏi: Từng có thành tựu giới quá khứ và hiện tại, không phải chủng loại này ở vị lai chẳng?

Đáp: Có. Là giáo giới đã hết không mất, chủng loại này hiện ở trước.

Hỏi: Từng có thành tựu giới quá khứ và chủng loại này ở hiện tại, vị lai chăng?

Đáp: Có. Là đạo cùng định, cùng giới đã hết không mất, chủng loại này hiện ở trước.

Hỏi: Từng có thành tựu giới vị lai, không phải chủng loại này ở quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Có. Là A-la-hán sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Từng có thành tựu giới vị lai và quá khứ, không phải chủng loại này ở hiện tại chăng?

Đáp: Có. Là đạo cùng định, cùng giới đã hết không mất, chủng loại này không hiện ở trước.

Hỏi: Từng có thành tựu giới vị lai và hiện tại, không phải chủng loại này ở quá khứ chăng?

Đáp: Có. Là đầu tiên được giới luật vô lậu.

Hỏi: Từng có thành tựu giới vị lai và chủng loại này ở quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Có. Là đạo cùng định, cùng giới đã hết không mất, chủng loại này hiện ở trước.

Hỏi: Từng có thành tựu giới hiện tại, không phải chủng loại này ở quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Có. Là đầu tiên được giới luật nghi.

Hỏi: Từng có thành tựu giới hiện tại và quá khứ, không phải chủng loại này ở vị lai chăng?

Đáp: Có. Là giáo giới đã hết không mất, chủng loại này hiện ở trước.

Hỏi: Từng có thành tựu giới hiện tại và vị lai, không phải chủng loại này ở quá khứ chăng?

Đáp: Có. Là đầu tiên được giới luật vô lậu.

Hỏi: Từng có thành tựu giới hiện tại và chủng loại này ở quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Có. Là đạo cùng định, cùng giới đã hết không mất, chủng loại này hiện ở trước.

Phẩm 5: BÀN VỀ TỰ HÀNH

Thế nào là tự hành? Do những nghĩa gì gọi là tự hành?

Hành đã hiện dụng là tự hành, hành ấy nên nói là quá khứ, hiện tại, vị lai chăng?

Hành đã hiện dụng là tự hành, hành ấy là thành tựu chăng? Nếu như hành thành tựu, hành ấy là tự hành chăng? Hành đã hiện dụng không phải là tự hành, hành ấy không thành tựu chăng? Nếu như hành không thành tựu, hành ấy không phải là tự hành chăng?

Hành đã hiện dụng là tự hành, hành ấy tất thọ báo chăng? Nếu như hành tất thọ báo, hành ấy là tự hành chăng? Hành đã hiện dụng không phải là tự hành, hành ấy tất không thọ báo chăng? Nếu như hành tất không thọ báo, hành ấy không phải là tự hành chăng?

Hành đã hiện dụng là thành tựu, hành ấy tất thọ báo chăng? Nếu như hành tất thọ báo, hành ấy là thành tựu chăng? Hành đã hiện dụng không thành tựu, hành ấy tất không thọ báo chăng? Nếu như hành tất không thọ báo, hành ấy là không thành tựu chăng?

Như có người Tu-đà-hoàn đã hành bất thiện, khổ thọ báo chưa thành thực, người kia do đạo gì ngăn cản không bị đọa nơi địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ?

Lại như Đức Thế Tôn nói: Đây là đệ tử của Đức Thế Tôn đã diệt hết mọi hầm hố hiểm nguy nơi ba nẻo ác địa ngục, súc sinh, ngạ

quỷ, đều không bị đọa vào nẻo ác. Người Tu-đà-hoàn có trí ấy tự tỏ ngộ: Ta đã diệt hết mọi mầm hồ hiểm nguy nơi địa ngục, súc sinh, nga quỷ, đều không bị đọa vào nẻo ác hay là không tự tỏ ngộ?

Thế nào là học mưu hại? Tất cả người học đã mưu hại tức có quả thành chẳng?

Thế nào là trụ nơi hành sống lâu? Thế nào là xả nơi hành sống lâu?

Thế nào là tâm loạn? Do những pháp tương ưng của triền nào đều là bất thiện?

Phật ngữ: Thế nào là Phật ngữ? Phật ngữ nên nói là thiện, là vô ký chẳng? Phật giảng nói những pháp gì?

Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Già tha, Tự thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Hy pháp, Luận nghị gọi là những pháp gì? In ấn, số, toán, thư (sách), thi tụng, vô số xứ nghiệp công xảo được gọi là pháp gì?

Nếu thành tựu giới học, người kia thành tựu giới phi học phi vô học chẳng? Nếu như thành tựu giới phi học phi vô học, người kia thành tựu giới học chẳng?

Nếu thành tựu giới vô học, người kia thành tựu giới phi học phi vô học chẳng? Nếu như thành tựu giới phi học phi vô học, người kia thành tựu giới vô học chẳng?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hỏi: Thế nào là tự hành?

Đáp: Nếu báo của hành nay đã đạt được, ở đây có hành ấy sinh thọ báo. Đó gọi là tự hành.

Hỏi: Do những nghĩa gì gọi là tự hành?

Đáp: Là do tự quả, tự y, tự báo của hành này. Lại nữa, khi hành này thọ báo, ở đây ý thọ báo, không phải gì khác, do đây nên là tự hành.

Hỏi: Hành đã hiện dụng là tự hành, hành ấy nên nói là quá khứ, hiện tại, vị lai chăng?

Đáp: Hành ấy nên nói là thuộc về quá khứ.

Hỏi: Hành đã hiện dụng là tự hành, hành ấy là thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc có hành là tự hành, hành ấy không thành tựu.

Thế nào là hành là tự hành, hành ấy không thành tựu? Là báo của hành hiện đạt được, hành ấy sinh thọ báo, hành ấy đã mất. Đây gọi là hành là tự hành, hành ấy không thành tựu.

Thế nào là hành thành tựu, hành ấy không phải là tự hành? Là báo của hành hiện không đạt được, hành ấy sinh không thọ báo, hành ấy không mất. Đây gọi là hành thành tựu, hành ấy không phải là tự hành.

Thế nào là hành là tự hành, hành ấy cũng thành tựu? Là báo của hành hiện đạt được, hành ấy sinh thọ báo, hành ấy không mất. Đây gọi là hành là tự hành, hành ấy cũng thành tựu.

Thế nào là hành không phải là tự hành, hành ấy cũng không thành tựu? Là báo của hành hiện không đạt được, hành ấy sinh không thọ báo, hành ấy đã mất. Đây gọi là hành không phải là tự hành, hành ấy cũng không thành tựu.

Hành đã hiện dụng không phải là tự hành, hành ấy không thành tựu cũng như vậy.

Hỏi: Hành đã hiện dụng là tự hành, hành ấy tất thọ báo chăng?

Đáp: Hoặc có hành là tự hành, hành ấy tất không thọ báo.

Thế nào là hành là tự hành, hành ấy tất không thọ báo? Là báo của hành hiện nay có được, hành ấy sinh thọ báo, hành ấy thọ hậu báo. Đây gọi là hành là tự hành, hành ấy tất không thọ báo.

Thế nào là hành tất thọ báo, hành ấy không phải là tự hành? Là báo của hành hiện nay không có được, hành ấy sinh không thọ báo, báo của hành ấy chưa thành thực. Đây gọi là hành tất thọ báo, hành ấy không phải là tự hành.

Thế nào là hành là tự hành, hành ấy tất thọ báo? Là báo của hành hiện nay có được, hành ấy sinh thọ báo, hành ấy không phải là hậu báo. Đây gọi là hành là tự hành, hành ấy tất thọ báo.

Thế nào là hành không phải là tự hành, hành ấy tất không thọ báo? Là báo của hành hiện nay không có được, hành ấy sinh không thọ báo, báo của hành ấy đã thành thực. Đây gọi là hành không phải là tự hành, hành ấy tất không thọ báo.

Hành đã hiện dụng không phải là tự hành, hành ấy tất không thọ báo cũng như vậy.

Hỏi: Hành đã hiện dụng là thành tựu, hành ấy tất thọ báo chăng?

Đáp: Hoặc có hành thành tựu, hành ấy tất không thọ báo.

Thế nào là hành thành tựu, hành ấy tất không thọ báo? Là các hành bất thiện ở quá khứ, nếu như báo hữu lậu thiện thành thực, hành ấy không mất. Các hành bất thiện ở vị lai, nếu như được hữu lậu thiện tất không sinh, hoặc hành vô lậu, vô ký đã thành tựu. Đây gọi là hành thành tựu, hành ấy tất không thọ báo.

Thế nào là hành tất thọ báo, hành ấy không thành tựu? Là các hành bất thiện ở quá khứ, nếu như báo hữu lậu thiện không thành thực, hành ấy sẽ mất. Các hành bất thiện ở vị lai, nếu như hữu lậu thiện không được tất sinh. Đây gọi là hành tất thọ báo, hành ấy không thành tựu.

Thế nào là hành thành tựu, hành ấy tất thọ báo? Là các hành bất thiện ở quá khứ, nếu như báo hữu lậu thiện không thành thực, hành ấy không mất. Các hành bất thiện ở vị lai, nếu như được hữu lậu thiện

tất sinh. Các hành bất thiện ở hiện tại, nếu như là hữu lậu thiện. Đây gọi là hành thành tựu, hành ấy tất thọ báo.

Thế nào là hành không thành tựu, hành ấy tất không thọ báo? Là các hành bất thiện ở quá khứ, nếu như báo hữu lậu thiện thành thực, hành ấy sẽ mất. Các hành bất thiện ở vị lai, nếu như hữu lậu thiện không được tất không sinh, hoặc hành vô lậu, vô ký không thành tựu. Đây gọi là hành không thành tựu, hành ấy tất không thọ báo.

Hành đã hiện dụng không thành tựu, hành ấy tất không thọ báo cũng như vậy.

Hỏi: Như có người Tu-đà-hoàn đã hành bất thiện, khổ thọ báo chưa thành thực, người kia do đạo gì ngăn cản không bị đọa nơi địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ?

Đáp: Do hai kiết chủng trói buộc, các chúng sinh tất bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, là kiết chủng do kiến đế đoạn trừ, và kiết chủng do tư duy đoạn trừ chưa dứt hết. Người Tu-đà-hoàn kia kiết do kiến đế đoạn trừ đã dứt hết, kiết do tư duy đoạn trừ chưa dứt hết. Người Tu-đà-hoàn tuy còn thiếu một tư lương nhưng cũng đủ để không bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Ví như chiếc xe có đủ hai bánh không hư hoại, có thể đi đến nơi chốn. Như chim có hai cánh, có thể bay nơi hư không, thiếu một thì không thể. Như thế, do hai kiết chủng trói buộc chúng sinh bị đọa ở địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người Tu-đà-hoàn kia, kiết do kiến đế đoạn trừ đã dứt hết, kiết do tư duy đoạn trừ chưa dứt hết. Tuy còn thiếu một tư lương nhưng không bị đọa nơi địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Đây là đệ tử của Đức Thế Tôn đã diệt hết mọi hầm hố hiểm nguy nơi ba nẻo ác địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, đều không bị đọa vào ba nẻo ác. Người Tu-đà-hoàn có trí ấy tự tỏ ngộ: Ta đã diệt hết mọi hầm hố hiểm nguy nơi địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, đều không bị đọa vào nẻo ác hay là không tự tỏ ngộ?

Đáp: Không tự tỏ ngộ.

Hỏi: Nếu thế người Tu-đà-hoàn kia làm sao nhận biết?

Đáp: Do tin nơi Đức Thế Tôn, như Đức Thế Tôn nói: Các đệ tử Thánh đạt bốn pháp tự tỉnh sát, nên tự tiến tu dứt hết mọi mầm hồ hiểm nguy nơi địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, đều không bị đọa vào ba nẻo ác. Lại nữa, Tu-đà-hoàn có bốn pháp trí: khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí. Tu-đà-hoàn chưa có tận trí, vô sinh trí.

Hỏi: Thế nào là Học mưu hại?

Đáp: Như người học, dục chưa dứt hết, bị người khác đánh đập, hoặc bằng tay nắm đá, cầm dao, gậy, bị bức bách do thọ khổ, nếu khởi tâm khiến kẻ kia bị khổ não khổ hại, khiến cho vợ người kia không có con. Như thế là học mưu hại.

Như người học đã dứt hết nhiễm dục, khi bị kẻ khác đánh đập, nói rộng như trên, từ không còn dục đã thoái chuyển, khởi tâm như đã nêu. Như thế là Học mưu hại.

Hỏi: Tất cả người học đã mưu hại tức có quả thành chăng?

Đáp: Không. Các chúng sinh đã tạo tác làm tăng trưởng các hành có uy lực lớn thì không có quả.

Hỏi: Thế nào là trụ nơi hành sống lâu?

Đáp: Như A-la-hán đem các vật dụng như y, bát, khóa cửa, giày dép, ống kim v.v... để thí cho chúng Tăng, thí xong phát nguyện: “Tôi duyên nơi báo này khiến cho thọ mạng được tăng ích”. Phát nguyện như vậy rồi, nhập đánh tứ thiền, báo của điều đã duyên kia tức trở thành báo sống lâu. Như thế là trụ nơi hành sống lâu.

Hỏi: Thế nào là xả nơi hành sống lâu?

Đáp: Như A-la-hán đem các vật dụng như y, bát, khóa cửa, giày dép, ống kim v.v... để thí cho chúng Tăng, thí xong phát nguyện: “Tôi

đã được báo sống lâu, tức trở thành báo thí cho”. Phát nguyện như vậy rồi nhập đĩnh tứ thiên, báo sống lâu kia tức trở thành báo thí. Như thế là xả nơi hành sống lâu.

Hỏi: Thế nào là tâm loạn?

Đáp: Là do bốn sự nên tâm loạn: 1. Do các phi nhân biến hiện những hình tượng xấu ác v.v... kẻ kia thấy rồi kinh sợ, khiến tâm cuồng loạn. 2. Hoặc do hàng phi nhân giận dữ, đánh đập, các chi phần nơi thân bị khỗ thọ bức bách, khiến tâm cuồng loạn. 3. Do các đại mâu thuẫn, chống trái khiến tâm cuồng loạn. 4. Do báo của hành trước khiến tâm cuồng loạn.

Hỏi: Do những pháp tương ưng của triền nào đều là bất thiện?

Đáp: Là không hổ không thẹn.

Hỏi: Thế nào là Phật ngữ (lời Phật giảng nói)?

Đáp: Đức Như Lai nói: Đã nêu bày: “Bế ha la, Bà sa, Kỳ la, Ni lưu đế, ngữ cú, ngữ thanh, khẩu hành, khẩu giáo. Đây gọi là Phật ngữ. (Là Đức Phật đã nói năng, luận bàn, xướng đọc, nêu bày về ngữ lộ, ngữ âm, ngữ nghiệp, ngữ biểu. Đó gọi là Phật giảng dạy, giáo hóa)

Hỏi: Phật ngữ nên nói là thiện, là vô ký chăng?

Đáp: Phật ngữ hoặc là thiện, hoặc là vô ký.

Thế nào là thiện? Là tâm thiện của Đức Như Lai đã giảng nói giáo hóa mười sự như trên.

Thế nào là vô ký? Là tâm vô ký của Đức Như Lai đã giảng nói giáo hóa mười sự như trên.

Hỏi: Phật giảng nói những pháp gì?

Đáp: Là danh thân, cú thân, ngữ thân, trụ theo thứ lớp.

Hỏi: Khê kinh, Thị (Ứng tụng), Kỳ (Kỳ thuyết), Kê (Già tha), Nhân duyên, Thán (Tự thuyết), Bản mạt (Bản sự), Thí dụ, Sinh (Bản

sinh), Phương quảng, Vị tăng hữu (Hy pháp), Pháp nghĩa (Luận nghị) (12 bộ kinh) gọi là những pháp gì?

Đáp: Là danh thân, cú thân, ngữ thân, trụ theo thứ lớp.

Hỏi: In ấn được gọi là pháp gì?

Đáp: Là hành của thân đã tạo tác dựa theo trí phương tiện thiện xảo.

Hỏi: Số được gọi là pháp gì?

Đáp: Là hành của miệng đã tạo tác dựa theo trí phương tiện thiện xảo.

Hỏi: Toán được gọi là pháp gì?

Đáp: Là hành của ý đã tạo tác dựa theo trí phương tiện thiện xảo.

Hỏi: Thư (Sách) được gọi là pháp gì?

Đáp: Là hành của thân đã tạo tác dựa theo trí phương tiện thiện xảo.

Hỏi: Thi tụng được gọi là pháp gì?

Đáp: Là hành của miệng đã tạo tác dựa theo trí phương tiện thiện xảo.

Hỏi: Vô số xứ nghiệp công xảo nơi thế gian được gọi là pháp gì?

Đáp: Tuệ là sự tạo tác trước tiên đã truyền trao dựa theo trí phương tiện thiện xảo.

Hỏi: Nếu thành tựu giới học, người kia thành tựu giới phi học phi vô học chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu giới học không phải là giới phi học phi vô học.

Thế nào là thành tựu giới học không phải là giới phi học phi vô học? Là người học sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu giới học không phải là giới phi học phi vô học.

Thế nào là thành tựu giới phi học phi vô học không phải là giới học? Là A-la-hán và người phạm phu sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu giới phi học phi vô học không phải là giới học.

Thế nào là thành tựu giới học cũng là giới phi học phi vô học? Là người học sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu giới học cũng là giới phi học phi vô học.

Thế nào là không thành tựu giới học cũng không thành tựu giới phi học phi vô học? Là A-la-hán và người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu giới học cũng không thành tựu giới phi học phi vô học.

Hỏi: Nếu thành tựu giới vô học, người kia thành tựu giới phi học phi vô học chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu giới vô học không phải là giới phi học phi vô học.

Thế nào là thành tựu giới vô học không phải là giới phi học phi vô học? Là A-la-hán sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu giới vô học không phải là giới phi học phi vô học.

Thế nào là thành tựu giới phi học phi vô học không phải là giới vô học? Là người phạm phu, người học sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu giới phi học phi vô học không phải là giới vô học.

Thế nào là thành tựu giới vô học cũng là giới phi học phi vô học? Là A-la-hán sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu giới vô học cũng là giới phi học phi vô học.

Thế nào là không thành tựu giới vô học cũng không thành tựu giới phi học phi vô học? Là người phạm phu, người học sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu giới vô học cũng không thành tựu giới phi học phi vô học.

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 18

Kiềm độ thứ 5: BỐN ĐẠI

** Tung nêu chung:*

*Bốn đại đã tạo
Đó gọi là duyên
Kiến để thành tựu
Tự tạo ở sau.*

Phẩm 1: BÀN VỀ TỊNH CĂN

Nhập (Xứ) do bốn đại tạo, bao nhiêu thứ có thể thấy, bao nhiêu thứ không thể thấy? Bao nhiêu thứ có đối, bao nhiêu thứ không đối? Bao nhiêu thứ là hữu lậu, bao nhiêu thứ là vô lậu? Bao nhiêu thứ là hữu vi, bao nhiêu thứ là vô vi? Bao nhiêu thứ là quá khứ, hiện tại, vị lai? Bao nhiêu thứ là thiện, bất thiện, vô ký? Bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc, không hệ thuộc? Bao nhiêu thứ là học, vô học, phi học phi vô học? Bao nhiêu thứ do tư duy đoạn, không đoạn?

Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo chăng?
Nếu như thành tựu sắc tạo thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chăng?

Nếu không thành tựu bốn đại thì Hành giả kia không thành tựu sắc tạo chãng? Nếu như không thành tựu sắc tạo thì Hành giả kia không thành tựu bốn đại chãng?

Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện chãng? Nếu như thành tựu sắc thiện thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chãng? Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện chãng? Nếu như tạo thành sắc bất thiện thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chãng? Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc ản một vô ký chãng? Nếu như thành tựu sắc ản một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chãng? Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc không ản một vô ký chãng? Nếu như thành tựu sắc không ản một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chãng?

Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện chãng? Nếu như thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chãng? Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký chãng? Nếu như thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chãng? Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện, sắc không ản một vô ký chãng? Nếu như thành tựu sắc thiện, sắc không ản một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chãng?

Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện, sắc ản một vô ký chãng? Nếu như tạo thành sắc bất thiện, sắc ản một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chãng? Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký chãng? Nếu như tạo thành sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chãng?

Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký chãng? Nếu như thành tựu sắc ản

một vô ký, sắc không ản một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chãng?

Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện, sắc ản một vô ký chãng? Nếu như thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện, sắc ản một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chãng?

Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký chãng? Nếu như thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chãng?

Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký chãng? Nếu như thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chãng?

Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện, sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký chãng? Nếu như tạo thành sắc bất thiện, sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chãng?

Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện, sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký chãng? Nếu như thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện, sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chãng?

Nếu thành tựu sắc thiện thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện chãng? Nếu như tạo thành sắc bất thiện thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện chãng? Nếu thành tựu sắc thiện thì Hành giả kia thành tựu sắc ản một vô ký chãng? Nếu như thành tựu sắc ản một vô ký thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện chãng? Nếu thành tựu sắc thiện thì Hành giả kia thành tựu sắc không ản một vô ký chãng? Nếu như thành tựu sắc không ản một vô ký thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện chãng?

Nếu thành tựu sắc thiện thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện, sắc ẩn một vô ký chãng? Nếu như tạo thành sắc bất thiện, sắc ẩn một vô ký thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện chãng? Nếu thành tựu sắc thiện thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện, sắc không ẩn một vô ký chãng? Nếu như tạo thành sắc bất thiện, sắc không ẩn một vô ký, thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện chãng? Nếu thành tựu sắc thiện thì Hành giả kia thành tựu sắc ẩn một vô ký, sắc không ẩn một vô ký chãng? Nếu như thành tựu sắc ẩn một vô ký, sắc không ẩn một vô ký, thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện chãng?

Nếu thành tựu sắc thiện thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện, sắc ẩn một vô ký, sắc không ẩn một vô ký chãng? Nếu như tạo thành sắc bất thiện, sắc ẩn một vô ký, sắc không ẩn một vô ký thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện chãng?

Nếu tạo thành sắc bất thiện thì Hành giả kia thành tựu sắc ẩn một vô ký chãng? Nếu như thành tựu sắc ẩn một vô ký thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện chãng? Nếu tạo thành sắc bất thiện thì Hành giả kia thành tựu sắc không ẩn một vô ký chãng? Nếu như thành tựu sắc không ẩn một vô ký thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện chãng?

Nếu tạo thành sắc bất thiện thì Hành giả kia thành tựu sắc ẩn một vô ký, không ẩn một vô ký chãng? Nếu như thành tựu sắc ẩn một vô ký, không ẩn một vô ký thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện chãng?

Nếu thành tựu sắc ẩn một vô ký thì Hành giả kia thành tựu sắc không ẩn một vô ký chãng? Nếu như thành tựu sắc không ẩn một vô ký thì Hành giả kia thành tựu sắc ẩn một vô ký chãng?

Bốn đại dựa vào Tam muội nào diệt? Sắc tạo, cánh lạc (xúc) có đối, có giác có quán, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, hộ căn, đoạn thực, cánh lạc (xúc) thực, ý niệm thực, thức thực, dựa vào Tam muội

nào diệt? Bốn đại đã tận hoàn toàn (đã đoạn, đã nhận biết khắp), nên nói là trụ nơi quả nào? Sắc tạo, cánh lạc (xúc) có đối, có giác có quán, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, hộ căn, đoạn thực, cánh lạc thực, ý niệm thực, thức thực đã tận hoàn toàn, nên nói là trụ nơi quả nào?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hỏi: Nhập (Xứ) do bốn đại tạo: Bao nhiêu thứ có thể thấy?

Đáp: Một.

Bao nhiêu thứ không thể thấy? Phần ít của tám, hai.

Bao nhiêu thứ có đối? Phần ít của chín, một.

Bao nhiêu thứ không đối? Phần ít của một.

Bao nhiêu thứ là hữu lậu? Phần ít của chín, hai.

Bao nhiêu thứ là vô lậu? Phần ít của một.

Bao nhiêu thứ là hữu vi? Phần ít của chín, hai.

Bao nhiêu thứ vô vi? Không có.

Bao nhiêu thứ là quá khứ? Phần ít của mười một.

Bao nhiêu thứ là vị lai? Phần ít của mười một.

Bao nhiêu thứ là hiện tại? Phần ít của mười một.

Bao nhiêu thứ là thiện? Phần ít của ba.

Bao nhiêu thứ là bất thiện? Phần ít của ba.

Bao nhiêu thứ là vô ký? Phần ít của bảy, ba.

Bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi Dục? Phần ít của hai, chín.

Bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi Sắc? Phần ít của chín.

Bao nhiêu thứ không hệ thuộc? Phần ít của một.

Bao nhiêu thứ là học? Phần ít của một.

Bao nhiêu thứ là vô học? Phần ít của một.

Bao nhiêu thứ là phi học phi vô học? Phần ít của chín, hai.

Bao nhiêu thứ do tư duy đoạn? Phần ít của chín, hai.

Bao nhiêu thứ không đoạn? Phần ít của một.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo chẳng?

Đáp: Đúng vậy. Nếu thành tựu bốn đại, Hành giả kia thành tựu sắc tạo.

Hỏi: Từng có thành tựu sắc tạo không phải là thành tựu bốn đại chẳng?

Đáp: Có. Là người vô cầu (Thánh giả) sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu bốn đại thì Hành giả kia không thành tựu sắc tạo chẳng?

Đáp: Đúng vậy. Nếu không thành tựu sắc tạo thì Hành giả kia không thành tựu bốn đại.

Hỏi: Từng có không thành tựu bốn đại, không phải là không thành tựu sắc tạo chẳng?

Đáp: Có. Là người vô cầu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện chẳng?

Đáp: Hoặc thành tựu bốn đại không phải là thành tựu sắc thiện.

Thế nào là thành tựu bốn đại không phải là thành tựu sắc thiện? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô trứng dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi không giới luật, thân miệng thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không

giới luật, thân miệng thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu bốn đại không phải là thành tựu sắc thiện.

Thế nào là thành tựu sắc thiện không phải là thành tựu bốn đại? Là người vô cấu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu sắc thiện không phải là thành tựu bốn đại.

Thế nào là thành tựu bốn đại cũng là thành tựu sắc thiện? Là người vô cấu ở trong thai mẹ, mô trứng dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, ở nơi không giới luật, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu bốn đại cũng là thành tựu sắc thiện.

Thế nào là không phải thành tựu bốn đại cũng không phải thành tựu sắc thiện? Là người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không phải thành tựu bốn đại cũng không phải thành tựu sắc thiện.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện chăng?

Đáp: Đúng vậy. Nếu tạo thành sắc bất thiện, Hành giả kia thành tựu bốn đại.

Hỏi: Từng có thành tựu bốn đại không phải là tạo thành sắc bất thiện chăng?

Đáp: Có. Là ở trong thai mẹ, mô trứng dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, trụ nơi giới luật, thân miệng bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc ẩn một vô ký chăng?

Đáp: Đúng vậy. Nếu thành tựu sắc ần một vô ký, Hành giả kia thành tựu bốn đại.

Hỏi: Từng có thành tựu bốn đại không phải là thành tựu sắc ần một vô ký chăng?

Đáp: Có. Là sinh nơi cõi Dục, hoặc sinh nơi cõi Sắc, thân miệng ần một vô ký vô giáo.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc không ần một vô ký chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc không ần một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu bốn đại, không phải là thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện. Hoặc thành tựu bốn đại và sắc thiện, không phải là tạo thành sắc bất thiện. Hoặc thành tựu bốn đại và sắc bất thiện, không phải là thành tựu sắc thiện. Hoặc thành tựu bốn đại và thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện.

Thể nào là thành tựu bốn đại, không phải là thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô trứng dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng thiện, bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu bốn đại không phải là thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện.

Thể nào là thành tựu bốn đại và sắc thiện, không phải là tạo thành sắc bất thiện? Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô trứng dày

dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, thân miệng bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, thân miệng bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu bốn đại và sắc thiện, không phải là tạo thành sắc bất thiện.

Thế nào là thành tựu bốn đại và sắc bất thiện, không phải là thành tựu sắc thiện? Là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không giới luật, thân miệng thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng bất thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, thân miệng thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu bốn đại và sắc bất thiện, không phải là thành tựu sắc thiện.

Thế nào là thành tựu bốn đại và thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện? Là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi giới luật, thân miệng bất thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, ở nơi không giới luật, thân miệng thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng thiện, bất thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất. Đây gọi là thành tựu bốn đại và thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu bốn đại, không phải là thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký. Hoặc thành tựu bốn đại và sắc thiện, không phải là thành tựu sắc ản một vô ký. Hoặc thành tựu bốn đại và thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký.

Thế nào là thành tựu bốn đại, không phải là thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô trứng dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi không giới luật, thân miệng thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu bốn đại, không phải là thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký.

Thế nào là thành tựu bốn đại và sắc thiện, không phải là thành tựu sắc ản một vô ký? Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô trứng dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, ở nơi không giới luật, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, thân miệng vô giáo ản một vô ký. Đây gọi là thành tựu bốn đại và sắc thiện, không phải là thành tựu sắc ản một vô ký.

Thế nào là thành tựu bốn đại và thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký? Là sinh nơi cõi Sắc, thân miệng hữu giáo ản một vô ký. Đây gọi là thành tựu bốn đại và thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện, sắc không ản một vô ký chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu bốn đại và sắc không ản một vô ký, không phải là thành tựu sắc thiện. Hoặc thành tựu bốn đại và thành tựu sắc thiện, sắc không ản một vô ký.

Thế nào là thành tựu bốn đại và sắc không ản một vô ký, không phải là thành tựu sắc thiện? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô trứng dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi không giới luật, thân

miệng thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu bốn đại và sắc không ản một vô ký, không phải là thành tựu sắc thiện.

Thế nào là thành tựu bốn đại và thành tựu sắc thiện, sắc không ản một vô ký? Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô trứng dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, ở nơi không giới luật, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu bốn đại và thành tựu sắc thiện, sắc không ản một vô ký.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc thiện, sắc không ản một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện, sắc ản một vô ký chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu bốn đại và sắc không ản một vô ký, không phải là tạo thành sắc bất thiện. Hoặc thành tựu bốn đại và tạo thành sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký.

Thế nào là thành tựu bốn đại và sắc không ản một vô ký, không phải là tạo thành sắc bất thiện? Là ở trong thai mẹ, mô trứng dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, thân miệng bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu bốn đại và sắc không ản một vô ký, không phải là tạo thành sắc bất thiện.

Thế nào là thành tựu bốn đại và tạo thành sắc bất thiện, sắc không ần một vô ký? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, thân miệng bất thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, ở nơi không giới luật, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng bất thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất. Đây gọi là thành tựu bốn đại và tạo thành sắc bất thiện, sắc không ần một vô ký.

Hỏi: Nếu như tạo thành sắc bất thiện, sắc không ần một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc ần một vô ký, sắc không ần một vô ký chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu bốn đại và sắc không ần một vô ký, không phải là thành tựu sắc ần một vô ký. Hoặc thành tựu bốn đại và thành tựu sắc ần một vô ký, sắc không ần một vô ký.

Thế nào là thành tựu bốn đại và sắc không ần một vô ký, không phải là thành tựu sắc ần một vô ký? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc sinh nơi cõi Sắc, thân miệng ần một vô ký vô giáo. Đây gọi là thành tựu bốn đại và sắc không ần một vô ký, không phải là thành tựu sắc ần một vô ký.

Thế nào là thành tựu bốn đại và thành tựu sắc ần một vô ký, sắc không ần một vô ký? Là sinh nơi cõi Sắc, thân miệng ần một vô ký hữu giáo. Đây gọi là thành tựu bốn đại và thành tựu sắc ần một vô ký, sắc không ần một vô ký.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc ần một vô ký, sắc không ần một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện, sắc ần một vô ký chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu bốn đại và sắc không ản một vô ký, không phải là thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện. Hoặc thành tựu bốn đại và sắc thiện, sắc không ản một vô ký, không phải là tạo thành sắc bất thiện. Hoặc thành tựu bốn đại và sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký, không phải là thành tựu sắc thiện. Hoặc thành tựu bốn đại và thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký.

Thế nào là thành tựu bốn đại và sắc không ản một vô ký, không phải là thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô trứng dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng thiện, bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu bốn đại và sắc không ản một vô ký, không phải là thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện.

Thế nào là thành tựu bốn đại và sắc thiện, sắc không ản một vô ký, không phải là tạo thành sắc bất thiện? Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô trứng dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, thân miệng bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, thân miệng bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu bốn đại và sắc thiện, sắc không ản một vô ký, không phải là tạo thành sắc bất thiện.

Thế nào là thành tựu bốn đại và sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký, không phải là thành tựu sắc thiện? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi không giới luật, thân miệng thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân

miệng bất thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, thân miệng thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu bốn đại và sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký, không phải là thành tựu sắc thiện.

Thế nào là thành tựu bốn đại và thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, thân miệng bất thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, ở nơi không giới luật, thân miệng thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng thiện, bất thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất. Đây gọi là thành tựu bốn đại và thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu bốn đại và sắc không ản một vô ký, không phải là thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký. Hoặc thành tựu bốn đại và sắc thiện, sắc không ản một vô ký, không phải là thành tựu sắc ản một vô ký. Hoặc thành tựu bốn đại và thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký.

Thế nào là thành tựu bốn đại và sắc không ản một vô ký, không phải là thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô trứng dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi không giới luật, thân miệng thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu bốn đại và sắc không ản một vô ký, không phải là thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký.

Thế nào là thành tựu bốn đại và sắc thiện, sắc không ản một vô ký, không phải là thành tựu sắc ản một vô ký? Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô trứng dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, ở nơi không giới luật, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc, thân miệng ản một vô ký vô giáo. Đây gọi là thành tựu bốn đại và sắc thiện, sắc không ản một vô ký, không phải là thành tựu sắc ản một vô ký.

Thế nào là thành tựu bốn đại và thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký? Là sinh nơi cõi Sắc, thân miệng ản một vô ký hữu giáo. Đây gọi là thành tựu bốn đại và thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc thiện, sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký thì Hành giả kia thành tựu bốn đại chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện, sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện, sắc bất thiện, sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu sắc thiện không phải là tạo thành sắc bất thiện.

Thế nào là thành tựu sắc thiện không phải là tạo thành sắc bất thiện? Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô dày dần. Nếu sinh nơi cõi

Dục, ở nơi giới luật, thân miệng bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, thân miệng bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc, người vô cầu sẽ sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu sắc thiện không phải là tạo thành sắc bất thiện.

Thế nào là tạo thành sắc bất thiện không phải là thành tựu sắc thiện? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi không giới luật, thân miệng thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng bất thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, thân miệng thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất. Đây gọi là tạo thành sắc bất thiện không phải là thành tựu sắc thiện.

Thế nào là thành tựu sắc thiện cũng là tạo thành sắc bất thiện? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, thân miệng bất thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, ở nơi không giới luật, thân miệng thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng thiện, bất thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất. Đây gọi là thành tựu sắc thiện cũng là tạo thành sắc bất thiện.

Thế nào là không thành tựu sắc thiện cũng không tạo thành sắc bất thiện? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô dày dần. Nếu sinh nơi cõi Dục, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng thiện, bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, hoặc người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu sắc thiện cũng không tạo thành sắc bất thiện.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện thì Hành giả kia thành tựu sắc ần một vô ký chăng?

Đáp: Đúng vậy. Nếu thành tựu sắc ần một vô ký thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện.

Hỏi: Từng có thành tựu sắc thiện không phải là sắc ần một vô ký chăng?

Đáp: Có. Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô dày dần, sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, ở nơi không giới luật, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc, thân miệng ần một vô ký vô giáo, hoặc người vô cầu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện thì Hành giả kia thành tựu sắc không ần một vô ký chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu sắc thiện không phải là thành tựu sắc không ần một vô ký.

Thế nào là thành tựu sắc thiện không phải là thành tựu sắc không ần một vô ký? Là người vô cầu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu sắc thiện không phải là thành tựu sắc không ần một vô ký.

Thế nào là thành tựu sắc không ần một vô ký không phải là thành tựu sắc thiện? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi không giới luật, thân miệng thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng vô giáo, vốn hữu giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu sắc không ần một vô ký không phải là thành tựu sắc thiện.

Thế nào là thành tựu sắc thiện cũng thành tựu sắc không ần một vô ký? Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, ở nơi không giới luật, cũng ở nơi không phải giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu sắc thiện cũng thành tựu sắc không ần một vô ký.

Thế nào là không thành tựu sắc thiện cũng không thành tựu sắc không ần một vô ký? Là người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây

gọi là không thành tựu sắc thiện cũng không thành tựu sắc không ản một vô ký.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện, sắc ản một vô ký chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu sắc thiện, không phải là tạo thành sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký. Hoặc thành tựu sắc thiện và sắc không ản một vô ký, không phải là tạo thành sắc bất thiện. Hoặc thành tựu sắc thiện và tạo thành sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký.

Thế nào là thành tựu sắc thiện, không phải là tạo thành sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký? Là người vô cấu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu sắc thiện, không phải là tạo thành sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký.

Thế nào là thành tựu sắc thiện và sắc không ản một vô ký, không phải là tạo thành sắc bất thiện? Là người vô cấu ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, thân miệng bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, cũng ở nơi không giới luật không phải là không giới luật, thân miệng thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, thân miệng bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu sắc thiện và sắc không ản một vô ký, không phải là tạo thành sắc bất thiện.

Thế nào là thành tựu sắc thiện và tạo thành sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, thân miệng bất thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, ở nơi không giới luật, thân miệng thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, cũng ở nơi không giới luật không phải là không giới luật, thân miệng thiện, bất thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất. Đây gọi

là thành tựu sắc thiện và tạo thành sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký.

Hỏi: Nếu như tạo thành sắc bất thiện, sắc không ản một vô ký, thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Thế nào là thành tựu? Là như đã nói. Đây gọi là thành tựu.

Thế nào là không thành tựu? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi không giới luật, thân miệng thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, cũng ở nơi không giới luật không phải là không giới luật, thân miệng bất thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, thân miệng thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất. Đây gọi là không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện thì Hành giả kia thành tựu sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu sắc thiện, không phải là thành tựu sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký. Hoặc thành tựu sắc thiện và sắc không ản một vô ký, không phải là thành tựu sắc ản một vô ký. Hoặc thành tựu sắc thiện và thành tựu sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký.

Thế nào là thành tựu sắc thiện, không phải là thành tựu sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký? Là người vô cấu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu sắc thiện, không phải là thành tựu sắc ản một vô ký, sắc không ản một vô ký.

Thế nào là thành tựu sắc thiện và sắc không ản một vô ký, không phải là thành tựu sắc ản một vô ký? Là người vô cấu ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, ở nơi không giới luật, cũng ở nơi không giới luật không phải là không giới luật, thân miệng thiện hữu giáo, vốn hữu giáo không mất. Nếu sinh nơi cõi Sắc, thân miệng ản một vô ký, vô giáo. Đây gọi là thành tựu sắc thiện và sắc không ản một vô ký, không phải là thành tựu sắc ản một vô ký.

Thế nào là thành tựu sắc thiện và thành tựu sắc ần một vô ký, sắc không ần một vô ký? Là sinh nơi cõi Sắc, thân miệng ần một vô ký hữu giáo. Đây gọi là thành tựu sắc thiện và thành tựu sắc ần một vô ký, sắc không ần một vô ký.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc ần một vô ký, sắc không ần một vô ký, thì Hành giả kia thành tựu sắc thiện chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện thì Hành giả kia tạo thành sắc bất thiện, sắc ần một vô ký, sắc không ần một vô ký chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nếu tạo thành sắc bất thiện thì Hành giả kia thành tựu sắc ần một vô ký chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nếu tạo thành sắc bất thiện thì Hành giả kia thành tựu sắc không ần một vô ký chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có thành tựu sắc không ần một vô ký không phải là sắc bất thiện chăng?

Đáp: Có. Là ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, thân miệng bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, cũng ở nơi không giới luật không phải là không giới luật, thân miệng bất thiện vô giáo, vốn hữu giáo liền mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tạo thành sắc bất thiện thì Hành giả kia thành tựu sắc ần một vô ký, sắc không ần một vô ký chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc ần một vô ký thì Hành giả kia thành tựu sắc không ần một vô ký chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có thành tựu sắc không ẩn một vô ký không phải là sắc ẩn một vô ký chăng?

Đáp: Có. Là sinh nơi cõi Dục, hoặc cõi Sắc, thân miệng ẩn một vô ký vô giáo.

Hỏi: Bốn đại dựa vào Tam muội nào diệt?

Đáp: Hoặc dựa vào bốn định, hoặc dựa vào vị lai (vị chí).

Sắc tạo hoặc dựa vào bốn định, hoặc dựa vào vị lai.

Xúc có đối có giác có quán hoặc dựa vào định thứ nhất, hoặc dựa vào vị lai.

Lạc căn hoặc dựa vào ba định, hoặc dựa vào vị lai.

Hỷ căn hoặc dựa vào hai định, hoặc dựa vào vị lai.

Khô căn, ưu căn, đoạn thực dựa vào vị lai.

Hộ căn, xúc thực, ý niệm thực, thức thực hoặc dựa vào bảy định, hoặc dựa vào vị lai.

Hỏi: Bốn đại đã tận hoàn toàn (đã đoạn, đã nhận biết khắp), nên nói là trụ nơi quả gì?

Đáp: Quả A-la-hán, hoặc vô xứ sở.

Sắc tạo, xúc có đối, có giác có quán, lạc căn, hỷ căn trụ nơi quả A-la-hán, hoặc vô xứ sở.

Khô căn, ưu căn, đoạn thực trụ nơi quả A-na-hàm, quả A-la-hán, hoặc vô xứ sở.

Hộ căn, xúc thực, ý niệm thực, thức thực trụ nơi quả A-la-hán.

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỀN 19

Kiên độ thứ 5: BỐN ĐẠI

Phẩm 2: BÀN VỀ DUYÊN

Bốn đại cùng với bốn đại có bao nhiêu duyên? Bốn đại cùng với sắc tạo có bao nhiêu duyên? Sắc tạo cùng với sắc tạo có bao nhiêu duyên? Sắc tạo cùng với bốn đại có bao nhiêu duyên?

Bốn đại cùng với tâm tâm pháp có bao nhiêu duyên? Tâm tâm pháp cùng với tâm tâm pháp có bao nhiêu duyên? Tâm tâm pháp cùng với bốn đại có bao nhiêu duyên?

Bốn đại cùng với nhãn nhập có bao nhiêu duyên? Nhãn nhập cùng với nhãn nhập có bao nhiêu duyên? Nhãn nhập cùng với bốn đại có bao nhiêu duyên? Bốn đại cho đến cùng với pháp nhập có bao nhiêu duyên? Pháp nhập cùng với pháp nhập có bao nhiêu duyên? Pháp nhập cùng với bốn đại có bao nhiêu duyên?

Bốn đại cùng với nhãn căn có bao nhiêu duyên? Nhãn căn cùng với bốn đại có bao nhiêu duyên? Bốn đại cho đến cùng với vô tri căn có bao nhiêu duyên? Vô tri căn cùng với bốn đại có bao nhiêu duyên?

Vì sao bốn đại một khởi, một trụ, một diệt, nhưng không tương ưng? Còn tâm tâm pháp một khởi, một trụ, một diệt, nhưng lại tương ưng?

Tùng có bốn đại quá khứ tạo sắc quá khứ, sắc vị lai, sắc hiện tại chắng? Tùng có bốn đại vị lai tạo sắc vị lai, sắc hiện tại, sắc quá khứ chắng? Tùng có bốn đại hiện tại tạo sắc hiện tại, sắc quá khứ, sắc vị lai chắng?

Nếu thành tựu bốn đại quá khứ thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo quá khứ chắng? Nếu như thành tựu sắc tạo quá khứ thì Hành giả kia thành tựu bốn đại quá khứ chắng? Nếu thành tựu bốn đại quá khứ thì Hành giả kia thành tựu bốn đại vị lai chắng? Nếu như thành tựu bốn đại vị lai thì Hành giả kia thành tựu bốn đại quá khứ chắng? Nếu thành tựu bốn đại quá khứ thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo vị lai chắng? Nếu như thành tựu sắc tạo vị lai thì Hành giả kia thành tựu bốn đại quá khứ chắng? Nếu thành tựu bốn đại quá khứ thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo vị lai chắng? Nếu như thành tựu sắc tạo vị lai thì Hành giả kia thành tựu bốn đại quá khứ chắng? Nếu thành tựu bốn đại hiện tại chắng? Nếu như thành tựu bốn đại hiện tại thì Hành giả kia thành tựu bốn đại quá khứ chắng? Nếu thành tựu bốn đại quá khứ thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hiện tại chắng? Nếu như thành tựu sắc tạo hiện tại thì Hành giả kia thành tựu bốn đại quá khứ chắng?

Nếu thành tựu sắc tạo quá khứ thì Hành giả kia thành tựu bốn đại vị lai chắng? Nếu như thành tựu bốn đại vị lai thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo quá khứ chắng? Nếu thành tựu sắc tạo quá khứ thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo vị lai chắng? Nếu như thành tựu sắc tạo vị lai thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo quá khứ chắng? Nếu thành tựu sắc tạo quá khứ thì Hành giả kia thành tựu bốn đại hiện tại chắng? Nếu như thành tựu bốn đại hiện tại thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo quá khứ chắng? Nếu thành tựu sắc tạo quá khứ thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hiện tại chắng? Nếu như thành tựu sắc tạo hiện tại thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo quá khứ chắng?

Nếu thành tựu bốn đại vị lai thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo vị lai chắng? Nếu như thành tựu sắc tạo vị lai thì Hành giả kia thành tựu bốn đại vị lai chắng? Nếu thành tựu bốn đại vị lai thì Hành giả

kia thành tựu bốn đại hiện tại chẳng? Nếu như thành tựu bốn đại hiện tại thì Hành giả kia thành tựu bốn đại vị lai chẳng? Nếu thành tựu bốn đại vị lai thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hiện tại chẳng? Nếu như thành tựu sắc tạo hiện tại thì Hành giả kia thành tựu bốn đại vị lai chẳng?

Nếu thành tựu sắc tạo vị lai thì Hành giả kia thành tựu bốn đại hiện tại chẳng? Nếu như thành tựu bốn đại hiện tại thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo vị lai chẳng? Nếu thành tựu sắc tạo vị lai thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hiện tại chẳng? Nếu như thành tựu sắc tạo hiện tại thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo vị lai chẳng?

Nếu thành tựu bốn đại hiện tại thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hiện tại chẳng? Nếu như thành tựu sắc tạo hiện tại thì Hành giả kia thành tựu bốn đại hiện tại chẳng?

Bốn đại quá khứ cùng với bốn đại quá khứ có bao nhiêu duyên? Bốn đại quá khứ cùng với sắc tạo quá khứ có bao nhiêu duyên? Sắc tạo quá khứ cùng với sắc tạo quá khứ có bao nhiêu duyên? Sắc tạo quá khứ cùng với bốn đại quá khứ có bao nhiêu duyên?

Bốn đại quá khứ cùng với bốn đại vị lai có bao nhiêu duyên? Bốn đại vị lai cùng với bốn đại vị lai có bao nhiêu duyên? Bốn đại vị lai cùng với bốn đại quá khứ có bao nhiêu duyên? Bốn đại quá khứ cùng với sắc tạo vị lai có bao nhiêu duyên? Sắc tạo vị lai cùng với sắc tạo vị lai kia có bao nhiêu duyên? Sắc tạo vị lai cùng với bốn đại quá khứ có bao nhiêu duyên?

Bốn đại quá khứ cùng với bốn đại hiện tại có bao nhiêu duyên? Bốn đại hiện tại cùng với bốn đại hiện tại có bao nhiêu duyên? Bốn đại hiện tại cùng với bốn đại quá khứ có bao nhiêu duyên? Bốn đại quá khứ cùng với sắc tạo hiện tại có bao nhiêu duyên? Sắc tạo hiện tại cùng với sắc tạo hiện tại có bao nhiêu duyên? Sắc tạo hiện tại cùng với bốn đại quá khứ có bao nhiêu duyên?

Sắc tạo quá khứ cùng với bốn đại vị lai có bao nhiêu duyên? Bốn đại vị lai cùng với sắc tạo quá khứ có bao nhiêu duyên? Sắc tạo quá khứ cùng với sắc tạo vị lai có bao nhiêu duyên? Sắc tạo vị lai cùng với sắc tạo quá khứ có bao nhiêu duyên?

Sắc tạo quá khứ cùng với bốn đại hiện tại có bao nhiêu duyên? Bốn đại hiện tại cùng với sắc tạo quá khứ có bao nhiêu duyên? Sắc tạo quá khứ cùng với sắc tạo hiện tại có bao nhiêu duyên? Sắc tạo hiện tại cùng với sắc tạo quá khứ có bao nhiêu duyên?

Bốn đại vị lai cùng với sắc tạo vị lai có bao nhiêu duyên? Sắc tạo vị lai cùng với bốn đại vị lai có bao nhiêu duyên? Bốn đại vị lai cùng với bốn đại hiện tại có bao nhiêu duyên? Bốn đại hiện tại cùng với bốn đại vị lai có bao nhiêu duyên? Bốn đại vị lai cùng với sắc tạo hiện tại có bao nhiêu duyên? Sắc tạo hiện tại cùng với bốn đại vị lai có bao nhiêu duyên?

Sắc tạo vị lai cùng với bốn đại hiện tại có bao nhiêu duyên? Bốn đại hiện tại cùng với sắc tạo vị lai có bao nhiêu duyên? Sắc tạo vị lai cùng với sắc tạo hiện tại có bao nhiêu duyên? Sắc tạo hiện tại cùng với sắc tạo vị lai có bao nhiêu duyên?

Bốn đại hiện tại cùng với sắc tạo hiện tại có bao nhiêu duyên?

Sắc tạo hiện tại cùng với bốn đại hiện tại có bao nhiêu duyên?

Nếu thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục chăng? Nếu như thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục thì Hành giả kia thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục chăng? Nếu thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Sắc thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc chăng? Nếu như thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc thì Hành giả kia thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Bốn đại hệ thuộc cõi Dục cùng với bốn đại hệ thuộc cõi Dục có bao nhiêu duyên? Bốn đại hệ thuộc cõi Dục cùng với sắc tạo hệ thuộc

cõi Dục có bao nhiêu duyên? Sắc tạo hệ thuộc cõi Dục cùng với sắc tạo hệ thuộc cõi Dục có bao nhiêu duyên? Sắc tạo hệ thuộc cõi Dục cùng với bốn đại hệ thuộc cõi Dục có bao nhiêu duyên?

Bốn đại hệ thuộc cõi Sắc cùng với bốn đại hệ thuộc cõi Sắc có bao nhiêu duyên? Bốn đại hệ thuộc cõi Sắc cùng với sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc có bao nhiêu duyên? Sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc cùng với sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc có bao nhiêu duyên? Sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc cùng với bốn đại hệ thuộc cõi Sắc có bao nhiêu duyên?

Nếu thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục thì Hành giả kia thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Sắc chăng? Nếu như thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Sắc thì Hành giả kia thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục chăng? Nếu thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc chăng? Nếu như thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc thì Hành giả kia thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục chăng?

Nếu thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục thì Hành giả kia thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Sắc chăng? Nếu như thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Sắc thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục chăng? Nếu thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc chăng? Nếu như thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục chăng?

Bốn đại hệ thuộc cõi Dục cùng với bốn đại hệ thuộc cõi Sắc có bao nhiêu duyên? Bốn đại hệ thuộc cõi Sắc cùng với bốn đại hệ thuộc cõi Dục có bao nhiêu duyên? Bốn đại hệ thuộc cõi Dục cùng với sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc có bao nhiêu duyên? Sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc cùng với bốn đại hệ thuộc cõi Dục có bao nhiêu duyên?

Sắc tạo hệ thuộc cõi Dục cùng với bốn đại hệ thuộc cõi Sắc có bao nhiêu duyên? Bốn đại hệ thuộc cõi Sắc cùng với sắc tạo hệ thuộc

cõi Dục có bao nhiêu duyên? Sắc tạo hệ thuộc cõi Dục cùng với sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc có bao nhiêu duyên? Sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc cùng với sắc tạo hệ thuộc cõi Dục có bao nhiêu duyên?

Các sắc hệ thuộc cõi Dục, tất cả sắc đó đều do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Dục chăng? Nếu như sắc do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Dục, tất cả sắc đó đều hệ thuộc cõi Dục chăng? Các sắc hệ thuộc cõi Sắc, tất cả sắc đó đều do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Sắc chăng? Nếu như sắc do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Sắc, tất cả sắc đó đều hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Các sắc quá khứ, tất cả sắc đó đều do bốn đại tạo nơi quá khứ chăng? Nếu như sắc do bốn đại tạo nơi quá khứ, tất cả sắc đó đều thuộc về quá khứ chăng? Các sắc vị lai, tất cả sắc đó đều do bốn đại tạo nơi vị lai chăng? Nếu như sắc do bốn đại tạo nơi vị lai, tất cả sắc đó đều thuộc về vị lai chăng? Các sắc hiện tại, tất cả sắc đó đều do bốn đại tạo nơi hiện tại chăng? Nếu như sắc do bốn đại tạo nơi hiện tại, tất cả sắc đó đều thuộc về hiện tại chăng?

Thế nào là địa? Thế nào là địa chủng (địa giới)? Thế nào là thủy? Thế nào là thủy chủng? Thế nào là hỏa? Thế nào là hỏa chủng? Thế nào là phong? Thế nào là phong chủng?

Địa thuộc về nhập nào? Có bao nhiêu thức nhận biết? Địa và địa chủng, thủy và thủy chủng, hỏa và hỏa chủng, phong và phong chủng, bốn đại thuộc về nhập nào? Có bao nhiêu thức nhận biết?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Bốn đại cùng với bốn đại có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Bốn đại cùng với sắc tạo có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Sắc tạo cùng với sắc tạo có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Sắc tạo cùng với bốn đại có hai duyên là Nhân, Tăng thượng.

Bốn đại cùng với tâm tâm pháp có hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng. Tâm tâm pháp cùng với tâm tâm pháp có bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng. Tâm tâm pháp cùng với bốn đại có hai duyên là Nhân, Tăng thượng.

Bốn đại cùng với nhãn nhập có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Nhãn nhập cùng với nhãn nhập có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Nhãn nhập cùng với bốn đại có một duyên là Tăng thượng. Nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, hương nhập, vị nhập cũng như vậy. Bốn đại cùng với sắc nhập có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Sắc nhập cùng với sắc nhập có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Sắc nhập cùng với bốn đại có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Thanh nhập, tế hoạt (xúc) nhập cũng như vậy. Bốn đại cùng với ý nhập có hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng. Ý nhập cùng với ý nhập có bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng. Ý nhập cùng với bốn đại có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Bốn đại cùng với pháp nhập có ba duyên là Nhân, Duyên duyên, Tăng thượng. Pháp nhập cùng với pháp nhập có bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng. Pháp nhập cùng với bốn đại có hai duyên là Nhân, Tăng thượng.

Bốn đại cùng với nhãn căn có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Nhãn căn cùng với bốn đại có một duyên là Tăng thượng. Nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, nam căn, nữ căn cũng như vậy. Bốn đại cùng với ý căn có hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng. Ý căn cùng với bốn đại có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, hộ căn, tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng như vậy. Bốn đại cùng với mạng căn có một duyên là Tăng thượng. Mạng căn cùng với bốn đại có một duyên là Tăng thượng. Bốn đại cùng với vị tri căn có hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng. Vị tri căn cùng với bốn đại có một duyên là Tăng thượng. Dị tri căn, vô tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao bốn đại một khởi, một trụ, một diệt nhưng không tương ưng? Còn tâm tâm pháp một khởi, một trụ, một diệt nhưng lại tương ưng?

Đáp: Như nói bốn đại có thể hoặc lớn hoặc nhỏ, còn tâm tâm pháp thì không như thế. Lại nữa, tâm tâm pháp cùng có đối tượng duyên, bốn đại không có đối tượng duyên, không được không duyên để tương ưng.

Hỏi: Từng có bốn đại quá khứ tạo sắc quá khứ, sắc vị lai, sắc hiện tại chăng?

Đáp: Điều có.

Hỏi: Từng có bốn đại vị lai tạo sắc vị lai, sắc hiện tại, sắc quá khứ chăng?

Đáp: Có. Không có quá khứ, hiện tại.

Hỏi: Từng có bốn đại hiện tại tạo sắc hiện tại, sắc quá khứ, sắc vị lai chăng?

Đáp: Có. Không có quá khứ, vị lai có.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại quá khứ thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo quá khứ chăng?

Đáp: Không có thành tựu bốn đại quá khứ. Có thành tựu sắc tạo quá khứ: Là người vô cầu (Thánh giả) ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi cõi Dục ở nơi giới luật, ở nơi không giới luật, cũng ở nơi không là giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng vốn hữu giáo không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc, hoặc người học sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại quá khứ thì Hành giả kia thành tựu bốn đại vị lai chăng?

Đáp: Không có. Có thành tựu bốn đại quá khứ, cũng không thành tựu bốn đại vị lai.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại quá khứ thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo vị lai chăng?

Đáp: Không có thành tựu bốn đại quá khứ, có thành tựu sắc tạo vị lai: Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi cõi Dục, được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc sinh nơi cõi Sắc, người vô cầu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại quá khứ thì Hành giả kia thành tựu bốn đại hiện tại chăng?

Đáp: Không có thành tựu bốn đại quá khứ. Có thành tựu bốn đại hiện tại: Là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại quá khứ thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hiện tại chăng?

Đáp: Không có thành tựu bốn đại quá khứ. Có thành tựu sắc tạo hiện tại. Là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc tạo quá khứ thì Hành giả kia thành tựu bốn đại vị lai chăng?

Đáp: Không có thành tựu bốn đại vị lai, có thành tựu sắc tạo quá khứ: Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, ở nơi không giới luật, cũng ở nơi không là giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc, hoặc người học sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc tạo quá khứ thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo vị lai chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu sắc tạo quá khứ không phải là sắc tạo vị lai.

Thế nào là thành tựu sắc tạo quá khứ không phải là sắc tạo vị lai? Là sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, không được tâm thiện của

cõi Sắc, ở nơi không giới luật, cũng ở nơi không là giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng hữu giáo, vốn hữu giáo không mất. Đây gọi là thành tựu sắc tạo quá khứ không phải là sắc tạo vị lai.

Thế nào là thành tựu sắc tạo vị lai không phải là sắc tạo quá khứ? Là A-la-hán sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu sắc tạo vị lai không phải là sắc tạo quá khứ.

Thế nào là thành tựu sắc tạo quá khứ cũng là sắc tạo vị lai? Là người vô cấu ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi cõi Dục, được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc sinh nơi cõi Sắc, người học sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu sắc tạo quá khứ cũng là sắc tạo vị lai.

Thế nào là không thành tựu sắc tạo quá khứ cũng không phải là sắc tạo vị lai? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi cõi Dục, cũng ở nơi không là giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng vô giáo, vốn hữu giáo liền mất. Hoặc người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu sắc tạo quá khứ cũng không phải là sắc tạo vị lai.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc tạo quá khứ thì Hành giả kia thành tựu bốn đại hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu sắc tạo quá khứ không phải là bốn đại hiện tại.

Thế nào là thành tựu sắc tạo quá khứ không phải là bốn đại hiện tại? Là người học sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu sắc tạo quá khứ không phải là bốn đại hiện tại.

Thế nào là thành tựu bốn đại hiện tại không phải là sắc tạo quá khứ? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi cõi Dục, cũng ở nơi không là giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng vô giáo, vốn hữu giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu bốn đại hiện tại không phải là sắc tạo quá khứ.

Thế nào là thành tựu sắc tạo quá khứ cũng là bốn đại hiện tại? Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi cõi Dục ở nơi giới luật, ở nơi không giới luật, cũng ở nơi không là giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu sắc tạo quá khứ cũng là bốn đại hiện tại.

Thế nào là không thành tựu sắc tạo quá khứ cũng không thành tựu bốn đại hiện tại? Là A-la-hán, người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu sắc tạo quá khứ cũng không thành tựu bốn đại hiện tại.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc tạo quá khứ thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu sắc tạo quá khứ không phải là sắc tạo hiện tại.

Thế nào là thành tựu sắc tạo quá khứ không phải là sắc tạo hiện tại? Là người học sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu sắc tạo quá khứ không phải là sắc tạo hiện tại.

Thế nào là thành tựu sắc tạo hiện tại không phải là sắc tạo quá khứ? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi cõi Dục, cũng ở nơi không là giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng vô giáo, vốn hữu giáo liền mất. Đây gọi là thành tựu sắc tạo hiện tại không phải là sắc tạo quá khứ.

Thế nào là thành tựu sắc tạo quá khứ cũng là sắc tạo hiện tại? Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi cõi Dục, ở nơi giới luật, ở nơi không giới luật, cũng ở nơi không là giới luật, không phải là không giới luật, thân miệng hữu giáo, vốn hữu giáo không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu sắc tạo quá khứ cũng là sắc tạo hiện tại.

Thế nào là không thành tựu sắc tạo quá khứ cũng không thành tựu sắc tạo hiện tại? Là A-la-hán, người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu sắc tạo quá khứ cũng không thành tựu sắc tạo hiện tại.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại vị lai thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo vị lai chăng?

Đáp: Không có thành tựu bốn đại vị lai, có thành tựu sắc tạo vị lai. Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi cõi Dục, được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc sinh nơi cõi Sắc, người vô cầu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại vị lai thì Hành giả kia thành tựu bốn đại hiện tại chăng?

Đáp: Không có thành tựu bốn đại vị lai, có thành tựu bốn đại hiện tại. Là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại vị lai thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hiện tại chăng?

Đáp: Không có thành tựu bốn đại vị lai, có thành tựu sắc tạo hiện tại. Là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc tạo vị lai thì Hành giả kia thành tựu bốn đại hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu sắc tạo vị lai không phải là bốn đại hiện tại.

Thế nào là thành tựu sắc tạo vị lai không phải là bốn đại hiện tại? Là người vô cầu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu sắc tạo vị lai không phải là bốn đại hiện tại.

Thế nào là thành tựu bốn đại hiện tại không phải là sắc tạo vị lai? Là người phạm phu ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi

cõi Dục, không được tâm thiện của cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu bốn đại hiện tại không phải là sắc tạo vị lai.

Thế nào là thành tựu sắc tạo vị lai cũng là bốn đại hiện tại? Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi cõi Dục, được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu sắc tạo vị lai cũng là bốn đại hiện tại.

Thế nào là không thành tựu sắc tạo vị lai cũng không phải thành tựu bốn đại hiện tại? Là người phàm phu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu sắc tạo vị lai cũng không thành tựu bốn đại hiện tại.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc tạo vị lai thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu sắc tạo vị lai không phải là sắc tạo hiện tại.

Thế nào là thành tựu sắc tạo vị lai không phải là sắc tạo hiện tại? Là người vô cầu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là thành tựu sắc tạo vị lai không phải là sắc tạo hiện tại.

Thế nào là thành tựu sắc tạo hiện tại không phải là sắc tạo vị lai? Là người phàm phu ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi cõi Dục, không được tâm thiện của cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu sắc tạo hiện tại không phải là sắc tạo vị lai.

Thế nào là thành tựu sắc tạo vị lai cũng là sắc tạo hiện tại? Là người vô cầu ở trong thai mẹ, mô dày dần, nếu sinh nơi cõi Dục, được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu sắc tạo vị lai cũng là sắc tạo hiện tại.

Thế nào là không thành tựu sắc tạo vị lai cũng không thành tựu sắc tạo hiện tại? Là người phàm phu sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu sắc tạo vị lai cũng không thành tựu sắc tạo hiện tại.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại hiện tại thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hiện tại chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc tạo hiện tại thì Hành giả kia thành tựu bốn đại hiện tại chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Bốn đại quá khứ cùng với bốn đại quá khứ có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Bốn đại quá khứ cùng với sắc tạo quá khứ có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Sắc tạo quá khứ cùng với sắc tạo quá khứ có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Sắc tạo quá khứ cùng với bốn đại quá khứ có hai duyên là Nhân, Tăng thượng.

Bốn đại quá khứ cùng với bốn đại vị lai có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Bốn đại vị lai cùng với bốn đại vị lai có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Bốn đại vị lai cùng với bốn đại quá khứ có một duyên là Tăng thượng. Bốn đại quá khứ cùng với sắc tạo vị lai có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Sắc tạo vị lai cùng với sắc tạo vị lai có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Sắc tạo vị lai cùng với bốn đại quá khứ có một duyên là Tăng thượng.

Bốn đại quá khứ cùng với bốn đại hiện tại có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Bốn đại hiện tại cùng với bốn đại hiện tại có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Bốn đại hiện tại cùng với bốn đại quá khứ có một duyên là Tăng thượng. Bốn đại quá khứ cùng với sắc tạo hiện tại có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Sắc tạo hiện tại cùng với sắc tạo hiện tại có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Sắc tạo hiện tại cùng với bốn đại quá khứ có một duyên là Tăng thượng.

Sắc tạo quá khứ cùng với bốn đại vị lai có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Bốn đại vị lai cùng với sắc tạo quá khứ có một duyên là Tăng thượng. Sắc tạo quá khứ cùng với sắc tạo vị lai có hai duyên

là Nhân, Tăng thượng. Sắc tạo vị lai cùng với sắc tạo quá khứ có một duyên là Nhân, Tăng thượng.

Sắc tạo quá khứ cùng với bốn đại hiện tại có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Bốn đại hiện tại cùng với sắc tạo quá khứ có một duyên là tăng thượng. Sắc tạo quá khứ cùng với sắc tạo hiện tại có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Sắc tạo hiện tại cùng với sắc tạo quá khứ có một duyên là Tăng thượng.

Bốn đại vị lai cùng với sắc tạo vị lai có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Sắc tạo vị lai cùng với bốn đại vị lai có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Bốn đại vị lai cùng với bốn đại hiện tại có một duyên là Tăng thượng. Bốn đại hiện tại cùng với bốn đại vị lai có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Bốn đại vị lai cùng với sắc tạo hiện tại có một duyên là Tăng thượng. Sắc tạo hiện tại cùng với bốn đại vị lai có hai duyên là Nhân, Tăng thượng.

Sắc tạo vị lai cùng với bốn đại hiện tại có một duyên là Tăng thượng. Bốn đại hiện tại cùng với sắc tạo vị lai có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Sắc tạo vị lai cùng với sắc tạo hiện tại có một duyên là Tăng thượng. Sắc tạo hiện tại cùng với sắc tạo vị lai có hai duyên là Nhân, Tăng thượng.

Bốn đại hiện tại cùng với sắc tạo hiện tại có hai duyên là Nhân, Tăng thượng.

Sắc tạo hiện tại cùng với bốn đại hiện tại có hai duyên là Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục thì Hành giả kia thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Sắc thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc, không phải là thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Có. Là sinh nơi cõi Dục, được tâm thiện của cõi Sắc, bốn đại nơi cõi Sắc không hiện ở trước.

Bốn đại hệ thuộc cõi Dục cùng với bốn đại hệ thuộc cõi Dục có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Bốn đại hệ thuộc cõi Dục cùng với sắc tạo hệ thuộc cõi Dục có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Sắc tạo hệ thuộc cõi Dục cùng với sắc tạo hệ thuộc cõi Dục có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Sắc tạo hệ thuộc cõi Dục cùng với bốn đại hệ thuộc cõi Dục có hai duyên là Nhân, Tăng thượng.

Bốn đại hệ thuộc cõi Sắc cùng với bốn đại hệ thuộc cõi Sắc có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Bốn đại hệ thuộc cõi Sắc cùng với sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc cùng với sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc cùng với bốn đại hệ thuộc cõi Sắc có hai duyên là Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục thì Hành giả kia thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục không phải là bốn đại hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục không phải là bốn đại hệ thuộc cõi Sắc? Là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, bốn đại không hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục không phải là bốn đại hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Sắc không phải là bốn đại hệ thuộc cõi Dục? Là sinh nơi cõi Sắc, cõi Dục biến hóa, không biến hóa, không tạo ra ngôn ngữ nơi cõi Dục. Đây gọi là thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Sắc không phải là bốn đại hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục cũng là thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Sắc? Là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, bốn đại hiện ở trước. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, biến hóa nơi cõi Dục, tạo ra ngôn ngữ nơi cõi Dục. Đây gọi là thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc.

Thế nào là không thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục cũng không phải là bốn đại hệ thuộc cõi Sắc? Là sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục cũng không phải là bốn đại hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục không phải là sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục không phải là sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc? Là sinh nơi cõi Dục, không được tâm thiện của cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục không phải là sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc không phải là bốn đại hệ thuộc cõi Dục? Là sinh nơi cõi Sắc, biến hóa, không biến hóa nơi cõi Dục, không tạo ra ngôn ngữ nơi cõi Dục. Đây gọi là thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc không phải là bốn đại hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục cũng là thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc? Là sinh nơi cõi Dục, được tâm thiện của cõi Sắc. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, biến hóa nơi cõi Dục, hóa tác ngôn ngữ nơi cõi Dục. Đây gọi là thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục cũng là thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là không thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục cũng không phải là sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc? Là sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Dục cũng không phải là sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục thì Hành giả kia thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục không phải là bốn đại hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục không phải là bốn đại hệ thuộc cõi Sắc? Là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, bốn đại không hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục không phải là bốn đại hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Sắc không phải là sắc tạo hệ thuộc cõi Dục? Là sinh nơi cõi Sắc, biến hóa không biến hóa nơi cõi Dục, không tạo ra ngôn ngữ nơi cõi Dục. Đây gọi là thành tựu bốn đại hệ thuộc cõi Sắc không phải là sắc tạo hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục cũng là bốn đại hệ thuộc cõi Sắc? Là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, bốn đại hiện ở trước. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, biến hóa nơi cõi Dục, biến hóa tạo ra ngôn ngữ nơi cõi Dục. Đây gọi là thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục cũng là bốn đại hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là không thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục cũng không phải là bốn đại hệ thuộc cõi Sắc? Là sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục cũng không phải là bốn đại hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục thì Hành giả kia thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục không phải là sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục không phải là sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc? Là sinh nơi cõi Dục, không được tâm thiện của cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục không phải là sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc không phải là sắc tạo hệ thuộc cõi Dục? Là sinh nơi cõi Sắc, biến hóa không biến hóa nơi cõi Dục, không tạo ra ngôn ngữ nơi cõi Dục. Đây gọi là thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc không phải là sắc tạo hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục cũng là sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc? Là sinh nơi cõi Dục, được tâm thiện của cõi Sắc. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, biến hóa nơi cõi Dục, biến hóa tạo ra ngôn ngữ nơi cõi Dục. Đây gọi là thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục cùng sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là không thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục cũng không phải là sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc? Là sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu sắc tạo hệ thuộc cõi Dục cũng không phải là sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc.

Bốn đại hệ thuộc cõi Dục làm một tăng thượng duyên cho bốn đại hệ thuộc cõi Sắc. Bốn đại hệ thuộc cõi Sắc làm một tăng thượng duyên cho bốn đại hệ thuộc cõi Dục. Bốn đại hệ thuộc cõi Dục làm một tăng thượng duyên cho sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc. Sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc làm một tăng thượng duyên cho bốn đại hệ thuộc cõi Dục.

Sắc tạo hệ thuộc cõi Dục làm một tăng thượng duyên cho bốn đại hệ thuộc cõi Sắc. Bốn đại hệ thuộc cõi Sắc làm một tăng thượng duyên cho sắc tạo hệ thuộc cõi Dục. Sắc tạo hệ thuộc cõi Dục làm một tăng thượng duyên cho sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc. Sắc tạo hệ thuộc cõi Sắc làm một tăng thượng duyên cho sắc tạo hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Các sắc hệ thuộc cõi Dục, tất cả sắc đó đều do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Hoặc có sắc hệ thuộc cõi Dục, sắc đó không phải do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là sắc hệ thuộc cõi Dục, sắc đó không phải do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Dục? Là bốn đại hệ thuộc cõi Dục. Đây gọi là sắc hệ thuộc cõi Dục, sắc đó không phải do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là sắc do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Dục, sắc đó không phải hệ thuộc cõi Dục? Là các sắc không hệ thuộc nơi bốn đại tạo hệ thuộc cõi Dục. Đây gọi là sắc do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Dục, sắc đó không phải hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là sắc hệ thuộc cõi Dục, sắc đó do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Dục? Là các sắc hệ thuộc cõi Dục do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Dục. Đây gọi là sắc hệ thuộc cõi Dục, sắc đó do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là sắc không hệ thuộc cõi Dục, sắc đó không phải do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Dục? Là bốn đại hệ thuộc cõi Sắc, các sắc hệ thuộc cõi Sắc do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Sắc. Các sắc không hệ thuộc nơi bốn đại tạo hệ thuộc cõi Dục. Đây gọi là sắc không hệ thuộc cõi Dục, sắc đó không phải do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Các sắc hệ thuộc cõi Sắc, tất cả sắc đó đều do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc có sắc hệ thuộc cõi Sắc, sắc đó không phải do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là sắc hệ thuộc cõi Sắc, sắc đó không phải do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Sắc? Là bốn đại hệ thuộc cõi Sắc. Đây gọi là sắc hệ thuộc cõi Sắc, sắc đó không phải do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là sắc do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Sắc, sắc đó không phải hệ thuộc cõi Sắc? Là các sắc không hệ thuộc nơi bốn đại tạo hệ

thuộc cõi Sắc. Đây gọi là sắc do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Sắc, sắc đó không phải hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là sắc hệ thuộc cõi Sắc, sắc đó do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Sắc? Là các sắc hệ thuộc cõi Sắc, do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Sắc. Đây gọi là sắc hệ thuộc cõi Sắc, sắc đó do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là sắc không hệ thuộc cõi Sắc, sắc đó không phải do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Sắc? Là bốn đại hệ thuộc cõi Dục, các sắc hệ thuộc cõi Dục, do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Dục. Các sắc không hệ thuộc nơi bốn đại tạo hệ thuộc cõi Dục. Đây gọi là sắc không hệ thuộc cõi Sắc, sắc đó không phải do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Các sắc quá khứ, tất cả sắc đó đều do bốn đại tạo nơi quá khứ chăng?

Đáp: Hoặc có sắc quá khứ, sắc đó không phải do bốn đại tạo nơi quá khứ.

Thế nào là sắc quá khứ, sắc đó không phải do bốn đại tạo nơi quá khứ? Là bốn đại quá khứ. Đây gọi là sắc quá khứ, sắc đó không phải do bốn đại tạo nơi quá khứ.

Thế nào là sắc do bốn đại tạo nơi quá khứ, sắc đó không phải là sắc quá khứ? Là các sắc do bốn đại tạo nơi quá khứ, vị lai, hiện tại. Đây gọi là sắc do bốn đại tạo nơi quá khứ, sắc đó không phải là sắc quá khứ.

Thế nào là sắc quá khứ, sắc đó do bốn đại tạo nơi quá khứ? Là các sắc quá khứ do bốn đại tạo nơi quá khứ. Đây gọi là sắc quá khứ, sắc đó do bốn đại tạo nơi quá khứ.

Thế nào là sắc không phải quá khứ, sắc đó không phải do bốn đại tạo nơi quá khứ? Là bốn đại vị lai, hiện tại, các sắc vị lai, hiện tại do bốn đại tạo nơi hiện tại, các sắc vị lai do bốn đại tạo nơi vị lai.

Đây gọi là sắc không phải quá khứ, sắc đó không phải do bốn đại tạo nơi quá khứ.

Hỏi: Các sắc vị lai, tất cả sắc đó đều do bốn đại tạo nơi vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các sắc do bốn đại tạo nơi vị lai, tất cả sắc đó là vị lai.

Hỏi: Từng có sắc vị lai, sắc đó không phải do bốn đại tạo nơi vị lai chăng?

Đáp: Có. Là bốn đại vị lai, các sắc vị lai do bốn đại tạo nơi quá khứ, hiện tại.

Hỏi: Các sắc hiện tại, tất cả sắc đó đều do bốn đại tạo nơi hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc có sắc hiện tại, sắc đó không phải do bốn đại tạo nơi hiện tại.

Thế nào là sắc hiện tại, sắc đó không phải do bốn đại tạo nơi hiện tại? Là bốn đại hiện tại, các sắc hiện tại do bốn đại tạo nơi quá khứ. Đây gọi là sắc hiện tại, sắc đó không phải do bốn đại tạo nơi hiện tại.

Thế nào là sắc do bốn đại tạo nơi hiện tại, sắc đó không phải là sắc hiện tại? Là các sắc vị lai do bốn đại tạo nơi hiện tại. Đây gọi là sắc do bốn đại tạo nơi hiện tại, sắc đó không phải là sắc hiện tại.

Thế nào là sắc hiện tại, sắc đó do bốn đại tạo nơi hiện tại? Là các sắc hiện tại do bốn đại tạo nơi hiện tại. Đây gọi là sắc hiện tại, sắc đó do bốn đại tạo nơi hiện tại.

Thế nào là sắc không phải hiện tại, sắc đó không phải do bốn đại tạo nơi hiện tại? Là bốn đại quá khứ, vị lai, các sắc quá khứ, vị lai do bốn đại tạo nơi quá khứ. Các sắc vị lai do bốn đại tạo nơi vị

lai. Đây gọi là sắc không phải hiện tại, sắc đó không phải do bốn đại tạo nơi hiện tại.

Hỏi: Thế nào là địa (đất)?

Đáp: Là hình xứ (Là sắc hiển hình).

Hỏi: Thế nào là địa chủng?

Đáp: Là cứng chắc (Là sự xúc chạm của tánh cứng chắc).

Hỏi: Thế nào là thủy?

Đáp: Là hình xứ.

Hỏi: Thế nào là thủy chủng?

Đáp: Là ẩm ướt.

Hỏi: Thế nào là hỏa?

Đáp: Là hình xứ.

Hỏi: Thế nào là hỏa chủng?

Đáp: Là nóng.

Hỏi: Thế nào là phong?

Đáp: Là phong chủng.

Hỏi: Thế nào là phong chủng?

Đáp: Là lay động.

Địa thuộc về một nhập (xứ) là sắc nhập (sắc xứ), do hai thức nhận biết là nhãn thức và ý thức.

Địa chủng thuộc về một nhập là tế hoạt nhập (xúc xứ), do hai thức nhận biết là thân thức và ý thức.

Thủy thuộc về một nhập là sắc nhập, do hai thức nhận biết là nhãn thức và ý thức.

Thủy chủng thuộc về một nhập là tế hoạt nhập, do hai thức nhận biết là thân thức và ý thức.

Hỏa thuộc về một nhập là sắc nhập, do hai thức nhận biết là nhãn thức và ý thức.

Hỏa chủng thuộc về một nhập là tế hoạt nhập, do hai thức nhận biết là thân thức và ý thức.

Phong và phong chủng thuộc về một nhập là tế hoạt nhập, do hai thức nhận biết là thân thức và ý thức.

HẾT - QUYỂN 19

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỀN 20

Kiên độ thứ 5: BỐN ĐẠI

Phẩm 3: BÀN VỀ KIẾN ĐẾ

Đệ tử của Đức Thế Tôn thành tựu về kiến đế, ái dục chưa hết, các giới luật nơi thân, miệng hệ thuộc cõi Sắc thành tựu, sắc đó do bốn đại nào tạo?

Sinh nơi cõi Dục, nhập thiền thứ nhất hữu lậu, nhập thiền thứ hai, thiền thứ ba, thiền thứ tư hữu lậu, các giới luật nơi thân, miệng của Hành giả kia thành tựu, sắc đó do bốn đại nào tạo?

Sinh nơi cõi Dục, nhập thiền thứ nhất vô lậu, nhập thiền thứ hai, thiền thứ ba, thiền thứ tư vô lậu, các giới luật nơi thân, miệng của Hành giả kia thành tựu, sắc đó do bốn đại nào tạo?

Sinh nơi cõi Sắc, nhập thiền thứ nhất hữu lậu, nhập thiền thứ hai, thiền thứ ba, thiền thứ tư hữu lậu, các giới luật nơi thân, miệng của Hành giả kia thành tựu, sắc đó do bốn đại nào tạo?

Sinh nơi cõi Sắc, nhập thiền thứ nhất vô lậu, nhập thiền thứ hai, thiền thứ ba, thiền thứ tư vô lậu, các giới luật nơi thân, miệng của Hành giả kia thành tựu, sắc đó do bốn đại nào tạo?

Đệ tử của Đức Thế Tôn sinh nơi cõi Vô sắc, các giới luật nơi thân, miệng vô lậu thành tựu, sắc đó do bốn đại nào tạo?

Ở nơi cõi Vô sắc mất, sinh nơi cõi Dục, đầu tiên được bốn đại, bốn đại đó do bốn đại nào làm nhân?

Ở nơi cõi Vô sắc mất, sinh nơi cõi Sắc, đầu tiên được bốn đại, bốn đại đó do bốn đại nào làm nhân?

Ở nơi cõi Sắc mất, sinh nơi cõi Dục, đầu tiên được bốn đại, bốn đại đó do bốn đại nào làm nhân?

Sinh nơi cõi Dục, biến hóa nơi cõi Sắc, biến hóa tạo ra ngôn ngữ nơi cõi Sắc, sắc đó do bốn đại nào tạo?

Sinh nơi cõi Sắc, biến hóa nơi cõi Dục, biến hóa tạo ra ngôn ngữ nơi cõi Dục, sắc đó do bốn đại nào tạo?

Sự biến hóa nên nói là bốn đại hay không phải bốn đại? Nên nói là sắc tạo hay không phải sắc tạo? Nên nói là có tâm hay không có tâm? Nên nói là dùng tâm nào chuyển?

Trung ấm nên nói là bốn đại hay không phải bốn đại? Nên nói là sắc tạo hay không phải sắc tạo? Nên nói là có tâm hay không có tâm? Nên nói là dùng tâm nào chuyển?

Thế gian được gọi là pháp gì? Kiếp được gọi là pháp gì? Tâm khởi trụ diệt được gọi là pháp gì?

Tùng có pháp do bốn duyên sinh chăng? Tùng có pháp do ba duyên sinh chăng? Tùng có pháp do hai duyên sinh chăng? Tùng có pháp do một duyên sinh chăng?

Thế nào là pháp tương ưng với nhân? Thế nào là pháp không tương ưng với nhân? Thế nào là pháp tương ưng với nhân, không tương ưng với nhân? Thế nào là pháp không phải tương ưng với nhân cũng không phải không tương ưng với nhân?

Thế nào là pháp duyên có duyên? Thế nào là pháp duyên không duyên? Thế nào là pháp duyên có duyên, pháp duyên không duyên?

Thế nào là pháp không phải duyên có duyên, không phải duyên không duyên?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Người tu hành, trong không có tướng sắc, ngoài quán sắc”. Thế nào là trong không có tướng sắc, ngoài quán sắc?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Có tướng không sắc”. Thế nào là có tướng không sắc? Các người có tướng không sắc, tất cả ái sắc đều dứt hết chăng? Nếu như ái sắc dứt hết, tất cả người kia có tướng không sắc chăng? Các người không có tướng không sắc, tất cả ái sắc chưa dứt hết chăng? Nếu như ái sắc chưa dứt hết, tất cả người kia không có tướng không sắc chăng?

Bốn thức chỉ (bốn thức trụ), bảy thức chỉ (bảy thức trụ): Bốn thức chỉ gồm thân bảy thức chỉ hay bảy thức chỉ gồm thân bốn thức chỉ? Bốn thức chỉ, chín chúng sinh cư: Bốn thức chỉ gồm thân chín chúng sinh cư hay chín chúng sinh cư gồm thân bốn thức chỉ? Bảy thức chỉ, chín chúng sinh cư: Bảy thức chỉ gồm thân chín chúng sinh cư hay chín chúng sinh cư gồm thân bảy thức chỉ?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Đệ tử của Đức Thế Tôn thành tựu về kiến đế, ái dục chưa hết, các giới luật nơi thân, miệng hệ thuộc cõi Sắc thành tựu, sắc đó do bốn đại nào tạo?

Đáp: Bốn đại hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Sinh nơi cõi Dục, nhập thiền thứ nhất hữu lậu, nhập thiền thứ hai, thiền thứ ba, thiền thứ tư hữu lậu, các giới luật nơi thân, miệng của Hành giả kia thành tựu, sắc đó do bốn đại nào tạo?

Đáp: Bốn đại hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Sinh nơi cõi Dục, nhập thiên thứ nhất vô lậu, nhập thiên thứ hai, thiên thứ ba, thiên thứ tư vô lậu, các giới luật nơi thân, miệng của Hành giả kia thành tựu, sắc đó do bốn đại nào tạo?

Đáp: Bốn đại hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Sinh nơi cõi Sắc, nhập thiên thứ nhất hữu lậu, nhập thiên thứ hai, thiên thứ ba, thiên thứ tư hữu lậu, các giới luật nơi thân, miệng của Hành giả kia thành tựu, sắc đó do bốn đại nào tạo?

Đáp: Bốn đại hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Sinh nơi cõi Sắc, nhập thiên thứ nhất vô lậu, nhập thiên thứ hai, thiên thứ ba, thiên thứ tư vô lậu, các giới luật nơi thân, miệng của Hành giả kia thành tựu, sắc đó do bốn đại nào tạo?

Đáp: Bốn đại hệ thuộc cõi Sắc.

Đệ tử của Đức Thế Tôn sinh nơi cõi Vô sắc, các giới luật nơi thân, miệng vô lậu thành tựu, sắc đó do bốn đại nào tạo?

Đáp: Bốn đại hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Ở nơi cõi Vô sắc mất, sinh nơi cõi Dục, đầu tiên được bốn đại, bốn đại đó do bốn đại nào làm nhân?

Đáp: Bốn đại hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Ở nơi cõi Vô sắc mất, sinh nơi cõi Sắc, đầu tiên được bốn đại, bốn đại đó do bốn đại nào làm nhân?

Đáp: Bốn đại hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Ở nơi cõi Sắc mất, sinh nơi cõi Dục, đầu tiên được bốn đại, bốn đại đó do bốn đại nào làm nhân?

Đáp: Bốn đại hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Sinh nơi cõi Dục, biến hóa nơi cõi Sắc, biến hóa tạo ra ngôn ngữ nơi cõi Sắc, sắc đó do bốn đại nào tạo?

Đáp: Bốn đại hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Sinh nơi cõi Sắc, biến hóa nơi cõi Dục, biến hóa tạo ra ngôn ngữ nơi cõi Dục, sắc đó do bốn đại nào tạo?

Đáp: Bốn đại hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Sự biến hóa nên nói là bốn đại hay không phải bốn đại?

Đáp: Sự biến hóa nên nói là bốn đại.

Hỏi: Nên nói là sắc tạo hay không phải sắc tạo?

Đáp: Nên nói là sắc tạo.

Hỏi: Nên nói là có tâm hay không có tâm?

Đáp: Nên nói là không có tâm.

Hỏi: Nên nói là dùng tâm nào chuyên?

Đáp: Nên nói là tâm của người biến hóa.

Hỏi: Trung âm nên nói là bốn đại hay không phải bốn đại?

Đáp: Trung âm nên nói là bốn đại.

Hỏi: Nên nói là sắc tạo hay không phải sắc tạo?

Đáp: Nên nói là sắc tạo.

Hỏi: Nên nói là có tâm hay không có tâm?

Đáp: Nên nói là có tâm.

Hỏi: Nên nói là dùng tâm nào chuyên?

Đáp: Nên nói là dùng tự tâm.

Hỏi: Thế gian được gọi là pháp gì?

Đáp: Được gọi là hành số.

Hỏi: Kiếp được gọi là pháp gì?

Đáp: Được gọi là số lượng của nửa tháng, tháng, mùa xuân, hạ, năm.

Hỏi: Tâm khởi trụ diệt được gọi là pháp gì?

Đáp: Được gọi là số lượng của thời tiết, khoảnh khắc.

Hỏi: Từng có pháp do bốn duyên sinh chăng?

Đáp: Có. Là tất cả tâm tâm pháp.

Hỏi: Từng có pháp do ba duyên sinh chăng?

Đáp: Có. Là định vô tướng, định diệt tận.

Hỏi: Từng có pháp do hai duyên sinh chăng?

Đáp: Có. Là trừ định vô tướng, định diệt tận, còn lại là các tâm bất tương ưng hành và các sắc.

Hỏi: Từng có pháp do một duyên sinh chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Thế nào là pháp tương ưng với nhân?

Đáp: Là tất cả tâm tâm pháp.

Hỏi: Thế nào là pháp không tương ưng với nhân?

Đáp: Là sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Thế nào là pháp tương ưng với nhân, không tương ưng với nhân?

Đáp: Là tâm tâm pháp kia có phần ít tương ưng với nhân, có phần ít không tương ưng với nhân.

Hỏi: Thế nào là pháp không phải tương ưng với nhân cũng không phải không tương ưng với nhân?

Đáp: Là tâm tâm pháp kia có phần ít không phải tương ưng với nhân, có phần ít không phải không tương ưng với nhân.

Hỏi: Thế nào là pháp duyên có duyên?

Đáp: Là các ý thức thân cùng tương ưng duyên nơi tâm tâm pháp.

Hỏi: Thế nào là pháp duyên không duyên?

Đáp: Là năm thức thân cùng tương ưng duyên nơi sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Thế nào là pháp duyên có duyên, pháp duyên không duyên?

Đáp: Là năm thức thân cùng tương ưng, ý thức thân cùng tương ưng duyên nơi tâm tâm pháp, duyên nơi sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Thế nào là pháp không phải duyên có duyên, không phải duyên không duyên?

Đáp: Là sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Người tu hành, trong không có tướng sắc, ngoài quán sắc”.

Hỏi: Thế nào là trong không có tướng sắc, ngoài quán sắc?

Đáp: Là như Hành giả khởi tướng: Thân này sẽ chết, đã chết, sẽ bỏ nơi gò mả, đã bỏ nơi gò mả, sẽ chôn dưới đất, đã chôn dưới đất, sẽ bị vô số các thú trùng rĩa ăn, đã bị vô số các thú trùng rĩa ăn. Hành giả kia không quán thân này, chỉ thấy vô số các thú trùng kia.

Như thân này sẽ chết, đã chết, sẽ bỏ nơi gò mả, đã bỏ nơi gò mả, sẽ đặt trên đồng củi, đã đặt trên đồng củi, sẽ hỏa thiêu, đã hỏa thiêu. Hành giả kia không quán thân này, chỉ thấy lửa.

Như thân này chỉ là nắm tuyết, nắm tồ, đề hồ, sẽ đặt trên lửa, đã đặt trên lửa, sẽ tiêu tan, đã tiêu tan. Hành giả kia không quán thân này, chỉ thấy lửa.

Như thế là trong không có tướng sắc, ngoài quán sắc.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Có tướng không sắc”.

Hỏi: Thế nào là có tướng không sắc?

Đáp: Như khởi tướng: Thân này sẽ chết, đã chết, sẽ bỏ nơi gò mả, đã bỏ nơi gò mả, sẽ chôn dưới đất, đã chôn dưới đất, sẽ bị vô số các thứ trùng rĩa ăn, đã bị vô số các thứ trùng rĩa ăn, các thứ ấy sẽ tan hoại, các thứ ấy đã tan hoại. Hành giả kia không quán thân này, cũng không còn thấy vô số các thứ trùng kia.

Như thân này sẽ chết, đã chết, sẽ bỏ nơi gò mả, đã bỏ nơi gò mả, sẽ đặt trên đồng củi, đã đặt trên đồng củi, sẽ hỏa thiêu, đã hỏa thiêu, lửa sẽ tắt, lửa đã tắt. Hành giả kia không quán thân này, cũng không còn thấy lửa.

Như thân này chỉ là nắm tuyết, nắm tồ, đề hồ, sẽ đặt trên lửa, đã đặt trên lửa, sẽ tiêu tan, đã tiêu tan, lửa sẽ tắt, lửa đã tắt. Hành giả kia không quán thân này, cũng không còn thấy lửa.

Như thế là có tướng không sắc.

Hỏi: Các người có tướng không sắc, tất cả ái sắc đều dứt hết chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có ái sắc dứt hết, người kia không phải có tướng không sắc chăng?

Đáp: Có. Là ái sắc hết, Hành giả kia không nhập Tam muội.

Hỏi: Các người không có tướng không sắc, tất cả ái sắc chưa dứt hết chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các ái sắc chưa dứt hết, tất cả người kia không có tướng không sắc.

Hỏi: Từng có không có tướng không sắc, Hành giả kia không phải ái sắc không dứt hết chăng?

Đáp: Có. Là ái sắc hết, Hành giả kia không nhập Tam muội.

Hỏi: Bốn thức chỉ (bốn thức trụ), bảy thức chỉ (bảy thức trụ): Bốn thức chỉ gồm sáu bảy thức chỉ hay bảy thức chỉ gồm sáu bốn thức chỉ?

Đáp: Hoặc bốn thức không phải là bảy thức.

Thế nào là bốn thức không phải là bảy thức? Là sắc, thống (thọ), tướng, hành của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, cõi trời Quả thật và thống (thọ), tướng, hành của xứ Hữu tướng vô tướng. Đây gọi là bốn thức không phải là bảy thức.

Thế nào là bảy thức không phải là bốn thức? Là tâm của người, trời nơi cõi Dục, tâm của các cõi trời Phạm ca di, Quang âm, Biến tịnh, Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ. Đây gọi là bảy thức không phải là bốn thức.

Thế nào là bốn thức cũng là bảy thức? Là sắc, thống, tướng, hành của người, trời nơi cõi Dục, sắc, thống, tướng, hành của các cõi trời Phạm ca di, Quang âm, Biến tịnh, và thống, tướng, hành của Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ. Đây gọi là bốn thức cũng là bảy thức.

Thế nào là không phải bốn thức cũng không phải bảy thức? Là tâm của các nẻo địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, tâm của các cõi trời Quả thật, Hữu tướng vô tướng. Đây gọi là không phải bốn thức cũng không phải bảy thức.

Hỏi: Bốn thức chỉ, chín chúng sinh cư: Bốn thức chỉ gồm sáu chín chúng sinh cư hay chín chúng sinh cư gồm sáu bốn thức chỉ?

Đáp: Hoặc bốn không phải là chín.

Thế nào là bốn không phải là chín? Là sắc, thống, tướng, hành của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, cõi trời Vô tướng, không gồm sáu sắc, thống, tướng, hành của cõi trời Quả thật. Đây gọi là bốn không phải là chín.

Thế nào là chín không phải là bốn? Là tâm của người, trời nơi cõi Dục, tâm của các cõi trời Phạm ca di, Quang âm, Biến tịnh, Vô tướng, và tâm nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là chín không phải là bốn.

Thế nào là bốn cũng là chín? Là sắc, thống, tướng, hành của người, trời nơi cõi Dục, sắc, thống, tướng, hành của các cõi trời Phạm ca di, Quang âm, Biến tịnh, Vô tướng, và thống, tướng, hành của cõi Vô sắc. Đây gọi là bốn cũng là chín.

Thế nào là không phải bốn cũng không phải chín? Là tâm của các nẻo địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, chúng sinh cõi Vô tướng, không gồm thân tâm của cõi trời Quả thật. Đây gọi là không phải bốn cũng không phải chín.

Hỏi: Bảy thức chỉ, chín chúng sinh cư: Bảy thức chỉ gồm thân chín chúng sinh cư hay chín chúng sinh cư gồm thân bảy thức chỉ?

Đáp: Chín gồm thân bảy không phải bảy gồm thân chín. Những gì là không gồm thân? Là hai xứ: xứ Vô tướng thiên và xứ Hữu tướng vô tướng.

Phẩm 4: BÀN VỀ NỘI TẠO

Bốn đại nội (Đại chủng có chấp thọ) cùng bốn đại nội có bao nhiêu duyên? Bốn đại nội cùng bốn đại không nội (Đại chủng không chấp thọ), bốn đại không nội cùng bốn đại không nội, bốn đại không nội cùng bốn đại nội có bao nhiêu duyên?

Pháp tương ưng với nhân cùng pháp tương ưng với nhân có bao nhiêu duyên? Pháp tương ưng với nhân cùng pháp không tương ưng với nhân, pháp không tương ưng với nhân cùng pháp không tương ưng với nhân, pháp không tương ưng với nhân cùng pháp tương ưng với nhân có bao nhiêu duyên?

Pháp cùng duyên (Pháp duyên có duyên) cùng pháp cùng duyên có bao nhiêu duyên? Pháp cùng duyên cùng pháp không duyên (Pháp duyên không duyên), pháp không duyên cùng pháp không duyên, pháp không duyên cùng pháp cùng duyên có bao nhiêu duyên?

Pháp sắc cùng pháp sắc có bao nhiêu duyên? Pháp sắc cùng pháp không sắc, pháp không sắc cùng pháp không sắc, pháp không sắc cùng pháp sắc có bao nhiêu duyên?

Các pháp có thể thấy - không thể thấy, có đối - không đối cũng như vậy.

Pháp hữu lậu cùng pháp hữu lậu có bao nhiêu duyên? Pháp hữu lậu cùng pháp vô lậu, pháp vô lậu cùng pháp vô lậu, pháp vô lậu cùng pháp hữu lậu có bao nhiêu duyên?

Pháp hữu vi cùng pháp hữu vi có bao nhiêu duyên? Pháp hữu vi cùng pháp vô vi, pháp vô vi cùng pháp vô vi, pháp vô vi cùng pháp hữu vi có bao nhiêu duyên?

Các triền đã trói buộc, tự trói buộc, hữu của địa ngục thọ nhận, chúng sinh kia đầu tiên có được bốn đại của các căn, bốn đại của các căn ấy cùng tâm tâm pháp có bao nhiêu duyên? Tâm tâm pháp cùng với bốn đại của các căn đó có bao nhiêu duyên?

Các triền đã trói buộc, tự trói buộc, hữu của súc sinh, nga quý, trời, người thọ nhận, chúng sinh kia đầu tiên có được bốn đại của các căn, bốn đại của các căn ấy cùng tâm tâm pháp có bao nhiêu duyên? Tâm tâm pháp cùng với bốn đại của các căn đó có bao nhiêu duyên?

Sinh nơi cõi Dục, nhập thiên thứ nhất hữu lậu, cho đến nhập định hữu tướng vô tướng hữu lậu, bốn đại của các căn được tăng ích, bốn đại của các căn ấy cùng tâm tâm pháp có bao nhiêu duyên? Tâm tâm pháp cùng với bốn đại của các căn kia có bao nhiêu duyên?

Sinh nơi cõi Dục, nhập thiền thứ nhất vô lậu, cho đến nhập định bất dụng vô lậu, bốn đại của các căn được tăng ích, bốn đại của căn ấy cùng tâm tâm pháp có bao nhiêu duyên? Tâm tâm pháp cùng với bốn đại của căn kia có bao nhiêu duyên?

Sinh nơi cõi Sắc, nhập thiền thứ nhất hữu lậu, cho đến nhập định hữu tướng vô tướng hữu lậu, bốn đại của các căn được tăng ích, bốn đại của căn ấy cùng tâm tâm pháp có bao nhiêu duyên? Tâm tâm pháp cùng với bốn đại của căn kia có bao nhiêu duyên?

Sinh nơi cõi Sắc, nhập thiền thứ nhất vô lậu, cho đến nhập định bất dụng vô lậu, bốn đại của các căn được tăng ích, bốn đại của căn ấy cùng tâm tâm pháp có bao nhiêu duyên? Tâm tâm pháp cùng với bốn đại của căn kia có bao nhiêu duyên?

Thế nào là nghĩa nội (có chấp thọ)? Thế nào là nghĩa không nội (không chấp thọ)? Thế nào là nghĩa thọ? Thế nào là nghĩa không thọ? Thế nào là nghĩa kiết? Thế nào là nghĩa không kiết? Thế nào là nghĩa kiến xứ? Thế nào là nghĩa không kiến xứ?

Các pháp là nội, pháp đó thuộc về nội nhập chăng? Nếu như các pháp thuộc về nội nhập thì pháp đó là nội chăng? Các pháp là ngoại, pháp đó thuộc về ngoại nhập chăng? Nếu như các pháp thuộc về ngoại nhập thì pháp đó là ngoại chăng?

Hai thống (thọ), ba thống: Hai thống gồm thân ba thống, hay ba thống gồm thân hai thống? Hai thống (thọ), bốn thống, năm thống, sáu thống, mười tám thống, ba mươi sáu thống, một trăm lẻ tám thống: Hai thống gồm thân một trăm lẻ tám thống, hay một trăm lẻ tám thống gồm thân hai thống? Cho đến ba mươi sáu thống, một trăm lẻ tám thống: Ba mươi sáu thống gồm thân một trăm lẻ tám thống, hay một trăm lẻ tám thống gồm thân ba mươi sáu thống?

Dùng đạo vô ngại (đạo vô gián) hướng chứng quả Tu-đà-hoàn, lúc tu đạo ấy, bao nhiêu ý chỉ tu hiện tại, bao nhiêu thứ tu vị lai? Bao

nhieu ý đoạn? Bao nhiêu thần túc? Bao nhiêu căn, lực? Bao nhiêu giác ý? Bao nhiêu đạo chủng? Bao nhiêu thiên? Bao nhiêu đẳng? Bao nhiêu định vô sắc? Bao nhiêu giải thoát? Bao nhiêu trừ nhập? Bao nhiêu nhất thiết nhập? Bao nhiêu trí? Bao nhiêu Tam muội tu hiện tại, bao nhiêu thứ tu vị lai?

Dùng đạo vô ngại hướng chứng quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, thiên nhĩ biết tâm người khác, tự biết thọ mạng đời trước của mình, lậu tận trí chứng thông nhìn thấu suốt, lúc tu đạo ấy, bao nhiêu ý chỉ tu hiện tại, bao nhiêu thứ tu vị lai? Bao nhiêu ý đoạn? Bao nhiêu thần túc? Bao nhiêu căn, lực? Bao nhiêu giác ý? Bao nhiêu đạo chủng? Bao nhiêu thiên? Bao nhiêu đẳng? Bao nhiêu định vô sắc? Bao nhiêu giải thoát? Bao nhiêu trừ nhập? Bao nhiêu nhất thiết nhập? Bao nhiêu trí? Bao nhiêu Tam muội tu hiện tại, bao nhiêu thứ tu vị lai?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Bốn đại nội (Đại chủng có chấp thọ) cùng bốn đại nội có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Bốn đại nội cùng bốn đại không nội (Đại chủng không chấp thọ) có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Bốn đại không nội cùng bốn đại không nội có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Bốn đại không nội cùng bốn đại nội có hai duyên là Nhân, Tăng thượng.

Pháp tương ưng với nhân cùng pháp tương ưng với nhân có bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng. Pháp tương ưng với nhân cùng pháp không tương ưng với nhân có ba duyên là Nhân, Thứ đệ, Tăng thượng, không có Duyên duyên. Pháp không tương ưng với nhân cùng pháp không tương ưng với nhân có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Pháp không tương ưng với nhân cùng pháp tương ưng với nhân có ba duyên là Nhân, Duyên duyên, Tăng thượng, không có Thứ đệ.

Pháp cùng duyên (Pháp duyên có duyên) cùng pháp cùng duyên có bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng. Pháp cùng duyên cùng pháp không duyên (Pháp duyên không duyên) có ba duyên là Nhân, Thứ đệ, Tăng thượng, không có Duyên duyên. Pháp không duyên cùng pháp không duyên có hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Pháp không duyên cùng pháp cùng duyên có ba duyên là Nhân, Duyên duyên, Tăng thượng, không có Thứ đệ.

Pháp sắc cùng pháp sắc có ba duyên là Nhân, Duyên duyên, Tăng thượng. Pháp sắc cùng pháp không sắc có ba duyên là Nhân, Duyên duyên, Tăng thượng, không có Thứ đệ. Pháp không sắc cùng pháp không sắc có bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng. Pháp không sắc cùng pháp sắc có hai duyên là Nhân, Tăng thượng.

Các pháp có thể thấy - không thể thấy, có đối - không đối cũng như vậy.

Pháp hữu lậu cùng pháp hữu lậu có bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng. Pháp hữu lậu cùng pháp vô lậu có ba duyên là Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng, không có Nhân. Pháp vô lậu cùng pháp vô lậu có bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng. Pháp vô lậu cùng pháp hữu lậu có ba duyên là Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng, không có Nhân.

Pháp hữu vi cùng pháp hữu vi có bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng. Pháp hữu vi cùng pháp vô vi không có duyên. Pháp vô vi cùng pháp vô vi không có duyên. Pháp vô vi cùng pháp hữu vi có hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng.

Các triền đã trói buộc, tự trói buộc, hữu của địa ngục thọ nhận, chúng sinh kia đầu tiên có được bốn đại của các căn, bốn đại của các căn ấy cùng tâm tâm pháp có một duyên là Tăng thượng. Tâm tâm pháp cùng với bốn đại của các căn đó có một duyên là Tăng thượng.

Các triền đã trói buộc, tự trói buộc, hữu của súc sinh, ngựa quỳ, trời, người thọ nhận, chúng sinh kia đầu tiên có được bốn đại của các căn, bốn đại của các căn ấy cùng tâm tâm pháp có một duyên là Tăng thượng. Tâm tâm pháp cùng với bốn đại của các căn đó có một duyên là Tăng thượng.

Sinh nơi cõi Dục, nhập thiên thứ nhất hữu lậu, cho đến nhập định hữu tướng vô tướng hữu lậu, bốn đại của các căn được tăng ích, bốn đại của căn ấy cùng tâm tâm pháp có một duyên là Tăng thượng. Tâm tâm pháp cùng với bốn đại của căn kia có một duyên là tăng thượng.

Sinh nơi cõi Dục, nhập thiên thứ nhất vô lậu, cho đến nhập định bất dụng vô lậu, bốn đại của các căn được tăng ích, bốn đại của căn ấy cùng tâm tâm pháp có một duyên là Tăng thượng. Tâm tâm pháp cùng với bốn đại của căn kia có một duyên là Tăng thượng.

Sinh nơi cõi Sắc, nhập thiên thứ nhất hữu lậu, cho đến nhập định hữu tướng vô tướng hữu lậu, bốn đại của các căn được tăng ích, bốn đại của căn ấy cùng tâm tâm pháp có một duyên là Tăng thượng. Tâm tâm pháp cùng với bốn đại của căn kia có một duyên là Tăng thượng.

Sinh nơi cõi Sắc, nhập thiên thứ nhất vô lậu, cho đến nhập định bất dụng vô lậu, bốn đại của các căn được tăng ích, bốn đại của căn ấy cùng tâm tâm pháp có một duyên là Tăng thượng. Tâm tâm pháp cùng với bốn đại của căn kia có một duyên là Tăng thượng.

Hỏi: Thế nào là nghĩa nội (có chấp thọ)?

Đáp: Gọi là số của tự mình.

Hỏi: Thế nào là nghĩa không nội (không chấp thọ)?

Đáp: Gọi là không phải số của tự mình.

Hỏi: Thế nào là nghĩa thọ?

Đáp: Gọi là số của pháp hữu lậu.

Hỏi: Thế nào là nghĩa không thọ?

Đáp: Gọi là số của pháp vô lậu.

Hỏi: Thế nào là nghĩa kiết?

Đáp: Gọi là số của pháp hữu lậu.

Hỏi: Thế nào là nghĩa không kiết?

Đáp: Gọi là số của pháp vô lậu.

Hỏi: Thế nào là nghĩa kiến xứ?

Đáp: Gọi là số của pháp hữu lậu.

Hỏi: Thế nào là nghĩa không kiến xứ?

Đáp: Gọi là số của pháp vô lậu.

Hỏi: Các pháp là nội, pháp đó thuộc về nội nhập chăng?

Đáp: Hoặc có pháp là nội, pháp đó không phải thuộc về nội nhập.

Thế nào là pháp là nội, pháp đó không phải thuộc về nội nhập? Là như đã nói về nội thống (thọ), nội pháp, pháp quán mà trụ. Đây gọi là pháp là nội, pháp đó không phải thuộc về nội nhập.

Thế nào là pháp thuộc về nội nhập, pháp đó không phải là nội? Là như đã nói về ngoại thân, ngoại tâm, tâm quán mà trụ. Đây gọi là pháp thuộc về nội nhập, pháp đó không phải là nội.

Thế nào là pháp là nội, pháp đó thuộc về nội nhập? Là như đã nói về nội thân, nội tâm, tâm quán mà trụ. Đây gọi là pháp là nội, pháp đó thuộc về nội nhập.

Thế nào là pháp không phải là nội, pháp đó không phải thuộc về nội nhập? Là như đã nói về ngoại thống, ngoại pháp, pháp quán mà trụ. Đây gọi là pháp không phải là nội, pháp đó không phải thuộc về nội nhập.

Hỏi: Các pháp là ngoại, pháp đó thuộc về ngoại nhập chăng?

Đáp: Hoặc có pháp là ngoại, pháp đó không phải thuộc về ngoại nhập.

Thế nào là pháp là ngoại, pháp đó không phải thuộc về ngoại nhập? Là như đã nói về ngoại thân, ngoại tâm, tâm quán mà trụ. Đây gọi là pháp là ngoại, pháp đó không phải thuộc về ngoại nhập.

Thế nào là pháp thuộc về ngoại nhập, pháp đó không phải là ngoại? Là như đã nói về nội thống, nội pháp, pháp quán mà trụ. Đây gọi là pháp thuộc về ngoại nhập, pháp đó không phải là ngoại.

Thế nào là pháp là ngoại, pháp đó thuộc về ngoại nhập? Là như đã nói về ngoại thống, ngoại pháp, pháp quán mà trụ. Đây gọi là pháp là ngoại, pháp đó thuộc về ngoại nhập.

Thế nào là pháp không phải là ngoại, pháp đó không phải thuộc về ngoại nhập? Là như đã nói về nội thân, nội tâm, tâm quán mà trụ. Đây gọi là pháp không phải ngoại, pháp đó không phải thuộc về ngoại nhập.

Hỏi: Hai thống (thọ), ba thống: Hai thống gồm thâu ba thống, hay ba thống gồm thâu hai thống?

Đáp: Tùy thuộc chủng loại chúng cùng gồm thâu.

Hỏi: Hai thống (thọ), bốn thống, năm thống, sáu thống: Hai thống gồm thâu sáu thống, hay sáu thống gồm thâu hai thống?

Đáp: Tùy thuộc chủng loại chúng cùng gồm thâu.

Hỏi: Hai thống, mười tám thống: Hai thống gồm thâu mười tám thống, hay mười tám thống gồm thâu hai thống?

Đáp: Hai thống gồm thâu mười tám thống, không phải mười tám thống gồm thâu hai thống. Những gì là không gồm thâu? Là khổ căn hữu lậu, lạc căn có đối, tương ưng với hộ căn và thống vô lậu.

Như hai thống đối với mười tám thống, hai thống đối với ba mươi sáu thống, một trăm lẻ tám thống cũng như vậy.

Cho đến sáu thống, mười tám thống:

Hỏi: Sáu thống gồm sáu mươi tám thống, hay mười tám thống gồm sáu thống?

Đáp: Sáu thống gồm sáu mươi tám thống, không phải mười tám thống gồm sáu thống. Những gì là không gồm sáu? Là khổ căn hữu lậu, lạc căn có đối, tương ưng với hộ căn và thống vô lậu.

Như sáu thống đối với mười tám thống, sáu thống đối với ba mươi sáu thống, một trăm lẻ tám thống cũng như vậy.

Cho đến mười tám thống, ba mươi sáu thống cũng như thế.

Hỏi: Ba mươi sáu thống, một trăm lẻ tám thống: Ba mươi sáu thống gồm sáu một trăm lẻ tám thống, hay một trăm lẻ tám thống gồm ba mươi sáu thống?

Đáp: Tùy thuộc chủng loại chúng cùng gồm sáu nhau.

Dùng đạo vô ngại (Đạo vô gián) hướng chứng quả Tu-đà-hoàn, lúc tu đạo ấy, đã tu ý chỉ (niệm xứ) hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn (chánh cần): hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại, vị lai sáu. Đạo chủng (chánh đạo): hiện tại, vị lai tám. Không có thiền. Không có vô đẳng (bốn vô lượng). Không có định vô sắc. Không có giải thoát. Không có tám trừ nhập (thắng xứ). Không có mười nhất thiết nhập (biến xứ). Không có trí. Tam muội: hiện tại, vị lai một.

Dùng đạo vô ngại hướng chứng quả Tu-đà-hàm, nếu tăng gấp bội việc dứt hết ái dục, vượt thứ lớp, thủ chứng (Nhập chánh tánh ly sinh), lúc tu đạo ấy, đã tu ý chỉ: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại, vị lai sáu.

Đạo chủng: hiện tại, vị lai tám. Không có thiền. Không có vô đẳng. Không có định vô sắc. Không có giải thoát. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Không có trí. Tam muội: hiện tại, vị lai một.

Nếu được quả Tu-đà-hoàn, dùng đạo thể tục nhận lấy quả Tu-đà-hàm, lúc tu đạo ấy, đã tu ý chỉ: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại không có, vị lai sáu. Đạo chủng: hiện tại không có, vị lai tám. Không có thiền. Không có vô đẳng. Không có định vô sắc. Không có giải thoát. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Trí: hiện tại một, vị lai bảy. Tam muội: hiện tại không có, vị lai ba.

Nếu được quả Tu-đà-hoàn, dùng đạo vô lậu nhận lấy quả Tu-đà-hàm, lúc tu đạo ấy, đã tu ý chỉ: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại, vị lai sáu. Đạo chủng: hiện tại, vị lai tám. Không có thiền. Không có vô đẳng. Không có định vô sắc. Không có giải thoát. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Trí: hiện tại hai, vị lai bảy. Tam muội: hiện tại một, vị lai ba.

Dùng đạo vô ngại thủ chứng quả A-na-hàm, nếu ái dục tận, vượt thứ lớp, thủ chứng, lúc tu đạo ấy, đã tu ý chỉ: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại, vị lai sáu. Đạo chủng: hiện tại, vị lai tám. Không có thiền. Không có vô đẳng. Không có định vô sắc. Không có giải thoát. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Không có trí. Tam muội: hiện tại, vị lai một.

Nếu dựa vào thiền thứ nhất nhận lấy quả A-na-hàm, lúc tu đạo ấy, đã tu ý chỉ: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn.

Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lục: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại, vị lai bảy. Đạo chủng: hiện tại, vị lai tám. Thiên: hiện tại, vị lai một. Không có vô đẳng. Không có định vô sắc. Không có giải thoát. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Không có trí. Tam muội: hiện tại, vị lai một.

Nếu dựa vào Thiên trung gian nhận lấy quả A-na-hàm, lúc tu đạo ấy, đã tu ý chỉ: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lục: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại sáu, vị lai bảy. Đạo chủng: hiện tại bảy, vị lai tám. Thiên: hiện tại không có, vị lai một. Không có vô đẳng. Không có định vô sắc. Không có giải thoát. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Không có trí. Tam muội: hiện tại, vị lai một.

Nếu dựa vào thiên thứ hai nhận lấy quả A-na-hàm, lúc tu đạo ấy, đã tu ý chỉ: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lục: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại, vị lai bảy. Đạo chủng: hiện tại bảy, vị lai tám. Thiên: hiện tại một, vị lai hai. Không có vô đẳng. Không có định vô sắc. Không có giải thoát. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Không có trí. Tam muội: hiện tại, vị lai một.

Nếu dựa vào thiên thứ ba nhận lấy quả A-na-hàm, lúc tu đạo ấy, đã tu ý chỉ: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lục: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại sáu, vị lai bảy. Đạo chủng: hiện tại bảy, vị lai tám. Thiên: hiện tại một, vị lai ba. Không có vô đẳng. Không có định vô sắc. Không có giải thoát. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Không có trí. Tam muội: hiện tại, vị lai một.

Nếu dựa vào thiên thứ tư nhận lấy quả A-na-hàm, lúc tu đạo ấy, đã tu ý chí: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại sáu, vị lai bảy. Đạo chủng: hiện tại bảy, vị lai tám. Thiên: hiện tại một, vị lai bốn. Không có vô đẳng. Không có định vô sắc. Không có giải thoát. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Không có trí. Tam muội: hiện tại, vị lai một.

Nếu được quả Tư-đà-hàm, dùng đạo thế tục nhận lấy quả A-na-hàm, lúc tu đạo ấy, đã tu ý chí: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại không có, vị lai sáu. Đạo chủng: hiện tại không có, vị lai tám. Không có thiên. Không có vô đẳng. Không có định vô sắc. Không có giải thoát. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Trí: hiện tại một, vị lai bảy. Tam muội: hiện tại không có, vị lai ba.

Nếu được quả Tư-đà-hàm, dùng đạo vô lậu nhận lấy quả A-na-hàm, lúc tu đạo ấy, đã tu ý chí: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại, vị lai sáu. Đạo chủng: hiện tại, vị lai tám. Không có thiên. Không có vô đẳng. Không có định vô sắc. Không có giải thoát. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Trí: hiện tại hai, vị lai bảy. Tam muội: hiện tại một, vị lai ba.

Dùng đạo vô ngại đạt Thần túc trí chứng thông, nếu dựa vào thiên thứ nhất, người phạm phu kia tu đạo thần túc, lúc tu đạo ấy, tức tu ý chí: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại, vị lai không có. Đạo chủng: hiện tại, vị lai không có. Thiên: hiện tại, vị lai một. Vô đẳng: hiện tại không có, vị

lai bốn. Không có định vô sắc. Giải thoát: hiện tại không có, vị lai hai. Tám trừ nhập: hiện tại không có, vị lai bốn. Không có mười nhất thiết nhập. Trí: hiện tại, vị lai một. Tam muội: hiện tại, vị lai không có.

Nếu dựa vào thiên thứ nhất, người vô cầu (Thánh giả) tu đạo thần túc, lúc tu đạo ấy, tức tu ý chỉ: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại không có, vị lai bảy. Đạo chủng: hiện tại không có, vị lai tám. Thiên: hiện tại, vị lai một. Vô đẳng: hiện tại không có, vị lai bốn. Không có định vô sắc. Giải thoát: hiện tại không có, vị lai hai. Tám trừ nhập: hiện tại không có, vị lai bốn. Không có mười nhất thiết nhập. Trí: hiện tại một, vị lai bảy. Tam muội: hiện tại không có, vị lai ba.

Nếu dựa vào thiên thứ hai, người phàm phu tu đạo thần túc, lúc tu đạo ấy, tức tu ý chỉ: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại, vị lai không có. Đạo chủng: hiện tại, vị lai không có. Thiên: hiện tại, vị lai một. Vô đẳng: hiện tại không có, vị lai bốn. Không có định vô sắc. Giải thoát: hiện tại không có, vị lai hai. Tám trừ nhập: hiện tại không có, vị lai bốn. Không có mười nhất thiết nhập. Trí: hiện tại, vị lai một. Tam muội: hiện tại, vị lai không có.

Nếu dựa vào thiên thứ hai, người vô cầu tu đạo thần túc, lúc tu đạo ấy, tức tu ý chỉ: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại không có, vị lai bảy. Đạo chủng: hiện tại không có, vị lai tám. Thiên: hiện tại một, vị lai hai. Vô đẳng: hiện tại không có, vị lai bốn. Không có định vô sắc. Giải thoát: hiện tại không có, vị lai hai. Tám trừ nhập: hiện tại không có, vị lai bốn. Không có mười nhất thiết nhập. Trí: hiện tại một, vị lai bảy. Tam muội: hiện tại, vị lai không có.

Nếu dựa vào thiên thứ ba, người phàm phu tu đạo thần túc, lúc tu đạo ấy, tức tu ý chỉ: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại, vị lai không có. Đạo chủng: hiện tại, vị lai không có. Thiên: hiện tại, vị lai một. Vô đẳng: hiện tại không có, vị lai ba. Không có định vô sắc. Không có giải thoát. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Trí: hiện tại một, vị lai một. Tam muội: hiện tại không có, vị lai không có.

Nếu dựa vào thiên thứ ba, người vô cầu tu đạo thần túc, lúc tu đạo ấy, tức tu ý chỉ: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại không có, vị lai bảy. Đạo chủng: hiện tại, vị lai tám. Thiên: hiện tại một, vị lai ba. Vô đẳng: hiện tại không có, vị lai ba. Không có định vô sắc. Không có giải thoát. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Trí: hiện tại một, vị lai bảy. Tam muội: hiện tại không có, vị lai ba.

Nếu dựa vào thiên thứ tư, người phàm phu tu đạo thần túc, lúc tu đạo ấy, tức tu ý chỉ: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại, vị lai không có. Đạo chủng: hiện tại, vị lai không có. Thiên: hiện tại, vị lai một. Vô đẳng: hiện tại không có, vị lai ba. Không có định vô sắc. Giải thoát: hiện tại không có, vị lai một. Tám trừ nhập: hiện tại không có, vị lai bốn. Mười nhất thiết nhập: hiện tại không có, vị lai tám. Trí: hiện tại, vị lai một. Tam muội: hiện tại, vị lai không có.

Nếu dựa vào thiên thứ tư, người vô cầu tu đạo thần túc, lúc tu đạo ấy, tức tu ý chỉ: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại không có, vị lai bảy. Đạo chủng: hiện tại không có, vị lai tám. Thiên: hiện tại một, vị lai bốn.

Vô đẳng: hiện tại không có, vị lai ba. Không có định vô sắc. Giải thoát: hiện tại không có, vị lai một. Tám trừ nhập: hiện tại không có, vị lai bốn. Mười nhất thiết nhập: hiện tại không có, vị lai tám. Trí: hiện tại một, vị lai bảy. Tam muội: hiện tại không có, vị lai ba.

Thiên nhĩ nhận biết tâm người khác, tự nhận biết thấu triệt thọ mạng đời trước cũng như vậy.

Dùng đạo vô ngại đạt Tận lậu trí chứng thông, nếu dựa vào Tam muội vị lai (định vị chí) có giác có quán, nhận lấy A-la-hán, lúc tu đạo vô ngại ấy, đã tu ý chí: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại sáu, vị lai bảy. Đạo chủng: hiện tại, vị lai tám. Thiên: hiện tại không có, vị lai bốn. Vô đẳng: hiện tại, vị lai không có. Định vô sắc: hiện tại không có, vị lai ba. Giải thoát: hiện tại không có, vị lai ba. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Trí: hiện tại hai, vị lai sáu. Tam muội: hiện tại một, vị lai ba.

Nếu dựa vào thiên thứ nhất nhận lấy A-la-hán, lúc tu đạo ấy, đã tu ý chí: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại, vị lai bảy. Đạo chủng: hiện tại, vị lai tám. Thiên: hiện tại một, vị lai bốn. Vô đẳng: hiện tại, vị lai không có. Định vô sắc: hiện tại không có, vị lai ba. Giải thoát: hiện tại không có, vị lai ba. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Trí: hiện tại hai, vị lai sáu. Tam muội: hiện tại một, vị lai ba.

Nếu dựa vào thiên trung gian nhận lấy A-la-hán, lúc tu đạo ấy, đã tu ý chí: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại sáu, vị lai bảy. Đạo chủng: hiện tại bảy, vị lai tám. Thiên: hiện tại không có, vị lai bốn. Vô đẳng: hiện tại, vị lai không có. Định vô sắc: hiện tại không có, vị lai ba. Giải thoát:

hiện tại không có, vị lai ba. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Trí: hiện tại hai, vị lai sáu. Tam muội: hiện tại một, vị lai ba.

Nếu dựa vào thiên thứ hai nhận lấy A-la-hán, lúc tu đạo ấy, đã tu ý chỉ: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại, vị lai bảy. Đạo chủng: hiện tại bảy, vị lai tám. Thiên: hiện tại một, vị lai bốn. Vô đẳng: hiện tại, vị lai không có. Định vô sắc: hiện tại không có, vị lai ba. Giải thoát: hiện tại không có, vị lai ba. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Trí: hiện tại hai, vị lai sáu. Tam muội: hiện tại một, vị lai ba.

Nếu dựa vào thiên thứ ba, thiên thứ tư, nhận lấy A-la-hán, lúc tu đạo ấy, đã tu ý chỉ: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại sáu, vị lai bảy. Đạo chủng: hiện tại bảy, vị lai tám. Thiên: hiện tại một, vị lai bốn. Vô đẳng: hiện tại, vị lai không có. Định vô sắc: hiện tại không có, vị lai ba. Giải thoát: hiện tại không có, vị lai ba. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Trí: hiện tại hai, vị lai sáu. Tam muội: hiện tại một, vị lai ba.

Nếu dựa vào định vô sắc nhận lấy A-la-hán, lúc tu đạo ấy, đã tu ý chỉ: hiện tại một, vị lai bốn. Ý đoạn: hiện tại, vị lai bốn. Thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Năm căn: hiện tại, vị lai năm. Năm lực: hiện tại, vị lai năm. Giác ý: hiện tại sáu, vị lai bảy. Đạo chủng: hiện tại bốn, vị lai tám. Thiên: hiện tại không có, vị lai bốn. Vô đẳng: hiện tại, vị lai không có. Định vô sắc: hiện tại một, vị lai ba. Giải thoát: hiện tại không có, vị lai ba. Không có tám trừ nhập. Không có mười nhất thiết nhập. Trí: hiện tại hai, vị lai sáu. Tam muội: hiện tại một, vị lai ba.

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 21

Kiềm độ thứ 6: CĂN

* *Tụng nêu chung:*

*Hai mươi hai căn hữu
Cánh lạc (xúc) tâm ở đầu
Mới phát, ngư, nhân duyên.*

Phẩm 1: BÀN VỀ CĂN

Hai mươi hai căn: Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn, nam căn, nữ căn, mạng căn, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, hộ (xả) căn, tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn.

Hai mươi hai căn này: Có bao nhiêu thứ là học, vô học, phi học phi vô học? Các căn học, chúng là căn của người học chăng? Nếu như là căn của người học thì đó là căn học chăng? Các căn vô học, chúng là căn của người vô học chăng? Nếu như là căn của người vô học thì đó là căn vô học chăng? Các căn phi học phi vô học, chúng là căn của người phi học phi vô học chăng? Nếu như là căn của người phi học phi vô học thì đó là căn phi học phi vô học chăng?

Hai mươi hai căn này: Có bao nhiêu thứ là thiện, bất thiện, vô ký? Bao nhiêu thứ là có báo, không báo? Bao nhiêu thứ do kiến đế đoạn, do tư duy đoạn và không đoạn? Bao nhiêu thứ do kiến khổ, kiến tập, kiến tận, kiến đạo đoạn, do tư duy đoạn, không đoạn? Bao nhiêu thứ là kiến, không kiến? Bao nhiêu thứ là có giác có quán, không giác có quán, không giác không quán? Bao nhiêu thứ tương ưng với lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, hộ căn? Bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, không hệ thuộc?

Hai mươi hai căn này: Có bao nhiêu thứ tương ưng với nhân, bao nhiêu thứ không tương ưng với nhân? Bao nhiêu thứ không phải tương ưng với nhân, không phải không tương ưng với nhân? Bao nhiêu thứ cùng duyên duyên nhau? Bao nhiêu thứ không cùng duyên duyên nhau? Bao nhiêu thứ cùng duyên duyên nhau, không cùng duyên duyên nhau? Bao nhiêu thứ không cùng duyên duyên nhau, không phải không cùng duyên duyên nhau?

Pháp này của các căn, căn đó là người phạm phu chăng? Nếu như căn là người phạm phu, căn đó là của pháp này chăng?

Sắc ấm gồm thâu bao nhiêu căn? Thống (thọ), tưởng, hành, thức ấm gồm thâu bao nhiêu căn?

Căn thiện gồm thâu bao nhiêu trì (giới), bao nhiêu nhập (xứ), bao nhiêu ấm (uẩn)? Căn bất thiện gồm thâu bao nhiêu trì, bao nhiêu nhập, bao nhiêu ấm? Căn ẩn một vô ký (hữu phú vô ký) gồm thâu bao nhiêu trì, bao nhiêu nhập, bao nhiêu ấm? Căn không ẩn một vô ký (vô phú vô ký) gồm thâu bao nhiêu trì, bao nhiêu nhập, bao nhiêu ấm?

Pháp căn gồm thâu bao nhiêu trì, bao nhiêu nhập, bao nhiêu ấm? Pháp không căn gồm thâu bao nhiêu trì, bao nhiêu nhập, bao nhiêu ấm? Pháp căn không căn gồm thâu bao nhiêu trì, bao nhiêu nhập, bao nhiêu ấm?

Tùng có duyên căn sinh căn chãng? Tùng có duyên căn sinh không phải căn chãng? Tùng có duyên căn sinh căn không phải căn chãng? Tùng có duyên không phải căn sinh không phải căn chãng? Tùng có duyên không phải căn sinh căn không phải căn chãng? Tùng có duyên căn không phải căn sinh căn chãng? Tùng có duyên căn không phải căn sinh không phải căn chãng? Tùng có duyên căn không phải căn sinh căn không phải căn chãng?

Tùng có duyên nhãn căn sinh nhãn căn chãng? Tùng có duyên nhãn căn cho đến sinh vô tri căn chãng? Tùng có duyên vô tri căn sinh vô tri căn chãng? Tùng có duyên vô tri căn sinh nhãn căn cho đến dĩ tri căn chãng?

Nhãn căn cùng nhãn căn có bao nhiêu duyên? Nhãn căn cho đến vô tri căn có bao nhiêu duyên? Vô tri căn cùng vô tri căn có bao nhiêu duyên? Vô tri căn cùng nhãn căn, cho đến dĩ tri căn có bao nhiêu duyên?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hai mươi hai căn: Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn, nam căn, nữ căn, mạng căn, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, hộ căn, tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Có bao nhiêu thứ là học, vô học, phi học phi vô học?

Đáp: Hai học, một vô học, mười phi học phi vô học, chín căn phân biệt:

Ý căn, hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học.

Thế nào là học? Là các ý căn ý sở niệm (tác ý) tương ưng với học. Đây gọi là học.

Thế nào là vô học? Là các ý căn tác ý tương ưng với vô học. Đây gọi là vô học.

Thế nào là phi học phi vô học? Là các ý căn tác ý tương ưng với hữu lậu. Đây gọi là phi học phi vô học.

Như ý căn, lạc căn, hỷ căn, hộ căn, tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng như vậy.

Hỏi: Các căn học, chúng là căn của người học chăng?

Đáp: Hoặc có căn học, căn đó không phải là căn của người học.

Thế nào là căn học, căn đó không phải là căn của người học? Là các căn học, người học không thành tựu. Đây gọi là căn học, căn đó không phải là của người học.

Thế nào là căn của người học, căn đó không phải là căn học? Là các căn phi học phi vô học người học đã thành tựu. Đây gọi là căn của người học, căn đó không phải là căn học.

Thế nào là căn học, căn đó là căn của người học? Là các căn học, người học đã thành tựu. Đây gọi là căn học, căn đó là căn của người học.

Thế nào là căn không phải học, căn đó không phải là căn của người học? Là căn vô học, các căn phi học phi vô học, người học không thành tựu. Đây gọi là căn không phải học, căn đó không phải là căn của người học.

Hỏi: Các căn vô học, chúng là của người vô học chăng?

Đáp: Hoặc có căn vô học, căn đó không phải là căn của người vô học.

Thế nào là căn vô học, căn đó không phải là căn của người vô học? Là các căn vô học, người vô học không thành tựu. Đây gọi là căn vô học, căn đó không phải là căn của người vô học.

Thế nào là căn của người vô học, căn đó không phải là căn vô học? Là các căn phi học phi vô học, người vô học đã thành tựu. Đây gọi là căn của người vô học, căn đó không phải là căn vô học.

Thế nào là căn vô học, căn đó là căn của người vô học? Là các căn vô học, người vô học đã thành tựu. Đây gọi là căn vô học, căn đó là căn của người vô học.

Thế nào là căn không phải vô học, căn đó không phải là căn của người vô học? Là căn học, các căn phi học phi vô học, người vô học không thành tựu. Đây gọi là căn không phải vô học, căn đó không phải là căn của người vô học.

Hỏi: Các căn phi học phi vô học, chúng là căn của người phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các căn của người phi học phi vô học, chúng là căn người phi học phi vô học

Hỏi: Từng có căn phi học phi học phi vô học, căn đó không phải của người phi học phi vô học chăng?

Đáp: Có. Là các căn phi học phi vô học và người phi học phi vô học không thành tựu.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Có bao nhiêu thứ là thiện, bất thiện, vô ký?

Đáp: Tám thiện, tám vô ký, sáu cần phân biệt:

Ý căn hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Là các ý căn tác ý tương ưng với thiện. Đây gọi là thiện. Thế nào là bất thiện? Là các ý căn tác ý tương ưng với bất thiện. Đây gọi là bất thiện. Thế nào là vô ký? Là các ý căn tác ý tương ưng với vô ký. Đây gọi là vô ký.

Như ý căn, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, hộ căn cũng như vậy.

Ưu căn hoặc là thiện, hoặc là bất thiện. Thế nào là thiện? Là ưu căn tác ý tương ưng với thiện. Đây gọi là thiện. Thế nào là bất thiện? Là ưu căn tác ý tương ưng với bất thiện. Đây gọi là bất thiện.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Có bao nhiêu thứ là có báo, không báo?

Đáp: Một có báo, mười một không báo, mười cần phân biệt:

Ý căn hoặc có báo, hoặc không báo. Thế nào là có báo? Là ý căn hữu lậu thiện, bất thiện. Đây gọi là có báo. Thế nào là không có báo? Là ý căn vô lậu, vô ký. Đây gọi là không báo.

Như ý căn, lạc căn, hỷ căn, hộ căn cũng như vậy.

Khổ căn hoặc có báo, hoặc không báo. Thế nào là có báo? Là khổ căn thiện, bất thiện. Đây gọi là có báo. Thế nào là không báo? Là khổ căn vô ký. Đây gọi là không báo.

Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, nếu hữu lậu là có báo, nếu vô lậu là không báo.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Có bao nhiêu thứ do kiến đế đoạn, do tư duy đoạn và không đoạn?

Đáp: Chín do tư duy đoạn, ba không đoạn, mười cần phân biệt:

Ý căn hoặc do kiến đế đoạn, hoặc do tư duy đoạn, hoặc không đoạn.

Thế nào là do kiến đế đoạn? Là ý căn nơi các bậc kiên tín (Tùy tín hành) kiên pháp (Tùy pháp hành) hành nhĩn đoạn. Sự việc này là thế nào? Là kiến đế đoạn tám mươi tám sử tương ưng với ý căn. Đây gọi là do kiến đế đoạn.

Thế nào là do tư duy đoạn? Là các bậc học kiên tích do tư duy đoạn. Sự việc này là thế nào? Là tư duy đoạn trừ mười sử tương ưng với ý căn, cùng ý căn hữu lậu không niễm. Đây gọi là do tư duy đoạn.

Thế nào là không đoạn? Là ý căn vô lậu. Đây gọi là không đoạn.

Như ý căn, hộ căn cũng như vậy.

Lạc căn hoặc do kiến đế đoạn, hoặc do tư duy đoạn, hoặc không đoạn.

Thế nào là do kiến đế đoạn? Là lạc căn nơi các bậc kiên tín, kiên pháp hành nhẫn đoạn. Sự việc này là thế nào? Là kiến đế đoạn hai mươi tám sử tương ưng với lạc căn. Đây gọi là do kiến đế đoạn.

Thế nào là do tư duy đoạn? Là các bậc học kiến tích do tư duy đoạn. Sự việc này là thế nào? Là tư duy đoạn trừ năm sử tương ưng với lạc căn, cùng lạc căn hữu lậu không nhiễm. Đây gọi là do tư duy đoạn.

Thế nào là không đoạn? Là lạc căn vô lậu. Đây gọi là không đoạn

Hỷ căn hoặc do kiến đế đoạn, hoặc do tư duy đoạn, hoặc không đoạn.

Thế nào là do kiến đế đoạn? Là hỷ căn nơi các bậc kiên tín, kiên pháp hành nhẫn đoạn. Sự việc này là thế nào? Là kiến đế đoạn năm mươi hai sử tương ưng với hỷ căn. Đây gọi là do kiến đế đoạn.

Thế nào là do tư duy đoạn? Là các bậc học kiến tích do tư duy đoạn. Sự việc này là thế nào? Là tư duy đoạn trừ sáu sử tương ưng với hỷ căn, cùng hỷ căn hữu lậu không nhiễm. Đây gọi là do tư duy đoạn.

Thế nào là không đoạn? Là hỷ căn vô lậu. Đây gọi là không đoạn

Ưu căn hoặc do kiến đế đoạn, hoặc do tư duy đoạn.

Thế nào là do kiến đế đoạn? Là ưu căn nơi các bậc kiên tín, kiên pháp hành nhẫn đoạn. Sự việc này là thế nào? Là kiến đế đoạn mười sáu sử tương ưng với ưu căn. Đây gọi là do kiến đế đoạn.

Thế nào là do tư duy đoạn? Là các bậc học kiến tích do tư duy đoạn. Sự việc này là thế nào? Là tư duy đoạn trừ hai sử tương

ung với ưu căn, cùng ưu căn hữu lậu không nhiễm. Đây gọi là do tư duy đoạn.

Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, nếu hữu lậu là do tư duy đoạn, nếu vô lậu là không đoạn.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Có bao nhiêu thứ do kiến khổ, kiến tập, kiến tận, kiến đạo đoạn, do tư duy đoạn, không đoạn?

Đáp: Chín do tư duy đoạn, ba không đoạn, mười cần phân biệt:

Ý căn hoặc do kiến khổ đoạn, hoặc do kiến tập, kiến tận, kiến đạo, tư duy đoạn, hoặc không đoạn.

Thế nào là do kiến khổ đoạn? Là ý căn nơi các bậc kiên tín, kiên pháp hành nhẫn đoạn. Sự việc này là thế nào? Là do kiến khổ đoạn hai mươi tám sử tương ưng với ý căn, do kiến tập đoạn mười chín sử, do kiến tận đoạn mười chín sử, do kiến đạo đoạn hai mươi hai sử tương ưng với ý căn. Đây gọi là do kiến đế đoạn.

Thế nào là do tư duy đoạn? Là ý căn nơi các bậc học kiến tích do tư duy đoạn. Sự việc này là thế nào? Là do tư duy đoạn mười sử tương ưng với ý căn, cũng là ý căn hữu lậu không nhiễm. Đây gọi là do tư duy đoạn.

Thế nào là không đoạn? Là ý căn vô lậu. Đây gọi là không đoạn.

Như ý căn, hộ căn cũng như vậy.

Lạc căn hoặc do kiến khổ đoạn, hoặc do kiến tập, kiến tận, kiến đạo, tư duy đoạn, hoặc không đoạn.

Thế nào là do kiến khổ đoạn? Là lạc căn nơi các bậc kiên tín, kiên pháp hành nhẫn đoạn. Sự việc này là thế nào? Là do kiến khổ đoạn chín sử tương ưng với lạc căn, do kiến tập đoạn sáu sử, do kiến tận đoạn sáu sử, do kiến đạo đoạn bảy sử tương ưng với lạc căn. Đây gọi là do kiến đế đoạn.

Thế nào là do tư duy đoạn? Là các bậc học kiến tích do tư duy đoạn. Sự việc này là thế nào? Là do tư duy đoạn năm sử tương ứng với lạc căn, cũng là lạc căn hữu lậu không nhiễm. Đây gọi là do tư duy đoạn.

Thế nào là không đoạn? Là lạc căn vô lậu. Đây gọi là không đoạn

Hỷ căn hoặc do kiến khổ đoạn, hoặc do kiến tập, kiến tận, kiến đạo, tư duy đoạn, hoặc không đoạn.

Thế nào là do kiến khổ đoạn? Là hỷ căn nơi các bậc kiên tín, kiên pháp hành nhẫn đoạn. Sự việc này là thế nào? Là do kiến khổ đoạn mười bảy sử tương ứng với hỷ căn, do kiến tập tận đoạn mười một sử, do kiến tận đoạn mười một sử, do kiến đạo đoạn mười ba sử tương ứng với hỷ căn. Đây gọi là do kiến đế đoạn.

Thế nào là do tư duy đoạn? Là các bậc học kiến tích do tư duy đoạn. Sự việc này là thế nào? Là do tư duy đoạn sáu sử tương ứng với hỷ căn, cũng là hỷ căn hữu lậu không nhiễm. Đây gọi là do tư duy đoạn.

Thế nào là không đoạn? Là hỷ căn vô lậu. Đây gọi là không đoạn

Ưu căn hoặc do kiến khổ đoạn, hoặc do kiến tập, kiến tận, kiến đạo, tư duy đoạn.

Thế nào là do kiến đế đoạn? Là ưu căn nơi các bậc kiên tín, kiên pháp, hành nhẫn đoạn. Sự việc này là thế nào? Là do kiến khổ đoạn bốn sử tương ứng với ưu căn, do kiến tập đoạn bốn sử, kiến tận đoạn bốn sử, kiến đạo đoạn bốn sử tương ứng với ưu căn. Đây gọi là do kiến đế đoạn.

Thế nào là do tư duy đoạn? Là các bậc học kiến tích do tư duy đoạn. Sự việc này là thế nào? Là do tư duy đoạn hai sử tương ứng với ưu căn, cũng là ưu căn hữu lậu không nhiễm. Đây gọi là do tư duy đoạn.

Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, nếu hữu lậu là do tư duy đoạn, nếu vô lậu là không đoạn.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Có bao nhiêu thứ là kiến, không kiến?

Đáp: Một kiến, mười bảy không kiến, bốn cần phân biệt:

Tuệ căn hoặc là kiến, hoặc là không kiến.

Thế nào là kiến? Là tận trí, vô sinh trí không gồm thân tuệ thiện tương ưng với ý thức thân. Đây gọi là kiến.

Thế nào là không kiến? Là tận trí, vô sinh trí gồm thân tuệ thiện tương ưng với năm thức thân. Đây gọi là không kiến.

Vị trí căn hoặc là kiến, hoặc là không kiến.

Thế nào là kiến? Là vị trí căn gồm thân tuệ căn. Đây gọi là kiến.

Thế nào là không kiến? Là vị trí căn gồm thân tám căn. Đây gọi là không kiến.

Như vị trí căn, dĩ trí căn cũng như vậy.

Vô tri căn hoặc là kiến, hoặc là không kiến.

Thế nào là kiến? Là tận trí, vô sinh trí không gồm thân tuệ căn thuộc vô tri căn. Đây gọi là kiến.

Thế nào là không kiến? Là vô tri căn gồm thân tám căn và tận trí, vô sinh trí. Đây gọi là không kiến.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Có bao nhiêu thứ là có giác có quán, không giác có quán, không giác không quán?

Đáp: Hai có giác có quán, tám không giác không quán, mười hai cần phân biệt:

Ý căn hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán.

Thế nào là có giác có quán? Là các ý căn tâm sở niệm (tác ý) tương ưng với có giác có quán. Đây gọi là có giác có quán.

Thế nào là không giác có quán? là các ý căn tác ý tương ưng với không giác có quán. Đây gọi là không giác có quán.

Thế nào là không giác không quán? Là các ý căn tác ý tương ưng với không giác không quán. Đây gọi là không giác không quán.

Như ý căn, hộ, tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn, vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn cũng như vậy.

Lạc căn hoặc có giác có quán, hoặc không giác không quán.

Thế nào là có giác có quán? Là các lạc căn tác ý tương ưng với có giác có quán. Đây gọi là có giác có quán.

Thế nào là không giác không quán? là các lạc căn tác ý tương ưng với không giác không quán. Đây gọi là không giác không quán.

Như lạc căn, hỷ căn cũng như vậy.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Có bao nhiêu thứ tương ưng với lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, hộ căn?

Lạc căn, hỷ căn, hộ căn có phần ít của chín căn tương ưng. Khổ căn, ưu căn có phần ít của sáu căn tương ưng.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Có bao nhiêu thứ hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, không hệ thuộc?

Đáp: Bốn hệ thuộc cõi Dục, ba không hệ thuộc, mười lăm cần phân biệt:

Nhãn căn hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là hệ thuộc cõi Dục? Là nhãn căn do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Dục. Đây gọi là hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là hệ thuộc cõi Sắc? Là nhãn căn do bốn đại tạo hệ thuộc cõi Sắc. Đây gọi là hệ thuộc cõi Sắc.

Như nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn cũng như vậy.

Ý căn hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc.

Thế nào là hệ thuộc cõi Dục? Là các ý căn tác ý tương ưng với hệ thuộc cõi Dục. Đây gọi là hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là hệ thuộc cõi Sắc? Là các ý căn tác ý tương ưng với hệ thuộc cõi Sắc. Đây gọi là hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là hệ thuộc cõi Vô sắc? Là các ý căn tác ý tương ưng với hệ thuộc cõi Vô sắc. Đây gọi là hệ thuộc cõi Vô sắc.

Thế nào là không hệ thuộc? Là các ý căn tác ý tương ưng với vô lậu. Đây gọi là không hệ thuộc.

Như ý căn, hộ căn, tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng như vậy.

Mạng căn hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc.

Thế nào là hệ thuộc cõi Dục? Là thọ mạng hệ thuộc cõi Dục. Đây gọi là hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là hệ thuộc cõi Sắc? Là thọ mạng hệ thuộc cõi Sắc. Đây gọi là hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là hệ thuộc cõi Vô sắc? Là thọ mạng hệ thuộc cõi Vô sắc. Đây gọi là hệ thuộc cõi Vô sắc.

Lạc căn hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc không hệ thuộc.

Thế nào là hệ thuộc cõi Dục? Là các lạc căn tác ý tương ưng với hệ thuộc cõi Dục. Đây gọi là hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là hệ thuộc cõi Sắc? Là các lạc căn tác ý tương ưng với hệ thuộc cõi Sắc. Đây gọi là hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là không hệ thuộc? Là các lạc căn tác ý tương ưng với vô lậu. Đây gọi là không hệ thuộc.

Như lạc căn, hỷ căn cũng như vậy.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Có bao nhiêu thứ tương ưng với nhân, bao nhiêu thứ không tương ưng với nhân?

Đáp: Là mười bốn tương ưng với nhân, tám không tương ưng với nhân.

Bao nhiêu thứ tương ưng với nhân? Bao nhiêu thứ không tương ưng với nhân? *Đáp:* Là trong mười bốn căn kia có phần ít tương ưng với nhân, phần ít không tương ưng với nhân.

Bao nhiêu thứ không phải tương ưng với nhân, không phải không tương ưng với nhân? *Đáp:* Là trong mười bốn căn kia, có phần ít không phải tương ưng với nhân, phần ít không phải không tương ưng với nhân.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Có bao nhiêu thứ cùng duyên duyên nhau?

Đáp: Có phần ít của mười ba.

Có bao nhiêu thứ không cùng duyên duyên nhau? *Đáp:* Có phần ít của một, mười ba.

Có bao nhiêu thứ cùng duyên duyên nhau, không cùng duyên duyên nhau? *Đáp:* Mười ba.

Có bao nhiêu thứ không cùng duyên duyên nhau, không phải không cùng duyên duyên nhau? *Đáp:* Tám.

Pháp này của các căn, căn đó không phải là phạm phu. Các căn là người phạm phu, căn đó không phải là pháp này.

Sắc ấm gồm sáu căn. Thống (thọ) ấm gồm sáu phần ít của năm căn, ba căn. Tưởng ấm không gồm sáu căn. Hành ấm gồm

thâu phần ít của sáu căn, ba căn. Thức ấm gồm thâu phần ít của một căn, ba căn.

Căn thiện gồm thâu tám trì (giới), hai nhập (xứ), ba ấm (uẩn). Căn bất thiện gồm thâu tám trì, hai nhập, hai ấm. Căn ản một vô ký gồm thâu sáu trì, hai nhập, hai ấm. Căn không ản một vô ký gồm thâu mười ba trì, bảy nhập, bốn ấm.

Pháp căn gồm thâu mười ba trì, bảy nhập, bốn ấm. Pháp không căn gồm thâu sáu trì, sáu nhập, ba ấm. Pháp căn - không căn gồm thâu mười tám trì, mười hai nhập, năm ấm.

Hỏi: Từng có duyên căn sinh căn chăng?

Đáp: Có sinh.

Hỏi: Từng có duyên căn sinh không phải căn chăng?

Đáp: Có sinh.

Hỏi: Từng có duyên căn sinh căn không phải căn chăng?

Đáp: Có sinh.

Hỏi: Từng có duyên không phải căn sinh không phải căn chăng?

Đáp: Có sinh.

Hỏi: Từng có duyên không phải căn sinh căn chăng?

Đáp: Có sinh.

Hỏi: Từng có duyên không phải căn sinh căn không phải căn chăng?

Đáp: Có sinh.

Hỏi: Từng có duyên căn không phải căn sinh căn chăng?

Đáp: Có sinh.

Hỏi: Từng có duyên căn không phải căn sinh không phải căn chăng?

Đáp: Có sinh.

Hỏi: Tùng có duyên căn không phải căn sinh căn không phải căn chẳng?

Đáp: Có sinh.

Hỏi: Tùng có duyên nhãn căn sinh nhãn căn chẳng?

Đáp: Có sinh.

Hỏi: Tùng có duyên nhãn căn cho đến sinh vô tri căn chẳng?

Đáp: Có sinh.

Hỏi: Tùng có duyên vô tri căn sinh vô tri căn chẳng?

Đáp: Có sinh.

Hỏi: Tùng có duyên vô tri căn sinh nhãn căn cho đến dĩ tri căn chẳng?

Đáp: Có sinh.

Nhãn căn cùng nhãn căn làm hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Cùng với các căn nhĩ, tỷ, thiệt, thân, nam căn, nữ căn, mạng căn, khổ căn làm một duyên là Tăng thượng. Cùng với các căn còn lại làm hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng.

Như nhãn căn, các căn nhĩ, tỷ, thiệt cũng như vậy.

Thân căn cùng thân căn làm hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Cùng với nam căn, nữ căn cũng làm hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Cùng với mạng căn, khổ căn, nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn làm một duyên là Tăng thượng. Cùng với các căn còn lại làm hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng.

Ý căn cùng ý căn làm bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng. Cùng với bảy sắc căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, nam, nữ) và mạng căn làm hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Cùng với khổ

căn làm ba duyên là Nhân, Thứ đệ, Tăng thượng, không có Duyên duyên. Cùng với các căn còn lại làm duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng.

Như ý căn, lạc căn, hỷ căn, hộ căn, năm căn như tín v.v... cũng như vậy.

Nữ căn cùng nữ căn làm hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Cùng với nam căn, mạng căn, khổ căn, nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn làm một duyên là Tăng thượng. Cùng với thân căn làm hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Cùng với các căn còn lại làm hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng.

Như nữ căn, nam căn cũng như vậy.

Mạng căn cùng mạng căn làm hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Cùng với khổ căn, nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, nam căn, nữ căn làm một duyên là Tăng thượng. Cùng với các căn còn lại làm hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng.

Khổ căn cùng khổ căn làm ba duyên là Nhân, Thứ đệ, Tăng thượng, không có Duyên duyên. Cùng với bảy sắc căn và mạng căn làm hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Cùng với ba căn vô lậu làm hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng. Cùng với lạc căn làm ba duyên là Nhân, Duyên duyên, Tăng thượng, không có Thứ đệ. Cùng với các căn còn lại làm bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng.

Ưu căn cùng ưu căn làm bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng. Cùng với bảy sắc căn và mạng căn làm hai duyên là Nhân, Tăng thượng. Cùng với khổ căn làm ba duyên là Nhân, Thứ đệ, Tăng thượng, không có Duyên duyên. Cùng với ba căn vô lậu làm hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng. Cùng với các căn còn lại làm bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng.

Vị tri căn cùng vị tri căn làm bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng. Cùng với dĩ tri căn cũng làm bốn duyên. Cùng với vô tri căn làm ba duyên, không có Thứ đệ. Cùng với bảy sắc căn và mạng căn, khổ căn làm một duyên là Tăng thượng. Cùng với ưu căn làm hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng. Cùng với các căn còn lại làm bốn duyên.

Dĩ tri căn cùng dĩ tri căn làm bốn duyên. Cùng với vô tri căn cũng làm bốn duyên. Cùng với bảy sắc căn và mạng căn, khổ căn làm một duyên là Tăng thượng. Cùng với ưu căn, vị tri căn làm hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng. Cùng với các căn còn lại làm bốn duyên.

Vô tri căn cùng vô tri căn làm bốn duyên. Cùng với bảy sắc căn và mạng căn, khổ căn làm một duyên là Tăng thượng. Cùng với ưu căn, vị tri căn, dĩ tri căn làm hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng. Cùng với các căn còn lại làm bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng.

Phẩm 2: BÀN VỀ HỮU

Nhận hữu nơi cõi Dục, đầu tiên được bao nhiêu căn do hành (nghiệp) sinh? Nhận hữu nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, đầu tiên được bao nhiêu căn do nghiệp sinh?

Tùng có tư duy về các pháp hệ thuộc cõi Dục là hiểu rõ về cõi Dục chăng? Là hiểu rõ về cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng? Tùng có tư duy về các pháp hệ thuộc cõi Sắc là hiểu rõ về cõi Sắc chăng? Là hiểu rõ về cõi Dục, cõi Vô sắc chăng? Tùng có tư duy về các pháp hệ thuộc cõi Vô sắc là hiểu rõ về cõi Vô sắc chăng? Là hiểu rõ về cõi Dục, cõi Sắc chăng?

Hiểu rõ về cõi Dục là hiểu rõ bao nhiêu căn? Hiểu rõ về cõi Sắc là hiểu rõ bao nhiêu căn? Hiểu rõ về cõi Vô sắc là hiểu rõ bao nhiêu căn?

Có bao nhiêu căn hiểu rõ về cõi Dục? Có bao nhiêu căn hiểu rõ về cõi Sắc? Có bao nhiêu căn hiểu rõ về cõi Vô sắc?

Có bao nhiêu căn nhận lấy quả Tu-đà-hoàn? Có bao nhiêu căn nhận lấy quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán?

Các căn nhận lấy quả Tu-đà-hoàn, đã được quả Tu-đà-hoàn, căn này nên nói là thành tựu hay không thành tựu? Các căn nhận lấy quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đã được quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, các căn này nên nói là thành tựu hay không thành tựu?

Các căn nhận lấy quả Tu-đà-hoàn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào? Căn này thuộc về quả nào? Các căn nhận lấy quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào? Căn này thuộc về quả nào?

Nhận lấy quả Tu-đà-hoàn, xả bỏ các căn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào? Căn này thuộc về quả nào? Nhận lấy quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, xả bỏ các căn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào? Căn này thuộc về quả nào?

Nhận lấy quả Tu-đà-hoàn, đạt được các căn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào? Căn này thuộc về quả nào? Nhận lấy quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đạt được các căn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào? Căn này thuộc về quả nào?

Người Tu-đà-hoàn đã thành tựu các căn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào? Căn này thuộc về quả nào? Các người Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán đã thành tựu các căn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào? Căn này thuộc về quả nào?

Các người Tu-đà-hoàn do các căn diệt kiết, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào? Căn này thuộc về quả nào? Các người Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán do các căn diệt kiết, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào? Căn này thuộc về quả nào?

Các căn thuộc về quả Tu-đà-hoàn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào? Các căn thuộc về quả Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào?

Các khổ trí, trí đó là trí vô lậu đối với khổ chăng? Nếu là trí vô lậu đối với khổ, trí đó là khổ trí chăng? Các tập trí, trí đó là trí vô lậu đối với tập chăng? Nếu là trí vô lậu đối với tập, trí đó là tập trí chăng? Các tận trí, trí đó là trí vô lậu đối với tận chăng? Nếu là trí vô lậu đối với tận, trí đó là tận trí chăng? Các đạo trí, trí đó là trí vô lậu đối với đạo chăng? Nếu là trí vô lậu đối với đạo, trí đó là đạo trí chăng?

Các căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Dục thì căn đó tương ưng với pháp trí chăng? Nếu là căn vô lậu tương ưng với pháp trí, thì căn đó duyên hệ thuộc cõi Dục chăng? Các căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, thì căn đó tương ưng với vị trí trí chăng? Nếu là căn vô lậu tương ưng với vị trí trí, thì căn đó duyên hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Pháp trí nên nói là pháp trí chăng? Nên nói là vị trí trí, tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí chăng? Nên nói là có giác có quán, không giác có quán, không giác không quán chăng? Nên nói là tương ưng với lạc căn, hỷ căn, hộ căn, không, vô tướng, vô nguyện chăng? Nên nói là duyên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, duyên không hệ thuộc chăng?

Như pháp trí, vị trí trí cũng như vậy.

Đẳng ý giải thoát nên nói là do căn học đạt được hay căn vô học đạt được? Vô nghi ý giải thoát nên nói là do căn học đạt được hay căn

vô học đạt được? Tất cả kiết tận nên nói là do căn học đạt được hay căn vô học đạt được?

Dùng đạo vô ngại thủ chứng quả Tu-đà-hoàn, đạo này nên nói là tương ưng với pháp trí, tương ưng với vị trí trí, tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí chăng? Nên nói là có giác có quán, không giác có quán, không giác không quán chăng? Nên nói là tương ưng với lạc căn, hỷ căn, hộ căn, không, vô tướng, vô nguyện chăng? Nên nói là duyên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, duyên không hệ thuộc chăng?

Dùng đạo vô ngại thủ chứng quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đạo này nên nói là tương ưng với pháp trí, tương ưng với vị trí trí, tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí chăng? Nên nói là có giác có quán, không giác có quán, không giác không quán chăng? Nên nói là tương ưng với lạc căn, hỷ căn, hộ căn, không, vô tướng, vô nguyện chăng? Nên nói là duyên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, duyên không hệ thuộc chăng?

Có bao nhiêu căn đoạn, tận, khởi, khi đạt được quả Tu-đà-hoàn? Có bao nhiêu căn đoạn tận khởi khi đạt được quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đây đủ.

*

Hỏi: Nhận hữu nơi cõi Dục, đầu tiên được bao nhiêu căn do hành (nghiệp) sinh?

Đáp: Noãn sinh, thai sinh, hạp sinh (thấp sinh) được hai là thân căn và mạng căn. Hóa sinh được hoặc sáu, bảy, tám. Vô hình sáu, một hình bảy, hai hình tám.

Hỏi: Nhận hữu nơi cõi Sắc, đầu tiên được bao nhiêu căn do nghiệp sinh?

Đáp: Sáu căn.

Hỏi: Nhận hữu nơi cõi Vô sắc, đầu tiên được bao nhiêu căn do nghiệp sinh?

Đáp: Một căn.

Hỏi: Từng có tư duy về các pháp hệ thuộc cõi Dục là hiểu rõ (nhận biết khắp) về cõi Dục chăng? Là hiểu rõ về cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hiểu rõ về cõi Dục. Không hiểu rõ về cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Từng có tư duy về các pháp hệ thuộc cõi Sắc là hiểu rõ về cõi Sắc chăng? Là hiểu rõ về cõi Dục, cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hiểu rõ về cõi Sắc, cõi Dục. Không hiểu rõ về cõi Vô sắc.

Hỏi: Từng có tư duy về các pháp hệ thuộc cõi Vô sắc là hiểu rõ về cõi Vô sắc chăng? Là hiểu rõ về cõi Dục, cõi Sắc chăng?

Đáp: Hiểu rõ về cõi Vô sắc, cõi Sắc. Không hiểu rõ về cõi Dục.

Hỏi: Hiểu rõ về cõi Dục là hiểu rõ bao nhiêu căn?

Đáp: Bốn căn (Nam, nữ, ưu, khổ).

Hỏi: Hiểu rõ về cõi Sắc là hiểu rõ bao nhiêu căn?

Đáp: Năm căn (Năm sắc căn).

Hỏi: Hiểu rõ về cõi Vô sắc là hiểu rõ bao nhiêu căn?

Đáp: Tám căn (Năm sắc căn cùng ý căn, mạng căn, hộ căn).

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiểu rõ về cõi Dục?

Đáp: Người phàm phu có bảy (Năm sắc căn và ý căn, hộ căn). Người vô cầu (Thánh giả) có tám (thêm dĩ tri căn).

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiểu rõ về cõi Sắc?

Đáp: Người phạm phu có bảy. Người vô cầu có mười (thêm lạc căn, hỷ căn).

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiểu rõ về cõi Vô sắc?

Đáp: Có mười một (thêm vô tri căn).

Hỏi: Có bao nhiêu căn nhận lấy quả Tu-đà-hoàn?

Đáp: Có chín (Năm sắc căn cùng ý căn, hộ căn, vị tri căn, dĩ tri căn).

Hỏi: Có bao nhiêu căn nhận lấy quả Tu-đà-hàm?

Đáp: Nếu bội tăng việc dứt hết ái dục, vượt thứ lớp thủ chúng (Đẳng vô gián, nhập chánh tánh ly sinh) có chín. Nếu được quả Tu-đà-hoàn, dùng đạo thế tục nhận lấy quả Tu-đà-hàm có bảy, dùng đạo vô lậu có tám.

Hỏi: Có bao nhiêu căn nhận lấy quả A-na-hàm?

Đáp: Nếu ái dục dứt hết, vượt thứ lớp thủ chúng có chín. Nếu được quả Tu-đà-hàm, dùng đạo thế tục nhận lấy quả A-na-hàm có bảy, dùng đạo vô lậu có tám.

Hỏi: Có bao nhiêu căn nhận lấy quả A-la-hán?

Đáp: Mười một căn.

Hỏi: Các căn nhận lấy quả Tu-đà-hoàn, đã được quả Tu-đà-hoàn, căn này nên nói là thành tựu hay không thành tựu?

Đáp: Thuộc đạo vô ngại (đạo vô gián) thì không thành tựu, thuộc đạo giải thoát thì thành tựu.

Hỏi: Các căn nhận lấy quả Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đã được quả Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, các căn này nên nói là thành tựu hay không thành tựu?

Đáp: Thuộc đạo vô ngại thì không thành tựu, thuộc đạo giải thoát thì thành tựu.

Hỏi: Các căn nhận lấy quả Tu-đà-hoàn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Các căn nhận lấy quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Các căn nhận lấy quả A-la-hán, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Các căn nhận lấy quả Tu-đà-hoàn, căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Tu-đà-hoàn, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Các căn nhận lấy quả Tư-đà-hàm, căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Tư-đà-hàm, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Các căn nhận lấy quả A-na-hàm, căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-na-hàm, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Các căn nhận lấy quả A-la-hán, căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la hán, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Nhận lấy quả Tu-đà-hoàn, xả bỏ các căn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Nhận lấy quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, xả bỏ các căn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Nhận lấy quả A-la-hán, xả bỏ các căn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Nhận lấy quả Tu-đà-hoàn, xả bỏ các căn, căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Không xứ sở.

Hỏi: Nhận lấy quả Tư-đà-hàm, xả bỏ các căn, căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Tu-đà-hoàn, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Nhận lấy quả A-na-hàm, xả bỏ các căn, căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Tư-đà-hàm, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Nhận lấy quả A-la-hán, xả bỏ các căn, căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-na-hàm, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Nhận lấy quả Tu-đà-hoàn, đạt được các căn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào?

Đáp: Không xứ sở.

Hỏi: Nhận lấy quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đạt được các căn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào?

Đáp: Không xứ sở.

Hỏi: Nhận lấy quả Tu-đà-hoàn, đạt được các căn, căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc quả Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Nhận lấy quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đạt được các căn, căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

Hỏi: Người Tu-đà-hoàn đã thành tựu các căn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc thuộc cõi Dục, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Người Tư-đà-hàm đã thành tựu các căn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc thuộc cõi Dục, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Người A-na-hàm đã thành tựu các căn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Người A-la-hán đã thành tựu các căn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào?

Đáp: Không xứ sở.

Hỏi: Người Tu-đà-hoàn đã thành tựu các căn, căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Hoặc quả Tu-đà-hoàn, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Các người Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán đã thành tựu các căn, căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Hoặc quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Các người Tu-đà-hoàn do các căn diệt kiết, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào?

Đáp: Thuộc cõi Dục.

Hỏi: Các người Tu-đà-hàm do các căn diệt kiết, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào?

Đáp: Thuộc cõi Dục.

Hỏi: Các người A-na-hàm do các căn diệt kiết, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào?

Đáp: Thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Các người Tu-đà-hoàn do các căn diệt kiết, căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Không xứ sở.

Hỏi: Các người Tu-đà-hàm, A-na-hàm do các căn diệt kiết, căn này thuộc về quả nào?

Đáp: không xứ sở.

Hỏi: Các căn thuộc về quả Tu-đà-hoàn, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào?

Đáp: Không xứ sở.

Hỏi: Các căn thuộc về quả Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, căn này diệt trừ kiết thuộc cõi nào?

Đáp: Không xứ sở.

Hỏi: Các khổ trí, trí đó là trí vô lậu đối với khổ chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có trí vô lậu đối với khổ, trí đó không phải là khổ trí chẳng?

Đáp: Có. Là các khổ tập trí.

Hỏi: Các tập trí, trí đó là trí vô lậu đối với tập chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có trí vô lậu đối với tập, trí đó không phải là tập trí chăng?

Đáp: Có. Là các tập khổ trí.

Hỏi: Các tận trí, trí đó là trí vô lậu đối với tận chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu là trí vô lậu đối với tận, trí đó là tận trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các đạo trí, trí đó là trí vô lậu đối với đạo chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu là trí vô lậu đối với đạo, trí đó là đạo trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Dục thì căn đó tương ưng với pháp trí chăng?

Đáp: Hoặc có căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Dục, căn đó không phải tương ưng với pháp trí.

Thế nào là căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Dục, căn đó không phải tương ưng với pháp trí? Là khổ pháp nhãn tương ưng với khổ pháp trí căn. Tập pháp nhãn tương ưng với tập pháp trí căn. Đây gọi là căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Dục, căn đó không phải tương ưng với pháp trí.

Thế nào là căn vô lậu tương ưng với pháp trí, căn đó không phải duyên hệ thuộc cõi Dục? Là các căn tương ưng với pháp trí duyên tận, duyên đạo. Đây gọi là căn vô lậu tương ưng với pháp trí, căn đó không phải duyên hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Dục, căn đó tương ưng với pháp trí? Là các căn tương ưng với pháp trí duyên khổ, duyên tập. Đây gọi là căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Dục, căn đó tương ưng với pháp trí.

Thế nào là căn vô lậu không phải duyên hệ thuộc cõi Dục, căn đó cũng không phải tương ưng với pháp trí? Là căn tương ưng với khổ vị tri nhãn, khổ vị tri trí. Căn tương ưng với tập vị tri nhãn, tập vị tri trí. Căn tương ưng với tận pháp nhãn. Căn tương ưng với tận pháp trí, tận vị tri nhãn, tận vị tri trí. Căn tương ưng với đạo pháp nhãn. Căn tương ưng với đạo pháp trí, đạo vị tri nhãn, đạo vị tri trí. Đây gọi là căn vô lậu không phải duyên hệ thuộc cõi Dục, căn đó cũng không phải tương ưng với pháp trí.

Hỏi: Các căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, căn đó tương ưng với vị tri trí chăng?

Đáp: Hoặc có căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, căn đó không phải tương ưng với vị tri trí.

Thế nào là căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, căn đó không phải tương ưng với vị tri trí? Là khổ vị tri nhãn cùng căn tương ưng với khổ vị tri trí. Tập vị tri nhãn cùng căn tương ưng với tập vị tri trí. Đây gọi là căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Sắc, Vô sắc, căn đó không phải tương ưng với vị tri trí.

Thế nào là căn vô lậu tương ưng với vị tri trí, căn đó không phải duyên hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc? Là các căn tương ưng với vị tri trí duyên tận, duyên đạo. Đây gọi là căn vô lậu tương ưng với vị tri trí, căn đó không phải duyên hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Thế nào là căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, căn đó tương ưng với vị tri trí? Là các căn tương ưng với vị tri trí duyên

khô, duyên tập. Đây gọi là căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, căn đó tương ưng với vị trí trí.

Thế nào là căn vô lậu không phải duyên hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, căn đó cũng không phải tương ưng với vị trí trí? Là căn tương ưng với khổ pháp nhãn, khổ pháp trí. Căn tương ưng với tập pháp nhãn, tập pháp trí. Căn tương ưng với tận pháp nhãn, tận pháp trí, tận vị trí nhãn. Căn tương ưng với tận vị trí trí, đạo pháp nhãn, đạo pháp trí. Căn tương ưng với đạo vị trí nhãn, đạo vị trí trí. Đây gọi là căn vô lậu không phải duyên hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, căn đó cũng không phải tương ưng với vị trí trí.

Hỏi: Pháp trí nên nói là pháp trí chăng?

Đáp: Pháp trí nên nói là pháp trí, hoặc tha tâm trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí. Hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán. Hoặc tương ưng với lạc căn, hỷ căn, hộ căn, hoặc tương ưng với không, vô tướng, vô nguyện. Hoặc duyên hệ thuộc cõi Dục, hoặc duyên không hệ thuộc.

Hỏi: Vị trí trí nên nói là vị trí trí chăng?

Đáp: Vị trí trí nên nói là vị trí trí, hoặc tha tâm trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí. Hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán. Hoặc tương ưng với lạc căn, hỷ căn, hộ căn, hoặc tương ưng với không, vô tướng, vô nguyện. Hoặc duyên hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

Hỏi: Đăng ý giải thoát nên nói là do căn học đạt được hay do căn vô học đạt được?

Đáp: Đăng ý giải thoát nên nói là do căn học và căn vô học đạt được.

Hỏi: Vô nghi ý giải thoát nên nói là do căn học đạt được hay căn vô học đạt được?

Đáp: Nếu bắt đầu được không nghi, nên nói là do căn học và căn vô học đạt được. Nếu A-la-hán đăng ý giải thoát đạt được không nghi (bất động), nên nói là do căn vô học đạt được.

Hỏi: Tất cả kiết tận nên nói là do căn học đạt được hay căn vô học đạt được?

Đáp: Tất cả kiết tận nên nói là do căn học và căn vô học đạt được.

Dùng đạo vô ngại (đạo vô gián) thủ chứng quả Tu-đà-hoàn, đạo này nên nói là tương ưng với nhãn, nên nói là có giác có quán, nên nói là tương ưng với hộ căn, tương ưng với vô nguyện, nên nói là duyên không hệ thuộc.

Dùng đạo vô ngại thủ chứng quả Tư-đà-hàm, nếu bội tăng việc dứt ái dục, vượt thứ lớp thủ chứng (đăng vô gián, nhập chánh tánh ly sinh), đạo này nên nói là tương ưng với nhãn, nên nói là có giác có quán, nên nói là tương ưng với hộ căn, tương ưng với vô nguyện, nên nói là duyên không hệ thuộc.

Nếu được quả Tu-đà-hoàn, dùng đạo thế tục nhận lấy quả Tư-đà-hàm, đạo này nên nói là tương ưng với đẳng trí, nên nói là có giác có quán, nên nói là tương ưng với hộ căn, nên nói là duyên hệ thuộc cõi Dục.

Nếu được quả Tu-đà-hoàn, dùng đạo vô lậu nhận lấy quả Tư-đà-hàm, đạo này nên nói là tương ưng với pháp trí, hoặc khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, nên nói là có giác có quán, nên nói là tương ưng với hộ căn, hoặc tương ưng với không, vô tướng, vô nguyện, nên nói là duyên hệ thuộc cõi Dục, hoặc duyên không hệ thuộc.

Dùng đạo vô ngại thủ chứng quả A-na-hàm, nếu ái dục tận, vượt thứ lớp thủ chứng, đạo này nên nói là tương ưng với nhãn, nên nói là có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán, nên nói là tương ưng với hộ căn, lạc căn, hỷ căn, tương ưng với vô nguyện.

Nếu được quả Tư-đà-hàm, dùng đạo thể tục nhận lấy quả A-na-hàm, đạo này nên nói là tương ưng với đẳng trí, nên nói là có giác có quán, nên nói là tương ưng với hộ căn, nên nói là duyên hệ thuộc cõi Dục.

Nếu được quả Tư-đà-hàm, dùng đạo vô lậu nhận lấy quả A-na-hàm, đạo này nên nói là tương ưng với pháp trí, hoặc khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, nên nói là có giác có quán, nên nói là tương ưng với hộ căn, hoặc tương ưng với không, vô tướng, vô nguyện, nên nói là duyên hệ thuộc cõi Dục, hoặc duyên không hệ thuộc.

Dùng đạo vô ngại thủ chứng quả A-la-hán, nếu dựa vào Tam muội vị lai có giác có quán nhận lấy quả A-la-hán, đạo này nên nói là tương ưng với pháp trí, hoặc vị trí trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, nên nói là có giác có quán, nên nói là tương ưng với hộ căn, hoặc tương ưng với không, vô tướng, vô nguyện, nên nói là duyên hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

Nếu dựa vào thiên thứ nhất nhận lấy quả A-la-hán, đạo này nên nói là tương ưng với pháp trí, hoặc vị trí trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, nên nói là có giác có quán, nên nói là tương ưng với hỷ căn, hoặc tương ưng với không, vô tướng, vô nguyện, nên nói là duyên hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

Nếu dựa vào thiên trung gian nhận lấy quả A-la-hán, đạo này nên nói là tương ưng với pháp trí, hoặc vị trí trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, nên nói là không giác có quán, nên nói là tương ưng với hộ căn, hoặc tương ưng với không, vô tướng, vô nguyện, nên nói là duyên hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

Nếu dựa vào thiên thứ hai nhận lấy quả A-la-hán, đạo này nên nói là tương ưng với pháp trí, hoặc vị trí trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, nên nói là không giác không quán, nên nói là tương ưng với hỷ căn, hoặc tương ưng với không, vô tướng, vô nguyện, nên nói là duyên hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

Nếu dựa vào thiền thứ ba nhận lấy quả A-la-hán, đạo này nên nói là tương ưng với pháp trí, hoặc vị trí trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, nên nói là không giác không quán, nên nói là tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với không, vô tướng, vô nguyện, nên nói là duyên hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

Nếu dựa vào thiền thứ tư nhận lấy quả A-la-hán, đạo này nên nói là tương ưng với pháp trí, hoặc vị trí trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, nên nói là không giác không quán, nên nói là tương ưng với hộ căn, hoặc tương ưng với không, vô tướng, vô nguyện, nên nói là duyên hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

Nếu dựa vào định vô sắc nhận lấy quả A-la-hán, đạo này nên nói là tương ưng với vị trí trí, hoặc khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, nên nói là không giác không quán, nên nói là tương ưng với hộ căn, hoặc tương ưng với không, vô tướng, vô nguyện, nên nói là duyên hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn diệt tận khởi khi đạt được quả Tu-đà-hoàn?

Đáp: Căn không diệt hẳn bảy tận khởi, một diệt không khởi, một khởi không tận, khi đạt được quả Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn diệt tận khởi khi đạt được quả Tu-đà-hàm?

Đáp: Nếu bội tăng việc dứt ái dục, vượt thứ lớp thủ chúng, căn không diệt hẳn bảy tận khởi, một diệt không khởi, một khởi không tận, khi đạt được quả Tu-đà-hàm.

Nếu được quả Tu-đà-hoàn, dùng đạo thế tục nhận lấy quả Tu-đà-hàm, căn không diệt hẳn bảy tận khởi khi đạt được quả Tu-đà-hàm.

Nếu được quả Tu-đà-hoàn, dùng đạo vô lậu nhận lấy quả Tu-đà-hàm, căn không diệt hẳn tám tận khởi khi đạt được quả Tu-đà-hàm.

Hỏi: Có bao nhiêu căn diệt tận khởi khi đạt được quả A-na-hàm?

Đáp: Nếu ái dục tận, vượt thứ lớp thủ chúng, căn không diệt hẳn bảy tận khởi, một diệt không khởi, một khởi không tận, khi đạt được quả A-na-hàm.

Nếu được quả Tư-đà-hàm, dùng đạo thể tục nhận lấy quả A-na-hàm, thiền không hiện ở trước, bốn căn diệt hẳn bảy tận khởi khi đạt được quả A-na-hàm. Nếu thiền hiện ở trước, bốn căn diệt hẳn sáu tận khởi, một diệt không khởi, một khởi không tận, khi đạt được quả A-na-hàm.

Nếu được quả Tư-đà-hàm, dùng đạo vô lậu nhận lấy quả A-na-hàm, thiền không hiện ở trước, bốn căn diệt hẳn tám tận khởi, khi đạt được quả A-na-hàm. Nếu thiền hiện ở trước, bốn căn diệt hẳn bảy tận khởi, một diệt không khởi, một khởi không tận, khi đạt được quả A-na-hàm.

Hỏi: Có bao nhiêu căn diệt tận khởi khi đạt được quả A-la-hán?

Đáp: Nếu dựa vào Tam muội vị lai có giác có quán nhận lấy quả A-la-hán, một căn diệt hẳn bảy diệt tận khởi, một diệt không khởi, một khởi không tận, khi đạt được quả A-la-hán.

Thiền thứ nhất, thiền trung gian, thiền thứ tư, định vô sắc cũng lại như vậy.

Nếu dựa vào thiền thứ nhất nhận lấy quả A-la-hán, hai căn diệt hẳn sáu diệt tận khởi, một diệt không khởi, một khởi không tận, một tận khởi, khi đạt được quả A-la-hán.

Thiền thứ hai, thiền thứ ba cũng lại như vậy.

Phẩm 3: BÀN VỀ CÁNH LẠC (Xúc trong 12 nhân duyên)

Gồm có 16 Cánh lạc (Xúc): Cánh lạc có đối, cánh lạc tăng ngữ, cánh lạc minh, cánh lạc vô minh, cánh lạc phi minh phi vô minh, cánh lạc ái, cánh lạc giận dữ, cánh lạc thuận lạc thống (thọ), cánh lạc thuận khổ thống, cánh lạc thuận bất khổ bất lạc thống, nhãn cánh lạc, nhĩ cánh lạc, tỷ cánh lạc, thiệt cánh lạc, thân cánh lạc, ý cánh lạc.

Thế nào là cánh lạc có đối (Xúc có đối)? Cho đến thế nào là ý cánh lạc (ý xúc)?

Cánh lạc có đối gồm thâu bao nhiêu cánh lạc? Cho đến ý cánh lạc gồm thâu bao nhiêu cánh lạc?

Cánh lạc có đối tương ưng với bao nhiêu căn? Cho đến ý cánh lạc tương ưng với bao nhiêu căn?

Các căn nhân nơi cánh lạc có đối, căn đó tương ưng với cánh lạc có đối chăng? Nếu như căn tương ưng với cánh lạc có đối, căn đó nhân nơi cánh lạc có đối chăng? Cho đến ý cánh lạc cũng như vậy.

Thành tựu loại nhãn căn này, Hành giả kia thành tựu loại thân căn này chăng? Nếu như thành tựu loại thân căn này, Hành giả kia thành tựu loại nhãn căn này chăng? Nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn cũng lại như vậy.

Địa ngục có bao nhiêu căn được tạo thành? Súc sinh, ngạ quỷ, đoạn căn thiện, tà định, đẳng định, bất định, cõi Diêm-phù-đề, Câu-da-ni, Phất-vu-đãi, Uất-đơn-viết, Tứ thiên vương thân, trời Ba mươi ba, Diệm-ma, Đâu thuật, Hóa tự tại, Tha hóa tự tại, trời Phạm ca di, Quang âm, Biến tịnh, Quả thuật, trung âm, vô sắc, bậc Kiên tín, Kiên pháp, Tín giải thoát, Kiến đạo, Thân chứng, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát có bao nhiêu căn được thành tựu?

Nhãn căn khi được trí đoạn (nhận biết khắp), có bao nhiêu căn được trí đoạn? Cho đến tuệ căn khi được trí đoạn có bao nhiêu căn được trí đoạn?

Nhãn căn khi tận tác chúng (diệt tác chúng), có bao nhiêu căn tận tác chúng? Cho đến tuệ căn khi tận tác chúng, có bao nhiêu căn tận tác chúng?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Mười sáu Cánh lạc (Xúc trong 12 nhân duyên): Cánh lạc có đối, cánh lạc tăng ngữ, cánh lạc minh, cánh lạc vô minh, cánh lạc phi minh phi vô minh, cánh lạc ái, cánh lạc giận dữ, cánh lạc thuận lạc thống (lạc thọ), cánh lạc thuận khổ thống (khổ thọ), cánh lạc thuận bất khổ bất lạc thống, nhãn cánh lạc, nhĩ cánh lạc, tỷ cánh lạc, thiệt cánh lạc, thân cánh lạc, ý cánh lạc.

Hỏi: Thế nào là cánh lạc có đối (Xúc có đối)?

Đáp: Là cánh lạc tương ứng với năm thức thân.

Hỏi: Thế nào là cánh lạc tăng ngữ?

Đáp: Là cánh lạc tương ứng với ý thức thân.

Hỏi: Thế nào là cánh lạc minh?

Đáp: Là cánh lạc vô lậu.

Hỏi: Thế nào là cánh lạc vô minh?

Đáp: Là cánh lạc nhiễm ô.

Hỏi: Thế nào là cánh lạc phi minh phi vô minh?

Đáp: Là cánh lạc hữu lậu, không nhiễm ô.

Hỏi: Thế nào là cánh lạc ái?

Đáp: Là cánh lạc tương ứng với dục.

Hỏi: Thế nào là cánh lạc giận dữ?

Đáp: Là cánh lạc tương ứng với giận dữ.

Hỏi: Thế nào là cánh lạc thuận lạc thống (lạc thọ)?

Đáp: Là cánh lạc tương ứng với lạc thống.

Hỏi: Thế nào là cánh lạc thuận khổ thống (khổ thọ)?

Đáp: Là cánh lạc tương ứng với khổ thống.

Hỏi: Thế nào là cánh lạc thuận bất khổ bất lạc thống (bất khổ bất lạc thọ)?

Đáp: Là cánh lạc tương ứng với bất khổ bất lạc thống.

Hỏi: Thế nào là nhãn cánh lạc (nhãn xúc)?

Đáp: Là cánh lạc tương ứng với nhãn thức thân. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân cánh lạc cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là ý cánh lạc (ý xúc)?

Đáp: Là cánh lạc tương ứng với ý thức thân.

Cánh lạc có đối gồm sáu cánh lạc và phần ít của bảy cánh lạc. Cánh lạc tăng ngữ gồm sáu cánh lạc và phần ít của bảy cánh lạc. Cánh lạc minh gồm sáu cánh lạc minh và phần ít của bảy cánh lạc. Cánh lạc vô minh gồm sáu cánh lạc và phần ít của mười một cánh lạc. Cánh lạc phi minh phi vô minh gồm sáu cánh lạc phi minh phi vô minh và phần ít của mười một cánh lạc. Cánh lạc ái gồm sáu cánh lạc ái và phần ít của mười một cánh lạc. Cánh lạc giận dữ gồm sáu cánh lạc giận dữ và phần ít của mười một cánh lạc. Cánh lạc thuận lạc thống gồm sáu cánh lạc thuận lạc thống và phần ít của mười hai cánh lạc. Cánh lạc thuận khổ thống gồm sáu cánh lạc thuận khổ thống và phần ít của mười một cánh lạc. Cánh lạc thuận bất khổ bất lạc thống gồm sáu cánh lạc thuận bất khổ bất lạc thống và phần ít của mười ba cánh lạc. Nhãn cánh lạc gồm sáu nhãn cánh

lạc và phần ít của tám cánh lạc. Nhĩ, tử, thiết, thân cánh lạc cũng như vậy. Ý cánh lạc gồm thân ba cánh lạc và phần ít của bảy cánh lạc.

Cánh lạc có đối tượng ứng với một căn và phần ít của tám căn. Cánh lạc tăng ngữ tương ứng với năm căn và phần ít của tám căn. Cánh lạc minh tương ứng với ba căn và phần ít của chín căn. Cánh lạc vô minh tương ứng với phần ít của sáu căn. Cánh lạc phi minh phi vô minh tương ứng với phần ít của mười một căn. Cánh lạc ái tương ứng với phần ít của bốn căn. Cánh lạc giận dữ tương ứng với phần ít của bốn căn. Cánh lạc thuận lạc thống tương ứng với hai căn và phần ít của chín căn. Cánh lạc thuận khổ thống tương ứng với hai căn và phần ít của sáu căn. Cánh lạc thuận bất khổ bất lạc thống tương ứng với một căn và phần ít của chín căn. Nhãn cánh lạc tương ứng với phần ít của chín căn. Nhĩ, tử, thiết, thân cánh lạc cũng như vậy. Ý cánh lạc tương ứng với năm căn và phần ít của tám căn.

Hỏi: Các căn nhân nơi cánh lạc có đối, căn đó tương ứng với cánh lạc có đối chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các căn tương ứng với cánh lạc có đối, căn đó nhân nơi cánh lạc có đối

Hỏi: Từng có các căn nhân nơi cánh lạc có đối, căn đó không phải tương ứng với cánh lạc có đối chăng?

Đáp: Có. Là các căn nhân nơi cánh lạc có đối, tương ứng với các cánh lạc khác.

Nếu căn nhân nơi cánh lạc có đối, có báo sinh không duyên, cho đến nhân nơi ý cánh lạc cũng như vậy (Trừ hai cánh lạc).

Hỏi: Các căn nhân nơi cánh lạc minh, căn đó tương ứng với cánh lạc minh chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như các căn tương ưng với cánh lạc minh, căn đó nhân nơi cánh lạc minh chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các căn nhân nơi cánh lạc phi minh phi vô minh, căn đó tương ưng với cánh lạc phi minh phi vô minh chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các căn tương ưng với cánh lạc phi minh phi vô minh, căn đó nhân nơi cánh lạc phi minh phi vô minh.

Hỏi: Từng có các căn nhân nơi cánh lạc phi minh phi vô minh, căn đó tương ưng với cánh lạc phi minh phi vô minh chăng?

Đáp: Có. Là các căn nhân nơi cánh lạc phi minh phi vô minh có báo sinh không có duyên.

Hỏi: Thành tựu loại nhãn căn này, Hành giả kia thành tựu loại thân căn này chăng?

Đáp: Hoặc có thành tựu loại nhãn căn này không phải là thành tựu loại thân căn này.

Thế nào là thành tựu loại nhãn căn này không phải là thành tựu loại thân căn này? Là sinh nơi cõi Dục, không được nhãn căn, giả như được liền mất, được nhãn căn nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu loại nhãn căn này không phải là thành tựu loại thân căn này.

Thế nào là thành tựu loại thân căn này không phải là thành tựu loại nhãn căn này? Là sinh nơi cõi Dục, không được nhãn căn, nếu như được liền mất, không được nhãn căn nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu loại thân căn này không phải là thành tựu loại nhãn căn này.

Thế nào là thành tựu loại nhãn căn này cũng thành tựu loại thân căn này? Là sinh nơi cõi Dục, được nhãn căn không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. Đây gọi là thành tựu loại nhãn căn này cũng thành tựu loại thân căn này.

Thế nào là không thành tựu loại nhãn căn này cũng không thành tựu loại thân căn này? Là sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không thành tựu loại nhãn căn này cũng không thành tựu loại thân căn này.

Như nhãn căn, nhĩ căn cũng như vậy.

Hỏi: Thành tựu loại tử căn này, Hành giả kia thành tựu loại thân căn này chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Từng có thành tựu loại thân căn này không phải là thành tựu loại tử căn này chăng?

Đáp: Có. Là người sinh nơi cõi Dục, không được tử căn, nếu như được rồi mất.

Như tử căn, thiệt căn cũng như vậy.

Hỏi: Địa ngục có bao nhiêu căn được tạo thành?

Đáp: Nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là tám căn.

Hỏi: Súc sinh có bao nhiêu căn được tạo thành?

Đáp: Nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười ba căn.

Như súc sinh, ngạ quỷ cũng như vậy.

Hỏi: Đoạn căn thiện có bao nhiêu căn được tạo thành?

Đáp: Nhiều nhất là mười ba căn, ít nhất là tám căn.

Hỏi: Tà định có bao nhiêu căn được tạo thành?

Đáp: Nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là tám căn.

Hỏi: Đẳng định có bao nhiêu căn thành tựu?

Đáp: Nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười một căn.

Hỏi: Bất định có bao nhiêu căn thành tựu?

Đáp: Nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là tám căn.

Các cõi Diêm-phù-đê, Câu-da-ni, Phât-vu-đãi cũng như vậy.

Cõi Uất-đơn-viết nhiều nhất là thành tựu mười tám căn, ít nhất là mười ba căn.

Trời Tứ thiên vương thân nhiều nhất là thành tựu mười chín căn, ít nhất là mười bảy căn.

Trời Ba mươi ba, trời Diêm-ma, trời Đâu thuật, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại cũng như vậy.

Trời Phạm ca di nhiều nhất là thành tựu mười sáu căn, ít nhất là mười lăm căn.

Trời Quang âm cũng như vậy.

Trời Biến tịnh nhiều nhất là thành tựu mười sáu căn, ít nhất là mười bốn căn

Trời Quả thuật nhiều nhất là thành tựu mười sáu căn, ít nhất là mười ba căn

Trung âm nhiều nhất là thành tựu mười chín căn, ít nhất là mười ba căn

Vô sắc nhiều nhất là thành tựu mười một căn, ít nhất là tám căn

Bậc Kiên tín, Kiên pháp nhiều nhất là thành tựu mười chín căn, ít nhất là mười ba căn

Bậc Tín giải thoát, Kiến đạo nhiều nhất là thành tựu mười chín căn, ít nhất là mười một căn

Bậc Thân chứng, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát nhiều nhất là thành tựu mười tám căn, ít nhất là mười một căn.

Nhãn căn khi được trí đoạn (nhận biết khắp), cho đến ái sắc tận, có năm căn được trí đoạn.

Như nhãn căn, các căn nhĩ, tỷ, thiệt, thân cũng như vậy.

Ý căn khi được trí đoạn, cho đến ái vô sắc tận, có tám căn được trí đoạn.

Như ý căn, mạng căn, hộ căn, tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng như vậy.

Nam căn, nữ căn khi được trí đoạn, cho đến ái dục tận, có bốn căn được trí đoạn.

Như nam căn, nữ căn, khổ căn, ưu căn cũng như vậy.

Lạc căn khi được trí đoạn, cho đến ái nơi cõi trời Biến tịnh tận, tức lạc căn kia được trí đoạn.

Hỷ căn khi được trí đoạn, cho đến ái nơi cõi trời Quang âm tận, tức hỷ căn kia được trí đoạn.

Nhãn căn khi tận tác chứng (diệt tác chứng), cho đến ái sắc tận, có năm căn tận tác chứng, được A-la-hán có mười chín căn tận tác chứng.

Như nhãn căn, các căn nhĩ, tỷ, thiệt, thân cũng lại như vậy.

Ý căn khi tận tác chứng, được A-la-hán có mười chín căn tận tác chứng.

Mạng căn, hộ căn, tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn cũng như vậy.

Nam căn, nữ căn khi tận tác chứng, cho đến ái dục tận, có bốn căn tận tác chứng, được A-la-hán có mười chín căn tận tác chứng.

Khổ căn, ưu căn cũng như vậy.

Lạc căn khi tận tác chứng, cho đến ái nơi cõi trời Biến tịnh tận, tức lạc căn kia tận tác chứng, được A-la-hán có mười chín căn tận tác chứng.

Hỷ căn khi tận tác chứng, cho đến ái nơi cõi trời Quang âm tận, tức hỷ căn kia tận tác chứng, được A-la-hán có mười chín căn tận tác chứng.

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 22

Kiềng độ thứ 6: CĂN

Phẩm 4: BÀN VỀ TÂM BẮT ĐẦU

Tâm của tất cả chúng sinh nên nói là vừa khởi, vừa trụ, vừa diệt chãng? Các tâm có dục, các tâm không dục, tâm này nên nói là vừa khởi, vừa trụ, vừa diệt chãng? Các tâm có giận - không giận, có si - không si, có nhiễm ô - không nhiễm ô, có loạn - không loạn, có lười - không lười, có nhỏ - có lớn, có tu - không tu, có Tam muội - không Tam muội, các tâm giải thoát - các tâm không giải thoát, tâm này nên nói là vừa khởi, vừa trụ, vừa diệt chãng?

Thọ mạng nên nói là cùng tâm chuyển hay không cùng tâm chuyển? Thọ mạng nên nói là thuận chuyển, nên nói là vừa sinh, trụ chãng?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Mạng người hao mòn hết dần, như nước nơi sông nhỏ. Các chúng sinh luôn mong có được thọ mạng, thọ mạng kia đã hết”. Thế nào là nhận biết thọ mạng kia đã hết? Nhập định vô tướng, định diệt tận, hành của thọ mạng nên nói là chuyển hay không chuyển?

Nhập định vô tướng, có bao nhiêu căn diệt? Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào? Xuất Tam muội vô tướng, có bao nhiêu căn hiện ở trước? Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Nhập định diệt tận, có bao nhiêu căn diệt? Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào? Xuất Tam muội diệt tận, có bao nhiêu căn hiện ở trước? Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Chúng sinh nơi cõi Vô tướng sinh, có bao nhiêu căn diệt? Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào? Có bao nhiêu căn hiện ở trước? Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Chúng sinh nơi cõi Vô tướng mất, có bao nhiêu căn diệt? Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào? Có bao nhiêu căn hiện ở trước? Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Chúng sinh nơi cõi Vô tướng nên nói là do tướng sinh hay do vô tướng sinh?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tướng sinh”. Chúng sinh kia, nơi xứ kia mất, là tướng diệt chăng? Chúng sinh kia, nơi xứ kia mất, là không diệt chăng? Trụ nơi xứ nào diệt tướng này? Tướng này nên nói là thiện hay vô ký? Tướng này có bao nhiêu sử sai khiến? Có bao nhiêu kiết trói buộc?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tất cả chúng sinh do ăn mà tồn tại”. Chúng sinh nơi cõi Vô tướng ăn những gì?

Nhãn căn gồm thâu bao nhiêu căn? Cho đến vô tri căn gồm thâu bao nhiêu căn? Tín lực cho đến tuệ lực, giác ý niệm cho đến giác ý hộ, đẳng kiến cho đến đẳng định, pháp trí cho đến đạo trí, Tam muội không, vô tướng, vô nguyện gồm thâu bao nhiêu căn chăng?

Ý căn có bao nhiêu căn tương ưng? Cho đến vô tri căn có bao nhiêu căn tương ưng? Tín lực cho đến tuệ lực, giác ý niệm cho đến giác ý hộ, đẳng kiến cho đến đẳng định, pháp trí cho đến đạo trí, Tam muội không, vô tướng, vô nguyện có bao nhiêu căn tương ưng?

Mất ở cõi Dục sinh nơi cõi Dục, có bao nhiêu căn diệt? Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào? Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào? Mất ở cõi Dục sinh nơi cõi Sắc, có bao nhiêu căn diệt? Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào? Có bao nhiêu căn hiện ở trước? Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào? Mất ở cõi Dục sinh nơi cõi Vô sắc, có bao nhiêu căn diệt? Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào? Có bao nhiêu căn hiện ở trước? Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Mất ở cõi Sắc sinh nơi cõi Sắc, có bao nhiêu căn diệt? Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào? Có bao nhiêu căn hiện ở trước? Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào? Mất ở cõi Sắc sinh nơi cõi Dục, có bao nhiêu căn diệt? Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào? Có bao nhiêu căn hiện ở trước? Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào? Mất ở cõi Sắc sinh nơi cõi Vô sắc, có bao nhiêu căn diệt? Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào? Có bao nhiêu căn hiện ở trước? Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Mất ở cõi Vô sắc sinh nơi cõi Vô sắc, có bao nhiêu căn diệt? Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào? Có bao nhiêu căn hiện ở trước? Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào? Mất ở cõi Vô sắc sinh nơi cõi Dục, có bao nhiêu căn diệt? Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào? Có bao nhiêu căn hiện ở trước? Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào? Mất ở cõi Vô sắc sinh nơi cõi Sắc, có bao nhiêu căn diệt? Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào? Có bao nhiêu căn hiện ở trước? Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

A-la-hán bát Nê-hoàn có bao nhiêu căn diệt sau cùng?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

Hỏi: Tâm của tất cả chúng sinh nên nói là vừa khởi, vừa trụ, vừa diệt chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các tâm có dục, các tâm không dục, tâm này nên nói là vừa khởi, vừa trụ, vừa diệt chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các tâm có giận - không giận, có si - không si, có nhiễm ô - không nhiễm ô, có loạn - không loạn, có lười - không lười, có nhỏ - có lớn, có tu - không tu, có Tam muội - không Tam muội, các tâm giải thoát - các tâm không giải thoát, tâm này nên nói là vừa khởi, vừa trụ, vừa diệt chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Thọ mạng nên nói là cùng tâm chuyển hay không cùng tâm chuyển?

Đáp: Thọ mạng nên nói là không cùng tâm chuyển.

Hỏi: Thọ mạng nên nói là thuận chuyển, nên nói là vừa sinh, trụ chăng?

Đáp: Chúng sinh nơi cõi Dục, không nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, nên nói là thuận chuyển. Nếu nhập định vô tướng, định diệt tận và các trời nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, nên nói là vừa sinh, trụ.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Mạng người hao mòn hết dần, như nước nơi sông nhỏ. Các chúng sinh luôn mong có được thọ mạng, thọ mạng kia đã hết”.

Hỏi: Thế nào là nhận biết thọ mạng kia đã hết?

Đáp: Do đời tận, kiếp tận.

Hỏi: Nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, hành của thọ mạng nên nói là thuận chuyển hay nên nói là trụ?

Đáp: Nên nói là trụ.

Hỏi: Nhập Tam muội vô tướng có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Có bảy.

Hỏi: Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Xuất Tam muội vô tướng có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Có bảy.

Hỏi: Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nhập Tam muội diệt tận có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Có bảy.

Hỏi: Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Xuất Tam muội diệt tận có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Hoặc có bảy (Năm sắc căn cùng ý căn, hộ căn), hoặc tám (thêm dĩ tri căn), tâm hữu lậu bảy, tâm vô lậu tám.

Hỏi: Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc.

Hỏi: Chúng sinh nơi cõi Vô tướng sinh, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Có tám (Năm sắc căn cùng ý căn, mạng căn, hộ căn).

Hỏi: Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Chúng sinh nơi cõi Vô tướng mắt, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Hoặc tám căn, chín căn, mười căn: vô hình tám, một hình chín, hai hình mười.

Hỏi: Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Chúng sinh nơi cõi Vô tướng nên nói là do tướng sinh hay do vô tướng sinh?

Đáp: Chúng sinh nơi cõi Vô tướng nên nói là do tướng sinh.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Do tướng sinh”.

Hỏi: Chúng sinh kia, nơi xứ kia mắt, là tướng diệt chăng? Chúng sinh kia, nơi xứ kia mắt, là không diệt chăng?

Đáp: Tướng kia diệt.

Chúng sinh kia, nơi xứ kia mắt, không phải là không diệt trụ.

Hỏi: Trụ nơi xứ nào diệt tướng kia?

Đáp: Tức trụ nơi tướng kia diệt.

Hỏi: Tướng này nên nói là thiện hay vô ký?

Đáp: Tướng này hoặc là thiện, hoặc là vô ký.

Hỏi: Tướng này có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Sử duyên nơi hữu lậu thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu kiết trói buộc?

Đáp: Có sáu.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tất cả chúng sinh do ăn mà tồn tại”.

Hỏi: Chúng sinh nơi cõi Vô tướng ăn những gì?

Đáp: Xúc, ý niệm, thức.

Nhãn căn gồm thân nhãn căn. Nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn cũng lại như vậy. Thân căn gồm thân ba căn. Ý căn gồm thân ý căn và phần ít của ba căn. Lạc căn, hỷ căn, hộ căn, tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng lại như vậy. Nữ căn gồm thân nữ căn và phần ít của thân căn. Nam căn gồm thân nam căn và phần ít của thân căn. Mạng căn gồm thân mạng căn. Khổ căn gồm thân khổ căn. Ưu căn gồm thân ưu căn. Vị tri căn gồm thân vị tri căn và phần ít của chín căn. Dĩ tri căn, vô tri căn cũng lại như vậy.

Tín lực gồm thân một căn và phần ít của ba căn. Tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực cũng lại như vậy.

Giác ý niệm gồm thân phần ít của bốn căn. Giác ý trạch pháp, giác ý tinh tấn, giác ý hỷ, giác ý định cũng lại như vậy. Giác ý ý (khinh an), giác ý hộ (xả) không gồm thân căn.

Đẳng kiến, đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định, pháp trí, vị trí trí gồm thân phần ít của bốn căn. Tha tâm trí gồm thân phần ít của ba căn. Đẳng trí gồm thân phần ít của một căn. Khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, Tam muội không, vô tướng, vô nguyện gồm thân phần ít của bốn căn.

Ý căn tương ứng với mười căn và phần ít của ba căn. Lạc căn, hỷ căn, hộ căn tương ứng với phần ít của chín căn. Khổ căn, ưu căn tương ứng với phần ít của sáu căn. Tín căn tương ứng với bốn căn và phần ít của chín căn. Tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng lại như vậy. Vị tri căn tương ứng với phần ít của chín căn. Dĩ tri căn, vô tri căn cũng lại như vậy.

Tín lực tương ứng với bốn căn và phần ít của chín căn. Tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực cũng lại như vậy.

Giác ý niệm tương ứng với phần ít của mười một căn. Giác ý tinh tấn, giác ý định cũng lại như vậy. Giác ý hỷ tương ứng với phần ít của chín căn. Giác ý ý, giác ý hộ tương ứng với ba căn và phần ít của chín căn.

Đẳng kiến, đẳng chí, đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định, pháp trí, vị trí trí tương ứng với phần ít của mười một căn. Tha tâm trí tương ứng với phần ít của mười căn. Đẳng trí tương ứng với hai căn và phần ít của tám căn. Khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, Tam muội không, vô tướng, vô nguyện tương ứng với phần ít của mười một căn.

Hỏi: Mắt ở cõi Dục sinh nơi cõi Dục, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc bốn - hoặc chín, hoặc tám - hoặc mười ba, hoặc chín - hoặc mười bốn, hoặc mười - hoặc mười lăm. Hệ thuộc nơi cõi Dục, mạng chung dần: tâm vô ký bốn, tâm thiện chín. Mạng chung tức khắc: Nếu vô hình, tâm vô ký tám, tâm thiện mười ba. Nếu một hình, tâm vô ký chín, tâm thiện mười bốn. Nếu hai hình, tâm vô ký mười, tâm thiện mười lăm.

Hỏi: Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Hoặc tám, hoặc chín, hoặc mười. Vô hình tám, một hình chín, hai hình mười.

Hỏi: Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Mất ở cõi Dục sinh nơi cõi Sắc, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc bốn, hoặc chín, hoặc mười bốn. Hệ thuộc nơi cõi Dục, mạng chung dần: tâm vô ký bốn, tâm thiện chín. Mạng chung tức khắc: tâm vô ký chín, tâm thiện mười bốn.

Hỏi: Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Mất ở cõi Dục sinh nơi cõi Vô sắc, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc bốn, hoặc chín, hoặc mười bốn. Hệ thuộc nơi cõi Dục, mạng chung dần: tâm vô ký bốn, tâm thiện chín. Mạng chung tức khắc: tâm vô ký chín, tâm thiện mười bốn.

Hỏi: Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Có ba.

Hỏi: Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Mật ở cõi Sắc sinh nơi cõi Sắc, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc tám, hoặc mười ba. Tâm vô ký tám, tâm thiện mười ba.

Hỏi: Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Mật ở cõi Sắc sinh nơi cõi Dục, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc tám, hoặc mười ba. Tâm vô ký tám, tâm thiện mười ba.

Hỏi: Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Hoặc tám, hoặc chín, hoặc mười. Vô hình tám, một hình chín, hai hình mười.

Hỏi: Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Mật ở cõi Sắc sinh nơi cõi Vô sắc, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc tám, hoặc mười ba. Tâm vô ký tám, tâm thiện mười ba.

Hỏi: Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Có ba.

Hỏi: Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Mất ở cõi Vô sắc sinh nơi cõi Vô sắc, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc ba, hoặc tám. Tâm vô ký ba, tâm thiện tám.

Hỏi: Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Có ba.

Hỏi: Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Mất ở cõi Vô sắc sinh nơi cõi Dục, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc ba, hoặc tám. Tâm vô ký ba, tâm thiện tám.

Hỏi: Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Hoặc tám, hoặc chín, hoặc mười. Vô hình tám, một hình chín, hai hình mười.

Hỏi: Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Mất ở cõi Vô sắc sinh nơi cõi Sắc, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc ba, hoặc tám. Tâm vô ký ba, tâm thiện tám.

Hỏi: Tâm tâm pháp diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm tâm pháp hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: A-la-hán bát Nê hoàn có bao nhiêu căn diệt sau cùng?

Đáp: Hoặc bốn, hoặc chín, hoặc tám, hoặc ba. Ở nơi cõi Dục, bát Nê hoàn dần dần bốn, bát Nê hoàn tức khắc chín, ở cõi Sắc tám, cõi Vô sắc ba.

Phẩm 5: BÀN VỀ TÂM VỪA PHÁT KHỞI

Các pháp cùng tâm một khởi, một trụ, một diệt, pháp đó tương ưng với tâm chẳng? Nếu như các pháp tương ưng với tâm, pháp đó cùng tâm một khởi, một trụ, một diệt chẳng?

Các pháp cùng tâm một khởi, một trụ, một diệt, pháp đó cùng với tâm một duyên chẳng? Nếu như các pháp cùng với tâm một duyên, pháp đó cùng tâm một khởi, một trụ, một diệt chẳng?

Các pháp cùng tâm khởi không phải không dụng tâm, pháp đó cùng tâm khởi không phải không dụng tâm chẳng? Pháp đó trụ, diệt cùng tâm trụ, diệt, không phải không dụng tâm chẳng?

Thế nào là không tu nhãn căn? Thế nào là không tu nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn? Thế nào là tu nhãn căn? Thế nào là tu nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn?

Nếu không thành tựu căn học mà được căn học, thì tất cả Hành giả kia đã vượt thứ lớp thủ chứng chãng? Nếu như vượt thứ lớp thủ chứng, thì tất cả Hành giả kia không thành tựu căn học mà được căn học chãng? Nếu không thành tựu căn học mà được căn học, thì tất cả pháp thứ nhất thế gian kia là thứ đệ (đẳng vô gián) chãng? Nếu như là thứ đệ nơi pháp thứ nhất thế gian, thì tất cả Hành giả kia không thành tựu căn học mà được căn học chãng?

Nếu bỏ căn vô lậu, được căn vô lậu, thì tất cả Hành giả kia đều từ quả đến quả chãng? Nếu như đã từ quả đến quả, thì tất cả Hành giả kia đã bỏ căn vô lậu, được căn vô lậu chãng? Nếu bỏ căn vô lậu, được căn vô lậu, thì tất cả Hành giả kia có căn vô lậu diệt, căn vô lậu hiện ở trước chãng? Nếu như có căn vô lậu diệt, căn vô lậu hiện ở trước, thì tất cả Hành giả kia đã bỏ căn vô lậu, được căn vô lậu chãng?

Các vị tri căn, tất cả căn ấy đều không tu để (hiện quán về bốn Thánh đế) là có thể tu để chãng? Nếu như không tu để lại có thể tu để, thì tất cả căn ấy là vị tri căn chãng?

Tận trí đầu tiên sinh thì tất cả đạo vô ngại kia là thứ đệ chãng? Nếu như đạo vô ngại là thứ đệ thì tất cả đạo ấy là tận trí chãng? Vô sinh trí đầu tiên khởi thì tất cả tận trí kia là thứ đệ chãng? Nếu như tận trí là thứ đệ thì tất cả chúng là vô sinh trí chãng?

Như duyên nơi đạo vô ngại thì cũng duyên nơi tận trí chãng? Như duyên nơi tận trí thì cũng duyên nơi đạo vô ngại chãng? Như duyên nơi tận trí thì cũng duyên nơi vô sinh trí chãng? Như duyên nơi vô sinh trí thì cũng duyên nơi tận trí chãng?

Tận trí nên nói là tận trí, pháp trí, vị trí trí, tha tâm trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí chãng? Nên nói là có giác có quán, không giác có quán, không giác không quán chãng? Nên nói là tương ưng với lạc

căn, hỷ căn, hộ căn, không, vô tướng, vô nguyên chẳng? Nên nói là duyên hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, duyên không hệ thuộc chẳng? Vô sinh trí, đẳng kiến vô học cũng như vậy.

Các pháp tương ưng với đẳng kiến vô học, pháp đó tương ưng với đẳng chí vô học chẳng? Nếu như các pháp tương ưng với đẳng chí vô học, pháp đó tương ưng với đẳng kiến vô học chẳng? Các pháp tương ưng với đẳng kiến vô học, pháp đó tương ưng với đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định, đẳng giải thoát, đẳng trí vô học chẳng? Nếu như các pháp tương ưng với đẳng trí vô học, pháp đó tương ưng với đẳng kiến vô học chẳng? Các pháp cho đến tương ưng với đẳng giải thoát vô học, pháp đó tương ưng với đẳng trí vô học chẳng? Nếu như các pháp tương ưng với đẳng trí vô học, pháp đó tương ưng với đẳng giải thoát vô học chẳng?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hỏi: Các pháp cùng tâm một khởi, một trụ, một diệt, pháp đó tương ưng với tâm chẳng?

Đáp: Đúng vậy. Các pháp cùng tâm tương ưng, pháp đó cùng tâm một khởi, một trụ, một diệt.

Hỏi: Tùng có pháp cùng tâm một khởi, một trụ, một diệt, pháp đó không tương ưng với tâm chẳng?

Đáp: Có. Là tâm tùy chuyển, sắc tâm tùy chuyển, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Các pháp cùng tâm một khởi, một trụ, một diệt, pháp đó cùng tâm một duyên chẳng?

Đáp: Đúng vậy. Các pháp cùng tâm một duyên, pháp đó cùng tâm một khởi, một trụ, một diệt.

Hỏi: Từng có pháp cùng tâm một khởi, một trụ, một diệt, pháp đó không cùng tâm một duyên chăng?

Đáp: Có. Là tâm tùy chuyên, sắc tâm tùy chuyên, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Các pháp cùng tâm khởi không phải không dụng tâm, pháp đó khởi cùng tâm khởi không phải không dụng tâm chăng? Pháp đó trụ, diệt cùng tâm trụ, diệt không phải không dụng tâm chăng?

Đáp: Chúng sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, không nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, bốn đại nơi các căn, pháp kia khởi cùng tâm khởi không phải không dụng tâm, trụ diệt cùng tâm trụ diệt không phải không dụng tâm. Nếu nhập các định kia thì không dụng tâm.

Hỏi: Thế nào là không tu nhãn căn?

Đáp: Là ái của nhãn căn chưa hết, tham chưa hết, niệm chưa hết, khát dục chưa hết. Lại nữa, dùng đạo vô ngại dứt hết ái sắc, đối với đạo đó không tu, không dựa. Như vậy là không tu nhãn căn.

Như nhãn căn, các căn nhĩ, tỷ, thiệt, thân cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là không tu ý căn?

Đáp: Là ái của ý căn chưa hết, tham chưa hết, niệm chưa hết, khát dục chưa hết. Lại nữa, dùng đạo vô ngại dứt hết ái vô sắc, đối với đạo đó không tu, không dựa. Như vậy là không tu ý căn.

Hỏi: Thế nào là tu nhãn căn?

Đáp: Là ái của nhãn căn đã hết, tham hết, niệm hết, khát dục hết. Lại nữa, dùng đạo vô ngại dứt hết ái sắc, đối với đạo đó đã tu đã dựa. Như thế là tu nhãn căn.

Như nhãn căn, các căn nhĩ, tỷ, thiệt, thân cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là tu ý căn?

Đáp: Là ái của ý căn đã hết, tham hết, niệm hết, khát dục hết. Lại nữa, dùng đạo vô ngại dứt hết ái vô sắc, đối với đạo đó đã tu đã dựa. Như thế là tu ý căn.

Hỏi: Nếu không thành tựu căn học mà được căn học, thì tất cả Hành giả kia đã vượt thứ lớp thủ chứng (đẳng vô gián, nhập chánh tánh ly sinh) chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các Hành giả kia vượt thứ lớp thủ chứng, tất cả họ không thành tựu căn học mà được căn học.

Hỏi: Từng có không thành tựu căn học mà được căn học, Hành giả kia không vượt thứ lớp thủ chứng chăng?

Đáp: Có. Là thoái chuyển quả A-la-hán.

Hỏi: Nếu không thành tựu căn học mà được căn học, thì tất cả pháp thứ nhất thế gian kia là thứ đệ (đẳng vô gián) chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các pháp thứ nhất của thế gian là thứ đệ thì tất cả Hành giả kia không thành tựu căn học mà được căn học.

Hỏi: Từng có không thành tựu căn học mà được căn học, không phải là thứ đệ của pháp thứ nhất thế gian kia chăng?

Đáp: Có. Là thoái chuyển quả A-la-hán.

Hỏi: Nếu bỏ căn vô lậu, được căn vô lậu, thì tất cả Hành giả kia đều từ quả đến quả chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các quả đã từ quả đến quả thì tất cả Hành giả kia đã bỏ căn vô lậu được căn vô lậu.

Hỏi: Từng có bỏ căn vô lậu, được căn vô lậu, các Hành giả kia không từ quả đến quả chăng?

Đáp: Có. Là đã tu đạo, vị trí trí hiện ở trước. Hoặc A-la-hán đẳng ý giải thoát được vô nghi (bất động).

Hỏi: Nếu bỏ căn vô lậu, được căn vô lậu, thì tất cả Hành giả kia có căn vô lậu diệt, căn vô lậu hiện ở trước chăng?

Đáp: Hoặc có bỏ căn vô lậu được căn vô lậu, Hành giả không phải có căn vô lậu diệt, căn vô lậu hiện ở trước.

Thế nào là bỏ căn vô lậu được căn vô lậu, Hành giả kia không phải có căn vô lậu diệt, căn vô lậu hiện ở trước? Là dùng đạo thế tục nhận lấy quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, thoái chuyển quả A-la-hán, thoái chuyển quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm. Đây gọi là bỏ căn vô lậu được căn vô lậu, Hành giả kia không phải có căn vô lậu diệt, căn vô lậu hiện ở trước.

Thế nào là có căn vô lậu diệt, căn vô lậu hiện ở trước, Hành giả kia không phải là bỏ căn vô lậu được căn vô lậu? Là như vốn được căn vô lậu diệt và hiện ở trước. Đây gọi là có căn vô lậu diệt, căn vô lậu hiện ở trước, Hành giả kia không phải là bỏ căn vô lậu được căn vô lậu.

Thế nào là bỏ căn vô lậu được căn vô lậu, Hành giả kia có căn vô lậu diệt, căn vô lậu hiện ở trước? Là đã tu đạo, vị trí trí hiện ở trước, dùng đạo vô lậu nhận lấy quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, được quả A-la-hán, A-la-hán đặng ý giải thoát được vô nghi (bất động). Đây gọi là bỏ căn vô lậu được căn vô lậu, Hành giả kia có căn vô lậu diệt, căn vô lậu hiện ở trước.

Thế nào là không phải bỏ căn vô lậu được căn vô lậu cũng không phải có căn vô lậu diệt, căn vô lậu hiện ở trước? Là trừ các sự việc nêu trên.

Hỏi: Các vị trí căn, tất cả căn ấy đều không tu để (hiện quán về bốn Thánh đế) là có thể tu để chăng?

Đáp: Hoặc có vị trí căn, căn ấy không phải không tu để có thể tu để.

Thế nào là vị tri căn, căn ấy không phải không tu để có thể tu để? Là các vị tri căn hoặc là quá khứ, vị lai. Đây gọi là vị tri căn, căn ấy không phải không tu để có thể tu để.

Thế nào là không tu để có thể tu để, căn ấy không phải là vị tri căn? Là các pháp không phải là căn không tu để có thể tu để. Đây gọi là không tu để có thể tu để, căn ấy không phải là vị tri căn.

Thế nào là vị tri căn, căn ấy không tu để có thể tu để? Là các vị tri căn không tu để có thể tu để. Đây gọi là vị tri căn, căn ấy không tu để có thể tu để.

Thế nào là không phải vị tri căn cũng không phải là không tu để có thể tu để? Là trừ các sự việc nêu trên.

Hỏi: Tận trí đầu tiên sinh, thì tất cả đạo vô ngại kia là thứ đệ (đẳng vô gián) chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như đạo vô ngại là thứ đệ thì tất cả đạo ấy là tận trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Vô sinh trí đầu tiên sinh, thì tất cả tận trí kia là thứ đệ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như tận trí là thứ đệ thì tất cả chúng là vô sinh trí chăng?

Đáp: Hoặc là tận trí, hoặc là vô sinh trí, hoặc là đẳng kiến vô học.

Hỏi: Như duyên nơi đạo vô ngại thì cũng duyên nơi tận trí chăng?

Đáp: Nếu duyên nơi loại đạo vô ngại này thì duyên nơi tận trí kia. Nếu không duyên nơi loại đạo vô ngại này thì không duyên nơi tận trí kia.

Hỏi: Như duyên nơi tận trí thì cũng duyên nơi vô sinh trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Như duyên nơi vô sinh trí thì cũng duyên nơi tận trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Tận trí nên nói là tận trí chăng?

Đáp: Tận trí nên nói là tận trí. Hoặc là pháp trí, vị trí trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí. Hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán. Hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ căn, hộ căn, không, vô tướng, vô nguyện. Hoặc duyên hệ thuộc cõi Dục, hoặc duyên hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

Như tận trí, vô sinh trí cũng như vậy.

Hỏi: Đẳng kiến vô học nên nói là đẳng kiến vô học chăng?

Đáp: Đẳng kiến vô học nên nói là đẳng kiến vô học. Hoặc là pháp trí, vị trí trí, tha tâm trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí. Hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán. Hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ căn, hộ căn, không, vô tướng, vô nguyện. Hoặc duyên hệ thuộc cõi Dục, hoặc duyên hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

Hỏi: Các pháp tương ưng với đẳng kiến vô học, pháp đó tương ưng với đẳng chí vô học chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng kiến không phải là đẳng chí.

Thế nào là đẳng kiến không phải là đẳng chí? Là đẳng kiến tương ưng với đẳng chí, các đẳng chí không tương ưng với pháp tương ưng của đẳng kiến. Đây gọi là đẳng kiến không phải là đẳng chí.

Thế nào là đẳng chí không phải là đẳng kiến? Là đẳng chí tương ưng với đẳng kiến, các đẳng kiến không tương ưng với pháp tương ưng của đẳng chí. Đây gọi là đẳng chí không phải là đẳng kiến.

Thế nào là đẳng kiến cũng là đẳng chí? Là trừ đẳng kiến tương ưng với đẳng chí, còn lại là các pháp tương ưng của đẳng chí, đẳng kiến. Đây gọi là đẳng kiến cũng là đẳng chí.

Thế nào là không phải đẳng kiến cũng không phải là đẳng chí? Là đẳng kiến không tương ưng với đẳng chí, đẳng chí không tương ưng với đẳng kiến, cùng các tâm tâm pháp khác, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây gọi là không phải đẳng kiến cũng không phải là đẳng chí.

Hỏi: Các pháp tương ưng với đẳng kiến vô học, pháp đó tương ưng với đẳng phương tiện vô học chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng kiến không phải là đẳng phương tiện.

Thế nào là đẳng kiến không phải là đẳng phương tiện? Là đẳng kiến tương ưng với đẳng phương tiện. Đây gọi là đẳng kiến không phải là đẳng phương tiện.

Thế nào là đẳng phương tiện không phải là đẳng kiến? Là đẳng kiến, các đẳng kiến không tương ưng với pháp tương ưng của đẳng phương tiện. Đây gọi là đẳng phương tiện không phải là đẳng kiến.

Thế nào là đẳng kiến cũng là đẳng phương tiện? Là trừ đẳng phương tiện, còn lại là các pháp tương ưng của đẳng kiến. Đây gọi là đẳng kiến cũng là đẳng phương tiện.

Thế nào là không phải đẳng kiến cũng không phải là đẳng phương tiện? Là đẳng kiến không tương ưng với đẳng phương tiện, đẳng phương tiện không tương ưng với đẳng kiến, cùng các tâm tâm pháp khác, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây gọi là không phải đẳng kiến cũng không phải là đẳng phương tiện.

Như đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định, đẳng giải thoát cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với đẳng kiến vô học, pháp đó tương ưng với đẳng trí vô học chăng?

Đáp: Các pháp tương ưng với đẳng kiến vô học, pháp đó không phải là đẳng trí vô học. Nếu như các pháp tương ưng với đẳng trí vô học, pháp đó không phải là đẳng kiến vô học.

Hỏi: Các pháp tương ưng với đẳng chí vô học, pháp đó tương ưng với đẳng phương tiện vô học chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng chí không phải là đẳng phương tiện.

Thế nào là đẳng chí không phải là đẳng phương tiện? Là đẳng chí tương ưng với đẳng phương tiện. Đây gọi là đẳng chí không phải là đẳng phương tiện.

Thế nào là đẳng phương tiện không phải là đẳng chí? Là đẳng chí các đẳng chí không tương ưng với pháp tương ưng của đẳng phương tiện. Đây gọi là đẳng phương tiện không phải là đẳng chí.

Thế nào là đẳng chí cũng là đẳng phương tiện? Là trừ đẳng phương tiện, còn lại là các pháp tương ưng của đẳng chí. Đây gọi là đẳng chí cũng là đẳng phương tiện.

Thế nào là không phải đẳng chí cũng không phải là đẳng phương tiện? Là đẳng chí không tương ưng với đẳng phương tiện, đẳng phương tiện không tương ưng với đẳng chí, cùng các tâm tâm pháp khác, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây gọi là không phải đẳng chí cũng không phải là đẳng phương tiện.

Như đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định, đẳng giải thoát cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với đẳng chí vô học, pháp đó tương ưng với đẳng trí vô học chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng chí không phải là đẳng trí.

Thế nào là đẳng chí không phải là đẳng trí? Là đẳng chí tương ứng với đẳng trí, các đẳng trí không tương ứng với pháp tương ứng của đẳng chí. Đây gọi là đẳng chí không phải là đẳng trí.

Thế nào là đẳng trí không phải là đẳng chí? Là đẳng trí tương ứng với đẳng chí, các đẳng chí không tương ứng với pháp tương ứng của đẳng trí. Đây gọi là đẳng trí không phải là đẳng chí.

Thế nào là đẳng chí cũng là đẳng trí? Là trừ đẳng chí tương ứng với đẳng trí, còn lại là các pháp tương ứng của đẳng chí, đẳng trí. Đây gọi là đẳng chí cũng là đẳng trí.

Thế nào là không phải đẳng chí cũng không phải là đẳng trí? Là đẳng chí không tương ứng với đẳng trí, đẳng trí không tương ứng với đẳng chí, cùng các tâm tâm pháp khác, sắc, vô vi, tâm bất tương ứng hành. Đây gọi là không phải đẳng chí cũng không phải là đẳng trí.

Hỏi: Các pháp tương ứng với đẳng phương tiện vô học, pháp đó tương ứng với đẳng niệm vô học chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng phương tiện không phải là đẳng niệm.

Thế nào là đẳng phương tiện không phải là đẳng niệm? Là đẳng niệm. Đây gọi là đẳng phương tiện không phải là đẳng niệm.

Thế nào là đẳng niệm không phải là đẳng phương tiện? Là đẳng phương tiện. Đây gọi là đẳng niệm không phải là đẳng phương tiện.

Thế nào là đẳng phương tiện cũng là đẳng niệm? Là trừ đẳng niệm, còn lại là các pháp tương ứng của đẳng phương tiện. Đây gọi là đẳng phương tiện cũng là đẳng niệm.

Thế nào là không phải đẳng phương tiện cũng không phải là đẳng niệm? Là đẳng niệm không tương ứng với đẳng phương tiện, đẳng phương tiện không tương ứng với đẳng niệm, cùng các tâm tâm pháp khác, sắc, vô vi, tâm bất tương ứng hành. Đây gọi là không phải đẳng phương tiện cũng không phải là đẳng niệm.

Như đẳng niệm, đẳng định, đẳng giải thoát cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với đẳng phương tiện vô học, pháp đó tương ưng với đẳng trí vô học chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng phương tiện không phải là đẳng trí.

Thế nào là đẳng phương tiện không phải là đẳng trí? Là đẳng trí, các đẳng trí không tương ưng với pháp tương ưng của đẳng phương tiện.. Đây gọi là đẳng phương tiện không phải là đẳng trí.

Thế nào là đẳng trí không phải là đẳng phương tiện? Là đẳng trí tương ưng với đẳng phương tiện. Đây gọi là đẳng trí không phải là đẳng phương tiện.

Thế nào là đẳng phương tiện cũng là đẳng trí? Là trừ đẳng phương tiện, còn lại là các pháp tương ưng của đẳng trí. Đây gọi là đẳng phương tiện cũng là đẳng trí.

Thế nào là không phải đẳng phương tiện cũng không phải là đẳng trí? Là đẳng trí không tương ưng với đẳng phương tiện, cùng các tâm tâm pháp khác, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây gọi là không phải đẳng phương tiện cũng không phải là đẳng trí.

Đẳng niệm, đẳng định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với đẳng giải thoát vô học, pháp đó tương ưng với đẳng trí vô học chăng?

Đáp: Hoặc có đẳng giải thoát không phải là đẳng trí.

Thế nào là đẳng giải thoát không phải là đẳng trí? Là đẳng trí, các đẳng trí không tương ưng với pháp tương ưng của đẳng giải thoát. Đây gọi là đẳng giải thoát không phải là đẳng trí.

Thế nào là đẳng trí không phải là đẳng giải thoát? Là đẳng trí tương ưng với đẳng giải thoát. Đây gọi là đẳng trí không phải là đẳng giải thoát.

Thế nào là đẳng giải thoát cũng là đẳng trí? Là trừ đẳng giải thoát, còn lại là các pháp tương ưng của đẳng trí. Đây gọi là đẳng giải thoát cũng là đẳng trí.

Thế nào là không phải đẳng giải thoát cũng không phải là đẳng trí? Là đẳng trí không tương ưng với đẳng giải thoát, cùng các tâm tâm pháp khác, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành. Đây gọi là không phải đẳng giải thoát cũng không phải là đẳng trí.

Phẩm 6: BÀN VỀ NGU' TỬ

Hai mươi hai căn: Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn, nam căn, nữ căn, mạng căn, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, hộ căn, tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn.

Nếu thành tựu nhãn căn, đối với hai mươi hai căn này, có bao nhiêu căn thành tựu, bao nhiêu căn không thành tựu? Cho đến thành tựu vô tri căn, đối với hai mươi hai căn này, có bao nhiêu căn thành tựu, bao nhiêu căn không thành tựu?

Nếu thành tựu nhãn căn, đối với hai mươi hai căn này, có bao nhiêu căn thành tựu nơi quá khứ, vị lai, hiện tại? Bao nhiêu căn không thành tựu nơi quá khứ, vị lai, hiện tại? Cho đến nếu thành tựu vô tri căn, đối với hai mươi hai căn này, có bao nhiêu căn thành tựu nơi quá khứ, vị lai, hiện tại? Bao nhiêu căn không thành tựu nơi quá khứ, vị lai, hiện tại?

Nếu không thành tựu nhãn căn, đối với hai mươi hai căn này, có bao nhiêu căn thành tựu, bao nhiêu căn không thành tựu? Cho đến không thành tựu vô tri căn, đối với hai mươi hai căn này, có bao nhiêu căn thành tựu, bao nhiêu căn không thành tựu?

Nếu không thành tựu nhãn căn, đối với hai mươi hai căn này, có bao nhiêu căn thành tựu nơi quá khứ, vị lai, hiện tại? Bao nhiêu căn không thành tựu nơi quá khứ, vị lai, hiện tại? Cho đến nếu không thành tựu vô tri căn, đối với hai mươi hai căn này, có bao nhiêu căn thành tựu nơi quá khứ, vị lai, hiện tại? Bao nhiêu căn không thành tựu nơi quá khứ, vị lai, hiện tại?

Các căn thiện, căn ấy là nhân nơi căn thiện chăng? Nếu như các căn nhân nơi căn thiện, căn ấy là thiện chăng? Các căn bất thiện, căn ấy là nhân nơi căn bất thiện chăng? Nếu như các căn nhân nơi căn bất thiện, căn ấy là bất thiện chăng? Các căn vô ký, căn ấy là nhân nơi căn vô ký chăng? Nếu như các căn nhân nơi căn vô ký, căn ấy là vô ký chăng? Từng có căn không phải nhân nơi căn thiện, không phải nhân nơi căn bất thiện, không phải nhân nơi căn vô ký, căn ấy không phải là không nhân chăng?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hai mươi hai căn: Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn, nam căn, nữ căn, mạng căn, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, hộ căn, tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn.

Nếu thành tựu nhãn căn, Hành giả tất thành tựu năm căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Như nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu thân căn, Hành giả kia tất thành tựu bốn căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu ý căn, Hành giả kia tất thành tựu ba căn (ý, mạng, hộ), số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Như ý căn, mạng căn, hộ căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu nam căn, nữ căn, Hành giả kia tất thành tựu tám căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu lạc căn, Hành giả kia tất thành tựu bốn căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu tạo thành khổ căn, Hành giả kia tất thành tựu bảy căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu hỷ căn, Hành giả kia tất thành tựu năm căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu tạo thành ưu căn, Hành giả kia tất thành tựu tám căn, tất không thành tựu một căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu tín căn, Hành giả kia tất thành tựu tám căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Như tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu vị tri căn, Hành giả kia tất thành tựu mười ba căn, tất không thành tựu hai căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu dĩ tri căn, Hành giả kia tất thành tựu mười một căn, tất không thành tựu hai căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu vô tri căn, Hành giả kia tất thành tựu mười một căn, tất không thành tựu ba căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu nhãn căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai tám căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai hai căn, hiện tại ba căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Như nhân căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu thân căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai tám căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai hai căn, hiện tại hai căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu ý căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai tám căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai hai căn, hiện tại một căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Như ý căn, mạng căn, hộ căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu nam căn, nữ căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai tám căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai năm căn, hiện tại ba căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu lạc căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai tám căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai hai căn, vị lai một, hiện tại một, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu tạo thành khổ căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai tám căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai năm căn, hiện tại hai căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu hỷ căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai tám căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai hai căn, hiện tại một căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu tạo thành ưu căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai tám căn, tất không thành tựu quá khứ, vị lai, hiện tại một căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai bốn căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai, hiện tại hai căn, hiện tại hai căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu tín căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai tám căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai bảy căn, hiện tại một căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Như tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu vị trí căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai tám căn, tất không thành tựu quá khứ, vị lai, hiện tại hai căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai, hiện tại bảy căn, thành tựu quá khứ, vị lai ba, vị lai, hiện tại một, hiện tại hai, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu dĩ trí căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai tám căn, tất không thành tựu quá khứ, vị lai, hiện tại hai căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai bảy căn, vị lai ba, hiện tại một, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu vô trí căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai tám căn, tất không thành tựu quá khứ, vị lai, hiện tại ba căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai bảy căn, vị lai ba, hiện tại một, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu không thành tựu nhãn căn, Hành giả kia tất không thành tựu một căn, tất thành tựu ba căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Như nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn cũng như vậy.

Nếu không thành tựu thân căn, Hành giả kia tất thành tựu tám căn, tất không thành tựu mười căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Ý căn, mạng căn, hộ căn đều thành tựu.

Nếu không thành tựu nam căn, nữ căn, Hành giả kia tất thành tựu ba căn, tất không thành tựu một căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu không thành tựu lạc căn, Hành giả kia tất thành tựu tám căn, tất không thành tựu chín căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu không tạo thành khổ căn, Hành giả kia tất thành tựu bảy căn, tất không thành tựu năm căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu không thành tựu hỷ căn, Hành giả kia tất thành tựu tám căn, tất không thành tựu tám căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu không tạo thành ưu căn, Hành giả kia tất thành tựu tám căn, tất không thành tựu một căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu không thành tựu tín căn, Hành giả kia tất thành tựu tám căn, tất không thành tựu tám căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Như tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng như vậy.

Nếu không thành tựu vị tri căn, Hành giả kia tất thành tựu ba căn, tất không thành tựu một căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Như vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn cũng như vậy.

Nếu không thành tựu nhãn căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai, hiện tại một căn, tất không thành tựu quá khứ, vị lai bảy căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai hai căn, hiện tại một căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Như nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn cũng như vậy.

Nếu không thành tựu thân căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai, hiện tại mười căn, tất không thành tựu quá khứ, vị lai một căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai năm căn, quá khứ, vị lai, hiện tại hai căn, hiện tại một căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Ý căn, mạng căn, hộ căn đều thành tựu.

Nếu không thành tựu nam căn, nữ căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai, hiện tại một căn, tất không thành tựu quá khứ, vị lai bảy căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai hai căn, hiện tại một căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu không thành tựu lạc căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai, hiện tại chín căn, tất không thành tựu quá khứ, vị lai sáu căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai bảy căn, hiện tại một căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu không tạo thành khổ căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai, hiện tại năm căn, tất không thành tựu quá khứ, vị lai sáu căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai bảy căn, hiện tại một căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu không thành tựu hỷ căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai, hiện tại tám căn, tất không thành tựu quá khứ, vị lai sáu căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai bảy căn, hiện tại một căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu không tạo thành ưu căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai, hiện tại một căn, tất không thành tựu quá khứ, vị lai tám căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai bảy căn, hiện tại một căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu không thành tựu tín căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai, hiện tại tám căn, tất không thành tựu quá khứ, vị lai tám căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai bốn căn, quá khứ, vị lai, hiện tại hai căn, hiện tại hai căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Như tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng như vậy.

Nếu không thành tựu vị tri căn, Hành giả kia tất không thành tựu quá khứ, vị lai, hiện tại một căn, tất không thành tựu quá khứ, vị

lai tám căn, tất thành tựu quá khứ, vị lai hai căn, hiện tại một căn, số còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Như vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Các căn thiện, căn ấy là nhân nơi căn thiện chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các căn thiện, căn ấy là nhân nơi căn thiện.

Hỏi: Từng có các căn nhân nơi căn thiện, căn ấy không phải là thiện chăng?

Đáp: Có. Là căn thiện vốn có báo và căn vô ký.

Hỏi: Các căn bất thiện, căn ấy là nhân nơi căn bất thiện chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các căn bất thiện, căn ấy là nhân nơi căn bất thiện.

Hỏi: Từng có các căn nhân nơi căn bất thiện, căn ấy không phải là bất thiện chăng?

Đáp: Có. Là căn bất thiện vốn có báo và căn vô ký, hoặc căn tương ưng với thân kiến, biên kiến nơi cõi Dục.

Hỏi: Các căn vô ký, căn ấy là nhân nơi căn vô ký chăng?

Đáp: Hoặc có căn vô ký, căn ấy không phải nhân nơi căn vô ký.

Thế nào là căn vô ký, căn ấy không phải nhân nơi căn vô ký? Là căn vô ký không duyên. Đây là căn vô ký, căn ấy không phải nhân nơi căn vô ký.

Thế nào là căn nhân nơi căn vô ký, căn ấy không phải là vô ký? Là căn bất thiện. Đây gọi là căn nhân nơi căn vô ký, căn ấy không phải là vô ký.

Thế nào là căn vô ký, căn ấy đã nhân nơi căn vô ký? Là căn vô ký có duyên. Đây gọi là căn vô ký, căn ấy đã nhân nơi căn vô ký.

Thế nào là căn không phải vô ký, căn ấy cũng không phải nhân nơi căn vô ký? Là căn thiện. Đây gọi là căn không phải vô ký, căn ấy cũng không phải nhân nơi căn vô ký.

Hỏi: Từng có căn không phải nhân nơi căn thiện, không phải nhân nơi căn bất thiện, không phải nhân nơi căn vô ký, căn ấy không phải là không nhân chăng?

Đáp: Có. Là các căn không duyên, nhân nơi sắc tâm bất tương ưng hành.

HẾT - QUYỂN 22

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 23

Kiềm độ thứ 6: CĂN

Phẩm 7: BÀN VỀ DUYÊN, phần 1

* *Tụng nêu chung:*

*Nhân và các duyên
Nên tạo lần lượt:
Năm, ba cùng bốn
Bốn cũng cùng tám
Tám cùng có tám
Tám cũng lại bốn.*

Các căn nhân nơi quá khứ, căn đó duyên nơi quá khứ chăng? Nếu như các căn duyên nơi quá khứ, căn đó là nhân nơi quá khứ chăng? Các căn nhân nơi vị lai, nhân nơi hiện tại, nhân nơi thiện, nhân nơi bất thiện, nhân nơi vô ký, nhân hệ thuộc nơi cõi Dục, nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc, nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, nhân không hệ thuộc, nhân nơi học, nhân nơi vô học, nhân nơi phi học phi vô học, nhân nơi kiến đế đoạn, nhân nơi tư duy đoạn, nhân nơi không đoạn, căn đó duyên nơi v.v... không đoạn chăng? Nếu như các căn duyên nơi không đoạn, căn đó là nhân nơi không đoạn chăng?

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, căn đó duyên nơi kiến khổ đoạn chăng? Nếu như các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, căn đó nhân

nơi kiến khổ đoạn chẳng? Các căn nhân nơi kiến tập đoạn, kiến tận đoạn, kiến đạo đoạn, căn đó duyên nơi kiến tập đoạn, kiến tận đoạn, kiến đạo đoạn chẳng? Nếu như các căn duyên nơi kiến tập đoạn, kiến tận đoạn, kiến đạo đoạn, căn đó nhân nơi kiến tập đoạn, kiến tận đoạn, kiến đạo đoạn chẳng?

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, căn đó duyên nơi khổ pháp trí đoạn chẳng? Nếu như các căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn, căn đó nhân nơi kiến khổ đoạn chẳng? Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, căn đó duyên nơi khổ vị trí trí đoạn chẳng? Nếu như các căn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn, căn đó nhân nơi kiến khổ đoạn chẳng? Các căn nhân nơi kiến tập đoạn, kiến tận đoạn, kiến đạo đoạn, căn đó duyên nơi tập pháp trí đoạn, tận pháp trí đoạn, đạo pháp trí đoạn chẳng? Nếu như các căn duyên nơi tập pháp trí đoạn, tận pháp trí đoạn, đạo pháp trí đoạn, căn đó nhân nơi kiến tập đoạn, kiến tận đoạn, kiến đạo đoạn chẳng? Các căn nhân nơi kiến tập đoạn, kiến tận đoạn, kiến đạo đoạn, căn đó duyên nơi tập vị trí trí đoạn, tận vị trí trí đoạn, đạo vị trí trí đoạn chẳng? Nếu như các căn duyên nơi tập vị trí trí đoạn, tận vị trí trí đoạn, đạo vị trí trí đoạn, căn đó nhân nơi kiến đạo đoạn chẳng?

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, căn đó duyên nơi khổ pháp trí đoạn chẳng? Nếu như các căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn, căn đó nhân nơi khổ pháp trí đoạn chẳng? Các căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn, căn đó duyên nơi khổ vị trí trí đoạn chẳng? Nếu như các căn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn, căn đó nhân nơi khổ vị trí trí đoạn chẳng? Các căn nhân nơi tập pháp trí đoạn, tận pháp trí đoạn, đạo pháp trí đoạn, căn đó duyên nơi tập pháp trí đoạn, tận pháp trí đoạn, đạo pháp trí đoạn chẳng? Nếu như các căn duyên nơi tập pháp trí đoạn, tận pháp trí đoạn, đạo pháp trí đoạn, căn đó nhân nơi tập pháp trí đoạn, tận pháp trí đoạn, đạo pháp trí đoạn chẳng? Các căn nhân nơi tập vị trí trí đoạn, tận vị trí trí đoạn, đạo vị trí trí đoạn, căn

đó duyên nơi tập vị trí trí đoạn, tận vị trí trí đoạn, đạo vị trí trí đoạn chẳng? Nếu như các căn duyên nơi tập vị trí trí đoạn, tận vị trí trí đoạn, đạo vị trí trí đoạn, căn đó nhân nơi tập vị trí trí đoạn, tận vị trí trí đoạn, đạo vị trí trí đoạn chẳng?

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, căn đó duyên nơi kiến khổ đoạn chẳng? Nếu như các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, căn đó nhân nơi khổ pháp trí đoạn chẳng? Các căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn, căn đó duyên nơi kiến khổ đoạn chẳng? Nếu như các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, căn đó nhân nơi khổ vị trí trí đoạn chẳng? Các căn nhân nơi tập pháp trí đoạn, tận pháp trí đoạn, đạo pháp trí đoạn, căn đó duyên nơi kiến tập đoạn, kiến tận đoạn, kiến đạo đoạn chẳng? Nếu như các căn duyên nơi kiến tập đoạn, kiến tận đoạn, kiến đạo đoạn, căn đó nhân nơi tập pháp trí đoạn, tận pháp trí đoạn, đạo pháp trí đoạn chẳng? Các căn nhân nơi tập vị trí trí đoạn, tận vị trí trí đoạn, đạo vị trí trí đoạn, căn đó duyên nơi kiến tập đoạn, kiến tận đoạn, kiến đạo đoạn chẳng? Nếu như các căn duyên nơi kiến tập đoạn, kiến tận đoạn, kiến đạo đoạn, căn đó nhân nơi tập vị trí trí đoạn, tận vị trí trí đoạn, đạo vị trí trí đoạn chẳng?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hỏi: Các căn nhân nơi quá khứ, căn đó duyên nơi quá khứ chẳng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi quá khứ duyên nơi quá khứ. Hoặc căn nhân nơi quá khứ duyên nơi vị lai. Hoặc căn nhân nơi quá khứ duyên nơi hiện tại. Hoặc căn nhân nơi quá khứ duyên nơi vô vi. Hoặc căn nhân nơi quá khứ không có duyên.

Thế nào là căn nhân nơi quá khứ duyên nơi quá khứ? Là các căn nhân nơi quá khứ duyên nơi quá khứ. Lại nữa, các căn vị lai, hiện tại nhân nơi quá khứ duyên nơi quá khứ.

Thế nào là căn nhân nơi quá khứ duyên nơi vị lai? Là các căn quá khứ duyên nơi vị lai. Lại nữa, các căn vị lai, hiện tại nhân nơi quá khứ duyên nơi vị lai.

Thế nào là căn nhân nơi quá khứ duyên nơi hiện tại? Là các căn quá khứ duyên nơi hiện tại. Lại nữa, các căn vị lai, hiện tại nhân nơi quá khứ duyên nơi hiện tại.

Thế nào là căn nhân nơi quá khứ duyên nơi vô vi? Là các căn quá khứ duyên nơi vô vi. Lại nữa, các căn vị lai, hiện tại nhân nơi quá khứ duyên nơi vô vi.

Thế nào là căn nhân nơi quá khứ không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp quá khứ không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi quá khứ, căn đó nhân nơi quá khứ chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi quá khứ nhân nơi quá khứ. Hoặc căn duyên nơi quá khứ nhân nơi vị lai. Hoặc căn duyên nơi quá khứ nhân nơi hiện tại.

Thế nào là căn duyên nơi quá khứ nhân nơi quá khứ? Là các căn duyên nơi quá khứ nhân nơi quá khứ. Lại nữa, các căn vị lai, hiện tại nhân nơi quá khứ duyên nơi quá khứ.

Thế nào là căn duyên nơi quá khứ nhân nơi vị lai? Là các căn vị lai duyên nơi quá khứ.

Thế nào là căn duyên nơi quá khứ nhân nơi hiện tại? Là các căn hiện tại duyên nơi quá khứ. Lại nữa, các căn vị lai nhân nơi hiện tại duyên nơi quá khứ.

Hỏi: Các căn nhân nơi vị lai, căn đó duyên nơi vị lai chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi vị lai duyên nơi vị lai. Hoặc căn nhân nơi vị lai duyên nơi quá khứ. Hoặc căn nhân nơi vị lai duyên nơi hiện

tại. Hoặ cấn nhân nơi vị lai duyên nơi vô vi. Hoặ cấn nhân nơi vị lai không có duyên.

Thế nào là cấn nhân nơi vị lai duyên nơi vị lai? Là các cấn vị lai duyên nơi vị lai.

Thế nào là cấn nhân nơi vị lai duyên nơi quá khứ? Là các cấn vị lai duyên nơi quá khứ.

Thế nào là cấn nhân nơi vị lai duyên nơi hiện tại? Là các cấn vị lai duyên nơi hiện tại.

Thế nào là cấn nhân nơi vị lai duyên nơi vô vi? Là các cấn vị lai duyên nơi vô vi.

Thế nào là cấn nhân nơi vị lai không có duyên? Là các cấn nhân nơi pháp vị lai không có duyên.

Hỏi: Nếu như các cấn duyên nơi vị lai, cấn đó nhân nơi vị lai chăng?

Đáp: Hoặ cấn duyên nơi vị lai nhân nơi vị lai. Hoặ cấn duyên nơi vị lai nhân nơi quá khứ. Hoặ cấn duyên nơi vị lai nhân nơi hiện tại.

Thế nào là cấn duyên nơi vị lai nhân nơi vị lai? Là các cấn vị lai duyên nơi vị lai.

Thế nào là cấn duyên nơi vị lai nhân nơi quá khứ? Là các cấn quá khứ duyên nơi vị lai. Lại nữa, các cấn vị lai, hiện tại nhân nơi quá khứ duyên nơi vị lai.

Thế nào là cấn duyên nơi vị lai nhân nơi hiện tại? Là các cấn hiện tại duyên nơi vị lai. Lại nữa, các cấn vị lai nhân nơi hiện tại duyên nơi vị lai.

Hỏi: Các cấn nhân nơi hiện tại, cấn đó duyên nơi hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi hiện tại duyên nơi hiện tại. Hoặc căn nhân nơi hiện tại duyên nơi quá khứ. Hoặc căn nhân nơi hiện tại duyên nơi vị lai. Hoặc căn nhân nơi hiện tại duyên nơi vô vi. Hoặc căn nhân nơi hiện tại không có duyên.

Thế nào là căn nhân nơi hiện tại duyên nơi hiện tại? Là các căn hiện tại duyên nơi hiện tại. Lại nữa, các căn vị lai nhân nơi hiện tại duyên nơi hiện tại.

Thế nào là căn nhân nơi hiện tại duyên nơi quá khứ? Là các căn hiện tại duyên nơi quá khứ. Lại nữa, các căn vị lai nhân nơi hiện tại duyên nơi quá khứ.

Thế nào là căn nhân nơi hiện tại duyên nơi vị lai? Là các căn hiện tại duyên nơi vị lai. Lại nữa, các căn vị lai nhân nơi hiện tại duyên nơi vị lai.

Thế nào là căn nhân nơi hiện tại duyên nơi vô vi? Là các căn hiện tại duyên nơi vô vi. Lại nữa, các căn vị lai nhân nơi hiện tại duyên nơi vô vi.

Thế nào là căn nhân nơi hiện tại không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp hiện tại không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi hiện tại, căn đó nhân nơi hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi hiện tại nhân nơi hiện tại. Hoặc căn duyên nơi hiện tại nhân nơi quá khứ. Hoặc căn duyên nơi hiện tại nhân nơi vị lai.

Thế nào là căn duyên nơi hiện tại nhân nơi hiện tại? Là các căn hiện tại duyên nơi hiện tại. Lại nữa, các căn vị lai nhân nơi hiện tại duyên nơi hiện tại.

Thế nào là căn duyên nơi hiện tại nhân nơi quá khứ? Là các căn quá khứ duyên nơi hiện tại. Lại nữa, các căn vị lai, hiện tại nhân nơi quá khứ duyên nơi hiện tại.

Thế nào là căn duyên nơi hiện tại nhân nơi vị lai? Là các căn vị lai duyên nơi hiện tại.

Hỏi: Các căn nhân nơi thiện, căn đó duyên nơi thiện chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi thiện duyên nơi thiện. Hoặc căn nhân nơi thiện duyên nơi bất thiện. Hoặc căn nhân nơi thiện duyên nơi vô ký. Hoặc căn nhân nơi thiện không có duyên.

Thế nào là căn nhân nơi thiện duyên nơi thiện? Là các căn thiện duyên nơi thiện. Lại nữa, các căn vô ký nhân nơi thiện duyên nơi thiện.

Thế nào là căn nhân nơi thiện duyên nơi bất thiện? Là các căn thiện duyên nơi bất thiện. Lại nữa, các căn vô ký nhân nơi thiện duyên nơi bất thiện.

Thế nào là căn nhân nơi thiện duyên nơi vô ký? Là các căn thiện duyên nơi vô ký. Lại nữa, các căn vô ký nhân nơi thiện duyên nơi vô ký.

Thế nào là căn nhân nơi thiện không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp thiện không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi thiện, căn đó nhân nơi thiện chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi thiện nhân nơi thiện. Hoặc căn duyên nơi thiện nhân nơi bất thiện. Hoặc căn duyên nơi thiện nhân nơi vô ký.

Thế nào là căn duyên nơi thiện nhân nơi thiện? Là các căn thiện duyên nơi thiện. Lại nữa, các căn vô ký nhân nơi thiện duyên nơi thiện.

Thế nào là căn duyên nơi thiện nhân nơi bất thiện? Là các căn bất thiện duyên nơi thiện. Lại nữa, các căn vô ký nhân nơi bất thiện duyên nơi thiện.

Thế nào là căn duyên nơi thiện nhân nơi vô ký? Là các căn vô ký duyên nơi thiện. Lại nữa, các căn bất thiện nhân nơi vô ký duyên nơi thiện.

Hỏi: Các căn nhân nơi bất thiện, căn đó duyên nơi bất thiện chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi bất thiện duyên nơi bất thiện. Hoặc căn nhân nơi bất thiện duyên nơi thiện. Hoặc căn nhân nơi bất thiện duyên nơi vô ký. Hoặc căn nhân nơi bất thiện không có duyên.

Thế nào là căn nhân nơi bất thiện duyên nơi bất thiện? Là các căn bất thiện duyên nơi bất thiện. Lại nữa, các căn vô ký nhân nơi bất thiện duyên nơi bất thiện.

Thế nào là căn nhân nơi bất thiện duyên nơi thiện? Là các căn bất thiện duyên nơi thiện. Lại nữa, các căn vô ký nhân nơi bất thiện duyên nơi thiện.

Thế nào là căn nhân nơi bất thiện duyên nơi vô ký? Là các căn bất thiện duyên nơi vô ký. Lại nữa, các căn vô ký nhân nơi bất thiện duyên nơi vô ký.

Thế nào là căn nhân nơi bất thiện không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp bất thiện không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi bất thiện, căn đó nhân nơi bất thiện chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi bất thiện nhân nơi bất thiện. Hoặc căn duyên nơi bất thiện nhân nơi thiện. Hoặc căn duyên nơi bất thiện nhân nơi vô ký.

Thế nào là căn duyên nơi bất thiện nhân nơi bất thiện? Là các căn bất thiện duyên nơi bất thiện. Lại nữa, các căn vô ký nhân nơi bất thiện duyên nơi bất thiện.

Thế nào là căn duyên nơi bất thiện nhân nơi thiện? Là các căn thiện duyên nơi bất thiện. Lại nữa, các căn vô ký nhân nơi thiện duyên nơi bất thiện.

Thế nào là căn duyên nơi bất thiện nhân nơi vô ký? Là các căn vô ký duyên nơi bất thiện. Lại nữa, các căn bất thiện nhân nơi vô ký duyên nơi bất thiện.

Hỏi: Các căn nhân nơi vô ký, căn đó duyên nơi vô ký chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi vô ký duyên nơi vô ký. Hoặc căn nhân nơi vô ký duyên nơi thiện. Hoặc căn nhân nơi vô ký duyên nơi bất thiện. Hoặc căn nhân nơi vô ký không có duyên.

Thế nào là căn nhân nơi vô ký duyên nơi vô ký? Là các căn vô ký duyên nơi vô ký. Lại nữa, các căn bất thiện nhân nơi vô ký duyên nơi vô ký.

Thế nào là căn nhân nơi vô ký duyên nơi thiện? Là các căn vô ký duyên nơi thiện. Lại nữa, các căn bất thiện nhân nơi vô ký duyên nơi thiện.

Thế nào là căn nhân nơi vô ký duyên nơi bất thiện? Là các căn vô ký duyên nơi bất thiện. Lại nữa, các căn bất thiện nhân nơi vô ký duyên nơi bất thiện.

Thế nào là căn nhân nơi vô ký không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp vô ký không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi vô ký, căn đó nhân nơi vô ký chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi vô ký nhân nơi vô ký. Hoặc căn duyên nơi vô ký nhân nơi thiện. Hoặc căn duyên nơi vô ký nhân nơi bất thiện.

Thế nào là căn duyên nơi vô ký nhân nơi vô ký? Là các căn vô ký duyên nơi vô ký. Lại nữa, các căn bất thiện nhân nơi vô ký duyên nơi vô ký.

Thế nào là căn duyên nơi vô ký nhân nơi thiện? Là các căn thiện duyên nơi vô ký. Lại nữa, các căn vô ký nhân nơi thiện duyên nơi vô ký.

Thế nào là căn duyên nơi vô ký nhân nơi bất thiện? Là các căn bất thiện duyên nơi vô ký. Lại nữa, các căn vô ký nhân nơi bất thiện duyên nơi vô ký.

Hỏi: Các căn nhân hệ thuộc nơi cõi Dục, căn đó duyên hệ thuộc nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân hệ thuộc nơi cõi Dục duyên hệ thuộc nơi cõi Dục. Hoặc căn nhân hệ thuộc nơi cõi Dục duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc. Hoặc căn nhân hệ thuộc nơi cõi Dục duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. Hoặc căn nhân hệ thuộc nơi cõi Dục duyên không hệ thuộc. Hoặc căn nhân hệ thuộc nơi cõi Dục không có duyên.

Thế nào là căn nhân hệ thuộc nơi cõi Dục duyên hệ thuộc nơi cõi Dục? Là các căn hệ thuộc cõi Dục duyên hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là căn nhân hệ thuộc nơi cõi Dục duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc? Là các căn hệ thuộc cõi Dục, duyên hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là căn nhân hệ thuộc nơi cõi Dục duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc? Là các căn hệ thuộc cõi Dục duyên hệ thuộc cõi Vô sắc.

Thế nào là căn nhân hệ thuộc nơi cõi Dục duyên không hệ thuộc? Là các căn hệ thuộc cõi Dục duyên không hệ thuộc.

Thế nào là căn nhân hệ thuộc nơi cõi Dục không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp hệ thuộc cõi Dục không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn duyên hệ thuộc nơi cõi Dục, căn đó nhân hệ thuộc nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên hệ thuộc nơi cõi Dục nhân hệ thuộc nơi cõi Dục. Hoặc căn duyên hệ thuộc nơi cõi Dục nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc. Hoặc căn duyên hệ thuộc nơi cõi Dục nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. Hoặc căn duyên hệ thuộc nơi cõi Dục nhân không hệ thuộc.

Thế nào là căn duyên hệ thuộc nơi cõi Dục nhân hệ thuộc nơi cõi Dục? Là các căn hệ thuộc cõi Dục duyên hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là căn duyên hệ thuộc nơi cõi Dục nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc? Là các căn hệ thuộc cõi Sắc duyên hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là căn duyên hệ thuộc nơi cõi Dục nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc? Là các căn hệ thuộc cõi Vô sắc duyên hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là căn duyên hệ thuộc nơi cõi Dục nhân không hệ thuộc? Là các căn không hệ thuộc duyên hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Các căn nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc, căn đó duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc. Hoặc căn nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc duyên hệ thuộc nơi cõi Dục. Hoặc căn nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. Hoặc căn nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc duyên không hệ thuộc. Hoặc căn nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc không có duyên.

Thế nào là căn nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc? Là các căn hệ thuộc cõi Sắc duyên hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là căn nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc duyên hệ thuộc nơi cõi Dục? Là các căn hệ thuộc cõi Sắc duyên hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là căn nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc? Là các căn hệ thuộc cõi Sắc duyên hệ thuộc cõi Vô sắc.

Thế nào là căn nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc duyên không hệ thuộc? Là các căn hệ thuộc cõi Sắc duyên không hệ thuộc.

Thế nào là căn nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp hệ thuộc cõi Sắc không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc, căn đó nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc. Hoặc căn duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc nhân hệ thuộc nơi cõi Dục. Hoặc căn duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. Hoặc căn duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc nhân không hệ thuộc.

Thế nào là căn duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc? Là các căn hệ thuộc cõi Sắc duyên hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là căn duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc nhân hệ thuộc nơi cõi Dục? Là các căn hệ thuộc cõi Dục duyên hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là căn duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc? Là các căn hệ thuộc cõi Vô sắc duyên hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là căn duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc nhân không hệ thuộc? Là các căn không hệ thuộc duyên hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Các căn nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, căn đó duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. Hoặc căn nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc duyên hệ thuộc nơi cõi Dục. Hoặc căn nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc. Hoặc căn nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc duyên không hệ thuộc. Hoặc căn nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc không có duyên.

Thế nào là căn nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc? Là các căn hệ thuộc cõi Vô sắc duyên hệ thuộc cõi Vô sắc.

Thế nào là căn nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc duyên hệ thuộc nơi cõi Dục? Là các căn hệ thuộc cõi Vô sắc duyên hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là căn nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc? Là các căn hệ thuộc cõi Vô sắc duyên hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là căn nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc duyên không hệ thuộc? Là các căn hệ thuộc cõi Vô sắc duyên không hệ thuộc.

Thế nào là căn nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp hệ thuộc cõi Vô sắc không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, căn đó nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. Hoặc căn duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc nhân hệ thuộc nơi cõi Dục. Hoặc căn duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc. Hoặc căn duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc nhân không hệ thuộc.

Thế nào là căn duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc nhân hệ thuộc nơi cõi Vô sắc? Là các căn hệ thuộc cõi Vô sắc duyên hệ thuộc cõi Vô sắc.

Thế nào là căn duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc nhân hệ thuộc nơi cõi Dục? Là các căn hệ thuộc cõi Dục duyên hệ thuộc cõi Vô sắc.

Thế nào là căn duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc nhân hệ thuộc nơi cõi Sắc? Là các căn hệ thuộc cõi Sắc duyên hệ thuộc cõi Vô sắc.

Thế nào là căn duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc nhân không hệ thuộc? Là các căn không hệ thuộc duyên hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Các căn nhân nơi học, căn đó duyên nơi học chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi học duyên nơi học. Hoặc căn nhân nơi học duyên nơi vô học. Hoặc căn nhân nơi học duyên nơi phi học phi vô học.

Thế nào là căn nhân nơi học duyên nơi học? Là các căn học duyên nơi học. Lại nữa, các căn vô học nhân nơi học duyên nơi học.

Thế nào là căn nhân nơi học duyên nơi vô học? Là các căn học duyên nơi vô học. Lại nữa, các căn vô học nhân nơi học duyên nơi vô học.

Thế nào là căn nhân nơi học duyên nơi phi học phi vô học? Là các căn học duyên nơi phi học phi vô học. Lại nữa, các căn vô học nhân nơi học duyên nơi phi học phi vô học.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi học, căn đó nhân nơi học chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi học nhân nơi học. Hoặc căn duyên nơi học nhân nơi vô học. Hoặc căn duyên nơi học nhân nơi phi học phi vô học.

Thế nào là căn duyên nơi học nhân nơi học? Là các căn học duyên nơi học. Lại nữa, các căn vô học nhân nơi học duyên nơi học.

Thế nào là căn duyên nơi học nhân nơi vô học? Là các căn vô học duyên nơi học.

Thế nào là căn duyên nơi học nhân nơi phi học phi vô học? Là các căn phi học phi vô học duyên nơi học.

Hỏi: Các căn nhân nơi vô học, căn đó duyên nơi vô học chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi vô học duyên nơi vô học. Hoặc căn nhân nơi vô học duyên nơi học. Hoặc căn nhân nơi vô học duyên nơi phi học phi vô học.

Thế nào là căn nhân nơi vô học duyên nơi vô học? Là các căn vô học duyên nơi vô học.

Thế nào là căn nhân nơi vô học duyên nơi học? Là các căn vô học duyên nơi học.

Thế nào là căn nhân nơi vô học duyên nơi phi học phi vô học?
Là các căn vô học duyên nơi phi học phi vô học.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi vô học, căn đó nhân nơi vô học chẳng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi vô học nhân nơi vô học. Hoặc căn duyên nơi vô học nhân nơi học. Hoặc căn duyên nơi vô học nhân nơi phi học phi vô học.

Thế nào là căn duyên nơi vô học nhân nơi vô học? Là các căn vô học duyên nơi vô học.

Thế nào là căn duyên nơi vô học nhân nơi học? Là các căn học duyên nơi vô học. Lại nữa, các căn vô học nhân nơi học duyên nơi vô học.

Thế nào là căn duyên nơi vô học nhân nơi phi học phi vô học?
Là các căn phi học phi vô học duyên nơi vô học.

Hỏi: Các căn nhân nơi phi học phi vô học, căn đó duyên nơi phi học phi vô học chẳng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi phi học phi vô học duyên nơi phi học phi vô học. Hoặc căn nhân nơi phi học phi vô học duyên nơi học. Hoặc căn nhân nơi phi học phi vô học duyên nơi vô học. Hoặc căn nhân nơi phi học phi vô học không có duyên.

Thế nào là căn nhân nơi phi học phi vô học duyên nơi phi học phi vô học? Là các căn phi học phi vô học duyên nơi phi học phi vô học.

Thế nào là căn nhân nơi phi học phi vô học duyên nơi học? Là các căn phi học phi vô học duyên nơi học.

Thế nào là căn nhân nơi phi học phi vô học duyên nơi vô học?
Là các căn phi học phi vô học duyên nơi vô học.

Thế nào là căn nhân nơi phi học phi vô học không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp phi học phi vô học không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi phi học phi vô học, căn đó nhân nơi phi học phi vô học chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi phi học phi vô học nhân nơi phi học phi vô học. Hoặc căn duyên nơi phi học phi vô học nhân nơi học. Hoặc căn duyên nơi phi học phi vô học nhân nơi vô học.

Thế nào là căn duyên nơi phi học phi vô học nhân nơi phi học phi vô học? Là các căn phi học phi vô học duyên nơi phi học phi vô học.

Thế nào là căn duyên nơi phi học phi vô học nhân nơi học? Là các căn học duyên nơi phi học phi vô học. Lại nữa, các căn vô học nhân nơi học duyên nơi phi học phi vô học.

Thế nào là căn duyên nơi phi học phi vô học nhân nơi vô học? Là các căn vô học duyên nơi phi học phi vô học.

Hỏi: Các căn nhân nơi kiến đế đoạn (kiến đạo đoạn), căn đó duyên nơi kiến đế đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi kiến đế đoạn duyên nơi kiến đế đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến đế đoạn duyên nơi tư duy đoạn (tu đạo đoạn). Hoặc căn nhân nơi kiến đế đoạn duyên nơi không đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến đế đoạn không có duyên.

Thế nào là căn nhân nơi kiến đế đoạn duyên nơi kiến đế đoạn? Là các căn do kiến đế đoạn duyên nơi kiến đế đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến đế đoạn duyên nơi tư duy đoạn? Là các căn do kiến đế đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Lại nữa, các căn do tư duy đoạn nhân nơi kiến đế đoạn duyên nơi tư duy đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến đế đoạn duyên nơi không đoạn? Là các căn do kiến đế đoạn duyên nơi không đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến đế đoạn không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp do kiến đế đoạn không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi kiến đế đoạn, căn đó nhân nơi kiến đế đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi kiến đế đoạn nhân nơi kiến đế đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến đế đoạn nhân nơi tư duy đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến đế đoạn nhân nơi không đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến đế đoạn nhân nơi kiến đế đoạn? Là các căn do kiến đế đoạn duyên nơi kiến đế đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến đế đoạn nhân nơi tư duy đoạn? Là các căn do tư duy đoạn duyên nơi kiến đế đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến đế đoạn nhân nơi không đoạn? Là các căn không đoạn duyên nơi kiến đế đoạn.

Hỏi: Các căn nhân nơi tư duy đoạn (tu đạo đoạn), căn đó duyên nơi tư duy đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi tư duy đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Hoặc căn nhân nơi tư duy đoạn duyên nơi kiến đế đoạn. Hoặc căn nhân nơi tư duy đoạn duyên nơi không đoạn. Hoặc căn nhân nơi tư duy đoạn không có duyên.

Thế nào là căn nhân nơi tư duy đoạn duyên nơi tư duy đoạn? Là các căn do tư duy đoạn duyên nơi tư duy đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi tư duy đoạn duyên nơi kiến đế đoạn? Là các căn do tư duy đoạn duyên nơi kiến đế đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi tư duy đoạn duyên nơi không đoạn? Là các căn do tư duy đoạn duyên nơi không đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi tư duy đoạn không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp do tư duy đoạn không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi tư duy đoạn, căn đó nhân nơi tư duy đoạn chẳng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi tư duy đoạn nhân nơi tư duy đoạn. Hoặc căn duyên nơi tư duy đoạn nhân nơi kiến đế đoạn. Hoặc căn duyên nơi tư duy đoạn nhân nơi không đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tư duy đoạn nhân nơi tư duy đoạn? Là các căn do tư duy đoạn duyên nơi tư duy đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tư duy đoạn nhân nơi kiến đế đoạn? Là các căn do kiến đế đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Lại nữa, các căn do tư duy đoạn nhân nơi kiến đế đoạn duyên nơi tư duy đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tư duy đoạn nhân nơi không đoạn? Là các căn không đoạn duyên nơi tư duy đoạn.

Hỏi: Các căn nhân nơi không đoạn, căn đó duyên nơi không đoạn chẳng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi không đoạn duyên nơi không đoạn. Hoặc căn nhân nơi không đoạn duyên nơi kiến đế đoạn. Hoặc căn nhân nơi không đoạn duyên nơi tư duy đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi không đoạn duyên nơi không đoạn? Là các căn không đoạn duyên nơi không đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi không đoạn duyên nơi kiến đế đoạn? Là các căn không đoạn duyên nơi kiến đế đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi không đoạn duyên nơi tư duy đoạn? Là các căn không đoạn duyên nơi tư duy đoạn.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi không đoạn, căn đó nhân nơi không đoạn chẳng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi không đoạn nhân nơi không đoạn. Hoặc căn duyên nơi không đoạn nhân nơi kiến đế đoạn. Hoặc căn duyên nơi không đoạn nhân nơi tư duy đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi không đoạn nhân nơi không đoạn? Là các căn không đoạn duyên nơi không đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi không đoạn nhân nơi kiến đế đoạn? Là các căn do kiến đế đoạn duyên nơi không đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi không đoạn nhân nơi tư duy đoạn? Là các căn do tư duy đoạn duyên nơi không đoạn.

Hỏi: Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, căn đó duyên nơi kiến khổ đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến tập đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi không đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến khổ đoạn không có duyên.

Thế nào là căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến tập đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi kiến tập đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến tập đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến tận đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tận đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn. Lại nữa, các căn do kiến đạo đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tư duy đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Lại nữa, các căn do tư duy đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tư duy đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi không đoạn? Là các căn do kiến tận, kiến đạo đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi không đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến khổ đoạn không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp do kiến khổ đoạn không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, căn đó nhân nơi kiến khổ đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân kiến tập đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi tư duy đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi không đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi kiến tập đoạn? Là các căn do kiến tập đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn. Lại nữa, các căn do kiến khổ đoạn nhân nơi kiến tập đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi tư duy đoạn?
Là các căn do tư duy đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi không đoạn?
Là các căn không đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

Như nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn, nhân nơi kiến tập đoạn, duyên nơi kiến tập đoạn cũng như vậy.

Hỏi: Các căn nhân nơi kiến tận đoạn, căn đó duyên nơi kiến tận đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi kiến tận đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến tận đoạn duyên nơi không đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến tận đoạn không có duyên.

Thế nào là căn nhân nơi kiến tận đoạn duyên nơi kiến tận đoạn?
Là các căn do kiến tận đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến tận đoạn duyên nơi không đoạn?
Là các căn do kiến tận đoạn duyên nơi không đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến tận đoạn không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp do kiến tận đoạn không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi kiến tận đoạn căn đó nhân nơi kiến tận đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi kiến tận đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi kiến tập đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi tư duy đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi không đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi kiến tận đoạn?
Là các căn do kiến tận đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Lại

nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tận đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi kiến tập đoạn? Là các căn do kiến tập đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Lại nữa, các căn do kiến khổ đoạn nhân nơi kiến tập đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tận đoạn nhân nơi kiến tập đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi tư duy đoạn? Là các căn do tư duy đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi không đoạn? Là các căn không đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Như nhân nơi kiến tận đoạn, duyên nơi kiến tận đoạn, nhân nơi kiến đạo đoạn, duyên nơi kiến đạo đoạn cũng như vậy.

Hỏi: Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, căn đó duyên nơi khổ pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tập pháp trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tập vị trí trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi đạo pháp trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi đạo vị trí trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi không đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến khổ đoạn không có duyên.

Thế nào là căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn. Lại

nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tập pháp trí đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi tập pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tập pháp trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tập vị trí trí đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi tập vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tập vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tận đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tận đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi đạo pháp trí đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi đạo pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi đạo pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến đạo đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi đạo pháp trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi đạo vị trí trí đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi đạo vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi đạo vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến đạo đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi đạo vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tư duy đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Lại nữa, các căn do tư duy đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tư duy đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi không đoạn? Là các căn do kiến tận, kiến đạo đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi không đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến khổ đoạn không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp do kiến khổ đoạn không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, căn đó nhân nơi khổ pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi tập pháp trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi tập vị trí trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi tư duy đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi không đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn. Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn? Là các căn do khổ vị trí trí đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn. Lại nữa, các căn do tập vị trí trí đoạn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi tập pháp trí đoạn? Là các căn do tập pháp trí đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn. Lại nữa, các căn do khổ pháp trí đoạn nhân nơi tập pháp trí đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

HẾT - QUYỂN 23

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 24

Kiên độ thứ 6: CĂN

Phẩm 7: BÀN VỀ DUYÊN, phần 2

Thế nào là căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi tập vị trí trí đoạn? Là các căn do tập vị trí trí đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn. Lại nữa, các căn do khổ vị trí trí đoạn nhân nơi tập vị trí trí đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi tư duy đoạn? Là các căn do tư duy đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi không đoạn? Là các căn không đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

Nhân nơi kiến tập đoạn duyên nơi tập pháp trí đoạn, nhân nơi kiến tập đoạn duyên nơi tập vị trí trí đoạn cũng như vậy.

Hỏi: Các căn nhân nơi kiến tận đoạn, căn đó duyên nơi tận pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi kiến tận đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến tận đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến tận đoạn duyên nơi không đoạn. Hoặc căn nhân nơi kiến tận đoạn không có duyên.

Thế nào là căn nhân nơi kiến tận đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn? Là các căn do kiến tận đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến tận đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn? Là các căn do kiến tận đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến tận đoạn duyên nơi không đoạn? Là các căn do kiến tận đoạn duyên nơi không đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi kiến tận đoạn không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp do kiến tận đoạn không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn do duyên nơi kiến tận đoạn, căn đó nhân nơi tận pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi tận pháp trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi tận vị trí trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi tập pháp trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi tập vị trí trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi tư duy đoạn. Hoặc căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi không đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi tận pháp trí đoạn? Là các căn do tận pháp trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi tận vị trí trí đoạn? Là các căn do tận vị trí trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Lại nữa, các căn do tận pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn? Là các căn do khổ vị trí trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Lại nữa, các căn do tập vị trí trí đoạn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Lại nữa, các căn do tận vị trí trí đoạn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi tập pháp trí đoạn? Là các căn do tập pháp trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Lại nữa, các căn do khổ pháp trí đoạn nhân nơi tập pháp trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Lại nữa, các căn do tận pháp trí đoạn nhân nơi tập pháp trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi tập vị trí trí đoạn? Là các căn do tập vị trí trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Lại nữa, các căn do khổ vị trí trí đoạn nhân nơi tập vị trí trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Lại nữa, các căn do tận vị trí trí đoạn nhân nơi tập vị trí trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi tư duy đoạn? Là các căn do tư duy đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi kiến tận đoạn nhân nơi không đoạn? Là các căn không đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Nhân nơi kiến đạo đoạn duyên nơi đạo pháp trí đoạn, nhân nơi kiến đạo đoạn duyên nơi đạo vị trí trí đoạn cũng như vậy.

Hỏi: Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, căn đó duyên nơi khổ pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tập pháp trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tập vị trí trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tận pháp trí

đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi đạo pháp trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi đạo vị trí trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi không đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn không có duyên.

Thế nào là căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tập pháp trí đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi tập pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tập pháp trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do tận pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn.

Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi đạo pháp trí đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi đạo pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi đạo pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do đạo pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi đạo pháp trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi đạo vị trí trí đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi đạo vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi đạo vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Lại nữa, các căn do tư duy đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi không đoạn? Là các căn do tận pháp trí đoạn, đạo pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi không đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp do khổ pháp trí đoạn không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn, căn đó nhân nơi khổ pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn nhân nơi tập pháp trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn nhân nơi tư duy đoạn. Hoặc căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn nhân nơi không đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn nhân nơi tập pháp trí đoạn? Là các căn do tập pháp trí đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do khổ pháp trí đoạn nhân nơi tập pháp trí đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn nhân nơi tư duy đoạn? Là các căn do tư duy đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn nhân nơi không đoạn? Là các căn không đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Hỏi: Các căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn, căn đó duyên nơi khổ vị trí trí đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi tập vị trí trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi đạo vị trí trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi không đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn? Là các căn do khổ vị trí trí đoạn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do tập vị trí trí đoạn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi tập vị trí trí đoạn? Là các căn do khổ vị trí trí đoạn duyên nơi tập vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do tập vị trí trí đoạn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi tập vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi tận vị tri trí đoạn? Là các căn do khổ vị tri trí đoạn duyên nơi tận vị tri trí đoạn. Lại nữa, các căn do tập vị tri trí đoạn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi tận vị tri trí đoạn. Lại nữa, các căn do tận vị tri trí đoạn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi tận vị tri trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi đạo vị tri trí đoạn? Là các căn do khổ vị tri trí đoạn duyên nơi đạo vị tri trí đoạn. Lại nữa, các căn do tập vị tri trí đoạn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi đạo vị tri trí đoạn. Lại nữa, các căn do đạo vị tri trí đoạn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi đạo vị tri trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn? Là các căn do khổ vị tri trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Lại nữa, các căn do tập vị tri trí đoạn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Lại nữa, các căn do tư duy đoạn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi không đoạn? Là các căn do tận vị tri trí đoạn, đạo vị tri trí đoạn, nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi không đoạn.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn, căn đó nhân nơi khổ vị tri trí đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn nhân nơi khổ pháp tri trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn nhân nơi tập pháp tri trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn nhân nơi tập vị tri trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn nhân nơi tư duy đoạn. Hoặc căn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn nhân nơi không đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn? Là các căn do khổ vị tri trí đoạn duyên nơi khổ vị tri trí

đoạn. Lại nữa, các căn do tập vị trí trí đoạn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí trí đoạn? Là các căn do khổ pháp trí trí đoạn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do tập vị trí trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí trí đoạn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn nhân nơi tập pháp trí trí đoạn? Là các căn do tập pháp trí trí đoạn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do khổ pháp trí trí đoạn nhân nơi tập pháp trí trí đoạn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi khổ vị trí trí đoạn nhân nơi tập vị trí trí trí đoạn? Là các căn do tập vị trí trí trí đoạn duyên nơi khổ vị trí trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do khổ vị trí trí trí đoạn nhân nơi tập vị trí trí trí đoạn duyên nơi khổ vị trí trí trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi khổ vị trí trí trí đoạn nhân nơi tư duy trí trí trí đoạn? Là các căn do tư duy trí trí trí đoạn duyên nơi khổ vị trí trí trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi khổ vị trí trí trí đoạn nhân nơi không trí trí trí đoạn? Là các căn không trí trí trí đoạn duyên nơi khổ vị trí trí trí đoạn.

Nhân nơi tập pháp trí trí trí đoạn duyên nơi tập pháp trí trí trí đoạn, nhân nơi tập vị trí trí trí trí đoạn duyên nơi tập vị trí trí trí trí đoạn cũng như trên.

Hỏi: Các căn nhân nơi tận pháp trí trí trí đoạn, căn đó duyên nơi tận pháp trí trí trí đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi tận pháp trí trí trí đoạn duyên nơi tận pháp trí trí trí trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi tận pháp trí trí trí trí đoạn duyên nơi không trí trí trí trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi tận pháp trí trí trí trí đoạn không có duyên.

Thế nào là căn nhân nơi tận pháp trí trí trí trí đoạn duyên nơi tận pháp trí trí trí trí trí đoạn? Là các căn do tận pháp trí trí trí trí trí đoạn duyên nơi tận pháp trí trí trí trí trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi tận pháp trí đoạn duyên nơi không đoạn? Là các căn do tận pháp trí đoạn duyên nơi không đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi tận pháp trí đoạn không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp do tận pháp trí đoạn không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi tận pháp trí đoạn, căn đó nhân nơi tận pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi tận pháp trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi tập pháp trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi tư duy đoạn. Hoặc căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi không đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi tận pháp trí đoạn? Là các căn do tận pháp trí đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do tận pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi tập pháp trí đoạn? Là các căn do tập pháp trí đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do khổ pháp trí đoạn nhân nơi tập pháp trí đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do tận pháp trí đoạn nhân nơi tập pháp trí đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi tư duy đoạn? Là các căn do tư duy đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi không đoạn? Là các căn không đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn.

Hỏi: Các căn nhân nơi tận vị trí trí đoạn, căn đó duyên nơi tận vị trí trí đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi tận vị trí trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn. Hoặc căn nhân nơi tận vị trí trí đoạn duyên nơi không đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi tận vị trí trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn? Là các căn do tận vị trí trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi tận vị trí trí đoạn duyên nơi không đoạn? Là các căn do tận vị trí trí đoạn duyên nơi không đoạn.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn, căn đó nhân nơi tận vị trí trí đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi tận vị trí trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi tập pháp trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi tập vị trí trí đoạn. Hoặc căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi tư duy đoạn. Hoặc căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi không đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi tận vị trí trí đoạn? Là các căn do tận vị trí trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn? Là các căn do khổ vị trí trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do tập vị trí trí đoạn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do tận vị trí trí đoạn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi tập pháp trí đoạn? Là các căn do tập pháp trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do khổ pháp trí đoạn nhân nơi tập pháp trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi tập vị trí trí đoạn? Là các căn do tập vị trí trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do khổ vị trí trí đoạn nhân nơi tập vị trí trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do tận vị trí trí đoạn nhân nơi tập vị trí trí đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi tư duy đoạn? Là các căn do tư duy đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi không đoạn? Là các căn không đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn.

Nhân nơi đạo pháp trí đoạn duyên nơi đạo pháp trí đoạn, nhân nơi đạo vị trí trí đoạn duyên nơi đạo vị trí trí đoạn cũng như trên.

Hỏi: Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, căn đó duyên nơi kiến khổ đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến tập đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi không đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn không có duyên.

Thế nào là căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn. Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến tập đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến tập đoạn. Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến tập đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Lại nữa, các căn do tận pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn. Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn. Lại nữa, các căn do đạo pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn? Là các căn do khổ pháp trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Lại nữa, các căn do tập pháp trí đoạn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi không đoạn? Là các căn do tận pháp trí đoạn, đạo pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn duyên nơi không đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp do khổ pháp trí đoạn không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn, căn đó nhân nơi kiến khổ đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn. Hoặc căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn nhân nơi kiến tập đoạn. Hoặc căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn nhân nơi tư duy đoạn. Hoặc căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn nhân nơi không đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn nhân nơi kiến tập đoạn? Là các căn do kiến tập đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến khổ đoạn nhân nơi kiến tập đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn nhân nơi tư duy đoạn? Là các căn do tư duy đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn nhân nơi không đoạn? Là các căn không đoạn duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Hỏi: Các căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn, căn đó duyên nơi kiến khổ đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi kiến tập đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Hoặc căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi không đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn? Là các căn do khổ vị trí trí đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn. Lại nữa, các căn do tập vị trí trí đoạn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi kiến tập đoạn? Là các căn do khổ vị trí trí đoạn duyên nơi kiến tập đoạn. Lại nữa, các căn do tập vị trí trí đoạn nhân nơi khổ vị trí trí đoạn duyên nơi kiến tập đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn? Là các căn do khổ vị tri trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Lại nữa, các căn do tập vị tri trí đoạn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Lại nữa, các căn do tận vị tri trí đoạn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn? Là các căn do khổ vị tri trí đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn. Lại nữa, các căn do tập vị tri trí đoạn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn. Lại nữa, các căn do đạo vị tri trí đoạn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn? Là các căn do khổ vị tri trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Lại nữa, các căn do tập vị tri trí đoạn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn. Lại nữa, các căn do tư duy đoạn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi tư duy đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi không đoạn? Là các căn do tận vị tri trí đoạn, đạo vị tri trí đoạn, nhân nơi khổ vị tri trí đoạn duyên nơi không đoạn.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn, căn đó nhân nơi kiến khổ đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn. Hoặc căn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn nhân nơi kiến tập đoạn. Hoặc căn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn nhân nơi tư duy đoạn. Hoặc căn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn nhân nơi không đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn nhân nơi kiến tập đoạn? Là các căn do kiến tập đoạn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến khổ đoạn nhân nơi kiến tập đoạn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn nhân nơi tư duy đoạn? Là các căn do tư duy đoạn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn nhân nơi không đoạn? Là các căn không đoạn duyên nơi khổ vị tri trí đoạn.

Nhân nơi tập pháp trí đoạn duyên nơi kiến tập đoạn, nhân nơi tập vị tri trí đoạn duyên nơi kiến tập đoạn cũng như vậy.

Hỏi: Các căn nhân nơi tận pháp trí đoạn, căn đó duyên nơi kiến tận đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi tận pháp trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Hoặc căn nhân nơi tận pháp trí đoạn duyên nơi không đoạn. Hoặc căn nhân nơi tận pháp trí đoạn không có duyên.

Thế nào là căn nhân nơi tận pháp trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn? Là các căn do tận pháp trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi tận pháp trí đoạn duyên nơi không đoạn? Là các căn do tận pháp trí đoạn duyên nơi không đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi tận pháp trí đoạn không có duyên? Là các căn nhân nơi pháp do tận pháp trí đoạn không có duyên.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi tận pháp trí đoạn, căn đó nhân nơi kiến tận đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi kiến tận đoạn. Hoặc căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn. Hoặc căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi kiến tập đoạn. Hoặc căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi tư duy đoạn. Hoặc căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi không đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi kiến tận đoạn? Là các căn do kiến tận đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tận đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi kiến tập đoạn? Là các căn do kiến tập đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến khổ đoạn nhân nơi kiến tập đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tận đoạn nhân nơi kiến tập đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi tư duy đoạn? Là các căn do tư duy đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận pháp trí đoạn nhân nơi không đoạn? Là các căn không đoạn duyên nơi tận pháp trí đoạn.

Hỏi: Các căn nhân nơi tận vị trí trí đoạn, căn đó duyên nơi kiến tận đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn nhân nơi tận vị trí trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn. Hoặc căn nhân nơi tận vị trí trí đoạn duyên nơi không đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi tận vị trí trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn? Là các căn do tận vị trí trí đoạn duyên nơi kiến tận đoạn.

Thế nào là căn nhân nơi tận vị trí trí đoạn duyên nơi không đoạn? Là các căn do tận vị trí trí đoạn duyên nơi không đoạn.

Hỏi: Nếu như các căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn, căn đó nhân nơi kiến tận đoạn chăng?

Đáp: Hoặc căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi kiến tận đoạn. Hoặc căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn.

Hoặc căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi kiến tập đoạn. Hoặc căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi tư duy đoạn. Hoặc căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi không đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi kiến tận đoạn? Là các căn do kiến tận đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn? Là các căn do kiến khổ đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tận đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi kiến tập đoạn? Là các căn do kiến tập đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến khổ đoạn nhân nơi kiến tập đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn. Lại nữa, các căn do kiến tận đoạn nhân nơi kiến tập đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi tư duy đoạn? Là các căn do tư duy đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn.

Thế nào là căn duyên nơi tận vị trí trí đoạn nhân nơi không đoạn? Là các căn không đoạn duyên nơi tận vị trí trí đoạn.

Nhân nơi đạo pháp trí đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn, nhân nơi đạo vị trí trí đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn cũng như trên.

HẾT - QUYỂN 24

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 25

Kiên độ thứ 7: ĐỊNH

* *Tụng nêu chung:*

Đắc quá khứ gọi duyên

Giải thoát A-na-hàm

Một hành quán ở sau.

Phẩm 1: BÀN VỀ ĐẮC QUÁ KHỨ, phần 1

Nếu đắc pháp quá khứ thì đắc ấy là quá khứ chăng? Nếu như đắc quá khứ thì đắc ấy là pháp quá khứ chăng? Nếu đắc pháp vị lai thì đắc ấy là vị lai chăng? Nếu như đắc vị lai thì đắc ấy là pháp vị lai chăng? Nếu đắc pháp hiện tại thì đắc ấy là hiện tại chăng? Nếu như đắc hiện tại thì đắc ấy là pháp hiện tại chăng?

Nếu đắc pháp thiện thì đắc ấy là thiện chăng? Nếu như đắc thiện thì đắc ấy là pháp thiện chăng? Nếu đắc pháp bất thiện thì đắc ấy là bất thiện chăng? Nếu như đắc bất thiện thì đắc ấy là pháp bất thiện chăng? Nếu đắc pháp vô ký thì đắc ấy là vô ký chăng? Nếu như đắc vô ký thì đắc ấy là pháp vô ký chăng?

Nếu đắc pháp hệ thuộc cõi Dục thì đắc ấy là hệ thuộc cõi Dục chẳng? Nếu như đắc hệ thuộc cõi Dục thì đắc ấy là pháp hệ thuộc cõi Dục chẳng? Nếu đắc pháp hệ thuộc cõi Sắc thì đắc ấy là hệ thuộc cõi Sắc chẳng? Nếu như đắc hệ thuộc cõi Sắc thì đắc ấy là pháp hệ thuộc cõi Sắc chẳng? Nếu đắc pháp hệ thuộc cõi Vô sắc thì đắc ấy là hệ thuộc cõi Vô sắc chẳng? Nếu như đắc hệ thuộc cõi Vô sắc thì đắc ấy là pháp hệ thuộc cõi Vô sắc chẳng?

Nếu đắc pháp học thì đắc ấy là học chẳng? Nếu như đắc học thì đắc ấy là pháp học chẳng? Nếu đắc pháp vô học thì đắc ấy là vô học chẳng? Nếu như đắc vô học thì đắc ấy là pháp vô học chẳng? Nếu đắc pháp phi học phi vô học thì đắc ấy là phi học phi vô học chẳng? Nếu như đắc phi học phi vô học thì đắc ấy là pháp phi học phi vô học chẳng?

Nếu đắc pháp do kiến đế đoạn thì đắc ấy là do kiến đế đoạn chẳng? Nếu như đắc do kiến đế đoạn thì đắc ấy là pháp do kiến đế đoạn chẳng? Nếu đắc pháp do tư duy đoạn thì đắc ấy là do tư duy đoạn chẳng? Nếu như đắc do tư duy đoạn thì đắc ấy là pháp do tư duy đoạn chẳng? Nếu đắc pháp không đoạn thì đắc ấy là không đoạn chẳng? Nếu như đắc không đoạn thì đắc ấy là pháp không đoạn chẳng?

Các pháp vô sắc thiện sinh, pháp đó nơi tâm thiện cùng có chẳng? Nếu như các pháp nơi tâm thiện cùng có, pháp đó là vô sắc thiện chẳng? Các pháp vô sắc bất thiện sinh, pháp đó nơi tâm bất thiện cùng có chẳng? Nếu như các pháp nơi tâm bất thiện cùng có, pháp đó là vô sắc bất thiện chẳng? Các pháp vô sắc vô ký sinh, pháp đó nơi tâm vô ký cùng có chẳng? Nếu như các pháp nơi tâm vô ký cùng có, pháp đó là vô sắc vô ký chẳng?

Các pháp vô sắc hệ thuộc cõi Dục sinh, pháp đó nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng có chẳng? Nếu như các pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng có, pháp đó là vô sắc hệ thuộc cõi Dục chẳng? Các

pháp vô sắc hệ thuộc cõi Sắc sinh, pháp đó nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng có chăng? Nếu như các pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng có, pháp đó là vô sắc hệ thuộc cõi Sắc chăng? Các pháp vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc sinh, pháp đó nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng có chăng? Nếu như các pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng có, pháp đó là vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc chăng?

Các pháp vô sắc học sinh, pháp đó nơi tâm học cùng có chăng? Nếu như các pháp nơi tâm học cùng có, pháp đó là vô sắc học chăng? Các pháp vô sắc vô học sinh, pháp đó nơi tâm vô học cùng có chăng? Nếu như các pháp nơi tâm vô học cùng có, pháp đó là vô sắc vô học chăng? Các pháp vô sắc phi học phi vô học sinh, pháp đó nơi tâm phi học phi vô học cùng có chăng? Nếu như các pháp nơi tâm phi học phi vô học cùng có, pháp đó là vô sắc phi học phi vô học chăng?

Các pháp vô sắc do kiến đế đoạn sinh khởi, pháp đó nơi tâm do kiến đế đoạn cùng có chăng? Nếu như các pháp nơi tâm do kiến đế đoạn cùng có, pháp đó là vô sắc do kiến đế đoạn chăng? Các pháp vô sắc do tư duy đoạn sinh khởi, pháp đó nơi tâm do tư duy đoạn cùng có chăng? Nếu như các pháp nơi tâm do tư duy đoạn cùng có, pháp đó là vô sắc do tư duy đoạn chăng? Các pháp vô sắc không đoạn sinh khởi, pháp đó nơi tâm không đoạn cùng có chăng? Nếu như các pháp nơi tâm không đoạn cùng có, pháp đó là vô sắc không đoạn chăng?

Tất cả thiên thứ nhất đều có năm chi chăng? Tất cả thiên thứ hai đều có bốn chi chăng? Tất cả thiên thứ ba đều có năm chi chăng? Tất cả thiên thứ tư đều có bốn chi chăng?

Vị tương ưng nơi thiên thứ nhất, nhập nên nói là vị hay khởi nên nói là vị? Vị tương ưng cho đến cõi Hữu tướng vô tướng (Phi tướng phi phi tướng), nhập nên nói là vị hay khởi nên nói là vị?

Các vị tương ưng nơi thiên thứ nhất, tất cả vị đó là ẩn một vô ký (hữu phú vô ký) chăng? Nếu là ẩn một vô ký thì tất cả vị đó đều

tương ưng nơi thiên thứ nhất chăng? Các vị tương ưng cho đến cõi Hữu tướng vô tướng, tất cả vị đó là ẩn một vô ký chăng? Nếu là ẩn một vô ký thì tất cả vị đó đều tương ưng cho đến hữu tướng vô tướng chăng?

Tùng có không nhập thiên thứ nhất mà nhập thiên thứ hai chăng? Tùng có cho đến không nhập định Bất dụng (Vô sở hữu xứ) mà nhập Hữu tướng vô tướng chăng?

Tùng có không nhập thiên thứ nhất mà sinh nơi thiên thứ nhất chăng? Tùng có cho đến không nhập Hữu tướng vô tướng mà sinh nơi Hữu tướng vô tướng chăng?

Nếu được thiên thứ nhất không phải là thiên thứ hai, Hành giả kia mạng chung sẽ sinh vào xứ nào? Nếu được cho đến Bất dụng xứ không phải là Hữu tướng vô tướng, Hành giả kia mạng chung sẽ sinh vào xứ nào?

Tư duy về những gì để nhập định Tỳ? Tư duy về những gì để nhập định Bi? Tư duy về những gì để nhập định Hỷ? Tư duy về những gì để nhập định Hộ (Xả)?

Tỳ diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào? Bi, Hỷ, Hộ diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Thiên thứ nhất tịnh diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào? Cho đến Hữu tướng vô tướng tịnh diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Giải thoát thứ nhất cho đến giải thoát thứ tám, Trừ nhập (Thắng xứ) thứ nhất cho đến Trừ nhập thứ tám, Nhất thiết nhập (Biến xứ) thứ nhất cho đến Nhất thiết nhập thứ mười, pháp trí cho đến đạo trí, không, vô tướng, vô nguyện diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Báo của Tỳ thọ nhận báo ở xứ nào? Báo của Bi, Hỷ, Hộ thọ nhận báo ở xứ nào? Báo của thiên thứ nhất tịnh thọ nhận báo ở xứ nào? Cho đến báo của Hữu tướng vô tướng tịnh thọ nhận báo ở xứ

nào? Báo của giải thoát thứ nhất cho đến giải thoát thứ tám, trừ nhập (thắng xứ) thứ nhất cho đến trừ nhập thứ tám, nhất thiết nhập (biên xứ) thứ nhất cho đến nhất thiết nhập thứ mười, tha tâm trí, đẳng trí thọ nhận báo ở xứ nào?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hỏi: Nếu đắc pháp quá khứ thì đắc ấy là quá khứ chăng?

Đáp: Hoặc là quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc là hiện tại.

Hỏi: Nếu như đắc quá khứ thì đắc ấy là pháp quá khứ chăng?

Đáp: Hoặc là quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc là hiện tại, hoặc là vô vi.

Hỏi: Nếu đắc pháp vị lai thì đắc ấy là vị lai chăng?

Đáp: Hoặc là quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc là hiện tại.

Hỏi: Nếu như đắc vị lai thì đắc ấy là pháp vị lai chăng?

Đáp: Hoặc là quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc là hiện tại, hoặc là vô vi.

Hỏi: Nếu đắc pháp hiện tại thì đắc ấy là hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc là quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc là hiện tại.

Hỏi: Nếu như đắc hiện tại thì đắc ấy là pháp hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc là quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc là hiện tại, hoặc là vô vi.

Hỏi: Nếu đắc pháp thiện thì đắc ấy là thiện chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như đắc thiện thì đắc ấy là pháp thiện chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đắc pháp bất thiện thì đắc ấy là bất thiện chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như đắc bất thiện thì đắc ấy là pháp bất thiện chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đắc pháp vô ký thì đắc ấy là vô ký chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như đắc vô ký thì đắc ấy là pháp vô ký chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đắc pháp hệ thuộc cõi Dục thì đắc ấy là hệ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như đắc hệ thuộc cõi Dục thì đắc ấy là pháp hệ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đắc pháp hệ thuộc cõi Sắc thì đắc ấy là hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như đắc hệ thuộc cõi Sắc thì đắc ấy là pháp hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc không hệ thuộc.

Hỏi: Nếu đắc pháp hệ thuộc cõi Vô sắc thì đắc ấy là hệ thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như đắc hệ thuộc cõi Vô sắc thì đắc ấy là pháp hệ thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc.

Hỏi: Nếu đắc pháp học thì đắc ấy là học chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như đắc học thì đắc ấy là pháp học chẳng?

Đáp: Hoặc là học, hoặc là phi học phi vô học.

Hỏi: Nếu đắc pháp vô học thì đắc ấy là vô học chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như đắc vô học thì đắc ấy là pháp vô học chẳng?

Đáp: Hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học.

Hỏi: Nếu đắc pháp phi học phi vô học thì đắc ấy là phi học phi vô học chẳng?

Đáp: Hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học.

Hỏi: Nếu như đắc phi học phi vô học thì đắc ấy là pháp phi học phi vô học chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đắc pháp do kiến đế đoạn thì đắc ấy là do kiến đế đoạn chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như đắc do kiến đế đoạn thì đắc ấy là pháp do kiến đế đoạn chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đắc pháp do tư duy đoạn thì đắc ấy là do tư duy đoạn chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như đắc do tư duy đoạn thì đắc ấy là pháp do tư duy đoạn chăng?

Đáp: Hoặc do tư duy đoạn, hoặc không đoạn.

Hỏi: Nếu đắc pháp không đoạn thì đắc ấy là không đoạn chăng?

Đáp: Hoặc do tư duy đoạn, hoặc không đoạn.

Hỏi: Nếu như đắc không đoạn thì đắc ấy là pháp không đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các pháp vô sắc thiện sinh, pháp đó nơi tâm thiện cùng có chăng?

Đáp: Hoặc pháp vô sắc thiện sinh nơi tâm thiện cùng có. Hoặc pháp vô sắc thiện sinh nơi tâm bất thiện cùng có. Hoặc pháp vô sắc thiện sinh nơi tâm vô ký cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc thiện sinh nơi tâm thiện cùng có? Là các pháp tương ưng với tâm thiện kia, pháp đó cùng có thiện. Đây gọi là pháp vô sắc thiện sinh nơi tâm thiện cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc thiện sinh nơi tâm bất thiện cùng có? Là như tâm bất thiện hoặc thoái hoặc sinh, pháp thiện được sinh. Đây gọi là pháp vô sắc thiện sinh nơi tâm bất thiện cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc thiện sinh nơi tâm vô ký cùng có? Là như tâm vô ký hoặc thoái hoặc sinh, pháp thiện được sinh. Đây gọi là pháp vô sắc thiện sinh nơi tâm vô ký cùng có.

Hỏi: Nếu như các pháp nơi tâm thiện cùng sinh, pháp đó là vô sắc thiện chăng?

Đáp: Hoặc pháp nơi tâm thiện cùng sinh là vô sắc thiện. Hoặc pháp nơi tâm thiện cùng sinh là vô sắc vô ký.

Thế nào là pháp nơi tâm thiện cùng sinh là vô sắc thiện? Là các pháp tương ưng với tâm thiện kia, pháp đó cùng có thiện. Đây gọi là pháp nơi tâm thiện cùng sinh là vô sắc thiện.

Thế nào là pháp nơi tâm thiện cùng sinh là vô sắc vô ký? Là như tâm thiện thắng tấn, pháp vô ký được sinh, trụ nơi tâm thiện, căn vô ký được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ, đầy đủ, pháp ấy là đắc, sinh lão, vô thường. Đây gọi là pháp nơi tâm thiện cùng sinh là vô sắc vô ký.

Hỏi: Các pháp vô sắc bất thiện sinh, pháp đó nơi tâm bất thiện cùng có chăng?

Đáp: Hoặc pháp vô sắc bất thiện sinh nơi tâm bất thiện cùng có. Hoặc pháp vô sắc bất thiện sinh nơi tâm vô ký cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc bất thiện sinh nơi tâm bất thiện cùng có? Là các pháp tương ưng với tâm bất thiện kia, pháp kia cùng có bất thiện. Đây gọi là pháp vô sắc bất thiện sinh nơi tâm bất thiện cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc bất thiện sinh nơi tâm vô ký cùng có? Là như tâm vô ký hoặc thoái hoặc khởi, pháp bất thiện được sinh. Đây gọi là pháp vô sắc bất thiện sinh nơi tâm vô ký cùng có..

Hỏi: Nếu như các pháp nơi tâm bất thiện cùng sinh, pháp đó là vô sắc bất thiện chăng?

Đáp: Hoặc pháp nơi tâm bất thiện cùng sinh là vô sắc bất thiện. Hoặc pháp nơi tâm bất thiện cùng sinh là vô sắc thiện. Hoặc pháp nơi tâm bất thiện cùng sinh là vô sắc vô ký.

Thế nào là pháp nơi tâm bất thiện cùng sinh là vô sắc bất thiện? Là các pháp tương ưng với tâm kia, tâm kia cùng có vô sắc bất thiện. Đây gọi là pháp nơi tâm bất thiện cùng sinh là vô sắc bất thiện.

Thế nào là pháp nơi tâm bất thiện cùng sinh là vô sắc thiện? Là như tâm bất thiện hoặc thoái hoặc khởi, pháp thiện được sinh. Đây gọi là pháp nơi tâm bất thiện cùng sinh là vô sắc thiện.

Thế nào là pháp nơi tâm bất thiện cùng sinh là vô sắc vô ký? Là như tâm bất thiện hoặc thoái hoặc khởi, pháp vô ký được sinh, trụ nơi tâm bất thiện, căn vô ký được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ, đầy đủ, pháp ấy là đắc, sinh lão, vô thường. Đây gọi là pháp nơi tâm bất thiện cùng sinh là vô sắc vô ký.

Hỏi: Các pháp vô sắc vô ký sinh, pháp đó nơi tâm vô ký cùng có chăng?

Đáp: Hoặc pháp vô sắc vô ký sinh nơi tâm vô ký cùng có. Hoặc pháp vô sắc vô ký sinh nơi tâm thiện cùng có. Hoặc pháp vô sắc vô ký sinh nơi tâm bất thiện cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc vô ký sinh nơi tâm vô ký cùng có? Là các pháp tương ưng với tâm kia, tâm kia cùng có vô sắc vô ký. Đây gọi là pháp vô sắc vô ký sinh nơi tâm vô ký cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc vô ký sinh nơi tâm thiện cùng có? Là như tâm thiện thắng tấn, pháp vô ký được sinh, trụ nơi tâm thiện, căn vô ký được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ, đầy đủ, pháp ấy là đắc, sinh lão, vô thường. Đây gọi là pháp vô sắc vô ký sinh nơi tâm thiện cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc vô ký sinh nơi tâm bất thiện cùng có? Là như tâm bất thiện hoặc thoái hoặc khởi, pháp vô ký được sinh, trụ nơi tâm bất thiện, căn vô ký được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ, đầy đủ, pháp ấy là đắc, sinh lão, vô thường. Đây gọi là pháp vô sắc vô ký sinh nơi tâm bất thiện cùng có.

Hỏi: Nếu như các pháp nơi tâm vô ký cùng sinh, pháp đó là vô sắc vô ký chăng?

Đáp: Hoặc pháp nơi tâm vô ký cùng sinh là vô sắc vô ký. Hoặc pháp nơi tâm vô ký cùng sinh là vô sắc thiện. Hoặc pháp nơi tâm vô ký cùng sinh là vô sắc bất thiện.

Thế nào là pháp nơi tâm vô ký cùng sinh là vô sắc vô ký? Là các pháp tương ưng với tâm kia, tâm kia cùng có vô sắc vô ký. Đây gọi là pháp nơi tâm vô ký cùng sinh là vô sắc vô ký.

Thế nào là pháp nơi tâm vô ký cùng sinh là vô sắc thiện? Là như tâm vô ký hoặc thoái hoặc khởi, pháp thiện được sinh. Đây gọi là pháp nơi tâm vô ký cùng sinh là vô sắc thiện.

Thế nào là pháp nơi tâm vô ký cùng sinh là vô sắc bất thiện? Là như tâm vô ký hoặc thoái hoặc khởi, pháp bất thiện được sinh. Đây gọi là pháp nơi tâm vô ký cùng sinh là vô sắc bất thiện.

Hỏi: Các pháp vô sắc hệ thuộc cõi Dục sinh, pháp đó nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng có chăng?

Đáp: Hoặc pháp vô sắc hệ thuộc cõi Dục sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng có. Hoặc pháp vô sắc hệ thuộc cõi Dục sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng có. Hoặc pháp vô sắc hệ thuộc cõi Dục sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng có. Hoặc pháp vô sắc hệ thuộc cõi Dục sinh nơi tâm không hệ thuộc cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Dục sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng có? Là các pháp tương ưng với tâm hệ thuộc cõi Dục, tâm ấy cùng có vô sắc thuộc cõi Dục. Đây gọi là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Dục sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Dục sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng có? Là như tâm hệ thuộc cõi Sắc hoặc sinh hoặc thắng tấn, pháp hệ thuộc cõi Dục được sinh, trụ nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc, căn hệ thuộc cõi Dục được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ, đầy đủ, pháp ấy là đắc, sinh lão, vô thường. Đây

gọi là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Dục sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Dục sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng có? Là như tâm hệ thuộc cõi Vô sắc an trụ, các căn hệ thuộc cõi Dục được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ, đầy đủ, pháp ấy là đất, sinh lão, vô thường. Đây gọi là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Dục sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Dục sinh nơi tâm không hệ thuộc cùng có? Là như tâm không hệ thuộc thắng tán, pháp hệ thuộc cõi Dục được sinh, như tâm không hệ thuộc an trụ, các căn hệ thuộc cõi Dục được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ, đầy đủ, pháp ấy là đất, sinh lão, vô thường. Đây gọi là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Dục sinh nơi tâm không hệ thuộc cùng có.

Hỏi: Nếu như các pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng sinh, pháp đó là vô sắc hệ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Hoặc pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Dục. Hoặc pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng sinh là vô sắc thuộc cõi Sắc. Hoặc pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng sinh là vô sắc thuộc cõi Vô sắc. Hoặc pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng sinh là vô sắc không hệ thuộc.

Thế nào là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Dục? Là các pháp tương ưng với tâm kia, tâm kia cùng có vô sắc thuộc cõi Dục. Đây gọi là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Sắc? Là như tâm hệ thuộc cõi Dục hoặc thoái hoặc sinh, pháp hệ thuộc cõi Sắc được sinh. Đây gọi là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc? Là như tâm hệ thuộc cõi Dục hoặc thoái hoặc sinh, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc được sinh. Đây gọi là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc.

Thế nào là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng sinh là vô sắc không hệ thuộc? Là như tâm hệ thuộc cõi Dục hoặc thoái hoặc sinh, pháp không hệ thuộc được sinh. Đây gọi là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng sinh là vô sắc không hệ thuộc.

Hỏi: Các pháp vô sắc hệ thuộc cõi Sắc sinh, pháp đó nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng có chăng?

Đáp: Hoặc pháp vô sắc hệ thuộc cõi Sắc sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng có. Hoặc pháp vô sắc hệ thuộc cõi Sắc sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng có. Hoặc pháp vô sắc hệ thuộc cõi Sắc sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng có. Hoặc pháp vô sắc hệ thuộc cõi Sắc sinh nơi tâm không hệ thuộc cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Sắc sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng có? Là các pháp tương ưng với tâm hệ thuộc cõi Sắc, tâm ấy cùng có vô sắc thuộc cõi Sắc. Đây gọi là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Sắc sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Sắc sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng có? Là như tâm hệ thuộc cõi Dục hoặc thoái hoặc sinh, pháp hệ thuộc cõi Sắc được sinh. Đây gọi là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Sắc sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Sắc sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng có? Là như tâm hệ thuộc cõi Vô sắc an trụ, các căn hệ thuộc cõi Sắc được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ, đầy đủ, pháp ấy là đất, sinh lão, vô thường. Đây gọi là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Sắc sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Sắc sinh nơi tâm không hệ thuộc cùng có? Là như tâm không hệ thuộc thắng tán, pháp hệ thuộc cõi Sắc được sinh, như tâm không hệ thuộc an trụ, các căn hệ thuộc cõi Sắc được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ, đầy đủ, pháp ấy là đắc, sinh lão, vô thường. Đây gọi là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Sắc sinh nơi tâm không hệ thuộc cùng có.

Hỏi: Nếu như các pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng sinh, pháp đó là vô sắc hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Hoặc pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Sắc. Hoặc pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Dục. Hoặc pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc. Hoặc pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng sinh là vô sắc không hệ thuộc.

Thế nào là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Sắc? Là các pháp tương ưng với tâm hệ thuộc cõi Sắc, tâm ấy cùng có vô sắc hệ thuộc cõi Sắc. Đây gọi là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Dục? Là như tâm hệ thuộc cõi Sắc hoặc thắng tán, pháp thuộc cõi Dục được sinh, như tâm hệ thuộc cõi Sắc an trụ, các căn hệ thuộc cõi Dục được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ, đầy đủ, pháp ấy là đắc, sinh lão, vô thường. Đây gọi là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc? Là như tâm hệ thuộc cõi Sắc hoặc thoái hoặc sinh, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc được sinh. Đây gọi là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc.

Thế nào là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng sinh là vô sắc không hệ thuộc? Là như tâm hệ thuộc cõi Sắc hoặc thoái hoặc thắng

tân, pháp không hệ thuộc được sinh. Đây gọi là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng sinh là vô sắc không hệ thuộc.

Hỏi: Các pháp vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc sinh, pháp đó nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng có chăng?

Đáp: Hoặc pháp vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng có. Hoặc pháp vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng có. Hoặc pháp vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng có. Hoặc pháp vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc sinh nơi tâm không hệ thuộc cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng có? Là các pháp tương ưng với tâm hệ thuộc cõi Vô sắc, tâm ấy cùng có vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc. Đây gọi là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng có? Là như tâm hệ thuộc cõi Dục hoặc thoái hoặc sinh, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc được sinh. Đây gọi là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Dục cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng có? Là như tâm hệ thuộc cõi Sắc hoặc thoái hoặc sinh, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc được sinh. Đây gọi là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Sắc sinh nơi tâm hệ thuộc cõi Sắc cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc sinh nơi tâm không hệ thuộc cùng có? Là như tâm không hệ thuộc thẳng tân, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc được sinh. Đây gọi là pháp vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc sinh nơi tâm không hệ thuộc cùng có.

Hỏi: Nếu như các pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng sinh, pháp đó là vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc. Hoặc pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Dục. Hoặc pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Sắc. Hoặc pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng sinh là vô sắc không hệ thuộc.

Thế nào là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng sinh là vô sắc thuộc cõi Vô sắc? Là các pháp tương ưng với tâm hệ thuộc cõi Vô sắc, tâm ấy cùng có vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc. Đây gọi là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Vô sắc.

Thế nào là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Dục? Là như tâm hệ thuộc cõi Vô sắc an trụ, các căn hệ thuộc cõi Dục được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ, đầy đủ, pháp ấy là đắc, sinh, lão, vô thường. Đây gọi là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Sắc? Là như tâm hệ thuộc cõi Vô sắc an trụ, các căn hệ thuộc cõi Sắc được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ, đầy đủ, pháp ấy là đắc, sinh, lão, vô thường. Đây gọi là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng sinh là vô sắc hệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng sinh là vô sắc không hệ thuộc? Là như tâm hệ thuộc cõi Vô sắc hoặc thoái hoặc thăng tấn, pháp không hệ thuộc được sinh. Đây gọi là pháp nơi tâm hệ thuộc cõi Vô sắc cùng sinh là vô sắc không hệ thuộc.

Hỏi: Các pháp vô sắc học sinh, pháp đó nơi tâm học cùng có chăng?

Đáp: Hoặc pháp vô sắc học sinh nơi tâm học cùng có. Hoặc pháp vô sắc học sinh nơi tâm phi học phi vô học cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc học sinh nơi tâm học cùng có? Là các pháp tương ưng với tâm học kia, tâm ấy cùng có vô sắc học. Đây gọi là pháp vô sắc học sinh nơi tâm học cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc học sinh nơi tâm phi học phi vô học cùng có? Là như tâm phi học phi vô học hoặc thoái, hoặc thắng tấn, pháp học được sinh. Đây gọi là pháp vô sắc học sinh nơi tâm phi học phi vô học cùng có.

Hỏi: Nếu như các pháp nơi tâm học cùng sinh, pháp đó là vô sắc học chăng?

Đáp: Hoặc pháp nơi tâm học cùng sinh là vô sắc học. Hoặc pháp nơi tâm học cùng sinh là vô sắc phi học phi vô học.

Thế nào là pháp nơi tâm học cùng sinh là vô sắc học? Là các pháp tương ưng với tâm học kia, tâm ấy cùng có vô sắc học. Đây gọi là pháp nơi tâm học cùng sinh là vô sắc học.

Thế nào là pháp nơi tâm học cùng sinh là vô sắc phi học phi vô học? Là như tâm học thắng tấn, pháp phi học phi vô học được sinh, như tâm học an trụ, căn phi học phi vô học được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ, đầy đủ, pháp ấy là đắc, sinh, lão, vô thường. Đây gọi là pháp nơi tâm học cùng sinh là vô sắc phi học phi vô học.

Hỏi: Các pháp vô sắc vô học sinh, pháp đó nơi tâm vô học cùng có chăng?

Đáp: Hoặc pháp vô sắc vô học sinh nơi tâm vô học cùng có. Hoặc pháp vô sắc vô học sinh nơi tâm phi học phi vô học cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc vô học sinh nơi tâm vô học cùng có? Là các pháp tương ưng với tâm vô học kia, tâm ấy cùng có vô sắc vô học. Đây gọi là pháp vô sắc vô học sinh nơi tâm vô học cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc vô học sinh nơi tâm phi học phi vô học cùng có? Là như tâm phi học phi vô học hoặc thoái, hoặc thắng tấn, pháp vô học được sinh. Đây gọi là pháp vô sắc vô học sinh nơi tâm phi học phi vô học cùng có.

Hỏi: Nếu như các pháp nơi tâm vô học cùng sinh, pháp đó là vô sắc vô học chăng?

Đáp: Hoặc pháp nơi tâm vô học cùng sinh là vô sắc vô học. Hoặc pháp nơi tâm vô học cùng sinh là vô sắc phi học phi vô học.

Thế nào là pháp nơi tâm vô học cùng sinh là vô sắc vô học? Là các pháp tương ưng với tâm vô học kia, tâm ấy cùng có vô sắc vô học. Đây gọi là pháp nơi tâm vô học cùng sinh là vô sắc vô học.

Thế nào là pháp nơi tâm vô học cùng sinh là vô sắc phi học phi vô học? Là như tâm vô học thắng tấn, pháp phi học phi vô học được sinh, như tâm vô học an trụ, căn phi học phi vô học được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ, đầy đủ, pháp ấy là đắc, sinh, lão, vô thường. Đây gọi là pháp nơi tâm vô học cùng sinh là vô sắc phi học phi vô học.

Hỏi: Các pháp vô sắc phi học phi vô học sinh, pháp đó nơi tâm phi học phi vô học cùng có chăng?

Đáp: Hoặc pháp vô sắc phi học phi vô học sinh nơi tâm phi học phi vô học cùng có. Hoặc pháp vô sắc phi học phi vô học sinh nơi tâm học cùng có. Hoặc pháp vô sắc phi học phi vô học sinh nơi tâm vô học cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc phi học phi vô học sinh nơi tâm phi học phi vô học cùng có? Là các pháp tương ưng với tâm phi học phi vô học kia, tâm ấy cùng có vô sắc phi học phi vô học. Đây gọi là pháp vô sắc phi học phi vô học sinh nơi tâm phi học phi vô học cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc phi học phi vô học sinh nơi tâm học cùng có? Là như tâm học thắng tấn, pháp phi học phi vô học được

sinh, như tâm học an trụ, căn phi học phi vô học được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ đầy đủ, pháp ấy là đắc, sinh, lão, vô thường. Đây gọi là pháp vô sắc phi học phi vô học sinh nơi tâm học cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc phi học phi vô học sinh nơi tâm vô học cùng có? Là như tâm vô học thắng tấn, pháp phi học phi vô học được sinh, như tâm vô học an trụ, căn phi học phi vô học được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ đầy đủ, pháp ấy là đắc, sinh, lão, vô thường. Đây gọi là pháp vô sắc phi học phi vô học sinh nơi tâm vô học cùng có.

Hỏi: Nếu như các pháp nơi tâm phi học phi vô học cùng sinh, pháp đó là vô sắc phi học phi vô học chăng?

Đáp: Hoặc pháp nơi tâm phi học phi vô học cùng sinh là vô sắc phi học phi vô học. Hoặc pháp nơi tâm phi học phi vô học cùng sinh là vô sắc học. Hoặc pháp nơi tâm phi học phi vô học cùng sinh là vô sắc vô học.

Thế nào là pháp nơi tâm phi học phi vô học cùng sinh là vô sắc phi học phi vô học? Là các pháp tương ưng với tâm phi học phi vô học kia, tâm ấy cùng có vô sắc phi học phi vô học. Đây gọi là pháp nơi tâm phi học phi vô học cùng sinh là vô sắc phi học phi vô học.

Thế nào là pháp nơi tâm phi học phi vô học cùng sinh là vô sắc học? Là như tâm phi học phi vô học hoặc thoái, hoặc thắng tấn, pháp học được sinh. Đây gọi là pháp nơi tâm phi học phi vô học cùng sinh là vô sắc học.

Thế nào là pháp nơi tâm phi học phi vô học cùng sinh là vô sắc vô học? Là như tâm phi học phi vô học hoặc thoái, hoặc thắng tấn, pháp vô học được sinh. Đây gọi là pháp nơi tâm phi học phi vô học cùng sinh là vô sắc vô học.

Hỏi: Các pháp vô sắc do kiến đế đoạn sinh khởi, pháp đó nơi tâm của kiến đế đoạn cùng có chăng?

Đáp: Hoặc pháp vô sắc do kiến đế đoạn sinh khởi nơi tâm của kiến đế đoạn cùng có. Hoặc pháp vô sắc do kiến đế đoạn sinh khởi nơi tâm của tư duy đoạn cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc do kiến đế đoạn sinh khởi nơi tâm của kiến đế đoạn cùng có? Là các pháp tương ưng với tâm của kiến đế đoạn kia, tâm ấy cùng có vô sắc do kiến đế đoạn. Đây gọi là pháp vô sắc do kiến đế đoạn sinh khởi nơi tâm của kiến đế đoạn cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc do kiến đế đoạn sinh khởi nơi tâm của tư duy đoạn cùng có? Là như tâm của tư duy đoạn hoặc thoái, hoặc sinh, pháp do kiến đế đoạn được sinh. Đây gọi là pháp vô sắc do kiến đế đoạn sinh khởi nơi tâm của tư duy đoạn cùng có.

Hỏi: Nếu như các pháp nơi tâm của kiến đế đoạn cùng sinh, pháp đó là vô sắc do kiến đế đoạn chăng?

Đáp: Hoặc pháp nơi tâm của kiến đế đoạn cùng sinh là vô sắc do kiến đế đoạn. Hoặc pháp nơi tâm của kiến đế đoạn cùng sinh là vô sắc do tư duy đoạn.

Thế nào là pháp nơi tâm của kiến đế đoạn cùng sinh là vô sắc do kiến đế đoạn? Là các pháp tương ưng với tâm kia, tâm ấy cùng có vô sắc do kiến đế đoạn. Đây gọi là pháp nơi tâm của kiến đế đoạn cùng sinh là vô sắc do kiến đế đoạn.

Thế nào là pháp nơi tâm của kiến đế đoạn cùng sinh là vô sắc do tư duy đoạn? Là như tâm của kiến đế đoạn hoặc thoái, hoặc sinh, pháp do tư duy đoạn được sinh, như tâm của kiến đế đoạn an trụ, căn của tư duy đoạn được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ đầy đủ, pháp ấy là đặc, sinh, lão, vô thường. Đây gọi là pháp nơi tâm của kiến đế đoạn cùng sinh là vô sắc do tư duy đoạn.

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 26

Kiên độ thứ 7: ĐỊNH

Phẩm 1: BÀN VỀ ĐẮC QUÁ KHỨ, phần 2

Hỏi: Các pháp vô sắc do tư duy đoạn sinh khởi, pháp đó nơi tâm của tư duy đoạn cùng có chăng?

Đáp: Hoặc pháp vô sắc do tư duy đoạn sinh khởi nơi tâm của tư duy đoạn cùng có. Hoặc pháp vô sắc do tư duy đoạn sinh khởi nơi tâm của kiến đế đoạn cùng có. Hoặc pháp vô sắc do tư duy đoạn sinh khởi nơi tâm không đoạn cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc do tư duy đoạn sinh khởi nơi tâm của tư duy đoạn cùng có? Là các pháp tương ưng với tâm của tư duy đoạn kia, tâm ấy cùng có vô sắc do tư duy đoạn. Đây gọi là pháp vô sắc do tư duy đoạn sinh khởi nơi tâm của tư duy đoạn cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc do tư duy đoạn sinh khởi nơi tâm của kiến đế đoạn cùng có? Là như tâm của kiến đế đoạn hoặc thoái, hoặc sinh, pháp do tư duy đoạn được sinh, như tâm của kiến đế đoạn an trụ, căn của tư duy đoạn được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ đầy đủ, pháp ấy là đắc, sinh, lão, vô thường. Đây gọi là pháp vô sắc do tư duy đoạn sinh khởi nơi tâm của kiến đế đoạn cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc do tư duy đoạn sinh khởi nơi tâm không đoạn cùng có? Là như tâm không đoạn thắng tấn, pháp do tư duy đoạn được sinh, như tâm không đoạn an trụ, căn của tư duy đoạn được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ đầy đủ, pháp ấy là đắc, sinh, lão, vô thường. Đây gọi là pháp vô sắc do tư duy đoạn sinh khởi nơi tâm không đoạn cùng có.

Hỏi: Nếu như các pháp nơi tâm của tư duy đoạn cùng sinh, pháp đó là vô sắc do tư duy đoạn chăng?

Đáp: Hoặc pháp nơi tâm của tư duy đoạn cùng sinh là vô sắc do tư duy đoạn. Hoặc pháp nơi tâm của tư duy đoạn cùng sinh là vô sắc do kiến đế đoạn. Hoặc pháp nơi tâm của tư duy đoạn cùng sinh là vô sắc không đoạn.

Thế nào là pháp nơi tâm của tư duy đoạn cùng sinh là vô sắc do tư duy đoạn? Là các pháp tương ưng với tâm kia, tâm ấy cùng có vô sắc do tư duy đoạn. Đây gọi là pháp nơi tâm của tư duy đoạn cùng sinh là vô sắc do tư duy đoạn.

Thế nào là pháp nơi tâm của tư duy đoạn cùng sinh là vô sắc do kiến đế đoạn? Là như tâm của tư duy đoạn hoặc thoái, hoặc sinh, pháp do kiến đế đoạn được sinh. Đây gọi là pháp nơi tâm của tư duy đoạn cùng sinh là vô sắc do kiến đế đoạn.

Thế nào là pháp nơi tâm của tư duy đoạn cùng sinh là vô sắc không đoạn? Là như tâm của tư duy đoạn hoặc thoái, hoặc sinh, pháp không đoạn được sinh. Đây gọi là pháp nơi tâm của tư duy đoạn cùng sinh là vô sắc không đoạn.

Hỏi: Các pháp vô sắc không đoạn sinh khởi, pháp đó nơi tâm không đoạn cùng có chăng?

Đáp: Hoặc pháp vô sắc không đoạn sinh khởi nơi tâm không đoạn cùng có. Hoặc pháp vô sắc không đoạn sinh khởi nơi tâm của tư duy đoạn cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc không đoạn sinh khởi nơi tâm không đoạn cùng có? Là các pháp tương ưng với tâm không đoạn kia, tâm ấy cùng có vô sắc không đoạn. Đây gọi là pháp vô sắc không đoạn sinh khởi nơi tâm không đoạn cùng có.

Thế nào là pháp vô sắc không đoạn sinh khởi nơi tâm của tư duy đoạn cùng có? Là như tâm của tư duy đoạn hoặc thoái, hoặc thắng tấn, pháp không đoạn được sinh. Đây gọi là pháp vô sắc không đoạn sinh khởi nơi tâm của tư duy đoạn cùng có.

Hỏi: Nếu như các pháp nơi tâm không đoạn cùng sinh, pháp đó là vô sắc không đoạn chăng?

Đáp: Hoặc pháp nơi tâm không đoạn cùng sinh là vô sắc không đoạn. Hoặc pháp nơi tâm không đoạn cùng sinh là vô sắc do tư duy đoạn.

Thế nào là pháp nơi tâm không đoạn cùng sinh là vô sắc không đoạn? Là các pháp tương ưng với tâm không đoạn kia, tâm ấy cùng có vô sắc không đoạn. Đây gọi là pháp nơi tâm không đoạn cùng sinh là vô sắc không đoạn.

Thế nào là pháp nơi tâm không đoạn cùng sinh là vô sắc do tư duy đoạn? Là như tâm không đoạn thắng tấn, pháp do tư duy đoạn được sinh, như tâm không đoạn an trụ, căn của tư duy đoạn được nuôi lớn, bốn đại tăng trưởng đẹp đẽ đầy đủ, pháp ấy là đắc, sinh, lão, vô thường. Đây gọi là pháp nơi tâm không đoạn cùng sinh là vô sắc do tư duy đoạn.

Hỏi: Tất cả thiên thứ nhất đều có năm chi chăng?

Đáp: Không nhiễm ô có năm, nhiễm ô không có năm.

Những gì là không có? *Đáp:* Viễn ly hỷ lạc (Ly sinh hỷ lạc).

Hỏi: Tất cả thiên thứ hai đều có bốn chi chăng?

Đáp: Không nhiễm ô có bốn, nhiễm ô không có bốn.

Những gì là không có? *Đáp:* Không có nội tín (Nội đẳng tịnh).

Hỏi: Tất cả thiên thứ ba đều có năm chi chãng?

Đáp: Không nhiễm ô có năm, nhiễm ô không có năm.

Những gì là không có? *Đáp:* Không có niệm trí (Chánh niệm, chánh trí).

Hỏi: Tất cả thiên thứ tư đều có bốn chi chãng?

Đáp: Không nhiễm ô có bốn, nhiễm ô không có bốn.

Những gì là không có? *Đáp:* Không có niệm hộ tịnh (Niệm xả thanh tịnh).

Hỏi: Vị tương ưng nơi thiên thứ nhất, nhập nên nói là vị hay khởi nên nói là vị?

Đáp: Đối với chủ thể nên nói là nhập. Nơi đối tượng nên nói là khởi (xuất).

Hỏi: Vị tương ưng cho đến cõi Hữu tướng vô tướng (Phi tướng phi phi tướng), nhập nên nói là vị hay khởi nên nói là vị?

Đáp: Đối với chủ thể nên nói là nhập. Nơi đối tượng nên nói là khởi.

Hỏi: Các vị tương ưng nơi thiên thứ nhất, tất cả vị đó là ẩn một vô ký (Hữu phú vô ký) chãng?

Đáp: Đúng vậy. Các vị tương ưng nơi thiên thứ nhất, tất cả vị đó đều là ẩn một vô ký.

Hỏi: Từng có vị là ẩn một vô ký, vị đó không tương ưng với thiên thứ nhất chãng?

Đáp: Có. Là trừ ái, còn lại là các thứ cấu nhiễm khác hiện ở trước.

Hỏi: Các vị tương ưng cho đến cõi Hữu tướng vô tướng, tất cả vị đó đều là ẩn một vô ký chãng?

Đáp: Đúng vậy. Các vị tương ứng cho đến cõi Hữu tướng vô tướng, tất cả vị đó đều là ẩn một vô ký.

Hỏi: Tùng có vị là ẩn một vô ký, vị đó không tương ứng cho đến cõi Hữu tướng vô tướng chăng?

Đáp: Có. Là trừ ái, còn lại là các thứ cấu nhiễm khác hiện ở trước.

Hỏi: Tùng có không nhập thiên thứ nhất mà nhập thiên thứ hai chăng?

Đáp: Nhập.

Hỏi: Tùng có cho đến không nhập định Bất dụng (Vô sở hữu xứ) mà nhập Hữu tướng vô tướng chăng?

Đáp: Nhập.

Hỏi: Tùng có không nhập thiên thứ nhất mà sinh nơi thiên thứ nhất chăng?

Đáp: Có sinh.

Hỏi: Tùng có cho đến không nhập Hữu tướng vô tướng mà sinh nơi Hữu tướng vô tướng chăng?

Đáp: Có sinh.

Hỏi: Nếu được thiên thứ nhất không phải là thiên thứ hai, Hành giả kia mạng chung sẽ sinh vào xứ nào?

Đáp: Hoặc nơi cõi Phạm thiên, hoặc nơi cõi Quang âm, hoặc nơi cõi Biến tịnh, hoặc nơi cõi Quả thật, hoặc nơi Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, hoặc nơi Hữu tướng vô tướng, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Nếu được cho đến Bất dụng xứ không phải là Hữu tướng vô tướng, Hành giả kia mạng chung sẽ sinh vào xứ nào?

Đáp: Hoặc Bất dụng xứ, hoặc Hữu tướng vô tướng, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Tư duy về những gì để nhập định Từ?

Đáp: Đem an lạc cho chúng sinh.

Hỏi: Tư duy về những gì để nhập định Bi?

Đáp: Dứt khổ cho chúng sinh.

Hỏi: Tư duy về những gì để nhập định Hỷ?

Đáp: Tạo vui thích cho chúng sinh.

Hỏi: Tư duy về những gì để nhập định Hộ (Xả)?

Đáp: Xả bỏ đối với chúng sinh.

Hỏi: Từ diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Bi, Hỷ, Hộ diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Thiên thứ nhất tịnh diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Cho đến Hữu tướng vô tướng tịnh diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Giải thoát thứ nhất, thứ hai, thứ ba diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Giải thoát của Không xứ diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc hệ thuộc Không xứ, hoặc hệ thuộc Thức xứ, hoặc hệ thuộc Bất dụng xứ, hoặc hệ thuộc Hữu tướng vô tướng xứ, hoặc không có.

Hỏi: Giải thoát của Thức xứ diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc hệ thuộc Thức xứ, hoặc hệ thuộc Bất dụng xứ, hoặc hệ thuộc Hữu tướng vô tướng xứ, hoặc không có.

Hỏi: Giải thoát của Bất dụng xứ diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc hệ thuộc Bất dụng xứ, hoặc hệ thuộc Hữu tướng vô tướng, hoặc không có.

Hỏi: Giải thoát của Hữu tướng vô tướng, giải thoát của diệt tận diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Trừ nhập (Thắng xứ) thứ nhất diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Cho đến Trừ nhập thứ tám diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nhất thiết nhập (Biến xứ) thứ nhất diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Cho đến Nhất thiết nhập thứ mười diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Pháp trí diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Vị trí trí diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Tha tâm trí diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không xứ sở.

Hỏi: Đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí, không, vô tướng, vô nguyện diệt trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Báo của Từ nơi nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc cõi Phạm thiên, hoặc cõi Quang âm, hoặc cõi Biến tịnh, hoặc cõi Quả thật, hoặc không xứ sở.

Như Từ, Bi và Hộ cũng như vậy.

Hỏi: Báo của Hỷ nơi nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc cõi Phạm thiên, hoặc cõi Quang âm, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Báo của thiên thứ nhất tịnh nơi nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc cõi Phạm thiên, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Cho đến báo của Hữu tướng vô tướng nơi nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc cõi Hữu tướng vô tướng, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Báo của giải thoát thứ nhất, thứ hai nơi nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc cõi Phạm thiên, hoặc cõi Quang âm, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Báo của bốn Trừ nhập đầu nơi nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc cõi Phạm thiên, hoặc cõi Quang âm, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Báo của bốn Trừ nhập sau, báo của giải thoát tịnh, báo của tám Nhất thiết nhập nơi nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc nơi cõi Quả thật, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Báo của giải thoát Không xứ nơi nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc nơi Không xứ, hoặc không xứ sở.

Như Không xứ, Nhất thiết nhập (Biến xứ) cũng như vậy.

Hỏi: Báo của giải thoát Thức xứ nơi nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc nơi Thức xứ, hoặc không xứ sở.

Như Thức xứ, Nhất thiết nhập cũng như vậy.

Hỏi: Báo của giải thoát Bất dụng xứ nơi nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc nơi Bất dụng xứ, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Báo của giải thoát Hữu tướng vô tướng nơi nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc nơi Hữu tướng vô tướng, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Báo của giải thoát diệt tận nơi nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc nơi Hữu tướng vô tướng, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Báo của tha tâm trí nơi nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc cõi Phạm thiên, hoặc cõi Quang âm, hoặc cõi Biến tịnh, hoặc cõi Quả thật, hoặc không xứ sở.

Hỏi: Báo của đẳng trí nơi nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc nơi cõi Dục, hoặc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc không xứ sở.

Phẩm 2: BÀN VỀ DUYÊN

Tám Tam muội là: Bốn thiên, bốn định vô sắc. Ba định là: Vị tương ưng, tịnh, vô lậu.

Tùng có thành tựu vị tương ưng nơi sơ thiên, không phải tịnh, không phải vô lậu chăng? Tùng có thành tựu tịnh, không phải vị tương ưng, không phải vô lậu chăng? Tùng có thành tựu vô lậu,

không phải vị tương ưng, không phải tịnh chẳng? Từng có thành tựu vị tương ưng, tịnh, không phải vô lậu chẳng? Từng có thành tựu vị tương ưng, vô lậu, không phải tịnh chẳng? Từng có thành tựu tịnh, vô lậu, không phải vị tương ưng chẳng? Từng có thành tựu cả vị tương ưng, tịnh, vô lậu chẳng?

Như thành tựu vị tương ưng, tịnh, vô lậu, không thành tựu, được, bỏ, thoái chuyển cũng như vậy.

Nếu tu sơ thiền thế tục thì Hành giả kia tu sơ thiền vô lậu chẳng? Nếu như tu sơ thiền vô lậu thì Hành giả kia tu sơ thiền thế tục chẳng? Cho đến Bất dụng xứ: Nếu tu Bất dụng xứ thế tục thì Hành giả kia tu Bất dụng xứ vô lậu chẳng? Nếu như tu Bất dụng xứ vô lậu thì Hành giả kia tu Bất dụng xứ thế tục chẳng?

Nếu đầu tiên nhập thiền thứ nhất vô lậu, lúc ấy được các tâm tâm pháp vô lậu vị lai khác, tất cả pháp đó nên nói là có giác có quán chẳng? Nếu đầu tiên nhập thiền thứ hai vô lậu, lúc ấy được các tâm tâm pháp vô lậu vị lai khác, tất cả pháp đó nên nói là tương ưng với hỷ căn chẳng? Nếu đầu tiên nhập thiền thứ ba vô lậu, lúc ấy được các tâm tâm pháp vô lậu vị lai khác, tất cả pháp đó nên nói là tương ưng với lạc căn chẳng? Nếu đầu tiên nhập thiền thứ tư vô lậu, lúc ấy được các tâm tâm pháp vô lậu vị lai khác, tất cả pháp đó nên nói là tương ưng với hộ căn chẳng?

Nếu đầu tiên nhập Không xứ vô lậu, lúc ấy được các tâm tâm pháp vô lậu vị lai khác, tất cả pháp đó nên nói là thuộc về Không xứ chẳng? Nếu đầu tiên nhập Thức xứ vô lậu, lúc ấy được các tâm tâm pháp vô lậu vị lai khác, tất cả pháp đó nên nói là thuộc về Thức xứ chẳng? Nếu đầu tiên nhập Bất dụng xứ vô lậu, lúc ấy được các tâm tâm pháp vô lậu vị lai khác, tất cả pháp đó nên nói là thuộc về Bất dụng xứ chẳng?

Vị tương ưng nơi sơ thiền cùng với vị tương ưng nơi sơ thiền kia có bao nhiêu duyên? Tịnh có bao nhiêu duyên? Vô lậu có bao

nhiều duyên? Vị tương ưng trên có bao nhiêu duyên? Tịnh, vô lậu trên có bao nhiêu duyên?

Tịnh nơi sơ thiền cùng với tịnh nơi sơ thiền kia có bao nhiêu duyên? Vô lậu có bao nhiêu duyên? Vị tương ưng trên có bao nhiêu duyên? Tịnh, vô lậu trên có bao nhiêu duyên? Vị tương ưng nơi tự địa có bao nhiêu duyên?

Vô lậu nơi sơ thiền cùng với vô lậu nơi sơ thiền kia có bao nhiêu duyên? Vị tương ưng trên có bao nhiêu duyên? Tịnh, vô lậu trên có bao nhiêu duyên? Tịnh nơi tự địa có bao nhiêu duyên?

Cho đến Bát dụng xứ cũng như vậy.

Vị tương ưng nơi Hữu tướng vô tướng cùng với vị tương ưng nơi Hữu tướng vô tướng có bao nhiêu duyên? Tịnh có bao nhiêu duyên? Vị tương ưng dưới có bao nhiêu duyên? Tịnh, vô lậu dưới có bao nhiêu duyên?

Tịnh nơi Hữu tướng vô tướng cùng với tịnh nơi Hữu tướng vô tướng kia có bao nhiêu duyên? Vị tương ưng dưới có bao nhiêu duyên? Tịnh, vô lậu dưới có bao nhiêu duyên? Vị tương ưng nơi tự địa có bao nhiêu duyên?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Tám Tam muội là: Bốn thiền, bốn định vô sắc. Có ba định là: Vị tương ưng, tịnh, vô lậu.

Hỏi: Từng có thành tựu vị tương ưng nơi sơ thiền, không phải tịnh, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Có. Là ái dục chưa hết.

Hỏi: Từng có thành tựu tịnh, không phải vị tương ưng, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Có. Là người phạm phu sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái trên cõi Phạm thiên đã hết.

Hỏi: Từng có thành tựu vô lậu, không phải vị tương ưng, không phải tịnh chẳng?

Đáp: Có. Là người vô cầu (Thánh giả) sinh trên cõi Phạm thiên.

Hỏi: Từng có thành tựu vị tương ưng, tịnh, không phải vô lậu chẳng?

Đáp: Có. Là người phạm phu sinh nơi cõi Dục, ái nơi cõi Dục đã hết, ái trên cõi Phạm thiên chưa hết. Hoặc sinh trên cõi Phạm thiên, ái nơi cõi ấy chưa hết.

Hỏi: Từng có thành tựu vị tương ưng, vô lậu, không phải tịnh chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có thành tựu tịnh, vô lậu, không phải vị tương ưng chẳng?

Đáp: Có. Là người vô cầu sinh nơi cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên, ái trên cõi Phạm thiên đã hết.

Hỏi: Từng có thành tựu cả vị tương ưng, tịnh, vô lậu chẳng?

Đáp: Có. Là người vô cầu sinh nơi cõi Dục, ái nơi cõi Dục đã hết, ái trên cõi Phạm thiên chưa hết.

Hỏi: Từng có không thành tựu vị tương ưng nơi sơ thiên, không phải là không tịnh, không phải là không vô lậu chẳng?

Đáp: Có. Là người vô cầu sinh nơi cõi Dục, hoặc nơi cõi Phạm thiên, ái nơi cõi ấy đã hết.

Hỏi: Từng có không thành tựu tịnh, không phải là không vị tương ưng, không phải là không vô lậu chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có không thành tựu vô lậu, không phải là không vị tương ưng, không phải là không tịnh chăng?

Đáp: Có. Là người phạm phu sinh nơi cõi Dục, ái dục đã hết, ái trên cõi Phạm thiên chưa hết. Hoặc sinh trên cõi Phạm thiên, ái nơi cõi ấy chưa hết.

Hỏi: Từng có không thành tựu vị tương ưng, tịnh, không phải là không vô lậu chăng?

Đáp: Có. Là người vô cầu sinh trên cõi Phạm thiên.

Hỏi: Từng có không thành tựu vị tương ưng, vô lậu, không phải là không tịnh chăng?

Đáp: Có. Là người phạm phu sinh nơi cõi Dục, hoặc nơi cõi Phạm thiên, ái nơi cõi ấy đã hết.

Hỏi: Từng có không thành tựu tịnh, vô lậu, không phải là không vị tương ưng chăng?

Đáp: Có. Là ái nơi cõi Dục chưa hết.

Hỏi: Từng có không thành tựu vị tương ưng, tịnh, vô lậu chăng?

Đáp: Có. Là người phạm phu sinh trên cõi Phạm thiên.

Hỏi: Từng có được vị tương ưng nơi sơ thiên, không phải tịnh, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Được. Là từ trên cõi Phạm thiên không còn ái đã thoái chuyển.

Hỏi: Từng có được tịnh, không phải vị tương ưng, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Được. Là người phạm phu đạt ái dục hết.

Hỏi: Từng có được vô lậu, không phải vị tương ưng, không phải tịnh chăng?

Đáp: Được. Là dựa vào sơ thiên, vượt thứ lớp thủ chứng sẽ đạt đến quả A-la-hán.

Hỏi: Tùng có được vị tương ưng, tịnh, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Được. Là mắt ở địa trên, sinh trên cõi Phạm thiên.

Hỏi: Tùng có được tịnh, vô lậu, không phải vị tương ưng chăng?

Đáp: Được. Là người vô cầu đạt ái dục hết.

Hỏi: Tùng có được thứ khác chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có bỏ vị tương ưng nơi sơ thiên, không phải tịnh, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Bỏ. Là vừa được ái trên cõi Phạm thiên đã hết.

Hỏi: Tùng có bỏ tịnh, không phải vị tương ưng, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Bỏ. Là người phạm phu nơi cõi Dục không còn ái dục đã thoái chuyển. Hoặc ở nơi cõi Phạm thiên mất, sinh nơi địa trên.

Hỏi: Tùng có bỏ tịnh, vô lậu, không phải vị tương ưng chăng?

Đáp: Bỏ. Là người vô cầu ở nơi không còn ái dục đã thoái chuyển.

Hỏi: Tùng có bỏ thứ khác chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có thoái chuyển vị tương ưng nơi sơ thiên, không phải tịnh, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Không thoái chuyển.

Hỏi: Tùng có thoái chuyển tịnh, không phải vị tương ưng, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Thoái chuyên. Là người phạm phu ở nơi không còn ái dục đã thoái chuyên.

Hỏi: Từng có thoái chuyên tịnh, vô lậu, không phải vị tương ưng chăng?

Đáp: Thoái chuyên. Là người vô cầu ở nơi không còn ái dục đã thoái chuyên.

Hỏi: Từng có thoái chuyên thứ khác chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nếu tu thiền thứ nhất thế tục (tịnh) thì Hành giả kia tu thiền thứ nhất vô lậu chăng?

Đáp: Hoặc có tu thế tục không phải là tu vô lậu.

Thế nào là tu thế tục không phải là tu vô lậu? Là vốn đã được thiền thứ nhất thế tục hiện ở trước. Hoặc vốn không được thiền thứ nhất thế tục hiện ở trước, lúc này không tu thiền thứ nhất vô lậu. Hoặc vốn không được trí thế tục hiện ở trước, Hành giả kia không phải ở nơi thiền thứ nhất, lúc ấy có thể tu thiền thứ nhất thế tục, không phải vô lậu. Đây gọi là tu thế tục không phải là tu vô lậu.

Thế nào là tu vô lậu không phải là tu thế tục? Là vốn đã được thiền thứ nhất vô lậu hiện ở trước. Hoặc vốn không được thiền thứ nhất vô lậu hiện ở trước, lúc này không tu thiền thứ nhất thế tục. Hoặc vốn không được trí thế tục hiện ở trước, Hành giả kia không phải ở nơi thiền thứ nhất, lúc ấy có thể tu thiền thứ nhất vô lậu, không phải là thế tục. Hoặc vốn không được trí vô lậu hiện ở trước, Hành giả kia không phải ở nơi thiền thứ nhất, lúc ấy có thể tu thiền thứ nhất vô lậu, không phải là thế tục. Đây gọi là tu vô lậu không phải là tu thế tục.

Thế nào là tu thế tục cũng là tu vô lậu? Là vốn không được thiền thứ nhất thế tục hiện ở trước, lúc này được tu thiền thứ nhất vô lậu.

Hoặc vốn không được thiền thứ nhất vô lậu hiện ở trước, lúc này được tu thiền thứ nhất thế tục. Hoặc vốn không được trí thế tục hiện ở trước, Hành giả kia không phải ở nơi thiền thứ nhất, lúc ấy được tu thiền thứ nhất vô lậu và thế tục. Hoặc vốn không được trí vô lậu hiện ở trước, Hành giả kia không phải ở nơi thiền thứ nhất, lúc ấy được tu thiền thứ nhất vô lậu và thế tục. Đây gọi là tu thế tục cũng là tu vô lậu.

Thế nào là không phải tu thế tục cũng không phải tu vô lậu? Là vốn đã được trí thế tục hiện ở trước, Hành giả kia không phải ở nơi thiền thứ nhất. Hoặc vốn không được trí thế tục hiện ở trước, lúc này không tu thiền thứ nhất vô lậu và thế tục. Hoặc vốn đã được trí vô lậu hiện ở trước, trí ấy không phải ở nơi thiền thứ nhất. Hoặc vốn không được trí vô lậu hiện ở trước, lúc ấy cũng không tu thiền thứ nhất vô lậu và thế tục. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký, nhập định vô tướng, định diệt tận, đều không tu thiền thứ nhất thế tục, không tu thiền thứ nhất vô lậu. Đây gọi là không phải tu thế tục cũng không phải tu vô lậu.

Như thiền thứ nhất, thiền thứ hai, thiền thứ ba cũng như vậy.

Hỏi: Nếu tu thiền thứ tư thế tục thì Hành giả kia tu thiền thứ tư vô lậu chăng?

Đáp: Hoặc có tu thế tục không phải là tu vô lậu.

Thế nào là tu thế tục không phải là tu vô lậu? Là vốn đã được thiền thứ tư thế tục hiện ở trước. Hoặc vốn không được thiền thứ tư thế tục hiện ở trước, lúc này không tu thiền thứ tư vô lậu. Hoặc vốn không được trí thế tục hiện ở trước, Hành giả kia không phải ở nơi thiền thứ tư thế tục, lúc ấy có thể tu thiền thứ tư thế tục, không phải là thiền thứ tư vô lậu. Đây gọi là tu thế tục không phải là tu vô lậu.

Thế nào là tu vô lậu không phải là tu thế tục? Là vốn đã được thiền thứ tư vô lậu hiện ở trước. Hoặc vốn không được thiền thứ tư vô lậu hiện ở trước, lúc ấy không tu thiền thứ tư thế tục. Hoặc vốn không

được trí thể tục hiện ở trước, Hành giả kia không phải ở nơi thiền thứ tư, lúc ấy có thể tu thiền thứ tư vô lậu, không phải là thể tục. Hoặc vốn không được trí vô lậu hiện ở trước, Hành giả kia không phải ở nơi thiền thứ tư, lúc ấy có thể tu thiền thứ tư vô lậu, không phải là thể tục. Đây gọi là tu vô lậu không phải là tu thể tục.

Thế nào là tu thể tục cũng là tu vô lậu? Là vốn không được thiền thứ tư thể tục hiện ở trước, lúc ấy được tu thiền thứ tư vô lậu. Hoặc vốn không được thiền thứ tư vô lậu hiện ở trước, lúc ấy được tu thiền thứ tư thể tục. Hoặc vốn không được trí thể tục hiện ở trước, Hành giả kia không phải ở nơi thiền thứ tư, lúc ấy được tu thiền thứ tư vô lậu và thể tục. Hoặc vốn không được trí vô lậu hiện ở trước, Hành giả kia không phải ở nơi thiền thứ tư, lúc ấy được tu thiền thứ tư vô lậu và thể tục. Đây gọi là tu vô lậu cũng là tu thể tục.

Thế nào là không phải tu thể tục cũng không phải tu vô lậu? Là vốn đã được trí thể tục hiện ở trước, trí ấy không phải ở nơi thiền thứ tư. Hoặc vốn không được trí thể tục hiện ở trước, lúc này không tu thiền thứ tư vô lậu và thể tục. Hoặc vốn đã được trí vô lậu hiện ở trước, trí ấy không phải ở nơi thiền thứ tư. Hoặc vốn không được trí vô lậu hiện ở trước, lúc này cũng không tu thiền thứ tư vô lậu và thể tục. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận nơi cõi trời Vô tướng, đều không tu thiền thứ tư thể tục, không tu thiền thứ tư vô lậu. Đây gọi là không phải tu thể tục cũng không phải tu vô lậu.

Cho đến định Bát dụng cũng như vậy.

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập thiền thứ nhất vô lậu, lúc ấy được các tâm tâm pháp vô lậu vị lai khác, tất cả pháp đó nên nói là có giác có quán chăng?

Đáp: Các pháp đó hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán.

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập thiền thứ hai vô lậu, lúc ấy được các tâm tâm pháp vô lậu vị lai khác, tất cả pháp đó nên nói là tương ưng với hỷ căn chăng?

Đáp: Các pháp đó hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ căn, hoặc tương ưng với hộ căn.

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập thiền thứ ba vô lậu, lúc ấy được các tâm tâm pháp vô lậu vị lai khác, tất cả pháp đó nên nói là tương ưng với lạc căn chăng?

Đáp: Các pháp đó hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ căn, hoặc tương ưng với hộ căn.

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập thiền thứ tư vô lậu, lúc ấy được các tâm tâm pháp vô lậu vị lai khác, tất cả pháp đó nên nói là tương ưng với hộ căn (xả căn) chăng?

Đáp: Các pháp đó hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ căn, hoặc tương ưng với hộ căn.

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập Không xứ vô lậu, lúc ấy được các tâm tâm pháp vô lậu vị lai khác, tất cả pháp đó nên nói là thuộc về Không định chăng?

Đáp: Các pháp đó hoặc thuộc về Không định, hoặc thuộc về Thức định, hoặc thuộc về Bất dụng định.

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập Thức xứ vô lậu, lúc ấy được các tâm tâm pháp vô lậu vị lai khác, tất cả pháp đó nên nói là thuộc về Thức định chăng?

Đáp: Các pháp đó hoặc thuộc về Không định, hoặc thuộc về Thức định, hoặc thuộc về Bất dụng định.

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập Bất dụng xứ vô lậu, lúc ấy được các tâm tâm pháp vô lậu vị lai khác, tất cả pháp đó nên nói là thuộc về Bất dụng định chăng?

Đáp: Các pháp đó hoặc thuộc về Không định, hoặc thuộc về Thức định, hoặc thuộc về Bất dụng định.

Vị tương ưng nơi sơ thiền cùng với vị tương ưng nơi sơ thiền kia có bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng. Tịnh có ba duyên là Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng, không có Nhân. Vô lậu có hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng. Vị tương ưng còn lại có một duyên là Tăng thượng. Tịnh, vô lậu nơi thiền thứ hai, thiền thứ ba, thiền thứ tư có hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng. Tịnh, vô lậu nơi định vô sắc có một duyên là Tăng thượng.

Tịnh nơi sơ thiền cùng với tịnh nơi sơ thiền kia có bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng. Vô lậu có ba duyên là Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng, không có Nhân. Trừ vị tương ưng của tự địa, tất cả vị tương ưng còn lại có một duyên là Tăng thượng. Tịnh, vô lậu nơi thiền thứ hai, thiền thứ ba có ba duyên là Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng, không có Nhân. Tịnh, vô lậu nơi thiền thứ tư có hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng. Tịnh, vô lậu nơi định vô sắc có một duyên là Tăng thượng. Vị tương ưng nơi tự địa có ba duyên là Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng, không có Nhân.

Vô lậu nơi sơ thiền cùng với vô lậu nơi sơ thiền kia có bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng. Tất cả vị tương ưng có một duyên là Tăng thượng. Tịnh nơi sơ thiền, thiền thứ hai, thiền thứ ba có ba duyên là Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng, không có Nhân. Vô lậu nơi thiền thứ hai, thiền thứ ba có bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng. Tịnh nơi thiền thứ tư, tịnh nơi định vô sắc có hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng. Vô lậu nơi thiền thứ tư, vô lậu nơi định vô sắc có ba duyên là Nhân, Duyên duyên, Tăng thượng. Tịnh nơi tự địa có ba duyên là Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng.

Cho đến Bất dụng định cũng như vậy.

Vị tương ưng nơi Hữu tướng vô tướng cùng với vị tương ưng nơi Hữu tướng vô tướng kia có bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng. Tịnh có ba duyên là Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng, không có Nhân. Tịnh nơi Bất dụng xứ có ba duyên là Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng, không có Nhân. Các tịnh vô lậu còn lại nơi cõi dưới có hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng.

Tịnh nơi Hữu tướng vô tướng cùng với tịnh nơi Hữu tướng vô tướng kia có bốn duyên là Nhân, Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng. Vị tương ưng nơi cõi dưới có một duyên là Tăng thượng. Tịnh, vô lậu nơi Thức xứ, Bất dụng xứ có ba duyên là Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng, không có Nhân. Tịnh vô lậu còn lại có hai duyên là Duyên duyên, Tăng thượng. Vị tương ưng nơi tự địa có ba duyên là Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng, không có Nhân.

HẾT - QUYỂN 26

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỀN 27

Kiên độ thứ 7: ĐỊNH

Phẩm 3: BÀN VỀ GIẢI THOÁT

* *Tụng nêu chung:*

Thâu, tương ung cũng chung

Thành tựu thiên vô sắc

Bảy người, bảy đốn đắc.

Do Tam muội nào dứt hết mười tướng.

Bốn thiên, bốn đẳng (bốn vô lượng), bốn định vô sắc, tám giải thoát, tám trừ nhập (tám Thắng xứ), mười nhất thiết nhập (mười biến xứ), tám trí, ba Tam muội.

Mười tướng: Tướng về vô thường, tướng về vô thường - khổ, tướng về vô ngã - khổ, tướng về bất tịnh, tướng quán về ăn uống, tướng về tất cả thế gian không thể vui, tướng về sự chết, tướng về đoạn, tướng về không dục, tướng về diệt.

Tướng về vô thường gồm thâu bao nhiêu thiên? Bao nhiêu đẳng? Bao nhiêu định vô sắc? Bao nhiêu giải thoát? Bao nhiêu trừ nhập? Bao nhiêu nhất thiết nhập? Bao nhiêu trí? Bao nhiêu Tam muội? Cho đến tướng về diệt cũng như vậy.

Thiền thứ nhất gồm thâm bao nhiêu thiền? Bao nhiêu đẳng? Bao nhiêu định vô sắc? Bao nhiêu giải thoát? Bao nhiêu trừ nhập? Bao nhiêu nhất thiết nhập? Bao nhiêu trí? Bao nhiêu Tam muội? Cho đến thiền thứ tư cũng như vậy.

Từ gồm thâm bao nhiêu đẳng? Bao nhiêu định vô sắc? Bao nhiêu giải thoát? Bao nhiêu trừ nhập? Bao nhiêu nhất thiết nhập? Bao nhiêu trí? Bao nhiêu Tam muội? Cho đến hộ (xả) cũng như vậy.

Không xứ trong vô sắc gồm thâm bao nhiêu định vô sắc? Bao nhiêu giải thoát? Bao nhiêu trừ nhập? Bao nhiêu nhất thiết nhập? Bao nhiêu trí? Bao nhiêu Tam muội? Cho đến Hữu tướng vô tướng cũng như vậy.

Giải thoát thứ nhất gồm thâm bao nhiêu giải thoát? Bao nhiêu trừ nhập? Bao nhiêu nhất thiết nhập? Bao nhiêu trí? Bao nhiêu Tam muội? Cho đến giải thoát thứ tám cũng như vậy.

Trừ nhập thứ nhất gồm thâm bao nhiêu trừ nhập? Bao nhiêu nhất thiết nhập? Bao nhiêu trí? Bao nhiêu Tam muội? Cho đến trừ nhập thứ tám cũng như vậy.

Nhất thiết nhập thứ nhất gồm thâm bao nhiêu nhất thiết nhập? Bao nhiêu trí? Bao nhiêu Tam muội? Cho đến nhất thiết nhập thứ mười cũng như vậy.

Pháp trí gồm thâm bao nhiêu trí? Bao nhiêu Tam muội? Cho đến đạo trí cũng như vậy.

Không, vô tướng, vô nguyện gồm thâm bao nhiêu Tam muội?

Như gồm thâm, cùng tương ưng cũng như vậy.

Nếu thành tựu thiền thứ nhất, đối với bốn thiền này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu? Nếu thành tựu thiền thứ nhất, đối với bốn đẳng, bốn định vô sắc, tám giải thoát, tám trừ nhập, mười nhất thiết nhập, tám trí, ba Tam muội, có bao nhiêu

thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu? Cho đến thiên thứ tư cũng như vậy.

Bảy người: Kiên tín, Kiên pháp, Tín giải thoát, Kiến đạo, Thân chứng, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát.

Người Kiên tín đối với vị tương ưng nơi bốn thiên, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu? Tịnh có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu? Vô lậu có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu? Cho đến người Câu giải thoát đối với vị tương ưng nơi bốn thiên, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu? Tịnh có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu? Vô lậu có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Người Kiên tín đối với vị tương ưng nơi bốn định vô sắc, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu? Tịnh có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu? Vô lậu có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu? Cho đến người Câu giải thoát đối với vị tương ưng nơi bốn định vô sắc, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu? Tịnh có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu? Vô lậu có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Tùng có thành tựu vị tương ưng nơi bốn thiên, không phải tịnh, không phải vô lậu chẳng? Thành tựu tịnh, không phải vị tương ưng, không phải vô lậu chẳng? Thành tựu vô lậu, không phải vị tương ưng, không phải tịnh chẳng? Thành tựu vị tương ưng, tịnh, không phải vô lậu chẳng? Thành tựu vị tương ưng, vô lậu, không phải tịnh chẳng? Thành tựu tịnh, vô lậu, không phải vị tương ưng chẳng? Thành tựu vị tương ưng, tịnh, vô lậu chẳng?

Như thành tựu, không thành tựu, được, bỏ, thoái chuyển cũng như vậy.

Tùng có thành tựu vị tương ưng nơi bốn định vô sắc, không phải tịnh, không phải vô lậu chăng? Thành tựu tịnh, không phải vị tương ưng, không phải vô lậu chăng? Thành tựu vô lậu, không phải vị tương ưng, không phải tịnh chăng? Thành tựu vị tương ưng, tịnh, không phải vô lậu chăng? Thành tựu vị tương ưng, vô lậu, không phải tịnh chăng? Thành tựu tịnh, vô lậu, không phải vị tương ưng chăng? Thành tựu vị tương ưng, tịnh, vô lậu chăng? Như thành tựu, không thành tựu, được, bỏ, thoái chuyển cũng như vậy.

Tùng có vị tương ưng nơi bốn thiền được tức khắc, bỏ tức khắc, được dần dần, bỏ dần dần chăng? Tùng có tịnh nơi bốn thiền được tức khắc, bỏ tức khắc, được dần dần, bỏ dần dần chăng? Tùng có vô lậu nơi bốn thiền được tức khắc, bỏ tức khắc, được dần dần, bỏ dần dần chăng?

Tùng có vị tương ưng nơi bốn định vô sắc được tức khắc, bỏ tức khắc, được dần dần, bỏ dần dần chăng? Tùng có tịnh nơi bốn định vô sắc được tức khắc, bỏ tức khắc, được dần dần, bỏ dần dần chăng? Tùng có vô lậu nơi ba định vô sắc được tức khắc, bỏ tức khắc, được dần dần, bỏ dần dần chăng?

Thân giáo do Tam muội nào diệt? Thân không giáo do Tam muội nào diệt? Khẩu giáo, Khẩu không giáo, ba hành ác, ba hành diệu, ba căn bất thiện, ba căn thiện, bốn không phải Thánh ngữ, bốn Thánh ngữ, bốn bào thai, bốn sinh, bốn thức trụ, năm ám, năm thanh ám, năm dục, năm Ưu-bà-tắc giới, sáu nội nhập, sáu ngoại nhập, sáu thức thân, sáu cánh lạc (xúc) thân, sáu thống (thọ) thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, sáu ái thân, bảy thức chỉ, tám pháp thế gian, chín nơi cư trú của chúng sinh, mười hành tích, bốn thiền, bốn đẳng, bốn định vô sắc, tám giải thoát, tám trừ nhập (tám thắng xứ), mười nhất thiết nhập, tha tâm trí, đẳng trí do Tam muội nào diệt?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

Mười tướng: Tướng về vô thường, tướng về vô thường - khổ, tướng về vô ngã - khổ, tướng về bất tịnh, tướng quán về ăn uống, tướng về tất cả thế gian không thể vui, tướng về sự chết, tướng về đoạn, tướng về không dục, tướng về diệt.

Tướng về vô thường gồm thâm bốn thiền, bốn định vô sắc, bốn giải thoát. Tướng về vô thường - khổ, tướng về vô ngã - khổ, tướng về sự chết, tướng về đoạn, tướng về không dục, tướng về diệt cũng như vậy. Tướng về bất tịnh, tướng quán về ăn uống gồm thâm bốn thiền và hai giải thoát đầu. Tướng về tất cả thế gian không thể vui gồm thâm thiền thứ ba, thiền thứ tư.

Thiền trung gian, thiền thứ nhất gồm thâm thiền thứ nhất, bốn đẳng, giải thoát thứ nhất, thứ hai, bốn trừ nhập đầu, tám trí, ba Tam muội.

Thiền thứ hai gồm thâm thiền thứ hai, bốn đẳng, giải thoát thứ nhất, thứ hai, bốn trừ nhập, tám trí, ba Tam muội.

Thiền thứ ba gồm thâm thiền thứ ba, ba đẳng, tám trí, ba Tam muội.

Thiền thứ tư gồm thâm thiền thứ tư, ba đẳng, tịnh giải thoát, bốn trừ nhập sau, tám nhất thiết nhập, tám trí, ba Tam muội.

Từ gồm thâm từ, bi gồm thâm bi, hỷ gồm thâm hỷ, hộ (xả) gồm thâm hộ.

Không xứ trong vô sắc gồm thâm không xứ, không xứ giải thoát, không xứ nhập, sáu trí, ba Tam muội.

Thức xứ gồm thâm thức xứ, thức xứ giải thoát, thức xứ nhập, sáu trí, ba Tam muội.

Bất dụng xứ gồm thâm bất dụng xứ, bất dụng xứ giải thoát, sáu trí, ba Tam muội.

Hữu tướng vô tướng xứ gồm thâm hữu tướng vô tướng xứ, hữu tướng vô tướng giải thoát, diệt tận giải thoát, một trí.

Giải thoát thứ nhất, thứ hai, thứ ba gồm thâm giải thoát thứ nhất, thứ hai, thứ ba.

Không xứ giải thoát gồm thâm không xứ giải thoát, không xứ nhập, sáu trí, ba Tam muội.

Thức xứ giải thoát gồm thâm thức xứ giải thoát, thức xứ nhập, sáu trí, ba Tam muội.

Bất dụng xứ giải thoát gồm thâm bất dụng xứ giải thoát, sáu trí, ba Tam muội.

Hữu tướng vô tướng giải thoát gồm thâm hữu tướng vô tướng giải thoát, một trí.

Diệt tận giải thoát gồm thâm diệt tận giải thoát.

Trừ nhập thứ nhất gồm thâm trừ nhập thứ nhất, cho đến trừ nhập thứ tám gồm thâm trừ nhập thứ tám.

Nhất thiết nhập thứ nhất gồm thâm nhất thiết nhập thứ nhất, cho đến nhất thiết nhập thứ mười gồm thâm nhất thiết nhập thứ mười.

Pháp trí gồm thâm pháp trí và phần ít của năm trí là tha tâm trí, khô trí, tập trí, tận trí, đạo trí.

Vị trí trí gồm thâm vị trí trí và phần ít của năm trí là tha tâm trí, khô trí, tập trí, tận trí, đạo trí.

Tha tâm trí gồm thâm tha tâm trí và phần ít của bốn trí là pháp trí, vị trí trí, đạo trí, đẳng trí.

Đẳng trí gồm thâm đẳng trí, khô trí, tập trí, tận trí, đạo trí.

Không, vô tướng, vô nguyện gồm thâm không, vô tướng, vô nguyện. Cùng tại cũng như vậy.

Tướng về vô thường tương ưng với bốn thiền, bốn định vô sắc, bốn giải thoát, bốn trí, một Tam muội.

Tưởng về vô thường - khổ, tưởng về vô ngã, tưởng về sự chết, tưởng về đoạn, tưởng về không dục, tưởng về diệt cũng như vậy.

Tưởng về bất tịnh, tưởng quán về ăn uống tương ưng với bốn thiền, giải thoát thứ nhất và thứ hai cùng đẳng trí.

Tưởng về tất cả thế gian không thể vui tương ưng với thiền thứ ba, thứ tư cùng đẳng trí.

Thiền trung gian, thiền thứ nhất tương ưng với thiền thứ nhất, bốn đẳng, giải thoát thứ nhất và thứ hai, bốn trừ nhập đầu, tám trí, ba Tam muội.

Thiền thứ hai tương ưng với thiền thứ hai, bốn đẳng, giải thoát thứ nhất và thứ hai, bốn trừ nhập đầu, tám trí, ba Tam muội.

Thiền thứ ba tương ưng với thiền thứ ba, ba đẳng, tám trí, ba Tam muội.

Thiền thứ tư tương ưng với thiền thứ tư, ba đẳng, tịnh giải thoát, bốn trừ nhập sau, tám nhất thiết nhập, tám trí, ba Tam muội.

Từ tương ưng với từ và đẳng trí. Bi, hỷ, hộ (xả) tương ưng với bi, hỷ, hộ và đẳng trí.

Không xứ trong vô sắc tương ưng với không xứ, không xứ giải thoát, không xứ nhập, sáu trí, ba Tam muội.

Thức xứ tương ưng với thức xứ, thức xứ giải thoát, thức xứ nhập, sáu trí, ba Tam muội.

Bất dụng xứ tương ưng với bất dụng xứ, bất dụng xứ giải thoát, sáu trí, ba Tam muội.

Hữu tướng vô tướng xứ tương ưng với hữu tướng vô tướng xứ, hữu tướng vô tướng xứ giải thoát, đẳng trí.

Giải thoát thứ nhất, thứ hai, thứ ba tương ưng với giải thoát thứ nhất, thứ hai, thứ ba và đẳng trí.

Không xứ giải thoát tương ưng với không xứ giải thoát, không xứ nhập, sáu trí, ba Tam muội.

Thức xứ giải thoát tương ưng với thức xứ giải thoát, thức xứ nhập, sáu trí, ba Tam muội.

Bất dụng xứ giải thoát tương ưng với bất dụng xứ giải thoát, sáu trí, ba Tam muội.

Hữu tướng vô tướng giải thoát tương ưng với hữu tướng vô tướng giải thoát và đẳng trí.

Trừ nhập thứ nhất tương ưng với trừ nhập thứ nhất và đẳng trí. Cho đến trừ nhập thứ tám tương ưng với trừ nhập thứ tám và đẳng trí.

Nhất thiết nhập thứ nhất tương ưng với nhất thiết thứ nhất và đẳng trí. Cho đến nhất thiết nhập thứ mười tương ưng với nhất thiết nhập thứ mười và đẳng trí.

Pháp trí tương ưng với phần ít của vị trí trí, ba Tam muội.

Tha tâm trí tương ưng với phần ít của một Tam muội.

Đẳng trí không tương ưng với Tam muội.

Khổ trí tương ưng với phần ít của hai Tam muội.

Tập trí, tận trí, đạo trí tương ưng với phần ít của một Tam muội.

Tam muội không, vô tướng, vô nguyện không tương ưng với Tam muội.

Hỏi: Nếu thành tựu thiên thứ nhất, đối với bốn thiên này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn.

Thế nào là một? Là ái nơi cõi Dục hết, ái trên cõi Phạm thiên chưa hết. Đây gọi là thành tựu một.

Thế nào là hai? Là ái trên cõi Phạm thiên hết, ái nơi cõi Quang âm chưa hết. Đây gọi là thành tựu hai.

Thế nào là ba? Là ái nơi cõi Quang âm hết, ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết. Đây gọi là thành tựu ba.

Thế nào là bốn? Là ái nơi cõi Biến tịnh hết. Đây gọi là thành tựu bốn.

Hỏi: Nếu thành tựu thiên thứ nhất, đối với bốn đẳng này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc thành tựu ba, bốn.

Thế nào là không có? Là sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không có.

Thế nào là ba? Là sinh nơi cõi trời Biến tịnh hoặc cõi trời Quả thật. Đây gọi là ba.

Thế nào là bốn? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, cõi Quang âm. Đây gọi là bốn.

Hỏi: Nếu thành tựu thiên thứ nhất, đối với bốn định vô sắc này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, hoặc bốn.

Thế nào là không có? Là ái nơi cõi Sắc chưa hết. Đây gọi là không có.

Thế nào là một? Là ái nơi cõi Sắc đã hết, ái của không xứ chưa hết. Đây gọi là một.

Thế nào là hai? Là ái nơi không xứ đã hết, ái nơi thức xứ chưa hết. Đây gọi là hai.

Thế nào là ba? Là ái nơi thức xứ đã hết, ái của bất dụng xứ chưa hết. Đây gọi là ba.

Thế nào là bốn? Là ái nơi bất dụng xứ đã hết. Đây gọi là bốn.

Hỏi: Nếu thành tựu thiên thứ nhất, đối với tám giải thoát này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám.

Thế nào là không có? Là sinh nơi cõi Biến tịnh, ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết. Đây gọi là không có.

Thế nào là một? Là sinh nơi cõi Biến tịnh, ái nơi cõi Biến tịnh đã hết, ái nơi cõi Quả thật chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Quả thật, ái nơi cõi Quả thật chưa hết. Hoặc sinh nơi không xứ, ái của không xứ chưa hết. Đây gọi là một.

Thế nào là hai? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái của cõi Quang âm đã hết, ái của cõi Biến tịnh chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Quang âm, ái của cõi Quang âm đã hết, ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Biến tịnh, ái của cõi Quả thật đã hết, ái nơi không xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Quả thật, ái của cõi Quả thật đã hết, ái nơi không xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi không xứ, ái của không xứ đã hết, ái của thức xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi thức xứ, đối với ái của thức xứ chưa hết. Đây gọi là hai.

Thế nào là ba? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái của cõi Biến tịnh đã hết, ái nơi cõi Quả thật chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Quang âm, ái của cõi Biến tịnh đã hết, ái nơi cõi Quả thật chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Biến tịnh, ái nơi không xứ đã hết, ái của thức xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Quả thật, ái nơi không xứ đã hết, ái của thức xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi không xứ, ái nơi thức xứ đã hết, ái của bất dụng xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi thức xứ, ái của thức xứ đã hết, ái nơi bất dụng xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi bất dụng xứ, đối với ái của bất dụng xứ chưa hết. Đây gọi là ba.

Thế nào là bốn? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái của cõi Quả thật đã hết, ái nơi không xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Quang âm, ái của cõi Quả thật đã hết, ái nơi không xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Biến tịnh, ái nơi thức xứ đã hết, ái của bất dụng xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Quả thật, ái nơi thức xứ đã hết, ái của bất dụng xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi không xứ, thức xứ, ái của bất dụng xứ đã hết, không được Tam muội diệt tận. Hoặc sinh nơi bất dụng xứ, ái nơi cõi ấy đã hết, không được Tam muội diệt tận. Hoặc sinh nơi Hữu tướng vô tướng xứ, không được Tam muội diệt tận. Đây gọi là bốn.

Thế nào là năm? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái nơi không xứ đã hết, ái nơi thức xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Quang âm, ái nơi không xứ đã hết, ái nơi thức xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Biến tịnh, ái của bất dụng xứ đã hết, không được Tam muội diệt tận. Hoặc sinh nơi cõi Quả thật, ái của bất dụng xứ đã hết, không được Tam muội diệt tận. Hoặc sinh nơi Hữu tướng vô tướng xứ, được Tam muội diệt tận. Đây gọi là năm.

Thế nào là sáu? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái nơi thức xứ đã hết, ái của bất dụng xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Quang âm, ái nơi thức xứ đã hết, ái của bất dụng xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Biến tịnh, được Tam muội diệt tận. Hoặc sinh nơi cõi Quả thật, được Tam muội diệt tận. Đây gọi là sáu.

Thế nào là bảy? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái của Bất dụng xứ đã hết, không được Tam muội diệt tận. Hoặc sinh nơi cõi Quang âm, ái của bất dụng xứ đã hết, không được Tam muội diệt tận. Đây gọi là bảy.

Thế nào là tám? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc sinh trên cõi Phạm thiên, được Tam muội diệt tận. Hoặc sinh nơi cõi Quang âm, được Tam muội diệt tận. Đây gọi là tám.

Hỏi: Nếu thành tựu thiên thứ nhất, đối với tám trừ nhập này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc thành tựu bốn, tám.

Thế nào là không có? Là sinh nơi cõi Biến tịnh, đối với ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết, hoặc sinh nơi vô sắc. Đây gọi là không có.

Thế nào là bốn? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái của cõi Quang âm đã hết, ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Quang âm, ái của cõi Quang âm đã hết, ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Biến tịnh, ái nơi cõi ấy đã hết. Hoặc sinh nơi cõi Quả thật, ái nơi cõi ấy chưa hết. Đây gọi là bốn.

Thế nào là tám? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái của cõi Biến tịnh đã hết. Hoặc sinh nơi cõi Quang âm, ái của cõi Biến tịnh đã hết. Đây gọi là tám.

Hỏi: Nếu thành tựu thiên thứ nhất, đối với mười nhất thiết nhập này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, tám, chín, mười.

Thế nào là không có? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái nơi cõi Quang âm đã hết, ái của cõi Biến tịnh chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Quang âm, ái nơi cõi Quang âm đã hết, ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Biến tịnh, ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết. Hoặc sinh nơi bất dụng xứ, hữu tướng vô tướng xứ. Đây gọi là không có.

Thế nào là một? Là sinh nơi không xứ, ái nơi không xứ chưa hết, hoặc sinh nơi thức xứ. Đây gọi là một.

Thế nào là hai? Là sinh nơi không xứ, ái nơi không xứ đã hết. Đây gọi là hai.

Thế nào là tám? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái nơi cõi Biến tịnh đã hết, ái của cõi Quả thật chưa hết. Hoặc sinh

nơi cõi Quang âm, ái của cõi Biến tịnh đã hết, ái nơi cõi Quả thật chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Biến tịnh, ái nơi cõi này đã hết, ái nơi cõi Quả thật chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Quả thật, ái nơi cõi này chưa hết. Đây gọi là tám.

Thế nào là chín? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc nơi cõi Sắc, ái nơi cõi Sắc đã hết, ái nơi không xứ chưa hết. Đây gọi là chín.

Thế nào là mười? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc nơi cõi Sắc, ái nơi không xứ đã hết. Đây gọi là mười.

Hỏi: Nếu thành tựu thiên thứ nhất, đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc thành tựu hai, bốn, năm, sáu, bảy, tám.

Thế nào là hai? Là người phạm phu hai.

Thế nào là bốn, năm, sáu, bảy, tám? Là người vô cầu, khổ pháp nhãn hiện trước mặt hai. Khổ pháp trí bốn, khổ vị trí nhãn bốn. Khổ vị trí trí năm, tập pháp nhãn năm. Tập pháp trí sáu, tập vị trí nhãn, tập vị trí trí, tận pháp nhãn sáu. Tận pháp trí bảy, tận vị trí nhãn, tận vị trí trí, đạo pháp nhãn bảy. Đạo pháp trí tám, đạo vị trí nhãn, đạo vị trí trí tám.

Hỏi: Nếu thành tựu thiên thứ nhất, đối với ba Tam muội này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc thành tựu hai, ba.

Thế nào là không có? Là người phạm phu.

Thế nào là hai, ba? Là người vô cầu, tận pháp nhãn chưa sinh hai, đã sinh ba.

Như Thiên thứ nhất, cho đến Thiên thứ tư cũng như vậy.

Bảy người: Kiên tín, Kiên pháp, Tín giải thoát, Kiến đáo, Thân chứng, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát.

Hỏi: Người Kiên tín đối với vị tương ưng nơi bốn thiên, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn.

Thế nào là không có? Là ái nơi cõi Sắc đã hết. Đây gọi là không có.

Thế nào là một? Là ái nơi cõi Biến tịnh đã hết, ái nơi cõi Quả thật chưa hết. Đây gọi là một.

Thế nào là hai? Là ái nơi cõi Quang âm đã hết, ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết. Đây gọi là hai.

Thế nào là ba? Là ái trên cõi Phạm thiên đã hết, ái nơi cõi Quang âm chưa hết. Đây gọi là ba.

Thế nào là bốn? Là ái trên cõi Phạm thiên chưa hết. Đây gọi là bốn.

Hỏi: Tịnh có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn.

Thế nào là không có? Là ái nơi cõi Dục chưa hết. Đây gọi là không có.

Thế nào là một? Là ái nơi cõi Dục đã hết, ái trên cõi Phạm thiên chưa hết. Đây gọi là một.

Thế nào là hai? Là ái trên cõi Phạm thiên đã hết, ái nơi cõi Quang âm chưa hết. Đây gọi là hai.

Thế nào là ba? Là ái nơi cõi Quang âm đã hết, ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết. Đây gọi là ba.

Thế nào là bốn? Là ái nơi cõi Biến tịnh đã hết. Đây gọi là bốn.

Hỏi: Vô lậu có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn.

Thế nào là không có? Là dựa vào vị lai, vượt thứ lớp thủ chứng. Đây gọi là không có.

Thế nào là một? Là dựa vào thiên thứ nhất, vượt thứ lớp thủ chứng. Đây gọi là một.

Thế nào là hai? Là dựa vào thiên thứ hai, vượt thứ lớp thủ chứng. Đây gọi là hai.

Thế nào là ba? Là dựa vào thiên thứ ba, vượt thứ lớp thủ chứng. Đây gọi là ba.

Thế nào là bốn? Là dựa vào thiên thứ tư, vượt thứ lớp thủ chứng. Đây gọi là bốn.

Như người Kiên tín, người Kiên pháp cũng như vậy.

Hỏi: Người Tín giải thoát đối với vị tương ưng nơi bốn thiên, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn.

Thế nào là không có? Là ái nơi cõi Sắc đã hết. Đây gọi là không có.

Thế nào là một? Là ái nơi cõi Biên tịnh đã hết, ái nơi cõi Quả thật chưa hết. Đây gọi là một.

Thế nào là hai? Là ái nơi cõi Quang âm đã hết, ái nơi cõi Biên tịnh chưa hết. Đây gọi là hai.

Thế nào là ba? Là ái trên cõi Phạm thiên đã hết, ái nơi cõi Quang âm chưa hết. Đây gọi là ba.

Thế nào là bốn? Là ái trên cõi Phạm thiên chưa hết. Đây gọi là bốn.

Hỏi: Tịnh có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn.

Thế nào là không có? Là sinh nơi cõi Dục, ái nơi cõi Dục chưa hết, hoặc sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không có.

Thế nào là một? Là sinh nơi cõi Dục, ái nơi cõi Dục đã hết, ái trên cõi Phạm thiên chưa hết. Hoặc sinh trên cõi Phạm thiên, ái nơi cõi ấy chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Quang âm, ái nơi cõi ấy chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Biến tịnh, ái nơi cõi ấy chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Quả thật. Đây gọi là một.

Thế nào là hai? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái trên cõi Phạm thiên đã hết, ái nơi cõi Quang âm chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Quang âm, ái nơi cõi ấy đã hết, ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Biến tịnh, ái nơi cõi ấy đã hết. Đây gọi là hai.

Thế nào là ba? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái nơi cõi Quang âm đã hết, ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Quang âm, ái nơi cõi Biến tịnh đã hết. Đây gọi là ba.

Thế nào là bốn? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái nơi cõi Biến tịnh đã hết. Đây gọi là bốn.

Hỏi: Vô lậu có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn.

Thế nào là không có? Là ái nơi cõi Dục chưa hết. Đây gọi là không có.

Thế nào là một? Là ái nơi cõi Dục đã hết, ái trên cõi Phạm thiên chưa hết. Đây gọi là một.

Thế nào là hai? Là ái trên cõi Phạm thiên đã hết, ái nơi cõi Quang âm chưa hết. Đây gọi là hai.

Thế nào là ba? Là ái nơi cõi Quang âm đã hết, ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết. Đây gọi là ba.

Thế nào là bốn? Là ái nơi cõi Biến tịnh đã hết. Đây gọi là bốn.

Như người Tín giải thoát, người Kiến đạo cũng như vậy.

Hỏi: Người Thân chứng đối với vị tương ưng nơi bốn thiên, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hết thảy đều không thành tựu.

Hỏi: Tịnh có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn.

Thế nào là không có? Là sinh nơi Hữu tướng vô tướng xứ. Đây gọi là không có.

Thế nào là một? Là sinh nơi cõi Quả thật. Đây gọi là một.

Thế nào là hai? Là sinh nơi cõi Biến tịnh. Đây gọi là hai.

Thế nào là ba? Là sinh nơi cõi Quang âm. Đây gọi là ba.

Thế nào là bốn? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên. Đây gọi là bốn.

Hỏi: Vô lậu có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Tất cả đều thành tựu.

Như người Thân chứng, người Câu giải thoát cũng như vậy.

Hỏi: Người Tuệ giải thoát đối với vị tương ưng nơi bốn thiên, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hết thảy đều không thành tựu.

Hỏi: Tịnh có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn.

Thế nào là không có? Là sinh nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không có.

Thế nào là một? Là sinh nơi cõi Quả thật. Đây gọi là một.

Thế nào là hai? Là sinh nơi cõi Biến tịnh. Đây gọi là hai.

Thế nào là ba? Là sinh nơi cõi Quang âm. Đây gọi là ba.

Thế nào là bốn? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên.
Đây gọi là bốn.

Hỏi: Vô lậu có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Tất cả đều thành tựu.

Hỏi: Người Kiên tín đối với vị tương ưng nơi bốn định vô sắc, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn.

Thế nào là một? Là ái nơi cõi Bất dụng xứ đã hết. Đây gọi là một.

Thế nào là hai? Là ái nơi Thức xứ đã hết, ái của bất dụng xứ chưa hết. Đây gọi là hai.

Thế nào là ba? Là ái nơi Không xứ đã hết, ái nơi Thức xứ chưa hết. Đây gọi là ba.

Thế nào là bốn? Là ái nơi Không xứ chưa hết. Đây gọi là bốn.

Hỏi: Tịnh có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn.

Thế nào là không có? Là ái nơi cõi Sắc chưa hết. Đây gọi là không có.

Thế nào là một? Là ái nơi cõi Sắc đã hết, ái nơi Không xứ chưa hết. Đây gọi là một.

Thế nào là hai? Là ái nơi Không xứ đã hết, ái nơi Thức xứ chưa hết. Đây gọi là hai.

Thế nào là ba? Là ái nơi Thức xứ đã hết, ái của Bất dụng xứ chưa hết. Đây gọi là ba.

Thế nào là bốn? Là ái của Bất dụng xứ đã hết. Đây gọi là bốn.

Hỏi: Vô lậu có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Tất cả đều không thành tựu.

Như người Kiên tín, người Kiên pháp cũng như vậy.

Hỏi: Người Tín giải thoát đối với vị tương ưng nơi bốn định vô sắc, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn.

Thế nào là một? Là ái của Bất dụng xứ đã hết. Đây gọi là một.

Thế nào là hai? Là ái nơi Thức xứ đã hết, ái của Bất dụng xứ chưa hết. Đây gọi là hai.

Thế nào là ba? Là ái của Không xứ đã hết, ái nơi Thức xứ chưa hết. Đây gọi là ba.

Thế nào là bốn? Là ái của Không xứ chưa hết. Đây gọi là bốn.

Hỏi: Tịnh có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn.

Thế nào là không có? Là sinh nơi cõi Dục hoặc cõi Sắc, ái của cõi Sắc chưa hết. Đây gọi là không có.

Thế nào là một? Là sinh nơi cõi Dục hoặc cõi Sắc, ái của cõi Sắc đã hết, ái nơi Không xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi Không xứ, ái của Không xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi Thức xứ, ái của Thức xứ chưa

hết. Hoặc sinh nơi Bất dụng xứ, ái của Bất dụng xứ cũng chưa hết. Hoặc sinh nơi Hữu tướng vô tướng xứ. Đây gọi là một.

Thế nào là hai? Là sinh nơi cõi Dục hoặc cõi Sắc, ái của Không xứ đã hết, ái của Thức xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi Không xứ, ái của xứ ấy đã hết, ái của Thức xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi Thức xứ, ái của xứ ấy đã hết, ái của Bất dụng xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi Bất dụng xứ, ái của xứ ấy đã hết. Đây gọi là hai.

Thế nào là ba? Là sinh nơi cõi Dục hoặc cõi Sắc, ái của Thức xứ đã hết, ái nơi bất dụng xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi Không xứ, ái nơi Thức xứ đã hết, ái của Bất dụng xứ chưa hết. Hoặc sinh nơi Thức xứ, ái của Bất dụng xứ đã hết. Đây gọi là ba.

Thế nào là bốn? Là sinh nơi cõi Dục hoặc cõi Sắc, ái của Bất dụng xứ đã hết. Hoặc sinh nơi Không xứ, ái của Bất dụng xứ đã hết. Đây gọi là bốn.

Hỏi: Vô lậu có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba.

Thế nào là không có? Là ái nơi cõi Sắc chưa hết. Đây gọi là không có.

Thế nào là một? Là ái nơi cõi Sắc đã hết, ái nơi Không xứ chưa hết. Đây gọi là một.

Thế nào là hai? Là ái nơi Không xứ đã hết, ái của Thức xứ chưa hết. Đây gọi là hai.

Thế nào là ba? Là ái của Thức xứ đã hết. Đây gọi là ba.

Như người Tín giải thoát, người Kiến đạo cũng như vậy.

Hỏi: Người Thân chứng đối với vị tương ưng nơi bốn định vô sắc, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Thành tựu một, không thành tựu ba.

Hỏi: Tịnh có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc thành tựu một, bốn.

Thế nào là một? Là sinh nơi Hữu tướng vô tướng xứ. Đây gọi là một.

Thế nào là bốn? Là sinh nơi cõi Dục hoặc nơi cõi Sắc. Đây gọi là bốn.

Hỏi: Vô lậu có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Tất cả đều thành tựu.

Hỏi: Người Tuệ giải thoát đối với vị tương ứng nơi bốn định vô sắc, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Tất cả đều không thành tựu.

Hỏi: Tịnh có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn.

Thế nào là một? Là sinh nơi Hữu tướng vô tướng xứ. Đây gọi là một.

Thế nào là hai? Là sinh nơi Bất dụng xứ. Đây gọi là hai.

Thế nào là ba? Là sinh nơi Thức xứ. Đây gọi là ba.

Thế nào là bốn? Là sinh nơi cõi Dục, hoặc sinh nơi cõi Sắc, hoặc sinh nơi Không xứ. Đây gọi là bốn.

Hỏi: Vô lậu có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Tất cả đều thành tựu.

Hỏi: Người Câu giải thoát đối với vị tương ưng nơi bốn định vô sắc, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Tất cả đều không thành tựu.

Hỏi: Tịnh có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc thành tựu một, bốn.

Thế nào là một? Là sinh nơi Hữu tướng vô tướng xứ. Đây gọi là một.

Thế nào là bốn? Là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc. Đây gọi là bốn.

Hỏi: Vô lậu có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Tất cả đều thành tựu.

Hỏi: Từng có thành tựu vị tương ưng nơi bốn thiên, không phải tịnh, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Có. Là ái nơi cõi Dục chưa hết.

Hỏi: Từng có thành tựu tịnh, không phải vị tương ưng, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Có. Là người phạm phu sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái nơi cõi Sắc đã hết.

Hỏi: Từng có thành tựu vô lậu, không phải vị tương ưng, không phải tịnh chăng?

Đáp: Có. Là người vô cấu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Từng có thành tựu vị tương ưng, tịnh, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có thành tựu vị tương ưng, vô lậu, không phải tịnh chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có thành tựu tịnh, vô lậu, không phải vị tương ưng chăng?

Đáp: Có. Là người vô cấu sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái nơi cõi Sắc đã hết.

Hỏi: Tùng có thành tựu vị tương ưng, tịnh, vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có không thành tựu vị tương ưng nơi bốn thiên, không phải là không tịnh, không phải là không vô lậu chăng?

Đáp: Có. Là người vô cấu sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái nơi cõi Sắc đã hết.

Hỏi: Tùng có không thành tựu tịnh, không phải là không vị tương ưng, không phải là không vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có không thành tựu vô lậu, không phải là không vị tương ưng, không phải là không tịnh chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có không thành tựu vị tương ưng, tịnh, không phải là không vô lậu chăng?

Đáp: Có. Là người vô cấu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Tùng có không thành tựu vị tương ưng, vô lậu, không phải là không tịnh chăng?

Đáp: Có. Là người phạm phu sinh nơi cõi Dục, hoặc trên cõi Phạm thiên, ái nơi cõi Sắc đã hết.

Hỏi: Từng có không thành tựu tịnh, vô lậu, không phải là không vị tương ưng chăng?

Đáp: Có. Là ái nơi cõi Dục chưa hết.

Hỏi: Từng có không thành tựu vị tương ưng, tịnh, vô lậu chăng?

Đáp: Có. Là người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Từng có được vị tương ưng nơi bốn thiên, không phải tịnh, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Được. Là ái nơi cõi Sắc đã hết, triền nơi cõi Dục đã thoái chuyển, hoặc mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục.

Hỏi: Từng có được tịnh, không phải vị tương ưng, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Được. Là người phạm phu đạt được ái của thiên thứ ba đã hết.

Hỏi: Từng có được vô lậu, không phải vị tương ưng, không phải tịnh chăng?

Đáp: Được. Là dựa vào thiên thứ tư, vượt thứ lớp thủ chúng, sẽ đạt quả A-la-hán.

Hỏi: Từng có cho đến được tịnh, vô lậu, không phải vị tương ưng chăng?

Đáp: Được. Là người vô cầu đạt được ái của thiên thứ ba đã hết.

Hỏi: Từng có được các thứ khác chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có bỏ vị tương ưng nơi bốn thiên, không phải tịnh, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Không bỏ.

Hỏi: Tùng có bỏ tịnh, không phải vị tương ưng, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Bỏ. Là người phạm phũ, ái của thiền thứ ba đã hết, triền nơi cõi Dục đã thoái chuyển.

Hỏi: Tùng có cho đến bỏ tịnh, vô lậu, không phải vị tương ưng chăng?

Đáp: Bỏ. Là người vô cấu đã dứt hết ái của thiền thứ ba, triền nơi cõi Dục đã thoái chuyển.

Hỏi: Tùng có bỏ các thứ khác chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có thoái chuyển vị tương ưng nơi bốn thiền, không phải tịnh, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Không thoái chuyển.

Hỏi: Tùng có thoái chuyển tịnh, không phải vị tương ưng, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Thoái chuyển. Là người phạm phũ đã dứt hết ái của thiền thứ ba, triền nơi cõi Dục đã thoái chuyển.

Hỏi: Tùng có cho đến thoái chuyển tịnh, vô lậu, không phải vị tương ưng chăng?

Đáp: Thoái chuyển. Là người vô cấu đã dứt hết ái của thiền thứ ba, triền nơi cõi Dục đã thoái chuyển.

Hỏi: Tùng có thoái chuyển các thứ khác chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có thành tựu vị tương ưng nơi bốn định vô sắc, không phải tịnh, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Có. Là ái nơi cõi Sắc chưa hết.

Hỏi: Từng có cho đến thành tựu tịnh, vô lậu, không phải vị tương ưng chăng?

Đáp: Có. Là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, được quả A-la-hán. Hoặc sinh nơi không xứ, được A-la-hán.

Hỏi: Từng có thành tựu các thứ khác chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có không thành tựu vị tương ưng nơi bốn định vô sắc, không phải là không tịnh, không phải là không vô lậu chăng?

Đáp: Có. Là A-la-hán sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, hoặc A-la-hán sinh nơi không xứ,

Hỏi: Từng có cho đến không thành tựu tịnh, vô lậu, không phải là không vị tương ưng chăng?

Đáp: Có. Là ái nơi cõi Sắc chưa hết.

Hỏi: Từng có không thành tựu các thứ khác chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có được vị tương ưng nơi bốn định vô sắc, không phải tịnh, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Được. Là A-la-hán, triền nơi cõi Dục, cõi Sắc đã thoái chuyển.

Hỏi: Từng có được tịnh, không phải vị tương ưng, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Được. Là người phạm phu đạt được ái của bất dụng xứ đã hết.

Hỏi: Từng có được vô lậu, không phải vị tương ưng, không phải tịnh chăng?

Đáp: Được. Là sẽ đạt quả A-la-hán.

Hỏi: Từng có cho đến được tịnh, vô lậu, không phải vị tương ưng chăng?

Đáp: Được. Là người vô cầu đạt được ái của bất dụng xứ đã hết.

Hỏi: Từng có được các thứ khác chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có bỏ vị tương ưng nơi bốn định vô sắc, không phải tịnh, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Không bỏ.

Hỏi: Từng có bỏ tịnh, không phải vị tương ưng, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Có bỏ. Là người phạm phu đã hết ái của bất dụng xứ, triền nơi cõi Dục, cõi Sắc đã thoái chuyển.

Hỏi: Từng có cho đến bỏ tịnh, vô lậu, không phải vị tương ưng chăng?

Đáp: Có bỏ. Là người vô cầu đã dứt hết ái của bất dụng xứ, triền nơi cõi Dục, cõi Sắc đã thoái chuyển.

Hỏi: Từng có bỏ các thứ khác chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có thoái chuyển vị tương ưng nơi bốn định vô sắc, không phải tịnh, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Không thoái chuyển.

Hỏi: Từng có thoái chuyển tịnh, không phải vị tương ưng, không phải vô lậu chăng?

Đáp: Có thoái chuyển. Là người phạm phu đã dứt hết ái của bất dụng xứ, triền nơi cõi Dục, cõi Sắc đã thoái chuyển.

Hỏi: Tùng có cho đến thoái chuyển tịnh, vô lậu, không phải vị tương ưng chăng?

Đáp: Có thoái chuyển. Là người vô cầu đã dứt hết ái của bất dụng xứ, triền cõi Dục, cõi Sắc đã thoái chuyển.

Hỏi: Tùng có thoái chuyển các thứ khác chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có vị tương ưng nơi bốn thiên được tức khắc chăng?

Đáp: Được. Là ái nơi cõi Sắc đã hết, triền nơi cõi Dục đã thoái chuyển. Hoặc mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên.

Hỏi: Tùng có bỏ tức khắc chăng?

Đáp: Không bỏ.

Hỏi: Tùng có được dần dần chăng?

Đáp: Không được.

Hỏi: Tùng có bỏ dần dần chăng?

Đáp: Bỏ.

Hỏi: Tùng có tịnh nơi bốn thiên được tức khắc chăng?

Đáp: Không được.

Hỏi: Tùng có bỏ tức khắc chăng?

Đáp: Bỏ. Là ái của thiên thứ ba đã hết, triền nơi cõi Dục đã thoái chuyển, mất nơi cõi Dục hoặc trên cõi Phạm thiên, sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Tùng có được dần dần chăng?

Đáp: Được.

Hỏi: Tùng có bỏ dần dần chăng?

Đáp: Bỏ.

Hỏi: Từng có vô lậu nơi bốn thiền được tức khắc chăng?

Đáp: Được. Là dựa vào thiền thứ tư, vượt thứ lớp thủ chúng sẽ đạt được quả A-la-hán.

Hỏi: Từng có bỏ tức khắc chăng?

Đáp: Bỏ. Là người vô cầu đã dứt hết ái của thiền thứ ba, thiền nơi cõi Dục đã thoái chuyển.

Hỏi: Từng có được dần dần chăng?

Đáp: Được.

Hỏi: Từng có bỏ dần dần chăng?

Đáp: Không bỏ.

Hỏi: Từng có vị tương ưng nơi bốn định vô sắc được tức khắc chăng?

Đáp: Được. Là A-la-hán, thiền nơi cõi Dục, cõi Sắc đã thoái chuyển.

Hỏi: Từng có bỏ tức khắc chăng?

Đáp: Không bỏ.

Hỏi: Từng có được dần dần chăng?

Đáp: Không được.

Hỏi: Từng có bỏ dần dần chăng?

Đáp: Bỏ.

Hỏi: Từng có tịnh nơi bốn định vô sắc được tức khắc chăng?

Đáp: Không được.

Hỏi: Từng có bỏ tức khắc chăng?

Đáp: Bỏ. Là ái của bất dụng xứ đã hết, thiền nơi cõi Dục, cõi Sắc đã thoái chuyển.

Hỏi: Tùng có được dần dần chăng?

Đáp: Được.

Hỏi: Tùng có bỏ dần dần chăng?

Đáp: Bỏ.

Hỏi: Tùng có vô lậu nơi ba định vô sắc được tức khắc chăng?

Đáp: Được. Là sẽ đạt được A-la-hán.

Hỏi: Tùng có bỏ tức khắc chăng?

Đáp: Bỏ. Là người vô cầu đã dứt hết ái của thức xứ, triền nơi cõi Dục đã thoái chuyển.

Hỏi: Tùng có được dần dần chăng?

Đáp: Được.

Hỏi: Tùng có bỏ dần dần chăng?

Đáp: Không bỏ.

Hỏi: Thân giáo (Thân biểu) do Tam muội nào diệt?

Đáp: Hoặc dựa vào thiền thứ nhất, hoặc dựa vào vị lai (định vị chí). Khẩu giáo cũng như vậy.

Thân không giáo (Thân vô biểu) hoặc dựa vào bốn thiền, hoặc dựa vào vị lai. Khẩu không giáo cũng như vậy.

Ba hành ác, ba hành diệu, ba căn bất thiện, ba căn thiện dựa vào vị lai.

Bốn không phải Thánh ngữ, bốn Thánh ngữ, bốn bào thai, thai sinh, noãn sinh, hợp hội sinh (thấp sinh) dựa vào vị lai. Hóa sinh hoặc dựa vào bầy, hoặc dựa vào vị lai.

Sắc thức trụ hoặc dựa vào bốn thiền, hoặc dựa vào vị lai. Thống (thọ), tưởng, hành, thức trụ hoặc dựa vào bầy, hoặc dựa vào vị lai.

Sắc âm hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị lai. Thông (thọ), tướng, hành, thức âm hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai.

Sắc thanh âm hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị lai. Thông, tướng, hành, thức thanh âm hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai.

Năm dục, năm Ưu-bà-tắc giới hoặc dựa vào vị lai.

Nhãn nhập, nhĩ, tỷ, thiệt, thân nhập, sắc, thanh, tế hoạt (xúc) nhập hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị lai. Hương nhập, vị nhập dựa vào vị lai. Ý nhập, pháp nhập hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai.

Nhãn thức, nhĩ thức, thân thức, chúng tương ưng với xúc, thống (thọ), tướng, tư, ái, hoặc dựa vào thiên thứ nhất, hoặc dựa vào vị lai. Tỷ thức, thiệt thức, tương ưng với xúc, thống (thọ), tướng, tư, ái, dựa vào vị lai. Ý thức tương ưng với xúc, thống (thọ), tướng, tư, ái hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai.

Thức trụ thứ nhất dựa vào vị lai. Thức trụ thứ hai hoặc dựa vào thiên thứ nhất, hoặc dựa vào vị lai. Thức trụ thứ ba hoặc dựa vào hai, hoặc dựa vào vị lai. Thức trụ thứ tư hoặc dựa vào ba, hoặc dựa vào vị lai. Thức trụ thứ năm hoặc dựa vào năm, hoặc dựa vào vị lai. Thức trụ thứ sáu hoặc dựa vào sáu, hoặc dựa vào vị lai. Thức trụ thứ bảy hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai.

Tám pháp thế gian dựa vào vị lai.

Nơi cư trú thứ nhất của chúng sinh hoặc dựa vào vị lai. Nơi cư trú thứ hai của chúng sinh hoặc dựa vào thiên thứ nhất, hoặc dựa vào vị lai. Nơi cư trú thứ ba của chúng sinh hoặc dựa vào hai, hoặc dựa vào vị lai. Nơi cư trú thứ tư của chúng sinh hoặc dựa vào ba, hoặc dựa vào vị lai. Nơi cư trú thứ năm của chúng sinh hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị lai. Nơi cư trú thứ sáu của chúng sinh hoặc dựa vào năm, hoặc dựa vào vị lai. Nơi cư trú thứ bảy của chúng sinh hoặc dựa

vào sáu, hoặc dựa vào vị lai. Nơi cư trú thứ tám, thứ chín của chúng sinh hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai.

Mười hành tích dựa vào vị lai.

Thiền trung gian, thiền thứ nhất hoặc dựa vào thiền thứ nhất, hoặc dựa vào vị lai. Thiền thứ hai hoặc dựa vào hai, hoặc dựa vào vị lai. Hỷ, giải thoát thứ nhất, thứ hai, bốn trừ nhập đầu cũng như vậy. Thiền thứ ba hoặc dựa vào ba, hoặc dựa vào vị lai. Thiền thứ tư hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị lai. Từ, bi, hộ, tịnh giải thoát, bốn trừ nhập sau, tám nhất thiết nhập cũng như vậy.

Không xứ trong vô sắc, không xứ giải thoát, không xứ nhất thiết nhập hoặc dựa vào năm, hoặc dựa vào vị lai. Thức xứ, thức xứ giải thoát, thức xứ nhất thiết nhập hoặc dựa vào sáu, hoặc dựa vào vị lai. Bất dụng dụng xứ, bất dụng xứ giải thoát, hữu tướng vô tướng xứ, hữu tướng vô tướng xứ giải thoát, giải thoát diệt tận hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai.

Tha tâm trí hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị lai. Đăng trí hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị lai.

Phẩm 4: BÀN VỀ A NA HÀM

Năm A-na-hàm: Trung bát Niết-bàn, Sinh bát Niết-bàn, Hành bát Niết-bàn, Vô hành bát Niết-bàn, Thượng lưu vãng A-ca-nị-trá (Sắc cứu cánh).

Năm A-na-hàm gồm tất cả A-na-hàm, hay tất cả A-na-hàm gồm năm A-na-hàm?

Trung bát Niết-bàn, Sinh bát Niết-bàn: Thứ nào là tối thắng? Cho đến Vô hành bát Niết-bàn, Thượng lưu vãng A-ca-nị-trá: Thứ nào là tối thắng?

Các người học, tất cả người học ấy là không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, là học chẳng? Nếu như không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, tất cả người học ấy là học chẳng? Các người vô học, tất cả người vô học ấy là không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, là vô học chẳng? Nếu như không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, tất cả người vô học ấy là vô học chẳng?

Thế nào là nghĩa của thuận lưu? Thế nào là nghĩa của nghịch lưu? Thế nào là nghĩa của thật trụ?

Các thật trụ, tất cả thật trụ kia là A-la-hán chẳng? Nếu như là A-la-hán thì tất cả đều là thật trụ chẳng? Các hoàn tích, tất cả hoàn tích ấy là đến bờ kia chẳng? Nếu như là đến bờ kia thì tất cả đều là hoàn tích chẳng?

Ngang với gì được gọi là Bồ-tát? Đạt được sự vật gì gọi là Bồ-tát?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Này Di-lặc! Vào đời vị lai lâu xa ông sẽ thành Phật, tên là Di Lặc, là bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri”. Đây là trí gì? Trí này nên nói là biện minh về sự việc gì?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Đây là đệ tử của Đức Thế Tôn, ở nơi hiện pháp gồm đủ giáo, nẻo sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, danh sắc đã có, đều nhận biết đúng như thật”. Đây là trí gì? Trí này nên nói là biện minh về sự việc gì? Thế nào là nguyện trí? Nguyện trí nên nói là thiện, là vô ký chẳng? Thế nào là dấu vết người khác? Dấu vết người khác gọi là pháp gì?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Trong số các đệ tử của Ta, Tỳ-kheo có trí bậc nhất là Hê-đâu-ma-nạp, có trí mẫn tiệp bậc nhất là Bà-du-phả-lê-chi-lê”. Hai vị ấy có sai biệt gì?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Trong số các đệ tử của Ta, Tỳ-kheo bậc nhất với tâm hướng về thiện là Chúc-lợi-bàn-đặc-ca, với tướng hướng về thiện là Ma-ha Bàn-đặc-ca”. Hai vị ấy có sai biệt gì?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Trong số các đệ tử của Ta, Tỳ-kheo có đại trí tuệ bậc nhất là Xá-lợi-phất, đạt được biện tài là Ma-ha Câu-hy-la”. Hai vị ấy có sai biệt gì?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Trong số các đệ tử của Ta, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp là thiếu dục, hành hạnh đầu đà bậc nhất, Tôn giả Bạc-câu-lô là thiếu dục, không vương chấp”. Hai vị ấy có sai biệt gì?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Ma-ha-nam học, phần nhiều trụ nơi năm cái diệt trừ dần”. Thế nào là học? Thế nào là năm cái được diệt trừ dần?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Đây gọi là pháp tri túc nên Tỳ-ni tri túc. Tỳ ni tri túc nên pháp tri túc?”. Thế nào là pháp tri túc nên Tỳ ni tri túc? Thế nào là Tỳ ni tri túc nên pháp tri túc?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Pháp, thứ pháp, hướng về pháp”. Thế nào là pháp? Thế nào là thứ pháp, hướng về pháp?

Thế nào là pháp luân? Ngang với gì nên gọi là Chuyên pháp luân? Thế nào là đẳng pháp? Ngang với gì nên gọi là đẳng pháp trụ? Ngang với gì nên gọi là đẳng pháp diệt?

Nếu sinh thì pháp kia thuộc về đời nào? Nếu diệt thì pháp kia thuộc về đời nào?

Nếu đầu tiên nhập vô lậu nơi thiên thứ nhất, thì tâm tâm pháp kia thuộc về đời nào? Nếu đầu tiên nhập cho đến nhập vô lậu nơi định bất dụng, thì tâm tâm pháp kia thuộc về đời nào?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

Năm A-na-hàm: Trung bát Niết-bàn, Sinh bát Niết-bàn, Hành bát Niết-bàn, Vô hành bát Niết-bàn, Thượng lưu vãng A-ca-nị-trá.

Hỏi: Năm A-na-hàm gồm thâu tất cả A-na-hàm, hay tất cả A-na-hàm gồm thâu năm A-na-hàm?

Đáp: Tất cả gồm thâu năm, không phải năm gồm thâu tất cả.

Những gì là không gồm thâu? Là hiện pháp bát Niết-bàn, A-na-hàm của cõi Vô sắc.

Hỏi: Trung bát Niết-bàn, Sinh bát Niết-bàn: Thứ nào là tối thắng?

Đáp: Nếu trụ cùng đoạn thì Trung bát Niết-bàn là hơn, không phải Sinh bát Niết-bàn. Nếu Sinh bát Niết-bàn đoạn kiết nhiều thì Niết-bàn này là hơn.

Hỏi: Cho đến Vô hành bát Niết-bàn, Thượng lưu vãng A-ca-nị-trá: Niết-bàn nào là hơn?

Đáp: Nếu trụ cùng đoạn Vô hành bát Niết-bàn là hơn, không phải Thượng lưu vãng A-ca-nị-trá. Nếu Thượng lưu vãng A-ca-nị-trá đoạn kiết nhiều thì Niết-bàn này là hơn.

Hỏi: Các người học, tất cả người học ấy là không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, là học chằng?

Đáp: Hoặc có là người học, người ấy đối với không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, không phải là học.

Thế nào là người học, người ấy đối với không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, không phải là học? Là người học trụ nơi tánh. Đây gọi là người học, người ấy đối với không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, là không học.

Thế nào là đối với không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, là học, người ấy không phải là người học? Là A-la-hán, hoặc người phạm phu tạo phương tiện mong cầu pháp trên. Đây gọi là đối với không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, là học, người ấy không phải là người học.

Thế nào là người học, người ấy cũng đối với không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, cũng là học? Là người học dùng phương tiện mong cầu pháp trên. Đây gọi là người học, người ấy đối với không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, là học.

Thế nào là không phải người học, người ấy đối với không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, cũng không phải là học? Là A-la-hán, hoặc người phạm phu trụ nơi tánh. Đây gọi là không phải người học, người ấy đối với không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, cũng không phải là học.

Hỏi: Các người vô học, tất cả người vô học ấy là không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, là vô học chăng?

Đáp: Hoặc có là người vô học, người ấy đối với không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, không phải là vô học.

Thế nào là người vô học, người ấy đối với không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, không phải là vô học? Là A-la-hán dùng phương tiện mong cầu pháp trên. Đây gọi là không có học sĩ, học sĩ kia không đến, muốn đến, không được, muốn được, không chứng, muốn chứng, không phải không là học.

Thế nào là đối với không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, là vô học, người ấy không phải là

người vô học? Là người học, hoặc người phạm phu trụ nơi tánh. Đây gọi là đối với không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, không phải là không học, người ấy không phải là người vô học.

Thế nào là người vô học, người ấy cũng đối với không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, cũng là vô học? Là A-la-hán trụ nơi tánh. Đây gọi là người vô học, người ấy cũng đối với không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, là không học.

Thế nào là không phải người vô học, người ấy cũng không đối với không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng, không phải là không học? Là người học, hoặc người phạm phu dùng phương tiện mong cầu pháp trên. Đây gọi là không phải người vô học, người ấy cũng không phải đối với không đến nhằm đến, không được nhằm được, không chứng nhằm chứng không phải là không học.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của thuận lưu?

Đáp: Là đối với các sinh, các nẻo đến, các hữu, các nơi đã sinh, các nơi đã trú, các chủng loại, làm môn, làm duyên, làm đạo, làm dấu vết hương tới. Đó là nghĩa của thuận lưu.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của nghịch lưu?

Đáp: Là đối với các sinh dứt, nẻo đến dứt, hữu dứt, nơi sinh dứt, nơi cư trú dứt, chủng loại diệt, làm môn, làm duyên, làm đạo, làm dấu vết hương tới. Đó là nghĩa của nghịch lưu.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của thật trụ (tự trụ)?

Đáp: Là không phải đối với các sinh, các nẻo đến, các hữu, các nơi sinh, các nơi trú, các chủng loại, làm môn, làm duyên, làm đạo, làm dấu vết hương tới. Đó là nghĩa của thật trụ.

Hỏi: Các thật trụ, tất cả thật trụ kia là A-la-hán chẳng?

Đáp: Đúng vậy. Các A-la-hán, tất cả A-la-hán là thật trụ.

Hỏi: Từng có thật trụ không phải là A-la-hán chẳng?

Đáp: Có. Là A-na-hàm. Đức Thế Tôn cũng nói: Nếu diệt năm cấu uế, học đủ pháp vô lậu, được định căn tự tại. Đó là người thật trụ.

Hỏi: Các Hoàn tích, tất cả Hoàn tích là đến bờ kia chẳng?

Đáp: Đúng vậy. Các Hoàn tích, tất cả chúng là đến bờ kia.

Hỏi: Từng có đến bờ kia không phải là Hoàn tích chẳng?

Đáp: Có. Là A-na-hàm. Đức Thế Tôn cũng nói: Thế nào là Tỳ-kheo được đến bờ kia? Là năm kiết phần dưới đã hoàn toàn dứt hết.

Hỏi: Ngang với gì được gọi là Bồ-tát?

Đáp: Ngang với hành tác tướng báo không chán.

Hỏi: Đạt được sự vật gì gọi là Bồ-tát?

Đáp: Là tướng hành báo.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Này Di-lặc! Vào đời vị lai lâu xa ông sẽ thành Phật, tên là Di Lặc, là bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri”.

Hỏi: Đây là trí gì?

Đáp: Là nhân trí, đạo trí.

Hỏi: Trí này nên nói là biện minh về sự việc gì?

Đáp: Làm rõ tướng nơi hành báo là nhân trí. Cùng với các căn, lực, giác ý, đạo chủng vô lậu, đạt được đạo quả Bồ-đề vô thượng là đạo trí.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Đây là đệ tử của Đức Thế Tôn, ở nơi hiện pháp gồm đủ giáo, nẻo sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, danh sắc đã có, đều nhận biết đúng như thật”.

Hỏi: Đây là trí gì?

Đáp: Là đạo trí.

Hỏi: Trí này nên nói là biện minh về sự việc gì?

Đáp: Là đối với các căn, lực, giác ý, đạo chủng vô lậu, tạo được lậu tận. Đây gọi là đạo trí.

Hỏi: Thế nào là nguyện trí?

Đáp: Là như các A-la-hán đối với các nghĩa muốn hiểu biết, lập nguyện xong, nhập đẳng thiên thứ tư, từ Tam muội khởi, nhận biết các nghĩa kia. Đây gọi là nguyện trí.

Hỏi: Nguyện trí nên nói là thiện, là vô ký chăng?

Đáp: Nguyện trí hoặc là thiện, hoặc là vô ký.

Hỏi: Thế nào là dấu vết người khác (Hành vô tránh)?

Đáp: Là khi tất cả A-la-hán khéo đạt nội tại, bên ngoài không như thế. Nếu khi cũng khéo đạt ngoại tại, đó là dấu vết người khác (Hành vô tránh).

Hỏi: Dấu vết người khác gọi là pháp gì?

Đáp: Là vô cầu của người khác.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Trong số các đệ tử của Ta, Tỳ-kheo có trí bậc nhất là Hê-đâu-ma-nạp, có trí mẫn tiệp bậc nhất là Bà-du-phả-lệ-chi-ca”. Hai vị ấy có sai biệt gì?

Đáp: Tôn giả Hê-đâu-ma-nạp chuyên chánh tâm, không hư giả. Tôn giả Bà-du-phả-lệ-chi-ca tâm nhu hòa, ít chuyên chú hơn. Đây là sự sai biệt.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Trong số các đệ tử của Ta, Tỳ-kheo bậc nhất với tâm hướng về thiện là Chúc-lợi-bàn-đặc-ca, với tướng hướng về thiện là Ma-ha Bàn-đặc-ca”. Hai vị ấy có sai biệt gì?

Đáp: Tôn giả Chúc-lợi-bàn-đặc-ca phần nhiều trụ nơi tâm, theo tâm quán. Tôn giả Ma-ha Bàn-đặc-ca phần nhiều trụ nơi pháp, theo pháp quán. Đây là sự sai biệt?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Trong số các đệ tử của Ta, Tỳ-kheo có đại trí tuệ bậc nhất là Xá-lợi-phất, đạt được biện tài là Ma-ha Câu-hy-la”. Hai vị ấy có sai biệt gì?

Đáp: Tôn giả Xá-lợi-phất phần nhiều trụ nơi nghĩa biện. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la phần nhiều trụ nơi bốn biện. Đây là sự sai biệt.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Trong số các đệ tử của Ta, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp là thiếu dục, hành hạnh đầu đà bậc nhất, Tôn giả Bạc-câu-lô là thiếu dục, không vướng chấp”. Hai vị ấy có sai biệt gì?

Đáp: Tôn giả Ma ha Ca-diếp nếu được thức ăn, hoặc ngon hay dở, luôn khởi ý niệm bình đẳng, thọ thực không có phân biệt. Tôn giả Bạc-câu-lô nếu được thức ăn, hoặc ngon hay dở, Tôn giả để riêng thức ăn ngon ra, chỉ ăn thứ dở. Lại nữa, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp là bậc có đức lớn, nhận thức rộng, khi được các thứ thức ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc thang trị bệnh, Tôn giả luôn bình đẳng thọ nhận hành hạnh đầu đà. Tôn giả Bạc-câu-lô kiến văn ít hơn, không phải là bậc có đức lớn, Tôn giả cũng ít nhận được các vật dụng cúng dường như y phục, thức ăn uống, thuốc men v.v... Lại nữa, Tôn giả Ma ha Ca-diếp trước kia không thọ nhận công đức của hạnh đầu đà, nhưng vẫn có thể phụng hành. Tôn giả Bạc-câu-lô trước đã thọ nhận công đức của hạnh đầu đà và luôn phụng hành trọn vẹn. Đây là sự sai biệt.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Ma-ha-nam học, phần nhiều trụ nơi năm cái diệt trừ dần”. Thế nào là học? Thế nào là năm cái được diệt trừ dần?

Đáp: Là Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, học hiểu về nghĩa này để diệt trừ năm cái kia, diệt trừ dần, lìa chướng dần, trừ bỏ chướng dần. Vì thế nên Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm đối với nghĩa ấy đều học hiểu.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Đây gọi là pháp tri túc nên Tỳ-ni tri túc. Tỳ ni tri túc nên pháp tri túc”. Thế nào là pháp tri túc nên Tỳ ni tri túc? Thế nào là Tỳ ni tri túc nên pháp tri túc?

Đáp: Tám Thánh đạo chúng gọi là pháp. Trừ bỏ tham, giận, si gọi là Tỳ ni. Đối với tám Thánh đạo chúng kia nếu không tu, không hành tác rộng, thì đối với Tỳ ni diệt trừ tham, giận, si không thể tác chúng. Tỳ ni diệt trừ tham giận si không thể tác chúng thì đối với tám Thánh đạo chúng không thể tu, không thể hành tác rộng. Như thế là pháp tri túc nên Tỳ ni tri túc. Tỳ ni tri túc nên pháp tri túc.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Pháp, thứ pháp, hướng về pháp”. Thế nào là pháp? Thế nào là thứ pháp, hướng về pháp?

Đáp: Niết-bàn gọi là pháp. Tám Thánh đạo chúng gọi là thứ pháp, hướng về pháp. Lại nữa, giới giải thoát gọi là pháp. Giới giải thoát Tỳ ni gọi là thứ pháp, hướng về pháp. Lại nữa, giới luật nơi thân, giới luật nơi miệng, gọi là pháp, đấng trì (định) gọi là thứ pháp, hướng về pháp.

Hỏi: Thế nào là pháp luân?

Đáp: Là tám Thánh đạo chúng.

Hỏi: Ngang với gì nên gọi là Chuyển pháp luân?

Đáp: Là ngang với lúc Tôn giả A-nhã-câu-lân kiến pháp.

Hỏi: Thế nào là đấng pháp (chánh pháp)?

Đáp: Là căn, lực, giác ý, đạo chúng vô lậu.

Hỏi: Ngang với gì nên gọi là đấng pháp trụ?

Đáp: Là khi các người hành pháp trụ.

Hỏi: Ngang với gì nên gọi là đấng pháp diệt?

Đáp: Là khi các người hành pháp diệt.

Hỏi: Nếu sinh thì pháp kia thuộc về đời nào?

Đáp: Thuộc về đời vị lai.

Hỏi: Nếu diệt thì pháp kia thuộc về đời nào?

Đáp: Thuộc về đời hiện tại.

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập vô lậu nơi thiên thứ nhất, thì tâm tâm pháp kia thuộc về đời nào?

Đáp: Thuộc về đời vị lai.

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập cho đến nhập vô lậu nơi định bất dụng thì tâm tâm pháp kia thuộc về đời nào?

Đáp: Thuộc về đời vị lai.

HẾT - QUYỂN 27

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 28

Kiên độ thứ 7: ĐỊNH

Phẩm 5: BÀN VỀ NHẤT HÀNH

* *Tụng nêu chung:*

*Một hành trải qua sáu
 Hai, bảy là tu đoạn
 Tam muội vượt trí thiền
 Hai định cùng khởi tướng
 Câu luật tụ giác ý
 Thiên nhãn nghe thấy suốt
 Phạm phu đạt quả thoái
 Cõi sinh đạt năm thông
 Khổ ở nơi sau cuối.*

Ba Tam muội: Không, vô nguyện, vô tướng.

Nếu thành tựu Tam muội không thì thành tựu Tam muội vô nguyện chẳng? Nếu như thành tựu Tam muội vô nguyện thì thành tựu Tam muội không chẳng? Nếu thành tựu Tam muội không thì thành tựu Tam muội vô tướng chẳng? Nếu như thành tựu Tam muội vô tướng thì thành tựu Tam muội không chẳng? Nếu thành tựu Tam muội vô nguyện thì thành tựu Tam muội vô tướng chẳng? Nếu như thành tựu Tam muội vô tướng thì thành tựu Tam muội vô nguyện chẳng?

Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội không vị lai chăng? Nếu như thành tựu Tam muội không vị lai thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng? Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội không hiện tại chăng? Nếu như thành tựu Tam muội không hiện tại thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng? Nếu thành tựu Tam muội không vị lai thì thành tựu Tam muội không hiện tại chăng? Nếu như thành tựu Tam muội không hiện tại thì thành tựu Tam muội không vị lai chăng? Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội không vị lai, hiện tại chăng? Nếu như thành tựu Tam muội không vị lai, hiện tại thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng? Nếu thành tựu Tam muội không vị lai thì thành tựu Tam muội không quá khứ, hiện tại chăng? Nếu như thành tựu Tam muội không quá khứ, hiện tại thì thành tựu Tam muội không vị lai chăng? Nếu thành tựu Tam muội không hiện tại thì thành tựu Tam muội không quá khứ, vị lai chăng? Nếu như thành tựu Tam muội không quá khứ, vị lai thì thành tựu Tam muội không hiện tại chăng?

Như Tam muội không, Tam muội vô tướng, vô nguyện cũng như vậy.

Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội vô nguyện quá khứ chăng? Nếu như thành tựu Tam muội vô nguyện quá khứ thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng? Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội vô nguyện vị lai chăng? Nếu như thành tựu Tam muội vô nguyện vị lai thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng? Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội vô nguyện hiện tại chăng? Nếu như thành tựu Tam muội vô nguyện hiện tại thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng? Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội vô nguyện quá khứ, hiện tại chăng? Nếu như thành tựu Tam muội vô nguyện quá khứ, hiện tại thì thành

tự Tam muội không quá khứ chẳng? Nếu thành tự Tam muội không quá khứ thì thành tự Tam muội vô nguyện vị lai, hiện tại chẳng? Nếu như thành tự Tam muội vô nguyện vị lai, hiện tại thì thành tự Tam muội không quá khứ chẳng? Nếu thành tự Tam muội không quá khứ thì thành tự Tam muội vô nguyện quá khứ, vị lai chẳng? Nếu như thành tự Tam muội vô nguyện quá khứ, vị lai thì thành tự Tam muội không quá khứ chẳng? Nếu thành tự Tam muội không quá khứ thì thành tự Tam muội vô nguyện quá khứ, vị lai, hiện tại, chẳng? Nếu như thành tự Tam muội vô nguyện quá khứ, vị lai, hiện tại thì thành tự Tam muội không quá khứ chẳng?

Như đối với Tam muội vô nguyện, đối với Tam muội vô tướng cũng như vậy.

Nếu tu Tam muội không thì tu Tam muội vô nguyện chẳng? Nếu như tu Tam muội vô nguyện thì tu Tam muội không chẳng? Nếu tu Tam muội không thì tu Tam muội vô tướng chẳng? Nếu như tu Tam muội vô tướng thì tu Tam muội không chẳng? Nếu tu Tam muội vô nguyện thì tu Tam muội vô tướng chẳng? Nếu như tu Tam muội vô tướng thì tu Tam muội vô nguyện chẳng?

Tùng có kiết do Tam muội không diệt, không phải do Tam muội vô nguyện, không phải do Tam muội vô tướng chẳng? Tùng có kiết do Tam muội vô nguyện diệt, không phải do Tam muội không, không phải do Tam muội vô tướng chẳng? Tùng có kiết do Tam muội vô tướng diệt, không phải do Tam muội không, không phải do Tam muội vô nguyện chẳng? Tùng có kiết do Tam muội không, Tam muội vô nguyện diệt, không phải do Tam muội vô tướng chẳng? Tùng có kiết do Tam muội không, Tam muội vô tướng diệt, không phải do Tam muội không chẳng? Tùng có kiết do Tam muội không, vô tướng, vô nguyện diệt chẳng? Tùng có kiết không phải do Tam muội không, không phải

do Tam muội vô nguyện, không phải do Tam muội vô tướng diệt mà kiết được diệt chăng?

Thế nào là ý suy niệm vượt thứ lớp thủ chứng (Tác ý, nhập chánh tánh ly sinh)? Hành ý suy niệm vượt thứ lớp thủ chứng hệ thuộc cõi nào?

Tận trí nên nói là đối với thân, dựa nơi thân, quán ý chỉ (quán niệm trụ) chăng? Nên nói thông (thọ) tâm pháp, dựa nơi pháp, quán ý chỉ chăng? Như tận trí, vô sinh trí cũng như vậy.

Các an lạc của vô lậu nơi thiền thứ nhất và các an lạc nơi giác ý khinh an, hai thứ ấy có gì sai biệt? Các an lạc của vô lậu nơi thiền thứ hai và các an lạc nơi giác ý khinh an, hai thứ ấy có gì sai biệt?

Nếu từ Tam muội khởi thì Tam muội đó là nhân duyên khởi chăng? Nếu như từ nhân duyên khởi thì Tam muội đó khởi chăng?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Cho đến tướng Tam muội đều đạt được giáo pháp”. Như đệ tử của Đức Thế Tôn sinh nơi xứ Hữu tướng vô tướng, vị ấy đã dựa vào pháp nào để đạt được quả A-la-hán?

Lại như Tôn giả Ma ha Mục-kiền-liên nói: “Các Hiền giả! Tôi tự tư duy, đã nhập định bất dụng bên bờ ao Đề hồ ở núi Kỳ-xà-quật, có rất nhiều voi quý gầm rống đều nghe rõ tiếng”. Tôn giả Ma ha Mục-kiền-liên đã nghe tiếng voi gầm rống khi đang nhập định hay lúc xuất định?

Các pháp bất định, tất cả pháp đó là vô minh, thật ngữ vô minh chăng? Nếu như là vô minh, thật ngữ vô minh, thì tất cả pháp đó là bất định chăng? Các pháp định, tất cả pháp đó là minh, thật ngữ minh chăng? Nếu như là minh, thật ngữ minh, tất cả pháp đó là định chăng?

Các pháp bất định, tất cả pháp đó đều không thành tựu giác ý chăng? Nếu như không thành tựu giác ý, thì tất cả pháp đó đều là bất

định chẳng? Các pháp định, tất cả pháp đó đều thành tựu giác ý chẳng? Nếu như thành tựu giác ý thì tất cả pháp đó đều là định chẳng?

Nếu thành tựu giác ý thì thành tựu pháp vô lậu chẳng? Nếu như thành tựu pháp vô lậu thì thành tựu giác ý chẳng? Nếu không thành tựu giác ý thì không thành tựu pháp vô lậu chẳng? Nếu như không thành tựu pháp vô lậu thì không thành tựu giác ý chẳng? Nếu được giác ý thì được pháp vô lậu chẳng? Nếu như được pháp vô lậu thì được giác ý chẳng? Nếu bỏ giác ý thì bỏ pháp vô lậu chẳng? Nếu như bỏ pháp vô lậu thì bỏ giác ý chẳng? Nếu thoái chuyển giác ý thì thoái chuyển pháp vô lậu chẳng? Nếu như thoái chuyển pháp vô lậu thì thoái chuyển giác ý chẳng?

Nếu không đoạn thì pháp kia là hoàn toàn (không nhận biết) chẳng? Nếu như là hoàn toàn thì pháp kia không đoạn chẳng? Nếu đoạn thì pháp kia chưa hoàn toàn chẳng? Nếu như chưa hoàn toàn thì pháp kia là đoạn chẳng?

Đối với các thứ sinh này, mắt từng không thấy sắc, mắt ấy về sau được thiên nhãn. Hành giả kia dựa vào những gì để đạt được thiên nhãn? Tai, âm thanh cũng như vậy.

Do đâu khi người phàm phu thoái chuyển, các kiết do kiến đế đoạn, do tư duy đoạn tăng nhiều? Đệ tử của Đức Thế Tôn khi thoái chuyển thì chỉ các kiết do tư duy đoạn tăng nhiều?

Do đâu thoái chuyển quả A-la-hán, không phải là quả Tu-đà-hoàn? Do đâu thoái chuyển quả A-na-hàm, Tư-đà-hàm, không phải là quả Tu-đà-hoàn?

Khi thoái chuyển quả A-la-hán, đối với các thứ đạo chủng, giác ý, căn, lực vô lậu đạt được, nên nói là từng được mà được hay chưa từng được mà được? Khi thoái chuyển quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, đối với các thứ đạo chủng, giác ý, căn, lực vô lậu đạt được, nên nói là từng được mà được hay chưa từng được mà được?

Mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục, các thứ trì (giới), âm (uẩn), nhập (xứ), bốn đại đã đạt được, nơi căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký, cùng các thứ kiết phược, sử, triền, cấu, nên nói là từng được mà được hay chưa từng được mà được? Mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Sắc, các thứ trì, âm, nhập, bốn đại đã đạt được nơi căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký, cùng các thứ kiết, phược, sử, triền, cấu, nên nói là từng được mà được hay chưa từng được mà được? Mất ở cõi Sắc, sinh nơi cõi Dục, các thứ trì, âm, nhập, bốn đại đã đạt được nơi căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký, cùng các thứ kiết, phược, sử, triền, cấu, nên nói là từng được mà được hay chưa từng được mà được?

Nếu dựa vào thiền thứ nhất, tu đạo Thần túc trí chứng thông, Hành giả kia có thể đi đến xứ nào xa nhất? Nếu dựa vào thiền thứ nhất, tu đạo Thanh trí chứng thông, Hành giả kia nghe thấu suốt rất xa, âm thanh ấy hệ thuộc cõi nào? Nếu dựa vào thiền thứ nhất, tu đạo Tha tâm trí chứng thông, Hành giả kia nhận biết rất xa, các tâm tâm pháp ấy hệ thuộc cõi nào? Nếu dựa vào thiền thứ nhất, tu đạo Túc mạng trí chứng thông để tự nhận biết, Hành giả kia đã nhớ nghĩ rất xa, sự việc tự nhận biết về túc mạng ấy hệ thuộc cõi nào? Nếu dựa vào thiền thứ nhất, tu đạo Thiên nhãn trí chứng thông, Hành giả kia đã thấy rõ sắc rất xa, sắc ấy hệ thuộc cõi nào? Như thiền thứ nhất, thiền thứ hai, thiền thứ ba, thiền thứ tư cũng như vậy.

Nếu đối với khổ, tư duy về khổ, khi đạt được quả A-la-hán, Hành giả kia suy niệm về khổ hệ thuộc nơi cõi nào? Tập cũng như vậy. Nếu đối với tận (diệt), tư duy về tận, khi đạt được quả A-la-hán, Hành giả kia suy niệm về các hành tận hệ thuộc nơi cõi nào? Đạo cũng như vậy.

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

Ba Tam muội: không, vô nguyện, vô tướng.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không thì thành tựu Tam muội vô nguyện chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội vô nguyện thì thành tựu Tam muội không chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không thì thành tựu Tam muội vô tướng chẳng?

Đáp: Nếu được.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội vô tướng thì thành tựu Tam muội không chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội vô nguyện thì thành tựu Tam muội vô tướng chẳng?

Đáp: Nếu được.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội vô tướng thì thành tựu Tam muội vô nguyện chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội không vị lai chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội không vị lai thì thành tựu Tam muội không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội không hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội không hiện tại thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không vị lai thì thành tựu Tam muội không hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội không hiện tại thì thành tựu Tam muội không vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội không vị lai, hiện tại chăng?

Đáp: Vị lai thành tựu, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội không vị lai, hiện tại thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không vị lai thì thành tựu Tam muội không quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu vị lai, không phải quá khứ, hiện tại. Hoặc thành tựu vị lai và quá khứ, không phải hiện tại. Hoặc thành tựu vị lai và hiện tại, không phải quá khứ. Hoặc thành tựu vị lai và quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu vị lai, không phải quá khứ, hiện tại? Là nếu đã được Tam muội không, không diệt, nếu như diệt liền mất không hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu vị lai, không phải quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu vị lai và quá khứ, không phải hiện tại? Là nếu đã được Tam muội không, diệt rồi không mất, lại Tam muội không kia không hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu vị lai và quá khứ, không phải hiện tại.

Thế nào là thành tựu vị lai và hiện tại, không phải quá khứ? Là nếu Tam muội không hiện ở trước, hoặc không diệt, nếu như diệt liền mất. Đây gọi là thành tựu vị lai và hiện tại, không phải quá khứ.

Thế nào là thành tựu vị lai và quá khứ, hiện tại? Là nếu Tam muội không đã diệt không mất, lại Tam muội không kia hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu vị lai và quá khứ, hiện tại.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội không quá khứ, hiện tại thì thành tựu Tam muội không vị lai chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không hiện tại thì thành tựu Tam muội không quá khứ, vị lai chẳng?

Đáp: Vị lai thành tựu. Quá khứ nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội không quá khứ, vị lai thì thành tựu Tam muội không hiện tại chẳng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Như Tam muội không, Tam muội vô nguyện, Tam muội vô tướng cũng như vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội vô nguyện quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội vô nguyện quá khứ thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội vô nguyện vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội vô nguyện vị lai thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội vô nguyện hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội vô nguyện hiện tại thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội vô nguyện quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu Tam muội không quá khứ, không phải Tam muội vô nguyện quá khứ, hiện tại. Hoặc thành tựu Tam muội

không quá khứ và Tam muội vô nguyện quá khứ, không phải Tam muội vô nguyện hiện tại. Hoặc thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện hiện tại, không phải Tam muội vô nguyện quá khứ. Hoặc thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ, không phải Tam muội vô nguyện quá khứ, hiện tại? Là nếu Tam muội không đã diệt không mất. Lại, Tam muội vô nguyện kia không diệt, nếu như diệt liền mất cũng không hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ, không phải Tam muội vô nguyện quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện quá khứ, không phải Tam muội vô nguyện hiện tại? Là nếu Tam muội không, Tam muội vô nguyện đã diệt không mất. Lại, Tam muội vô nguyện kia không hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện quá khứ, không phải Tam muội vô nguyện hiện tại.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện hiện tại, không phải Tam muội vô nguyện quá khứ? Là nếu Tam muội không đã diệt không mất. Lại, Tam muội vô nguyện kia hiện ở trước, không diệt, nếu như diệt liền mất. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện hiện tại, không phải Tam muội vô nguyện quá khứ.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện quá khứ, hiện tại? Là nếu Tam muội không, Tam muội vô nguyện đã diệt không mất. Lại, Tam muội vô nguyện kia hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện quá khứ, hiện tại.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội vô nguyện quá khứ, hiện tại thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội vô nguyện vị lai, hiện tại chăng?

Đáp: Vị lai thành tựu, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội vô nguyện vị lai, hiện tại thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội vô nguyện quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Vị lai thành tựu, quá khứ nếu đã diệt không mất thì thành tựu, nếu không diệt hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội vô nguyện quá khứ, vị lai thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội vô nguyện quá khứ, vị lai, hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện vị lai, không phải Tam muội vô nguyện quá khứ, hiện tại. Hoặc thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện quá khứ, vị lai, không phải Tam muội vô nguyện hiện tại. Hoặc thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện vị lai, hiện tại, không phải Tam muội vô nguyện quá khứ. Hoặc thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện quá khứ, vị lai, hiện tại.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện vị lai, không phải Tam muội vô nguyện quá khứ, hiện tại? Là nếu Tam muội không đã diệt không mất. Lại, Tam muội vô nguyện đã được không diệt, nếu như diệt liền mất cũng không hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện vị lai, không phải Tam muội vô nguyện quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện quá khứ, vị lai, không phải Tam muội vô nguyện hiện tại? Là nếu Tam muội không, Tam muội vô nguyện đã diệt không mất. Lại, Tam muội vô nguyện kia không hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện quá khứ, vị lai, không phải Tam muội vô nguyện hiện tại.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện vị lai, hiện tại, không phải Tam muội vô nguyện quá khứ? Là nếu Tam muội không đã diệt không mất. Lại, Tam muội vô nguyện kia hiện ở trước, không diệt, nếu như diệt liền mất. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện vị lai, hiện tại, không phải Tam muội vô nguyện quá khứ.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện quá khứ, vị lai, hiện tại? Là nếu Tam muội không, Tam muội vô nguyện đã diệt không mất. Lại, Tam muội vô nguyện kia hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô nguyện quá khứ, vị lai, hiện tại.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội vô nguyện quá khứ, vị lai, hiện tại thì thành tựu Tam muội không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội vô tướng quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội vô tướng quá khứ thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội vô tướng hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội vô tướng hiện tại thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội vô tướng vị lai chăng?

Đáp: Nếu được.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội vô tướng vị lai thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội vô tướng quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu Tam muội không quá khứ, không phải Tam muội vô tướng quá khứ, hiện tại. Hoặc thành tựu Tam muội

không quá khứ và Tam muội vô tướng quá khứ, không phải Tam muội vô tướng hiện tại. Hoặc thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng hiện tại, không phải Tam muội vô tướng quá khứ. Hoặc thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ, không phải Tam muội vô tướng quá khứ, hiện tại? Là nếu Tam muội không đã diệt không mất. Lại, Tam muội vô tướng kia không diệt, nếu như diệt liền mất cũng không hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ, không phải Tam muội vô tướng quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng quá khứ, không phải Tam muội vô tướng hiện tại? Là nếu Tam muội không, Tam muội vô tướng đã diệt không mất. Lại, Tam muội vô tướng kia không hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng quá khứ, không phải Tam muội vô tướng hiện tại.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng hiện tại, không phải Tam muội vô tướng quá khứ? Là nếu Tam muội không đã diệt không mất. Lại, Tam muội vô tướng kia hiện ở trước, không diệt, nếu như diệt liền mất. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng hiện tại, không phải Tam muội vô tướng quá khứ.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng quá khứ, hiện tại? Là nếu Tam muội không, Tam muội vô tướng đã diệt không mất. Lại, Tam muội vô tướng kia hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng quá khứ, hiện tại.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội vô tướng quá khứ, hiện tại thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội vô tướng vị lai, hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu Tam muội không quá khứ, không phải Tam muội vô tướng vị lai, hiện tại. Hoặc thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng vị lai, không phải Tam muội vô tướng hiện tại. Hoặc thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng vị lai, hiện tại.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ, không phải Tam muội vô tướng vị lai, hiện tại? Là nếu Tam muội không đã diệt không mất. Lại, Hành giả kia không được Tam muội vô tướng. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ, không phải Tam muội vô tướng vị lai, hiện tại.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng vị lai, không phải Tam muội vô tướng hiện tại? Là nếu Tam muội không đã diệt không mất. Lại, Hành giả kia được Tam muội vô tướng, không hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng vị lai, không phải Tam muội vô tướng hiện tại.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng vị lai, hiện tại? Là nếu Tam muội không đã diệt không mất. Lại, Tam muội vô tướng kia hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng vị lai, hiện tại.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội vô tướng vị lai, hiện tại thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Tam muội không quá khứ thì thành tựu Tam muội vô tướng quá khứ, vị lai, hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu Tam muội không quá khứ, không phải Tam muội vô tướng quá khứ, vị lai, hiện tại. Hoặc thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng vị lai, không phải Tam muội vô tướng quá khứ, hiện tại. Hoặc thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng quá khứ, vị lai, không phải Tam muội vô tướng hiện tại. Hoặc thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng vị lai, hiện tại, không phải Tam muội vô tướng quá khứ. Hoặc thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng quá khứ, vị lai, hiện tại.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ, không phải Tam muội vô tướng quá khứ, vị lai, hiện tại? Là nếu Tam muội không đã diệt không mất. Lại, Hành giả kia không được Tam muội vô tướng. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ, không phải Tam muội vô tướng quá khứ, vị lai, hiện tại.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng vị lai, không phải Tam muội vô tướng quá khứ, hiện tại? Là nếu Tam muội không đã diệt không mất. Lại, Hành giả kia được Tam muội vô tướng không diệt, nếu như diệt liền mất, cũng không hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng vị lai, không phải Tam muội vô tướng quá khứ, hiện tại.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng quá khứ, vị lai, không phải Tam muội vô tướng hiện tại? Là nếu Tam muội không, Tam muội vô tướng đã diệt không mất. Lại, Tam muội vô tướng kia không hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng quá khứ, vị lai, không phải Tam muội vô tướng hiện tại.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng vị lai, hiện tại, không phải Tam muội vô tướng quá khứ? Là nếu Tam muội không đã diệt không mất. Lại, Tam muội vô tướng kia hiện ở trước, không diệt, nếu như diệt liền mất. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng vị lai, hiện tại không phải Tam muội vô tướng quá khứ.

Thế nào là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng quá khứ, vị lai, hiện tại? Là nếu Tam muội không, Tam muội vô tướng đã diệt không mất. Lại, Tam muội vô tướng kia hiện ở trước. Đây gọi là thành tựu Tam muội không quá khứ và Tam muội vô tướng quá khứ, vị lai, hiện tại.

Hỏi: Nếu như thành tựu Tam muội vô tướng quá khứ, vị lai, hiện tại thì thành tựu Tam muội không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu không diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Như Tam muội không, Tam muội vô tướng, vô nguyện cũng như vậy. Quá khứ không. Quá khứ vô nguyện. Quá khứ vô tướng. Một: vị lai. Hai: hiện tại. Ba: quá khứ, hiện tại. Bốn: vị lai, hiện tại. Năm: quá khứ, vị lai. Sáu: quá khứ, vị lai, hiện tại (Nói về vô tướng)

Hỏi: Nếu tu Tam muội không thì tu Tam muội vô nguyện chăng?

Đáp: Hoặc có tu Tam muội không không phải tu Tam muội vô nguyện.

Thế nào là tu Tam muội không không phải tu Tam muội vô nguyện? Là đã được Tam muội không hiện ở trước. Đây gọi là tu Tam muội không không phải tu Tam muội vô nguyện.

Thế nào là tu Tam muội vô nguyện không phải tu Tam muội không? Là đã được Tam muội vô nguyện hiện ở trước. Hoặc vốn không được Tam muội vô nguyện hiện ở trước, lúc ấy không được tu

Tam muội không. Đây gọi là tu Tam muội vô nguyện không phải tu Tam muội không.

Thế nào là tu Tam muội không cũng là tu Tam muội vô nguyện? Là đã không được Tam muội không hiện ở trước, lúc ấy được tu Tam muội vô nguyện. Hoặc vốn không được Tam muội vô nguyện hiện ở trước, lúc ấy được tu Tam muội không. Hoặc vốn không được Tam muội vô tướng, hoặc vốn không được trí thể tục hiện ở trước, lúc này được tu Tam muội không và Tam muội vô nguyện. Đây gọi là tu Tam muội không cũng là tu Tam muội vô nguyện.

Thế nào là không tu Tam muội không cũng không tu Tam muội vô nguyện? Là nếu vốn được, hoặc vốn không được Tam muội vô tướng hiện ở trước. Hoặc vốn được, hoặc vốn không được trí thể tục hiện ở trước, lúc ấy đều không tu Tam muội không, Tam muội vô nguyện. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phạm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, nơi cõi trời Vô tướng, không tu Tam muội không, không phải Tam muội vô nguyện. Đây gọi là không tu Tam muội không cũng không tu Tam muội vô nguyện.

Hỏi: Nếu tu Tam muội không thì tu Tam muội vô tướng chẳng?

Đáp: Hoặc tu Tam muội không không phải tu Tam muội vô tướng.

Thế nào là tu Tam muội không không phải tu Tam muội vô tướng? Là đã được Tam muội không hiện ở trước. Hoặc vốn không được Tam muội không hiện ở trước, lúc ấy không được tu Tam muội vô tướng. Hoặc vốn không được Tam muội vô nguyện hiện ở trước, lúc ấy tu Tam muội không, không phải vô tướng. Đây gọi là tu Tam muội không không phải tu Tam muội vô tướng.

Thế nào là tu Tam muội vô tướng không phải tu Tam muội không? Là đã được Tam muội vô tướng hiện ở trước. Hoặc vốn không được Tam muội vô tướng hiện ở trước, lúc ấy không được tu

Tam muội không. Đây gọi là tu Tam muội vô tướng không phải tu Tam muội không.

Thế nào là tu Tam muội không cũng là tu Tam muội vô tướng? Là đã không được Tam muội không hiện ở trước, lúc ấy được tu Tam muội vô tướng. Hoặc vốn không được Tam muội vô tướng hiện ở trước, lúc ấy được tu Tam muội không. Hoặc vốn không được Tam muội vô nguyện, hoặc vốn không được trí thể tục hiện ở trước, lúc ấy được tu Tam muội không, Tam muội vô tướng. Đây gọi là tu Tam muội không cũng là tu Tam muội vô tướng.

Thế nào là không tu Tam muội không cũng không tu Tam muội vô tướng? Là hoặc đã được, hoặc vốn không được Tam muội vô nguyện hiện ở trước. Hoặc đã được trí thể tục, hoặc vốn không được trí thể tục hiện ở trước, lúc này đều không tu Tam muội không, Tam muội vô tướng. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phàm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, nơi cõi trời Vô tướng, không tu Tam muội không, không phải Tam muội vô tướng. Đây gọi là không tu Tam muội không cũng không tu Tam muội vô tướng.

Hỏi: Nếu tu Tam muội vô nguyện thì tu Tam muội vô tướng chăng?

Đáp: Hoặc tu Tam muội vô nguyện không phải tu Tam muội vô tướng.

Thế nào là tu Tam muội vô nguyện không phải tu Tam muội vô tướng? Là như đã được Tam muội vô nguyện hiện ở trước, hoặc vốn không được Tam muội vô nguyện hiện ở trước, lúc ấy không được tu Tam muội vô tướng. Hoặc vốn không được Tam muội không hiện ở trước, lúc ấy được tu Tam muội vô nguyện, không phải Tam muội vô tướng. Đây gọi là tu Tam muội vô nguyện không phải tu Tam muội vô tướng.

Thế nào là tu Tam muội vô tướng không phải tu Tam muội vô nguyện? Là như đã được Tam muội vô tướng hiện ở trước, hoặc vốn

không được Tam muội vô tướng hiện ở trước, lúc này không được tu Tam muội vô nguyện. Đây gọi là tu Tam muội vô tướng không phải tu Tam muội vô nguyện.

Thế nào là tu Tam muội vô tướng cũng là tu Tam muội vô nguyện? Là như đã không được Tam muội vô nguyện hiện ở trước, lúc ấy được tu Tam muội vô tướng. Hoặc vốn không được Tam muội vô tướng hiện ở trước, lúc này được tu Tam muội vô nguyện. Hoặc đã không được Tam muội vô tướng, hoặc đã không được trí thể tục hiện ở trước, lúc ấy cùng tu Tam muội vô tướng, Tam muội vô nguyện. Đây gọi là tu Tam muội vô tướng cũng là tu Tam muội vô nguyện.

Thế nào là không phải tu Tam muội vô nguyện cũng không phải tu Tam muội vô tướng? Là như đã được Tam muội vô tướng hiện ở trước, đã được trí thể tục, hoặc vốn không được trí thể tục hiện ở trước, lúc ấy không được tu Tam muội vô tướng, Tam muội vô nguyện. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của người phạm phu, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận, nơi cõi trời Vô tướng, không tu Tam muội vô nguyện, không phải vô tướng. Đây gọi là không tu Tam muội vô nguyện cũng không tu Tam muội vô tướng.

Hỏi: Từng có kiết do Tam muội không diệt, không phải do Tam muội vô nguyện, không phải do Tam muội vô tướng chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có kiết do Tam muội vô nguyện diệt, không phải do Tam muội vô tướng, không phải do Tam muội vô nguyện chăng?

Đáp: Có. Là các kiết do tập đế, đạo đế đoạn, vô nguyện đoạn.

Hỏi: Từng có kiết do Tam muội vô tướng diệt, không phải do Tam muội vô nguyện, không phải do Tam muội vô nguyện chăng?

Đáp: Có. Là các kiết do tập đế đoạn, vô tướng đoạn.

Hỏi: Từng có kiết do Tam muội không, Tam muội vô nguyện diệt, không phải do Tam muội vô tướng chẳng?

Đáp: Có. Là các kiết do khổ đế đoạn, Tam muội không, Tam muội vô nguyện diệt.

Hỏi: Từng có kiết do Tam muội không, Tam muội vô tướng diệt, không phải do Tam muội vô nguyện chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có kiết do Tam muội vô nguyện, Tam muội vô tướng diệt, không phải do Tam muội không chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có kiết do Tam muội không, vô tướng, vô nguyện diệt chẳng?

Đáp: Có. Là các kiết do bậc học kiến tích tư duy đoạn.

Hỏi: Từng có kiết không phải do Tam muội không, không phải do Tam muội vô nguyện, không phải do Tam muội vô tướng diệt mà kiết được diệt chẳng?

Đáp: Có. Là các kiết do người phạm phu diệt.

Hỏi: Thế nào là ý suy niệm vượt thứ lớp thủ chứng (Tác ý, nhập chánh tánh ly sinh)?

Đáp: Là tư duy về vô thường, khổ, không, vô ngã.

Hỏi: Hành ý suy niệm vượt thứ lớp thủ chứng hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Tận trí nên nói là đối với thân, dựa nơi thân, quán ý chỉ (quán niệm trụ) chẳng?

Đáp: Tận trí hoặc ở nơi thân, dựa vào thân quán ý chỉ. Hoặc thông (thọ) tâm pháp, dựa nơi pháp quán ý chỉ. Vô sinh trí cũng như vậy.

Hỏi: Các an lạc của vô lậu nơi thiền thứ nhất và các an lạc nơi giác ý khinh an, hai thứ ấy có gì sai biệt?

Đáp: Không sai biệt.

Hỏi: Các an lạc của vô lậu nơi thiền thứ hai và các an lạc nơi giác ý khinh an, hai thứ ấy có gì sai biệt?

Đáp: Không sai biệt.

Hỏi: Nếu từ Tam muội khởi thì Tam muội đó là duyên khởi chăng?

Đáp: Hoặc có Tam muội khởi không phải là duyên.

Thế nào là Tam muội khởi không phải là duyên? Là như có một Hành giả đã tư duy về các tướng nhập thiền thứ nhất, Hành giả kia lại tư duy về các tướng để nhập thiền thứ hai. Đây gọi là Tam muội khởi không phải là duyên.

Thế nào là duyên khởi không phải là Tam muội? Là như có một Hành giả đã tư duy về các tướng nhập thiền thứ nhất, Hành giả kia không từ thiền thứ nhất khởi, lại tư duy về các tướng khác. Đây gọi là duyên khởi không phải là Tam muội.

Thế nào là Tam muội khởi cũng là duyên khởi? Là như có một Hành giả đã tư duy về các tướng nhập thiền thứ nhất, Hành giả kia đã tư duy về các tướng khác để nhập thiền thứ hai. Đây gọi là Tam muội khởi cũng là duyên khởi.

Thế nào là không phải Tam muội khởi cũng không phải duyên khởi? Là như có một Hành giả đã tư duy về các tướng nhập thiền thứ nhất, Hành giả kia trụ lâu trong định của mình. Đây gọi là không phải Tam muội khởi cũng không phải duyên khởi.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Cho đến tướng Tam muội đều đạt được giáo pháp”. Như đệ tử của Đức Thế Tôn sinh nơi xứ Hữu tướng vô tướng, vị ấy đã dựa vào pháp nào để đạt được quả A-la-hán?

Đáp: Dựa vào Định bất dụng vô lậu.

Lại như Tôn giả Ma ha Mục-kiền-liên nói: “Các Hiền giả! Tôi tự tư duy, đã nhập định bất dụng bên bờ ao Đề hồ ở núi Kỳ-xà-quật, có rất nhiều voi quý gầm rống đều nghe rõ tiếng”. Tôn giả Ma ha Mục-kiền-liên đã nghe tiếng voi gầm rống khi đang nhập định hay lúc xuất định?

Đáp: Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe các tiếng ấy khi xuất định, không phải lúc nhập định.

Hỏi: Các pháp bất định, tất cả chúng là vô minh, thật ngữ vô minh chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các pháp bất định, tất cả chúng là vô minh, thật ngữ vô minh.

Hỏi: Từng có vô minh, thật ngữ vô minh, chúng không phải là pháp bất định chăng?

Đáp: Có. Là tà định.

Hỏi: Các pháp định, tất cả chúng là minh, thật ngữ minh chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các minh, thật ngữ minh, tất cả chúng đều là pháp định

Hỏi: Từng có định, chúng không phải là minh, thật ngữ minh chăng?

Đáp: Có. Là tà định.

Hỏi: Các pháp bất định, tất cả chúng đều không thành tựu giác ý chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các pháp bất định, tất cả chúng đều không thành tựu giác ý.

Hỏi: Từng có không thành tựu giác ý, chúng không phải là pháp bất định chăng?

Đáp: Có. Là tà định.

Hỏi: Các pháp định, tất cả chúng đều thành tựu giác ý chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các thứ thành tựu giác ý, tất cả chúng là pháp định.

Hỏi: Từng có định, chúng không phải là thành tựu giác ý chăng?

Đáp: Có. Là tà định.

Hỏi: Nếu thành tựu giác ý thì thành tựu pháp vô lậu chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các thành tựu giác ý chúng đều thành tựu pháp vô lậu.

Hỏi: Từng có thành tựu pháp vô lậu không phải là giác ý chăng?

Đáp: Có. Là người phạm phu.

Hỏi: Nếu không thành tựu giác ý thì không thành tựu pháp vô lậu chăng?

Đáp: Không có không thành tựu pháp vô lậu. Có không thành tựu giác ý, là như người phạm phu.

Hỏi: Nếu được giác ý thì được pháp vô lậu chăng?

Đáp: Đúng vậy. Nếu được giác ý thì được pháp vô lậu.

Hỏi: Từng có được pháp vô lậu không phải là giác ý chăng?

Đáp: Có. Như người phạm phu.

Hỏi: Nếu bỏ giác ý thì bỏ pháp vô lậu chăng?

Đáp: Không có bỏ pháp vô lậu, không có hoàn toàn bỏ giác ý.

Hỏi: Nếu thoái chuyển giác ý thì thoái chuyển pháp vô lậu chăng?

Đáp: Không có thoái chuyển pháp vô lậu, không có hoàn toàn thoái chuyển giác ý.

Hỏi: Các pháp không đoạn, pháp ấy là không nhận biết chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các pháp không nhận biết, chúng đều là không đoạn.

Hỏi: Từng có không đoạn, chúng không phải là không nhận biết chăng?

Đáp: Có. Là nếu do trí nhận biết nên đã nhận biết, không đoạn.

Hỏi: Các thứ đã đoạn, chúng đều nhận biết chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các thứ đã đoạn, chúng đều là nhận biết.

Hỏi: Từng có nhận biết không phải là đoạn chăng?

Đáp: Có. Là nếu do trí nhận biết nên đã nhận biết, không phải đoạn, vì nhận biết nên đã đoạn.

Hỏi: Đối với các thứ sinh này, mắt từng không thấy sắc, mắt ấy về sau được thiên nhãn. Hành giả kia dựa vào những gì để đạt được thiên nhãn?

Đáp: Như có một Hành giả tánh tự nhận biết về thọ mạng đời trước của mình. Hành giả kia vốn ở nơi đời khác, mắt từng trông thấy sắc, căn cứ vào đó để đạt được thiên nhãn.

Tại, âm thanh cũng như vậy.

Hỏi: Do đâu khi người phạm phu thoái chuyển, các kiết do kiến đế đoạn, do tư duy đoạn tăng nhiều? Đệ tử của Đức Thế Tôn khi thoái chuyển thì chỉ các kiết do tư duy đoạn tăng nhiều?

Đáp: Người phạm phu đã có thể dùng đạo nhằm diệt trừ kiết do kiến đế đoạn, do tư duy đoạn, nên khi thoái chuyển nơi đạo kia, thì hai thứ kiết ấy tăng nhiều. Đệ tử của Đức Thế Tôn dùng đạo này để đoạn trừ kiết do kiến đế đoạn, quyết định không thoái chuyển đối với đạo này, lại dùng đạo khác để đoạn trừ kiết do tư duy đoạn. Người phạm phu đối với đạo khác ấy có thoái chuyển hoặc không

thoái chuyển. Đệ tử của Đức Thế Tôn nếu như dùng đạo này để diệt trừ kiết do kiến đế đoạn, cũng dùng đạo ấy để đoạn trừ kiết do tư duy đoạn, nên các đệ tử của Đức Thế Tôn không thoái chuyển.

Hỏi: Do đâu thoái chuyển ba quả A-la-hán, A-na-hàm, Tu-đà-hàm, không phải là quả Tu-đà-hoàn?

Đáp: Là kiết do tư duy đoạn dựa vào có sự dấy khởi, nghĩa là có tướng tịnh, tướng bất tịnh. Hành giả kia do tác ý phi lý khi quán tướng tịnh, nên đối với tướng bất tịnh là thoái chuyển. Kiết do kiến đế đoạn dựa vào không có sự dấy khởi, không có một pháp là ngã, ngã sở, có thể khiến cho Hành giả kia khi quán về kiến vô ngã thoái chuyển.

Hỏi: Khi thoái chuyển quả A-la-hán, đối với các thứ đạo chủng, giác ý, căn, lực vô lậu đạt được, nên nói là từng được mà được hay chưa từng được mà được?

Đáp: Nên nói là từng được mà được.

Hỏi: Khi thoái chuyển quả Tu-đà-hàm, A-na-hàm, đối với các thứ đạo chủng, giác ý, căn, lực vô lậu đạt được, nên nói là từng được mà được hay chưa từng được mà được?

Đáp: Nên nói là từng được mà được.

Hỏi: Mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục, các thứ trì (giới), âm (uẩn), nhập (xứ), bốn đại đã đạt được, nơi căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký, cùng các thứ kiết phược, sử, triền, cấu, nên nói là từng được mà được hay chưa từng được mà được?

Đáp: Pháp thiện, hoặc nhiễm ô, nên nói là từng được mà được. Pháp báo (dị thực) nên nói chưa từng được mà được.

Hỏi: Mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Sắc, các thứ trì, âm, nhập, bốn đại đã đạt được, nơi căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký, cùng các thứ kiết, phược, sử, triền cấu uế, nên nói là từng được mà được hay chưa từng được mà được?

Đáp: Pháp thiện, hoặc nhiễm ô, nên nói là từng được mà được. Pháp báo nên nói là chưa từng được mà được.

Hỏi: Mắt ở cõi Sắc, sinh nơi cõi Dục, các thứ trì, âm, nhập, bốn đại đã đạt được, nơi căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký, cùng các thứ kiết, phược, sử, triền cấu uế, nên nói là từng được mà được hay chưa từng được mà được?

Đáp: Pháp thiện, hoặc nhiễm ô, nên nói là từng được mà được. Pháp báo nên nói là chưa từng được mà được.

Hỏi: Nếu dựa vào thiên thứ nhất, tu đạo Thần túc trí chứng thông, Hành giả kia có thể đi đến xứ nào xa nhất?

Đáp: Cõi Phạm thiên.

Hỏi: Nếu dựa vào thiên thứ nhất, tu đạo Thanh trí chứng thông, Hành giả kia nghe thấu suốt rất xa, âm thanh ấy hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc trên cõi Phạm thiên.

Hỏi: Nếu dựa vào thiên thứ nhất, tu đạo Tha tâm trí chứng thông, Hành giả kia nhận biết rất xa, các tâm tâm pháp ấy hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc trên cõi Phạm thiên.

Hỏi: Nếu dựa vào thiên thứ nhất, tu đạo Túc mạng trí chứng thông để tự nhận biết, Hành giả kia đã nhớ nghĩ rất xa, sự việc tự nhận biết về túc mạng ấy hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc trên cõi Phạm thiên.

Hỏi: Nếu dựa vào thiên thứ nhất, tu đạo Thiên nhãn trí chứng thông, Hành giả kia đã thấy rõ sắc rất xa, sắc ấy hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc trên cõi Phạm thiên.

Thứ hai hệ thuộc cõi Quang âm. Thứ ba hệ thuộc cõi Biến tịnh. Thứ tư hệ thuộc cõi Quả thật.

Hỏi: Nếu đối với khổ, tư duy về khổ, khi đạt được quả A-la-hán, Hành giả kia suy niệm về khổ hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Tập cũng như vậy.

Hỏi: Nếu đối với tận (diệt), tư duy về tận, khi đạt được quả A-la-hán, Hành giả kia suy niệm về các hành tận hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu đối với đạo, tư duy về đạo, khi đạt được quả A-la-hán, Hành giả kia suy niệm về đạo có thể đoạn các hành hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc.

HẾT - QUYỂN 28

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỂN 29

Kiên độ thứ 8: KIỀN

* *Tụng nêu tổng quát:*

Ý chỉ, dục, tướng

Trí thời và kiến

Phẩm kệ ở sau.

Phẩm 1: BÀN VỀ Ý CHỈ

Bốn ý chỉ (Bốn niệm trụ): Ý chỉ quán thân trên thân, ý chỉ quán thọ, tâm, pháp trên thọ tâm pháp.

Nếu tu ý chỉ quán thân trên thân thì tu ý chỉ thọ chãng? Nếu như tu ý chỉ thọ thì tu ý chỉ thân chãng? Nếu tu ý chỉ quán thân trên thân thì tu ý chỉ tâm chãng? Nếu như tu ý chỉ tâm thì tu ý chỉ thân chãng? Nếu tu ý chỉ quán thân trên thân thì tu ý chỉ pháp chãng? Nếu như tu ý chỉ pháp thì tu ý chỉ thân chãng? Nếu tu ý chỉ quán thọ trên thọ thì tu ý chỉ tâm chãng? Nếu như tu ý chỉ tâm thì tu ý chỉ thọ chãng? Nếu tu ý chỉ quán thọ trên thọ thì tu ý chỉ pháp chãng? Nếu như tu ý chỉ pháp thì tu ý chỉ thọ chãng? Nếu tu ý chỉ quán tâm trên tâm thì tu ý chỉ pháp chãng? Nếu như tu ý chỉ pháp thì tu ý chỉ tâm chãng?

Ý chỉ quán thân trên thân, nên nói là pháp trí, vị trí trí, tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí chẳng? Nên nói là có giác có quán, không giác có quán, không giác không quán chẳng? Nên nói là tương ưng với lạc căn, hỷ căn, hộ căn, không, vô tướng, vô nguyện chẳng? Nên nói là duyên hệ thuộc cõi Dục, duyên hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, duyên không hệ thuộc chẳng? Ý chỉ quán thọ trên thọ, ý chỉ quán tâm trên tâm, ý chỉ quán pháp trên pháp cũng như vậy.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Khi thọ nhận lạc thọ, nhận biết là thọ lạc thọ. Trí này nên nói là pháp trí, nên nói cho đến là đạo trí chẳng? Khi thọ nhận khổ thọ, nhận biết là thọ khổ thọ. Khi thọ nhận bất khổ bất lạc thọ, nhận biết là thọ bất khổ bất lạc thọ. Trí này nên nói là pháp trí, nên nói cho đến là đạo trí chẳng? Thân vui, thân khổ, thân không khổ không vui. Tâm vui, tâm khổ, tâm không khổ không vui. Ăn vui, ăn khổ, ăn không khổ không vui. Vui không ăn, khổ không ăn, không khổ không vui không ăn. Dựa vào lạc tham đắm, dựa vào khổ tham đắm, dựa vào không khổ không lạc tham đắm. Dựa vào lạc xuất yếu, dựa vào khổ xuất yếu, dựa vào không khổ không lạc xuất yếu. Khi thọ nhận thọ, nhận biết không khổ không vui xuất yếu. Trí này nên nói là pháp trí, nên nói cho đến là đạo trí chẳng?

Lại như Đức Thế Tôn nói: Người kia có tâm dục, nên nhận biết như thật về tâm dục đó. Trí này nên nói là pháp trí, nên nói cho đến là đạo trí chẳng? Không có tâm dục, có giận dữ - không có giận dữ, có ngu si - không có ngu si, có nhiễm ô - không có nhiễm ô, có tán loạn - không có tán loạn, có lười biếng - không có lười biếng, ít - nhiều, tu - không tu, định - bất định, tâm có giải thoát - tâm không giải thoát, đều nhận biết như thật về các tâm đó. Trí này nên nói là pháp trí, nên nói cho đến là đạo trí chẳng?

Lại như Đức Thế Tôn nói: Mắt duyên sắc sinh ra kiết bên trong, Tỳ-kheo kia thật sự có kiết bên trong. Kiết bên trong, nên nhận biết như thật về kiết bên trong đó. Thật sự không có kiết bên trong, nên

nhận biết như thật là không có kiết bên trong đó. Như kiết bên trong ấy chưa sinh liền sinh, như sinh liền diệt, đã diệt nên không sinh, Tỳ-kheo kia cũng nhận biết như thật về kiết ấy. Trí này nên nói là pháp trí, nên nói cho đến là đạo trí chăng? Nhĩ - thanh, tử - hương, thiệt - vị, thân - xúc cũng như vậy.

Ý duyên pháp sinh ra tham dục bên trong, Tỳ-kheo kia thật sự có tham dục bên trong. Có tham dục bên trong, nên nhận biết như thật về tham dục đó. Thật sự không có tham dục bên trong, nên nhận biết như thật là không có tham dục đó. Như tham dục bên trong ấy chưa sinh liền sinh, đã sinh liền diệt, đã diệt nên không sinh, Tỳ-kheo kia cũng nhận biết như thật về tham dục ấy. Trí này nên nói là pháp trí, nên nói cho đến là đạo trí chăng? Giận dữ, thù miên, trạo cử, nghi cũng như vậy.

Sinh giác ý niệm bên trong, Tỳ-kheo kia thật sự có giác ý niệm bên trong. Có giác ý niệm bên trong ấy, nên nhận biết như thật về giác ý niệm bên trong đó. Thật sự không có giác ý niệm bên trong ấy, nên nhận biết như thật là không có giác ý niệm bên trong đó. Như giác ý niệm bên trong ấy chưa sinh liền sinh, đã sinh liền trụ, không quên không thoái, tăng trưởng tư duy rộng khắp, Tỳ-kheo kia cũng nhận biết như thật về giác ý niệm ấy. Trí này nên nói là pháp trí, nên nói cho đến là đạo trí chăng? Các giác ý trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, hộ cũng như vậy.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ-kheo kia tự quán về dâm, giận, si tăng nhiều”. Đối với Tỳ-kheo kia: Thế nào là dâm, giận, si tăng nhiều? Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ-kheo kia tự quán về dâm, giận, si đã giảm”. Đối với Tỳ-kheo kia: Thế nào là dâm, giận, si giảm thiểu?

Thế nào là thọ nhận khi chết? Ngang với giới hạn nào nên nói là thọ nhận khi chết? Thọ nhận khi chết thuộc về nhập (xứ) nào? Có bao nhiêu thức nhận biết?

Tâm bát Niết-bàn của A-la-hán nên nói là thiện hay vô ký?

Vì sao hai đệ tử bát Niết-bàn trước Đức Phật - Thế Tôn, Đức Phật - Thế Tôn bát Niết-bàn sau?

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Nhập Tam muội không dời động, Như Lai bát Niết-bàn”. Như Lai nhập định bát Niết-bàn hay xuất định bát Niết-bàn?

Bốn hữu: Bản thời hữu, tử hữu, trung hữu, sinh hữu. Thế nào là bản thời hữu, tử hữu, trung hữu, sinh hữu?

Các dục hữu, tất cả dục hữu ấy là năm hành chăng? Nếu như là năm hành, tất cả chúng là dục hữu chăng? Các sắc hữu nơi trời Hữu tướng, tất cả sắc hữu ấy là năm hành chăng? Nếu như là năm hành, tất cả sắc hữu ấy là nơi trời Hữu tướng chăng? Các sắc hữu nơi trời Vô tướng, tất cả sắc hữu ấy là hai hành chăng? Nếu như là hai hành, tất cả sắc hữu ấy là nơi trời Vô tướng chăng? Các hữu của cõi Vô sắc, tất cả hữu đó đều là bốn hành chăng? Nếu như là bốn hành, tất cả chúng đều là hữu của cõi Vô sắc chăng?

Từng có hữu năm hành, bốn hành, ba hành, hai hành, một hành chăng?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Bốn ý chỉ (Bốn niệm trụ): Ý chỉ quán thân trên thân, ý chỉ quán thọ, tâm, pháp, trên thọ tâm pháp.

Hỏi: Nếu tu ý chỉ quán thân trên thân thì tu ý chỉ thọ chăng?

Đáp: Hoặc có tu thân không phải là tu thọ.

Thế nào là tu thân không phải là tu thọ? Là đã được ý chỉ quán thân trên thân hiện ở trước. Đây gọi là tu thân không phải tu thọ.

Thế nào là tu thọ không phải là tu thân? Là đã được ý chỉ quán thọ trên thọ hiện ở trước. Hoặc vốn không được ý chỉ quán thọ trên thọ hiện ở trước, lúc ấy không được tu ý chỉ quán thân trên thân. Hoặc vốn không được tâm, hoặc vốn không được pháp, lúc ấy được tu ý chỉ quán thọ trên thọ, không phải tu thân. Đây gọi là tu thọ không phải là tu thân.

Thế nào là tu thân cũng tu thọ? Là đã không được thân, lúc ấy được tu thọ. Hoặc vốn không được thọ, lúc ấy được tu thân. Hoặc vốn không được tâm, vốn không được pháp, lúc ấy được tu ý chỉ quán thân, thọ trên thân thọ. Đây gọi là tu thân cũng tu thọ.

Thế nào là không phải tu thân cũng không phải tu thọ? Là đã được tâm, đã được pháp. Hoặc vốn không được ý chỉ quán pháp trên pháp hiện ở trước, lúc ấy không được tu ý chỉ quán thân thọ trên thân thọ. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận nơi cõi trời Vô tướng, không tu ý chỉ quán thân trên thân, không phải thọ. Đây gọi là không phải tu thân cũng không phải tu thọ.

Hỏi: Nếu tu ý chỉ quán thân trên thân thì tu ý chỉ tâm chăng?

Đáp: Hoặc có tu thân không phải là tu tâm.

Thế nào là tu thân không phải là tu tâm? Là đã được ý chỉ quán thân trên thân hiện ở trước. Đây gọi là tu thân không phải là tu tâm.

Thế nào là tu tâm không phải là tu thân? Là đã được ý chỉ quán tâm trên tâm hiện ở trước. Hoặc vốn không được ý chỉ quán tâm trên tâm hiện ở trước, lúc ấy không được tu ý chỉ quán thân trên thân. Hoặc vốn không được thọ, hoặc vốn không được pháp, lúc ấy được tu ý chỉ quán tâm trên tâm, không phải tu thân. Đây gọi là tu tâm không phải là tu thân.

Thế nào là tu thân cũng tu tâm? Là đã không được thân, lúc ấy được tu tâm. Hoặc vốn không được tâm, lúc ấy được tu thân. Hoặc

vốn không được thọ, vốn không được pháp, lúc ấy được tu ý chỉ quán thân, tâm trên thân tâm. Đây gọi là tu thân cũng tu tâm.

Thế nào là không phải tu thân cũng không phải tu tâm? Là đã được thọ, đã được pháp. Hoặc vốn không được ý chỉ quán pháp trên pháp hiện ở trước, lúc ấy không được tu ý chỉ quán thân, tâm trên thân tâm. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận nơi cõi trời Vô tướng, không tu ý chỉ quán thân trên thân, không phải tâm. Đây gọi là không phải tu thân cũng không phải tu tâm.

Hỏi: Nếu tu ý chỉ quán thân trên thân thì tu ý chỉ pháp chẳng?

Đáp: Hoặc có tu thân không phải là tu pháp.

Thế nào là tu thân không phải là tu pháp? Là đã được ý chỉ quán thân trên thân hiện ở trước. Đây gọi là tu thân không phải là tu pháp.

Thế nào là tu pháp không phải là tu thân? Là đã được ý chỉ quán pháp trên pháp hiện ở trước. Hoặc vốn không được ý chỉ quán pháp trên pháp hiện ở trước, lúc ấy không được tu ý chỉ quán thân trên thân. Hoặc vốn không được thọ, hoặc vốn không được tâm, lúc ấy được tu ý chỉ quán pháp trên pháp, không phải tu thân. Đây gọi là tu pháp không phải là tu thân.

Thế nào là tu thân cũng tu pháp? Là đã không được thân, lúc ấy được tu pháp. Hoặc vốn không được pháp, lúc ấy được tu thân. Hoặc vốn không được thọ, vốn không được tâm, lúc ấy được tu ý chỉ quán thân, pháp trên thân pháp. Đây gọi là tu thân cũng tu pháp.

Thế nào là không phải tu thân cũng không phải tu pháp? Là đã được thọ, đã được ý chỉ quán tâm trên tâm hiện ở trước, lúc ấy không được tu ý chỉ quán thân, pháp trên thân pháp. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận nơi cõi trời Vô tướng, không tu ý chỉ quán thân trên thân, không phải pháp. Đây gọi là không phải tu thân cũng không phải tu pháp.

Hỏi: Nếu tu ý chỉ quán thọ trên thọ thì tu ý chỉ tâm chăng?

Đáp: Hoặc có tu thọ không phải là tu tâm.

Thế nào là tu thọ không phải là tu tâm? Là đã được ý chỉ quán thọ trên thọ hiện ở trước. Đây gọi là tu thọ không phải là tu tâm.

Thế nào là tu tâm không phải là tu thọ? Là đã được ý chỉ quán tâm trên tâm hiện ở trước. Đây gọi là tu tâm không phải là tu thọ.

Thế nào là tu thọ cũng tu tâm? Là đã không được thọ, lúc ấy được tu tâm. Hoặc vốn không được tâm, lúc ấy được tu thọ. Hoặc vốn không được thân, vốn không được pháp, lúc ấy được tu ý chỉ quán thọ, tâm trên thọ tâm. Đây gọi là tu thọ cũng tu tâm.

Thế nào là không phải tu thọ cũng không phải tu tâm? Là đã được thân, đã được pháp. Hoặc vốn không được ý chỉ quán pháp trên pháp hiện ở trước, lúc ấy không được tu ý chỉ quán thọ, tâm trên thọ tâm. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký, nhập Tam muội vô tướng, Tam muội diệt tận nơi cõi trời Vô tướng, không tu ý chỉ quán thọ trên thọ, không phải tâm. Đây gọi là không phải tu thọ cũng không phải tu tâm.

Hỏi: Nếu tu ý chỉ quán thọ trên thọ thì tu ý chỉ pháp chăng?

Đáp: Hoặc có tu thọ không phải là tu pháp.

Thế nào là tu thọ không phải là tu pháp? Là đã được ý chỉ quán thọ trên thọ hiện ở trước. Đây gọi là tu thọ không phải là tu pháp.

Thế nào là tu pháp không phải là tu thọ? Là đã được ý chỉ quán pháp trên pháp hiện ở trước. Hoặc vốn không được ý chỉ quán pháp trên pháp hiện ở trước, lúc ấy không được tu ý chỉ quán thọ trên thọ. Đây gọi là tu pháp không phải là tu thọ.

Thế nào là tu thọ cũng tu pháp? Là đã không được thọ, lúc ấy được tu pháp. Hoặc vốn không được pháp, lúc ấy được tu thọ. Hoặc vốn không được thân, vốn không được tâm, lúc ấy được tu ý chỉ quán thọ, pháp trên thọ pháp. Đây gọi là tu pháp cũng tu thọ.

Thế nào là không phải tu thọ cũng không phải tu pháp? Là đã được thân, đã được ý chỉ quán tâm trên tâm hiện ở trước, lúc ấy không được tu ý chỉ quán thọ, pháp trên thọ pháp. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký, nhập Tam muội vô tưởng, Tam muội diệt tận nơi cõi trời Vô tưởng, không tu ý chỉ quán thọ trên thọ, không phải pháp. Đây gọi là không phải tu thọ cũng không phải tu pháp.

Hỏi: Nếu tu ý chỉ quán tâm trên tâm thì tu ý chỉ pháp chăng?

Đáp: Hoặc có tu tâm không phải là tu pháp.

Thế nào là tu tâm không phải là tu pháp? Là đã được ý chỉ quán tâm trên tâm hiện ở trước. Đây gọi là tu tâm không phải là tu pháp.

Thế nào là tu pháp không phải là tu tâm? Là đã được ý chỉ quán pháp trên pháp hiện ở trước. Hoặc vốn không được ý chỉ quán pháp trên pháp hiện ở trước, lúc ấy không được tu ý chỉ quán tâm trên tâm. Đây gọi là tu pháp không phải là tu tâm.

Thế nào là tu tâm cũng tu pháp? Là đã không được tâm, lúc ấy được tu pháp. Hoặc vốn không được pháp, lúc ấy được tu tâm. Hoặc vốn không được thân, vốn không được thọ, lúc ấy được tu ý chỉ quán tâm, pháp trên tâm pháp. Đây gọi là tu tâm cũng tu pháp.

Thế nào là không phải tu tâm cũng không phải tu pháp? Là đã được thân, đã được ý chỉ quán thọ trên thọ hiện ở trước, lúc ấy không được tu ý chỉ quán tâm, pháp trên tâm pháp. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký, nhập Tam muội vô tưởng, Tam muội diệt tận nơi cõi trời Vô tưởng, không tu ý chỉ quán tâm trên tâm, không phải pháp. Đây gọi là không phải tu tâm, không phải tu pháp.

Hỏi: Ý chỉ quán thân trên thân, nên nói là pháp trí v.v... chăng?

Đáp: Ý chỉ quán thân trên thân, hoặc nên nói là pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí. Hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán. Hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ căn, hộ căn, hoặc tương

ung với không, vô tướng, vô nguyện. Hoặc duyên hệ thuộc cõi Dục, hoặc duyên hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

Hỏi: Ý chỉ quán thọ trên thọ, nên nói là pháp trí v.v... chăng?

Đáp: Ý chỉ quán thọ trên thọ, hoặc nên nói là pháp trí, vị trí trí, tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí. Hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán. Hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ căn, hộ căn, hoặc tương ưng với không, vô tướng, vô nguyện. Hoặc duyên hệ thuộc cõi Dục, hoặc duyên hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

Ý chỉ quán tâm trên tâm cũng như vậy.

Hỏi: Ý chỉ quán pháp trên pháp, nên nói là pháp trí v.v... chăng?

Đáp: Ý chỉ quán pháp trên pháp, hoặc nên nói là pháp trí, vị trí trí, tha tâm trí, đẳng trí, khổ trí, tập trí, tận trí, đạo trí. Hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán. Hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ căn, hộ căn, hoặc tương ưng với không, vô tướng, vô nguyện. Hoặc duyên hệ thuộc cõi Dục, hoặc duyên hệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Khi thọ nhận lạc thọ, nhận biết là thọ lạc thọ, là do bốn trí: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, đạo trí. Khi thọ nhận khổ thọ, nhận biết là thọ khổ thọ, là do một trí: đẳng trí. Khi thọ nhận bất khổ bất lạc thọ, nhận biết là thọ bất khổ bất lạc thọ, là do bốn trí: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, đạo trí.

Thân vui, thân khổ, thân không khổ không vui, tâm khổ, do một đẳng trí nhận biết. Tâm vui, tâm không khổ không vui, do bốn trí nhận biết: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, đạo trí.

Ăn vui, ăn khô, ăn không khô không vui, khô không ăn, do một đẳng trí nhận biết. Vui không ăn, không khô không vui không ăn, do bốn trí nhận biết: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, đạo trí.

Dựa vào lạc tham đắm, dựa vào khổ tham đắm, dựa vào không khổ không lạc tham đắm, dựa vào khổ xuất yếu, do một đẳng trí nhận biết. Dựa vào lạc xuất yếu, dựa vào không khổ không lạc xuất yếu, do bốn trí nhận biết: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, đạo trí.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Có tâm dục, nên nhận biết như thật là có tâm dục, do một đẳng trí nhận biết. Không có tâm dục do bốn trí nhận biết: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, đạo trí.

Có giận dữ do một đẳng trí nhận biết. Không có giận dữ do ba trí nhận biết: Pháp trí, đẳng trí, đạo trí.

Có ngu si do một đẳng trí nhận biết. Không có ngu si do bốn trí nhận biết: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, đạo trí.

Có nhiễm ô do một đẳng trí nhận biết. Không có nhiễm ô do bốn trí nhận biết: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, đạo trí.

Có tán loạn do một đẳng trí nhận biết. Không có tán loạn do bốn trí nhận biết: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, đạo trí.

Có lười biếng do một đẳng trí nhận biết. Không có lười biếng do bốn trí nhận biết: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, đạo trí.

Ít do một đẳng trí nhận biết. Nhiều do bốn trí nhận biết: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, đạo trí.

Không tu do một đẳng trí nhận biết. Tu do bốn trí nhận biết: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, đạo trí.

Bất định do một đẳng trí nhận biết. Định do bốn trí nhận biết: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, đạo trí.

Không có giải thoát do một đẳng trí nhận biết. Giải thoát do bốn trí nhận biết: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, đạo trí.

Lại như Đức Thế Tôn nói: Mắt duyên sắc sinh ra kiết bên trong, Tỳ-kheo kia thật sự có kiết bên trong. Kiết bên trong, nên nhận biết như thật về kiết bên trong ấy do một đẳng trí nhận biết. Thật sự không có kiết bên trong, nên nhận biết như thật về kiết bên trong ấy do bốn trí nhận biết: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, đạo trí. Như kiết bên trong ấy chưa sinh liền sinh, Tỳ-kheo kia cũng nhận biết như thật do một đẳng trí nhận biết. Như sinh liền diệt, đã diệt nên không sinh, điều này cũng nhận biết như thật do bốn trí nhận biết: pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, đạo trí.

Nhĩ - thanh, thân - xúc, ý - pháp cũng như vậy.

Tỷ duyên hương sinh ra kiết bên trong, Tỳ-kheo kia thật sự có kiết bên trong. Kiết bên trong, nên nhận biết như thật về kiết bên trong ấy do một đẳng trí nhận biết. Thật sự không có kiết bên trong, nên nhận biết như thật về kiết bên trong ấy do ba trí nhận biết: Pháp trí, đẳng trí, đạo trí. Như kiết bên trong ấy chưa sinh liền sinh, Tỳ-kheo kia cũng nhận biết như thật do một đẳng trí nhận biết. Như sinh liền diệt, đã diệt nên không sinh, điều này cũng nhận biết như thật do ba trí nhận biết: Pháp trí, đẳng trí, đạo trí.

Thiệt - vị đối với tham dục, giận dữ, thù miên, trạo cử, nghi cũng như vậy.

Sinh giác ý niệm bên trong, Tỳ-kheo kia thật sự có giác ý niệm bên trong. Có giác ý niệm bên trong, nên nhận biết như thật về giác ý niệm bên trong ấy do bốn trí nhận biết: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, đạo trí. Thật sự không có giác ý niệm bên trong, nên nhận biết như thật về giác ý niệm bên trong ấy do một đẳng trí nhận biết. Như giác ý niệm ấy chưa sinh liền sinh, đã sinh liền trụ, không quên không thoái, tăng trưởng tư duy rộng khắp, Tỳ-kheo kia cũng nhận

biết như thật về chúng do bốn trí nhận biết: Pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, đạo trí. Các giác ý trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, hộ cũng như vậy.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ-kheo kia tự quán về dâm, giận, si tăng nhiều”. Đối với Tỳ-kheo kia: Thế nào là dâm, giận, si tăng nhiều?

Đáp: Vì có dâm, giận, si trói buộc ở phẩm hạ nên có phẩm trung, có phẩm trung nên có phẩm thượng. Như thế là dâm, giận, si tăng nhiều.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ-kheo kia tự quán về dâm, giận, si đã giảm”. Đối với Tỳ-kheo kia: Thế nào là dâm, giận, si giảm thiểu?

Đáp: Vì không có dâm, giận, si trói buộc ở phẩm thượng nên không có phẩm trung, không có phẩm trung nên không có phẩm hạ. Như thế là dâm, giận, si giảm thiểu.

Hỏi: Thế nào là thọ nhận khi chết?

Đáp: Là khi tử huyệt đoạn, hoặc hành mạng diệt.

Hỏi: Ngang với giới hạn nào nên nói là thọ nhận khi chết? Thọ nhận khi chết thuộc về nhập (xứ) nào? Có bao nhiêu thức nhận biết?

Đáp: Ngang với giới hạn tử huyệt đoạn, hành mạng diệt. Thọ nhận khi chết thuộc về một nhập là pháp nhập. Có hai thức nhận biết là thân thức và ý thức. Hành mạng diệt trước tương ưng với thân thức, sau là ý thức.

Hỏi: Tâm bát Niết-bàn của A-la-hán nên nói là thiện hay vô ký?

Đáp: Nên nói là vô ký.

Hỏi: Vì sao hai đệ tử bát Niết-bàn trước Đức Phật - Thế Tôn, Đức Phật - Thế Tôn bát Niết-bàn sau?

Đáp: Vì hai Tôn giả ấy trong suốt nẻo sinh tử đã tạo hành không đoạn, tiếp nhận báo. Đối với hai vị ấy chớ nên cho là không, không

có quả, không có báo. Lại nữa, vì pháp thường của Phật - Thế Tôn là như vậy.

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Nhập Tam muội không di động, Như Lai bát Niết-bàn”.

Hỏi: Như Lai nhập định bát Niết-bàn hay xuất định bát Niết-bàn?

Đáp: Như Lai xuất định bát Niết-bàn, không phải nhập định.

Bốn hữu: Đó là Bản thời hữu (Bản hữu), Tử hữu, Trung hữu, Sinh hữu.

Hỏi: Thế nào là Bản thời hữu?

Đáp: Là các hữu trung gian của năm ấm, trừ phần sinh, tử. Đây gọi là Bản thời hữu.

Hỏi: Thế nào là Tử hữu?

Đáp: Là phần tử nơi năm ấm. Đây gọi là Tử hữu.

Hỏi: Thế nào là Trung hữu?

Đáp: Là phần trung gian nơi năm ấm. Đây gọi là Trung hữu.

Hỏi: Thế nào là Sinh hữu?

Đáp: Là phần sinh nơi năm ấm. Đây gọi là Sinh hữu.

Hỏi: Các dục hữu, tất cả dục hữu ấy là năm hành chăng?

Đáp: Hoặc có dục hữu, hữu đó không phải là năm hành.

Thế nào là dục hữu, hữu đó không phải là năm hành? Là chúng sinh nơi cõi Dục không tự trụ tâm, nhập các hữu của định vô tướng, định diệt tận. Đây gọi là dục hữu, hữu đó không phải là năm hành.

Thế nào là hữu có năm hành, hữu đó không phải là dục hữu? Là trời Hữu tướng nơi cõi Sắc tự trụ tâm, không nhập các hữu của

định vô tướng, định diệt tận. Hoặc là trời Vô tướng nơi cõi Sắc không được các hữu vô tướng. Đây gọi là hữu có năm hành, hữu đó không phải là dục hữu.

Thế nào là dục hữu, hữu đó là năm hành? Là chúng sinh nơi cõi Dục tự trụ tâm, không nhập các hữu của định vô tướng, định diệt tận. Đây gọi là dục hữu, hữu đó là năm hành.

Thế nào là không phải dục hữu, hữu đó không phải là năm hành? Là trời Hữu tướng nơi cõi Sắc không tự trụ tâm, nhập các hữu của định vô tướng, định diệt tận. Hoặc là trời Vô tướng nơi cõi Sắc được các hữu vô tướng, hoặc là hữu nơi cõi Vô sắc. Đây gọi là không phải dục hữu, hữu đó không phải là năm hành.

Hỏi: Các sắc hữu nơi trời Hữu tướng, tất cả sắc hữu ấy là năm hành chăng?

Đáp: Hoặc có sắc hữu nơi trời Hữu tướng, hữu đó không phải là năm hành.

Thế nào là sắc hữu nơi trời Hữu tướng, hữu đó không phải là năm hành? Là trời Hữu tướng nơi cõi Sắc không tự trụ tâm, nhập các hữu của định vô tướng, định diệt tận. Đây gọi là sắc hữu nơi trời Hữu tướng, hữu đó không phải là năm hành.

Thế nào là hữu có năm hành, hữu đó không phải là sắc hữu nơi trời Hữu tướng? Là chúng sinh nơi cõi Dục tự trụ tâm, không nhập các hữu của định vô tướng, định diệt tận. Hoặc là trời Vô tướng nơi cõi Sắc không được các hữu vô tướng. Đây gọi là hữu có năm hành, hữu đó không phải là sắc hữu nơi trời Hữu tướng.

Thế nào là sắc hữu nơi trời Hữu tướng, hữu đó là năm hành? Là trời Hữu tướng nơi cõi Sắc tự trụ tâm, không nhập các hữu của định vô tướng, định diệt tận. Đây gọi là sắc hữu nơi trời Hữu tướng, hữu đó là năm hành.

Thế nào là không phải sắc hữu nơi trời Hữu tướng, hữu đó không phải là năm hành? Là chúng sinh nơi cõi Dục không tự trụ tâm, nhập các hữu của định vô tướng, định diệt tận. Hoặc là trời Vô tướng nơi cõi Sắc được các hữu vô tướng, hoặc là hữu của cõi Vô sắc. Đây gọi là không phải sắc hữu nơi trời Hữu tướng, hữu đó không phải là năm hành.

Hỏi: Các sắc hữu nơi trời Vô tướng, tất cả sắc hữu ấy là hai hành chăng?

Đáp: Hoặc có sắc hữu nơi trời Vô tướng, hữu đó không phải là hai hành.

Thế nào là sắc hữu nơi trời Vô tướng, hữu đó không phải là hai hành? Là trời Vô tướng nơi cõi Sắc không được các hữu vô tướng. Đây gọi là sắc hữu nơi trời Vô tướng, hữu đó không phải là hai hành.

Thế nào là hữu có hai hành, hữu đó không phải là sắc hữu nơi trời Vô tướng? Là chúng sinh nơi cõi Dục không tự trụ tâm, nhập các hữu của định vô tướng, định diệt tận. Hoặc trời Hữu tướng nơi cõi Sắc không tự trụ tâm, nhập các hữu của định vô tướng, định diệt tận. Đây gọi là hữu có hai hành, hữu đó không phải là sắc hữu nơi trời Vô tướng.

Thế nào là sắc hữu nơi trời Vô tướng, hữu đó là hai hành? Là trời Vô tướng nơi cõi Sắc được các hữu vô tướng. Đây gọi là sắc hữu nơi trời Vô tướng, hữu đó là hai hành.

Thế nào là không phải sắc hữu nơi trời Vô tướng, hữu đó không phải là hai hành? Là chúng sinh nơi cõi Dục tự trụ tâm, không nhập các hữu của định vô tướng, định diệt tận. Hoặc trời Hữu tướng nơi cõi Sắc tự trụ tâm, không nhập các hữu của định vô tướng, định diệt tận, hoặc là hữu của cõi Vô sắc. Đây gọi là không phải sắc hữu nơi trời Vô tướng, hữu đó không phải là hai hành.

Hỏi: Các hữu của cõi Vô sắc, tất cả hữu đó đều là bốn hành chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các hữu có bốn hành, chúng đều là hữu của cõi Vô sắc.

Hỏi: Tùng có hữu của cõi Vô sắc, hữu đó không phải là bốn hành chăng?

Đáp: Có. Là chúng sinh nơi cõi Vô sắc không tự trụ tâm.

Hỏi: Tùng có hữu năm hành chăng?

Đáp: Có. Là chúng sinh nơi cõi Dục tự trụ tâm, không nhập các hữu của định vô tướng, định diệt tận. Hoặc là trời Hữu tướng nơi cõi Sắc tự trụ tâm, không nhập các hữu của định vô tướng, định diệt tận. Hoặc là trời Vô tướng nơi cõi Sắc không được các hữu vô tướng.

Hỏi: Tùng có hữu bốn hành chăng?

Đáp: Có. Là chúng sinh nơi cõi Vô sắc tự trụ tâm nơi các hữu.

Hỏi: Tùng có hữu ba hành chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có hữu hai hành chăng?

Đáp: Có. Là chúng sinh nơi cõi Dục không tự trụ tâm, nhập các hữu của định vô tướng, định diệt tận. Hoặc là trời Hữu tướng nơi cõi Sắc không tự trụ tâm, nhập các hữu của định vô tướng, định diệt tận. Hoặc là trời Vô tướng nơi cõi Sắc được các hữu của vô tướng thiên.

Hỏi: Tùng có hữu một hành chăng?

Đáp: Có. Là chúng sinh nơi cõi Vô sắc không tự trụ tâm nơi các hữu.

Phẩm 2: BÀN VỀ DỤC

Nếu bỏ hữu nơi cõi Dục, nhận hữu nơi cõi Dục, tất cả pháp hệ thuộc cõi Dục nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Dục hiện ở trước chãng? Nếu như pháp hệ thuộc cõi Dục diệt, pháp hệ thuộc cõi Dục hiện ở trước, tất cả pháp kia là bỏ hữu nơi cõi Dục, nhận hữu nơi cõi Dục chãng? Nếu bỏ hữu nơi cõi Dục, nhận hữu nơi cõi Sắc, tất cả pháp hệ thuộc cõi Dục nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Sắc hiện ở trước chãng? Nếu như pháp hệ thuộc cõi Dục diệt, pháp hệ thuộc cõi Sắc hiện ở trước, tất cả pháp kia là bỏ hữu nơi cõi Dục, nhận hữu nơi cõi Sắc chãng? Nếu bỏ hữu nơi cõi Dục, nhận hữu nơi cõi Vô sắc, tất cả pháp hệ thuộc cõi Dục nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc hiện ở trước chãng? Nếu như pháp hệ thuộc cõi Dục diệt, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc hiện ở trước, tất cả pháp kia là bỏ hữu nơi cõi Dục, nhận hữu nơi cõi Vô sắc chãng?

Nếu bỏ hữu nơi cõi Sắc, nhận hữu nơi cõi Sắc, tất cả pháp hệ thuộc cõi Sắc nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Sắc hiện ở trước chãng? Nếu như pháp hệ thuộc cõi Sắc diệt, pháp hệ thuộc cõi Sắc hiện ở trước, tất cả pháp kia là bỏ hữu nơi cõi Sắc, nhận hữu nơi cõi Sắc chãng? Nếu bỏ hữu nơi cõi Sắc, nhận hữu nơi cõi Dục, tất cả pháp hệ thuộc cõi Sắc nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Dục hiện ở trước chãng? Nếu như pháp hệ thuộc cõi Sắc diệt, pháp hệ thuộc cõi Dục hiện ở trước, tất cả pháp kia là bỏ hữu nơi cõi Sắc, nhận hữu nơi cõi Dục chãng? Nếu bỏ hữu nơi cõi Sắc, nhận hữu nơi cõi Vô sắc, tất cả pháp hệ thuộc cõi Sắc nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc hiện ở trước chãng? Nếu như pháp hệ thuộc cõi Sắc diệt, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc hiện ở trước, tất cả pháp kia là bỏ hữu nơi cõi Sắc, nhận hữu nơi cõi Vô sắc chãng?

Nếu bỏ hữu nơi cõi Vô sắc, nhận hữu nơi cõi Vô sắc, tất cả pháp hệ thuộc cõi Vô sắc nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc

hiện ở trước chãng? Nếu như pháp hệ thuộc cõi Vô sắc diệt, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc hiện ở trước, tất cả pháp kia là bỏ hữu nơi cõi Vô sắc, nhận hữu nơi cõi Vô sắc chãng? Nếu bỏ hữu nơi cõi Vô sắc, nhận hữu nơi cõi Dục, tất cả pháp hệ thuộc cõi Vô sắc nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Dục hiện ở trước chãng? Nếu như pháp hệ thuộc cõi Vô sắc diệt, pháp hệ thuộc cõi Dục hiện ở trước, tất cả pháp kia là bỏ hữu nơi cõi Vô sắc, nhận hữu nơi cõi Dục chãng? Nếu bỏ hữu nơi cõi Vô sắc, nhận hữu nơi cõi Sắc, tất cả pháp hệ thuộc cõi Vô sắc nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Sắc hiện ở trước chãng? Nếu như pháp hệ thuộc cõi Vô sắc diệt, pháp hệ thuộc cõi Sắc hiện ở trước, tất cả pháp kia là bỏ hữu nơi cõi Vô sắc, nhận hữu nơi cõi Sắc chãng?

Vì sao sử nơi cõi Dục không sai khiến đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc? Vì sao sử nơi cõi Sắc không sai khiến đối với pháp nơi cõi Dục, cõi Vô sắc? Vì sao sử nơi cõi Vô sắc không sai khiến đối với pháp nơi cõi Dục, cõi Sắc?

Vì sao sử không biến hành nơi cõi Dục không sai khiến đối với pháp nơi cõi Dục? Vì sao sử không biến hành nơi cõi Sắc không sai khiến đối với pháp nơi cõi Sắc? Vì sao sử không biến hành nơi cõi Vô sắc không sai khiến đối với pháp nơi cõi Vô sắc?

Mười tướng: Tướng về vô thường, tướng về vô thường - khổ, tướng về vô ngã - khổ, tướng về bất tịnh, tướng quán về ăn uống, tướng về tất cả thế gian không thể vui, tướng về sự chết, tướng về đoạn, tướng về không dục, tướng về diệt.

Nếu tu tập tướng về vô thường, Hành giả kia đã tư duy về tướng vô thường chãng? Nếu như đã tư duy về tướng vô thường thì Hành giả kia tu tập tướng về vô thường chãng? Các tướng về vô thường - khổ, tướng về vô ngã - khổ, tướng về bất tịnh, tướng quán về ăn uống, tướng về tất cả thế gian không thể vui, tướng về sự chết, tướng về đoạn, tướng về không dục, tướng về diệt cũng như vậy.

Nếu khi khởi giác dục (Tâm dục), Hành giả kia đã tư duy về giác dục chẳng? Nếu như đã tư duy về giác dục, Hành giả kia khởi giác dục chẳng? Các giác sân, hại cũng như vậy.

Nếu khi khởi giác xuất yếu (Tâm xuất ly), Hành giả kia đã tư duy về giác xuất yếu chẳng? Nếu như đã tư duy về giác xuất yếu, Hành giả kia khởi giác xuất yếu chẳng? Các giác không sân, không hại cũng như vậy.

Các pháp nhân nơi vô minh, pháp đó duyên nơi vô minh chẳng? Nếu như pháp duyên nơi vô minh, pháp đó nhân nơi vô minh chẳng? Các pháp nhân nơi minh, pháp đó duyên nơi minh chẳng? Nếu như pháp duyên nơi minh, pháp đó nhân nơi minh chẳng?

Các pháp nhân nơi vô minh, pháp đó duyên nơi minh chẳng? Nếu như pháp duyên nơi minh, pháp đó nhân nơi vô minh chẳng? Các pháp nhân nơi minh, pháp đó duyên nơi vô minh chẳng? Nếu như pháp duyên nơi vô minh, pháp đó nhân nơi minh chẳng?

Các pháp nhân nơi vô minh, pháp đó là bất thiện chẳng? Nếu như pháp bất thiện, pháp đó nhân nơi vô minh chẳng? Các pháp nhân nơi minh, pháp đó là thiện chẳng? Nếu như pháp thiện, pháp đó nhân nơi minh chẳng?

Tùng có pháp không nhân nơi minh, không nhân nơi vô minh, pháp đó không phải là không có nhân chẳng?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hỏi: Nếu bỏ hữu nơi cõi Dục, nhận hữu nơi cõi Dục, tất cả pháp hệ thuộc cõi Dục nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Dục hiện ở trước chẳng?

Đáp: Đúng thế. Nếu bỏ hữu nơi cõi Dục, nhận hữu nơi cõi Dục, tất cả pháp hệ thuộc cõi Dục nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Dục hiện ở trước.

Hỏi: Từng có pháp hệ thuộc cõi Dục diệt, pháp hệ thuộc cõi Dục hiện ở trước, tất cả pháp kia không phải là bỏ hữu nơi cõi Dục, nhận hữu nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Có. Như chưa mạng chung, pháp hệ thuộc cõi Dục diệt, pháp hệ thuộc cõi Dục hiện ở trước.

Hỏi: Nếu bỏ hữu nơi cõi Dục, nhận hữu nơi cõi Sắc, tất cả pháp hệ thuộc cõi Dục nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Sắc hiện ở trước chăng?

Đáp: Đúng thế. Nếu bỏ hữu nơi cõi Dục, nhận hữu nơi cõi Sắc, tất cả pháp hệ thuộc cõi Dục nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Sắc hiện ở trước.

Hỏi: Từng có pháp hệ thuộc cõi Dục diệt, pháp hệ thuộc cõi Sắc hiện ở trước, tất cả pháp kia không phải là bỏ hữu nơi cõi Dục, nhận hữu nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Có. Như chưa mạng chung, pháp hệ thuộc cõi Dục diệt, pháp hệ thuộc cõi Sắc hiện ở trước.

Hỏi: Nếu bỏ hữu nơi cõi Dục, nhận hữu nơi cõi Vô sắc, tất cả pháp hệ thuộc cõi Dục nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc hiện ở trước chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nếu như pháp hệ thuộc cõi Dục diệt, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc hiện ở trước, tất cả pháp kia là bỏ hữu nơi cõi Dục, nhận hữu nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nếu bỏ hữu nơi cõi Sắc, nhận hữu nơi cõi Sắc, tất cả pháp hệ thuộc cõi Sắc nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Sắc hiện ở trước chăng?

Đáp: Đúng thế. Nếu bỏ hữu nơi cõi Sắc, nhận hữu nơi cõi Sắc, tất cả pháp hệ thuộc cõi Sắc nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Sắc hiện ở trước.

Hỏi: Từng có pháp hệ thuộc cõi Sắc diệt, pháp hệ thuộc cõi Sắc hiện ở trước, tất cả pháp kia không phải là bỏ hữu nơi cõi Sắc, nhận hữu nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Có. Như chưa mạng chung, pháp hệ thuộc cõi Sắc diệt, pháp hệ thuộc cõi Sắc hiện ở trước.

Hỏi: Nếu bỏ hữu nơi cõi Sắc, nhận hữu nơi cõi Dục, tất cả pháp hệ thuộc cõi Sắc nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Dục hiện ở trước chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Từng có pháp hệ thuộc cõi Sắc diệt, pháp hệ thuộc cõi Dục hiện ở trước, tất cả pháp kia không phải là bỏ hữu nơi cõi Sắc, nhận hữu nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Có. Như chưa mạng chung, pháp hệ thuộc cõi Sắc diệt, pháp hệ thuộc cõi Dục hiện ở trước.

Hỏi: Nếu bỏ hữu nơi cõi Sắc, nhận hữu nơi cõi Vô sắc, tất cả pháp hệ thuộc cõi Sắc nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc hiện ở trước chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Từng có pháp hệ thuộc cõi Sắc diệt, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc hiện ở trước, tất cả pháp kia không phải là bỏ hữu nơi cõi Sắc, nhận hữu nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có. Như chưa mạng chung, pháp hệ thuộc cõi Sắc diệt, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc hiện ở trước.

Hỏi: Nếu bỏ hữu nơi cõi Vô sắc, nhận hữu nơi cõi Vô sắc, tất cả pháp hệ thuộc cõi Vô sắc nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc hiện ở trước chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Từng có pháp hệ thuộc cõi Vô sắc diệt, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc hiện ở trước, tất cả pháp kia không phải là bỏ hữu nơi cõi Vô sắc, nhận hữu nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có. Như chưa mạng chung, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc diệt, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc hiện ở trước.

Hỏi: Nếu bỏ hữu nơi cõi Vô sắc, nhận hữu nơi cõi Dục, tất cả pháp hệ thuộc cõi Vô sắc nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Dục hiện ở trước chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nếu như pháp hệ thuộc cõi Vô sắc diệt, pháp hệ thuộc cõi Dục hiện ở trước, tất cả pháp kia là bỏ hữu nơi cõi Vô sắc, nhận hữu nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nếu bỏ hữu nơi cõi Vô sắc, nhận hữu nơi cõi Sắc, tất cả pháp hệ thuộc cõi Vô sắc nơi hữu kia diệt, pháp hệ thuộc cõi Sắc hiện ở trước chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Từng có pháp hệ thuộc cõi Vô sắc diệt, pháp hệ thuộc cõi Sắc hiện ở trước, tất cả pháp kia không phải là bỏ hữu nơi cõi Vô sắc, nhận hữu nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Có. Như chưa mạng chung, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc diệt, pháp hệ thuộc cõi Sắc hiện ở trước.

Hỏi: Vì sao sử nơi cội Dục không sai khiến (không tùy tăng) đối với pháp nơi cội Sắc, cội Vô sắc?

Đáp: Do cội hợp với sự tạp loạn và không thể thiết lập, vì đã lìa nhiễm dục.

Hỏi: Vì sao sử nơi cội Sắc không sai khiến đối với pháp nơi cội Dục, cội Vô sắc?

Đáp: Do cội hợp với sự tạp loạn và sử kia không phải là đối tượng duyên nơi cội này.

Hỏi: Vì sao sử nơi cội Vô sắc không sai khiến đối với pháp nơi cội Dục, cội Sắc?

Đáp: Do cội hợp với sự tạp loạn và sử kia không phải là đối tượng duyên nơi cội này.

Hỏi: Vì sao sử không biến hành nơi cội Dục không sai khiến đối với pháp nơi cội Dục?

Đáp: Vì sử đó đã hợp thành biến hành và sử ấy không phải là đối tượng duyên ở đây.

Hỏi: Vì sao sử không biến hành nơi cội Sắc không sai khiến đối với pháp nơi cội Sắc?

Đáp: Vì sử đó đã hợp thành biến hành và sử ấy không phải là đối tượng duyên ở đây.

Hỏi: Vì sao sử không biến hành nơi cội Vô sắc không sai khiến đối với pháp nơi cội Vô sắc?

Đáp: Vì sử đó đã hợp thành biến hành và sử ấy không phải là đối tượng duyên ở đây.

Mười tướng: Tướng về vô thường, tướng về vô thường - khổ, tướng về vô ngã - khổ, tướng về bất tịnh, tướng quán về ăn uống,

tưởng về tất cả thế gian không thể vui, tưởng về sự chết, tưởng về đoạn, tưởng về không dục, tưởng về diệt.

Hỏi: Nếu tu tập tưởng về vô thường, Hành giả kia đã tư duy về tưởng vô thường chăng?

Đáp: Hoặc có tu tập tưởng về vô thường, Hành giả kia không phải tư duy về tưởng vô thường.

Thế nào là tu tập tưởng về vô thường, Hành giả kia không phải tư duy về tưởng vô thường? Là như duyên nơi pháp khác, tu tập tưởng vô thường. Đây gọi là tu tập tưởng về vô thường, Hành giả kia không phải tư duy về tưởng vô thường.

Thế nào là tư duy về tưởng vô thường, Hành giả kia không phải tu tập tưởng về vô thường? Là như duyên nơi tưởng vô thường tu tập tưởng khác. Đây gọi là tư duy về tưởng vô thường, Hành giả kia không phải tu tập tưởng về vô thường.

Thế nào là tu tập tưởng về vô thường, Hành giả kia tư duy về tưởng vô thường? Là như duyên nơi tưởng vô thường, tu tập tưởng về vô thường. Đây gọi là tu tập tưởng về vô thường, Hành giả kia tư duy về tưởng vô thường.

Thế nào là không phải tu tập tưởng về vô thường, Hành giả kia không phải tư duy về tưởng vô thường? Là trừ các sự việc nêu trên.

Như tưởng về vô thường, tưởng về vô thường - khổ, tưởng về vô ngã - khổ, tưởng về bất tịnh, tưởng quán về ăn uống, tưởng về tất cả thế gian không thể vui, tưởng về sự chết, tưởng về đoạn, tưởng về không dục, tưởng về diệt cũng như vậy.

Hỏi: Nếu khi khởi giác dục (Tâm dục), Hành giả kia đã tư duy về giác dục chăng?

Đáp: Hoặc có khi khởi giác dục, Hành giả kia không phải đã tư duy về giác dục.

Thế nào là khi khởi giác dục, Hành giả kia không phải đã tư duy về giác dục? Là như duyên nơi pháp khác khởi giác dục. Đây gọi là khi khởi giác dục, Hành giả kia không phải đã tư duy về giác dục.

Thế nào là đã tư duy về giác dục, Hành giả kia không phải khởi giác dục? Là như duyên nơi giác dục khởi giác khác. Đây gọi là đã tư duy về giác dục, Hành giả kia không phải khởi giác dục.

Thế nào là khi khởi giác dục, Hành giả kia đã tư duy về giác dục? Là như duyên nơi giác dục khi khởi giác dục. Đây gọi là khi khởi giác dục, Hành giả kia đã tư duy về giác dục.

Thế nào là không phải khi khởi giác dục, Hành giả kia không phải đã tư duy về giác dục? Là trừ các sự việc nêu trên.

Như giác dục, giác sân, giác hại cũng như vậy.

Hỏi: Nếu khi khởi giác xuất yếu (Tâm xuất ly), Hành giả kia đã tư duy về giác xuất yếu chăng?

Đáp: Hoặc có khi khởi giác xuất yếu, Hành giả kia không phải đã tư duy về giác xuất yếu.

Thế nào là khi khởi giác xuất yếu, Hành giả kia không phải đã tư duy về giác xuất yếu? Là như duyên nơi pháp khác khởi giác xuất yếu. Đây gọi là khi khởi giác xuất yếu, Hành giả kia không phải đã tư duy về giác xuất yếu.

Thế nào là đã tư duy về giác xuất yếu, Hành giả kia không phải khởi giác xuất yếu? Là như duyên nơi giác xuất yếu khởi giác khác. Đây gọi là đã tư duy về giác xuất yếu, Hành giả kia không phải khởi giác xuất yếu.

Thế nào là khi khởi giác xuất yếu, Hành giả kia đã tư duy về giác xuất yếu? Là như duyên nơi giác xuất yếu khi khởi giác xuất yếu. Đây gọi là khi khởi giác xuất yếu, Hành giả kia đã tư duy về giác xuất yếu.

Thế nào là không phải khi khởi giác xuất yếu, Hành giả kia không phải đã tư duy về giác xuất yếu? Là trừ các sự việc nêu trên.

Như giác xuất yếu, giác không sâu, giác không hại cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp nhân nơi vô minh, pháp đó duyên nơi vô minh chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các pháp nhân nơi vô minh pháp đó duyên nơi vô minh.

Hỏi: Từng có pháp duyên nơi vô minh, pháp đó không nhân nơi vô minh chăng?

Đáp: Có. Là trừ báo của vô minh, còn lại là các hành không ản một vô ký (vô phú vô ký) và các hành thiện.

Hỏi: Các pháp nhân nơi minh, pháp đó duyên nơi minh chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các pháp nhân nơi minh, pháp đó duyên nơi minh.

Hỏi: Từng có pháp duyên nơi minh, pháp đó không nhân nơi minh chăng?

Đáp: Có. Là minh đầu tiên và các hành hữu lậu.

Hỏi: Các pháp nhân nơi vô minh, pháp đó duyên nơi minh chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các pháp nhân nơi vô minh, pháp đó duyên nơi minh

Hỏi: Từng có pháp duyên nơi minh, pháp đó không nhân nơi vô minh chăng?

Đáp: Có. Là trừ báo của vô minh, còn lại là các hành không ản một vô ký (vô phú vô ký) và các hành thiện.

Hỏi: Các pháp nhân nơi minh, pháp đó duyên nơi vô minh chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các pháp nhân nơi minh, pháp đó duyên nơi vô minh.

Hỏi: Từng có pháp duyên nơi vô minh, pháp đó không nhân nơi minh chăng?

Đáp: Có. Là minh đầu tiên và các hành hữu lậu.

Hỏi: Các pháp nhân nơi vô minh, pháp đó là bất thiện chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các pháp bất thiện, pháp đó nhân nơi vô minh.

Hỏi: Từng có pháp nhân nơi vô minh, pháp đó không phải là bất thiện chăng?

Đáp: Có. Là hành nhiễm ô nơi báo của vô minh.

Hỏi: Các pháp nhân nơi minh, pháp đó là thiện chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các pháp nhân nơi minh, pháp đó là thiện

Hỏi: Từng có pháp thiện, pháp đó không nhân nơi minh chăng?

Đáp: Có. Là minh đầu tiên và các hành hữu lậu thiện.

Hỏi: Từng có pháp không nhân nơi minh, không nhân nơi vô minh, pháp đó không phải là không có nhân chăng?

Đáp: Có. Là trừ báo của vô minh, còn lại là các hành không ản một vô ký (vô phú vô ký), minh đầu tiên hoặc hành hữu lậu thiện.

HẾT - QUYỂN 29

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ

QUYỀN 30

Kiên độ thứ 8: KIẾN

Phẩm 3: BÀN VỀ TƯỚNG

Mười tướng: Tướng về vô thường, tướng về vô thường - khổ, tướng về vô ngã - khổ, tướng về bất tịnh, tướng quán về ăn uống, tướng về tất cả thế gian không thể vui, tướng về sự chết, tướng về đoạn, tướng về không dục, tướng về diệt.

Các pháp do tướng về vô thường sinh, pháp đó tương ưng với tướng về vô thường chẳng? Nếu như các pháp tương ưng với tướng về vô thường, pháp đó do tướng về vô thường sinh chẳng? Tướng về vô thường - khổ, tướng về vô ngã - khổ, tướng về bất tịnh, tướng quán về ăn uống, tướng về tất cả thế gian không thể vui, tướng về sự chết, tướng về đoạn, tướng về không dục, tướng về diệt cũng như vậy.

Các pháp do tướng về vô thường sinh, pháp đó là một duyên của tướng về vô thường chẳng? Nếu như các pháp là một duyên của tướng về vô thường, pháp đó là do tướng về vô thường sinh chẳng? Cho đến tướng về diệt cũng như vậy.

Tùng có pháp, trí phân biệt, không đoạn, không tu, không tác chứng chẳng? Tùng có pháp, trí phân biệt, không đoạn, không tu, tác chứng chẳng? Tùng có pháp, trí phân biệt, không đoạn, tu, tác chứng chẳng? Tùng có pháp, trí phân biệt, đoạn, tu, tác chứng chẳng? Tùng

có pháp, trí phân biệt, đoạn, không tu, tác chứng chẳng? Từng có pháp, trí phân biệt, đoạn, không tu, không tác chứng chẳng?

Từng có pháp không duyên nơi nhân duyên, không duyên nơi pháp duyên, duyên nơi pháp cùng sinh là có, là có hình tượng (tánh), không phải là không có, không phải là không có tánh, sắc khác, thọ khác, tưởng khác, thức khác, pháp tương ưng khác. Pháp này đối với pháp kia nên nói là nhân, nên nói là duyên chẳng? Hoặc nên nói là duyên, nên nói là không phải nhân chẳng? Pháp kia nên nói là thiện, là bất thiện, là vô ký chẳng? Pháp đó có bao nhiêu sử sai khiến? Có bao nhiêu kiết trói buộc?

Các pháp do tâm cùng sinh, không phải không do tâm, như tâm sinh, pháp kia cũng thế chẳng? Như tâm diệt, pháp kia cũng thế chẳng? Như khi tâm đạt được, pháp kia cũng thế chẳng? Như khi tâm xả bỏ, pháp kia cũng thế chẳng? Như khi tâm thọ báo, pháp kia cũng thế chẳng?

Kiến tương ưng với thọ, có bao nhiêu sử sai khiến? Kiến không tương ưng với thọ, có bao nhiêu sử sai khiến? Nghi tương ưng với thọ, có bao nhiêu sử sai khiến? Nghi không tương ưng với thọ, có bao nhiêu sử sai khiến?

Pháp nhân nơi đạo duyên sinh gồm thấu bao nhiêu Trì (Giới), bao nhiêu Nhập (Xứ), bao nhiêu Ấm (Uẩn)? Trừ nhãn xúc v.v... sinh tưởng thọ, pháp của tâm tương ưng và trừ nhĩ xúc v.v... sinh tưởng thọ, pháp của tâm không tương ưng, các pháp còn lại gồm thấu bao nhiêu trì, bao nhiêu nhập, bao nhiêu ấm? Cho đến trừ thân xúc v.v... sinh tưởng thọ, pháp của tâm tương ưng và trừ ý xúc v.v... sinh tưởng thọ, pháp của tâm không tương ưng, các pháp còn lại gồm thấu bao nhiêu trì, bao nhiêu nhập, bao nhiêu ấm?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

Mười tướng: Tướng về vô thường, tướng về vô thường - khổ, tướng về vô ngã - khổ, tướng về bất tịnh, tướng quán về ăn uống, tướng về tất cả thế gian không thể vui, tướng về sự chết, tướng về đoạn, tướng về không dục, tướng về diệt.

Hỏi: Các pháp do tướng về vô thường sinh, pháp đó tương ưng với tướng về vô thường chăng?

Đáp: Hoặc có pháp do tướng về vô thường sinh, pháp đó không phải tương ưng với tướng về vô thường.

Thế nào là pháp do tướng về vô thường sinh, pháp đó không phải tương ưng với tướng về vô thường? Là như tướng về vô thường hiện ở trước tất diệt, các tướng khác hiện ở trước tất sinh các pháp tương ưng kia. Đây gọi là pháp do tướng về vô thường sinh, pháp đó không phải tương ưng với tướng về vô thường.

Thế nào là pháp tương ưng với tướng về vô thường, pháp đó không phải do tướng về vô thường sinh? Là như tướng khác hiện ở trước tất diệt, tướng về vô thường hiện ở trước tất sinh các pháp tương ưng kia. Đây gọi là pháp tương ưng với tướng về vô thường, pháp đó không phải do tướng về vô thường sinh.

Thế nào là pháp do tướng về vô thường sinh, pháp đó tương ưng với tướng về vô thường? Là như tướng về vô thường hiện ở trước tất diệt, tướng về vô thường hiện ở trước tất sinh các pháp tương ưng kia. Đây gọi là pháp do tướng về vô thường sinh, pháp đó tương ưng với tướng về vô thường.

Thế nào là pháp không phải do tướng về vô thường sinh, pháp đó không phải tương ưng với tướng về vô thường? Là như tướng khác hiện ở trước tất diệt, tướng khác hiện ở trước tất sinh các pháp tương ưng kia. Đây gọi là pháp không phải do tướng về vô thường sinh, pháp đó không phải tương ưng với tướng về vô thường.

Như tướng về vô thường, tướng về vô thường - khổ, tướng về vô ngã - khổ, tướng về bất tịnh, tướng quán về ăn uống, tướng về tất cả thế gian không thể vui, tướng về sự chết, tướng về đoạn, tướng về không dục, tướng về diệt cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp do tướng về vô thường sinh, pháp đó là một duyên của tướng về vô thường chăng?

Đáp: Hoặc có pháp do tướng về vô thường sinh, pháp đó không phải là một duyên của tướng về vô thường.

Thế nào là pháp do tướng về vô thường sinh, pháp đó không phải là một duyên của tướng về vô thường? Là như tướng về vô thường hiện ở trước tất diệt, tướng khác hiện ở trước tất sinh, tướng kia có duyên khác. Đây gọi là pháp do tướng về vô thường sinh, pháp đó không phải là một duyên của tướng về vô thường.

Thế nào là pháp là một duyên của tướng về vô thường, pháp đó không phải do tướng về vô thường sinh? Là như tướng khác hiện ở trước tất diệt, tướng về vô thường hiện ở trước tất sinh, tướng kia có duyên ấy. Đây gọi là pháp là một duyên của tướng về vô thường, pháp đó không phải do tướng về vô thường sinh.

Thế nào là pháp do tướng về vô thường sinh, pháp đó là một duyên của tướng về vô thường? Là như tướng về vô thường hiện ở trước tất diệt, tướng về vô thường hiện ở trước tất sinh, tướng kia có duyên ấy. Đây gọi là pháp do tướng về vô thường sinh, pháp đó là một duyên của tướng về vô thường.

Thế nào là pháp không phải do tướng về vô thường sinh, pháp đó không phải là một duyên của tướng về vô thường? Là như tướng khác hiện ở trước tất diệt, tướng khác hiện ở trước tất sinh, tướng kia có duyên khác. Đây gọi là pháp không phải do tướng về vô thường sinh, pháp đó không phải là một duyên của tướng về vô thường.

Như tướng về vô thường, cho đến tướng về diệt cũng như vậy.

Hỏi: Tùng có pháp, trí phân biệt, không đoạn, không tu, không tác chứng chẳng?

Đáp: Có. Là hư không phi số duyên tận (Hư không phi trạch diệt).

Hỏi: Tùng có pháp, trí phân biệt, không đoạn, không tu, tác chứng chẳng?

Đáp: Có. Là số duyên tận (Trạch diệt).

Hỏi: Tùng có pháp, trí phân biệt, không đoạn, tu, tác chứng chẳng?

Đáp: Có. Là pháp hữu vi vô lậu.

Hỏi: Tùng có pháp, trí phân biệt, đoạn, tu, tác chứng chẳng?

Đáp: Có. Là pháp hữu lậu thiện.

Hỏi: Tùng có pháp, trí phân biệt, đoạn, không tu, tác chứng chẳng?

Đáp: Có. Là thiên nhãn, thiên nhĩ.

Hỏi: Tùng có pháp, trí phân biệt, đoạn, không tu, không tác chứng chẳng?

Đáp: Có. Là trừ thiên nhãn, thiên nhĩ, còn lại là các pháp hữu vi vô ký và pháp bất thiện.

Hỏi: Tùng có pháp không duyên nơi nhân duyên, không duyên nơi pháp duyên, duyên nơi pháp cùng sinh chẳng?

Đáp: Có. Là các năm thức thân cùng tương ưng, các ý thức thân cùng tương ưng và sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành, các đắc, sinh, lão, vô thường duyên nơi pháp kia. Đây gọi là pháp không duyên nơi nhân duyên, không duyên nơi pháp duyên, duyên nơi pháp cùng sinh. Pháp ấy là có, là có tánh, không phải là không có, không phải là không có tánh. Sắc khác, pháp ấy không phải là sắc. Thọ khác, pháp ấy không phải là thọ. Tướng khác, pháp ấy không phải là tướng.

Thức khác, pháp ấy không phải là thức. Pháp tương ưng khác, pháp ấy không tương ưng. Thế nên pháp không tương ưng khác.

Hỏi: Pháp này đối với pháp kia nên nói là nhân, nên nói là duyên chăng? Hoặc nên nói là duyên, nên nói là không phải nhân chăng?

Đáp: Đòi trước, đòi sau nên nói là nhân, nên nói là duyên. Đòi sau, đòi trước, nên nói là duyên, không nên nói là nhân.

Hỏi: Pháp kia nên nói là thiện, là bất thiện, là vô ký chăng?

Đáp: Trong pháp thiện nên nói là thiện, trong pháp bất thiện nên nói là bất thiện, trong pháp vô ký nên nói là vô ký.

Hỏi: Pháp đó có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Sử duyên nơi hữu lậu của ba cõi.

Hỏi: Có bao nhiêu kiết trói buộc?

Đáp: Có chín.

Hỏi: Các pháp do tâm cùng sinh, không phải không do tâm: Như tâm sinh, pháp kia cũng thế chăng?

Đáp: Tâm sinh trước, pháp kia sau.

Hỏi: Như tâm diệt, pháp kia cũng thế chăng?

Đáp: Tâm diệt trước, pháp kia sau.

Hỏi: Như khi tâm đạt được, pháp kia cũng thế chăng?

Đáp: Tâm đạt được trước, pháp kia sau.

Hỏi: Như khi tâm xả bỏ, pháp kia cũng thế chăng?

Đáp: Pháp xả bỏ trước, tâm xả bỏ sau.

Hỏi: Như khi tâm thọ báo, pháp kia cũng thế chăng?

Đáp: Hoặc lúc ấy, hoặc khi khác.

Hỏi: Kiến tương ưng với thọ, có bao nhiêu sử sai khiến (Tùy miên tùy tăng)?

Đáp: Kiến duyên nơi hữu lậu cùng kiến duyên nơi vô lậu tương ưng với vô minh là sử sai khiến.

Hỏi: Kiến không tương ưng với thọ, có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Là trừ kiến duyên nơi vô lậu tương ưng với vô minh, số còn lại là sử sai khiến.

Hỏi: Nghi tương ưng với thọ, có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Nghi duyên nơi hữu lậu của ba cõi do kiến để đoạn cùng nghi duyên nơi vô lậu tương ưng với vô minh là sử sai khiến.

Hỏi: Nghi không tương ưng với thọ, có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Là trừ nghi duyên nơi vô lậu tương ưng với vô minh, tất cả còn lại là sử sai khiến.

Hỏi: Pháp nhân nơi đạo duyên sinh gồm thâu bao nhiêu Trì (Giới), bao nhiêu Nhập (Xứ), bao nhiêu Ấm (Uẩn)?

Đáp: Gồm thâu mười tám trì, mười hai nhập, năm ấm.

Hỏi: Trừ nhãn xúc v.v... sinh tưởng thọ, pháp của tâm tương ưng và trừ nhĩ xúc v.v... sinh tưởng thọ, pháp của tâm không tương ưng, các pháp còn lại gồm thâu bao nhiêu trì, bao nhiêu nhập, bao nhiêu ấm?

Đáp: Gồm thâu mười tám trì, mười hai nhập, năm ấm.

Hỏi: Cho đến trừ thân xúc v.v... sinh tưởng thọ, pháp của tâm tương ưng và trừ ý xúc v.v... sinh tưởng thọ, pháp của tâm không tương ưng, các pháp còn lại gồm thâu bao nhiêu trì, bao nhiêu nhập, bao nhiêu ấm?

Đáp: Gồm thâu mười tám trì, mười hai nhập, năm ấm.

Phẩm 4: BÀN VỀ TRÍ THỜI

Các tụ trí, tụ ấy là đoạn chãng? Nếu như tụ đoạn, tụ ấy là trí chãng? Các tụ chán lia, tụ ấy là không dục chãng? Nếu như tụ không dục, tụ ấy là chán lia chãng? Các tụ chán lia, tụ ấy là tu chán lia chãng? Nếu như tụ tu chán lia, tụ ấy là chán lia chãng? Các tụ không dục, tụ ấy là tu chán lia chãng? Nếu như tụ tu chán lia, tụ ấy là không dục chãng?

Nếu pháp làm Nhân duyên cho các pháp kia, hoặc có lúc pháp ấy không phải là Nhân duyên cho pháp kia chãng? Nếu pháp làm Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng cho các pháp kia, hoặc có lúc pháp ấy không phải là Thứ đệ, Duyên duyên, Tăng thượng cho pháp kia chãng?

Các ý xúc, tất cả ý xúc ấy là xúc của ba thứ hòa hợp chãng? Nếu như là xúc của ba thứ hòa hợp, xúc ấy là tất cả ý xúc chãng?

Các mạn, tất cả mạn ấy là tự chấp nơi mình chãng? Nếu như là tự chấp nơi mình tất cả mạn ấy là mạn chãng? Các mạn, tất cả mạn ấy là không tịch tĩnh chãng? Nếu như là không tịch tĩnh, tất cả mạn ấy là mạn chãng?

Các hành (Nghệp), tất cả hành ấy không phải là hộ (Luật nghi) chãng? Nếu như không phải là hộ, tất cả hành ấy là hành chãng? Các hành (Nghệp), tất cả hành ấy là hộ (Luật nghi) chãng? Nếu như là hộ, tất cả hành ấy là hành chãng?

Nếu tụ không được, tụ ấy là không thành tựu chãng? Nếu như tụ không thành tựu, tụ ấy là không được chãng? Nếu tụ được, tụ ấy là thành tựu chãng? Nếu như tụ thành tựu, tụ ấy là được chãng?

Trừ khổ Thánh đế cùng pháp nhập (pháp xứ), các pháp còn lại gồm thân bao nhiêu trì (Giới) bao nhiêu nhập (Xứ) bao nhiêu âm

(Uẩn)? Tập Thánh đế cũng như vậy. Trừ tận (Diệt) Thánh đế cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu bao nhiêu trì, bao nhiêu nhập, bao nhiêu âm? Đạo Thánh đế cũng như vậy.

Trừ pháp có sắc cùng pháp nhập (Pháp xứ), các pháp còn lại gồm thâu bao nhiêu trì, bao nhiêu nhập, bao nhiêu âm? Các pháp không sắc, có thể thấy - không thể thấy, có đối - không đối, hữu lậu - vô lậu, hữu vi - vô vi. Các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, thiện, bất thiện, vô ký, hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc, học, vô học, phi học phi vô học, do kiến đế đoạn, do tư duy đoạn, không đoạn, trừ các pháp trên cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu bao nhiêu trì, bao nhiêu nhập, bao nhiêu âm?

Trừ pháp khởi cùng các pháp tắt không khởi, các pháp còn lại gồm thâu bao nhiêu trì, bao nhiêu nhập, bao nhiêu âm?

Trừ pháp chưa sinh cùng các pháp tắt không sinh, các pháp còn lại gồm thâu bao nhiêu trì, bao nhiêu nhập, bao nhiêu âm? Các pháp có sắc - không sắc, có thể thấy - không thể thấy, có đối - không đối, hữu lậu - vô lậu, hữu vi - vô vi. Các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, thiện, bất thiện, vô ký, hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc, học, vô học, phi học phi vô học, do kiến đế đoạn, do tư duy đoạn, không đoạn, trừ các pháp trên cùng pháp tắt không sinh, các pháp còn lại gồm thâu bao nhiêu trì, bao nhiêu nhập, bao nhiêu âm?

Từng có một trì, một nhập, một âm, gồm thâu tất cả các pháp chăng?

Về các nghĩa trên, chương này xin diễn nói đầy đủ.

*

Hỏi: Các tụ trí, tụ ấy là đoạn chăng?

Đáp: Hoặc có tụ trí, tụ ấy không đoạn.

Thế nào là tụ trí, tụ ấy không đoạn? Là do khổ trí, tập, tận, đạo trí không dứt trừ cấu uế. Đó gọi là tụ trí, tụ ấy không đoạn.

Thế nào là tụ đoạn, tụ ấy không là trí? Là do khổ nhãn, tập, tận, đạo nhãn đoạn trừ cấu uế. Đó gọi là tụ đoạn, tụ ấy không là trí.

Thế nào là tụ trí, tụ ấy là đoạn? Là do khổ trí, tập, tận, đạo trí đoạn trừ cấu uế. Đó gọi là tụ trí, tụ ấy là đoạn.

Thế nào là tụ không phải là trí, tụ ấy không đoạn? Là do khổ nhãn, tập, tận, đạo nhãn không đoạn trừ cấu uế. Đó gọi là tụ không phải là trí, tụ ấy không đoạn.

Hỏi: Các tụ chán lia, tụ ấy là không dục chẳng?

Đáp: Hoặc có tụ chán lia, tụ ấy không phải là không dục.

Thế nào là tụ chán lia, tụ ấy không phải là không dục? Là do khổ nhãn, tập nhãn, do khổ trí, tập trí không đoạn trừ cấu uế. Đó gọi là tụ chán lia, tụ ấy không phải là không dục.

Thế nào là tụ không dục, tụ ấy không phải là chán lia? Là do tận nhãn, đạo nhãn, do tận trí, đạo trí đoạn trừ cấu uế. Đó gọi là tụ không dục, tụ ấy không phải là chán lia.

Thế nào là tụ chán lia, tụ ấy là không dục? Là do khổ nhãn, tập nhãn, do khổ trí, tập trí đoạn trừ cấu uế. Đó gọi là tụ chán lia, tụ ấy là không dục.

Thế nào là tụ không phải là chán lia, tụ ấy không phải là không dục? Là do tận nhãn, đạo nhãn, do tận trí, đạo trí không đoạn trừ cấu uế. Đó gọi là tụ không phải là chán lia, tụ ấy không phải là không dục.

Hỏi: Các tụ chán lia, tụ ấy tu chán lia chẳng?

Đáp: Đúng vậy. Các tụ chán lia, tụ ấy tu chán lia.

Hỏi: Từng có tụ tu chán lia, tụ ấy không phải là chán lia chẳng?

Đáp: Có. Là do tận trí, đạo trí đoạn trừ cấu uế.

Hỏi: Các tụ không dục, tụ ấy tu chán lia chăng?

Đáp: Hoặc có tụ không dục, tụ ấy không tu chán lia.

Thế nào là tụ không dục, tụ ấy không tu chán lia? Là do tận nhãn, đạo nhãn đoạn trừ cấu uế. Đó gọi là tụ không dục, tụ ấy không tu chán lia.

Thế nào là tụ tu chán lia, tụ ấy không phải là không dục? Là do khổ nhãn, tập nhãn, do khổ trí, tập trí không đoạn trừ cấu uế. Đó gọi là tụ tu chán lia, tụ ấy không phải là không dục.

Thế nào là tụ không dục, tụ ấy tu chán lia? Là do khổ nhãn, tập nhãn, do khổ trí, tập, tận, đạo trí đoạn trừ cấu uế. Đó gọi là tu không dục, tụ ấy tu chán lia.

Thế nào là tụ không phải không dục, tụ ấy không tu chán lia? Là do tận nhãn, đạo nhãn không đoạn trừ cấu uế. Đó gọi là tụ không phải không dục, tụ ấy không tu chán lia.

Hỏi: Nếu pháp làm Nhân duyên cho các pháp kia, hoặc có lúc pháp ấy không phải là nhân duyên cho pháp kia chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nếu pháp làm Thứ đệ (Đẳng vô gián) cho các pháp kia, hoặc có lúc pháp ấy không phải là thứ đệ cho pháp kia chăng?

Đáp: Nếu pháp kia chưa sinh.

Hỏi: Nếu pháp làm Duyên (Sở duyên), Tăng thượng cho các pháp kia, hoặc có lúc pháp ấy không phải là duyên, tăng thượng cho pháp kia chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Các ý xúc, tất cả ý xúc ấy là xúc của ba thứ hòa hợp chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các ý xúc, tất cả ý xúc ấy là xúc của ba thứ hòa hợp.

Hỏi: Từng có xúc của ba thứ hòa hợp, xúc ấy không phải là tất cả ý xúc chăng?

Đáp: Có. Là xúc tương ưng với năm thức thân.

Đức Thế Tôn cũng nói: Tỳ-kheo nên biết! Có ý trì, pháp trì (ý giới, pháp giới), có vô minh xúc sinh ra thọ đã tiếp xúc. Kẻ ngu không hiểu biết bèn chấp có chấp không, hoặc chấp có – không.

Hỏi: Các mạn, tất cả các mạn ấy là tự chấp nơi mình chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các mạn, tất cả các mạn ấy là tự chấp nơi mình.

Hỏi: Từng có tự chấp nơi mình không phải là mạn chăng?

Đáp: Có. Là kiến. Đức Thế Tôn cũng nói: Tỳ-kheo nên biết! Tự chấp có ngã, tự chấp có ngã sở.

Hỏi: Các mạn, tất cả mạn ấy là không tịch tĩnh chăng?

Đáp: Đúng vậy. Các mạn, tất cả mạn ấy là không tịch tĩnh

Hỏi: Từng có không tịch tĩnh không phải là mạn chăng?

Đáp: Có. Là trừ mạn, các cấu uế khác hiện ở trước. Đức Thế Tôn cũng nói: Tỳ-kheo nên biết! Động là bị ma trời buộc. Không động là giải thoát khỏi ma Ba-tuần.

Hỏi: Các hành (nghiệp), tất cả hành ấy không phải là hộ (luật nghi) chăng?

Đáp: Hoặc có hành, hành ấy không phải là không hộ.

Thế nào là hành, hành ấy không phải là không hộ? Là thân hộ, khẩu hộ (luật nghi nơi thân, miệng). Đó gọi là hành, hành ấy không phải là không hộ.

Thế nào là không hộ, hộ ấy không phải là hành? Là căn không hộ. Đó gọi là không hộ, hộ ấy không phải là hành.

Thế nào là hành, hành ấy là không hộ? Là thân không hộ, miệng không hộ. Đó gọi là hành, hành ấy là không hộ.

Thế nào là không phải hành, hành ấy không phải là không hộ? Là căn hộ. Đó gọi là không phải hành, hành ấy không phải là không hộ.

Hỏi: Các hành (nghiệp), tất cả hành ấy là hộ (luật nghi) chăng?

Đáp: Hoặc có hành, hành ấy không phải là hộ.

Thế nào là hành, hành ấy không phải là hộ? Là thân không hộ, miệng không hộ. Đó gọi là hành, hành ấy không phải là hộ.

Thế nào là hộ, hộ ấy không phải là hành? Là căn hộ. Đó gọi là hộ, hộ ấy không phải là hành.

Thế nào là hành, hành ấy là hộ? Là thân hộ, miệng hộ. Đó gọi là hành, hành ấy là hộ.

Thế nào là không phải hành, hành ấy không phải là hộ? Là căn không hộ. Đó gọi là không phải hành, hành ấy không phải là hộ.

Hỏi: Nếu tụ không được, tụ ấy là không thành tựu chăng?

Đáp: Đúng vậy. Nếu tụ không được, tụ ấy là không thành tựu.

Hỏi: Từng có tụ không thành tựu, tụ ấy không phải là không được chăng?

Đáp: Có. Là như tụ được liền mất.

Hỏi: Nếu tụ được, tụ ấy là thành tựu chăng?

Đáp: Đúng vậy. Nếu tụ thành tựu, tụ ấy là được.

Hỏi: Từng có tụ được, tụ ấy không phải là thành tựu chăng?

Đáp: Có. Là như tụ được liền mất.

Trừ khổ Thánh đế cùng pháp nhập (Pháp xứ), các pháp còn lại gồm thâu hai trì (giới), một nhập (xứ), một ấm (uẩn).

Như khổ Thánh đế, tập Thánh đế cũng như vậy.

Trừ tận Thánh đế cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu mười bảy trì, mười một nhập, hai ấm.

Như tận Thánh đế, đạo Thánh đế cũng như vậy.

Trừ pháp có sắc cùng pháp nhập (Pháp xứ), các pháp còn lại gồm thâu bảy trì, một nhập, một ấm. Trừ pháp không sắc cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu mười trì, mười nhập, một ấm.

Trừ pháp có thể thấy cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu mười sáu trì, mười nhập, hai ấm. Trừ pháp không thể thấy cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu một trì, một nhập, một ấm.

Trừ pháp có đối cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu bảy trì, một nhập, một ấm. Trừ pháp không đối cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu mười trì, mười nhập, một ấm.

Trừ pháp hữu lậu cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu hai trì, một nhập, một ấm. Trừ pháp vô lậu cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu mười bảy trì, mười một nhập, hai ấm.

Trừ pháp hữu vi cùng pháp nhập, các pháp còn lại tức trừ tất cả pháp không tụ nên không bàn. Trừ pháp vô vi cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu mười bảy trì, mười một nhập, hai ấm.

Trừ pháp quá khứ, hiện tại cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu mười bảy trì, mười một nhập, hai ấm. Trừ pháp vị lai cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu mười bảy trì, mười một nhập, hai ấm.

Trừ pháp thiện, bất thiện cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu mười bảy trì, mười một nhập, hai ấm. Trừ pháp vô ký cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu chín trì, ba nhập, hai ấm.

Trừ pháp hệ thuộc cõi Dục cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu mười ba trì, chín nhập, hai ẩm. Trừ pháp hệ thuộc cõi Sắc, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc, pháp học, pháp vô học cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu mười bảy trì, mười một nhập, hai ẩm. Trừ pháp phi học phi vô học cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu hai trì, một nhập, một ẩm.

Trừ pháp do kiến đế đoạn, pháp không đoạn cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu mười bảy trì, mười một nhập, hai ẩm. Trừ pháp do tư duy đoạn cùng pháp nhập, các pháp còn lại gồm thâu hai trì, một nhập, một ẩm.

Trừ pháp khởi cùng các pháp tất không khởi, các pháp còn lại gồm thâu mười tám trì, mười hai nhập, năm ẩm.

Trừ pháp chưa sinh cùng các pháp tất không sinh, tức trừ hết thấy pháp không tụ nên không bàn.

Trừ pháp có sắc cùng các pháp tất không sinh, các pháp còn lại gồm thâu tám trì, hai nhập, bốn ẩm. Trừ pháp không sắc cùng các pháp tất không sinh, các pháp còn lại gồm thâu mười một trì, mười một nhập, một ẩm.

Trừ pháp có thể thấy cùng các pháp tất không sinh, các pháp còn lại gồm thâu mười bảy trì, mười một nhập, năm ẩm. Trừ pháp không thể thấy cùng các pháp tất không sinh, các pháp còn lại gồm thâu một trì, một nhập, một ẩm.

Trừ pháp có đối cùng các pháp tất không sinh, các pháp còn lại gồm thâu tám trì, hai nhập, năm ẩm. Trừ pháp không đối cùng các pháp tất không sinh, các pháp còn lại gồm thâu mười trì, mười nhập, một ẩm.

Trừ pháp hữu lậu cùng các pháp tất không sinh, các pháp còn lại gồm thâu ba trì, hai nhập, năm ẩm. Trừ pháp vô lậu cùng các pháp tất không sinh, các pháp còn lại gồm thâu mười tám trì, mười hai nhập, năm ẩm.

Trừ pháp hữu vi cùng các pháp tất không sinh, tức trừ hết thủy pháp không tụ nên không bàn. Trừ pháp vô vi cùng các pháp tất không sinh, các pháp còn lại gồm thâm mười tám trì, mười hai nhập, năm ấm.

Trừ pháp quá khứ, hiện tại cùng các pháp tất không sinh, các pháp còn lại gồm thâm mười tám trì, mười hai nhập, năm ấm. Trừ pháp vị lai cùng các pháp tất không sinh, tức trừ hết thủy pháp không tụ nên không bàn.

Trừ pháp thiện, bất thiện cùng các pháp tất không sinh, các pháp còn lại gồm thâm mười tám trì, mười hai nhập, năm ấm.

Trừ pháp vô ký cùng các pháp tất không sinh, các pháp còn lại gồm thâm mười trì, bốn nhập, năm ấm.

Trừ pháp hệ thuộc cõi Dục cùng các pháp tất không sinh, các pháp còn lại gồm thâm mười bốn trì, mười nhập, năm ấm. Trừ pháp hệ thuộc cõi Sắc, pháp hệ thuộc cõi Vô sắc, pháp học, pháp vô học cùng các pháp tất không sinh, các pháp còn lại gồm thâm mười tám trì, mười hai nhập, năm ấm. Trừ pháp phi học phi vô học cùng các pháp tất không sinh, các pháp còn lại gồm thâm ba trì, hai nhập, năm ấm.

Trừ pháp do kiến đế đoạn, pháp không đoạn cùng các pháp tất không sinh, các pháp còn lại gồm thâm mười tám trì, mười hai nhập, năm ấm.

Trừ pháp do tư duy đoạn cùng các pháp tất không sinh, các pháp còn lại gồm thâm ba trì, hai nhập, năm ấm.

Hỏi: Từng có một trì, một nhập, một ấm gồm thâm tất cả pháp chăng?

Đáp: Có. Một trì là pháp trì (Pháp giới), một nhập là ý nhập (ý xứ), một ấm là sắc ấm (sắc uẩn).

Phẩm 5: BÀN VỀ KIẾN

* *Tụng nêu chung:*

*Tà kiến đoạn cấu, tịnh
 Không nhân, không trí kiến
 Trí lực, không tinh tấn
 Tạo bảy nhân thân sĩ.
 Bốn bản, duyên hoàn không
 Không nhân, tự cũng tha
 Ngã tạo, tác không nhân
 Đây kia, ngã, sáu kiến.
 Dục, lạc cùng các thiền
 Không có, không phi gió
 Ngã tạo cũng có mạn
 Hoặc được hoặc sẽ được.
 Nên gọi là phẩm Kiến.*

Như có kiến này: Không thí, không phước, không nêu bày: Tà kiến này là do Tập đế đoạn trừ.

Không có quả báo của hành thiện, ác: Tà kiến này do Khổ đế đoạn.

Không có đời nay, đời sau, không cha không mẹ: Tà kiến này do Tập đế đoạn.

Không có pháp lạc nơi bậc A-la-hán ở thế gian: Tà kiến này do Đạo đế đoạn.

Không có đẳng pháp: Tà kiến này do Tận đế đoạn.

Không có chứng đắc nơi đời này đời sau. Tự trí tác chứng đạt đến thành tựu: Tà kiến này do Đạo đế đoạn.

Như có kiến này: Đối với mạng sống ấy, ở nơi chốn khác đoạn hoại, không có chết. Biên kiến này thuộc về Kiến đoạn diệt do Khổ đế đoạn.

Như có kiến này: Bốn đại nơi thân người, khi mạng chung, lúc ấy chất đất nơi thân thuộc về đất, chất nước nơi thân thuộc về nước, chất lửa nơi thân thuộc về lửa, chất gió nơi thân thuộc về gió, căn quy về hư không, thân trống rỗng, xe chở là thứ năm mang tử thi đến bỏ nơi gò mả, dấu vết hiện bày. Biên kiến này thuộc về Hữu thường kiến do Khổ đế đoạn.

Như có kiến này: Xương trắng, màu sắc chim bồ câu ngã biển v.v... là tro, hoặc lửa duyên nơi ngã. Đây không phải kiến mà là tà trí. Nếu ngã duyên nơi hành hữu lậu, đây là Tà kiến do Tập đế đoạn. Nếu ngã kiến nơi hành vô lậu, Tà kiến này do Đạo đế đoạn.

Như có kiến này: Đối với kẻ tham thì tán thán bố thí, kẻ trí thì tán thán thọ nhận, là phi báng trí pháp. Tà kiến này do Đạo đế đoạn.

Như có kiến này: Kẻ kia hoàn toàn vọng ngữ, đây là ngu, không phải trí. Các việc tạo tác như nói, đối với mạng sống hiện có, ở nơi chốn khác đoạn hoại, từng không có chết. Sự ngu tối này là Biên kiến, thuộc về Hữu thường kiến do Khổ đế đoạn.

Như có kiến này: Không nhân không duyên, đối với mọi phiền não cấu uế hiện có của chúng sinh là không nhân không duyên. Tà kiến này do Tập đế đoạn.

Như có kiến này: Không nhân, không duyên khiến các chúng sinh thanh tịnh. Không phải nhân, không phải duyên mà các chúng sinh thanh tịnh. Tà kiến này do Đạo đế đoạn.

Như có kiến này: Không nhân, không duyên khiến các chúng sinh không trí, không kiến. Không phải nhân, không phải duyên mà các chúng sinh không trí, không kiến. Tà kiến này do Tập đế đoạn.

Như có kiến này: Không nhân, không duyên khiến các chúng sinh có trí, có kiến. Không phải nhân, không phải duyên mà chúng sinh có trí, có kiến. Tà kiến này do Đạo đế đoạn.

Như có kiến này: Không có lực, không có tinh tấn, không lực tinh tấn, không tự tạo, không tha tạo, không sĩ phu tạo, không phải tự tạo, không phải tha tạo, không phải sĩ phu tạo. Tất cả chúng sinh, tất cả loài trùng, tất cả thần là không lực, không tự tại, không tinh tấn, không phương tiện. Có hành báo là không nhân, không duyên, chúng sinh thọ nhận khổ vui nơi sáu thẳng sinh. Nếu phi báo lực, tinh tấn hữu lậu, tà kiến này do Tập đế đoạn. Nếu phi báo lực, tinh tấn vô lậu, tà kiến này do Đạo đế đoạn.

Như có kiến này: Tạo tác, chỉ dạy sai lạc, đối với các việc giết hại chúng sinh, không cho mà lấy, hành hạnh tà dâm, vọng ngữ, uống rượu, đục tường, phá kho để trộm vật báu, gian dâm vợ người, gây hại cho thôn xóm, làng nước sinh mạng v.v... cho đây không phải là việc xấu ác, cho là không nhân, không duyên, không có báo ác. Ở bên tả sông Hằng thì bố thí, tạo phước, nói pháp. Ở bên hữu sông Hằng thì đánh đập, chém giết, đều cho là không phước, không ác, không duyên, không nhân. Tà kiến này do Tập đế đoạn.

Như có kiến này: Đây là thân bảy sĩ, không làm mà làm, không hóa mà hóa, thật sự an trụ, luôn an trụ, không dôi động, không có chuyển biến, đều không xúc chạm nhau. Những gì là bảy? Tức là đất, nước, lửa, gió, khổ, vui, thọ mạng. Đó là thân bảy sĩ, không làm mà làm, không hóa mà hóa, thật trụ, thường trụ, an lập không lay động đều không xúc chạm nhau. Hoặc phước, hoặc tội, hoặc phước tội, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc khổ vui, không thể chuyển biến, cũng không thể làm cho cùng trở ngại, cùng xúc chạm. Biên kiến này thuộc về Hữu thường kiến do Khổ đế đoạn.

(*) Như có kiến này: Có mười bốn ức sáu vạn sáu trăm môn sinh. Năm nghiệp, ba nghiệp, hai nghiệp, một nghiệp, nửa nghiệp, sáu mươi hai hành tích, sáu mươi hai trung kiếp, một trăm ba mươi sáu địa ngục, một trăm hai mươi căn, ba mươi sáu trần giới, bốn vạn chín ngàn nhà rồng, bốn vạn chín ngàn nhà chim kim sí, bốn vạn chín ngàn nhà dị học, bốn vạn chín ngàn nhà sinh sống, bảy tạng hữu tướng, bảy tạng vô tướng, bảy tạng lia trói buộc, bảy A-tu-luân, bảy Tát-xá-giá, bảy trời, bảy người, bảy mộng, bảy trăm giấc mộng, bảy giấc, bảy trăm giấc, bảy ao, bảy trăm ao, bảy đường hiểm, bảy trăm đường hiểm, bảy giảm, bảy trăm giảm, bảy tầng, bảy trăm tầng, sáu loại thăng sinh, tám Đại sĩ địa. Nơi xứ như thế, trải qua tám vạn bốn ngàn đại kiếp, hoặc ngu hoặc trí lưu chuyển qua lại, nên quyết định có thể tạo ra biên vực khổ, như ném cuộn chỉ, chỉ hết nên dừng lại.

Ở đây, không có Sa môn, hoặc Bà la môn có thể nói thế này: Ta dùng giới, hoặc dùng tinh tấn, hoặc dùng phạm hạnh khiến cho nghiệp hiện có chưa thành thực được thành thực, thành thực xúc chạm xong tức liền biến đổi, loại bỏ.

Do hướng định về biên vực khổ, vui nơi sinh tử như thế, không thể thiết lập có tăng có giảm, cũng không thể nói, hoặc rõ ràng, hoặc không rõ ràng. Đây là không phải nhân chấp là nhân, thuộc Trộm giới (Giới cấm thủ) do Khổ đế đoạn.

Như có kiến này: Tất cả sĩ phu, chúng sinh, các Hữu đã thọ, tất cả đều cho do đời trước tạo tác làm nhân. Đây là không phải nhân chấp là nhân, thuộc Giới cấm thủ do Khổ đế đoạn.

Như có kiến này: Tất cả sĩ phu, chúng sinh, các Hữu đã thọ nhận, đều cho do sự biến hóa của Tự tại làm nhân. Đây là không phải nhân chấp là nhân, thuộc Giới cấm thủ do Khổ đế đoạn.

Như có kiến này: Tất cả sĩ phu, chúng sinh đã thọ nhận đều cho là không có nhân, không có duyên. Đây là tà kiến hủy báng về nhân, do Tập đế đoạn.

Như có kiến này: Tự tạo ra khổ vui, người khác tạo ra khổ vui, mình và người khác tạo ra khổ vui. Đây không phải là nhân chấp là nhân, thuộc giới cấm thủ do Khổ đế đoạn.

Như có kiến này: Các khổ vui đã thọ nhận, không phải tự tạo, không phải người khác tạo, không có nhân mà sinh. Đây là tà kiến hủy báng nhân do Tập đế đoạn.

Như có kiến này: Ngã và thế gian thường hằng, an trụ kiên cố, là pháp không biến dịch, luôn an trụ như vậy. Biên kiến này thuộc về Hữu thường kiến do Khổ đế đoạn.

Như có kiến này: Là đế là trụ, nên ta có ngã. Biên kiến này thuộc về Hữu thường kiến, do Khổ đế đoạn.

Như có kiến này: Là đế là trụ, nên ta không có ngã. Biên kiến này thuộc về Đoạn diệt kiến, do Khổ đế đoạn.

Như có kiến này: Ngã quán ngã, nhãn sắc tức là ngã. Đây là Thân kiến do Khổ đế đoạn.

Như có kiến này: Ngã quán không ngã, mắt tức là ngã, sắc là các công cụ. Đây là Thân kiến, do Khổ đế đoạn.

Như có kiến này: Không ngã quán ngã, sắc tức là ngã, mắt là các công cụ. Đây là Thân kiến, do Khổ đế đoạn.

Như có kiến này: Đây là ngã, là chúng sinh, là thọ mạng, sự sinh, người nuôi dạy, con người, ý sinh, nho đồng, kẻ tạo tác, chỉ dạy, người sinh, người cùng sinh, người khởi, người cùng khởi, người nói, người nhận biết. Cùng lãnh nhận, không phải từng không có, không phải sẽ không có, nơi các xứ kia tạo nghiệp thiện ác. Nơi các xứ kia thọ nhận quả báo, bỏ âm này nối tiếp âm khác. Biên kiến này thuộc về Hữu thường kiến, do Khổ đế đoạn.

Như có kiến này: Thọ nhận năm dục vui đẹp, gọi là được Niết-bàn của hiện pháp thứ nhất. Đây là lấy pháp thấp kém cho là thù thắng, thuộc về Trộm kiến (kiến thủ), do Khổ đế đoạn.

Như có kiến này: Là pháp dục ác bất thiện, có giác có quán, ly sinh hỷ lạc, nhập trụ đầy đủ nơi thiền thứ nhất, gọi là đạt Niết-bàn của hiện pháp thứ nhất.

Giác, quán tĩnh lặng, nội cùng tịnh, tánh của tâm một cảnh.

Không giác, quán, định sinh hỷ lạc, nhập trụ đầy đủ nơi thiền thứ hai, gọi là được Niết-bàn của hiện pháp thứ nhất.

Lìa hỷ, trụ xả, chánh niệm chánh tri, thân thọ an lạc bậc Thánh, gọi là có thể xả, đủ niệm lạc trụ, nhập trụ đầy đủ nơi thiền thứ ba, gọi là đạt Niết-bàn của hiện pháp thứ nhất.

Đoạn vui, dứt khổ, trước hết là hỷ, ưu mất hẳn, không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh, nhập trụ đầy đủ nơi thiền thứ tư, gọi là đạt Niết-bàn của hiện pháp thứ nhất. Đây là lấy pháp thấp kém cho là thù thắng, thuộc về kiến thủ, do Khổ để đoạn.

Có chín loại mạn: Tức ta hơn, ta bằng, ta kém. Có người hơn ta, có người bằng ta, có người kém ta. Không ai hơn ta, không ai bằng ta, không ai kém ta.

Ta hơn: Là dựa vào kiến, khởi quá mạn.

Ta bằng: Là dựa vào kiến, khởi mạn.

Ta kém: Là dựa vào kiến, khởi ty mạn.

Có kẻ hơn ta: Là dựa vào kiến, khởi ty mạn.

Có kẻ bằng ta: Là dựa vào kiến, khởi mạn.

Có kẻ kém ta: Là dựa vào kiến, khởi quá mạn.

Không ai hơn ta: Là dựa vào kiến, khởi mạn

Không ai bằng ta: Là dựa vào kiến, khởi quá mạn.

Không ai kém ta: Là dựa vào kiến, khởi ty mạn.

Như có kiến này: Gió không thổi, sông không trôi, lửa không cháy, sữa không chảy ra, thai không mang, mặt trời mặt trăng không mọc, không lặn, trụ nơi tự tánh nhiệm tịnh, không tăng không giảm. Đây là Biên kiến thuộc về Hữu thường kiến, do Khổ đế đoạn.

Như trong Khế kinh nói:

Chúng sinh chấp ngã tạo
 Chấp người tạo cũng vậy
 Điều không thể như thật
 Quán biết là mũi tên.

Hỏi: Lời này có ý nghĩa gì?

Đáp: Chúng sinh là chỉ cho ngoại đạo. Ngoại đạo kia tạo ra chấp này: “Ngã có thể tạo tác, ngã có thể sinh, ngã có thể biến hóa”, nên nói: “Chúng sinh chấp ngã tạo”.

Lại có ngoại đạo chấp cho người khác có thể tạo, người khác có thể sinh, có thể biến hóa, nên nói: “Chấp người tạo cũng vậy”. Tức đều cho mỗi mỗi không phải là tất cả mũi tên: Nghĩa là ác kiến có thể bị trúng thương, nên kẻ kia đối với kiến này không thể quán biết như thật về mũi tên ấy.

*Nên quán mũi tên này
 Chúng sinh chấp trước chặt
 Như thế tức không có
 Ta tạo, người khác tạo.*

Nên quán mũi tên này: Là nên quán biết như thật về kiến ấy đúng là mũi tên độc, nó là sự dẫn đường đi trước cho già, bệnh, chết.

Chúng sinh chấp trước chặt: Chúng sinh là chỉ cho ngoại đạo, ở trong cõi kiến đã chấp trước sâu dày, không thể xuất ly. Nếu có thể

quán biết đúng như thật như thế tức không còn chấp có ngã tạo tác, có ngã sinh, ngã biến hóa, cũng không còn chấp có người khác tạo tác, người khác sinh, biến hóa, do nhận biết đối với không phải có, vọng chấp là có:

*Chúng sinh đủ mạn
Mạn chấp mạn buộc
Nơi kiến trái nhau
Không vượt sinh tử.*

Đủ mạn: Là làm rõ việc tạo thành bảy mạn. Chúng sinh: Nghĩa là ngoại đạo. Họ đối với bảy mạn đã chấp, chấp trước nhiều, vương mắc khắp, nên nói là “Mạn chấp”. Trói buộc, trói buộc nhiều, trói buộc khắp, nên nói là “Mạn buộc”.

Nơi kiến trái nhau: Là loại đoạn kiến, thường kiến hỗ tương trái nhau.

Không vượt sinh tử: Là các ngoại đạo kia đối với nẻo sinh tử không bờ bến, không thể vượt qua để đạt đến Niết-bàn.

*Được, sẽ được, cùng hợp
Học, kém, giới, cấm, gọi
Phạm, khổ, sự, một biên
Thọ dục tịnh, thứ hai
Không thấy, tội chìm, chạy
Mắt sáng thấy, nên khác
Đối kia không bụi, mạn
Dứt đường đến bờ khổ.*

Được: Là chỉ rõ đã được các âm (uân), trì (giới), nhập (xứ).

Sẽ được: Là hiển bày việc chưa được các thứ ấy.

Cùng hợp: Là hai thứ ấy cùng làm tham, sân, si, là phiền não cấu uế tụ hợp, tụ hợp khắp, tụ hợp tội cùng.

Kém: Có hai nghĩa: Chỉ cho bệnh và chỉ cho ngoại đạo. Nay nói ngoại đạo là kẻ thua kém, vì họ ở đây là theo học nên gọi là học kém. Họ nói thế này: Các chúng sinh học cỡi voi, ngựa, chèo thuyền, lái xe, khiêng kiệu, cầm giữ cung, gậy, móc sắt, bánh xe, lụa là, in ấn, sách vở, toán số, đều khiến thiện xảo v.v..., do đấy nên được tịnh thoát, xuất ly khỏi biên vực tận cùng của khổ vui. Đây là không phải nhân chấp là nhân, thuộc Giới cấm thủ do kiến khổ đoạn.

Giới: Là có các ngoại đạo khởi kiến chấp này, lập luận này: Các chúng sinh thọ giữ các thứ giới của bò, nai, chó, lữa hình v.v..., do đấy nên được tịnh thoát, xuất ly khỏi biên vực tận cùng của khổ vui. Đây là không phải nhân chấp là nhân, thuộc Giới cấm thủ do kiến khổ đoạn.

Cấm: Là có các ngoại đạo khởi kiến chấp này, lập luận này: Các chúng sinh thọ giữ sự ngăn cấm của các loài chim, sự ngăn cấm phải yên lặng v.v..., do đấy nên được tịnh thoát, xuất ly khỏi biên vực tận cùng của khổ vui. Đây là không phải nhân chấp là nhân, thuộc Giới cấm thủ do kiến khổ đoạn.

Gội: Là có các ngoại đạo khởi kiến chấp này, lập luận này: Các chúng sinh ở nơi ba ao lớn như Ma-nại-bà v.v... là cửa ngõ của sông Hằng tắm gội, do đấy nên được tịnh thoát, xuất ly khỏi biên vực tận cùng của khổ vui. Đây là không phải nhân chấp là nhân, thuộc Giới cấm thủ do kiến khổ đoạn.

Phạm: Là phạm hạnh. Có các ngoại đạo khởi kiến chấp này, lập luận này: Các chúng sinh thọ giữ phạm hạnh, xa lìa dâm dục, do đấy nên được tịnh thoát, xuất ly khỏi biên vực tận cùng của khổ vui. Đây là không phải nhân chấp là nhân, thuộc Giới cấm thủ do kiến khổ đoạn.

Khổ: Là khổ hạnh. Có các ngoại đạo khởi kiến chấp này, lập luận này: Các chúng sinh thọ nhận đủ các thứ khổ hạnh, do đấy nên

được tịnh thoát, xuất ly khỏi biên vực tận cùng của khổ vui. Đó là không phải nhân chấp là nhân, thuộc Giới cấm thủ do kiến khổ đoạn.

Sự: Là thừa sự. Có các ngoại đạo khởi kiến chấp này, lập luận này: Các chúng sinh điều phục các loại voi, ngựa, bò, thò mặt trời mặt trăng tinh tú, lửa v.v..., do đầy nên được tịnh thoát, xuất ly khỏi biên vực tận cùng của khổ vui. Đây là không phải nhân chấp là nhân, thuộc Giới cấm thủ do kiến khổ đoạn.

Một biên: Là biên khổ hạnh như trên đã nói.

Thọ dục tịnh: Là có các ngoại đạo khởi kiến chấp này, lập luận này: Các dục tịnh tinh đẹp, vừa ý thọ dụng, không có lỗi lầm. Đây là lấy pháp thấp kém làm thù thắng, là Kiến thủ do kiến khổ đoạn.

Thứ hai: Tức ở đây nói đến một biên của lạc hạnh.

Không thấy: Là các ngoại đạo đối với hai biên trên, không thấy đúng như thật.

Tột chìm, chạy: Là các ngoại đạo kia, do không thấy, nên một loại khởi ái gọi là tột cùng chìm, một loại khởi kiến gọi là tột cùng chạy. Lại nữa, một loại lười biếng nên gọi là tột cùng chìm, một loại trạo cử gọi là tột cùng chạy. Lại nữa, một loại khởi mạn nên gọi là tột cùng chìm, một loại khởi quá mạn nên gọi là tột cùng chạy.

Mắt sáng trông thấy: Mắt sáng: Là Phật và đệ tử của Phật. Thấy: Là nơi hai biên đã nói ở trên, thấy biết đúng như thật.

Có thể khác: Là do thấy biết đúng như thật, nên không đồng với sự chìm, chạy tột cùng của ngoại đạo kia, do đã có thể không dấy khởi ái, kiến.

Đối kia không có bụi: Nghĩa là đối với ám (uẩn), nhập (xú), tri (giới) đã được, chưa được, không khởi các thứ bụi bặm tham, sân, si.

Đối kia không có mạn: Nghĩa là đối với hai biên, tuy cùng xa lìa, nhưng tâm không hề dựa cậy.

Dứt đường: Nếu có thể hành như thế, tức dứt tuyệt ba con đường là phiền não, nghiệp, khổ.

Đến biên vực tận cùng của khổ: Khổ tức là khổ của Năm thủ ảm. Biên vực tận cùng nghĩa là Niết-bàn. Nếu dứt tuyệt ba đường, nên đạt tới biên vực tận cùng của ảm khổ ấy.

Chú ý: Đoạn luận từ (*) tới cuối phẩm này đã dựa hẳn theo bản Hán dịch của Pháp sư Huyền Tráng để dịch (N⁰ 1544/20). Vì bản Hán dịch N⁰ 1543/30 vẫn rất khó đọc, khó hiểu.

Phẩm 6: BÀN VỀ KỆ

* *Tụng nêu chung:*

Thấy, phạm, phụ hơn, lưới

Xe vốn tin lưu chuyển

Mẫu vương tuệ thoát căn

Chương này xin nói đủ.

Đã thấy nên thấy biết

Đã thấy và không thấy

Người không thấy, không thấy

Không thấy và đã thấy.

Đã thấy: Nghĩa là những người đã thấy về khổ, tập, diệt, đạo.

Có thể thấy, Đã thấy và không thấy: Nghĩa là những người kia có thể thấy, các kẻ khác đã thấy cùng không thấy về khổ, tập, diệt, đạo.

Người không thấy: Nghĩa là những kẻ không thấy về khổ, tập, diệt, đạo.

Không thấy, không thấy và đã thấy: Nghĩa là những người kia không thấy, các kẻ khác không thấy và đã thấy về khổ, tập, diệt, đạo.

*Không nên hại Phạm chí
 Cũng lại không nên bỏ
 Nếu hại họ hoặc bỏ
 Người trí đời đều chê.*

Không nên hại Phạm chí: Phạm chí tức là A-la-hán. Nghĩa là không nên dùng tay, hòn đất đá, dao, gậy để hại A-la-hán.

Cũng lại không nên bỏ: Nghĩa là đối với A-la-hán nên dùng y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang và các vật dụng cần thiết cho cho đời sống khác, cung kính cúng dường, không nên liả bỏ.

Nếu hại họ hoặc bỏ, Người trí đời đều chê: Nghĩa là đối với A-la-hán nếu dùng tay, đất, đá v.v... để hại, hoặc lại còn từ bỏ không cung kính cúng dường, đều bị các người trí của thế gian chê trách quả mắng.

*Nghịch hại nơi cha mẹ
 Vua cùng hai đũa vắn
 Diệt nước và tùy hành
 Vô ngại quá Phạm chí.*

Nghịch hại nơi cha mẹ, Vua cùng hai đũa vắn: Mẹ tức dụ cho ái, do có thể sinh. Như Đức Thế Tôn nói:

*Sĩ phu do ái sinh
 Do tâm nên dong ruồi
 Hữu tình ở sinh tử
 Khổ là sợ hãi lớn.*

Cha tức dụ cho nghiệp hữu lậu, do có thể dẫn dắt. Như Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô! Hữu tình như thế tạo hữu lậu thiện, nghiệp do tu thành, được sinh ở cõi kia, vì thọ dị thực của quả, nên Ta nói hữu tình kia theo nghiệp mà hành”.

Vua tức dụ cho hữu, thủ, thức. Như Đức Thế Tôn nói:

*Vua, tặng thượng thứ sáu
Nhiễm, khi nhiễm tự chọn
Không nhiễm mà có nhiễm
Người nhiễm gọi kẻ ngu.*

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô nên biết! Ta nói về chủ thành, tức hữu, thủ, thức”.

Hai đa văn tức dụ cho kiến thủ, giới cầm thủ. Như cúng tế, tĩnh lặng, hai người đa văn ở trong bụi bặm cấu uế cùng tạo mọi thứ hý luận.

Hai thủ như thế, đối với pháp hữu lậu, chấp cho là hơn hết, là bậc nhất. Hoặc lại cho là tịnh thoát, xuất ly. Trừ bỏ thức thủ của nghiệp ái, vĩnh viễn đoạn trừ, nên gọi là *ngịch hại*.

Cõi nước dụ cho phiền não. *Tùy hành* dụ cho tâm, tứ tương ưng với thức thủ kia.

Tru diệt nghĩa là giết hết, tức từ bỏ, vĩnh viễn đoạn trừ phiền não tâm tứ, nên gọi là tru diệt.

Vô ngại, ngại có ba thứ, là tham, sân, si. A-la-hán kia đối với ba thứ này đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp, nên gọi là vô ngại.

Quá nghĩa là ra khỏi. A-la-hán kia vì vô ngại nên vượt ra ngoài ba cõi, vì đoạn trừ vĩnh viễn pháp ác nên gọi là *Phạm chí*. Như Đức Thế Tôn nói:

*Phật hằng trụ chánh niệm
Du hóa nơi thế gian
Diệt pháp ác, hết kiết
Nên gọi là Phạm chí.*

*Nghịch hại nơi cha mẹ
Vua cùng hai đa văn
Trừ cạo, oán thứ năm
Người ấy gọi thanh tịnh.*

Ở đây nghĩa của hai câu trên, như trước đã nói.

Cọp dụ cho triền sân, như bầm tánh của cọp là bạo ác, hung dữ, ăn uống máu, thịt. Triền sân cũng như vậy, bạo ác, hung hiểm, diệt các căn thiện.

Oán thứ năm dụ cho cái thứ năm trong năm cái, hoặc dụ cho kiết thứ năm trong năm kiết thuận phần dưới. Do dứt bỏ, đoạn trừ vĩnh viễn, nên nói là trừ. Do người này đã vĩnh viễn đoạn trừ tham, sân, si nên nói là thanh tịnh.

*Thắng rồi không còn thắng
Đã thắng, không chón tùy
Nẻo hành Phật vô biên
Không dẫu do đâu đến.*

Thắng rồi: Nghĩa là các phiền não đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp. Sự thắng kia có thắng lại, có không thắng lại.

Ai thắng lại? Nghĩa là đã đoạn trừ phiền não, về sau trở lại thoái chuyển. Ai không thắng lại? Nghĩa là đã đoạn trừ phiền não, không còn thoái chuyển nữa.

Người không thắng lại là phân biệt chỗ khác với kẻ thắng lại.

Đã thắng, không chón tùy: Nghĩa là nếu phiền não chưa đoạn trừ, chưa nhận biết khắp, tức tùy theo ba cõi, lưu chuyển tuần hoàn. Các phiền não đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp, nên không còn nơi chón tùy thuộc.

Nẻo hành Phật vô biên: Nghĩa là Đức Phật, Thế Tôn trí kiến vô học, giác ngộ sáng tỏ, tuệ soi hiện quán, khởi đạt thành tựu nên gọi là Phật.

Bốn niệm trụ gọi là nẻo hành hóa của Phật. Vì hành tướng nơi đối tượng duyên của bốn niệm trụ này đều là không biên vực nên gọi là vô biên.

Không dẫu do đâu đến: Dấu vết: Nghĩa là dấu chân, tức dụ cho phiền não. Nếu các phiền não chưa đoạn trừ, chưa nhận biết khắp, nên các chúng sinh kia phải đi đến những nẻo ác nơi ba cõi. Các phiền não đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp, nên không còn do đâu đi đến.

*Các lưới không thể giăng
Ái không chỗ nào dẫn
Nẻo hành Phật vô biên
Không dẫu do đâu đến?*

Các lưới không thể giăng: Lưới tức dụ cho ái. Như Đức Thế Tôn nói: “Ta nói lưới ái bủa giăng khắp rừng núi, ao hồ. Nếu ái chưa đoạn trừ, chưa nhận biết khắp, thì có thể giăng mắc lưới hiện bày khắp cả ba cõi. Do đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp nên không thể giăng bày”.

Ái không chỗ nào dẫn: Nghĩa là nếu ái chưa đoạn trừ, chưa nhận biết khắp, tức có thể dẫn đến ba cõi. Do đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp, nên không nơi chốn để dẫn đến.

Hai câu sau nơi tụng, nghĩa như trước đã nói.

*Xe đã hư, đứt dây
Chảy rớt và tùy hành
Vượt qua hào, thế gian
Chỉ Phật xưng Phạm chí.*

Xe đã hư, đứt dây, Chảy rớt và tùy hành: Xe dụ cho ngã mạn, dây tức dụ cho ái. Như xe chuyên chở các vật do xe nên cao, do dây buộc giữ, nên đi xa mới đến nơi. Hữu tình cũng vậy, do mạn nên cao, do ái buộc gìn nên lưu chuyển nơi sinh tử.

Chảy rớt tức dụ cho tất cả phiền não. *Tùy hành* dụ cho tâm, tứ tương ưng với phiền não kia. Đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp mạn, ái, phiền não cùng tâm, tứ tương ưng, nên gọi là đã đoạn hoại.

Vượt qua hào: Hào dụ cho vô minh. Đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp nên gọi là vượt qua. Như Đức Thế Tôn nói: “Ngang tới đâu được gọi là đã vượt qua hào? Nghĩa là đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp về vô minh”.

Thế gian, Chỉ Phật xưng Phạm chí: Phật và Phạm chí nghĩa như trước đã giải thích. Nơi các thế gian, chỉ Đức Phật được xưng là Phạm chí chân thật, là bậc Vô Thượng Giác, mới có thể vĩnh viễn diệt trừ các pháp ác.

*Một gốc, hai dòng xoáy
Ba cầu, năm lưu chuyển
Biển lớn, mười hai, hiểm
Mâu-ni đều đã vượt.*

Một gốc: Là dụ cho vô minh, là căn bản của sinh tử, như Đức Thế Tôn nói:

*Các nẻo ác hiện có
Đời này và đời sau
Đều vô minh làm gốc
Dục tham cùng hỗ trợ.*

Hai dòng xoáy: Là dụ cho danh sắc, vì hữu tình ở trong đó khó có thể ra khỏi.

Ba cầu: Là cầu uế của tham, sân, si.

Năm lưu chuyển: Là dụ cho năm nẻo (thú), hữu tình ở trong ấy luôn lưu chuyển.

Biển lớn: Là dụ cho sáu nội xứ.

Mười hai: Là mười hai tướng, dụ cho sáu nội xứ và sáu ngoại xứ.

Hiểm: Là hàm hồ hiểm trở dụ cho các phiền não.

Mâu-ni đều đã vượt: Mâu ni có hai là học và vô học. Học là đang vượt qua hầm hố phiền não hiểm trở kia. Vô học là đã vượt qua hầm hố phiền não hiểm trở đó.

*Không tin, không biết ân
Đoạn kín, không xử dụng
Luôn hy vọng, biến đổi
Là trượng phu tối thượng.*

Không tin: Là A-la-hán đối với Tam bảo, bốn đế, đều tự chứng biết, không phải tin nơi lời người khác nói.

Không biết ân: Ân nghĩa là hữu vi, vì có tác dụng, Niết-bàn gọi là *phi ân*. Các A-la-hán có trí kiến thù thắng, nhận biết về *phi ân*, nên gọi là không biết ân.

Đoạn kín: Kín nghĩa là nối tiếp. Sự nối tiếp này có hai thứ: 1. Sự nối tiếp của cõi Dục, cõi Sắc. 2. Sự nối tiếp của cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Do A-la-hán đã lia sự nối tiếp này, nên gọi là đoạn kín.

Không xử dụng: Nghĩa là A-la-hán đã lia sự nối tiếp, nên ở trong ba cõi không dung nạp xử sinh.

Luôn hy vọng, biến đổi: Hy vọng có hai: 1. Hy vọng về của cải, địa vị. 2. Hy vọng về thọ mạng.

A-la-hán kia đối với hai thứ này, vì đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp, nên gọi là biến đổi, tức là nghĩa luôn hy vọng dứt bỏ.

Là trượng phu tối thượng: Nghĩa là vì A-la-hán đã đạt được công đức tối thượng, tối thắng bậc nhất đã nói ở trên, nên trong hàng trượng phu gọi là tối thượng, tối thắng bậc nhất.

*Ba mươi sáu dòng chảy
Ý đã dẫn, tặng thịnh*

*Kẻ ác kiến, nhân ngư
Phân biệt chấp chỗ dựa.*

Ba mươi sáu dòng chảy: Dụ cho ba mươi sáu hành ái.

Ý đã dẫn: Tức là ý tập, ý đã sinh khởi, là chủng loại của ý.

Tăng thịnh: Là phẩm thượng, mạnh, nhanh, đầy đủ.

Kẻ ác kiến: Nghĩa là các ngoại đạo. Họ đã nhân theo đây đi đến Nại-lạc-ca, bàng sinh, quỷ giới, nên gọi là *Nhân ngư* (Nhân theo đây).

Phân biệt: Nghĩa là ba thứ phân biệt: 1. Phân biệt của dục. 2. Phân biệt của sân. 3. Phân biệt của hại.

Chấp chỗ dựa: Chấp nghĩa là tham dục, giận dữ, ngu si. Ở đây đã dựa vào kia để khởi, nên gọi là chỗ dựa.

*Bỏ hành ác thân
Và hành ác miệng
Bỏ hành ác ý
Cùng lỗi lầm khác.*

Bỏ hành ác thân: Là đoạn trừ ba hành ác của thân.

Và hành ác miệng: Là đoạn trừ bốn hành ác của miệng.

Bỏ hành ác ý: Là đoạn trừ ba hành ác của ý.

Cùng lỗi lầm khác: Là đoạn trừ các lỗi lầm khác nơi mười thứ hành ác trước.

*Ông đối điều thấy, nghe
Chỉ có điều thấy, nghe
Cùng những gì hiểu, biết
Chỉ có điều hiểu, biết.
Do vì ông chỉ có
Không đây, kia, gần, xa*

*Cũng không hai trung gian
Nên đến biên vực khổ.*

Hai tụng như thế là hiển bày lại trong kinh: Phật bảo Đại mầu! Ông đối với chỗ thấy, chỉ có chỗ đã thấy. Ông đối với chỗ nghe, chỉ có chỗ đã nghe. Ông đối với chỗ hiểu, chỉ có chỗ đã hiểu. Ông đối với chỗ biết, chỉ có chỗ đã biết.

Do ông chỉ có chỗ đã thấy, nghe v.v... nên ông không có sự thấy nghe đây. Do ông không có sự thấy nghe đây, nên ông không có sự thấy nghe kia. Do ông không có sự thấy nghe kia, nên ông không có gần, không có xa, không có hai trung gian. Vì nhân duyên ấy nên đã đến được biên vực của khổ.

Ở đây, nhãn thức đã lãnh thọ, phân biệt nhận biết nên gọi là chỗ thấy. Có kẻ đối với chỗ thấy, chỉ có chỗ thấy. Có kẻ đối với chỗ thấy, không phải chỉ có chỗ thấy. Ai đối với chỗ thấy, chỉ có chỗ thấy? Nghĩa là đối với nhãn thức đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, không dấy khởi phiền não. Ai đối với chỗ thấy không phải chỉ có chỗ thấy? Nghĩa là đối với nhãn thức đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, đã dấy khởi các phiền não.

Nhĩ thức đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, gọi là chỗ nghe. Có kẻ đối với chỗ nghe, chỉ có chỗ nghe. Có kẻ đối với chỗ nghe, không phải chỉ có chỗ nghe. Ai đối với chỗ nghe, chỉ có chỗ nghe? Nghĩa là đối với nhĩ thức, đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, không dấy khởi phiền não. Ai đối với chỗ nghe, không phải chỉ có chỗ nghe? Nghĩa là đối với nhĩ thức đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, đã dấy khởi các phiền não.

Ba thức tỷ, thiệt, thân đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, gọi là chỗ hiểu. Có kẻ đối với chỗ hiểu, chỉ có chỗ hiểu. Có kẻ đối với chỗ hiểu, không phải chỉ có chỗ hiểu. Ai đối với chỗ hiểu, chỉ có chỗ hiểu? Nghĩa là đối với ba thức đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, không

dậy khởi phiền não. Ai đối với chỗ hiểu, không phải chỉ có chỗ hiểu? Nghĩa là đối với ba thức đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, đã dấy khởi các phiền não.

Ý thức đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, gọi là chỗ nhận biết. Có kẻ đối với chỗ nhận biết, chỉ có chỗ nhận biết. Có kẻ đối với chỗ nhận biết, không phải chỉ có chỗ nhận biết. Ai đối với chỗ nhận biết, chỉ có chỗ nhận biết? Nghĩa là đối với ý thức đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, không dấy khởi phiền não. Ai đối với chỗ nhận biết, không phải chỉ có chỗ nhận biết? Nghĩa là đối với ý thức đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, đã dấy khởi các phiền não.

Do Đại mẫu kia đối với chỗ thấy, nghe, hiểu, biết, chỉ có chỗ thấy, nghe, hiểu, biết, không khởi phiền não, nên không có lỗi làm này: Nghĩa là không khởi tâm mạn, tâm kiêu ngạo, tâm đề cao, ưa thích mạnh mẽ. Do vì Đại mẫu không có các tâm này, nên đã không có lỗi làm kia: Tức là không khởi tham, sân, si. Do Đại mẫu không có tham, sân, si kia, nên không có gần, không có xa, không có hai trung gian, tức đối với cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc đều không có xứ sinh.

Do lý như thế, nên đến biên vực của khổ.

Khổ: Nghĩa là năm thủ ám. Biên vực của khổ ấy: Tức là từ bỏ tất cả chỗ nương dựa, ái hết, nhiễm lìa, là Niết-bàn vĩnh viễn tịch diệt.

Y-nê và Mê-nê

Đạt-phô, Đạt-điệp-phô

Chớ mong, nên mừng, lặng

Lìa khắp đến biên khổ.

Một tụng như thế, hiển bày lại trong kinh: Đức Phật đã vì hai vị vua Hộ thế, dùng ngôn ngữ Miệt-lệ-xa để nói về bốn Thánh đế v.v..., khiến họ liền lãnh hội: *Y-nê*: Hiển bày về khổ Thánh đế. *Mê-nê*: Hiển

bày về tập Thánh đế. *Đạt-phô*: Hiện bày về diệt Thánh đế. *Đạt-điệp-phô*: Hiện bày về đạo Thánh đế.

Chớ mong: Là khuyên hai vị kia chớ mong cầu nơi ba cõi.

Nên mừng: Là khuyên hai vua kia: Nếu đã nghe Phật chứng pháp Bồ-đề, là Tăng khéo giảng nói về tu hành diệu: Sắc là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Khéo thiết lập khổ đế, khéo thiết lập tập, diệt, đạo đế, nên sinh vui mừng.

Nên tĩnh lặng: Tức khuyên hai vua kia: Nếu khi khởi tham, sân, si, nên tĩnh lặng cùng tĩnh lặng, tĩnh lặng tột bực.

Nên lià khắp: Tức khuyên hai vua kia: Tâm nên lià đối với các cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Đến biên khổ: Nghĩa là nếu hai vua kia có khả năng như thế, tức đến được biên vực của khổ. Nói biên vực của khổ, nghĩa như trước đã nêu bày.

Biết thân như bọt tu
Cũng hiểu đồng dạn nắng
Đoạn ma hoa, tiểu hoa
Không thấy vua chết khiên.

Biết thân như bọt tu: Nghĩa là biết như thật về thân như bọt tu, không có lực, trống rỗng, yếu kém, không thể giữ lấy.

Cũng biết đồng dạn nắng (Dương diệm): Nghĩa là biết như thật về thân đồng với dạn nắng, nhân nơi nhiệt não sinh, luôn dòi dỏi, trôi chảy không dừng.

Đoạn ma hoa, tiểu hoa: Ma có bốn thứ: Là ma phiền não, ma ám, ma chết, ma Tụ tại thiên.

Nên biết, ở đây nói ma phiền não do kiến đạo đoạn nên gọi là ma hoa, do tu đạo đoạn gọi là tiểu hoa.

Từ bỏ bốn ma kia, vĩnh viễn dứt trừ, gọi là đoạn.

Không thấy vua chết khiến: Vô thường có thể hủy diệt gọi là vua chết. Già, bệnh theo đuổi bức bách gọi là vua chết sai khiến.

*Quán trụ, biết gần xa
Nên mừng các nghiệp không
Biết đời có hưng suy
Tâm thiện, giải thoát khắp.*

Quán trụ: Nghĩa là nên quán xét. Trụ có ba thứ: 1. Không. 2. Vô nguyện. 3. Vô tướng.

Biết gần, xa: Biết, nghĩa là tuệ nhận biết, thông sáng, thuận hợp. Đối với cảnh trong, ngoài, nên sinh khởi thích đáng.

Nên mừng: Nghĩa là nếu nghe nói Phật đã chứng pháp Bồ-đề, là Tăng khéo giảng nói về tu hành diệu: Sắc là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Khéo thiết lập khổ đế, khéo thiết lập tập đế, diệt đế, đạo đế, nên sinh vui mừng.

Các nghiệp không: Nghĩa là không tạo thành để có thể chiêu cảm nghiệp thân, miệng, ý của đời sau.

Biết đời có hưng suy: Biết nghĩa là thấu đạt. Đời nghĩa là năm thú âm. Hưng suy nghĩa là sinh, diệt. Tức là nghĩa tùy thuận quán về năm âm hữu lậu, có đầy khởi, cùng tận.

Tâm thiện: Nghĩa là tâm quyết định lựa chọn, tâm thiện xảo, tâm thuận hợp.

Giải thoát khắp: Nghĩa là ở các nẻo, các hữu, các sinh, đã giải thoát, giải thoát khắp, giải thoát tận cùng.

*Tuy thoát nhưng lại đọa
Ham ăn nên trở lại
Được an vẫn ưa vui
Nhân vui đến chốn vui.*

Tuy thoát: Tức các ngoại đạo tuy thoát nơi cõi Dục, nhưng lại đọa: Nghĩa là ngoại đạo kia vẫn còn bị đọa, sinh nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc và rơi vào sự tham thọ sinh nơi cõi kia.

Ham ăn nên trở lại: Nghĩa là ngoại đạo kia đối với năm kiết thuận phần dưới tuy đã đoạn trừ phần ít, nhưng vì còn nhiều kiết khác, nên về sau tất khởi tham, sinh trở lại cõi Dục.

Được an: An nghĩa là cảnh giới Niết-bàn hữu dư y. Các A-la-hán kia đã chứng nên gọi là đắc.

Vấn ưa vui: Vui nghĩa là cảnh giới Niết-bàn vô dư y. Các A-la-hán kia vì luôn ưa thích mến mộ nên gọi là ưa.

Nhân vui đến chốn vui: Nghĩa là nhân nơi đạo an lạc đạt đến Niết-bàn an lạc.

*Không rẫy nơi cõi đất
Không lá cũng không cành
Người dùng mảnh cõi buộ
Ai đâu lại hủy báng?*

Rẫy: Dụ cho thức của hữu, thủ. *Cõi đất:* Dụ cho bốn thức trụ. Như Đức Thế Tôn nói: “Năm hạt giống là chỉ rõ về hữu, thủ, thức, cõi đất hiển bày về bốn thức trụ”.

Lá: Dụ cho ngã mạn. Như Đức Thế Tôn nói: “Thế nào là đốt lá? Nghĩa là ngã mạn đã đoạn, đã nhận biết khắp”. *Cành:* Dụ cho ái. Như Đức Thế Tôn nói:

*Năm điều sắc trong cung
Nếu có cành ái sinh
Mâu-ni thấy ái sinh
Dùng tuệ chóng trừ đoạn.*

Các A-la-hán ở trong bốn thức trụ, không có thức của hữu thủ dẫn dắt để có đời sau. Không có mạn, không có ái, nên nói là *Không rẫy nơi cõi đất, Không lá cũng không cành.*

Người dững mãnh: Nghĩa là A-la-hán kia đã thành tựu, nên có thể thành pháp dững mãnh, tức cũng gọi là dững mãnh.

Cởi buộc: Buộc có ba thứ: Nghĩa là tham, sân, si. A-la-hán kia đối với sự trói buộc này đã giải thoát, giải thoát khắp, giải thoát tận cùng.

Ai đâu lại hủy báng: Nghĩa là loại hữu tình như thế chỉ nên khen ngợi, không nên hủy báng. Nếu tạo sự hủy báng sẽ mắc phải vô biên tội, vì làm tổn hại đến phước điền chân thật của thế gian. Như Đức Thế Tôn đã nói:

*Nếu nên chê mà khen
Cùng nên khen mà chê
Miệng kia góp tai họa
Tất không thọ an lạc.*

HẾT - QUYỂN 30

SỐ 1544/20
LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

*Tác giả: Tôn giả Ca Đa Diễn Ni Tử.
Hán dịch: Đồi Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng.
Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

QUYỂN 1

Chương 1: TẬP UẨN

Phẩm 1: PHÁP THỂ ĐỆ NHẤT

Tụng nêu chung:

*Pháp thể đệ nhất bầy
Đảnh hai, noãn, thân kiến
Mười một kiến gồm đoạn
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Thế nào là Pháp thể đệ nhất?

Đáp: Nếu tâm, tâm sở pháp là đấng vô gián, nhập chánh tánh ly sinh, đó gọi là Pháp thể đệ nhất.

Có thuyết nói: Nếu năm căn là đấng vô gián, nhập chánh tánh ly sinh, đó gọi là Pháp thể đệ nhất. Ở trong nghĩa này, nếu tâm, tâm sở pháp là đấng vô gián, nhập chánh tánh ly sinh, đó gọi là Pháp thể đệ nhất.

Hỏi: Do đâu gọi là Pháp thể đệ nhất?

Đáp: Do tâm, tâm sở pháp như thế, đối với pháp thể gian khác, là tối thắng, là lớn, là tôn quý, là thượng, là diệu, nên gọi là Pháp thể đệ nhất.

Lại nữa, do tâm, tâm sở pháp như thế, là đẳng vô gián, bỏ tánh phàm phu được tánh Thánh, bỏ tánh tà được tánh chánh, có thể nhập chánh tánh ly sinh, nên gọi là Pháp thể đệ nhất.

Hỏi: Pháp thể đệ nhất nên nói là hệ thuộc nơi cõi Dục, hệ thuộc nơi cõi Sắc, hay hệ thuộc nơi cõi Vô sắc?

Đáp: Nên nói hệ thuộc nơi cõi Sắc.

Vì sao pháp này không nên nói là hệ thuộc nơi cõi Dục? Do không phải dùng đạo nơi cõi Dục để có thể đoạn trừ cái (những thứ ngăn che), ngăn chặn triền (những thứ trói buộc), khiến cho triền nơi cõi Dục không còn hiện khởi, mà là do đạo nơi cõi Sắc có thể đoạn trừ cái, ngăn chặn triền, khiến triền nơi cõi Dục không còn hiện khởi. Nếu dùng đạo nơi cõi Dục để có thể đoạn trừ cái, ngăn chặn triền, thì hiện nay triền nơi cõi Dục không còn hiện khởi, như vậy Pháp thể đệ nhất nên nói hệ thuộc nơi cõi Dục. Nhưng không phải do đạo nơi cõi Dục có thể đoạn trừ cái, ngăn chặn triền, khiến triền nơi cõi Dục không còn hiện khởi, mà là do đạo nơi cõi Sắc có khả năng đoạn trừ cái, ngăn chặn triền, khiến triền nơi cõi Dục không còn hiện khởi, thế nên Pháp thể đệ nhất không nên nói hệ thuộc nơi cõi Dục.

Vì sao pháp này không nên nói là hệ thuộc nơi cõi Vô sắc? Do nhập chánh tánh ly sinh, trước là hiện quán về khổ của cõi Dục là khổ, sau hợp hiện quán về khổ của cõi Sắc, Vô sắc là khổ. Thánh đạo khởi, trước là biện minh về sự của cõi Dục, sau hợp biện minh về sự của cõi Sắc, Vô sắc. Nếu nhập chánh tánh ly sinh, trước là hiện quán về khổ của cõi Vô sắc là khổ, sau hợp hiện quán về khổ của cõi Dục, cõi Sắc là khổ. Thánh đạo khởi, trước là biện minh về sự

của cõi Vô sắc, sau hợp biện minh về sự của cõi Dục, cõi Sắc, như vậy Pháp thế đệ nhất nên nói hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. Nhưng nhập chánh tánh ly sinh, trước là hiện quán về khổ của cõi Dục là khổ, sau hợp hiện quán về khổ của cõi Sắc, Vô sắc là khổ. Thánh đạo khởi, trước là biện minh về sự của cõi Dục, sau hợp biện minh về sự của cõi Sắc, Vô sắc, thế nên Pháp thế đệ nhất không nên nói hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

Lại nữa, nhập định vô sắc là trừ bỏ tưởng sắc, nhưng không phải loại trừ tưởng sắc để có thể nhận biết cõi Dục, hoặc duyên nơi pháp này khởi khổ pháp trí nhãn, tức duyên nơi pháp này khởi Pháp thế đệ nhất.

Hỏi: Pháp thế đệ nhất nên nói là có tâm có tứ, không tâm chỉ có tứ, hay không tâm không tứ?

Đáp: Nên nói là hoặc có tâm có tứ, hoặc không tâm chỉ có tứ, hoặc không tâm không tứ.

Thế nào là có tâm có tứ? *Đáp:* Nếu dựa vào Tam-ma-địa có tâm, có tứ, nhập chánh tánh ly sinh, thì Hành giả kia đạt được Pháp thế đệ nhất.

Thế nào là không tâm chỉ có tứ? *Đáp:* Nếu dựa vào Tam-ma-địa không tâm, chỉ có tứ, nhập chánh tánh ly sinh, thì Hành giả kia đạt được Pháp thế đệ nhất.

Thế nào là không tâm không tứ? *Đáp:* Nếu dựa vào Tam-ma-địa không tâm, không tứ, nhập chánh tánh ly sinh, thì Hành giả kia đạt được Pháp thế đệ nhất.

Hỏi: Pháp thế đệ nhất nên nói là tương ưng với lạc căn, tương ưng với hỷ căn, hay tương ưng với xả căn?

Đáp: Nên nói là hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ căn, hoặc tương ưng với xả căn.

Thế nào là tương ưng với lạc căn? *Đáp:* Nếu đã dựa vào tĩnh lự thứ ba, nhập chánh tánh ly sinh, thì Hành giả kia đạt được Pháp thế đệ nhất.

Thế nào là tương ưng với hỷ căn? *Đáp:* Nếu đã dựa vào tĩnh lự thứ nhất, thứ hai, nhập chánh tánh ly sinh, thì Hành giả kia đạt được Pháp thế đệ nhất.

Thế nào là tương ưng với xả căn? *Đáp:* Nếu đã dựa vào vị trí nơi tĩnh lự thứ tư, nhập chánh tánh ly sinh, thì Hành giả kia đạt được Pháp thế đệ nhất.

Hỏi: Pháp thế đệ nhất nên nói là một tâm hay là nhiều tâm?

Đáp: Nên nói là một tâm.

Vì sao pháp này không phải là nhiều tâm? Vì tâm, tâm sở pháp này, vô gián không khởi tâm thế gian khác, chỉ khởi tâm xuất thế.

Nếu sẽ khởi tâm thế gian khác là kém, là bằng, hay là hơn? Nếu sẽ khởi là kém, tức không thể nhập chánh tánh ly sinh. Vì sao? Vì không phải do đạo thoái chuyển có thể nhập chánh tánh ly sinh.

Nếu sẽ khởi là bằng, tức cũng không thể nhập chánh tánh ly sinh. Vì sao? Vì trước do dùng loại đạo này không thể nhập chánh tánh ly sinh.

Nếu sẽ khởi là hơn, tức trước không phải là Pháp thế đệ nhất, sau mới là Pháp thế đệ nhất.

Hỏi: Pháp thế đệ nhất nên nói là thoái chuyển hay không thoái chuyển?

Đáp: Nên nói là không thoái chuyển.

Vì sao pháp này quyết định là không thoái chuyển? Vì Pháp thế đệ nhất tùy thuận đế, hướng tới đế, sắp hội nhập đế, trung gian kia đây không chấp nhận được khởi tâm không tương tự, khiến không thể

nhập hiện quán Thánh đế. Ví như có tráng sĩ lội qua sông, vượt qua hang, vượt qua núi, băng qua ven núi, giữa đường không thể quay trở lại, khiến thân tráng sĩ kia trở về chốn cũ, hoặc đi tới xứ khác. Trước đã phát khởi thân tăng thượng, hành chưa tới chỗ cần đến, tất không dừng bỏ. Pháp thế đệ nhất cũng lại như vậy, tùy thuận đế, hướng tới đế, sắp hội nhập đế, trung gian kia đây không chấp nhận được khởi tâm không tương tự, khiến không thể nhập hiện quán Thánh đế.

Như châu Thiệm-bộ có năm sông lớn: 1. Căng-già (sông Hằng). 2. Diệm-mẫu-na. 3. Tát-lạc-du. 4. A-thị-la-phiệt-đề. 5. Mạc-hê. Năm sông như thế thuận theo biển cả, hướng đến biển cả, sắp vào biển cả, trung gian không thể xoay chuyển, khiến dòng chảy kia trở lại chốn cũ, hoặc đi tới xứ khác. Dòng chảy kia quyết định có thể nhập nơi biển cả. Pháp thế đệ nhất cũng lại như vậy, tùy thuận đế, hướng tới đế, sắp hội nhập đế, trung gian kia đây không chấp nhận được khởi tâm không tương tự, khiến không thể nhập hiện quán Thánh đế.

Lại nữa, Pháp thế đệ nhất cùng với khổ pháp trí nhẫn làm đấng vô gián duyên, không có một pháp nào nhanh chóng xoay chuyển vượt qua nơi tâm, có thể ở vào lúc này hay tạo ra chướng ngại, khiến không được nhập hiện quán Thánh đế.

Thế nên pháp này quyết định là không thoái chuyển.

*

Hỏi: Thế nào là Đảnh?

Đáp: Đối với Phật, Pháp, Tăng, sinh tin tưởng với lượng nhỏ. Như Đức Thế Tôn đã vì Ma-nạp-bà Ba-la-diễn-noa nói:

*Đối với Phật, Pháp, Tăng
Sinh khởi tin nhỏ, ít
Nho đồng nên biết kia
Gọi đã được pháp Đảnh.*

Hỏi: Thế nào là Đánh đọa?

Đáp: Như có một loại hữu tình gần gũi bậc thiện sĩ (Thiện tri thức), lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý, tin Phật, pháp Bồ-đề là khéo giảng nói, Tăng tu hành diệu, rõ sắc là vô thường, thọ tướng hành thức là vô thường, khéo nêu bày khổ đế, khéo nêu bày tập, diệt, đạo đế. Hữu tình kia ở vào lúc khác, không thân cận bậc thiện sĩ, không lắng nghe chánh pháp, tác ý không như lý, đối với bản thân đã tin theo thế tục, là thoái chìm, hủy hoại, dời đổi, mất mát, nên gọi Đánh đọa. Như Đức Phật, tức vì Ma-nạp-bà Ba-la-diễn-noa nói:

*Nếu người đối như thế
Ba pháp mà thoái mất
Ta nói những loại kia
Nên biết là Đánh đọa.*

*

Hỏi: Thế nào là Noãn?

Đáp: Nếu ở trong chánh pháp Tỳ-nại-da có một ít tín thọ, như Đức Thế Tôn đã vì hai Bì-sô: Mã Sư và Tinh Túc nói: Hai kẻ ngu này đã lìa chánh pháp cùng Tỳ-nại-da của Ta. Ví như đại địa cách xa hư không, hai kẻ ngu này ở trong chánh pháp Tỳ-nại-da của Ta đã không có được phần ít noãn nào cả!

*

Hỏi: Hai mươi câu Tát-ca-da-kiến (Thân kiến) này: Có bao nhiêu là ngã kiến, bao nhiêu là ngã sở kiến?

Đáp: Có năm ngã kiến: Là cùng tùy quán sắc là ngã, quán thọ, tưởng, hành, thức là ngã.

Mười lăm ngã sở kiến: Là cùng tùy quán ngã có sắc, sắc là ngã sở, ngã ở trong sắc. Ngã có thọ, tưởng, hành, thức; thọ, tưởng, hành, thức là ngã sở, ngã ở trong thọ, tưởng, hành, thức.

*

Hỏi: Nếu là kiến không phải thường, thường, thì nơi năm kiến thuộc về kiến nào, do kiến nào đoạn?

Đáp: Là biên chấp kiến thuộc về thường kiến, do kiến khổ đoạn.

Hỏi: Nếu là kiến thường, không phải thường, thì nơi năm kiến thuộc về kiến nào, do kiến nào đoạn?

Đáp: Thuộc về tà kiến, do kiến diệt đoạn.

Hỏi: Nếu là kiến khổ, lạc, thì nơi năm kiến thuộc về kiến nào, do kiến nào đoạn?

Đáp: Cho pháp kém là hơn thuộc về kiến thủ, do kiến khổ đoạn.

Hỏi: Nếu là kiến lạc, khổ, thì nơi năm kiến thuộc về kiến nào, do kiến nào đoạn?

Đáp: Thuộc về tà kiến, do kiến diệt đoạn.

Hỏi: Nếu là kiến bất tịnh, tịnh, thì nơi năm kiến thuộc về kiến nào, do kiến nào đoạn?

Đáp: Cho pháp kém là hơn thuộc về kiến thủ, do kiến khổ đoạn.

Hỏi: Nếu là kiến tịnh, bất tịnh, thì nơi năm kiến thuộc về kiến nào, do kiến nào đoạn?

Đáp: Thuộc về tà kiến. Ở đây có hai thứ: Nếu cho diệt là bất tịnh thì do kiến diệt đoạn. Nếu cho đạo là bất tịnh thì do kiến đạo đoạn.

Hỏi: Nếu là kiến phi ngã, ngã, thì nơi năm kiến thuộc về kiến nào, do kiến nào đoạn?

Đáp: Thuộc về hữu thân kiến, do kiến khổ đoạn.

Hỏi: Nếu là kiến không phải nhân, nhân, thì nơi năm kiến thuộc về kiến nào, do kiến nào đoạn?

Đáp: Không phải nhân cho là nhân thuộc về giới cấm thủ, do kiến khổ đoạn.

Hỏi: Nếu là kiến nhân, không phải nhân, thì nơi năm kiến thuộc về kiến nào, do kiến nào đoạn?

Đáp: Thuộc về tà kiến, do kiến tập đoạn.

Hỏi: Nếu là kiến có, không, thì nơi năm kiến thuộc về kiến nào, do kiến nào đoạn?

Đáp: Thuộc về tà kiến. Ở đây có bốn thứ: 1. Nếu cho không có khổ thì do kiến khổ đoạn. 2. Nếu cho không có tập thì do kiến tập đoạn. 3. Nếu cho không có diệt thì do kiến diệt đoạn. 4. Nếu cho không có đạo thì do kiến đạo đoạn.

Hỏi: Nếu là kiến không, có, thì nơi năm kiến thuộc về kiến nào, do kiến nào đoạn?

Đáp: Đây không phải là kiến mà là tà trí.

Phẩm 2: NÓI VỀ TRÍ

Tụng nêu chung:

*Một trí, thức nhân duyên
Hai tâm, niệm, tế tự
Ba căn dụng quá khứ
Nghĩ, danh, cú, văn thân.
Phật chê trách, sáu nhân
Tùy miên tâm cùng đoạn
Nghĩa nhân cảnh đoạn thức
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Tùng có một trí nhận biết tất cả pháp chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nếu trí này sinh tất cả pháp không phải ngã, thì trí này không nhận biết về gì?

Đáp: Không nhận biết về tự tánh và trí này tương ưng với các pháp cùng có.

*

Hỏi: Tùng có một thức biết rõ về tất cả pháp chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nếu thức này sinh tất cả pháp không phải ngã, thì thức này không biết rõ về gì?

Đáp: Không biết rõ về tự tánh và thức này tương ưng với các pháp cùng có.

*

Hỏi: Tùng có hai tâm lần lượt làm nhân cho nhau chẳng?

Đáp: Không có. Vì sao? Vì không có một Bồ-đặc-già-la (Hữu tình) nào không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng sinh. Lại, không phải tâm sau làm nhân cho tâm trước.

Hỏi: Tùng có hai tâm lần lượt làm duyên cho nhau chẳng?

Đáp: Có. Như có tâm khởi, không có tâm vị lai, tức tư duy về tâm này khởi tâm thứ hai. Như có tâm khởi, có tâm vị lai, tức tư duy về tâm này khởi tâm thứ hai. Như có tâm khởi, không có tâm đạo vị lai, tức tư duy về tâm này khởi tâm thứ hai. Như có tâm khởi, có tâm đạo vị lai, tức tư duy về tâm này khởi tâm thứ hai. Như có hai người biết tâm kẻ khác, hai tâm kia lần lượt duyên nhau.

Hỏi: Vì sao không có một Bồ-đặc-già-la, không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng sinh?

Đáp: Vì không có Đẳng vô gián duyên thứ hai, vì mỗi mỗi tâm của hữu tình nối tiếp chuyển biến, nên Bồ-đặc-già-la đã không thể có được.

Hỏi: Lại, không có lý tâm trước đi đến tâm sau, thì duyên nào có thể nhớ lại sự việc trước kia đã làm?

Đáp: Hữu tình đối với pháp, do sức của tập quán, được trí đồng phận như thế, theo sự việc từng trải qua, nên có thể nhận biết như thế. Như có hai người tạo ra việc in ấn, có thể hiểu rõ kiểu chữ in do mình và người khác đã tạo ra, tuy hai người kia không qua lại với nhau, để hỏi: “Ông đã tạo kiểu chữ này ra sao?”, cũng không cùng đáp: “Tôi đã tạo ra chữ này như thế”. Nhưng hai người kia, do sức của tập quán, nên được trí đồng phận như thế, có thể hiểu rõ mẫu chữ in do mình và người khác đã tạo ra. Hữu tình cũng như vậy, do sức của tập quán, có được trí đồng phận như thế, tùy theo sự việc từng trải nên có khả năng nhận biết như vậy.

Lại, như có hai người biết tâm kẻ khác, hỗ tương nhận biết tâm, tuy hai người kia không qua lại với nhau, để hỏi: “Làm sao ông nhận biết tâm của tôi?”, cũng không cùng đáp: “Tôi nhận biết về tâm ông như thế”. Nhưng hai người kia do sức của tập quán, nên được trí đồng phận như thế, hỗ tương nhận biết tâm. Hữu tình cũng như vậy, do sức của tập quán, nên được trí đồng phận như thế, tùy theo sự việc đã từng trải qua, có khả năng nhận biết như vậy.

Lại nữa, tất cả tâm, tâm sở pháp đối với đối tượng duyên nhất định an trụ nơi đối tượng duyên. Lại dùng thọ, ý làm sức của nhân nhớ nghĩ mạnh mẽ nên không quên.

Hỏi: Vì duyên gì hữu tình quên nhưng lại nhớ?

Đáp: Đồng phận của hữu tình lúc chuyển biến nối tiếp nhau, đối với pháp có khả năng khởi trí, kiến hệ thuộc nhau, lại dùng ý, thọ làm sức của nhân, nhớ nghĩ mạnh mẽ nên không quên.

Hỏi: Vì duyên gì hữu tình nhớ nhưng lại quên?

Đáp: Dị phận của hữu tình lúc chuyển biến nối tiếp nhau, đối với pháp không khởi trí, kiến hệ thuộc nhau, lại dùng ý, thọ làm sức của nhân, sự nhớ nghĩ kém nên quên mất.

*

Hỏi: Vì duyên gì cúng tế, naga quỷ thì đến, không phải là nêo (thú) khác?

Đáp: Nêo naga quỷ kia, theo pháp như thế, nên được sự xú như vậy, sinh ra phần của ngã. Thế nên có cúng tế thì đến, không phải nêo khác. Như các loài chim thiên nga, hồng nhạn, khổng tước, anh vũ, xá lợi, mạng mạng v.v..., tuy tự tại như ý bay lượn nơi hư không, nhưng oai đức thần lực không lớn hơn con người. Tuy nhiên, nêo bàng sinh kia theo pháp như thế nên được sự xú như vậy, sinh ra phần của ngã, có thể bay lượn nơi hư không. Nêo (thú) quỷ cũng như vậy, do sức của pháp thường nên nơi nào có thờ tự, cúng tế thì hiện đến, nêo khác không như thế.

Lại, như một loại Na-lạc-ca (địa ngục) có khả năng nhớ về đời sống ở kiếp trước, cũng nhận biết tâm người khác. Một loại bàng sinh, một loại naga quỷ, có khả năng nhớ về đời sống ở kiếp trước, cũng nhận biết được tâm người khác, cùng đầy khởi khói, lửa, mây, mưa, tạo ra lạnh, nóng v.v..., tuy chúng có khả năng tạo ra sự việc như thế, nhưng về oai đức thần lực thì không lớn hơn con người. Tuy nhiên, nơi nêo kia, theo pháp thường nên được sự xú như thế, sinh ra phần của ngã, có thể tạo ra sự việc ấy. Nêo quỷ cũng như vậy, do sức của pháp thường nên nơi nào có thờ tự, cúng tế thì hiện đến, nêo khác thì không như thế.

Lại nữa, có người suốt trong đêm dài sinh tử, dấy khởi dục như thế, ái lạc như thế này: “Ta sẽ cưới vợ, cưới vợ cho con, cưới vợ cho cháu, khiến sinh con cháu, nối dòng kế tục không dứt. Ta mạng chung rồi, nếu sinh vào nẻo quý, chúng sẽ nhớ nghĩ đến ta, nên sẽ thờ tự, cúng tế ta”. Do người kia luôn có dục lạc ấy suốt trong đêm dài sinh tử, thế nên hề có cúng tế thì hiện đến, không phải nẻo khác.

*

Hỏi: Nên nói là một mắt trông thấy sắc, hay là hai mắt trông thấy sắc?

Đáp: Nên nói là hai mắt trông thấy sắc. Vì sao? Vì nếu nhắm một mắt, khởi thức bất tịnh, thì khi mở hai mắt khởi thức tịnh. Nếu nhắm một mắt, khởi thức như thế, thì khi mở cả hai mắt, cũng khởi thức này, tức không nên nói hai mắt trông thấy sắc. Tuy nhiên, nhắm một mắt khởi thức bất tịnh, khi mở hai mắt liền khởi thức tịnh, thế nên phải nói là hai mắt trông thấy sắc. Như nhắm mắt, thì che chắn, gây tổn hại, phá hoại cũng thế.

Như mắt trông thấy sắc, thì tai nghe tiếng, mũi ngửi hương cũng như vậy.

*

Hỏi: Các quá khứ, tất cả quá khứ ấy là không hiện chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có quá khứ không phải là không hiện: Nghĩa là như Tôn giả Ô-đà-di nói:

*Tất cả kiết quá khứ
Từ rừng, lìa rừng đến
Vui xuất ly các dục
Như vàng rời đỉnh núi.*

2. Có không hiện không phải là quá khứ: Nghĩa là như có một hữu tình, hoặc dùng thân thông, hoặc dùng chú thuật, hoặc dùng vật thuốc, hoặc do xứ sinh như thế nên được trí, có chỗ ẩn mất, khiến không hiện rõ.

3. Có quá khứ cũng là không hiện: Nghĩa là hành hiện có đã khởi cùng khởi, đã sinh cùng sinh, đã chuyển hiện chuyển, đã tập, đã hiện, đã là quá khứ, đã tận diệt, đã lìa, biến đổi, là quá khứ, phần quá khứ, thuộc về đời quá khứ.

4. Không phải là quá khứ cũng không phải là không hiện: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Các quá khứ, tất cả quá khứ ấy là tận cùng chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có quá khứ không phải là tận cùng: Nghĩa là như Tôn giả Ô-đà-di nói: “Tất cả kiết quá khứ v.v... cho đến nói rộng”.

2. Có tận cùng không phải là quá khứ: Nghĩa là như Đức Phật nói: “Đệ tử Thánh này, đã tận (diệt hết) địa ngục, đã tận bàng sinh, đã tận naga quỷ, đã tận mọi hầm hố hiểm nguy hiện có nơi cõi ác”.

3. Có quá khứ cũng là tận cùng: Nghĩa là các hành hiện có đã khởi cùng khởi v.v... cho đến nói rộng.

4. Không phải là quá khứ cũng không phải là tận cùng: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Lại nữa, nếu dựa vào kiết đoạn để nói thì:

1. Có kiết quá khứ không phải là tận cùng: Nghĩa là kiết quá khứ chưa đoạn, chưa nhận biết khắp, chưa diệt, chưa biến đổi, loại trừ.

2. Có kiết tận cùng không phải là quá khứ: Nghĩa là kiết vị lai đã đoạn, đã nhận biết khắp, đã diệt, đã biến đổi, loại trừ.

3. Có kiết quá khứ cũng là tận cùng: Nghĩa là kiết quá khứ đã đoạn, đã nhận biết khắp, đã diệt, đã biến đổi, loại trừ.

4. Có kiết không phải là quá khứ cũng không phải là tận cùng: Nghĩa là kiết vị lai chưa đoạn, chưa nhận biết khắp, chưa diệt, chưa biến đổi, loại trừ, và kiết hiện tại.

Hỏi: Các quá khứ, tất cả quá khứ ấy là diệt chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có quá khứ không phải là diệt: Nghĩa là như Tôn giả Ô-đà-di nói: “Tất cả kiết quá khứ v.v... cho đến nói rộng”.

2. Có diệt không phải là quá khứ: Nghĩa là dựa vào con đường nhỏ, ngôi nhà nhỏ, đồ đựng nhỏ, mắt nhỏ của thế tục, nói là diệt con đường cho đến diệt mắt.

3. Có quá khứ cũng là diệt: Nghĩa là các hành hiện có đã khởi cùng khởi v.v... cho đến nói rộng.

4. Không phải là quá khứ cũng không phải là diệt: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Lại nữa, nếu dựa vào kiết đoạn để nói thì:

1. Có kiết quá khứ không phải là diệt: Nghĩa là kiết quá khứ chưa đoạn, chưa nhận biết khắp, chưa diệt, chưa biến đổi, loại trừ.

2. Có kiết diệt không phải là quá khứ: Nghĩa là kiết vị lai đã đoạn, đã nhận biết khắp, đã diệt, đã biến đổi, loại trừ.

3. Có kiết quá khứ cũng là diệt: Nghĩa là kiết quá khứ đã đoạn, đã nhận biết khắp, đã diệt, đã biến đổi, loại trừ.

4. Có kiết không phải là quá khứ cũng không phải là diệt: Nghĩa là kiết vị lai chưa đoạn, chưa nhận biết khắp, chưa diệt, chưa biến đổi loại trừ, và kiết hiện tại.

Hỏi: Nếu đối với khổ sinh nghi: Đây là khổ chăng? Đây không phải là khổ chăng? Nên nói là một tâm hay là nhiều tâm?

Đáp: Nên nói là nhiều tâm. Tức đây là khổ chẳng, là tâm thứ nhất. Đây không phải là khổ chẳng, là tâm thứ hai. Đối với tập, diệt, đạo sinh nghi cũng như vậy.

Hỏi: Từng có một tâm là có nghi không nghi chẳng?

Đáp: Không có. Vì sao? Vì đối với khổ đế, nếu nói đây là khổ chẳng?, thì tâm ấy có nghi. Nếu nói đây là khổ, thì tâm ấy không nghi. Nếu nói đây không phải là khổ chẳng?, thì tâm ấy có nghi. Nếu nói đây không phải là khổ, thì tâm ấy không nghi. Đối với tập, diệt, đạo nên biết cũng như vậy.

*

Hỏi: Thế nào là nhiều Danh thân?

Đáp: Nghĩa là nhiều danh hiệu, dị ngữ, tăng ngữ, tướng cùng tướng, giả thiết lập. Đó gọi là nhiều Danh thân.

Hỏi: Thế nào là nhiều Cú thân?

Đáp: Nghĩa là các câu có thể đầy đủ, chưa đầy đủ, nghĩa ở trong ấy liên hợp. Đó gọi là nhiều Cú thân. Như Đức Thế Tôn nói:

*Các ác đừng làm
Các thiện vâng làm
Tự tịnh tâm mình
Lời chư Phật dạy.*

Bốn câu như thế đều có thể đầy đủ, chưa đầy đủ, nghĩa ở trong ấy liên hợp. Đó gọi là nhiều Cú thân.

Hỏi: Thế nào là nhiều Văn thân?

Đáp: Nghĩa là các nhóm chữ. Đó gọi là nhiều Văn thân.

Như Đức Thế Tôn nói:

*Muốn làm bản tụng
Văn tức là chữ
Tụng dựa nơi danh
Cùng người tạo tụng.*

*

Như Đức Phật, Thế Tôn quở trách các đệ tử: Gọi là “Người ngu si”, điều này có nghĩa gì?

Đáp: Đây là lời quở trách. Nghĩa là Đức Phật, Thế Tôn quở trách đệ tử, gọi: “Người ngu si”. Như Thân giáo sư (Hòa thượng) và Quỹ phạm sư (A-xà-lê) hiện nay, nếu có đệ tử là cận trụ y chỉ, khởi các lỗi lầm, liền quở trách nói: “Ông là kẻ ngu si, không sáng, không tốt”. Đức Thế Tôn cũng như vậy, quở trách các đệ tử, gọi là người ngu si.

Hỏi: Do đâu Đức Thế Tôn quở trách các đệ tử, gọi là người ngu si?

Đáp: Do các đệ tử của Phật kia, đối với những lời dạy khuyên trao truyền của Đức Thế Tôn, không theo đúng nghĩa hành tác, không tùy thuận, không nối tiếp. Lại nữa, các đệ tử kia đối với Thánh giáo đã làm những sự việc ngu si, hoàn toàn không có quả, không có xuất ly, không có ý vị, không có thắng lợi, trái vượt lời Phật dạy, đối với các Học xứ không thể thọ học, nên Đức Phật đã quở trách gọi là người ngu si.

*

Có sáu nhân: Đó là nhân tương ưng cho đến nhân năng tác.

Hỏi: Thế nào là Nhân tương ưng?

Đáp: Thọ cùng pháp tương ưng với thọ làm nhân tương ưng. Pháp tương ưng với thọ cùng thọ làm nhân tương ưng. Tướng, tư,

xúc, tác ý, dục, thắng giải, niệm, tam-ma-địa, tuệ, cùng pháp tương ưng với tuệ làm nhân tương ưng. Pháp tương ưng với tuệ cùng tuệ làm nhân tương ưng. Đó gọi là Nhân tương ưng.

Hỏi: Thế nào là Nhân câu hữu?

Đáp: Tâm cùng với tâm sở pháp làm nhân câu hữu. Tâm sở pháp cùng với tâm làm nhân câu hữu. Tâm cùng với tùy tâm chuyển nơi thân nghiệp, ngữ nghiệp làm nhân câu hữu. Tâm cùng với tùy tâm chuyển nơi hành bất tương ưng làm nhân câu hữu. Tùy tâm chuyển nơi hành bất tương ưng cùng với tâm làm nhân câu hữu. Lại nữa, bốn đại chủng cùng sinh lần lượt làm nhân câu hữu. Đó gọi là Nhân câu hữu.

Hỏi: Thế nào là Nhân đồng loại?

Đáp: Căn thiện đời trước cùng với căn thiện của tự giới nơi đời sau và pháp tương ưng làm nhân đồng loại. Căn thiện quá khứ cùng với căn thiện của tự giới nơi hiện tại, vị lai và pháp tương ưng làm nhân đồng loại. Căn thiện hiện tại cùng với căn thiện của tự giới ở vị lai và pháp tương ưng làm nhân đồng loại. Như căn thiện, căn bất thiện, căn vô ký cũng như vậy, nhưng có sự sai biệt: Trong bất thiện, trừ tự giới (Cảnh giới của mình). Đó gọi là Nhân đồng loại.

Hỏi: Thế nào là Nhân biến hành?

Đáp: Tùy miên biến hành do kiến khổ đoạn nơi đời trước cùng với tùy miên và pháp tương ưng do kiến tập, diệt, đạo, tu đạo đoạn nơi cảnh giới của mình thuộc đời sau làm nhân biến hành. Tùy miên biến hành do kiến khổ đoạn nơi quá khứ cùng với tùy miên và pháp tương ưng do kiến tập, diệt, đạo, tu đạo đoạn nơi cảnh giới của mình thuộc hiện tại, vị lai làm nhân biến hành. Tùy miên biến hành do kiến khổ đoạn nơi hiện tại cùng với tùy miên và pháp tương ưng do kiến tập, diệt, đạo, tu đạo đoạn nơi cảnh giới của mình thuộc vị lai làm

nhân biến hành. Như kiến khổ đoạn, kiến tập đoạn cũng như vậy. Đó gọi là Nhân biến hành.

Hỏi: Thế nào là Nhân dị thực?

Đáp: Các tâm, tâm sở pháp thọ nhận dị thực nơi sắc tâm, tâm sở pháp, tâm bất tương ưng hành. Tâm, tâm sở pháp này cùng với dị thực kia làm nhân dị thực.

Lại nữa, các nghiệp thân, ngữ thọ nhận dị thực nơi sắc tâm, tâm sở pháp, tâm bất tương ưng hành. Nghiệp thân, ngữ ấy cùng với dị thực kia làm nhân dị thực.

Lại nữa, các tâm bất tương ưng hành thọ nhận dị thực nơi sắc tâm, tâm sở pháp, tâm bất tương ưng hành. Tâm bất tương ưng hành ấy cùng với dị thực kia làm nhân dị thực. Đó gọi là nhân dị thực.

Hỏi: Thế nào là Nhân năng tác?

Đáp: Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Nhãn thức này dùng mắt, sắc kia, pháp tương ưng của mắt, sắc kia là pháp câu hữu của mắt, sắc kia. Và nhĩ, thanh, nhĩ thức, tỷ, hương, tỷ thức, thiệt, vị, thiệt thức, thân, xúc, thân thức, ý, pháp, ý thức, có sắc, không sắc, có thấy, không thấy, có đối, không đối, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi v.v..., tất cả các pháp như thế làm nhân năng tác, trừ tự tánh của chúng. Như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy. Đó gọi là Nhân năng tác.

*

Hỏi: Các tâm do tùy miên nên gọi là tâm có tùy miên. Tùy miên kia đối với tâm này là tùy tăng chướng?

Đáp: Hoặc là tùy tăng, hoặc là không tùy tăng.

Thế nào là tùy tăng? Nghĩa là tùy miên kia tương ưng với tâm này, chưa đoạn, và duyên với tâm này.

Thế nào là không tùy tăng? Nghĩa là tùy miên kia tương ưng với tâm này, đã đoạn.

Hỏi: Giả thiết tùy miên đối với tâm tùy tăng, tâm này chỉ do tùy miên kia, nên gọi là tâm có tùy miên chẳng?

Đáp: Hoặc do tùy miên kia và không phải là pháp khác, hoặc do tùy miên kia và pháp khác.

Thế nào là do tùy miên kia không phải là pháp khác? Nghĩa là tâm ấy chưa đoạn.

Thế nào là do tùy miên kia và pháp khác? Nghĩa là khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh. Nếu tâm do kiến khổ đoạn, kiến tập đoạn, là đối tượng duyên của tùy miên, thì các tâm do tùy miên, nên gọi là tâm có tùy miên.

Hỏi: Tùy miên kia đối với tâm này sẽ đoạn chẳng?

Đáp: Hoặc sẽ đoạn, hoặc không sẽ đoạn.

Thế nào là sẽ đoạn? Nghĩa là tùy miên kia duyên nơi tâm này.

Thế nào là không sẽ đoạn? Nghĩa là tùy miên kia tương ưng với tâm này.

Hỏi: Các tùy miên nhân nơi pháp nào sẽ đoạn?

Đáp: Nhân nơi đối tượng duyên.

Hỏi: Ông nói tùy miên nhân nơi đối tượng duyên sẽ đoạn chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu vậy, các tùy miên do kiến diệt, đạo đoạn và tùy miên kia duyên nơi hữu lậu nhân nơi pháp nào sẽ đoạn? Nếu nói đây đoạn, kia đoạn đều không hợp lý?

Đáp: Do kiến diệt, đạo đoạn. Tùy miên duyên nơi vô lậu nhân nơi đối tượng duyên nên đoạn. Do đoạn này nên tùy miên kia cũng đoạn.

Hỏi: Nếu tùy miên ở nơi tâm sẽ đoạn, thì tâm này chỉ do tùy miên kia, nên gọi là tâm có tùy miên chăng?

Đáp: Hoặc do tùy miên kia và không phải là pháp khác, hoặc do tùy miên kia và pháp khác.

Thế nào là do tùy miên kia và không phải là pháp khác? Nghĩa là tâm không nhiễm ô, do tu đạo đoạn.

Thế nào là do tùy miên kia và pháp khác? Nghĩa là tâm nhiễm ô.

*

Hỏi: Thế nào là nhân nơi cảnh đoạn thức?

Đáp: Nghĩa là khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, nếu tâm do kiến tập đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn, thì đó gọi là nhân nơi cảnh đoạn thức.

Hỏi: Nơi thức này có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Có mười chín.

Hỏi: Là một tâm chăng?

Đáp: Không phải như vậy. Nghĩa là chưa lìa dục nhiễm, khổ pháp trí đã sinh, tập pháp trí chưa sinh, nếu tâm nơi cõi Dục do kiến tập đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn, thì đó gọi là nhân nơi cảnh đoạn thức.

Kiến tập nơi cõi Dục đã đoạn bảy tùy miên tùy tăng, đã lìa dục nhiễm, chưa lìa sắc nhiễm, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, nếu tâm nơi cõi Sắc do kiến tập đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn, thì đó gọi là nhân nơi cảnh đoạn thức.

Kiến tập nơi cõi Sắc đã đoạn sáu tùy miên tùy tăng, đã lìa sắc nhiễm, khổ loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, nếu tâm nơi cõi Vô sắc do kiến tập đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn, thì đó gọi là nhân nơi cảnh đoạn thức.

Kiến tập nơi cõi Vô sắc đã đoạn trừ sáu tùy miên tùy tăng.

Phẩm 3: BỔ ĐẶC GIÀ LA

Tụng nêu chung:

*Duyên khởi, duyên hơi thở
Tâm nương không có ái
Tâm thoát dựa giới tướng
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Một Bồ-đặc-già-la, nơi mười hai chi duyên khởi được sinh này, có bao nhiêu là quá khứ, vị lai, hiện tại?

Đáp: Hai quá khứ: vô minh, hành. Hai vị lai: sinh, lão tử. Tám hiện tại: thức, danh sắc, sáu xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu.

Như Đức Thế Tôn đã nói: “Vô minh duyên hành, thủ duyên hữu”.

Hỏi: Thế nào là vô minh duyên hành?

Đáp: Vô minh duyên hành: Đây là hiển bày về nghiệp trong đời khác ở trước đã tạo tác, tăng trưởng, được dị thực là Hữu hiện nay cùng đã thọ nhận dị thực.

Hỏi: Thế nào là thủ duyên hữu?

Đáp: Thủ duyên hữu: Đây là hiển bày về nghiệp trong đời hiện tại đang tạo tác, tăng trưởng, đang được dị thực là Hữu.

Hỏi: Vô minh duyên hành, thủ duyên hữu có sai biệt gì?

Đáp: Vô minh duyên hành, nói rộng như trước. Nghiệp duyên này như Đức Thế Tôn nói: “Một phiền não nghĩa là vô minh”. Thủ duyên hữu, nói rộng như trước. Nghiệp duyên này như Đức Thế Tôn nói: “Tất cả phiền não nghĩa là các thủ”. Đây là sự sai biệt.

Hỏi: Từng có hành duyên vô minh không duyên minh chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có hành duyên minh không duyên vô minh chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có hành duyên vô minh cũng duyên minh chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Từng có hành không duyên vô minh cũng không duyên minh chăng?

Đáp: Không có. Vì sao? Vì không một hữu tình nào, từ lâu xa đến nay, đã không đối với Thánh đạo, hủy báng, cho là: “Không phải đạo”. Trước đã hủy báng đạo rồi, thời gian sau hữu tình ấy tạo tác, tăng trưởng, chiêu cảm nghiệp đại địa. Hoặc thời gian sau nữa lại tạo tác, tăng trưởng, chiêu cảm nghiệp tiểu vương. Hoặc thời gian sau nữa lại tạo tác, tăng trưởng, chiêu cảm nghiệp đại vương. Hoặc thời gian sau nữa lại tạo tác, tăng trưởng, chiêu cảm nghiệp Chuyển luân vương. Do nhân này, do duyên này, do Thánh đạo kia, lần lượt chiêu cảm được đại địa, hiện có các thứ thành ấp, thôn xóm, nhân, phi nhân, chứa cất lúa thóc, cỏ thuốc, cây cối, rừng rậm, tăng trưởng tươi tốt.

Bốn duyên của tâm trước như thế, đối với tâm sau, chỉ là một tăng thượng duyên.

Lại nữa, nếu dựa vào nhân duyên để nêu:

Hỏi: Từng có hành duyên vô minh không duyên minh chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là vô minh nơi dị thực cùng hành nhiễm ô.

Hỏi: Từng có hành duyên minh không duyên vô minh chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là trừ minh đầu tiên, còn lại là các hành vô lậu.

Hỏi: Từng có hành duyên vô minh cũng duyên minh chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có hành không duyên vô minh cũng không duyên minh chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là trừ dị thực của vô minh, còn lại là các hành vô phú vô ký và hành hữu lậu thiện của minh đầu tiên.

*

Hỏi: Hơi thở ra, hơi thở vào, nên nói là dựa nơi thân chuyển hay dựa nơi tâm chuyển?

Đáp: Nên nói cũng dựa nơi thân chuyển, cũng dựa nơi tâm chuyển, theo như chỗ ứng hợp. Nếu hơi thở ra vào chỉ dựa nơi thân chuyển, không dựa nơi tâm chuyển, thì ở phần vị định vô tướng, định diệt tận, hơi thở ra vào cũng phải chuyển biến.

Nếu hơi thở ra vào chỉ dựa nơi tâm chuyển, không dựa nơi thân chuyển, thì hơi thở ra vào của hữu tình nơi cõi Vô sắc cũng phải chuyển biến.

Nếu hơi thở ra vào chỉ dựa nơi thân, tâm chuyển biến, không theo như chỗ ứng hợp, thì ở nơi trướng và trong thai mẹ, Yết-lạt-lam, Át-bộ-đàm, Bế-thi, Kiện-nam, các căn chưa đầy đủ, chưa thành thực, cùng ở tĩnh lự thứ tư, hơi thở ra vào cũng phải chuyển biến.

Hỏi: Do hơi thở ra vào cũng dựa nơi thân chuyển, cũng dựa nơi tâm chuyển, cùng theo như chỗ ứng hợp, thế nên dưới từ địa ngục Vô gián, trên đến cõi trời Biến tịnh, trong ấy các căn của hữu tình đã đầy đủ, thành thực, hơi thở ra vào dựa nơi thân, tâm chuyển. Như tâm của hữu tình có sắc nối tiếp dựa vào thân chuyển biến, tâm của hữu tình vô sắc nối tiếp dựa vào cái gì chuyển?

Đáp: Dựa vào chúng đồng phận của mạng căn và pháp khác cùng loại như thế.

*

Hỏi: Tâm bất tương ưng hành không có ái, nên nói là do kiến đạo đoạn hay do tu đạo đoạn?

Đáp: Nên nói là do tu đạo đoạn.

Có thuyết nói: Không có ái hoặc do kiến đạo đoạn, hoặc do tu đạo đoạn.

Thế nào là do kiến đạo đoạn? Nghĩa là đối với pháp do kiến đạo đoạn không có mà tham.

Thế nào là do tu đạo đoạn? Nghĩa là đối với pháp do tu đạo đoạn không có mà tham. Ở trong nghĩa này, không có ái chỉ nên nói là do tu đạo đoạn.

Ông đã nói: “Không có ái chỉ do tu đạo đoạn”.

Hỏi: Các người Dự lưu chưa đoạn ái này chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Ý ông muốn gì? Các người Dự lưu vì khởi tâm như thế này: Nếu sau khi ta chết, đoạn hoại không có, há không an lạc chăng?

Đáp: Không phải như vậy. Xin nghe điều tôi nói: Nếu không có ái thì chỉ do tu đạo đoạn. Các người Dự lưu khi chưa đoạn ái ấy, tức nên nói người Dự lưu đã khởi tâm như thế này: Nếu sau khi ta chết, đoạn hoại không có, há không an lạc. Nếu người Dự lưu không khởi tâm như vậy: Nếu sau khi ta chết, đoạn hoại không có, há không an lạc, thì không nên nói: Không có ái chỉ do tu đạo đoạn. Các người Dự lưu chưa đoạn trừ ái này, nói như thế đều không hợp lý.

Các ông cũng nêu: “Ái nơi dị thực của địa ngục, bàng sinh, ngã quỷ chỉ do tu đạo đoạn”.

Hỏi: Các người Dự lưu chưa đoạn ái này chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Ý ông muốn gì? Các người Dự lưu vì khởi tâm như thế này: Ta sẽ làm Long vương Ai-la-phiệt-noa, Long vương Thiên Trụ, Quỷ vương Diêm-ma, thống lãnh các hữu tình nơi cõi quỷ chẳng?

Đáp: Không phải như vậy. Hãy nghe tôi nói: Nếu ái nơi dị thực của địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ, chỉ do tu đạo đoạn. Các người Dự lưu chưa đoạn trừ ái này, tức nên nói người Dự lưu đã khởi tâm như vậy: Ta sẽ làm Long vương Ai-la-phiệt-noa v.v... cho đến nói rộng. Nếu người Dự lưu không khởi tâm như vậy: Ta sẽ làm Long vương Ai-la-phiệt-noa v.v... cho đến nói rộng, tức không nên nói: Ái nơi dị thực của địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ, chỉ do tu đạo đoạn. Các người Dự lưu chưa đoạn ái này, nếu nói như thế đều không hợp lý.

Các ông cũng nói: “Vì bị các triền ràng buộc nên hại mạng cha mẹ, triền này chỉ do tu đạo đoạn”.

Hỏi: Các người Dự lưu chưa đoạn triền này chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Ý ông muốn gì? Các người Dự lưu vì khởi triền như vậy nên hại mạng cha mẹ chẳng?

Đáp: Không phải như vậy. Hãy nghe tôi nói: Nếu bị triền ràng buộc nên đã hại mạng cha mẹ, thì triền này chỉ do tu đạo đoạn. Các người Dự lưu chưa đoạn triền này, tức nên nói: Người Dự lưu vì khởi triền như thế, nên hại mạng cha mẹ. Nếu người Dự lưu không khởi triền như thế, nên hại mạng cha mẹ, thì không nên nói: Vì bị các triền ràng buộc, nên đã hại mạng cha mẹ, thì triền này chỉ do tu đạo đoạn. Các người Dự lưu chưa đoạn triền ấy, nếu nói như thế đều không hợp lý.

Các ông cũng nêu: “Đối với pháp do tu đạo đoạn, không có mà tham, tham này chỉ do tu đạo đoạn”.

Hỏi: Các người Dự lưu chưa đoạn tham ấy chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Ý ông muốn gì? Các người Dự lưu vì duyên nơi tham này nên khởi ái chẳng?

Đáp: Không phải như vậy. Hãy nghe tôi nói: Nếu đối với pháp do tu đạo đoạn, không có mà tham, thì tham ấy chỉ do tu đạo đoạn. Các người Dự lưu chưa đoạn tham này, tức nên nói: Người Dự lưu duyên nơi tham ấy nên khởi ái. Nếu người Dự lưu không duyên nơi tham ấy để khởi ái, tức không nên nói: Đối với pháp do tu đạo đoạn, không có mà tham, thì tham này chỉ do tu đạo đoạn. Các người Dự lưu chưa đoạn tham ấy, nếu nói như thế đều không hợp lý.

Kia đã hợp lý thì đây cũng nên như thế.

*

Hỏi: Không, có gọi là pháp gì?

Đáp: Ba cõi là vô thường.

*

Như Đức Thế Tôn nói: “Tâm giải thoát tham, sân, si”.

Hỏi: Những gì là tâm được giải thoát? Có tâm tham, sân, si chẳng? Hay lìa tâm tham, sân, si chẳng?

Đáp: Lìa tâm tham, sân, si, được giải thoát.

Có thuyết nói: Tâm tương ưng với tham, sân, si, được giải thoát.

Người kia không nên tạo ra thuyết ấy. Vì sao? Vì không phải tâm này cùng với tham, sân, si tương hợp tương ưng, xen tạp nhau, mà vì tham, sân, si chưa đoạn trừ, nên tâm không giải thoát. Tham, sân, si được đoạn trừ, tâm liền giải thoát.

Đức Thế Tôn cũng nói: Bí-sô nên biết! Vàng mặt trời, mặt trăng này, vì bị ngăn che do năm thứ che lấp, nên không sáng, không soi chiếu, không rộng, không sạch. Những gì là năm? 1. Mây. 2. Khói. 3. Bụi. 4. Sương mù. 5. Tay của A-tổ-lạc Hạt-la-hô. Như vàng mặt trời, mặt trăng, không phải cùng với năm thứ che lấp tương hợp, tương ưng, xen tạp nhau, mà vì sự che lấp kia chưa lìa, nên vàng mặt trời, mặt trăng này không sáng, không soi chiếu, không rộng, không sạch. Các thứ che lấp kia, nếu lìa thì vàng mặt trời, mặt trăng này sẽ sáng, soi chiếu, rộng, sạch. Như thế, không phải tâm này cùng với tham, sân, si, tương hợp, tương ưng, xen tạp nhau, mà do tham, sân, si chưa đoạn, nên tâm không giải thoát. Tham, sân, si đã đoạn, tâm liền giải thoát.

Hỏi: Những gì là tâm giải thoát? Là quá khứ chăng? Hoặc là vị lai hay là hiện tại?

Đáp: Khi tâm vô học của vị lai sinh khởi là giải thoát tất cả chướng ngại.

Hỏi: Sự việc đó như thế nào?

Đáp: Như định kim cang dụ của đạo vô gián sắp diệt, tận trí của đạo giải thoát sắp sinh. Nếu định kim cang dụ của đạo vô gián đang diệt, tận trí của đạo giải thoát đang sinh. Bây giờ gọi là lúc tâm vô học vị lai sinh khởi tức giải thoát tất cả chướng ngại.

Hỏi: Khi tâm chưa giải thoát nên nói giải thoát, hay lúc tâm đã giải thoát nên nói giải thoát?

Đáp: Khi tâm đã giải thoát nên nói là giải thoát. Nếu đã giải thoát thì không nên nói là giải thoát. Nếu giải thoát thì không nên nói đã giải thoát, vì tâm đã giải thoát mà nói là giải thoát thì không hợp chánh lý.

Nay, nên hỏi người kia. Như Đức Thế Tôn nói:

*Nếu đoạn ái trọn vẹn
 Như hoa sen trong nước
 Bí-sô bỏ đây, kia
 Như rắn lột da cũ.*

Hỏi: Ông thừa nhận thuyết này là thuyết tốt đẹp chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Ý ông muốn gì? Vì đã bỏ (xả) nên nói là bỏ, hay vì chưa bỏ nên nói là bỏ chăng?

Đáp: Vì đã bỏ nên nói là bỏ.

Hãy nghe tôi nói: Nếu đã bỏ thì không nên nói là bỏ. Nếu bỏ thì không nên nói đã bỏ, vì đã bỏ mà nói bỏ là không hợp chánh lý.

Lại như Đức Thế Tôn nói:

*Đoạn mạn, tự khéo định
 Tâm thiện, tất cả thoát
 Một Tĩnh cư không buông
 Vượt chết đến bờ kia.*

Hỏi: Ông chấp nhận thuyết này là thuyết tốt đẹp chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Ý ông muốn gì? Vì đã đến nói là đến, hay vì chưa đến nói là đến chăng?

Đáp: Đã đến nói là đến.

Hãy nghe tôi nói: Nếu đã đến thì không nên nói là đến. Nếu đến thì không nên nói là đã đến. Vì đã đến mà nói là đến thì không hợp chánh lý. Kia đã hợp lý thì đây cũng phải như thế. Nên đối với Khế kinh, phải phân biệt nghĩa.

Như Đức Thế Tôn nói:

*Thú về rừng, chăm
Chim về hư không
Thánh quy Niết-bàn
Pháp quy phân biệt.*

*

Như Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô nên biết! Dựa nơi nhàm chán để lìa nhiễm, dựa nơi lìa nhiễm đạt giải thoát, dựa nơi giải thoát đạt Niết-bàn”.

Hỏi: Thế nào là nhàm chán?

Đáp: Nếu đối với các hành, bậc vô học nhàm chán ác, trái ngược với ác, đó gọi là nhàm chán.

Hỏi: Thế nào là dựa nơi nhàm chán để lìa nhiễm?

Đáp: Là nếu nhàm chán tương ưng với căn thiện không tham, không cùng tham, không sân, không cùng sân, không si, không cùng si, đó gọi là dựa nơi nhàm chán để lìa nhiễm.

Hỏi: Thế nào là dựa nơi lìa nhiễm đạt giải thoát?

Đáp: Là nếu lìa nhiễm tương ưng với tâm, đã thắng giải, đang thắng giải, sẽ thắng giải, đó gọi là dựa nơi lìa nhiễm đạt giải thoát.

Hỏi: Thế nào là dựa nơi giải thoát đạt Niết-bàn?

Đáp: Là nếu tham sân si vĩnh viễn đoạn trừ, tất cả phiền não vĩnh viễn đoạn trừ, đó gọi là dựa nơi giải thoát đạt Niết-bàn.

*

Như Đức Thế Tôn nói: “Có ba cảnh giới: 1. Cảnh giới đoạn. 2. Cảnh giới lìa. 3. Cảnh giới diệt”.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới đoạn?

Đáp: Trừ kiết ái, các kiết còn lại đều đoạn, gọi là cảnh giới đoạn.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới lìa?

Đáp: Kiết ái đoạn trừ, gọi là cảnh giới lìa.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới diệt?

Đáp: Các pháp thuận kiết khác được đoạn trừ, gọi là cảnh giới diệt.

Hỏi: Các cảnh giới đoạn là cảnh giới lìa chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu là cảnh giới lìa là cảnh giới đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các cảnh giới đoạn là cảnh giới diệt chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu là cảnh giới diệt là cảnh giới đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các cảnh giới lìa là cảnh giới diệt chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu là cảnh giới diệt là cảnh giới lìa chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Như Đức Thế Tôn nói: “Có ba tướng: 1. Tướng đoạn. 2. Tướng lìa. 3. Tướng diệt”.

Hỏi: Thế nào là tướng đoạn?

Đáp: Trừ kiết ái, các kiết còn lại đoạn dứt, các tướng tan lìa, gọi là tướng đoạn.

Hỏi: Thế nào là tướng lìa?

Đáp: Kiết ái đoạn dứt, các tướng tan lìa, gọi là tướng lìa.

Hỏi: Thế nào là tướng diệt?

Đáp: Các pháp thuận kiết khác được đoạn dứt, các tướng tan lìa, gọi là tướng diệt.

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 2

Chương 1: TẠP UẨN

Phẩm 4: BÀN VỀ ÁI KÍNH

Tụng nêu chung:

*Ái dưỡng kính lực diệt
Niết-bàn, uẩn, cứu cánh
Thủ, biến tri, ba quy
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Thế nào là ái?

Đáp: Các ái cùng ái, hỷ cùng hỷ, lạc cùng lạc, đó gọi là ái.

Hỏi: Thế nào là kính?

Đáp: Có các kính, có tánh kính, có tự tại, có tánh tự tại. Đối với người tự tại có sợ hãi chuyển biến, đó gọi là kính.

Hỏi: Thế nào là ái kính?

Đáp: Như có một loại hữu tình đối với Phật, Pháp, Tăng, các vị Thân giáo (Hòa thượng), Quĩ phạm (A-xà-lê) cùng tùy theo một vị có trí khác, tôn trọng người đồng phạm hạnh, tâm ái lạc, vui vẻ, cung kính mà trụ. Nếu ở nơi này có ái và kính, đó gọi là ái kính.

*

Hỏi: Thế nào là cúng dường?

Đáp: Ở đây có hai thứ: 1. Cúng dường của cải. 2. Cúng dường pháp.

Hỏi: Thế nào là cung kính?

Đáp: Có các cung kính, có tánh cung kính, có tự tại, có tánh tự tại. Đối với người tự tại có sợ hãi chuyển biến, đó gọi là cung kính.

Hỏi: Thế nào là cung kính cúng dường?

Đáp: Như có một loại hữu tình đối với Phật, Pháp, Tăng, các vị Thân giáo, Quý phạm cùng tùy theo một vị có trí khác, tôn trọng người đồng phạm hạnh, thiết lập cúng dường, cung kính mà trụ. Nếu ở nơi này có cúng dường và cung kính, đó gọi là cung kính cúng dường.

*

Hỏi: Thế nào là thân mạnh mẽ?

Đáp: Là các thân dũng mãnh, tráng kiện, nhẹ nhàng, nhanh nhẹn, có khả năng làm xong công việc. Đó gọi là thân mạnh mẽ (Sức mạnh của thân).

Hỏi: Thế nào là thân yếu kém?

Đáp: Là các thân không dũng mãnh, không tráng kiện, không nhẹ nhàng, không nhanh nhẹn, không có năng lực làm xong công việc. Đó gọi là thân yếu kém.

Hỏi: Thân mạnh mẽ, thân yếu kém, có bao nhiêu xứ gồm thân, bao nhiêu thức nhận biết?

Đáp: Một xứ gồm thân là xúc xứ. Hai thức nhận biết là thân thức, ý thức. Như hai lực sĩ khi giao đấu với nhau, cổ tay vừa giao

tiếp thì cùng nhận biết mạnh, yếu. Lại như người mạnh nắm lấy kẻ yếu thì giữ chặt, sự hơn kém của lực cùng biết cũng như vậy.

*

Hỏi: Thế nào là trạch diệt?

Đáp: Là các diệt lìa trói buộc.

Hỏi: Thế nào là phi trạch diệt?

Đáp: Là các diệt không phải lìa trói buộc.

Hỏi: Thế nào là vô thường diệt?

Đáp: Là các hành tán hoại, hư ản, thoái mất, đó gọi là vô thường diệt.

Hỏi: Phi trạch diệt, vô thường diệt có sai biệt gì?

Đáp: Phi trạch diệt: Không do sức lựa chọn, giải thoát vô số các sự ma, bệnh tật, tai họa, sầu não, hành pháp khổ thế gian, không phải đối với tham dục điều phục, đoạn trừ, vượt qua. Vô thường diệt: Các hành tán hoại, hư ản, thoái mất. Đó gọi là sự sai biệt của hai diệt.

*

Như Khế kinh nói: “Có hai cảnh giới Niết-bàn, là cảnh giới Niết-bàn hữu dư y và cảnh giới Niết-bàn vô dư y”.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới Niết-bàn hữu dư y?

Đáp: Nếu các lậu của A-la-hán vĩnh viễn dứt tận, thọ mạng vẫn còn, sắc tạo của đại chúng nối tiếp nhau chưa đoạn, dựa nơi thân năm căn, tâm tương tục chuyển biến, là hữu dư y, các kiết vĩnh viễn dứt hết, đạt được xúc chứng, gọi là cảnh giới Niết-bàn hữu dư y.

Hỏi: Thế nào là cảnh giới Niết-bàn vô dư y?

Đáp: Nếu các lậu của A-la-hán vĩnh viễn dứt tận, thọ mạng đã diệt, sắc tạo của đại chúng nối tiếp nhau đã đoạn, dựa nơi thân năm căn, tâm không còn chuyển biến, là vô dư y, các kiết vĩnh viễn dứt hết, gọi là cảnh giới Niết-bàn vô dư y.

Hỏi: Niết-bàn nên nói là học, vô học, hay là phi học phi vô học?

Đáp: Niết-bàn nên nói là phi học phi vô học.

Có thuyết nói: Niết-bàn có học, có vô học, có phi học phi vô học.

Thế nào là học? Nghĩa là học được các kiết đoạn dứt, đạt được xúc chứng.

Thế nào là vô học? Nghĩa là vô học được các kiết đoạn dứt, đạt được xúc chứng.

Thế nào là phi học phi vô học? Nghĩa là hữu lậu được các kiết đoạn dứt, đạt được xúc chứng.

Hỏi: Ở trong nghĩa này, Niết-bàn chỉ nên nói là phi học phi vô học. Nhưng ông vừa nói Niết-bàn có học, có vô học, có phi học phi vô học chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Ý ông muốn gì? Trước kia dùng đạo thế tục, vĩnh viễn đoạn dứt dục tham, giận dữ, đạt được phi học phi vô học do lìa hệ thuộc. Kẻ kia đối với bốn đế, chưa được hiện quán, tu tập hiện quán, được hiện quán rồi, chứng quả Bất hoàn, chuyển thành học chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Lại nữa, ý ông muốn gì? Trước kia dùng đạo thế tục, vĩnh viễn đoạn dứt dục tham, sân hận, đạt được phi học phi vô học do lìa hệ thuộc. Về sau khi chứng quả Bất hoàn, tức người Bất hoàn kia đã lìa trôi buộc nên chuyển thành học. Nếu người Bất hoàn kia, vào thời nay chuyển thành học, thì trước kia là thể của học, thường trụ, nên

khi chưa chứng quả Bất hoàn, chưa đạt được hữu học đã gọi là học thì không hợp chánh lý.

Hỏi: Ý ông muốn gì? Hướng A-la-hán, học các kiết đã đoạn, chứng quả A-la-hán, quả học đó chuyển thành vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Lại nữa, ý ông muốn gì? Hướng A-la-hán, học các kiết đoạn, khi chứng quả A-la-hán, tức kiết kia đã đoạn, nên chuyển thành vô học. Nếu người Bất hoàn kia vào thời nay, thành người vô học, thì trước đó nên là thể của vô học, thường trụ. Khi chưa chứng quả A-la-hán, không đạt được vô học đã gọi là vô học thì không hợp chánh lý.

Hỏi: Ý ông muốn gì? Các bậc A-la-hán, vô học, kiết đã đoạn, khi thoái chuyển quả A-la-hán, người vô học ấy sẽ chuyển thành học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Lại nữa, ý ông muốn gì? Các bậc A-la-hán, vô học, các kiết đã đoạn, khi thoái chuyển quả A-la-hán, tức kiết kia đã đoạn, nên chuyển thành học. Nếu người Bất hoàn kia vào thời nay đã chuyển thành người học, thì trước kia nên là thể của học, thường trụ, chưa thoái chuyển quả A-la-hán, không đạt được hữu học đã gọi là học thì không hợp chánh lý.

Lại nữa, Niết-bàn không nên trước là phi học phi vô học, sau chuyển thành học, trước là học, sau chuyển thành vô học, trước là vô học, sau lại chuyển thành học.

Lại nữa, Niết-bàn không nên nói có học, có vô học, có phi học phi vô học, vì nếu nói như thế, nên thành các pháp của hai phần, không quyết định, nên có tạp loạn, thế thì không nên thiết lập tánh, tướng quyết định của các pháp. Đức Phật cũng không nói Niết-bàn

có tánh học, tánh vô học, do Niết-bàn luôn là các pháp quyết định phi học phi vô học, không có lẫn lộn, hằng trụ nơi tự tánh, không bỏ tự tánh. Niết-bàn là thường trụ, không có biến dịch, vì thế Niết-bàn chỉ nên nói phi học phi vô học.

*

Như Khế kinh nêu: “A-la-hán kia đã thành tựu uẩn giới, uẩn định, uẩn tuệ, uẩn giải thoát, uẩn giải thoát trí kiến vô học”.

Hỏi: Thế nào là uẩn giới vô học?

Đáp: Luật nghi của thân, luật nghi của ngữ vô học nơi thọ mạng thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là uẩn định vô học?

Đáp: Ba tam-ma-địa vô học, nghĩa là không, vô tướng, vô nguyên.

Hỏi: Thế nào là uẩn tuệ vô học?

Đáp: Là trí của chánh kiến vô học.

Hỏi: Thế nào là uẩn giải thoát vô học?

Đáp: Tác ý vô học tương ưng với tâm, đã thắng giải, đang thắng giải, sẽ thắng giải.

Hỏi: Thế nào là uẩn giải thoát trí kiến vô học?

Đáp: Là tận trí, vô sinh trí.

Hỏi: Uẩn tuệ vô học với uẩn giải thoát trí kiến vô học có sai biệt gì?

Đáp: Trí khô, tập vô học là uẩn tuệ vô học, trí diệt, đạo vô học là uẩn giải thoát trí kiến vô học.

Lại nữa, trí khô, tập, diệt vô học là uẩn tuệ vô học. Trí đạo vô học là uẩn giải thoát trí kiến vô học.

Lại nữa, trí khỗ, tập, đạo vô học là uẩn tuệ vô học, trí diệt vô học là uẩn giải thoát trí kiến vô học.

Đó gọi là sự sai biệt.

*

Như Đức Thế Tôn đã nói: “Bí-sô nên biết! Chỉ một cứu cánh, không có cứu cánh riêng khác”. Ở đây, pháp nào gọi là cứu cánh?

Đáp: Đức Thế Tôn hoặc có lúc đối với đạo, nói tiếng cứu cánh, hoặc có lúc đối với đoạn nói tiếng cứu cánh.

Đối với *đạo* nói tiếng cứu cánh, như Đức Thế Tôn dạy:

*Một loại người thông, mạn
Không thể biết cứu cánh
Người kia không chứng đạo
Không điều phục mà chết.*

Đối với *đoạn* nói tiếng cứu cánh, như Đức Thế Tôn dạy:

*Người đã đến cứu cánh
Không sợ, không nghi, hối
Vĩnh viễn nhỏ tên Hữu
Trụ nơi thân biên sau.
Đấy là trọn cứu cánh
Dấu tịch tĩnh vô thượng
Dấu thanh tịnh không chết
Vì các tướng đều dứt.*

Lại, như Khế kinh nói: “Có một Phạm chí tên Số Mục-liên, đi đến chỗ Đức Phật, thỉnh vấn Phật: Kiền-đáp-ma tôn quý! Chỉ dạy, khuyên bảo, truyền trao các Bí-sô v.v... đã thọ nhận xong, đều có thể chứng đắc cảnh giới Niết-bàn cứu cánh cùng tột không? Đức Thế Tôn bảo: Sự việc này không nhất định: một loại có thể chứng đắc, một loại thì không thể”.

*

Như Khế kinh nói: “Phật bảo Bí-sô: Có các ngoại đạo tuy cùng thiết lập sự đoạn dứt nhận biết các thủ, nhưng họ đã không thể nêu bày đầy đủ, nghĩa là chỉ thiết lập sự đoạn dứt nhận biết về dục thủ, kiến thủ, giới thủ, không phải ngã ngữ thủ”.

Hỏi: Sự việc này có nghĩa gì?

Đáp: Có thuyết nói: Đây là Đức Thế Tôn thuyết pháp đột nhiên thôi. Người kia không nên nói như vậy. Vì sao? Vì Đức Thế Tôn thuyết pháp không phải hoàn toàn không có nhân, hoặc một ít nhân.

Lại có thuyết nói: Lời nói ấy làm rõ ngoại đạo kia đã có phần ít đoạn dứt. Vì đó không nên nói như thế. Vì sao? Vì phạm phu cũng có thể đoạn dứt phần ít về ngã ngữ thủ. Tuy nhiên, Đức Phật, Thế Tôn đã vì vô lượng đại chúng như hàng trời, người v.v... thuyết giảng rộng về pháp yếu, khai thị thuận hợp, khiến theo từng loại đều được hiểu rõ.

Có các ngoại đạo đã trộm nghe Đức Phật thuyết giảng các tên gọi về uẩn, giới, xứ, cái, niệm trụ v.v... cho đến giác chi, hoặc có đầy đủ, hoặc không đầy đủ.

Các ngoại đạo ấy nếu có nghe được tên gọi về dục thủ, bèn nói: “Ta cũng thiết lập sự đoạn dứt nhận biết về dục thủ”. Hoặc có người được nghe tên gọi về kiến thủ, liền nói: “Ta cũng thiết lập sự đoạn dứt nhận biết về kiến thủ”. Hoặc có người được nghe tên gọi về giới thủ, liền nói: “Ta cũng thiết lập sự đoạn dứt nhận biết về giới thủ”.

Như nhiều Bí-sô đang tập hợp tại một chỗ, có các ngoại đạo đến, nói: “Như Kiền-đáp-ma đã vì các đệ tử nêu giảng pháp yếu, nghĩa là giảng nói: Bí-sô các ông nên đoạn dứt năm cái (ngã che). Năm cái như thế có thể làm nhiễm ô tâm, khiến cho tuệ lực yếu kém, gây tổn hại phần giác, chướng ngại Niết-bàn. Nơi bốn niệm trụ, nên khéo trụ tâm. Đối với bảy giác chi, nên siêng năng tu tập”.

Chúng tôi cũng có thể vì các đệ tử nói pháp yếu này, tức pháp yếu do Kiều-đáp-ma đã giảng nói so với những thứ chúng tôi nói đâu có khác biệt, nhưng nay các ông sao chỉ riêng quy thuận nơi ông ấy?

Rõ ràng là ngoại đạo kia hãy còn không thể nhận biết về danh, tướng của năm cái, huông hồ là có khả năng thấu đạt, trụ nơi bốn niệm trụ, tu tập bảy giác chi. Nhưng do nghe trộm lời Phật nói, nên đã nêu bày như thế. Sự việc thiết lập đoạn dứt thủ nên biết cũng như vậy.

Lại, như ngoại đạo Ma-kiền-địa-ca, không hiểu rõ về tự thân là chỗ tích tập mọi bệnh tật là khổ, không, vô ngã sát-na không dùng, đã đi đến chỗ Đức Phật, vỗ bụng nói: “Nay thân này của tôi đã không có các bệnh, nên biết tức là Niết-bàn cứu cánh”. Ngoại đạo kia hãy còn không nhận biết về danh, tướng của không bệnh, huông hồ là có thể thấu đạt Niết-bàn cứu cánh. Nhưng do nghe trộm lời Phật nói, nên đã nói năng như vậy. Sự việc thiết lập đoạn dứt thủ nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Do đâu ngoại đạo chỉ có thiết lập việc đoạn dứt nhận biết ba thủ, không phải ngã ngữ thủ?

Đáp: Vì ngoại đạo kia nơi đem dài sinh tử đã chấp có chân thật về ngã, hữu tình, thọ mạng, sự sinh, khả năng nuôi dưỡng, Bồ-đặc-già-la. Ngoại đạo kia đã chấp là có chân thật.

Hỏi: Chúng ta đâu khẳng định việc thiết lập đoạn dứt ngã ngữ thủ, chỉ nói đồng thiết lập việc đoạn dứt nhận biết các thủ. Lời nói này có nghĩa gì?

Đáp: Là Đức Phật, Thế Tôn đã tùy thuận nơi ngôn thuyết của ngoại đạo kia. Như Đức Thế Tôn nói: “Các ngoại đạo ấy đã nêu bày có thật về hữu tình đoạn hoại”. Nhưng nếu căn cứ nơi thẳng nghĩa thì không có hữu tình thật, chỉ tùy thuận nơi lời nói của ngoại đạo kia để nêu bày như vậy. Đây cũng như thế, nên không có lỗi.

*

Như Khế kinh nói: “Có hai thứ nhận biết khắp là trí nhận biết khắp và đoạn nhận biết khắp”.

Hỏi: Thế nào là trí nhận biết khắp?

Đáp: Các trí kiến hiện quán hiểu biết sáng rõ, đó gọi là trí nhận biết khắp.

Hỏi: Thế nào là đoạn nhận biết khắp?

Đáp: Các tham vỹh viển đoạn dứt, sân, si vỹh viển đoạn dứt, hết thủy phiền não vỹh viển đoạn dứt, đó gọi là đoạn nhận biết khắp.

Đức Thế Tôn hoặc có khi đối với trí nói tiếng nhận biết khắp, hoặc có lúc đối với đoạn nói tiếng nhận biết khắp.

Đối với trí nói tiếng nhận biết khắp, như kệ viết:

*Nho đồng hiền tịch tĩnh
Hay ích các thế gian
Có trí nhận biết khắp
Tham ái sinh các khổ.
Có trí nói nên làm
Không làm không nên nói
Người trí nên biết khắp
Người có nói không tạo.*

Đối với đoạn nói tiếng nhận biết khắp, như Khế kinh nói: Phật bảo Bì-sô: “Ta sẽ vì các ông giảng nói về Pháp được nhận biết khắp, Tự tánh của nhận biết khắp, Người có thể nhận biết khắp”. Pháp được nhận biết khắp nghĩa là năm thủ uẩn. Tự tánh của nhận biết khắp nghĩa là tham vỹh viển đoạn dứt, sân, si vỹh viển đoạn dứt, tất cả phiền não vỹh viển đoạn dứt. Người có thể nhận biết khắp nghĩa là bậc A-la-hán các lậu đã vỹh viển dứt hết, không chấp nơi Như Lai sau khi diệt độ có pháp không nên ghi nhận như có không v.v...

*

Hỏi: Những người quy y Phật là quy y nơi chốn nào?

Đáp: Nếu pháp thật có, hiện có tướng cùng tướng, thiết lập ngôn thuyết gọi là Phật-đà, quy y nơi Phật-đà kia hiện có thành pháp Bồ-đề vô học, gọi là quy y Phật.

Hỏi: Các người quy y Pháp là quy y nơi chốn nào?

Đáp: Nếu pháp thật có, hiện có tướng cùng tướng, thiết lập ngôn thuyết gọi là Đạt ma, quy y nơi Niết-bàn ái tận, lìa diệt như thế, gọi là quy y Pháp.

Hỏi: Các người quy y Tăng là quy y nơi chốn nào?

Đáp: Nếu pháp thật có, hiện có tướng cùng tướng, thiết lập ngôn thuyết gọi là Tăng già, quy y nơi Tăng già kia hiện có thành pháp Tăng già hữu học, vô học, gọi là quy y Tăng.

Phẩm 5: BÀN VỀ VÔ TÂM (KHÔNG HỔ)

Tụng nêu chung:

***Đen trắng, hai căn, tâm
Trạo hối, hôn thù, mộng
Cái, vô minh, không chung
Chương này xin nói đủ.***

*

Hỏi: Thế nào là vô tâm (Không hổ)?

Đáp: Các thứ không hổ, không có đối tượng bị hổ, không có hổ khác. Không có xấu hổ, không có đối tượng bị xấu hổ, không có xấu hổ khác. Không kính trọng, không có tánh kính trọng, không tự tại,

không có tánh tự tại. Đối với người tự tại, không chuyển biến sợ hãi. Đó gọi là vô tâm.

Hỏi: Thế nào là vô quý (Không then)?

Đáp: Các thứ không then, không có đối tượng bị then, không có then khác. Không có xấu hổ, không có đối tượng bị xấu hổ, không có xấu hổ khác. Ở trong các tội, không sợ hãi, không thấy sợ hãi. Đó gọi là vô quý.

Hỏi: Không hổ và không then có sai biệt gì?

Đáp: Đối với người tự tại, không có chuyển biến sợ hãi, là không hổ. Ở trong các tội, không cảm thấy sợ sệt là không then. Đó là sự sai biệt.

Hỏi: Thế nào là tâm (Hổ)?

Đáp: Các thứ có hổ, có đối tượng bị hổ, có hổ khác. Có xấu hổ, có đối tượng bị xấu hổ, có xấu hổ khác. Có kính trọng, có tánh kính trọng, có tự tại, có tánh tự tại. Đối với người tự tại, có chuyển biến sợ hãi. Đó gọi là hổ.

Hỏi: Thế nào là quý (Then)?

Đáp: Các thứ có then, có đối tượng bị then, có then khác. Có xấu hổ, có đối tượng bị xấu hổ, có xấu hổ khác. Ở trong các tội, có sợ hãi, nhận thấy sợ hãi sâu xa. Đó gọi là then.

Hỏi: Hổ, then có sai biệt gì?

Đáp: Đối với người tự tại, có chuyển biến, sợ hãi là hổ. Ở trong các tội, nhận thấy sợ hãi sâu xa là then. Đó là sự sai biệt.

*

Hỏi: Thế nào là căn bất thiện tăng thượng?

Đáp: Các căn bất thiện có thể đoạn dứt căn thiện và khi lìa nhiễm dục thì sẽ bỏ chúng trước nhất.

Hỏi: Thế nào là căn bất thiện cùng hiện hành vi tế?

Đáp: Các căn bất thiện khi lia nhiễm dục, được dứt bỏ sau cùng, do vì dứt bỏ nhiễm dục kia, nên gọi là lia nhiễm dục.

Hỏi: Thế nào là căn thiện tăng thượng nơi cõi Dục?

Đáp: Khi Bồ-tát nhập chánh tánh ly sinh là đã được thế tục trí hiện quán biên nơi cõi Dục và khi Như Lai đạt được tận trí là đã được căn thiện vô tham, vô sân, vô si nơi cõi Dục.

Hỏi: Thế nào là căn thiện cùng hiện hành vi tế?

Đáp: Khi đoạn dứt căn thiện là được dứt bỏ sau cùng, do dứt bỏ căn thiện kia, nên gọi là đoạn căn thiện.

*

Hỏi: Các tâm quá khứ, tâm đó có biến hoại chăng?

Đáp: Các tâm quá khứ, tâm ấy đều biến hoại. Có tâm biến hoại, tâm ấy không phải là quá khứ: Nghĩa là tâm tương ưng với tham, sân ở hiện tại, vị lai. Như Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô các ông! Giả như bị giặc oán của xẻ thân mình, hoặc các chi phần, các ông nơi lúc ấy tâm chớ biến hoại, cũng nên phòng giữ miệng, chớ thốt ra lời nói thô ác. Nếu tâm biến hoại và thốt ra lời nói thô ác, thì đối với điều mình mong cầu sẽ bị chướng ngại lớn”. Lại như Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô các ông! Ở trong cảnh dục diệu không nên phát khởi tâm biến hoại”.

Hỏi: Các tâm nhiễm chấp, tâm ấy là biến hoại chăng?

Đáp: Các tâm nhiễm chấp, tâm ấy đều biến hoại. Có tâm biến hoại, tâm ấy không phải là nhiễm chấp: Nghĩa là tâm không tương ưng với tham quá khứ và tâm tương ưng với sân hận hiện tại, vị lai. Như Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô các ông! Giả như bị giặc oán v.v... nói rộng cho đến đối với điều mình mong cầu sẽ bị chướng ngại lớn”.

*

Hỏi: Thế nào là trạo cử?

Đáp: Các tâm không tịch tĩnh, không thôi dứt, khinh suất, dao động, vội vã, tâm ý bồn chồn, tán loạn. Đó gọi là trạo cử.

Hỏi: Thế nào là ố tác?

Đáp: Các tâm nóng bức, áo não, biến đổi, ghét việc đã làm, tán theo đuôi, ăn năn của tâm. Đó gọi là ố tác.

Hỏi: Các tâm có trạo cử, tâm ấy tương ưng với ố tác chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có tâm có trạo cử không phải tương ưng với ố tác: Nghĩa là tâm không có ố tác, có tánh bồn chồn, tán loạn. 2. Có tâm có ố tác không phải tương ưng với trạo cử: Nghĩa là tâm không nhiễm ô, có tánh ăn năn hối tiếc. 3. Có tâm có trạo cử cũng tương ưng với ố tác: Nghĩa là tâm nhiễm ô, có tánh ăn năn hối tiếc. 4. Có tâm không có trạo cử cũng không phải tương ưng với ố tác: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu ở trước.

*

Hỏi: Thế nào là hôn trầm?

Đáp: Các thứ tánh nặng nề của thân, tâm. Thân không điều hòa, thuận hợp, tâm không điều hòa, thuận hợp. Thân, tâm rối loạn, phiền muộn. Tâm mờ mịt, tánh nặng nề. Đó gọi là hôn trầm.

Hỏi: Thế nào là thù miên?

Đáp: Các tâm ham ngủ nghỉ, mờ mịt, suy yếu cùng chuyên biến. Tánh tối, chậm của tâm. Đó gọi là thù miên.

Hỏi: Các tâm có hôn trầm, tâm ấy tương ưng với thù miên chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có tâm có hôn trầm không phải tương ưng với thù miên: Nghĩa là tâm không có thù miên, có tánh hôn trầm. 2. Có tâm có thù miên không phải tương ưng với hôn trầm: Nghĩa là tâm không nhiễm ô, có tánh thù miên. 3. Có tâm có

hôn trầm cũng tương ưng với thù miên: Nghĩa là tâm nhiễm ô, có tánh thù miên. 4. Có tâm không có hôn trầm cũng không tương ưng với thù miên: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu ở trước.

Hỏi: Thù miên nên nói là thiện, là bất thiện, hay là vô ký?

Đáp: Thù miên nên nói hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký.

Thế nào là thiện? Nghĩa là tâm thiện nơi thù miên mờ tối, suy yếu cùng chuyển, tánh tối chậm của tâm.

Thế nào là bất thiện? Nghĩa là tâm bất thiện nơi thù miên mờ tối, suy yếu cùng chuyển, tánh tối chậm của tâm.

Thế nào là vô ký? Nghĩa là tâm vô ký nơi thù miên mờ tối, suy yếu cùng chuyển, tánh tối chậm của tâm.

*

Hỏi: Trong mộng, nên nói là phước tăng trưởng, là phi phước tăng trưởng, hay là phi phước phi phi phước tăng trưởng?

Đáp: Trong mộng nên nói hoặc là phước tăng trưởng, hoặc là phi phước tăng trưởng, hoặc là phi phước phi phi phước tăng trưởng.

Thế nào là phước tăng trưởng? Nghĩa là như có hữu tình ở trong mộng đã bố thí, làm phước, thọ trì trai giới, hoặc tùy theo một tướng phước khác nối tiếp chuyển biến.

Thế nào là phi phước tăng trưởng? Nghĩa là như có hữu tình ở trong mộng đã hại sinh mạng, không cho mà lấy, dâm dục tà hạnh, nên nói dối, uống các thứ rượu, hoặc tùy theo một tướng phi phước khác nối tiếp chuyển biến.

Thế nào là phi phước phi phi phước tăng trưởng? Nghĩa là như có hữu tình ở trong mộng hành tác phi phước phi phi phước nối tiếp chuyển biến.

Hỏi: Mộng gọi là pháp gì?

Đáp: Lúc hành tác thù miên (ngủ), tâm, tâm sở pháp chuyển vận nơi đối tượng duyên. Người kia sau khi thức giấc, tùy theo sự nhớ nghĩ, có thể vì người khác nói: “Tôi đã nằm mộng thấy những sự việc như thế, như thế”. Đó gọi là mộng.

*

Như Khế kinh nói: “Có năm cái (Năm thứ ngăn che)”.

Hỏi: Là năm cái gồm thân các cái, hay các cái gồm thân năm cái?

Đáp: Các cái gồm thân năm cái, không phải năm cái gồm thân các cái.

Hỏi: Không gồm thân những gì?

Đáp: Nghĩa là cái vô minh. Như Đức Thế Tôn nói:

*Bị cái vô minh che
Bị kiết ái trói buộc
Ngu, trí, cùng cảm đắc
Như thế có thân thức.*

Hỏi: Các cái, chúng là che lấp chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có cái không phải là che lấp: Nghĩa là năm cái quá khứ, vị lai. 2. Có che lấp không phải là cái: Nghĩa là trừ năm cái, các phiền não khác đang hiện tiền. 3. Có cái cũng là che lấp: Nghĩa là năm cái tùy theo một thứ đang hiện tiền. 4. Có không phải là cái cũng không phải là che lấp: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu ở trước.

*

Hỏi: Các tùy miên vô minh hệ thuộc nơi cõi Dục, tất cả tùy miên vô minh đó đều là bất thiện chăng?

Đáp: Các tùy miên vô minh bất thiện đều hệ thuộc nơi cõi Dục. Có tùy miên vô minh hệ thuộc nơi cõi Dục không phải là bất thiện: Nghĩa là vô minh hệ thuộc nơi cõi Dục tương ứng với hữu thân kiến, biên chấp kiến.

Hỏi: Các tùy miên vô minh hệ thuộc nơi cõi Sắc, Vô sắc, tất cả tùy miên vô minh đó đều là vô ký chăng?

Đáp: Các tùy miên vô minh hệ thuộc nơi cõi Sắc, Vô sắc đều là vô ký. Có tùy miên vô minh vô ký không phải là hệ thuộc nơi cõi Sắc, Vô sắc: Nghĩa là vô minh hệ thuộc nơi cõi Dục tương ứng với hữu thân kiến, biên chấp kiến.

Hỏi: Các tùy miên vô minh do kiến khổ, tập đoạn trừ, các tùy miên đó đều là biến hành chăng?

Đáp: Các tùy miên vô minh biến hành đều do kiến khổ, tập đoạn trừ. Có tùy miên vô minh do kiến khổ, tập đoạn trừ không phải là biến hành: Nghĩa là vô minh tương ứng với tùy miên không phải biến hành do kiến khổ, tập đoạn trừ.

Hỏi: Các tùy miên vô minh do kiến diệt, đạo đoạn trừ, các tùy miên đó đều không phải là biến hành chăng?

Đáp: Các tùy miên vô minh do kiến diệt, đạo đoạn trừ đều không phải là biến hành. Có tùy miên vô minh không phải là biến hành, không phải do kiến diệt, đạo đoạn trừ: Nghĩa là vô minh tương ứng với tùy miên không phải là biến hành, do kiến khổ, tập đoạn trừ.

*

Hỏi: Thế nào là tùy miên vô minh không chung?

Đáp: Là các vô minh đối với khổ không hiểu rõ, đối với tập diệt đạo đều không hiểu rõ.

Hỏi: Thế nào là triền trạo cử không chung?

Đáp: Là không có triền trạo cử không chung.

Phẩm 6: BÀN VỀ TƯỚNG

Tụng nêu chung:

*Hai ba tướng đồng dị
Lão, tử, vô thường, mạnh
Ba tướng một sát na
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Pháp sắc nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là sắc hay là không phải sắc?

Đáp: Nên nói là không phải sắc.

Hỏi: Pháp không phải sắc nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là sắc hay là không phải sắc?

Đáp: Nên nói là không phải sắc.

*

Hỏi: Pháp có kiến nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là có kiến hay là không kiến?

Đáp: Nên nói là không kiến.

Hỏi: Pháp không kiến nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là có kiến hay là không kiến?

Đáp: Nên nói là không kiến.

*

Hỏi: Pháp có đối nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là có đối hay là không đối?

Đáp: Nên nói là không đối.

Hỏi: Pháp không đối nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là có đối hay là không đối?

Đáp: Nên nói là không đối.

*

Hỏi: Pháp hữu lậu nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là hữu lậu hay là vô lậu?

Đáp: Nên nói là hữu lậu.

Hỏi: Pháp vô lậu nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là vô lậu hay là hữu lậu?

Đáp: Nên nói là vô lậu.

*

Hỏi: Pháp hữu vi nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là hữu vi hay là vô vi?

Đáp: Nên nói là hữu vi.

Hỏi: Pháp vô vi nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là vô vi hay là hữu vi?

Đáp: Nên nói là pháp vô vi không có sinh, trụ, lão, vô thường.

*

Hỏi: Pháp quá khứ nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là quá khứ, hay là vị lai, hiện tại?

Đáp: Nên nói là quá khứ.

Hỏi: Pháp vị lai nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là vị lai, hay là quá khứ, hiện tại?

Đáp: Nên nói là vị lai.

Hỏi: Pháp hiện tại nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là hiện tại, hay là quá khứ, vị lai?

Đáp: Nên nói là hiện tại.

*

Hỏi: Pháp thiện nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là thiện, hay là bất thiện, vô ký?

Đáp: Nên nói là thiện.

Hỏi: Pháp bất thiện nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là bất thiện, hay là thiện, vô ký?

Đáp: Nên nói là bất thiện.

Hỏi: Pháp vô ký nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là vô ký, hay là thiện, bất thiện?

Đáp: Nên nói là vô ký.

*

Hỏi: Pháp hệ thuộc cõi Dục nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là hệ thuộc nơi cõi Dục, hay là hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc?

Đáp: Nên nói hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Pháp hệ thuộc cõi Sắc nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là hệ thuộc nơi cõi Sắc, hay là hệ thuộc nơi cõi Dục, cõi Vô sắc?

Đáp: Nên nói hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Pháp hệ thuộc cõi Vô sắc nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, hay là hệ thuộc nơi cõi Dục, cõi Sắc?

Đáp: Nên nói hệ thuộc cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Pháp học nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là học, hay là vô học, phi học phi vô học?

Đáp: Nên nói là học.

Hỏi: Pháp vô học nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là vô học, hay là học, phi học phi vô học?

Đáp: Nên nói là vô học.

Hỏi: Pháp phi học phi vô học nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là phi học phi vô học, hay là học, vô học?

Đáp: Nên nói là phi học phi vô học.

*

Hỏi: Pháp do kiến đạo đoạn nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là do kiến đạo đoạn, hay là do tu đạo đoạn, không đoạn?

Đáp: Nên nói là do kiến đạo đoạn.

Hỏi: Pháp do tu đạo đoạn nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là do tu đạo đoạn, hay là do kiến đạo đoạn, không đoạn?

Đáp: Nên nói là do tu đạo đoạn.

Hỏi: Pháp không đoạn nơi sinh, trụ, lão, vô thường, nên nói là không đoạn, hay là do tu đạo đoạn, kiến đạo đoạn?

Đáp: Nên nói là không đoạn.

*

Hỏi: Thế nào là lão (già)?

Đáp: Là các hành hướng đến tướng biến hoại, chín muối, chống trái. Đó gọi là già.

*

Hỏi: Thế nào là tử (chết)?

Đáp: Là hữu tình kia từ chúng đồng phận của mình đời đời, hoại mất, xả bỏ thọ mạng, mạng căn lụi tàn, diệt bỏ các uẩn, thân sắc tiêu tan. Đó gọi là tử.

*

Hỏi: Thế nào là vô thường?

Đáp: Là các hành tan hoại, vỡ chìm, thoái mất. Đó gọi là vô thường.

Hỏi: Tử và vô thường có sai biệt gì?

Đáp: Các tử là vô thường. Có vô thường không phải là tử: Nghĩa là các hành diệt khác, trừ tử.

*

Hỏi: Sức của nghiệp mạnh hay là sức của vô thường mạnh?

Đáp: Sức của nghiệp mạnh, không phải sức của vô thường mạnh.

Có thuyết nói: “Sức của vô thường mạnh, không phải sức của nghiệp mạnh. Vì sao? Vì nghiệp cũng là vô thường. Ở trong nghĩa này, sức của nghiệp mạnh, không phải sức của vô thường mạnh. Vì sao? Vì nghiệp có thể diệt hành của ba đời, còn vô thường chỉ diệt hành hiện tại”.

*

Như Đức Thế Tôn nói: “Có ba tướng hữu vi của các pháp hữu vi. Khi hữu vi khởi cũng có thể nhận biết rõ về tận cùng trụ, dị, cũng có thể nhận biết rõ trong một sát-na”.

Hỏi: Thế nào là khởi?

Đáp: Là sinh.

Hỏi: Thế nào là tận?

Đáp: Là vô thường.

Hỏi: Thế nào là trụ, dị?

Đáp: Là lão.

Phẩm 7: BÀN VỀ VÔ NGHĨA

Tụng nêu chung:

*Vô nghĩa, niệm, vô tướng
Biết pháp luân, lậu dứt
Nhiều dục, nuôi dưỡng, đủ
Chương này xin nói đủ.*

*

Như Đức Thế Tôn nói:

*Tu các khổ hạnh khác
Nên biết nghĩa vô, cùng
Không đạt được lợi an
Như đẩy thuyền trên đất.*

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói như thế này: Tu khổ hạnh khác đều cùng có vô nghĩa?

Đáp: Là do hành kia hướng tới chết, sắp chết, đã chết, vì không phải tu khổ hạnh như thế là có thể siêu vượt cái chết.

*

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Ngồi kiết già, thân ngay ngắn, chánh nguyện, trụ nơi niệm đối diện”.

Hỏi: Thế nào là trụ nơi niệm đối diện?

Đáp: Người tu hành quán buộc giữ niệm nơi khoảng chân mày. Hoặc quán màu xanh bầm, hoặc quán thi thể sinh trưởng lên, hoặc quán mũ chày đầy đầy, hoặc quán tử thi vỡ nát, hoặc quán màu đỏ khác biệt, hoặc quán tử thi bị chim thú cắn xé ăn, hoặc quán các chi phần nơi thân bị lia rời, hoặc quán xương trắng, hoặc quán các khúc xương nối kết. Những cách quán này gọi là trụ nơi niệm đối diện.

*

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Đại Mục-kiền-liên! Phạm thiên Đê-sa đã không nói về trụ vô tướng thứ sáu chăng?”.

Hỏi: Thế nào là trụ vô tướng thứ sáu?

Đáp: Tùy tín hành, tùy pháp hành được gọi là trụ vô tướng thứ sáu. Vì sao? Vì hai vô tướng này không thể an lập, không thể nêu bày ở chỗ này, chỗ khác, hoặc khổ pháp trí nhãn, hoặc khổ pháp trí, nói rộng cho đến hoặc đạo loại trí nhãn. Do vô tướng này không thể an lập, không thể nêu bày ở đây, ở kia, nên gọi là trụ vô tướng thứ sáu.

*

Như Khế kinh nói: Phật chuyển pháp luân, các Bí-sô như Kiền-trần-na v.v... thấy pháp, thần đất Dược-xoa cất tiếng cáo khắp: “Nay, Đức Thế Tôn ở tại vườn Nai của xứ Tiên nhân Bà-la-nê-tu, đã ba lần chuyển pháp luân, đủ mười hai tướng”.

Hỏi: Do thần đất kia có chánh trí kiến nên nhận biết Đức Phật chuyển pháp luân, Bí-sô thấy pháp chăng?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Thần đất kia làm sao nhận biết?

Đáp: Vì tin nơi Đức Thế Tôn. Nghĩa là Phật khởi tâm thể tục: “Ta chuyển pháp luân, Bí-sô thấy pháp”, do vậy nên vị kia nhận biết. Hoặc Phật bảo người khác: “Ta chuyển pháp luân, Bí-sô thấy pháp”, nên thần đất kia đã nghe được. Hoặc từ Đại đức, Thiên tiên đã nghe, hoặc Tôn giả Kiều-trần-na kia v.v... khởi tâm thể tục: “Đức Phật chuyển pháp luân, chúng ta thấy pháp”, do vậy nên thần đất kia nhận biết được. Hoặc chư vị kia nói với người khác, thần đất đã nghe được.

*

Lại như Khế kinh nói: Có các Bí-sô đạt được A-la-hán, các lậu đã dứt hết, chư Thiên cõi trời Ba Mươi Ba thường xuyên vân tập nơi Thiện pháp đường để nêu bày nói rõ ở xứ ấy, có Tôn giả tên, hoặc vị đệ tử kia đã cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục cà sa, chánh tín xuất gia, siêng tu Thánh đạo, các lậu đã tận, chứng đắc vô lậu, tâm tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp, có thể tự thông đạt, chứng trụ đầy đủ, lại tự nhận biết: Nẻo sinh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, công việc làm đã hoàn thành, không thọ thân sau.

Hỏi: Vì chư Thiên kia có chánh trí kiến nên nhận biết các Bí-sô đạt được A-la-hán, các lậu đã dứt hết chăng?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Chư Thiên kia làm sao nhận biết?

Đáp: Là vì tin nơi Đức Thế Tôn. Tức là Đức Phật khởi tâm thể tục: Các Bí-sô này đã đạt được A-la-hán, các lậu đã dứt hết, do vậy chư Thiên kia nhận biết. Hoặc do Phật nói với người khác: Các Bí-

sô này đã chứng đắc A-la-hán, các lậu đã dứt hết, nên chư Thiên kia được nghe. Hoặc từ Đại đức, Thiên tiên đã nghe. Hoặc Tôn giả kia đã khởi tâm thể tục: Ta đã dứt hết các lậu, chứng đắc quả A-la-hán, do đây chư Thiên kia nhận biết. Hoặc các vị kia đã nói với người khác, khiến chư Thiên được nghe.

*

Như Khế kinh nói: Ở nước Ma-yết-đà, các quan phụ tá, hoặc là Hóa pháp điều phục, hoặc là Pháp tùy pháp hành.

Hỏi: Vì sao các quan kia được gọi là Hóa pháp điều phục, Pháp tùy pháp hành?

Đáp: Nếu ở trong cõi trời mà thấy pháp, gọi là Hóa pháp điều phục. Nếu ở nơi cõi người mà thấy pháp, gọi là Pháp tùy pháp hành.

Lại nữa, nếu người không trì giới mà thấy pháp, gọi là Hóa pháp điều phục. Nếu người thọ trì giới mà thấy pháp, gọi là pháp tùy pháp hành.

*

Hỏi: Thế nào là nhiều dục?

Đáp: Các thứ dục (ham muốn), đã dục, sẽ dục. Đó gọi là nhiều dục.

Hỏi: Thế nào là không biết đủ?

Đáp: Các thứ không vui mừng, không cùng vui mừng, không vui mừng khắp, không đã vui mừng, không sẽ vui mừng. Đó gọi là không biết đủ.

Hỏi: Nhiều dục và không biết đủ có sai biệt gì?

Đáp: Đối với các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc đáng yêu thích, các thứ y phục, thức ăn uống, giường tòa, thuốc thang, vật

dụng hỗ trợ cho đời sống khác chưa có được, dùng các phương tiện để mong cầu, tư duy, mên mộ, tìm kiếm, đòi hỏi, đạt được. Đó gọi là nhiều dục.

Đối với các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc đáng yêu thích, các thứ y phục, thức ăn uống, giường tòa, thuốc thang, vật dụng hỗ trợ cho đời sống khác đã có được, lại còn trông mong ham muốn, vui thích, cầu đạt nhiều hơn nữa. Đó gọi là không biết đủ.

Sai biệt là như thế.

*

Hỏi: Thế nào là ít dục?

Đáp: Các thứ không dục, không đã dục, không sẽ dục. Đó gọi là ít dục.

Hỏi: Thế nào là biết đủ?

Đáp: Các thứ vui mừng, cùng vui mừng, vui mừng khắp, đã vui mừng, sẽ vui mừng. Đó gọi là biết đủ.

Hỏi: Ít dục và biết đủ có sai biệt gì?

Đáp: Đối với các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc đáng yêu thích, các thứ y phục, thức ăn uống, giường tòa, thuốc thang, vật dụng hỗ trợ cho đời sống khác chưa có được, phần nhiều không tạo phương tiện để hy vọng, mong cầu, tìm kiếm, tư duy, mên mộ, nhằm đạt được. Đó gọi là ít dục.

Đối với các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc đáng yêu thích, các thứ y phục, thức ăn uống, giường tòa, thuốc thang, vật dụng hỗ trợ cho đời sống khác đã có được, đều không trông mong ham muốn, ưa thích, cầu đạt thêm nữa. Đó gọi là biết đủ.

Sai biệt là như thế.

*

Hỏi: Thế nào là khó đầy đủ ?

Đáp: Là các kẻ chú trọng về ăn uống, ăn nhiều, uống nhiều, ăn to, uống lớn, không dùng một ít để có thể cứu giúp. Đó gọi là khó đầy đủ.

Hỏi: Thế nào là khó nuôi dưỡng?

Đáp: Là các kẻ ham thích ăn uống, rất ham thích ăn uống, vội vàng nhai nuốt, ném, mút, lựa chọn mà ăn, lựa chọn mà uống, không phải là nơi chốn có thể cứu giúp. Đó gọi là khó nuôi dưỡng.

Hỏi: Khó đầy đủ và khó nuôi dưỡng có sai biệt gì?

Đáp: Tức như trước đã nói. Đó gọi là sai biệt.

*

Hỏi: Thế nào là dễ đầy đủ?

Đáp: Là các kẻ không chú trọng về ăn uống, không ăn nhiều, không uống nhiều, không ăn to, không uống lớn, tuy có ít liền có thể cứu giúp. Đó gọi là dễ đầy đủ.

Hỏi: Thế nào là dễ nuôi dưỡng?

Đáp: Là các kẻ không ham thích ăn uống, không ham thích ăn nhiều, không vội vàng nhai nuốt, ném, mút, không lựa chọn mà ăn, không lựa chọn mà uống, là nơi chốn có được liền cứu giúp. Đó gọi là dễ nuôi dưỡng.

Hỏi: Dễ đầy đủ và dễ nuôi dưỡng có sai biệt gì?

Đáp: Tức như trước đã nói. Đó gọi là sai biệt.

Phẩm 8: BÀN VỀ TƯ

Tụng nêu chung:

*Tư tầm trạo đều riêng
Ngu tri kiêu mạn hại
Nhiều hành căn tánh tà
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Thế nào là Tư?

Đáp: Các thứ tư duy, cùng tư duy, thêm tư duy, là tánh tư duy, thuộc loại tư duy, tâm hành ý nghiệp. Đó gọi là Tư.

Hỏi: Thế nào là Lự?

Đáp: Các thứ lo nghĩ, cùng lo nghĩ, thêm lo nghĩ, xung lường trừ tính, quan sát. Đó gọi là Lự.

Hỏi: Tư và Lự có sai biệt gì?

Đáp: Tư là nghiệp, Lự là tuệ. Đó gọi là sai biệt.

*

Hỏi: Thế nào là Tầm?

Đáp: Các tâm tìm cầu, biện biệt, hiển bày chỉ rõ, suy lường, cấu tạo, phác họa, là tánh phân biệt, thuộc loại phân biệt. Đó gọi là Tầm.

Hỏi: Thế nào là Tứ?

Đáp: Các tâm dò xét, tùy hành, tùy chuyên, tùy thuộc truyền đi. Đó gọi là Tứ.

Hỏi: Tầm và Tứ có sai biệt gì?

Đáp: Tánh thô của tâm gọi là tâm, tánh vi tế của tâm gọi là tứ. Đó gọi là sai biệt.

*

Hỏi: Thế nào là Trạo cử?

Đáp: Các tâm không tịch tĩnh, không dừng dứt, vội vã dao động, tâm bồn bộn, tán loạn. Đó gọi là Trạo cử.

Hỏi: Thế nào là Tâm loạn?

Đáp: Các tâm tán loạn, dong ruổi trôi nổi không trụ, không phải tánh một cảnh. Đó gọi là Tâm loạn.

Hỏi: Trạo cử và Tâm loạn có sai biệt gì?

Đáp: Tướng không tịch tĩnh gọi là trạo cử, tướng không phải một cảnh gọi là Tâm loạn. Đó gọi là sai biệt.

*

Hỏi: Thế nào là vô minh?

Đáp: Là không có trí về ba cõi.

Hỏi: Thế nào là không chánh tri?

Đáp: Là tuệ bị dẫn dắt theo nẻo phi lý.

Ông nói: Không chánh tri là tuệ bị dẫn dắt theo nẻo phi lý chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Ý ông muốn gì? Các hữu tình có chánh tri nhưng nói dối, họ đều thất niệm, không chánh tri nên nói dối chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Lại nữa, ý ông muốn gì? Người không có chánh tri nên nói dối chẳng?

Đáp: Không phải như vậy. Nên nghe tôi nói: “Nếu nói không chánh tri là tuệ bị dẫn dắt theo nẻo phi lý, thì các người có chánh tri nhưng nói dối, những người ấy vì đều thất niệm, không chánh tri nên nói dối, tức phải nói không có chánh tri nên nói dối. Nếu không nói không có chánh tri mà nói dối, tức không nên nói không chánh tri là tuệ bị dẫn dắt theo nẻo phi lý. Những người có chánh tri nhưng nói dối, những người ấy vì đều thất niệm, không chánh tri nên nói dối”. Nên bày như thế đều cùng không hợp lý, nên hỏi vặn người kia.

Ông nói: Các vô minh đều tương ưng với không chánh tri chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Ý ông muốn gì? Các người có chánh tri nhưng nói dối, đều là nơi chốn của vô minh, bị vô minh trói buộc, vì thất niệm, không chánh tri nên nói dối chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Lại nữa, ý ông muốn gì? Không có chánh tri nên nói dối chăng?

Đáp: Không phải như vậy. Nên nghe tôi nói: “Nếu nói tất cả vô minh đều tương ưng với không chánh tri, những người có chánh tri mà nói dối, đều là nơi chốn của vô minh, bị vô minh trói buộc, vì thất niệm, không chánh tri nên nói dối, tức phải nói không có chánh tri nên nói dối. Nếu không nói không có chánh tri mà nói dối, tức không nên nói tất cả vô minh đều tương ưng với không chánh tri. Các người có chánh tri nhưng nói dối, đều thuộc về nơi chốn của vô minh, bị vô minh trói buộc, thất niệm, không chánh tri nên nói dối”. Nên bày như thế cũng đều không hợp lý.

*

Hỏi: Thế nào là kiêu?

Đáp: Các người kiêu hãnh, say sưa, hết sức say sưa, buồn bực, tâm ngạo mạn, buông thả, tâm tự chấp giữ. Đó gọi là kiêu.

Hỏi: Thế nào là mạn?

Đáp: Các mạn, đã ngạo mạn, sẽ ngạo mạn, tâm đề cao, ý thị, tâm tự chấp giữ. Đó gọi là mạn.

Hỏi: Kiêu với mạn có sai biệt gì?

Đáp: Nếu không trái với người khác, nhiễm chấp pháp mình, tâm có tướng ngạo mạn, phóng dật, gọi là kiêu. Nếu trái với người khác, tướng tự đề cao, ý thị, gọi là mạn. Đó gọi là sai biệt.

*

Hỏi: Nếu khởi tăng thượng mạn: Ta thấy khổ là khổ, hoặc thấy tập là tập, mạn này đã duyên vào gì?

Đáp: Như có một loại hữu tình thân cận bậc thiện sĩ (thiện tri thức), lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý, do nhân duyên ấy nên được thuận nhãn đế. Khổ hiện quán biên là đối với khổ vui nhận hiểu rõ là khổ. Tập hiện quán biên là đối với tập vui nhận hiểu rõ là tập. Người kia do nhãn này nên tác ý gìn giữ, hoặc do trung gian không tác ý nên kiến, nghi không hiện hành. Nếu như hiện hành do không biết, tức tạo ra suy niệm: Ta đối với khổ thấy là khổ, hoặc đối với tập thấy là tập. Do đây khởi mạn, đã mạn, sẽ mạn, tâm đề cao, ý thị, tâm tự chấp giữ, gọi là tăng thượng mạn. Mạn này tức duyên nơi khổ, hoặc tức duyên nơi tập.

Hỏi: Nếu khởi tăng thượng mạn: Ta thấy diệt là diệt, hoặc thấy đạo là đạo, mạn này đã duyên vào gì?

Đáp: Như có một loại hữu tình thân cận bậc thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý, do nhân duyên ấy nên được thuận nhãn đế. Diệt hiện quán biên là đối với diệt vui nhận hiểu rõ là diệt. Đạo hiện quán biên là đối với đạo vui nhận hiểu rõ là đạo. Người kia do nhãn này nên tác ý gìn giữ, hoặc do trung gian không tác ý nên kiến, nghi không hiện hành. Nếu như hiện hành do không biết, tức có suy niệm:

Ta đối với diệt thấy là diệt, hoặc đối với đạo thấy là đạo. Do đấy khởi mạn, đã mạn, sẽ mạn, tâm đề cao, ý thị, tâm tự chấp giữ, gọi là tăng thượng mạn. Mạn này tức duyên nơi tâm, tâm sở pháp kia.

Hỏi: Nếu khởi tăng thượng mạn: Nẻo sinh tử của ta đã hết, mạn này đã duyên vào gì?

Đáp: Như có người khởi suy nghĩ : Đây là đạo, đây là hành. Ta dựa vào đạo này, hành này, đã nhận biết khắp về khổ, đã vĩnh viễn đoạn dứt tập, đã chứng diệt, đã tu đạo, nẻo sinh tử của ta đã tận, do vậy nên khởi mạn, đã kiêu mạn, sẽ kiêu mạn, tâm đề cao, ý thị, tâm tự chấp giữ, gọi là tăng thượng mạn. Mạn này tức duyên nơi sinh.

Hỏi: Nếu khởi tăng thượng mạn: Phạm hạnh của ta đã lập, mạn này đã duyên vào gì?

Đáp: Như có người khởi suy nghĩ: Đây là đạo, đây là hành. Ta dựa vào đạo này, hành này, đã nhận biết khắp về khổ, đã vĩnh viễn đoạn dứt tập, đã chứng diệt, đã tu đạo, phạm hạnh của ta đã lập, do vậy nên khởi mạn, đã kiêu mạn, sẽ kiêu mạn, tâm đề cao, ý thị, tâm tự chấp giữ, gọi là tăng thượng mạn. Mạn này tức duyên nơi tâm, tâm sở pháp kia.

Hỏi: Nếu khởi tăng thượng mạn: Công việc cần làm ta đã làm xong, mạn này đã duyên vào gì?

Đáp: Như có người khởi suy nghĩ: Đây là đạo, đây là hành. Ta dựa vào đạo này, hành này, đã nhận biết khắp về khổ, đã vĩnh viễn đoạn dứt tập, đã chứng diệt, đã tu đạo. Ta đã đoạn trừ tùy miên, đã dứt bỏ phiền não, đã hủy hoại hết kiết, đã diệt hết lậu, công việc đã làm xong, do đấy nên khởi mạn, đã kiêu mạn, sẽ kiêu mạn, tâm đề cao, ý thị, tâm tự chấp giữ, gọi là tăng thượng mạn. Mạn này tức duyên nơi tâm, tâm sở pháp kia.

Hỏi: Nếu khởi tăng thượng mạn: Ta không thọ nhận thân sau, mạn này đã duyên vào gì?

Đáp: Như có người khởi suy nghĩ: Đây là đạo, đây là hành. Ta dựa vào đạo này, hành này, đã nhận biết khắp về khổ, đã vĩnh viễn đoạn dứt tập, đã chứng diệt, đã tu đạo, nẻo sinh tử của ta đã tận, phạm hạnh đã lập, công việc đã làm xong, không thọ nhận thân sau, thế nên khởi mạn, đã kiêu mạn, sẽ kiêu mạn, tâm đề cao, ý thị, tâm tự chấp giữ, gọi là tăng thượng mạn. Mạn này tức duyên nơi Hữu.

Hỏi: Thế nào là tự cho là thấp kém mà khởi mạn?

Đáp: Như có một loại hữu tình thấy người khác hơn mình về chủng tánh, dòng họ, của cải, phần vị, kỹ năng, cùng các thứ như ruộng vườn v.v... nên khởi suy nghĩ: Kẻ kia hơn ta một ít, ta chỉ thua kém họ một ít, nhưng thật sự là thua kém kẻ kia nhiều gấp trăm ngàn lần. Vì thế người ấy khởi mạn, đã kiêu mạn, sẽ kiêu mạn, tâm đề cao, ý thị, tâm tự chấp giữ. Đó gọi là tự cho là thấp kém mà khởi mạn.

*

Như Khế kinh nói: “Nếu khởi tâm dục, tâm giận, tâm hại, hoặc tự hại, hoặc hại người khác, hoặc đều cùng hại”.

Hỏi: Thế nào là tâm dục tự hại?

Đáp: Như có một loại hữu tình vì khởi triền tham, nên thân tâm vất vả, thân tâm bị nung đốt, nóng bức, nhiệt não. Lại do duyên này sẽ phải thọ nhận các quả dị thực không yêu, không thích, không vui mừng, không vừa ý nơi cõi sinh tử. Như thế là tự hại.

Hỏi: Thế nào là tâm dục hại người khác?

Đáp: Như có một loại hữu tình vì khởi triền tham, nên ngắm nhìn vợ người khác, chồng của bà ấy thấy, tâm sinh giận dữ, kết hận, sâu não. Như thế là hại người khác.

Hỏi: Thế nào là tâm dục đều cùng hại?

Đáp: Như có một loại hữu tình vì khởi triền tham, nhiễm ô, chiếm đoạt vợ người khác, chồng của bà ấy biết được nên bắt trói cả

hai, đánh đập, đoạn mạng, hoặc đoạt lấy của cải vật báu. Như thế là đều cùng hại.

*

Hỏi: Thế nào là tâm giận tự hại?

Đáp: Như có một loại hữu tình vì khởi triền giận nên thân nhọc, tâm khổ, thân tâm bị nung đốt, nóng bức, nhiệt não. Lại do duyên này nên phải thọ nhận các quả dị thực không yêu, không thích, không vui mừng, không vừa ý trong cõi sinh tử. Như thế là tự hại.

Hỏi: Thế nào là tâm giận hại người khác?

Đáp: Như có một loại hữu tình vì khởi triền giận nên hại mạng người khác. Như thế là hại người khác.

Hỏi: Thế nào là tâm giận đều cùng hại?

Đáp: Như có một loại hữu tình vì khởi triền giận nên đoạn hại mạng người khác, cũng lại bị người khác đoạn hại mạng mình. Như thế là đều cùng hại.

*

Hỏi: Thế nào là tâm hại tự hại?

Đáp: Như có một loại hữu tình vì khởi triền hại nên thân tâm vất vả, khổ nhọc, thân tâm bị nung đốt, nóng bức, nhiệt não. Lại do duyên này nên phải thọ nhận các quả dị thực thực không yêu, không thích, không vui mừng, không vừa ý trong cõi sinh tử. Như thế là tự hại.

Hỏi: Thế nào là tâm hại hại người khác?

Đáp: Như có một loại hữu tình vì khởi triền hại nên trói buộc, đánh đập kẻ khác. Như thế là hại người khác.

Hỏi: Thế nào là tâm hại đều cùng hại?

Đáp: Như có một loại hữu tình vì khởi triền hại nên trời buộc, đánh đập người khác, cũng lại bị người khác bắt trời, đánh đập mình. Như thế là đều cùng hại.

*

Hỏi: Trí nhiều hay là cảnh nhiều?

Đáp: Cảnh nhiều, không phải là trí nhiều. Vì sao? Vì trí cũng là cảnh.

Hỏi: Trí nhiều hay là thức nhiều?

Đáp: Thức nhiều, không phải là trí nhiều. Vì sao? Vì các trí đều tương ưng với thức, không phải các thức đều tương ưng với trí. Vì thức tương ưng với nhãn, không phải tương ưng với trí.

*

Hỏi: Hành hữu lậu nhiều hay là hành vô lậu nhiều?

Đáp: Hành hữu lậu nhiều, không phải là hành vô lậu nhiều. Vì sao? Vì hành hữu lậu gồm thâu mười xứ và phần ít của hai xứ. Hành vô lậu chỉ gồm thâu phần ít của hai xứ.

Hỏi: Thế nào là hành viên mãn?

Đáp: Là thân luật nghi, ngũ luật nghi vô học, cùng thọ mạng thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là hộ viên mãn?

Đáp: Là luật nghi của căn vô học.

*

Hỏi: Thế nào là tánh phạm phu?

Đáp: Nếu đối với pháp Thánh, noãn Thánh, kiến Thánh, nhãn Thánh, dục Thánh, tuệ Thánh đều không được, đã không được, sẽ không được. Đó gọi là tánh phạm phu.

Hỏi: Tánh phàm phu này nên nói là thiện, là bất thiện, hay là vô ký?

Đáp: Nên nói là vô ký.

Vì sao tánh phàm phu không phải là thiện? Vì pháp thiện hoặc do gia hạnh nên được, hoặc do các duyên khác nên được, không thiết lập gia hạnh để cầu làm phàm phu. Lại nữa, khi đoạn căn thiện, pháp thiện đều bỏ, được tánh không thành tựu các pháp thiện. Nếu tánh phàm phu là thiện thì người đoạn căn thiện tức không phải là phàm phu.

Vì sao tánh phàm phu không phải là bất thiện? Vì khi lia dục nhiễm, pháp bất thiện đều bỏ, được tánh không thành tựu pháp bất thiện. Nếu tánh phàm phu là bất thiện thì các phàm phu đã lia dục nhiễm tức không phải là phàm phu.

Hỏi: Tánh phàm phu này nên nói là hệ thuộc nơi cõi Dục, hệ thuộc nơi cõi Sắc hay hệ thuộc nơi cõi Vô sắc?

Đáp: Nên nói là hoặc hệ thuộc nơi cõi Dục, hoặc hệ thuộc nơi cõi Sắc, hoặc hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

Vì sao tánh phàm phu không phải chỉ hệ thuộc nơi cõi Dục? Do khi mất nơi cõi Dục, sinh nơi cõi Vô sắc, pháp của cõi Dục đều bỏ, được pháp của cõi Dục với tánh không thành tựu. Nếu tánh phàm phu chỉ hệ thuộc nơi cõi Dục, thì các phàm phu mất nơi cõi Dục, sinh nơi cõi Vô sắc, tức không phải là phàm phu.

Vì sao tánh phàm phu không phải chỉ hệ thuộc nơi cõi Sắc? Do khi mất nơi cõi Sắc, sinh nơi cõi Vô sắc, pháp của cõi Sắc đều bỏ, được pháp nơi cõi Sắc với tánh không thành tựu. Nếu tánh phàm phu chỉ hệ thuộc nơi cõi Sắc, thì các phàm phu mất nơi cõi Sắc, sinh nơi cõi Vô sắc, tức không phải là phàm phu.

Vì sao tánh phàm phu không phải chỉ hệ thuộc nơi cõi Vô sắc? Do nhập chánh tánh ly sinh, trước hiện quán về khổ nơi cõi Dục, sau

hợp hiện quán về khổ nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc. Thánh đạo khởi, trước biện minh về sự việc nơi cõi Dục, sau hợp biện minh về sự việc nơi cõi Sắc, Vô sắc. Thế nên tánh phạm phu không phải chỉ hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Tánh phạm phu này nên nói là do kiến đạo đoạn hay là do tu đạo đoạn?

Đáp: Nên nói là do tu đạo đoạn.

Vì sao tánh phạm phu không phải do kiến đạo đoạn? Pháp do kiến đạo đoạn đều là nhiễm ô, còn tánh phạm phu không nhiễm ô. Lại, Pháp thế đệ nhất đang diệt, khổ pháp trí nhãn đang sinh, bấy giờ, bỏ tánh phạm phu nơi ba cõi, được tánh không tạo thành kia, không phải vào lúc ấy, pháp do kiến đạo đoạn có xả bỏ.

Hỏi: Tánh phạm phu gọi là pháp gì?

Đáp: Là tâm bất tương ưng hành không nhiễm ô nơi ba cõi.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với tà kiến, pháp ấy cũng tương ưng với tà tư duy chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với tà kiến không tương ưng với tà tư duy: Nghĩa là tà kiến tương ưng với tà tư duy và tà tư duy khác không tương ưng với pháp tương ưng của tà kiến.

2. Có pháp tương ưng với tà tư duy không tương ưng với tà kiến: Nghĩa là tà tư duy tương ưng với tà kiến và tà kiến khác không tương ưng với pháp tương ưng của tà tư duy.

3. Có pháp tương ưng với tà kiến cũng tương ưng với tà tư duy: Nghĩa là trừ tà kiến tương ưng với tà tư duy cùng tà tư duy tương ưng với tà kiến, các tà kiến khác là pháp tương ưng của tà tư duy.

4. Có pháp không tương ưng với tà kiến cũng không tương ưng với tà tư duy: Nghĩa là tà kiến không tương ưng với tà tư duy, tà tư duy không tương ưng với tà kiến, và các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Các pháp tương ưng với tà kiến, pháp ấy cũng tương ưng với tà tinh tấn chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với tà kiến không tương ưng với tà tinh tấn: Nghĩa là tà kiến tương ưng với tà tinh tấn.

2. Có pháp tương ưng với tà tinh tấn không tương ưng với tà kiến: Nghĩa là tà kiến và tà kiến khác không tương ưng với pháp tương ưng của tà tinh tấn.

3. Có pháp tương ưng với tà kiến cũng tương ưng với tà tinh tấn: Nghĩa là trừ tà kiến tương ưng với tà tinh tấn, là các pháp tương ưng của tà kiến còn lại.

4. Có pháp không tương ưng với tà kiến cũng không tương ưng với tà tinh tấn: Nghĩa là tà kiến không tương ưng với tà tinh tấn, và các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như dùng tà kiến đối chiếu với tà tinh tấn, dùng tà kiến đối chiếu với tà niệm, tà định cũng như vậy. Như dùng tà kiến đối chiếu với tà tinh tấn, tà niệm, tà định, dùng tà tư duy đối chiếu với tà tinh tấn, tà niệm, tà định cũng như thế.

Hỏi: Các pháp tương ưng với tà tinh tấn, pháp ấy cũng tương ưng với tà niệm chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với tà tinh tấn không tương ưng với tà niệm: Nghĩa là tà niệm.

2. Có pháp tương ưng với tà niệm không tương ưng với tà tinh tấn: Nghĩa là tà tinh tấn.

3. Có pháp tương ưng với tà tinh tấn cũng tương ưng với tà niệm: Nghĩa là pháp tương ưng của tà niệm, tà tinh tấn.

4. Có pháp không tương ưng với tà tinh tấn cũng không tương ưng với tà niệm: Nghĩa là các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như dùng tà tinh tấn đối chiếu với tà niệm, dùng tà tinh tấn đối chiếu với tà định cũng như thế. Như dùng tà tinh tấn đối chiếu với tà niệm, tà định, dùng tà niệm đối chiếu với tà định cũng như vậy.

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 3

Chương 2: KIẾT UẨN

Phẩm 1: BÀN VỀ BẤT THIỆN

Tụng nêu chung:

*Ba kiết cùng tánh thực
Đoạn kiến hữu căn buộc
Hiện tại đủ thành duyên
Chương này xin nói đủ.*

*

Gồm có:

Ba kiết: Là kiết hữu thân kiến, kiết giới cấm thủ, kiết nghi.

Ba căn bất thiện: Là căn bất thiện tham, căn bất thiện sân, căn bất thiện si.

Ba lậu: Là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

Bốn buộc lưu: Là buộc lưu dục, buộc lưu hữu, buộc lưu kiến, buộc lưu vô minh.

Bốn ách: Là ách dục, ách hữu, ách kiến, ách vô minh.

Bốn thủ: Là dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ.

Bốn thứ trói buộc thân: Là tham dục trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân, giới cấm thủ trói buộc thân, chấp thật này trói buộc thân.

Năm cái: Là cái tham dục, cái giận dữ, cái hôn trầm - thù miên, cái trạo cử - ô tác, cái nghi.

Năm kiết: Là kiết tham, kiết giận, kiết mạn, kiết ganh tị, kiết keo kiệt.

Năm kiết thuận phần dưới: Là kiết tham dục thuận phần dưới, kiết giận dữ thuận phần dưới, kiết hữu thân kiến thuận phần dưới, kiết giới cấm thủ thuận phần dưới, kiết nghi thuận phần dưới.

Năm kiết thuận phần trên: Là kiết tham sắc thuận phần trên, kiết tham vô sắc thuận phần trên, kiết trạo cử thuận phần trên, kiết mạn thuận phần trên, kiết vô minh thuận phần trên.

Năm kiến: Là hữu thân kiến, biên chấp kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ.

Sáu ái thân: Là ái thân do nhãn xúc sinh ra, ái thân do các xúc nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý sinh ra.

Bảy tùy miên: Là tùy miên dục tham, tùy miên giận dữ, tùy miên hữu tham, tùy miên mạn, tùy miên vô minh, tùy miên kiến, tùy miên nghi.

Chín kiết: Là kiết ái, kiết giận, kiết mạn, kiết vô minh, kiết kiến, kiết thủ, kiết nghi, kiết ganh tị, kiết keo kiệt.

Chín mươi tám tùy miên: Là ba mươi sáu tùy miên hệ thuộc nơi cõi Dục, ba mươi một tùy miên hệ thuộc nơi cõi Sắc, ba mươi một tùy miên hệ thuộc Vô sắc mỗi cõi đều có.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên: Bao nhiêu thứ là bất thiện, bao nhiêu thứ là vô ký?

Đáp: Trong ba kiết: một thứ là vô ký, hai thứ cần phân biệt: Nghĩa là kiết giới cầm thú, kiết nghi hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ở nơi cõi Dục là bất thiện, ở nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Ba căn bất thiện chỉ là bất thiện.

Trong ba lậu: một thứ là vô ký, hai thứ cần phân biệt: Nghĩa là dục lậu hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Tương ưng với không hổ không thẹn là bất thiện, còn lại là vô ký. Vô minh lậu hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Tương ưng với không hổ không thẹn là bất thiện, còn lại là vô ký.

Trong bốn bực lưu: một thứ là vô ký, ba thứ cần phân biệt: Nghĩa là bực lưu dục hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Tương ưng với không hổ không thẹn là bất thiện, còn lại là vô ký. Bực lưu kiến hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ba kiến nơi cõi Dục là bất thiện, hai kiến nơi cõi Sắc, năm kiến nơi cõi Vô sắc là vô ký. Bực lưu vô minh hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Tương ưng với không hổ không thẹn là bất thiện, còn lại là vô ký.

Như bốn bực lưu, bốn ách cũng như vậy.

Trong bốn thủ: một thứ là vô ký, ba thứ cần phân biệt: Nghĩa là dục thủ hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Tương ưng với không hổ không thẹn là bất thiện, còn lại là vô ký. Kiến thủ hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Hai kiến nơi cõi Dục là bất thiện; hai kiến nơi cõi Dục, bốn kiến nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký. Giới cầm thú hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ở nơi cõi Dục là bất thiện, ở nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Trong bốn thứ trói buộc thân: hai thứ là bất thiện, hai thứ cần phân biệt: Nghĩa là giới cầm thú trói buộc thân, chấp thật này trói buộc thân ở nơi cõi Dục là bất thiện, ở nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Năm cái chỉ là bất thiện.

Trong năm kiết: ba thứ là bất thiện, hai thứ cần phân biệt: Nghĩa là kiết tham, kiết mạn hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ở nơi cõi Dục là bất thiện, ở nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Trong năm kiết thuận phần dưới: hai thứ là bất thiện, một thứ là vô ký, hai thứ cần phân biệt: Nghĩa là kiết giới cấm thủ, kiết nghi hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ở nơi cõi Dục là bất thiện, ở nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Năm kiết thuận phần trên chỉ là vô ký.

Trong năm kiến: hai thứ là vô ký, ba thứ cần phân biệt: Nghĩa là tà kiến, kiến thủ, kiến giới cấm thủ hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ở nơi cõi Dục là bất thiện, ở nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Trong sáu ái thân: hai thứ là bất thiện, bốn thứ cần phân biệt: Nghĩa là ái thân được sinh ra do các nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ở nơi cõi Dục là bất thiện, ở nơi cõi Phạm thế là vô ký. Ái thân do ý xúc sinh ra hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ở nơi cõi Dục là bất thiện, ở nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Trong bảy tùy miên: hai thứ là bất thiện, một thứ là vô ký, bốn thứ cần phân biệt: Nghĩa là tùy miên mạn, nghi hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ở nơi cõi Dục là bất thiện, ở nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký. Tùy miên vô minh hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Tương ưng với không hổ không thẹn là bất thiện, còn lại là vô ký. Tùy miên kiến hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ba kiến nơi cõi Dục là bất thiện, hai kiến nơi cõi Dục, năm kiến nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Trong chín kiết: ba thứ là bất thiện, sáu thứ cần phân biệt: Nghĩa là kiết ái, mạn, thủ, nghi hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Ở nơi cõi Dục là bất thiện, ở nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký. Kiết vô minh hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Tương ưng với không hổ không thẹn là bất thiện, còn lại là vô ký. Kiết kiến hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Một kiến nơi

cõi Dục là bất thiện, hai kiến nơi cõi Dục, ba kiến nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Trong chín mươi tám tùy miên: Ba mươi ba thứ là bất thiện, sáu mươi bốn thứ là vô ký, một thứ cần phân biệt: Nghĩa là tùy miên vô minh nơi cõi Dục do kiến khổ đoạn hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Tương ưng với không hồ không thẹn là bất thiện, còn lại là vô ký.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên: Bao nhiêu thứ có dị thực, bao nhiêu thứ không có dị thực?

Đáp: Các thứ là bất thiện thì có dị thực, các thứ là vô ký thì không có dị thực.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên: Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn, bao nhiêu thứ do tu đạo đoạn?

Đáp: Trong ba kiết: Kiết hữu thân kiến do kiến làm hành trước có hai trường hợp: hoặc do kiến đạo đoạn, hoặc do kiến đạo, tu đạo đoạn. Nếu hữu thân kiến hệ thuộc xứ Phi tướng phi phi tướng, hàng tùy tín tùy pháp hành hiện quán biên do khổ nhãn đoạn là do kiến đạo đoạn. Ngoài ra nếu phạm phu đoạn là do tu đạo đoạn, nếu đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn là do kiến đạo đoạn.

Như kiết hữu thân kiến, kiết hữu thân kiến trong năm kiết thuận phần dưới, hữu thân kiến, biên chấp kiến trong năm kiến cũng như vậy.

Kiết giới cấm thủ, kiết nghi do kiến làm hành trước có hai trường hợp: hoặc do kiến đạo đoạn, hoặc do kiến đạo, tu đạo đoạn. Nếu giới cấm thủ, nghi, hệ thuộc nơi xứ Phi tướng phi phi tướng, hàng tùy tín tùy pháp hành hiện quán với các nhãn đoạn là do kiến đạo đoạn. Ngoài ra nếu phạm phu đoạn là do tu đạo đoạn, nếu đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn là do kiến đạo đoạn.

Như kiết giới cấm thủ, kiết nghi, bộc lưu kiến, ách kiến trong bốn bộc lưu, bốn ách, kiến thủ, giới cấm thủ trong bốn thủ, giới cấm

thủ trói buộc thân, chấp thật này trói buộc thân trong bốn thứ trói buộc thân, kiết giới cầm thủ, kiết nghi trong năm kiết thuận phần dưới, tà kiến, kiến thủ, giới cầm thủ trong năm kiến, tùy miên kiến, tùy miên nghi trong bảy tùy miên, kiết kiến, kiết thủ, kiết nghi trong chín kiết, cũng đều như vậy.

Căn bắt thiện tham lấy tu làm hành trước có hai trường hợp: hoặc do tu đạo đoạn, hoặc do kiến đạo, tu đạo đoạn. Nếu căn bắt thiện tham do các trí của bậc học kiến tích đoạn là do tu đạo đoạn. Còn lại nếu phạm phu đoạn là do tu đạo đoạn, nếu đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn là do kiến đạo đoạn.

Như căn bắt thiện tham, căn bắt thiện sân, căn bắt thiện si trong ba căn, dục lậu trong ba lậu, bộc lưu dục, ách dục trong bốn bộc lưu, bốn ách, dục thủ trong bốn thủ, tham dục trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân trong bốn thứ trói buộc thân, các cái còn lại trừ ố tác, nghi trong năm cái, kiết giận trong năm kiết, kiết tham dục, kiết giận trong năm kiết thuận phần dưới, tùy miên dục tham, tùy miên giận dữ trong bảy tùy miên, kiết giận trong chín kiết, đều cũng như vậy.

Hữu lậu, vô minh lậu dùng kiến làm hành trước có ba trường hợp: hoặc do kiến đạo đoạn, hoặc do tu đạo đoạn, hoặc do kiến đạo, tu đạo đoạn. Nếu hữu lậu, vô minh lậu hệ thuộc xứ Phi tướng phi phi tướng, hàng tùy tín tùy pháp hành hiện quán biên, các nhãn đoạn, là do kiến đạo đoạn. Nếu hữu lậu, vô minh lậu do các trí của hàng học kiến tích đoạn là do tu đạo đoạn. Ngoài ra nếu phạm phu đoạn là do tu đạo đoạn, nếu đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn là do kiến đạo đoạn.

Như hữu lậu, vô minh lậu, bộc lưu hữu, bộc lưu vô minh trong bốn bộc lưu, ách hữu, ách vô minh trong bốn ách, ngã ngữ thủ trong bốn thủ, kiết tham, kiết mạn trong năm kiết, ái thân do ý xúc sinh ra trong sáu ái thân, tùy miên hữu tham, mạn, vô minh trong bảy tùy miên, kiết ái, mạn, vô minh trong chín kiết, đều cũng như vậy.

Cái ô tác do tu đạo đoạn.

Như cái ô tác, kiết ganh tị, kiết keo kiệt trong năm kiết, năm kiết thuận phần trên, năm ái thân trước trong sáu ái thân, kiết ganh tị, kiết keo kiệt trong chín kiết, cũng như vậy.

Cái nghi nếu phạm phu đoạn là do tu đạo đoạn, nếu đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn là do kiến đạo đoạn.

Trong chín mươi tám tùy miên: hai mươi tám thứ do kiến đạo đoạn, mười thứ do tu đạo đoạn, số tùy miên còn lại nếu là phạm phu đoạn là do tu đạo đoạn, nếu đệ tử của Đức Thế Tôn đoạn là do kiến đạo đoạn.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên: Bao nhiêu thứ do kiến khổ đoạn cho đến bao nhiêu thứ do tu đạo đoạn?

Đáp: Trong ba kiết: Kiết hữu thân kiến do kiến khổ đoạn.

Như kiết hữu thân kiến, kiết hữu thân kiến trong năm kiết thuận phần dưới, hữu thân kiến, biên chấp kiến trong năm kiến cũng như vậy.

Kiết giới cầm thủ có hai thứ: Hoặc do kiến khổ đoạn, hoặc do kiến đạo đoạn.

Như kiết giới cầm thủ, giới cầm thủ trong bốn thủ, giới cầm thủ trói buộc thân trong bốn thứ trói buộc thân, kiết giới cầm thủ trong năm kiết thuận phần dưới, giới cầm thủ trong năm kiến, cũng như vậy.

Kiết nghi có bốn thứ: Hoặc do kiến khổ đoạn v.v... cho đến hoặc do kiến đạo đoạn.

Như kiết nghi, bộc lưu kiến, ách kiến trong bốn bộc lưu, bốn ách, kiến thủ trong bốn thủ, chấp thật này trói buộc thân trong bốn thứ trói buộc thân, cái nghi trong năm cái, kiết nghi trong năm kiết thuận phần dưới, tà kiến, kiến thủ trong năm kiến, tùy miên nghi,

kiến trong bảy tùy miên, kiết nghi, kiết kiến, kiết thủ trong chín kiết, đều cũng như vậy.

Ba căn bất thiện có năm thứ: Hoặc do kiến khổ đoạn v.v... cho đến hoặc do tu đạo đoạn.

Như ba căn bất thiện, ba lậu, các bộc lưu, ách còn lại trừ kiến trong bốn bộc lưu, bốn ách, dục thủ, ngã ngữ thủ trong bốn thủ, tham dục trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân trong bốn thứ trói buộc thân, các cái còn lại trừ ô tác, nghi trong năm cái, kiết tham, giận, mạn trong năm kiết, kiết tham dục, giận dữ trong năm kiết thuận phần dưới, ái thân do ý xúc sinh ra trong sáu ái thân, các tùy miên còn lại trừ tùy miên kiến, nghi trong bảy tùy miên, kiết ái, giận, mạn, vô minh trong chín kiết, đều cũng như vậy.

Cái ô tác do tu đạo đoạn.

Như cái ô tác, kiết ganh tị, kiết keo kiệt trong năm kiết, năm kiết thuận phần trên, năm ái thân trước trong sáu ái thân, kiết ganh tị, kiết keo kiệt trong chín kiết, đều cũng như vậy.

Trong chín mươi tám tùy miên: hai mươi tám thứ do kiến khổ đoạn, mười chín thứ do kiến tập đoạn, mười chín thứ do kiến diệt đoạn, hai mươi hai thứ do kiến đạo đoạn, mười thứ do tu đạo đoạn.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên: Bao nhiêu thứ là kiến, bao nhiêu thứ là không phải kiến?

Đáp: Trong ba kiết: hai thứ là kiến, một thứ là không phải kiến.

Ba căn bất thiện là không phải kiến.

Trong ba lậu: một thứ là không phải kiến, hai thứ cần phân biệt: Nghĩa là dục lậu hoặc là kiến, hoặc là không phải kiến. Năm kiến nơi cõi Dục là kiến, còn lại là không phải kiến. Hữu lậu hoặc là kiến, hoặc là không phải kiến. Năm kiến của cõi Sắc, cõi Vô sắc là kiến, còn lại là không phải kiến.

Trong bốn bộc lưu, bốn ách: một thứ là kiến, ba thứ là không phải kiến.

Bốn thủ, bốn thứ trói buộc thân đều cùng có hai thứ là kiến, hai thứ là không phải kiến.

Năm cái, năm kiết đều cùng là không phải kiến.

Trong năm kiết thuận phần dưới: hai thứ là kiến, ba thứ là không phải kiến.

Năm kiết thuận phần trên là không phải kiến.

Năm kiến là kiến.

Sáu ái thân là không phải kiến.

Trong bảy tùy miên: một thứ là kiến, sáu thứ là không phải kiến.

Trong chín kiết: hai thứ là kiến, bảy thứ là không phải kiến.

Trong chín mươi tám tùy miên: ba mươi sáu thứ là kiến, sáu mươi hai thứ là không phải kiến.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên: Bao nhiêu thứ có tâm có tứ, bao nhiêu thứ không tâm chỉ có tứ, bao nhiêu thứ không tâm không tứ?

Đáp: Ba kiết là gồm đủ ba thứ.

Ba căn bất thiện cùng dục lậu là có tâm có tứ.

Hữu lậu, vô minh lậu, trừ bộc lưu dục, ách dục, các bộc lưu, ách còn lại là gồm đủ ba thứ.

Bộc lưu dục, ách dục cùng dục thủ là có tâm có tứ. Ba thủ còn lại cùng hai trói buộc thân là có tâm có tứ. Hai trói buộc thân còn lại là gồm đủ ba thứ.

Năm cái cùng ba kiết là có tâm có tứ. Hai kiết còn lại cùng ba kiết thuận phần dưới là gồm đủ ba thứ. Hai kiết thuận phần dưới còn lại là có tâm có tứ.

Trong năm kiết thuận phần trên: Tham vô sắc là không tâm không từ. Bốn kiết thuận phần trên còn lại cùng với năm kiến là gồm đủ ba thứ.

Năm ái thân trước và tùy miên dục tham, giận dữ là có tâm có tứ.

Ái thân thứ sáu cùng năm tùy miên còn lại là gồm đủ ba thứ.

Kiết giận, kiết ganh tị, kiết keo kiệt trong chín kiết là có tâm có tứ. Sáu kiết còn lại là gồm đủ ba thứ.

Trong chín mươi tám tùy miên: Ba mươi sáu thứ thuộc cõi Dục là có tâm có tứ, ba mươi một thứ thuộc cõi Sắc gồm đủ ba thứ, ba mươi một thứ thuộc cõi Vô sắc là không tâm không tứ.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên: Bao nhiêu thứ tương ưng với lạc căn, bao nhiêu thứ tương ưng với khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn?

Đáp: Trong ba kiết: Kiết hữu thân kiến, kiết giới cấm thủ tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Kiết nghi tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn.

Trong ba căn bất thiện: Căn bất thiện tham tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Căn bất thiện sân tương ưng với ba căn, trừ lạc căn, hỷ căn. Căn bất thiện si cùng dục lậu, vô minh lậu tương ưng với năm căn. Hữu lậu tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn.

Trong bốn bộc lưu, bốn ách: Bộc lưu dục, bộc lưu vô minh, ách dục, ách vô minh tương ưng với năm căn. Bộc lưu hữu, ách hữu tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Bộc lưu kiến, ách kiến tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn.

Trong bốn thủ: Dục thủ tương ưng với năm căn. Kiến thủ tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn. Giới cấm thủ, ngã ngữ thủ tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn.

Trong bốn thứ trói buộc thân: Giận dữ trói buộc thân tương ứng với ba căn, trừ lạc căn, hỷ căn. Ba trói buộc thân còn lại cùng cái tham dục tương ứng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Cái giận dữ tương ứng với ba căn, trừ lạc căn, hỷ căn. Cái hôn trầm - trạo cử tương ứng với năm căn. Cái thù miên tương ứng với ba căn, trừ lạc căn, khổ căn. Cái nghi - ố tác tương ứng với hai căn là ưu căn, xả căn.

Trong năm kiết: Kiết tham, mạn tương ứng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Kiết giận tương ứng với ba căn, trừ lạc căn, hỷ căn. Kiết ganh tị tương ứng với hai căn là ưu căn, xả căn. Kiết keo kiệt tương ứng với hai căn là hỷ căn, xả căn.

Trong năm kiết thuận phần dưới: Kiết giận tương ứng với ba căn, trừ lạc căn, hỷ căn. Kiết nghi tương ứng với bốn căn, trừ khổ căn. Ba kiết còn lại tương ứng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn.

Trong năm kiết thuận phần trên: Kiết tham vô sắc tương ứng với một căn là xả căn. Bốn kiết còn lại cùng bốn kiến tương ứng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Tà kiến tương ứng với bốn căn, trừ khổ căn.

Trong sáu ái thân: Năm ái thân trước tương ứng với hai căn là lạc căn, xả căn. Ái thân thứ sáu cùng tùy miên dục tham, hữu tham, mạn tương ứng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Tùy miên giận dữ tương ứng với ba căn, trừ lạc căn, hỷ căn. Tùy miên kiến, nghi tương ứng với bốn căn trừ khổ căn. Tùy miên vô minh tương ứng với năm căn.

Trong chín kiết: Kiết ái, mạn, thủ tương ứng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Kiết giận tương ứng với ba căn, trừ lạc căn, hỷ căn. Kiết vô minh tương ứng với năm căn. Kiết kiến, nghi tương ứng với bốn căn trừ khổ căn. Kiết ganh tị tương ứng với hai căn là ưu căn, xả căn. Kiết keo kiệt tương ứng với hai căn là hỷ căn, xả căn.

Trong chín mươi tám tùy miên: Bốn kiến mạn của cõi Dục và tham do kiến đạo đoạn tương ứng với hai căn là hỷ căn, xả căn. Nghi

và giận dữ do kiến đạo đoạn tương ưng với hai căn là ưu căn, xả căn. Tà kiến và vô minh do kiến đạo đoạn tương ưng với ba căn, trừ lạc căn, khổ căn. Tham do tu đạo đoạn tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Sân tương ưng với ba căn, trừ lạc căn, hỷ căn. Vô minh tương ưng với năm căn.

Ba mươi một tùy miên của cõi Sắc tương ưng với ba căn trừ ưu căn, khổ căn. Ba mươi một tùy miên của cõi Vô sắc tương ưng với một căn là xả căn.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên: Bao nhiêu thứ hệ thuộc nơi cõi Dục, bao nhiêu thứ hệ thuộc nơi cõi Sắc, bao nhiêu thứ hệ thuộc nơi cõi Vô sắc?

Đáp: Ba kiết hệ thuộc nơi ba cõi.

Ba căn bất thiện cùng dục lậu hệ thuộc nơi cõi Dục. Hữu lậu hệ thuộc hai cõi: hoặc hệ thuộc nơi cõi Sắc, hoặc hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. Vô minh lậu hệ thuộc nơi ba cõi.

Bộc lưu dục, ách dục cùng dục thủ hệ thuộc nơi cõi Dục. Bộc lưu hữu, ách hữu cùng ngã ngữ thủ hệ thuộc nơi hai cõi: hoặc hệ thuộc nơi cõi Sắc, hoặc hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. Bộc lưu, ách còn lại cùng hai thủ khác hệ thuộc nơi ba cõi.

Tham dục trói buộc thân, giận dữ trói buộc thân cùng năm cái hệ thuộc nơi cõi Dục. Hai thứ trói buộc thân còn lại hệ thuộc nơi ba cõi.

Tham, mạn trong năm kiết cùng ba kiết thuận phần dưới hệ thuộc nơi ba cõi. Ba kiết còn lại cùng tham dục, giận dữ trong năm kiết thuận phần dưới hệ thuộc nơi cõi Dục.

Trong năm kiết thuận phần trên: Sắc tham hệ thuộc nơi cõi Sắc, vô sắc tham hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, ba kiết còn lại hệ thuộc nơi hai cõi: hoặc hệ thuộc nơi cõi Sắc, hoặc hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

Năm kiến cùng ái thân thứ sáu hệ thuộc nơi ba cõi. Ba thứ ái thân sinh khởi do nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc hệ thuộc hai cõi: hoặc hệ thuộc nơi cõi Dục, hoặc hệ thuộc nơi cõi Sắc. Ái thân sinh ra do tỷ xúc, thiệt xúc hệ thuộc nơi cõi Dục.

Trong bảy tùy miên: Dục tham, giận dữ hệ thuộc nơi cõi Dục. HỮU tham hệ thuộc hai cõi: hoặc hệ thuộc nơi cõi Sắc, hoặc hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. Các tùy miên còn lại hệ thuộc nơi ba cõi.

Trong chín kiết: Kiến giận dữ, kiết ganh tị, kiết keo kiệt hệ thuộc nơi cõi Dục. Các kiết còn lại hệ thuộc nơi ba cõi.

Trong chín mươi tám tùy miên: Ba mươi sáu thứ hệ thuộc nơi cõi Dục, ba mươi một thứ hệ thuộc nơi cõi Sắc, ba mươi một thứ hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Các kiết rơi vào cõi Dục, kiết ấy ở nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có kiết rơi vào cõi Dục, kiết ấy không ở nơi cõi Dục: Nghĩa là bị triền ràng buộc, mất nơi cõi Sắc, khởi trung hữu nơi cõi Dục và ma ác trụ nơi cõi Phạm thế, vì bị triền ràng buộc nên trách chống Như Lai.

2. Có kiết ở nơi cõi Dục, kiết ấy không rơi vào cõi Dục: Nghĩa là bị triền ràng buộc, mất nơi cõi Dục, khởi trung hữu nơi cõi Sắc và trụ nơi cõi Dục, kiết của cõi Sắc, Vô sắc hiện tiền.

3. Có kiết rơi vào cõi Dục, kiết ấy cũng ở nơi cõi Dục: Nghĩa là bị triền ràng buộc, mất nơi cõi Dục, khởi trung hữu, sinh hữu nơi cõi Dục cùng trụ nơi cõi Dục, kiết của cõi Dục hiện tiền.

4. Có kiết không rơi vào cõi Dục, kiết ấy cũng không ở nơi cõi Dục: Nghĩa là bị triền ràng buộc, mất nơi cõi Sắc, khởi trung hữu,

sinh hữu nơi cõi Sắc, mất nơi cõi Sắc sinh nơi cõi Vô sắc, mất nơi cõi Vô sắc sinh lại nơi cõi Vô sắc, mất nơi cõi Vô sắc sinh nơi cõi Sắc cùng trụ nơi cõi Sắc, kiết của cõi Sắc, Vô sắc hiện tiền. Trụ nơi cõi Vô sắc, kiết của cõi Vô sắc hiện tiền.

Hỏi: Các kiết rơi vào cõi Sắc, kiết ấy ở nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có kiết rơi vào cõi Sắc, kiết ấy không ở nơi cõi Sắc: Nghĩa là bị triền ràng buộc, mất ở cõi Dục, khởi trung hữu nơi cõi Sắc và trụ nơi cõi Dục, kiết của cõi Sắc hiện tiền.

2. Có kiết ở nơi cõi Sắc, kiết ấy không rơi vào cõi Sắc: Nghĩa là bị triền ràng buộc, mất nơi cõi Sắc, khởi trung hữu nơi cõi Dục và ma ác trụ nơi cõi Phạm thế, vì bị triền ràng buộc nên trách chống Như Lai cùng trụ nơi cõi Sắc, kiết của cõi Vô sắc hiện tiền.

3. Có kiết rơi vào cõi Sắc, kiết ấy cũng ở nơi cõi Sắc: Nghĩa là bị triền ràng buộc, mất nơi cõi Sắc, khởi trung hữu, sinh hữu nơi cõi Sắc cùng trụ nơi cõi Sắc, kiết của cõi Sắc hiện tiền.

4. Có kiết không rơi vào cõi Sắc, kiết ấy cũng không ở nơi cõi Sắc: Nghĩa là bị triền ràng buộc, mất nơi cõi Dục, khởi trung hữu, sinh hữu nơi cõi Dục, mất nơi cõi Dục sinh nơi cõi Vô sắc, mất nơi cõi Vô sắc sinh lại nơi cõi Vô sắc, mất nơi cõi Vô sắc sinh ở nơi cõi Dục cùng trụ nơi cõi Dục, kiết của cõi Dục, Vô sắc hiện tiền. Trụ nơi cõi Vô sắc, kiết của cõi Vô sắc hiện tiền.

Hỏi: Các kiết rơi vào cõi Vô sắc, kiết ấy ở nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Các kiết ở nơi cõi Vô sắc, kiết ấy rơi vào cõi Vô sắc. Có kiết rơi vào cõi Vô sắc, kiết ấy không ở nơi cõi Vô sắc: Nghĩa là trụ nơi cõi Dục, cõi Sắc, kiết của cõi Vô sắc hiện tiền.

Hỏi: Các kiết không rơi vào cõi Dục, kiết ấy không ở nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: Ngược lại với các phần đã trình bày ở trên, nên nhận biết.

Hỏi: Các kiết không rơi vào cõi Sắc, kiết ấy không ở nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: Ngược lại với các phần đã trình bày ở trên, nên nhận biết.

Hỏi: Các kiết không rơi vào cõi Vô sắc, kiết ấy không ở nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Đúng vậy. Có các kiết không ở nơi cõi Vô sắc, kiết ấy không phải không rơi vào cõi Vô sắc: Nghĩa là trụ nơi cõi Dục, cõi Sắc, kiết của cõi Vô sắc hiện tiền.

*

Hỏi: Đệ tử của Đức Thế Tôn thấy biết đủ, các sắc chưa đoạn, tức bị sắc ấy trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Giả như bị sắc trói buộc, sắc ấy chưa đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các thọ, tưởng, hành, thức chưa đoạn, tức bị các thọ, tưởng, hành, thức ấy trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy. Có thọ, tưởng, hành, thức trói buộc, nhưng thọ, tưởng, hành, thức ấy không phải là chưa đoạn: Nghĩa là vị gia gia, hoặc nhất lai, hoặc nhất gián, các kiết thuộc phẩm trung, thượng nơi cõi Dục do tu đạo đoạn đã đoạn, đã nhận biết khắp, thì thọ, tưởng, hành, thức tương ứng kia hệ thuộc kiết nơi phẩm hạ.

*

Hỏi: Đệ tử của Đức Thế Tôn thấy biết đủ, các sắc đã đoạn, sắc ấy đã lìa trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Giả như sắc đã lìa trói buộc, sắc ấy đã đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các thọ, tưởng, hành, thức đã đoạn, tức thọ, tưởng, hành, thức ấy đã lìa trói buộc chăng?

Đáp: Các thọ, tưởng, hành, thức đã lìa trói buộc, thì thọ, tưởng, hành, thức ấy đã đoạn. Có thọ, tưởng, hành, thức đã đoạn, không phải là lìa trói buộc: Đó là vị gia gia, hoặc nhất lai, hoặc nhất gián, các kiết nơi phẩm trung, thượng thuộc cõi Dục do tu đạo đoạn, đã đoạn đã nhận biết khắp, thì thọ, tưởng, hành, thức tương ưng kia hệ thuộc kiết nơi phẩm hạ.

*

Hỏi: Có năm Bồ-đặc-già-la: Là Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Tín thắng giải, Kiến chí, Thân chứng. Năm Bồ-đặc-già-la này đối với ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên: Bao nhiêu thứ được tạo thành, bao nhiêu thứ không tạo thành?

Đáp: Tùy tín hành: Đối với ba kiết: khổ loại trí chưa sinh đều tạo thành, khổ loại trí đã sinh thì hai thứ tạo thành, một thứ không tạo thành.

Đối với ba căn bất thiện: chưa lìa nhiễm dục thì đều tạo thành, đã lìa nhiễm dục thì đều không tạo thành.

Đối với ba lậu: chưa lìa nhiễm dục thì đều tạo thành, đã lìa nhiễm dục thì hai tạo thành, một không tạo thành.

Đối với bốn bộc lưu, bốn ách, bốn thủ: chưa lìa nhiễm dục thì đều tạo thành, đã lìa nhiễm dục thì ba tạo thành, một không tạo thành.

Đối với bốn trời buộc thân: chưa lìa nhiễm dục thì đều tạo thành, đã lìa nhiễm dục thì hai tạo thành, hai không tạo thành.

Đối với năm cái: chưa lìa nhiễm dục, đạo pháp trí chưa sinh thì đều tạo thành, đạo pháp trí đã sinh thì bốn tạo thành, một không tạo thành, đã lìa nhiễm dục thì đều không tạo thành.

Đối với năm kiết: chưa lìa nhiễm dục thì đều tạo thành, đã lìa nhiễm dục thì hai tạo thành, ba không tạo thành.

Đối với năm kiết thuận phân dưới: chưa lìa nhiễm dục, khổ loại trí chưa sinh thì đều tạo thành, khổ loại trí đã sinh thì bốn tạo thành, một không tạo thành. Đã lìa nhiễm dục, khổ loại trí chưa sinh thì ba tạo thành, hai không tạo thành, khổ loại trí đã sinh thì hai tạo thành, ba không tạo thành.

Đối với năm kiết thuận phân trên: chưa lìa nhiễm sắc thì đều tạo thành, đã lìa nhiễm sắc thì bốn tạo thành, một không tạo thành.

Đối với năm kiến: khổ loại trí chưa sinh thì đều tạo thành, khổ loại trí đã sinh thì ba tạo thành, hai không tạo thành.

Đối với sáu ái thân: chưa lìa nhiễm dục thì đều tạo thành, đã lìa nhiễm dục, chưa lìa nhiễm nơi cõi Phạm thể thì bốn tạo thành, hai không tạo thành, đã lìa nhiễm nơi cõi Phạm thể thì một tạo thành, năm không tạo thành.

Đối với bảy tùy miên: chưa lìa nhiễm dục thì đều tạo thành, đã lìa nhiễm dục thì năm tạo thành, hai không tạo thành.

Đối với chín kiết: chưa lìa nhiễm dục thì đều tạo thành, đã lìa nhiễm dục thì sáu tạo thành, ba không tạo thành.

Đối với chín mươi tám tùy miên: chưa lìa nhiễm dục, khổ pháp trí chưa sinh thì đều tạo thành, khổ pháp trí đã sinh, khổ loại trí chưa sinh, các tùy miên nơi cõi Dục do kiến khổ đoạn trừ đều không tạo thành, còn lại đều tạo thành.

Khô loại trí đã sinh, tập pháp trí chưa sinh, các tùy miên nơi ba cõi do kiến khô đoạn trừ đều không tạo thành, còn lại đều tạo thành.

Tập pháp trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, các tùy miên do kiến khô đoạn trừ nơi ba cõi và do kiến tập đoạn trừ nơi cõi Dục đều không tạo thành, còn lại đều tạo thành.

Tập loại trí đã sinh, diệt pháp trí chưa sinh, các tùy miên do kiến khô, tập đoạn trừ nơi ba cõi đều không tạo thành, còn lại đều tạo thành.

Diệt pháp trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, các tùy miên do kiến khô, tập đoạn trừ nơi ba cõi và do kiến diệt đoạn trừ nơi cõi Dục đều không tạo thành, còn lại đều tạo thành.

Diệt loại trí đã sinh, đạo pháp trí chưa sinh, các tùy miên do kiến khô, tập, diệt đoạn trừ nơi ba cõi đều không tạo thành, còn lại đều tạo thành.

Đạo pháp trí đã sinh, các tùy miên do kiến khô, tập, diệt đoạn trừ nơi ba cõi và kiến đạo đoạn trừ nơi cõi Dục đều không tạo thành, còn lại đều tạo thành.

Đã lìa nhiễm dục, chưa lìa nhiễm sắc, khô loại trí chưa sinh, tùy miên nơi cõi Dục tất cả đều không tạo thành, cõi khác đều tạo thành.

Khô loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, tất cả tùy miên nơi cõi Dục và nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do kiến khô đoạn trừ đều không tạo thành, còn lại đều tạo thành.

Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, tất cả tùy miên nơi cõi Dục và các tùy miên do kiến khô, tập đoạn trừ nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc đều không tạo thành, còn lại đều tạo thành.

Diệt loại trí đã sinh, tất cả tùy miên nơi cõi Dục cùng các tùy miên do kiến khô, tập, diệt đoạn trừ nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc đều không tạo thành, còn lại đều tạo thành.

Đã lia nhiễm sắc, khổ loại trí chưa sinh, tất cả tùy miên nơi cõi Dục, cõi Sắc đều không tạo thành, còn lại đều tạo thành.

Diệt loại trí đã sinh, tập loại trí chưa sinh, tất cả tùy miên nơi cõi Dục và cõi Sắc, cùng các tùy miên nơi cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn trừ đều không tạo thành, còn lại đều tạo thành.

Tập loại trí đã sinh, diệt loại trí chưa sinh, tất cả tùy miên nơi cõi Dục, cõi Sắc, cùng các tùy miên do kiến khổ, tập đoạn trừ nơi cõi Vô sắc không tạo thành, còn lại đều tạo thành.

Diệt loại trí đã sinh, tất cả tùy miên nơi cõi Dục, cõi Sắc, cùng các tùy miên do kiến khổ, tập, diệt đoạn nơi cõi Vô sắc không tạo thành, còn lại đều tạo thành.

Như Tùy tín hành, *Tùy pháp hành* cũng như vậy.

Tín thắng giải: Đối với ba kiết: đều không tạo thành.

Đối với ba căn bất thiện: chưa lia nhiễm dục thì đều tạo thành, đã lia nhiễm dục thì đều không tạo thành.

Đối với ba lậu: chưa lia nhiễm dục thì đều tạo thành, đã lia nhiễm dục thì hai tạo thành, một không tạo thành.

Đối với bốn bộc lưu, bốn ách: chưa lia nhiễm dục thì ba tạo thành, một không tạo thành, đã lia nhiễm dục thì hai tạo thành, hai không tạo thành.

Đối với bốn thủ: chưa lia nhiễm dục thì hai tạo thành, hai không tạo thành, đã lia nhiễm dục thì một tạo thành, ba không tạo thành.

Đối với bốn trói buộc thân: chưa lia nhiễm dục thì hai tạo thành, hai không tạo thành, đã lia nhiễm dục thì đều không tạo thành.

Đối với năm cái: chưa lia nhiễm dục thì bốn tạo thành, một không tạo thành, đã lia nhiễm dục thì đều không tạo thành.

Đối với năm kiết: chưa lia nhiễm dục thì đều tạo thành, đã lia nhiễm dục thì hai tạo thành, ba không tạo thành.

Đối với năm kiết thuận phần dưới: chưa lia nhiễm dục thì hai tạo thành, ba không tạo thành, đã lia nhiễm dục thì đều không tạo thành.

Đối với năm kiết thuận phần trên: chưa lia nhiễm sắc thì đều tạo thành, đã lia nhiễm sắc thì bốn tạo thành, một không tạo thành.

Đối với năm kiến: đều không tạo thành.

Đối với sáu ái thân: chưa lia nhiễm dục thì đều tạo thành, đã lia nhiễm dục nhưng chưa lia nhiễm nơi cõi Phạm thế thì bốn tạo thành, hai không tạo thành, đã lia nhiễm nơi cõi Phạm thế thì một tạo thành, năm không tạo thành.

Đối với bảy tùy miên: chưa lia nhiễm dục thì năm tạo thành, hai không tạo thành, đã lia nhiễm dục thì ba tạo thành, bốn không tạo thành.

Đối với chín kiết: chưa lia nhiễm dục thì sáu tạo thành, ba không tạo thành, đã lia nhiễm dục thì ba tạo thành, sáu không tạo thành.

Đối với chín mươi tám tùy miên: chưa lia nhiễm dục thì mười thứ tạo thành, tám mươi tám thứ không tạo thành. Đã lia nhiễm dục, chưa lia nhiễm sắc thì sáu thứ tạo thành, chín mươi hai thứ không tạo thành. Đã lia nhiễm sắc thì ba thứ tạo thành, chín mươi lăm thứ không tạo thành.

Như Tín thắng giải, *Kiến chí* cũng như vậy.

Thân chứng: Đối với ba kiết, ba căn bất thiện: đều không tạo thành.

Đối với ba lậu: hai thứ tạo thành, một thứ không tạo thành.

Đối với bốn bộc lưu, bốn ách: hai thứ tạo thành, hai thứ không tạo thành.

Đối với bốn thủ: một thứ tạo thành, ba thứ không tạo thành.

Đối với bốn trói buộc thân cùng năm cái: đều không tạo thành.

Đối với năm kiết: hai thứ tạo thành, ba thứ không tạo thành.

Đôi với năm kiết thuận phần dưới: đều không tạo thành.

Đôi với năm kiết thuận phần trên: bốn thứ tạo thành, một thứ không tạo thành.

Đôi với năm kiến: đều không tạo thành.

Đôi với sáu ái thân: một thứ tạo thành, năm thứ không tạo thành.

Đôi với bảy tùy miên: ba thứ tạo thành, bốn thứ không tạo thành.

Đôi với chín kiết: ba thứ tạo thành, sáu thứ không tạo thành.

Đôi với chín mươi tám tùy miên: ba thứ tạo thành, chín mươi lăm thứ không tạo thành.

*

Hỏi: Hữu thân kiến với hữu thân kiến có bao nhiêu duyên? Hữu thân kiến với giới cấm thủ v.v... cho đến tùy miên vô minh nơi cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ có bao nhiêu duyên? Cho đến tùy miên vô minh nơi cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ cùng với tùy miên vô minh nơi cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ có bao nhiêu duyên? Tùy miên vô minh nơi cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ cùng với hữu thân kiến, cho đến tùy miên mạn nơi cõi Vô sắc do tu đạo đoạn có bao nhiêu duyên?

Đáp: Hữu thân kiến với hữu thân kiến làm hoặc bốn, ba, hai, một duyên.

Thế nào là bốn? Như hữu thân kiến vô gián khởi hữu thân kiến, tức tư duy nơi đời trước với đời sau kia là bốn duyên.

Thế nào là ba? Như hữu thân kiến vô gián khởi hữu thân kiến, không tư duy nơi đời trước với đời sau kia là ba duyên, trừ sở duyên. Hoặc hữu thân kiến vô gián khởi tâm khác, sau khởi hữu thân kiến, tức tư duy thân kiến kia ở đời trước với đời sau nên là ba duyên, trừ đẳng vô gián.

Thế nào là hai? Như hữu thân kiến vô gián khởi tâm khác, sau khởi hữu thân kiến, không tư duy thân kiến kia ở đời trước với đời sau nên là hai duyên, gọi là nhân, tăng thượng.

Thế nào là một? Như hữu thân kiến của đời sau cùng với hữu thân kiến của đời trước, nếu tạo sở duyên là sở duyên, tăng thượng, không tạo sở duyên là một tăng thượng.

Hữu thân kiến vị lai cùng với hữu thân kiến quá khứ, hiện tại, nếu tạo sở duyên là sở duyên, tăng thượng, nếu không sở duyên là một tăng thượng.

Hữu thân kiến vị lai, hiện tại cùng với hữu thân kiến quá khứ, nếu tạo sở duyên là sở duyên, tăng thượng, không tạo sở duyên là một tăng thượng.

Hữu thân kiến của cõi Dục với hữu thân kiến của cõi Sắc, cõi Vô sắc là một tăng thượng.

Hữu thân kiến của cõi Sắc, cõi Vô sắc với hữu thân kiến của cõi Dục, nếu tạo đẳng vô gián là đẳng vô gián, tăng thượng, không tạo đẳng vô gián là một tăng thượng.

Hữu thân kiến của cõi Sắc với hữu thân kiến của cõi Vô sắc là một tăng thượng.

Hữu thân kiến của cõi Vô sắc với hữu thân kiến của cõi Sắc, nếu tạo đẳng vô gián là đẳng vô gián, tăng thượng, không tạo đẳng vô gián là một tăng thượng.

Như hữu thân kiến với hữu thân kiến, nên biết hữu thân kiến cùng với tất cả không phải biến hành khác, tất cả không phải biến hành khác cùng với tất cả không phải biến hành, tất cả biến hành cùng với tất cả không phải biến hành cũng như vậy.

Hữu thân kiến với giới cầm thú làm hoặc bốn, ba, hai, một duyên.

Thế nào là bốn? Như hữu thân kiến vô gián khởi giới cầm thủ, tức tư duy nơi thân kiến kia ở đời trước và đời sau là bốn duyên.

Thế nào là ba? Như hữu thân kiến vô gián khởi giới cầm thủ, không tư duy nơi thân kiến kia ở đời trước và đời sau là ba duyên, trừ sở duyên. Hoặc hữu thân kiến vô gián khởi tâm khác, sau khởi giới cầm thủ, tức tư duy nơi thân kiến kia của đời trước và đời sau nên là ba duyên, trừ đẳng vô gián.

Thế nào là hai? Như hữu thân kiến vô gián khởi tâm khác, sau khởi giới cầm thủ, không tư duy nơi thân kiến kia ở đời trước và đời sau nên là hai duyên, gọi là nhân, tăng thượng.

Thế nào là một? Như hữu thân kiến của đời sau với giới cầm thủ của đời trước, nếu tạo sở duyên là sở duyên, tăng thượng, không tạo sở duyên là một tăng thượng.

Hữu thân kiến của vị lai với giới cầm thủ của quá khứ, hiện tại, nếu tạo sở duyên là sở duyên, tăng thượng, không tạo sở duyên là một tăng thượng.

Hữu thân kiến của vị lai, hiện tại với giới cầm thủ của quá khứ, nếu tạo sở duyên là sở duyên, tăng thượng, không tạo sở duyên là một tăng thượng.

Hữu thân kiến của cõi Dục với giới cầm thủ của cõi Sắc, cõi Vô sắc là một tăng thượng.

Hữu thân kiến của cõi Sắc, cõi Vô sắc với giới cầm thủ của cõi Dục, nếu tạo sở duyên, không phải đẳng vô gián là sở duyên, tăng thượng. Nếu tạo đẳng vô gián, không phải sở duyên là đẳng vô gián, tăng thượng. Nếu tạo đẳng vô gián và sở duyên là đẳng vô gián, sở duyên, tăng thượng. Không tạo đẳng vô gián và sở duyên là một tăng thượng.

Hữu thân kiến của cõi Sắc cùng với giới cầm thủ của cõi Vô sắc là một tăng thượng. Hữu thân kiến của cõi Vô sắc với giới cầm thủ

của cõi Sắc, nếu tạo sở duyên không phải đẳng vô gián là sở duyên, tăng thượng. Nếu tạo đẳng vô gián không phải là sở duyên là đẳng vô gián, tăng thượng. Nếu tạo đẳng vô gián và sở duyên là đẳng vô gián, sở duyên, tăng thượng. Nếu không tạo đẳng vô gián và sở duyên là một tăng thượng.

Như hữu thân kiến cùng với giới cấm thủ, nên biết hữu thân kiến với tất cả biến hành khác, tất cả biến hành cùng với tất cả biến hành, tất cả phi biến hành khác với tất cả biến hành cũng như vậy.

(Bốn duyên là: nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên và tăng thượng duyên)

Phẩm 2: BÀN VỀ NHẤT HÀNH, phần 1

*Kiết một hành trải sáu
Nhỏ lớn bảy thân hữu
Dựa thuộc đạo biết khắp
Chương này xin nói đủ.*

Có chín kiết: Đó là kiết ái, kiết giận, kiết mạn, kiết vô minh, kiết kiến, kiết thủ, kiết nghi, kiết ganh tị, kiết keo kiệt.

**

Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái trói buộc thì cũng có kiết giận trói buộc chăng?

Đáp: Nếu đối với sự việc này có kiết giận trói buộc tất có kiết ái trói buộc. Hoặc có kiết ái trói buộc không có kiết giận trói buộc: Nghĩa là đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc có kiết ái chưa đoạn.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái trói buộc thì cũng có kiết mạn trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Giả như có kiết mạn trói buộc lại có kiết ái trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái trói buộc thì cũng có *kiết vô minh* trói buộc chăng?

Đáp: Nếu đối với sự việc này, có kiết ái trói buộc tất có kiết vô minh trói buộc. Hoặc có kiết vô minh trói buộc không có kiết ái trói buộc: Nghĩa là khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ đoạn có kiết vô minh do kiến tập đoạn, chưa đoạn.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái trói buộc thì cũng có *kiết kiến* trói buộc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Hoặc có kiết ái trói buộc không có kiết kiến trói buộc: Nghĩa là tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp không tương ưng với kiết kiến do kiến diệt đạo đoạn và đối với pháp do tu đạo đoạn, có kiết ái chưa đoạn. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp không tương ưng với kiết kiến do kiến đạo đoạn và đối với pháp do tu đạo đoạn, có kiết ái chưa đoạn. Đệ tử thấy biết đủ của Đức Thế Tôn đối với pháp do tu đạo đoạn có kiết ái chưa đoạn.

2. Hoặc có kiết kiến trói buộc không có kiết ái trói buộc: Nghĩa là khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ đoạn, có kiết kiến do kiến tập đoạn, chưa đoạn.

3. Hoặc có kiết ái trói buộc cũng có kiết kiến trói buộc: Nghĩa là kẻ bị trói buộc đủ đối với pháp do kiến đạo, tu đạo đoạn có hai kiết trói buộc. Khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp do kiến tập, diệt, đạo, tu đạo đoạn có hai kiết trói buộc. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp tương ưng với kiết kiến do kiến diệt, đạo đoạn có hai kiết trói buộc. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh,

đối với pháp tương ứng với kiết kiến do kiến đạo đoạn có hai kiết trói buộc.

4. Hoặc không có kiết ái trói buộc cũng không có kiết kiến trói buộc: Nghĩa là tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ, tập đoạn không có hai kiết trói buộc. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ, tập, diệt đoạn, không có hai kiết trói buộc. Đệ tử thấy biết đủ của Đức Thế Tôn đối với pháp do kiến đạo đoạn không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm dục, đối với pháp nơi cõi Dục không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm sắc, đối với pháp nơi cõi Dục, cõi Sắc, không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm vô sắc, đối với pháp của ba cõi không có hai kiết trói buộc.

Như đối với kiết kiến, đối với *kiết nghi* cũng như vậy.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái trói buộc thì cũng có *kiết thủ* trói buộc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Hoặc có kiết ái trói buộc không có kiết thủ trói buộc: Nghĩa là tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp do tu đạo đoạn có kiết ái chưa đoạn. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do tu đạo đoạn có kiết ái chưa đoạn. Đệ tử thấy biết đủ của Đức Thế Tôn đối với pháp do tu đạo đoạn, có kiết ái chưa đoạn.

2. Hoặc có kiết thủ trói buộc không có kiết ái trói buộc: Nghĩa là khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ đoạn, có kiết thủ do kiến tập đoạn, chưa đoạn.

3. Hoặc có kiết ái trói buộc cũng có kiết thủ trói buộc: Nghĩa là kẻ bị trói buộc đủ đối với pháp do kiến đạo, tu đạo đoạn có hai kiết trói buộc. Khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp do kiến tập, diệt, đạo, tu đạo đoạn, có hai kiết trói buộc. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp do kiến diệt, đạo đoạn, có hai kiết trói buộc.

Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do kiến đạo đoạn, có hai kiết trói buộc.

4. Hoặc không có kiết ái trói buộc cũng không có kiết thủ trói buộc: Nghĩa là tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ, tập đoạn không có hai kiết trói buộc. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ, tập diệt đoạn, không có hai kiết trói buộc. Đệ tử thấy biết đủ của Đức Thế Tôn đối với pháp do kiến đạo đoạn, không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm dục, đối với pháp của cõi Dục không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm sắc, đối với pháp của cõi Sắc, cõi Vô sắc, không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm vô sắc, đối với pháp của ba cõi, không có hai kiết trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái trói buộc thì cũng có *kiết ganh tị* trói buộc chăng?

Đáp: Nếu đối với sự việc này có kiết ganh tị trói buộc tất có kiết ái trói buộc. Hoặc có kiết ái trói buộc, không có kiết ganh tị trói buộc: Nghĩa là đối với pháp do kiến đạo đoạn nơi cõi Dục và đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, có kiết ái chưa đoạn.

Như đối với kiết ganh tị, đối với *kiết keo kiệt* cũng như vậy.

*

Như kiết ái đối với một hành được tạo sau, *kiết mạn* đối với một hành được tạo sau cũng như vậy.

*

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết giận trói buộc thì cũng có *kiết mạn* trói buộc chăng?

Đáp: Nếu đối với sự việc này có kiết giận trói buộc tất có kiết mạn trói buộc. Hoặc có kiết mạn trói buộc không có kiết giận trói

buộc: Nghĩa là đối với pháp của cõi Sắc, cõi Vô sắc có kiết mạn chưa đoạn.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết giận trói buộc thì cũng có *kiết vô minh* trói buộc chăng?

Đáp: Nếu đối với sự việc này có kiết giận trói buộc tất có kiết vô minh trói buộc. Hoặc có kiết vô minh trói buộc không có kiết giận trói buộc: Nghĩa là chưa lìa nhiễm dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp của cõi Dục do kiến khổ đoạn, có kiết vô minh do kiến tập đoạn, chưa đoạn. Đối với pháp của cõi Sắc, cõi Vô sắc, có kiết vô minh chưa đoạn.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết giận trói buộc thì cũng có *kiết kiến* trói buộc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Hoặc có kiết giận trói buộc không có kiết kiến trói buộc: Nghĩa là chưa lìa nhiễm dục, tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh. Đối với pháp không tương ưng với kiết kiến nơi cõi Dục do kiết diệt, đạo đoạn và đối với pháp do tu đạo đoạn nơi cõi Dục, có kiết giận chưa đoạn. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp không tương ưng với kiết kiến do kiến đạo đoạn nơi cõi Dục cùng đối với pháp do tu đạo đoạn nơi cõi Dục, có kiết giận chưa đoạn. Đệ tử thấy biết đủ của Đức Thế Tôn chưa lìa nhiễm dục, đối với pháp do tu đạo đoạn nơi cõi Dục, có kiết giận chưa đoạn.

2. Hoặc có kiết kiến trói buộc không có kiết giận trói buộc: Nghĩa là chưa lìa nhiễm dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do kiến khổ đoạn, có kiết kiến do kiến tập đoạn, chưa đoạn. Đối với pháp của cõi Sắc, cõi Vô sắc, có kiết kiến chưa đoạn.

3. Hoặc có kiết giận trói buộc cũng có kiết kiến trói buộc: Nghĩa là kẻ bị trói buộc đủ, đối với pháp nơi cõi Dục do kiến đạo, tu

đạo đoạn có hai kiết trói buộc. Chưa lìa nhiễm dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp do kiến tập, diệt, đạo, tu đạo đoạn nơi cõi Dục có hai kiết trói buộc. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp tương ưng với kiết kiến nơi cõi Dục do kiến diệt, đạo đoạn có hai kiết trói buộc. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp tương ưng với kiết kiến nơi cõi Dục do kiến đạo đoạn có hai kiết trói buộc.

4. Hoặc không có kiết giận trói buộc cũng không có kiết kiến trói buộc: Nghĩa là tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ, tập đoạn và đối với pháp không tương ưng với kiết kiến nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do kiến diệt, đạo đoạn, cùng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tu đạo đoạn, không có hai kiết trói buộc. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ, tập, diệt đoạn và đối với pháp không tương ưng với kiết kiến nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn cùng với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tu đạo đoạn không có hai kiết trói buộc. Đệ tử thấy biết đủ của Đức Thế Tôn chưa lìa nhiễm dục, đối với pháp do kiến đạo đoạn và đối với pháp do tu đạo đoạn nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm dục, đối với pháp của cõi Dục không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm sắc, đối với pháp của cõi Dục, cõi Sắc không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm vô sắc, đối với pháp của ba cõi không có hai kiết trói buộc.

Như đối với kiết kiến, đối với *kiết nghi* cũng như vậy.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết giận trói buộc thì cũng có *kiết thủ* trói buộc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Hoặc có kiết giận trói buộc không có kiết thủ trói buộc: Nghĩa là chưa lìa nhiễm dục, tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do tu đạo đoạn, có kiết giận chưa đoạn. Diệt

trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do tu đạo đoạn, có kiết giận chưa đoạn. Đệ tử thấy biết đủ của Đức Thế Tôn chưa lìa nhiễm dục, đối với pháp nơi cõi Dục do tu đạo đoạn, có kiết giận chưa đoạn.

2. Hoặ có kiết thủ trói buộc không có kiết giận trói buộc: Nghĩa là chưa lìa nhiễm dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do kiến khổ đoạn, có kiết thủ do kiến tập đoạn, chưa đoạn. Đối với pháp của cõi Sắc, cõi Vô sắc, có kiết thủ chưa đoạn.

3. Hoặ có kiết giận trói buộc cũng có kiết thủ trói buộc: Nghĩa là kẻ bị trói buộc đủ, đối với pháp nơi cõi Dục do kiến đạo, tu đạo đoạn, có hai kiết trói buộc. Chưa lìa nhiễm dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do kiến tập, diệt, đạo đoạn, có hai kiết trói buộc. Tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do kiến diệt, đạo đoạn, có hai kiết trói buộc. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do kiến đạo đoạn, có hai kiết trói buộc.

4. Hoặ không có kiết giận trói buộc cũng không có kiết thủ trói buộc: Nghĩa là chưa lìa nhiễm dục, tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ, tập đoạn và đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tu đạo đoạn, không có hai kiết trói buộc. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ, tập, diệt đoạn và đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tu đạo đoạn, không có hai kiết trói buộc. Đệ tử thấy biết đủ của Đức Thế Tôn chưa lìa nhiễm dục, đối với pháp do kiến đạo đoạn và đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do tu đạo đoạn, không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm dục, đối với pháp của cõi Dục, không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm sắc, đối với pháp của cõi Dục, cõi Sắc, không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm vô sắc, đối với pháp của ba cõi, không có hai kiết trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết giận trói buộc thì cũng có *kiết ganh tị* trói buộc chăng?

Đáp: Nếu đối với sự việc này có kiết ganh tị trói buộc tất có kiết giận trói buộc. Hoặc có kiết giận trói buộc không có kiết ganh tị trói buộc: Nghĩa là đối với pháp nơi cõi Dục do kiến đạo đoạn, có kiết giận chưa đoạn.

Như đối với kiết ganh tị, đối với *kiết keo kiệt* cũng như vậy.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 4

Chương 2: KIẾT UẨN

Phẩm 2: BÀN VỀ NHẤT HÀNH, phần 2

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết vô minh trói buộc thì cũng có kiết kiến trói buộc chăng?

Đáp: Nếu đối với sự việc này, có kiết kiến trói buộc tất có kiết vô minh trói buộc. Hoặc có kiết vô minh trói buộc không có kiết kiến trói buộc: Nghĩa là tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp không tương ưng với kiết kiến do kiến diệt, đạo đoạn và đối với pháp do tu đạo đoạn có kiết vô minh chưa đoạn trừ. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp không tương ưng với kiết kiến do kiến đạo đoạn và đối với pháp do tu đạo đoạn có kiết vô minh chưa đoạn. Đệ tử thấy biết đủ của Đức Thế Tôn đối với pháp do tu đạo đoạn có kiết vô minh chưa đoạn.

Như đối với kiết kiến, đối với *kiết nghi* cũng như vậy.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết vô minh trói buộc thì cũng có kiết thủ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu đối với sự việc này, có kiết thủ trói buộc tất có kiết vô minh trói buộc. Hoặc có kiết vô minh trói buộc không có kiết thủ trói buộc: Nghĩa là tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp do

tu đạo đoạn có kiết vô minh chưa đoạn. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do tu đạo đoạn có kiết vô minh chưa đoạn. Đệ tử thấy biết đủ của Đức Thế Tôn đối với pháp do tu đạo đoạn có kiết vô minh chưa đoạn.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết vô minh trói buộc thì cũng có *kiết ganh tị* trói buộc chăng?

Đáp: Nếu đối với sự việc này, có kiết ganh tị trói buộc tất có kiết vô minh trói buộc. Hoặc có kiết vô minh trói buộc không có kiết ganh tị trói buộc: Nghĩa là đối với pháp ở cõi Dục do kiến đạo đoạn và đối với pháp ở cõi Sắc, cõi Vô sắc có kiết vô minh chưa đoạn.

Như đối với kiết ganh tị, *kiết keo kiệt* cũng như vậy.

*

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có *kiết kiến* trói buộc thì cũng có *kiết thủ* trói buộc chăng?

Đáp: Nếu đối với sự việc này, có *kiết kiến* trói buộc tất cũng có *kiết thủ* trói buộc. Hoặc có *kiết thủ* trói buộc không có *kiết kiến* trói buộc: Nghĩa là tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp không tương ưng với *kiết kiến* do kiến diệt, đạo đã đoạn có *kiết thủ* chưa đoạn. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp không tương ưng với *kiết kiến* do kiến đạo đoạn có *kiết thủ* chưa đoạn.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có *kiết kiến* trói buộc thì cũng có *kiết nghi* trói buộc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Hoặc có *kiết kiến* trói buộc không có *kiết nghi* trói buộc: Nghĩa là tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp tương ưng với *kiết kiến* do kiến diệt, đạo đoạn có *kiết kiến* chưa đoạn. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp tương ưng với *kiết kiến* do kiến đạo đoạn có *kiết kiến* chưa đoạn.

2. Hoặc có kiết nghi trói buộc không có kiết kiến trói buộc: Nghĩa là tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp tương ưng với kiết nghi do kiến diệt, đạo đoạn có kiết nghi chưa đoạn. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp tương ưng với kiết nghi do kiến đạo đoạn có kiết nghi chưa đoạn.

3. Hoặc có kiết kiến trói buộc cũng có kiết nghi trói buộc: Nghĩa là kẻ bị trói buộc đủ, đối với pháp do kiến đạo, tu đạo đoạn có hai kiết trói buộc. Khô trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khô tập diệt đạo cùng tu đạo đoạn có hai kiết trói buộc.

4. Hoặc không có kiết kiến trói buộc cũng không có kiết nghi trói buộc: Nghĩa là tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khô, tập đoạn cùng đối với pháp không tương ưng của hai kiết nghi, kiến do kiến diệt, đạo đoạn trừ và pháp do tu đạo đoạn không có hai kiết trói buộc. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khô, tập, diệt đoạn và pháp không tương ưng của hai kiết kiến, nghi do kiến đạo đoạn cùng với pháp do tu đạo đoạn không có hai kiết trói buộc. Đệ tử thấy biết đủ của Đức Thế Tôn đối với pháp do kiến đạo, tu đạo đoạn không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm dục, ở nơi pháp của cõi Dục không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm sắc, ở nơi pháp của cõi Sắc không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm vô sắc, ở nơi pháp của ba cõi không có hai kiết trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết kiến trói buộc thì cũng có *kiết ganh tị* trói buộc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Hoặc có kiết kiến trói buộc không có kiết ganh tị trói buộc: Nghĩa là đối với pháp do kiến đạo đoạn nơi cõi Dục và đối với pháp của cõi Sắc và cõi Vô sắc có kiết kiến chưa đoạn.

2. Hoặc có kiết ganh tị trói buộc không có kiết kiến trói buộc: Nghĩa là chưa lìa nhiễm dục, tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với

pháp nơi cõi Dục do tu đạo đoạn có kiết ganh tị chưa đoạn. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp của cõi Dục do tu đạo đoạn có kiết ganh tị chưa đoạn. Đệ tử thấy biết đủ của Đức Thế Tôn chưa lìa nhiễm dục, đối với pháp của cõi Dục do tu đạo đoạn có kiết ganh tị chưa đoạn.

3. Hoặc có kiết kiến trói buộc cũng có kiết ganh tị trói buộc: Nghĩa là kẻ bị trói buộc đủ đối với pháp ở cõi Dục do tu đạo đoạn có hai kiết trói buộc. Chưa lìa nhiễm dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp ở cõi Dục do tu đạo đoạn có hai kiết trói buộc.

4. Hoặc không có kiết kiến trói buộc cũng không có kiết ganh tị trói buộc: Nghĩa là chưa lìa nhiễm dục, tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ, tập đoạn và đối với pháp không tương ưng với kiết kiến do kiến diệt, đạo đoạn, cùng với pháp ở cõi Sắc, cõi Vô sắc do tu đạo đoạn không có hai kiết trói buộc. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ, tập, diệt đoạn và đối với pháp không tương ưng với kiết kiến do kiến đạo đoạn, cùng với pháp ở cõi Sắc, cõi Vô sắc do tu đạo đoạn không có hai kiết trói buộc. Đệ tử thấy biết đủ của Đức Thế Tôn chưa lìa nhiễm dục, đối với pháp do kiến đạo đoạn và đối với pháp ở cõi Sắc, cõi Vô sắc do tu đạo đoạn không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm dục, ở nơi pháp của cõi Dục không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm sắc, đối với pháp của cõi Dục, cõi Sắc không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm vô sắc, ở nơi pháp của ba cõi không có hai kiết trói buộc.

Như đối với kiết ganh tị, đối với *kiết keo kiệt* cũng như vậy.

*

Như kiết kiến đối với một hành tạo sau, *kiết nghi* đối với một hành tạo sau cũng như vậy.

*

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết thủ trói buộc thì cũng có kiết nghi trói buộc chăng?

Đáp: Nếu đối với sự việc này, có kiết nghi trói buộc tất cũng có kiết thủ trói buộc. Hoặc có kiết thủ trói buộc không có kiết nghi trói buộc: Nghĩa là tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp không tương ưng với kiết nghi do kiến diệt, đạo đoạn có kiết thủ chưa đoạn. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp không tương ưng với kiết nghi do kiến đạo đoạn có kiết thủ chưa đoạn.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết thủ trói buộc thì cũng có kiết ganh tị trói buộc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Hoặc có kiết thủ trói buộc không có kiết ganh tị trói buộc: Nghĩa là đối với pháp do kiến đạo đoạn nơi cõi Dục và pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc có kiết thủ chưa đoạn.

2. Hoặc có kiết ganh tị trói buộc không có kiết thủ trói buộc: Nghĩa là chưa lìa nhiễm dục, tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp nơi cõi Dục do tu đạo đoạn có kiết ganh tị chưa đoạn. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, ở nơi pháp của cõi Dục do tu đạo đoạn có kiết ganh tị chưa đoạn. Đệ tử thấy biết đủ của Đức Thế Tôn chưa lìa nhiễm dục, đối với pháp do tu đạo đoạn nơi cõi Dục có kiết ganh tị chưa đoạn.

3. Hoặc có kiết thủ trói buộc cũng có kiết ganh tị trói buộc: Nghĩa là kẻ bị trói buộc đủ đối với pháp do tu đạo đoạn ở cõi Dục có hai kiết trói buộc. Chưa lìa nhiễm dục, khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, đối với pháp do tu đạo đoạn nơi cõi Dục có hai kiết trói buộc.

4. Hoặc không có kiết thủ trói buộc cũng không có kiết ganh tị trói buộc: Nghĩa là chưa lìa nhiễm dục, tập trí đã sinh, diệt trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ, tập đoạn và đối với pháp do tu đạo

đoạn nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc không có hai kiết trói buộc. Diệt trí đã sinh, đạo trí chưa sinh, đối với pháp do kiến khổ, tập, diệt đoạn và đối với pháp do tu đạo đoạn nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc không có hai kiết trói buộc. Đệ tử thấy biết đủ của Đức Thế Tôn chưa lìa nhiễm dục, đối với pháp do kiến đạo đoạn cùng pháp do tu đạo đoạn nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm dục, đối với pháp của cõi Dục không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm sắc, đối với pháp của cõi Dục, cõi Sắc không có hai kiết trói buộc. Đã lìa nhiễm vô sắc, đối với pháp của ba cõi không có hai kiết trói buộc.

Như đối với kiết ganh tị, *kiết keo kiệt* cũng như vậy.

*

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ganh tị trói buộc thì cũng có kiết keo kiệt trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Giả như có kiết keo kiệt trói buộc lại có kiết ganh tị trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

**

Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết ái vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Giả như có kiết ái vị lai lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết ái hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện tiền.

Hỏi: Giả như có kiết ái hiện tại lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái vị lai trói buộc thì cũng có kiết ái hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện tiền.

Hỏi: Giả như có kiết ái hiện tại lại có kiết ái vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết ái vị lai, hiện tại chăng?

Đáp: Kiết ái vị lai tất trói buộc. Kiết ái hiện tại thì nếu hiện tiền.

Hỏi: Giả như có kiết ái vị lai, hiện tại lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái vị lai trói buộc thì cũng có kiết ái quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Hoặc có vị lai không có quá khứ và hiện tại: Nghĩa là đối với sự việc này có kiết ái chưa đoạn, nhưng trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn, không hiện tiền. Hoặc có vị lai và quá khứ không có hiện tại: Nghĩa là nơi sự việc này có kiết ái trước sinh chưa đoạn, không hiện tiền. Hoặc có vị lai và hiện tại không có quá khứ: Nghĩa là nơi sự việc này có kiết ái hiện tiền, nhưng trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn. Hoặc có vị lai, quá khứ, hiện tại: Nghĩa là nơi sự việc này đã có kiết ái trước sinh chưa đoạn, cũng hiện tiền.

Hỏi: Giả như có kiết ái quá khứ, hiện tại, lại có kiết ái vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái hiện tại trói buộc thì cũng có kiết ái quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Vị lai tất trói buộc. Quá khứ nếu trước kia sinh chưa đoạn thì trói buộc, nếu trước kia chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Giả như có kiết ái quá khứ, vị lai, lại có kiết ái hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện tiền.

*

Như kiết ái trải qua sáu lượt, nên biết *kiết giận, mạn, ganh tị, keo kiệt* không biến hành, *kiết vô minh* trải qua sáu lượt cũng như vậy.

*

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết kiến quá khứ trói buộc thì cũng có kiết kiến vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Giả như có kiết kiến vị lai lại có kiết kiến quá khứ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết kiến quá khứ trói buộc thì cũng có kiết kiến hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện tiền.

Hỏi: Giả như có kiết kiến hiện tại lại có kiết kiến quá khứ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết kiến vị lai trói buộc thì cũng có kiết kiến hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện tiền.

Hỏi: Giả như có kiết kiến hiện tại lại có kiết kiến vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết kiến quá khứ trói buộc thì cũng có kiết kiến vị lai, hiện tại chăng?

Đáp: Vị lai tất trói buộc. Hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết kiến vị lai, hiện tại lại có kiết kiến quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết kiến vị lai trói buộc thì cũng có kiết kiến quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Quá khứ tất trói buộc. Hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết kiến quá khứ, hiện tại lại có kiết kiến vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết kiến hiện tại trói buộc thì cũng có kiết kiến quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Giả như có kiết kiến quá khứ, vị lai lại có kiết kiến hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

*

Như kiết kiến trải qua sáu lượt, nên biết *kiết thủ*, *nghi* biến hành, *kiết vô minh* trải qua sáu lượt cũng như vậy.

**

Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết giận quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Giả như có kiết giận quá khứ trói buộc lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết giận vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Nếu chưa đoạn.

Hỏi: Giả như có kiết giận vị lai trói buộc lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết giận hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết giận hiện tại trói buộc lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc, thì cũng có kiết giận quá khứ, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết giận quá khứ, hiện tại trói buộc: Nghĩa là nơi sự việc này có kiết ái trước sinh chưa đoạn, không có kiết giận trước sinh, giả như sinh rồi đoạn,

không hiện ở trước. Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cùng có kiết giận quá khứ trói buộc, không có hiện tại: Nghĩa là nơi sự việc này có kiết ái, kiết giận trước sinh chưa đoạn, không có kiết giận hiện ở trước. Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cùng có kiết giận hiện tại trói buộc, không có quá khứ: Nghĩa là nơi sự việc này có kiết ái trước kia sinh chưa đoạn, có kiết giận hiện ở trước, nhưng trước chưa sinh, giả như đã sinh rồi đoạn. Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cùng có kiết giận quá khứ, hiện tại trói buộc: Nghĩa là nơi sự việc này có kiết ái, kiết giận trước kia sinh chưa đoạn và có kiết giận hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết giận quá khứ, hiện tại trói buộc, lại có kiết ái quá khứ trói buộc chẳng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết giận hiện tại, vị lai trói buộc chẳng?

Đáp: Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc không có kiết giận hiện tại, vị lai trói buộc: Nghĩa là đối với pháp của cõi Sắc, cõi Vô sắc có kiết ái trước kia sinh chưa đoạn.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cùng có kiết giận vị lai trói buộc, không có hiện tại: Nghĩa là nơi sự việc có kiết ái trước kia sinh chưa đoạn và có kiết giận chưa đoạn, không hiện ở trước.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cũng có kiết giận hiện tại, vị lai trói buộc: Nghĩa là nơi sự việc này có kiết ái trước kia sinh chưa đoạn và có kiết giận hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết giận hiện tại, vị lai trói buộc lại có kiết ái quá khứ trói buộc chẳng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết giận quá khứ, vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc không có kiết giận quá khứ, vị lai trói buộc: Nghĩa là đối với pháp của cõi Sắc, cõi Vô sắc có kiết ái trước kia sinh chưa đoạn.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cùng có kiết giận vị lai trói buộc, không có quá khứ: Nghĩa là nơi sự việc này có kiết ái trước sinh chưa đoạn cùng có kiết giận chưa đoạn, nhưng không có kiết giận trước kia sinh, giả như sinh rồi đoạn.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cũng có kiết giận quá khứ, vị lai trói buộc: Nghĩa là đối với sự việc này có kiết ái, kiết giận trước kia sinh chưa đoạn.

Hỏi: Giả như có kiết giận quá khứ, vị lai trói buộc lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết giận quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc không có kiết giận quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc: Nghĩa là đối với pháp của cõi Sắc, cõi Vô sắc có kiết ái trước kia đã sinh chưa đoạn.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cùng có kiết giận vị lai trói buộc, không có quá khứ, hiện tại: Nghĩa là đối với sự việc này có kiết ái trước kia sinh chưa đoạn và có kiết giận chưa đoạn, nhưng trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn, không hiện ở trước.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cùng có kiết giận vị lai, hiện tại trói buộc, không có quá khứ: Nghĩa là nơi sự việc này có kiết ái

trước kia sinh chưa đoạn cùng có kiết giận hiện tiền, nhưng trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cùng có kiết giận quá khứ, vị lai trói buộc, không có hiện tại: Nghĩa là đối với sự việc này có kiết ái, kiết giận trước kia sinh chưa đoạn, không có kiết giận hiện tiền.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cũng có kiết giận quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc: Nghĩa là đối với sự việc này có kiết ái, kiết giận trước kia sinh chưa đoạn cùng có kiết giận hiện tiền.

Hỏi: Giả như có kiết giận quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

*

Như kiết ái đối với kiết giận, đối với *kiết ganh tị, kiết keo kiệt* cũng như vậy.

Ở đây có sự sai biệt: Đối với pháp của cõi Dục do kiến đạo đoạn và đối với pháp của cõi Sắc, cõi Vô sắc, có kiết ái trước kia sinh chưa đoạn không có kiết ganh tị, kiết keo kiệt quá khứ, vị lai, hiện tại.

*

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết mạn quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Giả như có kiết mạn quá khứ trói buộc lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc, tất cũng có kiết mạn vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Giả như có kiết mạn vị lai trói buộc lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết mạn hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết mạn hiện tại trói buộc lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết mạn quá khứ, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết mạn quá khứ, hiện tại trói buộc: Nghĩa là đối với sự việc này có kiết ái trước kia sinh chưa đoạn, không có kiết mạn trước sinh, giả như sinh rồi đoạn, không hiện ở trước.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cùng có kiết mạn quá khứ trói buộc, không có hiện tại: Nghĩa là đối với sự việc này có kiết ái, kiết mạn trước kia sinh chưa đoạn, không có kiết mạn hiện ở trước.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cùng có kiết mạn hiện tại trói buộc, không có quá khứ: Nghĩa là nơi sự việc này có kiết ái trước

kia sinh chưa đoạn và có kiết mạn hiện ở trước nhưng trước đó chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cũng có kiết mạn quá khứ, hiện tại trói buộc: Nghĩa là đối với sự việc này có kiết ái, kiết mạn trước kia sinh chưa đoạn và có kiết mạn hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết mạn quá khứ, hiện tại trói buộc thì lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết mạn vị lai, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Vị lai tất trói buộc, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết mạn vị lai, hiện tại trói buộc thì lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết mạn quá khứ, vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Vị lai tất trói buộc, quá khứ nếu trước kia sinh chưa đoạn thì trói buộc, nếu trước kia chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Giả như có kiết mạn quá khứ, vị lai trói buộc thì lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết mạn quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cùng có kiết mạn vị lai trói buộc, không có quá khứ, hiện tại: Nghĩa là đối với sự việc này có kiết ái trước sinh chưa đoạn, không có kiết mạn trước sinh, giả như sinh rồi đoạn, không hiện tiền.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cùng có kiết mạn quá khứ, vị lai trói buộc, không có hiện tại: Nghĩa là đối với sự việc này có kiết ái, kiết mạn trước sinh chưa đoạn, không có kiết mạn hiện ở trước.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cùng có kiết mạn vị lai, hiện tại trói buộc, không có quá khứ: Nghĩa là đối với sự việc này có kiết ái trước sinh chưa đoạn và có kiết mạn hiện tiền nhưng không có trước sinh, giả như sinh rồi đoạn.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cũng có kiết mạn quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc: Nghĩa là đối với sự việc này có kiết ái, kiết mạn trước sinh chưa đoạn và có kiết mạn hiện tiền.

Hỏi: Giả như có kiết mạn quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc thì lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

*

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết vô minh quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh quá khứ trói buộc thì lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết vô minh vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh vị lai trói buộc thì lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết vô minh hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh hiện tại trói buộc thì lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết vô minh quá khứ, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Quá khứ tất trói buộc, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh quá khứ, hiện tại trói buộc thì lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết vô minh vị lai, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Vị lai tất trói buộc, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh vị lai, hiện tại trói buộc thì lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết vô minh quá khứ, vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh quá khứ, vị lai trói buộc thì lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết vô minh quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Quá khứ, vị lai tất trói buộc, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết vô minh quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc thì lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

*

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết kiến quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu chưa đoạn.

Hỏi: Giả như có kiết kiến quá khứ trói buộc thì lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết kiến vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Nếu chưa đoạn.

Hỏi: Giả như có kiết kiến vị lai trói buộc thì lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết kiến hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết kiến hiện tại trói buộc thì lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết kiến quá khứ, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết kiến quá khứ, hiện tại trói buộc: Nghĩa là đối với sự việc này có kiết ái trước sinh chưa đoạn nhưng kiết kiến đã đoạn.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cùng có kiết kiến quá khứ trói buộc, không có hiện tại: Nghĩa là đối với sự việc này có kiết ái trước sinh chưa đoạn và có kiết kiến chưa đoạn nhưng không hiện ở trước.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cũng có kiết kiến hiện tại, quá khứ trói buộc: Nghĩa là đối với sự việc này có kiết ái trước sinh chưa đoạn cũng có kiết kiến hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết kiến quá khứ, hiện tại trói buộc thì lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết kiến hiện tại, vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết kiến hiện tại, vị lai trói buộc: Nghĩa là đối với sự việc này có kiết ái trước đã sinh chưa đoạn, nhưng kiết kiến đã đoạn.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cùng có kiết kiến vị lai trói buộc, không có hiện tại: Nghĩa là đối với sự việc này có kiết ái trước sinh chưa đoạn cùng có kiết kiến chưa đoạn, không hiện ở trước.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cũng có kiết kiến hiện tại, vị lai trói buộc: Nghĩa là đối với sự việc này có kiết ái trước đã sinh chưa đoạn và có kiết kiến hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết kiến hiện tại, vị lai trói buộc thì lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết kiến quá khứ, vị lai trói buộc chăng?

Đáp: Nếu chưa đoạn.

Hỏi: Giả như có kiết kiến quá khứ, vị lai trói buộc thì lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

Hỏi: Nếu đối với sự việc này: Có kiết ái quá khứ trói buộc thì cũng có kiết kiến quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc chăng?

Đáp: Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc, không có kiết kiến quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc: Nghĩa là nơi sự việc này có kiết ái trước đã sinh chưa đoạn, nhưng kiết kiến đã đoạn.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cùng có kiết kiến quá khứ, vị lai trói buộc, không có hiện tại: Nghĩa là nơi sự việc này có kiết ái trước đã sinh chưa đoạn và có kiết kiến chưa đoạn, không hiện ở trước.

Hoặc có kiết ái quá khứ trói buộc cũng có kiết kiến quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc: Nghĩa là nơi sự việc này có kiết ái trước đã sinh chưa đoạn cùng có kiết kiến hiện ở trước.

Hỏi: Giả như có kiết kiến quá khứ, vị lai, hiện tại trói buộc thì lại có kiết ái quá khứ trói buộc chăng?

Đáp: Nếu trước đã sinh chưa đoạn thì trói buộc. Nếu trước chưa sinh, giả như sinh rồi đoạn thì không trói buộc.

*

Như kiết ái đối với kiết kiến, đối với *kiết thủ*, *kiết nghi* cũng như vậy.

**

Như kiết ái đối với phần sau tạo ra tiểu bảy, cho đến kiết ganh tị đối với kiết keo kiệt, tùy chỗ ứng hợp tạo ra tiểu bảy cũng như vậy. Như tiểu bảy, đại bảy cũng như vậy.

Ở đây có sự sai biệt: Dùng hai đối một cho đến dùng tám đối một. Như ái v.v... quá khứ đứng đầu có bảy, cho đến ái quá khứ, vị lai, hiện tại cùng đứng đầu cũng đều có bảy, nên biết như vậy có bảy nơi bảy trường hợp.

**

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên: Ở trong chín mươi tám tùy miên, mỗi mỗi thứ gồm thấu bao nhiêu tùy miên?

Đáp: Tất cả nên phân biệt. Nghĩa là: Trong ba kiết: Kiết hữu thân kiến gồm thấu ba. Kiết giới cấm thủ gồm thấu sáu. Kiết nghi gồm thấu mười hai.

Trong ba căn bất thiện: Căn bất thiện tham, căn bất thiện giận: mỗi thứ gồm sáu năm. Căn bất thiện si gồm sáu bốn và phần ít của một.

Trong ba lậu: Dục lậu gồm sáu ba mươi một. Hữu lậu gồm sáu năm mươi hai. Vô minh lậu gồm sáu mười lăm.

Trong bốn bực lưu: Bực lưu dục gồm sáu mười chín. Bực lưu hữu gồm sáu hai mươi tám. Bực lưu kiến gồm sáu ba mươi sáu. Bực lưu vô minh gồm sáu mười lăm.

Như bốn bực lưu, bốn ách cũng như vậy.

Trong bốn thủ: Dục thủ gồm sáu hai mươi bốn. Kiến thủ gồm sáu ba mươi. Giới cấm thủ gồm sáu sáu. Ngã ngữ thủ gồm sáu ba mươi tám.

Trong bốn trói buộc thân: Tham dục, giận dữ trói buộc thân mỗi thứ gồm sáu năm. Giới cấm thủ gồm sáu sáu. Chấp thật này gồm sáu mười hai.

Trong năm cái: Cái tham dục, cái giận dữ: mỗi thứ gồm sáu năm. Cái nghi gồm sáu bốn. Các cái còn lại không gồm sáu.

Trong năm kiết: Kiết tham, kiết mạn: mỗi kiết gồm sáu mười lăm. Kiết giận gồm sáu năm. Kiết ganh tị, kiết keo kiệt không có gồm sáu.

Trong năm kiết thuận phần dưới: Kiết tham dục, kiết giận dữ: mỗi kiết gồm sáu năm. Kiết hữu thân kiến gồm sáu ba. Kiết giới cấm thủ gồm sáu sáu. Kiết nghi gồm sáu mười hai.

Trong năm kiết thuận phần trên: Kiết tham sắc gồm sáu phần ít của một (tùy miên). Kiết tham vô sắc gồm sáu phần ít của một. Kiết trạo cử không có gồm sáu. Kiết mạn gồm sáu phần ít của hai. Kiết vô minh gồm sáu phần ít của hai.

Trong năm kiến: Hữu thân kiến, biên chấp kiến: mỗi kiến gồm thân ba. Tà kiến, kiến thủ: mỗi kiến gồm thân mười hai. Giới cấm thủ gồm thân sáu.

Trong sáu ái thân: Ái thân do nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra: mỗi thứ gồm thân phần ít của hai. Ái thân do tỷ xúc, thiết xúc sinh ra: mỗi thứ gồm thân phần ít của một. Ái thân do ý xúc sinh ra gồm thân mười ba và phần ít của hai.

Trong bảy tùy miên: Tùy miên dục tham, tùy miên giận dữ: mỗi thứ gồm thân năm. Tùy miên hữu tham gồm thân mười. Tùy miên vô minh, tùy miên mạn: mỗi thứ gồm thân mười lăm. Tùy miên kiến gồm thân ba mươi sáu. Tùy miên nghi gồm thân mười hai.

Trong chín kiết: Kiết ái, kiết mạn, kiết vô minh: mỗi thứ gồm thân mười lăm. Kiết giận gồm thân năm. Kiết kiến, kiết thủ: mỗi thứ gồm thân mười tám. Kiết nghi gồm thân mười hai. Kiết ganh tị, kiết keo kiệt không có gồm thân.

Trong chín mươi tám tùy miên: Hữu thân kiến của cõi Dục gồm thân hữu thân kiến của cõi Dục, cho đến vô minh của cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ gồm thân vô minh của cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên: Thứ trước gồm thân thứ sau hay thứ sau gồm thân thứ trước?

Đáp: Ba kiết, ba căn bất thiện: Không cùng gồm thân.

Ba kiết, ba lậu: Ba kiết gồm thân phần ít của hai lậu, còn lại không gồm thân.

Ba kiết, bốn bực lưu: Ba kiết gồm thân phần ít của ba bực lưu, còn lại không gồm thân.

Như đối với bốn bực lưu, đối với bốn ách cũng như vậy.

Ba kiết, bốn thủ: Ba kiết gồm thâu một thủ và phần ít của ba thủ, còn lại không gồm thâu.

Ba kiết, bốn trói buộc thân: Một kiết gồm thâu một trói buộc thân, còn lại không gồm thâu.

Ba kiết, năm cái: Phần ít của một kiết gồm thâu một cái, còn lại không gồm thâu.

Ba kiết, năm kiết: Không gồm thâu nhau.

Ba kiết, năm kiết thuận phần dưới: Ba kiết gồm thâu ba kiết thuận phần dưới, còn lại không gồm thâu.

Ba kiết, năm kiết thuận phần trên: Không cùng gồm thâu.

Ba kiết, năm kiến: Hai kiết gồm thâu hai kiến, còn lại không gồm thâu.

Ba kiết, sáu ái thân: Không cùng gồm thâu.

Ba kiết, bảy tùy miên: Ba kiết gồm thâu phần ít của một tùy miên, còn lại không gồm thâu.

Ba kiết, chín kiết: Ba kiết gồm thâu một kiết và phần ít của hai kiết, còn lại không gồm thâu.

Ba kiết, chín mươi tám tùy miên: Ba kiết gồm thâu hai mươi một tùy miên, còn lại không gồm thâu.

Như thế, cho đến chín kiết, chín mươi tám tùy miên, bảy kiết, chín mươi tám tùy miên, hổ tương gồm thâu, còn lại không cùng gồm thâu.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên: Có bao nhiêu thứ khiến dục hữu nổi tiếp? Bao nhiêu thứ khiến sắc hữu nổi tiếp? Bao nhiêu thứ khiến vô sắc hữu nổi tiếp?

Đáp: Tất cả nên phân biệt. Nghĩa là: Ba kiết khiến ba hữu nổi tiếp.

Ba căn bất thiện và dục lậu khiến dục hữu nối tiếp. Hữu lậu khiến sắc hữu, vô sắc hữu nối tiếp. Vô minh lậu khiến ba hữu nối tiếp.

Bộc lưu dục, ách dục trong bốn bộc lưu, ách khiến dục hữu nối tiếp. Bộc lưu hữu, ách hữu khiến sắc hữu, vô sắc hữu nối tiếp. Bộc lưu kiến, vô minh, ách kiến, vô minh khiến ba hữu nối tiếp.

Dục thủ trong bốn thủ khiến dục hữu nối tiếp. Kiến thủ, giới cấm thủ khiến ba hữu nối tiếp. Ngã ngữ thủ khiến sắc hữu, vô sắc hữu nối tiếp.

Trong bốn trói buộc thân: Hai thứ đầu khiến dục hữu nối tiếp, hai thứ sau khiến ba hữu nối tiếp.

Năm cái khiến dục hữu nối tiếp.

Trong năm kiết: Kiết tham, kiết mạn khiến ba hữu nối tiếp nhau. Ba kiết còn lại khiến dục hữu nối tiếp.

Trong năm kiết thuận phần dưới: Hai kiết đầu khiến dục hữu nối tiếp. Ba kiết sau khiến ba hữu nối tiếp.

Trong năm kiết thuận phần trên: Tham sắc khiến sắc hữu nối tiếp. Tham vô sắc khiến vô sắc hữu nối tiếp. Ba kiết còn lại khiến sắc hữu, vô sắc hữu nối tiếp.

Năm kiến khiến ba hữu nối tiếp.

Trong sáu ái thân: Ái thân do nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra khiến dục hữu, sắc hữu nối tiếp. Ái thân do tỷ xúc, thiệt xúc sinh ra khiến dục hữu nối tiếp. Ái thân do ý xúc sinh ra khiến ba hữu nối tiếp.

Trong bảy tùy miên: Tùy miên dục tham, giận khiến dục hữu nối tiếp. Tùy miên hữu tham khiến sắc hữu, vô sắc hữu nối tiếp. Bốn tùy miên còn lại khiến ba hữu nối tiếp.

Trong chín kiết: Kiết giận, kiết ganh tị, kiết keo kiệt khiến dục hữu nối tiếp. Sáu kiết còn lại khiến ba hữu nối tiếp.

Trong chín mươi tám tùy miên: Ba mươi sáu tùy miên nơi cõi Dục khiến dục hữu nối tiếp. Ba mươi một tùy miên nơi cõi Sắc khiến sắc hữu nối tiếp. Ba mươi một tùy miên nơi cõi Vô sắc khiến vô sắc hữu nối tiếp.

Hỏi: Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên: Dựa vào định nào diệt?

Đáp: Ba kiết hoặc dựa vào bốn (định, tĩnh lực), hoặc dựa vào vị chí (định vị chí) diệt.

Ba căn bất thiện và dục lậu dựa vào vị chí diệt. Hữu lậu, vô minh lậu hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị chí diệt.

Trong bốn bậc lưu, ách: bậc lưu dục, ách dục dựa vào vị chí diệt. Bậc lưu hữu, vô minh, ách hữu, vô minh hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị chí diệt. Bậc lưu kiến, ách kiến hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị chí diệt.

Trong bốn thủ: Dục thủ dựa vào vị chí diệt. Kiến thủ, giới cấm thủ hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị chí diệt. Ngã ngữ thủ hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị chí diệt.

Trong bốn trói buộc thân: Hai thứ đầu dựa vào vị chí diệt. Hai thứ sau hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị chí diệt.

Năm cái dựa vào vị chí diệt.

Trong năm kiết: Kiến tham, kiết mạn hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị chí diệt. Ba kiết còn lại dựa vào vị chí diệt.

Trong năm kiết thuận phần dưới: Hai kiết đầu dựa vào vị chí diệt. Ba kiết sau hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị chí diệt.

Trong năm kiết thuận phần trên: Tham sắc hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị chí diệt. Bốn kiết còn lại hoặc dựa vào bảy, hoặc dựa vào vị chí diệt.

Năm kiến hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị chí diệt.

Trong sáu ái thân: Ái thân do tử xúc, thiết xúc sinh ra dựa vào vị chí diệt. Ái thân do nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra hoặc dựa vào sơ tĩnh lự, hoặc dựa vào vị chí diệt. Ái thân do ý xúc sinh ra hoặc dựa vào bầy, hoặc dựa vào vị chí diệt.

Trong bảy tùy miên: Tùy miên dục tham, tùy miên giận dữ dựa vào vị chí diệt. Tùy miên vô minh, mạn, hữu tham hoặc dựa vào bầy, hoặc dựa vào vị chí diệt. Tùy miên kiến, nghi hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị chí diệt.

Trong chín kiết: Kiết ái, mạn, vô minh hoặc dựa vào bầy, hoặc dựa vào vị chí diệt. Kiết giận, kiết ganh tị, kiết keo kiệt dựa vào vị chí diệt. Kiết thù, kiết kiến, kiết nghi hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị chí diệt.

Trong chín mươi tám tùy miên: Ba mươi sáu tùy miên nơi cõi Dục dựa vào vị chí diệt. Ba mươi một tùy miên nơi cõi Sắc và các tùy miên do kiến đạo đoạn trừ của cõi Vô sắc hoặc dựa vào bốn, hoặc dựa vào vị chí diệt. Tùy miên do tu đạo đoạn trừ của cõi Vô sắc hoặc dựa vào bầy, hoặc dựa vào vị chí diệt.

**

Hỏi: Các kiết quá khứ, kiết ấy đã trói buộc chăng?

Đáp: Các kiết quá khứ, kiết ấy đã trói buộc. Có kiết đã trói buộc, kiết ấy không phải là quá khứ: Nghĩa là kiết vị lai, hiện tại đã trói buộc.

Hỏi: Các kiết vị lai, kiết ấy sẽ trói buộc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có kiết vị lai, kiết ấy không phải sẽ trói buộc: Nghĩa là kiết vị lai đã đoạn, đã nhận biết khắp, đã diệt, đã loại bỏ hẳn, nhất định sẽ không thoái lui. 2. Có kiết sẽ trói buộc, kiết ấy không phải là vị lai: Nghĩa là kiết quá khứ đã đoạn, đã nhận biết khắp, đã diệt, đã loại bỏ hẳn, nhất định sẽ thoái lui. 3. Có

kiết vị lai, kiết ấy cũng sẽ trói buộc: Nghĩa là kiết vị lai đã đoạn, đã nhận biết khắp, đã diệt, đã loại bỏ hẳn, nhất định sẽ thoái lui. 4. Có kiết không phải là vị lai, kiết ấy cũng không phải sẽ trói buộc: Nghĩa là kiết quá khứ đã đoạn, đã nhận biết khắp, đã diệt, đã loại bỏ hẳn, nhất định sẽ không thoái lui.

Hỏi: Các kiết hiện tại, kiết ấy đang trói buộc chăng?

Đáp: Các kiết hiện tại, kiết ấy đang trói buộc. Có kiết đang trói buộc, kiết ấy không phải là hiện tại: Nghĩa là kiết quá khứ, vị lai đang trói buộc.

**

Hỏi: Những người dùng đạo này nhằm đoạn trừ kiết nơi cõi Dục, khi thoái lui đạo này, họ trở lại bị kiết kia trói buộc chăng?

Đáp: Trở lại bị kiết kia trói buộc.

Hỏi: Những người dùng đạo này nhằm đoạn trừ kiết nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, khi thoái lui đạo này, họ trở lại bị kiết kia trói buộc chăng?

Đáp: Trở lại bị kiết kia trói buộc.

**

Có chín thứ nhận biết khắp (biến tri): Nghĩa là nơi cõi Dục do kiến khổ, tập đoạn trừ kiết tận là nhận biết khắp thứ nhất. Nơi cõi Sắc và cõi Vô sắc do kiến khổ, tập đoạn trừ kiết tận là nhận biết khắp thứ hai.

Nơi cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ kiết tận là nhận biết khắp thứ ba. Nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do kiến diệt đoạn trừ kiết tận là nhận biết khắp thứ tư.

Nơi cõi Dục do kiến đạo đoạn trừ kiết tận là nhận biết khắp thứ năm. Nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn trừ kiết tận là nhận biết khắp thứ sáu.

Năm kiết thuận phần dưới được đoạn tận là nhận biết khắp thứ bảy. Kiết sắc ái tận là nhận biết khắp thứ tám. Tất cả kiết tận là nhận biết khắp thứ chín.

Hỏi: Chín nhận biết khắp gồm thấu tất cả nhận biết khắp, hay tất cả nhận biết khắp gồm thấu chín nhận biết khắp?

Đáp: Tất cả gồm thấu chín, không phải chín gồm thấu tất cả.

Hỏi: Những gì không gồm thấu?

Đáp: Nghĩa là khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, do kiến khổ đoạn trừ kiết tận nơi ba cõi, không phải thuộc về chín thứ. Đệ tử thấy biết đủ của Đức Thế Tôn chưa lìa nhiễm dục, kiết tận do tu đạo đoạn trừ nơi cõi Dục, không phải thuộc về chín thứ. Đã lìa nhiễm dục, chưa lìa nhiễm sắc, do tu đạo đoạn trừ kiết tận nơi cõi Sắc, không phải thuộc về chín thứ. Đã lìa nhiễm sắc, chưa lìa nhiễm vô sắc, nơi cõi Vô sắc do tu đạo đoạn trừ kiết tận, không phải thuộc về chín thứ.

**

Có tám Bồ-đặc-già-la: 1. Hướng Dự lưu. 2. Quả Dự lưu. 3. Hướng Nhất lai. 4. Quả Nhất lai. 5. Hướng Bất hoàn. 6. Quả Bất hoàn. 7. Hướng A-la-hán. 8. Quả A-la-hán. Tám Bồ-đặc-già-la này:

Hỏi: Đối với chín nhận biết khắp (Biến tri): Có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hướng Dự lưu hoặc không thành tựu, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn, năm. Nghĩa là quả vị khổ pháp trí nhẫn cho đến tập pháp trí nhẫn là không thành tựu. Quả vị tập pháp trí, tập loại trí nhẫn là thành tựu một. Quả vị tập loại trí diệt, pháp trí nhẫn là thành tựu hai. Quả vị diệt pháp trí, diệt loại trí nhẫn là thành tựu ba. Quả vị diệt loại trí, đạo pháp trí nhẫn là thành tựu bốn. Quả vị đạo pháp trí, đạo loại trí nhẫn là thành tựu năm. Quả Dự lưu thành tựu sáu.

Hương Nhất lai nếu tăng thêm là lia nhiễm dục, nhập chánh tánh ly sinh là như hương Dự lưu. Nếu từ quả Dự lưu hương tới quả Nhất lai, cùng quả Nhất lai thành tựu sáu.

Hương Bất hoàn nếu đã lia nhiễm dục, nhập chánh tánh ly sinh thì như hương Dự lưu. Nếu từ quả Nhất lai hương đến quả Bất hoàn thì thành tựu sáu. Quả Bất hoàn thành tựu một: Nghĩa là đã dứt hết năm kiết thuận phần dưới.

Hương A-la-hán hoặc thành tựu một, hoặc thành tựu hai: Nghĩa là chưa lia nhiễm sắc là thành tựu một. Đã lia nhiễm sắc là thành tựu hai. Quả A-la-hán thành tựu một: Nghĩa là tất cả kiết đã diệt trừ.

HẾT - QUYỂN 4

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 5

Chương 2: KIẾT UẨN

Phẩm 3: BÀN VỀ HỮU TÌNH

Tụng nêu chung:

*Đôn tiệm buộc lia buộc
Quả thâm bẫy thành ba
Tử sinh chẳng sáu thứ
Chương này xin nói đủ.*

*

Ba cõi, mỗi cõi đều có hai bộ kiết: Nghĩa là do kiến đạo đoạn, tu đạo đoạn.

Hỏi: Đối với hai bộ kiết nơi cõi Dục do kiến đạo đoạn, tu đạo đoạn, từng có tức khắc (Đôn) bị trói buộc không?

Đáp: Có. Nghĩa là phạm phu đã lia nhiễm dục, từ khi lia nhiễm dục thoát chuyển và lúc mất ở nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục.

Hỏi: Từng có tức khắc lia trói buộc không?

Đáp: Có. Nghĩa là phạm phu khi lia nhiễm dục.

Hỏi: Từng có dần dần (Tiệm) bị trói buộc không?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có dần dần lìa trói buộc không?

Đáp: Có. Nghĩa là đệ tử của Đức Thế Tôn trước đã lìa kiết do kiến đạo đoạn, sau lìa kiết do tu đạo đoạn.

*

Hỏi: Đối với hai bộ kiết nơi cõi Sắc do kiến đạo đoạn, tu đạo đoạn, từng có tức khắc bị trói buộc không?

Đáp: Có. Nghĩa là phạm phu đã lìa nhiễm sắc, từ khi lìa nhiễm sắc thoát chuyển và lúc mất ở nơi cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Sắc, cõi Dục.

Hỏi: Từng có tức khắc lìa trói buộc không?

Đáp: Có. Nghĩa là phạm phu khi lìa nhiễm sắc.

Hỏi: Từng có dần dần bị trói buộc không?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có dần dần lìa trói buộc không?

Đáp: Có. Nghĩa là đệ tử của Đức Thế Tôn trước đã lìa kiết do kiến đạo đoạn, sau lìa kiết do tu đạo đoạn.

*

Hỏi: Đối với hai bộ kiết nơi cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn, tu đạo đoạn, từng có tức khắc bị trói buộc không?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có tức khắc lìa trói buộc không?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có dần dần bị trói buộc không?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có dần dần lìa sự trói buộc không?

Đáp: Có. Nghĩa là đệ tử của Đức Thế Tôn trước đã lìa kiết do kiến đạo đoạn, sau lìa kiết do tu đạo đoạn.

*

Hỏi: Kiết tận do kiến đạo đoạn nơi cõi Dục thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ.

Hỏi: Kiết tận do tu đạo đoạn nơi cõi Dục thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Bất hoàn, quả A-la-hán, hoặc Vô xứ.

Hỏi: Kiết tận do kiến đạo đoạn nơi cõi Sắc thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ.

Hỏi: Kiết tận do tu đạo đoạn nơi cõi Sắc thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán, hoặc Vô xứ.

Hỏi: Kiết tận do kiến đạo đoạn nơi cõi Vô sắc thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn.

Hỏi: Kiết tận do tu đạo đoạn nơi cõi Vô sắc thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán.

*

Có năm bộ kiết: Nghĩa là kiết do kiến khổ đoạn, cho đến kiết do tu đạo đoạn.

Hỏi: Kiết tận do kiến khổ đoạn thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ.

Hỏi: Kiết tận do kiến tập đoạn thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ.

Hỏi: Kiết tận do kiến diệt đoạn thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ.

Hỏi: Kiết tận do kiến đạo đoạn thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn.

Hỏi: Kiết tận do tu đạo đoạn thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán.

*

Có chín bộ kiết: Nghĩa là kiết do khổ pháp trí đoạn, cho đến kiết do tu đạo đoạn.

Hỏi: Kiết tận do khổ pháp trí đoạn thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ.

Hỏi: Kiết tận do khổ loại trí cho đến đạo pháp trí đoạn thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ.

Hỏi: Kiết tận do đạo loại trí đoạn thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn.

Hỏi: Kiết tận do tu đạo đoạn thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán.

*

Có mười lăm bộ kiết: Nghĩa là ba cõi, mỗi cõi đều có năm bộ, tức kiết do kiến khổ đoạn, cho đến kiết do tu đạo đoạn.

Hỏi: Kiết tận do kiến khổ, tập, diệt, đạo đoạn nơi cõi Dục thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ.

Hỏi: Kiết tận do tu đạo đoạn nơi cõi Dục thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Bất hoàn, A-la-hán, hoặc Vô xứ.

Hỏi: Kiết tận do kiến khổ, tập, diệt, đạo đoạn nơi cõi Sắc thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ.

Hỏi: Kiết tận do tu đạo đoạn nơi cõi Sắc thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán, hoặc Vô xứ.

Hỏi: Kiết tận do kiến khổ, tập, diệt đoạn nơi cõi Vô sắc thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ.

Hỏi: Kiết tận do kiến đạo đoạn nơi cõi Vô sắc thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về bốn quả Sa-môn.

Hỏi: Kiết tận do tu đạo đoạn nơi cõi Vô sắc thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán.

*

Hỏi: Ba kiết cho chín mươi tám tùy miên, mỗi mỗi thứ tùy miên tận (dứt hết) là thuộc về quả nào?

Đáp: Trong ba kiết: hữu thân kiến tận thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ.

Như hữu thân kiến tận trong ba kiết, nên biết hữu thân kiến tận trong năm kiết thuận phần dưới, hữu thân kiến, biên chấp kiến tận trong năm kiến cũng như vậy.

Giới cấm thủ, nghi tận thuộc về bốn quả Sa-môn. Như giới cấm thủ, nghi tận trong ba kiết, nên biết bậc lưu kiến, ách kiến trong bốn bậc lưu, bốn ách; kiết thủ, giới cấm thủ trong bốn thủ; giới cấm thủ và chấp thật này trong bốn thứ trói buộc thân; giới cấm thủ, nghi trong năm kiết thuận phần dưới; tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ trong

năm kiến; tùy miên kiến, nghi trong bảy tùy miên; kiết kiến, kiết thủ, kiết nghi tận trong chín kiết đều cũng như vậy.

Ba căn bất thiện tận thuộc về quả Bất hoàn, A-la-hán, hoặc Vô xứ.

Như ba căn bất thiện tận, nên biết dục lậu trong ba lậu; bộc lưu dục, ách dục trong bốn bộc lưu, bốn ách; dục thủ trong bốn thủ; tham dục, giận dữ trong bốn thứ trói buộc thân; bốn cái trước trong năm cái; kiết giận, kiết ganh tị, kiết keo kiệt trong năm kiết; tham dục, giận dữ trong năm kiết thuận phần dưới; tử xúc, thiết xúc sinh ra ái thân trong sáu ái thân; tùy miên dục tham, giận dữ trong bảy tùy miên; kiết giận, kiết ganh tị, kiết keo kiệt tận trong chín kiết đều cũng như vậy.

Hữu lậu, vô minh lậu tận thuộc về quả A-la-hán.

Như hữu lậu, vô minh lậu tận, nên biết: Bộc lưu hữu, bộc lưu vô minh, ách hữu, ách vô minh trong bốn bộc lưu, bốn ách; ngã ngữ thủ trong bốn thủ; kiết tham, mạn trong năm kiết; bốn kiết còn lại trừ tham sắc trong năm kiết thuận phần trên; ý xúc sinh ra ái thân trong sáu ái thân; tùy miên hữu tham, vô minh, mạn trong bảy tùy miên; kiết ái, mạn, vô minh tận trong chín kiết đều cũng như vậy.

Cái nghi tận thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ.

Tham sắc nơi kiết thuận phần trên tận thuộc về quả A-la-hán, hoặc Vô xứ.

Như tham sắc nơi kiết thuận phần trên tận, nên biết: Nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra ái thân tận cũng như vậy.

Trong chín mươi tám thứ tùy miên: Tùy miên tận do kiến khổ, tập, diệt, đạo đoạn nơi cõi Dục thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ. Tùy miên tận do tu đạo đoạn nơi cõi Dục thuộc về quả Bất hoàn, A-la-hán, hoặc Vô xứ.

Tùy miên tận do kiến khổ, tập, diệt, đạo đoạn nơi cõi Sắc thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ. Tùy miên tận do tu đạo đoạn nơi cõi Sắc thuộc về quả A-la-hán, hoặc Vô xứ.

Tùy miên tận do kiến khổ, tập, diệt đoạn nơi cõi Vô sắc thuộc về bốn quả Sa-môn, hoặc Vô xứ. Tùy miên tận do kiến đạo đoạn nơi cõi Vô sắc thuộc về bốn quả Sa-môn. Tùy miên tận do tu đạo đoạn nơi cõi Vô sắc thuộc về quả A-la-hán.

*

Hỏi: Các kiết tận trong hướng Dự lưu thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về Vô xứ.

Hỏi: Các kiết tận trong quả Dự lưu thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Dự lưu.

Hỏi: Các kiết tận trong hướng Nhất lai thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Dự lưu, hoặc Vô xứ.

Hỏi: Các kiết tận trong quả Nhất lai thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Nhất lai.

Hỏi: Các kiết tận trong hướng Bất hoàn thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Nhất lai, hoặc Vô xứ.

Hỏi: Các kiết tận trong quả Bất hoàn thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Bất hoàn.

Hỏi: Các kiết tận trong hướng A-la-hán thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Bất hoàn, hoặc Vô xứ.

Hỏi: Các kiết tận trong quả A-la-hán thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán.

*

Hỏi: Đệ tử của Đức Thế Tôn thấy biết đủ chưa lìa nhiễm dục, các kiết tận do tu đạo đoạn nơi cõi Dục thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Nhất lai, hoặc Vô xứ.

Hỏi: Đã lìa nhiễm dục, chưa lìa nhiễm sắc, các kiết tận do tu đạo đoạn nơi cõi Sắc thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về Vô xứ.

Hỏi: Đã lìa nhiễm sắc, chưa lìa nhiễm vô sắc, các kiết tận do tu đạo đoạn nơi cõi Vô sắc thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về Vô xứ.

*

Hỏi: Các vị Dự lưu đã thành tựu pháp học, pháp này thuộc về quả Dự lưu chăng?

Đáp: Hoặc thuộc về, hoặc không thuộc về.

Thế nào là thuộc về? Là quả Dự lưu hữu vi đã được, không mất.

Thế nào là không thuộc về? Là các vị Dự lưu đã đạt được căn vô lậu thắng tấn cùng pháp hữu vi.

Hỏi: Nếu như pháp thuộc về quả Dự lưu thì đây là pháp học chăng?

Đáp: Hoặc học, hoặc phi học phi vô học.

Thế nào là học? Là quả Dự lưu hữu vi.

Thế nào là phi học phi vô học? Là quả Dự lưu vô vi.

Hỏi: Các vị Nhất lai đã thành tựu pháp học, pháp này thuộc về quả Nhất lai chăng?

Đáp: Hoặc thuộc về, hoặc không thuộc về.

Thế nào là thuộc về? Là quả Nhất lai hữu vi đã được, không mất.

Thế nào là không thuộc về? Là các vị Nhất lai đã đạt được căn vô lậu thắng tấn cùng pháp hữu vi.

Hỏi: Nếu như pháp thuộc về quả Nhất lai thì đây là pháp học chẳng?

Đáp: Hoặc học, hoặc phi học phi vô học.

Thế nào là học? Là quả Nhất lai hữu vi.

Thế nào là phi học phi vô học? Là quả Nhất lai vô vi.

Hỏi: Các bậc Bất hoàn đã thành tựu pháp học, pháp này thuộc về quả Bất hoàn chẳng?

Đáp: Hoặc thuộc về, hoặc không thuộc về.

Thế nào là thuộc về? Là quả Bất hoàn hữu vi đã được, không mất.

Thế nào là không thuộc về? Là các bậc Bất hoàn đã đạt được căn vô lậu thắng tấn cùng pháp hữu vi.

Hỏi: Nếu như pháp thuộc về quả Bất hoàn thì đây là pháp học chẳng?

Đáp: Hoặc học, hoặc phi học phi vô học.

Thế nào là học? Là quả Bất hoàn hữu vi.

Thế nào là phi học phi vô học? Là quả Bất hoàn vô vi.

Hỏi: Các bậc A-la-hán đã thành tựu pháp vô học, pháp này thuộc về quả A-la-hán chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như pháp thuộc về quả A-la-hán thì đây là pháp vô học chẳng?

Đáp: Hoặc vô học, hoặc phi học phi vô học.

Thế nào là vô học? Là quả A-la-hán hữu vi.

Thế nào là phi học phi vô học? Là quả A-la-hán vô vi.

*

Hỏi: Các vị Dự lưu đã thành tựu pháp vô lậu, pháp này thuộc về quả Dự lưu chăng?

Đáp: Hoặc thuộc về, hoặc không thuộc về.

Thế nào là thuộc về? Là quả Dự lưu hữu vi, vô vi đã được, không mất.

Thế nào là không thuộc về? Là các vị Dự lưu đã đạt được căn vô lậu thắng tấn cùng pháp hữu vi, các kiết tận do họ đã chứng và người Dự lưu đã thành tựu phi trạch diệt.

Hỏi: Nếu như pháp thuộc về quả Dự lưu thì đây là pháp vô lậu chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các vị Nhất lai đã thành tựu pháp vô lậu, pháp này thuộc về quả Nhất lai chăng?

Đáp: Hoặc thuộc về, hoặc không thuộc về.

Thế nào là thuộc về? Là quả Nhất lai hữu vi, vô vi đã được, không mất.

Thế nào là không thuộc về? Là các vị Nhất lai đã đạt được căn vô lậu thắng tấn cùng pháp hữu vi, các kiết tận do họ đã chứng và người Nhất lai đã thành tựu phi trạch diệt.

Hỏi: Nếu như pháp thuộc về quả Nhất lai thì đây là pháp vô lậu chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các bậc Bất hoàn đã thành tựu pháp vô lậu, pháp này thuộc về quả Bất hoàn chăng?

Đáp: Hoặc thuộc về, hoặc không thuộc về.

Thế nào là thuộc về? Là quả Bất hoàn hữu vi, vô vi đã được, không mất.

Thế nào là không thuộc về? Là các bậc Bất hoàn đã đạt được căn vô lậu thắng tấn cùng pháp hữu vi, các kiết tận do họ đã chứng và người Bất hoàn đã thành tựu phi trạch diệt.

Hỏi: Nếu như pháp thuộc về quả Bất hoàn thì đây là pháp vô lậu chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các bậc A-la-hán đã thành tựu pháp vô lậu, pháp này thuộc về quả A-la-hán chăng?

Đáp: Hoặc thuộc về, hoặc không thuộc về.

Thế nào là thuộc về? Là quả A-la-hán hữu vi, vô vi đã được, không mất.

Thế nào là không thuộc về? Là các A-la-hán đã thành tựu phi trạch diệt.

Hỏi: Nếu như pháp thuộc về quả A-la-hán thì đây là pháp vô lậu chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Các pháp do người Dự lưu thành tựu, pháp ấy thuộc về quả Dự lưu chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp do người Dự lưu thành tựu không phải thuộc về quả Dự lưu: Nghĩa là người Dự lưu đã đạt được căn vô lậu thắng tấn

cùng pháp hữu vi, chúng đắc các kiết tận và thành tựu pháp hữu lậu phi trạch diệt.

2. Có pháp thuộc về quả Dự lưu không phải do người Dự lưu thành tựu: Nghĩa là quả Dự lưu chưa đạt được, đã mất.

3. Có pháp do người Dự lưu thành tựu cũng thuộc về quả Dự lưu: Nghĩa là quả Dự lưu đã đạt được, không mất.

4. Có pháp không phải do người Dự lưu thành tựu cũng không phải thuộc về quả Dự lưu: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Các pháp do người Nhất lai thành tựu, pháp ấy thuộc về quả Nhất lai chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp do người Nhất lai thành tựu không phải thuộc về quả Nhất lai: Nghĩa là người Nhất lai đạt được căn vô lậu thắng tấn cùng pháp hữu vi, chúng đắc các kiết tận và thành tựu pháp hữu lậu phi trạch diệt.

2. Có pháp thuộc về quả Nhất lai không phải do người Nhất lai thành tựu: Nghĩa là quả Nhất lai chưa đạt được, đã mất.

3. Có pháp do người Nhất lai thành tựu cũng thuộc về quả Nhất lai: Nghĩa là quả Nhất lai đã đạt được, không mất.

4. Có pháp không phải do người Nhất lai thành tựu cũng không phải thuộc về quả Nhất lai: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Các pháp do người Bất hoàn thành tựu, pháp ấy thuộc về quả Bất hoàn chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp do người Bất hoàn thành tựu không phải thuộc về quả Bất hoàn: Nghĩa là người Bất hoàn đạt được căn vô lậu thắng tấn

cùng pháp hữu vi, chứng đắc các kiết tận và thành tựu pháp hữu lậu phi trạch diệt.

2. Có pháp thuộc về quả Bất hoàn không phải do người Bất hoàn thành tựu: Nghĩa là quả Bất hoàn chưa đạt được, đã mất.

3. Có pháp do người Bất hoàn thành tựu cũng thuộc về quả Bất hoàn: Nghĩa là quả Bất hoàn đã đạt được, không mất.

4. Có pháp không phải do người Bất hoàn thành tựu cũng không phải thuộc về quả Bất hoàn: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Các pháp do bậc A-la-hán thành tựu, pháp ấy thuộc về quả A-la-hán chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp do bậc A-la-hán thành tựu không phải thuộc về quả A-la-hán: Nghĩa là bậc A-la-hán đã thành tựu pháp hữu lậu phi trạch diệt.

2. Có pháp thuộc về quả A-la-hán không phải do bậc A-la-hán thành tựu: Nghĩa là quả A-la-hán chưa đạt được, đã mất.

3. Có pháp do bậc A-la-hán thành tựu cũng thuộc về quả A-la-hán: Nghĩa là quả A-la-hán đã đạt được, không mất.

4. Có pháp không phải do bậc A-la-hán thành tựu cũng không phải thuộc về quả A-la-hán: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

*

Hỏi: Những người ở cõi Dục mất đi, sinh ra, đều thọ nhận dục hữu chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có người ở nơi cõi Dục mất đi, sinh ra, không thọ nhận dục hữu: Nghĩa là ở nơi cõi Dục mất đi, khởi trung hữu nơi cõi Sắc.

2. Có người thọ nhận dục hữu, không phải là mất đi, sinh ra nơi cõi Dục: Nghĩa là ở nơi cõi Sắc mất đi, khởi trung hữu nơi cõi Dục.

3. Có người ở nơi cõi Dục mất đi, sinh ra, cũng thọ nhận dục hữu: Nghĩa là ở nơi cõi Dục mất đi, khởi trung hữu, sinh hữu nơi cõi Dục.

4. Có người không phải ở nơi cõi Dục mất đi, sinh ra, cũng không thọ nhận dục hữu: Nghĩa là ở nơi cõi Sắc mất đi, sinh ra nơi cõi Sắc, Vô sắc. Nơi cõi Vô sắc mất đi, sinh ra nơi cõi Vô sắc, cõi Sắc.

Hỏi: Những người ở nơi cõi Sắc mất đi, sinh ra, đều thọ nhận sắc hữu chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có người ở nơi cõi Sắc mất đi, sinh ra, không thọ nhận sắc hữu: Nghĩa là ở nơi cõi Sắc mất đi, khởi trung hữu nơi cõi Dục.

2. Có người thọ nhận sắc hữu, không phải là mất đi, sinh ra nơi cõi Sắc: Nghĩa là ở nơi cõi Dục mất đi, khởi trung hữu nơi cõi Sắc.

3. Có người ở nơi cõi Sắc mất đi, sinh ra, cũng thọ nhận sắc hữu: Nghĩa là ở nơi cõi Sắc mất đi, khởi trung hữu, sinh hữu nơi cõi Sắc.

4. Có người không phải ở nơi cõi Sắc mất đi, sinh ra, cũng không thọ nhận sắc hữu: Nghĩa là ở nơi cõi Dục mất đi, sinh ra nơi cõi Dục, cõi Vô sắc. Nơi cõi Vô sắc mất đi, sinh ra nơi cõi Vô sắc, cõi Dục.

Hỏi: Những người ở nơi cõi Vô sắc mất đi, sinh ra, đều thọ nhận vô sắc hữu chăng?

Đáp: Những người ở nơi cõi Vô sắc mất đi, sinh ra, đều thọ nhận vô sắc hữu. Có người thọ nhận vô sắc hữu, nhưng không phải ở nơi cõi Vô sắc mất đi, mà ở nơi cõi Vô sắc sinh ra: Nghĩa là ở nơi cõi Dục, cõi Sắc mất đi, sinh ra nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Những người ở nơi cõi Dục mất đi, sinh ra, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có bốn: Nghĩa là hàng phàm phu, bậc Thánh nơi cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Những người ở nơi cõi Sắc mất đi, sinh ra, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có ba: Nghĩa là hàng phàm phu nơi cõi Dục, hàng phàm phu và bậc Thánh nơi cõi Sắc.

Hỏi: Những người ở nơi cõi Vô sắc mất đi, sinh ra, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có hai: Nghĩa là hàng phàm phu và bậc Thánh nơi cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Những người không phải ở nơi cõi Dục mất đi, sinh ra, đều không thọ nhận dục hữu chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có người không phải ở nơi cõi Dục mất đi, sinh ra, không phải là không thọ nhận dục hữu: Nghĩa là ở nơi cõi Sắc mất đi, khởi trung hữu nơi cõi Dục.

2. Có người không thọ nhận dục hữu, không phải là không ở nơi cõi Dục mất đi, sinh ra: Nghĩa là ở nơi cõi Dục mất đi, khởi trung hữu nơi cõi Sắc.

3. Có người không phải ở nơi cõi Dục mất đi, sinh ra, cũng không thọ nhận dục hữu: Nghĩa là ở nơi cõi Sắc mất đi, sinh ra nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc. Ở nơi cõi Vô sắc mất đi, sinh ra nơi cõi Vô sắc, cõi Sắc.

4. Có người không phải không ở nơi cõi Dục mất đi, sinh ra, cũng không phải không thọ nhận dục hữu: Nghĩa là ở nơi cõi Dục mất đi, khởi trung hữu, sinh hữu nơi cõi Dục.

Hỏi: Những người không phải ở nơi cõi Sắc mất đi, sinh ra, đều không thọ nhận sắc hữu chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có người không phải ở nơi cõi Sắc mất đi, sinh ra, không phải là không thọ nhận sắc hữu: Nghĩa là ở nơi cõi Dục mất đi, khởi trung hữu nơi cõi Sắc.

2. Có người không thọ nhận sắc hữu, không phải là không phải ở nơi cõi Sắc mất đi, sinh ra: Nghĩa là ở nơi cõi Sắc mất đi, khởi trung hữu nơi cõi Dục.

3. Có người không phải ở nơi cõi Sắc mất đi, sinh ra, cũng không thọ nhận sắc hữu: Nghĩa là ở nơi cõi Dục mất đi, sinh ra nơi cõi Dục, cõi Vô sắc. Ở nơi cõi Vô sắc mất đi, sinh ra nơi cõi Vô sắc, cõi Dục.

4. Có người không phải không ở nơi cõi Sắc mất đi, sinh ra, cũng không phải không thọ nhận sắc hữu: Nghĩa là ở nơi cõi Sắc mất đi, khởi trung hữu, sinh hữu nơi cõi Sắc.

Hỏi: Những người không phải ở nơi cõi Vô sắc mất đi, sinh ra, đều không thọ nhận vô sắc hữu chăng?

Đáp: Những người không phải ở nơi cõi Vô sắc mất đi, sinh ra, đều không thọ nhận vô sắc hữu. Có người không thọ nhận vô sắc hữu, không phải là không ở nơi cõi Vô sắc mất đi, nhưng không phải ở nơi cõi Vô sắc sinh ra: Nghĩa là ở nơi cõi Vô sắc mất đi, sinh ra nơi cõi Dục, cõi Sắc.

*

Hỏi: Những người không phải ở nơi cõi Dục mất đi, sinh ra, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có năm: Nghĩa là hàng phàm phu ở nơi cõi Dục, hàng phàm phu nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, bậc Thánh nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Những người không phải ở nơi cõi Sắc mất đi, sinh ra, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có sáu: Nghĩa là hàng phàm phu nơi ba cõi, bậc Thánh nơi ba cõi.

Hỏi: Những người không phải ở nơi cõi Vô sắc mất đi, sinh ra, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có bốn: Nghĩa là hàng phàm phu ở cõi Dục, cõi Sắc, bậc Thánh ở cõi Dục, cõi Sắc.

*

Hỏi: Từng có ở nơi cõi Dục mất đi, không sinh nơi cõi Dục chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi trung hữu nơi cõi Dục, cõi Sắc, sinh nơi cõi Vô sắc, hoặc bát Niết bàn.

Hỏi: Từng có ở nơi cõi Dục mất đi, không sinh nơi cõi Sắc chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi trung hữu nơi cõi Dục, cõi Sắc, sinh nơi cõi Vô sắc, hoặc bát Niết bàn.

Hỏi: Từng có ở nơi cõi Dục mất đi, không sinh nơi cõi Vô sắc chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi trung hữu nơi cõi Dục, cõi Sắc, hoặc bát Niết bàn.

Hỏi: Từng có ở nơi cõi Sắc mất đi, không sinh nơi cõi Sắc chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi trung hữu nơi cõi Dục, cõi Sắc, sinh nơi cõi Vô sắc, hoặc bát Niết bàn.

Hỏi: Từng có ở nơi cõi Sắc mất đi, không sinh nơi cõi Dục chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi trung hữu nơi cõi Dục, cõi Sắc, sinh nơi cõi Vô sắc, hoặc bát Niết bàn.

Hỏi: Có trường hợp ở nơi cõi Sắc mất đi, không sinh nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi trung hữu nơi cõi Dục, cõi Sắc, hoặc bát Niết bàn.

Hỏi: Từng có ở nơi cõi Vô sắc mất đi, không sinh nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi trung hữu nơi cõi Dục, cõi Sắc, hoặc bát Niết bàn.

Hỏi: Từng có ở nơi cõi Vô sắc mất đi, không sinh nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi trung hữu nơi cõi Dục, cõi Sắc, sinh nơi cõi Vô sắc, hoặc bát Niết bàn.

Hỏi: Từng có ở nơi cõi Vô sắc mất đi, không sinh nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi trung hữu nơi cõi Dục, cõi Sắc, sinh nơi cõi Vô sắc, hoặc bát Niết bàn.

*

Hỏi: Những người ở nơi cõi Dục mất đi, không sinh nơi cõi Dục, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có sáu: Tức là hàng phàm phu nơi ba cõi, bậc Thánh nơi ba cõi.

Hỏi: Những người ở nơi cõi Dục mất đi, không sinh nơi cõi Sắc, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có sáu: Tức hàng phàm phu nơi ba cõi, bậc Thánh nơi ba cõi.

Hỏi: Những người ở nơi cõi Dục mất đi, không sinh nơi cõi Vô sắc, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có bốn: Tức hàng phàm phu ở cõi Dục, cõi Sắc, bậc Thánh ở cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Những người ở nơi cõi Sắc mất đi, không sinh nơi cõi Sắc, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có năm: Tức hàng phàm phu nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, bậc Thánh nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Những người ở nơi cõi Sắc mất đi, không sinh nơi cõi Dục, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có năm: Tức hàng phàm phu nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, bậc Thánh nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Những người ở nơi cõi Sắc mất đi, không sinh nơi cõi Vô sắc, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có ba: Tức là hàng phàm phu nơi cõi Dục, phàm phu, Thánh giả nơi cõi Sắc.

Hỏi: Những người ở nơi cõi Vô sắc mất đi, không sinh nơi cõi Vô sắc, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có hai: Tức là hàng phàm phu nơi cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Những người ở nơi cõi Vô sắc mất đi, không sinh nơi cõi Dục, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có bốn: Tức là hàng phàm phu, Thánh giả nơi cõi Vô sắc, hàng phàm phu ở cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Những người ở nơi cõi Vô sắc mất đi, không sinh nơi cõi Sắc, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có bốn: Tức là hàng phàm phu, Thánh giả nơi cõi Vô sắc, hàng phàm phu nơi cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Từng có người ở nơi cõi Dục mất đi, không sinh nơi ba cõi chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi trung hữu nơi cõi Dục, cõi Sắc, hoặc bát Niết-bàn.

Hỏi: Từng có người ở nơi cõi Sắc mất đi, không sinh nơi ba cõi chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi trung hữu nơi cõi Dục, cõi Sắc, hoặc bát Niết-bàn.

Hỏi: Từng có người ở nơi cõi Vô sắc mất đi, không sinh ở ba cõi chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi trung hữu nơi cõi Dục, cõi Sắc, hoặc bát Niết-bàn.

*

Hỏi: Những người mất ở cõi Dục, không sinh nơi ba cõi, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có bốn: Tức là hàng phàm phu, Thánh giả nơi cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Những người mất ở cõi Sắc, không sinh nơi ba cõi, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có ba: Tức là hàng phàm phu nơi cõi Dục, hàng phàm phu, Thánh giả nơi cõi Sắc.

Hỏi: Những người mất ở cõi Vô sắc, không sinh nơi ba cõi, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có hai: Tức là hàng phàm phu nơi cõi Dục, cõi Sắc.

*

Hỏi: Từng có người chưa lìa nhiễm dục, sau khi mạng chung không sinh nơi cõi Dục chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi trung hữu nơi cõi Dục.

Hỏi: Từng có người chưa lìa nhiễm sắc, sau khi mạng chung không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi trung hữu nơi cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Từng có người chưa lìa nhiễm vô sắc, sau khi mạng chung không sinh nơi ba cõi chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là khởi trung hữu nơi cõi Dục, cõi Sắc.

*

Hỏi: Những người chưa lìa nhiễm dục, sau khi mạng chung không sinh nơi cõi Dục, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có hai. Đó là hàng phàm phu, Thánh giả nơi cõi Dục.

Hỏi: Những người chưa lìa nhiễm dục, sau khi mạng chung không sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có bốn. Đó là hàng phàm phu, Thánh giả nơi cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Những người chưa lìa nhiễm vô sắc, sau khi mạng chung không sinh nơi ba cõi, có bao nhiêu loại?

Đáp: Có bốn. Đó là hàng phàm phu, Thánh giả nơi cõi Dục, cõi Sắc.

*

Hỏi: Phàm phu, Thánh giả nơi cõi Dục có bao nhiêu tùy miên tùy tăng, bao nhiêu kiết trói buộc?

Đáp: Phàm phu có chín mươi tám tùy miên tùy tăng, chín kiết trói buộc. Thánh giả có mười tùy miên tùy tăng, sáu kiết trói buộc.

Hỏi: Phàm phu, Thánh giả nơi cõi Sắc có bao nhiêu tùy miên tùy tăng, bao nhiêu kiết trói buộc?

Đáp: Phàm phu có sáu mươi hai tùy miên tùy tăng, sáu kiết trói buộc. Thánh giả có sáu tùy miên tùy tăng, ba kiết trói buộc.

Hỏi: Phàm phu, Thánh giả nơi cõi Vô sắc có bao nhiêu tùy miên tùy tăng, bao nhiêu kiết trói buộc?

Đáp: Phàm phu có ba mươi một tùy miên tùy tăng, sáu kiết trói buộc. Thánh giả có ba tùy miên tùy tăng, ba kiết trói buộc.

Phẩm 4: BÀN VỀ MƯỜI MÔN, phần 1

Tụng nêu chung:

*Bốn mươi hai tùy tăng
Hai duyên vô gián hữu
Căn thành, không biết, chứng
Chương này xin nói đủ.*

*

Gồm có: Hai mươi hai căn, mười tám giới, mười hai xứ.

Năm uẩn, năm thủ uẩn, sáu giới.

Pháp có sắc, không sắc; pháp có kiến, không kiến; pháp có đối, không đối; pháp hữu lậu, vô lậu; pháp hữu vi, vô vi.

Pháp quá khứ, vị lai, hiện tại; pháp thiện, bất thiện, vô ký; pháp hệ thuộc nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; pháp học, vô học, phi học phi vô học; pháp do kiến đạo đoạn, tu đạo đoạn, không đoạn.

Bốn đế, bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn vô sắc.

Tám giải thoát, tám thắng xứ, mười biến xứ, tám trí.

Ba Tam-ma-địa, ba lớp Tam-ma-địa, ba kiết, ba căn bất thiện, ba lậu.

Bốn bộc lưu, bốn ách, bốn thủ, bốn thứ trói buộc thân.

Năm cái, năm kiết, năm kiết thuận phần dưới, năm kiết thuận phần trên, năm kiến.

Sáu ái thân, bảy tùy miên, chín kiết, chín mươi tám tùy miên.

*

Nhãn căn cho đến tùy miên vô minh nơi cõi Vô sắc do tu đạo đoạn.

Hỏi: Trong chín mươi tám tùy miên nơi mỗi mỗi tùy miên có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Nhãn căn, biến hành nơi cõi Dục, cõi Sắc, và tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn cũng như vậy.

Nữ căn, biến hành nơi cõi Dục và tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn. Nam căn, khổ căn cũng như vậy.

Mạng căn, biến hành nơi ba cõi và tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn. Năm căn như tín v.v... cũng như vậy.

Ý căn có tất cả tùy miên tùy tăng. Xả căn cũng như vậy.

Lạc căn nơi cõi Sắc, tất cả biến hành nơi cõi Dục và tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn.

Hỷ căn nơi cõi Sắc, tất cả nơi cõi Dục, trừ vô lậu duyên nơi nghi, căn kia tương ưng với vô minh, còn lại là tất cả tùy miên tùy tăng.

Ưu căn nơi cõi Dục, có tất cả tùy miên tùy tăng.

Ba căn vô lậu không có tùy miên tùy tăng.

Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh xúc, nhãn, nhĩ, thân thức giới, biến hành nơi cõi Dục, cõi Sắc và tùy miên tùy tăng do tu

đạo đoạn. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh xúc xú, sắc uẩn, sắc thủ uẩn, năm giới trước, pháp có sắc, có kiến, có đối cũng như vậy.

Hương, vị, tỷ, thiệt thức giới, biến hành nơi cõi Dục, và tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn. Hương, vị xú cũng như vậy.

Ý pháp, ý thức giới có tất cả tùy miên tùy tăng.

Ý pháp xú, bốn uẩn sau, bốn thủ uẩn sau, thức giới, pháp không sắc, không kiến, không đối, pháp hữu lậu, hữu vi, pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, phi học phi vô học cũng như vậy.

Pháp vô lậu, vô vi không có tùy miên tùy tăng. Pháp học, vô học, không đoạn cũng như vậy.

Pháp thiện và pháp do tu đạo đoạn, biến hành nơi ba cõi và tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn.

Pháp bất thiện và pháp hệ thuộc nơi cõi Dục, có tất cả tùy miên tùy tăng nơi cõi Dục.

Pháp vô ký nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, tất cả hai bộ của cõi Dục và tùy miên tùy tăng biến hành do kiến tập đoạn.

Pháp hệ thuộc nơi cõi Sắc có tất cả tùy miên tùy tăng nơi cõi Sắc.

Pháp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc có tất cả tùy miên tùy tăng nơi cõi Vô sắc.

Pháp do kiến đạo đoạn có tất cả tùy miên tùy tăng do kiến đạo đoạn.

Khổ tập đế có tất cả tùy miên tùy tăng.

Diệt đạo đế không có tùy miên tùy tăng. Pháp, loại, khổ, tập, diệt, đạo trí, ba Tam-ma-địa cũng như vậy.

Bốn tĩnh lự nơi cõi Sắc có tất cả tùy miên tùy tăng.

Bốn vô lượng biến hành nơi cõi Sắc và tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn. Ba giải thoát trước, tám thắng xứ, tám biến xứ trước, tha tâm trí cũng như vậy.

Bốn vô sắc nơi cõi Vô sắc có tất cả tùy miên tùy tăng.

Năm giải thoát sau, hai biến xứ sau, biến hành nơi cõi Vô sắc và tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn.

Thế tục trí, trừ vô lậu duyên nơi kiến, còn lại là tất cả tùy miên tùy tăng.

Ba lớp Tam-ma-địa, biến hành nơi ba cõi và tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn.

Kiệt hữu thân kiến, tất cả do kiến khổ đoạn và tùy miên tùy tăng biến hành, do kiến tập đoạn, hữu thân kiến nơi kiết thuận phần dưới, hữu thân kiến, biên chấp kiến cũng như vậy.

Kiệt giới cấm thủ, tất cả do kiến khổ đoạn cùng kiến tập đoạn biến hành, kiến đạo đoạn tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu lậu. Giới cấm thủ cùng giới cấm thủ nơi các thứ trói buộc thân, giới cấm thủ nơi kiết thuận phần dưới cũng như vậy.

Kiệt nghi duyên nơi hữu lậu do kiến đạo đoạn và nghi tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu có tùy miên tùy tăng. Nghi nơi kiết thuận phần dưới, tùy miên nghi, kiết nghi cũng như vậy.

Căn bất thiện tham, giận, duyên nơi hữu lậu của cõi Dục có tùy miên tùy tăng. Hai thứ trói buộc thân trước, hai cái trước, kiết sân, hai kiết trước nơi kiết thuận phần dưới, hai tùy miên trước, kiết giận cũng như vậy.

Căn bất thiện si nơi cõi Dục, trừ vô minh duyên nơi vô lậu, còn lại là tất cả tùy miên tùy tăng.

Dục lậu nơi cõi Dục có tất cả tùy miên tùy tăng. Bộc lưu dục, ách dục, dục thủ, cái hôn trầm, thù miên, trạo cử cũng như vậy.

Hữu lậu nơi cõi Sắc, Vô sắc có tất cả tùy miên tùy tăng. Bộc lưu hữu, ách hữu, ngã ngữ thủ cũng như vậy.

Vô minh lậu trừ vô minh duyên nơi vô lậu, còn lại là tất cả tùy miên tùy tăng. Bộc lưu vô minh, ách vô minh, tùy miên vô minh, kiết vô minh cũng như vậy.

Bộc lưu kiến, ách kiến duyên nơi hữu lậu do kiến đạo đoạn, và kiến tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu có tùy miên tùy tăng. Kiến thủ, tà kiến, tùy miên kiến, kiết kiến cũng như vậy.

Trói buộc thân do chấp thật này duyên nơi hữu lậu do kiến đạo đoạn có tùy miên tùy tăng. Kiến thủ, kiết thủ cũng như vậy.

Cái ó tác biến hành nơi cõi Dục cùng tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn. Tỷ xúc, thiết xúc sinh ra ái thân, kiết ganh tị, kiết keo kiệt cũng như vậy.

Cái nghi duyên nơi hữu lậu của cõi Dục do kiến đạo đoạn, và nghi tương ưng với vô minh duyên nơi vô lậu có tùy miên tùy tăng.

Kiết tham, mạn duyên nơi hữu lậu của ba cõi có tùy miên tùy tăng. Ý xúc sinh ra ái thân, tùy miên mạn, kiết ái, kiết mạn cũng như vậy.

Tham sắc, biến hành nơi cõi Sắc và tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn.

Tham vô sắc, biến hành nơi cõi Vô sắc và tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn.

Ba kiết thuận phân trên sau, biến hành nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc và tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn.

Nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra ái thân, biến hành nơi cõi Dục, cõi Sắc, và tùy miên tùy tăng do tu đạo đoạn.

Tùy miên hữu tham duyên nơi hữu lậu của cõi Sắc, cõi Vô sắc có tùy miên tùy tăng.

Tùy miên của cõi Dục do kiến khổ đoạn, tất cả do kiến khổ đoạn nơi cõi Dục và tùy miên tùy tăng biến hành do kiến tập đoạn. Tùy miên của cõi Dục do kiến tập đoạn, tất cả do kiến tập đoạn nơi cõi Dục và tùy miên tùy tăng biến hành do kiến khổ đoạn. Tùy miên của cõi Dục do kiến diệt đoạn trừ vô minh không chung duyên nơi vô lậu, tất cả còn lại và tùy miên tùy tăng biến hành đều do kiến diệt đoạn nơi cõi Dục. Tùy miên của cõi Dục do kiến đạo đoạn, trừ vô minh không chung duyên nơi vô lậu, tất cả còn lại và tùy miên tùy tăng biến hành đều do kiến đạo đoạn nơi cõi Dục. Tùy miên của cõi Dục do tu đạo đoạn, tất cả cùng tùy miên tùy tăng biến hành đều do tu đạo đoạn nơi cõi Dục.

Năm bộ tùy miên của cõi Sắc, cõi Vô sắc, nói rộng cũng như vậy.

Sự sai biệt: Nên nói về cảnh giới của mình.

*

Nhãn căn cho đến tùy miên vô minh nơi cõi Vô sắc do tu đạo đoạn duyên nơi thức và duyên nơi duyên thức.

Hỏi: Trong chín mươi tám tùy miên nơi mỗi mỗi tùy miên có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Nhãn căn duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, biến hành nơi cõi Vô sắc và duyên nơi duyên thức bốn bộ của ba cõi do tu đạo đoạn. Các căn nhĩ, tỷ, thiệt, thân cũng như vậy.

Nữ căn duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, biến hành nơi cõi Sắc và duyên nơi duyên thức do tu đạo đoạn. Bốn bộ của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, biến hành nơi cõi Vô sắc cùng do tu đạo đoạn. Khổ căn, nam căn cũng như vậy.

Mạng căn duyên nơi thức theo ba bộ của ba cõi, duyên nơi duyên thức theo bốn bộ của ba cõi. Ý căn duyên nơi thức, duyên nơi duyên thức duyên nơi hữu vi. Xả căn cũng như vậy.

Lạc căn duyên nơi thức theo bốn bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu vi của cõi Sắc theo hai bộ của cõi Vô sắc và biến hành duyên nơi duyên thức theo bốn bộ của cõi Dục, cõi Vô sắc, duyên nơi hữu vi của cõi Sắc.

Hỷ căn duyên nơi thức, duyên nơi hữu vi của cõi Dục, cõi Sắc theo hai bộ của cõi Vô sắc và biến hành duyên nơi duyên thức. Hữu vi của cõi Dục, cõi Sắc duyên nơi bốn bộ của cõi Vô sắc.

Ưu căn duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu của cõi Dục, biến hành nơi cõi Sắc và duyên nơi duyên thức do tu đạo đoạn. Duyên nơi hữu vi của cõi Dục theo ba bộ của cõi Sắc, biến hành nơi cõi Vô sắc cùng do tu đạo đoạn.

Năm căn như tín v.v... duyên nơi thức, duyên nơi duyên thức theo bốn bộ của ba cõi.

Ba căn vô lậu duyên nơi thức theo hai bộ của ba cõi cùng biến hành duyên nơi duyên thức theo bốn bộ của ba cõi.

Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh xúc giới duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, biến hành nơi cõi Vô sắc cùng duyên nơi duyên thức do tu đạo đoạn theo bốn bộ của ba cõi. Các xúc xứ nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, sắc thủ uẩn, năm giới trước, pháp có kiến, có đối cũng như vậy.

Các giới hương, vị, tỷ, thiệt, thân duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, biến hành nơi cõi Sắc cùng duyên nơi duyên thức do tu đạo đoạn. Bốn bộ của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, biến hành nơi cõi Vô sắc cùng do tu đạo đoạn. Hương xứ, vị xứ cũng như vậy.

Nhãn, nhĩ, thân thức giới duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, duyên nơi duyên thức theo bốn bộ của cõi Dục, cõi Sắc, cùng hai bộ của cõi Vô sắc và biến hành.

Ý giới, ý thức giới duyên nơi thức duyên nơi duyên thức. Ý xứ duyên nơi hữu vi, bốn uẩn sau, pháp hữu vi, pháp quá khứ, vị lai, hiện tại cũng như vậy.

Pháp giới duyên nơi thức. Ba cõi tất cả duyên nơi duyên thức. Pháp xứ duyên nơi hữu vi. Pháp thiện, không sắc, không kiến, không đối cũng như vậy.

Sắc uẩn duyên nơi thức theo bốn bộ của cõi Dục, cõi Sắc, hai bộ của cõi Vô sắc và biến hành, bốn bộ của ba cõi duyên nơi duyên thức. Pháp có sắc cũng như vậy.

Bốn thủ uẩn sau duyên nơi thức, duyên nơi duyên thức hữu lậu.

Thức giới duyên nơi hữu vi. Pháp hữu lậu, pháp do kiến đạo đoạn cũng như vậy.

Pháp vô lậu duyên nơi thức theo ba bộ của ba cõi và biến hành, duyên nơi duyên thức, duyên nơi hữu vi. Pháp không đoạn cũng như vậy.

Pháp vô vi duyên nơi thức theo hai bộ của ba cõi cùng biến hành duyên nơi duyên thức, duyên nơi hữu vi.

Pháp bất thiện duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu của cõi Dục, biến hành nơi cõi Sắc cùng duyên nơi duyên thức do tu đạo đoạn. Duyên nơi hữu vi của cõi Dục, theo ba bộ của cõi Sắc, biến hành nơi cõi Vô sắc cùng do tu đạo đoạn. Pháp hệ thuộc cõi Dục cũng như vậy.

Pháp vô ký duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu lậu của cõi Sắc, cõi Vô sắc, duyên nơi duyên thức, theo bốn bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu vi của cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Pháp hệ thuộc nơi cõi Sắc duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu lậu của cõi Sắc biến hành nơi cõi Vô sắc và

duyên nơi duyên thức do tu đạo đoạn. Ba bộ của cõi Dục, hữu vi của cõi Sắc duyên nơi bốn bộ của cõi Vô sắc.

Pháp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, duyên nơi hữu lậu của cõi Vô sắc, duyên nơi duyên thức theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, duyên nơi hữu vi của cõi Sắc.

Pháp học, vô học duyên nơi thức theo hai bộ của ba cõi và biến hành duyên nơi duyên thức theo bốn bộ của ba cõi.

Pháp phi học phi vô học duyên nơi thức theo bốn bộ của ba cõi, và duyên nơi hữu lậu, duyên nơi duyên thức, duyên nơi hữu vi do kiến đạo đoạn.

Pháp do tu đạo đoạn duyên nơi thức, theo ba bộ của ba cõi, duyên nơi duyên thức theo bốn bộ của ba cõi.

Khổ, tập đế duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu, duyên nơi duyên thức, duyên nơi hữu vi duyên. Thế tục trí cũng như vậy.

Diệt đế duyên nơi thức theo hai bộ của ba cõi và biến hành duyên nơi duyên thức, duyên nơi hữu vi.

Đạo đế duyên nơi thức theo hai bộ nơi ba cõi và biến hành, duyên nơi duyên thức theo bốn bộ của ba cõi. Trí khổ, tập, diệt, đạo và ba Tam-ma-địa cũng như vậy.

Bốn tĩnh lự duyên nơi thức theo bốn bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu vi của cõi Sắc theo hai bộ của cõi Vô sắc và biến hành duyên nơi duyên thức theo bốn bộ của cõi Dục, cõi Vô sắc, duyên nơi hữu vi của cõi Sắc.

Vô lượng từ, bi, xả duyên nơi thức, theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, biến hành nơi cõi Vô sắc, và duyên nơi duyên thức do tu đạo đoạn, theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, cõi Vô sắc. Tịnh giải thoát, bốn thắng xứ sau, tám biến xứ trước cũng như vậy.

Vô lượng hỷ duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, duyên nơi duyên thức theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, hai bộ của cõi Vô sắc cùng biến hành. Giải thoát thứ nhất, thứ hai, bốn thắng xứ trước cũng như vậy.

Ba vô sắc trước duyên nơi thức, duyên nơi duyên thức theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, duyên nơi hữu vi của cõi Vô sắc.

Phi tướng phi phi tướng xứ duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, duyên nơi hữu lậu của cõi Vô sắc, duyên nơi duyên thức, theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, duyên nơi hữu vi của cõi Vô sắc.

Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, giải thoát duyên nơi thức, duyên nơi duyên thức theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hai giải thoát sau và hai biến xứ sau duyên nơi thức theo ba bộ của ba cõi, duyên nơi duyên thức theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Pháp trí duyên nơi thức theo hai bộ của cõi Dục và biến hành, biến hành nơi cõi Sắc cùng duyên nơi duyên thức do tu đạo đoạn, theo bốn bộ của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, biến hành nơi cõi Vô sắc và do tu đạo đoạn.

Loại trí duyên nơi thức theo hai bộ của cõi Sắc, cõi Vô sắc cùng biến hành, biến hành nơi cõi Dục và duyên nơi duyên thức do tu đạo đoạn, theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Tha tâm trí duyên nơi thức theo bốn bộ của cõi Dục, cõi Sắc, hai bộ của cõi Vô sắc và biến hành duyên nơi duyên thức, theo bốn bộ của ba cõi.

Ba lớp Tam-ma-địa duyên nơi thức, theo ba bộ của ba cõi, duyên nơi duyên thức, theo bốn bộ của ba cõi.

Kiết hữu thân kiến duyên nơi thức, theo ba bộ của ba cõi, duyên nơi duyên thức, theo bốn bộ của ba cõi. Hữu thân kiến nơi kiết thuận phần dưới, hữu thân kiến, biên chấp kiến cũng như vậy.

Kiết giới cầm thủ duyên nơi thức, theo ba bộ của ba cõi, và duyên nơi hữu lậu, duyên nơi duyên thức do kiến đạo đoạn, theo bốn bộ của ba cõi. Giới cầm thủ và giới cầm thủ nơi các thứ trói buộc thân, giới cầm thủ của kiết thuận phần dưới cũng như vậy.

Kiết nghi duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu, duyên nơi duyên thức, duyên nơi hữu vi. Vô minh lậu, bực lưu, ách, kiến thủ, trói buộc thân do chấp thật này, kiết tham, mạn, kiết nghi nơi kiết thuận phần dưới, tà kiến, kiến thủ, ý xúc sinh ra ái thân, tùy miên vô minh, mạn, kiến, nghi, kiết ái, mạn, vô minh, kiến thủ, nghi cũng như vậy.

Ba căn bất thiện và dục lậu duyên nơi thức, duyên nơi hữu lậu của cõi Dục, biến hành nơi cõi Sắc cùng duyên nơi duyên thức do tu đạo đoạn. Duyên nơi hữu vi của cõi Dục theo ba bộ của cõi Sắc, biến hành nơi cõi Vô sắc cùng do tu đạo đoạn. Bực lưu dục, ách dục, dục thủ, hai thứ trói buộc thân trước, trừ cái ô tác các cái còn lại, kiết giận, hai kiết trước nơi kiết thuận phần dưới, tùy miên dục tham, giận dữ, kiết giận cũng như vậy.

Hữu lậu duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu lậu của cõi Sắc, cõi Vô sắc, duyên nơi duyên thức theo ba bộ của cõi Dục, duyên nơi hữu vi của cõi Sắc, cõi Vô sắc. Bực lưu hữu, ách hữu, ngã ngữ thủ, tùy miên hữu tham cũng như vậy.

Cái ô tác duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, biến hành nơi cõi Sắc và duyên nơi duyên thức do tu đạo đoạn, theo bốn bộ của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, biến hành nơi cõi Vô sắc cùng do tu đạo đoạn. Kiết ganh tị, kiết keo kiệt, tỷ xúc, thiết xúc sinh ra ái thân, cũng như vậy.

Tham sắc nơi kiết thuận phần trên duyên nơi thức, theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, biến hành nơi cõi Vô sắc và duyên nơi duyên thức do tu đạo đoạn, theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Bốn kiết sau nơi kiết thuận phần trên duyên nơi thức, theo ba bộ của ba cõi, duyên nơi duyên thức, theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Các nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra ái thân duyên nơi thức, theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, duyên nơi duyên thức, theo bốn bộ của cõi Dục, cõi Sắc, biến hành nơi cõi Vô sắc cùng do tu đạo đoạn.

Tùy miên của cõi Dục do kiến khổ, tập đoạn và tùy miên do tu đạo đoạn duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, biến hành nơi cõi Sắc và duyên nơi duyên thức do tu đạo đoạn, theo bốn bộ của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, biến hành nơi cõi Vô sắc và do tu đạo đoạn.

Tùy miên của cõi Dục do kiến diệt đoạn duyên nơi thức, theo ba bộ của cõi Dục và duyên nơi hữu lậu do kiến diệt đoạn, biến hành nơi cõi Sắc và duyên nơi duyên thức do tu đạo đoạn. Duyên nơi hữu vi của cõi Dục theo ba bộ của cõi Sắc, biến hành nơi cõi Vô sắc cùng do tu đạo đoạn.

Tùy miên của cõi Dục do kiến đạo đoạn duyên nơi thức, theo ba bộ của cõi Dục và duyên nơi hữu lậu do kiến đạo đoạn, biến hành nơi cõi Sắc và duyên nơi duyên thức do tu đạo đoạn, theo bốn bộ của cõi Dục, ba bộ của cõi Sắc, biến hành nơi cõi Vô sắc cùng do tu đạo đoạn.

Tùy miên của cõi Sắc do kiến khổ, tập và tu đạo đoạn duyên nơi thức, theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc, biến hành nơi cõi Vô sắc cùng duyên nơi duyên thức do tu đạo đoạn, theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Tùy miên của cõi Sắc do kiến diệt đoạn duyên nơi thức theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc và duyên nơi hữu lậu của cõi Sắc do kiến diệt đoạn, biến hành nơi cõi Vô sắc cùng duyên nơi duyên thức do tu đạo đoạn, theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Vô sắc duyên nơi hữu vi của cõi Sắc.

Tùy miên của cõi Sắc do kiến đạo đoạn duyên nơi thức, theo ba bộ của cõi Dục, cõi Sắc và duyên nơi hữu lậu của cõi Sắc do kiến đạo đoạn, biến hành nơi cõi Vô sắc cùng duyên nơi duyên thức do tu đạo đoạn, theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Tùy miên của cõi Vô sắc do kiến khổ, tập đoạn cùng tu đạo đoạn duyên nơi thức theo ba bộ của ba cõi, duyên nơi duyên thức theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Tùy miên của cõi Vô sắc do kiến diệt đoạn duyên nơi thức theo ba bộ của ba cõi, cùng duyên nơi hữu lậu của cõi Vô sắc do kiến diệt đoạn, duyên nơi duyên thức theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, duyên nơi hữu vi của cõi Vô sắc.

Tùy miên của cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn duyên nơi thức, theo ba bộ của ba cõi cùng duyên nơi hữu lậu của cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn, duyên nơi duyên thức, theo ba bộ của cõi Dục, bốn bộ của cõi Sắc, cõi Vô sắc.

HẾT - QUYỂN 5

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 6

Chương 2: KIẾT UẨN

Phẩm 4: BÀN VỀ MƯỜI MÔN, phần 2

Hỏi: Ý căn cho đến tùy miên vô minh nơi cõi Vô sắc do tu đạo đoạn, ở trong mười lăm bộ tâm của ba cõi, mỗi mỗi đẳng vô gián sinh bao nhiêu tâm?

Đáp: Đẳng vô gián của ý căn sinh mười lăm tâm. Xả căn và năm căn như tín v.v... cũng như vậy.

Đẳng vô gián của lục căn sinh mười một tâm.

Đẳng vô gián của khổ căn sinh năm tâm. Ưu căn cũng như vậy.

Đẳng vô gián của hỷ căn sinh mười tâm.

Đẳng vô gián của vị tri đương tri căn không sinh tâm.

Đẳng vô gián của dĩ tri căn, cụ tri căn sinh ba tâm.

Đẳng vô gián của nhãn, nhĩ, thân thức giới sinh mười tâm.

Đẳng vô gián của tỷ, thiệt thức giới sinh năm tâm. Pháp bất thiện cũng như vậy.

Đẳng vô gián của ý pháp, ý thức giới sinh mười lăm tâm. Ý pháp xứ, bốn uẩn sau, bốn thủ uẩn sau, thức giới, pháp không sắc, không kiến, không đối, pháp hữu vi, hữu lậu, hiện tại, thiện, vô ký,

phi học phi vô học, hệ thuộc ba cõi, pháp do kiến đạo, tu đạo đoạn cũng như vậy.

Đẳng vô gián của pháp vô lậu sinh ba tâm. Pháp học, vô học, không đoạn cũng như vậy.

Đẳng vô gián của pháp quá khứ sinh hai tâm.

Pháp vị lai không sinh tâm.

Đẳng vô gián của khổ, tập để sinh mười lăm tâm. Bốn tĩnh lự, bốn vô sắc, thế tục trí cũng như vậy.

Đẳng vô gián của đạo để sinh ba tâm. Loại, khổ, tập, diệt, đạo trí, ba Tam-ma-địa cũng như vậy.

Đẳng vô gián của bốn vô lượng sinh sáu tâm.

Giải thoát thứ nhất, thứ hai, thứ tư, thứ năm, bốn thắng xứ trước, tha tâm trí cũng như vậy.

Đẳng vô gián của giải thoát thứ ba, thứ sáu, thứ bảy sinh năm tâm. Bốn thắng xứ sau, mười biến xứ cũng như vậy.

Giải thoát thứ tám không sinh tâm.

Đẳng vô gián của pháp trí sinh hai tâm.

Đẳng vô gián của ba kiết sinh mười lăm tâm.

Hữu lậu, vô minh lậu, bộc lưu hữu, bộc lưu kiến, bộc lưu vô minh, ách hữu, ách kiến, ách vô minh, ba thủ sau, kiết tham, kiết mạn, hai thứ trói buộc thân sau nơi bốn thứ trói buộc thân, ba kiết sau nơi năm kiết thuận phần dưới, bốn kiết sau nơi năm kiết thuận phần trên, năm kiến, ý xúc sinh ra ái thân, năm tùy miên sau, sáu kiết như ái v.v... cũng như vậy.

Đẳng vô gián của ba căn bất thiện và dục lậu sinh năm tâm. Bộc lưu dục, ách dục, dục thủ, hai thứ trói buộc thân trước nơi bốn thứ trói buộc thân, năm cái, kiết giận, kiết ganh tị, kiết keo kiệt (trong

năm kiết), hai kiết trước nơi năm kiết thuận phần dưới, tử xúc, thiết xúc sinh ra ái thân, tùy miên dục tham, giận dữ, kiết giận, kiết ganh tỵ, kiết keo kiệt (trong chín kiết) cũng như vậy.

Đẳng vô gián của tham sắc, vô sắc nơi năm kiết thuận phần trên sinh mười tâm.

Đẳng vô gián của bốn kiết sau nơi kiết thuận phần trên sinh ba tâm. Nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra ái thân cũng như vậy.

Đẳng vô gián của ba mươi sáu tùy miên nơi cõi Dục sinh năm tâm. Đẳng vô gián của ba mươi một tùy miên nơi cõi Sắc sinh mười tâm. Đẳng vô gián của ba mươi một tùy miên nơi cõi Vô sắc sinh mười lăm tâm.

*

Hỏi: Nhãn căn cho đến tùy miên vô minh nơi cõi Vô sắc do tu đạo đoạn, mỗi mỗi chỗ tăng tùy miên, nên nói có tâm có tứ, không tâm chỉ có tứ, hay không tâm không tứ?

Đáp: Nên nói nhãn căn đã tăng tùy miên gồm đủ ba. Các căn nhĩ, tử, thiết, thân, mạng, ý, lạc, hỷ, năm căn như tín v.v... đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Nữ căn đã tăng tùy miên có tâm, có tứ. Khổ, ưu, nam căn đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Nhãn, nhĩ, tử, thiết, thân, sắc, thanh, xúc, ý pháp, ý thức giới đã tăng tùy miên gồm đủ ba. Nhãn nhĩ tử thiết thân sắc thanh xúc, ý pháp xứ, năm uẩn, năm thủ uẩn, sáu giới, pháp có sắc, không sắc, có kiến, không kiến, có đối, không đối, hữu lậu, hữu vi, pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, thiện, vô ký, hệ thuộc nơi cõi Sắc, phi học phi vô học, pháp do kiến đạo, tu đạo đoạn, đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Các giới hương, vị, tử, thiết thức đã tăng tùy miên có tâm, có tứ. Hương xứ, vị xứ, pháp bất thiện, pháp hệ thuộc nơi cõi Dục đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Nhãn, nhĩ, thân thức giới đã tăng tùy miên hoặc có tâm có tứ, hoặc không tâm chỉ có tứ.

Pháp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc đã tăng tùy miên không tâm không tứ.

Khổ, tập đế đã tăng tùy miên gồm đủ ba.

Bốn vô lượng, giải thoát thứ nhất, thứ hai, bốn thắng xứ trước, tha tâm trí, thế tục trí, ba lớp Tam-ma-địa, đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Tĩnh lự thứ nhất đã tăng tùy miên hoặc có tâm có tứ, hoặc không tâm chỉ có tứ.

Ba tĩnh lự sau đã tăng tùy miên không tâm không tứ. Bốn vô sắc, sáu giải thoát sau, bốn thắng xứ sau, mười biến xứ đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Ba kiết đã tăng tùy miên gồm đủ ba. Hữu lậu, vô minh lậu, ba bộc lưu, ba ách, ba thủ sau, kiết tham, kiết mạn, hai thứ trói buộc sau nơi thân, ba kiết sau nơi kiết thuận phần dưới, trừ tham vô sắc, bốn kiết còn lại nơi kiết thuận phần trên, năm kiến, ái thân thứ sáu, năm tùy miên sau, sáu kiết như ái v.v... đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Ba căn bất thiện đã tăng tùy miên có tâm, có tứ. Dục lậu, bộc lưu dục, ách dục, dục thủ, hai thứ trói buộc trước nơi thân, năm cái, kiết giận, kiết ganh tị, kiết keo kiệt (trong năm kiết), hai kiết trước nơi kiết thuận phần dưới, tử xúc, thiết xúc sinh ra ái thân, tùy miên thứ nhất, thứ hai, kiết giận, kiết ganh tị, kiết keo kiệt đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Tham vô sắc đã tăng tùy miên không tâm, không tứ.

Các xúc nhãn, nhĩ, thân sinh ra ái thân đã tăng tùy miên hoặc có tâm có tứ, hoặc không tâm chỉ có tứ.

Ba mươi sáu tùy miên của cõi Dục đã tăng tùy miên có tâm, có tứ.

Ba mươi một tùy miên của cõi Sắc đã tăng tùy miên gồm đủ ba.

Ba mươi một tùy miên của cõi Vô sắc đã tăng tùy miên không tâm, không tứ.

*

Hỏi: Nhân căn cho đến tùy miên vô minh nơi cõi Vô sắc do tu đạo đoạn, mỗi mỗi thứ đã tăng tùy miên, nên nói tương ưng với lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn chăng?

Đáp: Nên nói nhân căn đã tăng tùy miên tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn. Các căn nhĩ, tỷ, thiệt, thân, mạng, lạc, xả, năm căn như tín v.v... đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Nữ căn đã tăng tùy miên tương ưng với ba căn, trừ lạc căn, khổ căn. Hỷ, ưu, nam căn đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Ý căn đã tăng tùy miên tương ưng với năm căn.

Khổ căn đã tăng tùy miên tương ưng với bốn căn, trừ lạc căn.

Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thức giới đã tăng tùy miên tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân xứ, pháp do kiến đạo đoạn đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Sắc, thanh, hương, vị, xúc, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức, ý, pháp giới đã tăng tùy miên tương ưng với năm căn. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, ý, pháp xứ, năm uẩn, năm thủ uẩn, sáu giới, pháp có sắc, pháp không sắc, pháp có kiến, pháp không kiến, pháp có đối, pháp không đối, pháp hữu lậu, pháp hữu vi, pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký, pháp hệ thuộc nơi cõi Dục, pháp do tu đạo đoạn, pháp phi học phi vô học đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Pháp hệ thuộc nơi cõi Sắc đã tăng tùy miên tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn.

Pháp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc đã tăng tùy miên tương ưng với một căn là xả căn.

Khô, tập đế đã tăng tùy miên tương ưng với năm căn. Thế tục trí đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Tĩnh lự thứ nhất đã tăng tùy miên tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Vô lượng từ, bi, xả, tha tâm trí đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Tĩnh lự thứ hai đã tăng tùy miên tương ưng với hỷ căn, xả căn. Vô lượng hỷ, giải thoát thứ nhất, thứ hai, bốn thắng xứ trước đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Tĩnh lự thứ ba đã tăng tùy miên tương ưng với lạc căn, xả căn.

Tĩnh lự thứ tư đã tăng tùy miên tương ưng với một căn là xả căn. Bốn vô sắc, sáu giải thoát sau, bốn thắng xứ sau, mười biến xứ đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Ba lớp Tam-ma-địa đã tăng tùy miên tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn.

Ba kiết đã tăng tùy miên tương ưng với bốn căn, trừ khổ căn. Căn bất thiện tham, bộc lưu kiến, ách kiến, kiến thủ, giới cầm thủ, tham dục trói buộc thân, giới cầm thủ trói buộc thân, chấp thật này trói buộc thân, cái tham dục, kiết tham, mạn, tham dục, hữu thân kiến, giới cầm thủ, nghi, năm kiến, kiết thuận phần dưới, sáu ái thân, tùy miên kiến, nghi, dục tham, mạn, kiết nghi, ái, mạn, kiến, thủ đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Căn bất thiện sân đã tăng tùy miên tương ưng với bốn căn, trừ lạc căn. Giận dữ trói buộc thân, cái giận dữ, kiết giận dữ (trong năm kiết), kiết giận nơi năm kiết thuận phần dưới, tùy miên giận dữ, kiết giận (trong chín kiết) đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Căn bất thiện si đã tăng tùy miên tương ưng với năm căn. Dục lậu, vô minh lậu, dục thủ, ách dục, bộc lưu dục, cái hôn trầm, trạo cử, tùy miên vô minh, kiết vô minh đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Hữu lậu đã tăng tùy miên tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn. Bộc lưu hữu, ách hữu, ngã ngữ thủ, tham sắc, trạo cử, mạn, vô minh nơi kiết thuận phần trên, tùy miên hữu tham đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Cái thù miên, ô tác, nghi đã tăng tùy miên tương ưng với ba căn, trừ lạc căn, khổ căn. Kiết ganh tị, keo kiệt trong năm kiết và kiết ganh tị, keo kiệt trong chín kiết đã tăng tùy miên cũng như vậy.

Tham vô sắc đã tăng tùy miên tương ưng với xả căn.

Tất cả tùy miên do kiến đạo đoạn của cõi Dục và tùy miên mạn do tu đạo đoạn đã tăng tùy miên tương ưng với ba căn, trừ lạc căn, khổ căn.

Tùy miên tham của cõi Dục do tu đạo đoạn đã tăng tùy miên tương ưng với bốn căn trừ khổ căn. Tùy miên giận của cõi Dục do tu đạo đoạn đã tăng tùy miên tương ưng với bốn căn trừ lạc căn. Tùy miên vô minh của cõi Dục do tu đạo đoạn đã tăng tùy miên tương ưng với năm căn.

Ba mươi một tùy miên của cõi Sắc đã tăng tùy miên tương ưng với ba căn, trừ khổ căn, ưu căn.

Ba mươi một tùy miên của cõi Vô sắc đã tăng tùy miên tương ưng với xả căn.

*

Hỏi: Nhân căn cho đến tùy miên vô minh của cõi Vô sắc do tu đạo đoạn, thứ nào thành tựu, thứ nào không thành tựu?

Đáp: Nhãn căn nơi cõi Sắc và cõi Dục đã được không mất thì thành tựu, nơi cõi Vô sắc và cõi Dục chưa được đã mất thì không thành tựu. Nhĩ, tỷ, thiệt căn cũng như vậy.

Thân căn ở nơi cõi Dục, cõi Sắc thì thành tựu, nơi cõi Vô sắc thì không thành tựu.

Nữ căn, nam căn ở nơi cõi Dục đã được không mất thì thành tựu, ở nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc và cõi Dục chưa được đã mất thì không thành tựu.

Mạng, ý, xả căn nơi tất cả hữu tình đều thành tựu.

Lạc căn từ cõi Biến tịnh trở xuống và Thánh giả sinh lên cõi trên thì thành tựu, phạm phu sinh lên cõi trên thì không thành tựu.

Khổ căn ở nơi cõi Dục thì thành tựu, nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc thì không thành tựu.

Hỷ căn từ cõi Cực quang tịnh trở xuống và Thánh giả sinh lên cõi trên thì thành tựu, phạm phu sinh lên cõi trên thì không thành tựu.

Ưu căn chưa lìa nhiễm dục thì tạo thành, đã lìa nhiễm dục thì không tạo thành.

Năm căn như tín v.v... không đoạn căn thiện thì thành tựu, đã đoạn căn thiện thì không thành tựu.

Ba căn vô lậu đã được không mất thì thành tựu, chưa được đã mất thì không thành tựu.

Các giới nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt nơi sắc giới và dục giới đã được không mất thì thành tựu, nơi vô sắc giới cùng dục giới chưa được đã mất thì không thành tựu. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, xứ cũng như vậy.

Thân, sắc, thanh xúc giới nơi Dục giới, Sắc giới thì thành tựu, nơi Vô sắc giới thì không thành tựu. Thân, sắc, thanh, xúc xứ, sắc thủ uẩn, năm giới trước, pháp có kiến, pháp có đối, pháp hệ thuộc nơi cõi Dục, cõi Sắc cũng như vậy.

Hương, vị, tỷ, thiết thức giới ở nơi cõi Dục thì thành tựu, nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc thì không thành tựu. Hương xứ, vị xứ cũng như vậy.

Nhãn, nhĩ, thân thức giới, từ cõi Phạm thế trở xuống và sinh nơi ba tĩnh lự trên hiện tiền thì thành tựu, không hiện tiền và ở nơi cõi Vô sắc thì không thành tựu.

Ý pháp, ý thức giới nơi tất cả hữu tình đều thành tựu. Ý pháp xứ, bốn uẩn sau, bốn thủ uẩn, thức giới, pháp không sắc, pháp không kiến, pháp không đối, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp vô ký, pháp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, pháp phi học phi vô học, pháp do tu đạo đoạn, pháp không đoạn cũng như vậy.

Sắc uẩn nơi cõi Dục, cõi Sắc và Thánh giả của cõi Vô sắc thì thành tựu, phạm phu của cõi Vô sắc thì không thành tựu. Pháp có sắc cũng như vậy.

Pháp thiện không đoạn căn thiện thì thành tựu, đã đoạn căn thiện thì không thành tựu.

Pháp bất thiện chưa lìa nhiễm dục thì tạo thành, đã lìa nhiễm dục thì không tạo thành.

Pháp học, vô học đã được không mất thì thành tựu, chưa được đã mất thì không thành tựu.

Pháp do kiến đạo đoạn, đạo loại trí chưa sinh thì tạo thành, đã sinh thì không tạo thành.

Khô, tập đế nơi tất cả hữu tình đều thành tựu. Thế tục trí của Phi tướng phi phi tướng xứ cũng như vậy.

Diệt đế đã được không mất thì thành tựu, chưa được đã mất thì không thành tựu. Bốn vô lượng, tám giải thoát, tám thắng xứ, mười biến xứ, tha tâm trí cũng như vậy.

Đạo đế đã được thì thành tựu, chưa được thì không thành tựu. Pháp, loại, khổ, tập, diệt, đạo trí, ba Tam-ma-địa, ba lớp Tam-ma-địa cũng như vậy.

Tĩnh lự thứ nhất từ cõi Phạm thế trở xuống và Thánh giả sinh lên cõi trên thì thành tựu, phạm phu sinh lên cõi trên thì không thành tựu.

Tĩnh lự thứ hai từ cõi Cực quang tịnh trở xuống và Thánh giả sinh lên cõi trên thì thành tựu, phạm phu sinh lên cõi trên thì không thành tựu.

Tĩnh lự thứ ba từ cõi Biến tịnh trở xuống và Thánh giả sinh lên cõi trên thì thành tựu, phạm phu sinh lên cõi trên thì không thành tựu.

Tĩnh lự thứ tư từ cõi Quảng quả trở xuống và Thánh giả sinh lên cõi trên thì thành tựu, phạm phu sinh lên cõi trên thì không thành tựu.

Không vô biên xứ, từ Không vô biên xứ trở xuống và Thánh giả sinh lên cõi trên thì thành tựu, phạm phu sinh lên cõi trên thì không thành tựu.

Thức vô biên xứ, từ Thức vô biên xứ trở xuống và Thánh giả sinh lên cõi trên thì thành tựu, phạm phu sinh lên cõi trên thì không thành tựu.

Vô sở hữu xứ, từ Vô sở hữu xứ trở xuống và Thánh giả sinh lên cõi trên thì thành tựu, phạm phu sinh lên cõi trên thì không thành tựu.

Kiết hữu thân kiến, khổ loại trí chưa sinh thì tạo thành, đã sinh thì không tạo thành. Hữu thân kiến nơi kiết thuận phần dưới, hữu thân kiến, biên chấp kiến cũng như vậy.

Kiết giới cầm thủ, kiết nghi, đạo loại trí chưa sinh thì tạo thành, đã sinh thì không tạo thành. Bộc lưu kiến, ách kiến, kiến thủ, giới cầm thủ, hai thứ trói buộc sau nơi thân, giới cầm thủ, nghi nơi kiết thuận phần dưới, ba kiến sau, tùy miên kiến, nghi, kiết thủ, kiết nghi cũng như vậy. Kiết kiến

Ba căn bất thiện chưa lìa nhiễm dục thì tạo thành, đã lìa nhiễm dục thì không tạo thành.

Dục lậu, bộc lưu dục, ách dục, dục thủ, hai thứ trói buộc trước nơi thân, bốn cái trước, kiết giận, ganh tị, keo kiệt, hai kiết trước nơi kiết thuận phần dưới, tử xúc, thiết xúc sinh ra ái thân, tùy miên dục tham, giận dữ, kiết giận, ganh tị, keo kiệt nơi chín kiết cũng như vậy.

Hữu lậu, vô minh lậu chưa lìa nhiễm vô sắc thì tạo thành, đã lìa nhiễm vô sắc thì không tạo thành. Bộc lưu hữu, ách hữu, bộc lưu vô minh, ách vô minh, ngã ngữ thủ, kiết tham, mạn, bốn kiết sau nơi kiết thuận phần trên, ý xúc sinh ra ái thân, tùy miên hữu tham, mạn, vô minh, kiết vô minh, ái, mạn cũng như vậy.

Cái nghi, phàm phu chưa lìa nhiễm dục và Thánh giả chưa lìa nhiễm dục, đạo pháp trí chưa sinh thì tạo thành. Phàm phu, Thánh giả đã lìa nhiễm dục và Thánh giả chưa lìa nhiễm dục, đạo pháp trí đã sinh thì không tạo thành.

Tham sắc nơi kiết thuận phần trên chưa lìa nhiễm sắc thì tạo thành, đã lìa nhiễm sắc thì không tạo thành.

Các xúc nhãn, nhĩ, thân sinh ra ái thân chưa lìa nhiễm nơi cõi Phạm thế thì tạo thành, đã lìa nhiễm nơi cõi Phạm thế thì không tạo thành.

Tùy miên của cõi Dục do kiến khổ đoạn, phàm phu chưa lìa nhiễm dục và Thánh giả chưa lìa nhiễm dục, khổ pháp trí chưa sinh thì tạo thành. Thánh giả, phàm phu đã lìa nhiễm dục và Thánh giả chưa lìa nhiễm dục, khổ pháp trí đã sinh thì không tạo thành.

Tùy miên của cõi Dục do kiến tập đoạn, phàm phu chưa lìa nhiễm dục và Thánh giả chưa lìa nhiễm dục, tập pháp trí chưa sinh thì tạo thành. Thánh giả, Phàm phu đã lìa nhiễm dục và Thánh giả chưa lìa nhiễm dục, tập pháp trí đã sinh thì không tạo thành.

Tùy miên của cõi Dục do kiến diệt đoạn, phàm phu chưa lìa nhiễm dục và Thánh giả chưa lìa nhiễm dục, diệt pháp trí chưa sinh thì tạo thành. Thánh giả, phàm phu đã lìa nhiễm dục và Thánh giả chưa lìa nhiễm dục, diệt pháp trí đã sinh thì không tạo thành.

Tùy miên của cõi Dục do kiến đạo đoạn, phàm phu chưa lìa nhiễm dục và Thánh giả chưa lìa nhiễm dục, đạo pháp trí chưa sinh thì tạo thành. Thánh giả, phàm phu đã lìa nhiễm dục và Thánh giả chưa lìa nhiễm dục, đạo pháp trí đã sinh thì không tạo thành.

Tùy miên của cõi Dục do tu đạo đoạn chưa lìa nhiễm dục thì tạo thành, đã lìa nhiễm dục thì không tạo thành.

Tùy miên của cõi Sắc do kiến khổ đoạn, phàm phu chưa lìa nhiễm sắc và Thánh giả chưa lìa nhiễm sắc, khổ loại trí chưa sinh thì tạo thành. Thánh giả, phàm phu đã lìa nhiễm sắc và Thánh giả chưa lìa nhiễm sắc, khổ loại trí đã sinh thì không tạo thành.

Tùy miên của cõi Sắc do kiến tập đoạn, phàm phu chưa lìa nhiễm sắc và Thánh giả chưa lìa nhiễm sắc, tập loại trí chưa sinh thì tạo thành. Thánh giả, phàm phu đã lìa nhiễm sắc và Thánh giả chưa lìa nhiễm sắc, tập loại trí đã sinh thì không tạo thành.

Tùy miên của cõi Sắc do kiến diệt đoạn, phàm phu chưa lìa nhiễm sắc và Thánh giả chưa lìa nhiễm sắc, diệt loại trí chưa sinh thì tạo thành. Thánh giả, phàm phu đã lìa nhiễm sắc và Thánh giả chưa lìa nhiễm sắc, diệt loại trí đã sinh thì không tạo thành.

Tùy miên của cõi Sắc do kiến đạo đoạn, phàm phu chưa lìa nhiễm sắc và Thánh giả chưa lìa nhiễm sắc, đạo loại trí chưa sinh thì tạo thành. Thánh giả, phàm phu đã lìa nhiễm sắc và Thánh giả chưa lìa nhiễm sắc, đạo loại trí đã sinh thì không tạo thành.

Tùy miên của cõi Sắc do tu đạo đoạn chưa lìa nhiễm sắc thì tạo thành, đã lìa nhiễm sắc thì không tạo thành.

Tùy miên của cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn, khổ loại trí chưa sinh thì tạo thành, đã sinh thì không tạo thành.

Tùy miên của cõi Vô sắc do kiến tập đoạn, tập loại trí chưa sinh thì tạo thành, đã sinh thì không tạo thành.

Tùy miên của cõi Vô sắc do kiến diệt đoạn, diệt loại trí chưa sinh thì tạo thành, đã sinh thì không tạo thành.

Tùy miên của cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn, đạo loại trí chưa sinh thì tạo thành, đã sinh thì không tạo thành.

Tùy miên của cõi Vô sắc do tu đạo đoạn chưa lìa nhiễm vô sắc thì tạo thành, đã lìa nhiễm vô sắc thì không tạo thành.

*

Hỏi: Nhãn căn cho đến tùy miên vô minh của cõi Vô sắc do tu đạo đoạn, khi mỗi mỗi được nhận biết khắp, ở trong chín mươi tám tùy miên, có bao nhiêu tùy miên được nhận biết khắp? Ở trong chín kiết có bao nhiêu kiết tận?

Đáp: Nhãn căn khi được nhận biết khắp, ái sắc tận, phàm phu có ba mươi một tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận. Thánh giả có ba tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn cũng như vậy.

Nữ, nam căn khi được nhận biết khắp, ái dục tận, phàm phu có ba mươi sáu tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Thánh giả có bốn tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Khổ, ưu căn cũng như vậy.

Mạng căn khi được nhận biết khắp, ái vô sắc tận, ba tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Ý, xả, năm căn như tín v.v... cũng như vậy.

Lạc căn khi được nhận biết khắp, ái của cõi Biến tịnh tận, tức lạc căn được nhận biết khắp không có kiết tận.

Hỷ căn khi được nhận biết khắp, ái của cõi Cực quang tịnh tận, tức hỷ căn được nhận biết khắp không có kiết tận.

Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân giới, sắc, thanh, xúc giới khi được nhận biết khắp, ái sắc tận, phàm phu có ba mươi một tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận. Thánh giả có ba tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, xúc xứ, sắc uẩn, sắc thủ uẩn, năm giới trước, pháp có sắc, có kiến, có đối, pháp hệ thuộc nơi cõi Sắc cũng như vậy.

Hương, vị, tỷ, thiệt thức giới khi được nhận biết khắp, ái dục tận. Phàm phu có ba mươi sáu tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Thánh giả có bốn tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Xứ hương, vị, pháp bất thiện, pháp hệ thuộc nơi cõi Dục cũng như vậy.

Nhãn, nhĩ, thân thức giới khi được nhận biết khắp, ái của cõi Phạm thế tận, tức nhãn, nhĩ, thân thức giới được nhận biết khắp không có kiết tận.

Ý, pháp, ý thức giới khi được nhận biết khắp, ái vô sắc tận. Ba tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Ý, pháp xứ, bốn uẩn sau, bốn thủ uẩn sau, thức giới, pháp không sắc, không kiến, không đối, hữu lậu, hữu vi, quá khứ, vị lai, hiện tại, thiện, vô ký, pháp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, pháp phi học phi vô học, pháp do tu đạo đoạn cũng như vậy.

Pháp do kiến đạo đoạn khi được nhận biết khắp, người chưa lìa ái sắc, đạo loại trí hiện tiền có mười bốn tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Người đã lìa ái sắc, đạo loại trí hiện tiền có bảy tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận.

Khổ, tập đế khi được nhận biết khắp, ái vô sắc tận. Ba tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hai giải thoát sau, thế tục trí, ba lớp Tam-ma-địa cũng như vậy.

Tĩnh lự thứ nhất khi được nhận biết khắp, ái của cõi Phạm thế tận, tức tĩnh lự thứ nhất được nhận biết khắp, không có kiết tận.

Tĩnh lự thứ hai khi được nhận biết khắp, ái của cõi Cực quang tịnh tận, tức tĩnh lự thứ hai được nhận biết khắp, không có kiết tận. Vô lượng hỷ, giải thoát đầu tiên, thứ hai, bốn thắng xứ trước cũng như vậy.

Tĩnh lự thứ ba khi được nhận biết khắp, ái của cõi Biến tịnh tận, tức tĩnh lự thứ ba được nhận biết khắp không có kiết tận.

Tĩnh lự thứ tư khi được nhận biết khắp, ái sắc tận. Phạm phu có ba mươi một tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận, Thánh giả có ba tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận. Ba vô lượng, tịnh giải thoát, bốn thắng xứ sau, tám biến xứ trước, tha tâm trí cũng như vậy.

Không vô biên xứ khi được nhận biết khắp, ái của Không vô biên xứ tận, tức Không vô biên xứ được nhận biết khắp, không có kiết tận. Không vô biên xứ thuộc giải thoát, biến xứ cũng như vậy.

Thức vô biên xứ khi được nhận biết khắp, ái của Thức vô biên xứ tận, tức Thức vô biên xứ được nhận biết khắp, không có kiết tận. Thức vô biên xứ thuộc giải thoát, biến xứ cũng như vậy.

Vô sở hữu xứ khi được nhận biết khắp, ái của Vô sở hữu xứ tận, tức Vô sở hữu xứ được nhận biết khắp, không có kiết tận. Vô sở hữu xứ nơi giải thoát cũng như vậy.

Kiết hữu thân kiến khi được nhận biết khắp, khổ loại trí hiện tiền, người chưa lìa nhiễm sắc, có mười tám tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận. Người đã lìa nhiễm sắc có chín tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận. Hữu thân kiến nơi kiết thuận phần dưới, hữu thân kiến, biên chấp kiến cũng như vậy.

Kiệt giới cầm thủ, kiết nghi khi được nhận biết khắp, đạo loại trí hiện tiền, người chưa lìa nhiễm sắc có mười bốn tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Người đã lìa nhiễm sắc có bảy tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Bộc lưu kiến, ách kiến, kiến thủ, giới cầm thủ, hai thứ trói buộc thân sau, hai kiết sau nơi kiết thuận phần dưới, ba kiến sau, tùy miên kiến, tùy miên nghi, kiết kiến, kiết thủ, kiết nghi cũng như vậy.

Ba căn bất thiện và dục lậu khi được nhận biết khắp, ái dục tận, phàm phu có ba mươi sáu tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Thánh giả có bốn tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Bộc lưu dục, ách dục, dục thủ, hai thứ trói buộc thân trước, bốn cái trước, kiết giận, kiết ganh tị, kiết keo kiệt, hai kiết trước nơi kiết thuận phần dưới, tỷ xúc, thiết xúc sinh ra ái thân, tùy miên dục tham, tùy miên giận dữ, kiết giận, kiết ganh tị, kiết keo kiệt nơi chín kiết cũng như vậy.

Hữu lậu, vô minh lậu khi được nhận biết khắp, ái vô sắc tận, ba tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Bộc lưu hữu, ách hữu, bộc lưu vô minh, ách vô minh, ngã ngữ thủ, kiết tham, kiết mạn, bốn kiết sau nơi kiết thuận phần trên, ý xúc sinh ra ái thân, tùy miên hữu tham, tùy miên mạn, tùy miên vô minh, kiết vô minh, kiết ái, kiết mạn cũng như vậy.

Cái nghi khi được nhận biết khắp, ái dục tận, phàm phu có ba mươi sáu tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Thánh giả với đạo pháp trí hiện tiền có tám tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận.

Tham sắc khi được nhận biết khắp, ái sắc tận, phàm phu có ba mươi một tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận. Thánh giả có ba tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận.

Các nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra ái thân khi được nhận biết khắp, ái của cõi Phạm thế tận, tức ba ái thân được nhận biết khắp, không có kiết tận.

Tùy miên của cõi Dục do kiến khổ đoạn khi được nhận biết khắp, ái dục tận, phàm phu có ba mươi sáu tùy miên của cõi Dục được nhận biết khắp, ba kiết tận. Thánh giả với khổ pháp trí hiện tiền có mười tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận.

Tùy miên của cõi Dục do kiến tập đoạn khi được nhận biết khắp, ái dục tận, phàm phu có ba mươi sáu tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Thánh giả, tập pháp trí hiện tiền có bảy tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận.

Tùy miên của cõi Dục do kiến diệt đoạn khi được nhận biết khắp, ái dục tận, phàm phu có mười sáu tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Thánh giả, diệt pháp trí hiện tiền, có bảy tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận.

Tùy miên của cõi Dục do kiến đạo đoạn khi được nhận biết khắp, ái dục tận, phàm phu có ba mươi sáu tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Thánh giả, đạo pháp trí hiện tiền có tám tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận.

Tùy miên của cõi Dục do tu đạo đoạn khi được nhận biết khắp, ái dục tận, phàm phu có ba mươi sáu tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Thánh giả có bốn tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận.

Tùy miên của cõi Sắc do kiến khổ đoạn khi được nhận biết khắp, ái sắc tận, phàm phu có ba mươi một tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận. Thánh giả, khổ loại trí hiện tiền, có mười tám tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận.

Tùy miên của cõi Sắc do kiến tập đoạn khi được nhận biết khắp, ái sắc tận, phàm phu có ba mươi một tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận. Thánh giả, tập loại trí hiện tiền, có mười hai tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận.

Tùy miên của cõi Sắc do kiến diệt đoạn khi được nhận biết khắp, ái sắc tận, phàm phu có ba mươi một tùy miên được nhận biết

khấp, không có kiết tận. Thánh giả, diệt loại trí hiện tiền, có mười hai tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận.

Tùy miên của cõi Sắc do kiến đạo đoạn khi được nhận biết khắp, ái sắc tận, phàm phu có ba mươi một tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận. Thánh giả, đạo loại trí hiện tiền, có mười bốn tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận.

Tùy miên của cõi Sắc do tu đạo đoạn khi được nhận biết khắp, ái sắc tận, phàm phu có ba mươi một tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận. Thánh giả có ba tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận.

Tùy miên của cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn khi được nhận biết khắp, khổ loại trí hiện tiền, người chưa lìa nhiễm sắc có mười tám tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận. Người đã lìa nhiễm sắc có chín tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận.

Tùy miên của cõi Vô sắc do kiến tập đoạn khi được nhận biết khắp, tập loại trí hiện tiền, người chưa lìa nhiễm sắc có mười hai tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận. Người đã lìa nhiễm sắc có sáu tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận.

Tùy miên của cõi Vô sắc do kiến diệt đoạn khi được nhận biết khắp, diệt loại trí hiện tiền, người chưa lìa nhiễm sắc có mười hai tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận. Người đã lìa nhiễm sắc có sáu tùy miên được nhận biết khắp, không có kiết tận.

Tùy miên của cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn khi được nhận biết khắp, đạo loại trí hiện tiền, người chưa lìa nhiễm sắc có mười bốn tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận. Người đã lìa nhiễm sắc có bảy tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận.

Tùy miên của cõi Vô sắc do tu đạo đoạn khi được nhận biết khắp, ái vô sắc tận, ba tùy miên được nhận biết khắp, ba kiết tận.

Hỏi: Nhãn căn cho đến tùy miên vô minh của cõi Vô sắc do tu đạo đoạn, khi mỗi mỗi được diệt tác chứng, ở trong chín mươi tám tùy miên, có bao nhiêu tùy miên được diệt tác chứng? Ở trong chín kiết có bao nhiêu kiết tận?

Đáp: Nhãn căn khi diệt tác chứng, ái sắc tận, phàm phu có ba mươi một tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận. Thánh giả có ba tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận. Đến A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn cũng như vậy.

Nữ, nam căn khi diệt tác chứng, ái dục tận, phàm phu có ba mươi sáu tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Thánh giả được quả Bất hoàn có chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận. Đến A-la-hán có chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận. Khô căn, ưu căn cũng như vậy.

Mạng căn khi diệt tác chứng, được quả A-la-hán, có chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận. Ý, xả, năm căn như tín v.v... cũng như vậy.

Lạc căn khi diệt tác chứng, ái của cõi Biến tịnh tận, tức lạc căn diệt tác chứng, không có kiết tận. Đến A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Hỷ căn khi diệt tác chứng, ái của cõi Cực quang tịnh tận, tức hỷ căn diệt tác chứng, không có kiết tận. Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, xúc giới khi diệt tác chứng, ái sắc tận, phàm phu có ba mươi một tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận. Thánh giả có ba tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận. Đến A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, xúc xứ, sắc uẩn, sắc thủ uẩn, năm giới trước, pháp có sắc, có kiến, có đối, pháp hệ thuộc nơi cõi Sắc cũng như vậy.

Hương, vị, tỷ, thiết thức giới khi diệt tác chứng, ái dục tận, phàm phu có ba mươi sáu tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Thánh giả được quả Bất hoàn có chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận. Đến A-la-hán, chín mươi tám diệt tác chứng, chín kiết tận. Hương xứ, vị xứ, pháp bất thiện, pháp hệ thuộc nơi cõi Dục cũng như vậy.

Nhãn, nhĩ, thân thức giới khi diệt tác chứng, ái của cõi Phạm thể tận, tức ba thức giới, diệt tác chứng, không có kiết tận. Đến A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Ý, pháp, ý thức giới khi diệt tác chứng, được quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận. Ý pháp xứ, bốn uẩn sau, bốn thủ uẩn sau, thức giới, pháp không sắc, không kiến, không đối, hữu lậu, hữu vi, quá khứ, vị lai, hiện tại, thiện, vô ký, pháp phi học phi vô học, pháp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, pháp do tu đạo đoạn cũng như vậy.

Pháp do kiến đạo đoạn khi diệt tác chứng được quả Dự lưu, có tám mươi chín tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận, tới quả Nhất lai cũng như vậy.

Đến quả Bất hoàn, chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận. Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Khổ, tập đế khi diệt tác chứng, được quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận. Phi tướng phi phi tướng xứ, hai giải thoát sau, thể tục trí, ba lớp Tam-ma-địa cũng như vậy.

Tĩnh lự thứ nhất khi diệt tác chứng, ái của cõi Phạm thể tận, tức tĩnh lự thứ nhất diệt tác chứng không có kiết tận. Đến A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tĩnh lự thứ hai khi diệt tác chứng, ái của cõi Cực quang tịnh tận, tức tĩnh lự thứ hai diệt tác chứng, không có kiết tận. Đến A-la-

hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận. Vô lượng hỷ, giải thoát thứ nhất, thứ hai, bốn thắng xứ trước cũng như vậy.

Tĩnh lự thứ ba khi diệt tác chứng, ái của cõi Biến tịnh tận, tức tĩnh lự thứ ba diệt tác chứng, không có kiết tận. Đến A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tĩnh lự thứ tư khi diệt tác chứng, ái sắc tận, phàm phu có ba mươi một tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận. Thánh giả có ba mươi tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận. Đến A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận. Ba vô lượng, tịnh giải thoát, bốn thắng xứ sau, tám biến xứ trước, tha tâm trí cũng như vậy.

Không vô biên xứ khi diệt tác chứng, ái của Không vô biên xứ tận, tức xứ ấy diệt tác chứng không có kiết tận. Đến A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận. Không vô biên xứ nơi giải thoát biến xứ cũng như vậy.

Thức vô biên xứ khi diệt tác chứng, ái của thức vô biên tận, tức xứ ấy diệt tác chứng không có kiết tận. Đến A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận. Thức vô biên xứ nơi giải thoát biến xứ cũng như vậy.

Vô sở hữu xứ khi diệt tác chứng, ái của Vô sở hữu xứ tận, tức xứ ấy diệt tác chứng không có kiết tận. Đến A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận. Vô sở hữu xứ nơi giải thoát cũng như vậy.

Kiết hữu thân kiến khi diệt tác chứng, khổ loại trí hiện tiền, có mười tám tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận. Đến quả Dự lưu có tám mươi tám tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Đến quả Nhất lai cũng như vậy. Đến quả Bất hoàn, chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận. Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận. Hữu thân kiến nơi kiết thuận phần dưới, hữu thân kiến, biên chấp kiến cũng như vậy.

Kiết nghi, giới cấm thủ khi diệt tác chứng được quả Dự lưu có tám mươi tám tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Đến quả Nhất lai cũng như vậy. Đến quả Bất hoàn, chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận. Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Bộc lưu kiến, ách kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, hai thứ trói buộc sau nơi thân, kiết nghi, kiết giới cấm thủ nơi kiết thuận phần dưới, ba kiến sau, tùy miên nghi, kiến, kiết kiến, kiết thủ, kiết nghi cũng như vậy.

Ba căn bất thiện và dục lậu khi diệt tác chứng, ái dục tận, phàm phu có ba mươi sáu tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận, Thánh giả được quả Bất hoàn, có chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận. Đến A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận. Bộc lưu dục, ách dục, dục thủ, hai thứ trói buộc trước nơi thân, kiết giận, ganh tị, keo kiệt, bốn cái trước, hai kiết trước nơi kiết thuận phần dưới, tử xúc, thiết xúc sinh ra ái thân, tùy miên dục tham, giận dữ, kiết giận, ganh tị, keo kiệt cũng như vậy.

Hữu lậu, vô minh lậu khi diệt tác chứng, được quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận. Bộc lưu hữu, ách hữu, bộc lưu vô minh, ách vô minh, ngã ngữ thủ, kiết tham, mạn, bốn kiết sau nơi kiết thuận phần trên, ý xúc sinh ra ái thân, tùy miên vô minh, hữu tham, mạn, kiết vô minh, ái, mạn cũng như vậy.

Cái nghi khi diệt tác chứng, ái dục tận, phàm phu có ba mươi sáu tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Thánh giả, đạo pháp trí hiện tiền có tám tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận. Đến quả Dự lưu, tám mươi tám tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Đến quả Nhất lai cũng như vậy. Đến quả Bất hoàn có chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận. Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tham sắc khi diệt tác chứng, ái sắc tận, phàm phu có ba mươi một tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận. Thánh giả có ba tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận. Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Nhãn xúc, nhĩ xúc, thân xúc sinh ra ái thân, khi diệt tác chứng, ái của cõi Phạm thể tận, tức ba ái thân diệt tác chứng không có kiết. Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tùy miên của cõi Dục do kiến khổ đoạn khi diệt tác chứng, ái dục tận, phàm phu có ba mươi sáu tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Thánh giả, khổ pháp trí hiện tiền, có mười tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận.

Đến quả Dự lưu có tám mươi tám tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Đến quả Nhất lai cũng như vậy.

Đến quả Bất hoàn có chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận.

Đến quả A-la-hán có chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tùy miên của cõi Dục do kiến tập đoạn khi diệt tác chứng, ái dục tận, phàm phu có ba mươi sáu tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Thánh giả, tập pháp trí hiện tiền, có bảy tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận.

Đến quả Dự lưu có tám mươi tám tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Đến quả Nhất lai cũng như vậy.

Đến quả Bất hoàn có chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận.

Đến quả A-la-hán có chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tùy miên của cõi Dục do kiến diệt đoạn khi diệt tác chứng, ái dục tận, phàm phu có ba mươi sáu tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Thánh giả, diệt pháp trí hiện tiền, có bảy tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận.

Đến quả Dự lưu có tám mươi tám tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Đến quả Nhất lai cũng như vậy.

Đến quả Bất hoàn có chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận.

Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tùy miên của cõi Dục do kiến đạo đoạn khi diệt tác chứng, ái dục của phàm phu tận, có ba mươi sáu tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Thánh giả, đạo pháp trí hiện tiền, có tám tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận.

Đến quả Dự lưu có tám mươi tám tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Đến quả Nhất lai cũng như vậy.

Đến quả Bất hoàn có chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận.

Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tùy miên của cõi Dục do tu đạo đoạn khi diệt tác chứng, ái dục của phàm phu tận, có ba mươi sáu tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Thánh giả được quả Bất hoàn có chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận.

Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tùy miên của cõi Sắc do kiến khổ đoạn khi diệt tác chứng, ái sắc của phàm phu tận, có ba mươi một tùy miên diệt tác chứng,

không có kiết tận. Thánh giả, khổ loại trí hiện tiền, có mười tám tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận.

Đến quả Dự lưu có tám mươi tám tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Đến quả Nhất lai cũng như vậy.

Đến quả Bất hoàn có chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận.

Đến A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tùy miên của cõi Sắc do kiến tập đoạn khi diệt tác chứng, ái sắc của phàm phu tận, có ba mươi một tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận, Thánh giả, tập loại trí hiện tiền, có mười hai tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận.

Đến quả Dự lưu có tám mươi tám diệt tác chứng, ba kiết tận.

Đến quả Nhất lai cũng như vậy.

Đến quả Bất hoàn có chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận.

Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tùy miên của cõi Sắc do kiến diệt đoạn khi diệt tác chứng, ái sắc của phàm phu tận, có ba mươi một tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận. Thánh giả, diệt loại trí hiện tiền, có mười hai tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận.

Đến quả Dự lưu có tám mươi tám tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Đến quả Nhất lai cũng như vậy.

Đến quả Bất hoàn có chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận.

Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tùy miên của cõi Sắc do kiến đạo đoạn khi diệt tác chứng, ái sắc của phàm phu tận, có ba mươi một tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận. Thánh giả được quả Dự lưu có tám mươi tám tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Đến quả Nhất lai cũng như vậy.

Đến quả Bất hoàn có chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận.

Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tùy miên của cõi Sắc do tu đạo đoạn khi diệt tác chứng, ái sắc tận, phàm phu có ba mươi một tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận. Thánh giả có ba tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận.

Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tùy miên của cõi Vô sắc do kiến khổ đoạn khi diệt tác chứng, khổ loại trí hiện tiền, có mười tám tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận.

Đến quả Dự lưu có tám mươi tám tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Đến quả Nhất lai cũng như vậy.

Đến quả Bất hoàn có chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận.

Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tùy miên của cõi Vô sắc do kiến tập đoạn khi diệt tác chứng, tập loại trí hiện tiền, có mười tám tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận.

Đến quả Dự lưu có tám mươi tám tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Đến quả Nhất lai cũng như vậy.

Đến quả Bất hoàn có chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận.

Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tùy miên của cõi Vô sắc do kiến tập đoạn khi diệt tác chứng, tập loại trí hiện tiền, có mười hai tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận.

Đến quả Dự lưu có tám mươi tám tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Đến quả Nhất lai cũng như vậy.

Đến quả Bất hoàn có chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận.

Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tùy miên của cõi Vô sắc do kiến diệt đoạn khi diệt tác chứng, diệt loại trí hiện tiền, có mười hai tùy miên diệt tác chứng, không có kiết tận.

Đến quả Dự lưu có tám mươi tám tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Đến quả Nhất lai cũng như vậy.

Đến quả Bất hoàn có chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận.

Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tùy miên của cõi Vô sắc do kiến đạo đoạn khi diệt tác chứng được quả Dự lưu có tám mươi tám tùy miên diệt tác chứng, ba kiết tận. Đến quả Nhất lai cũng như vậy.

Đến quả Bất hoàn có chín mươi hai tùy miên diệt tác chứng, sáu kiết tận.

Đến quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

Tùy miên của cõi Vô sắc do tu đạo đoạn khi diệt tác chứng được quả A-la-hán, chín mươi tám tùy miên diệt tác chứng, chín kiết tận.

HẾT - QUYỂN 6

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 7

Chương 3: TRÍ UẨN

Phẩm 1: BÀN VỀ CHI HỌC

Tụng nêu chung:

*Tám học, mười vô học
Kiến cùng học đạo ba
Tục trí kiến vô lậu
Chương này xin nói đủ.*

*

Như Đức Thế Tôn nói: “Học kiến tích thành tựu tám chi học”.

Hỏi: Thành tựu tám chi học kia, có bao nhiêu là quá khứ, bao nhiêu là vị lai, bao nhiêu là hiện tại?

Đáp: Nếu dựa nơi định có tầm có tứ, học kiến đầu tiên hiện ở trước, quá khứ không có, vị lai, hiện tại có tám, học kiến kia diệt rồi không mất. Nếu lại dựa nơi định có tầm có tứ, học kiến hiện ở trước, quá khứ, vị lai, hiện tại có tám, học kiến kia diệt rồi không mất. Nếu dựa nơi định không tầm không tứ, học kiến hiện ở trước, quá khứ, vị lai có tám, hiện tại có bảy, học kiến kia diệt rồi không mất. Nếu dựa nơi định vô sắc, học kiến hiện ở trước, quá khứ, vị lai có tám, hiện tại có bốn, học kiến kia diệt rồi không mất. Nếu nhập định diệt, hoặc

tâm thể tục hiện ở trước, quá khứ, vị lai có tám, hiện tại không có, tâm kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa nơi định không tầm không tứ, học kiến đầu tiên hiện ở trước, quá khứ không có, vị lai có tám, hiện tại có bảy, học kiến kia diệt rồi không mất. Nếu lại dựa nơi định không tầm không tứ, học kiến hiện ở trước, quá khứ, hiện tại có bảy, vị lai có tám, học kiến kia diệt rồi không mất. Nếu dựa nơi định vô sắc, học kiến hiện ở trước, quá khứ có bảy, vị lai có tám, hiện tại có bốn, học kiến kia diệt rồi không mất. Nếu nhập định diệt, hoặc tâm thể tục hiện ở trước, quá khứ có bảy, vị lai có tám, hiện tại không có, tâm kia diệt rồi không mất. Nếu dựa nơi định có tầm có tứ, học kiến hiện ở trước, quá khứ có bảy, vị lai, hiện tại có tám, học kiến kia diệt rồi không mất.

Nếu dựa nơi định vô sắc, học kiến đầu tiên hiện ở trước, quá khứ không có, vị lai có tám, hiện tại có bốn, học kiến kia diệt rồi không mất. Nếu lại dựa nơi định vô sắc, học kiến hiện ở trước, quá khứ, hiện tại có bốn, vị lai có tám, học kiến kia diệt rồi không mất. Nếu nhập định diệt, hoặc tâm thể tục hiện ở trước, quá khứ có bốn, vị lai có tám, hiện tại không có, tâm kia diệt rồi không mất. Nếu dựa nơi định có tầm có tứ, học kiến hiện ở trước, quá khứ có bốn, vị lai, hiện tại có tám, học kiến kia diệt rồi không mất. Nếu dựa nơi định không tầm không tứ, học kiến hiện ở trước, quá khứ có bốn, vị lai có tám, hiện tại có bảy, học kiến kia diệt rồi không mất.

*

Như Đức Thế Tôn nói: “A-la-hán lậu tận đã thành tựu mười chi vô học”.

Hỏi: Thành tựu mười chi vô học kia, có bao nhiêu là quá khứ, bao nhiêu là vị lai, bao nhiêu là hiện tại?

Đáp: Nếu dựa nơi định có tầm có tứ, trí vô học đầu tiên hiện ở trước, quá khứ không có, vị lai có mười, hiện tại có chín, trí vô học đó

diệt rồi không mất. Nếu lại dựa nơi định có tầm có tứ, trí vô học hiện ở trước, quá khứ, hiện tại có chín, vị lai có mười, trí vô học đó diệt rồi không mất. Nếu dựa nơi định không tầm không tứ, trí vô học hiện ở trước, quá khứ có chín, vị lai có mười, hiện tại có tám, trí vô học đó diệt rồi không mất. Nếu dựa nơi định vô sắc, trí vô học hiện ở trước, quá khứ có chín, vị lai có mười, hiện tại có năm, trí vô học đó diệt rồi không mất. Nếu nhập định diệt, hoặc tâm thế tục hiện ở trước, quá khứ có chín, vị lai có mười, hiện tại không có, tâm đó diệt rồi không mất.

Nếu dựa nơi định có tầm có tứ, trí kiến vô học đầu tiên hiện ở trước, quá khứ, hiện tại có chín, vị lai có mười, trí kiến vô học đó diệt rồi không mất. Nếu lại dựa nơi định có tầm có tứ, hoặc trí hoặc kiến vô học hiện ở trước, quá khứ, vị lai có mười, hiện tại có chín, trí kiến vô học đó diệt rồi không mất. Nếu dựa nơi định không tầm không tứ, hoặc trí hoặc kiến vô học hiện ở trước, quá khứ, vị lai có mười, hiện tại có tám, trí kiến vô học đó diệt rồi không mất. Nếu dựa nơi định vô sắc, hoặc trí hoặc kiến vô học hiện ở trước, quá khứ, vị lai có mười, hiện tại có năm, trí kiến vô học đó diệt rồi không mất. Nếu nhập định diệt, hoặc tâm thế tục hiện ở trước, quá khứ, vị lai có mười, hiện tại không có, tâm đó diệt rồi không mất.

Nếu dựa nơi định không tầm không tứ, trí vô học đầu tiên hiện ở trước, quá khứ không có, vị lai có mười, hiện tại có tám, trí vô học đó diệt rồi không mất. Nếu lại dựa nơi định không tầm không tứ, trí vô học hiện ở trước, quá khứ, hiện tại có tám, vị lai có mười, trí vô học đó diệt rồi không mất. Nếu dựa nơi định vô sắc, trí vô học hiện ở trước, quá khứ có tám, vị lai có mười, hiện tại có năm, trí vô học đó diệt rồi không mất. Nếu nhập định diệt, hoặc tâm thế tục hiện ở trước, quá khứ có tám, vị lai có mười, hiện tại không có, tâm đó diệt rồi không mất. Nếu dựa nơi định có tầm có tứ, trí vô học hiện ở trước, quá khứ có tám, vị lai có mười, hiện tại có chín, trí vô học đó diệt rồi không mất.

Nếu dựa nơi định không tâm không tứ, kiến vô học đầu tiên hiện ở trước, quá khứ, hiện tại có tám, vị lai có mười, kiến vô học đó diệt rồi không mất. Nếu lại dựa nơi định không tâm không tứ, hoặc trí hoặc kiến vô học hiện ở trước, quá khứ có chín, vị lai có mười, hiện tại có tám, trí kiến vô học đó diệt rồi không mất. Nếu dựa nơi định vô sắc, hoặc trí hoặc kiến vô học hiện ở trước, quá khứ có chín, vị lai có mười, hiện tại có năm, trí kiến vô học đó diệt rồi không mất. Nếu nhập định diệt, hoặc tâm thể tục hiện ở trước, quá khứ có chín, vị lai có mười, hiện tại không có, tâm đó diệt rồi không mất. Nếu dựa nơi định có tâm có tứ, hoặc trí hoặc kiến vô học hiện ở trước, quá khứ, hiện tại có chín, vị lai có mười, trí kiến vô học đó diệt rồi không mất.

Nếu dựa nơi định vô sắc, trí vô học đầu tiên hiện ở trước, quá khứ không có, vị lai có mười, hiện tại có năm, trí vô học đó diệt rồi không mất. Nếu lại dựa nơi định vô sắc, trí vô học hiện ở trước, quá khứ, hiện tại có năm, vị lai có mười, trí vô học đó diệt rồi không mất. Nếu nhập định diệt, hoặc tâm thể tục hiện ở trước, quá khứ có năm, vị lai có mười, hiện tại không có, tâm đó diệt rồi không mất. Nếu dựa nơi định có tâm có tứ, trí vô học hiện ở trước, quá khứ có năm, vị lai có mười, hiện tại có chín, trí vô học đó diệt rồi không mất. Nếu dựa nơi định không tâm không tứ, trí vô học hiện ở trước, quá khứ có năm, vị lai có mười, hiện tại có tám, trí vô học đó diệt rồi không mất.

Nếu dựa nơi định vô sắc, kiến vô học đầu tiên hiện ở trước, quá khứ, hiện tại có năm, vị lai có mười, kiến vô học đó diệt rồi không mất. Nếu lại dựa nơi định vô sắc, hoặc trí hoặc kiến vô học hiện ở trước, quá khứ có sáu, vị lai có mười, hiện tại có năm, trí kiến vô học đó diệt rồi không mất. Nếu nhập định diệt, hoặc tâm thể tục hiện ở trước, quá khứ có sáu, vị lai có mười, hiện tại không có, tâm đó diệt rồi không mất. Nếu dựa nơi định có tâm có tứ, hoặc trí hoặc kiến vô học hiện ở trước, quá khứ có sáu, vị lai có mười, hiện tại có chín, trí, kiến vô học đó diệt rồi không mất. Nếu dựa nơi định không tâm

không tứ, hoặc trí hoặc kiến vô học hiện ở trước, quá khứ có sáu, vị lai có mười, hiện tại có tám, trí, kiến vô học đó diệt rồi không mất.

*

Hỏi: Thế nào là kiến?

Đáp: Là năm kiến của nhãn căn, chánh kiến thể tục, kiến học, kiến vô học.

Hỏi: Thế nào là trí?

Đáp: Là năm thức tương ưng với tuệ, trừ nhãn vô lậu, còn lại là ý thức tương ưng với tuệ.

Hỏi: Thế nào là tuệ?

Đáp: Là sáu thức tương ưng với tuệ.

*

Hỏi: Các kiến là trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có kiến không phải là trí: Nghĩa là nhãn căn và nhãn vô lậu. 2. Có trí không phải là kiến: Nghĩa là năm thức thân tương ưng với tuệ, tận trí, vô sinh trí, trừ năm kiến cùng chánh kiến thể tục, còn lại là ý thức tương ưng với tuệ hữu lậu. 3. Có kiến cũng là trí: Nghĩa là năm kiến, chánh kiến thể tục, trừ nhãn vô lậu và tận trí, vô sinh trí, còn lại là tuệ vô lậu. 4. Có không phải là kiến cũng không phải là trí: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Các kiến là tuệ chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có kiến không phải là tuệ: Nghĩa là nhãn căn. 2. Có tuệ không phải là kiến: Nghĩa là năm thức thân tương ưng với tuệ, tận trí, vô sinh trí, trừ năm kiến và chánh kiến thể tục, còn lại là ý thức tương ưng với tuệ hữu lậu. 3. Có kiến cũng là tuệ: Nghĩa là trừ tận trí, vô sinh trí, còn lại là tuệ vô lậu và năm

kiến, chánh kiến thế tục. 4. Có không phải là kiến cũng không phải là tuệ: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Các trí là tuệ chăng?

Đáp: Các trí đều là tuệ. Có tuệ không phải là trí: Nghĩa là nhãn vô lậu.

*

Hỏi: Kiến gồm thâm trí hay là trí gồm thâm kiến?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có kiến không gồm thâm trí: Nghĩa là nhãn căn và nhãn vô lậu. 2. Có trí không gồm thâm kiến: Nghĩa là năm thức thân tương ưng với tuệ, tận trí, vô sinh trí, trừ năm kiến và chánh kiến thế tục, còn lại là ý thức tương ưng với tuệ hữu lậu. 3. Có kiến cũng gồm thâm trí: Nghĩa là năm kiến, chánh kiến thế tục, trừ nhãn vô lậu và tận trí, vô sinh trí, còn lại là tuệ vô lậu. 4. Có không phải kiến cũng không gồm thâm trí: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Kiến gồm thâm tuệ hay tuệ gồm thâm kiến?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có kiến không phải tuệ gồm thâm: Nghĩa là nhãn căn. 2. Có tuệ không phải kiến gồm thâm: Nghĩa là năm thức thân tương ưng với tuệ, tận trí, vô sinh trí, trừ năm kiến và chánh kiến thế tục, còn lại là ý thức tương ưng với tuệ hữu lậu. 3. Có kiến cũng là tuệ gồm thâm: Nghĩa là năm kiến, chánh kiến thế tục, trừ tận trí, vô sinh trí, còn lại là tuệ vô lậu. 4. Có không phải kiến cũng không phải tuệ gồm thâm: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Trí gồm thâm tuệ hay tuệ gồm thâm trí?

Đáp: Tuệ gồm thâm trí, không phải trí gồm thâm tuệ. Những gì không gồm thâm? Nghĩa là nhãn vô lậu.

*

Hỏi: Thành tựu kiến là thành tựu trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu trí là thành tựu kiến chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Thành tựu kiến là thành tựu tuệ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu tuệ là thành tựu kiến chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Thành tựu trí là thành tựu tuệ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu tuệ là thành tựu trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Các kiến đã đoạn, đã nhận biết khắp là trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như trí đã đoạn, đã nhận biết khắp là kiến kia chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các kiến đã đoạn, đã nhận biết khắp là tuệ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như tuệ đã đoạn, đã nhận biết khắp là kiến kia chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các trí đã đoạn, đã nhận biết khắp là tuệ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như tuệ đã đoạn, đã nhận biết khắp là trí kia chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Các chánh kiến là giác chi trạch pháp chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có chánh kiến không phải là giác chi trạch pháp: Nghĩa là chánh kiến thế tục. 2. Có giác chi trạch pháp không phải là chánh kiến: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí. 3. Có chánh kiến cũng là giác chi trạch pháp: Nghĩa là trừ tận trí, vô sinh trí, còn lại là tuệ vô lậu. 4. Có không phải là chánh kiến cũng không phải là giác chi trạch pháp: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Các chánh trí là giác chi trạch pháp chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có chánh trí không phải là giác chi trạch pháp: Nghĩa là chánh trí thế tục. 2. Có giác chi trạch pháp không phải là chánh trí: Nghĩa là nhãn vô lậu. 3. Có chánh trí cũng là giác chi trạch pháp: Nghĩa là trừ nhãn vô lậu, còn lại là tuệ vô lậu. 4. Có không phải là chánh trí cũng không phải là giác chi trạch pháp: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

*

Hỏi: Bảy giác chi, tám đạo chi, khi mỗi mỗi chi hiện ở trước, có bao nhiêu giác chi, bao nhiêu đạo chi hiện ở trước?

Đáp: Nếu dựa vào định vị chí, lúc giác chi niệm hiện ở trước, hữu học có sáu giác chi, tám đạo chi hiện ở trước, vô học có sáu giác chi, chín đạo chi hiện ở trước. Nếu dựa vào tĩnh lự thứ nhất, lúc giác chi niệm hiện ở trước, hữu học có bảy giác chi, tám đạo chi hiện ở trước, vô học có bảy giác chi, chín đạo chi hiện ở trước. Nếu dựa vào tĩnh lự trung gian, lúc giác chi niệm hiện ở trước, hữu học có sáu giác chi, bảy đạo chi hiện ở trước, vô học có sáu giác chi, tám đạo chi hiện ở trước. Dựa vào tĩnh lự thứ ba, thứ tư cũng như vậy. Nếu dựa

vào tĩnh lự thứ hai, lúc giác chi niệm hiện ở trước, hữu học có bảy giác chi, bảy đạo chi hiện ở trước, vô học có bảy giác chi, tám đạo chi hiện ở trước. Nếu dựa vào định vô sắc, lúc giác chi niệm hiện ở trước, hữu học có sáu giác chi, bốn đạo chi hiện ở trước, vô học có sáu giác chi, năm đạo chi hiện ở trước.

Giác chi trạch pháp, tinh tấn, khinh an, định, xả, đạo chi chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định cũng như vậy.

Nếu dựa vào tĩnh lự thứ nhất, lúc giác chi hỷ hiện ở trước, hữu học có bảy giác chi, tám đạo chi hiện ở trước, vô học có bảy giác chi, chín đạo chi hiện ở trước. Nếu dựa vào tĩnh lự thứ hai, lúc giác chi hỷ hiện ở trước, hữu học có bảy giác chi, bảy đạo chi hiện ở trước, vô học có bảy giác chi, tám đạo chi hiện ở trước.

Nếu dựa nơi định vị chí, lúc chánh tư duy hiện ở trước, hữu học có sáu giác chi, tám đạo chi hiện ở trước, vô học có sáu giác chi, chín đạo chi hiện ở trước. Nếu dựa nơi tĩnh lự thứ nhất, lúc chánh tư duy hiện ở trước, hữu học có bảy giác chi, tám đạo chi hiện ở trước, vô học có bảy giác chi, chín đạo chi hiện ở trước.

Nếu dựa vào định vị chí, lúc chánh ngữ hiện ở trước, hữu học có sáu giác chi, tám đạo chi hiện ở trước, vô học có sáu giác chi, chín đạo chi hiện ở trước. Nếu dựa vào tĩnh lự thứ nhất, lúc chánh ngữ hiện ở trước, hữu học có bảy giác chi, tám đạo chi hiện ở trước, vô học có bảy giác chi, chín đạo chi hiện ở trước. Nếu dựa vào tĩnh lự thứ hai, lúc chánh ngữ hiện ở trước, hữu học có sáu giác chi, bảy đạo chi hiện ở trước, vô học có sáu giác chi, tám đạo chi hiện ở trước. Dựa vào tĩnh lự thứ ba, thứ tư cũng như vậy. Nếu dựa vào tĩnh lự thứ hai, lúc chánh ngữ hiện ở trước, hữu học có bảy giác chi, bảy đạo chi hiện ở trước, vô học có bảy giác chi, tám đạo chi hiện ở trước.

Chánh nghiệp, chánh mạng cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác chi niệm, pháp ấy tương ưng với giác chi trạch pháp chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với niệm không tương ưng với trạch pháp: Nghĩa là giác chi trạch pháp. 2. Có pháp tương ưng với trạch pháp không tương ưng với niệm: Nghĩa là giác chi niệm. 3. Có pháp tương ưng với niệm cũng tương ưng với trạch pháp: Nghĩa là hai pháp ấy tương ưng với nhau. 4. Có pháp không tương ưng với niệm cũng không tương ưng với trạch pháp: Nghĩa là tâm, tâm sở pháp còn lại, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như đối với giác chi trạch pháp, đối với giác chi tinh tấn, khinh an, định, xả, chánh tinh tấn, chánh định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác chi niệm, pháp ấy tương ưng với giác chi hỷ chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với niệm không tương ưng với hỷ: Nghĩa là giác chi hỷ và hỷ không tương ưng với pháp tương ưng của giác chi niệm. 2. Có pháp tương ưng với hỷ không tương ưng với niệm: Nghĩa là giác chi hỷ tương ưng với niệm. 3. Có pháp tương ưng với niệm cũng tương ưng với hỷ: Nghĩa là hai pháp ấy tương ưng với nhau. 4. Có pháp không tương ưng với niệm cũng không tương ưng với hỷ: Nghĩa là hỷ không tương ưng với giác chi niệm và tâm, tâm sở pháp còn lại, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như đối với giác chi hỷ, đối với chánh kiến, chánh tư duy cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác chi niệm, pháp ấy tương ưng với chánh niệm chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với chánh niệm, pháp ấy tương ưng với giác chi niệm chãng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác chi trạch pháp, pháp ấy tương ưng với giác chi tinh tấn chãng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với trạch pháp không tương ưng với tinh tấn: Nghĩa là giác chi tinh tấn. 2. Có pháp tương ưng với tinh tấn không tương ưng với trạch pháp: Nghĩa là giác chi trạch pháp. 3. Có pháp tương ưng với trạch pháp cũng tương ưng với tinh tấn: Nghĩa là hai pháp ấy tương ưng với nhau. 4. Có pháp không tương ưng với trạch pháp cũng không tương ưng với tinh tấn: Nghĩa là tâm, tâm sở pháp còn lại, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như đối với giác chi tinh tấn, đối với giác chi khinh an, định, xả, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác chi trạch pháp, pháp ấy tương ưng với giác chi hỷ chãng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với trạch pháp không tương ưng với hỷ: Nghĩa là giác chi hỷ và hỷ không tương ưng với pháp tương ưng của giác chi trạch pháp. 2. Có pháp tương ưng với hỷ không tương ưng với trạch pháp: Nghĩa là giác chi hỷ tương ưng với trạch pháp. 3. Có pháp tương ưng với trạch pháp cũng tương ưng với hỷ: Nghĩa là hai pháp ấy tương ưng với nhau. 4. Có pháp không tương ưng với trạch pháp cũng không tương ưng với hỷ: Nghĩa là hỷ không tương ưng với giác chi trạch pháp, và tâm, tâm sở pháp còn lại, sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như đối với giác chi hỷ, đối với chánh tư duy cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác chi trạch pháp, pháp ấy tương ưng với chánh kiến chăng?

Đáp: Các pháp tương ưng với chánh kiến thì cũng tương ưng với giác chi trạch pháp. Có pháp tương ưng với trạch pháp không phải tương ưng với chánh kiến: Nghĩa là chánh kiến không gồm thân pháp tương ưng với giác chi trạch pháp.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác chi tinh tấn, pháp ấy tương ưng với giác chi hỷ chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với tinh tấn không tương ưng với hỷ: Nghĩa là giác chi hỷ và hỷ không tương ưng với pháp tương ưng của giác chi tinh tấn. 2. Có pháp tương ưng với hỷ không tương ưng với tinh tấn: Nghĩa là giác chi hỷ tương ưng với tinh tấn. 3. Có pháp tương ưng với tinh tấn cũng tương ưng với hỷ: Nghĩa là hai pháp ấy tương ưng với nhau. 4. Có pháp không tương ưng với tinh tấn cũng không tương ưng với hỷ: Nghĩa là hỷ không tương ưng với giác chi tinh tấn và tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như đối với giác chi hỷ, đối với chánh kiến, chánh tư duy cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác chi tinh tấn, pháp ấy tương ưng với giác chi khinh an chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với tinh tấn không tương ưng với khinh an: Nghĩa là giác chi khinh an. 2. Có pháp tương ưng với khinh an không tương ưng với tinh tấn: Nghĩa là giác chi tinh tấn. 3. Có pháp tương ưng với tinh tấn cũng tương ưng với khinh an: Nghĩa là hai pháp ấy tương ưng với nhau. 4. Có pháp không tương ưng với tinh tấn cũng không tương ưng với khinh an:

Nghĩa là tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như đối với giác chi khinh an, đối với giác chi định, xả, chánh niệm, chánh định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác chi tinh tấn, pháp ấy tương ưng với chánh tinh tấn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như pháp tương ưng với chánh tinh tấn, pháp ấy tương ưng với giác chi tinh tấn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác chi hỷ, pháp ấy tương ưng với giác chi khinh an chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với hỷ không tương ưng với khinh an: Nghĩa là hỷ tương ưng với giác chi khinh an. 2. Có pháp tương ưng với khinh an không tương ưng với hỷ: Nghĩa là giác chi hỷ và hỷ không tương ưng với pháp tương ưng của giác chi khinh an. 3. Có pháp tương ưng với hỷ cũng tương ưng với khinh an: Nghĩa là hai pháp ấy tương ưng với nhau. 4. Có pháp không tương ưng với hỷ cũng không tương ưng với khinh an: Nghĩa là hỷ không tương ưng với giác chi khinh an và tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như đối với giác chi khinh an, đối với giác chi định, xả, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác chi hỷ, pháp ấy tương ưng với chánh kiến chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với hỷ không tương ưng với chánh kiến: Nghĩa là giác chi hỷ tương ưng với chánh kiến và chánh kiến không tương ưng với pháp tương ưng của giác chi hỷ. 2. Có pháp tương ưng với chánh kiến không tương ưng với hỷ: Nghĩa là chánh kiến tương ưng với giác chi hỷ và giác chi hỷ không tương ưng với pháp tương ưng của chánh kiến. 3. Có pháp tương ưng với hỷ cũng tương ưng với chánh kiến: Nghĩa là hai pháp ấy tương ưng với nhau. 4. Có pháp không tương ưng với hỷ cũng không tương ưng với chánh kiến: Nghĩa là giác chi hỷ không tương ưng với chánh kiến, chánh kiến cũng không tương ưng với giác chi hỷ, và tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như đối với chánh kiến, đối với chánh tư duy cũng như vậy.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác chi khinh an, pháp ấy tương ưng với giác chi định chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với khinh an không tương ưng với định: Nghĩa là giác chi định. 2. Có pháp tương ưng với định không tương ưng với khinh an: Nghĩa là giác chi khinh an. 3. Có pháp tương ưng với khinh an cũng tương ưng với định: Nghĩa là hai pháp ấy tương ưng với nhau. 4. Có pháp không tương ưng với khinh an cũng không tương ưng với định: Nghĩa là tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như đối với giác chi định, đối với giác chi xả, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác chi khinh an, pháp ấy tương ưng với chánh kiến chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với khinh an không tương ưng với chánh kiến: Nghĩa là chánh kiến và

chánh kiến không tương ưng với pháp tương ưng của giác chi khinh an. 2. Có pháp tương ưng với chánh kiến không tương ưng với khinh an: Nghĩa là chánh kiến tương ưng với giác chi khinh an. 3. Có pháp tương ưng với khinh an cũng tương ưng với chánh kiến: Nghĩa là hai pháp ấy tương ưng với nhau. 4. Có pháp không tương ưng với khinh an cũng không tương ưng với chánh kiến: Nghĩa là chánh kiến không tương ưng với giác chi khinh an và tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như đối với chánh kiến, đối với chánh tư duy cũng như vậy.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác chi định, pháp ấy tương ưng với giác chi xả chẳng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với định không tương ưng với xả: Nghĩa là giác chi xả. 2. Có pháp tương ưng với xả không tương ưng với định: Nghĩa là giác chi định. 3. Có pháp tương ưng với định cũng tương ưng với xả: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng. 4. Có pháp không tương ưng với định cũng không tương ưng với xả: Nghĩa là tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như đối với giác chi xả, đối với chánh tinh tấn, chánh niệm cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác chi định, pháp ấy tương ưng với chánh kiến chẳng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với định không tương ưng với chánh kiến: Nghĩa là chánh kiến và chánh kiến không tương ưng với pháp tương ưng của giác chi định. 2. Có pháp tương ưng với chánh kiến không tương ưng với định: Nghĩa là chánh kiến tương ưng với giác chi định. 3. Có

pháp tương ưng với định cũng tương ưng với chánh kiến: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng. 4. Có pháp không tương ưng với định cũng không tương ưng với chánh kiến: Nghĩa là chánh kiến không tương ưng với giác chi định và tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như đối với chánh kiến, đối với chánh tư duy cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác chi định, pháp ấy tương ưng với chánh định chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như pháp tương ưng với chánh định, pháp ấy tương ưng với giác chi định chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác chi xả, pháp ấy tương ưng với chánh kiến chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với xả không tương ưng với chánh kiến: Nghĩa là chánh kiến và chánh kiến không tương ưng với pháp tương ưng của giác chi xả. 2. Có pháp tương ưng với chánh kiến không tương ưng với xả: Nghĩa là chánh kiến tương ưng với giác chi xả. 3. Có pháp tương ưng với xả cũng tương ưng với chánh kiến: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng. 4. Có pháp không tương ưng với xả cũng không tương ưng với chánh kiến: Nghĩa là chánh kiến không tương ưng với giác chi xả và tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như đối với chánh kiến, đối với chánh tư duy cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với giác chi xả, pháp ấy tương ưng với chánh tinh tấn chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với xả không tương ưng với tinh tấn: Nghĩa là chánh tinh tấn. 2. Có pháp tương ưng với chánh tinh tấn không tương ưng với xả: Nghĩa là giác chi xả. 3. Có pháp tương ưng với xả cũng tương ưng với chánh tinh tấn: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng. 4. Có pháp không tương ưng với xả cũng không tương ưng với chánh tinh tấn: Nghĩa là tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như đối với chánh tinh tấn, đối với chánh niệm, chánh định cũng như vậy.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với chánh kiến, pháp ấy tương ưng với chánh tư duy chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với chánh kiến không tương ưng với chánh tư duy: Nghĩa là chánh kiến tương ưng với chánh tư duy và chánh tư duy không tương ưng với pháp tương ưng của chánh kiến. 2. Có pháp tương ưng với chánh tư duy không tương ưng với chánh kiến: Nghĩa là chánh tư duy tương ưng với chánh kiến và chánh kiến không tương ưng với pháp tương ưng của chánh tư duy. 3. Có pháp tương ưng với chánh kiến cũng tương ưng với chánh tư duy: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng. 4. Có pháp không tương ưng với chánh kiến cũng không tương ưng với chánh tư duy: Nghĩa là chánh kiến không tương ưng với chánh tư duy và chánh tư duy không tương ưng với chánh kiến cùng tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Các pháp tương ưng với chánh kiến, pháp ấy tương ưng với chánh tinh tấn chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với chánh kiến không tương ưng với chánh tinh tấn: Nghĩa là chánh kiến tương ưng với chánh tinh tấn. 2. Có pháp tương ưng với chánh tinh

tấn không tương ưng với chánh kiến: Nghĩa là chánh kiến và chánh kiến không tương ưng với pháp tương ưng của chánh tinh tấn. 3. Có pháp tương ưng với chánh kiến, cũng tương ưng với chánh tinh tấn: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng. 4. Có pháp không tương ưng với chánh kiến cũng không tương ưng với chánh tinh tấn: Nghĩa là chánh kiến không tương ưng với chánh tinh tấn và tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như đối với chánh tinh tấn, đối với chánh niệm, chánh định cũng như vậy.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với chánh tư duy, pháp ấy tương ưng với chánh tinh tấn chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với chánh tư duy không tương ưng với chánh tinh tấn: Nghĩa là chánh tư duy tương ưng với chánh tinh tấn. 2. Có pháp tương ưng với chánh tinh tấn không tương ưng với chánh tư duy: Nghĩa là chánh tư duy và chánh tư duy không tương ưng với pháp tương ưng của chánh tinh tấn. 3. Có pháp tương ưng với chánh tư duy cũng tương ưng với chánh tinh tấn: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng. 4. Có pháp không tương ưng với chánh tư duy cũng không tương ưng với chánh tinh tấn: Nghĩa là chánh tư duy không tương ưng với chánh tinh tấn và tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như đối với chánh tinh tấn, đối với chánh niệm, chánh định cũng như vậy.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với chánh tinh tấn, pháp ấy tương ưng với chánh niệm chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với chánh tinh tấn không tương ưng với chánh niệm: Nghĩa là chánh niệm. 2. Có pháp tương ưng với chánh niệm không tương ưng với chánh tinh tấn: Nghĩa là chánh tinh tấn. 3. Có pháp tương ưng với chánh tinh tấn cũng tương ưng với chánh niệm: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng. 4. Có pháp không tương ưng với chánh tinh tấn cũng không tương ưng với chánh niệm: Nghĩa là tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như đối với chánh niệm, đối với chánh định cũng như vậy.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với chánh niệm, pháp ấy tương ưng với chánh định chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp tương ưng với chánh niệm không tương ưng với chánh định: Nghĩa là chánh định. 2. Có pháp tương ưng với chánh định không tương ưng với chánh niệm: Nghĩa là chánh niệm. 3. Có pháp tương ưng với chánh niệm cũng tương ưng với chánh định: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng. 4. Có pháp không tương ưng với chánh niệm cũng không tương ưng với chánh định: Nghĩa là tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

*

Hỏi: Thế nào là chánh kiến thế tục?

Đáp: Là ý thức tương ưng với tuệ hữu lậu thiện.

Hỏi: Thế nào là chánh trí thế tục?

Đáp: Là năm thức tương ưng với tuệ thiện và ý thức tương ưng với tuệ hữu lậu thiện.

Hỏi: Các chánh kiến thế tục là chánh trí thế tục chăng?

Đáp: Các chánh kiến thế tục cũng là chánh trí thế tục. Có chánh trí thế tục không phải là chánh kiến thế tục: Nghĩa là năm thức tương ưng với tuệ thiện.

Hỏi: Chánh kiến thế tục gồm thân chánh trí thế tục, hay chánh trí thế tục gồm thân chánh kiến thế tục?

Đáp: Chánh trí thế tục gồm thân chánh kiến thế tục, không phải chánh kiến thế tục gồm thân chánh trí thế tục. Những gì không gồm thân? Là năm thức tương ưng với tuệ thiện.

Hỏi: Thành tựu chánh kiến thế tục là thành tựu chánh trí thế tục chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu chánh trí thế tục là thành tựu chánh kiến thế tục chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Chánh kiến thế tục đã đoạn, đã nhận biết khắp, là chánh trí thế tục chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như chánh trí thế tục đã đoạn, đã nhận biết khắp, là chánh kiến thế tục chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Thế nào là kiến vô lậu?

Đáp: Là trừ tận trí, vô sinh trí, còn lại là tuệ vô lậu.

Hỏi: Thế nào là trí vô lậu?

Đáp: Là trừ hẳn vô lậu, còn lại là tuệ vô lậu.

Hỏi: Các kiến vô lậu là trí vô lậu chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có kiến vô lậu không phải là trí vô lậu: Nghĩa là nhãn vô lậu. 2. Có trí vô lậu không phải là kiến vô lậu: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí. 3. Có kiến vô lậu cũng là trí vô lậu: Nghĩa là trừ nhãn vô lậu, tận trí, vô sinh trí, còn lại là tuệ vô lậu. 4. Có không phải là kiến vô lậu cũng không phải là trí vô lậu: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Kiến vô lậu gồm thân trí vô lậu, hay trí vô lậu gồm thân kiến vô lậu?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có kiến vô lậu không gồm thân trí vô lậu: Nghĩa là nhãn vô lậu. 2. Có trí vô lậu không gồm thân kiến vô lậu: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí. 3. Có kiến vô lậu cũng gồm thân trí vô lậu: Nghĩa là trừ nhãn vô lậu, tận trí, vô sinh trí, còn lại là tuệ vô lậu. 4. Có không phải kiến vô lậu cũng không phải trí vô lậu gồm thân: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Thành tựu kiến vô lậu là thành tựu trí vô lậu chăng?

Đáp: Trí vô lậu thành tựu cũng là kiến vô lậu thành tựu. Có kiến vô lậu thành tựu không phải là trí vô lậu thành tựu: Nghĩa là khổ pháp trí nhãn khi hiện ở trước.

Phẩm 2: BÀN VỀ NĂM THỨ

Tụng nêu chung:

*Tà chánh kiến trí năm
Tuệ học trái cùng ba
Nhãn phạm năm ác kiến
Chương này xin nói đủ.*

Hỏi: Thế nào là tà kiến?

Đáp: Nếu không an lập thì năm kiến đều gọi là tà kiến. Nếu an lập tức chỉ các thứ kiến cho không có thí cho, không có ái lạc, không có cúng tế, không có hành diệu, không có hành ác, không có hành diệu ác, không có dị thực của quả nơi nghiệp. Đó gọi là tà kiến.

Hỏi: Thế nào là tà trí?

Đáp: Là sáu thức tương ưng với tuệ nhiễm ô.

Hỏi: Các tà kiến là tà trí chăng?

Đáp: Các tà kiến là tà trí. Có tà trí không phải là tà kiến: Nghĩa là năm thức tương ưng với tuệ nhiễm ô và trừ năm kiến, còn lại là ý thức tương ưng với tuệ nhiễm ô.

Hỏi: Tà kiến gồm thâu tà trí hay là tà trí gồm thâu tà kiến?

Đáp: Tà trí gồm thâu tà kiến, không phải tà kiến gồm thâu tà trí. Những gì không gồm thâu? Là năm thức tương ưng với tuệ nhiễm ô và trừ năm kiến, còn lại là ý thức tương ưng với tuệ nhiễm ô.

Hỏi: Có tạo nên tà kiến là tạo nên tà trí chăng?

Đáp: Tạo nên tà kiến cũng là tạo nên tà trí. Có khi tạo nên tà trí không phải là tạo nên tà kiến: Nghĩa là hàng Học kiến tích.

Hỏi: Các tà kiến đã đoạn, đã nhận biết khắp là tà trí chăng?

Đáp: Các tà trí đã đoạn, đã nhận biết khắp cũng là tà kiến. Có tà kiến đã đoạn, đã nhận biết khắp không phải là tà trí: Nghĩa là hàng Học kiến tích.

*

Hỏi: Thế nào là chánh kiến?

Đáp: Là tận trí, vô sinh trí không gồm thâu ý thức tương ưng với tuệ thiện.

Hỏi: Thế nào là chánh trí?

Đáp: Là năm thức tương ứng với tuệ thiện và nhãn vô lậu không gồm thân ý thức tương ứng với tuệ thiện.

Hỏi: Các chánh kiến là chánh trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có chánh kiến không phải là chánh trí: Nghĩa là nhãn vô lậu. 2. Có chánh trí không phải là chánh kiến: Nghĩa là năm thức tương ứng với tuệ thiện và tận trí, vô sinh trí. 3. Có chánh kiến cũng là chánh trí: Nghĩa là nhãn vô lậu và tận trí, vô sinh trí không gồm thân ý thức tương ứng với tuệ thiện. 4. Có không phải là chánh kiến cũng không phải là chánh trí: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Chánh kiến gồm thân chánh trí hay là chánh trí gồm thân chánh kiến?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có chánh kiến không phải chánh trí gồm thân: Nghĩa là nhãn vô lậu. 2. Có chánh trí không phải chánh kiến gồm thân: Nghĩa là năm thức tương ứng với tuệ thiện và tận trí, vô sinh trí. 3. Có chánh kiến cũng gồm thân chánh trí: Nghĩa là nhãn vô lậu, tận trí, vô sinh trí không gồm thân ý thức tương ứng với tuệ thiện. 4. Có không phải là chánh kiến cũng không phải là chánh trí gồm thân: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Thành tựu chánh kiến là thành tựu chánh trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu chánh trí là thành tựu chánh kiến chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các chánh kiến đã đoạn, đã nhận biết khắp, là chánh trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu chánh trí đã đoạn, đã nhận biết khắp, là chánh kiến chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Các tuệ không chính đáng đều là kiết chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có tuệ không chính đáng không phải là kiết: Nghĩa là trừ hai kiết, còn lại là tuệ nhiễm ô. 2. Có kiết không phải là tuệ không chính đáng: Nghĩa là bảy kiết. 3. Có tuệ không chính đáng cũng là kiết: Nghĩa là hai kiết. 4. Có không phải là tuệ không chính đáng cũng không phải là kiết: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

*

Hỏi: Thế nào là kiến học (kiến hữu học)?

Đáp: Là tuệ học.

Hỏi: Thế nào là trí học (trí hữu học)?

Đáp: Là tám trí học.

Hỏi: Thế nào là tuệ học (tuệ hữu học)?

Đáp: Là kiến học, trí học, gọi chung là tuệ học.

Hỏi: Các kiến học là trí học chăng?

Đáp: Các trí học cũng là kiến học. Có kiến học không phải là trí học: Nghĩa là nhãn vô lậu.

Hỏi: Các kiến học là tuệ học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu là tuệ học thì đó là kiến học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các trí học là tuệ học chăng?

Đáp: Các trí học cũng là tuệ học. Có tuệ học không phải là trí học: Nghĩa là nhãn vô lậu.

Hỏi: Kiến học gồm thâm trí học hay trí học gồm thâm kiến học?

Đáp: Kiến học gồm thâm trí học, không phải trí học gồm thâm kiến học. Những gì không gồm thâm? Là nhãn vô lậu.

Hỏi: Kiến học gồm thâm tuệ học hay tuệ học gồm thâm kiến học?

Đáp: Lần lượt gồm thâm cùng nhau.

Hỏi: Trí học gồm thâm tuệ học hay tuệ học gồm thâm trí học?

Đáp: Tuệ học gồm thâm trí học, không phải trí học gồm thâm tuệ học. Những gì không gồm thâm? Là nhãn vô lậu.

Hỏi: Thành tựu kiến học là thành tựu trí học chăng?

Đáp: Thành tựu trí học cũng là thành tựu kiến học. Có thành tựu kiến học không phải là thành tựu trí học: Nghĩa là khổ pháp trí, nhãn khi hiện ở trước.

Hỏi: Thành tựu kiến học là thành tựu tuệ học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu tuệ học là thành tựu kiến học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Thành tựu trí học là thành tựu tuệ học chăng?

Đáp: Thành tựu trí học cũng là thành tựu tuệ học. Có thành tựu tuệ học không phải là thành tựu trí học: Nghĩa là khổ pháp trí, nhãn khi hiện ở trước.

Hỏi: Thế nào là kiến vô học?

Đáp: Là tận trí, vô sinh trí không gồm thâm tuệ vô học.

Hỏi: Thế nào là trí vô học?

Đáp: Là tám trí vô học.

Hỏi: Thế nào là tuệ vô học?

Đáp: Là kiến vô học, trí vô học, gọi chung là tuệ vô học.

Hỏi: Các kiến vô học là trí vô học chăng?

Đáp: Các kiến vô học cũng là trí vô học. Có trí vô học không phải là kiến vô học: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí.

Hỏi: Các kiến vô học là tuệ vô học chăng?

Đáp: Các kiến vô học cũng là tuệ vô học. Có tuệ vô học không phải là kiến vô học: Nghĩa là tận trí, vô sinh trí.

Hỏi: Các trí vô học là tuệ vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu là tuệ vô học thì đó là trí vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Kiến vô học gồm thâm trí vô học hay trí vô học gồm thâm kiến vô học?

Đáp: Trí vô học gồm thâm kiến vô học, không phải kiến vô học gồm thâm trí vô học. Những gì không gồm thâm? Là tận trí, vô sinh trí.

Hỏi: Kiến vô học gồm thâm tuệ vô học hay tuệ vô học gồm thâm kiến vô học?

Đáp: Tuệ vô học gồm thâm kiến vô học, không phải kiến vô học gồm thâm tuệ vô học. Những gì không gồm thâm? Là tận trí, vô sinh trí.

Hỏi: Trí vô học gồm thâm tuệ vô học hay tuệ vô học gồm thâm trí vô học?

Đáp: Lần lượt gồm thâm lẫn nhau.

Hỏi: Thành tựu kiến vô học là thành tựu trí vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu trí vô học là thành tựu kiến vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Thành tựu kiến vô học là thành tựu tuệ vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu tuệ vô học là thành tựu kiến vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Thành tựu trí vô học là thành tựu tuệ vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu tuệ vô học là thành tựu trí vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Thế nào là kiến phi học phi vô học?

Đáp: Là nhãn căn nơi năm kiến, chánh kiến thế tục.

Hỏi: Thế nào là trí phi học phi vô học?

Đáp: Là năm thức tương ưng với tuệ và ý thức tương ưng với tuệ hữu lậu.

Hỏi: Thế nào là tuệ phi học phi vô học?

Đáp: Là năm thức tương ưng với tuệ và ý thức tương ưng với tuệ hữu lậu.

Hỏi: Các kiến phi học phi vô học là trí phi học phi vô học chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có kiến phi học phi vô học không phải là trí phi học phi vô học: Nghĩa là nhãn căn. 2. Có trí phi học phi vô học không phải là kiến phi học phi vô học: Nghĩa là năm thức tương ứng với tuệ và trừ năm kiến, chánh kiến thế tục, còn lại là ý thức tương ứng với tuệ hữu lậu. 3. Có kiến phi học phi vô học cũng là trí phi học phi vô học: Nghĩa là năm kiến, chánh kiến thế tục. 4. Có không phải là kiến phi học phi vô học cũng không phải là trí phi học phi vô học: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Các kiến phi học phi vô học là tuệ phi học phi vô học chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có kiến phi học phi vô học không phải là tuệ phi học phi vô học: Nghĩa là nhãn căn. 2. Có tuệ phi học phi vô học không phải là kiến phi học phi vô học: Nghĩa là năm thức tương ứng với tuệ và trừ năm kiến, chánh kiến thế tục, còn lại là ý thức tương ứng với tuệ hữu lậu. 3. Có kiến phi học phi vô học cũng là tuệ phi học phi vô học: Nghĩa là năm kiến, chánh kiến thế tục. 4. Có không phải là kiến phi học phi vô học cũng không phải là tuệ phi học phi vô học: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Các trí phi học phi vô học là tuệ phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu là tuệ phi học phi vô học thì đó là trí phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Kiến phi học phi vô học gồm thân trí phi học phi vô học hay là trí phi học phi vô học gồm thân kiến phi học phi vô học?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có kiến phi học phi vô học không phải gồm thân trí phi học phi vô học: Nghĩa là nhãn căn. 2. Có trí phi học phi vô học không phải gồm thân kiến phi học phi vô học:

Nghĩa là năm thức tương ứng với tuệ, và trừ năm kiến, chánh kiến thế tục, còn lại là ý thức tương ứng với tuệ hữu lậu. 3. Có kiến phi học phi vô học cũng gồm thâm trí phi học phi vô học: Nghĩa là năm kiến, chánh kiến thế tục. 4. Có không phải kiến phi học phi vô học cũng không phải gồm thâm trí phi học phi vô học: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Kiến phi học phi vô học gồm thâm tuệ phi học phi vô học hay là tuệ phi học phi vô học gồm thâm kiến phi học phi vô học?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có kiến phi học phi vô học không phải gồm thâm tuệ phi học phi vô học: Nghĩa là nhãn căn. 2. Có tuệ phi học phi vô học không phải gồm thâm kiến phi học phi vô học: Nghĩa là năm thức tương ứng với tuệ, và trừ năm kiến, chánh kiến thế tục, còn lại là ý thức tương ứng với tuệ hữu lậu. 3. Có kiến phi học phi vô học cũng gồm thâm tuệ phi học phi vô học: Nghĩa là năm kiến, chánh kiến thế tục. 4. Có không phải kiến phi học phi vô học cũng không phải gồm thâm tuệ phi học phi vô học: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Trí phi học phi vô học gồm thâm tuệ phi học phi vô học hay là tuệ phi học phi vô học gồm thâm trí phi học phi vô học?

Đáp: Lần lượt gồm thâm cùng nhau.

Hỏi: Thành tựu kiến phi học phi vô học là thành tựu trí phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu trí phi học phi vô học là thành tựu kiến phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Thành tựu kiến phi học phi vô học là thành tựu tuệ phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu tuệ phi học phi vô học là thành tựu kiến phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Thành tựu trí phi học phi vô học là thành tựu tuệ phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu tuệ phi học phi vô học là thành tựu trí phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các kiến phi học phi vô học đã đoạn, đã nhận biết khắp, là trí phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu trí phi học phi vô học đã đoạn, đã nhận biết khắp, là kiến phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các kiến phi học phi vô học đã đoạn, đã nhận biết khắp, là tuệ phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tuệ phi học phi vô học đã đoạn, đã nhận biết khắp, là kiến phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các trí phi học phi vô học đã đoạn, đã nhận biết khắp, là tuệ phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tuệ phi học phi vô học đã đoạn, đã nhận biết khắp, là trí phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Như Đại Phạm thiên nói như vậy: “Ta là Phạm, là Đại Phạm, được tự tại. Ta đối với thế gian có thể tạo tác, biến hóa, có thể xuất sinh, là cha của thế gian”.

Như thế đối với năm kiến, thuộc về kiến nào, do kiến đế nào đoạn trừ?

Đáp: Ta là Phạm, là Đại Phạm, được tự tại: Nghĩa là cho pháp kém là hơn, là thuộc về kiến thủ, do kiến khổ đoạn.

Ta đối với thế gian có thể tạo tác, biến hóa, có thể xuất sinh, là cha của thế gian: Nghĩa là không phải nhân cho là nhân, là thuộc về giới cầm thủ, do kiến khổ đoạn.

Như Phạm Chúng thiên nói như vậy: “Đây là Phạm, là Đại Phạm, được tự tại. Đây đối với thế gian có thể tạo tác, biến hóa, có thể xuất sinh, là cha của chúng ta”.

Như thế đối với năm kiến, thuộc về kiến nào, do kiến đế nào đoạn trừ?

Đáp: Đây là Phạm, là Đại Phạm, được tự tại: Nghĩa là cho pháp kém là hơn, là thuộc về kiến thủ, do kiến khổ đoạn.

Đây đối với thế gian có thể tạo tác, biến hóa, có thể xuất sinh, là cha của chúng ta: Nghĩa là không phải nhân chấp là nhân, là thuộc về giới cầm thủ, do kiến khổ đoạn.

*

Các kẻ khởi kiến này: Ta, tất cả đều nhận. Như thế đối với năm kiến, thuộc về kiến nào, do kiến đế nào đoạn trừ?

Đáp: Là thuộc về thường kiến trong biên chấp kiến, do kiến khổ đoạn.

Các kẻ khởi kiến này: Ta, tất cả đều không nhận. Như vậy đối với năm kiến, thuộc về kiến nào, do kiến đế nào đoạn trừ?

Đáp: Là thuộc về đoạn kiến trong biên chấp kiến, do kiến khổ đoạn.

Các kẻ khởi kiến này: Ta, một phần nhận, một phần không nhận. Như vậy đối với năm kiến, thuộc về kiến nào, do kiến đế nào đoạn trừ?

Đáp: Một phần nhận: Là thuộc về thường kiến trong biên chấp kiến. Một phần không nhận: Là thuộc về đoạn kiến trong biên chấp kiến, đều do kiến khổ đoạn.

*

Các kẻ khởi kiến này: Có A-la-hán bị thiên ma quấy nhiễu, lậu bất tịnh hiện bày. Kiến này thuộc về kiến nào trong năm kiến, do kiến đế nào đoạn trừ?

Đáp: Không phải nhân chấp là nhân, thuộc về giới cấm thủ, do kiến khổ đoạn.

Các kẻ khởi kiến này: Có A-la-hán nơi tự giải thoát, cũng còn có không biết. Kiến này thuộc về kiến nào trong năm kiến, do kiến đế nào đoạn trừ?

Đáp: Là nói không đúng về trí kiến vô lậu của các A-la-hán, thuộc về tà kiến, do kiến đạo đoạn.

Các kẻ khởi kiến này: Có A-la-hán nơi tự giải thoát, cũng còn có nghi hoặc. Kiến này thuộc về kiến nào trong năm kiến, do kiến đế nào đoạn trừ?

Đáp: Là nói không đúng về sự vượt qua nghi hoặc của các A-la-hán, thuộc về tà kiến, do kiến đạo đoạn.

Các kẻ khởi kiến này: Có A-la-hán chỉ do người khác hóa độ. Kiến này thuộc về kiến nào trong năm kiến, do kiến đế nào đoạn trừ?

Đáp: Là nói không đúng về các A-la-hán không có chương ngại, chống trái, tuệ nhãn hiện lượng, thân chứng tự tại, thuộc về tà kiến, do kiến đạo đoạn.

*

Các kẻ khởi kiến này: Đạo và đạo chi, hoặc cho chỉ là tên gọi. Kiến này thuộc về kiến nào trong năm kiến, kiến đế nào đoạn trừ?

Đáp: Không phải nhân chấp là nhân, thuộc về giới cấm thủ, do kiến khổ đoạn.

HẾT - QUYỂN 7

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 8

Chương 3: TRÍ UẨN

Phẩm 3: BÀN VỀ THA TÂM TRÍ

Tụng nêu chung:

*Hai trí, hai giải thoát
Minh trí, ba chứng tịnh
Điên đảo cùng trì tu
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Thế nào là Tha tâm trí?

Đáp: Nếu trí do tu thành, là quả của tu, nương dựa nơi tu, đã được không mất, có thể nhận biết về tâm tâm sở pháp nối tiếp của người khác, hiện ở nơi cõi Dục, cõi Sắc, hoặc tâm tâm sở pháp vô lậu. Đó gọi là tha tâm trí.

Hỏi: Thế nào là Trí túc trụ tùy niệm?

Đáp: Nếu trí do tu thành, là quả của tu, nương dựa nơi tu, đã được không mất, có thể theo sự nhớ nghĩ, nhận biết về các sự việc của đời trước với vô số thứ tướng trạng và ngôn thuyết. Đó gọi là trí túc trụ tùy niệm.

Hỏi: Các tha tâm trí đều hiện nhận biết tâm tâm sở pháp của người khác chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có tha tâm trí không phải là hiện nhận biết tâm tâm sở pháp của người khác: Nghĩa là tha tâm trí quá khứ, vị lai. 2. Có hiện nhận biết tâm tâm sở pháp của người khác, không phải là tha tâm trí: Nghĩa là như có một người, hoặc xem tướng, hoặc nghe lời nói, hoặc có thể ở xứ sinh như thế đạt được trí, có khả năng nhận biết tâm tâm sở pháp của người khác. 3. Có tha tâm trí cũng là hiện nhận biết tâm tâm sở pháp của người khác: Nghĩa là như trí do tu thành, là quả của tu, nương dựa nơi tu, đã được không mất, có thể hiện nhận biết tâm tâm sở pháp hiện tại nơi cõi Dục, cõi Sắc của người khác, hoặc tâm tâm sở pháp vô lậu. 4. Không phải là tha tâm trí cũng không phải là hiện nhận biết tâm tâm sở pháp của người khác: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Các trí túc trụ tùy niệm đều hiện nhớ biết các sự việc ở đời trước chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có trí túc trụ tùy niệm không phải là hiện nhớ biết các sự việc ở đời trước: Nghĩa là trí túc trụ tùy niệm quá khứ, vị lai. 2. Có sự hiện nhớ biết các sự việc ở đời trước không phải là trí túc trụ tùy niệm: Nghĩa là như có một người, được tự tánh niệm sinh trí, hoặc có thể ở xứ sinh như thế đạt được trí có thể hiện nhớ biết các sự việc ở đời trước. 3. Có trí túc trụ tùy niệm cũng là hiện nhớ biết các sự việc ở đời trước: Nghĩa là như trí do tu thành, là quả của tu, nương dựa nơi tu, đã được không mất, có thể hiện nhớ biết các sự việc của đời trước với vô số thứ tướng trạng và ngôn thuyết. 4. Không phải là trí túc trụ tùy niệm cũng không phải là hiện nhớ biết các sự việc ở đời trước: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Các trí túc trụ tùy niệm đều nhận biết tâm nối tiếp nơi uẩn, xứ, giới quá khứ của người khác chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có trí túc trụ tùy niệm không phải nhận biết tâm nối tiếp nơi uẩn, xứ, giới quá khứ của người khác: Nghĩa là như trí do tu thành, là quả của tu, nương dựa nơi tu, đã được không mất, nhận biết tâm nối tiếp của uẩn, xứ, giới quá khứ nơi đời trước của mình. 2. Có nhận biết tâm nối tiếp nơi uẩn, xứ, giới quá khứ của người khác không phải là trí túc trụ tùy niệm: Nghĩa là như trí do tu thành, là quả của tu, nương dựa nơi tu, đã được không mất, nhận biết tâm nối tiếp nơi uẩn, xứ, giới quá khứ thuộc đời này của người khác. 3. Có trí túc trụ tùy niệm cũng là nhận biết tâm nối tiếp nơi uẩn, xứ, giới quá khứ của người khác: Nghĩa là như trí do tu thành, là quả của tu, nương dựa nơi tu, đã được không mất, nhận biết tâm nối tiếp nơi uẩn, xứ, giới quá khứ thuộc đời trước của người khác. 4. Không phải là trí túc trụ tùy niệm cũng không phải nhận biết tâm nối tiếp nơi uẩn, xứ, giới quá khứ của người khác: Nghĩa là như trí do tu thành, là quả của tu, nương dựa nơi tu, đã được không mất, nhận biết tâm nối tiếp nơi uẩn, xứ, giới quá khứ thuộc đời này của mình.

*

Hỏi: Thế nào là Tâm ái thời giải thoát?

Đáp: Là tận trí của A-la-hán thời giải thoát, hoặc tâm tương ưng với chánh kiến vô học, đạt thắng giải, đã thắng giải, sẽ thắng giải. Đó gọi là tâm ái thời giải thoát.

Hỏi: Thế nào là Tâm bất động giải thoát?

Đáp: Là trí tận, trí vô sinh của A-la-hán nơi pháp bất động, hoặc tâm tương ưng với chánh kiến vô học, đạt thắng giải, đã thắng giải, sẽ thắng giải. Đó gọi là tâm bất động giải thoát.

Hỏi: Các tâm ái thời giải thoát đều tương ưng với tận trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có tâm ái thời giải thoát không phải tương ưng với tận trí: Nghĩa là A-la-hán thời giải thoát có tâm tương ưng với chánh kiến vô học, đạt thắng giải, đã thắng giải, sẽ

thắng giải. 2. Có tương ưng với tận trí không phải là tâm ái thời giải thoát: Nghĩa là A-la-hán của pháp bất động có tâm tương ưng với tận trí, đạt thắng giải, đã thắng giải, sẽ thắng giải. 3. Có tâm ái thời giải thoát cũng tương ưng với tận trí: Nghĩa là A-la-hán thời giải thoát có tâm tương ưng với tận trí, đạt thắng giải, đã thắng giải, sẽ thắng giải. 4. Có không phải tâm ái thời giải thoát cũng không phải tương ưng với tận trí: Nghĩa là trí vô sinh của A-la-hán nơi pháp bất động, hoặc tâm tương ưng với chánh kiến vô học, đạt thắng giải, đã thắng giải, sẽ thắng giải.

Hỏi: Các tâm bất động giải thoát đều tương ưng với trí vô sinh chăng?

Đáp: Các pháp tương ưng của trí vô sinh đều là tâm bất động giải thoát. Có tâm bất động giải thoát không phải tương ưng với trí vô sinh: Nghĩa là tận trí của bậc A-la-hán nơi pháp bất động, hoặc tâm tương ưng với chánh kiến vô học, đạt thắng giải, đã thắng giải, sẽ thắng giải.

Hỏi: Do đâu tâm thời giải thoát gọi là ái?

Đáp: Là do A-la-hán thời giải thoát luôn đối với pháp này ân cần gìn giữ, như yêu mến của báu luôn cầm chứa, chớ khiến mình gặp duyên thoái mất pháp ấy, như người một mắt tự mình và bạn thân hết sức gìn giữ, chớ khiến gặp phải các duyên như lạnh, nóng, bụi, sương mù, có thể khiến cho một mắt này lại bị hoại mất. Pháp của A-la-hán kia cũng như thế, nên gọi là ái.

*

Hỏi: Thế nào là minh học?

Đáp: Là tuệ học (tuệ hữu học).

Hỏi: Thế nào là trí học?

Đáp: Là tám trí học.

Hỏi: Thế nào là minh vô học?

Đáp: Là tuệ vô học.

Hỏi: Thế nào là trí vô học?

Đáp: Là tám trí vô học.

*

Hỏi: Lúc hiện quán đế, đối với đầu tiên nào đạt được chứng tịnh, là Phật, Pháp hay Tăng?

Đáp: Lúc hiện quán về khổ, tập, diệt, đối với Pháp là đầu tiên đạt được chứng tịnh. Lúc hiện quán đạo, đối với Phật, Pháp, Tăng đều là đầu tiên đạt được chứng tịnh.

*

Hỏi: Các người Dự lưu đối với bốn điên đảo, có bao nhiêu thứ đã đoạn, bao nhiêu thứ chưa đoạn?

Đáp: Tất cả đã đoạn.

*

Hỏi: Các người Dự lưu đối với ba Tam-ma-địa: không, vô nguyện, vô tướng được thành tựu, có bao nhiêu thứ là quá khứ, vị lai, hiện tại?

Đáp: Tất cả là vị lai, quá khứ nếu đã diệt thì không mất, hiện tại nếu hiện ở trước.

*

Hỏi: Các đạo quá khứ đều đã tu, đã dứt chướng?

Đáp: Các đạo quá khứ đều đã tu, đã dứt. Có đạo đã tu, đã dứt không phải là quá khứ: Nghĩa là đạo vị lai đã tu, đã dứt.

Hỏi: Các đạo vị lai đều chưa tu, đã dứt chằng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có đạo vị lai không phải là chưa tu, đã dứt: Nghĩa là đạo vị lai đã tu, đã dứt. 2. Có đạo chưa tu, đã dứt, không phải là vị lai: Nghĩa là đạo chưa từng được đầu tiên hiện ở trước. 3. Có đạo vị lai cũng là chưa tu, đã dứt: Nghĩa là đạo vị lai chưa tu đã dứt. 4. Có đạo không phải là vị lai cũng không phải là chưa tu, đã dứt: Nghĩa là đạo quá khứ và đạo từng đạt được, nay đang hiện ở trước.

Hỏi: Các đạo hiện tại đều là đang tu chằng?

Đáp: Các đạo hiện tại đều là đang tu. Có đạo đang tu không phải là hiện tại: Nghĩa là đạo chưa từng được đầu tiên hiện ở trước, chỗ tu nơi vị lai là chủng loại của đạo kia.

Phẩm 4: BÀN VỀ TU TRÍ, phần 1

Tụng nêu chung:

*Tám trí gồm thành tu
Tướng duyên duyên đoạn chứng
Trí biết tướng bẫy thiện
Chương này xin nói đủ.*

Gồm có tám trí: Đó là pháp trí, loại trí, tha tâm trí, thế tục trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí.

*

Hỏi: Thế nào là pháp trí?

Đáp: Là trí vô lậu hiện có đối với các hành nơi cõi Dục nhận biết: nhân các hành, diệt các hành, đạo có thể đoạn các hành. Lại, đối

với pháp trí và cảnh giới của pháp trí, là trí vô lậu hiện có. Đó gọi là pháp trí.

Hỏi: Thế nào là loại trí?

Đáp: Là trí vô lậu hiện có đối với các hành nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc nhận biết: nhân các hành, diệt các hành, đạo có thể đoạn các hành. Lại, đối với loại trí và cảnh giới của loại trí, là trí vô lậu hiện có. Đó gọi là loại trí.

Hỏi: Thế nào là tha tâm trí?

Đáp: Nếu trí là quả của tu, nhận biết tâm tâm sở pháp hiện tại của người khác.

Hỏi: Thế nào là thế tục trí?

Đáp: Là tuệ hữu lậu của ba cõi.

Hỏi: Thế nào là khô trí?

Đáp: Là trí đối với các hành, tạo chuyển các hành tướng vô thường, khổ, không, vô ngã.

Hỏi: Thế nào là tập trí?

Đáp: Là trí đối với nhân của các hành, tạo chuyển các hành tướng nhân tập sinh duyên.

Hỏi: Thế nào là diệt trí?

Đáp: Là trí đối với các hành diệt, tạo chuyển các hành tướng diệt, tĩnh, diệu, ly.

Hỏi: Thế nào là đạo trí?

Đáp: Là trí đối với đạo đối trị của các hành tạo chuyển các hành tướng đạo, như, hành, xuất.

Hỏi: Pháp trí cho đến đạo trí, ở trong tám trí, mỗi mỗi trí gồm thâu bao nhiêu?

Đáp: Pháp trí gồm thâu pháp trí và phần ít của năm trí: Là tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí.

Loại trí gồm thâu loại trí và phần ít của năm trí: Là tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí.

Tha tâm trí gồm thâu tha tâm trí và phần ít của bốn trí: Là pháp trí, loại trí, đạo trí, thế tục trí.

Thế tục trí gồm thâu thế tục trí và phần ít của tha tâm trí.

Khổ trí gồm thâu khổ trí và phần ít của hai trí: Là pháp trí, loại trí.

Tập trí gồm thâu tập trí và phần ít của hai trí: Là pháp trí, loại trí.

Diệt trí gồm thâu diệt trí và phần ít của hai trí: Là pháp trí, loại trí.

Đạo trí gồm thâu đạo trí và phần ít của ba trí: Là pháp trí, loại trí, tha tâm trí.

*

Hỏi: Nếu pháp trí đã thành tựu, đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám. Nghĩa là khi đạt khổ pháp trí, khổ loại trí hẳn, không có tha tâm trí thì thành tựu ba, có tha tâm trí thì thành tựu bốn. Khi đạt khổ loại trí, tập pháp trí hẳn, không có tha tâm trí thì thành tựu bốn, có tha tâm trí thì thành tựu năm. Khi đạt tập pháp trí cho đến diệt pháp trí hẳn, không có tha tâm trí thì thành tựu năm, có tha tâm trí thì thành tựu sáu. Khi đạt diệt pháp trí cho đến đạo pháp trí hẳn, không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy. Khi đạt đạo pháp trí cho đến đạo loại trí, không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám.

Hỏi: Nếu loại trí đã thành tựu, đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc bốn, năm, sáu, bảy, tám. Nghĩa là khi đạt khổ loại trí, tập pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu bốn, có tha tâm trí thì thành tựu năm. Khi đạt tập pháp trí cho đến diệt pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu năm, có tha tâm trí thì thành tựu sáu. Khi đạt diệt pháp trí cho đến đạo pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy. Khi đạt đạo pháp trí cho đến đạo loại trí, không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám.

Hỏi: Nếu tha tâm trí đã thành tựu, đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc hai, bốn, năm, sáu, bảy, tám. Nghĩa là phàm phu và Thánh giả, khi đạt khổ pháp trí nhãn thì thành tựu hai. Khi đạt khổ pháp trí, khổ loại trí nhãn thì thành tựu bốn. Khi đạt khổ loại trí, tập pháp trí nhãn thì thành tựu năm. Khi đạt tập pháp trí cho đến diệt pháp trí nhãn thì thành tựu sáu. Khi đạt diệt pháp trí cho đến đạo pháp trí nhãn thì thành tựu bảy. Khi đạt đạo pháp trí cho đến đạo loại trí thì thành tựu tám.

Hỏi: Nếu thế tục trí đã thành tựu, đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám. Nghĩa là phàm phu và Thánh giả, khi đạt khổ pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu một, có tha tâm trí thì thành tựu hai. Khi đạt khổ pháp trí, khổ loại trí nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu ba, có tha tâm trí thì thành tựu bốn. Khi đạt khổ loại trí, tập pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu bốn, có tha tâm trí thì thành tựu năm. Khi đạt tập pháp trí cho đến diệt pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu năm, có tha tâm trí thì thành tựu sáu. Khi đạt diệt pháp trí cho đến

đạo pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy. Khi đạt đạo pháp trí cho đến đạo loại trí, không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám.

Hỏi: Nếu khổ trí đã thành tựu, đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám. Nghĩa là khi đạt khổ pháp trí, khổ loại trí nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu ba, có tha tâm trí thì thành tựu bốn. Khi đạt khổ loại trí, tập pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu bốn, có tha tâm trí thì thành tựu năm. Khi đạt tập pháp trí cho đến diệt pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu năm, có tha tâm trí thì thành tựu sáu. Khi đạt diệt pháp trí cho đến đạo pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy. Khi đạt đạo pháp trí cho đến đạo loại trí, không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám.

Hỏi: Nếu tập trí đã thành tựu, đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc năm, sáu, bảy, tám. Nghĩa là khi đạt tập pháp trí cho đến diệt pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu năm, có tha tâm trí thì thành tựu sáu. Khi đạt diệt pháp trí cho đến đạo pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy. Khi đạt đạo pháp trí cho đến đạo loại trí, không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám.

Hỏi: Nếu diệt trí đã thành tựu, đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc sáu, bảy, tám. Nghĩa là khi đạt diệt pháp trí cho đến đạo pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì thành tựu sáu, có tha tâm trí thì thành tựu bảy. Khi đạt đạo pháp trí cho đến đạo loại trí, không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám.

Hỏi: Nếu đạo trí đã thành tựu, đối với tám trí này, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Hoặc bảy, tám. Nghĩa là không có tha tâm trí thì thành tựu bảy, có tha tâm trí thì thành tựu tám.

*

Hỏi: Nếu tu pháp trí cũng là tu loại trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu pháp trí không phải tu loại trí: Nghĩa là khi khổ, tập, diệt, đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được pháp trí hiện ở trước.

2. Có tu loại trí không phải tu pháp trí: Nghĩa là khi khổ, tập, diệt loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được loại trí hiện ở trước.

3. Có tu pháp trí cũng là tu loại trí: Nghĩa là khi đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu pháp trí cũng không phải tu loại trí: Nghĩa là A-la-hán học kiến tích lúc đã được thể tục trí hiện ở trước, hoặc lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều không cùng tu. Tất cả phàm phu với tâm nhiễm ô, tâm vô ký, khi có nhãn vô lậu nơi định vô tưởng, nơi định diệt tận, nơi trời Vô tưởng.

Hỏi: Nếu tu pháp trí cũng là tu tha tâm trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu pháp trí không phải tu tha tâm trí: Nghĩa là khi khổ, tập, diệt, đạo pháp trí nhập hiện quán, là người chưa lìa nhiễm dục. Khi đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được pháp trí hiện ở trước, không phải là tha tâm trí, lúc chưa được trí vô

lậu hiện ở trước, không tu tha tâm trí, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, tu pháp trí không phải tha tâm trí.

2. Có tu tha tâm trí không phải tu pháp trí: Nghĩa là phạm phu lúc đã được, chưa được tha tâm trí hiện ở trước, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đã tu tha tâm trí. A-la-hán học kiến tích lúc đã được tha tâm trí hiện ở trước, không phải là pháp trí.

3. Có tu pháp trí cũng là tu tha tâm trí: Nghĩa là đã lìa nhiễm dục, khi đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được pháp trí hiện ở trước, là tha tâm trí, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, tu tha tâm trí, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, là có thể cùng tu.

4. Không phải tu pháp trí cũng không phải tu tha tâm trí: Nghĩa là khi khở, tập, diệt loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là pháp trí, tha tâm trí, lúc đã được thể tục trí hiện ở trước, không phải là tha tâm trí, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều cùng không tu. Tức khi phạm phu không tu tha tâm trí, tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký, khi có nhẫn vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu pháp trí cũng là tu thể tục trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu pháp trí không phải tu thể tục trí: Nghĩa là khi khở, tập, diệt, đạo pháp trí, đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được pháp trí hiện ở trước, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, lúc không tu thể tục trí.

2. Có tu thể tục trí không phải tu pháp trí: Nghĩa là các phạm phu khi đã được, chưa được thể tục trí hiện ở trước, lúc khở, tập, diệt loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được thể tục trí hiện ở trước, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, không tu pháp trí.

3. Có tu pháp trí cũng là tu thể tục trí: Nghĩa là A-la-hán học kiến tích lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước là tu thể tục trí, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước là tu pháp trí.

4. Không phải tu pháp trí cũng không phải tu thể tục trí: Nghĩa là A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải pháp trí, tất cả là tâm nhiệm ô, tâm vô ký khi có nhãn vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu pháp trí cũng là tu khổ trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu pháp trí không phải tu khổ trí: Nghĩa là khi tập, diệt, đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được pháp trí hiện ở trước, không phải khổ trí.

2. Có tu khổ trí không phải tu pháp trí: Nghĩa là khi khổ loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được khổ trí hiện ở trước, không phải pháp trí.

3. Có tu pháp trí cũng là tu khổ trí: Nghĩa là khi khổ pháp trí cùng đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được khổ pháp trí hiện ở trước, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước và lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu pháp trí cũng không phải tu khổ trí: Nghĩa là khi tập, diệt loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải pháp trí khổ trí lúc đã được thể tục trí hiện ở trước, hoặc lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, khi không tu pháp trí khổ trí. Tất cả tâm nhiệm ô, tâm vô ký của phàm phu, khi có nhãn vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu pháp trí cũng là tu tập trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu pháp trí không phải tu tập trí: Nghĩa là khi khổ, diệt, đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được pháp trí hiện ở trước, không phải là tập trí.

2. Có tu tập trí không phải tu pháp trí: Nghĩa là khi tập loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được tập trí hiện ở trước, không phải là pháp trí.

3. Có tu pháp trí cũng là tu tập trí: Nghĩa là khi tập pháp trí, đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được tập pháp trí hiện ở trước, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, chưa được thể tục trí hiện ở trước, tu pháp trí tập trí.

4. Không phải tu pháp trí cũng không phải tu tập trí: Nghĩa là khi khổ, diệt loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là pháp, tập trí, lúc đã được thể tục trí hiện ở trước, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều không tu pháp, tập trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của phàm phu, khi có nhân vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu pháp trí cũng là tu diệt trí chẳng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu pháp trí không phải tu diệt trí: Nghĩa là khi khổ, tập, đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được pháp trí hiện ở trước, không phải là diệt trí.

2. Có tu diệt trí không phải tu pháp trí: Nghĩa là khi diệt loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được diệt trí hiện ở trước, không phải là pháp trí.

3. Có tu pháp trí cũng là tu diệt trí: Nghĩa là khi diệt pháp trí, đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được diệt pháp trí hiện ở trước, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu pháp trí cũng không phải tu diệt trí: Nghĩa là khi khổ, tập loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là pháp diệt trí, lúc đã được thể tục trí hiện ở trước, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều cùng không tu. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của phàm phu, khi có nhân vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu pháp trí cũng là tu đạo trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu pháp trí không phải tu đạo trí: Nghĩa là khi khổ, tập, diệt pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được pháp trí hiện ở trước, không phải là đạo trí.

2. Có tu đạo trí không phải tu pháp trí: Nghĩa là A-la-hán học kiến tích lúc đã được đạo trí hiện ở trước, không phải là pháp trí.

3. Có tu pháp trí cũng là tu đạo trí: Nghĩa là khi đạo pháp trí, đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được đạo pháp trí hiện ở trước, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu pháp trí cũng không phải tu đạo trí: Nghĩa là khi khổ, tập, diệt loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là pháp đạo trí, lúc đã được thể tục trí hiện ở trước, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều cùng không tu. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của phàm phu, khi có nhân vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

*

Hỏi: Nếu tu loại trí cũng là tu tha tâm trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu loại trí không phải tu tha tâm trí: Nghĩa là khi khở, tập, diệt loại trí nhập hiện quán, là người chưa lìa nhiễm dục, lúc đạt đạo loại trí, là A-la-hán học kiến tích, lúc đã được loại trí hiện ở trước, không phải là tha tâm trí, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, không tu tha tâm trí, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, tu loại trí, không phải là tha tâm trí.

2. Có tu tha tâm trí không phải tu loại trí: Nghĩa là phạm phu khi đã được, chưa được tha tâm trí hiện ở trước, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, tu tha tâm trí, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được tha tâm trí hiện ở trước, không phải là loại trí.

3. Có tu loại trí cũng là tu tha tâm trí : Nghĩa là người đã lìa nhiễm dục, khi đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được loại trí hiện ở trước là tha tâm trí, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, tu tha tâm trí, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu loại trí cũng không phải tu tha tâm trí: Nghĩa là khi khở, tập, diệt, đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là loại trí, tha tâm trí, khi đã được thể tục trí hiện ở trước, không phải là tha tâm trí, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều cùng không tu. Khi phạm phu không tu tha tâm trí, tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký, khi có nhãn vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu loại trí cũng là tu thể tục trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu loại trí không phải tu thể tục trí: Nghĩa là khi đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được loại trí hiện ở trước, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, không tu thể tục trí.

2. Có tu thể tục trí không phải tu loại trí: Nghĩa là phạm phu khi đã được, chưa được thể tục trí hiện ở trước, A-la-hán học kiến tích,

lúc đã được thể tục trí hiện ở trước, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, không tu loại trí.

3. Có tu loại trí cũng là tu thể tục trí: Nghĩa là khi khổ, tập, diệt loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, tu thể tục trí, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, tu loại trí.

4. Không phải tu loại trí cũng không phải tu thể tục trí: Nghĩa là khi khổ, tập, diệt, đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là loại trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của phàm phu, khi có nhân vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu loại trí cũng là tu khổ trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu loại trí không phải tu khổ trí: Nghĩa là khi tập, diệt loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được loại trí hiện ở trước, không phải là khổ trí.

2. Có tu khổ trí không phải tu loại trí: Nghĩa là khi khổ pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được khổ trí hiện ở trước, không phải là loại trí.

3. Có tu loại trí cũng là tu khổ trí: Nghĩa là khi khổ đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được khổ loại trí hiện ở trước, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu loại trí cũng không phải tu khổ trí: Nghĩa là khi tập, diệt, đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là loại trí khổ trí, khi đã được thể tục trí hiện ở trước, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều cùng không tu. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của

phàm phu, khi có nhân vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu loại trí cũng là tu tập trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu loại trí không phải tu tập trí: Nghĩa là khi khở, diệt loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được loại trí hiện ở trước, không phải là tập trí.

2. Có tu tập trí không phải tu loại trí: Nghĩa là khi tập pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được tập trí hiện ở trước, không phải là loại trí.

3. Có tu loại trí cũng là tu tập trí: Nghĩa là khi tập, đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được tập loại trí hiện ở trước, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu loại trí cũng không phải tu tập trí: Nghĩa là khi khở, diệt, đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là loại trí tập trí, khi đã được thể tục trí hiện ở trước, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều cùng không tu. Tất cả là tâm nhiệm ô, tâm vô ký của phàm phu, khi có nhân vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu loại trí cũng là tu diệt trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu loại trí không phải tu diệt trí: Nghĩa là khi khở, tập loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được loại trí hiện ở trước, không phải là diệt trí.

2. Có tu diệt trí không phải tu loại trí: Nghĩa là khi diệt pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được diệt trí hiện ở trước, không phải là loại trí.

3. Có tu loại trí cũng là tu diệt trí: Nghĩa là khi diệt, đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được diệt loại trí hiện ở trước, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu loại trí cũng không phải tu diệt trí: Nghĩa là khi khổ, tập, đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là loại trí diệt trí, khi đã được thể tục trí hiện ở trước, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều cùng không tu. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của phàm phu, khi có nhãn vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu loại trí cũng là tu đạo trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu loại trí không phải tu đạo trí: Nghĩa là khi khổ, tập, diệt loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được loại trí hiện ở trước, không phải là đạo trí.

2. Có tu đạo trí không phải tu loại trí: Nghĩa là khi đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được đạo trí hiện ở trước, không phải là loại trí.

3. Có tu loại trí cũng là tu đạo trí: Nghĩa là khi đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được đạo loại trí hiện ở trước, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu loại trí cũng không phải tu đạo trí: Nghĩa là khi khổ, tập, diệt pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là loại trí, đạo trí, lúc đã được thể tục trí hiện ở trước, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều cùng không tu. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của phàm phu, khi có nhãn vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu tha tâm trí cũng là tu thể tục trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu tha tâm trí không phải tu thể tục trí: Nghĩa là người đã lìa nhiễm dục, khi đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được tha tâm trí hiện ở trước, không phải là thể tục trí, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, tu tha tâm trí, không phải là thể tục trí.

2. Có tu thể tục trí không phải tu tha tâm trí: Nghĩa là khi phàm phu không có tha tâm trí, đã được, chưa được thể tục trí hiện ở trước. Phàm phu có tha tâm trí khi đã được thể tục trí hiện ở trước, không phải là tha tâm trí, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, không tu tha tâm trí. Lúc khổ, tập, diệt loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được thể tục trí hiện ở trước, không phải là tha tâm trí. Lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, không tu tha tâm trí, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, tu thể tục trí, không phải là tha tâm trí.

3. Có tu tha tâm trí cũng là tu thể tục trí: Nghĩa là khi phàm phu đã được, chưa được tha tâm trí hiện ở trước, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, tu tha tâm trí. A-la-hán học kiến tích lúc đã được tha tâm trí, thể tục trí hiện ở trước, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, tu tha tâm trí, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu tha tâm trí cũng không phải tu thể tục trí: Nghĩa là khi khổ, tập, diệt, đạo pháp trí nhập hiện quán, là người chưa lìa nhiễm dục, khi đạo loại trí nhập hiện quán, là A-la-hán học kiến tích, lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là tha tâm trí, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, đều cùng không tu. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của phàm phu, khi có nhân vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu tha tâm trí cũng là tu khổ trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu tha tâm trí không phải tu khổ trí: Nghĩa là phạm phu khi đã được, chưa được tha tâm trí hiện ở trước, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, tu tha tâm trí, A-la-hán học kiến tích lúc đã được tha tâm trí hiện ở trước.

2. Có tu khổ trí không phải tu tha tâm trí: Nghĩa là khi khổ, pháp loại trí nhập hiện quán, là người chưa lìa nhiễm dục. Lúc đạo loại trí nhập hiện quán, là A-la-hán học kiến tích, lúc đã được khổ trí hiện ở trước, khi chưa được trí vô lậu hiện ở trước, không tu tha tâm trí, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, tu khổ trí, không phải là tha tâm trí.

3. Có tu tha tâm trí cũng là tu khổ trí: Nghĩa là người đã lìa nhiễm dục, khi đạo loại trí nhập hiện quán, là A-la-hán học kiến tích, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, tu tha tâm trí, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu tha tâm trí cũng không phải tu khổ trí: Nghĩa là khi tập, diệt, pháp loại trí, đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là tha tâm trí, khổ trí, lúc đã được thể tục trí hiện ở trước, không phải là tha tâm trí, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều không cùng tu. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của phạm phu, khi có nhân vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu tha tâm trí cũng là tu tập trí chẳng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu tha tâm trí không phải tu tập trí: Nghĩa là khi phạm phu đã được, chưa được tha tâm trí hiện ở trước, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước đã tu tha tâm trí và A-la-hán học kiến tích lúc đã được tha tâm trí hiện ở trước.

2. Có tu tập trí không phải tu tha tâm trí: Nghĩa là khi tập, pháp, loại trí nhập hiện quán, là người chưa lìa nhiễm dục, lúc đạo loại trí nhập hiện quán, là A-la-hán học kiến tích, lúc đã được tập trí hiện ở trước, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, không tu tha tâm trí, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, tu tập trí, không phải là tha tâm trí.

3. Có tu tha tâm trí cũng là tu tập trí: Nghĩa là người đã lìa nhiễm dục, khi đạo loại trí nhập hiện quán, là A-la-hán học kiến tích lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, tu tha tâm trí, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu tha tâm trí cũng không phải tu tập trí: Nghĩa là khi khổ, diệt pháp loại trí, đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là tha tâm trí, tập trí, khi đã được thể tục trí hiện ở trước, không phải là tha tâm trí, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều cùng không tu. Lúc phạm phu không tu tha tâm trí, tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký, khi có nhân vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu tha tâm trí cũng là tu diệt trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu tha tâm trí không phải tu diệt trí: Nghĩa là khi phạm phu đã được, chưa được tha tâm trí hiện ở trước, chưa được thể tục trí hiện ở trước, tu tha tâm trí, và A-la-hán học kiến tích lúc đã được tha tâm trí hiện ở trước.

2. Có tu diệt trí không phải tu tha tâm trí: Nghĩa là khi diệt pháp loại trí nhập hiện quán, là người chưa lìa nhiễm dục, khi đạo loại trí nhập hiện quán, là A-la-hán học kiến tích lúc đã được diệt trí hiện ở trước, chưa được trí vô lậu hiện ở trước, khi không tu tha tâm trí, chưa được thể tục trí hiện ở trước, khi tu diệt trí, không phải là tha tâm trí.

3. Có tu tha tâm trí cũng là tu diệt trí: Nghĩa là người đã lìa nhiễm dục, khi đạo loại trí nhập hiện quán, là A-la-hán học kiến tích lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, tu tha tâm trí, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu tha tâm trí cũng không phải tu diệt trí: Nghĩa là khi khổ tập pháp loại trí, đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là tha tâm trí, diệt trí, khi đã được thể tục trí hiện ở trước không phải là tha tâm trí, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều cùng không tu. Khi phạm phu không tu tha tâm trí, tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký, lúc có nhãn vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu tha tâm trí cũng là tu đạo trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu tha tâm trí không phải là đạo trí: Nghĩa là phạm phu khi đã được, chưa được tha tâm trí hiện ở trước, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, tu tha tâm trí, và A-la-hán học kiến tích lúc đã được tha tâm trí hiện ở trước, không phải là đạo trí.

2. Có tu đạo trí không phải tu tha tâm trí: Nghĩa là khi đạo pháp trí nhập hiện quán, là người chưa lìa nhiễm dục, lúc đạo loại trí nhập hiện quán, là A-la-hán học kiến tích lúc đã được đạo trí hiện ở trước, không phải là tha tâm trí, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, không tu tha tâm trí, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, tu đạo trí, không phải là tha tâm trí.

3. Có tu tha tâm trí cũng là tu đạo trí: Nghĩa là người đã lìa nhiễm dục, khi đạo loại trí nhập hiện quán, là A-la-hán học kiến tích lúc đã được tha tâm trí, đạo trí hiện ở trước, chưa được trí vô lậu hiện ở trước, tu tha tâm trí, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Có cả hai đều cùng không tu: Nghĩa là khi khổ tập diệt pháp loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu

hiện ở trước, không phải là tha tâm, đạo trí, khi đã được thể tục trí hiện ở trước, không phải là tha tâm trí, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều cùng không tu. Khi phạm phu không tu tha tâm trí, tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký, lúc có nhãn vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

*

Hỏi: Nếu tu thể tục trí cũng là tu khổ trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu thể tục trí không phải tu khổ trí: Nghĩa là phạm phu khi đã được, chưa được thể tục trí hiện ở trước, lúc tập diệt loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được thể tục trí hiện ở trước, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, không tu khổ trí.

2. Có tu khổ trí không phải tu thể tục trí: Nghĩa là khi khổ pháp trí, đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được khổ trí hiện ở trước, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, không tu thể tục trí.

3. Có tu thể tục trí cũng là tu khổ trí: Nghĩa là khi khổ loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích chưa được trí vô lậu hiện ở trước khi tu thể tục trí, chưa được thể tục trí hiện ở trước khi tu khổ trí.

4. Không phải tu thể tục trí cũng không phải tu khổ trí: Nghĩa là khi tập diệt đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là khổ trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký, lúc có nhãn vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu thể tục trí cũng là tu tập trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu thể tục trí không phải tu tập trí: Nghĩa là khi phạm phu đã được, chưa được thể tục trí hiện ở trước, khi khổ, diệt, loại trí nhập

hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được thể tục trí hiện ở trước, chưa được thể tục trí hiện ở trước, khi không tu tập trí.

2. Có tu tập trí không phải tu thể tục trí: Nghĩa là khi tập pháp trí, đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được tập trí hiện ở trước, khi chưa được trí vô lậu hiện ở trước, không tu thể tục trí.

3. Có tu thể tục trí cũng là tu tập trí: Nghĩa là khi tập loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, chưa được trí vô lậu hiện ở trước, khi tu thể tục trí, chưa được thể tục trí hiện ở trước khi tu tập trí.

4. Không phải tu thể tục trí cũng không phải tu tập trí: Nghĩa là khi khổ diệt đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là tập trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký, khi có nhân vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu thể tục trí cũng là tu diệt trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu thể tục trí không phải tu diệt trí: Nghĩa là khi phạm phu đã được, chưa được thể tục trí hiện ở trước, khi khổ, tập loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được thể tục trí hiện ở trước, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, không tu diệt trí.

2. Có tu diệt trí không phải tu thể tục trí: Nghĩa là khi diệt pháp trí, đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được diệt trí hiện ở trước, khi chưa được trí vô lậu hiện ở trước, không tu thể tục trí.

3. Có tu thể tục trí cũng là tu diệt trí: Nghĩa là khi diệt loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, chưa được trí vô lậu hiện ở trước, khi tu thể tục trí, chưa được thể tục trí hiện ở trước lúc tu diệt trí.

4. Không phải tu thể tục trí cũng không phải tu diệt trí: Nghĩa là khi khổ tập đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là diệt trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký, khi có nhãn vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu thể tục trí cũng là tu đạo trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu thể tục trí không phải tu đạo trí: Nghĩa là khi phạm phu đã được, chưa được thể tục trí hiện ở trước, khi khổ, tập, diệt, loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được thể tục trí hiện ở trước, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, không tu đạo trí.

2. Có tu đạo trí không phải tu thể tục trí: Nghĩa là khi đạo pháp loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được đạo trí hiện ở trước, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, không tu thể tục trí.

3. Có tu thể tục trí cũng là tu đạo trí: Nghĩa là A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, tu thể tục trí, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, tu đạo trí.

4. Không phải tu thể tục trí cũng không phải tu đạo trí: Nghĩa là khi khổ tập diệt, pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là đạo trí. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký, khi có nhãn vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

HẾT - QUYỂN 8

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 9

Chương 3: TRÍ UẨN

Phẩm 4: BÀN VỀ TU TRÍ, phần 2

Hỏi: Nếu tu khổ trí cũng là tu tập trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu khổ trí không phải tu tập trí: Nghĩa là khi khổ pháp loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được khổ trí hiện ở trước.

2. Có tu tập trí không phải tu khổ trí: Nghĩa là khi tập pháp loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được tập trí hiện ở trước.

3. Có tu khổ trí cũng là tu tập trí: Nghĩa là khi đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, khi chưa được thế tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu khổ trí cũng không phải tu tập trí: Nghĩa là khi diệt pháp loại trí, đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là khổ trí, tập trí, lúc đã được thế tục trí hiện ở trước, chưa được thế tục trí hiện ở trước, đều cùng không tu. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của phàm phu, khi có nhãn vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu khổ trí cũng là tu diệt trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu khổ trí không phải tu diệt trí: Nghĩa là khi khổ pháp loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được khổ trí hiện ở trước.

2. Có tu diệt trí không phải tu khổ trí: Nghĩa là khi diệt pháp loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được diệt trí hiện ở trước.

3. Có tu khổ trí cũng là tu diệt trí: Nghĩa là khi đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, chưa được thế tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu khổ trí cũng không phải tu diệt trí: Nghĩa là khi tập pháp loại trí, đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là khổ trí, diệt trí, khi đã được thế tục trí hiện ở trước, lúc chưa được thế tục trí hiện ở trước, đều cùng không tu. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của phàm phu, lúc có nhân vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu khổ trí cũng là tu đạo trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu khổ trí không phải tu đạo trí: Nghĩa là khi khổ pháp loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được khổ trí hiện ở trước.

2. Có tu đạo trí không phải là khổ trí: Nghĩa là khi đạo pháp loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được đạo trí hiện ở trước.

3. Có tu khổ trí cũng là tu đạo trí: Nghĩa là khi đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, khi chưa được thế tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu khổ trí cũng không phải tu đạo trí: Nghĩa là khi tập diệt pháp loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là khổ trí, đạo trí, lúc đã được thể tục trí hiện ở trước, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều cùng không tu. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của phàm phu, khi có nhãn vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

*

Hỏi: Nếu tu tập trí cũng là tu diệt trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu tập trí không phải tu diệt trí: Nghĩa là khi tập pháp loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được tập trí hiện ở trước.

2. Có tu diệt trí không phải tu tập trí: Nghĩa là khi diệt pháp loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được diệt trí hiện ở trước.

3. Có tu tập trí cũng là tu diệt trí: Nghĩa là khi đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu tập trí cũng không phải tu diệt trí: Nghĩa là khi khổ pháp loại trí, đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là tập trí, diệt trí, lúc đã được thể tục trí hiện ở trước, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều cùng không tu. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của phàm phu, lúc có nhãn vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu tập trí cũng là tu đạo trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu tập trí không phải tu đạo trí: Nghĩa là khi tập pháp loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được tập trí hiện ở trước.

2. Có tu đạo trí không phải tu tập trí: Nghĩa là khi đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được đạo trí hiện ở trước.

3. Có tu tập trí cũng là tu đạo trí: Nghĩa là khi đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu tập trí cũng không phải tu đạo trí: Nghĩa là khi khổ diệt pháp loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là tập trí, đạo trí, lúc đã được thể tục trí hiện ở trước, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều cùng không tu. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của phàm phu, lúc có nhân vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

*

Hỏi: Nếu tu diệt trí cũng là tu đạo trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu diệt trí không phải tu đạo trí: Nghĩa là khi diệt pháp loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích, lúc đã được diệt trí hiện ở trước.

2. Có tu đạo trí không phải tu diệt trí: Nghĩa là khi đạo pháp trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được đạo trí hiện ở trước.

3. Có tu diệt trí cũng là tu đạo trí: Nghĩa là khi đạo loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc chưa được trí vô lậu hiện ở trước, khi chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều có thể cùng tu.

4. Không phải tu diệt trí cũng không phải tu đạo trí: Nghĩa là khi khổ tập pháp loại trí nhập hiện quán, A-la-hán học kiến tích lúc đã được trí vô lậu hiện ở trước, không phải là diệt trí, đạo trí, khi đã được thể tục trí hiện ở trước, lúc chưa được thể tục trí hiện ở trước, đều cùng không tu. Tất cả là tâm nhiễm ô, tâm vô ký của phàm phu, khi có nhân vô lậu của định vô tướng, định diệt tận nơi cõi Vô tướng.

*

Hỏi: Pháp trí cho đến đạo trí, ở trong tám trí, mỗi mỗi trí duyên bao nhiêu trí?

Đáp: Pháp trí duyên bảy trí, trừ loại trí.

Loại trí duyên bảy trí, trừ pháp trí.

Tha tâm trí, thể tục trí đều cùng duyên tám trí.

Khổ trí, tập trí đều cùng duyên hai trí, là tha tâm trí, thể tục trí.

Diệt trí không duyên nơi trí.

Đạo trí duyên bảy trí trừ thể tục trí.

Hỏi: Pháp trí cho đến đạo trí, tự – tha cùng đối chiếu làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Pháp trí cùng với pháp trí làm bốn duyên. Làm ba duyên cho loại trí, trừ Sở duyên. Làm bốn duyên cho tha tâm trí. Nếu cùng với trí kia làm nhân, đẳng vô gián thì không phải là Sở duyên. Nếu làm Sở duyên cho trí kia thì không phải là nhân, đẳng vô gián. Làm ba duyên cho thể tục trí, trừ nhân. Làm ba duyên cho khổ, tập, diệt trí, trừ Sở duyên. Làm bốn duyên cho đạo trí. (Bốn duyên là: Nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên)

Loại trí cùng với loại trí làm bốn duyên. Làm bốn duyên cho tha tâm trí. Nếu cùng với trí kia làm nhân, đẳng vô gián thì không phải là sở duyên. Nếu làm sở duyên cho trí kia thì không phải là nhân, đẳng

vô gián. Làm ba duyên cho thể tục trí, trừ nhân duyên. Làm ba duyên cho khổ, tập, diệt trí, trừ sở duyên. Làm bốn duyên cho đạo trí. Làm ba duyên cho pháp trí, trừ sở duyên.

Tha tâm trí cùng với tha tâm trí làm bốn duyên. Nếu làm nhân, đẳng vô gián cho trí kia thì không phải là sở duyên. Nếu làm sở duyên cho trí kia thì không phải là nhân, đẳng vô gián. Làm bốn duyên cho thể tục trí. Làm bốn duyên cho khổ, tập trí. Nếu làm nhân cho trí kia thì không phải là sở duyên, nếu làm sở duyên cho trí kia thì không phải là nhân. Làm ba duyên cho diệt trí, trừ sở duyên. Làm bốn duyên cho đạo, pháp, loại trí.

Thể tục trí cùng thể tục trí làm bốn duyên. Làm ba duyên cho khổ, tập trí, trừ nhân. Làm hai duyên cho diệt, đạo trí là đẳng vô gián, tăng thượng. Làm ba duyên cho pháp, loại trí, trừ nhân. Làm bốn duyên cho tha tâm trí. Nếu làm nhân, đẳng vô gián cho trí kia thì không phải là sở duyên, nếu làm sở duyên cho trí kia thì không phải là nhân, đẳng vô gián.

Khổ trí cùng khổ trí và tập, diệt trí làm ba duyên, trừ sở duyên. Làm bốn duyên cho đạo, pháp, loại trí. Làm bốn duyên cho tha tâm trí. Nếu làm nhân, đẳng vô gián cho trí kia thì không phải là sở duyên. Nếu làm sở duyên cho trí kia thì không phải là nhân, đẳng vô gián. Làm ba duyên cho thể tục trí, trừ nhân.

Tập trí cùng tập trí và diệt trí làm ba duyên, trừ sở duyên. Làm bốn duyên cho đạo, pháp, loại trí. Làm bốn duyên cho tha tâm trí. Nếu làm nhân, đẳng vô gián cho trí kia thì không phải là sở duyên, nếu làm sở duyên cho trí kia thì không phải là nhân, đẳng vô gián. Làm ba duyên cho thể tục trí, trừ nhân. Làm ba duyên cho khổ trí, trừ sở duyên.

Diệt trí cùng diệt trí làm ba duyên, trừ sở duyên. Làm bốn duyên cho đạo, pháp, loại trí. Làm bốn duyên cho tha tâm trí. Nếu

làm nhân, đấng vô gián cho trí kia thì không phải là sở duyên, nếu làm sở duyên cho trí kia thì không phải là nhân, đấng vô gián. Làm ba duyên cho thể tục trí, trừ nhân. Làm ba duyên cho khô, tập trí, trừ sở duyên.

Đạo trí cùng đạo trí và pháp, loại trí làm bốn duyên. Làm bốn duyên cho tha tâm trí. Nếu làm nhân, đấng vô gián cho trí kia thì không phải là sở duyên, nếu làm sở duyên cho trí kia thì không phải là nhân, đấng vô gián. Làm ba duyên cho thể tục trí, trừ nhân. Làm ba duyên cho khô, tập, diệt trí, trừ sở duyên.

*

Hỏi: Các kiết hệ thuộc nơi cõi Dục, kiết ấy do pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có kiết hệ thuộc nơi cõi Dục không phải do pháp trí đoạn: Nghĩa là kiết của cõi Dục hoặc do nhãn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, hoặc không đoạn. 2. Có kiết do pháp trí đoạn không phải hệ thuộc nơi cõi Dục: Nghĩa là kiết của cõi Sắc, Vô sắc do pháp trí đoạn. 3. Có kiết hệ thuộc nơi cõi Dục cũng do pháp trí đoạn: Nghĩa là kiết của cõi Dục do pháp trí đoạn. 4. Có kiết không phải hệ thuộc nơi cõi Dục cũng không phải do pháp trí đoạn: Nghĩa là kiết của cõi Sắc, Vô sắc hoặc do nhãn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, hoặc không đoạn.

Hỏi: Các kiết hệ thuộc nơi cõi Sắc, Vô sắc, kiết ấy do loại trí đoạn chăng?

Đáp: Các kiết do loại trí đoạn dứt, kiết ấy hệ thuộc nơi cõi Sắc, Vô sắc. Có kiết hệ thuộc nơi cõi Sắc, Vô sắc không phải do loại trí đoạn: Nghĩa là kiết của cõi Sắc, Vô sắc hoặc do nhãn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, hoặc không đoạn.

*

Hỏi: Các kiết do kiến khổ đoạn, kiết ấy do khổ trí đoạn chăng?

Đáp: Các kiết do kiến khổ đoạn, kiết ấy không phải do khổ trí đoạn. Hoặc do nhãn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, hoặc không đoạn.

Hỏi: Nếu kiết do khổ trí đoạn, kiết ấy do kiến khổ đoạn chăng?

Đáp: Các kiết do khổ trí đoạn, sự trói buộc của kiết ấy không phải do kiến khổ đoạn mà do tu đạo đoạn.

Hỏi: Các kiết do kiến tập, diệt, đạo đoạn, kiết ấy do tập, diệt, đạo trí đoạn chăng?

Đáp: Các kiết do kiến tập diệt đạo đoạn, kiết ấy không phải do tập diệt đạo trí đoạn. Hoặc do nhãn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, hoặc không đoạn.

Hỏi: Nếu kiết do tập, diệt, đạo trí đoạn, kiết ấy do kiến tập, diệt, đạo đoạn chăng?

Đáp: Các kiết do tập diệt đạo trí đoạn, kiết ấy không phải do kiến tập diệt đạo đoạn, mà do tu đạo đoạn.

*

Hỏi: Các kiết do pháp trí đoạn, kiết ấy do pháp trí diệt tác chứng chăng?

Đáp: Các kiết do pháp trí đoạn, kiết ấy do pháp trí diệt tác chứng. Có kiết do pháp trí diệt tác chứng, kiết ấy không phải do pháp trí đoạn: Nghĩa là hoặc do nhãn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, kiết ấy do pháp trí diệt tác chứng.

Hỏi: Các kiết do loại trí đoạn, kiết ấy do loại trí diệt tác chứng chăng?

Đáp: Các kiết do loại trí đoạn, kiết ấy do loại trí diệt tác chứng. Có kiết do loại trí diệt tác chứng, kiết ấy không phải do loại trí đoạn:

Nghĩa là hoặc do nhãn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, kiết ấy do loại trí diệt tác chứng.

Hỏi: Các kiết do khổ trí đoạn, kiết ấy do khổ trí diệt tác chứng chăng?

Đáp: Các kiết do khổ trí đoạn, kiết ấy do khổ trí diệt tác chứng. Có kiết do khổ trí diệt tác chứng, kiết ấy không phải do khổ trí đoạn: Nghĩa là hoặc do nhãn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, kiết ấy do khổ trí diệt tác chứng.

Hỏi: Các kiết do tập, diệt, đạo trí đoạn, kiết ấy do tập, diệt, đạo trí diệt tác chứng chăng?

Đáp: Các kiết do tập diệt đạo trí đoạn, kiết ấy do tập diệt đạo trí diệt tác chứng. Có kiết do tập diệt đạo trí diệt tác chứng, kiết ấy không phải do tập diệt đạo trí đoạn: Nghĩa là hoặc do nhãn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, kiết ấy do tập diệt đạo trí diệt tác chứng.

*

Hỏi: Nhãn căn cho đến tùy miên vô minh của cõi Vô sắc do tu đạo đoạn, ở trong mười trí có bao nhiêu trí nhận biết?

Đáp: Nhãn căn có bảy trí nhận biết, trừ tha tâm, diệt, đạo trí. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, mạng căn cũng như vậy.

Nữ căn có sáu trí nhận biết, trừ loại, tha tâm, diệt, đạo trí. Nam căn cũng như vậy.

Ý căn có chín trí nhận biết, trừ diệt trí. Lạc, hỷ, xả, năm căn như tín v.v... cũng như vậy.

Khô căn có bảy trí nhận biết, trừ loại, diệt, đạo trí. Ưu căn cũng như vậy.

Ba căn vô lậu có bảy trí nhận biết, trừ khổ, tập, diệt trí.

Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, xúc giới có bảy trí nhận biết, trừ tha tâm, diệt, đạo trí. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, xúc xứ, sắc thủ uẩn, năm giới trước, pháp có kiến, có đối cũng như vậy.

Hương, vị giới có sáu trí nhận biết, trừ loại, tha tâm, diệt, đạo trí. Hương, vị, xứ cũng như vậy.

Nhãn, nhĩ, thân thức giới có tám trí nhận biết, trừ diệt, đạo trí. Bốn thủ uẩn sau, thức giới, pháp hữu lậu, vô ký, pháp do kiến đạo tu đạo đoạn cũng như vậy.

Tỷ, thiệt thức giới có bảy trí nhận biết, trừ loại, diệt, đạo trí. Pháp bất thiện, pháp hệ thuộc nơi cõi Dục cũng như vậy.

Ý giới, ý thức giới có chín trí nhận biết, trừ diệt trí. Ý xứ, bốn uẩn sau, pháp hữu vi, pháp quá khứ, vị lai, hiện tại cũng như vậy.

Pháp giới có mười trí nhận biết. Pháp xứ, pháp không sắc, không kiến, không đối, pháp thiện cũng như vậy.

Sắc uẩn có tám trí nhận biết, trừ tha tâm, diệt trí. Pháp có sắc cũng như vậy.

Pháp vô lậu có tám trí nhận biết, trừ khổ, tập trí. Pháp không đoạn cũng như vậy.

Pháp vô vi có sáu trí nhận biết, trừ tha tâm, khổ, tập, đạo trí.

Pháp hệ thuộc nơi cõi Sắc có bảy trí nhận biết, trừ pháp, diệt, đạo trí.

Pháp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc có sáu trí nhận biết, trừ pháp, tha tâm, diệt, đạo trí.

Pháp học, vô học có bảy trí nhận biết, trừ khổ, tập, diệt trí.

Pháp phi học phi vô học có chín trí nhận biết, trừ đạo trí.

Khổ, tập đế có tám trí nhận biết, trừ diệt, đạo trí. Thế tục trí, ba lớp Tam-ma-địa cũng như vậy.

Diệt đế có sáu trí nhận biết, trừ tha tâm, khổ, tập, đạo trí.

Đạo đế có bảy trí nhận biết, trừ khổ, tập, diệt trí. Khổ, tập, diệt, đạo trí, ba Tam-ma-địa cũng như vậy.

Bốn tĩnh lự có chín trí nhận biết, trừ diệt trí. Tha tâm trí cũng như vậy.

Bốn vô lượng có bảy trí nhận biết, trừ pháp, diệt, đạo trí. Ba giải thoát đầu, tám thắng xứ, tám biến xứ trước cũng như vậy.

Ba vô sắc sau có bảy trí nhận biết, trừ pháp, tha tâm, diệt trí. Giải thoát thứ tư, thứ năm, thứ sáu cũng như vậy.

Vô sắc thứ tư có sáu trí nhận biết, trừ pháp, tha tâm, diệt, đạo trí. Giải thoát thứ bảy, thứ tám, hai biến xứ sau cũng như vậy.

Pháp trí có sáu trí nhận biết, trừ loại, khổ, tập, diệt trí.

Loại trí có sáu trí nhận biết, trừ pháp, khổ, tập, diệt trí.

Ba kiết có tám trí nhận biết, trừ diệt, đạo trí. Vô minh lậu, bộc lưu kiến, bộc lưu vô minh, ách kiến, ách vô minh, kiến thủ, giới cầm thủ, kiết tham, kiết mạn, hai sự trói buộc sau nơi thân, ba kiết sau nơi kiết thuận phần dưới, năm kiến, nhãn, nhĩ, thân, ý xúc sinh ra ái thân, bốn tùy miên sau, kiết ái, kiết mạn, kiết vô minh, kiết kiến, kiết thủ, kiết nghi cũng như vậy.

Ba căn bất thiện có bảy trí nhận biết, trừ loại, diệt, đạo trí. Dục lậu, bộc lưu dục, ách dục, dục thủ, hai sự trói buộc trước nơi thân, năm cái, kiết giận, kiết ganh tị, kiết keo kiệt, hai kiết trước nơi kiết thuận phần dưới, tử xúc, thiệt xúc sinh ra ái thân, tùy miên dục tham, giận dữ, kiết giận, kiết ganh tị, kiết keo kiệt cũng như vậy.

Hữu lậu có bảy trí nhận biết, trừ pháp, diệt, đạo trí. Bộc lưu hữu, ách hữu, ngã ngữ thủ, trừ tham vô sắc, bốn kiết còn lại nơi kiết thuận phần trên, tùy miên hữu tham cũng như vậy.

Tham vô sắc có sáu trí nhận biết, trừ pháp, tha tâm, diệt, đạo trí.

Ba mươi sáu tùy miên của cõi Dục có bảy trí nhận biết, trừ loại, diệt, đạo trí.

Ba mươi một tùy miên của cõi Sắc có bảy trí nhận biết, trừ pháp, diệt, đạo trí.

Ba mươi một tùy miên của cõi Vô sắc có sáu trí nhận biết, trừ pháp, tha tâm, diệt, đạo trí.

*

Hỏi: Như nói về tướng vô thường, hoặc tập, hoặc tu, hoặc tạo tác nhiều, có thể đoạn trừ tất cả tham dục, tham sắc, tham vô sắc, trạo cử, mạn, vô minh. Tướng này nên nói tương ưng với bao nhiêu trí?

Đáp: Nên nói: Người có thể đoạn trừ tham dục, tương ưng với pháp trí, khổ trí. Người có thể đoạn trừ tham sắc, tham vô sắc, tương ưng với loại trí, khổ trí. Người có thể đoạn trừ trạo cử, mạn, vô minh, tương ưng với pháp trí, loại trí, khổ trí.

Hỏi: Tướng này nên nói có tầm có tứ, không tầm chỉ có tứ, không tầm không tứ chăng?

Đáp: Nên nói: Người có thể đoạn trừ tham dục, là có tầm có tứ. Người có thể đoạn trừ tham sắc, tham vô sắc, trạo cử, mạn, vô minh, là hoặc có tầm có tứ, hoặc không tầm chỉ có tứ, hoặc không tầm không tứ.

Hỏi: Tướng này nên nói tương ưng với bao nhiêu căn?

Đáp: Nên nói: Người có thể đoạn trừ tham dục tương ưng với xả căn. Người có thể đoạn trừ tham sắc, tham vô sắc, trạo cử, mạn, vô minh tương ưng với lạc căn, hỷ căn, xả căn.

Hỏi: Tưởng này nên nói là kết hợp với không, vô nguyên, vô tướng chẳng?

Đáp: Nên nói là kết hợp với vô nguyên.

Hỏi: Tưởng này nên nói duyên hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Nên nói: Người có thể đoạn trừ tham dục thì duyên hệ thuộc nơi cõi Dục. Người có thể đoạn trừ tham sắc thì duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc. Người có thể đoạn trừ tham vô sắc thì duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. Người có thể đoạn trừ trạo cử, mạn, vô minh thì duyên hệ thuộc nơi ba cõi.

*

Như nói: Khéo quán về ba nghĩa của bảy xứ, có thể ở trong pháp Tỳ-nại-da này nhanh chóng diệt hết các lậu.

Hỏi: Thế nào là bảy?

Đáp: Nghĩa là nhận biết như thật về sắc, sắc tập, sắc diệt, hành hướng tới sắc diệt, sắc vị (hương vị của sắc), sắc hoạn (tai họa của sắc), sắc xuất (nẻo xuất ly của sắc). Bảy thứ nhận biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức (tập, diệt, hành hướng tới v.v...) cũng như vậy.

Hỏi: Trí này nên nói là pháp trí cho đến đạo trí chẳng?

Đáp: Nên nói: Nhận biết như thật về sắc là bốn trí: Là pháp trí, loại trí, thế tục trí, khổ trí.

Nhận biết như thật về sắc tập là bốn trí: Là pháp trí, loại trí, thế tục trí, tập trí.

Nhận biết như thật về sắc diệt là bốn trí: Là pháp trí, loại trí, thế tục trí, diệt trí.

Nhận biết như thật về hành hương tới sắc diệt là bốn trí: Là pháp trí, loại trí, thể tục trí, đạo trí.

Nhận biết như thật về sắc vị là bốn trí: Là pháp trí, loại trí, thể tục trí, tập trí.

Nhận biết như thật về sắc hoạn là bốn trí: Là pháp trí, loại trí, thể tục trí, khổ trí.

Nhận biết như thật về sắc xuất là bốn trí: Là pháp trí, loại trí, thể tục trí, diệt trí.

Nhận biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức theo bảy thứ cũng như vậy.

Hỏi: Sắc cho đến thức diệt, sắc cho đến thức xuất có sai biệt gì?

Đáp: Nếu do ái này các sắc tập khởi, tức đoạn dứt ái kia, gọi là sắc diệt. Nếu các ái khác duyên nơi sắc tăng rộng, tức đoạn dứt ái kia, gọi là sắc xuất.

Lại nữa, nếu do phiền não của nghiệp này nên các sắc tập khởi, tức đoạn dứt phiền não của nghiệp kia gọi là sắc diệt. Nếu các phiền não của nghiệp khác duyên nơi sắc tăng rộng, tức đoạn dứt phiền não kia gọi là sắc xuất.

Lại nữa, nếu do ái này cùng phiền não của nghiệp khiến các sắc tập khởi, thì khi đoạn dứt các ái – phiền não kia, gọi là sắc diệt. Nếu các ái khác và phiền não của nghiệp duyên nơi sắc tăng rộng, thì khi đoạn dứt ái và phiền não kia gọi là sắc xuất.

Thọ, tưởng, hành, thức diệt, xuất cũng như vậy.

Đó gọi là sự sai biệt.

Phẩm 5: BÀN VỀ BẢY THÁNH, phần 1

Tụng nêu chung:

*Bảy Thánh nơi năm đức
Hai thành hiện ba hiện
Twong ung sự bốn môn
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Tùy tín hành cho đến Câu giải thoát đối với tám trí có bao nhiêu trí thành tựu, bao nhiêu trí không thành tựu?

Đáp: Tùy tín hành đối với tám trí, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám. Nghĩa là: Khi đạt khổ pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thành tựu một, có tha tâm trí thành tựu hai. Khi đạt khổ pháp trí, khổ loại trí nhãn, không có tha tâm trí thành tựu ba, có tha tâm trí thành tựu bốn. Khi đạt khổ loại trí, tập pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thành tựu bốn, có tha tâm trí thành tựu năm. Khi đạt tập pháp trí cho đến diệt pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thành tựu năm, có tha tâm trí thành tựu sáu. Khi đạt diệt pháp trí cho đến đạo pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thành tựu sáu, có tha tâm trí thành tựu bảy. Khi đạt đạo pháp trí cho đến đạo loại trí, không có tha tâm trí thành tựu bảy, có tha tâm trí thành tựu tám.

Như Tùy tín hành, *Tùy pháp hành* cũng như vậy.

Tín thắng giải đối với tám trí hoặc thành tựu bảy, tám. Nghĩa là không có tha tâm trí thành tựu bảy, có tha tâm trí thành tựu tám.

Như Tín thắng giải, *Kiến chí* cũng như vậy.

Thân chứng, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát đối với tám trí đều thành tựu.

Hỏi: Tùy tín hành cho đến Câu giải thoát, đối với tám trí thành tựu nơi quá khứ, vị lai, hiện tại, mỗi thời thành tựu bao nhiêu trí?

Đáp: Tùy tín hành đối với tám trí, khi đạt khở pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu một, hiện tại không có, có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu hai, hiện tại không có. Lúc đạt khở pháp trí, không có tha tâm trí thì quá khứ thành tựu một, vị lai thành tựu ba, hiện tại thành tựu hai, có tha tâm trí thì quá khứ thành tựu hai, vị lai thành tựu bốn, hiện tại thành tựu hai.

Khi đạt khở loại trí nhãn, không có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu ba, hiện tại không có, có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu bốn, hiện tại không có. Lúc đạt khở loại trí, không có tha tâm trí thì quá khứ thành tựu ba, vị lai thành tựu bốn, hiện tại thành tựu hai, có tha tâm trí thì quá khứ thành tựu bốn, vị lai thành tựu năm, hiện tại thành tựu hai.

Khi đạt tập pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu bốn, hiện tại không có, có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu năm, hiện tại không có. Lúc đạt tập pháp trí, không có tha tâm trí thì quá khứ thành tựu bốn, vị lai thành tựu năm, hiện tại thành tựu hai, có tha tâm trí thì quá khứ thành tựu năm, vị lai thành tựu sáu, hiện tại thành tựu hai.

Khi đạt tập loại trí nhãn, không có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu năm, hiện tại không có, có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu sáu, hiện tại không có. Lúc đạt tập loại trí, không có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu năm, hiện tại thành tựu hai, có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu sáu, hiện tại thành tựu hai.

Khi đạt diệt pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu năm, hiện tại không có, có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu sáu, hiện tại không có. Lúc đạt diệt pháp trí, không có tha

tâm trí thì quá khứ thành tựu năm, vị lai thành tựu sáu, hiện tại thành tựu hai, có tha tâm trí thì quá khứ thành tựu sáu, vị lai thành tựu bảy, hiện tại thành tựu hai.

Khi đạt diệt loại trí nhãn, không có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu sáu, hiện tại không có, có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu bảy, hiện tại không có. Lúc đạt diệt loại trí, không có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu sáu, hiện tại thành tựu hai, có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu bảy, hiện tại thành tựu hai.

Khi đạt đạo pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu sáu, hiện tại không có, có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu bảy, hiện tại không có. Lúc đạt đạo pháp trí, không có tha tâm trí thì quá khứ thành tựu sáu, vị lai thành tựu bảy, hiện tại thành tựu hai, có tha tâm trí thì quá khứ thành tựu bảy, vị lai thành tựu tám, hiện tại thành tựu hai.

Khi đạt đạo loại trí nhãn, không có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu bảy, hiện tại không có, có tha tâm trí thì quá khứ, vị lai thành tựu tám, hiện tại không có.

Như Tùy tín hành, *Tùy pháp hành* cũng như vậy.

Tín thắng giải đối với tám trí không có tha tâm trí thì vị lai thành tựu bảy, có tha tâm trí thì vị lai thành tựu tám. Quá khứ nếu đã diệt không mất, hiện tại nếu hiện ở trước.

Như Tín thắng giải, *Kiến chí* cũng như vậy.

Thân chứng, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát đối với tám trí đều thành tựu với vị lai tám, quá khứ nếu đã diệt không mất, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Tùy tín hành cho đến Câu giải thoát, pháp trí cho đến đạo trí, lúc hiện tiền có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Đáp: Tùy tín hành: Khi pháp trí hiện tiền, có hai trí hiện ở trước: là pháp khở trí hai, pháp tập trí hai, pháp diệt trí hai, pháp đạo trí hai.

Khi loại trí hiện tiền, có hai trí hiện ở trước: Là loại khở trí hai, loại tập trí hai, loại diệt trí hai.

Khi khở trí hiện tiền, có hai trí hiện ở trước: Là khở pháp trí hai, khở loại trí hai.

Khi tập trí hiện tiền, có hai trí hiện ở trước: Là tập pháp trí hai, tập loại trí hai.

Khi diệt trí hiện tiền, có hai trí hiện ở trước: Là diệt pháp trí hai, diệt loại trí hai.

Khi đạo trí hiện tiền, có hai trí hiện ở trước: Là đạo pháp trí hai.

Như Tùy tín hành, *Tùy pháp hành* cũng như vậy.

Tín thắng giải: Khi pháp trí hiện tiền, hoặc hai, hoặc ba trí hiện ở trước: Là pháp khở trí hai, pháp tập trí hai, pháp diệt trí hai, pháp đạo trí không phải tha tâm trí hai, pháp đạo trí là tha tâm trí ba.

Khi loại trí hiện tiền, hoặc hai, hoặc ba trí hiện ở trước: Là loại khở trí hai, loại tập trí hai, loại diệt trí hai, loại đạo trí không phải tha tâm trí hai, loại đạo trí là tha tâm trí ba.

Khi tha tâm trí hiện tiền, hoặc hai, hoặc ba trí hiện ở trước: Là tha tâm thể tục trí hai, tha tâm đạo pháp trí ba, tha tâm đạo loại trí ba.

Khi thể tục trí hiện tiền, hoặc một, hoặc hai trí hiện ở trước: Là thể tục trí không phải tha tâm trí một, thể tục trí là tha tâm trí hai.

Khi khở trí hiện tiền, có hai trí hiện ở trước: Là khở pháp trí hai, khở loại trí hai.

Khi tập trí hiện tiền, có hai trí hiện ở trước: Là tập pháp trí hai, tập loại trí hai.

Khi diệt trí hiện tiền, có hai trí hiện ở trước: Là diệt pháp trí hai, diệt loại trí hai.

Khi đạo trí hiện tiền, hoặc hai, hoặc ba trí hiện ở trước: Là đạo pháp trí không phải tha tâm trí hai, đạo pháp trí là tha tâm trí ba, đạo loại trí không phải tha tâm trí hai, đạo loại trí là tha tâm trí ba.

Như Tín thắng giải, *Kiến chí*, *Thân chứng* cũng như vậy.

Tuệ giải thoát: Khi pháp trí hiện tiền, hoặc hai, ba trí hiện ở trước: Là pháp khổ trí, không phải tận trí vô sinh trí hai. Pháp khổ trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba. Pháp tập trí, không phải tận trí, vô sinh trí hai, là tận hoặc vô sinh trí ba. Pháp diệt trí, không phải tận trí vô sinh trí hai. Pháp diệt trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba. Pháp đạo trí, không phải tận trí vô sinh trí, tha tâm trí hai. Pháp đạo trí là tận trí hoặc vô sinh trí hoặc tha tâm trí ba.

Khi loại trí hiện tiền, hoặc hai, ba trí hiện ở trước: Là loại khổ trí, không phải tận trí, vô sinh trí hai. Loại khổ trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba. Loại tập trí, không phải tận trí, vô sinh trí hai. Loại tập trí là tận trí, hoặc vô sinh trí ba. Loại diệt trí, không phải tận trí, vô sinh trí hai. Loại diệt trí là tận trí, hoặc vô sinh trí ba. Loại đạo trí, không phải tận trí, vô sinh trí, tha tâm trí hai. Loại đạo trí là tận trí hoặc vô sinh trí hoặc tha tâm trí ba, loại.

Khi tha tâm trí hiện tiền, hoặc hai, ba trí hiện ở trước: Là tha tâm trí, thể tục trí hai. Tha tâm trí, đạo pháp trí ba. Tha tâm trí, đạo loại trí ba.

Khi thể tục trí hiện tiền, hoặc một, hai trí hiện ở trước: Là thể tục trí không phải tha tâm trí một. Thể tục trí là tha tâm trí hai.

Khi khổ trí hiện tiền, hoặc hai, ba trí hiện ở trước: Là khổ pháp trí không phải tận trí vô sinh trí hai. Khổ pháp trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba. Khổ loại trí không phải tận trí vô sinh trí hai. Khổ loại trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba.

Khi tập trí hiện tiền, hoặc hai, ba trí hiện ở trước: Là tập pháp trí không phải tận trí vô sinh trí hai. Tập pháp trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba. Tập loại trí không phải tận trí vô sinh trí hai. Tập loại trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba.

Khi diệt trí hiện tiền, hoặc hai, ba trí hiện ở trước: Là diệt pháp trí không phải tận trí vô sinh trí hai. Diệt pháp trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba. Diệt loại trí không phải tận trí vô sinh trí hai. Diệt loại trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba.

Khi đạo trí hiện tiền, hoặc hai, ba trí hiện ở trước: Là đạo pháp trí không phải tận trí vô sinh trí tha tâm trí hai. Đạo pháp trí là tận trí hoặc vô sinh trí hoặc tha tâm trí ba. Đạo loại trí không phải tận trí vô sinh trí tha tâm trí hai. Đạo loại trí là tận trí hoặc vô sinh trí hoặc tha tâm trí ba.

Như Tuệ giải thoát, *Câu giải thoát* cũng như vậy.

Hỏi: Tùy tín hành cho đến Câu giải thoát, đối với ba Tam-ma-địa, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Tùy tín hành đối với ba Tam-ma-địa, diệt pháp trí nhẫn chưa sinh thì thành tựu hai, đã sinh thì thành tựu ba.

Như Tùy tín hành, *Tùy pháp hành* cũng như vậy.

Tín thắng giải cho đến *Câu giải thoát*, đối với ba Tam-ma-địa đều thành tựu.

Hỏi: Tùy tín hành cho đến Câu giải thoát, đối với ba Tam-ma-địa thành tựu nơi quá khứ, vị lai, hiện tại, mỗi thời thành tựu bao nhiêu?

Đáp: Tùy tín hành đối với ba Tam-ma-địa: Nếu dựa vào không, nhập chánh tánh ly sinh, khi đạt khổ pháp trí nhẫn, quá khứ không có, vị lai thành tựu hai, hiện tại thành tựu một.

Khi đạt khổ pháp trí cho đến tập pháp trí nhẫn thì quá khứ thành tựu một, vị lai thành tựu hai, hiện tại thành tựu một.

Khi đạt tập pháp trí cho đến tập loại trí thì quá khứ, vị lai thành tựu hai, hiện tại thành tựu một.

Khi đạt diệt pháp trí nhân thì quá khứ thành tựu hai, vị lai thành tựu ba, hiện tại thành tựu một.

Khi đạt diệt pháp trí cho đến đạo loại trí nhân thì quá khứ, vị lai thành tựu ba, hiện tại thành tựu một.

Nếu dựa vào vô nguyện, nhập chánh tánh ly sinh, khi đạt khổ pháp trí nhân quá khứ không có, vị lai thành tựu hai, hiện tại thành tựu một.

Khi đạt khổ pháp trí cho đến tập loại trí thì quá khứ thành tựu một, vị lai thành tựu hai, hiện tại thành tựu một.

Khi đạt diệt pháp trí nhân thì quá khứ thành tựu một, vị lai thành tựu ba, hiện tại thành tựu một.

Khi đạt diệt pháp trí cho đến đạo loại trí nhân thì quá khứ thành tựu hai, vị lai thành tựu ba, hiện tại thành tựu một.

Như Tùy tín hành, *Tùy pháp hành* cũng như vậy.

Tín thắng giải cho đến *Câu giải thoát*, đối với ba Tam-ma-địa đều thành tựu với vị lai ba, quá khứ nếu đã diệt không mất, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Tùy tín hành cho đến Câu giải thoát, nơi Tam-ma-địa không, vô nguyện, vô tướng, khi hiện ở trước, có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Đáp: *Tùy tín hành:* Khi Tam-ma-địa không hiện ở trước, hoặc hai, hoặc không có trí hiện ở trước: Nghĩa là khổ pháp trí hai, khổ loại trí hai, lúc đạt ba nhân thì không có.

Khi Tam-ma-địa vô nguyện hiện ở trước, hoặc hai, hoặc không có trí hiện ở trước: Nghĩa là khổ pháp trí hai, khổ loại trí hai, tập

pháp trí hai, tập loại trí hai, đạo pháp trí hai, lúc đạt sáu nhãn thì không có.

Khi Tam-ma-địa vô tướng hiện ở trước, hoặc hai, hoặc không có trí hiện ở trước: Nghĩa là diệt pháp trí hai, diệt loại trí hai, lúc đạt hai nhãn thì không có.

Như Tùy tín hành, *Tùy pháp hành* cũng như vậy.

Tín thắng giải: Khi Tam-ma-địa không hiện ở trước, có hai trí hiện ở trước: Nghĩa là khổ pháp trí hai, khổ loại trí hai.

Khi Tam-ma-địa vô nguyện hiện ở trước, hoặc hai, hoặc ba trí hiện ở trước: Nghĩa là khổ pháp trí hai, khổ loại trí hai, tập pháp trí hai, tập loại trí hai, đạo pháp trí không phải tha tâm trí hai, đạo pháp trí là tha tâm trí ba, đạo loại trí không phải tha tâm trí hai, đạo loại trí là tha tâm trí ba.

Khi Tam-ma-địa vô tướng hiện ở trước, có hai trí hiện ở trước: Nghĩa là diệt pháp trí hai, diệt loại trí hai.

Như Tín thắng giải, *Kiến chí, Thân chứng* cũng như vậy.

Tuệ giải thoát: Lúc Tam-ma-địa không hiện ở trước, có hai trí hiện ở trước: Là khổ pháp trí hai, khổ loại trí hai.

Lúc Tam-ma-địa vô nguyện hiện ở trước, hoặc hai, hoặc ba trí hiện ở trước: Là khổ pháp trí không phải tận trí vô sinh trí hai, khổ pháp trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba. Khổ loại trí không phải tận trí vô sinh trí hai, khổ loại trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba.

Tập pháp trí không phải tận trí vô sinh trí hai, tập pháp trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba. Tập loại trí không phải tận trí vô sinh trí hai, tập loại trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba.

Đạo pháp trí không phải tận trí vô sinh trí tha tâm trí hai, đạo pháp trí là tận trí hoặc vô sinh trí hoặc tha tâm trí ba. Đạo loại trí

không phải tận trí vô sinh trí tha tâm trí hai, đạo loại trí là tận trí hoặc vô sinh trí hoặc tha tâm trí ba.

Lúc Tam-ma-địa vô tướng hiện ở trước, hoặc hai, hoặc ba trí hiện ở trước: Là diệt pháp trí không phải tận trí vô sinh trí hai, diệt pháp trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba. Diệt loại trí không phải tận trí vô sinh trí hai, diệt loại trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba.

Như Tuệ giải thoát, *Câu giải thoát* cũng như vậy.

Hỏi: Tùy tín hành cho đến Câu giải thoát, ba căn vô lậu, bảy giác chi, tám đạo chi, tùy lúc ứng hiện ở trước, có bao nhiêu trí hiện ở trước?

Đáp: Tùy tín hành: Lúc vị trí đương tri căn hiện ở trước, hoặc hai, hoặc không có trí hiện ở trước: Nghĩa là khổ pháp trí hai, khổ loại trí hai, tập pháp trí hai, tập loại trí hai, diệt pháp trí hai, diệt loại trí hai, đạo pháp trí hai, lúc đạt tám nhẫn thì không có. Bảy giác chi, tám đạo chi lúc hiện ở trước cũng như vậy.

Như Tùy tín hành, *Tùy pháp hành* cũng như vậy.

Tín thắng giải: Lúc dĩ tri căn hiện ở trước, hoặc hai, hoặc ba trí hiện ở trước: Nghĩa là khổ pháp trí hai, khổ loại trí hai, tập pháp trí hai, tập loại trí hai, diệt pháp trí hai, diệt loại trí hai, đạo pháp trí không phải tha tâm trí hai, đạo pháp trí là tha tâm trí ba, đạo loại trí không phải tha tâm trí hai, đạo loại trí là tha tâm trí ba. Bảy giác chi, tám đạo chi lúc hiện ở trước cũng như vậy.

Như Tín thắng giải, *Kiến chí, Thân chứng* cũng như vậy.

Tuệ giải thoát: Lúc cụ tri căn hiện ở trước, hoặc hai, hoặc ba trí hiện ở trước: Nghĩa là khổ pháp trí không phải là tận trí vô sinh trí hai, khổ pháp trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba. Khổ loại trí không phải tận trí vô sinh trí hai, khổ loại trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba. Tập pháp trí không phải tận trí vô sinh trí hai, tập pháp trí là tận trí hoặc

vô sinh trí ba. Tập loại trí không phải tận trí vô sinh trí hai, tập loại trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba. Diệt pháp trí không phải tận trí vô sinh trí hai, diệt pháp trí là tận trí vô sinh trí ba. Diệt loại trí không phải tận trí vô sinh trí hai, diệt loại trí là tận trí hoặc vô sinh trí ba. Đạo pháp trí không phải tận trí vô sinh trí tha tâm trí hai, đạo pháp trí là tận trí hoặc vô sinh trí hoặc tha tâm trí ba. Đạo loại trí không phải tận trí vô sinh trí tha tâm trí hai, đạo loại trí là tận trí hoặc vô sinh trí hoặc tha tâm trí ba. Bảy giác chi, bảy đạo chi cũng như vậy.

Khi chánh kiến hiện ở trước, hoặc hai, hoặc ba trí hiện ở trước: Là khổ pháp trí hai, khổ loại trí hai. Tập pháp trí hai, tập loại trí hai. Diệt pháp trí hai, diệt loại trí hai. Đạo pháp trí không phải tha tâm trí hai, đạo pháp trí là tha tâm trí ba, đạo loại trí không phải tha tâm trí hai, đạo loại trí là tha tâm trí ba.

Như Tuệ giải thoát, *Câu giải thoát* cũng như vậy.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với pháp trí, pháp ấy tương ưng với loại trí chăng?

Đáp: Không như vậy.

Hỏi: Nếu các pháp tương ưng với loại trí, pháp ấy tương ưng với pháp trí chăng?

Đáp: Không như vậy.

Đối với thế tục trí cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với pháp trí, pháp ấy tương ưng với tha tâm trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với pháp trí không tương ưng với tha tâm trí: Nghĩa là tha tâm trí không gồm thân pháp tương ưng của pháp trí.

2. Có pháp tương ưng với tha tâm trí không tương ưng với pháp trí: Nghĩa là pháp trí không gồm thân pháp tương ưng của tha tâm trí.

3. Có pháp tương ưng với pháp trí cũng tương ưng với tha tâm trí: Nghĩa là pháp trí gồm thân pháp tương ưng của tha tâm trí.

4. Có pháp không tương ưng với pháp trí cũng không tương ưng với tha tâm trí: Nghĩa là pháp trí không gồm thân tha tâm trí, tha tâm trí không gồm thân pháp trí. Pháp trí và tha tâm trí không tương ưng với các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Đối với khổ, tập, diệt, đạo trí và chánh kiến cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với pháp trí, pháp ấy tương ưng với Tam-ma-địa không chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với pháp trí không tương ưng với không: Nghĩa là pháp trí tương ưng với không và không chẳng tương ưng với pháp tương ưng của pháp trí.

2. Có pháp tương ưng với không không tương ưng với pháp trí: Nghĩa là không tương ưng với pháp trí và pháp trí không tương ưng với pháp tương ưng của không.

3. Có pháp tương ưng với pháp trí cũng tương ưng với không: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng.

4. Có pháp không tương ưng với pháp trí cũng không tương ưng với không: Nghĩa là pháp trí không tương ưng với không và không cũng không tương ưng với pháp trí. Pháp trí và không không gồm thân, không tương ưng với các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Đối với vô nguyện, vô tướng, giác chi hỷ, chánh tư duy cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với pháp trí, pháp ấy tương ưng với vị tri đương tri căn chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với pháp trí không tương ưng với vị tri đương tri căn: Nghĩa là vị tri đương tri căn không gồm thân pháp tương ưng của pháp trí.

2. Có pháp tương ưng với vị tri đương tri căn không tương ưng với pháp trí: Nghĩa là vị tri đương tri căn gồm thân pháp trí và pháp trí không gồm thân, không tương ưng với pháp tương ưng của vị tri đương tri căn.

3. Có pháp tương ưng với pháp trí cũng tương ưng với vị tri đương tri căn: Nghĩa là vị tri đương tri căn gồm thân pháp tương ưng của pháp trí.

4. Có pháp không tương ưng với pháp trí cũng không tương ưng với vị tri đương tri căn: Nghĩa là vị tri đương tri căn không gồm thân pháp trí và pháp trí vị tri đương tri căn không gồm thân, không tương ưng với các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Đối với dĩ tri căn, cụ tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với pháp trí, pháp ấy tương ưng với giác chi niệm chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với pháp trí không tương ưng với giác chi niệm: Nghĩa là pháp trí tương ưng với giác chi niệm.

2. Có pháp tương ưng với giác chi niệm không tương ưng với pháp trí: Nghĩa là pháp trí và pháp trí không tương ưng với pháp tương ưng của giác chi niệm.

3. Có pháp tương ưng với pháp trí cũng tương ưng với giác chi niệm: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng.

4. Có pháp không tương ưng với pháp trí cũng không tương ưng với giác chi niệm: Nghĩa là pháp trí không tương ưng với giác chi niệm cùng các tâm tâm sở pháp khác, các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Đối với giác chi tinh tấn, khinh an, định, xả, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với pháp trí, pháp ấy tương ưng với giác chi trạch pháp chăng?

Đáp: Các pháp tương ưng với pháp trí cũng tương ưng với giác chi trạch pháp. Có pháp tương ưng với giác chi trạch pháp không phải là pháp trí: Nghĩa là pháp trí không gồm thâu pháp tương ưng của giác chi trạch pháp.

*

Như pháp trí đối với phần sau, loại trí đối với phần sau cũng như vậy.

HẾT - QUYỂN 9

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 10

Chương 3: TRÍ UẨN

Phẩm 5: BÀN VỀ BẢY THÁNH, phần 2

Hỏi: Các pháp tương ưng với tha tâm trí, pháp ấy tương ưng với thể tục trí chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với tha tâm trí không tương ưng với thể tục trí: Nghĩa là thể tục trí không gồm thân pháp tương ưng của tha tâm trí.

2. Có pháp tương ưng với thể tục trí không tương ưng với tha tâm trí: Nghĩa là tha tâm trí không gồm thân pháp tương ưng của thể tục trí.

3. Có pháp tương ưng với tha tâm trí cũng tương ưng với thể tục trí: Nghĩa là tha tâm trí gồm thân pháp tương ưng của thể tục trí.

4. Có pháp không tương ưng với tha tâm trí cũng không tương ưng với thể tục trí: Nghĩa là tha tâm trí, thể tục trí không cùng tương ưng lẫn nhau, tha tâm trí và thể tục trí không tương ưng với các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Đối với giác chi trạch pháp, đạo trí, chánh kiến cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với tha tâm trí, pháp ấy tương ưng với khổ trí chăng?

Đáp: Không như vậy.

Hỏi: Nếu các pháp tương ưng với khổ trí, pháp ấy tương ưng với tha tâm trí chăng?

Đáp: Không như vậy.

Đối với tập trí, diệt trí, Tam-ma-địa không, Tam-ma-địa vô tướng, vị tri đương tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với tha tâm trí, pháp ấy tương ưng với Tam-ma-địa vô nguyện chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với tha tâm trí không tương ưng với vô nguyện: Nghĩa là tha tâm trí tương ưng với vô nguyện và vô nguyện không tương ưng với pháp tương ưng của tha tâm trí.

2. Có pháp tương ưng với vô nguyện không tương ưng với tha tâm trí: Nghĩa là vô nguyện tương ưng với tha tâm trí và tha tâm trí không tương ưng với pháp tương ưng của vô nguyện.

3. Có pháp tương ưng với tha tâm trí cũng tương ưng với vô nguyện: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng.

4. Có pháp không tương ưng với tha tâm trí cũng không tương ưng với vô nguyện: Nghĩa là tha tâm trí không tương ưng với vô nguyện, vô nguyện không tương ưng với tha tâm trí, và các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Đối với các giác chi niệm, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với tha tâm trí, pháp ấy tương ưng với dĩ tri căn chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với tha tâm trí không tương ưng với dĩ tri căn: Nghĩa là dĩ tri căn không tương ưng với pháp tương ưng của tha tâm trí.

2. Có pháp tương ưng với dĩ tri căn không tương ưng với tha tâm trí: Nghĩa là dĩ tri căn tương ưng với tha tâm trí và tha tâm trí không tương ưng với pháp tương ưng của dĩ tri căn.

3. Có pháp tương ưng với tha tâm trí cũng tương ưng với dĩ tri căn: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng.

4. Có pháp không tương ưng với tha tâm trí cũng không tương ưng với dĩ tri căn: Nghĩa là dĩ tri căn không gồm tha tâm trí, và tha tâm trí, dĩ tri căn không gồm tha tâm, không tương ưng với các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Đối với cụ tri căn cũng như vậy.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với thể tục trí, pháp ấy tương ưng với khổ trí cho đến tương ưng với chánh định chăng?

Đáp: Không như vậy.

Hỏi: Nếu các pháp tương ưng với khổ trí cho đến tương ưng với chánh định, pháp ấy tương ưng với thể tục trí chăng?

Đáp: Không như vậy.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với khổ trí, pháp ấy tương ưng với tập trí chăng?

Đáp: Không như vậy.

Hỏi: Nếu các pháp tương ưng với tập trí, pháp ấy tương ưng với khổ trí chăng?

Đáp: Không như vậy.

Đối với diệt trí, đạo trí, Tam-ma-địa vô tướng cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với khổ trí, pháp ấy tương ưng với Tam-ma-địa không chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với khổ trí không tương ưng với Tam-ma-địa không: Nghĩa là khổ trí tương ưng với không, và không không tương ưng với pháp tương ưng của khổ trí.

2. Có pháp tương ưng với Tam-ma-địa không không tương ưng với khổ trí: Nghĩa là không tương ưng với khổ trí và khổ trí không tương ưng với pháp tương ưng của không.

3. Có pháp tương ưng với khổ trí cũng tương ưng với không: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng.

4. Có pháp không tương ưng với khổ trí cũng không tương ưng với không: Nghĩa là khổ trí không tương ưng với không, không không tương ưng với khổ trí, và không, khổ trí không tương ưng với các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Đối với Tam-ma-địa vô nguyện cũng như vậy.

Đối với ba căn vô lậu, bảy giác chi, tám chi đạo, như nói về pháp trí.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với tập trí, pháp ấy tương ưng với diệt trí chăng?

Đáp: Không như vậy.

Hỏi: Nếu các pháp tương ưng với diệt trí, pháp ấy tương ưng với tập trí chăng?

Đáp: Không như vậy.

Đối với đạo trí, Tam-ma-địa không, vô tướng cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với tập trí, pháp ấy tương ưng với Tam-ma-địa vô nguyện chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với tập trí không tương ưng với vô nguyện: Nghĩa là tập trí tương ưng với vô nguyện.

2. Có pháp tương ưng với vô nguyện không tương ưng với tập trí: Nghĩa là tập trí và tập trí không tương ưng với pháp tương ưng của vô nguyện.

3. Có pháp tương ưng với tập trí cũng tương ưng với vô nguyện: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng.

4. Có pháp không tương ưng với tập trí cũng không tương ưng với vô nguyện: Nghĩa là tập trí không tương ưng với vô nguyện và các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Đối với ba căn vô lậu, bảy giác chi, tám đạo chi, như nói về pháp trí.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với diệt trí, pháp ấy tương ưng với đạo trí chăng?

Đáp: Không như vậy.

Hỏi: Nếu các pháp tương ưng với đạo trí, pháp ấy tương ưng với diệt trí chăng?

Đáp: Không như vậy.

Đối với Tam-ma-địa không, vô nguyện cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với diệt trí, pháp ấy tương ưng với Tam-ma-địa vô tướng chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với diệt trí không tương ưng với vô tướng: Nghĩa là diệt trí tương ưng với vô tướng.

2. Có pháp tương ưng với Tam-ma-địa vô tướng không tương ưng với diệt trí: Nghĩa là diệt trí và diệt trí không tương ưng với pháp tương ưng của vô tướng.

3. Có pháp tương ưng với diệt trí cũng tương ưng với vô tướng: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng.

4. Có pháp không tương ưng với diệt trí cũng không tương ưng với vô tướng: Nghĩa là diệt trí không tương ưng với vô tướng, và các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Đối với ba căn vô lậu, bảy giác chi, tám đạo chi, như nói về pháp trí.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với đạo trí, pháp ấy tương ưng với Tam-ma-địa không chăng?

Đáp: Không như vậy.

Hỏi: Nếu các pháp tương ưng với Tam-ma-địa không, pháp ấy tương ưng với đạo trí chăng?

Đáp: Không như vậy.

Đối với Tam-ma-địa vô tướng cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với đạo trí, pháp ấy tương ưng với Tam-ma-địa vô nguyện chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với đạo trí không tương ưng với vô nguyện: Nghĩa là đạo trí tương ưng với vô nguyện.

2. Có pháp tương ưng với vô nguyện không tương ưng với đạo trí: Nghĩa là đạo trí và đạo trí không tương ưng với pháp tương ưng của vô nguyện.

3. Có pháp tương ưng với đạo trí cũng tương ưng với vô nguyện: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng.

4. Có pháp không tương ưng với đạo trí cũng không tương ưng với vô nguyện: Nghĩa là đạo trí không tương ưng với vô nguyện, và các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Đối với ba căn vô lậu, bảy giác chi, tám đạo chi, như nói về pháp trí.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với Tam-ma-địa không, pháp ấy tương ưng với Tam-ma-địa vô nguyện chăng?

Đáp: Không như vậy.

Hỏi: Nếu các pháp tương ưng với Tam-ma-địa vô nguyện, pháp ấy tương ưng với Tam-ma-địa không chăng?

Đáp: Không như vậy.

Đối với Tam-ma-địa vô tướng cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Tam-ma-địa không, pháp ấy tương ưng với vị tri đương tri căn chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với không, không tương ưng với vị tri đương tri căn: Nghĩa là vị tri đương tri căn không gồm thân pháp tương ưng của không.

2. Có pháp tương ưng với vị tri đương tri căn không tương ưng với không: Nghĩa là vị tri đương tri căn gồm thâu không, và không không gồm thâu không tương ưng với pháp tương ưng của vị tri đương tri căn.

3. Có pháp tương ưng với không cũng tương ưng với vị tri đương tri căn: Nghĩa là vị tri đương tri căn gồm thâu pháp tương ưng với không.

4. Có pháp không tương ưng với không cũng không tương ưng với vị tri đương tri căn: Nghĩa là vị tri đương tri căn không gồm thâu không và không, vị tri đương tri căn không gồm thâu, không tương ưng với các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Đối với dĩ tri căn, cụ tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Tam-ma-địa không, pháp ấy tương ưng với giác chi niệm chãng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với không không tương ưng với giác chi niệm: Nghĩa là không tương ưng với giác chi niệm.

2. Có pháp tương ưng với giác chi niệm không tương ưng với không: Nghĩa là không và không không tương ưng với pháp tương ưng của giác chi niệm.

3. Có pháp tương ưng với không cũng tương ưng với giác chi niệm: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng.

4. Có pháp không tương ưng với không cũng không tương ưng với giác chi niệm: Nghĩa là không không tương ưng với giác chi niệm, và các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Đối với các giác chi trạch pháp, tinh tấn, khinh an, xả, chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Tam-ma-địa không, pháp ấy tương ưng với giác chi hỷ chẳng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với không không tương ưng với giác chi hỷ: Nghĩa là không tương ưng với giác chi hỷ, và giác chi hỷ không tương ưng với pháp tương ưng của không.

2. Có pháp tương ưng với giác chi hỷ không tương ưng với không: Nghĩa là giác chi hỷ tương ưng với không, và không không tương ưng với pháp tương ưng của giác chi hỷ.

3. Có pháp tương ưng với không cũng tương ưng với giác chi hỷ: Nghĩa là hai pháp cùng tương ưng.

4. Có pháp không tương ưng với không cũng không tương ưng với giác chi hỷ: Nghĩa là không không tương ưng với giác chi hỷ, giác chi hỷ không tương ưng với không và các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Đối với chánh tư duy cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với Tam-ma-địa không, pháp ấy tương ưng với giác chi định chẳng?

Đáp: Các pháp tương ưng với không, pháp ấy cũng tương ưng với giác chi định. Có pháp tương ưng với giác chi định, không tương ưng với không: Nghĩa là không không gồm thâu pháp tương ưng với của giác chi định.

Đối với chánh định cũng như vậy.

Như không đối với phần sau, vô nguyện, vô tướng đối với phần sau cũng như thế.

Có sự sai biệt: Như không đối với giác chi hỷ, chánh tư duy, vô nguyện, vô tướng đối với giác chi hỷ, chánh kiến, chánh tư duy cũng như vậy.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với vị tri đương tri căn, pháp ấy tương ưng với dĩ tri căn chăng?

Đáp: Không như vậy.

Hỏi: Nếu các pháp tương ưng với dĩ tri căn, pháp ấy tương ưng với vị tri đương tri căn chăng?

Đáp: Không như vậy.

Đối với cụ tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với vị tri đương tri căn, pháp ấy tương ưng với giác chi niệm chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với vị tri đương tri căn không tương ưng với giác chi niệm: Nghĩa là vị tri đương tri căn gồm thâu giác chi niệm.

2. Có pháp tương ưng với giác chi niệm không tương ưng với vị tri đương tri căn: Nghĩa là vị tri đương tri căn không gồm thâu pháp tương ưng của giác chi niệm.

3. Có pháp tương ưng với vị tri đương tri căn cũng tương ưng với giác chi niệm: Nghĩa là vị tri đương tri căn gồm thâu pháp tương ưng của giác chi niệm.

4. Có pháp không tương ưng với vị tri đương tri căn cũng không tương ưng với giác chi niệm: Nghĩa là vị tri đương tri căn không gồm

thâu giác chi niệm và các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Đối với các giác chi trạch pháp, tinh tấn, định, chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với vị tri đương tri căn, pháp ấy tương ưng với giác chi hỷ chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với vị tri đương tri căn không tương ưng với giác chi hỷ: Nghĩa là vị tri đương tri căn gồm thâu giác chi hỷ và giác chi hỷ không gồm thâu, không tương ưng với pháp tương ưng của vị tri đương tri căn.

2. Có pháp tương ưng với giác chi hỷ không tương ưng với vị tri đương tri căn: Nghĩa là vị tri đương tri căn không gồm thâu pháp tương ưng của giác chi hỷ.

3. Có pháp tương ưng với vị tri đương tri căn cũng tương ưng với giác chi hỷ: Nghĩa là vị tri đương tri căn gồm thâu pháp tương ưng của giác chi hỷ.

4. Có pháp không tương ưng với vị tri đương tri căn cũng không tương ưng với giác chi hỷ: Nghĩa là vị tri đương tri căn không gồm thâu giác chi hỷ, và giác chi hỷ, vị tri đương tri căn không gồm thâu, không tương ưng với các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Các pháp tương ưng với vị tri đương tri căn, pháp ấy tương ưng với giác chi khinh an chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với vị tri đương tri căn không tương ưng với giác chi khinh an: Nghĩa là vị tri đương tri căn tương ưng với giác chi khinh an.

2. Có pháp tương ưng với giác chi khinh an không tương ưng với vị tri đương tri căn: Nghĩa là vị tri đương tri căn không tương ưng với pháp tương ưng của giác chi khinh an.

3. Có pháp tương ưng với vị tri đương tri căn cũng tương ưng với giác chi khinh an: Nghĩa là vị tri đương tri căn tương ưng với pháp tương ưng của giác chi khinh an.

4. Có pháp không tương ưng với vị tri đương tri căn cũng không tương ưng với giác chi khinh an: Nghĩa là vị tri đương tri căn không tương ưng với giác chi khinh an và các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Đối với giác chi xả cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với vị tri đương tri căn, pháp ấy tương ưng với chánh tư duy chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với vị tri đương tri căn không tương ưng với chánh tư duy: Nghĩa là vị tri đương tri căn tương ưng với chánh tư duy, và chánh tư duy không tương ưng với pháp tương ưng của vị tri đương tri căn.

2. Có pháp tương ưng với chánh tư duy không tương ưng với vị tri đương tri căn: Nghĩa là vị tri đương tri căn không tương ưng với pháp tương ưng của chánh tư duy.

3. Có pháp tương ưng với vị tri đương tri căn cũng tương ưng với chánh tư duy: Nghĩa là vị tri đương tri căn tương ưng với pháp tương ưng của chánh tư duy.

4. Có pháp không tương ưng với vị tri đương tri căn cũng không tương ưng với chánh tư duy: Nghĩa là vị tri đương tri căn không tương ưng với chánh tư duy và các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

*

Như vị tri đương tri căn đối với phần sau, dĩ tri căn, cụ tri căn đối với phần sau cũng như vậy.

Có sự sai biệt: Cụ tri căn đối với chánh kiến, nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với cụ tri căn không tương ưng với chánh kiến: Nghĩa là cụ tri căn gồm thấu chánh kiến và chánh kiến không gồm thấu, không tương ưng với pháp tương ưng của cụ tri căn.

2. Có pháp tương ưng với chánh kiến không tương ưng với cụ tri căn: Nghĩa là cụ tri căn không gồm thấu pháp tương ưng của chánh kiến.

3. Có pháp tương ưng với cụ tri căn cũng tương ưng với chánh kiến: Nghĩa là cụ tri căn gồm thấu pháp tương ưng của chánh kiến.

4. Có pháp không tương ưng với cụ tri căn cũng không tương ưng với chánh kiến: Nghĩa là cụ tri căn không gồm thấu chánh kiến và các tâm, tâm sở pháp khác, cùng các sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

*

Giác chi niệm cho đến chánh niệm đối với phần sau, nói rộng như phẩm Bàn về giác chi.

*

Như nói: “Bí-sô! Ta sẽ vì ông nói về bốn mươi bốn sự trí, ông nên lắng nghe, hết sức khéo tác ý”.

Hỏi: Thế nào là bốn mươi bốn sự trí?

Đáp: Nghĩa là trí nhận biết lão tử (già chết), trí nhận biết lão tử tập, trí nhận biết lão tử diệt, trí nhận biết hành hướng đến lão tử diệt.

Như thế, trí nhận biết về: Sinh, Hữu, Thủ, Ái, Thọ, Xúc, Lục xú, Danh sắc, Thức, Hành. Trí nhận biết hành tập, trí nhận biết hành diệt, trí nhận biết hành hướng hành diệt. Đó gọi là bốn mươi bốn sự trí.

Hỏi: Trong đây, bốn mươi bốn sự trí như trí nhận biết lão tử v.v... nên nói là pháp trí cho đến đạo trí chăng?

Đáp: Nên nói: Trí nhận biết lão tử là bốn trí: pháp, loại, thể tục, khô trí. Trí nhận biết lão tử tập là bốn trí: pháp, loại, thể tục, tập trí. Trí nhận biết lão tử diệt là bốn trí: pháp, loại, thể tục, diệt trí. Trí nhận biết hành hướng đến lão tử diệt là bốn trí: pháp, loại, thể tục, đạo trí. Bốn trí của Sinh cho đến Hành, cũng như vậy.

*

Như nói: “Bí-sô! Ta sẽ vì ông nói về bảy mươi bảy sự trí, ông nên quán thật kỹ, khéo tác ý”.

Hỏi: Thế nào là bảy mươi bảy sự trí?

Đáp: Nghĩa là trí nhận biết sinh duyên lão tử. Trí nhận biết sinh không phải không duyên lão tử. Trí nhận biết sinh quá khứ duyên lão tử. Trí nhận biết sinh quá khứ kia không phải không duyên lão tử. Trí nhận biết sinh vị lai duyên lão tử. Trí nhận biết sinh vị lai kia không phải không duyên lão tử. Và trí pháp trụ nhận biết khắp sự này là hữu vi, vô thường, do tâm tạo ra, từ duyên sinh, là pháp tận, pháp giảm, pháp lia, pháp diệt.

Như thế, trí nhận biết hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục xú, danh sắc, thức, hành, vô minh, vô minh duyên hành. Trí nhận biết vô minh không phải không duyên hành. Trí nhận biết vô minh quá khứ duyên hành. Trí nhận biết vô minh quá khứ kia không phải không duyên hành. Trí nhận biết vô minh vị lai duyên hành. Trí nhận biết vô minh vị lai kia không phải không duyên hành, cùng trí pháp trụ nhận biết

khấp sự này là hữu vi, vô thường, do tâm tạo ra, từ duyên sinh, là pháp tận, pháp giảm, pháp lia, pháp diệt.

Hỏi: Ở đây, bảy mươi bảy sự trí như trí nhận biết sinh duyên lão tử v.v..., nên nói là pháp trí cho đến đạo trí chăng?

Đáp: Nên nói: Sáu trí trước như trí nhận biết sinh duyên lão tử v.v... đều là bốn trí: pháp, loại, thể tục, tập trí. Trí pháp trừ thứ bảy là một trí: thể tục trí. Như bảy trí nhận biết sinh duyên lão tử, cho đến bảy trí nhận biết vô minh duyên hành cũng như vậy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí là thành tựu loại trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu loại trí là thành tựu pháp trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí là thành tựu tha tâm trí chăng?

Đáp: Nếu được không mất.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí là thành tựu pháp trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí là thành tựu thể tục trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu thể tục trí là thành tựu pháp trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí là thành tựu khổ trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí là thành tựu pháp trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí là thành tựu tập trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu tập trí là thành tựu pháp trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí là thành tựu diệt trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu diệt trí là thành tựu pháp trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí là thành tựu đạo trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu đạo trí là thành tựu pháp trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu loại trí là thành tựu tha tâm trí chăng?

Đáp: Nếu được không mất.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí là thành tựu loại trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu thành tựu loại trí là thành tựu thể tục trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu thể tục trí là thành tựu loại trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu loại trí là thành tựu khổ trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí là thành tựu loại trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu thành tựu loại trí là thành tựu tập trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu tập trí là thành tựu loại trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu loại trí là thành tựu diệt trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu diệt trí là thành tựu loại trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu loại trí là thành tựu đạo trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu đạo trí là thành tựu loại trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu tha tâm trí là thành tựu thể tục trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu thể tục trí là thành tựu tha tâm trí chăng?

Đáp: Nếu được không mất.

Hỏi: Nếu thành tựu tha tâm trí là thành tựu khổ trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí là thành tựu tha tâm trí chăng?

Đáp: Nếu được không mất .

Hỏi: Nếu thành tựu tha tâm trí là thành tựu tập trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu tập trí là thành tựu tha tâm trí chăng?

Đáp: Nếu được không mất.

Hỏi: Nếu thành tựu tha tâm trí là thành tựu diệt trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu diệt trí là thành tựu tha tâm trí chăng?

Đáp: Nếu được không mất.

Hỏi: Nếu thành tựu tha tâm trí là thành tựu đạo trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu đạo trí là thành tựu tha tâm trí chăng?

Đáp: Nếu được không mất.

*

Hỏi: Nếu thành tựu thế tục trí là thành tựu khô trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu khô trí là thành tựu thế tục trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu thế tục trí là thành tựu tập trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu tập trí là thành tựu thế tục trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu thế tục trí là thành tựu diệt trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu diệt trí là thành tựu thể tục trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu thể tục trí là thành tựu đạo trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu đạo trí là thành tựu thể tục trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu khổ trí là thành tựu tập trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu tập trí là thành tựu khổ trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu khổ trí là thành tựu diệt trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu diệt trí là thành tựu khổ trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu khổ trí là thành tựu đạo trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu đạo trí là thành tựu khổ trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu tập trí là thành tựu diệt trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu diệt trí là thành tựu tập trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu tập trí là thành tựu đạo trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu đạo trí là thành tựu tập trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu diệt trí là thành tựu đạo trí chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu đạo trí là thành tựu diệt trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu pháp trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu pháp trí vị lai là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu pháp trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu pháp trí hiện tại là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí vị lai thì thành tựu pháp trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu pháp trí hiện tại là thành tựu pháp trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu pháp trí vị lai, hiện tại chăng?

Đáp: Vị lai nhất định thành tựu, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu pháp trí vị lai, hiện tại là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí vị lai thì thành tựu pháp trí quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Có vị lai không phải là quá khứ, hiện tại: Nghĩa là pháp kia đã được chưa diệt, hoặc đã diệt rồi mất, không hiện ở trước.

Có vị lai và quá khứ không phải là hiện tại: Nghĩa là pháp kia đã diệt không mất, không hiện ở trước.

Có vị lai và hiện tại không phải là quá khứ: Nghĩa là pháp kia hiện ở trước chưa diệt, hoặc diệt rồi mất.

Có vị lai và quá khứ là hiện tại: Nghĩa là pháp kia đã diệt không mất cũng hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu pháp trí quá khứ, hiện tại là thành tựu pháp trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí hiện tại thì thành tựu pháp trí quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Vị lai nhất định thành tựu, quá khứ nếu đã diệt không mất thì thành tựu, nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu pháp trí quá khứ, vị lai là thành tựu pháp trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

*

Như pháp trí trải khắp sáu lượt, các trí loại, khổ, tập, diệt, đạo cũng như vậy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu tha tâm trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí vị lai là thành tựu tha tâm trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu tha tâm trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí hiện tại là thành tựu tha tâm trí quá khứ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu tha tâm trí vị lai thì thành tựu tha tâm trí hiện tại chẳng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí hiện tại là thành tựu tha tâm trí vị lai chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu tha tâm trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí vị lai, hiện tại chẳng?

Đáp: Vị lai nhất định thành tựu, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí vị lai, hiện tại là thành tựu tha tâm trí quá khứ chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu tha tâm trí vị lai thì thành tựu tha tâm trí quá khứ, hiện tại chẳng?

Đáp: Có vị lai không phải là quá khứ, hiện tại: Nghĩa là pháp kia đã được không mất, chưa diệt, giả như diệt rồi mất, không hiện ở trước.

Có vị lai và quá khứ không phải là hiện tại: Nghĩa là pháp kia đã diệt không mất, không hiện ở trước.

Có vị lai và hiện tại, không phải là quá khứ:

Có vị lai và quá khứ là hiện tại: Nghĩa là pháp kia hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí quá khứ, hiện tại là thành tựu tha tâm trí vị lai chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu tha tâm trí hiện tại thì thành tựu tha tâm trí quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí quá khứ, vị lai là thành tựu tha tâm trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

*

Hỏi: Nếu thành tựu thể tục trí quá khứ thì thành tựu thể tục trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu thể tục trí vị lai là thành tựu thể tục trí quá khứ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu thể tục trí quá khứ thì thành tựu thể tục trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu thể tục trí hiện tại là thành tựu thể tục trí quá khứ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu thể tục trí vị lai thì thành tựu thể tục trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu thể tục trí hiện tại là thành tựu thể tục trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu thể tục trí quá khứ thì thành tựu thể tục trí hiện tại, vị lai chăng?

Đáp: Vị lai nhất định thành tựu, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu thể tục trí hiện tại, vị lai là thành tựu thể tục trí quá khứ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu thể tục trí vị lai thì thành tựu thể tục trí quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Quá khứ nhất định thành tựu, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu thể tục trí quá khứ, hiện tại là thành tựu thể tục trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu thể tục trí hiện tại thì thành tựu thể tục trí quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu thể tục trí quá khứ, vị lai là thành tựu thể tục trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

*

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu loại trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu loại trí quá khứ là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu loại trí vị lai chăng?

Đáp: Có thể được.

Hỏi: Nếu như thành tựu loại trí vị lai là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu loại trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu loại trí hiện tại là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

*

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu loại trí quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Có pháp trí quá khứ không phải là loại trí quá khứ, hiện tại: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, loại trí chưa diệt, giả sử diệt rồi mất không hiện ở trước.

Có pháp trí quá khứ và loại trí quá khứ không phải là hiện tại: Nghĩa là pháp, loại trí đã diệt không mất, loại trí không hiện ở trước.

Có pháp trí quá khứ và loại trí hiện tại, không phải là quá khứ: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, loại trí hiện ở trước chưa diệt, giả sử diệt rồi mất.

Có pháp trí quá khứ và loại trí quá khứ, hiện tại: Nghĩa là pháp, loại trí đã diệt không mất, loại trí hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu loại trí quá khứ, hiện tại là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu loại trí hiện tại, vị lai chăng?

Đáp: Có pháp trí quá khứ không phải là loại trí hiện tại, vị lai: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, chưa được loại trí.

Có pháp trí quá khứ và loại trí vị lai, không phải là hiện tại: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, đã được loại trí, không hiện ở trước.

Có pháp trí quá khứ và loại trí hiện tại, vị lai: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, loại trí hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu loại trí hiện tại, vị lai là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu loại trí quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Có pháp trí quá khứ không phải là loại trí quá khứ, vị lai: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, chưa được loại trí.

Có pháp trí quá khứ và loại trí vị lai không phải là quá khứ: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, đã được loại trí chưa diệt, nếu diệt rồi mất.

Có pháp trí quá khứ và loại trí quá khứ, vị lai: Nghĩa là pháp, loại trí đã diệt không mất.

Hỏi: Nếu như thành tựu loại trí quá khứ, vị lai là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu loại trí quá khứ, hiện tại, vị lai chăng?

Đáp: Có pháp trí quá khứ, không phải là loại trí quá khứ, hiện tại, vị lai: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, chưa được loại trí.

Có pháp trí quá khứ và loại trí vị lai, không phải là quá khứ, hiện tại: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, đã được loại trí chưa diệt, nếu như diệt rồi mất, không hiện ở trước.

Có pháp trí quá khứ và loại trí hiện tại, vị lai, không phải là quá khứ: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, loại trí hiện ở trước, chưa diệt, nếu như diệt rồi mất.

Có pháp trí quá khứ và loại trí quá khứ, vị lai, không phải là hiện tại: Nghĩa là pháp, loại trí đã diệt không mất, loại trí không hiện ở trước. Có pháp trí quá khứ và loại trí quá khứ, hiện tại, vị lai: Nghĩa là pháp, loại trí đã diệt không mất, loại trí hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu loại trí quá khứ, hiện tại, vị lai là đã thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

*

Như đối với loại trí tạo ra bảy phần nhỏ, đối với tập, diệt, đạo trí cũng như vậy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí quá khứ là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí vị lai chăng?

Đáp: Nếu đã được không mất.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí vị lai là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí hiện tại là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

*

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Có pháp trí quá khứ không phải là tha tâm trí quá khứ, hiện tại: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, tha tâm trí chưa diệt, nếu như diệt rồi mất, không hiện ở trước.

Có pháp trí quá khứ và tha tâm trí quá khứ không phải là hiện tại: Nghĩa là pháp trí, tha tâm trí đã diệt không mất, tha tâm trí không hiện ở trước.

Có pháp trí quá khứ và tha tâm trí quá khứ, hiện tại: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, tha tâm trí hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí quá khứ, hiện tại là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí hiện tại, vị lai chăng?

Đáp: Có pháp trí quá khứ không phải là tha tâm trí hiện tại, vị lai: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, chưa được tha tâm trí, hoặc được rồi mất.

Có pháp trí quá khứ và tha tâm trí vị lai không phải là hiện tại: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, tha tâm trí đã được không mất, không hiện ở trước.

Có pháp trí quá khứ và tha tâm trí hiện tại, vị lai: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, tha tâm trí hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí hiện tại, vị lai là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Có pháp trí quá khứ không phải là tha tâm trí quá khứ, vị lai: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, chưa được tha tâm trí, nếu như được rồi mất.

Có pháp trí quá khứ và tha tâm trí vị lai, không phải là quá khứ: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, đã được tha tâm trí không mất chưa diệt, nếu như diệt rồi mất.

Có pháp trí quá khứ và tha tâm trí quá khứ, vị lai: Nghĩa là pháp, tha tâm trí đã diệt không mất.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí quá khứ, vị lai là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu tha tâm trí quá khứ, hiện tại, vị lai chăng?

Đáp: Có pháp trí quá khứ không phải là tha tâm trí quá khứ, hiện tại, vị lai: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, chưa được tha tâm trí, hoặc được rồi mất.

Có pháp trí quá khứ và tha tâm trí vị lai, không phải là quá khứ, hiện tại: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, tha tâm trí đã được không mất chưa diệt, giả như diệt rồi mất, không hiện ở trước.

Có pháp trí quá khứ và tha tâm trí quá khứ, vị lai, không phải là hiện tại: Nghĩa là pháp trí, tha tâm trí đã diệt không mất, tha tâm trí không hiện ở trước.

Có pháp trí quá khứ và tha tâm trí quá khứ, hiện tại, vị lai: Nghĩa là pháp trí, tha tâm trí đã diệt không mất, tha tâm trí hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu tha tâm trí quá khứ, hiện tại, vị lai là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

*

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu thể tục trí quá khứ chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu thể tục trí quá khứ là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu thể tục trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu thể tục trí vị lai là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu thể tục trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu thể tục trí hiện tại là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

*

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu thể tục trí quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Quá khứ nhất định thành tựu, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu thể tục trí quá khứ, hiện tại là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu thể tục trí hiện tại, vị lai chăng?

Đáp: Vị lai nhất định thành tựu, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu thể tục trí hiện tại, vị lai là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu thể tục trí quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu thể tục trí quá khứ, vị lai là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu thể tục trí quá khứ, hiện tại, vị lai chăng?

Đáp: Quá khứ, vị lai nhất định thành tựu, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu thể tục trí quá khứ, hiện tại, vị lai là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

*

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu khổ trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí quá khứ là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu khổ trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí vị lai là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu khổ trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí hiện tại là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

*

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu khổ trí quá khứ, hiện tại chẳng?

Đáp: Có pháp trí quá khứ, không phải là khổ trí quá khứ, hiện tại: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, khổ trí chưa diệt, nếu như diệt rồi mất, không hiện ở trước.

Có pháp trí quá khứ và khổ trí quá khứ, không phải là hiện tại: Nghĩa là pháp trí, khổ trí đã diệt không mất, khổ trí không hiện ở trước.

Có pháp trí quá khứ và khổ trí hiện tại, không phải là quá khứ: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, khổ trí hiện ở trước, chưa diệt, nếu như diệt rồi mất.

Có pháp trí quá khứ và khổ trí quá khứ, hiện tại: Nghĩa là khổ trí, pháp trí đã diệt không mất, khổ trí hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí quá khứ, hiện tại là thành tựu pháp trí quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu khổ trí hiện tại, vị lai chẳng?

Đáp: Vị lai nhất định thành tựu, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí hiện tại, vị lai là thành tựu pháp trí quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu khổ trí quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Vị lai nhất định thành tựu. Quá khứ nếu đã diệt không mất thì thành tựu, nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí quá khứ, vị lai là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp trí quá khứ thì thành tựu khổ trí quá khứ, hiện tại, vị lai chăng?

Đáp: Có pháp trí quá khứ và khổ trí vị lai, không phải là quá khứ, hiện tại: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, khổ trí chưa diệt, nếu như diệt rồi mất, không hiện ở trước.

Có pháp trí quá khứ và khổ trí hiện tại, vị lai, không phải là quá khứ: Nghĩa là pháp trí đã diệt không mất, khổ trí hiện ở trước, chưa diệt, nếu như diệt rồi mất.

Có pháp trí quá khứ và khổ trí quá khứ, vị lai, không phải là hiện tại: Nghĩa là pháp trí, khổ trí đã diệt không mất, khổ trí không hiện ở trước.

Có pháp trí quá khứ và khổ trí quá khứ, hiện tại, vị lai: Nghĩa là pháp trí, khổ trí đã diệt không mất, khổ trí hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu khổ trí quá khứ, hiện tại, vị lai là thành tựu pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, hoặc diệt rồi mất thì không thành tựu.

Như pháp trí đối với phân sau tạo ra bảy phần nhỏ, cho đến diệt trí đối với đạo trí, tùy chỗ thích hợp tạo ra bảy phần nhỏ cũng như vậy.

Như bảy phần nhỏ, bảy phần lớn cũng như thế.

Sự sai biệt: Dùng hai hoặc nhiều đối chiếu với một. Hoặc dùng một đối chiếu với hai, hoặc nhiều. Như quá khứ đứng đầu có bảy, vị lai cho đến quá khứ, vị lai, hiện tại đứng đầu cũng đều có bảy, như sự ứng hợp nên biết.

HẾT - QUYỂN 10

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 11

Chương 4: NGHIỆP UẨN

Phẩm 1: BÀN VỀ HÀNH ÁC

Tụng nêu chung:

*Ba hành đối ba căn
 Cùng đối mười nghiệp đạo
 Ba nghiệp đối mười đạo
 Chín môn nghiệp cùng thân.
 Thân, tâm thọ bốn câu
 Ba chương thể thế nào?
 Gọi tội lớn, quả lớn
 Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Ba hành ác, ba căn bất thiện: Ba hành ác gồm thân ba căn bất thiện hay là ba căn bất thiện gồm thân ba hành ác?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có hành ác không phải là căn bất thiện: Nghĩa là hành ác của thân, ngữ, tà kiến, tư duy đều bất thiện. 2. Có căn bất thiện không phải là hành ác: Nghĩa là căn bất thiện si. 3. Có hành ác cũng là căn bất thiện: Nghĩa là tham dục, giận

dữ. 4. Có không phải là hành ác cũng không phải là căn bất thiện: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Ba hành diệu, ba căn thiện: Ba hành diệu gồm thân ba căn thiện hay là ba căn thiện gồm thân ba hành diệu?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có hành diệu không phải là căn thiện: Nghĩa là hành diệu của thân, ngữ, tư duy đều thiện. 2. Có căn thiện không phải là hành diệu: Nghĩa là chánh kiến không gồm thân căn thiện vô si. 3. Có hành diệu cũng là căn thiện: Nghĩa là vô tham, vô sân, chánh kiến. 4. Có không phải là hành diệu cũng không phải là căn thiện: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

*

Hỏi: Ba hành ác, mười nghiệp đạo bất thiện: Ba hành ác gồm thân mười nghiệp đạo bất thiện hay là mười nghiệp đạo bất thiện gồm thân ba hành ác?

Đáp: Ba hành ác gồm thân mười nghiệp đạo bất thiện, không phải mười nghiệp đạo bất thiện gồm thân ba hành ác. Những gì là không gồm thân? Nghĩa là trừ hành ác của thân ngữ ý thuộc về nghiệp đạo, còn lại là hành ác của thân ngữ ý khác.

Hỏi: Ba hành diệu, mười nghiệp đạo thiện: Ba hành diệu gồm thân mười nghiệp đạo thiện hay là mười nghiệp đạo thiện gồm thân ba hành diệu?

Đáp: Ba hành diệu gồm thân mười nghiệp đạo thiện, không phải mười nghiệp đạo thiện gồm thân ba hành diệu. Những gì là không gồm thân? Nghĩa là trừ hành diệu của thân ngữ ý thuộc về nghiệp đạo, còn lại là hành diệu của thân ngữ ý khác.

*

Hỏi: Ba nghiệp, mười nghiệp đạo: Ba nghiệp gồm thân mười nghiệp đạo hay là mười nghiệp đạo gồm thân ba nghiệp?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có nghiệp không phải là nghiệp đạo: Nghĩa là nghiệp đạo không gồm thân nghiệp thân, ngữ và ý. 2. Có nghiệp đạo không phải là nghiệp: Nghĩa là ba nghiệp đạo sau. 3. Có nghiệp cũng là nghiệp đạo: Nghĩa là bảy nghiệp đạo trước. 4. Có không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp đạo: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

*

Ba nghiệp: Là nghiệp thân, ngữ, ý. *Bốn nghiệp:* Là nghiệp di thực đen đen, nghiệp di thực trắng trắng, nghiệp di thực đen trắng đen trắng, nghiệp di thực không không phải đen không phải trắng, có khả năng dứt hết các nghiệp.

Hỏi: Ba nghiệp gồm thân bốn nghiệp hay là bốn nghiệp gồm thân ba nghiệp?

Đáp: Ba nghiệp gồm thân bốn nghiệp, không phải bốn nghiệp gồm thân ba nghiệp. Những gì là không gồm thân? Nghĩa là trừ học tư có thể đoạn trừ các nghiệp, còn lại là nghiệp vô lậu, tất cả nghiệp vô ký, nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

Ba nghiệp: Là nghiệp thân, ngữ, ý. *Lại có ba nghiệp:* Là nghiệp thuận hiện pháp thọ, nghiệp thuận thứ sinh thọ, nghiệp thuận hậu thứ thọ.

Hỏi: Ba nghiệp trước gồm thân ba nghiệp sau hay là ba nghiệp sau gồm thân ba nghiệp trước?

Đáp: Ba nghiệp trước gồm thân ba nghiệp sau, không phải ba nghiệp sau gồm thân ba nghiệp trước. Những gì là không gồm thân? Nghĩa là nghiệp bất định, nghiệp vô ký, nghiệp vô lậu.

Ba nghiệp: Là nghiệp thân, ngữ, ý. *Lại có ba nghiệp:* Là nghiệp thuận lạc thọ, nghiệp thuận khổ thọ, nghiệp thuận bất khổ bất lạc thọ.

Hỏi: Ba nghiệp trước gồm thân ba nghiệp sau hay là ba nghiệp sau gồm thân ba nghiệp trước?

Đáp: Ba nghiệp trước gồm thân ba nghiệp sau, không phải ba nghiệp sau gồm thân ba nghiệp trước. Những gì là không gồm thân? Nghĩa là nghiệp vô ký, nghiệp vô lậu.

Ba nghiệp: Là nghiệp thân, ngữ, ý. *Lại có ba nghiệp:* Là nghiệp quá khứ, hiện tại, vị lai. *Lại có ba nghiệp:* Là nghiệp thiện, bất thiện, vô ký. *Lại có ba nghiệp:* Là nghiệp học, vô học, phi học phi vô học. *Lại có ba nghiệp:* Là nghiệp do kiến đạo đoạn, tu đạo đoạn, không đoạn.

Hỏi: Là trước gồm thân sau hay là sau gồm thân trước?

Đáp: Tùy theo sự việc của nghiệp, lần lượt gồm thân nhau.

Ba nghiệp: Là nghiệp thân, ngữ, ý. *Lại có ba nghiệp:* Là nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục, nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc, nghiệp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Ba nghiệp trước gồm thân ba nghiệp sau hay là ba nghiệp sau gồm thân ba nghiệp trước?

Đáp: Ba nghiệp trước gồm thân ba nghiệp sau, không phải ba nghiệp sau gồm thân ba nghiệp trước. Những gì là không gồm thân? Nghĩa là nghiệp vô lậu.

*

Bốn nghiệp: Là nghiệp dị thực đen đen, nghiệp dị thực trắng trắng, nghiệp dị thực đen trắng đen trắng, nghiệp dị thực không không phải đen không phải trắng, có khả năng dứt hết các nghiệp. *Ba nghiệp:* Là nghiệp thuận hiện pháp thọ, nghiệp thuận thứ sinh thọ, nghiệp thuận hậu thứ thọ.

Hỏi: Bốn nghiệp gồm thâu ba nghiệp hay là ba nghiệp gồm thâu bốn nghiệp?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có bốn nghiệp không phải là ba nghiệp: Nghĩa là học tư có thể đoạn các nghiệp, nghiệp bất định thiện, bất thiện hệ thuộc nơi cõi Dục và nghiệp bất định thiện hệ thuộc nơi cõi Sắc. 2. Có ba nghiệp không phải là bốn nghiệp: Nghĩa là nghiệp quyết định thiện hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. 3. Có bốn nghiệp cũng là ba nghiệp: Nghĩa là nghiệp quyết định thiện, bất thiện hệ thuộc nơi cõi Dục và nghiệp quyết định thiện hệ thuộc nơi cõi Sắc. 4. Có không phải là bốn nghiệp cũng không phải là ba nghiệp: Nghĩa là trừ học tư có thể đoạn các nghiệp, còn lại là nghiệp vô lậu, nghiệp bất định thiện và nghiệp vô ký hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

Bốn nghiệp: Như trước đã nói. *Ba nghiệp:* Là nghiệp thuận lạc thọ, nghiệp thuận khổ thọ, nghiệp thuận bất khổ bất lạc thọ.

Hỏi: Bốn nghiệp gồm thâu ba nghiệp hay là ba nghiệp gồm thâu bốn nghiệp?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có bốn nghiệp không phải là ba nghiệp: Nghĩa là học tư có thể đoạn các nghiệp. 2. Có ba nghiệp không phải là bốn nghiệp: Nghĩa là nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. 3. Có bốn nghiệp cũng là ba nghiệp: Nghĩa là nghiệp thiện, bất thiện hệ thuộc nơi cõi Dục, và nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Sắc. 4. Có không phải là bốn nghiệp cũng không phải là ba nghiệp: Nghĩa là trừ học tư có thể đoạn các nghiệp, còn lại là nghiệp vô lậu và nghiệp vô ký.

Bốn nghiệp: Như trước đã nói. *Ba nghiệp:* Là nghiệp quá khứ v.v..., nghiệp thiện v.v..., nghiệp học v.v..., nghiệp do kiến đạo đoạn v.v...

Hỏi: Bốn nghiệp gồm thâu ba nghiệp hay là ba nghiệp gồm thâu bốn nghiệp?

Đáp: Ba nghiệp gồm thâu bốn nghiệp, không phải bốn nghiệp gồm thâu ba nghiệp. Những gì là không gồm thâu? Nghĩa là trừ học tư có thể đoạn trừ các nghiệp, còn lại là nghiệp vô lậu, nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Vô sắc và nghiệp vô ký.

Bốn nghiệp: Như trước đã nói. *Ba nghiệp:* Là nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục, nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc, nghiệp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Bốn nghiệp gồm thâu ba nghiệp hay là ba nghiệp gồm thâu bốn nghiệp?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có bốn nghiệp không phải là ba nghiệp: Nghĩa là học tư có thể đoạn các nghiệp. 2. Có ba nghiệp không phải là bốn nghiệp: Nghĩa là nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Vô sắc và nghiệp vô ký. 3. Có bốn nghiệp cũng là ba nghiệp: Nghĩa là nghiệp thiện, bất thiện hệ thuộc nơi cõi Dục và nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Sắc. 4. Có không phải là bốn nghiệp cũng không phải là ba nghiệp: Nghĩa là trừ học tư có thể đoạn các nghiệp, còn lại là nghiệp vô lậu.

*

Ba nghiệp: Là nghiệp thuận hiện pháp thọ v.v... *Lại có ba nghiệp:* Là nghiệp thuận lạc thọ v.v...

Hỏi: Ba nghiệp trước gồm thâu ba nghiệp sau hay là ba nghiệp sau gồm thâu ba nghiệp trước?

Đáp: Ba nghiệp sau gồm thâu ba nghiệp trước, không phải ba nghiệp trước gồm thâu ba nghiệp sau. Những gì là không gồm thâu? Nghĩa là nghiệp bất định.

Ba nghiệp: Là nghiệp thuận hiện pháp thọ v.v... *Lại có ba nghiệp:* Là nghiệp quá khứ v.v..., nghiệp thiện v.v..., nghiệp học v.v..., nghiệp do kiến đạo đoạn v.v...

Hỏi: Là trước gồm thân sau hay là sau gồm thân trước?

Đáp: Là sau gồm thân trước, không phải là trước gồm thân sau. Những gì là không gồm thân? Nghĩa là nghiệp bất định, nghiệp vô ký, nghiệp vô lậu.

Ba nghiệp: Là nghiệp thuận hiện pháp thọ v.v... *Lại có ba nghiệp:* Là nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục v.v...

Hỏi: Ba nghiệp trước gồm thân ba nghiệp sau hay là ba nghiệp sau gồm thân ba nghiệp trước?

Đáp: Ba nghiệp sau gồm thân ba nghiệp trước, không phải ba nghiệp trước gồm thân ba nghiệp sau. Những gì là không gồm thân? Nghĩa là nghiệp bất định, nghiệp vô ký.

*

Ba nghiệp: Là nghiệp thuận lạc thọ v.v... *Lại có ba nghiệp:* Là nghiệp quá khứ v.v..., nghiệp thiện v.v..., nghiệp học v.v..., nghiệp do kiến đạo đoạn v.v...

Hỏi: Là trước gồm thân sau hay là sau gồm thân trước?

Đáp: Là sau gồm thân trước, không phải trước gồm thân sau. Những gì là không gồm thân? Nghĩa là nghiệp vô ký, nghiệp vô lậu.

Ba nghiệp: Là nghiệp thuận lạc thọ v.v... *Lại có ba nghiệp:* Là nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục v.v...

Hỏi: Ba nghiệp trước gồm thân ba nghiệp sau hay là ba nghiệp sau gồm thân ba nghiệp trước?

Đáp: Ba nghiệp sau gồm thân ba nghiệp trước, không phải ba nghiệp trước gồm thân ba nghiệp sau. Những gì là không gồm thân? Nghĩa là nghiệp vô ký.

*

Ba nghiệp: Là nghiệp quá khứ v.v... *Lại có ba nghiệp:* Là nghiệp thiện v.v..., nghiệp học v.v..., nghiệp do kiến đạo đoạn v.v....

Hỏi: Là trước gồm thân sau hay là sau gồm thân trước?

Đáp: Tùy thuộc vào sự việc của nghiệp, lần lượt gồm thân nhau.

Ba nghiệp: Là nghiệp quá khứ v.v... *Lại có ba nghiệp:* Là nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục v.v...

Hỏi: Ba nghiệp trước gồm thân ba nghiệp sau hay là ba nghiệp sau gồm thân ba nghiệp trước?

Đáp: Ba nghiệp trước gồm thân ba nghiệp sau, không phải ba nghiệp sau gồm thân ba nghiệp trước. Những gì là không gồm thân? Nghĩa là nghiệp vô lậu.

*

Ba nghiệp: Là nghiệp thiện v.v... *Lại có ba nghiệp:* Là nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục v.v...

Hỏi: Ba nghiệp trước gồm thân ba nghiệp sau hay là ba nghiệp sau gồm thân ba nghiệp trước?

Đáp: Ba nghiệp trước gồm thân ba nghiệp sau, không phải ba nghiệp sau gồm thân ba nghiệp trước. Những gì là không gồm thân? Nghĩa là nghiệp vô lậu.

Ba nghiệp: Là nghiệp thiện v.v... *Lại có ba nghiệp:* Là nghiệp học v.v... *Lại có ba nghiệp:* Là nghiệp do kiến đạo đoạn v.v....

Hỏi: Là trước gồm thân sau hay là sau gồm thân trước?

Đáp: Tùy thuộc vào sự việc của nghiệp, lần lượt gồm thân nhau.

*

Ba nghiệp: Là nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục v.v... *Lại có ba nghiệp*: Là nghiệp học v.v... *Lại có ba nghiệp*: Là nghiệp do kiến đạo đoạn v.v...

Hỏi: Là trước gồm thân sau hay là sau gồm thân trước?

Đáp: Là sau gồm thân trước, không phải trước gồm thân sau. Những gì là không gồm thân? Nghĩa là nghiệp vô lậu.

*

Ba nghiệp: Là nghiệp học v.v... *Lại có ba nghiệp*: Là nghiệp do kiến đạo đoạn v.v....

Hỏi: Ba nghiệp trước gồm thân ba nghiệp sau hay là ba nghiệp sau gồm thân ba nghiệp trước?

Đáp: Tùy thuộc vào sự việc của nghiệp, lần lượt gồm thân nhau.

*

Hỏi: Từng có nghiệp cảm thân thọ không phải là tâm chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là nghiệp bất thiện.

Hỏi: Từng có nghiệp cảm tâm thọ không phải là thân chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là nghiệp thiện không tâm.

Hỏi: Từng có nghiệp cảm thân tâm thọ chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là nghiệp thiện có tâm.

Hỏi: Từng có nghiệp không cảm thân tâm thọ mà chiêu cảm dị thực (quả báo) chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là các nghiệp chiêu cảm dị thực của sắc, tâm bất tương ưng hành.

*

Như nói có ba chương: 1. Phiền não chương. 2. Nghiệp chương.
3. Dị thực chương.

Hỏi: Thế nào là Phiền não chương?

Đáp: Nghĩa là như có một hữu tình bản tánh có đủ các thứ phiền não tham, sân, si luôn bùng phát. Do như thế nên khó sinh khởi chán bỏ, khó có thể dạy khuyên, khó có thể khai ngộ, khó được lìa khỏi, khó được giải thoát.

Hỏi: Thế nào là Nghiệp chương?

Đáp: Nghĩa là năm nghiệp vô gián.

Hỏi: Thế nào là Dị thực chương?

Đáp: Nghĩa là các xứ hữu tình, các xứ Na-lạc-ca (Địa ngục), bàng sinh, quỷ giới, châu Bắc Câu-lô, Vô tướng thiên.

*

Hỏi: Trong ba hành ác, hành ác nào là tội rất lớn?

Đáp: Đó là tội nói lời lừa dối phá Tăng. Nghiệp này có thể nhận lấy quả báo thọ mạng một kiếp đọa nơi địa ngục vô gián.

Hỏi: Trong ba hành diêu, hành diêu nào là quả rất lớn?

Đáp: Đó là tư duy trong đấng chí của hữu thứ nhất. Nghiệp này có thể nhận lấy quả báo thọ mạng tám vạn kiếp nơi Phi tướng phi phi tướng xứ.

Phẩm 2: BÀN VỀ TÀ NGŨ

Tụng nêu chung:

Ba tà chánh một khác

Ba hành ác cong vạy

*Diệu tịnh mặc cùng thân
Sáu trường hợp phi lý
Nghệp được quả ba đời
Quả dị thực tám cú
Năm nghiệp không trước sau
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Các tà ngữ chúng là tà mạng chăng? Nếu là tà mạng chúng là tà ngữ chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có tà ngữ không phải là tà mạng: Nghĩa là trừ tham đã khởi bốn hành ác của ngữ, còn lại là các hành ác khác của ngữ. 2. Có tà mạng không phải là tà ngữ: Nghĩa là tham đã khởi ba hành ác của thân. 3. Có tà ngữ cũng là tà mạng: Nghĩa là tham đã khởi bốn hành ác của ngữ. 4. Có không phải là tà ngữ cũng không phải là tà mạng: Nghĩa là trừ tham đã khởi ba hành ác của thân, còn lại là các hành ác khác của thân.

Hỏi: Các tà nghiệp chúng là tà mạng chăng? Nếu là tà mạng chúng là tà nghiệp chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có tà nghiệp không phải là tà mạng: Nghĩa là trừ tham đã khởi ba hành ác của thân, còn lại là các hành ác khác của thân. 2. Có tà mạng không phải là tà nghiệp: Nghĩa là tham đã khởi bốn hành ác của ngữ. 3. Có tà nghiệp cũng là tà mạng: Nghĩa là tham đã khởi ba hành ác của thân. 4. Có không phải là tà nghiệp cũng không phải là tà mạng: Nghĩa là trừ tham đã khởi bốn hành ác của ngữ, còn lại là các hành ác khác của ngữ.

*

Hỏi: Các chánh ngữ chúng là chánh mạng chăng? Nếu là chánh mạng chúng là chánh ngữ chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có chánh ngữ không phải là chánh mạng: Nghĩa là trừ vô tham đã khởi bốn hành diệu của ngữ, còn lại là các hành diệu khác của ngữ. 2. Có chánh mạng không phải là chánh ngữ: Nghĩa là vô tham đã khởi ba hành diệu của thân. 3. Có chánh ngữ cũng có chánh mạng: Nghĩa là vô tham đã khởi bốn hành diệu của ngữ. 4. Có không phải là chánh ngữ cũng không phải là chánh mạng: Nghĩa là trừ vô tham đã khởi ba hành diệu của thân, còn lại là các hành diệu khác của thân.

Hỏi: Các chánh nghiệp chúng là chánh mạng chăng? Nếu là chánh mạng chúng là chánh nghiệp chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có chánh nghiệp không phải là chánh mạng: Nghĩa là trừ vô tham đã khởi ba hành diệu của thân, còn lại là các hành diệu khác của thân. 2. Có chánh mạng không phải là chánh nghiệp: Nghĩa là vô tham đã khởi bốn hành diệu của ngữ. 3. Có chánh nghiệp cũng là chánh mạng: Nghĩa là vô tham đã khởi ba hành diệu của thân. 4. Có không phải là chánh nghiệp cũng không phải là chánh mạng: Nghĩa là trừ vô tham đã khởi bốn hành diệu của ngữ, còn lại là các hành diệu khác của ngữ.

*

Ba thứ cong vạy, cấu ướ, vẫn đục của ba hành ác: Nghĩa là thân cong vạy, thân cấu ướ, thân vẫn đục, ngữ cong vạy, ngữ cấu ướ, ngữ vẫn đục, ý cong vạy, ý cấu ướ, ý vẫn đục.

Hỏi: Thế nào là ba cong vạy?

Đáp: Nghĩa là sự dua nịnh đã khởi nghiệp nơi thân, ngữ, ý.

Hỏi: Thế nào là ba cấu ướ?

Đáp: Nghĩa là sự giận dữ đã khởi nghiệp nơi thân, ngữ, ý.

Hỏi: Thế nào là ba vẫn đục?

Đáp: Nghĩa là tham đã khởi nghiệp nơi thân, ngữ, ý.

Hỏi: Ba hành ác gồm thân ba thứ cong vạy, cấu ứ, vẩn đục, hay là ba thứ cong vạy, cấu ứ, vẩn đục gồm thân ba hành ác?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có hành ác không phải là cong vạy, cấu ứ, vẩn đục: Nghĩa là trừ sự dua nịnh, giận, tham, đã khởi hành ác của thân, ngữ, ý nơi cõi Dục, còn lại là các hành ác khác của thân, ngữ, ý. 2. Có sự cong vạy, cấu ứ, vẩn đục, không phải là hành ác: Nghĩa là sự dua nịnh, tham nơi tính lự thứ nhất đã khởi nghiệp thân, ngữ, ý và các tham còn lại của cõi Sắc, cõi Vô sắc đã khởi ý nghiệp. 3. Có hành ác cũng là sự cong vạy, cấu ứ, vẩn đục: Nghĩa là tham, giận, dua nịnh của cõi Dục đã khởi hành ác nơi thân, ngữ, ý. 4. Có không phải là hành ác cũng không phải là sự cong vạy, cấu ứ, vẩn đục: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

*

Hỏi: Ba hành diệu, ba thanh tịnh: Nghĩa là thân, ngữ, ý thanh tịnh. Là hành diệu gồm thân thanh tịnh hay là thanh tịnh gồm thân hành diệu?

Đáp: Tùy thuộc vào sự việc, chúng lẫn lộn gồm nhau.

Hỏi: Ba hành diệu, ba tĩnh lặng: Nghĩa là thân, ngữ, ý tĩnh lặng. Là hành diệu gồm thân tĩnh lặng hay là tĩnh lặng gồm thân hành diệu?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có hành diệu không phải là tĩnh lặng: Nghĩa là trừ hành diệu của thân, ngữ vô học, còn lại là các hành diệu khác của thân, ngữ, ý, và tất cả hành diệu của ý. 2. Có tĩnh lặng không phải là hành diệu: Nghĩa là tâm vô học. 3. Có hành diệu cũng là tĩnh lặng: Nghĩa là hành diệu của thân, ngữ vô học. 4. Có không phải là hành diệu cũng không phải là tĩnh lặng: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Hỏi: Ba thanh tịnh, ba tĩnh lặng: Là thanh tịnh gồm thâm tĩnh lặng hay là tĩnh lặng gồm thâm thanh tịnh?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có thanh tịnh không phải là tĩnh lặng: Nghĩa là trừ thân, ngữ vô học thanh tịnh, còn lại là các thân, ngữ thanh tịnh khác và tất cả ý thanh tịnh. 2. Có tĩnh lặng không phải là thanh tịnh: Nghĩa là tâm vô học. 3. Có thanh tịnh cũng là tĩnh lặng: Nghĩa là thân, ngữ vô học thanh tịnh. 4. Có không phải là thanh tịnh cũng không phải là tĩnh lặng: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

*

Hỏi: Các hành ác của thân, chúng đều do phi lý đã dẫn dắt thân nghiệp chăng? Nếu do phi lý đã dẫn dắt thân nghiệp, nên thân nghiệp ấy đều là hành ác của thân chăng?

Đáp: Các hành ác của thân, chúng đều do phi lý đã dẫn dắt thân nghiệp. Có do phi lý đã dẫn dắt thân nghiệp không phải là hành ác của thân: Nghĩa là thân nghiệp hữu phú vô ký và sự phi lý đã dẫn dắt thân nghiệp vô phú vô ký.

Hỏi: Các hành ác của ngữ, chúng đều do phi lý đã dẫn dắt ngữ nghiệp chăng? Nếu do phi lý đã dẫn dắt ngữ nghiệp, nên ngữ nghiệp ấy đều là hành ác của ngữ chăng?

Đáp: Các hành ác của ngữ, chúng đều do phi lý đã dẫn dắt ngữ nghiệp. Có do phi lý đã dẫn dắt ngữ nghiệp, không phải là hành ác của ngữ: Nghĩa là ngữ nghiệp hữu phú vô ký và sự phi lý đã dẫn dắt ngữ nghiệp vô phú vô ký.

Hỏi: Các hành ác của ý, chúng đều do phi lý đã dẫn dắt ý nghiệp chăng? Nếu do phi lý đã dẫn dắt ý nghiệp, nên ý nghiệp ấy đều là hành ác của ý chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có hành ác của ý không phải do phi lý đã dẫn dắt ý nghiệp: Nghĩa là tham dục, giận dữ, tà

ngữ. 2. Có do phi lý đã dẫn dắt ý nghiệp không phải là hành ác của ý: Nghĩa là ý nghiệp hữu phú vô ký và phi lý đã dẫn dắt ý nghiệp vô phú vô ký. 3. Có hành ác của ý cũng do phi lý đã dẫn dắt ý nghiệp: Nghĩa là ý nghiệp bất thiện. 4. Có không phải là hành ác của ý cũng không phải do phi lý đã dẫn dắt ý nghiệp: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

*

Hỏi: Các hành diệu của thân, chúng đều do như lý đã dẫn dắt thân nghiệp chăng? Nếu do như lý đã dẫn dắt thân nghiệp, nên thân nghiệp ấy đều là hành diệu của thân chăng?

Đáp: Các hành diệu của thân, chúng đều do như lý đã dẫn dắt thân nghiệp. Có như lý đã dẫn dắt thân nghiệp không phải là hành diệu của thân: Nghĩa là do như lý đã dẫn dắt thân nghiệp vô phú vô ký.

Hỏi: Các hành diệu của ngữ, chúng đều do như lý đã dẫn dắt ngữ nghiệp chăng? Nếu do như lý đã dẫn dắt ngữ nghiệp, nên ngữ nghiệp ấy đều là hành diệu của ngữ chăng?

Đáp: Các hành diệu của ngữ, chúng đều do như lý đã dẫn dắt ngữ nghiệp. Có như lý đã dẫn dắt ngữ nghiệp không phải là hành diệu của ngữ: Nghĩa là do như lý đã dẫn dắt ngữ nghiệp vô phú vô ký.

Hỏi: Các hành diệu của ý, chúng đều do như lý đã dẫn dắt ý nghiệp? Nếu do như lý đã dẫn dắt ý nghiệp, nên ý nghiệp ấy đều là hành diệu của ý chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có hành diệu của ý không phải do như lý đã dẫn dắt ý nghiệp: Nghĩa là vô tham, vô sân, chánh kiến. 2. Có do như lý đã dẫn dắt ý nghiệp không phải là hành diệu của ý: Nghĩa là do như lý đã dẫn dắt ý nghiệp vô phú vô ký. 3. Có hành diệu của ý cũng là do như lý đã dẫn dắt ý nghiệp: Nghĩa là ý nghiệp

thiện. 4. Có không phải là hành diệu của ý cũng không phải do như lý đã dẫn dắt ý nghiệp: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

*

Hỏi: Các pháp do nghiệp đạt được, pháp ấy nên nói là thiện, bất thiện, vô ký chẳng?

Đáp: Dựa nơi quả dị thực. Các pháp do nghiệp đạt được, pháp ấy là vô ký, nên nhất định tạo ra thuyết này: Là dựa vào quả dị thực.

Hỏi: Các pháp do nghiệp đạt được, pháp ấy là vô ký chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Vì ý mong muốn gì, Đức Như Lai theo tâm thiện, giảng nói với ngôn âm diệu mỹ, hòa nhã, hợp ý. Ngữ ấy là thiện chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Nếu tạo ra thuyết này: “Dựa nơi quả dị thực, các pháp do nghiệp đạt được, pháp ấy là vô ký, tức không nên nói Đức Như Lai theo tâm thiện giảng nói với ngôn âm diệu mỹ, hòa nhã, hợp ý, ngữ này là thiện”.

Người tạo ra thuyết ấy là không hợp đạo lý. Nếu tạo ra thuyết này: Đức Như Lai theo tâm thiện giảng nói với ngôn âm diệu mỹ, hòa nhã, hợp ý, ngữ này là thiện, thì không nên nói: “Dựa nơi quả dị thực, các pháp do nghiệp đạt được, pháp ấy là vô ký để nói như đã nêu là không hợp lý”. Nên nói như vậy: “Bồ-tát từ xa xưa, trong đời khác, đã tạo tác tăng trưởng, chiêu cảm nghiệp quả dị thực là nghiệp đại tông diệp (Tông tộc lớn). Do nhân duyên này lần lượt xuất sinh đại chúng vi diệu nơi yết hầu của Đức Như Lai. Từ nơi yết hầu ấy có khả năng phát ra âm thanh của diệu ngữ không phải là dị thực”.

*

Hỏi: Các nghiệp ở quá khứ thì quả của nghiệp ấy ở quá khứ chăng?

Đáp: Quả của nghiệp ấy hoặc ở quá khứ, hoặc ở vị lai, hoặc ở hiện tại.

Hỏi: Các nghiệp ở vị lai thì quả của nghiệp ấy ở vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các nghiệp ở hiện tại thì quả của nghiệp ấy ở hiện tại chăng?

Đáp: Quả của nghiệp ấy hoặc ở hiện tại, hoặc ở vị lai.

*

Hỏi: Từng có như thân nghiệp chiêu cảm dị thực, ngũ nghiệp, ý nghiệp không như vậy chăng?

Đáp: Có. Như thân không gìn giữ, ngũ giữ gìn, bấy giờ người kia có tâm thiện, hoặc tâm vô ký. Lại như thân giữ gìn, ngũ không giữ gìn, bấy giờ người kia có tâm bất thiện, hoặc tâm vô ký.

Hỏi: Từng có như ngũ nghiệp chiêu cảm dị thực, thân nghiệp, ý nghiệp không như vậy chăng?

Đáp: Có. Như thân giữ gìn, ngũ không giữ gìn, bấy giờ người kia có tâm thiện, hoặc tâm vô ký. Ở đây nói ngược lại cũng như vậy.

Hỏi: Từng có như ý nghiệp chiêu cảm dị thực, thân nghiệp, ngũ nghiệp không như vậy chăng?

Đáp: Có. Như thân gìn giữ, ngũ gìn giữ, bấy giờ người kia có tâm bất thiện. Như thân không giữ gìn, ngũ không gìn giữ, bấy giờ người kia có tâm thiện.

Hỏi: Từng có như thân nghiệp, ngũ nghiệp chiêu cảm quả dị thực, ý nghiệp không như vậy chăng?

Đáp: Có. Như thân không giữ gìn, ngữ không giữ gìn, bất giờ người kia có tâm thiện, hoặc tâm vô ký. Như thân gìn giữ, ngữ gìn giữ, bất giờ người kia có tâm bất thiện, hoặc tâm vô ký.

Hỏi: Từng có như thân nghiệp, ý nghiệp chiêu cảm quả dị thực, ngữ nghiệp không như vậy chăng?

Đáp: Có. Như thân không giữ gìn, ngữ gìn giữ, bất giờ người kia có tâm bất thiện. Như thân gìn giữ, ngữ không gìn giữ, bất giờ người kia có tâm thiện.

Hỏi: Từng có như ngữ nghiệp, ý nghiệp chiêu cảm quả dị thực, thân nghiệp không như vậy chăng?

Đáp: Có. Như thân gìn giữ, ngữ không gìn giữ, bất giờ người kia có tâm bất thiện. Như thân không giữ gìn, ngữ gìn giữ, bất giờ người kia có tâm thiện.

Hỏi: Từng có như thân nghiệp, ngữ nghiệp chiêu cảm quả dị thực, ý nghiệp cũng như vậy chăng?

Đáp: Có. Như thân không giữ gìn, ngữ không giữ gìn, bất giờ người kia có tâm bất thiện. Như thân gìn giữ, ngữ gìn giữ, bất giờ người kia có tâm thiện.

Hỏi: Từng có không phải thân, ngữ, ý nghiệp chiêu cảm dị thực mà lại chiêu cảm dị thực chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là tâm bất tương ưng hành chiêu cảm dị thực là sắc, tâm, tâm sở pháp nơi tâm bất tương ưng hành.

*

Hỏi: Từng có ba nghiệp như thuận hiện pháp thọ v.v... thọ nhận quả dị thực không phải trước, không phải sau chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là sắc của nghiệp thuận hiện pháp thọ. Tâm tâm sở pháp của nghiệp thuận thứ sinh thọ. Tâm bất tương ưng hành của

ngiệp thuận hậu thứ thọ. Lại, tâm bất tương ưng hành của nghiệp thuận hiện pháp thọ. Sắc của nghiệp thuận thứ sinh thọ. Tâm tâm sở pháp của nghiệp thuận hậu thứ thọ. Lại, tâm tâm sở pháp của nghiệp thuận hiện pháp thọ. Tâm bất tương ưng hành của nghiệp thuận thứ sinh thọ. Sắc của nghiệp thuận hậu thứ thọ.

Hỏi: Từng có ba nghiệp như thuận lạc thọ v.v... thọ nhận quả dị thực không phải trước, không phải sau chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là sắc của nghiệp thuận lạc thọ. Tâm tâm sở pháp của nghiệp thuận khổ thọ. Tâm bất tương ưng hành của nghiệp thuận bất khổ bất lạc thọ. Lại, tâm bất tương ưng hành của nghiệp thuận lạc thọ. Sắc của nghiệp thuận khổ thọ. Tâm tâm sở pháp của nghiệp thuận bất khổ bất lạc thọ. Lại, tâm tâm sở pháp của nghiệp thuận lạc thọ. Tâm bất tương ưng hành của nghiệp thuận khổ thọ. Sắc của nghiệp thuận bất khổ bất lạc thọ.

Hỏi: Từng có nghiệp của ba cõi thọ nhận quả dị thực không phải trước, không phải sau chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là sắc của nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục. Tâm tâm sở pháp của nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc. Tâm bất tương ưng hành của nghiệp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. Lại, tâm bất tương ưng hành của nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục. Sắc của nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc. Tâm tâm sở pháp của nghiệp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. Lại, tâm tâm sở pháp của nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục. Tâm bất tương ưng hành của nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc. Sắc của nghiệp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Từng có nghiệp thiện, bất thiện thọ nhận quả dị thực không phải trước, không phải sau chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là sắc của nghiệp thiện. Tâm tâm sở pháp, tâm bất tương ưng hành của nghiệp bất thiện. Lại, tâm tâm sở pháp, tâm bất tương ưng hành của nghiệp thiện. Sắc của nghiệp bất thiện.

Hỏi: Từng có nghiệp do kiến đạo, tu đạo đoạn thọ nhận quả dị thực không phải trước, không phải sau chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là sắc của nghiệp do kiến đạo đoạn. Tâm tâm sở pháp, tâm bất tương ưng hành của nghiệp do tu đạo đoạn. Lại, tâm tâm sở pháp, tâm bất tương ưng hành của nghiệp do kiến đạo đoạn. Sắc của nghiệp do tu đạo đoạn.

Phẩm 3: BÀN VỀ HẠI SINH

Tụng nêu chung:

*Bốn thứ hại sinh mạng
Hai thực, hai phòng hộ
Thân và nghiệp thành tựu
Dị thực quả tạp nhiễm.
Bất thiện cùng điên đảo
Tạo nên buộc, không buộc
Mạng chung xứ thọ sinh
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Từng có đã hại sinh mạng, sát sinh chưa diệt chăng?

Đáp: Có. Như đã đoạn mạng người khác nhưng gia hạnh của kẻ ấy chưa dứt.

Hỏi: Từng có chưa hại sinh mạng, sát sinh đã diệt chăng?

Đáp: Có. Như chưa đoạn mạng người khác, gia hạnh của kẻ ấy đã dứt.

Hỏi: Từng có đã hại sinh mạng, sát sinh đã diệt chăng?

Đáp: Có. Như đã đoạn mạng người khác, gia hạnh của kẻ ấy đã dứt.

Hỏi: Từng có chưa hại sinh mạng, sát sinh chưa diệt chăng?

Đáp: Có. Như chưa đoạn mạng người khác, gia hạnh của kẻ ấy chưa dứt.

*

Hỏi: Từng có chưa hại sinh mạng, sát sinh chưa diệt, dị thực của nghiệp này nhất định sinh nơi địa ngục chăng?

Đáp: Có. Như tạo nghiệp vô gián, lúc gia hạnh thì mạng chung.

Hỏi: Từng có nghiệp bất thiện thuận với khổ thọ, dị thực chưa thành thực, không phải là không đầu tiên thọ nhận quả dị thực khởi tâm nhiễm ô chăng?

Đáp: Có. Như tạo tác tăng trưởng nghiệp vô gián xong, nghiệp này đầu tiên thọ sinh quả dị thực trung hữu của địa ngục kia.

*

Hỏi: Từng có cố ý hại sinh mạng, sau đó không thọ nhận xa lìa, nhưng đối với tất cả hữu tình được phòng hộ chăng?

Đáp: Có. Như khởi gia hạnh sát hại, dẫn đến người kia tất chết nhưng giữa chừng chúng đắc kiến pháp tánh.

Hỏi: Nếu đối với tất cả hữu tình được phòng hộ, người kia đối với tất cả hữu tình thọ nhận xa lìa chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có đối với tất cả hữu tình được phòng hộ không phải là thọ nhận xa lìa: Như không thọ nhận học xứ nhưng chúng đắc kiến pháp tánh. 2. Có đối với tất cả hữu tình thọ nhận xa lìa không phải là được phòng hộ: Như thọ nhận học xứ mà phạm xa lìa. 3. Có đối với tất cả hữu tình được phòng hộ cũng thọ

nhận xa lia: Như thọ nhận học xứ, không phạm xa lia. 4. Có không phải là đối với tất cả hữu tình được phòng hộ cũng không phải là thọ nhận xa lia: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

*

Hỏi: Nếu thành tựu thân, người kia thành tựu thân nghiệp chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có thành tựu thân không phải là thành tựu thân nghiệp: Nghĩa là ở nơi bọc trứng, hoặc như phàm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, không thân biểu, nếu như có thì mất. 2. Có thành tựu thân nghiệp không phải là thành tựu thân: Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc. 3. Có thành tựu thân cũng là thành tựu thân nghiệp: Nghĩa là Thánh giả ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hoặc trụ nơi không luật nghi cùng trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân biểu, hoặc trước đã có không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. 4. Có không phải là thành tựu thân cũng không phải là thành tựu thân nghiệp: Nghĩa là hàng phàm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân, người kia thành tựu ngữ nghiệp chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có thành tựu thân không phải là thành tựu ngữ nghiệp: Nghĩa là ở nơi bọc trứng, hoặc các phàm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, đều không có ngữ biểu, nếu như có thì mất. 2. Có thành tựu ngữ nghiệp không phải là thành tựu thân: Nghĩa là các Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc. 3. Có thành tựu thân cũng là thành tựu ngữ nghiệp: Nghĩa là các Thánh giả ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hoặc trụ nơi không luật nghi, hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có ngữ biểu, hoặc trước đã có không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. 4. Có không phải là thành tựu thân cũng

không phải là thành tựu ngũ nghiệp: Nghĩa là các phàm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân, người kia thành tựu ý nghiệp chăng?

Đáp: Đạt những thành tựu thân người kia nhất định thành tựu ý nghiệp. Có thành tựu ý nghiệp không phải là thành tựu thân: Nghĩa là sinh nơi cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Nếu thành tựu thân, người kia thành tựu thân nghiệp, ngũ nghiệp chăng?

Đáp: Có thành tựu thân không phải là thân nghiệp, ngũ nghiệp: Nghĩa là ở nơi bực trứng, hoặc phàm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu, giả như có thì mất.

Có thành tựu thân và thân nghiệp không phải là ngũ nghiệp: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân biểu, hoặc trước đã có không mất, không có ngũ biểu, giả như có thì mất.

Có thành tựu thân và ngũ nghiệp không phải là thân nghiệp: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có ngũ biểu, hoặc trước đã có không mất, không có thân biểu, giả như có thì mất.

Có thành tựu thân cùng thành tựu thân nghiệp, ngũ nghiệp: Nghĩa là Thánh giả ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hoặc trụ nơi không luật nghi cùng trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu, hoặc trước đã có không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu như thành tựu thân nghiệp, ngũ nghiệp, người kia thành tựu thân chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Thế nào là thành tựu? Nghĩa là như trước đã nói. Thế nào là không thành tựu? Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân, người kia thành tựu thân nghiệp, ý nghiệp chẳng?

Đáp: Có thành tựu thân và ý nghiệp không phải là thân nghiệp: Nghĩa là ở nơi bọc trứng, hoặc phàm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, không có thân biểu, giả như có thì mất.

Có thành tựu thân cùng thân nghiệp, ý nghiệp: Nghĩa là Thánh giả ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hoặc trụ nơi không luật nghi, cùng trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân biểu, hoặc trước đã có không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu như thành tựu thân nghiệp, ý nghiệp, người kia thành tựu thân chẳng?

Đáp: Hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Thế nào là thành tựu? Nghĩa là như trước đã nói. Thế nào là không thành tựu? Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân, người kia thành tựu ngữ nghiệp, ý nghiệp chẳng?

Đáp: Có thành tựu thân cùng ý nghiệp không phải là ngữ nghiệp: Nghĩa là ở nơi bọc trứng, hoặc các phàm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, không có ngữ biểu, giả như có thì mất.

Có thành tựu thân cùng ngữ nghiệp, ý nghiệp: Nghĩa là các Thánh giả ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hoặc trụ nơi không luật nghi, cùng trụ nơi không phải luật nghi không

phải không luật nghi, hiện có ngũ biểu, hoặc trước đã có không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu như thành tựu ngũ nghiệp, ý nghiệp, người kia thành tựu thân chẳng?

Đáp: Hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Thế nào là thành tựu? Nghĩa là như trước đã nói. Thế nào là không thành tựu? Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Nếu thành tựu thân, người kia thành tựu thân nghiệp, ngũ nghiệp, ý nghiệp chẳng?

Đáp: Có thành tựu thân cùng ý nghiệp không phải là thân nghiệp, ngũ nghiệp: Nghĩa là ở nơi bực trứng, hoặc các phàm phu trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, không có thân ngũ biểu, giả như có thì mất.

Có thành tựu thân và thân nghiệp, ý nghiệp, không phải là ngũ nghiệp: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân biểu, hoặc trước đã có không mất, không có ngũ biểu, giả như có thì mất.

Có thành tựu thân và ngũ nghiệp, ý nghiệp, không phải là thân nghiệp: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có ngũ biểu, hoặc trước đã có không mất, không có thân biểu, giả như có thì mất.

Có thành tựu thân và thân nghiệp, ngũ nghiệp, ý nghiệp: Nghĩa là các Thánh giả ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hoặc trụ nơi không luật nghi, hoặc cùng trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngũ biểu, hoặc trước đã có không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu như thành tựu thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp, người kia thành tựu thân chẳng?

Đáp: Hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Như nơi phần kia đã nói.

*

Hỏi: Nếu thành tựu thân nghiệp, người kia thành tựu ngữ nghiệp chẳng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có thành tựu thân nghiệp không phải là thành tựu ngữ nghiệp: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân biểu, hoặc trước đã có không mất, không có ngữ biểu, giả như có thì mất. 2. Có thành tựu ngữ nghiệp không phải là thành tựu thân nghiệp: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có ngữ biểu, hoặc trước đã có không mất, không có thân biểu, giả như có thì mất. 3. Có thành tựu thân nghiệp cũng là thành tựu ngữ nghiệp: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, không luật nghi, cùng trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu, hoặc trước đã có không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc, hoặc Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc. 4. Có không phải là thành tựu thân nghiệp cũng không phải là thành tựu ngữ nghiệp: Nghĩa là ở nơi bực trứng, hoặc phàm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, không có thân ngữ biểu, giả như có thì mất, hoặc phàm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân nghiệp, người kia thành tựu ý nghiệp chẳng?

Đáp: Nếu như thành tựu thân nghiệp, người kia thành tựu ý nghiệp. Có thành tựu ý nghiệp không phải là thành tựu thân nghiệp:

Nghĩa là ở nơi bọc trứng, hoặc phạm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, không có thân biểu, giả như có thì mất, hoặc các phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân nghiệp, người kia thành tựu ngữ nghiệp, ý nghiệp chẳng?

Đáp: Có thành tựu thân nghiệp và ý nghiệp, không phải là thành tựu ngữ nghiệp: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân biểu, hoặc trước đã có không mất, không có ngữ biểu, giả như có thì mất.

Có thành tựu thân nghiệp cùng ngữ nghiệp, ý nghiệp: Nghĩa là Thánh giả ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục trụ nơi luật nghi, không luật nghi, cùng trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu, hoặc trước đã có không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc, hoặc Thánh giả trụ nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu như thành tựu ngữ nghiệp, ý nghiệp, người kia thành tựu thân nghiệp chẳng?

Đáp: Hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Thế nào là thành tựu? Nghĩa là như trước đã nói. Thế nào là không thành tựu? Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có ngữ biểu, hoặc trước đã có không mất, không có thân biểu, giả như có thì mất.

Hỏi: Nếu thành tựu ngữ nghiệp, người kia thành tựu ý nghiệp chẳng?

Đáp: Nếu đạt các thành tựu ngữ nghiệp, người kia thành tựu ý nghiệp. Có thành tựu ý nghiệp không phải là thành tựu ngữ nghiệp: Nghĩa là ở nơi bọc trứng, hoặc các phạm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật

nghi, không có ngữ biểu, giả như có thì mất, hoặc phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Nếu nghiệp chưa lìa nhiễm thì dị thực của nghiệp ấy cũng chưa lìa nhiễm chăng?

Đáp: Các nghiệp chưa lìa nhiễm thì dị thực của nghiệp ấy cũng chưa lìa nhiễm. Hoặc có dị thực chưa lìa nhiễm, nghiệp ấy đã lìa nhiễm: Nghĩa là người Dự lưu do kiến đạo đoạn nghiệp đã lìa nhiễm, dị thực kia chưa lìa nhiễm.

Hỏi: Nếu nghiệp đã lìa nhiễm thì dị thực của nghiệp ấy cũng đã lìa nhiễm chăng?

Đáp: Các dị thực của nghiệp đã lìa nhiễm thì nghiệp ấy cũng đã lìa nhiễm. Hoặc có nghiệp đã lìa nhiễm, dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm: Nghĩa là người Dự lưu do kiến đạo đoạn nghiệp đã lìa nhiễm, dị thực kia chưa lìa nhiễm.

*

Hỏi: Nếu nghiệp có quả thì nghiệp ấy đều có dị thực chăng?

Đáp: Các nghiệp có dị thực, nghiệp ấy đều có quả. Hoặc có nghiệp có quả, nghiệp ấy không có dị thực: Nghĩa là nghiệp vô ký, nghiệp vô lậu.

Hỏi: Nếu nghiệp không có quả thì nghiệp ấy đều không có dị thực chăng?

Đáp: Không có nghiệp không có quả, hoặc có nghiệp không có dị thực: Nghĩa là nghiệp vô ký, nghiệp vô lậu.

*

Hỏi: Nếu nghiệp bất thiện thì nghiệp ấy là điên đảo chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có nghiệp bất thiện, nghiệp ấy không phải là điên đảo: Nghĩa là như có một hữu tình khởi kiến chấp và lập luận như vậy: “Có nghiệp, có dị thực nơi quả của nghiệp mà hành hành ác của thân, ngữ, ý”. Lại như có một hữu tình đối với thấy có tướng không thấy, đối với nghe, hiểu, biết, có tướng không nghe, hiểu, biết. Người kia che giấu tướng này, nhãn này, dục này, nói: “Tôi thấy, nghe, hiểu, biết”. Hoặc đối với không thấy có tướng thấy, đối với không nghe, hiểu, biết, có tướng nghe, hiểu, biết. Người ấy che giấu tướng này, nhãn này, dục này, nói: “Tôi không thấy, không nghe, hiểu, biết”.

2. Có nghiệp điên đảo, nghiệp ấy không phải là bất thiện: Nghĩa là như có một hữu tình khởi kiến chấp và lập luận như vậy: “Không có nghiệp, không có dị thực nơi quả của nghiệp lại hành hành diệu của thân, ngữ, ý”. Lại như có một hữu tình đối với thấy có tướng không thấy, đối với nghe, hiểu, biết, có tướng không nghe, hiểu, biết. Người ấy không che giấu tướng này, nhãn này, dục này, nói: “Tôi không thấy, tôi không nghe, hiểu, biết”. Hoặc đối với không thấy có tướng thấy, đối với không nghe, hiểu, biết, có tướng nghe, hiểu, biết. Người ấy không che giấu tướng này, nhãn này, dục này, nói: “Tôi thấy, tôi nghe, hiểu, biết”.

3. Có nghiệp bất thiện cũng là điên đảo: Nghĩa là như có một hữu tình khởi kiến chấp và lập luận như vậy: “Không có nghiệp, không có dị thực nơi quả của nghiệp mà hành hành ác nơi thân, ngữ, ý”. Lại như có một hữu tình đối với thấy có tướng thấy, đối với nghe, hiểu, biết, có tướng nghe, hiểu, biết. Người ấy che giấu tướng này, nhãn này, dục này, nói: “Tôi không thấy, tôi không nghe, hiểu, biết”. Hoặc đối với không thấy có tướng không thấy, đối với không nghe, hiểu, biết, có tướng không nghe, hiểu, biết. Người ấy che giấu tướng này, nhãn này, dục này, nói: “Tôi thấy, tôi nghe, hiểu, biết”.

4. Có nghiệp không phải là bất thiện cũng không phải là điên đảo: Nghĩa là như có một hữu tình khởi kiến chấp và lập luận như vậy: “Có nghiệp, có dị thực nơi quả của nghiệp lại hành hành diệu của thân, ngữ, ý”. Lại như có một hữu tình đối với thấy có tưởng thấy, đối với nghe, hiểu, biết, có tưởng nghe, hiểu, biết. Người ấy không che giấu tưởng này, nhãn này, dục này, nói: “Tôi thấy, tôi nghe, hiểu, biết”. Hoặc đối với không thấy có tưởng không thấy, đối với không nghe, hiểu, biết, có tưởng không nghe, hiểu, biết. Người ấy không che giấu tưởng này, nhãn này, dục này, nói: “Tôi không thấy, tôi không nghe, hiểu, biết”.

Hỏi: Nếu nghiệp thiện thì nghiệp ấy là không điên đảo chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: Trường hợp thứ hai ở trước làm trường hợp thứ nhất ở đây. Trường hợp thứ nhất ở trước làm trường hợp thứ hai ở đây. Trường hợp thứ tư ở trước làm trường hợp thứ ba ở đây. Trường hợp thứ ba ở trước làm trường hợp thứ tư ở đây.

*

Hỏi: Nếu tạo thành nghiệp bất thiện, người ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu tạo thành nghiệp bất thiện, người ấy nhất định thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc. Có thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, không phải là nghiệp bất thiện: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, đã lìa nhiệm của cõi Dục hoặc sinh nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Dục, người ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Dục, người ấy nhất định thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc. Có thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, không phải là nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la đoạn căn thiện, hoặc sinh nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Dục, người ấy thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Dục, không phải là nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, không đoạn căn thiện, chưa được tâm thiện của cõi Sắc. 2. Có thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, không phải là nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Dục: Nghĩa là sinh nơi cõi Sắc, được tâm thiện của cõi Vô sắc. 3. Có thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Dục, cũng thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, được tâm thiện của cõi Vô sắc. 4. Có không phải là thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Dục, cũng không phải là thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la đoạn căn thiện.

*

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục, người ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc, người ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục, người ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu có những thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục, người ấy nhất định thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. Có thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, không phải là nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục: Nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục, người ấy thành tựu nghiệp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục không phải là nghiệp không hệ thuộc: Nghĩa là phạm phu sinh nơi cõi Dục. 2. Có thành tựu nghiệp không hệ thuộc không phải là nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục: Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc. 3. Có thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục cũng là thành tựu nghiệp không hệ thuộc: Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc. 4. Có không phải là thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục cũng không phải là thành tựu nghiệp không hệ thuộc: Nghĩa là phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc, người ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu có những thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc, người ấy nhất định thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. Có thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc không phải là nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là các hữu tình sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc, người ấy thành tựu nghiệp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc không phải là nghiệp không hệ thuộc: Nghĩa là phạm phu sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc. 2. Có thành tựu nghiệp không hệ thuộc không phải là nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc. 3. Có thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc cũng là thành tựu nghiệp không hệ thuộc: Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc. 4. Có không phải là thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc cũng không phải là thành tựu nghiệp không hệ thuộc: Nghĩa là phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, người ấy thành tựu nghiệp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Nếu có những thành tựu nghiệp không hệ thuộc, người ấy nhất định thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. Có thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc không phải là nghiệp không hệ thuộc: Nghĩa là các phạm phu.

*

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, và nghiệp không hệ thuộc, người ấy mạng chung sẽ sinh vào xứ nào?

Đáp: Hoặc sinh nơi xứ thuộc cõi Dục, hoặc sinh nơi xứ thuộc cõi Sắc, hoặc sinh nơi xứ thuộc cõi Vô sắc, hoặc không sinh.

HẾT - QUYỂN 11

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 12

Chương 4: NGHIỆP UẨN

Phẩm 4: BÀN VỀ BIỂU, VÔ BIỂU

Tụng nêu chung:

*Biểu, vô biểu chung riêng
Bốn tánh, ba đời thành
Giới nghiệp quả thị phi
Hữu lậu cùng với học.
Thân giới cùng tâm tuệ
Tu, không tu chung riêng
Loại giới ba đời thành
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Nếu thành tựu thân biểu, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có thành tựu thân biểu không phải là vô biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân biểu, không được vô biểu ấy, hoặc trước đã có biểu ấy không mất, không được vô biểu ấy.

2. Có thành tựu thân vô biểu không phải là biểu ấy: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục trụ nơi luật nghi, không được luật nghi biệt giải thoát, không có thân biểu, giả như có thì mất. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, không có thân biểu, giả như có thì mất. Hoặc Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

3. Có thành tựu thân biểu cũng là thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, không được luật nghi biệt giải thoát, hiện có thân biểu, cũng được vô biểu ấy, hoặc trước đã có biểu ấy không mất, cũng được vô biểu ấy. Hoặc trụ nơi luật nghi biệt giải thoát, hoặc trụ nơi không luật nghi, hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân biểu, cũng được vô biểu ấy, hoặc trước đã có biểu ấy không mất, cũng được vô biểu ấy. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, hiện có thân biểu, hoặc trước đã có biểu ấy không mất.

4. Có không phải là thành tựu thân biểu cũng không phải là thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là trụ ở nơi bực trượng, hoặc phạm phu ở trong thai, hoặc sinh nơi cõi Dục trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, không có thân biểu, giả như có thì mất, hoặc phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân biểu thiện, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có thành tựu thân biểu thiện không phải là vô biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân biểu thiện, không được vô biểu ấy, hoặc trước đã có biểu ấy không mất, không được vô biểu ấy.

2. Có thành tựu thân vô biểu thiện không phải là biểu ấy: Nghĩa là Thánh giả ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục trụ nơi luật nghi, không được luật nghi biệt giải thoát, không có thân biểu thiện,

giả như có thì mất. Hoặc sinh nơi cõi Sắc không có thân biểu thiện, giả như có thì mất. Hoặc Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

3. Có thành tựu thân biểu thiện cũng thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, không được luật nghi biệt giải thoát, hiện có thân biểu thiện, cũng được vô biểu ấy, hoặc trước đã có biểu ấy không mất, cũng được vô biểu ấy. Hoặc trụ nơi luật nghi biệt giải thoát, hoặc trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân biểu thiện, cũng được vô biểu ấy, hoặc trước đã có biểu ấy không mất, cũng được vô biểu ấy. Hoặc sinh nơi cõi Sắc hiện có thân biểu thiện, hoặc trước đã có biểu ấy không mất.

4. Có không phải là thành tựu thân biểu thiện cũng không phải là thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là trụ ở nơi bực trứng, hoặc phạm phu ở trong thai, hoặc sinh nơi cõi Dục trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, không có thân biểu thiện, giả như có thì mất, hoặc phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tạo thành thân biểu bất thiện, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Có tạo thành thân biểu bất thiện, người kia thành tựu vô biểu ấy. Có tạo thành thân biểu bất thiện không phải là thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân biểu bất thiện, không được vô biểu ấy, hoặc trước đã có biểu ấy không mất, không được vô biểu ấy.

Hỏi: Nếu thành tựu thân biểu hữu phú vô ký, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân vô biểu hữu phú vô ký, có thành tựu biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Sắc, hiện có thân biểu hữu phú vô ký.

Hỏi: Nếu thành tựu thân biểu vô phú vô ký, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân biểu vô phú vô ký, có thành tựu biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, hiện có thân biểu vô phú vô ký.

*

Hỏi: Nếu thành tựu thân biểu ở quá khứ, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có thành tựu thân biểu ở quá khứ không phải là thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, trước đã có thân biểu không mất, không được vô biểu ấy.

2. Có thành tựu vô biểu ấy không phải là thành tựu thân biểu ở quá khứ: Nghĩa là Thánh giả ở nơi thai, hoặc sinh nơi cõi Dục trụ nơi luật nghi, không được luật nghi biệt giải thoát, trước không có thân biểu, giả như có thì mất. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, trước không có thân biểu, giả như có thì mất, hoặc Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

3. Có thành tựu thân biểu ở quá khứ cũng là thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, không được luật nghi biệt giải thoát, trước đã có thân biểu không mất, cũng được vô biểu ấy. Hoặc trụ nơi luật nghi biệt giải thoát, hoặc trụ nơi không luật nghi, hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, trước đã có thân biểu không mất, cũng được vô biểu ấy. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, trước đã có thân biểu không mất.

4. Có không phải là thành tựu thân biểu ở quá khứ cũng không phải là thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là ở nơi bọc trứng, hoặc phàm phu ở bào thai, hoặc sinh nơi cõi Dục trụ nơi không phải luật nghi

không phải không luật nghi, trước không có thân biểu, giả như có thì mất, hoặc A-la-hán và phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân biểu thiện ở quá khứ, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có thành tựu thân biểu thiện ở quá khứ không phải là thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, trước đã có thân biểu thiện không mất, không được vô biểu ấy.

2. Có thành tựu vô biểu ấy không phải là thành tựu thân biểu thiện ở quá khứ: Nghĩa là Thánh giả ở nơi bào thai, hoặc sinh nơi cõi Dục trụ nơi luật nghi, không được luật nghi biệt giải thoát, trước không có thân biểu thiện, giả như có thì mất. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, trước không có thân biểu thiện, giả như có thì mất, hoặc Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

3. Có thành tựu thân biểu thiện ở quá khứ cũng thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, không được luật nghi biệt giải thoát, trước đã có thân biểu thiện không mất, cũng được vô biểu ấy. Hoặc trụ nơi luật nghi biệt giải thoát, hoặc trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, trước đã có thân biểu thiện không mất, cũng được vô biểu ấy. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, trước đã có thân biểu thiện không mất.

4. Có không phải là thành tựu thân biểu thiện ở quá khứ cũng không phải là thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là ở nơi bực trứng, hoặc phạm phu ở nơi bào thai, hoặc sinh nơi cõi Dục trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, trước không có thân biểu thiện, giả như có thì mất, hoặc A-la-hán và phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tạo thành thân biểu bất thiện ở quá khứ, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Các sự tạo thành thân biểu bất thiện ở quá khứ, người kia thành tựu vô biểu ấy. Có tạo thành thân biểu bất thiện ở quá khứ không phải là thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, trước đã có thân biểu bất thiện quá khứ không mất, không được vô biểu ấy.

Hỏi: Nếu thành tựu thân biểu hữu phú vô ký ở quá khứ, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân biểu hữu phú vô ký ở quá khứ và vô biểu ấy.

Hỏi: Nếu thành tựu thân biểu vô phú vô ký ở quá khứ, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân biểu vô phú vô ký ở quá khứ và vô biểu ấy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu thân biểu ở vị lai, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân biểu ở vị lai, có thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là Thánh giả ở nơi bào thai, hoặc sinh nơi cõi Dục xong, được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc sinh nơi cõi Sắc, hoặc Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân biểu thiện ở vị lai, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân biểu thiện ở vị lai, có thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là Thánh giả ở nơi bào thai, hoặc sinh nơi cõi Dục

xong, được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc sinh nơi cõi Sắc, hoặc Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tạo thành thân biểu bất thiện ở vị lai, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Không có tạo thành thân biểu bất thiện ở vị lai và vô biểu ấy.

Hỏi: Nếu thành tựu thân biểu hữu phú vô ký ở vị lai, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân biểu hữu phú vô ký ở vị lai và vô biểu ấy.

Hỏi: Nếu thành tựu thân biểu vô phú vô ký ở vị lai, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân biểu vô phú vô ký ở vị lai và vô biểu ấy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu thân biểu ở hiện tại, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có thành tựu thân biểu ở hiện tại không phải là thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, không được luật nghi biệt giải thoát, hiện có thân biểu, không được vô biểu ấy, giả như trước đã có thân biểu không mất nhưng không được vô biểu ấy. Hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân biểu, không được vô biểu ấy, giả như trước đã có thân biểu không mất nhưng không được vô biểu ấy. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, hiện có thân biểu.

2. Có thành tựu vô biểu ấy không phải là thành tựu thân biểu ở hiện tại: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, không được

luật nghi biệt giải thoát, đang ở nơi định, nếu như không ở nơi định, hiện không có thân biểu, trước đã có thân biểu không mất, được vô biểu ấy. Hoặc trụ nơi luật nghi biệt giải thoát và không luật nghi, hiện không có thân biểu. Hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện không có thân biểu, trước đã có thân biểu không mất, được vô biểu ấy, hoặc sinh nơi cõi Sắc, đang ở nơi định.

3. Có thành tựu thân biểu ở hiện tại cũng thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, không được luật nghi biệt giải thoát, hiện có thân biểu, được vô biểu ấy, hoặc trước đã có thân biểu không mất, được vô biểu ấy. Hoặc trụ nơi luật nghi biệt giải thoát và không luật nghi, hiện có thân biểu. Hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân biểu, được vô biểu ấy, hoặc trước đã có thân biểu không mất, được vô biểu ấy.

4. Có không phải là thành tựu thân biểu ở hiện tại cũng không phải là thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là ở nơi bực trứng và trụ trong thai tạng. Hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, không được luật nghi biệt giải thoát, không ở nơi định, hiện không có thân biểu, giả như trước đã có thân biểu không mất nhưng không được vô biểu ấy. Hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện không có thân biểu, giả như trước đã có thân biểu không mất nhưng không được vô biểu ấy. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, không ở nơi định, hiện không có thân biểu, hoặc sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân biểu thiện ở hiện tại, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có thành tựu thân biểu thiện ở hiện tại không phải là thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, không được luật nghi biệt giải thoát, hiện có thân biểu thiện, không được vô biểu ấy, giả như trước đã có thân biểu thiện không mất nhưng

không được vô biểu ấy. Hoặc trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân biểu thiện, không được vô biểu ấy, giả như trước đã có thân biểu thiện không mất nhưng không được vô biểu ấy, hoặc sinh nơi cõi Sắc, hiện có thân biểu thiện.

2. Có thành tựu vô biểu ấy không phải là thành tựu thân biểu thiện ở hiện tại: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, không được luật nghi biệt giải thoát, đang ở nơi định, nếu như không ở nơi định, hiện không có thân biểu thiện, trước đã có thân biểu thiện không mất mà được vô biểu ấy. Hoặc trụ nơi luật nghi biệt giải thoát, hiện không có thân biểu thiện. Hoặc trụ nơi không luật nghi cùng trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện không có thân biểu thiện, trước đã có thân biểu thiện không mất mà được vô biểu ấy. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, đang ở nơi định.

3. Có thành tựu thân biểu thiện ở hiện tại cũng là thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, không được luật nghi biệt giải thoát, hiện có thân biểu thiện, cũng được vô biểu ấy, hoặc trước đã có thân biểu thiện không mất, được vô biểu ấy. Hoặc trụ nơi luật nghi biệt giải thoát, hiện có thân biểu thiện. Hoặc trụ nơi không luật nghi cùng trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân biểu thiện, cũng được vô biểu ấy, trước đã có thân biểu thiện không mất, được vô biểu ấy.

4. Có không phải là thành tựu thân biểu thiện ở hiện tại cũng không phải là thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là ở nơi bực trượng và trụ trong thai tạng. Hoặc sinh nơi cõi Dục trụ nơi luật nghi, không được luật nghi biệt giải thoát, không ở nơi định, hiện không có thân biểu thiện, giả như trước đã có thân biểu thiện không mất nhưng không được vô biểu ấy. Hoặc trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện không có thân biểu thiện, giả như trước đã có thân biểu thiện không mất nhưng không được vô

biểu ấy. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, không ở nơi định, hiện không có thân biểu thiện, hoặc sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tạo thành thân biểu bất thiện ở hiện tại, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tạo thành thân biểu bất thiện ở hiện tại không phải là thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân biểu bất thiện, không được vô biểu ấy, giả như trước đã có thân biểu bất thiện không mất nhưng không được vô biểu ấy.

2. Có thành tựu vô biểu ấy không phải là tạo thành thân biểu bất thiện ở hiện tại: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không luật nghi, hiện không có thân biểu bất thiện. Hoặc trụ nơi luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện không có thân biểu bất thiện, trước đã có thân biểu bất thiện không mất, được vô biểu ấy.

3. Có tạo thành thân biểu bất thiện ở hiện tại cũng thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân biểu bất thiện, cũng được vô biểu ấy, trước đã có thân biểu bất thiện không mất, được vô biểu ấy. Hoặc trụ nơi không luật nghi, hiện có thân biểu bất thiện.

4. Có không phải là tạo thành thân biểu bất thiện ở hiện tại cũng không phải là thành tựu vô biểu ấy: Nghĩa là ở nơi bực trứng hoặc trụ trong thai tạng. Hoặc sinh nơi cõi Dục trụ nơi luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện không có thân biểu bất thiện, giả như trước đã có thân biểu bất thiện không mất nhưng không được vô biểu ấy, hoặc sinh nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân biểu hữu phú vô ký ở hiện tại, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân biểu hữu phú vô ký ở hiện tại, có thành tựu biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Vô sắc, hiện có thân biểu hữu phú vô ký.

Hỏi: Nếu thành tựu thân biểu vô phú vô ký ở hiện tại, người kia thành tựu vô biểu ấy chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân biểu vô phú vô ký ở hiện tại, có thành tựu biểu ấy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, hiện có thân biểu vô phú vô ký.

*

Như nói rộng về thân biểu, vô biểu, như thế ngữ biểu, vô biểu nói rộng cũng như vậy.

*

Hỏi: Nếu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục thì quả của nghiệp ấy hệ thuộc nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Các nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục, quả của nghiệp ấy cũng vậy. Có quả của nghiệp hệ thuộc nơi cõi Dục không phải là nghiệp ấy: Nghĩa là do đạo nơi cõi Sắc, tạo sự biến hóa nơi cõi Dục, phát khởi ngữ của cõi Dục.

Hỏi: Nếu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc thì quả của nghiệp ấy hệ thuộc nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Các quả của nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc, nghiệp ấy cũng vậy. Có nghiệp hệ thuộc nơi cõi Sắc không phải là quả của nghiệp ấy: Nghĩa là do đạo nơi cõi Sắc, tạo sự biến hóa nơi cõi Dục, phát khởi ngữ của cõi Dục, và do đạo nơi cõi Sắc, chứng đắc các kết đoạn trừ.

Hỏi: Nếu nghiệp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc thì quả của nghiệp ấy hệ thuộc nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Các quả của nghiệp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, nghiệp ấy cũng như vậy. Có nghiệp hệ thuộc nơi cõi Vô sắc không phải là quả của nghiệp ấy: Nghĩa là do đạo nơi cõi Vô sắc chứng đắc các kiết đoạn trừ.

Hỏi: Nếu nghiệp không hệ thuộc thì quả của nghiệp ấy không hệ thuộc chăng?

Đáp: Các nghiệp không hệ thuộc, quả của nghiệp ấy cũng vậy. Có quả của nghiệp không hệ thuộc không phải là nghiệp ấy: Nghĩa là do đạo của cõi Sắc, cõi Vô sắc, chứng đắc các kiết đoạn trừ.

*

Hỏi: Nếu nghiệp không hệ thuộc nơi cõi Dục thì quả của nghiệp ấy không hệ thuộc nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Các quả của nghiệp không hệ thuộc nơi cõi Dục, nghiệp ấy cũng vậy. Có nghiệp không hệ thuộc nơi cõi Dục không phải là quả của nghiệp ấy: Nghĩa là do đạo nơi cõi Sắc tạo sự biến hóa nơi cõi Dục, phát khởi ngũ của cõi Dục.

Hỏi: Nếu nghiệp không hệ thuộc nơi cõi Sắc thì quả của nghiệp ấy không hệ thuộc nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Các nghiệp không hệ thuộc nơi cõi Sắc, quả của nghiệp ấy cũng vậy. Có quả của nghiệp không hệ thuộc nơi cõi Sắc không phải là nghiệp ấy: Nghĩa là do đạo nơi cõi Sắc tạo sự biến hóa nơi cõi Dục, phát khởi ngũ của cõi Dục cùng do đạo nơi cõi Sắc chứng đắc các kiết đoạn trừ.

Hỏi: Nếu nghiệp không hệ thuộc nơi cõi Vô sắc thì quả của nghiệp ấy không hệ thuộc nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Các nghiệp không hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, quả của nghiệp ấy cũng vậy. Có quả của nghiệp không hệ thuộc nơi cõi Vô sắc không phải là nghiệp ấy: Nghĩa là do đạo nơi cõi Vô sắc chứng đắc các kiết đoạn trừ.

Hỏi: Nếu nghiệp không phải không hệ thuộc thì quả của nghiệp ấy không phải không hệ thuộc chăng?

Đáp: Các quả của nghiệp không phải không hệ thuộc, nghiệp ấy cũng vậy. Có nghiệp không phải không hệ thuộc không phải là quả của nghiệp ấy: Nghĩa là do đạo của cõi Sắc, cõi Vô sắc chứng đắc các kiết đoạn trừ.

*

Hỏi: Từng có nghiệp hữu lậu có quả hữu lậu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là quả dị thực, đẳng lưu.

Hỏi: Từng có nghiệp hữu lậu có quả vô lậu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là quả ly hệ.

Hỏi: Từng có nghiệp hữu lậu có quả hữu lậu, vô lậu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là quả dị thực, đẳng lưu, ly hệ.

*

Hỏi: Từng có nghiệp vô lậu có quả vô lậu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là quả đẳng lưu, ly hệ.

Hỏi: Từng có nghiệp vô lậu có quả hữu lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có nghiệp vô lậu có quả vô lậu, hữu lậu chăng?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Từng có nghiệp hữu lậu, vô lậu có quả hữu lậu, vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có nghiệp hữu lậu, vô lậu có quả hữu lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có nghiệp hữu lậu, vô lậu có quả vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Tùng có nghiệp học có quả học chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là quả đẳng lưu.

Hỏi: Tùng có nghiệp học có quả vô học chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là quả đẳng lưu.

Hỏi: Tùng có nghiệp học có quả phi học phi vô học chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là quả ly hệ.

*

Hỏi: Tùng có nghiệp vô học có quả vô học chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là quả đẳng lưu.

Hỏi: Tùng có nghiệp vô học có quả học chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có nghiệp vô học có quả phi học phi vô học chăng?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Tùng có nghiệp phi học phi vô học có quả phi học phi vô học chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là quả dị thực, đẳng lưu, ly hệ.

Hỏi: Tùng có nghiệp phi học phi vô học có quả học chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có nghiệp phi học phi vô học có quả vô học chăng?

Đáp: Không có.

*

Như Đức Thế Tôn nói: “Không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ”.

Hỏi: Thế nào là không tu thân?

Đáp: Nếu đối với thân chưa lìa tham dục, vui đắm nơi khát ái. Lại, đạo vô gián có thể dứt hết tham sắc, người kia đối với đạo này chưa tu, chưa an.

Hỏi: Thế nào là không tu giới?

Đáp: Nếu đối với giới chưa lìa tham, nói rộng như nơi thân.

Hỏi: Thế nào là không tu tâm?

Đáp: Nếu đối với tâm chưa lìa tham dục, vui đắm nơi khát ái. Lại, đạo vô gián có thể dứt hết tham vô sắc, người kia đối với đạo này chưa tu, chưa an.

Hỏi: Thế nào là không tu tuệ?

Đáp: Nếu đối với tuệ chưa lìa tham, nói rộng như nơi tâm.

Hỏi: Nếu không tu thân người kia không tu giới chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như không tu giới người kia không tu thân chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu không tu thân người kia không tu tâm chăng?

Đáp: Có những thứ không tu thân người kia không tu tâm. Có không tu tâm không phải là không tu thân: Nghĩa là đã lìa nhiễm sắc, chưa lìa nhiễm vô sắc.

Hỏi: Nếu không tu thân người kia không tu tuệ chẳng?

Đáp: Có những thứ không tu thân người kia không tu tuệ. Có không tu tuệ không phải là không tu thân: Nghĩa là đã lìa nhiễm sắc, chưa lìa nhiễm vô sắc.

Hỏi: Nếu không tu giới người kia không tu tâm chẳng?

Đáp: Có những thứ không tu giới người kia không tu tâm. Có không tu tâm không phải là không tu giới: Nghĩa là đã lìa nhiễm sắc, chưa lìa nhiễm vô sắc.

Hỏi: Nếu không tu giới người kia không tu tuệ chẳng?

Đáp: Có những thứ không tu giới người kia không tu tuệ. Có không tu tuệ không phải là không tu giới: Nghĩa là đã lìa nhiễm sắc, chưa lìa nhiễm vô sắc.

Hỏi: Nếu không tu tâm người kia không tu tuệ chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như không tu tuệ người kia không tu tâm chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Như Đức Thế Tôn nói: “Tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ”.

Hỏi: Thế nào là tu thân?

Đáp: Nếu đối với thân đã lìa tham dục, không vui đắm nơi khát ái. Lại, đạo vô gián có thể dứt hết tham sắc, người kia đối với đạo này đã tu, đã an.

Hỏi: Thế nào là tu giới?

Đáp: Nếu đối với giới đã lìa tham, nói rộng như nơi thân.

Hỏi: Thế nào là tu tâm?

Đáp: Nếu đối với tâm đã lìa tham dục, không còn vui đắm nơi khát ái. Lại, đạo vô gián có thể dứt hết tham vô sắc, người kia đối với đạo này đã tu, đã an.

Hỏi: Thế nào là tu tuệ?

Đáp: Nếu đối với tuệ đã lìa tham, nói rộng như nơi tâm.

Hỏi: Nếu tu thân người kia tu giới chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như tu giới người kia tu thân chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tu thân người kia tu tâm chẳng?

Đáp: Có các thứ tu tâm người kia tu thân. Có tu thân không phải là tu tâm: Nghĩa là đã lìa nhiễm sắc, chưa lìa nhiễm vô sắc.

Hỏi: Nếu tu thân người kia tu tuệ chẳng?

Đáp: Có các thứ tu tuệ người kia tu thân. Có tu thân không phải là tu tuệ: Nghĩa là đã lìa nhiễm sắc, chưa lìa nhiễm vô sắc.

Hỏi: Nếu tu giới người kia tu tâm chẳng?

Đáp: Có các thứ tu tâm người kia tu giới. Có tu giới không phải là tu tâm: Nghĩa là đã lìa nhiễm sắc, chưa lìa nhiễm vô sắc.

Hỏi: Nếu tu giới người kia tu tuệ chẳng?

Đáp: Có các thứ tu tuệ người kia tu giới. Có tu giới không phải là tu tuệ: Nghĩa là đã lìa nhiễm sắc, chưa lìa nhiễm vô sắc.

Hỏi: Nếu tu tâm người kia tu tuệ chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như tu tuệ người kia tu tâm chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu giới quá khứ, người kia thành tựu giới loại này ở hiện tại, vị lai chăng?

Đáp: Có thành tựu giới quá khứ không phải là giới loại này ở hiện tại, vị lai: Nghĩa là giới biểu đã diệt không mất, giới loại này không hiện ở trước. Có thành tựu giới quá khứ và vị lai, không phải là hiện tại: Nghĩa là giới vô lậu của tĩnh lự đã diệt không mất, giới loại này không hiện ở trước. Có thành tựu giới quá khứ và hiện tại, không phải là vị lai: Nghĩa là giới biểu đã diệt không mất, giới loại này hiện ở trước. Có thành tựu giới quá khứ và hiện tại, vị lai: Nghĩa là giới vô lậu của tĩnh lự đã diệt không mất, giới loại này hiện ở trước.

Hỏi: Nếu thành tựu giới vị lai, người kia thành tựu giới loại này ở quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Có thành tựu giới vị lai không phải là giới loại này ở quá khứ, hiện tại: Nghĩa là A-la-hán sinh nơi cõi Vô sắc. Có thành tựu giới vị lai và quá khứ, không phải là hiện tại: Nghĩa là giới vô lậu của tĩnh lự đã diệt không mất, giới loại này không hiện ở trước. Có thành tựu giới vị lai và hiện tại, không phải là quá khứ: Nghĩa là giới vô lậu đầu tiên hiện ở trước. Có thành tựu giới vị lai và quá khứ, hiện tại: Nghĩa là giới vô lậu của tĩnh lự đã diệt không mất, giới loại này hiện ở trước.

Hỏi: Nếu thành tựu giới hiện tại, người kia thành tựu giới loại này ở quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Có thành tựu giới hiện tại không phải là giới loại này ở quá khứ, vị lai: Nghĩa là giới biểu đầu tiên hiện ở trước. Có thành tựu giới hiện tại và quá khứ, không phải là vị lai: Nghĩa là giới biểu đã diệt không mất, giới loại này hiện ở trước. Có thành tựu giới hiện tại và vị lai, không phải là quá khứ: Nghĩa là giới vô lậu đầu tiên hiện ở

trước. Có thành tựu giới hiện tại và quá khứ, vị lai: Nghĩa là giới vô lậu của tỉnh lự đã diệt không mất, giới loại này hiện ở trước.

Phẩm 5: BÀN VỀ TỰ NGHIỆP

Tụng nêu chung:

*Nghĩa tự nghiệp đời thành
 Đối dị thực thành đọa
 Trí mưu hại giữ xả
 Tâm loạn, buộc, Phật dạy.
 Thư, số, toán, in, thi
 Xứ công nghiệp thế gian
 Thành tựu giới như học
 Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Thế nào là tự nghiệp?

Đáp: Nếu nghiệp đã được nay có dị thực và dị thực của nghiệp đã sinh đang thọ.

Hỏi: Do nghĩa gì gọi là tự nghiệp?

Đáp: Là nghĩa đạt được tự quả, tự đăng lưu, tự dị thực. Lại nữa, nghiệp này đã chiêu cảm dị thực, nơi nẻo tự nối tiếp hiện rõ dị thực không phải thứ khác. Nơi nẻo tự tương tục, dưỡng tùy dưỡng, dục tùy dục, hộ tùy hộ, chuyên tùy chuyên, ích tùy ích, nên gọi là tự nghiệp.

Hỏi: Nếu nghiệp là tự nghiệp, nghiệp ấy nên nói là quá khứ, hiện tại, vị lai chăng?

Đáp: Nghiệp ấy nên nói là quá khứ.

Hỏi: Nếu nghiệp là tự nghiệp, nghiệp ấy thành tựu chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có nghiệp là tự nghiệp nghiệp ấy không thành tựu: Nghĩa là nghiệp đã đạt được, nay có dị thực và dị thực của nghiệp đã sinh đang thọ, nghiệp này đã mất. 2. Có nghiệp thành tựu nghiệp ấy không phải là tự nghiệp: Nghĩa là nghiệp không phải đã được, nay có dị thực và dị thực của nghiệp, không phải đã sinh đang thọ, nghiệp này không mất. 3. Có nghiệp là tự nghiệp nghiệp ấy cũng thành tựu: Nghĩa là nghiệp đã đạt được, nay có dị thực và dị thực của nghiệp đã sinh đang thọ, nghiệp này không mất. 4. Có nghiệp không phải là tự nghiệp nghiệp ấy cũng không thành tựu: Nghĩa là nghiệp không phải đã đạt được, nay có dị thực và dị thực của nghiệp, không phải đã sinh đang thọ, nghiệp này đã mất.

Không có (phi) cũng có bốn trường hợp trái với trước, nên nói rộng.

Hỏi: Nếu nghiệp là tự nghiệp, nghiệp ấy nhất định sẽ thọ dị thực chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có nghiệp là tự nghiệp nghiệp ấy nhất định sẽ không thọ dị thực: Nghĩa là nghiệp đã được, nay có dị thực và dị thực của nghiệp đã sinh đang thọ, dị thực của nghiệp này đến phần vị sau cùng. 2. Có nghiệp nhất định sẽ thọ dị thực nghiệp ấy không phải là tự nghiệp: Nghĩa là nghiệp không phải đã được, nay có dị thực và dị thực của nghiệp không phải đã sinh đang thọ, dị thực của nghiệp này chưa thành thực. 3. Có nghiệp là tự nghiệp nghiệp ấy nhất định sẽ thọ dị thực: Nghĩa là nghiệp đã được, nay đã có dị thực và dị thực của nghiệp đã sinh đang thọ, chưa đến phần vị sau cùng. 4. Có nghiệp không phải là tự nghiệp nghiệp ấy nhất định sẽ không thọ dị thực: Nghĩa là nghiệp không phải đã được, nay có dị thực và dị thực của nghiệp không phải đã sinh đang thọ, dị thực của nghiệp này đã thành thực.

Không có (Phi) cũng có bốn trường hợp trái với trước, nên nói rộng.

Hỏi: Nếu nghiệp thành tựu, nghiệp ấy nhất định sẽ thọ nhận dị thực chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có nghiệp thành tựu nghiệp ấy nhất định sẽ không thọ nhận dị thực: Nghĩa là dị thực của nghiệp thiện, bất thiện, hữu lậu nơi quá khứ đã thành thực, nghiệp này không mất. Hoặc nghiệp vị lai thiện, bất thiện, hữu lậu đã được nhất định không sinh. Hoặc nghiệp vô ký, vô lậu đã thành tựu. 2. Có nghiệp nhất định sẽ thọ nhận dị thực nghiệp ấy không thành tựu: Nghĩa là dị thực của nghiệp quá khứ thiện, bất thiện, hữu lậu chưa thành thực, nghiệp này đã mất. Hoặc nghiệp vị lai thiện, bất thiện, hữu lậu chưa được, nhất định sẽ sinh. 3. Có nghiệp thành tựu nghiệp ấy nhất định sẽ thọ nhận dị thực: Nghĩa là dị thực của nghiệp quá khứ thiện, bất thiện, hữu lậu chưa thành thực, nghiệp này không mất. Hoặc nghiệp vị lai thiện, bất thiện, hữu lậu đã được cũng nhất định sẽ sinh. Hoặc nghiệp thiện, bất thiện, hữu lậu của hiện tại. 4. Có nghiệp không thành tựu nghiệp ấy nhất định sẽ không thọ nhận dị thực: Nghĩa là dị thực của nghiệp thiện, bất thiện, hữu lậu nơi quá khứ đã thành thực, nghiệp ấy đã mất. Hoặc nghiệp thiện, bất thiện, hữu lậu của vị lai không đạt được, cũng nhất định không sinh. Hoặc nghiệp vô ký, vô lậu không thành tựu.

Không có (Phi) cũng có bốn trường hợp trái với trước, nên nói rộng.

*

Nếu người Dự lưu có nghiệp bất thiện, có thể thuận với khổ thọ, dị thực chưa thành thực, dị thực kia đã thành thực nên bị đọa vào nẻo ác.

Hỏi: Do đọa nào ngăn cản không bị đọa?

Đáp: Do hai bộ kiết trói buộc các hữu tình khiến bị đọa vào nẻo ác, nghĩa là kiết do kiến đạo đoạn, tu đạo đoạn.

Các người Dự lưu tuy chưa vĩnh viễn đoạn kiết do tu đạo đoạn, nhưng đã vĩnh viễn đoạn kiết do kiến đạo đoạn, thiếu một tư lương, nên không đọa nơi cõi ác. Như chiếc xe có đủ hai bánh, có thể vận chuyển, chuyên chở, như chim có hai cánh có thể bay nơi hư không, thiếu một thì không thể. Ở đây cũng như vậy.

*

Như Đức Thế Tôn nói: “Đệ tử Thánh của Ta nên tự xét kỹ, ghi nhận đã dứt hết mọi hàm hồ hiểm nguy nơi ba nẻo ác địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ”.

Hỏi: Các người Dự lưu vì có hiện trí nên có thể tự xét kỹ, biết rõ về mọi hàm hồ hiểm nguy nơi ba nẻo ác địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ để tự ghi nhận chăng?

Đáp: Không thể.

Hỏi: Nếu vậy thì người Dự lưu kia làm sao nhận biết?

Đáp: Tin nơi lời Phật nói. Nghĩa là Đức Thế Tôn nói: “Nếu có các đệ tử Thánh đa văn, có thể tùy thuận quán xét, thấy trong tự thân có bốn chứng tịnh hiện ở trước tức nên tự xét kỹ, ghi nhận là đã dứt hết mọi hàm hồ hiểm nguy nơi ba nẻo ác địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ”. Lại, người Dự lưu đã được bốn trí: Nghĩa là trí khổ, tập, diệt, đạo, chưa được tận trí, vô sinh trí.

*

Như Đức Thế Tôn nói: “Do học mưu hại, Na-già-đế quán sau bảy ngày nữa, nhà Kiền-tát-la tất nhiên bị diệt hết”.

Hỏi: Thế nào là học mưu hại?

Đáp: Như có người học chưa lìa nhiễm dục, khi bị người khác gia hại, liền khởi suy nghĩ: “Ta sẽ khiến cho mẹ của kẻ kia suy hoại, mất đứa con yêu quý”. Lại như người học đã lìa nhiễm dục, lúc bị người khác gia hại, từ lìa dục bị thoái chuyển, khởi suy nghĩ: “Ta sẽ khiến cho mẹ của kẻ kia suy hoại, mất đứa con yêu quý”.

Hỏi: Các kẻ học mưu hại tất có quả nên chăng?

Đáp: Điều ấy không quyết định. Nếu các hữu tình tạo tác, tăng trưởng nghiệp có uy lực lớn, dị thực hiện ở trước, tức quả không thành.

*

Hỏi: Thế nào là Bí-sô lưu lại nhiều hành sống lâu?

Đáp: Nghĩa là A-la-hán đã thành tựu thân thông, được tâm tự tại, hoặc đối với chúng Tăng, hoặc ở nơi từng người riêng lẻ, dùng y bát, hoặc dùng các vật dụng quen thuộc với đời sống của một Samôn để bố thí. Thí xong, phát nguyện, tức nhập cảnh giới tận cùng nơi tĩnh lự thứ tư. Từ định khởi, tâm nhớ nghĩ, miệng nói: “Nếu như tôi có thể chiêu cảm nghiệp của dị thực giàu có, nguyện nghiệp ấy chuyển, chiêu cảm quả dị thực sống lâu”. Bấy giờ, A-la-hán kia có thể tạo nên nghiệp của dị thực giàu có, tức chuyển biến có thể chiêu cảm quả dị thực sống lâu.

Hỏi: Thế nào là Bí-sô xả bỏ nhiều hành sống lâu?

Đáp: Nghĩa là A-la-hán đã thành tựu thân thông, được tâm tự tại, bố thí như trước, thí xong, phát nguyện, tức nhập cảnh giới tận cùng nơi tĩnh lự thứ tư. Từ định khởi, tâm nghĩ nhớ, miệng nói: “Nếu như tôi có thể chiêu cảm nghiệp của dị thực sống lâu, nguyện nghiệp ấy chuyển chiêu cảm quả dị thực giàu có”. Bấy giờ, A-la-hán kia có thể tạo nên nghiệp của dị thực sống lâu, tức chuyển biến có thể chiêu cảm quả dị thực giàu có.

*

Hỏi: Thế nào là tâm cuồng loạn?

Đáp: Nghĩa là do thế mạnh của bốn duyên bức bách khiến tâm cuồng loạn: 1. Do hàng phi nhân biến hiện hình sắc xấu ác, gặp rồi kinh sợ khiến tâm cuồng loạn. 2. Do hàng phi nhân phẫn nộ, đánh đập, các chi phần nơi thân bị khổ thọ bức bách khiến tâm cuồng loạn. 3. Do các đại chủng mâu thuẫn chống trái khiến tâm cuồng loạn. 4. Do dị thực của nghiệp trước khiến tâm cuồng loạn.

*

Hỏi: Pháp tương ưng của triền nào đều là bất thiện?

Đáp: Là không hổ, không thẹn.

*

Hỏi: Phật giảng dạy như thế nào?

Đáp: Nghĩa là Đức Phật nói năng, luận bàn, xướng đọc, nêu bày về ngữ lộ, ngữ âm, ngữ nghiệp, ngữ biểu. Đó gọi là Phật giảng dạy, giáo hóa.

Hỏi: Đức Phật giảng dạy giáo hóa nên nói là thiện hay là vô ký?

Đáp: Hoặc thiện, hoặc vô ký.

Thế nào là thiện? Nghĩa là tâm thiện của Đức Phật đã phát ra ngữ ngôn cho đến ngữ biểu.

Thế nào là vô ký? Nghĩa là tâm vô ký của Đức Phật đã phát ra ngữ ngôn cho đến ngữ biểu.

Hỏi: Phật giáo hóa gọi là pháp gì?

Đáp: Là danh thân, cú thân, văn thân, sắp bày hàng lớp theo trình tự bố trí an định liên hợp theo thứ lớp.

Hỏi: Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Già tha, Tỳ thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Hy pháp, Luận nghị, gọi là pháp gì?

Đáp: Là Danh thân, Cú thân, Văn thân, sắp bày hàng lớp theo trình tự bố trí an định liên hợp theo thứ lớp.

*

Hỏi: Sách (Thư) gọi là pháp gì?

Đáp: Là thân nghiệp chuyển biến như lý và thân nghiệp ấy đã dựa vào các trí phương tiện thiện xảo.

Hỏi: Số gọi là pháp gì?

Đáp: Là ý nghiệp chuyển biến như lý và ý nghiệp ấy đã dựa vào các trí phương tiện thiện xảo.

Hỏi: Toán gọi là pháp gì?

Đáp: Là ngữ nghiệp chuyển biến như lý và ngữ nghiệp ấy đã dựa vào các trí phương tiện thiện xảo.

Hỏi: In ấn gọi là pháp gì?

Đáp: Là thân nghiệp chuyển biến như lý và thân nghiệp ấy đã dựa vào các trí phương tiện thiện xảo.

Hỏi: Thi gọi là pháp gì?

Đáp: Là ngữ nghiệp chuyển biến như lý và ngữ nghiệp ấy đã dựa vào các trí phương tiện thiện xảo.

Hỏi: Vô số xứ nghiệp công xảo nơi thế gian gọi là pháp gì?

Đáp: Tuệ là sự tạo tác trước tiên cho xứ nghiệp công xảo nơi thế gian kia và tuệ ấy đã dựa vào các trí phương tiện thiện xảo.

*

Hỏi: Nếu thành tựu giới học, người kia thành tựu giới phi học phi vô học chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có thành tựu giới học không phải là thành tựu giới phi học phi vô học: Nghĩa là người học sinh nơi cõi Vô sắc. 2. Có thành tựu giới phi học phi vô học không phải là thành tựu giới học: Nghĩa là A-la-hán và các phàm phu sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc. 3. Có thành tựu giới học cũng là thành tựu giới phi học phi vô học: Nghĩa là người học sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc. 4. Có không phải là thành tựu giới học cũng không phải là thành tựu giới phi học phi vô học: Nghĩa là A-la-hán và các phàm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu giới vô học, người kia thành tựu giới phi học phi vô học chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có thành tựu giới vô học không phải là thành tựu giới phi học phi vô học: Nghĩa là A-la-hán sinh nơi cõi Vô sắc. 2. Có thành tựu giới phi học phi vô học không phải là thành tựu giới vô học: Nghĩa là các người học và các phàm phu sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc. 3. Có thành tựu giới vô học cũng là thành tựu giới phi học phi vô học: Nghĩa là A-la-hán sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc. 4. Có không phải là thành tựu giới vô học cũng không phải là thành tựu giới phi học phi vô học: Nghĩa là các người học và các phàm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

HẾT - QUYỂN 12

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 13

Chương 5: ĐẠI CHỦNG UẨN

Phẩm 1: BÀN VỀ ĐẠI TẠO

Tụng nêu chung:

*Xứ do đại chủng tạo
Là bốn, hai, năm, ba
Đại tạo thành, không thành
Thành đại đối tạo bốn.
Chỉ thành đã tạo bốn
Bảy thứ như đại chủng
Dựa định diệt trụ quả
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Xứ do đại chủng tạo: Bao nhiêu thứ có thấy?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu thứ không thấy?

Đáp: Phần ít của tám, hai.

Hỏi: Bao nhiêu thứ có đối?

Đáp: Phần ít của chín, một.

Hỏi: Bao nhiêu thứ không đối?

Đáp: Phần ít của một.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là hữu lậu?

Đáp: Phần ít của chín, hai.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là vô lậu?

Đáp: Phần ít của một.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là hữu vi?

Đáp: Phần ít của chín, hai.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là vô vi?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Xứ do đại chủng tạo: Bao nhiêu thứ là quá khứ?

Đáp: Phần ít của mười một.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là vị lai?

Đáp: Phần ít của mười một.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là hiện tại?

Đáp: Phần ít của mười một.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là thiện?

Đáp: Phần ít của ba.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là bất thiện?

Đáp: Phần ít của ba.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là vô ký?

Đáp: Phần ít của bảy, ba.

Hỏi: Bao nhiêu thứ hệ thuộc nơi cõi Dục?

Đáp: Phần ít của chín, hai.

Hỏi: Bao nhiêu thứ hệ thuộc nơi cõi Sắc?

Đáp: Phần ít của chín.

Hỏi: Bao nhiêu thứ hệ thuộc nơi cõi Vô sắc?

Đáp: Không có.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là học?

Đáp: Phần ít của một.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là vô học?

Đáp: Phần ít của một.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là phi học phi vô học?

Đáp: Phần ít của chín, một.

Hỏi: Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn?

Đáp: Không có.

Hỏi: Bao nhiêu thứ do tu đạo đoạn?

Đáp: Phần ít của chín, hai.

Hỏi: Bao nhiêu thứ không đoạn?

Đáp: Phần ít của một.

*

Hỏi: Nếu thành tựu đại chúng, người kia thành tựu sắc được tạo chãng?

Đáp: Thành tựu đại chúng người kia nhất định thành tựu sắc được tạo. Có thành tựu sắc được tạo không phải là thành tựu đại chúng: Nghĩa là các Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu không thành tựu đại chúng người kia không thành tựu sắc được tạo chăng?

Đáp: Không thành tựu sắc được tạo người kia không thành tựu đại chúng. Có không thành tựu đại chúng không phải là sắc được tạo: Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Nếu thành tựu đại chúng, người kia thành tựu sắc thiện chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có thành tựu đại chúng không phải là thành tựu sắc thiện: Nghĩa là ở nơi bực trứng, hoặc các phàm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu thiện, giả như có thì mất. 2. Có thành tựu sắc thiện không phải là thành tựu đại chúng: Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc. 3. Có thành tựu đại chúng cũng là thành tựu sắc thiện: Nghĩa là các Thánh giả ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hoặc trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu thiện, hoặc trước đã có không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. 4. Có không phải là thành tựu đại chúng cũng không phải là thành tựu sắc thiện: Nghĩa là phàm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chúng, người kia tạo thành sắc bất thiện chăng?

Đáp: Có tạo thành sắc bất thiện người kia nhất định thành tựu đại chúng. Có thành tựu đại chúng không phải là tạo thành sắc bất thiện: Nghĩa là ở nơi bực trứng và ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu bất thiện, giả như có thì mất.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng, người kia thành tựu sắc hữu phú vô ký chãng?

Đáp: Thành tựu sắc hữu phú vô ký người kia nhất định thành tựu đại chủng. Có thành tựu đại chủng không phải là thành tựu sắc hữu phú vô ký: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, hoặc sinh nơi cõi Sắc, hiện không có thân ngữ biểu hữu phú vô ký.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng, người kia thành tựu sắc vô phú vô ký chãng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc vô phú vô ký người kia thành tựu đại chủng chãng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng, người kia thành tựu sắc thiện, bất thiện chãng?

Đáp: Có thành tựu đại chủng không phải là thành tựu sắc thiện, bất thiện: Nghĩa là ở nơi bọc trứng, hoặc phạm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu thiện, bất thiện, giả như có thì mất.

Có thành tựu đại chủng cũng thành tựu sắc thiện, không phải là tạo thành sắc bất thiện: Nghĩa là Thánh giả ở nơi thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu bất thiện, giả như có thì mất. Hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu thiện, hoặc trước đã có không mất, hiện không có thân ngữ biểu bất thiện, giả như có thì mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc.

Có thành tựu đại chúng cũng tạo thành sắc bất thiện, không phải là sắc thiện: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu thiện, giả như có thì mất. Hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu bất thiện, hoặc trước đã có không mất, hiện không có thân ngữ biểu thiện, giả như có thì mất.

Có thành tựu đại chúng cũng thành tựu sắc thiện, bất thiện: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hiện có thân ngữ biểu bất thiện, hoặc trước đã có không mất. Hoặc trụ nơi không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu thiện, hoặc trước đã có không mất. Hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu thiện bất thiện, hoặc trước đã có không mất.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc thiện, bất thiện, người kia thành tựu đại chúng chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chúng, người kia thành tựu sắc thiện, hữu phú vô ký chẳng?

Đáp: Có thành tựu đại chúng, không phải là thành tựu sắc thiện, hữu phú vô ký: Nghĩa là ở nơi bực trứng, hoặc phạm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu thiện, giả như có thì mất.

Có thành tựu đại chúng cũng thành tựu sắc thiện, không phải là thành tựu sắc hữu phú vô ký: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hoặc trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu thiện, hoặc trước đã có không mất. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, hiện không có thân ngữ biểu hữu phú vô ký.

Có thành tựu đại chúng cũng thành tựu sắc thiện, hữu phú vô ký: Nghĩa là sinh nơi cõi Sắc, hiện có thân ngữ biểu hữu phú vô ký.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc thiện, hữu phú vô ký, người kia thành tựu đại chúng chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chúng, người kia thành tựu sắc thiện, vô phú vô ký chẳng?

Đáp: Có thành tựu đại chúng cũng thành tựu sắc vô phú vô ký, không phải là thành tựu sắc thiện: Nghĩa là ở nơi bọc trứng, hoặc phàm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu thiện, giả như có thì mất.

Có thành tựu đại chúng cũng thành tựu sắc thiện, vô phú vô ký: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hoặc trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu thiện, hoặc trước đã có không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc thiện, vô phú vô ký, người kia thành tựu đại chúng chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chúng, người kia tạo thành sắc bất thiện, hữu phú vô ký chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chúng, người kia tạo thành sắc bất thiện, vô phú vô ký chẳng?

Đáp: Có thành tựu đại chúng cũng thành tựu sắc vô phú vô ký, không phải là tạo thành sắc bất thiện: Nghĩa là ở nơi bọc trứng, hoặc

ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu bất thiện, giả như có thì mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc.

Có thành tựu đại chủng cũng tạo thành sắc bất thiện, vô phú vô ký: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không luật nghi, hoặc trụ nơi luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu bất thiện, hoặc trước đã có không mất.

Hỏi: Nếu như tạo thành sắc bất thiện, vô phú vô ký, người kia thành tựu đại chủng chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng, người kia thành tựu sắc hữu phú vô ký, vô phú vô ký chăng?

Đáp: Có thành tựu đại chủng cũng thành tựu sắc vô phú vô ký, không phải là sắc hữu phú vô ký: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, hoặc sinh nơi cõi Sắc, hiện không có thân ngữ biểu hữu phú vô ký.

Có thành tựu đại chủng cũng thành tựu sắc hữu phú vô ký, vô phú vô ký: Nghĩa là sinh nơi cõi Sắc, hiện có thân ngữ biểu hữu phú vô ký.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc hữu phú vô ký, vô phú vô ký, người kia thành tựu đại chủng chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng, người kia thành tựu sắc thiện, bất thiện, hữu phú vô ký chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng, người kia thành tựu sắc thiện, bất thiện, vô phú vô ký chăng?

Đáp: Có thành tựu đại chủng cũng thành tựu sắc vô phú vô ký, không phải là thành tựu sắc thiện, bất thiện: Nghĩa là ở nơi bọc trứng, hoặc phạm phu trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu thiện, bất thiện, giả như có thì mất.

Có thành tựu đại chủng cũng thành tựu sắc thiện, vô phú vô ký, không tạo thành sắc bất thiện: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu bất thiện, giả như có thì mất. Hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu thiện, hoặc trước đã có không mất, hiện không có thân ngữ biểu bất thiện, giả như có thì mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc.

Có thành tựu đại chủng cũng tạo thành sắc bất thiện, vô phú vô ký, không phải là thành tựu sắc thiện: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu thiện, giả như có thì mất. Hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu bất thiện, hoặc trước đã có không mất, hiện không có thân ngữ biểu thiện, giả như có thì mất.

Có thành tựu đại chủng cũng thành tựu sắc thiện, bất thiện, vô phú vô ký: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hiện có thân ngữ biểu bất thiện, hoặc trước đã có không mất. Hoặc trụ nơi không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu thiện, hoặc trước đã có không mất. Hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu thiện, bất thiện, hoặc trước đã có không mất.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc thiện, bất thiện, vô phú vô ký, người kia thành tựu đại chủng chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng, người kia thành tựu sắc thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký chăng?

Đáp: Có thành tựu đại chủng cũng thành tựu sắc vô phú vô ký, không phải là sắc thiện, hữu phú vô ký: Nghĩa là ở nơi bực trượng, hoặc phạm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu thiện, giả như có thì mất.

Có thành tựu đại chủng cũng thành tựu sắc thiện, vô phú vô ký, không phải là sắc hữu phú vô ký: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hoặc trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu thiện, hoặc trước đã có không mất. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, hiện không có thân ngữ biểu hữu phú vô ký.

Có thành tựu đại chủng cũng thành tựu sắc thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký: Nghĩa là sinh nơi cõi Sắc, hiện có thân ngữ biểu hữu phú vô ký.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký, người kia thành tựu đại chủng chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng, người kia tạo thành sắc bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký chăng?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng, người kia thành tựu sắc thiện, bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký chăng?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện, người kia tạo thành sắc bất thiện chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có thành tựu sắc thiện không phải là tạo thành sắc bất thiện: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu bất thiện, giả như có thì mất. Hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu thiện, hoặc trước đã có không mất, hiện không có thân ngữ biểu bất thiện, giả như có thì mất. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, hoặc Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

2. Có tạo thành sắc bất thiện không phải là thành tựu sắc thiện: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu thiện, giả như có thì mất. Hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu bất thiện, hoặc trước đã có không mất, hiện không có thân ngữ biểu thiện, giả như có thì mất.

3. Có thành tựu sắc thiện cũng là tạo thành sắc bất thiện: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hiện có thân ngữ biểu bất thiện, hoặc trước đã có không mất. Hoặc trụ nơi không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu thiện, hoặc trước đã có không mất. Hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ thiện, bất thiện, hoặc trước đã có không mất.

4. Có không phải là thành tựu sắc thiện cũng không phải là tạo thành sắc bất thiện: Nghĩa là ở nơi bọc trứng, hoặc phàm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu thiện, bất thiện, giả như có thì mất, hoặc phàm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện, người kia thành tựu sắc hữu phú vô ký chăng?

Đáp: Thành tựu sắc hữu phú vô ký, người kia nhất định thành tựu sắc thiện. Hoặc thành tựu sắc thiện không phải là sắc

hữu phú vô ký: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hoặc trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu thiện, hoặc trước đã có không mất. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, hiện không có thân ngữ biểu hữu phú vô ký. Hoặc Thánh giả trụ nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện, người kia thành tựu sắc vô phú vô ký chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có thành tựu sắc thiện không phải là thành tựu sắc vô phú vô ký: Nghĩa là Thánh giả kia sinh nơi cõi Vô sắc.

2. Có thành tựu sắc vô phú vô ký không phải là thành tựu sắc thiện: Nghĩa là ở nơi bực trứng, hoặc phạm phu trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu thiện, giả như có thì mất.

3. Có thành tựu sắc thiện cũng là thành tựu sắc vô phú vô ký: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hoặc trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu thiện, hoặc trước đã có không mất, hoặc sinh nơi cõi Vô sắc.

4. Có không phải là thành tựu sắc thiện cũng không phải là thành tựu sắc vô phú vô ký: Nghĩa là phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện, người kia tạo thành sắc bất thiện, hữu phú vô ký chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện, người kia tạo thành sắc bất thiện, vô phú vô ký chăng?

Đáp: Có thành tựu sắc thiện không phải là tạo thành sắc bất thiện, vô phú vô ký: Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

Có thành tựu sắc thiện cũng là thành tựu sắc vô phú vô ký, không phải là tạo thành sắc bất thiện: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu bất thiện, giả như có thì mất. Hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu thiện, hoặc trước đã có không mất, hiện không có thân ngữ biểu bất thiện, giả như có thì mất, hoặc sinh nơi cõi Vô sắc.

Có thành tựu sắc thiện cũng là tạo thành sắc bất thiện, vô phú vô ký: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hiện có thân ngữ biểu bất thiện, hoặc trước đã có không mất. Hoặc trụ nơi không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu thiện, hoặc trước đã có không mất. Hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu thiện, bất thiện, hoặc trước đã có không mất.

Hỏi: Nếu như tạo thành sắc bất thiện, vô phú vô ký, người kia thành tựu sắc thiện chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Thế nào là thành tựu? Tức như trên đã nói.

Thế nào là không thành tựu? Tức sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu thiện, giả như có thì mất. Hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu bất thiện, hoặc trước đã có không mất, hiện không có thân ngữ biểu thiện, giả như có thì mất.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện, người kia thành tựu sắc hữu phú vô ký, vô phú vô ký chăng?

Đáp: Có thành tựu sắc thiện không phải là thành tựu sắc hữu phú vô ký, vô phú vô ký: Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

Có thành tựu sắc thiện cũng là thành tựu sắc vô phú vô ký, không phải là thành tựu sắc hữu phú vô ký: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hoặc trụ nơi không luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện có thân ngữ biểu thiện, hoặc trước đã có không mất. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, hiện không có thân ngữ biểu hữu phú vô ký.

Có thành tựu sắc thiện cũng thành tựu sắc hữu phú vô ký, vô phú vô ký: Nghĩa là sinh nơi cõi Sắc, hiện có thân ngữ biểu hữu phú vô ký.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc hữu phú vô ký, vô phú vô ký, người kia thành tựu sắc thiện chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện, người kia tạo thành sắc bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký chăng?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Nếu tạo thành sắc bất thiện người kia thành tựu sắc hữu phú vô ký chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Nếu tạo thành sắc bất thiện người kia thành tựu sắc vô phú vô ký chăng?

Đáp: Đã tạo thành sắc bất thiện, người kia nhất định thành tựu sắc vô phú vô ký. Có thành tựu sắc vô phú vô ký, không phải là tạo thành sắc bất thiện: Nghĩa là ở nơi bọc trứng, trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi cùng không phải luật nghi không phải không luật nghi, hiện không có thân ngữ biểu bất thiện, giả như có thì mất, hoặc sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tạo thành sắc bất thiện người kia thành tựu sắc hữu phú vô ký, vô phú vô ký chăng?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Nếu thành tựu sắc hữu phú vô ký người kia thành tựu sắc vô phú vô ký chăng?

Đáp: Đã thành tựu sắc hữu phú vô ký, người kia nhất định thành tựu sắc vô phú vô ký. Có thành tựu sắc vô phú vô ký, không phải là thành tựu sắc hữu phú vô ký: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, hoặc sinh nơi cõi Sắc, hiện không có thân ngữ biểu hữu phú vô ký.

*

Hỏi: Bốn đại chủng và sắc được tạo, dựa vào định nào diệt?

Đáp: Dựa vào bốn định, hoặc dựa vào vị chí diệt.

Hỏi: Tâm tứ xúc có đối dựa vào định nào diệt?

Đáp: Dựa vào định thứ nhất, hoặc dựa vào vị chí diệt.

Hỏi: Lạc căn dựa vào định nào diệt?

Đáp: Dựa vào ba định, hoặc dựa vào vị chí diệt.

Hỏi: Hỷ căn dựa vào định nào diệt?

Đáp: Dựa vào hai định, hoặc dựa vào vị chí diệt.

Hỏi: Khổ căn, ưu căn, đoạn thực dựa vào định nào diệt?

Đáp: Dựa vào vị chí diệt.

Hỏi: Xả căn, xúc, tư, thức thực, dựa vào định nào diệt?

Đáp: Dựa vào bảy định, hoặc dựa vào vị chí diệt.

*

Hỏi: Bốn đại chủng, sắc được tạo, tâm tứ xúc có đối, lạc căn, hỷ căn đã đoạn, đã nhận biết khắp, nên nói là trụ nơi quả nào?

Đáp: Là quả A-la-hán, hoặc vô sở trụ.

Hỏi: Khổ căn, ưu căn, đoạn thực đã đoạn, đã nhận biết khắp, nên nói là trụ nơi quả nào?

Đáp: Là quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, hoặc vô sở trụ.

Hỏi: Xả căn, xúc, tư, thức thực đã đoạn, đã nhận biết khắp, nên nói là trụ nơi quả nào?

Đáp: Là quả A-la-hán.

Phẩm 2: BÀN VỀ DUYÊN

Tụng nêu chung:

*Đại tạo tâm xír căn
Cùng đối duyên bao nhiêu
Tương ưng tạo ba đời
Thế giới biện thành duyên.
Đại chủng cùng tạo sắc
Giới thể là đồng dị
Bốn thể thấu môn thức
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Đại chủng cùng với đại chủng làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Hai duyên là Nhân duyên, Tăng thượng duyên.

Hỏi: Đại chủng cùng với sắc tạo làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Hai duyên là Nhân duyên, Tăng thượng duyên.

Hỏi: Sắc tạo cùng với sắc tạo làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân duyên, Tăng thượng duyên.

Hỏi: Sắc tạo cùng với đại chủng làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân duyên, Tăng thượng duyên.

*

Hỏi: Đại chủng cùng với tâm, tâm sở pháp làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Sở duyên duyên, Tăng thượng duyên.

Hỏi: Tâm, tâm sở pháp cùng với tâm, tâm sở pháp làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên, Tăng thượng duyên.

Hỏi: Tâm, tâm sở pháp cùng với đại chủng làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân duyên, Tăng thượng duyên.

*

Hỏi: Đại chủng cùng với nhãn xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân duyên, Tăng thượng duyên.

Hỏi: Nhãn xứ cùng với nhãn xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân duyên, Tăng thượng duyên.

Hỏi: Nhãn xứ cùng với đại chủng làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một duyên là Tăng thượng duyên.

Như nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, hương, vị xứ cũng như vậy.

Hỏi: Đại chủng cùng với sắc xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân duyên, Tăng thượng duyên.

Hỏi: Sắc xứ cùng với sắc xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân duyên, Tăng thượng duyên.

Hỏi: Sắc xứ cùng với đại chủng làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân duyên, Tăng thượng duyên.

Như sắc xứ, thanh xứ, xúc xứ cũng như vậy.

Hỏi: Đại chủng cùng với ý xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Sở duyên duyên, Tăng thượng duyên.

Hỏi: Ý xứ cùng với ý xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên, Tăng thượng duyên.

Hỏi: Ý xứ cùng với đại chủng làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân duyên, Tăng thượng duyên.

Hỏi: Đại chủng cùng với pháp xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân duyên, Sở duyên duyên, Tăng thượng duyên.

Hỏi: Pháp xứ cùng với pháp xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên, Tăng thượng duyên.

Hỏi: Pháp xứ cùng với đại chủng làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân duyên, Tăng thượng duyên.

*

Hỏi: Đại chủng cùng với nhãn căn làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân duyên, Tăng thượng duyên.

Hỏi: Nhãn căn cùng với đại chủng làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một duyên là Tăng thượng duyên.

Như nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, nam, nữ căn cũng như vậy.

Hỏi: Đại chủng cùng với mạng căn làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một duyên là Tăng thượng duyên.

Hỏi: Mạng căn cùng với đại chủng làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một duyên là Tăng thượng duyên.

Hỏi: Đại chủng cùng với ý căn làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Sở duyên duyên, Tăng thượng duyên.

Hỏi: Ý căn cùng với đại chủng làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân duyên, Tăng thượng duyên.

Như ý căn, lạc, khô, hỷ, ưu, xả, tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn cũng như vậy.

Hỏi: Đại chủng cùng với vị tri đương tri căn làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Sở duyên duyên, Tăng thượng duyên.

Hỏi: Vị tri đương tri căn cùng với đại chủng làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một duyên là Tăng thượng duyên.

Như vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn cũng như vậy.

*

Hỏi: Vì sao bốn đại chủng, một sinh, một trụ, một diệt mà không tương ưng? Còn tâm, tâm sở pháp thì một sinh, một trụ, một diệt gọi là tương ưng?

Đáp: Như bốn đại chủng hoặc giảm, hoặc tăng, còn tâm tâm sở pháp thì không như thế. Lại, tâm tâm sở pháp đều có đối tượng duyên. Bốn đại chủng không có đối tượng duyên, không phải là không có pháp của đối tượng duyên để có thể nói tương ưng.

*

Hỏi: Từng có đại chúng quá khứ tạo sắc quá khứ chăng? Tạo sắc vị lai, tạo sắc hiện tại chăng?

Đáp: Đều có.

Hỏi: Từng có đại chúng vị lai tạo sắc vị lai chăng? Tạo sắc quá khứ, tạo sắc hiện tại chăng?

Đáp: Vị lai có, quá khứ và hiện tại không có.

Hỏi: Từng có đại chúng hiện tại tạo sắc hiện tại chăng? Tạo sắc quá khứ, tạo sắc vị lai chăng?

Đáp: Hiện tại và vị lai có, quá khứ không có.

*

Hỏi: Nếu thành tựu đại chúng quá khứ, người kia thành tựu sắc tạo quá khứ chăng?

Đáp: Không có thành tựu đại chúng quá khứ có thành tựu sắc tạo quá khứ: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hoặc trụ nơi không luật nghi cùng trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, trước đã có thân ngữ biểu không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc, hoặc các người học sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chúng quá khứ, người kia thành tựu đại chúng vị lai chăng?

Đáp: Không có thành tựu đại chúng quá khứ, vị lai.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chúng quá khứ, người kia thành tựu sắc tạo vị lai chăng?

Đáp: Không có thành tựu đại chúng quá khứ có thành tựu sắc tạo vị lai: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc sinh nơi cõi Sắc, hoặc Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng quá khứ, người kia thành tựu đại chủng hiện tại chăng?

Đáp: Không có thành tựu đại chủng quá khứ có thành tựu đại chủng hiện tại: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng quá khứ, người kia thành tựu sắc tạo hiện tại chăng?

Đáp: Không có thành tựu đại chủng quá khứ có thành tựu sắc tạo hiện tại: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc.

*

Hỏi: Nếu thành tựu sắc tạo quá khứ, người kia thành tựu đại chủng vị lai chăng?

Đáp: Không có thành tựu đại chủng vị lai, có thành tựu sắc tạo quá khứ: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hoặc trụ nơi không luật nghi, hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, trước đã có thân ngữ biểu không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc, hoặc các người học sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc tạo quá khứ, người kia thành tựu sắc tạo vị lai chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có thành tựu sắc tạo quá khứ không phải là thành tựu sắc tạo vị lai: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, không được tâm thiện của cõi Sắc. Hoặc trụ nơi không luật nghi, hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, trước đã có thân ngữ biểu không mất.

2. Có thành tựu sắc tạo vị lai không phải là thành tựu sắc tạo quá khứ: Nghĩa là A-la-hán sinh nơi cõi Vô sắc.

3. Có thành tựu sắc tạo quá khứ cũng là thành tựu sắc tạo vị lai: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc các người học sinh nơi cõi Vô sắc.

4. Có không phải là thành tựu sắc tạo quá khứ cũng không phải là thành tựu sắc tạo vị lai: Nghĩa là ở nơi bực trứng, hoặc phàm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, trước không có thân ngữ biểu, giả như có thì mất, hoặc phàm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc tạo quá khứ, người kia thành tựu đại chủng hiện tại chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có thành tựu sắc tạo quá khứ không phải là thành tựu đại chủng hiện tại: Nghĩa là người học sinh nơi cõi Vô sắc.

2. Có thành tựu đại chủng hiện tại không phải là thành tựu sắc tạo quá khứ: Nghĩa là ở nơi bực trứng, hoặc phàm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, trước không có thân ngữ biểu, giả như có thì mất.

3. Có thành tựu sắc tạo quá khứ cũng là thành tựu đại chủng hiện tại: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hoặc trụ nơi không luật nghi, hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, trước đã có thân ngữ biểu không mất, hoặc sinh nơi cõi Vô sắc.

4. Có không phải là thành tựu sắc tạo quá khứ cũng không phải là thành tựu đại chủng hiện tại: Nghĩa là A-la-hán hoặc phàm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc tạo quá khứ, người kia thành tựu sắc tạo hiện tại chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có thành tựu sắc tạo quá khứ không phải là thành tựu sắc tạo hiện tại: Nghĩa là người học sinh nơi cõi Vô sắc.

2. Có thành tựu sắc tạo hiện tại không phải là thành tựu sắc tạo quá khứ: Nghĩa là ở nơi bọc trứng, hoặc phàm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, trước không có thân ngữ biểu.

3. Có thành tựu sắc tạo quá khứ cũng là thành tựu sắc tạo hiện tại: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, trụ nơi luật nghi, hoặc trụ nơi không luật nghi, hoặc trụ nơi không phải luật nghi không phải không luật nghi, trước đã có thân ngữ biểu không mất, hoặc sinh nơi cõi Vô sắc.

4. Có không phải là thành tựu sắc tạo quá khứ cũng không phải là thành tựu sắc tạo vị lai: Nghĩa là A-la-hán hoặc phàm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng vị lai, người kia thành tựu sắc tạo vị lai chăng?

Đáp: Không có thành tựu đại chủng vị lai, có thành tựu sắc tạo vị lai: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục, được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc sinh nơi cõi Sắc, hoặc Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng vị lai, người kia thành tựu đại chủng hiện tại chăng?

Đáp: Không có thành tựu đại chủng vị lai, có thành tựu đại chủng hiện tại: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng vị lai, người kia thành tựu sắc tạo hiện tại chăng?

Đáp: Không có thành tựu đại chủng vị lai, có thành tựu sắc tạo hiện tại: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc.

*

Hỏi: Nếu thành tựu sắc tạo vị lai, người kia thành tựu đại chủng hiện tại chẳng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có thành tựu sắc tạo vị lai không phải là thành tựu đại chủng hiện tại: Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

2. Có thành tựu đại chủng hiện tại không phải là thành tựu sắc tạo vị lai: Nghĩa là ở nơi bực trứng, hoặc các phàm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục không được tâm thiện của cõi Sắc.

3. Có thành tựu sắc tạo vị lai cũng là thành tựu đại chủng hiện tại: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc sinh nơi cõi Sắc.

4. Có không phải là thành tựu sắc tạo vị lai cũng không phải là thành tựu đại chủng hiện tại: Nghĩa là phàm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc tạo vị lai, người kia thành tựu sắc tạo hiện tại chẳng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có thành tựu sắc tạo vị lai không phải là thành tựu sắc tạo hiện tại: Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

2. Có thành tựu sắc tạo hiện tại không phải là thành tựu sắc tạo vị lai: Nghĩa là ở nơi bực trứng, hoặc các phàm phu ở trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục không được tâm thiện của cõi Sắc.

3. Có thành tựu sắc tạo vị lai cũng là thành tựu sắc tạo hiện tại: Nghĩa là Thánh giả trụ trong thai tạng, hoặc sinh nơi cõi Dục được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc sinh nơi cõi Sắc.

4. Có không phải là thành tựu sắc tạo vị lai cũng không phải là thành tựu sắc tạo hiện tại: Nghĩa là phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng hiện tại, người kia thành tựu sắc tạo hiện tại chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc tạo hiện tại, người kia thành tựu đại chủng hiện tại chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Đại chủng quá khứ và đại chủng quá khứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Hai duyên là Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Đại chủng quá khứ và sắc tạo quá khứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo quá khứ và sắc tạo quá khứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo quá khứ và đại chủng quá khứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

*

Hỏi: Đại chủng quá khứ và đại chủng vị lai làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Đại chủng vị lai và đại chủng vị lai làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Đại chúng vị lai và đại chúng quá khứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Đại chúng quá khứ và sắc tạo vị lai làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo vị lai và sắc tạo vị lai làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo vị lai và đại chúng quá khứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

*

Hỏi: Đại chúng quá khứ và đại chúng hiện tại làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Đại chúng hiện tại và đại chúng hiện tại làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Đại chúng hiện tại và đại chúng quá khứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Đại chúng quá khứ và sắc tạo hiện tại làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo hiện tại và sắc tạo hiện tại làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo hiện tại và đại chúng quá khứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

*

Hỏi: Sắc tạo quá khứ và đại chủng vị lai làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Đại chủng vị lai và sắc tạo quá khứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo quá khứ và sắc tạo vị lai làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo vị lai và sắc tạo quá khứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

*

Hỏi: Sắc tạo quá khứ và đại chủng hiện tại làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Đại chủng hiện tại và sắc tạo quá khứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo quá khứ và sắc tạo hiện tại làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo hiện tại và sắc tạo quá khứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

*

Hỏi: Đại chủng vị lai và sắc tạo vị lai làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo vị lai và đại chủng vị lai làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Đại chủng vị lai và đại chủng hiện tại làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Đại chúng hiện tại và đại chúng vị lai làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Đại chúng vị lai và sắc tạo hiện tại làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo hiện tại và đại chúng vị lai làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

*

Hỏi: Sắc tạo vị lai và đại chúng hiện tại làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Đại chúng hiện tại và sắc tạo vị lai làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo vị lai và sắc tạo hiện tại làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo hiện tại và sắc tạo vị lai làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

*

Hỏi: Đại chúng hiện tại và sắc tạo hiện tại làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo hiện tại và đại chúng hiện tại làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

*

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục, người kia thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục, người kia thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục, người kia thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục, không phải là thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, đại chủng của cõi Sắc không hiện ở trước.

2. Có thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc, không phải là thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục: Nghĩa là sinh nơi cõi Sắc, không tạo sự biến hóa nơi cõi Dục, không phát ra ngôn ngữ của cõi Dục.

3. Có thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục cũng là thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, đại chủng của cõi Sắc hiện ở trước. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, tạo sự biến hóa nơi cõi Dục, phát ra ngôn ngữ của cõi Dục.

4. Có không phải là thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục cũng không phải là thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục, người kia thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục không phải là thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, không được tâm thiện của cõi Sắc.

2. Có thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc không phải là thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục: Nghĩa là sinh nơi cõi Sắc, không tạo sự biến hóa nơi cõi Dục, không phát ra ngôn ngữ của cõi Dục.

3. Có thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục cũng là thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, được tâm thiện của cõi Sắc. Hoặc sinh nơi cõi Sắc, tạo sự chuyển hóa nơi cõi Dục, phát ra ngôn ngữ của cõi Dục.

4. Có không phải là thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục cũng không phải là thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục, người kia thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục không phải là thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, đại chủng của cõi Sắc không hiện ở trước.

2. Có thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc không phải là thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục: Nghĩa là sinh nơi cõi Sắc, không tạo sự chuyển hóa nơi cõi Dục, không phát ra ngôn ngữ của cõi Dục.

3. Có thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục cũng thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, đại chủng của cõi Sắc hiện ở trước, hoặc sinh nơi cõi Sắc, tạo sự biến hóa nơi cõi Dục, phát ra ngôn ngữ của cõi Dục.

4. Có không phải là thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục cũng không phải là thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục, người kia thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục không phải là thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, không được tâm thiện của cõi Sắc.

2. Có thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc không phải là thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục: Nghĩa là sinh nơi cõi Sắc, không tạo sự biến hóa nơi cõi Dục, không phát ra ngôn ngữ của cõi Dục.

3. Có thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục cũng thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc sinh nơi cõi Sắc, tạo sự biến hóa nơi cõi Dục, phát ra ngôn ngữ của cõi Dục.

4. Có không phải là thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục cũng không phải là thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc, người kia thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc, người kia nhất định thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc. Có thành tựu sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc không phải là thành tựu đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, được tâm thiện của cõi Sắc, đại chủng của cõi Sắc không hiện ở trước.

Hỏi: Đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục và đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục và sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục và sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục và đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục và đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc và đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc và đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục và sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc và sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc và đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục và đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc và sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục và sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc và sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Dục làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc và sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Sắc tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc và đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

*

Hỏi: Các sắc hệ thuộc nơi cõi Dục, tất cả sắc đó đều là đại chủng tạo hệ thuộc nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có sắc hệ thuộc nơi cõi Dục không phải là đại chủng tạo hệ thuộc nơi cõi Dục: Nghĩa là đại chủng hệ thuộc nơi cõi Dục.

2. Có sắc là đại chủng tạo hệ thuộc nơi cõi Dục không phải là sắc hệ thuộc nơi cõi Dục: Nghĩa là sắc không thuộc đại chủng tạo hệ thuộc nơi cõi Dục.

3. Có sắc hệ thuộc nơi cõi Dục cũng là đại chủng tạo hệ thuộc nơi cõi Dục: Nghĩa là sắc hệ thuộc nơi cõi Dục do đại chủng tạo hệ thuộc nơi cõi Dục.

4. Có sắc không phải hệ thuộc nơi cõi Dục cũng không phải là đại chủng tạo hệ thuộc nơi cõi Dục: Nghĩa là đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc. Hoặc sắc hệ thuộc nơi cõi Sắc do đại chủng tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc. Hoặc sắc không thuộc đại chủng tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc.

Hỏi: Các sắc hệ thuộc nơi cõi Sắc, tất cả sắc đó đều là đại chủng tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có sắc hệ thuộc nơi cõi Sắc không phải là đại chủng tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là đại chủng hệ thuộc nơi cõi Sắc.

2. Có sắc là đại chủng tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc không phải là sắc hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là sắc không thuộc đại chủng tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc.

3. Có sắc hệ thuộc nơi cõi Sắc cũng là đại chủng tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là sắc hệ thuộc nơi cõi Sắc do đại chủng tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc.

4. Có sắc không phải hệ thuộc nơi cõi Sắc cũng không phải là đại chủng tạo hệ thuộc nơi cõi Sắc: Nghĩa là đại chủng hệ thuộc nơi

cõi Dục. Hoặc sắc hệ thuộc nơi cõi Dục do đại chủng tạo hệ thuộc nơi cõi Dục. Hoặc sắc không thuộc đại chủng tạo hệ thuộc nơi cõi Dục.

*

Hỏi: Các sắc quá khứ tất cả sắc ấy đều là đại chủng tạo nơi quá khứ chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có sắc là quá khứ không phải là đại chủng tạo nơi quá khứ: Nghĩa là đại chủng quá khứ.

2. Có sắc là đại chủng tạo nơi quá khứ không phải là sắc quá khứ: Nghĩa là sắc vị lai, hiện tại, đại chủng tạo nơi quá khứ.

3. Có sắc là quá khứ cũng là đại chủng tạo nơi quá khứ: Nghĩa là sắc quá khứ thuộc đại chủng tạo nơi quá khứ.

4. Có sắc không phải là quá khứ cũng không phải là đại chủng tạo nơi quá khứ: Nghĩa là đại chủng hiện tại, vị lai. Hoặc sắc hiện tại, vị lai, là đại chủng tạo nơi quá khứ. Hoặc sắc vị lai là đại chủng tạo nơi vị lai.

Hỏi: Các sắc vị lai tất cả sắc ấy đều là đại chủng tạo nơi vị lai chăng?

Đáp: Các sắc là đại chủng tạo vị lai tất cả sắc ấy là vị lai. Có sắc là vị lai không phải là đại chủng tạo nơi vị lai: Nghĩa là đại chủng vị lai, hoặc sắc vị lai, thuộc đại chủng tạo quá khứ, hiện tại.

Hỏi: Các sắc hiện tại tất cả sắc ấy đều là đại chủng tạo nơi hiện tại chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có sắc là hiện tại không phải là đại chủng tạo nơi hiện tại: Nghĩa là đại chủng hiện tại, hoặc sắc hiện tại thuộc đại chủng tạo nơi quá khứ.

2. Có sắc là đại chủng tạo nơi hiện tại không phải là sắc hiện tại: Nghĩa là sắc vị lai thuộc đại chủng tạo nơi hiện tại.

3. Có sắc là hiện tại cũng là đại chủng tạo nơi hiện tại: Nghĩa là sắc hiện tại thuộc đại chủng tạo nơi hiện tại.

4. Có sắc không phải là hiện tại cũng không phải là đại chủng tạo nơi hiện tại: Nghĩa là đại chủng quá khứ, vị lai. Hoặc sắc quá khứ, vị lai là đại chủng tạo nơi quá khứ. Hoặc sắc vị lai là đại chủng tạo nơi vị lai.

*

Hỏi: Thế nào là địa (đất)?

Đáp: Là sắc hiển hình.

Hỏi: Thế nào là địa giới?

Đáp: Là sự xúc chạm của tánh cứng chắc.

Hỏi: Thế nào là thủy (nước)?

Đáp: Là sắc hiển hình.

Hỏi: Thế nào là thủy giới?

Đáp: Là sự xúc chạm của tánh ẩm ướt.

Hỏi: Thế nào là hỏa (lửa)?

Đáp: Là sắc hiển hình.

Hỏi: Thế nào là hỏa giới?

Đáp: Là sự xúc chạm của tánh ấm nóng.

Hỏi: Thế nào là phong (gió)?

Đáp: Tức là phong giới.

Hỏi: Thế nào là phong giới?

Đáp: Là sự xúc chạm của tánh lay động.

*

Hỏi: Địa, thủy, hỏa, phong có bao nhiêu thứ thuộc về xứ? Bao nhiêu thứ là đối tượng nhận biết của thức?

Đáp: Địa, thủy, hỏa thuộc về một xứ là sắc xứ, là đối tượng nhận biết của hai thức là nhãn thức, ý thức. Phong thuộc về một xứ là xúc xứ, là đối tượng nhận biết của hai thức là thân thức, ý thức.

Hỏi: Các giới địa, thủy, hỏa, phong có bao nhiêu thứ thuộc về xứ? Bao nhiêu thứ là đối tượng nhận biết của thức?

Đáp: Các giới địa, thủy, hỏa, phong thuộc về một xứ là xúc xứ, là đối tượng nhận biết của hai thức là thân thức, ý thức.

Phẩm 3: BÀN VỀ THẤY ĐỦ

Tụng nêu chung:

*Sáu sắc đại nào tạo
Ba sắc gì làm nhân
Hữu bảy trong hóa chín
Đời kiếp tâm ba phần.
Duyên nhân duyên đều bốn
Vô sắc trừ tướng sắc
Cùng thân bốn, bảy, chín
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Đệ tử của Đức Thế Tôn đã có đủ kiến đế, chưa lìa nhiễm dục, đã thành tựu sắc của thân ngữ nghiệp hệ thuộc cõi Sắc do đại chủng nào tạo?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Sinh nơi cõi Dục nhập vào sắc của nghiệp thân ngũ nơi bốn tinh lự hữu lậu do đại chủng nào tạo?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Sinh nơi cõi Dục nhập vào sắc của nghiệp thân ngũ nơi bốn tinh lự vô lậu do đại chủng nào tạo?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Sinh nơi cõi Sắc nhập vào sắc của nghiệp thân ngũ nơi bốn tinh lự hữu lậu do đại chủng nào tạo?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Sinh nơi cõi Sắc nhập vào sắc của nghiệp thân ngũ nơi bốn tinh lự vô lậu do đại chủng nào tạo?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

*

Hỏi: Đệ tử của Đức Thế Tôn sinh nơi cõi Vô sắc đã thành tựu sắc nơi nghiệp thân ngũ vô lậu do đại chủng nào tạo?

Đáp: Hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Mắt nơi cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục, đầu tiên được đại chủng nơi các căn, do đại chủng nào làm nhân?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Mắt nơi cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Sắc, đầu tiên được đại chủng nơi các căn do đại chủng nào làm nhân?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Mắt nơi cõi Sắc, sinh nơi cõi Dục, đầu tiên được đại chủng nơi các căn, do đại chủng nào làm nhân?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Sinh nơi cõi Dục, tạo sự biến hóa nơi cõi Sắc, phát ra ngôn ngữ của cõi Sắc, sắc của thân ngữ kia do đại chủng nào tạo?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Sinh nơi cõi Sắc, tạo sự biến hóa nơi cõi Dục, phát ra ngôn ngữ của cõi Dục, sắc của thân ngữ kia do đại chủng nào tạo?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

*

Hỏi: Sự biến hóa nên nói là có đại chủng hay không có đại chủng?

Đáp: Nên nói là có đại chủng.

Hỏi: Sự biến hóa nên nói là có sắc tạo hay không có sắc tạo?

Đáp: Nên nói là có sắc tạo.

Hỏi: Sự biến hóa nên nói là có tâm hay không có tâm

Đáp: Nên nói là không có tâm.

Hỏi: Sự biến hóa nên nói là do tâm nào chuyển?

Đáp: Nên nói là do hóa sinh.

*

Hỏi: Trung hữu nên nói là có đại chủng hay không có đại chủng?

Đáp: Nên nói là có đại chủng.

Hỏi: Trung hữu nên nói là có sắc tạo hay không có sắc tạo?

Đáp: Nên nói là có sắc tạo.

Hỏi: Trung hữu nên nói là có tâm hay không có tâm?

Đáp: Nên nói là có tâm.

Hỏi: Trung hữu nên nói là do tâm nào chuyển?

Đáp: Nên nói là tự tâm.

*

Hỏi: Đòi được gọi là pháp gì?

Đáp: Đây là hành được hiển bày do tăng ngữ.

Hỏi: Kiếp được gọi là pháp gì?

Đáp: Đây là tâm khởi trụ diệt về nửa tháng, tháng, mùa, năm, được hiển bày do tăng ngữ.

Hỏi: Phần của tâm khởi trụ diệt được gọi là pháp gì?

Đáp: Đây là Sát-na, Lạp-phước, Mâu-hô, Lật-đa, được hiển bày do tăng ngữ.

*

Hỏi: Từng có pháp do bốn duyên sinh chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là tất cả tâm, tâm sở pháp.

Hỏi: Từng có pháp do ba duyên sinh chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là đẳng chí Vô tướng, đẳng chí Diệt tận.

Hỏi: Từng có pháp do hai duyên sinh chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là trừ đẳng chí Vô tướng, Diệt tận, còn lại là các tâm bất tương ưng hành và tất cả sắc.

Hỏi: Từng có pháp do một duyên sinh chăng?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Thế nào là pháp tương ưng với nhân?

Đáp: Là tất cả tâm, tâm sở pháp.

Hỏi: Thế nào là pháp không tương ưng với nhân?

Đáp: Là sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Thế nào là pháp tương ưng với nhân, pháp không tương ưng với nhân?

Đáp: Tức là tâm, tâm sở pháp, có phần ít tương ưng với nhân, phần ít không tương ưng với nhân.

Hỏi: Thế nào là pháp không phải tương ưng với nhân, không phải không tương ưng với nhân?

Đáp: Tức là tâm, tâm sở pháp, có phần ít không phải tương ưng với nhân, phần ít không phải không tương ưng với nhân.

*

Hỏi: Thế nào là pháp duyên có duyên?

Đáp: Là như ý thức và pháp tương ưng duyên nơi tâm, tâm sở pháp.

Hỏi: Thế nào là pháp duyên không duyên?

Đáp: Là năm thức thân và pháp tương ưng. Hoặc ý thức và pháp tương ưng duyên nơi sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Thế nào là pháp duyên có duyên, pháp duyên không duyên?

Đáp: Là như ý thức và pháp tương ưng duyên nơi tâm, tâm sở pháp cùng sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Thế nào là pháp không phải duyên có duyên, không phải duyên không duyên?

Đáp: Là sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

*

Như Đức Thế Tôn nói: “Bên trong không có tướng sắc, quán sắc bên ngoài”.

Hỏi: Thế nào là bên trong không có tướng sắc, quán sắc bên ngoài?

Đáp: Nghĩa là có Bí-sô khởi thắng giải như vậy: “Nay thân này của ta sắp chết, đã chết, sắp đưa lên xe, đã đưa lên xe, sắp đi đến nơi

chôn gò mả, đã đi đến nơi chôn gò mả, sắp để xuống đất, đã để nơi đất, sắp bị các thứ trùng rúc rĩa, đã bị các thứ trùng rúc rĩa. Bí-sô ấy sau cùng không thấy nội thân, chỉ thấy trùng bên ngoài”.

Lại có Bí-sô khởi thắng giải như vậy: “Nay thân này của ta sắp chết, đã chết, sắp đưa lên xe, đã đưa lên xe, sắp đi đến nơi chôn gò mả, đã đi đến nơi chôn gò mả, sắp đặt trên đồng củi, đã đặt trên đồng củi, sắp bị lửa đốt cháy, đã bị lửa đốt cháy. Bí-sô ấy sau cùng không thấy nội thân, chỉ thấy lửa bên ngoài”.

Lại có Bí-sô khởi thắng giải như vậy: “Nay thân này của ta là rất hư giả, như tuyết, hoặc nắm tuyết, như đường cát, hoặc nhúm đường cát, như sinh thực tô, hoặc nắm sinh thực tô, sắp bị lửa nướng, đã bị lửa nướng, sắp bị tan chảy, đã bị tan chảy. Bí-sô ấy sau cùng không thấy nội thân, chỉ thấy lửa bên ngoài”.

Đó gọi là bên trong không có tướng sắc, quán sắc bên ngoài”.

*

Như Đức Thế Tôn nói: “Có đoạn trừ tướng sắc”.

Hỏi: Thế nào là đoạn trừ tướng sắc?

Đáp: Nghĩa là có Bí-sô khởi thắng giải như vậy: “Nay thân này của ta sắp chết, đã chết, sắp đưa lên xe, đã đưa lên xe, sắp đi đến nơi chôn gò mả, đã đi đến nơi chôn gò mả, sắp để xuống đất, đã để nơi đất, sắp bị các thứ trùng rúc rĩa, đã bị các thứ trùng rúc rĩa, những thứ này sắp tan, đã tan. Bí-sô ấy sau cùng không thấy tự thân cũng không thấy trùng”.

Lại có Bí-sô khởi thắng giải như vậy: “Nay thân này của ta sắp chết, đã chết, sắp đưa lên xe, đã đưa lên xe, sắp đi đến nơi chôn gò mả, đã đi đến nơi chôn gò mả, sắp đặt trên đồng củi, đã đặt trên đồng củi, sắp bị lửa đốt cháy, đã bị lửa đốt cháy, lửa đốt cháy thì thể này sắp tắt, đã tắt. Bí-sô ấy sau cùng không thấy tự thân cũng không thấy lửa”.

Lại có Bí-sô khởi thắng giải như vậy: “Nay thân này của ta là rất hư giả, như tuyết, hoặc nắm tuyết, như sinh tô, hoặc nắm sinh tô, như thực tô hoặc nắm thực tô, sắp bị lửa nướng, đã bị lửa nướng, sắp tiêu tan, đã tiêu tan, lửa có thể làm tiêu tan này sắp tắt, đã tắt. Bí-sô ấy sau cùng không thấy tự thân cũng không thấy lửa.

Đó gọi là đoạn trừ tướng sắc.

Hỏi: Những việc không đoạn trừ tướng sắc đều chưa lìa nhiễm sắc chăng?

Đáp: Những việc chưa lìa nhiễm sắc đều không đoạn trừ tướng sắc. Có không đoạn trừ tướng sắc không phải là chưa lìa nhiễm sắc: Nghĩa là đã lìa nhiễm sắc nhưng chưa nhập định kia.

Hỏi: Những việc có đoạn trừ tướng sắc đều đã lìa nhiễm sắc chăng?

Đáp: Các việc có đoạn trừ tướng sắc đều đã lìa nhiễm sắc. Có đã lìa nhiễm sắc không phải là có đoạn trừ tướng sắc: Nghĩa là đã lìa nhiễm sắc nhưng chưa nhập định kia.

*

Hỏi: *Bốn thức trụ, bảy thức trụ:* Là bốn thức trụ gồm sáu thức trụ hay là bảy thức trụ gồm sáu thức trụ?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có bốn thức trụ không phải là bảy thức trụ: Nghĩa là sắc, thọ, tưởng, hành của các nẻo địa ngục, bàng sinh, quỷ giới, cõi trời Quảng quả và thọ, tưởng, hành của xứ Phi tướng phi phi tướng.

2. Có bảy thức trụ không phải là bốn thức trụ: Nghĩa là tâm của người, trời thuộc cõi Dục, các trời Phạm chúng, Cực quang tịnh, Biến tịnh, cõi Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ.

3. Có bốn thức trụ cũng là bảy thức trụ: Nghĩa là sắc, thọ, tưởng, hành của người, trời thuộc cõi Dục, các trời Phạm chúng, Cực quang

tịnh, Biến tịnh, và thọ, tướng, hành của cõi Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ.

4. Có không phải là bốn thức trụ cũng không phải là bảy thức trụ: Nghĩa là tâm của các nẻo địa ngục, bàng sinh, quỷ giới, các trời Quảng quả, Phi tướng phi phi tướng xứ.

Hỏi: Bốn thức trụ, chín hữu tình cư: Là bốn thức trụ gồm sáu chín hữu tình cư hay là chín hữu tình cư gồm sáu bốn thức trụ?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có bốn thức trụ không phải là chín hữu tình cư: Nghĩa là sắc thọ tướng hành của các nẻo địa ngục, bàng sinh, quỷ giới, và trời Vô tướng không gồm sáu trời Quảng quả.

2. Có chín hữu tình cư không phải là bốn thức trụ: Nghĩa là tâm của người, trời thuộc cõi Dục, các trời Phạm chúng, Cực quang tịnh, Biến tịnh, Vô tướng và bốn vô sắc.

3. Có bốn thức trụ cũng là chín hữu tình cư: Nghĩa là sắc thọ tướng hành của người, trời thuộc cõi Dục, các trời Phạm chúng, Cực quang tịnh, Biến tịnh, Vô tướng và thọ tướng hành của bốn vô sắc.

4. Có không phải là bốn thức trụ cũng không phải là chín hữu tình cư: Nghĩa là tâm của các nẻo địa ngục, bàng sinh, quỷ giới, trời Vô tướng không gồm sáu trời Quảng quả.

Hỏi: Bảy thức trụ, chín hữu tình cư: Là bảy thức trụ gồm sáu chín hữu tình cư hay là chín hữu tình cư gồm sáu bảy thức trụ?

Đáp: Là chín hữu tình cư gồm sáu bảy thức trụ không phải là bảy thức trụ gồm sáu chín hữu tình cư.

Hỏi: Xứ nào không gồm sáu?

Đáp: Hai xứ, là xứ Vô tướng thiên và xứ Phi tướng phi phi tướng.

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 14

Chương 5: ĐẠI CHỦNG UẨN

Phẩm 4: BÀN VỀ CHẤP THỌ

Tụng nêu chung:

*Mười bảy đối mấy duyên
 Đối tự tha có tám
 Chỉ đối tha có chín
 Tám nghĩa nào trong ngoài?
 Tám môn thọ cùng thân
 Chín vị, mười lăm môn
 Hiện tại, vị lai tu
 Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Đại chủng có chấp thọ cùng đại chủng có chấp thọ tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Đại chủng có chấp thọ cùng đại chủng không chấp thọ tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Đại chúng không chấp thọ cùng đại chúng không chấp thọ tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Đại chúng không chấp thọ cùng đại chúng có chấp thọ tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

*

Hỏi: Pháp tương ưng với nhân cùng pháp tương ưng với nhân tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp tương ưng với nhân cùng pháp không tương ưng với nhân tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp không tương ưng với nhân cùng pháp không tương ưng với nhân tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp không tương ưng với nhân cùng pháp tương ưng với nhân tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Sở duyên, Tăng thượng.

*

Hỏi: Pháp có đối tượng duyên cùng pháp có đối tượng duyên tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp có đối tượng duyên cùng pháp không có đối tượng duyên tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp không có đối tượng duyên cùng pháp không có đối tượng duyên tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp không có đối tượng duyên cùng pháp có đối tượng duyên tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Sở duyên, Tăng thượng.

*

Hỏi: Pháp có sắc cùng pháp có sắc tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp có sắc cùng pháp không sắc tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Sở duyên, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp không sắc cùng pháp không sắc tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp không sắc cùng pháp có sắc tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

*

Hỏi: Pháp có kiến cùng pháp có kiến tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp có kiến cùng pháp không kiến tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Sở duyên, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp không kiến cùng pháp không kiến tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp không kiến cùng pháp có kiến tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

*

Hỏi: Pháp có đối cùng pháp có đối tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp có đối cùng pháp không đối tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Sở duyên, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp không đối cùng pháp không đối tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp không đối cùng pháp có đối tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Tăng thượng.

*

Hỏi: Pháp hữu lậu cùng pháp hữu lậu tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp hữu lậu cùng pháp vô lậu tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp vô lậu cùng pháp vô lậu tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp vô lậu cùng pháp hữu lậu tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng.

*

Hỏi: Pháp hữu vi cùng pháp hữu vi tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng.

Hỏi: Pháp hữu vi cùng pháp vô vi tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Không có.

Hỏi: Pháp vô vi cùng pháp vô vi tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Không có.

Hỏi: Pháp vô vi cùng pháp hữu vi tạo bao nhiêu duyên vi?

Đáp: Sở duyên, Tăng thượng.

*

Hỏi: Các triền đã trói buộc liên tục hữu của địa ngục, đầu tiên có được đại chủng nơi các căn, đại chủng nơi các căn ấy cùng tâm tâm sở pháp kia tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Một duyên là Tăng thượng.

Hỏi: Tâm tâm sở pháp ấy cùng đại chủng nơi các căn kia tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Một duyên là Tăng thượng.

Hỏi: Các triền đã trói buộc liên tục hữu của bàng sinh, quỷ giới, hữu của hàng trời, người, đầu tiên có được đại chủng nơi các căn, đại chủng nơi các căn ấy cùng tâm tâm sở pháp kia tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Tâm tâm sở pháp ấy cùng đại chủng nơi các căn kia tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

*

Hỏi: Sinh nơi cõi Dục, nhập tinh lự thứ nhất hữu lậu, cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ, nuôi lớn các căn, tăng ích đại chủng, đại chủng nơi các căn ấy cùng tâm tâm sở pháp kia tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Tâm tâm sở pháp ấy cùng đại chúng nơi các căn kia tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Sinh nơi cõi Dục, nhập tĩnh lự thứ nhất vô lậu, cho đến Vô sở hữu xứ, nuôi lớn các căn, tăng ích đại chúng, đại chúng nơi các căn ấy cùng tâm tâm sở pháp kia tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Tâm tâm sở pháp ấy cùng đại chúng nơi các căn kia tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

*

Hỏi: Sinh nơi cõi Sắc, nhập tĩnh lự thứ nhất hữu lậu, cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ, nuôi lớn các căn, tăng ích đại chúng, đại chúng nơi các căn ấy cùng tâm tâm sở pháp kia tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Tâm tâm sở pháp ấy cùng đại chúng nơi các căn kia tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Sinh nơi cõi Sắc, nhập tĩnh lự thứ nhất vô lậu, cho đến Vô sở hữu xứ, nuôi lớn các căn, tăng ích đại chúng, đại chúng nơi các căn ấy cùng tâm tâm sở pháp kia tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Tâm tâm sở pháp ấy cùng đại chúng nơi các căn kia tạo bao nhiêu duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

*

Hỏi: Thế nào là nghĩa có chấp thọ?

Đáp: Tăng ngữ này đã hiển bày pháp của tự thể bị đọa.

Hỏi: Thế nào là nghĩa không chấp thọ?

Đáp: Tăng ngữ này đã hiển bày pháp của tự thể không đọa.

*

Hỏi: Thế nào là nghĩa thuận với thủ?

Đáp: Tăng ngữ này đã hiển bày pháp hữu lậu.

Hỏi: Thế nào là nghĩa không thuận với thủ?

Đáp: Tăng ngữ này đã hiển bày pháp vô lậu.

*

Hỏi: Thế nào là nghĩa thuận với kiết?

Đáp: Tăng ngữ này đã hiển bày pháp hữu lậu.

Hỏi: Thế nào là nghĩa không thuận với kiết?

Đáp: Tăng ngữ này đã hiển bày pháp vô lậu.

*

Hỏi: Thế nào là nghĩa kiến xứ?

Đáp: Tăng ngữ này đã hiển bày pháp hữu lậu.

Hỏi: Thế nào là nghĩa không phải kiến xứ?

Đáp: Tăng ngữ này đã hiển bày pháp vô lậu.

*

Hỏi: Nếu pháp là nội, pháp ấy thuộc về nội xứ chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp là nội không phải thuộc về nội xứ: Nghĩa là như nói ở nơi nội thọ, nội pháp, trụ theo

pháp quán. 2. Có pháp thuộc về nội xứ không phải là nội: Nghĩa là như nói đối với ngoại thân, ngoại tâm trụ theo tâm quán. 3. Có pháp là nội cũng thuộc về nội xứ: Nghĩa là như nói đối với nội thân, nội tâm trụ theo tâm quán. 4. Có pháp không phải là nội cũng không phải thuộc về nội xứ: Nghĩa là như nói đối với ngoại thọ, ngoại pháp, trụ theo pháp quán.

Hỏi: Nếu pháp là ngoại, pháp ấy thuộc về ngoại xứ chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có pháp là ngoại không phải thuộc về ngoại xứ: Nghĩa là như nói đối với ngoại thân, ngoại tâm, trụ theo tâm quán. 2. Có pháp thuộc về ngoại xứ không phải là ngoại: Nghĩa là như nói đối với nội thọ, nội pháp, trụ theo pháp quán. 3. Có pháp là ngoại cũng thuộc về ngoại xứ: Nghĩa là như nói đối với ngoại thọ, ngoại pháp, trụ theo pháp quán. 4. Có pháp không phải là ngoại cũng không phải thuộc về ngoại xứ: Nghĩa là như nói đối với nội thân, nội tâm, trụ theo tâm quán.

*

Có hai thọ: Là thân thọ, tâm thọ. *Có ba thọ:* Là lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ (thọ không khổ không vui).

Hỏi: Là hai thọ gồm thân ba thọ hay là ba thọ gồm thân hai thọ?

Đáp: Hồ tương gồm thân, tùy thuộc vào sự việc nơi hai thọ kia, như trước đã nói.

Có bốn thọ: Là thọ hệ thuộc nơi ba cõi và thọ không hệ thuộc.

Hỏi: Là hai thọ gồm thân bốn thọ hay là bốn thọ gồm thân hai thọ?

Đáp: Hồ tương gồm thân, tùy thuộc vào sự việc nơi hai thọ kia, như trước đã nói.

Có năm thọ: Là lạc thọ, khổ thọ, hỷ thọ, ưu thọ, xả thọ.

Hỏi: Là hai thọ gồm thân năm thọ hay là năm thọ gồm thân hai thọ?

Đáp: Hồ tương gồm thân, tùy thuộc vào sự việc nơi hai thọ kia, như trước đã nói.

Có sáu thọ: Là nhãn xúc sinh ra thọ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh ra thọ.

Hỏi: Là hai thọ gồm thân sáu thọ hay là sáu thọ gồm thân hai thọ?

Đáp: Hồ tương gồm thân, tùy thuộc vào sự việc nơi hai thọ kia, như trước đã nói.

Có mười tám thọ: Là sáu ý cận hành của hỷ, sáu ý cận hành của ưu, sáu ý cận hành của xả.

Hỏi: Là hai thọ gồm thân mười tám thọ hay là mười tám thọ gồm thân hai thọ?

Đáp: Hai thọ gồm thân mười tám thọ, không phải mười tám thọ gồm thân hai thọ. Những gì là không gồm thân? Nghĩa là lạc căn, khổ căn hữu lậu, năm thức tương ưng với xả căn và thọ vô lậu.

Có ba mươi sáu thọ: Là sáu hỷ dựa nơi tham đắm, sáu hỷ dựa nơi xuất ly, sáu ưu dựa nơi tham đắm, sáu ưu dựa nơi xuất ly, sáu xả dựa nơi tham đắm, sáu xả dựa nơi xuất ly.

Hỏi: Là hai thọ gồm thân ba mươi sáu thọ hay là ba mươi sáu thọ gồm thân hai thọ?

Đáp: Hai thọ gồm thân ba mươi sáu thọ, không phải ba mươi sáu thọ gồm thân hai thọ. Những gì là không gồm thân? Nghĩa như trước đã nói.

Có một trăm lẻ tám thọ: Là dựa vào ba đời, mỗi đời đều có ba mươi sáu.

Hỏi: Là hai thọ gồm thân một trăm lẻ tám thọ hay là một trăm lẻ tám thọ gồm thân hai thọ?

Đáp: Hai thọ gồm thân một trăm lẻ tám thọ, không phải một trăm lẻ tám thọ gồm thân hai thọ. Những gì là không gồm thân? Nghĩa như trước đã nói.

*

Ba thọ, bốn thọ: Là ba thọ gồm thân bốn thọ hay là bốn thọ gồm thân ba thọ?

Đáp: Hồ tương gồm thân, tùy thuộc vào sự việc kia.

Ba thọ, năm thọ và sáu thọ: Là ba thọ gồm thân năm thọ và sáu thọ hay là năm thọ và sáu thọ gồm thân ba thọ?

Đáp: Hồ tương gồm thân, tùy thuộc vào sự việc kia.

Ba thọ, mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ: Là ba thọ gồm thân mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ hay là mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ gồm thân ba thọ?

Đáp: Ba thọ gồm thân mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ, không phải mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ gồm thân ba thọ. Những gì không gồm thân? Nghĩa như trước đã nói.

*

Bốn thọ, năm thọ, sáu thọ: Là bốn thọ gồm thân năm thọ và sáu thọ hay là năm thọ và sáu thọ gồm thân bốn thọ?

Đáp: Hồ tương gồm thân, tùy thuộc vào sự việc kia.

Bốn thọ, mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ: Là bốn thọ gồm thân mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám

thọ hay là mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ gồm thân bốn thọ?

Đáp: Bốn thọ gồm thân mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ, không phải mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ gồm thân bốn thọ. Những gì là không gồm thân? Nghĩa như trước đã nói.

*

Năm thọ, sáu thọ: Là năm thọ gồm thân sáu thọ hay là sáu thọ gồm thân năm thọ?

Đáp: Hồ tương gồm thân, tùy thuộc vào sự việc kia.

Năm thọ, mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ: Là năm thọ gồm thân mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ hay là mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ gồm thân năm thọ?

Đáp: Năm thọ gồm thân mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ, không phải mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ gồm thân năm thọ. Những gì là không gồm thân? Nghĩa như trước đã nói.

*

Sáu thọ, mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ: Là sáu thọ gồm thân mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ hay là mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ gồm thân sáu thọ?

Đáp: Sáu thọ gồm thân mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ, không phải mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ gồm thân sáu thọ. Những gì là không gồm thân? Nghĩa như trước đã nói.

*

Mười tám thọ, ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ: Là mười tám thọ gồm sáu mươi ba thọ, một trăm lẻ tám thọ hay là ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ gồm sáu mươi tám thọ?

Đáp: Hồ tương gồm sáu, tùy thuộc vào sự việc kia.

*

Ba mươi sáu thọ, một trăm lẻ tám thọ: Là ba mươi sáu thọ gồm sáu mươi tám thọ, một trăm lẻ tám thọ hay là một trăm lẻ tám thọ gồm sáu mươi ba thọ?

Đáp: Hồ tương gồm sáu, tùy thuộc vào sự việc kia.

*

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng quả Dự lưu, lúc tu đạo vô gián ấy: Bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám đạo chi, bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn vô sắc, tám giải thoát, tám thắng xứ, mười biến xứ, tám trí, ba đẳng trì, có bao nhiêu thứ tu hiện tại, bao nhiêu thứ tu vị lai?

Đáp: Niệm trụ: hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc: hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực: hiện tại, vị lai năm. Giác chi: hiện tại, vị lai sáu. Đạo chi: hiện tại, vị lai tám. Không có tĩnh lự. Không có vô lượng. Không có vô sắc. Không có giải thoát. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Không có trí. Đẳng trì: hiện tại, vị lai một.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng quả Nhất lai, lúc tu đạo vô gián ấy: Từ bốn niệm trụ cho đến ba đẳng trì, có bao nhiêu thứ tu hiện tại, bao nhiêu thứ tu vị lai?

Đáp: Nếu tăng gấp bội việc lia nhiễm dục, nhập chánh tánh ly sinh, lúc tu đạo vô gián ấy: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai tám. Giác

chi hiện tại, vị lai sáu. Đạo chi hiện tại, vị lai tám. Không có tĩnh lự. Không có vô lượng. Không có vô sắc. Không có giải thoát. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Không có trí. Đẳng trì hiện tại, vị lai một.

Nếu từ quả Dự lưu dùng đạo thể tục chứng quả Nhất lai, lúc tu đạo thể tục kia: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại không có, vị lai sáu. Đạo chi hiện tại không có, vị lai tám. Không có tĩnh lự. Không có vô lượng. Không có vô sắc. Không có giải thoát. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Trí hiện tại một, vị lai bảy. Đẳng trì hiện tại không có, vị lai ba.

Nếu từ quả Dự lưu dùng đạo vô lậu chứng quả Nhất lai, lúc tu đạo vô lậu kia: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại, vị lai sáu. Đạo chi hiện tại, vị lai tám. Không có tĩnh lự. Không có vô lượng. Không có vô sắc. Không có giải thoát. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Trí hiện tại hai, vị lai bảy. Đẳng trì hiện tại một, vị lai ba.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng quả Bất hoàn, lúc tu đạo vô gián ấy: Từ bốn niệm trụ cho đến ba đẳng trì, có bao nhiêu thứ tu hiện tại, bao nhiêu thứ tu vị lai?

Đáp: Nếu đã lìa nhiễm dục, dựa vào định vị chí, nhập chánh tánh ly sinh, lúc tu đạo vô gián ấy: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại, vị lai sáu. Đạo chi hiện tại, vị lai tám. Không có tĩnh lự. Không có vô lượng. Không có vô sắc. Không có giải thoát. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Không có trí. Đẳng trì hiện tại, vị lai một.

Nếu dựa vào tĩnh lự thứ nhất, nhập chánh tánh ly sinh, lúc tu đạo vô gián ấy: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần

túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại, vị lai bảy. Đạo chi hiện tại, vị lai tám. Tĩnh lự hiện tại, vị lai một. Không có vô lượng. Không có vô sắc. Không có giải thoát. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Không có trí. Đẳng trì hiện tại, vị lai một.

Nếu dựa vào tĩnh lự trung gian, nhập chánh tánh ly sinh, lúc tu đạo vô gián ấy: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại sáu, vị lai bảy. Đạo chi hiện tại bảy, vị lai tám. Tĩnh lự hiện tại không có, vị lai một. Không có vô lượng. Không có vô sắc. Không có giải thoát. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Không có trí. Đẳng trì hiện tại, vị lai một.

Nếu dựa vào tĩnh lự thứ hai, nhập chánh tánh ly sinh, lúc tu đạo vô gián ấy: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại, vị lai bảy. Đạo chi hiện tại bảy, vị lai tám. Tĩnh lự hiện tại một, vị lai hai. Không có vô lượng. Không có vô sắc. Không có giải thoát. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Không có trí. Đẳng trì hiện tại, vị lai một.

Nếu dựa vào tĩnh lự thứ ba, nhập chánh tánh ly sinh, lúc tu đạo vô gián ấy: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại sáu, vị lai bảy. Đạo chi hiện tại bảy, vị lai tám. Tĩnh lự hiện tại một, vị lai ba. Không có vô lượng. Không có vô sắc. Không có giải thoát. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Không có trí. Đẳng trì hiện tại, vị lai một.

Nếu dựa vào tĩnh lự thứ tư, nhập chánh tánh ly sinh, lúc tu đạo vô gián ấy: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại sáu,

vị lai bảy. Đạo chi hiện tại bảy, vị lai tám. Tĩnh lực hiện tại một, vị lai bốn. Không có vô lượng. Không có vô sắc. Không có giải thoát. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Không có trí. Đẳng trì hiện tại, vị lai một.

Nếu từ quả Nhất lai dùng đạo thể tục chứng quả Bất hoàn, lúc tu đạo thể tục ấy: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại không có, vị lai sáu. Đạo chi hiện tại không có, vị lai tám. Không có tĩnh lực. Không có vô lượng. Không có vô sắc. Không có giải thoát. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Trí hiện tại một, vị lai bảy. Đẳng trì hiện tại không có, vị lai ba.

Nếu từ quả Nhất lai dùng đạo vô lậu chứng quả Bất hoàn, lúc tu đạo vô lậu ấy: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại, vị lai sáu. Đạo chi hiện tại, vị lai tám. Không có tĩnh lực. Không có vô lượng. Không có vô sắc. Không có giải thoát. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Trí hiện tại hai, vị lai bảy. Đẳng trì hiện tại một, vị lai ba.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng Thần cảnh trí thông, lúc tu đạo vô gián ấy: Từ bốn niệm trụ cho đến ba đẳng trì, có bao nhiêu thứ tu hiện tại, bao nhiêu thứ tu vị lai?

Đáp: Nếu các phàm phu dựa vào tĩnh lực thứ nhất, lúc tu đạo vô gián ấy: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Không có giác chi. Không có đạo chi. Tĩnh lực hiện tại, vị lai một. Vô lượng hiện tại không có, vị lai bốn. Không có vô sắc. Giải thoát hiện tại không có, vị lai hai. Thắng xứ hiện tại không có, vị lai bốn. Không có biến xứ. Trí hiện tại, vị lai một. Không có đẳng trì.

Nếu các Thánh giả nương nơi tĩnh lực thứ nhất, lúc tu đạo vô gián: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại,

vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại không có, vị lai bảy. Đạo chi hiện tại không có, vị lai tám. Tĩnh lực hiện tại, vị lai một. Vô lượng hiện tại không có, vị lai bốn. Không có vô sắc. Giải thoát hiện tại không có, vị lai hai. Thắng xứ hiện tại không có, vị lai bốn. Không có biến xứ. Trí hiện tại một, vị lai bảy. Đăng trì hiện tại không có, vị lai ba.

Nếu các phàm phu dựa nơi tĩnh lực thứ hai, lúc tu đạo vô gián: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Không có giác chi. Không có đạo chi. Tĩnh lực hiện tại, vị lai một. Vô lượng hiện tại không có, vị lai bốn. Không có vô sắc. Giải thoát hiện tại không có, vị lai hai. Thắng xứ hiện tại không có, vị lai bốn. Không có biến xứ. Trí hiện tại, vị lai một. Không có đăng trì.

Nếu các Thánh giả dựa nơi tĩnh lực thứ hai, lúc tu đạo vô gián: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại không có, vị lai bảy. Đạo chi hiện tại không có, vị lai tám. Tĩnh lực hiện tại một, vị lai hai. Vô lượng hiện tại không có, vị lai bốn. Không có vô sắc. Giải thoát hiện tại không có, vị lai hai. Thắng xứ hiện tại không có, vị lai bốn. Không có biến xứ. Trí hiện tại một, vị lai bảy. Đăng trì hiện tại không có, vị lai ba.

Nếu các phàm phu dựa nơi tĩnh lực thứ ba, lúc tu đạo vô gián: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Không có giác chi. Không có đạo chi. Tĩnh lực hiện tại, vị lai một. Vô lượng hiện tại không có, vị lai ba. Không có vô sắc. Không có giải thoát. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Trí hiện tại, vị lai một. Không có đăng trì.

Nếu các Thánh giả dựa nơi tĩnh lực thứ ba, lúc tu đạo vô gián: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại không có, vị lai

bảy. Đạo chi hiện tại không có, vị lai tám. Tĩnh lự hiện tại một, vị lai ba. Vô lượng hiện tại không có, vị lai ba. Không có vô sắc. Không có giải thoát. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Trí hiện tại một, vị lai bảy. Đăng trì hiện tại không có, vị lai ba.

Nếu các phàm phu dựa nơi tĩnh lự thứ tư, lúc tu đạo vô gián: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Không có giác chi. Không có đạo chi. Tĩnh lự hiện tại, vị lai một. Vô lượng hiện tại không có, vị lai ba. Không có vô sắc. Giải thoát hiện tại không có, vị lai một. Thắng xứ hiện tại không có, vị lai bốn. Biến xứ hiện tại không có, vị lai tám. Trí hiện tại, vị lai một. Không có đăng trì.

Nếu các Thánh giả dựa nơi tĩnh lự thứ tư, lúc tu đạo vô gián: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại không có, vị lai bảy. Đạo chi hiện tại không có, vị lai tám. Tĩnh lự hiện tại một, vị lai bốn. Vô lượng hiện tại không có, vị lai ba. Không có vô sắc. Giải thoát hiện tại không có, vị lai một. Thắng xứ hiện tại không có, vị lai bốn. Biến xứ hiện tại không có, vị lai tám. Trí hiện tại một, vị lai bảy. Đăng trì hiện tại không có, vị lai ba.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng Thiên nhĩ trí thông, Tha tâm trí thông, Túc trụ tùy niệm trí thông, Tử sinh trí thông, lúc tu đạo vô gián: Từ bốn niệm trụ cho đến ba đăng trì, có bao nhiêu thứ tu hiện tại, bao nhiêu thứ tu vị lai?

Đáp: Như Thần cảnh trí thông, nên tùy theo tướng để nói.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng Lộ tận trí thông, lúc tu đạo vô gián: Từ bốn niệm trụ cho đến ba đăng trì, có bao nhiêu thứ tu hiện tại, bao nhiêu thứ tu vị lai?

Đáp: Nếu dựa vào định vị chí chứng quả A-la-hán, lúc tu đạo vô gián: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện

tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại sáu, vị lai bảy. Đạo chi hiện tại, vị lai tám. Tĩnh lực hiện tại không có, vị lai bốn. Không có vô lượng. Vô sắc hiện tại không có, vị lai ba. Giải thoát hiện tại không có, vị lai ba. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Trí hiện tại hai, vị lai sáu. Đẳng trì hiện tại một, vị lai ba.

Nếu dựa nơi tĩnh lực thứ nhất chứng quả A-la-hán, lúc tu đạo vô gián: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại, vị lai bảy. Đạo chi hiện tại, vị lai tám. Tĩnh lực hiện tại một, vị lai bốn. Không có vô lượng. Vô sắc hiện tại không có, vị lai ba. Giải thoát hiện tại không có, vị lai ba. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Trí hiện tại hai, vị lai sáu. Đẳng trì hiện tại một, vị lai ba.

Nếu dựa nơi tĩnh lực trung gian chứng quả A-la-hán, lúc tu đạo vô gián: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại sáu, vị lai bảy. Đạo chi hiện tại bảy, vị lai tám. Tĩnh lực hiện tại không có, vị lai bốn. Không có vô lượng. Vô sắc hiện tại không có, vị lai ba. Giải thoát hiện tại không có, vị lai ba. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Trí hiện tại hai, vị lai sáu. Đẳng trì hiện tại một, vị lai ba.

Nếu dựa nơi tĩnh lực thứ hai chứng quả A-la-hán, lúc tu đạo vô gián: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại, vị lai bảy. Đạo chi hiện tại bảy, vị lai tám. Tĩnh lực hiện tại một, vị lai bốn. Không có vô lượng. Vô sắc hiện tại không có, vị lai ba. Giải thoát hiện tại không có, vị lai ba. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Trí hiện tại hai, vị lai sáu. Đẳng trì hiện tại một, vị lai ba.

Nếu dựa vào tĩnh lực thứ ba, thứ tư chứng quả A-la-hán, lúc tu đạo vô gián: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại sáu,

vị lai bảy. Đạo chi hiện tại bảy, vị lai tám. Tĩnh lực hiện tại một, vị lai bốn. Không có vô lượng. Vô sắc hiện tại không có, vị lai ba. Giải thoát hiện tại không có, vị lai ba. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Trí hiện tại hai, vị lai sáu. Đẳng trì hiện tại một, vị lai ba.

Nếu dựa vào định vô sắc chứng quả A-la-hán, lúc tu đạo vô gián: Niệm trụ hiện tại một, vị lai bốn. Chánh đoạn, thần túc hiện tại, vị lai bốn. Căn, lực hiện tại, vị lai năm. Giác chi hiện tại sáu, vị lai bảy. Đạo chi hiện tại bốn, vị lai tám. Tĩnh lực hiện tại không có, vị lai bốn. Không có vô lượng. Vô sắc hiện tại một, vị lai ba. Giải thoát hiện tại một, vị lai ba. Không có thắng xứ. Không có biến xứ. Trí hiện tại hai, vị lai sáu. Đẳng trì hiện tại một, vị lai ba.

Chương 6: CĂN UẨN

Phẩm 1: BÀN VỀ CĂN

Tụng nêu chung:

*Căn học thiện là ba
 Dị thực ba, sáu đoạn
 Kiến cùng có như tâm
 Thọ thuộc giới tương ưng.
 Nhân duyên bốn phàm, Thánh
 Uẩn sáu, sáu
 Duyên sinh bao nhiêu duyên?
 Chương này xin nói đủ.*

*

Hai mươi hai căn: Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, nữ căn, nam căn, mạng căn, ý căn, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu

căn, xả căn, tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Bao nhiêu thứ là học, bao nhiêu thứ là vô học, bao nhiêu thứ là phi học phi vô học?

Đáp: Hai căn là học, một căn là vô học, mười căn là phi học phi vô học, chín căn cần phân biệt: Ý căn hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học. Thế nào là học? Nghĩa là ý căn tác ý tương ưng với học. Thế nào là vô học? Nghĩa là ý căn tác ý tương ưng với vô học. Thế nào là phi học phi vô học? Nghĩa là ý căn tác ý tương ưng với hữu lậu.

Như ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn, tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng như vậy.

Hỏi: Các căn học chúng là căn của người học chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có căn là học, căn ấy không phải là căn của người học: Nghĩa là căn học, người học không thành tựu. 2. Có căn là căn của người học, căn ấy không phải là học: Nghĩa là căn phi học phi vô học, người học đã thành tựu. 3. Có căn là học, căn ấy cũng là căn của người học: Nghĩa là căn học, người học đã thành tựu. 4. Có căn không phải là căn học, căn ấy cũng không phải là căn của người học: Nghĩa là căn vô học và căn phi học phi vô học, người học không thành tựu.

Hỏi: Các căn vô học chúng là căn của người vô học chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có căn là vô học, căn ấy không phải là căn của người vô học: Nghĩa là căn vô học, người vô học không thành tựu. 2. Có căn là căn của người vô học, căn ấy không phải là vô học: Nghĩa là căn phi học phi vô học, người vô học đã thành tựu. 3. Có căn là vô học, căn ấy cũng là căn của người vô học: Nghĩa là căn vô học, người vô học đã thành tựu. 4. Có căn

không phải là căn vô học, căn ấy cũng không phải là căn của người vô học: Nghĩa là căn học và căn phi học phi vô học, người vô học không thành tựu.

Hỏi: Các căn phi học phi vô học chúng là căn của người phi học phi vô học chăng?

Đáp: Các căn của người phi học phi vô học, căn ấy là phi học phi vô học. Có căn là phi học phi vô học, căn ấy không phải là căn của người phi học phi vô học: Nghĩa là căn phi học phi vô học, người phi học phi vô học không thành tựu.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Bao nhiêu thứ là thiện, bao nhiêu thứ là bất thiện, bao nhiêu thứ là vô ký?

Đáp: Tám căn là thiện, tám căn là vô ký, sáu căn cần phân biệt:

Ý căn hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Nghĩa là ý căn tác ý tương ưng với thiện. Thế nào là bất thiện? Nghĩa là ý căn tác ý tương ưng với bất thiện. Thế nào là vô ký? Nghĩa là ý căn tác ý tương ưng với vô ký.

Như ý căn, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, xả căn cũng như vậy.

Ưu căn hoặc là thiện, hoặc là bất thiện. Thế nào là thiện? Nghĩa là ưu căn tác ý tương ưng với thiện. Thế nào là bất thiện? Nghĩa là ưu căn tác ý tương ưng với bất thiện.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Bao nhiêu thứ có dị thực, bao nhiêu thứ không có dị thực?

Đáp: Một căn có dị thực, mười một căn không có dị thực, mười căn cần phân biệt:

Ý căn hoặc có dị thực, hoặc không có dị thực. Thế nào là có dị thực? Nghĩa là ý căn hữu lậu thiện, bất thiện. Thế nào là không có dị thực? Nghĩa là ý căn vô lậu, vô ký.

Như ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn cũng như vậy.

Khổ căn hoặc có dị thực, hoặc không có dị thực. Thế nào là có dị thực? Nghĩa là khổ căn thiện, bất thiện. Thế nào là không có dị thực? Nghĩa là khổ căn vô ký.

Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, hoặc có dị thực, hoặc không có dị thực. Thế nào là có dị thực? Nghĩa là năm căn như tín v.v... là hữu lậu. Thế nào là không có dị thực? Nghĩa là năm căn như tín v.v... là vô lậu.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Bao nhiêu thứ do kiến đạo đoạn, bao nhiêu thứ do tu đạo đoạn, bao nhiêu thứ không đoạn?

Đáp: Chín căn do tu đạo đoạn, ba căn không đoạn, mười căn cần phân biệt:

Ý căn hoặc do kiến đạo đoạn, hoặc do tu đạo đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do kiến đạo đoạn? Nghĩa là ý căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành do hiện quán biên nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến đạo đoạn tám mươi tám tùy miên tương ưng với ý căn. Thế nào là do tu đạo đoạn? Nghĩa là ý căn nơi bậc học kiến tích do tu tập đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do tu đạo đoạn mười tùy miên tương ưng với ý căn cùng ý căn hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn? Nghĩa là ý căn vô lậu.

Như ý căn, xả căn cũng như vậy.

Lạc căn hoặc do kiến đạo đoạn, hoặc do tu đạo đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do kiến đạo đoạn? Nghĩa là lạc căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành do hiện quán biên nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến đạo đoạn hai mươi tám tùy miên tương ưng với lạc căn. Thế nào là do tu đạo đoạn? Nghĩa là lạc căn nơi bậc học kiến tích do tu tập đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do tu đạo đoạn năm tùy miên tương ưng với lạc căn cùng lạc căn hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn? Nghĩa là lạc căn vô lậu.

Hỷ căn hoặc do kiến đạo đoạn, hoặc do tu đạo đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do kiến đạo đoạn? Nghĩa là hỷ căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành do hiện quán biên nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến đạo đoạn năm mươi hai tùy miên tương ưng với hỷ căn. Thế nào là do tu đạo đoạn? Nghĩa là hỷ căn nơi bậc học kiến tích do tu tập đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do tu đạo đoạn sáu tùy miên tương ưng với hỷ căn cùng hỷ căn hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn? Nghĩa là hỷ căn vô lậu.

Ưu căn hoặc do kiến đạo đoạn, hoặc do tu đạo đoạn. Thế nào là do kiến đạo đoạn? Nghĩa là ưu căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành do hiện quán biên nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến đạo đoạn mười sáu tùy miên tương ưng với ưu căn. Thế nào là do tu đạo đoạn? Nghĩa là ưu căn nơi bậc học kiến tích do tu tập đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do tu đạo đoạn hai tùy miên tương ưng với ưu căn cùng ưu căn hữu lậu không nhiễm ô.

Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, hoặc do tu đạo đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do tu đạo đoạn? Nghĩa là năm căn như tín v.v... là hữu lậu. Thế nào là không đoạn? Nghĩa là năm căn như tín v.v... là vô lậu.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Bao nhiêu thứ do kiến khổ đoạn, bao nhiêu thứ do kiến tập đoạn, bao nhiêu thứ do kiến diệt đoạn, bao nhiêu thứ kiến đạo đoạn, bao nhiêu thứ do tu đạo đoạn, bao nhiêu thứ không đoạn?

Đáp: Chín căn do tu đạo đoạn, ba căn không đoạn, mười căn cần phân biệt:

Ý căn hoặc do kiến khổ đoạn, hoặc do kiến tập đoạn, hoặc do kiến diệt đoạn, hoặc do kiến đạo đoạn, hoặc do tu đạo đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do kiến khổ đoạn? Nghĩa là ý căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành do hiện quán biên khổ nhãn đoạn. Sự việc này là

thế nào? Tức là do kiến khổ đoạn hai mươi tám tùy miên tương ưng với ý căn.

Thế nào là do kiến tập đoạn? Nghĩa là ý căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành do hiện quán biên tập nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến tập đoạn mười chín tùy miên tương ưng với ý căn.

Thế nào là do kiến diệt đoạn? Nghĩa là ý căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành, do hiện quán biên diệt nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến diệt đoạn mười chín tùy miên tương ưng với ý căn.

Thế nào là do kiến đạo đoạn? Nghĩa là ý căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành, do hiện quán biên đạo nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến đạo đoạn hai mươi hai tùy miên tương ưng với ý căn.

Thế nào là do tu đạo đoạn? Nghĩa là ý căn nơi bậc học kiến tích do tu tập đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do tu đạo đoạn mười tùy miên tương ưng với ý căn cùng ý căn hữu lậu không nhiễm ô.

Thế nào là không đoạn? Nghĩa là ý căn vô lậu.

Như ý căn, xả căn cũng như vậy.

Lạc căn hoặc do kiến khổ đoạn, hoặc do kiến tập đoạn, hoặc do kiến diệt đoạn, hoặc do kiến đạo đoạn, hoặc do tu đạo đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do kiến khổ đoạn? Nghĩa là lạc căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành do hiện quán biên khổ nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến khổ đoạn chín tùy miên tương ưng với lạc căn.

Thế nào là do kiến tập đoạn? Nghĩa là lạc căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành do hiện quán biên tập nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến tập đoạn sáu tùy miên tương ưng với lạc căn.

Thế nào là do kiến diệt đoạn? Nghĩa là lạc căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành do hiện quán biên diệt nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến diệt đoạn sáu tùy miên tương ưng với lạc căn.

Thế nào là do kiến đạo đoạn? Nghĩa là lạc căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành do hiện quán biên đạo nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến đạo đoạn bảy tùy miên tương ưng với lạc căn.

Thế nào là do tu đạo đoạn? Nghĩa là lạc căn nơi bậc học kiến tích do tu tập đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do tu đạo đoạn năm tùy miên tương ưng với lạc căn cùng lạc căn hữu lậu không nhiễm ô.

Thế nào là không đoạn? Nghĩa là lạc căn vô lậu.

Hỷ căn hoặc do kiến khổ đoạn, hoặc do kiến tập đoạn, hoặc do kiến diệt đoạn, hoặc do kiến đạo đoạn, hoặc do tu đạo đoạn, hoặc không đoạn.

Thế nào là do kiến khổ đoạn? Nghĩa là hỷ căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành do hiện quán biên khổ nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến khổ đoạn mười bảy tùy miên tương ưng với hỷ căn.

Thế nào là do kiến tập đoạn? Nghĩa là hỷ căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành do hiện quán biên tập nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến tập đoạn mười một tùy miên tương ưng với hỷ căn.

Thế nào là do kiến diệt đoạn? Nghĩa là hỷ căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành do hiện quán biên diệt nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến diệt đoạn mười một tùy miên tương ưng với hỷ căn.

Thế nào là do kiến đạo đoạn? Nghĩa là hỷ căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành do hiện quán biên đạo nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến đạo đoạn mười ba tùy miên tương ưng với hỷ căn.

Thế nào là do tu đạo đoạn? Nghĩa là hỷ căn nơi bậc học kiến tích do tu tập đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do tu đạo đoạn sáu tùy miên tương ưng với hỷ căn cùng hỷ căn hữu lậu không nhiễm ô.

Thế nào là không đoạn? Nghĩa là hỷ căn vô lậu.

Ưu căn hoặc do kiến khổ đoạn, hoặc do kiến tập đoạn, hoặc do kiến diệt đoạn, hoặc do kiến đạo đoạn, hoặc do tu đạo đoạn.

Thế nào là do kiến khổ đoạn? Nghĩa là ưu căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành do hiện quán biên khổ nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến khổ đoạn bốn tùy miên tương ưng với ưu căn.

Thế nào là do kiến tập đoạn? Nghĩa là ưu căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành do hiện quán biên tập nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến tập đoạn bốn tùy miên tương ưng với ưu căn.

Thế nào là do kiến diệt đoạn? Nghĩa là ưu căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành do hiện quán biên diệt nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến diệt đoạn bốn tùy miên tương ưng với ưu căn.

Thế nào là do kiến đạo đoạn? Nghĩa là ưu căn nơi bậc tùy tín, tùy pháp hành do hiện quán biên đạo nhãn đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do kiến đạo đoạn bốn tùy miên tương ưng với ưu căn.

Thế nào là do tu đạo đoạn? Nghĩa là ưu căn nơi bậc học kiến tích do tu tập đoạn. Sự việc này là thế nào? Tức là do tu đạo đoạn hai tùy miên tương ưng với ưu căn cùng ưu căn hữu lậu không nhiễm ô.

Tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, hoặc do tu đạo đoạn, hoặc không đoạn. Thế nào là do tu đạo đoạn? Nghĩa là năm căn như tín v.v... là hữu lậu. Thế nào là không đoạn? Nghĩa là năm căn như tín v.v... là vô lậu.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Bao nhiêu thứ là kiến, bao nhiêu thứ là không phải kiến?

Đáp: Một căn là kiến, mười bảy căn là không phải kiến, bốn căn cần phân biệt:

Tuệ căn hoặc là kiến, hoặc là không phải kiến. Thế nào là kiến? Nghĩa là tận trí, vô sinh trí, không gồm thâm tuệ căn tương ưng với ý thức. Thế nào là không phải kiến? Nghĩa là tuệ căn còn lại.

Vị tri đương tri căn hoặc là kiến, hoặc là không phải kiến. Thế nào là kiến? Nghĩa là vị tri đương tri căn đã gồm thâm tuệ căn. Thế nào là không phải kiến? Nghĩa là vị tri đương tri căn gồm thâm căn khác.

Như vị tri đương tri căn, dĩ tri căn cũng như vậy.

Cụ tri căn hoặc là kiến, hoặc là không phải kiến. Thế nào là kiến? Nghĩa là tận trí, vô sinh trí, không gồm thâm tuệ căn thuộc về cụ tri căn. Thế nào là không phải kiến? Nghĩa là cụ tri căn gồm thâm căn khác.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Bao nhiêu thứ có tầm có tứ, bao nhiêu thứ không tầm chỉ có tứ, bao nhiêu thứ không tầm không tứ?

Đáp: Hai căn có tầm có tứ, tám căn không tầm không tứ, mười hai căn cần phân biệt:

Ý căn hoặc có tầm có tứ, hoặc không tầm chỉ có tứ, hoặc không tầm không tứ. Thế nào là có tầm có tứ? Nghĩa là ý căn tác ý tương ưng với có tầm có tứ. Thế nào là không tầm chỉ có tứ? Nghĩa là ý căn tác ý tương ưng với không tầm chỉ có tứ. Thế nào là không tầm không tứ? Nghĩa là ý căn tác ý tương ưng với không tầm không tứ.

Như ý căn, xả căn, tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn cũng như vậy.

Lạc căn hoặc có tầm có tứ, hoặc không tầm không tứ. Thế nào là có tầm có tứ? Nghĩa là lạc căn tác ý tương ưng với có tầm có tứ. Thế nào là không tầm không tứ? Nghĩa là lạc căn tác ý tương ưng với không tầm không tứ.

Như lạc căn, hỷ căn cũng như vậy.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Bao nhiêu thứ tương ưng với lạc căn, bao nhiêu thứ tương ưng với khổ căn, bao nhiêu thứ tương ưng với hỷ căn, bao nhiêu thứ tương ưng với ưu căn, bao nhiêu thứ tương ưng với xả căn?

Đáp: Lạc căn, hỷ căn, xả căn có phần ít của chín căn tương ưng. Khổ căn, ưu căn có phần ít của sáu căn tương ưng.

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Bao nhiêu thứ hệ thuộc nơi cõi Dục, bao nhiêu thứ hệ thuộc nơi cõi Sắc, bao nhiêu thứ hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, bao nhiêu thứ không hệ thuộc?

Đáp: Bốn căn hệ thuộc nơi cõi Dục, ba căn không hệ thuộc, mười lăm căn cần phân biệt:

Nhãn căn hoặc hệ thuộc nơi cõi Dục, hoặc hệ thuộc nơi cõi Sắc. Thế nào là hệ thuộc nơi cõi Dục? Nghĩa là nhãn căn do đại chủng tạo thuộc cõi Dục. Thế nào là hệ thuộc nơi cõi Sắc? Nghĩa là nhãn căn do đại chủng tạo thuộc cõi Sắc.

Như nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn cũng như vậy.

Mạng căn hoặc hệ thuộc nơi cõi Dục, hoặc hệ thuộc nơi cõi Sắc, hoặc hệ thuộc nơi cõi Vô sắc. Thế nào là hệ thuộc nơi cõi Dục? Nghĩa là thọ mạng hệ thuộc cõi Dục. Thế nào là hệ thuộc nơi cõi Sắc? Nghĩa là thọ mạng hệ thuộc cõi Sắc. Thế nào là hệ thuộc nơi cõi Vô sắc? Nghĩa là thọ mạng hệ thuộc cõi Vô sắc.

Ý căn hoặc hệ thuộc nơi cõi Dục, hoặc hệ thuộc nơi cõi Sắc, hoặc hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là hệ thuộc nơi cõi Dục? Nghĩa là ý căn tác ý tương ưng với thuộc cõi Dục. Thế nào là hệ thuộc nơi cõi Sắc? Nghĩa là ý căn tác ý tương ưng với thuộc cõi Sắc. Thế nào là hệ thuộc nơi cõi Vô sắc? Nghĩa là ý căn tác ý tương ưng với thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Nghĩa là ý căn tác ý tương ưng với vô lậu.

Như ý căn, xả căn, tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng như vậy.

Lạc căn hoặc hệ thuộc nơi cõi Dục, hoặc hệ thuộc nơi cõi Sắc, hoặc không hệ thuộc. Thế nào là hệ thuộc nơi cõi Dục? Nghĩa là lạc căn tác ý tương ưng với thuộc cõi Dục. Thế nào là hệ thuộc nơi cõi Sắc? Nghĩa là lạc căn tác ý tương ưng với thuộc cõi Sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Nghĩa là lạc căn tác ý tương ưng với vô lậu.

Như lạc căn, hỷ căn cũng như vậy.

*

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Bao nhiêu thứ tương ưng với nhân?

Đáp: Mười bốn căn.

Hỏi: Bao nhiêu thứ không tương ưng với nhân?

Đáp: Tám căn.

Hỏi: Bao nhiêu thứ tương ưng với nhân, không tương ưng với nhân?

Đáp: Tức mười bốn căn nêu trước có phần ít tương ưng với nhân, phần ít không tương ưng với nhân.

Hỏi: Bao nhiêu thứ không phải tương ưng với nhân, không phải không tương ưng với nhân?

Đáp: Tức mười bốn căn nêu trước có phần ít không phải tương ưng với nhân, phần ít không phải không tương ưng với nhân.

*

Hỏi: Hai mươi hai căn này: Bao nhiêu thứ là duyên có duyên?

Đáp: Phần ít của mười ba.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là duyên không duyên?

Đáp: Phần ít của một, mười ba.

Hỏi: Bao nhiêu thứ là duyên có duyên, duyên không duyên?

Đáp: Tức phần ít của mười ba thứ nêu trước.

Hỏi: Bao nhiêu thứ không phải là duyên có duyên, không phải là duyên không duyên?

Đáp: Tám.

*

Hỏi: Pháp này của các căn, căn ấy là phàm phu chãng?

Đáp: Pháp này của các căn, căn ấy không phải là phàm phu.

Hỏi: Nếu căn là phàm phu, căn ấy là pháp này chãng?

Đáp: Các căn phàm phu, căn ấy không phải là pháp này.

*

Hỏi: Sắc uẩn gồm thâu bao nhiêu căn?

Đáp: Bảy căn.

Hỏi: Thọ uẩn gồm thâu bao nhiêu căn?

Đáp: Phần ít của năm và ba căn.

Hỏi: Tưởng uẩn gồm thâu bao nhiêu căn?

Đáp: Không có.

Hỏi: Hành uẩn gồm thâu bao nhiêu căn?

Đáp: Phần ít của sáu và ba căn.

Hỏi: Thức uẩn gồm thâu bao nhiêu căn?

Đáp: Phần ít của một và ba căn.

*

Hỏi: Căn thiện gồm thâu bao nhiêu giới, xứ, uẩn?

Đáp: Gồm thâu tám giới, hai xứ, ba uẩn.

Hỏi: Có bao nhiêu giới, xứ, uẩn gồm thân chỉ mỗi căn thiện?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn bất thiện gồm thân bao nhiêu giới, xứ, uẩn?

Đáp: Gồm thân tám giới, hai xứ, hai uẩn.

Hỏi: Có bao nhiêu giới, xứ, uẩn gồm thân chỉ mỗi căn bất thiện?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn hữu phú vô ký gồm thân bao nhiêu giới, xứ, uẩn?

Đáp: Gồm thân sáu giới, hai xứ, hai uẩn.

Hỏi: Có bao nhiêu giới, xứ, uẩn gồm thân chỉ mỗi căn hữu phú vô ký?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn vô phú vô ký gồm thân bao nhiêu giới, xứ, uẩn?

Đáp: Gồm thân mười ba giới, bảy xứ, bốn uẩn.

Hỏi: Có bao nhiêu giới, xứ, uẩn gồm thân chỉ mỗi căn vô phú vô ký?

Đáp: Năm giới, năm xứ, không có uẩn.

*

Hỏi: Pháp căn gồm thân bao nhiêu giới, xứ, uẩn?

Đáp: Gồm thân mười ba giới, bảy xứ, bốn uẩn.

Hỏi: Có bao nhiêu giới, xứ, uẩn gồm thân chỉ mỗi pháp căn?

Đáp: Mười hai giới, sáu xứ, hai uẩn.

Hỏi: Pháp phi căn gồm thân bao nhiêu giới, xứ, uẩn?

Đáp: Gồm thân sáu giới, sáu xứ, ba uẩn.

Hỏi: Có bao nhiêu giới, xứ, uẩn gồm thân chỉ mỗi pháp phi căn?

Đáp: Năm giới, năm xứ, một uẩn.

Hỏi: Pháp căn, phi căn gồm thâu bao nhiêu giới, xứ, uẩn?

Đáp: Gồm thâu mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Hỏi: Có bao nhiêu giới, xứ, uẩn gồm thâu chỉ mỗi pháp căn, phi căn?

Đáp: Gồm thâu một giới, một xứ, hai uẩn.

*

Hỏi: Từng có căn làm duyên sinh căn chăng?

Đáp: Sinh.

Hỏi: Sinh phi căn chăng?

Đáp: Sinh.

Hỏi: Sinh căn, phi căn chăng?

Đáp: Sinh.

Hỏi: Từng có phi căn làm duyên sinh phi căn chăng?

Đáp: Sinh.

Hỏi: Sinh căn chăng?

Đáp: Sinh.

Hỏi: Sinh phi căn, căn chăng?

Đáp: Sinh.

Hỏi: Từng có căn, phi căn làm duyên sinh căn, phi căn chăng?

Đáp: Sinh.

Hỏi: Sinh căn chăng?

Đáp: Sinh.

Hỏi: Sinh phi căn chãng?

Đáp: Sinh.

*

Hỏi: Từng có nhãn căn làm duyên sinh nhãn căn chãng?

Đáp: Sinh.

Hỏi: Sinh nhĩ căn cho đến cụ tri căn chãng?

Đáp: Sinh.

Hỏi: Từng có cho đến cụ tri căn làm duyên sinh cụ tri căn chãng?

Đáp: Sinh.

Hỏi: Sinh nhãn căn cho đến dĩ tri căn chãng?

Đáp: Sinh.

*

Hỏi: Nhãn căn cùng nhãn căn làm bao nhiêu duyên? Cùng với nhĩ căn cho đến cụ tri căn làm bao nhiêu duyên? Cho đến cụ tri căn cùng cụ tri căn làm bao nhiêu duyên? Cùng với nhãn căn cho đến dĩ tri căn làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Nhãn căn cùng với nhãn căn làm Nhân, Tăng thượng. Cùng với sắc căn khác và mạng căn, khổ căn làm một Tăng thượng. Cùng với các căn còn lại làm Sở duyên, Tăng thượng.

Như nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn cũng như vậy.

Thân căn cùng với thân căn, nữ căn, nam căn làm Nhân, Tăng thượng. Cùng với sắc căn khác và mạng căn, khổ căn làm một Tăng thượng. Cùng với các căn còn lại làm Sở duyên, Tăng thượng.

Nữ căn cùng với nữ căn, thân căn làm Nhân, Tăng thượng. Cùng với sắc căn khác và khổ căn, mạng căn làm một Tăng thượng. Cùng với các căn còn lại làm Sở duyên, Tăng thượng.

Như nữ căn, nam căn cũng như vậy.

Mạng căn cùng với mạng căn làm Nhân, Tăng thượng. Cùng với bảy sắc căn, khổ căn làm một Tăng thượng. Cùng với các căn còn lại làm Sở duyên, Tăng thượng.

Ý căn cùng với ý căn làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Cùng với bảy sắc căn, mạng căn làm Nhân, Tăng thượng. Cùng với khổ căn làm Nhân, Đẳng vô gián, Tăng thượng, không Sở duyên. Cùng với các căn còn lại làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng.

Như ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn, tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng như vậy.

Khổ căn cùng với khổ căn làm Nhân, Đẳng vô gián, Tăng thượng, không Sở duyên. Cùng với bảy sắc căn, mạng căn làm Nhân, Tăng thượng. Cùng với ba căn vô lậu làm Sở duyên, Tăng thượng. Cùng với các căn còn lại làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng.

Ưu căn cùng với ưu căn làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Cùng với bảy sắc căn, mạng căn làm Nhân, Tăng thượng. Cùng với khổ căn làm Nhân, Đẳng vô gián, Tăng thượng, không Sở duyên. Cùng với ba căn vô lậu làm Sở duyên, Tăng thượng. Cùng với các căn còn lại làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng.

Vị tri đương tri căn cùng với vị tri đương tri căn làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Cùng với cụ tri căn làm Nhân, Sở duyên, Tăng thượng, không Đẳng vô gián. Cùng với bảy sắc căn,

mạng căn, khổ căn làm một Tăng thượng. Cùng với ưu căn làm Sở duyên, Tăng thượng. Cùng với các căn còn lại làm Nhân, Đăng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng.

Dĩ tri căn cùng với dĩ tri căn làm Nhân, Đăng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Cùng với bảy sắc căn, mạng căn, khổ căn làm một Tăng thượng. Cùng với ưu căn, vị tri đương tri căn làm Sở duyên, Tăng thượng. Cùng với các căn còn lại làm Nhân, Đăng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng.

Cụ tri căn cùng với cụ tri căn làm Nhân, Đăng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Cùng với bảy sắc căn, mạng căn, khổ căn làm một Tăng thượng. Cùng với ưu căn, vị tri đương tri căn, dĩ tri căn làm Sở duyên, Tăng thượng. Cùng với các căn còn lại làm Nhân, Đăng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng.

HẾT - QUYỂN 14

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 15

Chương 6: CĂN UẨN

Phẩm 2: BÀN VỀ HỮU

Tụng nêu chung:

*Được một biết khắp ba
Quả Sa-môn chín tiết
Bốn trí, pháp loại trí
Duyên tương ưng năm môn.
Căn học, vô học đắc
Vô gián chứng bốn quả
Bao nhiêu căn đoạn, khởi
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Dục hữu nối tiếp nhau, đầu tiên được bao nhiêu căn do nghiệp sinh ra?

Đáp: Noãn sinh, thai sinh, thấp sinh được hai. Hóa sinh được sáu, hoặc bảy, hoặc tám: Vô hình sáu, một hình bảy, hai hình tám.

Hỏi: Sắc hữu nối tiếp nhau, đầu tiên được bao nhiêu căn do nghiệp sinh ra?

Đáp: Sáu.

Hỏi: Vô sắc hữu nối tiếp nhau, đầu tiên được bao nhiêu căn do nghiệp sinh ra?

Đáp: Một.

*

Hỏi: Từng có tư duy về các pháp thuộc cõi Dục là nhận biết khắp cõi Dục chăng?

Đáp: Nhận biết khắp.

Hỏi: Nhận biết khắp cõi Sắc chăng?

Đáp: Không nhận biết khắp.

Hỏi: Nhận biết khắp cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Không nhận biết khắp.

Hỏi: Từng có tư duy về các pháp thuộc cõi Sắc là nhận biết khắp cõi Sắc chăng?

Đáp: Nhận biết khắp.

Hỏi: Nhận biết khắp cõi Dục chăng?

Đáp: Nhận biết khắp.

Hỏi: Nhận biết khắp cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Không nhận biết khắp.

Hỏi: Từng có tư duy về các pháp thuộc cõi Vô sắc là nhận biết khắp cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nhận biết khắp.

Hỏi: Nhận biết khắp cõi Dục chăng?

Đáp: Không nhận biết khắp.

Hỏi: Nhận biết khắp cõi Sắc chăng?

Đáp: Nhận biết khắp.

*

Hỏi: Có bao nhiêu căn nhận biết khắp cõi Dục?

Đáp: Đạo thể tục bảy, đạo vô lậu tám.

Hỏi: Có bao nhiêu căn nhận biết khắp cõi Sắc?

Đáp: Đạo thể tục bảy, đạo vô lậu mười.

Hỏi: Có bao nhiêu căn nhận biết khắp cõi Vô sắc?

Đáp: Mười một.

*

Hỏi: Khi nhận biết khắp cõi Dục thì nhận biết khắp bao nhiêu căn?

Đáp: Bốn.

Hỏi: Khi nhận biết khắp cõi Sắc thì nhận biết khắp bao nhiêu căn?

Đáp: Năm.

Hỏi: Khi nhận biết khắp cõi Vô sắc thì nhận biết khắp bao nhiêu căn?

Đáp: Tám.

*

Hỏi: Bao nhiêu căn được quả Dự lưu?

Đáp: Chín.

Hỏi: Bao nhiêu căn được quả Nhất lai?

Đáp: Nếu lìa nhiễm dục gặp bội, nhập chánh tánh ly sinh là chín. Nếu từ quả Dự lưu được quả Nhất lai thì đạo thể tục bảy, đạo vô lậu tám.

Hỏi: Bao nhiêu căn được quả Bất hoàn?

Đáp: Nếu đã lìa nhiễm dục, nhập chánh tánh ly sinh là chín. Nếu từ quả Nhất lai được quả Bất hoàn thì đạo thể tục bảy, đạo vô lậu tám.

Hỏi: Bao nhiêu căn được quả A-la-hán?

Đáp: Mười một.

*

Hỏi: Được quả Dự lưu nhận biết khắp bao nhiêu căn?

Đáp: Không có.

Hỏi: Được quả Nhất lai nhận biết khắp bao nhiêu căn?

Đáp: Không có.

Hỏi: Được quả Bất hoàn nhận biết khắp bao nhiêu căn?

Đáp: Nếu đã lìa nhiễm dục, nhập chánh tánh ly sinh là không có. Nếu từ quả Nhất lai được quả Bất hoàn là bốn.

Hỏi: Được quả A-la-hán nhận biết khắp bao nhiêu căn?

Đáp: Tám.

*

Hỏi: Các căn được quả Dự lưu, căn này được quả kia xong, nên nói là thành tựu hay là không thành tựu?

Đáp: Thuộc về đạo giải thoát nên nói là thành tựu, thuộc về đạo vô gián nên nói là không thành tựu.

Hỏi: Các căn được quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A-la-hán, căn này được các quả kia xong, nên nói là thành tựu hay là không thành tựu?

Đáp: Thuộc về đạo giải thoát nên nói là thành tựu, thuộc về đạo vô gián nên nói là không thành tựu.

*

Hỏi: Các căn được quả Dự lưu, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Dự lưu, hoặc không có.

Hỏi: Các căn được quả Nhất lai, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục, hoặc cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Nhất lai, hoặc không có.

Hỏi: Các căn được quả Bất hoàn, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục, hoặc cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Bất hoàn, hoặc không có.

Hỏi: Các căn được quả A-la-hán, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán, hoặc không có.

*

Hỏi: Khi được quả Dự lưu là xả các căn, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục, hoặc cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Khi được quả Nhất lai là xả các căn, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục, hoặc cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Dự lưu, hoặc không có.

Hỏi: Khi được quả Bất hoàn là xả các căn, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục, hoặc cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Nhất lai, hoặc không có.

Hỏi: Khi được quả A-la-hán là xả các căn, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Bất hoàn, hoặc không có.

*

Hỏi: Khi đạt được quả Dự lưu là được các căn, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Dự lưu, hoặc không có.

Hỏi: Khi đạt được quả Nhất lai là được các căn, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Nhất lai, hoặc không có.

Hỏi: Khi đạt được quả Bất hoàn là được các căn, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Bất hoàn, hoặc không có.

Hỏi: Khi đạt được quả A-la-hán là được các căn, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán, hoặc không có.

*

Hỏi: Các người Dự lưu đã thành tựu các căn, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Dự lưu, hoặc không có.

Hỏi: Các người Nhất lai đã thành tựu các căn, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Nhất lai, hoặc không có.

Hỏi: Các người Bất hoàn đã thành tựu các căn, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Bất hoàn, hoặc không có.

Hỏi: Các người A-la-hán đã thành tựu các căn, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán, hoặc không có.

*

Hỏi: Các người Dự lưu do các căn đoạn trừ kiết, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Các người Nhất lai do các căn đoạn trừ kiết, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Các người Bất hoàn do các căn đoạn trừ kiết, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Không có.

(Bản Hán thiếu A-la-hán)

*

Hỏi: Các căn thuộc về quả Dự lưu, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Các căn thuộc về quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A-la-hán, các căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Các khổ trí là trí vô lậu đối với khổ chăng?

Đáp: Các khổ trí là trí vô lậu đối với khổ.

Hỏi: Nếu trí vô lậu đối với khổ là khổ trí chăng?

Đáp: Có trí vô lậu đối với khổ không phải là khổ trí: Nghĩa là trí đối với khổ nhận biết về tập.

Hỏi: Các tập trí là trí vô lậu đối với tập chăng?

Đáp: Các tập trí là trí vô lậu đối với tập.

Hỏi: Nếu trí vô lậu đối với tập là tập trí chăng?

Đáp: Có trí vô lậu đối với tập không phải là tập trí: Nghĩa là trí đối với tập nhận biết về khổ.

Hỏi: Các diệt trí là trí vô lậu đối với diệt chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu trí vô lậu đối với diệt là diệt trí chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các đạo trí là trí vô lậu đối với đạo chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu trí vô lậu đối với đạo là đạo trí chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Các căn vô lậu duyên hệ thuộc nơi cõi Dục, căn này tương ứng với pháp trí chẳng? Nếu như căn vô lậu tương ứng với pháp trí, căn này duyên hệ thuộc nơi cõi Dục chẳng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có căn vô lậu duyên hệ thuộc nơi cõi Dục, căn này không phải tương ứng với pháp trí: Nghĩa là khổ pháp trí nhãn cùng tương ứng với khổ pháp trí căn, tập pháp trí nhãn cùng tương ứng với tập pháp trí căn.

2. Có căn vô lậu tương ứng với pháp trí, căn này không duyên hệ thuộc nơi cõi Dục: Nghĩa là căn tương ứng với diệt, đạo pháp trí.

3. Có căn vô lậu duyên hệ thuộc nơi cõi Dục, căn này cũng tương ứng với pháp trí: Nghĩa là căn tương ứng với khổ, tập pháp trí.

4. Có căn vô lậu không duyên hệ thuộc nơi cõi Dục, căn này cũng không tương ứng với pháp trí: Nghĩa là khổ loại trí nhãn, khổ loại trí cùng hai căn tương ứng. Tập loại trí nhãn, tập loại trí cùng hai căn tương ứng. Diệt pháp trí nhãn và căn tương ứng với diệt pháp trí. Diệt loại trí nhãn, diệt loại trí cùng hai căn tương ứng. Đạo pháp trí

nhẫn và căn tương ưng với đạo pháp trí. Đạo loại trí nhẫn, đạo loại trí cùng hai căn tương ưng.

Hỏi: Các căn vô lậu duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, căn này tương ưng với loại trí chăng? Nếu như căn vô lậu tương ưng với loại trí, căn này duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có căn vô lậu duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, căn này không phải tương ưng với loại trí: Nghĩa là khổ loại trí nhẫn và căn tương ưng với khổ loại trí. Tập loại trí nhẫn cùng căn tương ưng với tập loại trí.

2. Có căn vô lậu tương ưng với loại trí, căn này không duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc: Nghĩa là căn tương ưng với diệt, đạo loại trí.

3. Có căn vô lậu duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, căn này cũng tương ưng với loại trí: Nghĩa là căn tương ưng với khổ, tập loại trí.

4. Có căn vô lậu không duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, căn này cũng không tương ưng với loại trí: Nghĩa là khổ pháp trí nhẫn, khổ pháp trí cùng hai căn tương ưng. Tập pháp trí nhẫn, tập pháp trí cùng hai căn tương ưng. Diệt pháp trí nhẫn, diệt pháp trí cùng hai căn tương ưng. Diệt loại trí nhẫn và căn tương ưng với diệt loại trí. Đạo pháp trí nhẫn, đạo pháp trí cùng hai căn tương ưng. Đạo loại trí nhẫn và căn tương ưng với đạo loại trí.

*

Hỏi: Pháp trí nên nói là pháp trí chăng? Nên nói là loại trí, tha tâm trí, thế tục trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí chăng?

Đáp: Nên nói là pháp trí, hoặc tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí.

Hỏi: Nên nói là có tầm có tứ, không tầm chỉ có tứ, không tầm không tứ chăng?

Đáp: Nên nói có cả ba thứ.

Hỏi: Nên nói tương ưng với lạc căn, tương ưng với hỷ căn, tương ưng với xả căn chăng?

Đáp: Nên nói có cả ba thứ.

Hỏi: Nên nói tương ưng với không, vô tướng, vô nguyện chăng?

Đáp: Nên nói có cả ba thứ.

Hỏi: Nên nói duyên hệ thuộc nơi cõi Dục, duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc, duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, duyên không hệ thuộc chăng?

Đáp: Nên nói duyên hệ thuộc nơi cõi Dục, hoặc không hệ thuộc.

*

Hỏi: Loại trí nên nói là loại trí chăng? Nên nói là pháp trí, tha tâm trí, thế tục trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí chăng?

Đáp: Nên nói là loại trí, hoặc tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí.

Hỏi: Nên nói là có tầm có tứ, không tầm chỉ có tứ, không tầm không tứ chăng?

Đáp: Nên nói có cả ba thứ.

Hỏi: Nên nói tương ưng với lạc căn, tương ưng với hỷ căn, tương ưng với xả căn chăng?

Đáp: Nên nói có cả ba thứ.

Hỏi: Nên nói tương ưng với không, vô tướng, vô nguyện chăng?

Đáp: Nên nói có cả ba thứ.

Hỏi: Nên nói duyên hệ thuộc nơi cõi Dục, duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc, duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, duyên không hệ thuộc chẳng?

Đáp: Nên nói duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc.

*

Hỏi: Tâm thời giải thoát nên nói là căn học đạt được, căn vô học đạt được, hay căn học, vô học đạt được?

Đáp: Nên nói là căn học, vô học đạt được.

Hỏi: Tâm bất động giải thoát nên nói là căn học đạt được, căn vô học đạt được, hay căn học, vô học đạt được?

Đáp: Nếu vốn được bất động, nên nói là do căn học, vô học đạt được. Nếu A-la-hán thời giải thoát được bất động, nên nói là do căn vô học đạt được.

Hỏi: Tất cả kiết tận nên nói là do căn học đạt được, căn vô học đạt được, hay do căn học, vô học đạt được?

Đáp: Nên nói là do căn học, vô học đạt được.

*

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, đạo này nên nói là tương ưng với pháp trí, tương ưng với loại trí, tha tâm trí, thế tục trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí chẳng? Nên nói là có tầm có tứ, không tầm chỉ có tứ, không tầm không tứ chẳng? Nên nói là tương ưng với lạc căn, hỷ căn, xả căn chẳng? Nên nói tương ưng với không, vô tướng, vô nguyện chẳng? Nên nói duyên hệ thuộc nơi cõi Dục, duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc, duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, duyên nơi không hệ thuộc chẳng?

Đáp: Dùng đạo vô gián chứng quả Dự lưu, đạo này nên nói là tương ưng với nhãn, là có tầm có tứ, tương ưng với xả căn, tương ưng với vô nguyện, duyên không hệ thuộc.

Dùng đạo vô gián chứng quả Nhất lai, nếu lìa nhiễm dục gấp bội, nhập chánh tánh ly sinh, thì như nói về chứng quả Dự lưu.

Nếu từ quả Dự lưu dùng đạo thế tục chứng quả Nhất lai, đạo này nên nói là tương ưng với thế tục trí, là có tầm có tứ, tương ưng với xả căn, duyên hệ thuộc nơi cõi Dục.

Nếu từ quả Dự lưu dùng đạo vô lậu chứng quả Nhất lai, đạo này nên nói là hoặc tương ưng với pháp trí, hoặc tương ưng với khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, là có tầm có tứ, tương ưng với xả căn, hoặc tương ưng với không, hoặc tương ưng với vô nguyện, hoặc tương ưng với vô tướng, hoặc duyên hệ thuộc nơi cõi Dục, hoặc duyên không hệ thuộc.

Dùng đạo vô gián chứng quả Bất hoàn, nếu đã lìa nhiễm dục, nhập chánh tánh ly sinh, đạo này nên nói là tương ưng với nhãn, là hoặc có tầm có tứ, hoặc không tầm chỉ có tứ, hoặc không tầm không tứ, hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ căn, hoặc tương ưng với xả căn, tương ưng với vô nguyện, duyên không hệ thuộc.

Nếu từ quả Nhất lai dùng đạo thế tục chứng quả Bất hoàn, thì như nói dùng đạo thế tục chứng quả Nhất lai.

Nếu từ quả Nhất lai dùng đạo vô lậu chứng quả Bất hoàn, thì như nói dùng đạo vô lậu để chứng quả Nhất lai.

Dùng đạo vô gián chứng quả A-la-hán, đạo này nên nói là hoặc tương ưng với pháp trí, hoặc tương ưng với loại trí, hoặc tương ưng với khổ trí, hoặc tương ưng với tập trí, hoặc tương ưng với diệt trí, hoặc tương ưng với đạo trí, là hoặc có tầm có tứ, hoặc

không tâm chỉ có tứ, hoặc không tâm không tứ, hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ căn, hoặc tương ưng với xả căn, hoặc tương ưng với không, hoặc tương ưng với vô nguyện, hoặc tương ưng với vô tướng, hoặc duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

*

Hỏi: Có bao nhiêu căn vĩnh viễn đoạn, diệt, khởi khi đắc quả Dự lưu?

Đáp: Không có căn vĩnh viễn đoạn, bảy căn khởi diệt, một căn diệt không khởi, một căn khởi không diệt, khi được quả Dự lưu.

Hỏi: Có bao nhiêu căn vĩnh viễn đoạn, diệt, khởi khi đắc quả Nhất lai?

Đáp: Nếu đã lìa nhiễm dục gấp bội, nhập chánh tánh ly sinh, thì như nói về chứng quả Dự lưu.

Nếu từ quả Dự lưu dùng đạo thế tục chứng quả Nhất lai, không có căn vĩnh viễn đoạn, bảy căn diệt khởi khi được quả Nhất lai.

Nếu từ quả Dự lưu dùng đạo vô lậu chứng quả Nhất lai, không có căn vĩnh viễn đoạn, tám căn diệt khởi khi được quả Nhất lai.

Hỏi: Có bao nhiêu căn vĩnh viễn đoạn, diệt, khởi khi đắc quả Bất hoàn?

Đáp: Nếu đã lìa nhiễm dục, nhập chánh tánh ly sinh, không có căn vĩnh viễn đoạn, bảy căn diệt khởi, một căn diệt không khởi, một căn khởi không diệt, khi được quả Bất hoàn.

Nếu từ quả Nhất lai dùng đạo thế tục chứng quả Bất hoàn, không nhập tĩnh lự có bốn căn vĩnh viễn đoạn, bảy căn diệt khởi khi được quả Bất hoàn. Nếu nhập tĩnh lự có bốn căn vĩnh viễn đoạn, sáu căn diệt khởi, một căn diệt không khởi, một căn khởi không diệt, khi được quả Bất hoàn.

Nếu từ quả Nhất lai dùng đạo vô lậu chứng quả Bất hoàn, không nhập tĩnh lực có bốn căn vĩnh viễn đoạn, tám căn diệt khởi khi được quả Bất hoàn. Nếu nhập tĩnh lực có bốn căn vĩnh viễn đoạn, bảy căn diệt khởi, một căn diệt không khởi, một căn khởi không diệt khi được quả Bất hoàn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn vĩnh viễn đoạn, diệt, khởi khi được quả A-la-hán?

Đáp: Nếu dựa vào định vị chí chứng quả A-la-hán, một căn vĩnh viễn đoạn, bảy căn vĩnh viễn đoạn diệt khởi, một căn diệt không khởi, một căn khởi không diệt khi được quả A-la-hán.

Như dựa vào định vị chí, dựa vào tĩnh lực trung gian, tĩnh lực thứ tư, ba định vô sắc cũng như vậy.

Nếu dựa vào tĩnh lực thứ nhất chứng quả A-la-hán, hai căn vĩnh viễn đoạn, sáu căn vĩnh viễn đoạn diệt khởi, một căn diệt khởi, một căn diệt không khởi, một căn khởi không diệt khi được quả A-la-hán. Như tĩnh lực thứ nhất, dựa vào tĩnh lực thứ hai, thứ ba cũng như vậy.

Phẩm 3: BÀN VỀ XÚC

Tụng nêu chung:

*Mười sáu xúc cùng thân
Căn tương ưng thành tựu
Biết khắp, diệt tác chứng
Chương này xin nói đủ.*

*

Có mười sáu xúc: Là xúc có đối, xúc tăng ngữ, xúc minh, xúc vô minh, xúc phi minh phi vô minh, xúc ái, xúc giận dữ, xúc thuận

lạc thọ, xúc thuận khổ thọ, xúc thuận bất khổ bất lạc thọ, nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc.

Hỏi: Thế nào là xúc có đối?

Đáp: Là xúc tương ưng với năm thức thân.

Hỏi: Thế nào là xúc tăng ngữ?

Đáp: Là xúc tương ưng với ý thức thân.

Hỏi: Thế nào là xúc minh?

Đáp: Là xúc vô lậu.

Hỏi: Thế nào là xúc vô minh?

Đáp: Là xúc nhiễm ô.

Hỏi: Thế nào là xúc phi minh phi vô minh?

Đáp: Là xúc hữu lậu không nhiễm.

Hỏi: Thế nào là xúc ái?

Đáp: Là xúc tương ưng với tham.

Hỏi: Thế nào là xúc giận dữ?

Đáp: Là xúc tương ưng với sân.

Hỏi: Thế nào là xúc thuận lạc thọ?

Đáp: Là xúc tương ưng với lạc thọ.

Hỏi: Thế nào là xúc thuận khổ thọ?

Đáp: Là xúc tương ưng với khổ thọ.

Hỏi: Thế nào là xúc thuận bất khổ bất lạc thọ?

Đáp: Là xúc tương ưng với bất khổ bất lạc thọ.

Hỏi: Thế nào là nhãn xúc?

Đáp: Là xúc tương ưng với nhãn thức thân.

Hỏi: Thế nào là nhĩ xúc?

Đáp: Là xúc tương ưng với nhĩ thức thân.

Hỏi: Thế nào là tỷ xúc?

Đáp: Là xúc tương ưng với tỷ thức thân.

Hỏi: Thế nào là thiệt xúc?

Đáp: Là xúc tương ưng với thiệt thức thân.

Hỏi: Thế nào là thân xúc?

Đáp: Là xúc tương ưng với thân thức thân.

Hỏi: Thế nào là ý xúc?

Đáp: Là xúc tương ưng với ý thức thân.

*

Hỏi: Xúc có đôi gồm thân bao nhiêu xúc? Cho đến ý xúc gồm thân bao nhiêu xúc?

Đáp: Xúc có đôi gồm thân hoàn toàn sáu xúc và phần ít của bảy xúc. Xúc tăng ngữ gồm thân hoàn toàn ba xúc và phần ít của bảy xúc.

Xúc minh gồm thân hoàn toàn xúc minh và phần ít của bốn xúc. Xúc vô minh gồm thân hoàn toàn ba xúc và phần ít của mười một xúc. Xúc phi minh phi vô minh gồm thân hoàn toàn xúc phi minh phi vô minh và phần ít của mười một xúc.

Xúc ái gồm thân hoàn toàn xúc ái và phần ít của mười một xúc. Xúc giận dữ gồm thân hoàn toàn xúc giận dữ và phần ít của mười một xúc.

Xúc thuận lạc thọ gồm thân hoàn toàn xúc thuận lạc thọ và phần ít của mười hai xúc. Xúc thuận khổ thọ gồm thân hoàn toàn xúc thuận khổ thọ và phần ít của mười một xúc. Xúc thuận bất khổ bất lạc thọ gồm thân hoàn toàn chính nó và phần ít của mười ba xúc.

Nhãn xúc gồm thấu hoàn toàn chính nó và phần ít của tám xúc. Như nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc cũng như vậy. Ý xúc gồm thấu hoàn toàn ba xúc và phần ít của bảy xúc.

*

Hỏi: Xúc có đối tượng ứng với bao nhiêu căn? Cho đến ý xúc tương ứng với bao nhiêu căn?

Đáp: Xúc có đối tượng ứng hoàn toàn với một căn cùng phần ít của tám căn. Xúc tăng ngữ tương ứng hoàn toàn với năm căn cùng phần ít của tám căn.

Xúc minh tương ứng hoàn toàn với ba căn cùng phần ít của chín căn. Xúc vô minh tương ứng với phần ít của sáu căn. Xúc phi minh phi vô minh tương ứng với phần ít của mười một căn.

Xúc ái tương ứng với phần ít của bốn căn. Xúc giận dữ tương ứng với phần ít của bốn căn.

Xúc thuận lạc thọ tương ứng hoàn toàn với hai căn cùng phần ít của chín căn. Xúc thuận khổ thọ tương ứng hoàn toàn với hai căn cùng phần ít của sáu căn. Xúc thuận bất khổ bất lạc thọ tương ứng hoàn toàn với một căn cùng phần ít của chín căn.

Nhãn xúc tương ứng với phần ít của chín căn. Như nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc cũng như vậy. Ý xúc tương ứng hoàn toàn với năm căn cùng phần ít của tám căn.

*

Hỏi: Các căn nhân nơi xúc có đối, căn này tương ứng với xúc có đối chăng?

Đáp: Các căn tương ứng với xúc có đối, căn này nhân nơi xúc có đối.

Hỏi: Nếu như căn tương ưng với xúc có đối, căn này nhân nơi xúc có đối chẳng?

Đáp: Có căn nhân nơi xúc có đối, căn này không phải tương ưng với xúc có đối: Nghĩa là căn nhân nơi xúc có đối, tương ưng với xúc khác, và dị thực sinh không có đối tượng duyên.

Như xúc có đối, trừ hai xúc, mười ba xúc còn lại cũng như vậy.

Hỏi: Các căn nhân nơi xúc minh, căn này tương ưng với xúc minh chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như căn tương ưng với xúc minh, căn này nhân nơi xúc minh chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các căn nhân nơi xúc phi minh phi vô minh, căn này tương ưng với xúc phi minh phi vô minh chẳng?

Đáp: Các căn tương ưng với xúc phi minh phi vô minh, căn này nhân nơi xúc phi minh phi vô minh.

Hỏi: Nếu như căn tương ưng với xúc phi minh phi vô minh, căn này nhân nơi xúc phi minh phi vô minh chẳng?

Đáp: Có căn nhân nơi xúc phi minh phi vô minh, căn này không phải tương ưng với xúc phi minh phi vô minh: Nghĩa là căn nhân nơi xúc phi minh phi vô minh, có dị thực sinh, không có đối tượng duyên.

*

Hỏi: Thành tựu loại nhãn căn này, Thánh giả kia thành tựu loại thân căn này chẳng? Nếu như thành tựu loại thân căn này, Thánh giả thành tựu loại nhãn căn này chẳng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có thành tựu loại nhãn căn này không phải là loại thân căn này: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, không được nhãn căn, giả như được rồi mất, được nhãn căn nơi cõi Sắc. 2. Có thành tựu loại thân căn này không phải là loại nhãn căn này: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, không được nhãn căn, giả như được rồi mất, không được nhãn căn nơi cõi Sắc. 3. Có thành tựu loại nhãn căn này cũng thành tựu loại thân căn này: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, nhãn căn đã được không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc. 4. Có không phải thành tựu loại nhãn căn này cũng không phải thành tựu loại thân căn này: Nghĩa là sinh nơi cõi Vô sắc.

Như nhãn căn, nhĩ căn cũng như vậy.

Hỏi: Thành tựu loại tử căn này, Thánh giả kia thành tựu loại thân căn này chăng?

Đáp: Nếu thành tựu loại tử căn này, Thánh giả kia thành tựu loại thân căn này.

Hỏi: Nếu như thành tựu loại thân căn này, Thánh giả kia thành tựu loại tử căn này chăng?

Đáp: Có thành tựu loại thân căn này, không thành tựu loại tử căn này: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, không được tử căn, giả như được rồi mất.

Như tử căn, thiệt căn cũng như vậy.

*

Hỏi: Địa ngục tạo thành bao nhiêu căn? Bàn sinh cho đến các vô sắc. Tùy tín hành cho đến Câu giải thoát thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Địa ngục tạo thành nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là tám căn. Bàn sinh tạo thành nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười ba căn. Quỷ giới cũng như vậy.

Kẻ đoạn căn thiện tạo thành nhiều nhất là mười ba căn, ít nhất là tám căn. Tu tà định tạo thành nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là tám căn. Tu chánh định thành tựu nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười một căn. Tu bất định thành tựu nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là tám căn. Châu Thiệm-bộ thành tựu nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là tám căn. Châu Tỳ-đề-ha, châu Cù-đà-ni cũng như vậy. Châu Câu-lô thành tựu nhiều nhất là mười tám căn, ít nhất là mười ba căn.

Trời Tứ Đại Vương chúng thành tựu nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười bảy căn. Trời Ba Mươi Ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc-biến-hóa, trời Tha-hóa-tự-tại cũng như vậy. Trời Phạm chúng thành tựu nhiều nhất là mười sáu căn, ít nhất là mười năm căn. Trời Cực quang tịnh cũng như vậy. Trời Biến tịnh thành tựu nhiều nhất là mười sáu căn, ít nhất là mười bốn căn. Trời Quảng quả thành tựu nhiều nhất là mười sáu căn, ít nhất là mười ba căn.

Trung hữu thành tựu nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười ba căn. Các vô sắc thành tựu nhiều nhất là mười một căn, ít nhất là tám căn. Tùy tín hành thành tựu nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười ba căn. Tùy pháp hành cũng như vậy. Tín thắng giải thành tựu nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười một căn. Kiến chí cũng như vậy. Thân chúng thành tựu nhiều nhất là mười tám căn, ít nhất là mười một căn. Tuệ giải thoát, Câu giải thoát cũng như vậy.

*

Hỏi: Nhãn căn cho đến tuệ căn, khi được nhận biết khắp có bao nhiêu căn được nhận biết khắp?

Đáp: Nhãn căn khi được nhận biết khắp đến lia nhiễm sắc có năm căn được nhận biết khắp. Nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn cũng như vậy.

Nữ căn khi được nhận biết khắp đến lìa nhiễm dục có bốn căn được nhận biết khắp. Nam căn, khổ căn, ưu căn cũng như vậy.

Mạng căn khi được nhận biết khắp đến lìa nhiễm vô sắc có tám căn được nhận biết khắp. Ý căn, xả căn, năm căn như tín v.v... cũng như vậy.

Lạc căn khi được nhận biết khắp đến lìa nhiễm nơi cõi Biến tịnh, tức lạc căn được nhận biết khắp.

Hỷ căn khi được nhận biết khắp đến lìa nhiễm của cõi Cực quang tịnh, tức hỷ căn được nhận biết khắp.

*

Hỏi: Nhãn căn cho đến tuệ căn, khi diệt tác chứng có bao nhiêu căn diệt tác chứng?

Đáp: Nhãn căn khi diệt tác chứng đến lìa nhiễm sắc có năm căn diệt tác chứng, đến A-la-hán có mười chín căn diệt tác chứng. Nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn cũng như vậy.

Nữ căn khi diệt tác chứng đến lìa nhiễm dục có bốn căn diệt tác chứng, đến A-la-hán có mười chín căn diệt tác chứng. Nam căn, khổ căn, ưu căn cũng như vậy.

Mạng căn khi diệt tác chứng đến A-la-hán có mười chín căn diệt tác chứng. Ý căn, xả căn, năm căn như tín v.v... cũng như vậy.

Lạc căn khi diệt tác chứng đến lìa nhiễm nơi cõi Biến tịnh, tức lạc căn diệt tác chứng, đến A-la-hán có mười chín căn diệt tác chứng.

Hỷ căn khi diệt tác chứng đến lìa nhiễm nơi cõi Cực quang tịnh, tức hỷ căn diệt tác chứng, đến A-la-hán có mười chín căn diệt tác chứng.

Phẩm 4: BÀN VỀ ĐĂNG TÂM

Tụng nêu chung:

*Đẳng tâm thọ hai định
Vô tướng thân tương ưng
Giới, tử, sinh, Niết-bàn
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Tâm của tất cả hữu tình nên nói là cùng khởi, cùng trụ, cùng diệt chãng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Tâm có tham, tâm lìa tham, nên nói là cùng khởi, cùng trụ, cùng diệt chãng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các tâm có sân, lìa sân, có si, lìa si, lược, tán, hạ, cử, tiêu, đại, trạo cử, không trạo cử, không tĩnh lặng, tĩnh lặng, bất định, định, không tu, tu, không giải thoát, giải thoát, nên nói là cùng khởi, cùng trụ, cùng diệt chãng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Thọ mạng nên nói là tùy tâm chuyển hay không tùy tâm chuyển?

Đáp: Không tùy tâm chuyển.

Hỏi: Nên nói là tùy chuyển nối tiếp nhau làm một khởi nên trụ chãng?

Đáp: Nếu là hữu tình nơi cõi Dục không trụ nơi các đẳng chí (định) vô tướng, diệt tận, nên nói là tùy chuyển nối tiếp nhau. Nếu trụ nơi đẳng chí vô tướng, diệt tận và hữu tình của cõi Sắc, cõi Vô sắc, nên nói một khởi nên trụ.

Hỏi: Trụ nơi đẳng chí vô tướng, diệt tận, thọ mạng nên nói là chuyển là trụ chăng?

Đáp: Nên nói là chuyển biến. Như Đức Thế Tôn nói: “Thọ mạng của con người hết dần, như nước nơi sông nhỏ”.

Hỏi: Nếu thọ mạng của các hữu tình khởi, là trụ, làm sao biết được thọ mạng của hữu tình kia hết dần?

Đáp: Do đời tận, kiếp tận.

*

Hỏi: Nhập định vô tướng có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Có bảy.

Hỏi: Tâm, tâm sở diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Sắc.

Hỏi: Xuất định vô tướng có bao nhiêu căn hiện tiền?

Đáp: Có bảy.

Hỏi: Tâm, tâm sở hiện tiền hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nhập định diệt tận có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Có bảy.

Hỏi: Tâm, tâm sở diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Xuất định diệt tận có bao nhiêu căn hiện tiền?

Đáp: Hoặc bảy, hoặc tám. Tâm hữu lậu bảy, tâm vô lậu tám.

Hỏi: Tâm, tâm sở hiện tiền hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hoặc hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc.

*

Hỏi: Sinh nơi cõi trời Vô tướng có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm, tâm sở diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện tiền?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm, tâm sở hiện tiền hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Sắc.

Hỏi: Mắt nơi cõi trời Vô tướng có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm, tâm sở diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện tiền?

Đáp: Hoặc tám, hoặc chín, hoặc mười, vô hình tám, một hình chín, hai hình mười.

Hỏi: Tâm, tâm sở hiện tiền hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Dục.

Hỏi: Khi hữu tình sinh nơi vô tướng, nên nói là hữu tướng hay vô tướng?

Đáp: Nên nói là hữu tướng.

*

Như Đức Thế Tôn nói: “Các hữu tình kia do tướng khởi nên từ xứ hữu tướng kia mất”.

Hỏi: Khi từ hữu tướng kia mất, tướng kia nên nói là diệt hay không diệt?

Đáp: Nên nói là diệt.

Hỏi: Nên nói trụ nơi xứ nào khi tướng kia diệt?

Đáp: Nên nói tức trụ nơi xứ hữu tướng kia.

Hỏi: Tướng kia nên nói là thiện hay vô ký?

Đáp: Nên nói hoặc thiện, hoặc vô ký.

Hỏi: Tướng kia có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: (Bản chữ Hán không có phần đáp).

Hỏi: Duyên hữu lậu nơi cõi Sắc có bao nhiêu kiết trói buộc?

Đáp: Có sáu.

Như Đức Thế Tôn nói: “Tất cả hữu tình đều do ăn mà trụ”.

Hỏi: Hữu tình vô tướng do cách ăn nào để trụ?

Đáp: Do xúc, ý tư, thức.

*

Hỏi: Nhãn căn gồm thâu bao nhiêu căn? Cho đến cụ tri căn gồm thâu bao nhiêu căn?

Đáp: Nhãn căn gồm thâu nhãn căn. Như nhãn căn, các căn nhĩ, tỷ, thiệt, mạng, khổ, ưu cũng như vậy.

Thân căn gồm thâu ba căn.

Nữ căn gồm thâu nữ căn cùng phần ít của thân căn. Như nữ căn, nam căn cũng như vậy.

Ý căn gồm thâm ý căn cùng phần ít của ba căn. Như ý căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn, năm căn như tín v.v... cũng như vậy.

Vị tri đương tri căn gồm thâm vị tri đương tri căn cùng phần ít của chín căn. Như vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn cũng như vậy.

*

Hỏi: Tín lực cho đến tuệ lực, niệm giác chi cho đến xả giác chi, chánh kiến cho đến chánh định, pháp trí cho đến đạo trí, không, vô nguyện, vô tướng gồm thâm bao nhiêu căn?

Đáp: Tín lực gồm thâm ba căn cùng phần ít của một căn. Như tín lực, bốn lực còn lại cũng như vậy.

Niệm giác chi gồm thâm phần ít của bốn căn. Như niệm giác chi, các giác chi trạch pháp, tinh tấn, hỷ, định v.v... cũng như vậy. Pháp còn lại không gồm thâm căn.

Chánh kiến gồm thâm phần ít của bốn căn. Như chánh kiến, chánh cần, chánh niệm, chánh định cũng như vậy. Pháp còn lại không gồm thâm căn.

Pháp trí gồm thâm phần ít của bốn căn. Như pháp trí, loại trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí cũng như vậy. Tha tâm trí gồm thâm phần ít của ba căn, thế tục trí gồm thâm phần ít của một căn.

Tam muội không gồm thâm phần ít của bốn căn. Như không, vô nguyện, vô tướng cũng như vậy.

*

Hỏi: Ý căn có bao nhiêu căn tương ưng? Cho đến cụ tri căn có bao nhiêu căn tương ưng?

Đáp: Ý căn tương ưng với mười căn và phần ít của ba căn.

Lạc căn, hỷ căn, xả căn tương ưng với phần ít của chín căn.

Khô căn, ưu căn tương ưng với phần ít của sáu căn.

Tín căn tương ưng với bốn căn cùng phần ít của bốn căn. Như tín căn, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn cũng như vậy.

Vị tri đương tri căn tương ưng với chính nó cùng phần ít của chín căn. Như vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn cũng như vậy.

*

Hỏi: Tín lực cho đến tuệ lực, niệm giác chi cho đến xả giác chi, chánh kiến cho đến chánh định, pháp trí cho đến đạo trí, không, vô nguyện, vô tướng, có bao nhiêu căn tương ưng?

Đáp: Tín lực tương ưng với chín căn cùng phần ít của bốn căn. Như tín lực, bốn lực còn lại cũng như vậy.

Niệm giác chi tương ưng với phần ít của mười một căn. Như niệm giác chi, trạch pháp, tinh tấn, định giác chi cũng như vậy. Hỷ giác chi tương ưng với phần ít của chín căn. Khinh an, xả giác chi tương ưng với ba căn cùng phần ít của chín căn.

Chánh kiến tương ưng với phần ít của mười một căn. Như chánh kiến, chánh tư duy, chánh cần, chánh định cũng vậy. Pháp còn lại không tương ưng với căn.

Pháp trí tương ưng với phần ít của mười một căn. Như pháp trí, loại trí, khô trí, tập trí, diệt trí, đạo trí cũng như vậy. Tha tâm trí tương ưng với phần ít của mười căn. Thế tục trí tương ưng với hai căn cùng phần ít của tám căn.

Không, vô nguyện, vô tướng tương ưng với phần ít của mười một căn.

*

Hỏi: Khi mất nơi cõi Dục, sinh nơi cõi Dục, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc bốn, hoặc chín, hoặc tám, hoặc mười ba, hoặc chín, hoặc mười bốn, hoặc mười, hoặc mười lăm. Người mạng chung dần tâm vô ký bốn, tâm thiện chín. Kẻ mạng chung tức khắc: Nếu vô hình thì tâm vô ký tám, tâm thiện mười ba. Nếu một hình thì tâm vô ký chín, tâm thiện mười bốn. Nếu hai hình thì tâm vô ký mười, tâm thiện mười lăm.

Hỏi: Tâm, tâm sở diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Dục.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Hoặc tám, hoặc chín, hoặc mười. Vô hình tám, một hình chín, hai hình mười.

Hỏi: Tâm, tâm sở hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Dục.

Hỏi: Khi mất nơi cõi Dục, sinh nơi cõi Sắc, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc bốn, hoặc chín, hoặc chín, hoặc mười bốn. Người mạng chung dần tâm vô ký bốn, tâm thiện chín. Kẻ mạng chung tức khắc tâm vô ký chín, tâm thiện mười bốn.

Hỏi: Tâm, tâm sở diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Dục.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm, tâm sở hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Sắc.

Hỏi: Khi mất nơi cõi Dục, sinh nơi cõi Vô sắc, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc bốn, hoặc chín, hoặc chín, hoặc mười bốn, như trước đã nói.

Hỏi: Tâm, tâm sở diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Dục.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Có ba.

Hỏi: Tâm, tâm sở hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Khi mất nơi cõi Sắc, sinh nơi cõi Sắc, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc tám, hoặc mười ba. Tâm vô ký tám, tâm thiện mười ba.

Hỏi: Tâm, tâm sở diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm, tâm sở hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Sắc.

Hỏi: Khi mất nơi cõi Sắc, sinh nơi cõi Dục, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc tám, hoặc mười ba, như trước đã nói.

Hỏi: Tâm, tâm sở diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Hoặc tám, hoặc chín, hoặc mười, như trước đã nói.

Hỏi: Tâm, tâm sở hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Dục.

Hỏi: Khi mất nơi cõi Sắc, sinh nơi cõi Vô sắc, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc tám, hoặc mười ba, như trước đã nói.

Hỏi: Tâm, tâm sở diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Có ba.

Hỏi: Tâm, tâm sở hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Khi mất nơi cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Vô sắc, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc ba, hoặc tám. Tâm vô ký ba, tâm thiện tám.

Hỏi: Tâm, tâm sở diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Có ba.

Hỏi: Tâm, tâm sở hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Khi mất nơi cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc ba, hoặc tám, như trước đã nói.

Hỏi: Tâm, tâm sở diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Hoặc tám, hoặc chín, hoặc mười, như trước đã nói.

Hỏi: Tâm, tâm sở hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Dục.

Hỏi: Khi mất nơi cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Sắc, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc ba, hoặc tám, như trước đã nói.

Hỏi: Tâm, tâm sở diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện ở trước?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm, tâm sở hiện ở trước hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Sắc.

*

Hỏi: Khi A-la-hán bát Niết-bàn, có bao nhiêu căn diệt sau cùng?

Đáp: Hoặc bốn, hoặc chín, hoặc tám, hoặc ba. Ở nơi cõi Dục A-la-hán bát Niết-bàn dần dần bốn, bát Niết-bàn tức khắc chín, nơi cõi Sắc tám, nơi cõi Vô sắc ba.

Phẩm 5: BÀN VỀ NHẤT TÂM

Tụng nêu chung:

*Tương ưng duyên không lia
 Không tu, tu, được căn
 Xả được vị tri căn
 Năm môn biện hai trí.
 Đầu tận vô sinh trí
 Hết vô sinh sở duyên
 Bảy chánh cùng tương ưng
 Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Các pháp cùng với tâm một khởi, một trụ, một diệt, pháp ấy tương ưng với tâm chăng?

Đáp: Nếu pháp tương ưng với tâm, pháp ấy cùng với tâm một khởi, một trụ, một diệt. Có pháp cùng với tâm một khởi, một trụ, một diệt, pháp ấy không phải tương ưng với tâm: Nghĩa là tùy tâm chuyển, sắc, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Các pháp cùng với tâm một khởi, một trụ, một diệt, pháp ấy cùng một đối tượng duyên với tâm chăng?

Đáp: Nếu pháp có cùng một đối tượng duyên với tâm, pháp ấy cùng với tâm một khởi, một trụ, một diệt. Có pháp cùng với tâm một khởi, một trụ, một diệt, pháp ấy không phải cùng một đối tượng duyên với tâm: Nghĩa là tùy tâm chuyển, sắc, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Các pháp đều cùng khởi với tâm, không lia tâm, pháp ấy đều cùng trụ, cùng diệt với tâm, không lia tâm chăng?

Đáp: Hữu tình nơi cõi Dục, cõi Sắc, không trụ nơi định vô tướng, diệt tận, đại chủng của các căn đều cùng khởi với tâm, không lìa tâm, đều cùng trụ, cùng diệt với tâm, không lìa tâm. Nếu người trụ nơi định vô tướng, diệt tận, người ấy liền lìa tâm.

*

Như nói: Không tu nhãn căn cho đến thân căn.

Hỏi: Thế nào là không tu nhãn căn cho đến thân căn?

Đáp: Nếu đối với nhãn căn, chưa lìa tham, chưa lìa sự khao khát về dục, hỷ. Lại, đạo vô gián có thể tận diệt tham sắc, hữu tình kia đối với đạo ấy chưa tu, chưa an.

Như không tu nhãn căn, không tu nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn cũng như vậy.

Như nói: Không tu ý căn.

Hỏi: Thế nào là không tu ý căn?

Đáp: Nếu đối với ý căn chưa lìa tham, chưa lìa sự khao khát về dục, hỷ. Lại, đạo vô gián có thể tận diệt tham vô sắc, hữu tình kia đối với đạo ấy chưa tu, chưa an.

*

Như nói: Tu nhãn căn cho đến thân căn.

Hỏi: Thế nào là tu nhãn căn cho đến thân căn?

Đáp: Nếu đối với nhãn căn đã lìa tham, đã lìa bỏ sự khao khát về dục, hỷ. Lại, đạo vô gián có thể tận diệt tham sắc, hữu tình kia đối với đạo ấy đã tu, đã an.

Như tu nhãn căn, tu nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn cũng như vậy.

Như nói: Tu ý căn.

Hỏi: Thế nào là tu ý căn?

Đáp: Nếu đối với ý căn đã lia tham, đã lia bỏ sự khao khát về dục, hỷ. Lại, đạo vô gián có thể tận diệt tham vô sắc, hữu tình kia đối với đạo ấy đã tu, đã an.

*

Hỏi: Các căn học không thành tựu đã được căn học, tất cả hữu tình kia nhập chánh tánh ly sinh chăng?

Đáp: Nếu nhập chánh tánh ly sinh, tất cả hữu tình kia căn học không thành tựu, đã đạt được căn học. Có căn học không thành tựu, đạt được căn học, hữu tình kia không nhập chánh tánh ly sinh: Nghĩa là khi thoái chuyển quả A-la-hán.

Hỏi: Các căn học không thành tựu đã được căn học, tất cả pháp thể đệ nhất kia là đẳng vô gián chăng?

Đáp: Nếu pháp thể đệ nhất là đẳng vô gián, tất cả hữu tình kia căn học không thành tựu, đã đạt được căn học. Có căn học không thành tựu đã đạt được căn học, căn học ấy không phải là đẳng vô gián của pháp thể đệ nhất: Nghĩa là khi thoái chuyển quả A-la-hán.

*

Hỏi: Như xả căn vô lậu được căn vô lậu, tất cả Thánh giả kia đều từ quả đến quả chăng?

Đáp: Nếu từ quả đến quả, tất cả Thánh giả kia đều xả căn vô lậu, được căn vô lậu. Có xả căn vô lậu được căn vô lậu, Thánh giả kia không phải từ quả đến quả: Nghĩa là lúc hiện quán biên khởi đạo loại trí, nếu A-la-hán thời giải thoát khi luyện căn hành tác bất động.

Hỏi: Như xả căn vô lậu được căn vô lậu, tất cả Thánh giả kia, căn vô lậu diệt, căn vô lậu khởi chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có xả căn vô lậu được căn vô lậu, Thánh giả kia không phải là căn vô lậu diệt, căn vô lậu khởi: Nghĩa là khi thoái chuyển quả A-la-hán, Bất hoàn, Nhất lai, cùng lúc do đạo thể tục được quả Bất hoàn, Nhất lai. 2. Có căn vô lậu diệt, căn vô lậu khởi, Thánh giả kia không phải xả căn vô lậu được căn vô lậu: Nghĩa là đã đạt được căn vô lậu, diệt khởi hiện ở trước. 3. Có xả căn vô lậu được căn vô lậu, Thánh giả kia cũng có căn vô lậu diệt, căn vô lậu khởi: Nghĩa là khi hiện quán biên khởi đạo loại trí, cùng do đạo vô lậu, khi được quả Nhất lai, Bất hoàn, lúc đạt được quả A-la-hán, A-la-hán thời giải thoát, khi luyện căn hành tác không động. 4. Có không phải là xả căn vô lậu được căn vô lậu, Thánh giả kia cũng không phải có căn vô lậu diệt, căn vô lậu khởi: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

*

Hỏi: Các căn vị tri đương tri, tất cả căn ấy đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán có thể hiện quán chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có vị tri đương tri căn, căn ấy không phải đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, có thể hiện quán: Nghĩa là vị tri đương tri căn ở quá khứ, hoặc vị lai.

2. Có căn đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, có thể hiện quán, căn ấy không phải là vị tri đương tri căn: Nghĩa là các pháp không phải là căn, đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán có thể hiện quán.

3. Có vị tri đương tri căn, căn ấy cũng đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán có thể hiện quán: Nghĩa là vị tri đương tri căn đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán có thể hiện quán.

4. Có không phải là vị tri đương tri căn, căn ấy cũng không phải đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán có thể hiện quán: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

*

Hỏi: Tận trí nên nói là tận trí cho đến đạo trí chăng? Nên nói có tầm có tứ cho đến không tầm không tứ chăng? Nên nói lạc căn cho đến xả căn tương ưng chăng? Nên nói không cho đến vô tướng tương ưng chăng? Nên nói duyên hệ thuộc nơi cõi Dục cho đến duyên không hệ thuộc chăng? Như tận trí, vô sinh trí, chánh kiến vô học cũng như vậy.

Đáp: Tận trí nên nói là tận trí, hoặc pháp trí, loại trí, hoặc khổ, tập, diệt, đạo trí. Hoặc có tầm có tứ, hoặc không tầm chỉ có tứ, hoặc không tầm không tứ. Hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ, xả căn. Hoặc tương ưng với vô nguyện, hoặc tương ưng với vô tướng. Hoặc duyên hệ thuộc nơi cõi Dục, hoặc duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc, hoặc duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

Như tận trí, vô sinh trí cũng như vậy.

Chánh kiến vô học nên nói là chánh kiến vô học, hoặc pháp, loại, tha tâm trí, hoặc khổ, tập, diệt, đạo trí. Hoặc có tầm có tứ, hoặc không tầm chỉ có tứ, hoặc không tầm không tứ. Hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ, xả căn. Hoặc tương ưng với không, hoặc tương ưng với vô nguyện, hoặc tương ưng với vô tướng. Hoặc duyên hệ thuộc nơi cõi Dục, hoặc duyên hệ thuộc nơi cõi Sắc, hoặc duyên hệ thuộc nơi cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

*

Hỏi: Các tận trí đầu tiên, tất cả đạo vô gián kia là đẳng vô gián chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như đạo vô gián là đẳng vô gián, tất cả đạo ấy là tận trí chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các vô sinh trí đầu tiên, tất cả tận trí kia là đẳng vô gián chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu tận trí là đẳng vô gián thì tất cả chúng là vô sinh trí chăng?

Đáp: Hoặc là tận trí, hoặc là vô sinh trí, hoặc là chánh kiến vô học.

*

Hỏi: Các duyên nơi đạo vô gián kia khởi tức duyên nơi tận trí đầu tiên kia khởi chăng?

Đáp: Nếu duyên sinh đạo vô gián khởi, tức duyên nơi tận trí đầu tiên kia khởi. Nếu không duyên sinh đạo vô gián khởi, tức không duyên nơi tận trí đầu tiên kia khởi.

Hỏi: Các duyên nơi tận trí kia khởi tức duyên vô sinh trí kia khởi chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu duyên nơi vô sinh trí kia khởi, tức duyên nơi tận trí kia khởi chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với chánh kiến vô học, pháp ấy tương ưng với chánh tư duy vô học chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với chánh kiến vô học không phải là chánh tư duy vô học: Nghĩa là chánh tư duy tương ưng với chánh kiến vô học, và chánh tư duy vô học không tương ưng với pháp tương ưng của chánh kiến vô học.

2. Có pháp tương ưng với chánh tư duy vô học không phải là chánh kiến vô học: Nghĩa là chánh kiến tương ưng với chánh tư duy vô học, và chánh kiến vô học không tương ưng với pháp tương ưng của chánh tư duy vô học.

3. Có pháp tương ưng với chánh kiến vô học cũng tương ưng với chánh tư duy vô học: Nghĩa là trừ chánh kiến vô học tương ưng với chánh tư duy, và trừ chánh tư duy vô học tương ưng với chánh kiến còn lại là các pháp tương ưng của chánh kiến vô học, chánh tư duy vô học.

4. Có pháp không tương ưng với chánh kiến vô học cũng không tương ưng với chánh tư duy vô học: Nghĩa là chánh kiến vô học không tương ưng với chánh tư duy, chánh tư duy vô học không tương ưng với chánh kiến, và trước kia đã không gồm thân tâm, tâm sở pháp cùng sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Các pháp tương ưng với chánh kiến vô học, pháp ấy tương ưng với chánh cần (chánh tinh tấn) vô học chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với chánh kiến vô học không phải là chánh cần vô học: Nghĩa là chánh cần tương ưng với chánh kiến vô học.

2. Có pháp tương ưng với chánh cần vô học không phải là chánh kiến vô học: Nghĩa là chánh kiến vô học, và chánh kiến vô học không tương ưng với pháp tương ưng của chánh cần vô học.

3. Có pháp tương ưng với chánh kiến vô học cũng tương ưng với chánh cần vô học: Nghĩa là trừ chánh kiến vô học tương ưng với chánh cần, còn lại là các pháp tương ưng của chánh kiến vô học.

4. Có pháp không phải tương ưng với chánh kiến vô học cũng không phải tương ưng với chánh cần vô học: Nghĩa là chánh kiến vô

học không tương ứng với chánh cần, và trước đã không gồm thân tâm, tâm sở pháp cùng sắc, vô vi, tâm bất tương ứng hành.

Như đối với chánh cần, đối với chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát cũng như vậy.

Các pháp tương ứng với chánh kiến vô học, pháp ấy không tương ứng với chánh trí vô học. Các pháp tương ứng với chánh trí vô học, pháp ấy không tương ứng với chánh kiến vô học.

*

Hỏi: Các pháp tương ứng với chánh tư duy vô học, pháp ấy tương ứng với chánh cần vô học chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ứng với chánh tư duy vô học không phải là chánh cần vô học: Nghĩa là chánh cần tương ứng với chánh tư duy vô học.

2. Có pháp tương ứng với chánh cần vô học không phải là chánh tư duy vô học: Nghĩa là chánh tư duy tương ứng với chánh cần vô học và chánh tư duy vô học không tương ứng với pháp tương ứng của chánh cần vô học.

3. Có pháp tương ứng với chánh tư duy vô học cũng tương ứng với chánh cần vô học: Nghĩa là trừ chánh cần tương ứng với chánh tư duy vô học, còn lại là các pháp tương ứng của chánh tư duy vô học.

4. Có pháp không phải tương ứng với chánh tư duy vô học cũng không phải tương ứng với chánh cần vô học: Nghĩa là chánh tư duy vô học không tương ứng với chánh cần, và trước đã không gồm thân tâm, tâm sở pháp cùng sắc, vô vi, tâm bất tương ứng hành.

Như đối với chánh cần, đối với chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với chánh tư duy vô học, pháp ấy tương ưng với chánh trí vô học chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với chánh tư duy vô học không phải là chánh trí vô học: Nghĩa là chánh trí tương ưng với chánh tư duy vô học, và chánh trí vô học không tương ưng với pháp tương ưng của chánh tư duy vô học.

2. Có pháp tương ưng với chánh trí vô học không phải là chánh tư duy vô học: Nghĩa là chánh tư duy tương ưng với chánh trí vô học, và chánh tư duy vô học không tương ưng với pháp tương ưng của chánh trí vô học.

3. Có pháp tương ưng với chánh tư duy vô học cũng tương ưng với chánh trí vô học: Nghĩa là trừ chánh tư duy vô học tương ưng với chánh trí, và trừ chánh trí vô học tương ưng với chánh tư duy, còn lại là các pháp tương ưng của chánh trí vô học, chánh tư duy vô học.

4. Có pháp không phải tương ưng với chánh tư duy vô học cũng không phải tương ưng với chánh trí vô học: Nghĩa là chánh tư duy vô học không tương ưng với chánh trí vô học, chánh trí vô học không tương ưng với chánh tư duy vô học, và trước đã không gồm thân tâm, tâm sở pháp cùng sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với chánh cần vô học, pháp ấy tương ưng với chánh niệm vô học chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với chánh cần vô học không phải là chánh niệm vô học: Nghĩa là chánh niệm vô học.

2. Có pháp tương ưng với chánh niệm vô học không phải là chánh cần vô học: Nghĩa là chánh cần vô học.

3. Có pháp tương ưng với chánh cần vô học cũng tương ưng với chánh niệm vô học: Nghĩa là trừ chánh cần vô học và chánh niệm vô học, còn lại là các pháp tương ưng của chánh niệm vô học, chánh cần vô học.

4. Có pháp không phải tương ưng với chánh cần vô học cũng không phải tương ưng với chánh niệm vô học: Nghĩa là trước đã không gồm thân tâm, tâm sở pháp cùng sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như đối với chánh niệm, đối với chánh định, chánh giải thoát cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ưng với chánh cần vô học, pháp ấy tương ưng với chánh trí vô học chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với chánh cần vô học không phải là chánh trí vô học: Nghĩa là chánh trí vô học và chánh trí vô học không tương ưng với pháp tương ưng của chánh cần vô học.

2. Có pháp tương ưng với chánh trí vô học không phải là chánh cần vô học: Nghĩa là chánh cần tương ưng với chánh trí vô học.

3. Có pháp tương ưng với chánh cần vô học cũng tương ưng với chánh trí vô học: Nghĩa là trừ chánh cần tương ưng với chánh trí vô học, còn lại là các pháp tương ưng của chánh trí vô học.

4. Có pháp không phải tương ưng với chánh cần vô học cũng không phải tương ưng với chánh trí vô học: Nghĩa là chánh cần không tương ưng với chánh trí vô học, và trước đã không gồm thân tâm, tâm sở pháp cùng sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Như chánh cần, đối với chánh niệm, chánh định cũng như vậy.

*

Hỏi: Các pháp tương ưng với chánh giải thoát vô học, pháp ấy tương ưng với chánh trí vô học chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp tương ưng với chánh giải thoát vô học không phải là chánh trí vô học: Nghĩa là chánh trí vô học và chánh trí vô học không tương ưng với pháp tương ưng của chánh giải thoát vô học.

2. Có pháp tương ưng với chánh trí vô học không phải là chánh giải thoát vô học: Nghĩa là chánh giải thoát tương ưng với chánh trí vô học.

3. Có pháp tương ưng với chánh giải thoát vô học cũng tương ưng với chánh trí vô học: Nghĩa là trừ chánh giải thoát tương ưng với chánh trí vô học, và trừ chánh trí vô học tương ưng với chánh giải thoát vô học, còn lại là các pháp tương ưng của chánh trí.

4. Có pháp không phải tương ưng với chánh giải thoát vô học cũng không phải tương ưng với chánh trí vô học: Nghĩa là chánh giải thoát không tương ưng với chánh trí vô học, và trước đã không gồm thân tâm, tâm sở pháp cùng sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành.

HẾT - QUYỂN 15

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 16

Chương 6: CĂN UẨN

Phẩm 6: BÀN VỀ NGŨ

Tụng nêu chung:

*Tổng ba đời thành tựu
Không thành tựu cũng vậy
Căn thiện cùng làm nhân
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Nếu thành tựu nhãn căn, Thánh giả kia đối với hai mươi hai căn, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu? Cho đến cụ tri căn cũng nêu câu hỏi như vậy.

Đáp: Nếu thành tựu nhãn căn, Thánh giả kia nhất định thành tựu năm, số còn lại không nhất định.

Như nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu thân căn, Thánh giả kia nhất định thành tựu bốn, số còn lại không nhất định.

Nếu thành tựu nữ căn, Thánh giả kia nhất định thành tựu tám, số còn lại không nhất định.

Như nữ căn, nam căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu mạng căn, Thánh giả kia nhất định thành tựu ba, số còn lại không nhất định.

Như mạng căn, ý căn, xả căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu lạc căn, Thánh giả kia nhất định thành tựu bốn, số còn lại không nhất định.

Nếu tạo thành khổ căn, Thánh giả kia nhất định thành tựu bảy, số còn lại không nhất định.

Nếu thành tựu hỷ căn, Thánh giả kia nhất định thành tựu năm, số còn lại không nhất định.

Nếu tạo thành ưu căn, Thánh giả kia nhất định thành tựu tám, nhất định không thành tựu một, số còn lại không nhất định.

Nếu thành tựu tín căn, Thánh giả kia nhất định thành tựu tám, số còn lại không nhất định.

Như tín căn, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu vị tri đương tri căn, Thánh giả kia nhất định thành tựu mười ba, nhất định không thành tựu hai, số còn lại không nhất định.

Nếu thành tựu dĩ tri căn, Thánh giả kia nhất định thành tựu mười một, nhất định không thành tựu hai, số còn lại không nhất định.

Nếu thành tựu cụ tri căn, Thánh giả kia nhất định thành tựu mười một, nhất định không thành tựu ba, số còn lại không nhất định.

Hỏi: Nếu thành tựu nhãn căn, Thánh giả kia đôi với hai mươi hai căn của ba đời, có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu? Cho đến cụ tri căn cũng nêu câu hỏi như vậy.

Đáp: Nếu thành tựu nhãn căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu quá khứ, vị lai tám, nhất định thành tựu quá khứ, vị lai hai, hiện tại ba, số còn lại không nhất định.

Như nhãn căn, nhĩ, tử, thiệt căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu thân căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu quá khứ, vị lai tám, nhất định thành tựu quá khứ, vị lai hai, hiện tại hai, số còn lại không nhất định.

Nếu thành tựu nữ căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu quá khứ, vị lai tám, nhất định thành tựu quá khứ, vị lai năm, hiện tại ba, số còn lại không nhất định.

Như nữ căn, nam căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu mạng căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu quá khứ, vị lai tám, nhất định thành tựu quá khứ, vị lai hai, hiện tại một, số còn lại không nhất định.

Như mạng căn, ý căn, xả căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu lạc căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu quá khứ, vị lai tám, nhất định thành tựu quá khứ, vị lai hai, vị lai một, hiện tại một, số còn lại không nhất định.

Nếu tạo thành khổ căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu quá khứ, vị lai tám, nhất định thành tựu quá khứ, vị lai năm, hiện tại hai, số còn lại không nhất định.

Nếu thành tựu hỷ căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu quá khứ, vị lai tám, nhất định thành tựu quá khứ, vị lai hai, vị lai hai hiện tại một, số còn lại không nhất định.

Nếu tạo thành ưu căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu quá khứ, vị lai tám, ba đời một, nhất định thành tựu quá khứ, vị lai bốn, ba đời hai, hiện tại hai, số còn lại không nhất định.

Nếu thành tựu tín căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu quá khứ, vị lai tám, nhất định thành tựu quá khứ, vị lai bảy, hiện tại một, số còn lại không nhất định.

Như tín căn, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn cũng như vậy.

Nếu thành tựu vị trí đương tri căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu quá khứ, vị lai tám, ba đời hai, hiện tại hai, nhất định thành tựu ba đời bảy, quá khứ vị lai ba, hiện tại vị lai một, hiện tại hai, số còn lại không nhất định.

Nếu thành tựu dĩ tri căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu quá khứ, vị lai tám, ba đời hai, nhất định thành tựu quá khứ vị lai bảy, vị lai ba, hiện tại một, số còn lại không nhất định.

Nếu thành tựu cụ tri căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu quá khứ, vị lai tám, ba đời ba, nhất định thành tựu quá khứ vị lai bảy, vị lai ba, hiện tại một, số còn lại không nhất định.

*

Hỏi: Nếu không thành tựu nhãn căn, Thánh giả kia đối với hai mươi hai căn, có bao nhiêu thứ không thành tựu, bao nhiêu thứ thành tựu? Cho đến cụ tri căn cũng nêu câu hỏi như vậy.

Đáp: Nếu không thành tựu nhãn căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu một, nhất định thành tựu ba, số còn lại không nhất định.

Như nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, nữ, nam căn, ba căn vô lậu cũng như vậy.

Nếu không thành tựu thân căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu mười, nhất định thành tựu tám, số còn lại không nhất định.

Mạng, ý, xả căn đều thành tựu.

Nếu không thành tựu lạc căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu chín, nhất định thành tựu tám, số còn lại không nhất định.

Nếu không tạo thành khổ căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu năm, nhất định thành tựu tám, số còn lại không nhất định.

Nếu không thành tựu hỷ căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu tám, nhất định thành tựu tám, số còn lại không nhất định.

Nếu không tạo thành ưu căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu một, nhất định thành tựu tám, số căn còn lại không nhất định.

Nếu không thành tựu tín căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu tám, nhất định thành tựu tám, số căn còn lại không nhất định.

Như tín căn, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn cũng như vậy.

Hỏi: Nếu không thành tựu nhãn căn, Thánh giả kia đối với hai mươi hai căn của ba đời, có bao nhiêu thứ không thành tựu, bao nhiêu thứ thành tựu? Cho đến cụ tri căn cũng nêu câu hỏi như vậy.

Đáp: Nếu không thành tựu nhãn căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu ba đời một, quá khứ, vị lai bảy, nhất định thành tựu quá khứ, vị lai hai, hiện tại một, số còn lại không nhất định.

Như nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt, nữ, nam căn cũng như vậy.

Nếu không thành tựu thân căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu ba đời mười, quá khứ, vị lai một, nhất định thành tựu quá khứ, vị lai năm, ba đời hai, hiện tại một, số còn lại không nhất định.

Mạng, ý, xả căn đều thành tựu.

Nếu không thành tựu lạc căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu ba đời chín, quá khứ, vị lai sáu, nhất định thành tựu quá khứ, vị lai bảy, hiện tại một, số còn lại không nhất định.

Nếu không tạo thành khổ căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu ba đời năm, quá khứ, vị lai sáu, nhất định thành tựu quá khứ, vị lai bảy, hiện tại một, số còn lại không nhất định.

Nếu không thành tựu hỷ căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu ba đời tám, quá khứ, vị lai sáu, nhất định thành tựu quá khứ, vị lai bảy, hiện tại một, số còn lại không nhất định.

Nếu không tạo thành ưu căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu ba đời một, quá khứ, vị lai tám, nhất định thành tựu quá khứ, vị lai bảy, hiện tại một, số còn lại không nhất định.

Nếu không thành tựu tín căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu ba đời tám, quá khứ, vị lai tám, nhất định thành tựu quá khứ, vị lai bốn, ba đời hai, hiện tại hai, số còn lại không nhất định.

Như tín căn, tinh tấn, niệm, định, tuệ căn cũng như vậy.

Nếu không thành tựu vị tri căn đương tri căn, Thánh giả kia nhất định không thành tựu ba đời một, quá khứ, vị lai tám, nhất định thành tựu quá khứ, vị lai hai, hiện tại một, số còn lại không nhất định.

Như vị tri căn đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn cũng như vậy.

*

Hỏi: Các căn thiện, căn ấy nhân nơi căn thiện chăng? Nếu căn nhân nơi căn thiện, căn ấy là thiện chăng?

Đáp: Các căn thiện, căn ấy nhân nơi căn thiện. Có căn nhân nơi căn thiện, căn ấy không phải là thiện: Nghĩa là căn thiện đã dẫn căn sinh dị thực.

Hỏi: Các căn bất thiện, căn ấy nhân nơi căn bất thiện chăng? Nếu căn nhân nơi căn bất thiện, căn ấy là bất thiện chăng?

Đáp: Các căn bất thiện, căn ấy nhân nơi căn bất thiện. Có căn nhân nơi căn bất thiện, căn ấy không phải là bất thiện: Nghĩa là căn bất thiện đã dẫn căn sinh dị thực và căn tương ưng với hữu thân kiến, biên chấp kiến nơi cõi Dục.

Hỏi: Các căn vô ký, căn ấy nhân nơi căn vô ký chăng? Nếu căn nhân nơi căn vô ký, căn ấy là vô ký chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có căn vô ký, căn ấy không phải là nhân nơi căn vô ký: Nghĩa là căn không duyên. 2. Có căn

nhân nơi căn vô ký, căn ấy không phải là vô ký: Nghĩa là căn bất thiện. 3. Có căn vô ký, căn ấy cũng nhân nơi căn vô ký: Nghĩa là căn vô ký có duyên. 4. Có căn không phải là vô ký, căn ấy cũng không phải nhân nơi căn vô ký: Nghĩa là căn thiện.

Hỏi: Từng có căn không phải nhân nơi căn thiện, không phải nhân nơi căn bất thiện, không phải nhân nơi căn vô ký, căn ấy không phải là không nhân chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là căn không duyên nhân nơi sắc, tâm bất tương ưng hành.

Phẩm 7: BÀN VỀ NHÂN DUYÊN

Tụng nêu chung:

*Năm, ba, bốn, bốn, tám
Bốn môn tám, tám, tám
Biện căn nhân chỗ duyên
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Các căn nhân nơi quá khứ, căn ấy duyên nơi quá khứ chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi quá khứ, căn ấy hoặc duyên nơi quá khứ, hoặc duyên nơi vị lai, hoặc duyên nơi hiện tại, hoặc duyên vô vi, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi quá khứ duyên nơi quá khứ: Nghĩa là căn quá khứ duyên nơi quá khứ và căn vị lai, hiện tại nhân nơi quá khứ duyên nơi quá khứ.

Các căn nhân nơi quá khứ duyên nơi vị lai: Nghĩa là căn quá khứ duyên nơi vị lai và căn vị lai, hiện tại nhân nơi quá khứ duyên nơi vị lai.

Các căn nhân nơi quá khứ duyên nơi hiện tại: Nghĩa là căn quá khứ duyên nơi hiện tại và căn vị lai, hiện tại nhân nơi quá khứ duyên nơi hiện tại.

Các căn nhân nơi quá khứ duyên vô vi: Nghĩa là căn quá khứ duyên vô vi và căn vị lai, hiện tại nhân nơi quá khứ duyên vô vi.

Các căn nhân nơi quá khứ không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên nhân nơi quá khứ.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi quá khứ, căn ấy nhân nơi quá khứ chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi quá khứ, căn ấy hoặc nhân nơi quá khứ, hoặc nhân nơi vị lai, hoặc nhân nơi hiện tại.

Các căn duyên nơi quá khứ nhân nơi quá khứ: Nghĩa là căn quá khứ duyên nơi quá khứ cùng căn vị lai hiện tại nhân nơi quá khứ duyên nơi quá khứ.

Các căn duyên nơi quá khứ nhân nơi vị lai: Nghĩa là căn vị lai duyên nơi quá khứ.

Các căn duyên nơi quá khứ nhân nơi hiện tại: Nghĩa là căn hiện tại duyên nơi quá khứ, cùng căn vị lai nhân nơi hiện tại duyên nơi quá khứ.

Hỏi: Các căn nhân nơi vị lai, căn ấy duyên nơi vị lai chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi vị lai, căn ấy hoặc duyên nơi vị lai, hoặc duyên nơi quá khứ, hoặc duyên nơi hiện tại, hoặc duyên vô vi, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi vị lai duyên nơi vị lai: Nghĩa là căn vị lai duyên nơi vị lai.

Các căn nhân nơi vị lai duyên nơi quá khứ: Nghĩa là căn vị lai duyên nơi quá khứ.

Các căn nhân nơi vị lai duyên nơi hiện tại: Nghĩa là căn vị lai duyên nơi hiện tại.

Các căn nhân nơi vị lai duyên vô vi: Nghĩa là căn vị lai duyên vô vi.

Các căn nhân nơi vị lai không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên nhân nơi vị lai.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi vị lai, căn ấy nhân nơi vị lai chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi vị lai, căn ấy hoặc nhân nơi vị lai, hoặc nhân nơi quá khứ, hoặc nhân nơi hiện tại.

Các căn duyên nơi vị lai nhân nơi vị lai: Nghĩa là căn vị lai duyên nơi vị lai.

Các căn duyên nơi vị lai nhân nơi quá khứ: Nghĩa là căn quá khứ duyên nơi vị lai cùng căn vị lai hiện tại nhân nơi quá khứ duyên nơi vị lai.

Các căn duyên nơi vị lai nhân nơi hiện tại: Nghĩa là căn hiện tại duyên nơi vị lai, cùng căn vị lai nhân nơi hiện tại duyên nơi vị lai.

Hỏi: Các căn nhân nơi hiện tại, căn ấy duyên nơi hiện tại chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi hiện tại, căn ấy hoặc duyên nơi hiện tại, hoặc duyên nơi quá khứ, hoặc duyên nơi vị lai, hoặc duyên vô vi, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi hiện tại duyên nơi hiện tại: Nghĩa là căn hiện tại duyên nơi hiện tại, cùng căn vị lai nhân nơi hiện tại duyên nơi hiện tại.

Các căn nhân nơi hiện tại duyên nơi quá khứ: Nghĩa là căn hiện tại duyên nơi quá khứ, cùng căn vị lai nhân nơi hiện tại duyên nơi quá khứ.

Các căn nhân nơi hiện tại duyên nơi vị lai: Nghĩa là căn hiện tại duyên nơi vị lai, cùng căn vị lai nhân nơi hiện tại duyên nơi vị lai.

Các căn nhân nơi hiện tại duyên vô vi: Nghĩa là căn hiện tại duyên vô vi, cùng căn vị lai nhân nơi hiện tại duyên vô vi.

Các căn nhân nơi hiện tại không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên nhân nơi hiện tại.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi hiện tại, căn ấy nhân nơi hiện tại chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi hiện tại, căn ấy hoặc nhân nơi hiện tại, hoặc nhân nơi quá khứ, hoặc nhân nơi vị lai.

Các căn duyên nơi hiện tại nhân nơi hiện tại: Nghĩa là căn hiện tại duyên nơi hiện tại, cùng căn vị lai nhân nơi hiện tại duyên nơi hiện tại.

Các căn duyên nơi hiện tại nhân nơi quá khứ: Nghĩa là căn quá khứ duyên nơi hiện tại, cùng căn vị lai, hiện tại nhân nơi quá khứ duyên nơi hiện tại.

Các căn duyên nơi hiện tại nhân nơi vị lai: Nghĩa là căn vị lai duyên nơi hiện tại.

*

Hỏi: Các căn nhân nơi thiện, căn ấy duyên nơi thiện chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi thiện, căn ấy hoặc duyên nơi thiện, hoặc duyên nơi bất thiện, hoặc duyên nơi vô ký, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi thiện duyên nơi thiện: Nghĩa là căn thiện duyên nơi thiện, cùng căn vô ký nhân nơi thiện duyên nơi thiện.

Các căn nhân nơi thiện duyên nơi bất thiện: Nghĩa là căn thiện duyên nơi bất thiện cùng căn vô ký nhân nơi thiện duyên nơi bất thiện.

Các căn nhân nơi thiện duyên nơi vô ký: Nghĩa là căn thiện duyên nơi vô ký cùng căn vô ký nhân nơi thiện duyên nơi vô ký.

Các căn nhân nơi thiện không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên nhân nơi thiện.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi thiện, căn ấy nhân nơi thiện chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi thiện, căn ấy hoặc nhân nơi thiện, hoặc nhân nơi bất thiện, hoặc nhân nơi vô ký.

Các căn duyên nơi thiện nhân nơi thiện: Nghĩa là căn thiện duyên nơi thiện cùng căn vô ký nhân nơi thiện duyên nơi thiện.

Các căn duyên nơi thiện nhân nơi bất thiện: Nghĩa là căn bất thiện duyên nơi thiện cùng căn vô ký nhân nơi bất thiện duyên nơi thiện.

Các căn duyên nơi thiện nhân nơi vô ký: Nghĩa là căn vô ký duyên nơi thiện cùng căn bất thiện nhân nơi vô ký, duyên nơi thiện.

Hỏi: Các căn nhân nơi bất thiện, căn ấy duyên nơi bất thiện chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi bất thiện, căn ấy hoặc duyên nơi bất thiện, hoặc duyên nơi thiện, hoặc duyên nơi vô ký, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi bất thiện duyên nơi bất thiện: Nghĩa là căn bất thiện duyên nơi bất thiện cùng căn vô ký nhân nơi bất thiện duyên nơi bất thiện.

Các căn nhân nơi bất thiện duyên nơi thiện: Nghĩa là căn bất thiện duyên nơi thiện cùng căn vô ký nhân nơi bất thiện duyên nơi thiện.

Các căn nhân nơi bất thiện duyên nơi vô ký: Nghĩa là căn bất thiện duyên nơi vô ký cùng căn vô ký nhân nơi bất thiện duyên nơi vô ký.

Các căn nhân nơi bất thiện không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên nhân nơi bất thiện.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi bất thiện, căn ấy nhân nơi bất thiện chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi bất thiện, căn ấy hoặc nhân nơi bất thiện, hoặc nhân nơi thiện, hoặc nhân nơi vô ký.

Các căn duyên nơi bất thiện nhân nơi bất thiện: Nghĩa là căn bất thiện duyên nơi bất thiện cùng căn vô ký nhân nơi bất thiện duyên nơi bất thiện.

Các căn duyên nơi bất thiện nhân nơi thiện: Nghĩa là căn thiện duyên nơi bất thiện cùng căn vô ký nhân nơi thiện duyên nơi bất thiện.

Các căn duyên nơi bất thiện nhân nơi vô ký: Nghĩa là căn vô ký duyên nơi bất thiện cùng căn bất thiện nhân nơi vô ký, duyên nơi bất thiện.

Hỏi: Các căn nhân nơi vô ký, căn ấy duyên nơi vô ký chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi vô ký, căn ấy hoặc duyên nơi vô ký, hoặc duyên nơi thiện, hoặc duyên nơi bất thiện, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi vô ký duyên nơi vô ký: Nghĩa là căn vô ký duyên nơi vô ký cùng căn bất thiện nhân nơi vô ký duyên nơi vô ký.

Các căn nhân nơi vô ký duyên nơi thiện: Nghĩa là căn vô ký duyên nơi thiện cùng căn bất thiện nhân nơi vô ký duyên nơi thiện.

Các căn nhân nơi vô ký duyên nơi bất thiện: Nghĩa là căn vô ký duyên nơi bất thiện cùng căn bất thiện nhân nơi vô ký duyên nơi bất thiện.

Các căn nhân nơi vô ký không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên nhân nơi vô ký.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi vô ký, căn ấy nhân nơi vô ký chẳng?

Đáp: Các căn duyên nơi vô ký, căn ấy hoặc nhân nơi vô ký, hoặc nhân nơi thiện, hoặc nhân nơi bất thiện.

Các căn duyên nơi vô ký nhân nơi vô ký: Nghĩa là căn vô ký duyên nơi vô ký cùng căn bất thiện nhân nơi vô ký duyên nơi vô ký.

Các căn duyên nơi vô ký nhân nơi thiện: Nghĩa là căn thiện duyên nơi vô ký cùng căn vô ký nhân nơi thiện duyên nơi vô ký.

Các căn duyên nơi vô ký nhân nơi bất thiện: Nghĩa là căn bất thiện duyên nơi vô ký cùng căn vô ký nhân nơi bất thiện duyên nơi vô ký.

*

Hỏi: Các căn nhân nơi cõi Dục, căn ấy duyên nơi cõi Dục chẳng?

Đáp: Các căn nhân nơi cõi Dục, căn ấy hoặc duyên nơi cõi Dục, hoặc duyên nơi cõi Sắc, hoặc duyên nơi cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi cõi Dục duyên nơi cõi Dục: Nghĩa là căn cõi Dục duyên nơi cõi Dục.

Các căn nhân nơi cõi Dục duyên nơi cõi Sắc: Nghĩa là căn cõi Dục duyên nơi cõi Sắc.

Các căn nhân nơi cõi Dục duyên nơi cõi Vô sắc: Nghĩa là căn cõi Dục duyên nơi cõi Vô sắc.

Các căn nhân nơi cõi Dục duyên không hệ thuộc: Nghĩa là căn cõi Dục duyên không hệ thuộc.

Các căn nhân nơi cõi Dục không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên nhân nơi cõi Dục.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi cõi Dục, căn ấy nhân nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi cõi Dục, căn ấy hoặc nhân nơi cõi Dục, hoặc nhân nơi cõi Sắc, hoặc nhân không hệ thuộc.

Các căn duyên nơi cõi Dục nhân nơi cõi Dục: Nghĩa là căn cõi Dục duyên nơi cõi Dục.

Các căn duyên nơi cõi Dục nhân nơi cõi Sắc: Nghĩa là căn cõi Sắc duyên nơi cõi Dục.

Các căn duyên nơi cõi Dục nhân không hệ thuộc: Nghĩa là căn không hệ thuộc duyên nơi cõi Dục.

Hỏi: Các căn nhân nơi cõi Sắc, căn ấy duyên nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi cõi Sắc, căn ấy hoặc duyên nơi cõi Sắc, hoặc duyên nơi cõi Dục, hoặc duyên nơi cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi cõi Sắc duyên nơi cõi Sắc: Nghĩa là căn cõi Sắc duyên nơi cõi Sắc.

Các căn nhân nơi cõi Sắc duyên nơi cõi Dục: Nghĩa là căn cõi Sắc duyên nơi cõi Dục.

Các căn nhân nơi cõi Sắc duyên nơi cõi Vô sắc: Nghĩa là căn cõi Sắc duyên nơi cõi Vô sắc.

Các căn nhân nơi cõi Sắc duyên không hệ thuộc: Nghĩa là căn cõi Sắc duyên không hệ thuộc.

Các căn nhân nơi cõi Sắc không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên nhân nơi cõi Sắc.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi cõi Sắc, căn ấy nhân nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi cõi Sắc, căn ấy hoặc nhân nơi cõi Sắc, hoặc nhân nơi cõi Dục, hoặc nhân nơi cõi Vô sắc, hoặc nhân không hệ thuộc.

Các căn duyên nơi cõi Sắc nhân nơi cõi Sắc: Nghĩa là căn cõi Sắc duyên nơi cõi Sắc.

Các căn duyên nơi cõi Sắc nhân nơi cõi Dục: Nghĩa là căn cõi Dục duyên nơi cõi Sắc.

Các căn duyên nơi cõi Sắc nhân nơi cõi Vô sắc: Nghĩa là căn cõi Vô sắc duyên nơi cõi Sắc.

Các căn duyên nơi cõi Sắc nhân không hệ thuộc: Nghĩa là căn không hệ thuộc duyên nơi cõi Sắc.

Hỏi: Các căn nhân nơi cõi Vô sắc, căn ấy duyên nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi cõi Vô sắc, căn ấy hoặc duyên nơi cõi Vô sắc, hoặc duyên nơi cõi Dục, hoặc duyên nơi cõi Sắc, hoặc duyên không hệ thuộc, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi cõi Vô sắc duyên nơi cõi Vô sắc: Nghĩa là căn cõi Vô sắc duyên nơi cõi Vô sắc.

Các căn nhân nơi cõi Vô sắc duyên nơi cõi Dục: Nghĩa là căn cõi Vô sắc duyên nơi cõi Dục.

Các căn nhân nơi cõi Vô sắc duyên nơi cõi Sắc: Nghĩa là căn cõi Vô sắc duyên nơi cõi Sắc.

Các căn nhân nơi cõi Vô sắc duyên không hệ thuộc: Nghĩa là căn cõi Vô sắc duyên không hệ thuộc.

Các căn nhân nơi cõi Vô sắc không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên nhân nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi cõi Vô sắc, căn ấy nhân nơi cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi cõi Vô sắc, căn ấy hoặc nhân nơi cõi Vô sắc, hoặc nhân nơi cõi Dục, hoặc nhân nơi cõi Sắc, hoặc nhân không hệ thuộc.

Các căn duyên nơi cõi Vô sắc nhân nơi cõi Vô sắc: Nghĩa là căn cõi Vô sắc duyên nơi cõi Vô sắc.

Các căn duyên nơi cõi Vô sắc nhân nơi cõi Dục: Nghĩa là căn cõi Dục duyên nơi cõi Vô sắc.

Các căn duyên nơi cõi Vô sắc nhân nơi cõi Sắc: Nghĩa là căn cõi Sắc duyên nơi cõi Vô sắc.

Các căn duyên nơi cõi Vô sắc nhân không hệ thuộc: Nghĩa là căn không hệ thuộc duyên nơi cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Các căn nhân nơi học, căn ấy duyên nơi học chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi học, căn ấy hoặc duyên nơi học, hoặc duyên nơi vô học, hoặc duyên nơi phi học phi vô học.

Các căn nhân nơi học duyên nơi học: Nghĩa là căn học duyên nơi học cùng căn vô học nhân nơi học duyên nơi học.

Các căn nhân nơi học duyên nơi vô học: Nghĩa là căn học duyên nơi vô học, cùng căn vô học nhân nơi học duyên nơi vô học.

Các căn nhân nơi học duyên nơi phi học phi vô học: Nghĩa là căn học duyên nơi phi học phi vô học, cùng căn vô học nhân nơi học duyên nơi phi học phi vô học.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi học, căn ấy nhân nơi học chẳng?

Đáp: Các căn duyên nơi học, căn ấy hoặc nhân nơi học, hoặc nhân nơi vô học, hoặc nhân nơi phi học phi vô học.

Các căn duyên nơi học nhân nơi học: Nghĩa là căn học duyên nơi học, cùng căn vô học nhân nơi học duyên nơi học.

Các căn duyên nơi học nhân nơi vô học: Nghĩa là căn vô học duyên nơi học.

Các căn duyên nơi học nhân nơi phi học phi vô học: Nghĩa là căn phi học phi vô học duyên nơi học.

Hỏi: Các căn nhân nơi vô học, căn ấy duyên nơi vô học chẳng?

Đáp: Các căn nhân nơi vô học, căn ấy hoặc duyên nơi vô học, hoặc duyên nơi học, hoặc duyên nơi phi học phi vô học.

Các căn nhân nơi vô học duyên nơi vô học: Nghĩa là căn vô học duyên nơi vô học.

Các căn nhân nơi vô học duyên nơi học: Nghĩa là căn vô học duyên nơi học.

Các căn nhân nơi vô học duyên nơi phi học phi vô học: Nghĩa là căn vô học duyên nơi phi học phi vô học.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi vô học, căn ấy nhân nơi vô học chẳng?

Đáp: Các căn duyên nơi vô học, căn ấy hoặc nhân nơi vô học, hoặc nhân nơi học, hoặc nhân nơi phi học phi vô học.

Các căn duyên nơi vô học nhân nơi vô học: Nghĩa là căn vô học duyên nơi vô học.

Các căn duyên nơi vô học nhân nơi học: Nghĩa là căn học duyên nơi vô học, cùng căn vô học nhân nơi học duyên nơi vô học.

Các căn duyên nơi vô học nhân nơi phi học phi vô học: Nghĩa là căn phi học phi vô học duyên nơi vô học.

Hỏi: Các căn nhân nơi phi học phi vô học, căn ấy duyên nơi phi học phi vô học chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi phi học phi vô học, căn ấy hoặc duyên nơi phi học phi vô học, hoặc duyên nơi học, hoặc duyên nơi vô học, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi phi học phi vô học duyên nơi phi học phi vô học: Nghĩa là căn phi học phi vô học duyên nơi phi học phi vô học.

Các căn nhân nơi phi học phi vô học duyên nơi học: Nghĩa là căn phi học phi vô học duyên nơi học.

Các căn nhân nơi phi học phi vô học duyên nơi vô học: Nghĩa là căn phi học phi vô học duyên nơi vô học.

Các căn nhân nơi phi học phi vô học không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên nhân nơi phi học phi vô học.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi phi học phi vô học, căn ấy nhân nơi phi học phi vô học chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi phi học phi vô học, căn ấy hoặc nhân nơi phi học phi vô học, hoặc nhân nơi học, hoặc nhân nơi vô học.

Các căn duyên nơi phi học phi vô học nhân nơi phi học phi vô học: Nghĩa là căn phi học phi vô học duyên nơi phi học phi vô học.

Các căn duyên nơi phi học phi vô học nhân nơi học: Nghĩa là căn học duyên nơi phi học phi vô học, cùng căn vô học nhân nơi học duyên nơi phi học phi vô học.

Các căn duyên nơi phi học phi vô học nhân nơi vô học: Nghĩa là căn vô học duyên nơi phi học phi vô học.

*

Hỏi: Các căn nhân nơi kiến đoạn, căn ấy duyên nơi kiến đoạn chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi kiến đoạn, căn ấy hoặc duyên nơi kiến đoạn, hoặc duyên nơi tu đoạn, hoặc duyên nơi không đoạn, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi kiến đoạn duyên nơi kiến đoạn: Nghĩa là căn kiến đoạn duyên nơi kiến đoạn.

Các căn nhân nơi kiến đoạn duyên nơi tu đoạn: Nghĩa là căn kiến đoạn duyên nơi tu đoạn, cùng căn tu đoạn nhân nơi kiến đoạn duyên nơi tu đoạn.

Các căn nhân nơi kiến đoạn duyên nơi không đoạn: Nghĩa là căn kiến đoạn duyên nơi không đoạn.

Các căn nhân nơi kiến đoạn không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên nhân nơi kiến đoạn.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi kiến đoạn, căn ấy nhân nơi kiến đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi kiến đoạn, căn ấy hoặc nhân nơi kiến đoạn, hoặc nhân nơi tu đoạn, hoặc nhân nơi không đoạn.

Các căn duyên nơi kiến đoạn nhân nơi kiến đoạn: Nghĩa là căn kiến đoạn duyên nơi kiến đoạn.

Các căn duyên nơi kiến đoạn nhân nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn duyên nơi kiến đoạn.

Các căn duyên nơi kiến đoạn nhân nơi không đoạn: Nghĩa là căn không đoạn duyên nơi kiến đoạn.

Hỏi: Các căn nhân nơi tu đoạn, căn ấy duyên nơi tu đoạn chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi tu đoạn, căn ấy hoặc duyên nơi tu đoạn, hoặc duyên nơi kiến đoạn, hoặc duyên nơi không đoạn, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi tu đoạn duyên nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn duyên nơi tu đoạn.

Các căn nhân nơi tu đoạn duyên nơi kiến đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn duyên nơi kiến đoạn.

Các căn nhân nơi tu đoạn duyên nơi không đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn duyên nơi không đoạn.

Các căn nhân nơi tu đoạn không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không có duyên nhân nơi tu đoạn.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi tu đoạn, căn ấy nhân nơi tu đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi tu đoạn, căn ấy hoặc nhân nơi tu đoạn, hoặc nhân nơi kiến đoạn, hoặc nhân nơi không đoạn.

Các căn duyên nơi tu đoạn nhân nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn duyên nơi tu đoạn.

Các căn duyên nơi tu đoạn nhân nơi kiến đoạn: Nghĩa là căn kiến đoạn duyên nơi tu đoạn, cùng căn tu đoạn nhân nơi kiến đoạn duyên nơi tu đoạn.

Các căn duyên nơi tu đoạn nhân nơi không đoạn: Nghĩa là căn không đoạn duyên nơi tu đoạn.

Hỏi: Các căn nhân nơi không đoạn, căn ấy duyên nơi không đoạn chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi không đoạn, căn ấy hoặc duyên nơi không đoạn, hoặc duyên nơi kiến đoạn, hoặc duyên nơi tu đoạn.

Các căn nhân nơi không đoạn duyên nơi không đoạn: Nghĩa là căn không đoạn duyên nơi không đoạn.

Các căn nhân nơi không đoạn duyên nơi kiến đoạn: Nghĩa là căn không đoạn duyên nơi kiến đoạn.

Các căn nhân nơi không đoạn duyên nơi tu đoạn: Nghĩa là căn không đoạn duyên nơi tu đoạn.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi không đoạn, căn ấy nhân nơi không đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi không đoạn, căn ấy hoặc nhân nơi không đoạn, hoặc nhân nơi kiến đoạn, hoặc nhân nơi tu đoạn.

Các căn duyên nơi không đoạn nhân nơi không đoạn: Nghĩa là căn không đoạn duyên nơi không đoạn.

Các căn duyên nơi không đoạn nhân nơi kiến đoạn: Nghĩa là căn kiến đoạn duyên nơi không đoạn.

Các căn duyên nơi không đoạn nhân nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn duyên nơi không đoạn.

*

Hỏi: Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, căn ấy duyên nơi kiến khổ đoạn chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, căn ấy hoặc duyên nơi kiến khổ đoạn, hoặc duyên nơi kiến tập đoạn, hoặc duyên nơi kiến diệt đoạn, hoặc duyên nơi kiến đạo đoạn, hoặc duyên nơi tu đoạn, hoặc duyên nơi không đoạn, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn, cùng căn kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến tập đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn duyên nơi kiến tập đoạn, cùng căn kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến tập đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến diệt đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn duyên nơi kiến diệt đoạn, cùng căn kiến tập kiến diệt đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn, cùng căn kiến tập kiến đạo đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến đạo đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tu đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn duyên nơi tu đoạn, cùng căn kiến tập, tu đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi tu đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi không đoạn: Nghĩa là căn kiến diệt, kiến đạo đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi không đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên nhân nơi kiến khổ đoạn.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, căn ấy nhân nơi kiến khổ đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, căn ấy hoặc nhân nơi kiến khổ đoạn, hoặc nhân nơi kiến tập đoạn, hoặc nhân nơi tu đoạn, hoặc nhân nơi không đoạn.

Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn, cùng căn kiến tập đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân kiến tập đoạn: Nghĩa là căn kiến tập đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn, cùng căn kiến khổ đoạn nhân nơi kiến tập đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn nhân nơi không đoạn: Nghĩa là căn không đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

Như kiến khổ đoạn, kiến tập đoạn cũng như vậy.

Hỏi: Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn, căn ấy duyên nơi kiến diệt đoạn chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn, căn ấy hoặc duyên nơi kiến diệt đoạn, hoặc duyên nơi tu đoạn, hoặc duyên nơi không đoạn, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn duyên nơi kiến diệt đoạn: Nghĩa là căn kiến diệt đoạn duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn duyên nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn nhân nơi kiến diệt đoạn duyên nơi tu đoạn.

Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn duyên nơi không đoạn: Nghĩa là căn kiến diệt đoạn duyên nơi không đoạn.

Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên nhân nơi kiến diệt đoạn.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, căn ấy nhân nơi kiến diệt đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, căn ấy hoặc nhân nơi kiến diệt đoạn, hoặc nhân nơi kiến khổ đoạn, hoặc nhân nơi kiến tập đoạn, hoặc nhân nơi tu đoạn, hoặc nhân nơi không đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn nhân nơi kiến diệt đoạn: Nghĩa là căn nhân nơi kiến diệt đoạn duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn duyên nơi kiến diệt đoạn, cùng căn

kiến tập, kiến diệt đoạn nhân nơi kiến khổ đoạn duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn nhân nơi kiến tập đoạn: Nghĩa là căn kiến tập đoạn duyên nơi kiến diệt đoạn, cùng căn kiến khổ, kiến diệt đoạn nhân nơi kiến tập đoạn duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn nhân nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn nhân nơi không đoạn: Nghĩa là căn không đoạn duyên nơi kiến diệt đoạn.

Như kiến diệt đoạn, kiến đạo đoạn cũng như vậy.

*

Hỏi: Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, căn ấy duyên nơi khổ pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, căn ấy hoặc duyên nơi khổ pháp trí đoạn, hoặc duyên nơi khổ loại trí đoạn, hoặc duyên nơi tập pháp trí đoạn, hoặc duyên nơi tập loại trí đoạn, hoặc duyên nơi diệt pháp trí đoạn, hoặc duyên nơi diệt loại trí đoạn, hoặc duyên nơi đạo pháp trí đoạn, hoặc duyên nơi đạo loại trí đoạn, hoặc duyên nơi tu đoạn, hoặc duyên nơi không đoạn, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn, cùng căn kiến tập đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn, cùng căn kiến tập đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi tập pháp trí đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi tập pháp trí đoạn, cùng căn kiến tập đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi tập pháp trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi tập loại trí đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi tập loại trí đoạn, cùng căn kiến tập đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi tập loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn, cùng căn kiến tập kiến diệt đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn, cùng căn kiến tập kiến diệt đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi đạo pháp trí đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi đạo pháp trí đoạn, cùng căn kiến tập kiến đạo đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi đạo pháp trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi đạo loại trí đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi đạo loại trí đoạn, cùng căn kiến tập kiến đạo đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi đạo loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi tu đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi tu đoạn, cùng căn kiến tập, tu đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi tu đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi không đoạn: Nghĩa là căn kiến diệt kiến đạo đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi không đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên, nhân nơi kiến khổ đoạn.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn, căn ấy nhân nơi kiến khổ đoạn chẳng?

Đáp: Các căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn, căn ấy hoặc nhân nơi kiến khổ đoạn, hoặc nhân nơi kiến tập đoạn, hoặc nhân nơi tu đoạn, hoặc nhân nơi không đoạn.

Các căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn, cùng căn kiến tập đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Các căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn, nhân nơi kiến tập đoạn: Nghĩa là căn kiến tập đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Các căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn, nhân nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Các căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn, nhân nơi không đoạn: Nghĩa là căn không đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Hỏi: Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, căn ấy duyên nơi khổ loại trí đoạn chẳng?

Đáp: Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, căn ấy hoặc duyên nơi khổ loại trí đoạn, hoặc duyên nơi khổ pháp trí đoạn, hoặc duyên nơi tập pháp trí đoạn, hoặc duyên nơi tập loại trí đoạn, hoặc duyên nơi diệt pháp trí đoạn, hoặc duyên nơi diệt loại trí đoạn, hoặc duyên nơi đạo pháp trí đoạn, hoặc duyên nơi đạo loại trí đoạn, hoặc duyên nơi tu đoạn, hoặc duyên nơi không đoạn, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn, cùng căn kiến tập đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn, cùng căn kiến tập đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi tập pháp trí đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi tập pháp trí đoạn, cùng căn kiến tập đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi tập pháp trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi tập loại trí đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi tập loại trí đoạn, cùng căn kiến tập đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi tập loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn, cùng căn kiến tập kiến diệt đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn, cùng căn kiến tập kiến diệt đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi đạo pháp trí đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi đạo pháp trí đoạn, cùng căn kiến tập kiến đạo đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi đạo pháp trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi đạo loại trí đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi đạo loại trí đoạn, cùng căn kiến tập kiến đạo đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi đạo loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi tu đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi tu đoạn, cùng căn kiến tập, tu đoạn, nhân nơi kiến khổ, duyên nơi tu đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi không đoạn: Nghĩa là căn kiến diệt kiến đạo đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi không đoạn.

Các căn nhân nơi kiến khổ đoạn, không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên, nhân nơi kiến khổ đoạn.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi khổ loại trí đoạn, căn ấy nhân nơi kiến khổ đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi khổ loại trí đoạn, căn ấy hoặc nhân nơi kiến khổ đoạn, hoặc nhân nơi kiến tập đoạn, hoặc nhân nơi tu đoạn, hoặc nhân nơi không đoạn.

Các căn duyên nơi khổ loại trí đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn, cùng căn kiến tập đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn.

Các căn duyên nơi khổ loại trí đoạn, nhân nơi kiến tập đoạn: Nghĩa là căn kiến tập đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn, cùng căn kiến khổ đoạn, nhân nơi kiến tập đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn.

Các căn duyên nơi khổ loại trí đoạn, nhân nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn.

Các căn duyên nơi khổ loại trí đoạn, nhân nơi không đoạn: Nghĩa là căn không đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn.

Như đối với khổ, đối với tập cũng như vậy.

Hỏi: Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn, căn ấy duyên nơi diệt pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn, căn ấy hoặc duyên nơi diệt pháp trí đoạn, hoặc duyên nơi diệt loại trí đoạn, hoặc duyên nơi tu đoạn, hoặc duyên nơi không đoạn, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn: Nghĩa là căn kiến diệt đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn: Nghĩa là căn kiến diệt đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn, duyên nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn, nhân nơi kiến diệt đoạn, duyên nơi tu đoạn.

Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn, duyên nơi không đoạn: Nghĩa là căn kiến diệt đoạn, duyên nơi không đoạn.

Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn, không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên, nhân nơi kiến diệt đoạn.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi diệt pháp trí đoạn, căn ấy nhân nơi kiến diệt đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi diệt pháp trí đoạn, căn ấy hoặc nhân nơi kiến diệt đoạn, hoặc nhân nơi kiến khổ đoạn, hoặc nhân nơi kiến tập đoạn, hoặc nhân nơi tu đoạn, hoặc nhân nơi không đoạn.

Các căn duyên nơi diệt pháp trí đoạn, nhân nơi kiến diệt đoạn: Nghĩa là căn kiến diệt đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn.

Các căn duyên nơi diệt pháp trí đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn, cùng căn kiến tập kiến diệt đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn.

Các căn duyên nơi diệt pháp trí đoạn, nhân nơi kiến tập đoạn: Nghĩa là căn kiến tập đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn, cùng căn kiến khổ kiến diệt đoạn, nhân nơi kiến tập đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn.

Các căn duyên nơi diệt pháp trí đoạn, nhân nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn.

Các căn duyên nơi diệt pháp trí đoạn, nhân nơi không đoạn: Nghĩa là căn không đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn.

Hỏi: Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn, căn ấy duyên nơi diệt loại trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn, căn ấy hoặc duyên nơi diệt loại trí đoạn, hoặc duyên nơi diệt pháp trí đoạn, hoặc duyên nơi tu đoạn, hoặc duyên nơi không đoạn, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn: Nghĩa là căn kiến diệt đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn: Nghĩa là căn kiến diệt đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn.

Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn, duyên nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn, nhân nơi kiến diệt đoạn, duyên nơi tu đoạn.

Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn, duyên nơi không đoạn: Nghĩa là căn kiến diệt đoạn, duyên nơi không đoạn.

Các căn nhân nơi kiến diệt đoạn, không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên, nhân nơi kiến diệt đoạn.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi diệt loại trí đoạn, căn ấy nhân nơi kiến diệt đoạn chẳng?

Đáp: Các căn duyên nơi diệt loại trí đoạn, căn ấy hoặc nhân nơi kiến diệt đoạn, hoặc nhân nơi kiến khổ đoạn, hoặc nhân nơi kiến tập đoạn, hoặc nhân nơi tu đoạn, hoặc nhân nơi không đoạn.

Các căn duyên nơi diệt loại trí đoạn, nhân nơi kiến diệt đoạn: Nghĩa là căn kiến diệt đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Các căn duyên nơi diệt loại trí đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn: Nghĩa là căn kiến khổ đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn, cùng căn kiến tập kiến diệt đoạn, nhân nơi kiến khổ đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Các căn duyên nơi diệt loại trí đoạn, nhân nơi kiến tập đoạn: Nghĩa là căn kiến tập đoạn, duyên diệt loại trí đoạn, cùng căn kiến khổ kiến diệt đoạn, nhân nơi kiến tập đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Các căn duyên nơi diệt loại trí đoạn, nhân nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Các căn duyên nơi diệt loại trí đoạn, nhân nơi không đoạn: Nghĩa là căn không đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Như đối với diệt, đối với đạo cũng như vậy.

*

Hỏi: Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, căn ấy duyên nơi khổ pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, căn ấy hoặc duyên nơi khổ pháp trí đoạn, hoặc duyên nơi khổ loại trí đoạn, hoặc duyên nơi tập pháp trí đoạn, hoặc duyên nơi tập loại trí đoạn, hoặc duyên nơi diệt pháp trí đoạn, hoặc duyên nơi diệt loại trí đoạn, hoặc duyên nơi đạo pháp trí đoạn, hoặc duyên nơi đạo loại trí đoạn, hoặc duyên nơi tu đoạn, hoặc duyên nơi không đoạn, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn, cùng căn tập pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn, cùng căn tập pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi tập pháp trí đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi tập pháp trí đoạn, cùng căn tập pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi tập pháp trí đoạn.

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi tập loại trí đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi tập loại trí đoạn, cùng căn tập pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi tập loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn, cùng căn tập, diệt pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn.

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn, cùng căn tập pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi đạo pháp trí đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi đạo pháp trí đoạn, cùng căn tập, đạo pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi đạo pháp trí đoạn.

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi đạo loại trí đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi đạo loại trí đoạn, cùng căn tập pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi đạo loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi tu đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi tu đoạn.

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi không đoạn: Nghĩa là căn diệt đạo pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi không đoạn.

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên, nhân nơi khổ pháp trí đoạn.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn, căn ấy nhân nơi khổ pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn, căn ấy hoặc nhân nơi khổ pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi tập pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi tu đoạn, hoặc nhân nơi không đoạn.

Các căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên khổ pháp trí đoạn, cùng căn tập pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Các căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn, nhân nơi tập pháp trí đoạn: Nghĩa là căn tập pháp trí đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn, cùng căn khổ pháp trí đoạn, nhân nơi tập pháp trí đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Các căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn, nhân nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Các căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn, nhân nơi không đoạn: Nghĩa là căn không đoạn, duyên nơi khổ pháp trí đoạn.

Hỏi: Các căn nhân nơi khổ loại trí đoạn, căn ấy duyên nơi khổ loại trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi khổ loại trí đoạn, căn ấy hoặc duyên nơi khổ loại trí đoạn, hoặc duyên nơi tập loại trí đoạn, hoặc duyên nơi diệt loại trí đoạn, hoặc duyên nơi đạo loại trí đoạn, hoặc duyên nơi tu đoạn, hoặc duyên nơi không đoạn.

Các căn nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn: Nghĩa là căn khổ loại trí đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn, cùng căn tập loại trí đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi tập loại trí đoạn: Nghĩa là căn khổ loại trí đoạn, duyên nơi tập loại trí đoạn, cùng căn tập loại trí đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi tập loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn: Nghĩa là căn khổ loại trí đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn, cùng căn tập diệt loại trí đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi đạo loại trí đoạn: Nghĩa là căn khổ loại trí đoạn, duyên nơi đạo loại trí đoạn, cùng căn tập đạo loại trí đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi đạo loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi tu đoạn: Nghĩa là căn khổ loại trí đoạn, duyên nơi tu đoạn, cùng căn tập loại trí, tu đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi tu đoạn.

Các căn nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi không đoạn: Nghĩa là căn diệt đạo loại trí đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi không đoạn.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi khổ loại trí đoạn, căn ấy nhân nơi khổ loại trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi khổ loại trí đoạn, căn ấy hoặc nhân nơi khổ loại trí đoạn, hoặc nhân nơi khổ pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi tập pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi tập loại trí đoạn, hoặc nhân nơi tu đoạn, hoặc nhân nơi không đoạn.

Các căn duyên nơi khổ loại trí đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn: Nghĩa là căn khổ loại trí đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn, cùng căn tập loại trí đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn.

Các căn duyên nơi khổ loại trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn, cùng căn tập pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn.

Các căn duyên nơi khổ loại trí đoạn, nhân nơi tập pháp trí đoạn: Nghĩa là căn tập pháp trí đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn, cùng căn khổ pháp trí đoạn, nhân nơi tập pháp trí đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn.

Các căn duyên nơi khổ loại trí đoạn, nhân nơi tập loại trí đoạn: Nghĩa là căn tập loại trí đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn, cùng căn khổ loại trí đoạn, nhân nơi tập loại trí đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn.

Các căn duyên nơi khổ loại trí đoạn, nhân nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn.

Các căn duyên nơi khổ pháp trí đoạn, nhân nơi không đoạn: Nghĩa là căn không đoạn, duyên nơi khổ loại trí đoạn.

Như đối với khổ, đối với tập cũng như vậy.

Hỏi: Các căn nhân nơi diệt pháp trí đoạn, căn ấy duyên nơi diệt pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi diệt pháp trí đoạn, căn ấy hoặc duyên nơi diệt pháp trí đoạn, hoặc duyên nơi tu đoạn, hoặc duyên nơi không đoạn, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi diệt pháp trí đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn: Nghĩa là căn diệt pháp trí đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn.

Các căn nhân nơi diệt pháp trí đoạn, duyên nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn, nhân nơi diệt pháp trí đoạn, duyên nơi tu đoạn.

Các căn nhân nơi diệt pháp trí đoạn, duyên nơi không đoạn: Nghĩa là căn diệt pháp trí đoạn, duyên nơi không đoạn.

Các căn nhân nơi diệt pháp trí đoạn, không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên, nhân nơi diệt pháp trí đoạn.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi diệt pháp trí đoạn, căn ấy nhân nơi diệt pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi diệt pháp trí đoạn, căn ấy hoặc nhân nơi diệt pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi khổ pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi tập pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi tu đoạn, hoặc nhân nơi không đoạn.

Các căn duyên nơi diệt pháp trí đoạn, nhân nơi diệt pháp trí đoạn: Nghĩa là căn diệt pháp trí đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn.

Các căn duyên nơi diệt pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn, cùng căn tập pháp trí đoạn, diệt pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn.

Các căn duyên nơi diệt pháp trí đoạn, nhân nơi tập pháp trí đoạn: Nghĩa là căn tập pháp trí đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn, cùng căn khổ pháp trí đoạn, diệt pháp trí đoạn, nhân nơi tập pháp trí đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn.

Các căn duyên nơi diệt pháp trí đoạn, nhân nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn.

Các căn duyên nơi diệt pháp trí đoạn, nhân nơi không đoạn: Nghĩa là căn không đoạn, duyên nơi diệt pháp trí đoạn.

Hỏi: Các căn nhân nơi diệt loại trí đoạn, căn ấy duyên nơi diệt loại trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi diệt loại trí đoạn, căn ấy hoặc duyên nơi diệt loại trí đoạn, hoặc duyên nơi không đoạn.

Các căn nhân nơi diệt loại trí đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn: Nghĩa là căn diệt loại trí đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Các căn nhân nơi diệt loại trí đoạn, duyên nơi không đoạn: Nghĩa là căn diệt loại trí đoạn, duyên nơi không đoạn.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi diệt loại trí đoạn, căn ấy nhân nơi diệt loại trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi diệt loại trí đoạn, căn ấy hoặc nhân nơi diệt loại trí đoạn, hoặc nhân nơi khổ pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi khổ loại trí đoạn, hoặc nhân nơi tập pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi tập loại trí đoạn, hoặc nhân nơi tu đoạn, hoặc nhân nơi không đoạn.

Các căn duyên nơi diệt loại trí đoạn, nhân nơi diệt loại trí đoạn: Nghĩa là căn diệt loại trí đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Các căn duyên nơi diệt loại trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn, cùng căn tập pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Các căn duyên nơi diệt loại trí đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn: Nghĩa là căn khổ loại trí đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn, cùng căn tập, diệt loại trí đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Các căn duyên nơi diệt loại trí đoạn, nhân nơi tập pháp trí đoạn: Nghĩa là căn tập pháp trí đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn, cùng căn khổ pháp trí đoạn, nhân nơi tập pháp trí đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Các căn duyên nơi diệt loại trí đoạn, nhân nơi tập loại trí đoạn: Nghĩa là căn tập loại trí đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn, cùng căn khổ, diệt loại trí đoạn, nhân nơi tập loại trí đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Các căn duyên nơi diệt loại trí đoạn, nhân nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Các căn duyên nơi diệt loại trí đoạn, nhân nơi không đoạn: Nghĩa là căn không đoạn, duyên nơi diệt loại trí đoạn.

Như đối với diệt, đối với đạo cũng như vậy.

Hỏi: Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, căn ấy duyên nơi kiến khổ đoạn chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, căn ấy hoặc duyên nơi kiến khổ đoạn, hoặc duyên nơi kiến tập đoạn, hoặc duyên nơi kiến diệt đoạn, hoặc duyên nơi kiến đạo đoạn, hoặc duyên nơi tu đoạn, hoặc duyên nơi không đoạn, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn, cùng căn tập pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn.

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến tập đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến tập đoạn, cùng căn tập pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến tập đoạn.

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn, cùng căn tập diệt pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến đạo đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến đạo đoạn, cùng căn tập đạo pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến đạo đoạn.

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi tu đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi tu đoạn.

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi không đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi không đoạn.

Các căn nhân nơi khổ pháp trí đoạn, không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên, nhân nơi khổ pháp trí đoạn.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, căn ấy nhân nơi khổ pháp trí đoạn chẳng?

Đáp: Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, căn ấy hoặc nhân nơi khổ pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi khổ loại trí đoạn, hoặc nhân nơi tập pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi tập loại trí đoạn, hoặc nhân nơi tu đoạn, hoặc nhân nơi không đoạn.

Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn, cùng căn tập pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn.

Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn: Nghĩa là căn khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn, cùng căn tập loại trí đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn.

Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, nhân nơi tập pháp trí đoạn: Nghĩa là căn tập pháp trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn, cùng căn khổ pháp trí đoạn, nhân nơi tập pháp trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn.

Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, nhân nơi tập loại trí đoạn: Nghĩa là căn tập loại trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn, cùng căn khổ loại trí đoạn, nhân nơi tập loại trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn.

Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, nhân nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn.

Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, nhân nơi không đoạn: Nghĩa là căn không đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn.

Hỏi: Các căn nhân nơi khổ loại trí đoạn, căn ấy duyên nơi kiến khổ đoạn chẳng?

Đáp: Các căn nhân nơi khổ loại trí đoạn, căn ấy hoặc duyên nơi kiến khổ đoạn, hoặc duyên nơi kiến tập đoạn, hoặc duyên nơi kiến diệt đoạn, hoặc duyên nơi kiến đạo đoạn, hoặc duyên nơi tu đoạn, hoặc duyên nơi không đoạn.

Các căn nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn: Nghĩa là căn khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn, cùng căn tập loại trí đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn.

Các căn nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến tập đoạn: Nghĩa là căn khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến tập đoạn, cùng căn tập loại trí đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến tập đoạn.

Các căn nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn: Nghĩa là căn khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn, cùng căn tập diệt loại trí đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến đạo đoạn: Nghĩa là căn khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến đạo đoạn, cùng căn tập đạo loại trí đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến đạo đoạn.

Các căn nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi tu đoạn: Nghĩa là căn khổ loại trí đoạn, duyên nơi tu đoạn, cùng căn tập loại trí đoạn, tu đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi tu đoạn.

Các căn nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi không đoạn: Nghĩa là căn diệt đạo loại trí đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi không đoạn.

Hỏi: Nếu các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, căn ấy nhân nơi khổ loại trí đoạn chẳng?

Đáp: Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, căn ấy hoặc nhân nơi khổ loại trí đoạn, hoặc nhân nơi khổ pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi tập pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi tập loại trí đoạn, hoặc nhân nơi tu đoạn, hoặc nhân nơi không đoạn.

Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn: Nghĩa là căn khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn, cùng căn tập loại trí đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn.

Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn, cùng căn tập pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn.

Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, nhân nơi tập pháp trí đoạn: Nghĩa là căn tập pháp trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn, cùng căn khổ pháp trí đoạn, nhân nơi tập pháp trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn.

Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, nhân nơi tập loại trí đoạn: Nghĩa là căn tập loại trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn, cùng căn khổ loại trí đoạn, nhân nơi tập loại trí đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn.

Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, nhân nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn duyên nơi kiến khổ đoạn.

Các căn duyên nơi kiến khổ đoạn, nhân nơi không đoạn: Nghĩa là căn không đoạn, duyên nơi kiến khổ đoạn.

Như đối với khổ, đối với tập cũng như vậy.

Hỏi: Các căn nhân nơi diệt pháp trí đoạn, căn ấy duyên nơi kiến diệt đoạn chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi diệt pháp trí đoạn, căn ấy hoặc duyên nơi kiến diệt đoạn, hoặc duyên nơi tu đoạn, hoặc duyên nơi không đoạn, hoặc không có đối tượng duyên.

Các căn nhân nơi diệt pháp trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn: Nghĩa là căn diệt pháp trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn nhân nơi diệt pháp trí đoạn, duyên nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn, nhân nơi diệt pháp trí đoạn, duyên nơi tu đoạn.

Các căn nhân nơi diệt pháp trí đoạn, duyên nơi không đoạn: Nghĩa là căn diệt pháp trí đoạn, duyên nơi không đoạn.

Các căn nhân nơi diệt pháp trí đoạn, không có đối tượng duyên: Nghĩa là căn không duyên, nhân nơi diệt pháp trí đoạn.

Hỏi: Nếu căn duyên nơi kiến diệt đoạn, căn ấy nhân nơi diệt pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, căn ấy hoặc nhân nơi diệt pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi diệt loại trí đoạn, hoặc nhân nơi khổ pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi khổ loại trí đoạn, hoặc nhân nơi tập pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi tập loại trí đoạn, hoặc nhân nơi tu đoạn, hoặc nhân nơi không đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, nhân nơi diệt pháp trí đoạn: Nghĩa là căn diệt pháp trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, nhân nơi diệt loại trí đoạn: Nghĩa là căn diệt loại trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn, cùng căn tập diệt pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn: Nghĩa là căn khổ loại trí đoạn duyên nơi kiến diệt đoạn, cùng căn tập diệt loại trí đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, nhân nơi tập pháp trí đoạn: Nghĩa là căn tập pháp trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn, cùng căn khổ diệt pháp trí đoạn, nhân nơi tập pháp trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, nhân nơi tập loại trí đoạn: Nghĩa là căn tập loại trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn, cùng căn khổ diệt loại trí đoạn, nhân nơi tập loại trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, nhân nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, nhân nơi không đoạn: Nghĩa là căn không đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Hỏi: Các căn nhân nơi diệt loại trí đoạn, căn ấy duyên nơi kiến diệt đoạn chăng?

Đáp: Các căn nhân nơi diệt loại trí đoạn, căn ấy hoặc duyên nơi kiến diệt đoạn, hoặc duyên nơi không đoạn.

Các căn nhân nơi diệt loại trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn: Nghĩa là căn nhân nơi diệt loại trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn nhân nơi diệt loại trí đoạn, duyên nơi không đoạn: Nghĩa là căn diệt loại trí đoạn, duyên nơi không đoạn.

Hỏi: Nếu căn duyên nơi kiến diệt đoạn, các căn ấy nhân nơi diệt loại trí đoạn chăng?

Đáp: Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, căn ấy hoặc nhân nơi diệt loại trí đoạn, hoặc nhân nơi diệt pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi khổ pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi khổ loại trí đoạn, hoặc nhân nơi tập pháp trí đoạn, hoặc nhân nơi tập loại trí đoạn, hoặc nhân nơi tu đoạn, hoặc nhân nơi không đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, nhân nơi diệt loại trí đoạn: Nghĩa là căn diệt loại trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn nhân nơi diệt pháp trí đoạn: Nghĩa là căn diệt pháp trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn: Nghĩa là căn khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn, cùng căn tập diệt pháp trí đoạn, nhân nơi khổ pháp trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn: Nghĩa là căn khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn cùng căn tập diệt loại trí đoạn, nhân nơi khổ loại trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, nhân nơi tập pháp trí đoạn: Nghĩa là căn tập pháp trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn cùng căn khổ diệt pháp trí đoạn, nhân nơi tập pháp trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, nhân nơi tập loại trí đoạn: Nghĩa là căn tập loại trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn, cùng căn khổ diệt loại trí đoạn, nhân nơi tập loại trí đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, nhân nơi tu đoạn: Nghĩa là căn tu đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Các căn duyên nơi kiến diệt đoạn, nhân nơi không đoạn: Nghĩa là căn không đoạn, duyên nơi kiến diệt đoạn.

Như đối với diệt, đối với đạo cũng như vậy.

HẾT - QUYỂN 16

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 17

Chương 7: ĐỊNH UẨN

Phẩm 1: BÀN VỀ ĐẮC

Tụng nêu chung:

*Năm đắc, bốn khởi, chi
Vị nhập sinh vô lượng
Đoạn kiết thọ quả xứ
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Các pháp đắc quá khứ, đắc ấy là quá khứ chăng?

Đáp: Đắc ấy hoặc là quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc là hiện tại.

Hỏi: Nếu đắc quá khứ, đắc ấy là pháp quá khứ chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc là hiện tại, hoặc là vô vi.

Hỏi: Các pháp đắc vị lai, đắc ấy là vị lai chăng?

Đáp: Đắc ấy hoặc là vị lai, hoặc là quá khứ, hoặc là hiện tại.

Hỏi: Nếu đắc vị lai, đắc ấy là pháp vị lai chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là vị lai, hoặc là quá khứ, hoặc là hiện tại, hoặc là vô vi.

Hỏi: Các pháp đặc hiện tại, đặc ấy là hiện tại chăng?

Đáp: Đặc ấy hoặc là hiện tại, hoặc là quá khứ, hoặc là vị lai.

Hỏi: Nếu đặc hiện tại, đặc ấy là pháp hiện tại chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là hiện tại, hoặc là quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc là vô vi.

*

Hỏi: Các pháp đặc thiện, đặc ấy là thiện chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đặc thiện, đặc ấy là pháp thiện chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các pháp đặc bất thiện, đặc ấy là bất thiện chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đặc bất thiện, đặc ấy là pháp bất thiện chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các pháp đặc vô ký, đặc ấy là vô ký chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đặc vô ký, đặc ấy là pháp vô ký chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Các pháp đặc cõi Dục, đặc ấy thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đắc thuộc cõi Dục, đắc ấy là pháp thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc thuộc cõi Dục, hoặc không hệ thuộc.

Hỏi: Các pháp đắc cõi Sắc, đắc ấy thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đắc thuộc cõi Sắc, đắc ấy là pháp thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc không hệ thuộc.

Hỏi: Các pháp đắc cõi Vô sắc, đắc ấy thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đắc thuộc cõi Vô sắc, đắc ấy là pháp thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc.

*

Hỏi: Các pháp đắc học, đắc ấy là học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đắc học, đắc ấy là pháp học chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là học, hoặc là phi học phi vô học.

Hỏi: Các pháp đắc vô học, đắc ấy là vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đắc vô học, đắc ấy là pháp vô học chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học.

Hỏi: Các pháp đắc phi học phi vô học, đắc ấy là phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đắc ấy hoặc là phi học phi vô học, hoặc là học, hoặc là vô học.

Hỏi: Nếu đặc là phi học phi vô học, đặc ấy là pháp phi học phi vô học chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Các pháp đặc do kiến đoạn, đặc ấy là kiến đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đặc là do kiến đoạn, đặc ấy là pháp do kiến đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các pháp đặc do tu đoạn, đặc ấy là tu đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu đặc là do tu đoạn, đặc ấy là pháp do tu đoạn chăng?

Đáp: Pháp ấy hoặc do tu đoạn, hoặc không đoạn.

Hỏi: Các pháp đặc không đoạn, đặc ấy là không đoạn chăng?

Đáp: Đặc ấy hoặc là không đoạn, hoặc do tu đoạn.

Hỏi: Nếu đặc là không đoạn, đặc ấy là pháp không đoạn chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Các pháp vô sắc thiện khởi, pháp ấy nơi tâm thiện cùng có chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc thiện khởi, pháp ấy hoặc nơi tâm thiện cùng có, hoặc nơi tâm bất thiện cùng có, hoặc nơi tâm vô ký cùng có.

Thế nào là nơi tâm thiện cùng có? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm kia, tâm kia cùng có vô sắc thiện.

Thế nào là nơi tâm bất thiện cùng có? Như tâm bất thiện hoặc thoái chuyển, hoặc sinh, pháp thiện được khởi.

Thế nào là nơi tâm vô ký cùng có? Như tâm vô ký hoặc thoái chuyển, hoặc sinh, pháp thiện được dấy khởi.

Hỏi: Nếu pháp với tâm thiện cùng khởi, pháp ấy là vô sắc thiện chăng?

Đáp: Các pháp với tâm thiện cùng khởi, pháp ấy hoặc là vô sắc thiện, hoặc là vô sắc vô ký.

Thế nào là vô sắc thiện? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm kia, tâm kia cùng có vô sắc thiện.

Thế nào là vô sắc vô ký? Như tâm thiện thắng tấn, pháp vô ký được dấy khởi và trụ nơi tâm thiện, các căn vô ký được nuôi lớn, đại chủng tăng trưởng, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Hỏi: Các pháp vô sắc bất thiện khởi, pháp ấy nơi tâm bất thiện cùng có chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc bất thiện khởi, pháp ấy hoặc nơi tâm bất thiện cùng có, hoặc nơi tâm vô ký cùng có.

Thế nào là nơi tâm bất thiện cùng có? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm kia, tâm kia cùng có vô sắc bất thiện.

Thế nào là nơi tâm vô ký cùng có? Như tâm vô ký hoặc thoái chuyển, hoặc sinh, pháp bất thiện được khởi.

Hỏi: Nếu pháp với tâm bất thiện cùng khởi, pháp ấy là vô sắc bất thiện chăng?

Đáp: Các pháp với tâm bất thiện cùng khởi, pháp ấy hoặc là vô sắc bất thiện, hoặc là vô sắc thiện, hoặc là vô sắc vô ký.

Thế nào là vô sắc bất thiện? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm kia, tâm kia cùng có vô sắc bất thiện.

Thế nào là vô sắc thiện? Như tâm bất thiện hoặc thoái chuyển, hoặc sinh, pháp thiện được khởi.

Thế nào là vô sắc vô ký? Như tâm bất thiện hoặc thoái chuyển, hoặc sinh, pháp vô ký được khởi và trụ nơi tâm bất thiện, các căn vô ký được nuôi lớn, đại chủng tăng trưởng, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Hỏi: Các pháp vô sắc vô ký khởi, pháp ấy nơi tâm vô ký cùng có chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc vô ký khởi, pháp ấy hoặc nơi tâm vô ký cùng có, hoặc nơi tâm thiện cùng có, hoặc nơi tâm bất thiện cùng có.

Thế nào là nơi tâm vô ký cùng có? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm kia, tâm kia cùng có vô sắc vô ký.

Thế nào là nơi tâm thiện cùng có? Như tâm thiện thắng tấn, pháp vô ký được khởi và trụ nơi tâm thiện, các căn vô ký được nuôi lớn, đại chủng tăng trưởng, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Thế nào là nơi tâm bất thiện cùng có? Như tâm bất thiện hoặc thoái chuyển, hoặc sinh, pháp vô ký được khởi và trụ nơi tâm bất thiện, các căn vô ký được nuôi lớn, đại chủng tăng trưởng, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Hỏi: Nếu pháp với tâm vô ký cùng khởi, pháp ấy là vô sắc vô ký chăng?

Đáp: Các pháp với tâm vô ký cùng khởi, pháp ấy hoặc là vô sắc vô ký, hoặc là vô sắc thiện, hoặc là vô sắc bất thiện.

Thế nào là vô sắc vô ký? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm kia, tâm kia cùng có vô sắc vô ký.

Thế nào là vô sắc thiện? Như tâm vô ký hoặc thoái chuyển, hoặc sinh, pháp thiện được khởi.

Thế nào là vô sắc bất thiện? Như tâm vô ký hoặc thoái chuyển, hoặc sinh, pháp bất thiện được khởi.

*

Hỏi: Các pháp vô sắc nơi cõi Dục khởi, pháp ấy nơi tâm của cõi Dục cùng có chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc nơi cõi Dục khởi, pháp ấy hoặc nơi tâm của cõi Dục cùng có, hoặc nơi tâm của cõi Sắc cùng có, hoặc nơi tâm của cõi Vô sắc cùng có, hoặc nơi tâm không hệ thuộc cùng có.

Thế nào là nơi tâm của cõi Dục cùng có? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm nơi cõi Dục, tâm ấy cùng có vô sắc nơi cõi Dục.

Thế nào là nơi tâm của cõi Sắc cùng có? Như tâm nơi cõi Sắc hoặc sinh, hoặc thắng tấn, pháp nơi cõi Dục được khởi, trụ vào tâm nơi cõi Sắc, các căn nơi cõi Dục được nuôi lớn, đại chủng tăng trưởng, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Thế nào là nơi tâm của cõi Vô sắc cùng có? Như tâm trụ nơi cõi Vô sắc, các căn nơi cõi Dục được nuôi lớn, đại chủng tăng trưởng, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Thế nào là nơi tâm không hệ thuộc cùng có? Như tâm không hệ thuộc thắng tấn, pháp nơi cõi Dục được dậy khởi trụ vào tâm không hệ thuộc, các căn nơi cõi Dục được nuôi lớn, đại chủng tăng trưởng, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Hỏi: Nếu pháp nơi tâm của cõi Dục cùng khởi, pháp ấy là vô sắc nơi cõi Dục chăng?

Đáp: Các pháp nơi tâm của cõi Dục cùng khởi, pháp ấy hoặc là vô sắc của cõi Dục, hoặc là vô sắc của cõi Sắc, hoặc là vô sắc của cõi Vô sắc, hoặc là vô sắc không hệ thuộc.

Thế nào là vô sắc của cõi Dục? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm nơi cõi Dục, tâm ấy cùng có vô sắc nơi cõi Dục.

Thế nào là vô sắc của cõi Sắc? Như tâm nơi cõi Dục hoặc thoái chuyển, hoặc sinh, pháp nơi cõi Sắc được khởi.

Thế nào là vô sắc của cõi Vô sắc? Như tâm nơi cõi Dục hoặc thoái chuyển, hoặc sinh, pháp nơi cõi Vô sắc được khởi.

Thế nào là vô sắc không hệ thuộc? Như tâm nơi cõi Dục, thoái chuyển, pháp không hệ thuộc được khởi.

Hỏi: Các pháp vô sắc nơi cõi Sắc khởi, pháp ấy nơi tâm của cõi Sắc cùng có chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc nơi cõi Sắc khởi, pháp ấy hoặc nơi tâm của cõi Sắc cùng có, hoặc nơi tâm của cõi Dục cùng có, hoặc nơi tâm của cõi Vô sắc cùng có, hoặc nơi tâm không hệ thuộc cùng có.

Thế nào là nơi tâm của cõi Sắc cùng có? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm nơi cõi Sắc, tâm ấy cùng có vô sắc của cõi Sắc.

Thế nào là nơi tâm của cõi Dục cùng có? Như tâm nơi cõi Dục hoặc thoái chuyển, hoặc sinh, hoặc pháp nơi cõi Sắc được khởi.

Thế nào là tâm nơi cõi Vô sắc cùng có? Như trụ tâm nơi cõi Vô sắc, các căn của cõi Sắc được nuôi lớn, đại chủng tăng trưởng, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Thế nào là nơi tâm không hệ thuộc cùng có? Như tâm không hệ thuộc thắng tấn, pháp nơi cõi Sắc được khởi và trụ nơi tâm không hệ thuộc, các căn của cõi Sắc được nuôi lớn, đại chủng tăng ích, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Hỏi: Nếu pháp nơi tâm của cõi Sắc cùng khởi, pháp ấy là vô sắc nơi cõi Sắc chăng?

Đáp: Các pháp nơi tâm của cõi Sắc cùng khởi, pháp ấy hoặc là vô sắc của cõi Sắc, hoặc là vô sắc của cõi Dục, hoặc là vô sắc của cõi Vô sắc, hoặc là vô sắc không hệ thuộc.

Thế nào là vô sắc của cõi Sắc? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm nơi cõi Sắc, tâm ấy cùng có vô sắc nơi cõi Sắc.

Thế nào là vô sắc của cõi Dục? Như tâm nơi cõi Sắc hoặc sinh, hoặc thắng tấn, pháp nơi cõi Dục được khởi và tâm trụ nơi cõi Sắc, các căn của cõi Dục nuôi lớn, đại chúng tăng ích, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Thế nào là vô sắc của cõi Vô sắc? Như tâm nơi cõi Sắc hoặc thoái chuyển, hoặc sinh, pháp nơi cõi Vô sắc được khởi.

Thế nào là vô sắc không hệ thuộc? Như tâm nơi cõi Sắc hoặc thoái chuyển, hoặc thắng tấn, pháp không hệ thuộc được khởi.

Hỏi: Các pháp vô sắc nơi cõi Vô sắc khởi, pháp ấy nơi tâm của cõi Vô sắc cùng có chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc nơi cõi Vô sắc khởi, pháp ấy hoặc nơi tâm của cõi Vô sắc cùng có, hoặc nơi tâm của cõi Dục cùng có, hoặc nơi tâm của cõi Sắc cùng có, hoặc nơi tâm không hệ thuộc cùng có.

Thế nào là nơi tâm của cõi Vô sắc cùng có? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm nơi cõi Vô sắc, tâm ấy cùng có vô sắc nơi cõi Vô sắc.

Thế nào là nơi tâm của cõi Dục cùng có? Như tâm nơi cõi Dục hoặc thoái chuyển, hoặc sinh, pháp nơi cõi Vô sắc được khởi.

Thế nào là nơi tâm của cõi Sắc cùng có? Như tâm nơi cõi Sắc hoặc thoái chuyển, hoặc sinh, pháp nơi cõi Vô sắc được khởi.

Thế nào là nơi tâm không hệ thuộc cùng có? Như tâm không hệ thuộc thắng tấn, pháp nơi cõi Vô sắc được khởi.

Hỏi: Nếu pháp nơi tâm của cõi Vô sắc cùng khởi, pháp ấy là vô sắc của cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Các pháp nơi tâm của cõi Vô sắc cùng khởi, pháp ấy hoặc là vô sắc của cõi Vô sắc, hoặc là vô sắc của cõi Dục, hoặc là vô sắc của cõi Sắc, hoặc là vô sắc không hệ thuộc.

Thế nào là vô sắc của cõi Vô sắc? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm nơi cõi Vô sắc, tâm ấy cùng có vô sắc nơi cõi Vô sắc.

Thế nào là vô sắc của cõi Dục? Như tâm trụ nơi cõi Vô sắc, các căn của cõi Dục được nuôi lớn, đại chủng tăng ích, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Thế nào là vô sắc của cõi Sắc? Như tâm trụ nơi cõi Vô sắc, các căn của cõi Sắc được nuôi lớn, đại chủng tăng ích, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Thế nào là vô sắc không hệ thuộc? Như tâm nơi cõi Vô sắc hoặc thoái chuyển, hoặc thăng tấn, pháp không hệ thuộc được khởi.

*

Hỏi: Các pháp vô sắc hữu học khởi, pháp ấy nơi tâm hữu học cùng có chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc hữu học khởi, pháp ấy hoặc nơi tâm hữu học cùng có, hoặc nơi tâm phi học phi vô học cùng có.

Thế nào là nơi tâm hữu học cùng có? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm hữu học, tâm hữu học kia cùng có vô sắc hữu học.

Thế nào là nơi tâm phi học phi vô học cùng có? Như tâm phi học phi vô học hoặc thoái chuyển, hoặc thăng tấn, pháp hữu học được khởi.

Hỏi: Nếu pháp nơi tâm hữu học cùng khởi, pháp ấy là vô sắc của hữu học chăng?

Đáp: Các pháp nơi tâm hữu học cùng khởi, pháp ấy hoặc là vô sắc của hữu học, hoặc là vô sắc của phi học phi vô học.

Thế nào là vô sắc của hữu học? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm hữu học, tâm ấy cùng có vô sắc học.

Thế nào là vô sắc của phi học phi vô học? Như tâm hữu học thắng tấn, pháp phi học phi vô học được khởi và trụ nơi tâm hữu học, các căn phi học phi vô học được nuôi lớn, đại chủng tăng ích, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Hỏi: Các pháp vô sắc vô học khởi, pháp ấy nơi tâm vô học cùng có chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc vô học khởi, pháp ấy hoặc nơi tâm vô học cùng có, hoặc nơi tâm phi học phi vô học cùng có.

Thế nào là nơi tâm vô học cùng có? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm vô học, tâm ấy cùng có vô sắc vô học.

Thế nào là nơi tâm phi học phi vô học cùng có? Như tâm phi học phi vô học hoặc thoái chuyển, hoặc thắng tấn, pháp vô học được khởi.

Hỏi: Nếu pháp nơi tâm vô học cùng khởi, pháp ấy là vô sắc vô học chăng?

Đáp: Các pháp nơi tâm vô học cùng khởi, pháp ấy hoặc là vô sắc của vô học, hoặc là vô sắc của phi học phi vô học.

Thế nào là vô sắc của vô học? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm vô học, tâm ấy cùng có vô sắc vô học.

Thế nào là vô sắc của phi học phi vô học? Như tâm vô học thắng tấn, pháp phi học phi vô học được khởi và trụ nơi tâm vô học, các căn phi học phi vô học được nuôi lớn, đại chủng tăng ích, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Hỏi: Các pháp vô sắc phi học phi vô học khởi, pháp ấy nơi tâm phi học phi vô học cùng có chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc phi học phi vô học khởi, pháp ấy hoặc nơi tâm phi học phi vô học cùng có, hoặc nơi tâm hữu học cùng có, hoặc nơi tâm vô học cùng có.

Thế nào là nơi tâm phi học phi vô học cùng có? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm phi học phi vô học, tâm ấy cùng có vô sắc của phi học phi vô học.

Thế nào là nơi tâm hữu học cùng có? Như tâm hữu học hoặc thắng tấn, pháp phi học phi vô học được khởi và trụ nơi tâm học, các căn phi học phi vô học được nuôi lớn, đại chủng tăng ích, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Thế nào là nơi tâm vô học cùng có? Như tâm vô học hoặc thắng tấn, pháp phi học phi vô học được khởi và trụ nơi tâm vô học, các căn phi học phi vô học được nuôi lớn, đại chủng tăng ích, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Hỏi: Nếu pháp nơi tâm phi học phi vô học cùng khởi, pháp ấy là vô sắc của phi học phi vô học chăng?

Đáp: Các pháp nơi tâm phi học phi vô học cùng khởi, pháp ấy hoặc là vô sắc của phi học phi vô học, hoặc là vô sắc của hữu học, hoặc là vô sắc của vô học.

Thế nào là vô sắc của phi học phi vô học? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm phi học phi vô học, tâm ấy cùng có vô sắc của phi học phi vô học.

Thế nào là vô sắc của hữu học? Như tâm phi học phi vô học hoặc thoái chuyển, hoặc thắng tấn, pháp hữu học được khởi.

Thế nào là vô sắc của vô học? Như tâm phi học phi vô học hoặc thoái chuyển, hoặc thắng tấn, pháp vô học được khởi.

Hỏi: Các pháp vô sắc do kiến đoạn khởi, pháp ấy nơi tâm do kiến đoạn cùng có chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc do kiến đoạn khởi, pháp ấy hoặc nơi tâm do kiến đoạn cùng có, hoặc nơi tâm do tu đoạn cùng có.

Thế nào là nơi tâm do kiến đoạn cùng có? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm kia, tâm kia cùng có vô sắc do kiến đoạn.

Thế nào là nơi tâm do tu đoạn cùng có? Như tâm do tu đoạn hoặc thoái chuyển, hoặc sinh, pháp do kiến đoạn được khởi.

Hỏi: Nếu pháp nơi tâm do kiến đoạn cùng khởi, pháp ấy là vô sắc do kiến đoạn chăng?

Đáp: Các pháp nơi tâm do kiến đoạn cùng khởi, pháp ấy hoặc là vô sắc do kiến đoạn, hoặc là vô sắc do tu đoạn.

Thế nào là vô sắc do kiến đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm kia, tâm kia cùng có vô sắc do kiến đoạn.

Thế nào là vô sắc do tu đoạn? Như tâm do kiến đoạn hoặc thoái chuyển, hoặc sinh, pháp do tu đoạn được khởi và trụ nơi tâm do kiến đoạn, các căn do tu đoạn được nuôi lớn, đại chủng tăng ích, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Hỏi: Các pháp vô sắc do tu đoạn khởi, pháp ấy nơi tâm do tu đoạn cùng có chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc do tu đoạn khởi, pháp ấy hoặc nơi tâm do tu đoạn cùng có, hoặc nơi tâm do kiến đoạn cùng có, hoặc nơi tâm không đoạn cùng có.

Thế nào là nơi tâm do tu đoạn cùng có? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm ấy, tâm ấy cùng có vô sắc do tu đoạn.

Thế nào là nơi tâm do kiến đoạn cùng có? Như tâm do kiến đoạn hoặc thoái chuyển, hoặc sinh, pháp do tu đoạn được khởi và trụ

nơi tâm do kiến đoạn, các căn do tu đoạn được nuôi lớn, đại chủng tăng ích, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Thế nào là nơi tâm không đoạn cùng có? Như tâm không đoạn thắng tấn, pháp do tu đoạn được khởi và trụ nơi tâm không đoạn, các căn do tu đoạn được nuôi lớn, đại chủng tăng ích, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

Hỏi: Nếu pháp nơi tâm do tu đoạn cùng khởi, pháp ấy là vô sắc do tu đoạn chăng?

Đáp: Các pháp nơi tâm do tu đoạn cùng khởi, pháp ấy hoặc là vô sắc do tu đoạn, hoặc là vô sắc do kiến đoạn, hoặc là vô sắc không đoạn.

Thế nào là vô sắc do tu đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm kia, tâm kia cùng có vô sắc do tu đoạn.

Thế nào là vô sắc do kiến đoạn? Như tâm do tu đoạn hoặc thoái chuyển, hoặc sinh, pháp do kiến đoạn được khởi.

Thế nào là vô sắc không đoạn? Như tâm do tu đoạn hoặc thoái chuyển, hoặc thắng tấn, pháp không đoạn được khởi.

Hỏi: Các pháp vô sắc không đoạn khởi, pháp ấy nơi tâm không đoạn cùng có chăng?

Đáp: Các pháp vô sắc không đoạn khởi, pháp ấy hoặc nơi tâm không đoạn cùng có, hoặc nơi tâm do tu đoạn cùng có.

Thế nào là nơi tâm không đoạn cùng có? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm kia, tâm kia cùng có vô sắc không đoạn.

Thế nào là nơi tâm do tu đoạn cùng có? Như tâm do tu đoạn hoặc thoái chuyển, hoặc thắng tấn, pháp không đoạn được khởi.

Hỏi: Nếu pháp nơi tâm không đoạn cùng khởi, pháp ấy là vô sắc không đoạn chăng?

Đáp: Các pháp nơi tâm không đoạn cùng khởi, pháp ấy hoặc là vô sắc không đoạn, hoặc là vô sắc do tu đoạn.

Thế nào là vô sắc không đoạn? Nghĩa là các pháp tương ưng với tâm không đoạn, tâm ấy cùng có vô sắc không đoạn.

Thế nào là vô sắc do tu đoạn? Như tâm không đoạn thẳng tắn, pháp do tu đoạn được khởi và trụ nơi tâm không đoạn, các căn do tu đoạn được nuôi lớn, đại chúng tăng ích, pháp ấy là đắc sinh, lão, trụ, vô thường.

*

Hỏi: Tất cả tinh lự thứ nhất đều có năm chi chãng?

Đáp: Không nhiễm ô có năm, nhiễm ô không có năm. Những gì là không có? Là không có ly sinh hỷ lạc.

Hỏi: Tất cả tinh lự thứ hai đều có bốn chi chãng?

Đáp: Không nhiễm ô có bốn, nhiễm ô không có bốn. Những gì là không có? Là không có nội đẳng tịnh.

Hỏi: Tất cả tinh lự thứ ba đều có năm chi chãng?

Đáp: Không nhiễm ô có năm, nhiễm ô không có năm. Những gì là không có? Là không có chánh niệm, chánh tri.

Hỏi: Tất cả tinh lự thứ tư đều có bốn chi chãng?

Đáp: Không nhiễm ô có bốn, nhiễm ô không có bốn. Những gì là không có? Là không có niệm, xả thanh tịnh.

*

Hỏi: Vị tương ưng nơi tinh lự thứ nhất, nhập nên nói là vị hay xuất nên nói là vị?

Đáp: Đối với chủ thể vị nên nói là nhập. Đối với đối tượng vị nên nói là xuất.

Hỏi: Cho đến vị tương ưng nơi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhập nên nói là vị hay xuất nên nói là vị?

Đáp: Đối với chủ thể vị nên nói là nhập. Đối với đối tượng vị nên nói là xuất.

*

Hỏi: Các vị tương ưng nơi tĩnh lự thứ nhất đều là hữu phú vô ký chãng?

Đáp: Các vị tương ưng nơi tĩnh lự thứ nhất đều là hữu phú vô ký.

Hỏi: Nếu tĩnh lự thứ nhất là hữu phú vô ký thì tĩnh lự ấy đều là vị tương ưng chãng?

Đáp: Có tĩnh lự thứ nhất là hữu phú vô ký không phải là vị tương ưng: Nghĩa là trừ ái, còn lại là các phiền não khác hiện ở trước.

Hỏi: Cho đến các vị tương ưng nơi Phi tưởng phi phi tưởng xứ đều là hữu phú vô ký chãng?

Đáp: Các vị tương ưng nơi Phi tưởng phi phi tưởng xứ đều là hữu phú vô ký.

Hỏi: Nếu Phi tưởng phi phi tưởng xứ là hữu phú vô ký thì xứ ấy đều là vị tương ưng chãng?

Đáp: Có Phi tưởng phi phi tưởng xứ là hữu phú vô ký không phải là vị tương ưng: Nghĩa là trừ ái, còn lại là các phiền não khác hiện ở trước.

*

Hỏi: Từng có không nhập tĩnh lự thứ nhất mà nhập tĩnh lự thứ hai chãng?

Đáp: Nhập.

Hỏi: Cho đến từng có không nhập Vô sở hữu xứ mà nhập Phi tướng phi phi tướng xứ chăng?

Đáp: Nhập.

Hỏi: Từng có không nhập tĩnh lự thứ nhất mà sinh nơi cõi Phạm thể chăng?

Đáp: Sinh.

Hỏi: Cho đến từng có không nhập Phi tướng phi phi tướng xứ mà sinh nơi Phi tướng phi phi tướng xứ chăng?

Đáp: Sinh.

*

Hỏi: Nếu được tĩnh lự thứ nhất không phải là tĩnh lự thứ hai, Thánh giả kia mạng chung sẽ sinh nơi xứ nào?

Đáp: Hoặc nơi cõi Phạm thể, hoặc nơi cõi Cực quang tịnh, hoặc nơi cõi Biến tịnh, hoặc nơi cõi Quảng quả, hoặc nơi Không vô biên xứ, hoặc nơi Thức vô viên xứ, hoặc nơi Vô sở hữu xứ, hoặc nơi Phi tướng phi phi tướng xứ, hoặc không có xứ.

Hỏi: Cho đến nếu được Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ, Thánh giả kia mạng chung sẽ sinh nơi xứ nào?

Đáp: Hoặc nơi Vô sở hữu xứ, hoặc nơi Phi tướng phi phi tướng xứ, hoặc không có xứ.

*

Hỏi: Tư duy về những gì để nhập định Từ?

Đáp: Ban cho hữu tình sự an lạc.

Hỏi: Tư duy về những gì để nhập định Bi?

Đáp: Cứu vớt khổ của hữu tình.

Hỏi: Tư duy về những gì để nhập định Hỷ?

Đáp: Vui mừng đối với các hữu tình.

Hỏi: Tư duy về những gì để nhập định Xả?

Đáp: Xả bỏ đối với hữu tình.

*

Hỏi: Từ đoạn trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Bi, Hỷ, Xả đoạn trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tĩnh lự thứ nhất tịnh đoạn trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ tịnh đoạn trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Giải thoát thứ nhất, thứ hai, thứ ba đoạn trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Giải thoát của Không vô biên xứ đoạn trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc Không vô biên xứ, hoặc Thức vô biên xứ, hoặc Vô sở hữu xứ, hoặc Phi tướng phi phi tướng xứ, hoặc không có.

Hỏi: Giải thoát của Thức vô biên xứ đoạn trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc Thức vô biên xứ, hoặc Vô sở hữu xứ, hoặc Phi tướng phi phi tướng xứ, hoặc không có.

Hỏi: Giải thoát của Vô sở hữu xứ đoạn trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc Vô sở hữu xứ, hoặc Phi tướng phi phi tướng xứ, hoặc không có

Hỏi: Giải thoát của Phi tướng phi phi tướng xứ, giải thoát của diệt thọ tướng đoạn trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Thắng xứ thứ nhất đoạn trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Cho đến thắng xứ thứ tám đoạn trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Biến xứ thứ nhất đoạn trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Cho đến biến xứ thứ mười đoạn trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Pháp trí đoạn trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc cõi Dục, hoặc cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Loại trí đoạn trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Tha tâm trí đoạn trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Thế tục trí đoạn trừ kiết hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc cõi Dục, hoặc cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc, hoặc không có.

Như thế tục trí, trí khổ, tập, diệt, đạo, Tam-ma-địa không, vô
nguyên, vô tướng cũng như vậy.

*

Hỏi: Dị thực của Tỳ xú nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc cõi Phạm thế, hoặc cõi Cực quang tịnh, hoặc cõi
Biển tịnh, hoặc cõi Quảng quả, hoặc vô xú sở.

Như đối với Tỳ, đối với Bi, Xả cũng như vậy.

Hỏi: Dị thực của Hỷ xú nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc cõi Phạm thế, hoặc cõi Cực quang tịnh, hoặc vô
xú sở.

Hỏi: Dị thực của tĩnh lự thứ nhất tịnh xú nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc cõi Phạm thế, hoặc vô xú sở.

Hỏi: Dị thực của tĩnh lự thứ hai tịnh xú nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc cõi Cực quang tịnh, hoặc vô xú sở.

Hỏi: Dị thực của tĩnh lự thứ ba tịnh xú nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc cõi Biển tịnh, hoặc vô xú sở.

Hỏi: Dị thực của tĩnh lự thứ tư tịnh xú nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc cõi Quảng quả, hoặc vô xú sở.

Hỏi: Dị thực của Không vô biên xú tịnh xú nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc Không vô biên xú, hoặc vô xú sở.

Hỏi: Dị thực của Thức vô biên xú tịnh xú nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc Thức vô biên xú, hoặc vô xú sở.

Hỏi: Dị thực của Vô sở hữu xú tịnh xú nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc Vô sở hữu xú, hoặc vô xú sở.

Hỏi: Dị thực của Phi tướng phi phi tướng xứ tịnh xứ nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc Phi tướng phi phi tướng xứ, hoặc vô xứ sở.

Hỏi: Dị thực của giải thoát thứ nhất, thứ hai xứ nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc cõi Phạm thế, hoặc cõi Cực quang tịnh, hoặc vô xứ sở.

Hỏi: Dị thực của giải thoát tịnh xứ nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc cõi Quảng quả, hoặc vô xứ sở.

Hỏi: Dị thực của giải thoát thuộc Không vô biên xứ, cho đến dị thực của giải thoát thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc nơi tự địa, hoặc vô xứ sở.

Hỏi: Dị thực của giải thoát nơi diệt thọ tướng xứ nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc Phi tướng phi phi tướng xứ, hoặc vô xứ sở.

Hỏi: Dị thực của bốn thắng xứ đầu xứ nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc cõi Phạm thế, hoặc cõi Cực quang tịnh, hoặc vô xứ sở.

Hỏi: Dị thực của bốn thắng xứ sau xứ nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc cõi Quảng quả, hoặc vô xứ sở.

Như bốn thắng xứ sau, tám biến xứ trước cũng như vậy.

Hỏi: Dị thực của hai biến xứ sau xứ nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc nơi tự địa, hoặc vô xứ sở.

Hỏi: Dị thực của tha tâm trí xứ nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc cõi Phạm thế, hoặc cõi Cực quang tịnh, hoặc cõi Biến tịnh, hoặc cõi Quảng quả, hoặc vô xứ sở.

Hỏi: Dị thực của thể tục trí xứ nào thọ nhận?

Đáp: Hoặc nơi cõi Dục, hoặc nơi cõi Sắc, hoặc nơi cõi Vô sắc, hoặc vô xứ sở.

Phẩm 2: BÀN VỀ DUYÊN

Tụng nêu chung:

*Tám vị vô lậu tịnh
Thành, không thành, đắc, xả
Thoái, tu, đầu, nhập duyên
Chương này xin nói đủ.*

*

Có tám định (đẳng chí), tức là bốn tĩnh lự, bốn vô sắc.

Có ba định là vị tương ưng, tịnh, vô lậu

Trong đây, bảy thứ trước đều đủ ba (vị tương ưng, tịnh, vô lậu), loại thứ tám chỉ có hai là trừ vô lậu.

Hỏi: Từng có thành tựu vị tương ưng nơi tĩnh lự thứ nhất không phải là tịnh, vô lậu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là ái của cõi Dục chưa hết.

Hỏi: Từng có thành tựu tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất không phải là vô lậu, vị tương ưng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là phạm phu sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, ái của cõi Phạm thế đã hết.

Hỏi: Từng có thành tựu vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất không phải là tịnh, vị tương ưng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là Thánh giả sinh trên cõi Phạm thế.

Hỏi: Từng có thành tựu vị tương ưng, tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là phàm phu sinh nơi cõi Dục, ái của cõi Dục đã hết, ái của cõi Phạm thế chưa hết và sinh nơi cõi Phạm thế, ái của cõi này chưa hết.

Hỏi: Từng có thành tựu vị tương ưng, vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất, không phải là tịnh chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có thành tựu tịnh, vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất, không phải là vị tương ưng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, ái của cõi Phạm thế đã hết.

Hỏi: Từng có thành tựu vị tương ưng, tịnh, vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Dục, ái của cõi Dục đã hết, ái của cõi Phạm thế chưa hết và sinh nơi cõi Phạm thế, ái của cõi Phạm thế chưa hết.

*

Hỏi: Từng có không thành tựu vị tương ưng nơi tĩnh lự thứ nhất không phải là tịnh, vô lậu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, ái của cõi Phạm thế đã hết.

Hỏi: Từng có không thành tựu tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất không phải là vô lậu, vị tương ưng chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có không thành tựu vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất không phải là tịnh, vị tương ưng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là phạm phu sinh nơi cõi Dục, ái của cõi Dục đã hết, ái của cõi Phạm thế chưa hết và sinh nơi cõi Phạm thế, ái của cõi Phạm thế chưa hết.

Hỏi: Tùng có không thành tựu vị tương ưng, tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là Thánh giả sinh trên cõi Phạm thế.

Hỏi: Tùng có không thành tựu vị tương ưng, vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất, không phải là tịnh chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là phạm phu sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, ái của cõi Phạm thế đã hết.

Hỏi: Tùng có không thành tựu tịnh, vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất, không phải là vị tương ưng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là ái của cõi Dục chưa hết.

Hỏi: Tùng có không thành tựu vị tương ưng, tịnh, vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là phạm phu sinh trên cõi Phạm thế.

*

Hỏi: Tùng có được vị tương ưng nơi tĩnh lự thứ nhất không phải là tịnh, vô lậu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là từ cõi Phạm thế khi ái đã hết, thoái chuyển và khi mất trên cõi Phạm thế, sinh nơi cõi Dục.

Hỏi: Tùng có được tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất không phải là vô lậu, vị tương ưng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là phạm phu khi ái của cõi Dục đã hết.

Hỏi: Từng có được vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất, không phải là tịnh, vị tương ưng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là dựa vào tĩnh lự trung gian, nhập chánh tánh ly sinh và khi được quả A-la-hán.

Hỏi: Từng có được vị tương ưng, tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là khi mất trên cõi Phạm thế, sinh nơi cõi Phạm thế.

Hỏi: Từng có được vị tương ưng, vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất, không phải là tịnh chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có được tịnh, vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất, không phải là vị tương ưng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là Thánh giả khi ái của cõi Dục đã hết.

Hỏi: Từng có được vị tương ưng, tịnh, vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất chăng?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Từng có xả vị tương ưng nơi tĩnh lự thứ nhất không phải là tịnh, vô lậu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là khi ái của cõi Phạm thế đã hết.

Hỏi: Từng có xả tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất không phải là vô lậu, vị tương ưng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là phàm phu từ cõi Dục khi ái đã hết, thoái chuyển và khi mất nơi cõi Phạm thế, cõi Dục, sinh trên cõi Phạm thế cùng khi mất nơi cõi Phạm thế sinh nơi cõi Dục.

Hỏi: Tùng có xả tịnh, vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất không phải là vị tương ưng chãṅg?

Đáp: Có. Nghĩa là Thánh giả từ nơi cõi Dục khi ái hết, thoái chuyển.

Hỏi: Tùng có xả khác chãṅg?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Tùng có thoái chuyển vị tương ưng nơi tĩnh lự thứ nhất không phải là tịnh, vô lậu chãṅg?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có thoái chuyển tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất không phải là vô lậu, vị tương ưng chãṅg?

Đáp: Có. Nghĩa là phạm phu từ cõi Dục khi ái đã hết, thoái chuyển.

Hỏi: Tùng có thoái chuyển tịnh, vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất không phải là vị tương ưng chãṅg?

Đáp: Có. Nghĩa là Thánh giả từ cõi Dục khi ái đã hết, thoái chuyển.

Hỏi: Tùng có thoái chuyển khác chãṅg?

Đáp: Không có.

*

Như nói về tĩnh lự thứ nhất, cho đến nói về Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

*

Hỏi: Nếu tu tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất, Thánh giả kia cũng tu vô lậu chãṅg? Nếu tu vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất, Thánh giả kia cũng tu tịnh chãṅg?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất không phải là tu vô lậu: Nghĩa là đã được tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất hiện ở trước. Hoặc chưa được tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất hiện ở trước nhưng không tu vô lậu. Hoặc chưa được không phải thể tục trí của tĩnh lự thứ nhất hiện ở trước, nhưng tu tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất, không phải là vô lậu.

2. Có tu vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất không phải là tu tịnh: Nghĩa là đã được vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất hiện ở trước. Hoặc chưa được vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất hiện ở trước nhưng không tu tịnh. Hoặc chưa được không phải thể tục trí của tĩnh lự thứ nhất cùng chưa được không phải trí vô lậu của tĩnh lự thứ nhất hiện ở trước, nhưng tu vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất, không phải là tịnh.

3. Có tu tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất cũng là tu vô lậu: Nghĩa là chưa được tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất hiện ở trước nhưng tu vô lậu. Hoặc chưa được vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất hiện ở trước nhưng tu tịnh. Hoặc chưa được không phải thể tục trí, trí vô lậu của tĩnh lự thứ nhất hiện ở trước nhưng tu tịnh và vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất.

4. Có không phải tu tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất cũng không phải tu vô lậu: Nghĩa là đã được không phải thể tục trí, trí vô lậu của tĩnh lự thứ nhất hiện ở trước. Hoặc chưa được không phải thể tục trí, trí vô lậu hiện ở trước nhưng không tu tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất và vô lậu. Hoặc tất cả tâm nhiễm ô, tâm vô ký hiện ở trước, hoặc trụ nơi định vô tướng, định diệt tận, sinh nơi cõi trời Vô tướng.

Như nói về tĩnh lự thứ nhất, nói về tĩnh lự thứ hai, thứ ba cũng như vậy.

Hỏi: Nếu tu tịnh nơi tĩnh lự thứ tư, Thánh giả kia cũng tu vô lậu chăng? Nếu tu vô lậu nơi tĩnh lự thứ tư, Thánh giả kia cũng tu tịnh chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu tịnh nơi tĩnh lự thứ tư không phải là tu vô lậu: Nghĩa là đã được tịnh nơi tĩnh lự thứ tư hiện ở trước. Hoặc chưa được tĩnh lự thứ tư hiện ở trước nhưng không tu vô lậu.

2. Có tu vô lậu nơi tĩnh lự thứ tư không phải là tu tịnh: Nghĩa là đã được vô lậu nơi tĩnh lự thứ tư hiện ở trước. Hoặc chưa được vô lậu nơi tĩnh lự thứ tư hiện ở trước nhưng không tu tịnh. Hoặc chưa được không phải thể tục trí của tĩnh lự thứ tư và chưa được không phải trí vô lậu của tĩnh lự thứ tư, chúng hiện ở trước nhưng tu vô lậu nơi tĩnh lự thứ tư, không phải là tịnh.

3. Có tu tịnh nơi tĩnh lự thứ tư cũng là tu vô lậu: Nghĩa là chưa được tịnh nơi tĩnh lự thứ tư hiện ở trước nhưng tu vô lậu. Hoặc chưa được vô lậu nơi tĩnh lự thứ tư hiện ở trước nhưng tu tịnh. Hoặc chưa được không phải trí vô lậu của tĩnh lự thứ tư hiện ở trước nhưng tu tịnh nơi tĩnh lự thứ tư và vô lậu.

4. Có không phải tu tịnh nơi tĩnh lự thứ tư cũng không phải tu vô lậu: Nghĩa là đã được không phải thể tục trí, trí vô lậu của tĩnh lự thứ tư hiện ở trước. Hoặc chưa được không phải thể tục trí, trí vô lậu của tĩnh lự thứ tư, chúng hiện ở trước nhưng không tu tịnh nơi tĩnh lự thứ tư và vô lậu. Hoặc tất cả tâm nhiễm ô, tâm vô ký hiện ở trước, hoặc trụ nơi định vô tướng, định diệt tận, sinh nơi cõi trời Vô tướng.

Như nói về tĩnh lự thứ tư, cho đến nói về Vô sở hữu xứ cũng như vậy.

*

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất, bây giờ đã được các tâm, tâm sở pháp vô lậu vị lai khác, tất cả tâm ấy nên nói có tâm có tứ chăng?

Đáp: Các tâm ấy hoặc có tâm có tứ, hoặc không tâm chỉ có tứ, hoặc không tâm không tứ.

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập vô lậu nơi tĩnh lự thứ hai, bây giờ đã được các tâm, tâm sở pháp vô lậu vị lai khác, tất cả tâm ấy nên nói tương ưng với hỷ căn chăng?

Đáp: Các tâm ấy hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ căn, hoặc tương ưng với xả căn.

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập vô lậu nơi tĩnh lự thứ ba, bây giờ đã được các tâm, tâm sở pháp vô lậu vị lai khác, tất cả tâm ấy nên nói tương ưng với lạc căn chăng?

Đáp: Các tâm ấy hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ căn, hoặc tương ưng với xả căn.

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập vô lậu nơi tĩnh lự thứ tư, bây giờ đã được các tâm, tâm sở pháp vô lậu vị lai khác, tất cả tâm ấy nên nói tương ưng với xả căn chăng?

Đáp: Các tâm ấy hoặc tương ưng với lạc căn, hoặc tương ưng với hỷ căn, hoặc tương ưng với xả căn.

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập vô lậu nơi Không vô biên xứ, bây giờ đã được các tâm, tâm sở pháp vô lậu vị lai khác, tất cả tâm ấy nên nói thuộc về Không vô biên xứ chăng?

Đáp: Các tâm ấy hoặc thuộc về Không vô biên xứ, hoặc thuộc về Thức vô biên xứ, hoặc thuộc về Vô sở hữu xứ.

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập vô lậu nơi Thức vô biên xứ, bây giờ đã được các tâm, tâm sở pháp vô lậu vị lai khác, tất cả tâm ấy nên nói thuộc về Thức vô biên xứ chăng?

Đáp: Các tâm ấy hoặc thuộc về Không vô biên xứ, hoặc thuộc về Thức vô biên xứ, hoặc thuộc về Vô sở hữu xứ.

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập vô lậu nơi Vô sở hữu xứ, bây giờ đã được các tâm, tâm sở pháp vô lậu vị lai khác, tất cả tâm ấy nên nói thuộc về Vô sở hữu xứ chăng?

Đáp: Các tâm ấy hoặc thuộc về Không vô biên xứ, hoặc thuộc về Thức vô biên xứ, hoặc thuộc về Vô sở hữu xứ.

*

Hỏi: Vị tương ưng nơi tĩnh lự thứ nhất cùng vị tương ưng nơi tĩnh lự thứ nhất làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho vị tương ưng của tự địa. Làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh của tự địa. Cùng với vô lậu của tự địa và tịnh, vô lậu nơi ba tĩnh lự trên làm Sở duyên, Tăng thượng. Làm một Tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất cùng tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh của tự địa. Cùng với vị tương ưng, vô lậu của tự địa và vô lậu, tịnh nơi tĩnh lự thứ hai, thứ ba, làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Làm Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh, vô lậu nơi tĩnh lự thứ tư. Làm một Tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất cùng vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho vô lậu của tự địa và vô lậu nơi tĩnh lự thứ hai, thứ ba. Làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh của tự địa và tịnh nơi tĩnh lự thứ hai, thứ ba. Làm Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh nơi tĩnh lự thứ tư cùng tịnh nơi vô sắc. Làm Nhân, Sở duyên, Tăng thượng cho vô lậu nơi tĩnh lự thứ tư và vô lậu nơi vô sắc. Làm một Tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Vị tương ưng nơi tĩnh lự thứ hai cùng vị tương ưng nơi tĩnh lự thứ hai làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho vị tương ưng của tự địa. Làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất, tĩnh lự thứ hai. Cùng với tất cả vô lậu nơi tĩnh lự và tịnh nơi tĩnh lự thứ ba, thứ tư làm Sở duyên, Tăng thượng. Làm một Tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Tịnh nơi tĩnh lự thứ hai cùng tịnh nơi tĩnh lự thứ hai làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh của tự địa. Cùng với tất cả vô lậu nơi tĩnh lự và tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất, thứ ba, thứ tư cùng vị tương ưng của tự địa làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Làm một Tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Vô lậu nơi tĩnh lự thứ hai cùng vô lậu nơi tĩnh lự thứ hai làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tất cả vô lậu nơi tĩnh lự. Làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tất cả tịnh nơi tĩnh lự. Làm Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh nơi vô sắc. Làm Nhân, Sở duyên, Tăng thượng cho vô lậu nơi vô sắc. Làm một Tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Vị tương ưng nơi tĩnh lự thứ ba cùng vị tương ưng nơi tĩnh lự thứ ba làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho vị tương ưng của tự địa. Làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh nơi tĩnh lự thứ hai, thứ ba. Cùng với tất cả vô lậu nơi tĩnh lự và tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất, thứ tư làm Sở duyên. Làm một Tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Tịnh nơi tĩnh lự thứ ba cùng tịnh nơi tĩnh lự thứ ba làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh của tự địa. Cùng với tất cả vô lậu nơi tĩnh lự và tịnh nơi tĩnh

lự thứ nhất, thứ hai, thứ tư cùng vị tương ưng của tự địa làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Làm Đẳng vô gián, Tăng thượng cho tịnh vô lậu nơi Không vô biên xứ. Làm một Tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Vô lậu nơi tĩnh lự thứ ba cùng vô lậu nơi tĩnh lự thứ ba làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho vô lậu nơi bốn tĩnh lự, vô lậu nơi Không vô biên xứ. Làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh nơi bốn tĩnh lự, nơi Không vô biên xứ. Làm Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh nơi ba vô sắc trên. Làm Nhân, Sở duyên, Tăng thượng cho vô lậu nơi hai vô sắc trên. Làm một Tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Vị tương ưng nơi tĩnh lự thứ tư cùng vị tương ưng nơi tĩnh lự thứ tư làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho vị tương ưng của tự địa. Làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh nơi tĩnh lự thứ ba, thứ tư. Làm Sở duyên, Tăng thượng cho vô lậu nơi bốn tĩnh lự và tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất, thứ hai. Làm một Tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Tịnh nơi tĩnh lự thứ tư cùng tịnh nơi tĩnh lự thứ tư làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh của tự địa. Cùng với vô lậu nơi ba tĩnh lự và tịnh nơi tĩnh lự thứ hai, thứ ba cùng vị tương ưng của tự địa làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Làm Đẳng vô gián, Tăng thượng cho tịnh vô lậu nơi hai vô sắc đầu. Làm Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất. Làm một Tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Vô lậu nơi tĩnh lự thứ tư cùng vô lậu nơi tĩnh lự thứ tư làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho vô lậu nơi ba tĩnh lự trên và vô lậu nơi hai vô sắc dưới. Làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh nơi ba tĩnh lự trên và hai vô sắc đầu. Làm Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất và hai vô sắc sau. Làm Nhân, Sở duyên, Tăng thượng cho vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất và nơi Vô sở hữu xứ. Làm một Tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Vị tương ưng nơi Không vô biên xứ cùng vị tương ưng nơi Không vô biên xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho vị tương ưng của tự địa. Cùng với tịnh của tự địa và tịnh nơi tĩnh lự thứ tư làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Cùng với tất cả vô lậu nơi tĩnh lự và tịnh nơi ba tĩnh lự dưới làm Sở duyên, Tăng thượng. Làm một Tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Tịnh nơi Không vô biên xứ cùng tịnh nơi Không vô biên xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh của tự địa. Cùng với vô lậu của tự địa và tịnh vô lậu nơi tĩnh lự thứ ba, thứ tư và vị tương ưng của tự địa làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Làm Đẳng vô gián, Tăng thượng cho tịnh, vô lậu nơi Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ. Làm Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh, vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất, thứ hai. Làm một Tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Vô lậu nơi Không vô biên xứ cùng vô lậu nơi Không vô biên xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho vô lậu nơi ba vô sắc và hai tĩnh lự sau. Làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh nơi ba vô sắc dưới và hai tĩnh lự sau. Cùng với tịnh nơi tĩnh lự thứ nhất, thứ hai và tịnh nơi Phi tưởng phi phi tưởng

xứ làm Sở duyên, Tăng thượng. Làm Nhân, Sở duyên, Tăng thượng cho vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất, thứ hai. Làm một Tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Vị tương ưng nơi Thức vô biên xứ cùng vị tương ưng nơi Thức vô biên xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho vị tương ưng của tự địa. Làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh nơi hai vô sắc dưới. Cùng với tịnh, vô lậu nơi bốn tĩnh lự và vô lậu nơi hai vô sắc dưới làm Sở duyên, Tăng thượng. Làm một Tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Tịnh nơi Thức vô biên xứ cùng tịnh nơi Thức vô biên xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh của tự địa. Cùng với vô lậu của tự địa và tịnh, vô lậu nơi tĩnh lự thứ tư nơi Không vô biên xứ và vị tương ưng của tự địa làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Làm Đẳng vô gián, Tăng thượng cho tịnh, vô lậu nơi Vô sở hữu xứ và tịnh nơi Phi tướng phi tướng xứ. Làm Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh, vô lậu nơi ba tĩnh lự sau. Làm một Tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Vô lậu nơi Thức vô biên xứ cùng vô lậu nơi Thức vô biên xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho vô lậu nơi tĩnh lự thứ tư và ba vô sắc. Làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh nơi bốn vô sắc và tĩnh lự thứ tư. Làm Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh nơi ba tĩnh lự dưới. Làm Nhân, Sở duyên, Tăng thượng cho vô lậu nơi ba tĩnh lự dưới. Làm một Tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Vị tương ưng nơi Vô sở hữu xứ cùng vị tương ưng nơi Vô sở hữu xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho vị tương ưng của tự địa. Làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh của tự địa và tịnh nơi Thức vô biên xứ. Làm Sở duyên, Tăng thượng cho vô lậu nơi tất cả địa và tịnh nơi bốn tĩnh lự, nơi Không vô biên xứ. Làm một tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Tịnh nơi Vô sở hữu xứ cùng tịnh nơi Vô sở hữu xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh của tự địa. Cùng với vô lậu nơi ba vô sắc và tịnh nơi hai vô sắc dưới cùng vị tương ưng của tự địa làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Làm Đẳng vô gián, Tăng thượng cho tịnh nơi Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Làm Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh, vô lậu nơi bốn tĩnh lự. Làm một tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Vô lậu nơi Vô sở hữu xứ cùng vô lậu nơi Vô sở hữu xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho vô lậu nơi ba vô sắc. Làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh nơi bốn vô sắc. Làm Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh nơi bốn tĩnh lự. Làm Nhân, Sở duyên, Tăng thượng cho vô lậu nơi bốn tĩnh lự. Làm một tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Vị tương ưng nơi Phi tưởng phi phi tưởng xứ cùng vị tương ưng nơi Phi tưởng phi phi tưởng xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho vị tương ưng của tự địa. Làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh nơi hai vô sắc trên. Làm Sở duyên, Tăng thượng cho vô lậu nơi tất cả địa và tịnh nơi sáu địa dưới. Làm một tăng thượng cho pháp khác.

Hỏi: Tịnh nơi Phi tướng phi phi tướng xứ cùng tịnh nơi Phi tướng phi phi tướng xứ làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh của tự địa. Làm Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh, vô lậu nơi Thức vô biên xứ, nơi Vô sở hữu xứ vô lậu và vị tương ưng của tự địa. Làm Sở duyên, Tăng thượng cho tịnh, vô lậu của năm địa dưới. Làm một tăng thượng cho pháp khác.

HẾT - QUYỂN 17

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 18

Chương 7: ĐỊNH UẨN

Phẩm 3: BÀN VỀ SỰ GỒM THÂU

Tụng nêu chung:

*Gồm thâu được tương ưng
Thành không được xả thoái
Đốn, tiệm, nương định diệt
Chương này xin nói đủ.*

*

Mười tướng: Tướng về vô thường, tướng về vô thường - khổ, tướng về vô ngã - khổ, tướng về sự chết, tướng về bất tịnh, tướng về chán ăn, tướng về tất cả thế gian không thể vui, tướng về đoạn, tướng về lìa, tướng về diệt.

Bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn vô sắc, tám giải thoát, tám thắng xứ, mười biến xứ, tám trí, ba Tam-ma-địa.

Hỏi: Tướng về vô thường v.v... gồm thâu bao nhiêu tĩnh lự v.v...?

Đáp: Tướng về vô thường gồm thâu bốn tĩnh lự, bốn vô sắc, bốn giải thoát.

Như tướng về vô thường, tướng về vô thường - khổ, tướng về vô ngã - khổ, tướng về sự chết, tướng về đoạn, tướng về lia, tướng về diệt cũng như vậy.

Tướng về bất tịnh gồm thân giải thoát thứ nhất, thứ hai, cùng tinh lự thứ ba, thứ tư.

Như tướng về bất tịnh, tướng về chán ăn cũng như vậy.

Tướng về tất cả thế gian không thể vui gồm thân tinh lự thứ ba, thứ tư.

Hỏi: Tinh lự thứ nhất v.v... gồm thân bao nhiêu tinh lự v.v...?

Đáp: Tinh lự thứ nhất gồm thân tinh lự thứ nhất, bốn vô lượng, giải thoát thứ nhất, thứ hai, bốn thắng xứ trước, tám trí, ba Tam-ma-địa.

Tinh lự thứ hai gồm thân tinh lự thứ hai, bốn vô lượng, giải thoát thứ nhất, thứ hai, bốn thắng xứ trước, tám trí, ba Tam-ma-địa.

Tinh lự thứ ba gồm thân tinh lự thứ ba, ba vô lượng, tám trí, ba Tam-ma-địa.

Tinh lự thứ tư gồm thân tinh lự thứ tư, ba vô lượng, tịnh giải thoát, bốn thắng xứ sau, tám biến xứ trước, tám trí, ba Tam-ma-địa.

Hỏi: Vô lượng Từ v.v... gồm thân bao nhiêu vô lượng v.v...?

Đáp: Vô lượng Từ gồm thân thể tục trí của Từ, cho đến Xả gồm thân thể tục trí của Xả.

Hỏi: Không vô biên xứ v.v... gồm thân bao nhiêu vô sắc v.v...?

Đáp: Không vô biên xứ gồm thân Không vô biên xứ và giải thoát, biến xứ, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Thức vô biên xứ gồm thân Thức vô biên xứ và giải thoát, biến xứ, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Vô sở hữu xứ gồm thân Vô sở hữu xứ và giải thoát, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Phi tướng phi phi tướng xứ gồm thân Phi tướng phi phi tướng xứ và giải thoát, diệt thọ tướng giải thoát, thế tục trí.

Hỏi: Giải thoát thứ nhất v.v... gồm thân bao nhiêu giải thoát v.v...?

Đáp: Giải thoát thứ nhất, thứ hai, thứ ba gồm thân thế tục trí của giải thoát thứ nhất, thứ hai, thứ ba.

Giải thoát nơi Không vô biên xứ gồm thân giải thoát nơi Không vô biên xứ và biến xứ, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Giải thoát nơi Thức vô biên xứ gồm thân giải thoát nơi Thức vô biên xứ và biến xứ, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Giải thoát nơi Vô sở hữu xứ gồm thân giải thoát nơi Vô sở hữu xứ, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Giải thoát nơi Phi tướng phi phi tướng xứ gồm thân thế tục trí của giải thoát nơi Phi tướng phi phi tướng xứ.

Giải thoát diệt tướng thọ gồm thân giải thoát diệt tướng thọ.

Hỏi: Thắng xứ thứ nhất v.v... gồm thân bao nhiêu thắng xứ v.v...?

Đáp: Thắng xứ thứ nhất gồm thân thế tục trí của thắng xứ thứ nhất, cho đến thắng xứ thứ tám gồm thân thế tục trí của thắng xứ thứ tám.

Hỏi: Biến xứ thứ nhất v.v... gồm thân bao nhiêu biến xứ v.v...?

Đáp: Biến xứ thứ nhất gồm thân thế tục trí của biến xứ thứ nhất, cho đến biến xứ thứ mười gồm thân thế tục trí của biến xứ thứ mười.

Hỏi: Pháp trí v.v... gồm thân bao nhiêu trí v.v...?

Đáp: Pháp trí gồm thân pháp trí và phần ít của năm trí. Loại trí gồm thân loại trí và phần ít của năm trí. Tha tâm trí gồm thân tha

tâm trí và phần ít của bốn trí. Thế tục trí gồm thâm thế tục trí và phần ít của một trí. Khổ trí gồm thâm khổ trí và phần ít của hai trí. Tập trí gồm thâm tập trí và phần ít của hai trí. Diệt trí gồm thâm diệt trí và phần ít của ba trí. Đạo trí gồm thâm đạo trí và phần ít của ba trí.

Hỏi: Tam-ma-địa không v.v... gồm thâm bao nhiêu Tam-ma-địa v.v...?

Đáp: Không gồm thâm không, vô nguyện gồm thâm vô nguyện, vô tướng gồm thâm vô tướng.

*

Như gồm thâm, có thể đặc cũng như vậy.

*

Hỏi: Tưởng về vô thường v.v... tương ưng với bao nhiêu tĩnh lự v.v...?

Đáp: Tưởng về vô thường tương ưng với bốn tĩnh lự, bốn vô sắc, bốn giải thoát, bốn trí, một Tam-ma-địa.

Như tưởng về vô thường, tưởng về vô thường - khổ, tưởng về vô ngã - khổ, tưởng về sự chết, tưởng về đoạn, tưởng về lia, tưởng về diệt cũng như vậy.

Tưởng về bất tịnh tương ưng với hai tĩnh lự sau, thế tục trí của hai giải thoát đầu.

Như tưởng về bất tịnh, tưởng về chán ăn cũng như vậy.

Tưởng về tất cả thế gian không thể vui tương ưng với thế tục trí của hai tĩnh lự sau.

Hỏi: Tĩnh lự thứ nhất v.v... tương ưng với bao nhiêu tĩnh lự v.v...?

Đáp: Tĩnh lự thứ nhất tương ưng với tĩnh lự thứ nhất, bốn vô lượng, hai giải thoát đầu tiên, bốn thắng xứ trước, tám trí, ba Tam-ma-địa.

Tĩnh lực thứ hai tương ứng với tĩnh lực thứ hai, bốn vô lượng, giải thoát thứ nhất, thứ hai, bốn thắng xứ trước, tám trí, ba Tam-ma-địa.

Tĩnh lực thứ ba tương ứng với tĩnh lực thứ ba, ba vô lượng, tám trí, ba Tam-ma-địa.

Tĩnh lực thứ tư tương ứng với tĩnh lực thứ tư, ba vô lượng, tịnh giải thoát, bốn thắng xứ sau, tám biến xứ trước, tám trí, ba Tam-ma-địa.

Hỏi: Vô lượng Từ v.v... tương ứng với bao nhiêu vô lượng v.v...?

Đáp: Từ tương ứng với thể tục trí của Từ, cho đến Xả tương ứng với thể tục trí của Xả.

Hỏi: Không vô biên xứ v.v... tương ứng với bao nhiêu vô sắc v.v...?

Đáp: Không vô biên xứ tương ứng với Không vô biên xứ và giải thoát, biến xứ, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Thức vô biên xứ tương ứng với Thức vô biên xứ và giải thoát, biến xứ, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Vô sở hữu xứ tương ứng với Vô sở hữu xứ và giải thoát, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Phi tướng phi phi tướng xứ tương ứng với Phi tướng phi phi tướng xứ và tương ứng với thể tục trí của giải thoát.

Hỏi: Giải thoát thứ nhất v.v... tương ứng với bao nhiêu giải thoát v.v...?

Đáp: Giải thoát thứ nhất, thứ hai, thứ ba tương ứng với thể tục trí của giải thoát thứ nhất, thứ hai, thứ ba.

Giải thoát nơi Không vô biên xứ tương ứng với giải thoát nơi Không vô biên xứ và biến xứ, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Giải thoát nơi Thức vô biên xứ tương ứng với giải thoát nơi Thức vô biên xứ và biến xứ, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Giải thoát nơi Vô sở hữu xứ tương ưng với giải thoát nơi Vô sở hữu xứ, sáu trí, ba Tam-ma-địa.

Giải thoát nơi Phi tướng phi phi tướng xứ tương ưng với thể tục trí của giải thoát nơi Phi tướng phi phi tướng xứ.

Giải thoát diệt tướng thọ không có tương ưng.

Hỏi: Thắng xứ thứ nhất v.v... tương ưng với bao nhiêu thắng xứ v.v...?

Đáp: Thắng xứ thứ nhất tương ưng với thể tục trí của thắng xứ thứ nhất, cho đến thắng xứ thứ tám tương ưng với thể tục trí của thắng xứ thứ tám.

Hỏi: Biến xứ thứ nhất v.v... tương ưng với bao nhiêu biến xứ v.v...?

Đáp: Biến xứ thứ nhất tương ưng với thể tục trí của biến xứ thứ nhất, cho đến biến xứ thứ mười tương ưng với thể tục trí của biến xứ thứ mười.

Hỏi: Pháp trí v.v... tương ưng với bao nhiêu Tam-ma-địa v.v...?

Đáp: Pháp trí tương ưng với phần ít của ba Tam-ma-địa. Như pháp trí, loại trí cũng như vậy. Tha tâm trí tương ưng với phần ít của một Tam-ma-địa. Như tha tâm trí, tập trí, diệt trí, đạo trí cũng như vậy. Khổ trí tương ưng với phần ít của hai Tam-ma-địa.

*

Hỏi: Nếu thành tựu tĩnh lự thứ nhất v.v..., Thánh giả kia đối với bốn tĩnh lự v.v... có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Nếu thành tựu tĩnh lự thứ nhất, Thánh giả kia đối với bốn tĩnh lự: hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn. Một: Nghĩa là ái nơi cõi Phạm thế chưa hết. Hai: Nghĩa là ái nơi cõi Phạm thế đã hết, ái nơi

cõi trên chưa hết. Ba: Nghĩa là ái nơi cõi Cực quang tịnh đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết. Bốn: Nghĩa là ái nơi cõi Biến tịnh đã hết.

Đôi với bốn vô lượng: hoặc không có, hoặc thành tựu ba, bốn. Không có: Nghĩa là sinh nơi cõi Vô sắc. Ba: Nghĩa là sinh nơi cõi Biến tịnh, cõi Quảng quả. Bốn: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh.

Đôi với bốn vô sắc: hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn. Không có: Nghĩa là ái sắc chưa hết. Một: Nghĩa là ái sắc đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết. Hai: Nghĩa là ái nơi Không vô biên xứ đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết. Ba: Nghĩa là ái nơi Thức vô biên xứ đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết. Bốn: Nghĩa là ái nơi Vô sở hữu xứ đã hết.

Đôi với tám giải thoát: hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám. Không có: Nghĩa là sinh nơi cõi Biến tịnh, ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết. Một: Nghĩa là sinh nơi cõi Biến tịnh, ái nơi cõi Biến tịnh đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Quảng quả, ái nơi cõi kia chưa hết. Hoặc sinh nơi Không vô biên xứ, ái nơi cõi kia chưa hết. Hai: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh, ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Biến tịnh, cõi Quảng quả, ái nơi cõi Quảng quả hết, ái nơi cõi trên chưa hết. Hoặc sinh nơi Không vô biên xứ, ái nơi cõi ấy hết, ái nơi cõi trên chưa hết. Hoặc sinh nơi Thức vô biên xứ, ái nơi cõi ấy chưa hết. Ba: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh, ái nơi cõi Biến tịnh đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Biến tịnh, cõi Quảng quả, ái của Không vô biên xứ hết, ái nơi cõi trên chưa hết. Hoặc sinh nơi Thức vô biên xứ, ái của Thức vô biên xứ đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết. Hoặc sinh nơi Vô sở hữu xứ, ái nơi xứ ấy chưa hết. Bốn: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh, ái nơi cõi Quảng quả đã hết, ái nơi xứ trên chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Biến tịnh, cõi Quảng quả, ái của Thức vô biên xứ đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết.

Hoặc sinh nơi Không, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, ái của Vô sở hữu xứ đã hết. Hoặc sinh nơi Phi tướng phi phi tướng xứ là không được định diệt tận. Năm: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh, ái của Không vô biên xứ đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Biến tịnh, cõi Quảng quả, ái của Vô sở hữu xứ hết, không được định diệt tận. Hoặc sinh nơi Phi tướng phi phi tướng xứ là được định diệt tận. Sáu: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh, ái của Thức vô biên xứ đã hết, ái nơi xứ trên chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Biến tịnh, cõi Quảng quả là được định diệt tận. Bảy: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh, ái của Vô sở hữu xứ đã hết, không được định diệt tận. Tám: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh, được định diệt tận.

Đối với tám thắng xứ: hoặc không có, hoặc thành tựu bốn, hoặc tám. Không có: Nghĩa là sinh nơi cõi Biến tịnh, tức ái nơi cõi ấy chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Sắc. Bốn: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh, ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Biến tịnh tức ái nơi cõi ấy hết. Hoặc sinh nơi cõi Quảng quả. Tám: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh, ái nơi cõi Biến tịnh đã hết.

Đối với mười biến xứ: hoặc không có ái, hoặc thành tựu một, hai, tám, chín, mười. Không có: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh, cõi Biến tịnh, ái nơi cõi Biến tịnh chưa hết, hoặc sinh nơi Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ. Một: Nghĩa là sinh nơi Không vô biên xứ, tức ái nơi xứ đó chưa hết, hoặc sinh nơi Thức vô biên xứ. Hai: Nghĩa là sinh nơi Không vô biên xứ, tức ái nơi xứ đó đã hết. Tám: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh, cõi Biến tịnh, ái nơi cõi Biến tịnh đã hết, ái nơi xứ trên chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Quảng quả, tức ái nơi cõi đó chưa hết. Chín: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, ái của cõi Dục, cõi Sắc

đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết. Mười: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, ái nơi Không vô biên xứ đã hết.

Đối với tám trí: hoặc thành tựu hai, bốn, năm, sáu, bảy, tám. Hai: Nghĩa là phần vị khổ pháp nhãn của phàm phu. Bốn: Nghĩa là quả vị khổ pháp trí, khổ loại nhãn. Năm: Nghĩa là quả vị khổ loại trí, tập pháp nhãn. Sáu: Nghĩa là quả vị tập pháp trí cho đến diệt pháp nhãn. Bảy: Nghĩa là quả vị diệt pháp trí cho đến đạo pháp nhãn. Tám: Nghĩa là các vị từ đạo pháp trí trở lên.

Đối với ba Tam-ma-địa: hoặc không có, hoặc thành tựu hai, hoặc ba. Không có: Nghĩa là các phàm phu. Hai: Nghĩa là các Thánh giả chưa sinh diệt pháp nhãn. Ba: Nghĩa là diệt pháp nhãn đã sinh.

Như thành tựu tĩnh lự thứ nhất, cho đến thành tựu tĩnh lự thứ tư, theo chỗ ứng hợp cũng như vậy.

*

Bảy Bồ-đặc-già-la (Hữu tình): Là Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Tín thắng giải, Kiến chí, Thân chứng, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát.

Hỏi: Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Tín giải thoát, Kiến chí, Thân chứng, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát: Đối với vị tương ưng v.v... nơi bốn tĩnh lự, bốn vô sắc có bao nhiêu thứ thành tựu, bao nhiêu thứ không thành tựu?

Đáp: Tùy tín hành: Đối với vị tương ưng nơi bốn tĩnh lự hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn. Không có: Nghĩa là ái sắc đã hết. Một: Nghĩa là ái nơi cõi Biến tịnh đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết, cho đến bốn: Nghĩa là ái nơi cõi Phạm thế chưa hết.

Đối với tịnh nơi bốn tĩnh lự hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn. Không có: Nghĩa là ái dục chưa hết. Một: Nghĩa là ái dục đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết, cho đến bốn: Nghĩa là ái nơi cõi Biến tịnh đã hết.

Đối với vô lậu nơi bốn tĩnh lự hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn. Không có: Nghĩa là dựa vào định vị chí, nhập chánh tánh ly sinh. Một: Nghĩa là dựa vào tĩnh lự thứ nhất, hoặc tĩnh lự trung gian, nhập chánh tánh ly sinh, cho đến bốn: Nghĩa là dựa vào tĩnh lự thứ tư, nhập chánh tánh ly sinh.

Đối với vị tương ưng nơi bốn vô sắc hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn. Một: Nghĩa là ái nơi Vô sở hữu xứ đã hết, ái xứ trên chưa hết, cho đến bốn: Nghĩa là ái của Không vô biên xứ chưa hết.

Đối với tịnh nơi bốn vô sắc hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn. Không có: Nghĩa là ái sắc chưa hết. Một: Nghĩa là ái sắc đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết, cho đến bốn: Nghĩa là ái của Vô sở hữu xứ đã hết.

Đối với vô lậu nơi ba vô sắc đều không thành tựu.

Như Tùy tín hành, *Tùy pháp hành* cũng như vậy.

Tín thắng giải: Đối với vị tương ưng nơi bốn tĩnh lự hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn. Không có: Nghĩa là ái sắc đã hết. Một: Nghĩa là ái của cõi Biến tịnh đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết, cho đến bốn: Nghĩa là ái của cõi Phạm thế chưa hết.

Đối với tịnh nơi bốn tĩnh lự hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn. Không có: Nghĩa là ái dục chưa hết, hoặc sinh nơi cõi Vô sắc. Một: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, ái dục đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Phạm thế, tức ái nơi cõi ấy chưa hết. Hoặc sinh nơi cõi Cực quang tịnh, tức ái của cõi ấy chưa hết. Hoặc sinh ở cõi Biến tịnh, tức ái nơi cõi ấy chưa hết. Hoặc sinh ở cõi Quảng quả. Hai: Nghĩa là sinh ở cõi Dục, cõi Phạm thế, ái của cõi Phạm thế đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết. Hoặc sinh ở cõi Cực quang tịnh, tức ái nơi cõi ấy đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết. Hoặc sinh ở cõi Biến tịnh, tức ái nơi cõi ấy đã hết. Ba: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, ái của cõi Phạm thế, cõi Cực quang tịnh đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết.

Hoặc sinh ở cõi Cực quang tịnh, ái nơi cõi Biến tịnh hết. Bốn: Nghĩa là sinh ở cõi Dục, cõi Phạm thế, ái của cõi Biến tịnh đã hết.

Đối với vô lậu nơi bốn tinh lự hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn. Không có: Nghĩa là ái của cõi Dục chưa hết. Một: Nghĩa là ái của cõi Dục đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết, cho đến bốn: Nghĩa là ái của cõi Biến tịnh đã hết.

Đối với vị tương ưng nơi bốn vô sắc hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn. Một: Nghĩa là ái của Vô sở hữu xứ đã hết, ái của xứ trên chưa hết, cho đến bốn: Nghĩa là ái của Không vô biên xứ chưa hết.

Đối với tịnh nơi bốn vô sắc hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba bốn. Không có: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, ái của cõi Sắc chưa hết. Một: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, ái của cõi Sắc đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết. Hoặc sinh nơi Không vô biên xứ, tức ái nơi cõi ấy chưa hết. Hoặc sinh nơi Thức vô biên xứ, tức ái nơi cõi ấy chưa hết. Hoặc sinh nơi Vô sở hữu xứ, tức ái nơi cõi ấy chưa hết. Hoặc sinh nơi Phi tướng phi phi tướng xứ. Hai: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, Không vô biên xứ, ái của Không vô biên xứ đã hết, ái nơi xứ trên chưa hết. Hoặc sinh nơi Thức vô biên xứ, tức ái của xứ ấy đã hết, ái nơi xứ trên chưa hết. Hoặc sinh nơi Vô sở hữu xứ, tức ái nơi xứ ấy đã hết. Ba: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, Không vô biên xứ, ái của Thức vô biên xứ đã hết, ái nơi xứ trên chưa hết. Hoặc sinh nơi Thức vô biên xứ, ái của Vô sở hữu xứ đã hết. Bốn: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, Không vô biên xứ, ái của Vô sở hữu xứ đã hết.

Đối với vô lậu nơi ba vô sắc hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba. Không có: Nghĩa là ái sắc chưa hết. Một: Nghĩa là ái sắc đã hết, ái nơi cõi trên chưa hết. Cho đến ba: Nghĩa là ái của Thức vô biên xứ đã hết.

Như Tín thắng giải, *Kiến chí* cũng như vậy.

Thân chứng: Đối với vị tương ứng nơi bốn tĩnh lực đều không thành tựu.

Đối với tịnh nơi bốn tĩnh lực hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn. Không có: Nghĩa là sinh nơi xứ Phi tướng phi phi tướng. Một: Nghĩa là sinh ở cõi Quảng quả. Cho đến bốn: Nghĩa là sinh ở cõi Dục, cõi Phạm thế.

Đối với vô lậu nơi bốn tĩnh lực đều thành tựu.

Đối với vị tương ứng nơi bốn vô sắc thành tựu một, không thành tựu ba.

Đối với tịnh nơi bốn vô sắc hoặc thành tựu một, hoặc thành tựu bốn. Một: Nghĩa là sinh ở cõi Phi tướng phi phi tướng xứ. Bốn: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc.

Đối với vô lậu nơi ba vô sắc đều thành tựu.

Tuệ giải thoát: Đối với vị tương ứng nơi bốn tĩnh lực đều không thành tựu. Đối với tịnh nơi bốn tĩnh lực hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn. Không có: Nghĩa là sinh nơi cõi Vô sắc. Một: Nghĩa là sinh ở cõi Quảng quả. Cho đến bốn: Nghĩa là sinh ở cõi Dục, cõi Phạm thế. Đối với vô lậu nơi bốn tĩnh lực đều thành tựu.

Đối với vị tương ứng nơi bốn vô sắc đều không thành tựu. Đối với tịnh nơi bốn vô sắc hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn. Một: Nghĩa là sinh ở cõi Phi tướng phi phi tướng xứ. Cho đến bốn: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc, Không vô biên xứ. Đối với vô lậu nơi ba vô sắc đều thành tựu.

Câu giải thoát: Đối với vị tương ứng nơi bốn tĩnh lực đều không thành tựu. Đối với tịnh nơi bốn tĩnh lực hoặc không có, hoặc thành tựu một, hai, ba, bốn. Không có: Nghĩa là sinh ở cõi Phi tướng phi phi tướng xứ. Một: Nghĩa là sinh ở cõi Quảng quả. Cho đến bốn: Nghĩa

là sinh ở cõi Dục, cõi Phạm thế. Đối với vô lậu nơi bốn tinh lục đều thành tựu.

Đối với vị tương ưng nơi bốn vô sắc đều không thành tựu. Đối với tịnh nơi bốn vô sắc hoặc thành tựu một, hoặc bốn. Một: Nghĩa là sinh ở cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Bốn: Nghĩa là sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc. Đối với vô lậu nơi ba vô sắc đều thành tựu.

*

Hỏi: Từng có thành tựu vị tương ưng nơi bốn tinh lục, không phải là tịnh, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là ái dục chưa hết.

Hỏi: Từng có thành tựu tịnh nơi bốn tinh lục, không phải là vị tương ưng, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là phàm phu sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, ái sắc đã hết.

Hỏi: Từng có thành tựu vô lậu nơi bốn tinh lục, không phải là vị tương ưng, không phải là tịnh chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Từng có thành tựu tịnh, vô lậu nơi bốn tinh lục, không phải là vị tương ưng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, ái sắc đã hết.

Hỏi: Từng có thành tựu hai hoặc ba thứ khác chăng?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Từng có không thành tựu vị tương ưng nơi bốn tinh lục, không phải là tịnh, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, ái sắc đã hết.

Hỏi: Tùng có không thành tựu tịnh nơi bốn tĩnh lự, không phải là vị tương ưng, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có không thành tựu vô lậu nơi bốn tĩnh lự, không phải là vị tương ưng, không phải là tịnh chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có không thành tựu vị tương ưng, tịnh nơi bốn tĩnh lự, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là Thánh giả sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Tùng có không thành tựu vị tương ưng, vô lậu nơi bốn tĩnh lự, không phải là tịnh chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là phàm phu sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế, ái sắc đã hết.

Hỏi: Tùng có không thành tựu tịnh, vô lậu nơi bốn tĩnh lự, không phải là vị tương ưng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là ái dục chưa hết.

Hỏi: Tùng có không thành tựu vị tương ưng, tịnh, vô lậu nơi bốn tĩnh lự chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là phàm phu sinh nơi cõi Vô sắc.

*

Hỏi: Tùng có thành tựu vị tương ưng nơi bốn vô sắc, không phải là tịnh, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là ái sắc chưa hết.

Hỏi: Từng có thành tựu tịnh, vô lậu nơi bốn vô sắc, không phải là vị tương ưng chãng?

Đáp: Có. Nghĩa là A-la-hán sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc và nơi Không vô biên xứ.

Hỏi: Từng có thành tựu khác chãng?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Từng có không thành tựu vị tương ưng nơi bốn vô sắc, không phải là tịnh, không phải là vô lậu chãng?

Đáp: Có. Nghĩa là A-la-hán sinh nơi cõi Dục, cõi Sắc và Không vô biên xứ.

Hỏi: Từng có không thành tựu tịnh, vô lậu nơi bốn vô sắc, không phải là vị tương ưng chãng?

Đáp: Có. Nghĩa là ái sắc chưa hết.

Hỏi: Từng có không thành tựu thứ khác chãng?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Từng có được vị tương ưng nơi bốn tinh lự, không phải là tịnh, không phải là vô lậu chãng?

Đáp: Có. Nghĩa là ái sắc đã hết, khi khởi triền nơi cõi Dục đã thoái chuyển, hoặc khi mất nơi cõi Vô sắc sinh nơi cõi Dục.

Hỏi: Từng có được tịnh nơi bốn tinh lự, không phải là vị tương ưng, không phải là vô lậu chãng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có được vô lậu nơi bốn tĩnh lự, không phải là vị tương ưng, không phải là tịnh chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là dựa vào tĩnh lự thứ tư, nhập chánh tánh ly sinh, hoặc khi được quả A-la-hán.

Hỏi: Tùng có được thứ khác chẳng?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Tùng có xả vị tương ưng nơi bốn tĩnh lự, không phải là tịnh, không phải là vô lậu chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có xả tịnh nơi bốn tĩnh lự, không phải là vị tương ưng, không phải là vô lậu chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là phạm phu nơi cõi Biên tịnh ái đã hết, khi khởi triền nơi cõi Dục, thoái chuyển, hoặc khi mất ở cõi Dục, cõi Phạm thế, sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Tùng có xả tịnh, vô lậu nơi bốn tĩnh lự, không phải là vị tương ưng chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là Thánh giả khi ái nơi cõi Biên tịnh đã hết, khởi triền nơi cõi Dục và thoái lui.

Hỏi: Tùng có xả khác chẳng?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Tùng có được vị tương ưng nơi bốn vô sắc, không phải là tịnh, không phải là vô lậu chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là khi A-la-hán khởi triền nơi cõi Dục, cõi Sắc và thoái lui.

Hỏi: Tùng có được vô lậu nơi ba vô sắc, không phải là vị tương ưng, không phải là tịnh chãng?

Đáp: Có. Nghĩa là khi được quả A-la-hán.

Hỏi: Tùng có được thứ khác chãng?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Tùng có xả vị tương ưng nơi bốn vô sắc, không phải là tịnh, không phải là vô lậu chãng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có xả tịnh nơi bốn vô sắc, không phải là vị tương ưng, không phải là vô lậu chãng?

Đáp: Có. Nghĩa là khi phàm phu đã dứt hết ái của Vô sở hữu xứ, khởi triển nơi cõi Dục, cõi Sắc và thoái lui.

Hỏi: Tùng có xả vô lậu nơi bốn vô sắc, không phải là vị tương ưng, không phải là tịnh chãng?

Đáp: Có. Nghĩa là bậc tín thắng giải khi luyện căn, dứt hết ái nơi cõi Thức vô biên xứ.

Hỏi: Tùng có xả tịnh, vô lậu nơi bốn vô sắc, không phải là vị tương ưng chãng?

Đáp: Có. Nghĩa là khi Thánh giả đã dứt hết ái của Vô sở hữu xứ, khởi triển nơi cõi Dục, cõi Sắc và thoái lui.

Hỏi: Tùng có xả thứ khác chãng?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Tùng có thoái lui vị tương ưng nơi bốn tĩnh lự, không phải là tịnh, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có thoái lui tịnh nơi bốn tĩnh lự, không phải là vị tương ưng, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là phàm phu đã dứt hết ái của cõi Biến tịnh, lúc khởi triền nơi cõi Dục và thoái lui.

Hỏi: Tùng có thoái lui tịnh, vô lậu nơi bốn tĩnh lự, không phải là vị tương ưng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là Thánh giả đã dứt hết ái của cõi Biến tịnh, khi khởi triền nơi cõi Dục và thoái lui.

Hỏi: Tùng có thoái lui thứ khác chăng?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Tùng có thoái lui vị tương ưng nơi bốn vô sắc, không phải là tịnh, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có thoái lui tịnh nơi bốn vô sắc, không phải là vị tương ưng, không phải là vô lậu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là phàm phu đã dứt hết ái của Vô sở hữu xứ, lúc khởi triền nơi cõi Dục, cõi Sắc và thoái lui.

Hỏi: Tùng có thoái lui tịnh, vô lậu nơi bốn vô sắc, không phải là vị tương ưng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là Thánh giả đã dứt hết ái của Vô sở hữu xứ, lúc khởi triền nơi cõi Dục, cõi Sắc và thoái lui.

Hỏi: Tùng có thoái lui thứ khác không?

Đáp: Không có.

*

Hỏi: Tùng có vị tương ưng nơi bốn tĩnh lự đạt được tức khắc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là khi ái sắc hết, khởi triền nơi cõi Dục, cõi Phạm thế và thoái lui. Hoặc khi mất nơi cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục, cõi Phạm thế.

Hỏi: Tùng có vị tương ưng nơi bốn tĩnh lự xả bỏ tức khắc chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có vị tương ưng nơi bốn tĩnh lự đạt được dần dần chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Tùng có vị tương ưng nơi bốn tĩnh lự xả bỏ dần dần chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Tùng có tịnh nơi bốn tĩnh lự đạt được tức khắc chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có tịnh nơi bốn tĩnh lự xả bỏ tức khắc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là khi ái của cõi Biến tịnh đã hết, khởi triền nơi cõi Dục và thoái lui. Hoặc mất ở cõi Dục, cõi Phạm thế, sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Tùng có tịnh nơi bốn tĩnh lự đạt được dần dần chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Tùng có tịnh nơi bốn tĩnh lự xả bỏ dần dần chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Tùng có vô lậu nơi bốn tĩnh lự đạt được tức khắc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là dựa vào tĩnh lự thứ tư, nhập chánh tánh ly sinh, hoặc được quả A-la-hán.

Hỏi: Tùng có vô lậu nơi bốn tĩnh lự xả bỏ tức khắc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là Thánh giả khi ái của cõi Biến tịnh đã hết, khởi triền nơi cõi Dục và thoái lui.

Hỏi: Tùng có vô lậu nơi bốn tĩnh lự đạt được dần dần chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Tùng có vô lậu nơi bốn tĩnh lự xả bỏ dần dần chăng?

Đáp: Có.

*

Hỏi: Tùng có vị tương ưng nơi bốn vô sắc đạt được tức khắc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là A-la-hán khi khởi triền nơi cõi Dục, cõi Sắc, và Không vô biên xứ cùng thoái lui.

Hỏi: Tùng có vị tương ưng nơi bốn vô sắc xả bỏ tức khắc chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có vị tương ưng nơi bốn vô sắc đạt được dần dần chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Tùng có vị tương ưng nơi bốn vô sắc xả bỏ dần dần chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Tùng có tịnh nơi bốn vô sắc đạt được tức khắc chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có tịnh nơi bốn vô sắc xả bỏ tức khắc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là ái của Vô sở hữu xứ đã hết, khi khởi thiền nơi cõi Dục, cõi Sắc và thoái lui.

Hỏi: Tùng có tịnh nơi bốn vô sắc đạt được dần dần chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Tùng có tịnh nơi bốn vô sắc xả bỏ dần dần chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Tùng có vô lậu nơi ba vô sắc đạt được tức khắc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là khi đắc quả A-la-hán.

Hỏi: Tùng có vô lậu nơi ba vô sắc xả bỏ tức khắc chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là Thánh giả khi ái của cõi Thức vô biên xứ đã hết, khởi thiền nơi cõi Dục, cõi Sắc và thoái lui.

Hỏi: Tùng có vô lậu nơi ba vô sắc đạt được dần dần chăng?

Đáp: Có.

Hỏi: Tùng có vô lậu nơi ba vô sắc xả bỏ dần dần chăng?

Đáp: Có.

*

Hỏi: Biểu, vô biểu của thân ngữ dựa vào định nào diệt?

Đáp: Biểu của thân ngữ dựa vào thứ nhất hoặc vị chí, vô biểu của thân ngữ dựa vào bốn hoặc vị chí.

Hỏi: Ba hành ác, ba hành diệu, ba căn bất thiện, ba căn thiện, dựa vào định nào diệt?

Đáp: Dựa vào vị chí.

Hỏi: Bốn phi thánh ngữ, bốn thánh ngữ, bốn sinh, bốn thứ vào thai, bốn thức trụ, dựa vào định nào diệt?

Đáp: Bốn phi thánh ngữ, bốn thánh ngữ, thai, noãn, thấp sinh, bốn thứ vào thai, dựa vào vị chí. Hóa sinh, ba thức trụ sau dựa vào bảy hoặc vị chí. Thức trụ sắc dựa vào bốn hoặc vị chí.

Hỏi: Năm uẩn, năm thủ uẩn, năm thú (nẻo), năm diệu dục, năm Học xứ dựa vào định nào diệt?

Đáp: Sắc uẩn, sắc thủ uẩn dựa vào bốn hoặc vị chí. Bốn uẩn, bốn thủ uẩn, nẻo trời (Thiên thú) dựa vào bảy hoặc vị chí. Bốn nẻo còn lại, năm diệu dục, năm Học xứ dựa vào vị chí.

Hỏi: Sáu nội xứ, sáu ngoại xứ, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, sáu ái thân dựa vào định nào diệt?

Đáp: Năm nội xứ, ngoại xứ của sắc, thanh, xúc dựa vào bốn hoặc vị chí. Nội xứ ý, ngoại xứ pháp, ý thức thân và xúc, thọ, tưởng, tư, ái thân tương ưng với ý thức thân kia dựa vào bảy hoặc vị chí. Ngoại xứ hương, vị, tỷ, thiết thức thân, cùng xúc, thọ, tưởng, tư ái thân tương ưng với ý thức kia dựa vào vị chí. Nhãn, nhĩ, thân thức thân cùng xúc, thọ, tưởng, tư, ái thân tương ưng với thân thức kia dựa vào định thứ nhất hoặc vị chí.

Hỏi: Bảy thức trụ, tám thế pháp, chín hữu tình cư, mười nghiệp đạo dựa vào định nào diệt?

Đáp: Thức trụ thứ nhất, tám thế pháp, hữu tình cư thứ nhất, mười nghiệp đạo dựa vào vị chí. Hữu tình cư thứ hai, thức trụ thứ hai dựa vào định thứ nhất hoặc vị chí. Hữu tình cư thứ ba, thức trụ thứ ba dựa vào hai hoặc vị chí. Hữu tình cư thứ tư và thức trụ thứ tư dựa vào ba hoặc vị chí. Hữu tình cư thứ năm dựa vào bốn hoặc vị chí. Thức trụ thứ năm, hữu tình cư thứ sáu dựa vào năm hoặc vị chí. Thức trụ thứ sáu, hữu tình cư thứ bảy dựa vào sáu hoặc vị chí. Thức trụ thứ bảy, hữu tình cư thứ tám, thức chín dựa vào bảy hoặc vị chí.

Hỏi: Bốn tĩnh lự, bốn vô lượng, bốn vô sắc, tám giải thoát, tám thắng xứ, mười biến xứ dựa vào định nào diệt?

Đáp: Tĩnh lự thứ nhất dựa vào định thứ nhất hoặc vị chí. Tĩnh lự thứ hai, hỷ vô lượng, hai giải thoát đầu, bốn thắng xứ trước, dựa vào hai hoặc vị chí. Tĩnh lự thứ ba dựa vào ba hoặc vị chí. Tĩnh lự thứ tư, ba vô lượng, tịnh giải thoát, bốn thắng xứ sau, tám biến xứ trước dựa vào bốn hoặc vị chí, Không vô biên xứ cùng biến xứ giải thoát kia dựa vào năm hoặc vị chí. Thức vô biên xứ cùng biến xứ giải thoát kia dựa vào sáu hoặc vị chí. Hai vô sắc sau, ba giải thoát sau dựa vào bảy hoặc vị chí.

Hỏi: Tha tâm trí, thế tục trí dựa vào định nào diệt?

Đáp: Tha tâm trí dựa vào bốn hoặc vị chí. Thế tục trí dựa vào bảy hoặc vị chí.

Phẩm 4: BÀN VỀ BÁT HOÀN

Tụng nêu chung:

*Bát hoàn, học, vô học
Thuận nghịch trụ tột hai
Bồ-tát ký nguyện trí
Vô tránh, bốn đôi riêng.
Điều phục pháp trụ, đoạn
Pháp, tùy pháp và hành
Pháp luân, chánh pháp, đời
Chương này xin nói đủ.*

*

Có năm Bất hoàn: Trung bát Niết-bàn, Sinh bát Niết-bàn, Hữu hành bát Niết-bàn, Vô hành bát Niết-bàn, Thượng lưu vãng sắc cứu cánh.

Hỏi: Là năm gồm thâm tất cả hay là tất cả gồm thâm năm ?

Đáp: Tất cả gồm thâm năm, không phải năm gồm thâm tất cả. Những gì là không gồm thâm? Nghĩa là Hiện pháp bát Niết-bàn và Bất hoàn vãng vô sắc.

Hỏi: Trung bát Niết-bàn, Sinh bát Niết-bàn: Niết-bàn nào là hơn?

Đáp: Nếu trụ cùng đoạn thì Trung bát Niết-bàn là hơn. Nếu Sinh bát Niết-bàn đoạn kiệt nhiều thì Niết-bàn ấy là hơn.

Hỏi: Trung bát Niết-bàn cho đến Thượng lưu vãng sắc cứu cánh: Niết-bàn nào là hơn?

Đáp: Nếu trụ cùng đoạn thì Trung bát Niết-bàn là hơn. Hoặc cho đến Thượng lưu vãng sắc cứu cánh đoạn kiệt nhiều thì Niết-bàn ấy là hơn.

Hỏi: Như thế, Sinh bát Niết-bàn cho đến Thượng lưu vãng sắc cứu cánh, Hữu hành bát Niết-bàn cho đến Thượng lưu vãng sắc cứu cánh, Vô hành bát Niết-bàn cho đến Thượng lưu vãng sắc cứu cánh: Niết-bàn nào là hơn?

Đáp: Nếu trụ cùng đoạn thì Sinh bát Niết-bàn là hơn. Nếu Hữu hành bát Niết-bàn đoạn kiệt nhiều thì Niết-bàn ấy là hơn.

*

Hỏi: Các học, tất cả học ấy vì được điều chưa được mà học chăng? Nếu vì được điều chưa được mà học, tất cả học ấy là học chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có học không phải vì được điều chưa được mà học: Nghĩa là học trụ nơi bản tánh. 2. Có vì được

điều chưa được mà học, học ấy không phải là học: Nghĩa là A-la-hán và phàm phu tiến cầu pháp trên. 3. Có học cũng vì được điều chưa được mà học: Nghĩa là học tiến cầu pháp trên. 4. Có không phải là học cũng không phải vì được điều chưa được mà học: Nghĩa là A-la-hán và phàm phu trụ nơi bản tánh.

Hỏi: Các vô học, tất cả vô học ấy không vì được điều chưa được mà học chăng? Nếu không vì được điều chưa được mà học, tất cả vô học đó là vô học chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có vô học không phải không vì được điều chưa được mà học: Nghĩa là A-la-hán tiến cầu pháp trên. 2. Có không vì được điều chưa được mà học, học ấy không phải là vô học: Nghĩa là hàng học và phàm phu trụ nơi bản tánh. 3. Có vô học cũng là không vì được điều chưa được mà học: Nghĩa là A-la-hán trụ nơi bản tánh. 4. Có không phải là vô học cũng không phải không vì được điều chưa được mà học: Nghĩa là hàng học và phàm phu tiến cầu pháp trên.

*

Hỏi: Thế nào là nghĩa của thuận lưu?

Đáp: Là đối với các sinh, các nẻo (thú), các hữu, các chủng loại, các sự sinh tử, làm chi, làm môn, làm sự, làm đạo, làm dấu vết hướng tới, là nghĩa của thuận lưu.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của nghịch lưu?

Đáp: Là đối với sự sinh diệt, nẻo diệt, hữu diệt, chủng loại diệt, sinh tử diệt, làm chi, làm môn, làm sự, làm đạo, làm dấu vết hướng tới, là nghĩa của nghịch lưu.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của tự trụ?

Đáp: Là không phải đối với các sinh, cho đến các sinh tử, làm chi cho đến làm dấu vết hướng tới. Cũng không phải đối với các sinh

diệt cho đến sinh tử diệt, làm chi, cho đến làm dấu vết hương tới, là nghĩa của tự trụ.

Hỏi: Các A-la-hán, tất cả A-la-hán ấy là tự trụ chăng? Nếu là tự trụ, tất cả tự trụ ấy là A-la-hán chăng?

Đáp: Các A-la-hán, tất cả A-la-hán ấy đều là tự trụ. Có tự trụ không phải là A-la-hán: Nghĩa là Bất hoàn. Như Đức Thế Tôn nói:

*Vĩnh đoạn năm phiền não
Học mãi pháp không dần
Được định căn tự trụ
Người ấy gọi tự trụ.*

Hỏi: Các đắc là cấm chế tận cùng, tất cả đắc ấy là dấu vết tận cùng chăng? Nếu đắc là dấu vết tận cùng, tất cả đắc ấy là cấm chế tận cùng chăng?

Đáp: Các đắc là cấm chế tận cùng, tất cả đắc ấy là dấu vết tận cùng. Có đắc là dấu vết tận cùng, không phải là đắc cấm chế tận cùng: Nghĩa là Bất hoàn. Như Đức Thế Tôn nói: Thế nào là Bí-sô đắc dấu vết tận cùng? Nghĩa là đối với năm kiết thuận phần dưới đã nhận biết khắp và vĩnh viễn đoạn dứt.

*

Hỏi: Ngang với gì được gọi là Bồ-tát?

Đáp: Ngang với khả năng tạo tác tướng tăng trưởng.

Hỏi: Dị thực của nghiệp được gì gọi là Bồ-tát?

Đáp: Được tướng nơi dị thực của nghiệp.

*

Như nói: “Từ Thị! Ở đời vị lai ông sẽ được thành Phật, tên là Từ Thị, là bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác”.

Hỏi: Đây là trí gì?

Đáp: Là nhân trí, đạo trí.

Hỏi: Trí này đối với gì chuyên?

Đáp: Có đối với tướng nơi dị thực của nghiệp chuyên, do đó gọi là nhân trí. Có đối với căn, lực, giác chi, đạo chi vô lậu đạt được đạo quả Bồ-đề vô thượng chuyên, do đó gọi là đạo trí.

Như nói: “Bí-sô này tức ở nơi hiện pháp nên biện minh về Thánh chí”.

Hỏi: Đây là trí gì?

Đáp: Là đạo trí.

Hỏi: Trí này đối với gì chuyên?

Đáp: Trí này đối với giác chi, đạo chi, căn, lực vô lậu, được các lậu vĩnh viễn dứt hết chuyên, do đây gọi là đạo trí.

*

Hỏi: Thế nào là nguyện trí?

Đáp: Như A-la-hán thành tựu thân thông, được tâm tự tại, tùy theo nghĩa muốn biết, phát chánh nguyện xong, liền nhập nơi cảnh giới tận cùng của tính lực thứ tư. Từ định khởi xong, như nguyện đều nhận biết.

Hỏi: Nguyện trí nên nói là thiện, là vô ký chăng?

Đáp: Hoặc là thiện, hoặc là vô ký.

*

Hỏi: Thế nào là hành vô tránh?

Đáp: Khi tất cả A-la-hán khéo đạt nội tại, bên ngoài không như thế. Nếu khi cũng khéo đạt ngoại tại, gọi là hành vô tránh.

Hỏi: Vô tránh gọi là pháp gì?

Đáp: Khiến cho sự nối tiếp của người khác chuyển biến không có ứ ạp.

*

Như nói: “Trong các đệ tử của Ta, Nhân Nho Đồng là thông tuệ thứ nhất, Bà-hí-ca là mẫn tiệp thứ nhất”.

Hỏi: Hai vị này khác biệt thế nào?

Đáp: Tôn giả Nhân Nho Đồng: tâm ngay thẳng, tâm không cong vạy, tâm thuần chất tăng thượng. Tôn giả Bà-hí-ca: tâm bình đẳng, tâm thâm nhuần, tâm điều hợp, tâm hòa thuận tăng thượng.

Như nói: “Trong các đệ tử của Ta, Tiểu Lộ là tâm chuyên về thiện, Đại Lộ là tướng chuyển về thiện”.

Hỏi: Hai vị ấy khác biệt thế nào?

Đáp: Tôn giả Tiểu Lộ phần nhiều trụ nơi tâm, noi theo tâm, quán niệm trụ. Tôn giả Đại Lộ phần nhiều trụ nơi pháp, noi theo pháp, quán niệm trụ.

Như nói: “Trong các đệ tử của Ta, Xá-lợi-tử đủ đại tuệ biện, Chấp Đại Tạng được vô ngại giải”.

Hỏi: Hai vị ấy khác biệt thế nào?

Đáp: Tôn giả Xá-lợi-tử phần nhiều trụ nơi nghĩa vô ngại giải. Tôn giả Chấp Đại Tạng phần nhiều trụ nơi bốn vô ngại giải.

Như nói: “Trong các đệ tử của Ta, Đại Ca-diếp-ba thiếu dục, tri túc, đủ hạnh đầu đà, Bạc-củ-la ít bệnh, kiềm ước, đủ giới hạnh thanh tịnh”.

Hỏi: Hai vị ấy khác biệt thế nào?

Đáp: Tôn giả Đại Ca-diếp-ba khi có được các thức ăn uống, hoặc ngon hoặc dở, luôn ăn theo thứ lớp, không có lựa chọn. Tôn

giả Bạc-cử-la khi có được thức ăn uống, hoặc ngon hoặc dở, lựa bỏ thứ ngon ăn thứ dở. Lại nữa, Tôn giả Đại Ca-diếp-ba nhận thức rộng, phước lớn, dễ được y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc thang cùng các vật dụng cần thiết khác, trước không thọ nhận công đức của hạnh Đầu-đà, nhưng vẫn có thể phụng hành. Tôn giả Bạc-cử-la thì kiến văn không rộng, phước không lớn, khó được các thứ y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc thang cùng những vật dụng cần thiết khác, trước đã thọ nhận công đức của hạnh đầu đà, cũng có thể phụng hành. Bí-sô ít kiến thức, thọ nhận công đức của hạnh Đầu-đà, ở trong ấy tùy duyên, điều này không lấy làm khó.

*

Như nói: “Đại Danh học, phần nhiều trụ nơi năm cái, đoạn trừ dần”.

Hỏi: Ở đây, thế nào là học?

Đáp: Là Dữ lưu, hoặc Nhất lai.

Hỏi: Thế nào là học phần nhiều trụ nơi năm cái, đoạn trừ dần?

Đáp: Đoạn trừ dần, lia dần, điều phục dần, dứt bỏ dần.

*

Như nói: “Bí-sô vì pháp xả bỏ nên Tỳ-nại-da xả bỏ, vì Tỳ-nại-da xả bỏ nên pháp xả bỏ”.

Hỏi: Thế nào là pháp?

Đáp: Là tám chi Thánh đạo.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-nại-da?

Đáp: Là tham, sân, si diệt.

Hỏi: Thế nào là vì pháp xả bỏ nên Tỳ-nại-da xả bỏ, vì Tỳ-nại-da xả bỏ nên pháp xả bỏ?

Đáp: Nếu đối với tám chi Thánh đạo, lúc không tu tập, Hành giả kia đối với tham, sân, si cần trừ diệt, không thể tác chứng. Hoặc đối với tham sân si cần diệt trừ, lúc không thể tác chứng, nên Hành giả kia đối với tám chi thánh đạo không thể tu tập. Do nhân duyên ấy nên nói như thế.

*

Như nói: “Pháp tùy pháp hành”.

Hỏi: Thế nào là pháp?

Đáp: Là Niết-bàn tịch diệt.

Hỏi: Thế nào là tùy pháp?

Đáp: Là tám chi Thánh đạo.

Hỏi: Thế nào là pháp tùy pháp hành?

Đáp: Nếu ở trong ấy tùy theo nghĩa mà hành.

Lại nữa, biệt giải thoát gọi là pháp. Biệt giải thoát luật nghi gọi là tùy pháp. Nếu ở trong ấy tùy theo nghĩa mà hành, gọi là pháp tùy pháp hành.

Lại nữa, luật nghi thân, luật nghi ngữ, thọ mạng thanh tịnh gọi là pháp, thọ nhận đây gọi là tùy pháp. Nếu ở trong ấy tùy theo nghĩa mà hành gọi là pháp tùy pháp hành.

*

Hỏi: Thế nào là pháp luân?

Đáp: Là tám chi Thánh đạo.

Hỏi: Ngang với đâu nên nói là chuyển pháp luân?

Đáp: Như lúc Tôn giả A Nhã Đa Kiền-trần-na kiến pháp.

*

Hỏi: Thế nào là chánh pháp?

Đáp: Là căn, lực, giác chi, đạo chi vô lậu.

Hỏi: Ngang với đâu nên nói là chánh pháp trụ?

Đáp: Như vào lúc người hành pháp trụ.

Hỏi: Ngang với đâu nên nói là chánh pháp diệt?

Đáp: Như vào lúc người hành pháp diệt.

*

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập vô lậu nơi tĩnh lực thứ nhất, do được định này nên được các tâm, tâm sở pháp vô lậu khác, tâm ấy thuộc về đời nào?

Đáp: Thuộc về đời vị lai.

Hỏi: Nếu đầu tiên nhập, cho đến nhập vô lậu nơi xứ Vô sở hữu, do được vô lậu này nên được các tâm, tâm sở pháp vô lậu khác, tâm ấy thuộc về đời nào?

Đáp: Thuộc về đời vị lai.

*

Hỏi: Các thứ sinh thuộc về đời nào?

Đáp: Thuộc về đời vị lai.

Hỏi: Các thứ diệt thuộc về đời nào?

Đáp: Thuộc về đời hiện tại.

HẾT - QUYỂN 18

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 19

Chương 7: ĐỊNH UẨN

Phẩm 5: BÀN VỀ NHẤT HÀNH

Tụng nêu chung:

*Một hành sáu bảy tu
 Hai trí đoạn tánh chánh
 Hai lạc khác hai khởi
 Tướng định xuất định nghe
 Giác chi định bất định
 Thiên nhãn, nhĩ, đoạn biết
 Thoái đắc quả năm thông
 Chương này xin nói đủ.*

*

Ba Tam-ma-địa là không, vô nguyện, vô tướng.

Hỏi: Nếu thành tựu không thì thành tựu vô nguyện chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu vô nguyện thì thành tựu không chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu không thì thành tựu vô tướng chẳng?

Đáp: Nếu được.

Hỏi: Nếu như thành tựu vô tướng thì thành tựu không chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu vô nguyện thì thành tựu vô tướng chẳng?

Đáp: Nếu được.

Hỏi: Nếu như thành tựu vô tướng thì thành tựu vô nguyện chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu không quá khứ thì thành tựu không vị lai chẳng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu không vị lai thì thành tựu không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu không quá khứ thì thành tựu không hiện tại chẳng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu không hiện tại thì thành tựu không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu không vị lai thì thành tựu không hiện tại chẳng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu không hiện tại thì thành tựu không vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu không quá khứ thì thành tựu không hiện tại, vị lai chăng?

Đáp: Vị lai thành tựu, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu không hiện tại, vị lai, thì thành tựu không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu không vị lai thì thành tựu không quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Có thành tựu không vị lai không phải là quá khứ, hiện tại. Có thành tựu không vị lai, quá khứ, không phải là hiện tại. Có thành tựu không vị lai, hiện tại, không phải là quá khứ. Có thành tựu không vị lai, quá khứ, hiện tại.

Thành tựu không vị lai không phải là quá khứ, hiện tại: Nghĩa là không đã được chưa diệt, giả như diệt rồi mất, không hiện ở trước.

Thành tựu không vị lai, quá khứ, không phải là hiện tại: Nghĩa là không đã diệt không mất, không hiện ở trước.

Thành tựu không vị lai, hiện tại, không phải là quá khứ: Nghĩa là không hiện ở trước, chưa diệt, giả như diệt rồi mất.

Thành tựu không vị lai, quá khứ, hiện tại: Nghĩa là không đã diệt không mất, hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu không quá khứ, hiện tại, thì thành tựu

không vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu không hiện tại thì thành tựu không quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Vị lai thành tựu, quá khứ nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu không quá khứ, vị lai, thì thành tựu không hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

*

Như đối với không, thứ lớp tạo ra sáu trường hợp, nên biết vô nguyện, vô tướng cũng như vậy.

*

Hỏi: Nếu thành tựu không quá khứ thì thành tựu vô nguyện quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu vô nguyện quá khứ thì thành tựu không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu không quá khứ thì thành tựu vô nguyện vị lai chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như thành tựu vô nguyện vị lai thì thành tựu không

quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu không quá khứ thì thành tựu vô nguyên hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu vô nguyên hiện tại thì thành tựu không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

*

Hỏi: Nếu thành tựu không quá khứ thì thành tựu vô nguyên quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Có thành tựu không quá khứ, không phải là vô nguyên quá khứ, hiện tại. Có thành tựu không quá khứ, thành tựu vô nguyên quá khứ, không phải là hiện tại. Có thành tựu không quá khứ, thành tựu vô nguyên hiện tại, không phải là quá khứ. Có thành tựu không quá khứ, cũng thành tựu vô nguyên quá khứ, hiện tại.

Thành tựu không quá khứ, không phải là vô nguyên quá khứ, hiện tại: Nghĩa là không đã diệt không mất, vô nguyên chưa diệt, giả như diệt rồi mất, không hiện ở trước.

Thành tựu không quá khứ, thành tựu vô nguyên quá khứ, không phải là hiện tại: Nghĩa là không, vô nguyên đã diệt không mất, vô nguyên không hiện ở trước.

Thành tựu không quá khứ, thành tựu vô nguyên hiện tại, không

phải là quá khứ: Nghĩa là không đã diệt không mất, vô nguyên hiện ở trước, chưa diệt, giả như diệt rồi mất.

Thành tựu không quá khứ cũng thành tựu vô nguyên quá khứ, hiện tại: Nghĩa là không, vô nguyên đã diệt không mất, vô nguyên hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu vô nguyên quá khứ, hiện tại, thì thành tựu không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu không quá khứ thì thành tựu vô nguyên hiện tại, vị lai chăng?

Đáp: Vị lai thành tựu, hiện tại nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu vô nguyên hiện tại, vị lai, thì thành tựu không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu không quá khứ thì thành tựu vô nguyên quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Vị lai thành tựu, quá khứ nếu đã diệt không mất thì thành tựu, nếu chưa diệt, giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu vô nguyên quá khứ, vị lai, thì thành tựu không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu không quá khứ thì thành tựu vô nguyên quá khứ, hiện tại, vị lai chăng?

Đáp: Có thành tựu không quá khứ, thành tựu vô nguyện vị lai, không phải là quá khứ, hiện tại. Có thành tựu không quá khứ, thành tựu vô nguyện hiện tại, vị lai, không phải là quá khứ. Có thành tựu không quá khứ, thành tựu vô nguyện quá khứ, vị lai, không phải là hiện tại. Có thành tựu không quá khứ, cũng thành tựu vô nguyện quá khứ, hiện tại, vị lai.

Thành tựu không quá khứ, thành tựu vô nguyện vị lai, không phải là quá khứ, hiện tại: Nghĩa là không đã diệt không mất, vô nguyện chưa diệt, giả như diệt rồi mất, không hiện ở trước.

Thành tựu không quá khứ, thành tựu vô nguyện vị lai, hiện tại, không phải là quá khứ: Nghĩa là không đã diệt không mất, vô nguyện hiện ở trước, chưa diệt, giả sử diệt rồi mất.

Thành tựu không quá khứ, thành tựu vô nguyện quá khứ, vị lai, không phải là hiện tại: Nghĩa là không, vô nguyện đã diệt không mất, vô nguyện không hiện ở trước.

Thành tựu không quá khứ, cũng thành tựu vô nguyện quá khứ, hiện tại, vị lai: Nghĩa là không, vô nguyện đã diệt không mất, vô nguyện hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu vô nguyện quá khứ, hiện tại, vị lai, thì thành tựu không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

*

Hỏi: Nếu thành tựu không quá khứ thì thành tựu vô tướng quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu như thành tựu vô tướng quá khứ thì thành tựu không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu không quá khứ thì thành tựu vô tướng vị lai chăng?

Đáp: Nếu được.

Hỏi: Nếu như thành tựu vô tướng vị lai thì thành tựu không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu không quá khứ thì thành tựu vô tướng hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu vô tướng hiện tại thì thành tựu không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

*

Hỏi: Nếu thành tựu không quá khứ thì thành tựu vô tướng quá khứ, hiện tại chăng?

Đáp: Có thành tựu không quá khứ, không phải là vô tướng quá khứ, hiện tại. Có thành tựu không quá khứ, thành tựu vô tướng quá khứ, không phải là hiện tại. Có thành tựu không quá khứ, thành tựu vô tướng hiện tại, không phải là quá khứ. Có thành tựu không quá khứ, cũng thành tựu vô tướng quá khứ, hiện tại.

Thành tựu không quá khứ, không phải là vô tướng quá khứ, hiện tại: Nghĩa là không đã diệt không mất, vô tướng chưa diệt, giả như diệt rồi mất, không hiện ở trước.

Thành tựu không quá khứ, thành tựu vô tướng quá khứ, không phải là hiện tại: Nghĩa là không, vô tướng đã diệt không mất, vô tướng không hiện ở trước.

Thành tựu không quá khứ, thành tựu vô tướng hiện tại, không phải là quá khứ: Nghĩa là không đã diệt không mất, vô tướng hiện ở trước, chưa diệt, giả như diệt rồi mất.

Thành tựu không quá khứ, cũng thành tựu vô tướng hiện tại, quá khứ: Nghĩa là không, vô tướng đã diệt không mất, vô tướng hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu vô tướng quá khứ, hiện tại, thì thành tựu không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu không quá khứ thì thành tựu vô tướng hiện tại, vị lai chẳng?

Đáp: Có thành tựu không quá khứ, không phải là vô tướng hiện tại, vị lai. Có thành tựu không quá khứ, thành tựu vô tướng vị lai, không phải là hiện tại. Có thành tựu không quá khứ, cũng thành tựu vô tướng hiện tại, vị lai.

Thành tựu không quá khứ, không phải là vô tướng hiện tại, vị lai: Nghĩa là không đã diệt không mất, chưa được vô tướng.

Thành tựu không quá khứ, thành tựu vô tướng vị lai, không phải là hiện tại: Nghĩa là không đã diệt không mất, đã được vô tướng không hiện ở trước.

Thành tựu không quá khứ, cũng thành tựu vô tướng hiện tại, vị lai: Nghĩa là không đã diệt không mất, vô tướng hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu vô tướng hiện tại, vị lai, thì thành tựu không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu không quá khứ thì thành tựu vô tướng quá khứ, vị lai chăng?

Đáp: Có thành tựu không quá khứ, không phải là vô tướng quá khứ, vị lai. Có thành tựu không quá khứ, thành tựu vô tướng vị lai, không phải là quá khứ. Có thành tựu không quá khứ, cũng thành tựu vô tướng quá khứ, vị lai.

Thành tựu không quá khứ, không phải là vô tướng quá khứ, vị lai: Nghĩa là không đã diệt không mất, chưa được vô tướng.

Thành tựu không quá khứ, thành tựu vô tướng vị lai, không phải là quá khứ: Nghĩa là không đã diệt không mất, đã được vô tướng, chưa diệt, giả như diệt rồi mất.

Thành tựu không quá khứ, cũng thành tựu vô tướng quá khứ, vị lai: Nghĩa là không, vô tướng đã diệt không mất.

Hỏi: Nếu như thành tựu vô tướng quá khứ, vị lai, thì thành tựu không quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu không quá khứ thì thành tựu vô tướng quá khứ, hiện tại, vị lai chăng?

Đáp: Có thành tựu không quá khứ, không phải là thành tựu vô tướng quá khứ, hiện tại, vị lai. Có thành tựu không quá khứ, cũng

thành tựu vô tướng vị lai, không phải là quá khứ, hiện tại. Có thành tựu không quá khứ, cũng thành tựu vô tướng hiện tại, vị lai, không phải là quá khứ. Có thành tựu không quá khứ, cũng thành tựu vô tướng quá khứ, vị lai, không phải là hiện tại. Có thành tựu không quá khứ, cũng thành tựu vô tướng quá khứ, hiện tại, vị lai.

Thành tựu không quá khứ, không phải là thành tựu vô tướng quá khứ, hiện tại, vị lai: Nghĩa là không đã diệt không mất, chưa được vô tướng.

Thành tựu không quá khứ, cũng thành tựu vô tướng vị lai, không phải là quá khứ, hiện tại: Nghĩa là không đã diệt không mất, đã được vô tướng, chưa diệt, giả như diệt rồi mất, không hiện ở trước.

Thành tựu không quá khứ, cũng thành tựu vô tướng hiện tại, vị lai, không phải là quá khứ: Nghĩa là không đã diệt không mất, vô tướng hiện ở trước. chưa diệt, giả như diệt rồi mất.

Thành tựu không quá khứ, cũng thành tựu vô tướng quá khứ, vị lai, không phải là hiện tại: Nghĩa là không, vô tướng đã diệt không mất, vô tướng không hiện ở trước.

Thành tựu không quá khứ, cũng thành tựu vô tướng quá khứ, hiện tại, vị lai: Nghĩa là không, vô tướng đã diệt không mất, vô tướng hiện ở trước.

Hỏi: Nếu như thành tựu vô tướng quá khứ, hiện tại, vị lai, thì thành tựu không quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất, thì thành tựu. Nếu chưa diệt, giả như diệt rồi mất thì không thành tựu.

*

Như không đối với vô tướng, nên biết vô nguyện đối với vô tướng cũng như vậy.

Như tiêu bảy, nên biết đại bảy cũng như vậy.

Sự sai biệt: Dùng hai đối một. Như dùng không quá khứ, vô nguyên quá khứ đối với vô tướng quá khứ có bảy.

*

Hỏi: Nếu tu không thì tu vô nguyên chăng? Nếu như tu vô nguyên thì tu không chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu không không phải tu vô nguyên: Nghĩa là đã được không hiện ở trước.

2. Có tu vô nguyên không phải tu không: Nghĩa là đã được vô nguyên hiện ở trước. Nếu chưa được vô nguyên hiện ở trước thì không tu không.

3. Có tu không cũng là tu vô nguyên: Nghĩa là chưa được không hiện ở trước, tu vô nguyên. Nếu chưa được vô nguyên hiện ở trước, tu không. Nếu chưa được vô tướng và chưa được thể tục trí hiện ở trước thì tu không, vô nguyên.

4. Có không phải tu không cũng không phải tu vô nguyên: Nghĩa là đã được vô tướng hiện ở trước. Nếu chưa được vô tướng hiện ở trước thì không tu không, vô nguyên. Nếu đã được thể tục trí hiện ở trước, hoặc chưa được thể tục trí hiện ở trước thì không tu không, vô nguyên. Tất cả tâm nhiễm ô, tâm vô ký của phàm phu đều ở định vô tướng, định diệt tận, sinh nơi cõi trời Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu không thì tu vô tướng chăng? Nếu như tu vô tướng thì tu không chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu không không phải tu vô tướng: Nghĩa là đã được không hiện ở trước. Nếu chưa được không hiện ở trước thì không tu vô

tướng. Nếu chưa được vô nguyện hiện ở trước thì tu không, không phải là vô tướng.

2. Có tu vô tướng không phải tu không: Nghĩa là đã được vô tướng hiện ở trước. Nếu chưa được vô tướng hiện ở trước thì không tu không.

3. Có tu không cũng là tu vô tướng: Nghĩa là chưa được không hiện ở trước, tu vô tướng. Nếu chưa được vô tướng hiện ở trước thì tu không. Nếu chưa được vô nguyện và chưa được thể tục trí hiện ở trước thì tu không, vô tướng.

4. Có không phải tu không cũng không phải tu vô tướng: Nghĩa là đã được vô nguyện hiện ở trước. Nếu chưa được vô nguyện hiện ở trước thì không tu không, vô tướng. Nếu đã được thể tục trí hiện ở trước, hoặc chưa được thể tục trí hiện ở trước thì không tu không, vô tướng. Tất cả tâm nhiễm ô, tâm vô ký của phàm phu đều ở định vô tướng, định diệt tận, sinh nơi cõi trời Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu vô nguyện thì tu vô tướng chăng? Nếu như tu vô tướng thì tu vô nguyện chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu vô nguyện không phải tu vô tướng: Nghĩa là đã được vô nguyện hiện ở trước. Nếu chưa được vô nguyện hiện ở trước và chưa được không hiện ở trước thì không tu vô tướng.

2. Có tu vô tướng không phải tu vô nguyện: Nghĩa là đã được vô tướng hiện ở trước. Nếu chưa được vô tướng hiện ở trước thì không tu vô nguyện.

3. Có tu vô nguyện cũng là tu vô tướng: Nghĩa là chưa được vô nguyện hiện ở trước thì tu vô tướng. Nếu chưa được vô tướng hiện ở trước thì tu vô nguyện. Nếu chưa được không và chưa được thể tục trí hiện ở trước thì tu vô nguyện, vô tướng.

4. Có không phải tu vô nguyện cũng không phải tu vô tướng: Nghĩa là đã được không và thể tục trí hiện ở trước. Nếu chưa được thể tục trí hiện ở trước thì không tu vô nguyện, vô tướng. Tất cả tâm nhiễm ô, tâm vô ký của phàm phu đều ở định vô tướng, định diệt tận, sinh nơi cõi trời Vô tướng.

*

Hỏi: Tùng có kiết do không đoạn không phải là do vô nguyện, vô tướng chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có kiết do vô nguyện đoạn không phải là do không, vô tướng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là kiết do kiến tập, kiến đạo đoạn, vô nguyện đoạn.

Hỏi: Tùng có kiết do vô tướng đoạn không phải là không, vô nguyện chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là kiết do kiến diệt đoạn trừ, vô tướng đoạn.

Hỏi: Tùng có kiết do không, vô nguyện đoạn, không phải là do vô tướng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là kiết do kiến khổ đoạn, không, vô nguyện đoạn.

Hỏi: Tùng có kiết do không, vô tướng đoạn, không phải là vô nguyện chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có kiết do vô nguyện, vô tướng đoạn, không phải là do không chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Từng có kiết do không, vô nguyện, vô tướng đoạn chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là kiết do bậc học kiến tích tu tập đoạn, không, vô nguyện, vô tướng đoạn.

Hỏi: Từng có kiết không phải do không, vô nguyện, vô tướng đoạn mà được đoạn chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là kiết do phạm phu đoạn dứt.

*

Hỏi: Thế nào là tác ý nhập chánh tánh ly sinh?

Đáp: Hoặc tư duy về vô thường, hoặc tư duy về khổ, không, vô ngã.

Hỏi: Hành nhập chánh tánh ly sinh hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc nơi cõi Dục.

*

Hỏi: Tận trí nên nói đối với thân, dựa theo thân, quán niệm trụ chẳng? Cho đến nên nói đối với pháp, dựa theo pháp, quán niệm trụ chẳng?

Đáp: Tận trí nên nói hoặc ở nơi thân, dựa nơi thân, quán niệm trụ. Hoặc đối với thọ, hoặc đối với tâm, hoặc đối với pháp, dựa nơi pháp quán niệm trụ.

Như tận trí, vô sinh trí cũng như vậy.

*

Hỏi: Các an lạc của vô lậu nơi tĩnh lự thứ nhất với các an lạc của giác chi khinh an v.v..., hai thứ ấy có sai biệt gì?

Đáp: Không có sai biệt.

Hỏi: Các an lạc của vô lậu nơi tĩnh lự thứ hai với các an lạc của giác chi khinh an v.v..., hai thứ ấy có sai biệt gì?

Đáp: Không có sai biệt.

*

Hỏi: Nếu từ đẳng trì (định) xuất, đẳng trì đó là đối tượng duyên chãng? Nếu như từ đối tượng duyên xuất, đối tượng duyên ấy là đẳng trì chãng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có từ đẳng trì xuất không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là như có một Hành giả tư duy về tướng này, nhập tĩnh lự thứ nhất. Hành giả kia lại tư duy về tướng ấy, nhập tĩnh lự thứ hai.

2. Có từ đối tượng duyên xuất không phải là đẳng trì: Nghĩa là như có một Hành giả tư duy về tướng này, nhập tĩnh lự thứ nhất. Hành giả kia không từ tĩnh lự thứ nhất xuất, lại tư duy về tướng khác.

3. Có từ đẳng trì xuất cũng là đối tượng duyên: Nghĩa là như có một Hành giả tư duy về tướng này, nhập tĩnh lự thứ nhất. Hành giả kia lại tư duy về tướng khác, nhập tĩnh lự thứ hai.

4. Có không phải là từ đẳng trì xuất cũng không phải là đối tượng duyên: Nghĩa là như có một Hành giả tư duy về tướng này, nhập tĩnh lự thứ nhất, dừng lại và trải qua nhiều thời gian.

Như nói: Bí-sô! Cho đến tướng định, có thể thấu đạt Thánh chi. Đệ tử của Đức Thế Tôn sinh nơi Phi tướng phi phi tướng xứ.

Hỏi: Đệ tử kia đã dựa vào định nào đạt được quả A-la-hán?

Đáp: Dựa vào vô lậu nơi Vô sở hữu xứ.

Như nói: Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói: Hiền giả! Tôi tự nhớ lại, đã trụ nơi định Vô sở hữu xứ, ở bên ao Mạn-đà-chỉ-ni, nghe tiếng gầm rống của rất nhiều voi quý.

Hỏi: Tôn giả kia đang ở nơi định nghe hay là khởi định nghe?

Đáp: Là khởi định nghe, không phải ở nơi định.

*

Hỏi: Các thứ bất định, tất cả bất định ấy không phải là thông tuệ, là nẻo vô minh chăng?

Đáp: Các thứ bất định, tất cả bất định ấy không phải là thông tuệ, là nẻo vô minh. Có không phải thông tuệ, là nẻo vô minh mà không phải là bất định, nghĩa là tà định.

Hỏi: Các thứ định, tất cả định ấy là thông tuệ, là nẻo minh chăng?

Đáp: Các thứ thông tuệ, là nẻo minh, tất cả tuệ minh ấy nhất định có định. Định ấy nếu không phải là thông tuệ, là nẻo vô minh, nghĩa là tà định.

Hỏi: Các thứ bất định, tất cả bất định ấy đều không thành tựu đẳng giác chi chăng?

Đáp: Các thứ bất định, tất cả bất định ấy không thành tựu đẳng giác chi. Có không thành tựu đẳng giác chi mà không phải là bất định, nghĩa là tà định.

Hỏi: Các thứ định, tất cả định ấy đều thành tựu đẳng giác chi chăng?

Đáp: Những thành tựu về đẳng giác chi, chúng là tất cả định. Có định không thành tựu đẳng giác chi, nghĩa là tà định.

*

Hỏi: Những thứ thành tựu về đẳng giác chi là thành tựu về pháp vô lậu chăng?

Đáp: Những thành tựu về đẳng giác chi, thành tựu đó là pháp vô lậu. Có thành tựu về pháp vô lậu, không phải là đẳng giác chi: Nghĩa là các phàm phu.

Hỏi: Những thứ không thành tựu về đẳng giác chi là không thành tựu về pháp vô lậu chăng?

Đáp: Không thành tựu về pháp vô lậu là không thành tựu về đẳng giác chi. Có không thành tựu về đẳng giác chi không phải là không thành tựu pháp vô lậu: Nghĩa là các phàm phu.

*

Hỏi: Các đắc nơi đẳng giác chi đắc ấy là pháp vô lậu chăng?

Đáp: Các đắc nơi đẳng giác chi, đắc ấy là pháp vô lậu. Có đắc là pháp vô lậu, không phải là đẳng giác chi: Nghĩa là các phàm phu.

Hỏi: Các xả nơi đẳng giác chi xả kia là pháp vô lậu chăng?

Đáp: Không hoàn toàn có xả nơi đẳng giác chi, cũng không hoàn toàn có xả nơi pháp vô lậu.

Hỏi: Các thoái chuyển nơi đẳng giác chi, các thoái chuyển ấy là pháp vô lậu chăng?

Đáp: Không hoàn toàn có thoái chuyển nơi đẳng giác chi, cũng không hoàn toàn có thoái chuyển nơi pháp vô lậu.

*

Hỏi: Các pháp chưa đoạn, pháp chưa đoạn ấy là chưa nhận biết khắp chăng?

Đáp: Các pháp chưa nhận biết khắp, các pháp ấy là chưa đoạn. Có pháp chưa đoạn, không phải là chưa nhận biết khắp: Nghĩa là nếu do trí nhận biết khắp, nên đã nhận biết khắp, không phải đoạn.

Hỏi: Vì nhận biết khắp nên đã đoạn, các pháp đã đoạn kia là đã nhận biết khắp chăng?

Đáp: Các pháp đã đoạn kia là đã nhận biết khắp. Có pháp đã nhận biết khắp không phải là đã đoạn: Nghĩa là nếu do trí nhận biết

khắp, nên đã nhận biết khắp, không phải đoạn, vì nhận biết khắp, nên đã đoạn.

*

Hỏi: Sự sinh này của các hữu, mắt không thấy sắc, Hành giả kia dựa vào pháp nào để dẫn phát thiên nhãn?

Đáp: Như có một hữu tình được tự tánh sinh, nhớ nghĩ trước kia trong sự sinh khác, mắt đã từng thấy sắc, Hành giả kia đã dựa vào sinh ấy nên dẫn phát thiên nhãn.

Hỏi: Sự sinh này của các hữu, tai không nghe tiếng, Hành giả kia đã dựa vào pháp nào dẫn phát thiên nhĩ?

Đáp: Như có một hữu tình được tự tánh sinh, nhớ nghĩ trước kia trong sự sinh khác, tai đã từng nghe tiếng, Hành giả kia đã dựa vào sinh ấy nên dẫn phát thiên nhĩ.

*

Hỏi: Vì sao phàm phu khi thoái chuyển thì các kiết do kiến đạo, tu đạo đoạn tăng nhiều? Khi đệ tử của Đức Thế Tôn thoái chuyển thì chỉ kiết do tu đạo đoạn tăng nhiều?

Đáp: Người phàm phu dùng đạo này để dứt trừ kiết do kiến đạo đoạn, tức dùng đạo này để đoạn trừ kiết do tu đạo đoạn, nên khi phàm phu thoái chuyển, hai kiết cùng tăng nhiều. Đệ tử của Đức Thế Tôn dùng đạo này để đoạn kiết do kiến đạo đoạn trừ, quyết định không thoái chuyển đối với đạo này, lại dùng đạo khác để đoạn trừ kiết do tu đạo đoạn. Phàm phu kia đối với đạo khác ấy có thoái chuyển, hoặc không thoái chuyển. Đệ tử của Đức Thế Tôn, nếu như dùng đạo này đoạn trừ kiết do kiến đạo đoạn, cũng dùng đạo này để đoạn trừ kiết do tu đạo đoạn, nên các đệ tử của Đức Thế Tôn cũng không thoái chuyển.

Hỏi: Do đâu ba quả trên có thoái chuyển, không phải là quả Dự lưu?

Đáp: Kiết do tu đạo đoạn dựa vào có sự dấy khởi. Nghĩa là có tướng tịnh, có tướng bất tịnh. Hành giả kia do tác ý phi lý khi quán tướng tịnh, nên đối với tướng bất tịnh là thoái chuyển. Kiết do kiến đạo đoạn dựa vào không có sự dấy khởi, không có một pháp là ngã, ngã sở, có thể khiến cho Hành giả kia khi quán về kiến vô ngã thoái chuyển.

Hỏi: Khi thoái chuyển ba quả trên, các chỗ đạt được về đạo chi, giác chi, căn, lực vô lậu, nên nói là từng được mà được hay chưa từng được mà được?

Đáp: Nên nói là từng được nên được.

*

Hỏi: Khi mất nơi cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục, các uẩn, giới, xứ đã đạt được, nơi căn thiện, bất thiện, vô ký cùng các thứ tùy miên kiết, phược, tùy phiền não triền, nên nói là từng được mà được hay chưa từng được mà được?

Đáp: Nên nói là pháp thiện, nhiễm ô từng được nên được, pháp dị thực chưa từng được nên được.

Hỏi: Khi mất nơi cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Sắc, các uẩn, giới, xứ đã đạt được, nơi căn thiện, vô ký, các thứ tùy miên kiết, phược, tùy phiền não triền, nên nói là từng được mà được hay chưa từng được mà được?

Đáp: Nên nói là pháp thiện, nhiễm ô từng được nên được, pháp dị thực chưa từng được nên được.

Khi mất nơi cõi Sắc, sinh nơi cõi Dục, các uẩn, giới, xứ v.v... đạt được, như đã nói về mất nơi cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục.

*

Hỏi: Dựa vào tĩnh lự thứ nhất, khi dẫn phát đạo Thần cảnh thông, Thánh giả kia đã đến xứ nào rất xa?

Đáp: Cho đến cõi trời Phạm thế.

Hỏi: Dựa vào tĩnh lự thứ nhất, khi dẫn phát đạo Thiên nhĩ thông, Thánh giả kia nghe rất xa, âm thanh ấy hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Cho đến cõi trời Phạm thế.

Hỏi: Dựa vào tĩnh lự thứ nhất, khi dẫn phát đạo Tha tâm thông, Thánh giả kia nhận biết rất xa, với tâm, tâm sở pháp hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Cho đến cõi trời Phạm thế.

Hỏi: Dựa vào tĩnh lự thứ nhất, khi dẫn phát đạo Túc trụ tùy niệm thông, Thánh giả kia hồi ức rất xa, sự việc túc trụ hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Cho đến cõi trời Phạm thế.

Hỏi: Dựa vào tĩnh lự thứ nhất, khi dẫn phát đạo Thiên nhãn thông, Thánh giả kia trông thấy sắc rất xa, sắc ấy hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Cho đến cõi trời Phạm thế.

Như dựa vào tĩnh lự thứ nhất, cho đến dựa vào tĩnh lự thứ tư, mỗi thứ đều tùy thuộc xứ mình, nói rộng cũng như vậy.

*

Hỏi: Nếu đối với khổ, tư duy về khổ, khi được quả A-la-hán, Thánh giả kia tư duy về khổ hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Khổ hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu đối với tập, tư duy về tập, khi được quả A-la-hán, Thánh giả kia tư duy về tập hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Tập hệ thuộc nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu đối với diệt, tư duy về diệt, khi được quả A-la-hán, Thánh giả kia tư duy về các hành diệt hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Các hành diệt hoặc hệ thuộc nơi cõi Dục, hoặc hệ thuộc nơi cõi Sắc, Vô sắc.

Hỏi: Nếu đối với đạo, tư duy về đạo, khi được quả A-la-hán, Thánh giả kia tư duy về đạo có thể đoạn các hành hệ thuộc nơi cõi nào?

Đáp: Đạo có thể đoạn trừ các hành hoặc hệ thuộc nơi cõi Dục, hoặc hệ thuộc nơi cõi Sắc, Vô sắc.

Chương 8: KIẾN UẨN

Phẩm 1: BÀN VỀ NIỆM TRỤ

Tụng nêu chung:

*Niệm trụ có sáu môn
Biết như thật có tám
Tham sân si tăng giảm
Tử nhận tâm Niết-bàn.
Đệ tử Niết-bàn trước
Phật xuất định Niết-bàn
Hành ba hữu, bốn hữu
Chương này xin nói đủ.*

*

Bốn niệm trụ: Thân niệm trụ, Thọ niệm trụ, Tâm niệm trụ, Pháp niệm trụ.

Hỏi: Nếu tu Thân niệm trụ là tu Thọ niệm trụ chăng? Nếu như tu Thọ niệm trụ là tu Thân niệm trụ chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu Thân niệm trụ không phải tu Thọ niệm trụ: Nghĩa là đã được Thân niệm trụ hiện ở trước.

2. Có tu Thọ niệm trụ không phải tu Thân niệm trụ: Nghĩa là đã được Thọ niệm trụ hiện ở trước. Nếu chưa được Thọ niệm trụ hiện ở trước thì không tu Thân niệm trụ. Nếu chưa được Tâm, Pháp niệm trụ hiện ở trước thì tu Thọ niệm trụ, không tu Thân niệm trụ.

3. Có tu Thân niệm trụ cũng tu Thọ niệm trụ: Nghĩa là chưa được Thân niệm trụ hiện ở trước. Nếu chưa được Thọ niệm trụ hiện ở trước thì tu Thân niệm trụ. Nếu chưa được Tâm, Pháp niệm trụ hiện ở trước thì tu Thân, Thọ niệm trụ.

4. Có không phải tu Thân niệm trụ cũng không phải tu Thọ niệm trụ: Nghĩa là đã được Tâm, Pháp niệm trụ hiện ở trước. Nếu chưa được Pháp niệm trụ hiện ở trước thì không tu Thân, Thọ. Tất cả tâm nhiễm ô, tâm vô ký, ở định vô tướng, định diệt tận, sinh nơi cõi trời Vô tướng.

Như Thân niệm trụ đối với Thọ niệm trụ, nên biết Thân niệm trụ đối với Tâm niệm trụ cũng như vậy.

Hỏi: Nếu tu Thân niệm trụ là tu Pháp niệm trụ chăng? Nếu như tu Pháp niệm trụ là tu Thân niệm trụ chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu Thân niệm trụ không phải tu Pháp niệm trụ: Nghĩa là đã được Thân niệm trụ hiện ở trước.

2. Có tu Pháp niệm trụ không phải tu Thân niệm trụ: Nghĩa là đã được Pháp niệm trụ hiện ở trước. Nếu chưa được Pháp niệm trụ hiện ở trước thì không tu Thân niệm trụ. Nếu chưa được Tâm, Thọ niệm trụ hiện ở trước thì tu Pháp niệm trụ, không tu Thân niệm trụ.

3. Có tu Thân niệm trụ cũng tu Pháp niệm trụ: Nghĩa là chưa được Thân niệm trụ hiện ở trước. Nếu chưa được Pháp niệm trụ hiện ở trước thì tu Thân niệm trụ. Nếu chưa được Thọ, Tâm niệm trụ hiện ở trước thì tu Thân, Pháp niệm trụ.

4. Có không phải tu Thân niệm trụ cũng không phải tu Pháp niệm trụ: Nghĩa là đã được Tâm, Thọ niệm trụ hiện ở trước. Tất cả tâm nhiễm ô, tâm vô ký, ở định vô tướng, định diệt tận, sinh nơi cõi trời Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu Thọ niệm trụ là tu Tâm niệm trụ chăng? Nếu như tu Tâm niệm trụ là tu Thọ niệm trụ chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu Thọ niệm trụ không phải tu Tâm niệm trụ: Nghĩa là đã được Thọ niệm trụ hiện ở trước.

2. Có tu Tâm niệm trụ không phải tu Thọ niệm trụ: Nghĩa là đã được Tâm niệm trụ hiện ở trước.

3. Có tu Thọ niệm trụ cũng tu Tâm niệm trụ: Nghĩa là chưa được Thân, Thọ, Tâm niệm trụ hiện ở trước. Nếu chưa được Pháp niệm trụ hiện ở trước thì tu Thọ, Tâm niệm trụ.

4. Có không phải tu Thọ niệm trụ cũng không phải tu Tâm niệm trụ: Nghĩa là đã được Thân, Pháp niệm trụ hiện ở trước. Nếu chưa được Pháp niệm trụ hiện ở trước thì không tu Thọ, Tâm niệm trụ. Tất cả tâm nhiễm ô, tâm vô ký, ở định vô tướng, định diệt tận, sinh nơi cõi trời Vô tướng.

Hỏi: Nếu tu Thọ niệm trụ là tu Pháp niệm trụ chăng? Nếu như tu Pháp niệm trụ là tu Thọ niệm trụ chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có tu Thọ niệm trụ không phải tu Pháp niệm trụ: Nghĩa là đã được Thọ niệm trụ hiện ở trước.

2. Có tu Pháp niệm trụ không phải tu Thọ niệm trụ: Nghĩa là đã được Pháp niệm trụ hiện ở trước. Nếu chưa được Pháp niệm trụ hiện ở trước thì không tu Thọ.

3. Có tu Thọ niệm trụ cũng tu Pháp niệm trụ: Nghĩa là chưa được Thân, Thọ, Tâm niệm trụ hiện ở trước. Nếu chưa được Pháp niệm trụ hiện ở trước thì tu Thọ.

4. Có không phải tu thọ niệm trụ cũng không phải tu Pháp niệm trụ: Nghĩa là đã được Thân, Tâm niệm trụ hiện ở trước. Tất cả tâm nhiễm ô, tâm vô ký, ở định vô tướng, định diệt tận, sinh nơi cõi trời Vô tướng.

Như Thọ niệm trụ đối với Pháp niệm trụ, nên biết Tâm niệm trụ đối với Pháp niệm trụ cũng như vậy.

*

Đối với Thân, dựa theo thân, quán niệm trụ, nên nói là pháp, loại, thể tục, khổ, tập, đạo trí. Nên nói là có tầm có tứ, không tầm chỉ có tứ, không tầm không tứ. Nên nói là tương ưng với lạc căn, hỷ căn, xả căn. Nên nói là các Tam-ma-địa không, vô nguyện, vô tướng cùng có. Nên nói duyên hệ thuộc nơi cõi Dục, cõi Sắc và không hệ thuộc.

Đối với Thọ, dựa theo thọ, quán niệm trụ, nên nói là pháp, loại, tha tâm, khổ, tập, đạo trí. Nên nói là có tầm có tứ, không tầm chỉ có tứ, không tầm không tứ. Nên nói là tương ưng với lạc căn, hỷ căn, xả căn. Nên nói là các Tam-ma-địa không, vô nguyện cùng có. Nên nói duyên hệ thuộc nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc và không hệ thuộc.

Như đối với Thọ, đối với Tâm cũng như vậy.

Đối với Pháp, dựa theo pháp, quán niệm trụ, nên nói là pháp, loại, tha tâm, thể tục, khổ, tập, diệt, đạo trí. Nên nói là có tầm có tứ, không tầm chỉ có tứ, không tầm không tứ. Nên nói là tương ưng với lạc căn, hỷ căn, xả căn. Nên nói là các Tam-ma-địa không, vô

nguyện, vô tướng cùng có. Nên nói duyên hệ thuộc nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc và không hệ thuộc.

Như nói: Khi thọ lạc thọ, nhận biết như thật là ta nhận lạc thọ, là do bốn trí này: pháp, loại, đạo, thể tục. Lúc thọ khổ thọ, nhận biết như thật là ta nhận khổ thọ, là do một trí này là thể tục. Khi thọ không khổ không lạc thọ, nhận biết như thật là ta nhận không khổ không lạc thọ, là do bốn trí này: nghĩa là pháp, loại, thể tục, đạo. Thân thọ lạc, thân thọ khổ, thân thọ không khổ không lạc thọ và khi tâm thọ khổ, nhận biết như thật là do một trí này, nghĩa là thể tục trí.

Khi tâm thọ lạc, tâm thọ không khổ không lạc, nhận biết như thật là do bốn trí này, tức pháp, loại, thể tục, đạo. Thọ nhận lạc có vị, thọ nhận khổ có vị, thọ nhận không khổ không lạc có vị, cùng khi thọ nhận khổ không vị, nhận biết như thật là do một trí này, tức là thể tục. Khi thọ nhận lạc không vị, thọ nhận không khổ không lạc không vị, nhận biết như thật là do bốn trí này, tức pháp, loại, thể tục, đạo. Khi thọ nhận lạc dựa nơi sự tham đắm, thọ nhận khổ dựa nơi sự tham đắm, thọ nhận không khổ không lạc dựa nơi sự tham đắm cùng khi thọ nhận khổ dựa nơi nẻo xuất ly, đều nhận biết như thật do một trí này, là thể tục. Khi thọ nhận lạc dựa nơi nẻo xuất ly, thọ nhận không khổ không lạc dựa nơi nẻo xuất ly, đều nhận biết như thật là do bốn trí này: pháp, loại, thể tục, đạo.

Như nói: Có tâm tham, nhận biết như thật là có tâm tham, là do một trí này tức thể tục. Lìa tâm tham, nhận biết như thật là lìa tâm tham, là do bốn trí này tức pháp, loại, thể tục, đạo.

Như có tâm tham, lìa tâm tham, nên biết: Có tâm si, lìa tâm si, tâm nhiễm, tâm không nhiễm, tâm lược, tâm tán, tâm hạ thấp, tâm đề cao, tâm tiểu, tâm đại, tâm trạo cử, tâm không trạo cử, tâm không tịch tĩnh, tâm tịch tĩnh, tâm bất định, tâm định, tâm không tu, tâm tu, tâm không giải thoát, tâm giải thoát, cũng như vậy.

Có tâm sân, nhận biết như thật là có tâm sân, là do một trí này tức thể tục. Lìa tâm sân, nhận biết như thật là lìa tâm sân, do ba trí này tức pháp, thể tục, đạo.

Như nói: Có *Cái* tham dục bên trong, nhận biết như thật là có *Cái* tham dục bên trong, do một trí này tức là thể tục. Không có *Cái* tham dục bên trong, nhận biết như thật là không có *Cái* tham dục bên trong, là do ba trí này tức pháp, thể tục, đạo. Như chưa sinh *Cái* tham dục bên trong mà sinh, nhận biết như thật là do một trí này tức thể tục. Sinh rồi liền đoạn, đoạn rồi về sau không sinh lại nữa, đều nhận biết như thật là do ba trí này tức pháp, thể tục, đạo. Như *Cái* tham dục, nên biết *Cái* giận dữ, hôn trầm - thù miên, trạo cử - ó tác, nghi cũng như vậy.

Như nói: Có kiết của nội nhãn, nhận biết như thật là có kiết của nội nhãn, là do một trí này tức thể tục. Không có kiết của nội nhãn, nhận biết như thật là không có kiết của nội nhãn, là do bốn trí này tức pháp, loại, thể tục, đạo. Như chưa sinh kiết của nội nhãn mà sinh, nhận biết như thật là do một trí này tức thể tục. Sinh rồi liền đoạn, đoạn rồi về sau không sinh lại nữa, đều nhận biết như thật là do bốn trí này tức pháp, loại, thể tục, đạo. Như kiết của nhãn, nên biết kiết của nhĩ, thân, ý cũng như vậy. Kiết của tử, thiệt như nói về *Cái*.

Như nói: Có giác chi nội niệm nhận biết như thật là có giác chi nội niệm, là do bốn trí này tức pháp, loại, thể tục, đạo. Không có giác chi nội niệm, nhận biết như thật là không có giác chi nội niệm, là do một trí này tức thể tục. Như chưa sinh giác chi nội niệm mà sinh, sinh rồi trụ không mất, khiến viên mãn, bội tăng rộng trí tác chứng, là do bốn trí này tức pháp, loại, thể tục, đạo. Như giác chi niệm, nên biết các giác chi trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả cũng như vậy.

Như nói về cùng tùy quán từ tham, sân, si tăng.

Hỏi: Thế nào là tham, sân, si tăng?

Đáp: Vì có tham, sân, si trói buộc thuộc phẩm hạ nên có phẩm trung, vì có phẩm trung nên có phẩm thượng. Đó gọi là tăng.

Như nói về cùng tùy quán từ tham, sân, si giảm.

Hỏi: Thế nào là tham, sân, si giảm?

Đáp: Vì không có tham, sân, si trói buộc thuộc phẩm thượng nên không có phẩm trung, vì không có phẩm trung nên không có phẩm hạ. Đó gọi là giảm.

*

Hỏi: Thế nào là thọ nhận biên vực tử?

Đáp: Do mặt ma (Marman: Tử huyết) này đoạn, mạng căn diệt.

Hỏi: Tương đương với giới hạn nào nên nói là thọ nhận biên vực tử?

Đáp: Ngang với giới hạn mặt ma ấy đoạn, mạng căn diệt.

Hỏi: Thuộc về xứ nào?

Đáp: Pháp xứ.

Hỏi: Có bao nhiêu thức tương ưng?

Đáp: Thân thức, ý thức. Mặt ma đoạn, thọ đầu tiên tương ưng với thân thức, thọ sau cùng tương ưng với ý thức.

*

Hỏi: Tâm bát Niết-bàn của A-la-hán, nên nói là thiện hay vô ký?

Đáp: Nên nói là vô ký.

*

Hỏi: Vì sao hai đệ tử bậc Hiền bát Niết-bàn trước, còn Phật thì sau?

Đáp: Vì hai Tôn giả ấy từ trước trong suốt nẻo sinh tử đã tạo tác, tăng trưởng, chiêu cảm nghiệp không đoạn, chớ nên cho là không, không có dị thực nơi quả.

Lại nữa, vì do pháp như thế. Như nói: “Đức Thế Tôn đã dựa vào định tịch tĩnh, bất động mà bát Niết-bàn”.

*

Hỏi: Mắt thế gian diệt, đây là ở nơi định hay là xuất định?

Đáp: Là xuất định.

*

Như nói bốn hữu: Là bản hữu, tử hữu, trung hữu, sinh hữu.

Hỏi: Thế nào là bản hữu?

Đáp: Là trừ phần sinh, phần tử, là các hữu trung gian của các uẩn.

Hỏi: Thế nào là tử hữu?

Đáp: Là phần tử nơi các uẩn.

Hỏi: Thế nào là trung hữu?

Đáp: Là trừ phần tử, phần sinh, là các hữu trung gian của các uẩn.

Hỏi: Thế nào là sinh hữu?

Đáp: Là phần sinh nơi các uẩn.

*

Hỏi: Các dục hữu, tất cả dục hữu đó là năm hành chăng? Nếu là năm hành, tất cả năm hành ấy là dục hữu chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có dục hữu không phải là năm hành: Nghĩa là hữu tình nơi cõi Dục, tâm trụ nơi không đồng phận và trụ nơi định vô tướng, diệt tận.

2. Có năm hành không phải là dục hữu: Nghĩa là trời Hữu tướng nơi cõi Sắc, tâm trụ nơi đồng phận. Hoặc là trời Vô tướng không được vô tướng.

3. Có dục hữu cũng là năm hành: Nghĩa là hữu tình nơi cõi Dục, tâm trụ nơi đồng phận.

4. Có không phải là dục hữu cũng không phải là năm hành: Nghĩa là trời Hữu tướng nơi cõi Sắc, tâm trụ nơi không đồng phận và trụ nơi định vô tướng, diệt tận. Hoặc nơi trời Vô tướng đạt được vô tướng, hoặc sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Các sắc hữu nơi trời Hữu tướng, tất cả sắc hữu đó là năm hành chăng? Nếu là năm hành thì tất cả sắc hữu kia là nơi trời Hữu tướng chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có sắc hữu nơi trời Hữu tướng không phải là năm hành: Nghĩa là trời Hữu tướng nơi cõi Sắc, tâm trụ nơi không đồng phận và trụ nơi định vô tướng, diệt tận.

2. Có năm hành không phải là sắc hữu nơi trời Hữu tướng: Nghĩa là hữu tình nơi cõi Dục, tâm trụ nơi đồng phận, hoặc là trời Vô tướng không được vô tướng.

3. Có sắc hữu nơi trời Hữu tướng cũng là năm hành: Nghĩa là trời Hữu tướng nơi cõi Sắc, tâm trụ nơi đồng phận.

4. Có không phải là sắc hữu nơi trời Hữu tướng cũng không phải là năm hành: Nghĩa là hữu tình nơi cõi Dục, tâm trụ nơi không đồng phận và trụ nơi định vô tướng, diệt tận, hoặc là trời Vô tướng đạt được vô tướng, hoặc sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Các sắc hữu nơi trời Vô tướng, tất cả sắc hữu đó là hai hành chẳng? Nếu là hai hành thì tất cả sắc hữu kia là nơi trời Vô tướng chẳng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có sắc hữu nơi trời Vô tướng không phải là hai hành: Nghĩa là trời Vô tướng không được vô tướng.

2. Có hai hành không phải là sắc hữu nơi trời Vô tướng: Nghĩa là hữu tình nơi cõi Dục, tâm trụ nơi không đồng phận và trụ nơi định vô tướng, diệt tận.

3. Có sắc hữu nơi trời Vô tướng cũng là hai hành: Nghĩa là trời Vô tướng đạt được vô tướng.

4. Có không phải là sắc hữu nơi trời Vô tướng cũng không phải là hai hành: Nghĩa là hữu tình nơi cõi Dục, nơi trời Hữu tướng thuộc cõi Sắc, tâm trụ nơi đồng phận, hoặc sinh nơi cõi Vô sắc.

Hỏi: Các vô sắc hữu, tất cả hữu ấy là bốn hành chẳng? Nếu là bốn hành thì tất cả hành ấy là hữu vô sắc chẳng?

Đáp: Bốn hành, tất cả hành ấy là hữu vô sắc. Có hữu vô sắc không phải là bốn hành: Nghĩa là hữu tình nơi cõi Vô sắc, tâm trụ nơi không đồng phận.

*

Hỏi: Từng có hữu là năm hành chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là hữu tình nơi cõi Dục và trời Hữu tướng nơi cõi Sắc, tâm trụ nơi đồng phận. Hoặc là nơi trời Vô tướng không được vô tướng.

Hỏi: Từng có hữu là bốn hành chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là hữu tình nơi cõi Vô sắc, tâm trụ nơi đồng phận.

Hỏi: Tùng có hữu là ba hành chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Tùng có hữu là hai hành chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là hữu tình nơi cõi Dục và trời Hữu tướng nơi cõi Sắc, tâm trụ nơi không đồng phận, hoặc trụ nơi định vô tướng, diệt tận, hoặc nơi trời Vô tướng đạt được vô tướng.

Hỏi: Tùng có hữu là một hành chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là hữu tình nơi cõi Vô sắc, tâm trụ nơi không đồng phận.

Hỏi: Tùng có hữu là không hành chẳng?

Đáp: Không có.

Phẩm 2: BÀN VỀ BA HỮU

Tụng nêu chung:

*Tùy miên tướng ba hữu
Sáu tâm, minh, vô minh
Đối nhân cùng có, không
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Các thứ xả dục hữu, dục hữu nối tiếp, tất cả pháp nơi cõi Dục kia diệt, pháp của cõi Dục hiện ở trước chẳng?

Đáp: Các thứ xả dục hữu, dục hữu nối tiếp, tất cả pháp nơi cõi Dục kia diệt, là pháp của cõi Dục hiện ở trước. Có pháp nơi cõi Dục diệt, pháp của cõi Dục hiện ở trước, nhưng không phải là xả dục hữu,

dục hữu nối tiếp: Nghĩa là không mạng chung, pháp nơi cõi Dục diệt, pháp của cõi Dục hiện ở trước.

Hỏi: Các thứ xả dục hữu, sắc hữu nối tiếp, tất cả pháp nơi cõi Dục kia diệt, pháp của cõi Sắc hiện ở trước chăng?

Đáp: Các thứ xả dục hữu, sắc hữu nối tiếp, tất cả pháp nơi cõi Dục kia diệt, là pháp của cõi Sắc hiện ở trước. Có pháp nơi cõi Dục diệt, pháp của cõi Sắc hiện ở trước nhưng không phải là xả dục hữu, sắc hữu nối tiếp: Nghĩa là không mạng chung, pháp nơi cõi Dục diệt, pháp của cõi Sắc hiện ở trước.

Hỏi: Các thứ xả dục hữu, vô sắc hữu nối tiếp, tất cả pháp nơi cõi Dục kia diệt, pháp của cõi Vô sắc hiện ở trước chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như pháp nơi cõi Dục diệt, pháp của cõi Vô sắc hiện ở trước, tất cả pháp đó là xả dục hữu, vô sắc hữu nối tiếp chăng?

Đáp: Đúng vậy.

*

Hỏi: Các thứ xả sắc hữu, sắc hữu nối tiếp, tất cả pháp nơi cõi Sắc kia diệt, pháp của cõi Sắc hiện ở trước chăng?

Đáp: Các thứ xả sắc hữu, sắc hữu nối tiếp, tất cả pháp nơi cõi Sắc kia diệt, là pháp của cõi Sắc hiện ở trước. Có pháp nơi cõi Sắc diệt, pháp của cõi Sắc hiện ở trước nhưng không phải là xả sắc hữu, sắc hữu nối tiếp: Nghĩa là không mạng chung, pháp nơi cõi Sắc diệt, pháp của cõi Sắc hiện ở trước.

Hỏi: Các thứ xả sắc hữu, dục hữu nối tiếp, tất cả pháp nơi cõi Sắc kia diệt, pháp của cõi Dục hiện ở trước chăng?

Đáp: Các thứ xả sắc hữu, dục hữu nối tiếp, tất cả pháp nơi cõi Sắc kia diệt, là pháp của cõi Dục hiện ở trước. Có pháp nơi cõi Sắc

diệt, pháp của cõi Dục hiện ở trước nhưng không phải là xả sắc hữu, dục hữu nối tiếp: Nghĩa là không mạng chung, pháp nơi cõi Sắc diệt, pháp của cõi Dục hiện ở trước.

Hỏi: Các thứ xả sắc hữu, vô sắc hữu nối tiếp, tất cả pháp nơi cõi Sắc kia diệt, pháp của cõi Vô sắc hiện ở trước chăng?

Đáp: Các thứ xả sắc hữu, vô sắc hữu nối tiếp, tất cả pháp nơi cõi Sắc kia diệt, là pháp của cõi Vô sắc hiện ở trước. Có pháp nơi cõi Sắc diệt, pháp của cõi Vô sắc hiện ở trước nhưng không phải là xả sắc hữu, vô sắc hữu nối tiếp: Nghĩa là không mạng chung, pháp nơi cõi Sắc diệt, pháp của cõi Vô sắc hiện ở trước.

*

Hỏi: Các thứ xả vô sắc hữu, vô sắc hữu nối tiếp, tất cả pháp nơi cõi Vô sắc kia diệt, pháp của cõi Vô sắc hiện ở trước chăng?

Đáp: Các thứ xả vô sắc hữu, vô sắc hữu nối tiếp, tất cả pháp nơi cõi Vô sắc kia diệt, là pháp của cõi Vô sắc hiện ở trước. Có pháp nơi cõi Vô sắc diệt, pháp của cõi Vô sắc hiện ở trước nhưng không phải là xả vô sắc hữu, vô sắc hữu nối tiếp: Nghĩa là không mạng chung, pháp nơi cõi Vô sắc diệt, pháp của cõi Vô sắc hiện ở trước.

Hỏi: Các thứ xả vô sắc hữu, dục hữu nối tiếp, tất cả pháp nơi cõi Vô sắc kia diệt, pháp của cõi Dục hiện ở trước chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu như pháp nơi cõi Vô sắc diệt, pháp của cõi Dục hiện ở trước, tất cả xả vô sắc hữu kia là dục hữu nối tiếp chăng?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Các thứ xả vô sắc hữu, sắc hữu nối tiếp, tất cả pháp nơi cõi Vô sắc kia diệt, pháp của cõi Sắc hiện ở trước chăng?

Đáp: Các thứ xả vô sắc hữu, sắc hữu nối tiếp, tất cả pháp nơi cõi Vô sắc kia diệt, là pháp của cõi Sắc hiện ở trước. Có pháp nơi cõi Vô sắc diệt, pháp của cõi Sắc hiện ở trước nhưng không phải là xả vô sắc hữu, sắc hữu nối tiếp: Nghĩa là không mạng chung, pháp nơi cõi Vô sắc diệt, pháp của cõi Sắc hiện ở trước.

*

Hỏi: Vì sao tùy miên nơi cõi Dục không tùy tăng đối với pháp nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc?

Đáp: Do cõi hợp với sự tạp loạn và không thể thiết lập, vì đã lìa nhiễm dục.

Hỏi: Vì sao tùy miên nơi cõi Sắc không tùy tăng đối với pháp nơi cõi Dục?

Đáp: Do cõi hợp với sự tạp loạn và tùy miên kia không phải là đối tượng duyên ở đây.

Hỏi: Vì sao tùy miên nơi cõi Sắc không tùy tăng đối với pháp nơi cõi Vô sắc?

Đáp: Do cõi hợp với sự tạp loạn và cũng không thể nhận biết, vì đã lìa nhiễm sắc.

Hỏi: Vì sao tùy miên nơi cõi Vô sắc không tùy tăng đối với pháp nơi cõi Dục, cõi Sắc?

Đáp: Do cõi hợp với sự tạp loạn và tùy miên kia không phải là đối tượng duyên của tùy tăng ở đây.

Hỏi: Vì sao tùy miên không biến hành nơi cõi Dục không tùy tăng đối với pháp nơi cõi Dục?

Đáp: Vì tùy miên ấy đã hợp thành biến hành và tùy miên ấy không phải là đối tượng duyên của tùy tăng ở đây.

Hỏi: Vì sao tùy miên không biến hành nơi cõi Sắc không tùy tăng đối với pháp nơi cõi Sắc?

Đáp: Vì tùy miên ấy đã hợp thành biến hành và tùy miên ấy không phải là đối tượng duyên của tùy tăng ở đây.

Nói về tùy miên không biến hành nơi cõi Vô sắc, cũng như nói về cõi Sắc.

*

Có mười tướng: Tướng về vô thường cho đến tướng về diệt.

Hỏi: Nếu tu tập tướng về vô thường, Hành giả kia tư duy về tướng vô thường chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có tu tập tướng về vô thường không phải tư duy về tướng vô thường: Nghĩa là duyên nơi pháp khác tu tập tướng về vô thường. 2. Có tư duy về tướng vô thường không phải tu tập tướng về vô thường: Nghĩa là duyên nơi tướng về vô thường, tu tướng khác. 3. Có tu tập tướng về vô thường cũng tư duy về tướng vô thường: Nghĩa là duyên nơi tướng về vô thường, tu tập tướng vô thường. 4. Có không phải tu tập tướng về vô thường cũng không phải tư duy về tướng vô thường: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Như tướng về vô thường, tướng về vô thường - khổ, tướng về vô ngã - khổ cũng như vậy.

Tướng về sự chết, tướng về bất tịnh, tướng về chán ăn, tướng về tất cả thế gian không thể vui, tướng về đoạn, tướng về lìa, tướng về diệt cũng theo chỗ ứng hợp nên biết.

*

Hỏi: Nếu khởi tầm dục, Hành giả kia tư duy về tầm dục chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có khởi tầm dục không phải tư duy về tầm dục: Nghĩa là duyên nơi pháp khác, khởi tầm dục. 2. Có

tư duy về tâm dục không phải khởi tâm dục: Nghĩa là duyên nơi tâm dục, khởi tâm khác. 3. Có khởi tâm dục cũng tư duy về tâm dục: Nghĩa là duyên nơi tâm dục, khởi tâm dục. 4. Có không phải khởi tâm dục cũng không phải tư duy về tâm dục: Nghĩa là trừ các tướng đã nêu trước.

Như tâm dục, tâm giận, tâm hại, tâm xuất ly, tâm không giận, tâm không hại cũng như vậy.

*

Hỏi: Các pháp nhân nơi vô minh pháp đó duyên nơi vô minh chăng?

Đáp: Nếu pháp nhân nơi vô minh, pháp ấy duyên nơi vô minh. Có pháp duyên nơi vô minh, không nhân nơi vô minh: Nghĩa là trừ dị thực của vô minh, còn lại là các hành vô phú vô ký và hành thiện.

Hỏi: Các pháp nhân nơi minh pháp ấy duyên nơi minh chăng?

Đáp: Nếu pháp nhân nơi minh, pháp ấy duyên nơi minh. Có pháp duyên nơi minh, không nhân nơi minh: Nghĩa là minh đầu tiên và các hành hữu lậu.

Hỏi: Các pháp nhân nơi vô minh pháp ấy duyên nơi minh chăng?

Đáp: Nếu pháp nhân nơi vô minh, pháp ấy duyên nơi minh. Có pháp duyên nơi minh, không nhân nơi vô minh: Nghĩa là trừ dị thực của vô minh, còn lại là các hành vô phú vô ký và hành thiện.

Hỏi: Các pháp nhân nơi minh pháp ấy duyên nơi vô minh chăng?

Đáp: Nếu pháp nhân nơi minh, pháp ấy duyên nơi vô minh. Có pháp duyên nơi vô minh, không nhân nơi minh: Nghĩa là minh đầu tiên và các hành hữu lậu.

Hỏi: Các pháp nhân nơi vô minh pháp ấy là bất thiện chăng?

Đáp: Nếu pháp bất thiện, pháp ấy nhân nơi vô minh. Có pháp nhân nơi vô minh không phải là bất thiện: Nghĩa là dị thực của vô minh và hành hữu phú vô ký.

Hỏi: Các pháp nhân nơi minh pháp ấy là thiện chăng?

Đáp: Nếu pháp nhân nơi minh pháp ấy là thiện. Có pháp là thiện không nhân nơi minh: Nghĩa là minh đầu tiên và hành hữu lậu thiện.

Hỏi: Từng có pháp không nhân nơi minh, không nhân nơi vô minh, pháp ấy không phải là không có nhân chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là trừ dị thực của vô minh, còn lại là các hành vô phú vô ký và minh đầu tiên cùng hành hữu lậu thiện.

Phẩm 3: BÀN VỀ TƯỚNG

Tụng nêu chung:

*Tướng tâm biết gồm bốn
Pháp không duyên, kiến, nghi
Nhân đạo gồm thâm ba
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Các pháp do tướng về vô thường sinh, pháp ấy tương ưng với tướng về vô thường chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp do tướng về vô thường sinh không phải tương ưng với tướng về vô thường: Nghĩa là tướng về vô thường hiện ở trước tất diệt, tướng khác hiện ở trước tất sinh pháp tương ưng kia.

2. Có pháp tương ưng với tướng về vô thường không phải do tướng về vô thường sinh: Nghĩa là tướng khác hiện ở trước tất diệt, tướng về vô thường hiện ở trước tất sinh pháp tương ưng kia.

3. Có pháp do tướng về vô thường sinh cũng tương ưng với tướng về vô thường: Nghĩa là tướng về vô thường hiện ở trước tất diệt, tướng về vô thường hiện ở trước tất sinh pháp tương ưng kia.

4. Có pháp không phải do tướng về vô thường sinh cũng không phải tương ưng với tướng về vô thường: Nghĩa là tướng khác hiện ở trước tất diệt, tướng khác hiện ở trước tất sinh pháp tương ưng kia.

Như tướng về vô thường, cho đến tướng về diệt cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp do tướng về vô thường sinh, pháp ấy là một duyên của tướng về vô thường chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp:

1. Có pháp do tướng về vô thường sinh không phải là một duyên của tướng về vô thường: Nghĩa là tướng về vô thường hiện ở trước tất diệt, tướng khác hiện ở trước tất sinh, tướng kia có duyên khác.

2. Có pháp là một duyên của tướng về vô thường không phải do tướng về vô thường sinh: Nghĩa là tướng khác hiện ở trước tất diệt, tướng về vô thường hiện ở trước tất sinh, tướng kia có duyên này.

3. Có pháp do tướng về vô thường sinh cũng là một duyên của tướng về vô thường: Nghĩa là tướng về vô thường hiện ở trước tất diệt, tướng về vô thường hiện ở trước tất sinh, tướng kia có duyên này.

4. Có pháp không phải do tướng về vô thường sinh cũng không phải là một duyên của tướng về vô thường: Nghĩa là tướng khác hiện ở trước tất diệt, tướng khác hiện ở trước tất sinh, tướng kia có duyên khác.

Như tướng về vô thường, cho đến tướng về diệt cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp do tâm dấy khởi, không phải không do tâm, vào lúc tâm dấy khởi, bấy giờ pháp kia dấy khởi chẳng?

Đáp: Tâm dấy khởi trước, pháp kia dấy khởi sau.

Hỏi: Nếu khi tâm diệt, bấy giờ pháp kia diệt chẳng?

Đáp: Tâm diệt trước, pháp kia diệt sau.

Hỏi: Nếu khi tâm đạt được, bấy giờ pháp kia đạt được chẳng?

Đáp: Tâm đạt được trước, pháp kia đạt được sau.

Hỏi: Nếu khi tâm xả bỏ, bấy giờ pháp kia xả bỏ chẳng?

Đáp: Pháp kia xả bỏ trước, sau mới đến tâm.

Hỏi: Nếu khi tâm thọ nhận dị thực, bấy giờ pháp kia thọ nhận chẳng?

Đáp: Hoặc lúc ấy, hoặc khi khác.

*

Hỏi: Từng có pháp là đã thông đạt, đã được nhận biết khắp, không phải là đã đoạn, không phải là đã tu, không phải là đã được tác chứng chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là hư không phi trạch diệt.

Hỏi: Từng có pháp là đã thông đạt, đã được nhận biết khắp, không phải là đã đoạn, không phải là đã tu, là đã được tác chứng chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là trạch diệt.

Hỏi: Từng có pháp là đã thông đạt, đã được nhận biết khắp, không phải là đã đoạn, là đã tu, là đã được tác chứng chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là pháp hữu vi vô lậu.

Hỏi: Từng có pháp là đã thông đạt, đã được nhận biết khắp, là đã đoạn, là đã tu, là đã được tác chứng chẳng?

Đáp: Có. Nghĩa là hành hữu lậu thiện.

Hỏi: Từng có pháp là đã thông đạt, đã được nhận biết khắp, là đã đoạn, không phải là đã tu, là đã được tác chứng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là định đã đẩy khởi thiên nhãn, nhĩ.

Hỏi: Từng có pháp là đã thông đạt, đã được nhận biết khắp, là đã đoạn, không phải là đã tu, không phải là đã được tác chứng chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là trừ định đã đẩy khởi thiên nhãn, nhĩ, còn lại là hành vô ký, pháp bất thiện.

*

Hỏi: Từng có pháp không duyên nơi nhân duyên, không duyên nơi pháp duyên, không duyên nơi pháp câu sinh, là có, là có tánh, không phải là không có, không phải là không có tánh, sắc khác, thọ, tưởng, thức, hành tương ưng khác chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là năm thức thân, pháp tương ưng với năm thức thân kia và duyên nơi sắc, vô vi, tâm bất tương ưng hành, ý thức thân, pháp tương ưng của ý thức kia, hiện có sinh, lão, trụ, vô thường.

Pháp này không duyên nơi nhân duyên, không duyên nơi pháp duyên, không duyên nơi pháp câu sinh, là có, là có tánh, không phải là không có, không phải là không có tánh, sắc khác, thọ, tưởng, thức khác, hành tương ưng khác.

Hỏi: Pháp này đối với pháp kia nên nói là nhân hay nên nói là duyên?

Đáp: Nên nói là nhân, nên nói là duyên.

Hỏi: Pháp này nên nói là thiện, là bất thiện, là vô ký chăng?

Đáp: Đối với pháp thiện nên nói là thiện, đối với pháp bất thiện nên nói là bất thiện, đối với pháp vô ký nên nói là vô ký.

Hỏi: Pháp này có bao nhiêu tùy miên tùy tăng, bao nhiêu kiết trói buộc?

Đáp: Tùy miên tùy tăng duyên nơi hữu lậu của ba cõi, chín kiết trói buộc.

*

Hỏi: Kiến tương ưng với thọ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Kiến duyên nơi hữu lậu của ba cõi và kiến duyên nơi vô lậu tương ưng với vô minh là tùy miên tùy tăng.

Hỏi: Kiến không tương ưng với thọ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Trừ kiến duyên nơi vô lậu tương ưng với vô minh, còn lại là tùy miên tùy tăng.

*

Hỏi: Nghi tương ưng với thọ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Nghi duyên nơi hữu lậu của ba cõi do kiến đoạn và nghi duyên nơi vô lậu tương ưng với vô minh là tùy miên tùy tăng.

Hỏi: Nghi không tương ưng với thọ có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Trừ nghi duyên nơi vô lậu tương ưng với vô minh, còn lại là tùy miên tùy tăng.

*

Hỏi: Pháp nhân nơi đạo duyên khởi gồm thâu bao nhiêu giới, xứ, uẩn?

Đáp: Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Hỏi: Trừ nhãn xúc v.v... dấy khởi tướng thọ, pháp của tâm tương ung và nhĩ xúc v.v... dấy khởi tướng thọ, pháp của tâm không tương ung, pháp còn lại gồm thâu bao nhiêu giới, xứ, uẩn?

Đáp: Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Hỏi: Cho đến trừ thân xúc v.v... dấy khởi tướng thọ, pháp của tâm tương ung và ý xúc v.v... dấy khởi tướng thọ, pháp của tâm không tương ung, pháp còn lại gồm thâu bao nhiêu giới, xứ, uẩn?

Đáp: Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

HẾT - QUYỂN 19

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ

QUYỂN 20

Chương 8: KIẾN UẨN

Phẩm 4: BÀN VỀ TRÍ

Tụng nêu chung:

*Trí đoạn, chán, lìa, tu
Duyên, xúc, mạn, nghiệp, sự
Gồm thâm khác, tất cả
Chương này xin nói đủ.*

*

Hỏi: Nếu sự có thể thông đạt, sự ấy có thể nhận biết khắp chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có sự có thể thông đạt không phải là có thể nhận biết khắp: Nghĩa là trí khổ, tập, diệt, đạo không đoạn trừ phiền não. 2. Có sự có thể nhận biết khắp không phải là có thể thông đạt: Nghĩa là nhãn khổ, tập, diệt, đạo đoạn trừ phiền não. 3. Có sự có thể thông đạt cũng có thể nhận biết khắp: Nghĩa là trí khổ, tập, diệt, đạo đoạn trừ phiền não. 4. Có sự không phải có thể thông đạt cũng không phải có thể nhận biết khắp: Nghĩa là nhãn khổ, tập, diệt, đạo không đoạn trừ phiền não.

Hỏi: Nếu sự có thể chán, sự ấy có thể lia chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có sự có thể chán không phải là có thể lia: Nghĩa là nhãn trí khỗ, tập không đoạn trừ phiền não. 2. Có sự có thể lia không phải là có thể chán: Nghĩa là nhãn trí diệt, đạo đoạn trừ phiền não. 3. Có sự có thể chán cũng có thể lia: Nghĩa là nhãn trí khỗ, tập đoạn trừ phiền não. 4. Có sự không phải có thể chán cũng không phải có thể lia: Nghĩa là nhãn trí diệt, đạo không đoạn trừ phiền não.

Hỏi: Nếu sự có thể chán sự ấy nên tu chán chăng?

Đáp: Nếu sự có thể chán sự ấy cũng nên tu chán. Có sự nên tu chán không phải là có thể chán: Nghĩa là trí diệt, đạo đoạn trừ phiền não.

Hỏi: Nếu sự có thể lia sự ấy nên tu chán chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có sự có thể lia không phải là tu chán: Nghĩa là nhãn diệt, đạo đoạn trừ phiền não. 2. Có sự tu chán không phải là có thể lia: Nghĩa là nhãn trí khỗ, tập không đoạn trừ phiền não. 3. Có sự có thể lia cũng tu chán: Nghĩa là nhãn trí khỗ, tập và trí diệt, đạo đoạn trừ phiền não. 4. Có sự không phải là có thể lia cũng không phải là tu chán: Nghĩa là nhãn trí diệt, đạo không đoạn trừ phiền não.

*

Hỏi: Nếu pháp làm nhân cho pháp kia, thì hoặc có lúc pháp này không phải là nhân cho pháp kia chăng?

Đáp: Không lúc nào không phải là nhân.

Hỏi: Nếu pháp làm đẳng vô gián cho pháp kia, thì hoặc có lúc pháp này không phải là đẳng vô gián cho pháp kia chăng?

Đáp: Nếu khi pháp này chưa đến đã sinh.

Hỏi: Nếu pháp làm Sở duyên cho pháp kia, thì hoặc có lúc pháp này không phải là Sở duyên của pháp kia chăng?

Đáp: Không lúc nào không phải là Sở duyên.

Hỏi: Nếu pháp làm Tăng thượng cho pháp kia, thì hoặc có lúc pháp này không phải là Tăng thượng cho pháp kia chăng?

Đáp: Không lúc nào không phải là Tăng thượng.

*

Hỏi: Các ý xúc, tất cả ý xúc ấy là xúc của ba thứ hòa hợp chăng?

Đáp: Các ý xúc, tất cả ý xúc ấy là xúc của ba thứ hòa hợp. Có xúc của ba thứ hòa hợp không phải là ý xúc: Nghĩa là xúc chạm tương ưng với năm thức thân. Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô nên biết, có ý giới, có pháp giới, có vô minh giới. Vì xúc vô minh sinh ra thọ đã tiếp xúc, người ngu kém hiểu biết bèn chấp có, chấp không, hoặc chấp có - không”.

*

Hỏi: Các mạn, tất cả các mạn ấy là tự chấp chăng?

Đáp: Các mạn, tất cả các mạn ấy là tự chấp. Có tự chấp không phải là mạn: Nghĩa là các kiến thú. Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô nên biết, tự chấp có ngã, tự chấp có ngã sở”.

Hỏi: Các mạn, tất cả mạn ấy là không tịch tĩnh chăng?

Đáp: Các mạn, tất cả mạn ấy là không tịch tĩnh. Có không tịch tĩnh không phải là mạn: Nghĩa là các phiền não khác hiện ở trước. Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô nên biết, động là bị ma trói buộc, không động là thoát khỏi điều ác”.

*

Hỏi: Các nghiệp, nghiệp ấy là không luật nghi chăng?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có nghiệp không phải là không luật nghi: Nghĩa là luật nghi nơi thân, ngữ. 2. Có không luật nghi không phải là nghiệp: Nghĩa là căn không luật nghi. 3. Có nghiệp cũng là không luật nghi: Nghĩa là thân, ngữ không luật nghi. 4. Có không phải là nghiệp cũng không phải là không luật nghi: Nghĩa là căn luật nghi.

Hỏi: Các nghiệp, nghiệp ấy là luật nghi chăng ?

Đáp: Nên tạo ra bốn trường hợp: 1. Có nghiệp không phải là luật nghi: Nghĩa là thân, ngữ không luật nghi. 2. Có luật nghi không phải là nghiệp: Nghĩa là căn luật nghi. 3. Có nghiệp cũng là luật nghi: Nghĩa là thân, ngữ luật nghi. 4. Có không phải là nghiệp cũng không phải là luật nghi: Nghĩa là căn không luật nghi.

*

Hỏi: Nếu sự việc chưa được, sự việc ấy là không thành tựu chăng?

Đáp: Nếu sự việc chưa được sự việc ấy là không thành tựu. Có sự việc không thành tựu không phải là chưa được: Nghĩa là đã được rồi mất.

Hỏi: Nếu sự việc đã được, sự việc ấy là thành tựu chăng?

Đáp: Nếu sự việc thành tựu, sự việc ấy đã được. Có sự việc đã được nhưng không thành tựu: Nghĩa là đã được rồi mất.

*

Trừ Khổ Thánh đế và pháp xứ, các pháp còn lại gồm thâu hai giới, một xứ, một uẩn. Trừ Tập Thánh đế và pháp xứ, nêu bày cũng như vậy.

Trừ Diệt Thánh đế và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu mười bảy giới, mười một xứ, hai uẩn. Trừ Đạo Thánh đế và pháp xứ, nêu bày cũng như vậy.

*

Trừ pháp có sắc và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu bảy giới, một xứ, một uẩn. Trừ pháp không sắc và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu mười giới, mười xứ, một uẩn.

Trừ pháp có kiến và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu mười sáu giới, mười xứ, hai uẩn. Trừ pháp không kiến và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu một giới, một xứ, một uẩn.

Trừ pháp có đối và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu bảy giới, một xứ, một uẩn. Trừ pháp không đối và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu mười giới, mười xứ, một uẩn.

Trừ pháp hữu lậu và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu hai giới, một xứ, một uẩn. Trừ pháp vô lậu và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu mười bảy giới, mười một xứ, hai uẩn.

Trừ pháp hữu vi và pháp xứ, trừ tất cả pháp ấy mà hỏi về pháp khác là sự việc không có, là luận bàn trống rỗng. Trừ pháp vô vi và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu mười bảy giới, mười một xứ, hai uẩn.

*

Trừ pháp quá khứ và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu mười bảy giới, mười một xứ, hai uẩn. Trừ pháp hiện tại, vị lai và pháp xứ, nêu bày cũng như vậy.

Trừ pháp thiện và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu mười bảy giới, mười một xứ, hai uẩn. Trừ pháp bất thiện và pháp xứ, nêu bày cũng như vậy. Trừ pháp vô ký và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu chín giới, ba xứ, hai uẩn.

Trừ pháp hệ thuộc cõi Dục và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu mười ba giới, chín xứ, hai uẩn. Trừ pháp hệ thuộc cõi Sắc và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu mười bảy giới, mười một xứ, hai uẩn. Trừ pháp hệ thuộc cõi Vô sắc, pháp học, pháp vô học và pháp xứ, nêu bày cũng như vậy. Trừ pháp phi học phi vô học và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu hai giới, một xứ, một uẩn.

Trừ pháp do kiến đạo đoạn và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu mười bảy giới, mười một xứ, hai uẩn. Trừ pháp do tu đạo đoạn và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu hai giới, một xứ, một uẩn. Trừ pháp không đoạn và pháp xứ, pháp còn lại gồm thâu mười bảy giới, mười một xứ, hai uẩn.

*

Trừ pháp đã sinh và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại gồm thâu mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Trừ pháp không phải đã sinh và pháp nhất định không sinh, trừ tất cả pháp ấy mà hỏi về pháp khác là sự việc không có, là luận bàn trống rỗng.

Trừ pháp có sắc và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại gồm thâu tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Trừ pháp không sắc và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại gồm thâu mười một giới, mười một xứ, một uẩn.

Trừ pháp có kiến và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại gồm thâu mười bảy giới, mười một xứ, năm uẩn. Trừ pháp không kiến và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại gồm thâu một giới, một xứ, một uẩn.

Trừ pháp có đối và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại gồm thâu tám giới, hai xứ, năm uẩn. Trừ pháp không đối và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại gồm thâu mười giới, mười xứ, một uẩn.

Trừ pháp hữu lậu và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại gồm thâu ba giới, hai xứ, năm uẩn. Trừ pháp vô lậu và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại gồm thâu mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Trừ pháp hữu vi và pháp nhất định không sinh, trừ tất cả pháp ấy mà hỏi về pháp khác, là sự việc không có, là luận bàn trống rỗng. Trừ pháp vô vi và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại gồm thâu mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

*

Trừ pháp quá khứ, pháp hiện tại và pháp nhất định không sinh, nêu bày cũng như vậy. Trừ pháp vị lai và pháp nhất định không sinh, trừ tất cả pháp ấy mà hỏi về pháp khác, là sự việc không có, là luận bàn trống rỗng.

Trừ pháp thiện và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại gồm thâu mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Trừ pháp bất thiện và pháp nhất định không sinh, nêu bày cũng như vậy. Trừ pháp vô ký và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại gồm thâu mười giới, bốn xứ, năm uẩn.

Trừ pháp hệ thuộc cõi Dục và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại gồm thâu mười bốn giới, mười xứ, năm uẩn. Trừ pháp hệ thuộc cõi Sắc và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại gồm thâu mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Trừ pháp hệ thuộc cõi Vô sắc, pháp học, pháp vô học và pháp nhất định không sinh, nêu bày cũng như vậy. Trừ pháp phi học phi vô học và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại gồm thâu ba giới, hai xứ, năm uẩn.

Trừ pháp do kiến đạo đoạn và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại gồm thâu mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Trừ pháp do tu đạo đoạn và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại gồm thâu ba

giới, hai xứ, năm uẩn. Trừ pháp không đoạn và pháp nhất định không sinh, pháp còn lại gồm sáu mươi tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

*

Hỏi: Từng có một giới, một xứ, một uẩn gồm sáu tất cả pháp chăng?

Đáp: Có. Một giới là pháp giới, một xứ là ý xứ, một uẩn là sắc uẩn.

PHẨM 5: BÀN VỀ KIẾN

Tụng nêu chung:

*Hai tà kiến thường, đoạn
Giới, tà giới, tà thường
Sáu kiến, năm Niết-bàn
Chín mạn loại, thường kiến.
Mê chấp tự, tha tạo
Ngộ tức hai không có
Nêu đủ mạn và đắc
Chương này xin nói đủ.*

*

Từng có các kiến như vậy: Không có thí cho, không có ái lạc, không có cúng tế, không có hành diệu, hành ác. Đây là tà kiến hủy báng nhân, do kiến tập đoạn. Không có quả của hành diệu, hành ác. Đây là tà kiến hủy báng quả, do kiến khổ đoạn. Không có đời này, không có đời khác, không có hữu tình hóa sinh. Đây là tà kiến hủy báng nhân, do kiến tập đoạn, hoặc tà kiến hủy báng quả, do kiến khổ

đoạn. Không có cha, không có mẹ. Đây là tà kiến hủy báng nhân, do kiến tập đoạn.

Tùng có các kiến như vậy: Ở thế gian không có A-la-hán. Đây là tà kiến hủy báng đạo, do kiến đạo đoạn. Không có chánh chí, đây là tà kiến hủy báng diệt, do kiến diệt đoạn. Không có chánh hạnh nơi đời này đời khác, tức ở hiện pháp, biết tự thông đạt, tác chứng, trụ đầy đủ: sự sinh của ta đã tận, phạm hạnh đã lập, công việc làm đã xong, không thọ hữu sau, cho là nhận biết như thật. Đây là tà kiến hủy báng đạo, do kiến đạo đoạn trừ.

Tùng có các kiến như vậy: Cho đến thọ mạng, sinh sống, chết rồi đoạn hoại, không có bốn đại chủng này. Lúc thân sĩ phu chết, thân đất trở về nơi đất, thân nước trở về nơi nước, thân lửa trở về nơi lửa, thân gió trở về nơi gió. Căn tùy theo không chuyển, xe chở là thứ năm, mang tử thi người kia đi đến vất bỏ nơi gò mả, chưa thiêu đốt có thể nhận biết, thiêu đốt xong thành tro, còn lại là xương màu chim bồ câu, người ngu khen thí cho, kẻ trí khen thọ nhận. Những sự luận bàn, tất cả đều là lời nói trống rỗng, hư vọng.

Cho đến có sự sống, kẻ ngu, trí, chết rồi đoạn hoại không có, đây là thuộc về đoạn kiến của biên chấp kiến, do kiến khổ đoạn.

Tùng có các kiến như vậy: Không nhân, không duyên khiến hữu tình tạp nhiễm. Không phải nhân, không phải duyên mà hữu tình tạp nhiễm. Đây là tà kiến hủy báng nhân, do kiến tập đoạn.

Không nhân, không duyên khiến hữu tình thanh tịnh. Không phải nhân, không phải duyên mà hữu tình thanh tịnh. Đây là tà kiến hủy báng đạo, do kiến đạo đoạn.

Không nhân, không duyên khiến hữu tình không trí, không kiến. Không phải nhân, không phải duyên mà hữu tình không trí, không kiến. Đây là tà kiến hủy báng nhân, do kiến tập đoạn.

Không nhân, không duyên khiến hữu tình có trí kiến. Không phải nhân, không phải duyên mà hữu tình có trí kiến. Đây là tà kiến hủy báng đạo, do kiến đạo đoạn.

Từng có các kiến như vậy: Không có lực, không có tinh tấn, không có lực tinh tấn, không có sĩ, không có uy thế, không có sĩ - oai thế, không có tự mình tạo tác, không có người khác tạo tác, không có tự mình, người khác tạo tác. Tất cả hữu tình, tất cả sinh, tất cả chủng loại, không có lực, không có tự tại, không có tinh tấn, không có uy thế, tánh hợp định biến đổi, nơi sáu thắng sinh, thọ các khổ vui. Tà kiến này nếu hủy báng lực tinh tấn hữu lậu v.v... tức tà kiến hủy báng nhân, do kiến tập đoạn. Nếu hủy báng lực, tinh tấn v.v... vô lậu, là tà kiến hủy báng đạo, do kiến đạo đoạn.

Từng có các kiến như vậy: Tạo tác, chỉ dạy sát hại, giết hại các chúng sinh, không cho mà lấy, hành tà dục, biết mà nói dối, uống các thứ rượu, đục tường, cỡi trói, lấy hết mọi thứ hiện có, giữ ách, ngăn đường, hại thôn xóm, hại thành thị, hại sinh mạng nơi đất nước, dùng đao, dùng bánh xe, xâm chiếm đất đai, chúng sinh hiện có, đoạn cắt, phân xẻ, gom chứa thành một đồng thít. Nên biết, do cho đây là không có ác, không có duyên ác. Ở phía Nam sông Hằng thì đánh đập, cắt, chém, ở phía Bắc sông Hằng thì tuệ thí, tu phước, nên biết cho do đây là không có tội phước, cũng không có duyên của tội phước. Bồ thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, gồm thâu, dẫn dắt các hữu tình, đều cho là không có phước. Đây là tà kiến hủy báng nhân, do kiến tập đoạn.

Từng có các kiến như vậy: Đây là thân bảy sĩ không làm mà làm, không hóa mà hóa, không thể hại, thường an trụ, như Y-su-ca an trụ không động, không có chuyển biến, cùng không xúc chạm nhau.

Những gì là bảy? Nghĩa là đất, nước, lửa, gió và khổ, vui, thọ mạng. Thân bảy sĩ này không phải tạo tác, cho đến như Y-su-ca an trụ

không động. Hoặc tội, hoặc phước, hoặc tội phước, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc khổ vui, không thể chuyển biến, cũng không thể khiến cùng xúc chạm, trở ngại. Nếu có sĩ phu đoạn dứt đầu sĩ phu, cũng không gọi là hại. Sự sinh của thế gian, hoặc đi, hoặc đứng, trung gian của bảy thân, đao nhọn tuy chuyển biến nhưng không hại mạng. Ở đây, không có chủ thể hại, không có đối tượng bị hại, không có chủ thể đánh đập, không có đối tượng bị đánh đập, không biểu thị, không xú biểu thị. Biên chấp kiến này thuộc về thường kiến, do kiến khổ đoạn.

Từng có các kiến như vậy: Có mười bốn ức sáu vạn sáu trăm môn sinh. Năm nghiệp, ba nghiệp, hai nghiệp, một nghiệp, nửa nghiệp, sáu mươi hai hành tích, sáu mươi hai trung kiếp, một trăm ba mươi sáu địa ngục, một trăm hai mươi căn, ba mươi sáu trần giới, bốn vạn chín ngàn nhà rồng, bốn vạn chín ngàn nhà chim Diêu sí, bốn vạn chín ngàn nhà dị học, bốn vạn chín ngàn nhà sinh sống, bảy tạng hữu tướng, bảy tạng vô tướng, bảy tạng lia trói buộc, bảy A-tổ-lạc, bảy Tất-xá-già, bảy trời, bảy người, bảy mộng, bảy trăm giác mộng, bảy giác, bảy trăm giác, bảy ao, bảy trăm ao, bảy đường hiểm, bảy trăm đường hiểm, bảy giảm, bảy trăm giảm, bảy tăng, bảy trăm tăng, sáu loại thắng sinh, tám Đại sĩ địa.

Nơi xú như thế, trải qua tám vạn bốn ngàn đại kiếp, hoặc ngu, hoặc trí, lưu chuyển qua lại, nên quyết định có thể tạo biên vực khổ, như ném cuộn chỉ, chỉ hết nên dừng lại.

Ở đây, không có Sa-môn hoặc Bà-la-môn có thể nói như thế này: Ta dùng Thi-la (Giới), hoặc dùng tinh tấn, hoặc dùng phạm hạnh, khiến cho nghiệp hiện có chưa thành thực được thành thực, thành thực, xúc chạm xong, tức liền biến đổi, loại bỏ.

Do lượng định về biên vực khổ, vui nơi sinh tử như thế, không thể thiết lập có tăng, có giảm, cũng không thể nói, hoặc rõ ràng, không rõ ràng. Đây không phải là nhân chấp là nhân, thuộc giới cấm thủ, do kiến khổ đoạn.

Tùng có các kiến như vậy: Tất cả sĩ phu, Bồ-đặc-già-la, các hữu đã thọ, tất cả đều cho là do đời trước tạo tác làm nhân. Đây không phải là nhân chấp là nhân, thuộc giới cấm thủ, do kiến khổ đoạn.

Tùng có các kiến như vậy: Tất cả sĩ phu, Bồ-đặc-già-la, các hữu đã nhận, đều cho do sự biến hóa của Tự tại làm nhân. Đây không phải là nhân chấp là nhân, thuộc giới cấm thủ, do kiến khổ đoạn.

Tùng có các kiến như vậy: Tất cả sĩ phu, Bồ-đặc-già-la đã thọ nhận, đều cho là không có nhân, không có duyên. Đây là tà kiến hủy báng nhân, do kiến tập đoạn.

Tùng có các kiến như vậy: Tự mình tạo ra khổ vui, người khác tạo ra khổ vui, tự mình người khác tạo ra khổ vui. Đây không phải là nhân chấp là nhân, thuộc giới cấm thủ, do kiến khổ đoạn.

Tùng có các kiến như vậy: Khổ vui đã thọ nhận, không phải tự mình tạo, không phải người khác tạo, không có nhân mà sinh. Đây là tà kiến hủy báng nhân, do kiến tập đoạn.

Tùng có các kiến như vậy: Ngã và thế gian, thường hằng, an trụ kiên cố, là pháp không biến dịch, đang an trụ như thế. Biên chấp kiến này thuộc về thường kiến, do kiến khổ đoạn.

Tùng có các kiến như vậy: Là đế, là trụ, nên ta có ngã. Biên chấp kiến này thuộc về thường kiến, do kiến khổ đoạn.

Tùng có các kiến như vậy: Là đế, là trụ, nên ta không có ngã. Biên chấp kiến này thuộc về đoạn kiến, do kiến khổ đoạn.

Tùng có các kiến như vậy: Ngã quán ngã, nhãn sắc tức là ngã. Đây là hữu thân kiến, do kiến khổ đoạn.

Tùng có các kiến như vậy: Ngã quán không ngã, mắt tức là ngã, sắc là các công cụ. Đây là hữu thân kiến, do kiến khổ đoạn.

Tùng có các kiến như vậy: Không ngã quán ngã, sắc tức là ngã, mắt là các công cụ. Đây là hữu thân kiến, do kiến khổ đoạn.

Tùng có các kiến như vậy: Đây là ngã, là hữu tình, thọ mạng, sự sinh, người nuôi dạy, Bồ-đặc-già-la, ý sinh, nho đồng, kẻ tạo tác, chỉ dạy, người sinh, người cùng sinh, người khởi, người cùng khởi, người nói, người nhận biết. Cùng lãnh nhận, không phải từng không có, không phải sẽ không có, nơi các xứ kia, tạo nghiệp thiện, ác, nơi các xứ kia, thọ dị thực của quả, bỏ uẩn ấy, nối tiếp uẩn khác. Biên chấp kiến này thuộc về thường kiến, do kiến khổ đoạn.

Tùng có các kiến như vậy: Thọ nhận năm dục vui đẹp, gọi là được Niết-bàn của hiện pháp thứ nhất. Đây là lấy pháp thấp kém cho là thù thắng, thuộc về kiến thủ, do kiến khổ đoạn.

Tùng có các kiến như vậy: Lìa pháp dục ác bất thiện, có tầm có tứ, ly sinh hỷ lạc, nhập trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ nhất, gọi là được Niết-bàn của hiện pháp thứ nhất.

Tâm, tứ tĩnh lặng, nội cùng tịnh, tánh của tâm một cảnh. Không tâm không tứ, định sinh hỷ lạc, nhập trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ hai, gọi là được Niết-bàn của hiện pháp thứ nhất.

Lìa hỷ trụ xả, chánh niệm, chánh tri, thân thọ an lạc bậc Thánh gọi là có thể xả, đủ niệm lạc trụ, nhập trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ ba, gọi là được Niết-bàn của hiện pháp thứ nhất.

Đoạn vui, dứt khổ, trước hết là hỷ, ưu mất hẳn, không khổ, không vui, xả niệm thanh tịnh, nhập trụ đầy đủ nơi tĩnh lự thứ tư, gọi là được Niết-bàn của hiện pháp thứ nhất. Đây là lấy pháp thua kém cho là thù thắng, là kiến thủ, do kiến khổ đoạn.

Có chín loại mạn: Nghĩa là ta hơn, ta bằng, ta kém. Có người hơn ta, có người bằng ta, có người kém ta. Không ai hơn ta, không ai bằng ta, không ai kém ta.

Ta hơn : Là dựa vào kiến khởi quá mạn. Ta bằng: Là dựa vào kiến khởi mạn. Ta kém: Là dựa vào kiến khởi ti mạn.

Có người hơn ta: Là dựa vào kiến khởi ti mạn. Có người bằng ta: Là dựa vào kiến khởi mạn. Có người kém ta: Là dựa vào kiến khởi quá mạn.

Không ai hơn ta: Là dựa vào kiến khởi mạn. Không ai bằng ta: Là dựa vào kiến khởi quá mạn. Không ai kém ta: Là dựa vào kiến khởi ti mạn.

Từng có các kiến như vậy: Gió không thổi, sông không trôi, lửa không cháy, sữa không chảy ra, thai không mang, mặt trời, mặt trăng không mọc, không lặn, trụ nơi tự tánh nhiệm tịnh, không tăng không giảm. Biên chấp kiến này thuộc về thường kiến, do kiến khổ đoạn.

*

Như trong Khế kinh nói:

*Chúng sinh chấp ngã tạo
Chấp người tạo cũng vậy
Đều không thể như thật
Quán biết là mũi tên.*

Hỏi: Lời nói này có nghĩa gì?

Đáp: Chúng sinh là chỉ cho ngoại đạo. Ngoại đạo kia tạo ra chấp này: “Ngã có thể tạo, ngã có thể sinh, ngã có thể biến hóa”, nên nói “Chúng sinh chấp ngã tạo”.

Lại có ngoại đạo chấp người khác có thể tạo, người khác có thể sinh, có thể biến hóa, nên nói “Chấp người tạo cũng vậy”, tức đều cho mỗi mỗi không phải là tất cả mũi tên: Nghĩa là ác kiến có thể bị trúng thương, nên kẻ kia đối với kiến này không thể quán biết như thật về mũi tên ấy.

*Nên quán mũi tên này
Chúng sinh chấp trước chặt*

*Như thế tức không có
Ta tạo, người khác tạo.*

Nên quán mũi tên này: Là nên quán biết như thật về kiến này đúng là mũi tên độc, nó là sự dẫn đường đi trước cho già, bệnh, chết.

Chúng sinh chấp trước chặt: Chúng sinh là chỉ cho ngoại đạo, họ ở trong cõi kiến đã chấp trước sâu dày, không thể xuất ly. Nếu có thể quán biết đúng như thật như thế, tức không còn chấp có ngã tạo tác, có ngã sinh, ngã biến hóa, cũng không còn chấp có người khác tạo tác, người khác sinh, người khác biến hóa, do nhận biết đối với không có, vọng chấp là có:

*Chúng sinh đủ mạn
Mạn chấp mạn buộc
Nơi kiến trái nhau
Không vượt sinh tử.*

Đủ mạn: Là làm rõ việc tạo thành bảy mạn. *Chúng sinh:* Là ngoại đạo. Họ đối với bảy mạn đã chấp, chấp trước nhiều, vướng mắc nhiều, vướng mắc khắp, nên nói là *Mạn chấp*. Trói buộc, trói buộc nhiều, trói buộc khắp, nên nói là *Mạn buộc*.

Nơi kiến trái nhau: Là loại đoạn kiến, thường kiến hỗ tương trái nhau.

Không vượt sinh tử: Là các ngoại đạo kia đối với nẻo sinh tử không có bờ bến, không thể vượt qua để đạt đến Niết-bàn.

*Được, sẽ được, cùng hợp
Học kém, giới, cấm, gôi
Phạm, khổ, sự, một biên
Thọ dục tịnh thứ hai.
Không thấy, tội chìm, chạy
Mắt sáng thấy, nên khác*

*Đôi kia không bụi, mạn
Dứt đường, đến bờ khổ.*

Được: Là chỉ rõ đã được các uẩn, giới, xứ.

Sẽ được: Là hiển bày việc chưa được các uẩn, giới, xứ.

Cùng hợp: Là hai thứ ấy cùng làm tham, sân, si. Là phiền não cầu uế tụ hợp, tụ hợp khắp, tụ hợp tột cùng.

Kém: Có hai nghĩa: Chỉ cho bệnh và chỉ cho ngoại đạo. Nay nói ngoại đạo là kẻ thua kém, vì họ ở đây là theo học, nên gọi là học kém. Họ nói thế này: “Các Bồ-đặc-già-la hoặc cỡi voi, ngựa, chèo thuyền, lái xe, khiêng kiệu, cầm giữ cung, gậy, móc sắt, bánh xe, lụa là, in ấn sách vở, toán số, đều khiến thiện xảo. Do đấy nên được tịnh thoát, xuất ly khỏi biên vực tận cùng của khổ vui”. Đây là không phải nhân chấp là nhân, thuộc giới cấm thủ, do kiến khổ đoạn.

Giới: Là có các ngoại đạo khởi kiến chấp này, lập luận này: Các Bồ-đặc-già-la thọ giữ các thứ giới của bò, nai, chó, lừa hình v.v... do đấy nên được tịnh thoát, xuất ly khỏi biên vực tận cùng của khổ vui. Đây là không phải nhân chấp là nhân, thuộc giới cấm thủ, do kiến khổ đoạn.

Cấm: Là có các ngoại đạo khởi kiến chấp này, lập luận này: Các Bồ-đặc-già-la thọ giữ sự ngăn cấm của các loài chim, sự ngăn cấm phải im lặng v.v... do đấy nên được tịnh thoát, xuất ly khỏi biên vực tận cùng của khổ vui. Đây là không phải nhân chấp là nhân, thuộc giới cấm thủ, do kiến khổ đoạn.

Gội: Là có các ngoại đạo khởi kiến chấp này, lập luận này: Các Bồ-đặc-già-la ở nơi ba ao lớn như Ma-nại-bà v.v... là cửa ngõ của sông Hằng tắm gội, do đấy nên được tịnh thoát, xuất ly khỏi biên vực tận cùng của khổ vui. Đây là không phải nhân chấp là nhân, thuộc giới cấm thủ, do kiến khổ đoạn.

Phạm: Là phạm hạnh. Có các ngoại đạo khởi kiến chấp này, lập luận này: Các Bồ-đặc-già-la thọ giữ phạm hạnh, xa lìa dâm dục, do đấy nên được tịnh thoát, xuất ly khỏi biên vực tận cùng của khổ vui. Đây là không phải nhân chấp là nhân, thuộc giới cấm thủ, do kiến khổ đoạn.

Khổ: Là khổ hạnh. Có các ngoại đạo khởi kiến chấp này, lập luận này: Các Bồ-đặc-già-la thọ nhận đủ các thứ khổ hạnh, do đấy nên được tịnh thoát xuất ly khỏi biên vực tận cùng của khổ vui. Đây là không phải nhân chấp là nhân, thuộc giới cấm thủ, do kiến khổ đoạn.

Sự: Là thừa sự. Có các ngoại đạo khởi kiến chấp này, lập luận này: Các Bồ-đặc-già-la điều phục các loại voi, ngựa, bò, thò mặt trời, mặt trăng, tinh tú, lửa v.v... do đấy nên được tịnh thoát, xuất ly khỏi biên vực tận cùng của khổ vui. Đây là không phải nhân chấp là nhân, thuộc giới cấm thủ, do kiến khổ đoạn.

Một biên: Là biên khổ hạnh như trên đã nói.

Thọ dục tịnh: Là có các ngoại đạo khởi kiến chấp này, lập luận này: Các dục tịnh tinh đẹp, vừa ý thọ dụng, không có lỗi lầm. Đây là lấy pháp thấp kém làm thù thắng, là kiến thủ do kiến khổ đoạn.

Thứ hai: Tức ở đây nói đến một biên của lạc hạnh.

Không thấy: Là các ngoại đạo đối với hai biên trên, không thấy đúng như thật.

Tốt chìm, chạy: Là các ngoại đạo kia do không thấy, nên một loại khởi ái, gọi là tốt cùng chìm, một loại khởi kiến, gọi là tốt cùng chạy.

Lại nữa, một loại lười biếng nên gọi là tốt cùng chìm, một loại trạo cử nên gọi là tốt cùng chạy.

Lại nữa, một loại khởi mạn nên gọi là tốt cùng chìm, một loại khởi quá mạn nên gọi là tốt cùng chạy.

Mắt sáng trông thấy: Mắt sáng: Là Phật và đệ tử của Phật.
Thấy: Là nơi hai biên đã nói ở trên, thấy biết đúng như thật.

Có thể khác: Là do thấy biết đúng như thật, nên không đồng với sự chìm, chạy tột cùng của ngoại đạo kia, do đã có thể không dấy khởi ái, kiến.

Đối kia không có bụi: Nghĩa là đối với uẩn, giới, xứ đã được, chưa được, không khởi các thứ bụi bặm tham, sân, si.

Đối kia không có mạn: Nghĩa là đối với hai biên, tuy cùng xa lìa nhưng tâm không hề dựa cậy.

Dứt đường: Nếu có thể hành như thế, tức dứt tuyệt ba đường, là phiền não, nghiệp, khổ.

Đến biên vực tận cùng của khổ: Khổ nghĩa là khổ của năm thủ uẩn. Biên vực tận cùng nghĩa là Niết-bàn. Nếu dứt tuyệt ba đường, nên đạt đến biên vực tận cùng của uẩn khổ ấy.

Phẩm 6: BÀN VỀ GIÀ THA

Tụng nêu chung:

*Thấy, phạm, phụ hơn, lưới
Xe vốn tin lưu chuyển
Mẫu vương tuệ thoát căn
Chương này xin nói đủ.*

*

*Đã thấy nên thấy biết
Đã thấy và không thấy
Người không thấy, không thấy
Không thấy và đã thấy.*

Đã thấy: Nghĩa là những người đã thấy về khổ, tập, diệt, đạo.

Có thể thấy, Đã thấy và không thấy: Nghĩa là những người kia có thể thấy, các kẻ khác đã thấy cùng không thấy về khổ, tập, diệt, đạo.

Người không thấy: Nghĩa là những kẻ không thấy về khổ, tập, diệt, đạo.

Không thấy, Không thấy và đã thấy: Nghĩa là những người kia không thấy, các kẻ khác không thấy và đã thấy về khổ, tập, diệt, đạo.

*Không nên hại Phạm chí
Cũng lại không nên bỏ
Nếu hại họ hoặc bỏ
Người trí đòi đều chê.*

Không nên hại Phạm chí: Phạm chí tức là A-la-hán. Nghĩa là không nên dùng tay, hòn đất đá, dao, gậy để hại A-la-hán.

Cũng lại không nên bỏ: Nghĩa là đối với A-la-hán nên dùng y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang và các vật dụng cần thiết cho cho đời sống khác, cung kính cúng dường, không nên lia bỏ.

Nếu hại họ hoặc bỏ, Người trí đòi đều chê: Nghĩa là đối với A-la-hán nếu dùng tay, đất, đá v.v... để hại, hoặc lại còn từ bỏ không cung kính cúng dường, đều bị các người trí của thế gian chê trách quở mắng.

*Nghịch hại nơi cha mẹ
Vua cùng hai đấng
Diệt nước và tùy hành
Vô ngại quá Phạm chí.*

Nghịch hại nơi cha mẹ, Vua cùng hai đấng: Mẹ tức dụ cho ái, do có thể sinh. Như Đức Thế Tôn nói:

*Sĩ phu do ái sinh
Do tâm nên dong ruổi*

*Hữu tình ở sinh tử
Khổ là sợ hãi lớn.*

Cha tức dụ cho nghiệp hữu lậu, do có thể dẫn dắt. Như Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô! Hữu tình như thế tạo hữu lậu thiện, nghiệp do tu thành, được sinh ở cõi kia, vì thọ dị thực của quả, nên Ta nói hữu tình kia theo nghiệp mà hành”.

Vua tức dụ cho hữu, thủ, thức. Như Đức Thế Tôn nói:

*Vua, tặng thưởng thứ sáu
Nhiễm, khi nhiễm tự chọn
Không nhiễm mà có nhiễm
Người nhiễm gọi kẻ ngu.*

Lại như Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô nên biết! Ta nói về chủ thành, tức hữu, thủ, thức”.

Hai đũa vãn: Tức dụ cho kiến thủ, giới cầm thủ. Như cúng tế, tĩnh lặng, hai người đũa vãn ở trong bụi bặm cấu uế cùng tạo mọi thứ hý luận.

Hai thủ như thế, đối với pháp hữu lậu, chấp cho là hơn hết, là bậc nhất. Hoặc lại cho là tịnh thoát, xuất ly. Trừ bỏ thức thủ của nghiệp ái, vĩnh viễn đoạn trừ, nên gọi là *ngịch hại*.

Cõi nước dụ cho phiền não. *Tùy hành* dụ cho tâm, tứ tương ưng với thức thủ kia.

Tru diệt nghĩa là giết hết, tức từ bỏ, vĩnh viễn đoạn trừ phiền não tâm tứ, nên gọi là tru diệt.

Vô ngại, ngại có ba thứ, là tham, sân, si. A-la-hán kia đối với ba thứ này đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp, nên gọi là vô ngại.

Quá nghĩa là ra khỏi. A-la-hán kia vì vô ngại nên vượt ra ngoài ba cõi, vì đoạn trừ vĩnh viễn pháp ác nên gọi là *Phạm chí*. Như Đức Thế Tôn nói: *Phật hằng trụ chánh niệm, Du hóa nơi thế gian, Diệt pháp ác hết kiết, Nên gọi là Phạm chí*.

*Nghịch hại nơi cha mẹ
 Vua cùng hai đũa vĩa
 Trừ cọp, oán thứ năm
 Người ấy gọi thanh tịnh.*

Ở đây nghĩa của hai câu trên: Như trước đã nói.

Cọp dụ cho triền sân, như bầm tánh của cọp là bạo ác, hung dữ, ăn uống máu, thịt. Triền sân cũng như vậy, bạo ác, hung hiểm, diệt các căn thiện.

Oán thứ năm dụ cho cái thứ năm trong năm cái, hoặc dụ cho kiết thứ năm trong năm kiết thuận phần dưới. Do dứt bỏ, đoạn trừ vĩnh viễn, nên nói là *trừ*. Do người này đã vĩnh viễn đoạn trừ tham, sân, si nên nói là *thanh tịnh*.

*Thắng rồi không còn thắng
 Đã thắng, không chôn tỳ
 Nẻo hành Phật vô biên
 Không dấu do đâu đến.*

Thắng rồi: Nghĩa là các phiền não đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp. Sự thắng kia có thắng lại, có không thắng lại.

Ai thắng lại? Nghĩa là đã đoạn trừ phiền não, về sau trở lại thoái chuyển. Ai không thắng lại? Nghĩa là đã đoạn trừ phiền não, không còn thoái chuyển nữa.

Người không thắng lại là phân biệt chỗ khác với kẻ thắng lại.

Đã thắng, không chôn tỳ: Nghĩa là nếu phiền não chưa đoạn trừ, chưa nhận biết khắp, tức tùy theo ba cõi, lưu chuyển tuần hoàn. Các phiền não đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp, nên không còn nơi chôn tỳ thuộc.

Nẻo hành Phật vô biên: Nghĩa là Đức Phật, Thế Tôn trí kiến vô học, giác ngộ sáng tỏ, tuệ soi hiện quán, khởi đạt thành tựu nên gọi

là Phật. Bốn niệm trụ gọi là nẻo hành hóa của Phật. Vì hành tướng nơi đối tượng duyên của bốn niệm trụ này đều là không biên vực nên gọi là vô biên.

Không dẫu do đâu đến: Dấu vết nghĩa là dấu chân, tức dụ cho phiền não. Nếu các phiền não chưa đoạn trừ, chưa nhận biết khắp, nên các chúng sinh kia phải đi đến những nẻo ác nơi ba cõi. Các phiền não đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp, nên không còn do đâu đi đến.

*Các lưới không thể giăng
Ái không chỗ nào dẫn
Nẻo hành Phật vô biên
Không dẫu do đâu đến?*

Các lưới không thể giăng: Lưới tức dụ cho ái. Như Đức Thế Tôn nói: “Ta nói lưới ái bủa giăng khắp rừng núi, ao hồ. Nếu ái chưa đoạn trừ, chưa nhận biết khắp, thì có thể giăng mắc lưới hiện bày khắp cả ba cõi. Do đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp nên không thể giăng bày”.

Ái không chỗ nào dẫn: Nghĩa là nếu ái chưa đoạn trừ, chưa nhận biết khắp, tức có thể dẫn đến ba cõi. Do đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp, nên không nơi chốn để dẫn đến.

Hai câu sau nơi tụng: Nghĩa như trước đã nói.

*Xe đã hư, đứt dây
Chảy rớt và tùy hành
Vượt qua hào, thế gian
Chỉ Phật xưng Phạm chí.*

Xe đã hư, đứt dây, Chảy rớt và tùy hành: Xe dụ cho ngã mạn, dây tức dụ cho ái. Như xe chuyên chở các vật do xe nên cao, do dây buộc giữ, nên đi xa mới đến nơi. Hữu tình cũng vậy, do mạn nên cao, do ái buộc gìn nên lưu chuyển nơi sinh tử.

Chảy rớt tức dụ cho tất cả phiền não. *Tùy hành* dụ cho tâm, tứ tương ưng với phiền não kia. Đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp mạn, ái, phiền não cùng tâm, tứ tương ưng, nên gọi là đã đoạn hoại.

Vượt qua hào: Hào dụ cho vô minh. Đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp nên gọi là vượt qua. Như Đức Thế Tôn nói: “Ngang tới đâu được gọi là đã vượt qua hào? Nghĩa là đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp về vô minh”.

Thế gian, Chỉ Phật xưng Phạm chí: Phật và Phạm chí nghĩa như trước đã giải thích. Nơi các thế gian, chỉ Đức Phật được xưng là Phạm chí chân thật, là bậc Vô Thượng Giác, mới có thể vĩnh viễn diệt trừ các pháp ác.

Một gốc, hai dòng xoáy
Ba cầu, năm lưu chuyển
Biển lớn, mười hai, hiểm
Mâu-ni đều đã vượt.

Một gốc: Là dụ cho vô minh, là căn bản của sinh tử, như Đức Thế Tôn nói:

Các nẻo ác hiện có
Đời này và đời sau
Đều vô minh làm gốc
Dục tham cùng hỗ trợ.

Hai dòng xoáy: Là dụ cho danh sắc, vì hữu tình ở trong đó khó có thể ra khỏi.

Ba cầu: Là cầu uế của tham, sân, si.

Năm lưu chuyển: Là dụ cho năm nẻo (thú), hữu tình ở trong ấy luôn lưu chuyển.

Biển lớn: Là dụ cho sáu nội xứ.

Mười hai: Là mười hai tướng, dụ cho sáu nội xứ và sáu ngoại xứ.

Hiêm: Là hầm hổ hiêm trở dụ cho các phiền não.

Mâu-ni đều đã vượt: Mâu ni có hai là học và vô học. Học là đang vượt qua hầm hổ phiền não hiêm trở kia. Vô học là đã vượt qua hầm hổ phiền não hiêm trở đó.

*Không tin, không biết ân
Đoạn kín, không xúr dung
Luôn hy vọng, biến đổi
Là trượng phu tối thượng.*

Không tin: Là A-la-hán đối với Tam bảo, bốn đế, đều tự chứng biết, không phải tin nơi lời người khác nói.

Không biết ân: Ân nghĩa là hữu vi, vì có tác dụng, Niết-bàn gọi là phi ân. Các A-la-hán có trí kiến thù thắng, nhận biết về phi ân, nên gọi là không biết ân.

Đoạn kín: Kín nghĩa là nối tiếp. Sự nối tiếp này có hai thứ: 1. Sự nối tiếp của cõi Dục, cõi Sắc. 2. Sự nối tiếp của cõi Sắc, cõi Vô sắc. Do A-la-hán đã lìa sự nối tiếp này, nên gọi là đoạn kín.

Không xúr dung: Nghĩa là A-la-hán đã lìa sự nối tiếp, nên ở trong ba cõi không dung nạp xúr sinh.

Luôn hy vọng, biến đổi: Hy vọng có hai: 1. Hy vọng về của cải, địa vị. 2. Hy vọng về thọ mạng. A-la-hán kia đối với hai thứ này, vì đã đoạn trừ, đã nhận biết khắp, nên gọi là biến đổi, tức là nghĩa luôn hy vọng dứt bỏ.

Là trượng phu tối thượng: Nghĩa là vì A-la-hán đã đạt được công đức tối thượng, tối thắng bậc nhất đã nói ở trên, nên trong hàng trượng phu gọi là tối thượng, tối thắng bậc nhất.

*Ba mươi sáu dòng chảy
Ý đã dẫn, tặng thịnh
Kẻ ác kiến, nhân ngự
Phân biệt chấp chỗ dựa.*

Ba mươi sáu dòng chảy: Là dụ cho ba mươi sáu hành ái.

Ý đã dân: Tức là ý tập, ý đã sinh khởi, là chủng loại của ý.

Tăng thịnh: Nghĩa là phẩm thượng, mạnh, nhanh, đầy đủ.

Kẻ ác kiến: Nghĩa là các ngoại đạo. Họ đã nhân theo đây đi đến Nại-lạc-ca, bàng sinh, quý giới, nên gọi là *Nhân ngư* (Nhân theo đây).

Phân biệt: Nghĩa là ba thứ phân biệt: 1. Phân biệt của dục. 2. Phân biệt của sân. 3. Phân biệt của hại.

Chấp chỗ dựa: Chấp nghĩa là tham dục, giận dữ, ngu si. Ở đây đã dựa vào kia để khởi, nên gọi là chỗ dựa.

*Bỏ hành ác thân
Và hành ác ngữ
Bỏ hành ác ý
Cùng lỗi lầm khác.*

Bỏ hành ác thân: Là đoạn trừ ba hành ác của thân.

Và hành ác ngữ: Là đoạn trừ bốn hành ác của ngữ.

Bỏ hành ác ý: Là đoạn trừ ba hành ác của ý.

Cùng lỗi lầm khác: Là đoạn trừ các lỗi lầm khác nơi mười thứ hành ác trước.

*Ông đối điều thấy, nghe
Chỉ có điều thấy, nghe
Cùng những gì hiểu, biết
Chỉ có điều hiểu, biết.
Do vì ông chỉ có
Không đây, kia, gần, xa
Cũng không hai trung gian
Nên đến biên vực khó.*

Hai tụng như thế là hiển bày lại trong kinh: Phật bảo Đại mẫu! Ông đối với chỗ thấy, chỉ có chỗ đã thấy. Ông đối với chỗ nghe, chỉ có chỗ đã nghe. Ông đối với chỗ hiểu, chỉ có chỗ đã hiểu. Ông đối với chỗ biết, chỉ có chỗ đã biết.

Do ông chỉ có chỗ đã thấy, nghe v.v... nên ông không có sự thấy nghe đây. Do ông không có sự thấy nghe đây, nên ông không có sự thấy nghe kia. Do ông không có sự thấy nghe kia, nên ông không có gần, không có xa, không có hai trung gian. Vì nhân duyên ấy nên đã đến được biên vực của khổ.

Ở đây, nhãn thức đã lãnh thọ, phân biệt nhận biết nên gọi là chỗ thấy. Có kẻ đối với chỗ thấy, chỉ có chỗ thấy. Có kẻ đối với chỗ thấy, không phải chỉ có chỗ thấy. Ai đối với chỗ thấy, chỉ có chỗ thấy? Nghĩa là đối với nhãn thức đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, không dấy khởi phiền não. Ai đối với chỗ thấy không phải chỉ có chỗ thấy? Nghĩa là đối với nhãn thức đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, đã dấy khởi các phiền não.

Nhĩ thức đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, gọi là chỗ nghe. Có kẻ đối với chỗ nghe, chỉ có chỗ nghe. Có kẻ đối với chỗ nghe, không phải chỉ có chỗ nghe. Ai đối với chỗ nghe, chỉ có chỗ nghe? Nghĩa là đối với nhĩ thức, đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, không dấy khởi phiền não. Ai đối với chỗ nghe, không phải chỉ có chỗ nghe? Nghĩa là đối với nhĩ thức đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, đã dấy khởi các phiền não.

Ba thức tỷ, thiệt, thân đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, gọi là chỗ hiểu. Có kẻ đối với chỗ hiểu, chỉ có chỗ hiểu. Có kẻ đối với chỗ hiểu, không phải chỉ có chỗ hiểu. Ai đối với chỗ hiểu, chỉ có chỗ hiểu? Nghĩa là đối với ba thức đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, không dấy khởi phiền não. Ai đối với chỗ hiểu, không phải chỉ có chỗ hiểu? Nghĩa là đối với ba thức đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, đã dấy khởi các phiền não.

Ý thức đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, gọi là chỗ nhận biết. Có kẻ đối với chỗ nhận biết, chỉ có chỗ nhận biết. Có kẻ đối với chỗ nhận biết, không phải chỉ có chỗ nhận biết. Ai đối với chỗ nhận biết, chỉ có chỗ nhận biết? Nghĩa là đối với ý thức đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, không dấy khởi phiền não. Ai đối với chỗ nhận biết, không phải chỉ có chỗ nhận biết? Nghĩa là đối với ý thức đã thọ lãnh, phân biệt nhận biết, đã dấy khởi các phiền não.

Do Đại mẫu kia đối với chỗ thấy, nghe, hiểu, biết, chỉ có chỗ thấy, nghe, hiểu, biết, không khởi phiền não, nên không có lỗi làm này: Nghĩa là không khởi tâm mạn, tâm kiêu ngạo, tâm đề cao, ưa thích mạnh mẽ. Do vì Đại mẫu không có các tâm này, nên đã không có lỗi làm kia: Tức là không khởi tham, sân, si. Do Đại mẫu không có tham, sân, si kia, nên không có gân, không có xa, không có hai trung gian, tức đối với cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc đều không có xứ sinh.

Do lý như thế, nên đến biên vực của khổ.

Khổ: Nghĩa là năm thủ uẩn. Biên vực của khổ ấy: Tức là từ bỏ tất cả chỗ nương dựa, ái hết, nhiễm lìa, là Niết-bàn vĩnh viễn tịch diệt.

Y-nê và Mê-nê
Đạp-phô, Đạt-điệp-phô
Chớ mong, nên mừng, lạng
Lìa khắp đến biên khổ.

Một tụng như thế, hiển bày lại trong kinh: Đức Phật đã vì hai vị vua Hộ thế, dùng ngữ Miệt-lê-xa để nói về bốn Thánh đế v.v..., khiến họ liền lãnh hội: Y-nê: Hiển bày về khổ Thánh đế. Mê-nê: Hiển bày về tập Thánh đế. Đạp-phô: Hiển bày về diệt Thánh đế. Đạt-điệp-phô: Hiển bày về đạo Thánh đế.

Chớ mong: Tức khuyên hai vị kia chớ mong cầu nơi ba cõi.

Nên mừng: Tức khuyên hai vua kia: Nếu đã nghe Phật chứng pháp Bồ-đề, là Tăng khéo giảng nói về tu hành diệu: Sắc là vô

thường. Thọ, tướng, hành, thức là vô thường. Khéo thiết lập khổ đế, khéo thiết lập tập, diệt, đạo đế, nên sinh vui mừng.

Nên tĩnh lặng: Tức khuyên hai vua kia: Nếu khi khởi tham, sân, si, nên tĩnh lặng cùng tĩnh lặng, tĩnh lặng tốt bậc.

Nên lìa khắp: Tức khuyên hai vua kia: Tâm nên lìa đối với các cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Đến biên khổ: Nghĩa là nếu hai vua kia có khả năng như thế, tức đến được biên vực của khổ. Nói biên vực của khổ, nghĩa như trước đã nêu bày.

*Biết thân như bọt tụ
Cũng hiểu đồng dạn nắng
Đoạn ma hoa, tiểu hoa
Không thấy vua chết khiến.*

Biết thân như bọt tụ: Nghĩa là biết như thật về thân như bọt tụ, không có lực, trống rỗng, yếu kém, không thể giữ lấy.

Cũng biết đồng dạn nắng (Dương diệm): Nghĩa là biết như thật về thân đồng với dạn nắng, nhân nơi nhiệt não sinh, luôn dời đổi, trôi chảy không dừng.

Đoạn ma hoa, tiểu hoa: Ma có bốn thứ: Là ma phiền não, ma uẩn, ma chết, ma Tự tại thiên. Nên biết, ở đây nói ma phiền não do kiến đạo đoạn nên gọi là ma hoa, do tu đạo đoạn gọi là tiểu hoa. Từ bỏ bốn ma kia, vĩnh viễn dứt trừ, gọi là đoạn.

Không thấy vua chết khiến: Vô thường có thể hủy diệt gọi là vua chết. Già, bệnh theo đuổi bức bách gọi là vua chết sai khiến.

*Quán trụ, biết gần xa
Nên mừng các nghiệp không
Biết đời có hưng suy
Tâm thiện, giải thoát khắp.*

Quán trụ: Nghĩa là nên quán xét. Trụ có ba thứ: 1. Không. 2. Vô nguyện. 3. Vô tướng.

Biết gần xa: Biết, nghĩa là tuệ nhận biết, thông sáng, thuận hợp. Đối với cảnh trong, ngoài, nên sinh khởi thích đáng.

Nên mừng: Nghĩa là nếu nghe nói Phật đã chứng pháp Bồ-đề, là Tăng khéo giảng nói về tu hành diệu: Sắc là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Khéo thiết lập khổ đế, khéo thiết lập tập đế, diệt đế, đạo đế, nên sinh vui mừng.

Các nghiệp không: Nghĩa là không tạo thành để có thể chiêu cảm nghiệp thân, ngữ, ý của đời sau.

Biết đời có hưng suy: Biết nghĩa là thấu đạt. Đời nghĩa là năm thủ uẩn. Hưng suy nghĩa là sinh, diệt. Tức là nghĩa tùy thuận quán về năm uẩn hữu lậu, có đầy khởi, cùng tận.

Tâm thiện: Nghĩa là tâm quyết định lựa chọn, tâm thiện xảo, tâm thuận hợp.

Giải thoát khắp: Nghĩa là ở các nẻo, các hữu, các sinh, đã giải thoát, giải thoát khắp, giải thoát tận cùng.

Tuy thoát nhưng lại đọa

Ham ăn nên trở lại

Được an vẫn ưa vui

Nhân vui đến chốn vui.

Tuy thoát: Tức các ngoại đạo tuy thoát nơi cõi Dục, *nhưng lại đọa:* Nghĩa là ngoại đạo kia vẫn còn bị đọa, sinh nơi cõi Sắc, cõi Vô sắc và rơi vào sự tham thọ sinh nơi cõi kia.

Ham ăn nên trở lại: Nghĩa là ngoại đạo kia đối với năm kiết thuận phần dưới tuy đã đoạn trừ phần ít, nhưng vì còn nhiều kiết khác, nên về sau tất khởi tham, sinh trở lại cõi Dục.

Được an: An nghĩa là cảnh giới Niết-bàn hữu dư y. Các A-la-hán kia đã chứng nên gọi là đắc.

Vẫn ưa vui: Vui nghĩa là cảnh giới Niết-bàn vô dư y. Các A-la-hán kia vì luôn ưa thích mến mộ nên gọi là ưa.

Nhân vui đến chốn vui: Nghĩa là nhân nơi đạo an lạc đạt đến Niết-bàn an lạc.

*Không rễ nơi cội đất
Không lá cũng không cành
Người dững mãnh cõi buộc
Ai đâu lại hủy báng?*

Rễ: Dụ cho thức của hữu, thủ. *Cội đất:* Dụ cho bốn thức trụ. Như Đức Thế Tôn nói: “Năm hạt giống là chỉ rõ về hữu, thủ, thức, cội đất hiển bày về bốn thức trụ”.

Lá: Dụ cho ngã mạn. Như Đức Thế Tôn nói: “Thế nào là đốt lá? Nghĩa là ngã mạn đã đoạn, đã nhận biết khắp”. *Cành:* Dụ cho ái. Như Đức Thế Tôn nói:

*Năm diệu sắc trong cung
Nếu có cành ái sinh
Mâu-ni thấy ái sinh
Dùng tuệ chóng trừ đoạn.*

Các A-la-hán ở trong bốn thức trụ, không có thức của hữu thủ dẫn dắt để có đời sau. Không có mạn, không có ái, nên nói là *Không rễ nơi cội đất, Không lá cũng không cành.*

Người dững mãnh: Nghĩa là A-la-hán kia đã thành tựu, nên có thể thành pháp dững mãnh, tức cũng gọi là dững mãnh.

Cõi buộc: Buộc có ba thứ: Nghĩa là tham, sân, si. A-la-hán kia đối với sự trói buộc này đã giải thoát, giải thoát khắp, giải thoát tận cùng.

Ai đâu lại hủy báng: Nghĩa là loại hữu tình như thế chỉ nên khen ngợi, không nên hủy báng. Nếu tạo sự hủy báng sẽ mắc phải vô biên tội, vì làm tổn hại đến phước điền chân thật của thế gian. Như Đức Thế Tôn đã nói:

*Nếu nên chê mà khen
Cùng nên khen mà chê
Miệng kia góp tai họa
Tất không thọ an lạc.*

HẾT - QUYỂN 20

MỤC LỤC

SỐ 1543/30: LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀM ĐỘ	5
Quyển 17.....	5
Phẩm 4: Bàn Về Hữu Giáo, Vô Giáo.....	5
Phẩm 5: Bàn Về Tự Hành.....	27
Quyển 18.....	36
Phẩm 1: Bàn Về Tịnh Căn	36
Quyển 19.....	57
Phẩm 2: Bàn Về Duyên.....	57
Quyển 20.....	81
Phẩm 3: Bàn Về Kiến Đê.....	81
Phẩm 4: Bàn Về Nội Tạo	90
Quyển 21.....	106
Phẩm 1: Bàn Về Căn.....	106
Phẩm 2: Bàn Về Hữu	122
Phẩm 3: Bàn Về Cánh Lạc (Xúc Trong 12 Nhân Duyên).....	139
Quyển 22.....	147
Phẩm 4: Bàn Về Tâm Bát Đầu.....	147
Phẩm 5: Bàn Về Tâm Vừa Phát Khởi	158
Phẩm 6: Bàn Về Ngự Tử.....	170
Quyển 23.....	179
Phẩm 7: Bàn Về Duyên, Phần 1.....	179
Quyển 24.....	204
Phẩm 7: Bàn Về Duyên, Phần 2.....	204
Quyển 25.....	221
Phẩm 1: Bàn Về Đắc Quá Khứ, Phần 1	221
Quyển 26.....	241
Phẩm 1: Bàn Về Đắc Quá Khứ, Phần 2	241
Phẩm 2: Bàn Về Duyên.....	249
Quyển 27.....	261
Phẩm 3: Bàn Về Giải Thoát.....	261
Phẩm 4: Bàn Về A Na Hàm	292
Quyển 28.....	303
Phẩm 5: Bàn Về Nhất Hành.....	303

Quyển 29.....	332
Phẩm 1: Bàn Về Ý Chí.....	332
Phẩm 2: Bàn Về Dục.....	348
Quyển 30.....	359
Phẩm 3: Bàn Về Tướng.....	359
Phẩm 4: Bàn Về Trí Thời.....	366
Phẩm 5: Bàn Về Kiến.....	375
Phẩm 6: Bàn Về Kệ.....	385
SỐ 1544/20: LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ.....	399
Quyển 1.....	399
Chương 1: Tạp Uẩn.....	399
Phẩm 1: Pháp Thế Đệ Nhất.....	399
Phẩm 2: Nói Về Trí.....	406
Phẩm 3: Bồ Đặc Già La.....	419
Quyển 2.....	430
Chương 1: Tạp Uẩn.....	430
Phẩm 4: Bàn Về Ái Kính.....	430
Phẩm 5: Bàn Về Vô Tâm (Không Hồ).....	440
Phẩm 6: Bàn Về Tướng.....	447
Phẩm 7: Bàn Về Vô Nghĩa.....	452
Phẩm 8: Bàn Về Tư.....	458
Quyển 3.....	470
Chương 2: Kiết Uẩn.....	470
Phẩm 1: Bàn Về Bất Thiện.....	470
Phẩm 2: Bàn Về Nhất Hành, Phần 1.....	493
Quyển 4.....	501
Chương 2: Kiết Uẩn.....	501
Phẩm 2: Bàn Về Nhất Hành, Phần 2.....	501
Quyển 5.....	531
Chương 2: Kiết Uẩn.....	531
Phẩm 3: Bàn Về Hữu Tình.....	531
Phẩm 4: Bàn Về Mười Môn, Phần 1.....	552
Quyển 6.....	565
Chương 2: Kiết Uẩn.....	565
Phẩm 4: Bàn Về Mười Môn, Phần 2.....	565
Quyển 7.....	593
Chương 3: Trí Uẩn.....	593
Phẩm 1: Bàn Về Chi Học.....	593
Phẩm 2: Bàn Về Năm Thứ.....	613
Quyển 8.....	626
Chương 3: Trí Uẩn.....	626
Phẩm 3: Bàn Về Tha Tâm Trí.....	626

Phẩm 4: Bàn Về Tu Trí, Phần 1	631
Quyển 9.....	652
Chương 3: Trí Uẩn	652
Phẩm 4: Bàn Về Tu Trí, Phần 2	652
Phẩm 5: Bàn Về Bảy Thánh, Phần 1.....	666
Quyển 10.....	679
Chương 3: Trí Uẩn	679
Phẩm 5: Bàn Về Bảy Thánh, Phần 2.....	679
Quyển 11.....	716
Chương 4: Nghiệp Uẩn	716
Phẩm 1: Bàn Về Hành Ác.....	716
Phẩm 2: Bàn Về Tà Ngữ.....	725
Phẩm 3: Bàn Về Hại Sinh.....	735
Quyển 12.....	749
Chương 4: Nghiệp Uẩn	749
Phẩm 4: Bàn Về Biểu, Vô Biểu.....	749
Phẩm 5: Bàn Về Tự Nghiệp.....	767
Quyển 13.....	775
Chương 5: Đại Chúng Uẩn.....	775
Phẩm 1: Bàn Về Đại Tạo	775
Phẩm 2: Bàn Về Duyên.....	790
Phẩm 3: Bàn Về Thấy Đủ	811
Quyển 14.....	819
Chương 5: Đại Chúng Uẩn.....	819
Phẩm 4: Bàn Về Chấp Thọ	819
Chương 6: Căn Uẩn.....	837
Phẩm 1: Bàn Về Căn.....	837
Quyển 15.....	854
Chương 6: Căn Uẩn.....	854
Phẩm 2: Bàn Về Hữu	854
Phẩm 3: Bàn Về Xúc.....	869
Phẩm 4: Bàn Về Đẳng Tâm	877
Phẩm 5: Bàn Về Nhất Tâm	887
Quyển 16.....	898
Chương 6: Căn Uẩn.....	898
Phẩm 6: Bàn Về Ngự	898
Phẩm 7: Bàn Về Nhân Duyên.....	904
Quyển 17.....	942
Chương 7: Định Uẩn.....	942
Phẩm 1: Bàn Về Đắc.....	942
Phẩm 2: Bàn Về Duyên.....	963

Quyển 18.....	978
Chương 7: Định Uẩn.....	978
Phẩm 3: Bàn Về Sự Gồm Thâu.....	978
Phẩm 4: Bàn Về Bất Hoàn.....	1000
Quyển 19.....	1009
Chương 7: Định Uẩn.....	1009
Phẩm 5: Bàn Về Nhất Hành.....	1009
Chương 8: Kiến Uẩn.....	1030
Phẩm 1: Bàn Về Niệm Trụ.....	1030
Phẩm 2: Bàn Về Ba Hữu.....	1040
Phẩm 3: Bàn Về Tương.....	1046
Quyển 20.....	1052
Chương 8: Kiến Uẩn.....	1052
Phẩm 4: Bàn Về Trí.....	1052
Phẩm 5: Bàn Về Kiến.....	1059
Phẩm 6: Bàn Về Già Tha.....	1069

